

TOÀN LẬP C. MAC VÀ PH. ĂNG-GHE. XUẤT BẢN
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Công sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Phó chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS.TS. Trần Ngọc Hiến	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, ủy viên
PGS. Hà Học Hợi	Phó trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương Đảng Công sản Việt Nam, ủy viên
GS.TS. Phạm Xuân Nam	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, ủy viên
Ths. Trần Đình Nhiễm	Giám đốc - Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, ủy viên
GS. Trần Xuân Trường	Trưởng, Viện trưởng Học viện chính trị - quản lý, ủy viên

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
TẬP 40
(1835 - 1843)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2000



Karl Marx



J. Edgar

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 40 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n bao gồm các tác phẩm của Mác viết chủ yếu trong thời gian 1836 - 1843.

Đây là tập mở đầu xê-ri gồm 11 tập bổ sung cho 39 tập chính mà chúng tôi đã cho ra mắt bạn đọc trong mấy năm vừa qua. Ở bên tiếng Nga, phần lớn những tác phẩm được in trong những tập bổ sung này, là những tác phẩm mà ở Liên Xô trước kia người ta chỉ in thành sách lẻ để phục vụ cho các nhà nghiên cứu, những tác phẩm và thu tìm được sau khi in xong 39 tập chính và các phúc thảo của bộ "Tư bản". Còn đối với chúng ta thì tất cả những tác phẩm được in trong những tập này, trừ "Bản thảo kinh tế triết học năm 1844", đều là được in lần đầu tiên ở nước ta. Đó là nguồn tài liệu quý giá giúp bạn đọc tìm hiểu những chặng đường đầu tiên trong sự hình thành chủ nghĩa Mác và những giai đoạn khác nhau trong sự sáng tạo bộ "Tư bản" bất hủ. Tổng thể 50 tập (39 tập chính và 11 tập bổ sung), mà việc xuất bản bằng tiếng Việt ở nước ta sẽ hoàn thành trong năm tới, sẽ là bộ Toàn tập đầy đủ nhất của hai nhà kinh điển, phản ánh toàn bộ quá trình hình thành và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa Mác.

Tập 40 đưa ta trở về điểm xuất phát trong sự phát triển tinh thần của Mác, khi ông phát biểu những tư tưởng sâu sắc và cao thượng về ý nghĩa của hoạt động của con người trong bài văn tới nghiệp trường trung học lúc ông 17 tuổi. Rồi tiếp đó là những chặng đường tiếp theo trong sự phát triển tinh thần của ông: từ những suy tư sâu sắc và cao thượng kể trên tới chỗ lấy học thuyết của Hê-ghe-n làm vũ khí nhận thức thế giới để đạt tự do, từ chỗ giải thích phép biện chứng của Hê-ghe-n theo quan điểm cấp tiến đến chỗ phê phán tính chất hạn chế của hệ thống duy tâm của triết học Hê-ghe-n, cuối cùng xem xét lại theo

quan điểm duy vật và cách mạng toàn bộ những nền tảng của triết học Đức. Đồng thời những quan điểm dẫn chủ cách mạng hình thành ở Mác trong thời gian đó đã đưa ông đến những kết luận cộng sản chủ nghĩa vào cuối năm 1843.

Những thi phẩm và văn phẩm của Mác in trong tập này phản ánh nhiều mặt của thế giới quan của Mác, thái độ của ông đối với hiện thực xung quanh, những nét đang hình thành trong nhân cách của ông. Chúng là một trong những nguồn tài liệu quý giá để tìm hiểu giai đoạn đầu tiên của quá trình hình thành các quan điểm triết học và mỹ học của Mác.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, tập 40, do Nhà xuất bản sách chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1975. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo. Các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n được nhắc đến trong tập này đều được dẫn theo C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, do Nhà xuất bản chính trị quốc gia xuất bản tại Hà Nội và được ghi vắn tắt là Toàn tập, tiếp đó là số tập, năm xuất bản của tập đó và số trang đề cập đến vấn đề được dẫn.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Trong tập 40 và 41 của Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, những nhan đề đặt trong ngoặc vuông là do bạn biên tập bản tiếng Nga đặt.

Tháng Mười 1999

Nhà xuất bản chính trị quốc gia

C.MÁC
CÁC TÁC PHẨM
(1835 - 1843)

NHỮNG SUY TƯ CỦA MỘT CHÀNG TRAI TRONG VIỆC LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP¹

Bản thân tạo hóa đã xác định cho loài vật một phạm vi hoạt động mà nó phải vận động trong khuôn khổ phạm vi đó, và loài vật bình thân vận động trong phạm vi đó mà không biểu hiện ý nguyên vượt ra ngoài phạm vi đó, thậm chí không ngờ về sự tồn tại của một phạm vi nào khác. Cũng như vậy, con người đã được thượng đế chỉ ra mục tiêu chung - hoàn thiện loài người và chính bản thân mình, song thượng đế đã dành cho chính họ tự mình tìm kiếm những phương tiện mà con người có thể dùng để đạt được mục tiêu ấy; thượng đế dành cho con người cơ hội có được trong xã hội một địa vị phù hợp nhất với người đó và đem lại cho người đó khả năng tốt nhất để đề cao bản thân và xã hội.

Khả năng có được sự lựa chọn ấy là ưu việt to lớn của con người so với những sinh vật khác của tạo hoá, nhưng đồng thời sự lựa chọn ấy là hành động có thể thủ tiêu toàn bộ cuộc sống của con người, làm hỏng tất cả mọi kế hoạch của con người và biến con người trở thành bất hạnh. Do đó, nghiêm túc cân nhắc sự lựa chọn ấy là bốn phận trước nhất của một chàng trai bắt đầu bước vào đường đời của mình và không

muốn phó mặc cho may rủi quyết định những công việc hệ trọng nhất của mình.

Trước mắt mọi người đều có mục tiêu mà đi ra thì bốn thân người đó cho là vĩ đại và mục tiêu ấy thật sự là như thế, nếu mục tiêu ấy được thừa nhận là vĩ đại bởi chính niềm tin sâu sắc nhất, bốn tiếng nói sâu lắng nhất của trái tim, bởi vì thường để không khi nào để mặc cho con người trần gian hoàn toàn không có người lãnh đạo; thường để nói bằng một giọng nói nhỏ nhẹ nhưng đầy tự tin.

Nhưng đó là tiếng nói để bị làm im bặt, và điều mà chúng ta xem là niềm khích lệ thì có thể đã được sinh ra bởi khoảnh khắc, - và cũng hoàn toàn có khả năng là khoảnh khắc ấy lại thủ tiêu niềm khích lệ ấy. Có thể trí tưởng tượng của chúng ta đã được thổi bùng lên, những cảm giác của ta đã được kích động, những bóng ma lớn vờn trước con mắt chúng ta, và chúng ta nhiệt thành hướng tới mục tiêu mà ta tưởng tượng ra, mục tiêu mà chính thường để đã chỉ ra cho chúng ta; nhưng những điều mà chúng ta cuồng nhiệt ghi chặt vào trái tim thì lại mau chóng làm cho chúng ta xa lánh ra. - và thế là tất cả sự tồn tại của chúng ta đã bị huỷ hoại.

Vì thế chúng ta phải nghiêm túc cân nhắc xem nghề nghiệp được lựa chọn có thật sự cố vũ chúng ta không, tiếng nói nội tâm của ta có tán đồng nghề đó hay không, phải chăng sự hào hứng của ta là một sự lầm lạc, phải chăng không gì mà chúng ta coi là tiếng gọi của thượng đế thì thật ra lại là sự tự lừa dối. Nhưng liệu chúng ta có thể nhận ra điều đó được không, nếu không tìm thấy chính nguồn khích lệ ấy?

Cái vĩ đại được bao quanh bằng ánh hào quang, ánh hào quang khơi dậy niềm hư danh, mà niềm hư danh lại dễ dàng

có thể làm nảy sinh niềm khích lệ hay là điều mà ta cho là sự khích lệ; nhưng những ai bị lôi cuốn bởi con quỷ hào danh thì lý trí không còn có thể kiểm chế được nữa, và thế là con người lao vào nơi mà sức mạnh không gì khắc phục được lôi kéo anh ta vào đó; con người không còn tự mình lựa chọn vị trí của mình trong xã hội nữa, mà việc đó đã được quyết định bởi vận may rủi và ảo tưởng.

Sứ mạng của chúng ta tuyệt nhiên không phải là kiểm lấy cái địa vị xã hội, trong đó chúng ta có được khả năng lớn nhất để nổi bật; một địa vị như thế không có nghĩa là khi có được nó thì có thể là trong một loạt năm dài chúng ta không một lần nào cảm thấy mệt mỏi, sự băng say của chúng ta sẽ không bao giờ cạn kiệt, sự khích lệ của chúng ta sẽ không bao giờ nguội lạnh. Ngược lại, chúng ta sẽ mau chóng cảm nhận ra rằng những ước nguyện của chúng ta đã không được thỏa mãn, rằng những ý tưởng của chúng ta đã không được thực hiện, chúng ta sẽ than phiền thương đố, nguyên rủa loài người.

Nhưng không chỉ riêng niềm hư danh mới có thể gây nên sự khích lệ bất chợt của nghề này hay nghề kia. Có thể, chúng ta đã tỏ vẻ nghề đó trong trí tưởng tượng của mình, - đã tô vẽ nghề đó đến mức là nghề đó đã biến thành phúc lợi cao cả nhất mà cuộc sống có thể đem lại. Chúng ta đã không phân tách nghề nghiệp đó trong suy tư, đã không đem cân đo tất cả sức nặng của nó, trách nhiệm vĩ đại mà nghề đó trút lên chúng ta; chúng ta xem xét nó chỉ từ xa, mờ khoảng cách thì lại đánh lừa con mắt.

Trong trường hợp này thì lý trí của chính chúng ta không thể vạch bảo chúng ta được, bởi vì lý trí ấy không dựa vào kinh nghiệm, cũng không dựa vào sự quan sát sâu sắc, đủ bị

dành lựa bệi của cảm giác, bị lôi mất bởi sự tưởng tượng. Nhưng chúng ta hướng con mắt chúng ta vào đây, vì nó là người hân thuận cho chúng ta ở nơi mà lý trí của chúng ta đã lựa bỏ chúng ta?

Trái tim mạch bảo chúng ta rằng đó là cha mẹ chúng ta, họ đã kinh qua con đường dài lớn lao, họ đã trải qua sự khắc nghiệt của số phận.

Và nếu sự hào hùng của chúng ta còn duy trì được sự mạnh của mình, nếu chúng ta còn tiếp tục yêu nghề đã được chọn, cảm thấy gắn bó với nghề đó và sau khi đã bình tĩnh thảo luận về nó, thấy được tất cả gánh nặng của nó, tất cả mọi khó khăn của nghề đó - lúc đó chúng ta phải lựa chọn nghề đó, lúc đó chúng ta sẽ không bị lừa bởi sự hào hùng, sẽ không bị lôi cuốn bởi sự hấp tấp.

Nhưng chúng ta không phải bao giờ cũng có thể lựa chọn cái nghề mà chúng ta gắn bó; những quan hệ của chúng ta trong xã hội, ở chúng ta ngay đó, đã bắt đầu được xác lập trước khi chúng ta có thể tác động ở mức độ nào đó vào những quan hệ ấy.

Ngay như bản chất thể chất của chúng ta thường mâu thuẫn với ta một cách đáng sợ, nhưng không một ai dám xem thường các quyền của bản chất ấy.

Thật ra, chúng ta dù sức đứng lên trên bản chất ấy, nhưng như vậy lại sẽ càng nhanh chóng diễn ra sự sụp đổ của chúng ta; trong trường hợp này chúng ta quyết định xây dựng toà nhà trên một nền đất xốp, và thế là toàn bộ cuộc sống của ta biến thành cuộc đấu tranh bất hạnh giữa nguyên tắc tinh thần và nguyên tắc thể chất. Nhưng khi một người không thể thắng, trong chính bản thân mình, những yếu tố đấu tranh

với nhau, thì làm sao người đó có thể chống lại sự lấn tới không gì cản được của cuộc sống, làm sao người ấy có thể hành động một cách bình tĩnh được? Mà chỉ có sự yếm tính mới có thể làm xuất hiện những việc làm vĩ đại và tuyệt diệu: sự yếm tính ấy là cơ sở mà chỉ có trên đó những trái quả chín mới ra đời được.

Nhưng bất kể là trong trạng thái thể chất không phù hợp với nghề của ta, chúng ta không thể làm việc lâu được và ít khi ta làm việc trong niềm vui sướng, song đó sao thì ý nghĩ cho rằng chúng ta đã đem hy sinh phúc lợi của mình cho hơn phần cũng thúc đẩy chúng ta hành động tích cực, tuy rằng với một sức lực yếu ớt. Nếu chúng ta lựa chọn một nghề mà chúng ta không có những năng lực cần thiết để làm nghề ấy thì chúng ta sẽ không bao giờ thực hiện được nó một cách xứng đáng và ta sẽ mau chóng nhận ra, với nỗi hổ thẹn, rằng bản thân ta bất lực và phải tự nhủ rằng chúng ta là những sinh vật vô dụng của tạo hoá, rằng trong xã hội chúng ta là những thành viên không có khả năng thực hiện sứ mệnh của mình. Khi đó hậu quả tự nhiên nhất sẽ là sự khinh bỉ đối với chính bản thân mình; mà liệu có một cảm giác nào đau khổ hơn thế không, liệu có cảm giác nào có thể được bù đắp ít hơn cảm giác đó bởi những tặng vật của thế giới bên ngoài không? Sự khinh bỉ đối với bản thân chính là cơn rạn nứt mãi mãi dày và và xé nát trái tim, hút hết dòng máu đầy sức sống của nó, tiếm vào trái tim đó độc độc của lòng thù ghét con người và nỗi tuyệt vọng.

Sự lảm lức về những năng lực của ta đối với một nghề nào đó mà chúng ta đã đem ra xem xét như vậy là lỗi lầm báo thù cho bản thân nó, và thậm chí nếu nó không hung hăng lấy sự lén lút của thế giới bên ngoài thì nó cũng gây cho chúng ta những

dưới gánh nặng của một nghề nghiệp dựa trên những ý tưởng mà về sau bị chúng ta thừa nhận là sai lầm.

Ở đây chúng ta không thấy sự giải thoát nào khác ngoài sự tự lừa dối. Mà sự giải thoát do sự tự lừa dối đem lại thì thật là khủng khiếp biết nhường nào!

Những nghề nghiệp đi vào bản thân cuộc sống thì ít, mà nghiên cứu những chân lý trừu tượng thì nhiều, - rất nguy hiểm đối với một chàng trai chưa có được những nguyên tắc dứt khoát, những tín niệm vững chắc và không thể lay chuyển được. Thế nhưng những nghề nghiệp ấy lại được chúng ta xem là cao quý nhất, nếu chúng cảm rõ sâu trong trái tim chúng ta, nếu những ý tưởng thống trị trong những nghề nghiệp ấy lại được chúng ta hiến dâng cuộc đời mình và tất cả những hoài bão của mình để hy sinh cho những ý tưởng đó.

Những nghề đó có thể đem lại hạnh phúc cho những ai có sứ mạng thực hiện chúng, nhưng chúng đem lại sự diệt vong cho những ai bắt tay vào những nghề ấy một cách vội vã, thiếu suy ngẫm, do bị say mê trong giây phút.

Ngược lại, sự coi trọng những ý tưởng được dùng làm cơ sở cho nghề nghiệp của chúng ta lại tạo ra cho ta một địa vị cao hơn trong xã hội, để cao phẩm giá của chúng ta, làm cho những hành động của chúng ta trở thành không thể lay chuyển được.

Những người đã lựa chọn một nghề mà mình đánh giá cao thì sẽ rùng mình khi nghĩ rằng mình có thể không xứng đáng với nghề đó, - người đó sẽ hành động một cách e dè cẩn trọng vì địa vị cao quý mà người ấy có được trong xã hội.

Những kim chỉ nam chủ yếu phải định hướng cho chúng ta

trong việc lựa chọn nghề nghiệp chính là phúc lợi của loài người, là sự hoàn thiện của chính chúng ta. Đừng nên nghĩ rằng hai lợi ích ấy có thể thù địch với nhau, đấu tranh với nhau, rằng lợi ích này phải thủ tiêu lợi ích kia; bản chất con người được cấu tạo khiến cho con người chỉ có thể đạt được sự hoàn thiện của mình bằng hoạt động cho sự hoàn thiện của những người cùng thời, với mình và vì phúc lợi của họ.

Nếu con người chỉ lao động cho bản thân mình thì người đó có thể trở thành một nhà khoa học nổi tiếng, một triết gia vĩ đại, một nhà thơ tuyệt vời, nhưng không bao giờ người đó có thể trở thành một người thật sự hoàn thiện và vĩ đại.

Lịch sử công nhận là những vĩ nhân chỉ những ai bằng lao động vì mục tiêu chung, tự bản thân mình trở nên cao đẹp hơn; kinh nghiệm ca ngợi những ai đem lại hạnh phúc cho một số lượng người nhiều nhất là người hạnh phúc nhất; bản thân tôn giáo dạy chúng ta rằng cái lý tưởng mà mọi người hướng tới đó là hy sinh bản thân mình cho nhân loại, - vậy ai dám bác bỏ những lời dạy này?

Nếu chúng ta đã lựa chọn một nghề mà trong đó chúng ta có thể lao động nhiều nhất cho loài người thì chúng ta sẽ không cần dấn vào vòng dằn vặt của nó, bởi gánh nặng kỷ luật là sự hy sinh vì mọi người; khi ấy điều chúng ta cảm nhận được không phải là một niềm vui thầm kín, hạn hẹp, vi kỷ, mà niềm hạnh phúc của chúng ta sẽ thuộc về hàng triệu người, lúc đó sự nghiệp của chúng ta sẽ có một cuộc sống thâm lắng những có hiệu lực vĩnh hằng, và những con người cao thượng sẽ rơi những giọt lệ cháy bỏng trước thì hải của chúng ta.

Do C.Mác viết ngày 12 tháng Tám năm 1835

Công bố lần đầu trong ấn phẩm:
"Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung",
Jg. 11, Leipzig, 1985

Ky-tin-Mác

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

THƯ GỬI CHA* Ở TÔ-RIA

[Héc-lin, ngày 10- [21] tháng Mười một (1837)]

Cha thân yêu!

Trong cuộc đời có những thời điểm tựa hã như những cái móc kết thúc thời kỳ đã qua, nhưng đồng thời cũng chỉ ra một cách rõ ràng một hướng mới trong cuộc sống.

Vào những thời điểm có tính chất chuyển tiếp ấy chúng ta cảm thấy mình buộc phải điếm lại, bằng con mắt nhận xét tinh tường, quá khứ và hiện tại, để qua đó mà nhận thức địa vị thực sự của mình. Và lại, ngay bản thân lịch sử thế giới cũng ưa thích hướng tầm mắt vào quá khứ, lịch sử tự nhìn lại mình, mà việc này thường tạo ra cho nó cái vẻ chuyển động giật lùi và trì trệ; đồng thời lịch sử tự hào ngả lưng trong chiếc ghế hành, nó chỉ suy tư và muốn hiểu rõ bản thân, đào sâu trong tâm hồn vào hoạt động của mình - hoạt động của tâm hồn mình.

Vào những lúc như vậy lòng cô nhân có tâm trạng dễ xúc cảm, vì mỗi sự biến đổi lại phần nào là tác phẩm cuối cùng, phần nào là khúc mộ môn cho một bản đại thi ca mới mong muốn đem lại những hình dáng vững chắc cho vẻ phong phú hào nhoáng của những sắc màu còn lờ mờ. Tuy nhiên, chúng ta vẫn muốn dựng tượng đài ghi nhớ những gì đã được kinh qua một lần, để nó lại giành lấy trong tình cảm của chúng ta vị trí mà nó đã đánh mất cho hạnh động. Nhưng đối với những gì đã kinh qua liệu có kho tàng nào thiêng liêng hơn là trái tim cha mẹ, vì quan tòa đầy nhân đức nhất ấy, người hạn đầy ân cần ấy, mặt trời ấy của tình thương mà ngọn lửa của nó sưởi ấm, những chỉ hướng thấm kín nhất chầu chực trong chúng ta! Và lại, liệu có điều xấu nào đó, đáng bị lên án, lại có thể được uốn nắn một cách thành công như thế và đáng được tha thứ nếu nó không tự bộc lộ ra như là sự thể hiện một trạng thái quan trọng, tất yếu? Vậy là, chỉ ít ít liệu có sự trở trêu nào của hoàn cảnh và của những lầm lạc linh hồn, nhiều khi gây nổi bất hạnh, lại có thể tránh khỏi sự quở trách của trái tim về tính tội lỗi?

Do đó, giờ đây, vào cuối một năm sống ở đây khi con nhìn lại toàn bộ diễn biến các sự kiện để trả lời, thưa cha thân yêu của con, bức thư của cha vô cùng yêu quý đối với con gửi từ Béc-lin¹⁷, thì con xin mạn phép nhìn lại những việc làm của con theo cách như cách con dựa vào đó để nhìn nhận cuộc sống nói chung cụ thể là xem đó như là sự thể hiện hoạt động tinh thần, biểu lộ ra một cách toàn diện - trong khoa học, nghệ thuật, đời sống riêng tư.

Khi con xa cha mẹ thì đối với con một thế giới mới đã mở

¹⁷ Xem tập này, tr. 1065 - 1068.

ra, thế giới của tình thương, hơn nữa đó là một tình thương, lúc đầu là nóng chảy nhưng vô vọng. Thậm chí cuộc hành trình đến Béc-lin - một cuộc hành trình mà trong bối cảnh khác là ra đi làm cho con hết sức vui sướng, thúc giục con chiếm ngưỡng thiên nhiên, khơi dậy nỗi khao khát cuộc sống - đã làm con trở nên nguội lạnh. Cuộc hành trình ấy thậm chí đã làm cho con rất buồn, bởi vì những ngọn núi đã mà con trông thấy đã tỏ ra bất khuất và kiêu hãnh không nhiều hơn những nỗi niềm của con, những thành phố bao la tỏ ra sầm uất không hơn sự sôi động của dòng máu trong người con, những bữa ăn trưa trong khách sạn tỏ ra dỗi dằn và khó tiêu hoá không hơn gì những lớp hình ảnh hư ảo đầy dặc mà con mang trong người, và sau hết, nghệ thuật tỏ ra tuyệt mỹ không bằng Giơ-ni¹⁸.

Sau khi đến Béc-lin con đã chấm dứt mọi quan hệ quen biết trước đây, đã miễn cưỡng thực hiện vài cuộc viếng thăm và cố vai dấn vào khoa học và nghệ thuật.

Đối với trạng thái tinh thần hồi ấy của con thì thơ trữ tình phải trở thành đề tài hàng đầu - ít ra cũng là chủ đề thứ vị và gần gũi nhất. Song, nó đã là thơ ca thuần túy duy tâm; nguyên nhân là trạng thái của con lúc đó và toàn bộ trình độ phát triển của con trước đây. Bầu trời của con, nghệ thuật của con đã trở thành một điều gì đó hơi xa xôi và siêu tự nhiên, cũng như tình yêu của con. Tất cả thực tại đã trở thành lờ mờ, và tất cả những điều lờ mờ đã bị mất đi mọi giới hạn. Những sự công kích thời đại, những tình cảm bất định, vô hình, tình trạng thiếu tự nhiên, những điều bóp nắn hoàn toàn từ khối óc, sự đối lập hoàn toàn giữa cái có thật và cái

¹⁸ - Giơ-ni Phần Vô-ơtô-phơ-len.

phải có, những suy ngẫm hùng biện thay vì những ý thơ, nhưng có thể cũng còn là một sự dìm ăm nào đó trong cảm xúc và lòng khát khao có được cánh buồm cảm - đó là những điều đặc trưng cho tất cả những văn thơ ghi trong ba tập ghi chép đầu tiên của con gửi đến Gian-ni. Tất cả tâm hồn in của chỉ hướng không biết giới hạn nào hết đã biểu lộ ra ở đây dưới những hình thức khác nhau, vậy là những văn thơ ấy mất đi tính chất học cò đọng và hướng vào chiều rộng¹⁴.

Nhưng thư đã có thể và đã phải chỉ là công việc phụ: con đã phải nghiên cứu luật học và trước hết đã cảm thấy có nguyện vọng thủ đắc mình trong triết học. Cả hai môn khoa học ấy quyện vào nhau đến mức là, một mặt, con đã đọc - không hề có thái độ phê phán nào cả, theo kiểu học trò - Hai-nrich-xi-ét, Ti-bô¹⁵ và những nguồn tư liệu (ví dụ, con đã dịch ra tiếng Đức hai tập đầu của bộ luật Pan-decth)¹⁶, mặt khác, con đã thử để ra một hệ thống triết học pháp quyền nào đó xuyên qua toàn bộ lĩnh vực luật pháp. Con đã đưa ra trước mặt số luận điểm siêu hình làm phán mở đầu và đã đưa tác phẩm bất hạnh ấy - dày gần 300 tờ in - lên thành công pháp¹⁷.

Ở đây trước hết có một trở ngại nghiêm trọng, đó chính là sự đối lập giữa cái thực tại và cái phải tồn tại, trở ngại này là vốn có của chủ nghĩa duy tâm; trở ngại này đã làm nảy sinh sự phân nhá tiếp theo một cách vụng về và không đúng. Thoạt đầu con nghiên cứu siêu hình học về luật pháp - như con đã cao thượng đặt tên cho bộ môn này - nghĩa là những

nguyên lý, những suy nghĩ, những định nghĩa về khái niệm bị tách khỏi mọi thủ thuật pháp thực sự và mọi hình thức thật sự của luật pháp, tất cả những điều đó giống phong cách Phi-sô¹⁸, chỉ có điều là ở con những điều đó hiện đại hơn và vô nội dung hơn. Đồng thời ngay từ đầu sự trở ngại cho việc hiểu rõ chân lý là hình thức phi khoa học của chủ nghĩa giáo điều toàn học, trong đó, chủ thể luận quán bên cạnh sự vật, suy xét theo cách này cách nọ, còn bỏn sẻn sự vật lại không tự hình thành một cái gì đó sống động triển khai theo nhiều phương diện. Hình tam giác lao khổ năng cho nhà toán học tạo ra những cấu trúc và đưa ra những bằng chứng; nó đơn giản là một quan niệm trong không gian, nó không phát triển thành một hình thái nào đó cao hơn, cần đem so sánh nó với một cái gì khác, - khi đó nó sẽ có được những địa vị mới, và những vị trí khác nhau ấy, vẫn thuộc về chính vật thể đó, lại tạo ra cho hình tam giác ấy những quan hệ khác nhau và những chân lý khác nhau. Tình hình lại diễn ra hoàn toàn khác trong sự thể hiện cụ thể của thế giới sinh động của tư duy mà hiện thân là luật pháp, là nhà nước, thiên nhiên, toàn bộ triết học: ở đây cần chăm chú nhìn vào chính bản thân khách thể trong sự phát triển của nó, và không có những sự phân chia tùy tiện nào được đưa vào; lý trí của chính sự vật ở đây phải triển khai như là cái mẫu thuẫn tự nó và tìm thấy trong nó sự thống nhất của mình.

Tiếp đó, phần thứ hai là triết học pháp quyền, nghĩa là - theo quan điểm hồi đó của con - sự xem xét quá trình phát triển của tư duy trong pháp quyền thực chứng của La Mã, tựa hồ như pháp quyền thực chứng trong sự phát triển tư duy của mình (con không nói: trong những định nghĩa thuần túy

¹⁴ Trong nguyên bản có sự chú chú "lichten" ("ánh sáng") cũng còn có nghĩa là "ánh sáng khu"!

vô tận của mình) nói chung có thể trở thành một cái gì đó khác với sự hình thành khái niệm pháp quyền mà phần thứ nhất đã phải nghiên cứu rồi!

Hơn thế nữa, con đã phân chia phần thứ hai ấy thành học thuyết về pháp quyền hình thức và pháp quyền vật chất; trong đó pháp quyền hình thức đã phải miêu tả hình thức thuần túy của hệ thống trong tính nhất quán và trong mối liên hệ của nó, cũng như các bộ phận và phạm vi của nó, còn pháp quyền vật chất thì, ngược lại, đã phải miêu tả nội dung của hệ thống, cho thấy hình thức có dạng như thế nào trong nội dung của mình. Đây cũng là sai lầm mà ngài Phôn Xa-vi-nhi cũng mắc phải, như về sau này con đã phát hiện ra trong tác phẩm khoa học của ông ấy về sở hữu², chỉ có sự khác nhau là theo ông Xa-vi-nhi thì sự định nghĩa mang tính hình thức về khái niệm là ở việc "đi tìm vị trí của một học thuyết nào đó trong hệ thống (đã được ghi nhận) của La Mã", còn sự định nghĩa mang tính vật chất lại quy tụ thành "học thuyết về nội dung khẳng định mà người La Mã đã gán nó với khái niệm đã được ghi nhận theo cách đó"³, trong khi đó con hiểu hình thức là cấu trúc cần thiết của những hình thức khác nhau của các khái niệm, và hiểu vật chất là thuộc tính cần thiết của những hình thức ấy. Sai lầm là ở chỗ con đã tưởng rằng như thể vật chất và hình thức có thể và phải phát triển tách rời nhau, và vì vậy mà con đã có được không phải hình thức hiện thực, mà là một cái gì đó như chiếc bàn viết với những ngăn kéo di động mà sau đó con đã đổ cát vào.

Khái niệm chính là mối xích trung gian giữa hình thức và nội dung. Vì thế, trong sự trình bày triết học về pháp quyền cái này tất yếu phải xuất hiện trong cái kia; hơn nữa, hình

thức chỉ có thể là sự phát triển hơn nữa của nội dung. Như vậy là con đã đi đến một sự phân chia vật chất mà may mắn chủ thể có thể đem lại cho một sự phân loại dễ dàng và hơi hợt, - nhưng đồng thời tinh thần của pháp quyền và chân lý của nó đã biến mất. Toàn bộ luật pháp phân thành luật pháp được quy định bằng kế ước và luật pháp ngoài kế ước. Để minh họa rõ hơn, con mạn phép dẫn ra đây toàn bộ sơ đồ cho đến tận sự phân chia phần *jus publicum*⁴ mà cũng sẽ được khảo sát tương phần hình thức.

I

II

*Jus privatum*⁵*Jus publicum*I. *Jus privatum*

a) Về tư pháp được quy định bằng kế ước quy ước.

b) Về tư pháp ngoài kế ước không quy ước.

A) Về tư pháp được quy định bằng kế ước quy ước.

a) Luật về con người; b) Luật về đồ vật; c) Luật về con người trong mối quan hệ với tài sản.

a) Luật về con người

I. Từ kế ước hoàn lại; II. Từ kế ước bảo đảm; III. Từ kế ước không hoàn lại.

I. Từ kế ước hoàn lại

2. Kế ước xã hội (*societas*); 3. Kế ước thuê (*locatio conductio*).² - Công pháp³ - Tư pháp

3. *Locatio conductio*

1. Trong chứng mực nó liên quan đến *operae*¹⁷:

a) dịch thực *locatio conductio* (không có ý nói đến chế độ cho thuê của La Mã, cũng như chế độ phát canh thu tô),

b) *mandatum*¹⁸.

2. Trong chứng mực khế ước này liên quan đến *usus rei*¹⁹:

a) về ruộng đất: *usus fructus*²⁰ (cũng không theo ý nghĩa của La Mã thuần túy);

b) về nhà ở: *habitatio*²¹.

II. Từ khế ước bảo đảm

1. Khế ước về phân quyết trọng tài hay là về giao kèo hòa giải; 2. Khế ước bảo hiểm.

III. Từ khế ước không hoàn lại

2. Khế ước tán đồng

1. *fide jussio*²²; 2. *negotiorum gestio*²³.

3. Khế ước tặng

1. *donatio*²⁴; 2. *gratia promissum*²⁵.

b) Luật về đồ vật

1. Từ khế ước hoàn lại

¹⁷ - các dịch vụ

¹⁸ - ủy quyền

¹⁹ - việc sử dụng đồ vật

²⁰ - *usu-fructus* - phân-ta (sử dụng và hữu của người khác và các thành quả của nó)

²¹ - quyền sống trong nhà người khác

²² - sự bảo lãnh

²³ - tiến hành công việc của người khác mà không có sự ủy quyền

²⁴ - tặng quà

²⁵ - lời hứa cảm ơn

2. *permutatio stricte sic dicta*²⁶.

1. Dịch thực *permutatio*²⁷; 2. *mutuum (usurae)*²⁸;

3. *emptio venditio*²⁹.

II. Từ sự thỏa thuận khế ước bảo đảm
*pignus*³⁰.

III. Từ khế ước không hoàn lại

2. *commodatum*³¹; 3. *depositum*³²

Nhưng có gì phải ghi vào hàng loạt trang giấy điều mà về sau bản thân con đã bác bỏ? Những sự phân chia mang tính chất tam đoạn đã xuyên suốt toàn bộ hệ thống; nó được trình bày một cách dài dòng đến một lá, còn những khái niệm của La Mã thì đã bị xuyên tạc một cách man rợ nhất chỉ để nhằm nhồi nhét chúng vào hệ thống của con. Nhưng mặt khác, con đã say mê vấn đề này và đã có được năng lực xem xét nó trong chính thể - chỉ ít - cũng là được dưới một góc độ nào đó.

Ở phần kết thúc của tư pháp vật chất con đã nhận ra tính chất lảm lảm của toàn bộ hệ thống mà xét theo sơ đồ cơ bản của nó thì hệ thống này có liên quan đến sơ đồ của Can-tô³³, nhưng lại hoàn toàn khác sơ đồ của Can- tư về cách thực hiện. Một lần nữa con lại thấy rõ rằng thiếu môn triết học thì con không thể tiến lên được. Vậy là, con đã có thể hoàn toàn thanh thản lại lao vào vòng tay của môn khoa học này, thế là con đã viết ra một hệ thống những nguyên lý siêu hình học

²⁶ - sự trao đổi hữu theo nghĩa chặt chẽ

²⁷ - sự trao đổi

²⁸ - sự vay mượn (lãi tức)

²⁹ - sự mua - bán

³⁰ - sự thế chấp

³¹ - trao đồ vật để sử dụng tạm thời không phải trả tiền

³² - trao đồ vật để bảo quản

mới, ở phần cuối của hệ thống này con lại buộc phải nhận ra tính chất vô dụng của hệ thống này cũng như của mọi thủ nghiệm trước kia của con.

Đồng thời con đã có được thói quen ghi chép những đoạn trích từ tất cả các cuốn sách mà con đã đọc. - ví dụ, đoạn trích trong cuốn "La-ô-công" của Lét-xinh, "Êc-vin" của Đôn-ghô, "Lịch sử nghệ thuật" của Vin-ken-man, "Lịch sử Đức" của Luy-den¹. - tiện thể ghi nhanh vào giấy những suy nghĩ của mình. Đồng thời con đã dịch cuốn "nước Đức" của "Ta-xít, "Khúc hi ca" của Ô-vi-đi-út và đã bắt đầu tự học các ngoại ngữ: tiếng Anh và tiếng I-ta-li-a, tức là học theo các sách văn phạm. - về điểm này cho đến nay con chưa đạt được gì hết; con đã đọc "Luật hình sự" của Glây-nô và quyển "Biên niên sử"² của ông ấy, cũng như tất cả những sách mới khác, nhưng chỉ đọc loại nói sau cùng này một cách tùy lúc.

Vào cuối học kỳ con lại quay về với những vở điệu thi ca và với âm nhạc trào phúng, và ngay trong lớp ghi chép cuối cùng - mà con đã gửi cho cha mẹ³ - chủ nghĩa duy tâm đã len lỏi xuyên qua sự hài hước miễn cưỡng ("Bồ cạp và Phê-lích-xô"), xuyên qua một vở kịch không thành và mang tính chất viễn tưởng ("Ô-u-la-nem") cho đến khi sau cùng chủ nghĩa duy tâm ấy trải qua một sự chuyển hoá hoàn toàn và chuyển thành nghệ thuật thuần túy của hình thức, phần lớn, không có những đối tượng khách lệ, không có đã bay bổng đầy hứng khởi của những ý tưởng.

Song, chỉ có điều là trong những vấn đề sau chót ấy bỗng nhiên, tựa hồ như theo nhịp đập của chiếc gậy thần - ôi chao,

lúc đầu nhịp đập ấy thật mạnh mẽ - loé lên trước mắt con một vương quốc thi ca đích thực, tựa như hiện ra cung điện xa xăm của nền văn minh tiên, và thế là những gì do con tạo nên hết thảy đều tan thành tro bụi.

Trong khi tiến hành những công việc đa dạng ấy con đã có không ít những đêm không ngủ trong suốt học kỳ đầu, đã ném trái không ít trận chiến, đã trải qua không ít những năm tháng thừ mội tại và bên ngoài. Song, tất cả những điều đó không làm cho con trở nên hiểu biết phong phú nhiều lắm, hơn thế nữa, con đã xa rời thiên nhiên, nghệ thuật, toàn thể giới, và đã làm cho bạn bè xa lánh con. Cả cơ thể con tựa như cũng đã cảm nhận điều đó. Có một bác sĩ khuyên con về nông thôn, và lần đầu tiên, khi đi xuyên qua suốt thành phố, con đã có mặt tại nơi cổng của thành phố trông ra con đường dẫn đến Sto-ra-lốp. Con đã không nghĩ ngờ rằng là một người yếu ớt và bất lực ở đây thì đến đó con sẽ khoẻ mạnh và có một thân thể cường tráng.

Tâm mản che đã tuột xuống, cái thiêng liêng nhất của con đã bị tiêu hủy, cần phải đưa lên đó những ông thánh mới

Từ chủ nghĩa duy tâm - tiện thể xin nói thêm rằng con đã so sánh nó với chủ nghĩa duy tâm của Can-tô và của Phi-xô, rút nó từ nguồn đó ra - con đã chuyển sang tìm kiếm ý tưởng trong bản thân thực tại. Nếu như trước kia các vị thần sống lên trên trái đất, thì giờ đây những vị thần ấy trở thành trung tâm của trái đất.

Trước kia con đã từng đọc các trích đoạn trong triết học Hê-gen, và không thích giải điệu hoang dã kỳ quái của nó. Con còn muốn một lần nữa đắm mình trong biển vô, nhưng với một ý định xác định là nhận ra rằng bản chất tinh thần

¹ Xem tập này, tr. 741 - 933.

cùng cần thiết, cụ thể và cũng có những hình thái chặt chẽ y như bản chất thể xác; con không muốn tập luyện nghệ thuật đấu kiếm nữa, mà con muốn thử thách sự tinh khiết của viên ngọc dưới ánh sáng mặt trời.

Con đã viết tập hồi thoại đầy gần 24 tờ in: "Clê-an-tô, hay là bản vô điểm xuất phát và về sự phát triển tất yếu của triết học"¹². Ở đây, trên mức độ nào đó, đã có sự kết hợp giữa nghệ thuật và khoa học sau khi chúng ta tách ra hoàn toàn khỏi nhau. Và thế là con, như người bạn đường không mệt mỏi, đã bắt tay vào công việc nhằm phát hiện ra, bằng con đường triết học - biện chứng, thượng đế trong những biểu hiện của nó như khái niệm tự nó, như tôn giáo, thiên nhiên, lịch sử. Luận đề sau của con lại là khởi nguồn của bộ thống nhất-ghen, và tác phẩm này - để viết nó con đã tìm hiểu đôi chút về khoa học tự nhiên, về Sô-linh, về lịch sử - đã khiến con phải trả giá bằng những nỗ lực trí tuệ to lớn và nó được viết ra concinne¹³ (thực ra, tác phẩm này đã phải trở thành món lô-gích mới) đến nỗi giờ đây bản thân con chưa chắc đã có thể đào sâu vào tiến trình tư duy ấy. Đứa con tinh thần đậm mê ý của con, được ấp ủ dưới ánh trăng đã cuốn hút con vào vòng tay kẻ thù giống như những tiên cá ranh ma.

Vì tức giận con đã bị mấy ngày rơi vào trạng thái hoàn toàn không thể suy nghĩ được và chạy tới chạy lui như một kẻ điên cuồng trong khu vườn thuộc vùng nước bẩn của Spô-rê, những dòng nước đó "tẩy rửa linh hồn và làm loãng nước chớ"¹⁴; con đã thậm chí quyết định cùng ông chủ của con đi săn, sau đó lao về Béc-lin, sẵn sàng ôm chầm bắt cú ai bắt gặp trên đường.

¹² một cách tinh tế

¹³ - Hai từ "biến Bắc" (chùm thơ đầu tiên, bài thơ "Thế giới")

Không lâu sau đó con đã bắt tay vào làm những công việc hoàn toàn bổ ích. Con đã nghiên cứu tác phẩm của Xa-vi-ê-nhi về số hữu, luật hình sự của Phôi-ô-bân và Grôn-man, quyển "Về ý nghĩa của lời nói" của Cra-me-ra, tác phẩm của Vê-nin-gơ-Inghen-hai-mơ về hệ thống của bộ luật Pan-dect và "Học thuyết về bộ luật Pan-dect" của Muy-len-bruyêc¹⁵, và đến nay con vẫn làm những công việc này; sau hết, con đã nghiên cứu một số phần trong tác phẩm của Lau-thơ-bách¹⁶, luật tố tụng dân sự và đặc biệt là giáo luật mà phần thứ nhất của nó. "Sự tương đồng của các giáo luật trái ngược nhau" của Gran-xi-an, con đã đọc gần như trọn vẹn trong "Bộ (giáo luật)", có ghi những đoạn trích tương ứng; con cũng nghiên cứu cả phần phụ lục - "Cương yếu" của Lan-sen-lét-ti¹⁷. Tiếp nữa, con đã dịch một phần cuốn "Hùng biện" của A-ri-xtôt, đã đọc tác phẩm "Về sự thăng tiến của các môn khoa học" của tác giả nổi tiếng Bê-rôn Vê-ra-lem¹⁸. Con đã nghiên cứu nhiều về Rây-ma-rút, con đã suy ngẫm một cách say mê¹⁹ về tập sách của ông ta, nhan đề là "Về những bản năng phức tạp của động vật". Con cũng bắt tay nghiên cứu luật của Đức, nhưng chủ yếu chỉ ở mức độ như con đã nghiên cứu các chiếu dụ của các ông vua của người Phrăng-cơ và những thư từ mà các giáo hoàng gửi cho những ông vua ấy.

Thưa cha thân yêu, nhờ con đã biên thư trước đây báo cho cha biết, con đã ngã bệnh vì buồn rầu về bệnh tật của Giê-ni và về công việc tinh thần vô bổ và vô kết quả của con, vì nỗ lực đọc dày vò con khi biết rằng con đã phải tạo ra cho mình một thần tượng từ cái quan điểm mà con căm ghét. Sau khi khỏi bệnh, con đã đốt hết các văn thơ và những bản sơ thảo truyện ký v.v., tưởng rằng có thể hoàn toàn từ bỏ chúng; cho đến nay dù sao con cũng không có những bằng chứng nào về điều ngược lại.

Trong thời gian bị đau ốm con đã làm quen với Hê-ghen, từ đầu đến cuối, ngoài ra cũng còn tìm hiểu tác phẩm của đa số các môn đệ của ông ấy. Nhờ thường hay gặp gỡ bạn bè ở Sto-ra-lốp con đã lọt được vào "Câu lạc bộ tiên si"¹⁷, trong số các thành viên của câu lạc bộ này có một số vị phó giáo sư và người bạn gần gũi nhất trong số các bạn bè của con ở Béc-lin, đó là tiến sĩ Ru-ten-béc. Ở đây qua những cuộc tranh luận những điểm khác nhau, trái ngược nhau đã bộc lộ và những mối quan hệ ngày càng được thắt chặt thêm, những quan hệ ấy làm cho bản thân con gần bó với nền triết học hiện đại của thế giới mà con mong muốn tránh chịu ảnh hưởng của nó; nhưng mọi âm thanh đã im bặt, con đã bị bao trùm bởi tình thân mà mai thật sự điên cuồng, điều đó đã dễ dàng có thể xảy ra sau khi đã có biết bao nhiêu điều bị phủ định. Chứng vào đó lại còn sự im lặng của Gi-en-ni, và con không thể an tâm chừng nào con chưa trả xong món công nợ cho chủ nghĩa hiện đại và cho quan điểm của nền khoa học hiện đại, qua việc cho ra một số tác phẩm tồi tàn, đại loại như "Những cuộc viếng thăm"¹⁸ v.v..

Thư cha thân yêu, nếu như ở đây có thể con đã miêu tả chưa thật rõ ràng về toàn bộ học kỳ gần đây nhất để cha rõ, cũng như chưa trình bày tất cả mọi chi tiết, đã bỏ qua mọi sắc thái, thì xin cha hãy tha thứ cho con, chiều rộng sự đam mê của con muốn thông báo về cuộc sống hiện nay của con.

Ngài Phôn Sa-mi-xô cũ gửi cho con một lá thư nhỏ với nội dung sơ sài, trong đó ông ấy cho con biết rằng "ông ấy lấy làm tiếc về việc ông ấy không thể sử dụng những tác phẩm của con vào tập niên giám"¹⁹, vì nó đã in xong từ lâu rồi". Con đã đón nhận thông báo đó với nỗi thất vọng. Chủ hiệu sách Vi-găng đã chuyển kế hoạch của con cho tiến sĩ Smít, người đại diện của hãng Vua-din chuyên kinh doanh loại pho-mát

ngon và những trước tác tồi. Con gửi kèm ở đây là thư của ông ấy; tiến sĩ Smít còn chưa trả lời. Song, vô luận thế nào con cũng không từ bỏ kế hoạch này, nhất là tất cả các nhà mỹ học nổi tiếng thuộc trường phái Hê-ghen đã hứa hẹn cộng tác thông qua sự trung gian của phó giáo sư Bau-ơ²⁰, người đóng vai trò lớn đối với họ, và qua người đồng sự của con là tiến sĩ Ru-ten-béc²¹.

Thư cha thân yêu, về vấn đề con đường tiến thân trong lĩnh vực quản trị - kinh tế thì vừa rồi con đã được làm quen với một vị luật sư tên là Smít-hen-nô, ông ấy đã khuyên con, sau kỳ thi thứ ba về luật, hãy đi theo con đường ấy với tư cách là luật sư; điều đó đúng mồm cười với con, nhất là con đã thật sự ưa thích môn luật học hơn tất cả các môn khoa học quản trị. Nhân vật này bảo con rằng chính bản thân ông ta và nhiều người khác trong toà án quận Myn-xơ ở Ve-xơ-pha-li trong ba năm đã đạt được danh hiệu luật sư và điều đó không có gì khó khăn - dĩ nhiên, nếu tích cực làm việc - bởi vì ở đó tất cả mọi giai đoạn không được quy định quá cứng nhắc như ở Béc-lin hoặc tại các địa phương khác. Nếu sau này, khi đã trở thành luật sư, rồi được nhận bằng tiến sĩ thì sẽ mở ra khả năng rộng rãi hơn nhiều để sau đó có được danh hiệu giáo sư ngoại ngạch. Có thể lấy ví dụ là ngài Giê-cơ-ơ-nô ở Bon, người đã viết một tác phẩm tầm thường về bộ luật địa phương²², ngoài việc đó ra, ông ấy chỉ nổi tiếng ở chỗ là thuộc về trường phái Hê-ghen trong hàng ngũ các luật gia. Nhưng thư cha thương yêu, chẳng lẽ không thể nói riêng với cha về tất cả các điều đó ư? Tình hình của Xê-đư-đê²³, bệnh tật của mẹ thân yêu²⁴, tình hình sức khoẻ không tốt của cha - mặc dù con hy vọng rằng tình trạng ấy không nghiêm trọng - tất

¹⁷ - Bru-nô Bauer

¹⁸ - E-ti-en-nê Mác

¹⁹ - Hê-nrí-ét-ta Mác

thấy những cái đó buộc con phải mong muốn, thậm chí hầu như cần phải, mau mau về với cha mẹ; lẽ ra con đã ở chỗ cha mẹ rồi, nếu như con không ngại nó vì rất bận khuôn không rõ cha mẹ có cho phép con và đồng ý cho con làm như vậy không.

Cha thân yêu của con, mong cha hãy tin rằng không phải những động cơ vị kỷ đã thúc giục con về với cha mẹ (mặc dù con sẽ hạnh phúc nếu lại được gặp Gi-en-ni) - điều lỗi cuốn con về đó là ý nghĩ mà con không có quyền được nói ra. Đối với con, về mặt phương diện nào đó, điều đó thậm chí còn là bước hành động khó khăn, nhưng như Gi-en-ni yêu dấu và người yêu duy nhất của con đã viết trong thư gửi con, đứng trước việc thực hiện bốn phận thiêng liêng tất cả những lý do ấy phải bị gạt xuống hàng thứ yếu.

Thưa cha thân yêu, dù cha có quyết định như thế nào đi nữa thì con mong cha đừng đưa lá thư này, ít ra là trang thư này, cho vị thiên thần của chúng ta, mẹ của con đọc. Có thể, sự trở về đột ngột của con sẽ vực dậy người phụ nữ cao thượng và tuyệt trần đó.

Lá thư con gửi cho mẹ đã được tháo ra từ lâu trước khi nhận được thư thân thương của Gi-en-ni; do vậy, có thể là con đã vô ý viết về nhiều điều mà lẽ ra hầu như chẳng nên viết hoặc hoàn toàn không nên viết ra¹.

Con hy vọng rằng dần sẽ tan đi những đám mây che phủ trên gia đình ta, và hy vọng rằng con sẽ được đau khổ và thàn khóc cùng nhà ta, và có thể, sẽ chứng minh trên thực tế, - khi ở gần cha mẹ - sự đồng cảm sâu sắc và chân thành của con, tình yêu vô hạn của con mà con thường bộc lộ ra hết sức vụng vớ; hy vọng rằng, thưa cha mãi mãi thân yêu của con,

sau khi đã cân nhắc những biểu hiện khác nhau của tình thần luôn trỗi dậy của con, cha sẽ tha thứ cho con, bởi vì nhiều khi ở nơi mà tưởng chừng như trái tim bị lăm lặc thì thật ra tình thần tranh đấu đã làm cho nó lộng lẫy; con hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa cha sẽ hoàn toàn bình phục, khiến cho con có thể trực tiếp tự mình ghi cha vào ngực con để thổ lộ mọi suy nghĩ của mình.

Con trai mãi mãi thân yêu của cha.

Các

Thưa cha thân yêu, mong cha thứ lỗi về nét chữ nguệch ngoạc khó hiểu và văn phong tối của con. Đã gần 4 giờ, ngọn nến đang tàn và mắt con đang mờ đi như đứng trước sương mù. Xăm chiếm lòng con là nỗi lo lắng thật sự, và con sẽ không thể kết liễu được những bóng ma lớn vờn trước khi con sẽ ở bên cạnh cha mẹ thân yêu của con.

Con xin nhờ cha chuyển lời thăm hỏi đến Gi-en-ni yêu dấu và tuyệt trần của con. Đã 12 lần con đọc đi đọc lại lá thư của cô ấy và mỗi lần con đều tìm thấy trong thư ấy điều tuyệt diệu mới. Xét trên mọi khía cạnh - cũng kể cả về phương diện văn phong - đó là lá thư hết sức tuyệt diệu mà một phụ nữ có thể viết ra.

Cũng kể lần đầu tiên tạp chí:
"Die Neue Zeit", 16, Jg.,
Đức, 1. Stuttgart, 1897

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

NHỮNG CA KHÚC CUỒNG LOẠN²⁴

I

NGƯỜI CHƠI VI CẨM

Chiếc vi cầm cười như điên loạn,

Những chùm tóc rơi vào đôi mắt,

Chiếc gương đeo bên hông,

Chiếc áo choàng đen nằm phẳng lì.

"Người hát gì trên chiếc vi cầm hoang dã,

hồng nhiên ngược nhìn với vẻ buồn thảm rùng ghê?

Luống máu trong người, có phải chẳng là dòng lửa?

Hãy đứng lại! Cái mã vĩ sẽ không chịu nổi".

"Ta hát gì ư? Người hãy hỏi, những làn sóng
đang lao đến chân những lên dũ, đợt này nối tiếp đợt kia!

Để lồng ngực vỡ toang ra,

Để đẩy tâm hồn vào điệu ngục".

"Hãy dừng đó thôi quý quýệt! Kẻ nào cất lời ra,

Kẻ đó được Thượng đế sáng ngời lựa chọn.

Hãy bay lên trên đôi cánh của khúc ca

Đến với hợp xướng các vị sao, đến với vực thẳm
màu thanh thiên".

"Người nói về điều chi? Về những ca khúc thiên đường?

Ta sẽ chém người bằng lưỡi kiếm.

Thượng đế không biết những bài ca - không.

Những bài ca là sự mê sảng địa ngục.

Nó dẫn đến sự điên loạn của linh hồn.

Quý sử đã hát những bài ca ấy vào tai ta,

Quý sử gõ nhịp cho ta,

Quý sử đã điều khiển cái mã vĩ của ta.

Trái tim, những sợi dây đàn và cái mã vĩ!

Nó tung ra - đó là số kiếp của các người".

Chiếc vi cầm cười điên loạn,

Những chùm tóc xoà vào đôi mắt,

Chiếc gương đeo bên hông

Chiếc áo choàng nằm phẳng lì.

II

TÌNH YÊU BAN ĐÊM

Hồn bóng choàng lấy tình yêu đó

bằng cánh tay nóng nần hoang dã

"Ôi, kho báu của ta,

Người run sợ trong cơn đau trước giờ lâm chung!

Thuốc độc của ta đã làm người trúng độc;

Người đã làm tâm hồn ta khô cạn.

Nhưng cơn mất của người rực lửa,

Như những viên kim cương, trong cơn đau
quần quật!"

"Lời nói của người gieo nỗi sợ hãi;

Người nhợt nhạt, hồi kò thân thương

Hãy nhìn xem! Trên bầu trời

Những vì sao trời dạt!"

"Em yêu, những vì sao trời dạt

Và rực sáng trên đầu ta,

Những nơi đầy ngọn lửa,

Đe dọa linh hồn chúng ta!"

Hắn thì thảo còng khe khẽ,

Vì kiệt sức vì đau khổ;

Ánh mắt của hắn từ đại

Bởi ngọn lửa không phải trần gian.

"Thuốc độc sục sôi trong lồng ngực người;

Vậy hãy bước theo ta!

Từ trên trời bóng đêm ngược nhìn chúng ta

Thấp dần và gần thăm!"

Hắn nhìn vào mắt nàng,

Những cánh tay ôm lấy xác người;

Chỉ nơi khoe mỗi lạnh giá

Hiện ra những hạt bọt của nỗi đau lâm chung.

Do C.Mác viết tháng Hai - tháng Tư
1857

Công bố trên tạp chí: "Athenum"

ngày 23 tháng Giêng 1861

Ký tên: C. Mác

In theo bản đồng trên tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức

C. MÁC
NHỮNG TẬP GHI CHÉP VỀ TRIẾT HỌC

Ê. PI-QUYA²⁸

Do C.Mác viết năm 1859

Công bố lần đầu không toàn văn bằng
tiếng của nguyên bản trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 1,
Hilft. 2, 1927 và công bố toàn văn bằng
tiếng Nga trong văn tập C.Mác và
Ph. Ăng ghen.

"Trích những tác phẩm đầu tay"

M., 1956

Ký tên: Các Hen-riét Mác

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức,
tiếng Hy Lạp cổ và tiếng Latinh

TRIẾT HỌC Ê-PI-QUYA

Tập thứ nhất

I. Đİ-Ô-GIEN LA-ÊC-XƠ, QUYỂN X

NHỮNG TRÍCH ĐOẠN TRONG QUYỂN THỨ MƯƠI CỦA
Đİ-Ô-GIEN LA-ÊC-XƠ THEO ẤN PHẨM CỦA PI-E - GAT-
XĂNG-ĐI. "NHỮNG NHẬN XÉT VỀ QUYỂN THỨ MƯƠI CỦA
Đİ-Ô-GIEN LA-ÊC-XƠ". LI - ÔNG. 1649. T. 1 ³⁰

I. Đİ-Ô-GIEN LA-ÊC-XƠ, QUYỂN THỨ MƯƠI Ê-PI-QUYA

[2] "... trong vở sau (Ê-pi-quya), do tính cơ tiếp xúc với các nguyên sách của Đê-mô-crit, đã dẫn thêm vào triết học" (tr. 10)

[4] (Nhà theo thuyết khắc kỷ Pô-xi-đô-na, Ni-cô-lai và Xa-nh An, trong quyển thứ 12 trong bộ sách có nhan đề chung là "Những lời học hỏi của Đê-ô-clíp", đã khẳng định rằng)

"Ông ta đã truyền bá, như là của mình, các học thuyết của Đê-mô-crit về nguyên tử và học thuyết của A-ri-xtô về hưởng thụ" (tr. 11).

[8] "Bất vi chi ti tại cũng không biết - (Ê-pi-quya nói) - rằng cái gì sẽ có thể thừa nhận là phúc lợi, nếu như vật bỏ những hưởng thụ vị giác, (những hưởng thụ của tình yêu), hưởng thụ khi nghe âm nhạc và những cử động vui sướng khi chiêm ngưỡng những hình thức (tuyệt diệu)" (tr. 12)

[12] "Người được ông thừa nhận lựa cả là... A-na-xa-go thời cổ đại, tuy trong một số vấn đề đã bất đồng với A-na-xa-go" (tr. 16)

[29] “Vậy là, nó [tức là triết học của É-pi-quy-a] được phân ra thành ba phần: phần giáo luật, phần đạo lý và phần đạo đức”. (tr. 25).

V) GIÁO LUẬT

[31] “Vậy là, trong “Giáo luật” của mình É-pi-quy-a không định rằng các tiêu chí của chân lý là những cảm thụ bằng cảm giác, cũng như là những dự cảm²⁷ và những cơn nhón, ngoài ra những môn đồ của É-pi-quy-a còn bổ sung thêm cả những quan niệm được tạo ra bởi sự tưởng tượng của lý trí (tr. 25-26). Ông còn đề cập đến điều này... cả trong tác phẩm “Những luận điểm chủ yếu” (tr. 26).

1) “... Những cảm thụ bằng cảm giác là chân lý. Bởi vì... không có một sự cảm thụ nào bằng cảm giác lại phụ thuộc vào lý trí, cũng như có hoàn toàn không có khả năng hồi ức, bởi vì nó không tự mình chuyển động, mà được một cái gì khác nào đó làm cho chuyển động và nó không thể bổ sung thêm gì nữa, cũng không giảm thiểu đi để có thể suy nghĩ điều gì đó khác ngoài nó”.

[32] “Và không có gì có thể phân biệt được chúng. Thật ra, một sự cảm thụ bằng cảm giác đồng chứng loại không thể phân biệt một sự cảm thụ khác đồng chứng loại với nó, bởi vì chúng ngang bằng nhau, sau vai không đồng chứng loại thì không thể phân biệt cái không đồng chứng loại. Vì chúng này tốt không riêng về một điều như nhau. Và nếu chúng, một sự cảm thụ bằng cảm giác này không thể phân biệt sự cảm thụ bằng cảm giác khác, bởi vì chúng có một sự chủ ý ngang nhau về tất cả trong nó chúng. Lý trí cũng không thể phân biệt các cảm thụ bằng cảm giác, bởi vì lý trí hoàn toàn phụ thuộc vào những cảm thụ này”

“Cái được cảm giác cảm thụ thì thực sự tồn tại, điều đó đảm bảo tính chân lý của những sự cảm thụ bằng cảm giác. Nhưng gì chúng ta nhìn thấy và nghe thấy là hiện tượng có thật, chẳng khác nào việc chúng ta cảm nhận được sự đau đớn. Bởi vì không có sự khác nhau giữa những tin không chính: “có điều gì đó là chân lý” là “có điều gì đó đang tồn tại” (tr. 26)

“Từ đó cần giải thích điều như thế, xuất phát từ các hiện tượng. Bởi vì mọi quan niệm đều có nguồn gốc là các cảm thụ bằng cảm giác, bởi vì trung gian của sự tưởng tượng ngang nhiên, sự tưởng tượng, sự giống nhau có sự kết hợp, chủ yếu tác động theo đó của tư duy” (tr. 26) [37].

“Những hình ảnh nhìn thấy của người điên, cũng như các giấc mơ đều là chân lý, bởi vì chúng gây ra những chuyển động; còn cái không tồn tại thì không gây ra sự chuyển động nào cả” (tr. 27).

1) [33] “Được hiểu [tiếng phân É-pi-quy-a] gọi là dự cảm chính là sự cảm thụ hay là ý kiến đúng đắn, hay là quan niệm, hay là sự tư biện - chúng hiện diện trong chúng ta, tức là sự hiểu biết về hiện tượng bên ngoài thường tiếp xúc, vì dụ như: “đó là một con người”. Bởi vì ngay khi chúng ta vừa phát ra từ “con người” thì vào ngay lúc ấy, nhờ dự cảm, có hình ảnh con người ấy cũng hiện ra trước chúng ta trên cơ sở những cảm thụ bằng cảm giác.

Vậy là, cái mà thuật đầu là sự tồn tại của sự gọi tên thành rõ rệt. Và chúng ta sẽ không thể tìm cái mà chúng ta tìm kiếm nếu trước đó ta không biết nó... Chúng ta sẽ không thể đặt tên cho bất kỳ cái gì nếu trước đó chúng ta chưa được biết hình ảnh [của vật], thông qua dự cảm. Do đó, các dự cảm là hiện nhiên. Và [một] ý kiến đầu dựa trên cơ sở tính hiện nhiên có trước các cái gì đó. Và chúng ta quy sự khẳng định của chúng ta vào chính cái đó... [34] Họ [trường phái É-pi-quy-a] còn gọi ý kiến là giá định và họ khẳng định rằng ý kiến cũng có thể là chân lý và là sai lầm, tùy thuộc ở chỗ có cái gì thêm vào nó hay là bị tẩy đi khỏi nó, nó có được xác nhận, hay là ngược lại, nó bị bác bỏ tùy vào việc nó có hiện nhiên hay không. Và nếu giá định được xác nhận hoặc là không bị bác bỏ thì giá định ấy là chân lý, mà nếu nó không được xác nhận hoặc bị bác bỏ thì nó là sai lầm. Do đó mà người ta đã áp dụng [thuật ngữ] “Điều được tưởng tượng”: ví dụ như: người ta chờ đợi, sau đó người ta tiến lại gần thấp và nhận ra rằng ở khoảng cách gần thấp có điều là khi nó ở khoảng cách xa hay không” (tr. [27] - 28)

"Họ phân biệt hai trạng thái tâm hồn, khuỷu lợ và sự đau đớn... Khi mà lợ gần gũi (với bản chất của loài vật), con sự đau đớn thì xa lợ, chính những tâm trạng ấy là kim chỉ nam trong việc lựa chọn hoặc khuất từ một điều gì đó" (tr. 28) - 399

"Trong những trường hợp này những sự khốn khổ liên quan đến hạn chế sự vật, còn trong những trường hợp khác thì những sự khốn khổ ấy lại xoay quanh những sự ngẫu nhiên" (tr. 29).

Ê-PI-QUYA GỬI MẸ-NÔI-CÁY

[123] "Trước hết, xuất phát từ chỗ cho rằng thường dễ là thực tế không thể bị thủ tiêu và cực lực, như điều đòi hỏi phải có bởi quan niệm chúng ta thường dễ, cho nên mong anh hãy đừng xôn cho những đề điều gì xa lợ với tinh thần không thể bị thủ tiêu, điều gì hầu tương đương với 'trạng thái cực lực...' (tr. 32)

"Bên vì các vị thần tôn tại, do quan niệm về các (thần thánh là hiện nhiên) (thấy thêm khảo "quan niệm chung về các vị thần" - "consensus omnium, consensus gentium"). Nhưng các vị thần dị không phải như hiện đồng hành chung về họ, bởi vì trong tư duy của mình về các vị thần] làm đồng không có sự liên quan hậu đến cả các vị thần".

"Kể bất luận không phải là người đạo đức về vị thần của dân tộc đồng, mà là kẻ hèn theo ý kiến của dân đồng về các vị thần".

[124] "Bên vì ý kiến của dân đồng về các vị thần là không phải là những dự cảm, mà là những giá định sai lầm. Vì vậy mà dân đồng nghĩ rằng các vị thần giống xuống đến các kẻ xấu nhưng tại họ nặng nề nhất, và đánh cho những người lương thiện các việc làm vô cùng tồi tệ. Bởi vì, sau khi hoàn toàn quên với những đức hạnh của mình thì dân đồng lại đồng với những đồng loại, có nó xem tất cả những gì không phải là cái tốt đều là xa lợ" (tr. 33)

"Anh hãy học cách suy nghĩ rằng chỉ một không là gì đối với chúng ta vì tất cả những điều tốt đẹp, cũng như tất cả những điều xấu xa là vì với cảm giác, còn các chất là sự chiếm đoạt cảm giác".

* - "Sự tôn đồng của là kẻ, sự tôn đồng của kẻ dân tộc" (theo sách của Mác)

"Do vậy, sự nhận thức đúng đắn cho rằng các chất không là gì cả đối với chúng ta sẽ tìm cho chúng ta vai trò nhất định của cuộc sống là nguồn khoái lạc, mà không hề mong [các cuộc sống] thần gran và thần, tại họ mới không nhất về sự sai lầm"

[125] "Bên vì trong cuộc sống không có gì là đáng sợ đối với ai thực sự hiểu công, không được sống hoàn toàn không phải là điều không chấp. Vì vậy, kẻ nhô đó là kẻ nơi vắng anh ta sợ chết không phải vì cái chết gây ra đau đớn khi nó xảy đến, mà vì ngay cả bây giờ anh ta đã bị đau đớn bởi các chất sắp xảy tới, thật là ngu xuẩn nếu lo lắng đến cái sẽ phải xảy đến. Bởi vì cái gì hầu hiển diện không gây ra sự lo lắng thì chỉ gây nên một sự đau buồn rằng thực tại nó chỉ từ điều được trông đợi xảy đến. Vậy là, các chất gây nên sự sợ hãi lớn nhất trong số những điều bất hạnh. Chẳng là gì cả đối với chúng ta, vì từ chúng ta không sợ cái gì cả thì không có sự chết, còn khi sợ chết xảy đến thì chúng ta không còn nữa. Như thế, việc chết không liên quan đến người sống cũng như người đã chết bởi vì đối với người còn sống thì chưa có sự chết, còn người chết thì không có" (tr. 33-34)

[126] "Người nào kêu gọi một chúng tôi sống cho người chết, con nên gọi người đó là kẻ chết một cách tuyệt đối, thì người đó là kẻ ngu. không chỉ vì cuộc sống có một là cuối, mà còn vì sự chết là đến cuộc sống tốt đẹp cũng là sự nhận là về các chất tuyệt đối..." (tr. 34)

[127] "Nhưng cần nhớ rằng tương lai của không phải là của chúng ta, một vua không hoàn toàn không phải là của chúng ta khiến chúng ta, một mặt, không chết đối nó như một điều gì đó nhất định sẽ xảy đến, nhưng mặt khác chúng ta lại không mất hy vọng vào nó như vào một điều gì đó bất luận thế nào cũng không xảy đến" (tr. 35)

"Trong những ý muốn có những ý muốn mang tính chất tự nhiên, những ý muốn khác lại là những ý muốn trùng cùng. Trong số những ý muốn tự nhiên có những ý muốn là cần thiết, những ý muốn khác chỉ là những ý muốn tự nhiên. Trong số những ý muốn cần thiết có những ý muốn cần thiết cho hạnh phúc (vì dụ, để thức ăn được giúp may), những ý muốn khác thì cần thiết cho hạnh phúc cuộc sống" (tr. 35).

[129] "Đầu tư sự chiếm ngưỡng những vị rất xa - nói cách khác xa lắm... có thể dẫn đến làm cho thêm xác được mệnh khải và sự hình thần (h-là x-là-x)?" của thêm hơn vì đây chính là mục đích của việc chiêm ngưỡng phúc. Và sự điều trị mà chúng ta làm tại ta - để không cảm thấy đau đớn và sự bất. Một khi đã đạt được điều đó thì chấm dứt mọi nỗi đau xuyên của tâm hồn, và một đồng với không còn phải tìm kiếm gì đa can thiệp hoặc một điều gì đó khác có thể giúp ích cho sự nung nấu đầy đủ hơn của tâm hồn và thể xác. Bởi vì, chúng ta và như câu hướng dẫn khi mà vì không có sự hướng lạc thì chúng ta đau khổ; còn khi chúng ta không đau khổ thì chúng ta không cần đến sự hướng lạc nữa" (tr. 86).

"Do vậy chúng ta nói rằng sự hướng lạc chính là sự mở đầu và sự vào chung của cuộc sống hạnh phúc" (tr. 85-86) [129] Bởi vì sự hướng lạc là phúc lợi thứ nhất và bản sinh, bằng sự hướng lạc chúng ta mở đầu mọi vụ lựa chọn và hướng tới, và chúng ta đến với sự lựa chọn ấy để đúng tâm trạng ấy như (thậm chí đánh giá mọi phúc lợi)" (tr. 85-86)

"Chính vì sự hướng lạc là phúc lợi thứ nhất và bản sinh, nên chúng ta lựa chọn không phải bất kỳ sự hướng lạc nào."

"Và đó, mọi sự hướng lạc, xét về bản chất của nó mà phù hợp với chúng ta - đều là phúc lợi, song không phải bất kỳ sự hướng lạc nào cũng nên lựa chọn, giống như mọi nỗi đau khổ đều là bất hạnh, nhưng không phải lúc nào cũng cần tránh mọi sự đau khổ."

[130] "Nhưng, cần giải quyết tất cả điều đó bằng con đường an lành và xem xét (các hậu quả) có ích cũng như vô hại, vì theo thời gian thì phúc lợi lại là lợi hơn cho chúng ta, còn tai họa, ngược lại, lại là phúc lợi" (tr. 88).

Và chúng ta thừa nhận rằng việc biết cách thoát nạn với điều nhỏ bé là phúc lợi ta lớn không phải để thoát nạn với điều nhỏ bé trong mọi tình huống, mà là để thoát nạn với điều nhỏ bé trong những trường hợp chúng ta không có cái to lớn, và hoàn toàn tin tưởng rằng người hướng thụ cái to

tiểu nhân như là những kẻ ti căn đến chừng nhất, và rằng cái có những cái tự nhiên là cái dễ đạt được nhất, và dù ta no thì cái trông cũng cũng khó đạt đến nhất" (tr. 86)

[131] "... những ta xa... sự hướng lạc là trạng thái không có những sự đau đớn của thể xác và những sự xao động của tâm hồn" (tr. 87)

[132] "Không nguồn và phúc lợi tối cao là hạnh phúc duy nhất, và vậy khi năng suy xét được chúng ta chỉ hơn có trải học (tính lý trí) là nguồn gốc sinh ra mọi đức hạnh khác cho thấy rằng không thể sống một cách thoải mái nếu không sống một cách hợp lý trí, tuyệt vời và mọi cách sống bằng, và rằng không thể sống (một cách vô lý trí, tuyệt vời và) công bằng nếu không sống một cách thoải mái, bởi vì các đức hạnh đều là vì cuộc sống thoải mái, và cuộc sống thoải mái không tách rời chúng" (tr. 88).

[133] "Bởi vì, ta có thể đạt ai cao hơn một con người đã theo đuổi những quan điểm ngoại đạo về các vị thần, và luôn luôn từ xa không có hai cái chết và có một quan niệm đúng đắn về mọi sự sống cũng của thiên nhiên, và hiểu rằng phúc lợi lớn nhất để đạt đến và tiếp cận, cần tài hợp tồn nhất trong các tài hợp thì mang tính nhất thời hoặc gần liền với hạnh phúc dài lâu đến ngàn đời." Còn về tính bất tử mà một số người áp dụng như vị chúa tể tối cao, thì con người đó tuyên bố với tất yếu lý không tồn tại. Nhưng (theo ý kiến của người đời) thì cái này phụ thuộc vào trường hợp ngoại lệ, còn cái kia phụ thuộc vào bản thân chúng ta vì tính bất yếu là vô trách nhiệm còn sự ngẫu nhiên thì rõ ràng là không ổn định, phụ thuộc vào chúng ta một cách tùy tiện, vì vậy mà sự quả trách cũng như sự đối lập với nó không ngừng theo nhau mà" (tr. 88).

[134] "Thà nghe theo thần thoại về các vị thần còn tốt hơn trở thành kẻ nô lệ cho sự ổn định của các nhà vật lý. Bởi vì thần thoại như đó lại niềm hy vọng vào lòng thương hại của các vị thần thông qua sự sùng bái các vị thần đó, còn sự tiến định thì chưa được tương xứng với tính bất yếu không thể lay chuyển được. Về sự ngẫu nhiên thì vì vậy [nhà thông thái] giữ định sự ổn tại của nó (chứ không phải của thượng đế) như đám đông vẫn làm... nhưng một khác - và cũng không có đó không phải là nguyên nhân xác đáng... [135] thần thoại thái quá

phát từ chỗ cho rằng thì như những vật tạo nhưng hành động một cách hợp lý, còn tốt hơn là hưởng thành công mà lại hành động một cách không hợp lý. Nhưng điều tốt hơn ra là sự ngẫu nhiên gặp phải thức đầy thành công của hành động được duy trì liên tục đến" (tr. 108). 131]

"... Vì sẽ không bao giờ... tư sinh viên của anh bị phủ vò, anh sẽ sống giữa loài người, như thường lệ. Bất và bất kể vì phương diện nào thì một con người sống giữa những phúc lạc bất tử rằng không giống với một sinh vật có sinh có tử" (tr. 89)

"Trong những cuốn sách ông ấy phủ nhận nghệ thuật tiến tri... Nghệ thuật tiến tri không tồn tại, và nếu nghệ thuật ấy đã từng tồn tại thì chúng ta không thể nào làm thay đổi được các dạng tiến tri..." (tr. 89).

[136] "Trong vấn đề hưởng lạc ông ấy rất đồng ý với triết gia Hy Lạp. Phải vậy không công nhận sự hưởng lạc trong trạng thái yên tĩnh, mà chỉ trong sự chuyển động, còn ông ấy thì thừa nhận cả những sự hưởng lạc này và kia - của tình thân, tình như căn thể xác... Sự hưởng lạc có thể có cả trong trạng thái yên tĩnh, cả trong sự chuyển động. Các vị Xuy-xa... thì nói: "Sự yên tĩnh về tâm hồn và trạng thái không có nỗi đau đớn là những lạc thú của sự yên tĩnh, còn niềm vui của sự vui có bất tử ra như tình thân của mình trong sự chuyển động" (tr. 89)

[137] "Còn (một điểm nữa mà ông ấy rất đồng ý với triết gia Hy Lạp) mà phải này cho rằng những đau đớn về thể xác thì nặng nề hơn là những đau đớn tâm hồn..., còn theo ý kiến của ông thì những đau đớn tâm hồn nặng nề hơn, bất vì sao thật chỉ bị đẩy ra khỏi nỗi đau đớn hiện tại, còn tâm hồn thì bị đẩy vào hồi tưởng nỗi đau đớn quá. Cả bốn nỗi đau hiện tại, cả bốn nỗi đau tương lai, dù vậy, cả những lạc thú của tình thân cũng còn hơn" (tr. 90).

"Để làm bằng chứng cho (luận điểm) cho rằng lạc thú là mục đích của cuộc sống, ông ta dẫn ra (thiên tượng) là các động vật, kể từ khi em dê,

đều thích nó (cụ lạc thú), chúng cảm thấy ghét nỗi đau đớn. Về điều đó (đàn voi) một cách tự nhiên, vô thức. Thật vậy, chúng ta tránh nỗi đau đớn một cách vô thức hơn" (tr. 90-91).

[138] "Còn những đau: hành chúng ta cũng lựa chọn không đơn thuần như vậy, mà vì sự hưởng lạc... Ông ấy cũng nói rằng chỉ có đức hạnh không tách rời khỏi sự hưởng lạc, còn những cái khác, ví dụ như đồ ăn, cái cách rửa..." (tr. 91)

(NHỮNG LUẬN ĐIỂM CHỦ YẾU)

[139] "Cả Cự lao và cái không bị phá vỡ tại bản thân nó không hiểu đến những nỗi trần trụi, cũng như không làm cho những người khác khổ khổ vì chúng, cho nên nó tự nó ra với sự phân biệt, cả với lòng biết ơn, bởi vì tất cả những điều tương tự đều đặc trưng cho sự bất lực".

"Trong những cuốn sách khác ông ấy nói rằng các vị thần có thể được tri tuệ nhận thức, chứ không được xác định bởi số lượng; rằng do sự tương đồng (cả do sự hòa nhịp với nhau của những hình tượng tương đồng được tạo ra chính là nhằm mục đích đó) nhưng vì thần ý tương đồng với con người" (tr. 91-92)

"Giới hạn của loài của lạc thú là nó chối từ mọi nỗi đau đớn: dù bất kỳ ở đâu xuất hiện sự lạc thú thì đó - chúng nhận sự lạc thú ấy còn tiếp diễn - đều không có sự đau đớn, sự buồn rầu, không có hai điều đối lập lại" (tr. 92)

[140] "Không thể sung sướng mãi nếu không sống một cách hợp lý, cao đẹp và chính đáng, và không thể sống một cách hợp lý, cao đẹp và chính đáng nếu không sống một cách thanh liêm" (tr. 92).

[141] "Không một sự hưởng lạc nào lại tự nó tại hạn có, nhưng điều này và một số khác lạc thú kéo theo những sự phức tạp gấp nhiều lần đối với những sự khác lạc" (tr. 93).

[142] "Nếu tất cả lạc thú hòa lẫn vào nhau và sẽ thêm gian, có lẽ đường nét thì mỗi lần hệ họ cũng (má) như những họ phận chính yếu của thiên nhiên, và như thế không thể phân biệt được sự lạc thú này với sự lạc thú khác" (tr. 93).

[141] "Không thể xón búi niếm sự hối trước các hoàn lương quan trọng nhất, nếu không nhận được bản chất của mọi cái, mà chỉ [hạn chế] ở vài sự phỏng đoán mà nó được rút ra từ các [lĩnh vực]. - Như vậy, nếu không có [tư tưởng] về khoa học tự nhiên thì không thể có được những lạc thú không bị vẩn đục" (tr. 93, [94]).

[142] "Nếu chúng ta không lo ngại trước những hiện tượng trên trời và bởi những suy nghĩ về cái chết - như thể là có một lúc nào đó thì dù sao cái chết cũng không động chạm đến chúng ta ở mức độ nào đó, thì chúng ta có thể thấy rõ được những giới hạn của đau đớn, cũng như của những ước vọng, như thế chúng ta sẽ không cần đến khoa học tự nhiên" (tr. 93).

[143] "Thật là hoàn toàn vô ích nếu dăm bữa cho mình có được sự an toàn chống lại mọi người, nếu hôm mai những nỗi lo ngại trước những gì hiện diện trên trời, cũng như trước những gì hiện diện dưới mặt đất, và nói chung là trước những gì hiện diện trong trạng thái vô giới hạn. Thật vì sự an toàn trước mọi người chỉ có thể có được ở một mức độ nào đó" (tr. 94).

"Sự an toàn được tạo ra bởi sự yên tĩnh và sự cách ly khỏi đám đông, và nó đạt được nhờ khả năng loại trừ [bằng cách giảm bớt ước muốn về điều không cần thiết] và nhờ tính chất dễ dàng của việc có được [điều cần thiết]" (tr. 94).

[144] "Những phúc lợi tự nhiên thì có giới hạn và được kiểm tra độ đậm, nên của cải mà người ta [về lâu] trong những quan niệm tổng cộng, thì vượt ra ngoài mọi giới hạn" (tr. 94).

"Lạc thú xác thật không gia tăng khi khám đời sự đau đớn do nhu cầu gây ra, lạc thú ấy chỉ thay đổi mà thôi" (tr. 94)

Điểm cao nhất của tư duy (về lạc thú) là ở sự hoàn toàn chính xác mọi vấn đề (và tất cả những gì liên quan đến những) đã gây ra cho tư duy những nỗi sợ hãi to lớn nhất" (tr. 94).

[145] "Thời gian vô tận chưa được lạc thú cũng nhiều như thời gian hữu hạn nếu như ta suy ngẫm đúng đắn những giới hạn của lạc thú" (tr. 95)

"Nhưng lạc thú nào thật được [thiên nhiên] ấn định trước cho chúng những giới hạn, nhưng em hướng tới sự vinh hạnh đã đẩy lên những giới hạn ấy vào sự vô tận. Còn tư duy thì sau khi nhận thức được mục đích, và các giới hạn của xác thịt và sau khi đáp tất cả vươn lời tình vinh hạnh, thì đã làm cho cuộc sống của chúng ta trở thành hoàn thiện, do vậy chúng ta không có nhu cầu nào vô thời gian bất tận. Song, tư duy cũng không lo sợ trừ lạc thú ngay cả khi hoàn cảnh đòi hỏi phải ra khỏi cuộc đời, chấp nhận sự chấm dứt của cuộc đời tốt đẹp trong tư cách là sự hoàn thiện" (tr. 95)

[146] "Cần nhận thức, một cách hết sức rõ ràng, mục tiêu cuộc sống được đặt ra, mục tiêu mà chúng ta quy tụ các suy xét của chúng ta vào đó, nếu không mọi cái sẽ đều không được giải quyết và đây sự tồi tệ" (tr. 95).

"Nếu anh bác bỏ tất cả những cảm thụ bằng cảm giác thì anh sẽ chẳng còn gì để có thể dựa vào đó trong sự xét đoán của mình về những cảm thụ mà anh thừa nhận là [lạc thú]" (tr. 96)

[148] "Nếu trong từng lát mỏng hợp anh sẽ không đem so sánh tất cả mọi hành động của mình với mục đích tự nhiên, mà lại hướng tới điều gì khác nào đó - dù là trong việc khảo sát cái gì đó hoặc trong việc hướng tới điều gì đó - thì những hành động của anh sẽ không phù hợp với những nguyên tắc của anh" (tr. 96)

[149] "Trong số những ước nguyện có những ước nguyện mang tính chất tự nhiên và cần thiết, có những ước nguyện khác thì mang tính tự nhiên, nhưng không phải là cần thiết, còn những ước muốn thứ ba lại không mang tính chất tự nhiên, không cần thiết, mà xuất phát từ những quan niệm trống rỗng" (tr. 96)

[150] "Hình của niềm thức, đã đem lại cho chúng ta sự tin tưởng rằng lạc hạnh không phải là vĩnh hằng, rằng không phải là lâu dài, đã làm chúng ta tin rằng trên con đường dài có hạn của chúng ta thì tình ban đầu đã làm cho chúng ta tin cậy nhất cho sự an toàn" (tr. 97)

Những đoạn dưới đây thể hiện các quan điểm của É-pi-quy-ra về bản chất tinh thần, về nhà nước. Ông ấy coi cơ sở là sự thoả thuận, *συνθήκη*, và là người nhất quán, ông chỉ thừa nhận mục đích là *εὐμεγείαν*, nguyên tắc hữu dụng.

[150] "Quyền tự nhiên là thoả ước [hay liên] theo điều sự hữu ích - tam kết cộng nhau không làm hại nhau và không chịu đựng sự tác hại" (tr. 91).

"Đối với những mình vật đã không thể thoả thuận về việc không gây hại cho nhau và không chịu đựng sự tác hại... thì không tồn tại các chính đáng, cái không chính đáng. Cùng phải như vậy cả về tất cả những dân tộc đã không thể hoặc đã không muốn thoả thuận về việc không gây hại và không chịu đựng tác hại" (tr. 98).

"Tinh chính đáng không phải là cái gì đó tồn tại từ nó, mà là một thứ tuân được xác lập trong cuộc gặp gỡ nhau ở mọi nơi về việc không gây ra và không chịu đựng sự tác hại" (tr. 98).

[161] "Tinh bất chính là điều ác không phải tự tại mà [điều ác ấy là ở] sự sợ hãi xuất phát từ nỗi lo lắng cho từng không thể cho dấu tính bất chính ấy với những ai đã được đặt vào cương vị tương tự những hành vi ấy... bởi vì không có điều gì đó [tức là kẻ vi phạm pháp luật] có mai danh ẩn tích được cho đến tận lúc chết hay không" (tr. 98).

"Xét từ góc độ chung thì quyền cho mai [chôn cất] đều như nhau [vi quyền đó là cái gì đó hữu ích trong giao tiếp giữa những con người với nhau, nhưng tuởng cho các đặc điểm của từng nước và đủ loại nguyên nhân khác cho nên cùng một sự việc như nhau lại là chính đáng không phải đối với mọi dân tộc" (tr. 98).

[152] "Xác phát từ điều thường được xem là chính đáng, thì điều được xác nhận là hữu ích trong các quan hệ giao tiếp qua lại với con người, mang bản chất của pháp quyền, nếu nó là như nhau đối với mọi người. Còn nếu như có sự khác biệt [cho mọi người] cùng một đạo luật như nhau, song đạo luật ấy không đem lại sự hữu ích cho các quan hệ

qua lại của xã hội loài người, thì điều đó [điều luật] không mang bản chất của pháp quyền" (tr. 99).

"Và nếu như tình hữu ích chứa đựng trong pháp quyền đã là thoả, nhưng do sau trong một khoảng thời gian nào đó tình hữu ích ấy vẫn tương hợp với quan niệm [về pháp quyền] - thì trong suốt thời gian ấy tình hữu ích ấy vẫn chính là luật đối với những người nào không tự làm cho bản thân mình bị rối bời những chuyện bàn luận trống rỗng, mà chú ý nhiều nhất vào những việc làm" (tr. 99).

[163] "Ở mọi nơi mà trong những hoàn cảnh không thay đổi người ta thấy rằng cái [đã có thời] được công nhận là luật đối với các công việc [của con người] nhưng không phù hợp với quan niệm [về pháp quyền] thì những điều luật ấy là không chính đáng. Còn ở đâu mà cũng luật có hiệu lực đó không còn mang lại sự hữu ích trong những tình huống đó thay đổi, thì luật đó dù sao đi nữa cũng là luật khi nó đem lại sự hữu ích trong sự giao tiếp của các công dân, còn ở sau khi nó thôi không còn hữu ích nữa thì nó cũng thôi không còn là luật nữa" (tr. 99).

[164] "Người nào bàn đàm một cách tồi nhất cho mình sự thanh thản đối với tất cả cái bên ngoài, người đó đi làm tất cả những gì có thể ra trở thành thân hữu, nhưng do sau cũng đó mọi cái không thể nó trở thành xa lạ" (tr. 99).

Phần cuối của quyển thứ mười của *Đi-ô-gi-en La-ôc-xô*.

ÉPIQUYRA GỬI HÊ-RÔ-ĐỐT

[37] "Trước hết cần xác định chính xác những khái niệm được dùng làm cơ sở cho các từ ngữ tác động, để bằng cách quy những giả định, những tìm tòi hoặc những bàn khoăn của chúng ta vào những khái niệm ấy, chúng ta có thể giải quyết chúng và để trong những bằng chứng bất tận của chúng ta mọi cái không còn chưa được giải quyết hoặc để chúng ta không giới hạn ở những từ ngữ trống rỗng".

[38] "Đối vi, đối với mỗi tử, cần chú ý đến ý nghĩa đầu tiên và không tìm kiếm những bằng chứng nào cả nếu chúng ta muốn có cái điều mà chúng ta muốn quy tụ những tìm tòi. Những hạn khuôn hoặc những giới định của chúng ta vào đó" (tr. 30-31).

Điều quan trọng là trong tác phẩm "Siêu hình học" của mình A-ri-xtôt đưa ra cũng nhận xét như thế về quan hệ giữa ngôn từ với sự triết lý. Vì các nhà triết học cổ đại - không loại trừ cả các nhà triết học theo chủ nghĩa hoài nghi - đều xuất phát từ những tiền đề là nhận thức, cho nên cần có một chỗ dựa vững chắc. Đối với họ, chỗ dựa ấy là những quan niệm ở cái hình dạng mà nó tồn tại trong tri thức chung. Đ. pi-quya, là một nhà triết học quan niệm, ông tỏ ra thận trọng hơn cả về phương diện này, vì vậy ông đã xác định một cách chi tiết hơn các điều kiện mà cơ sở phải thoả mãn n. Ông đã tỏ ra triệt để hơn cả và, giống như các nhà hoài nghi, ông hoàn tất triết học cổ đại nhưng từ khía cạnh khác.

[39] "Tiếp nữa, cần nghiên cứu tất cả hoặc thông qua những cảm thụ bằng cảm giác, hoặc đơn giản bằng những quan sát trực tiếp hoặc bằng trí tuệ, hoặc là bằng tiểu chí khác nào đó. Công làm như vậy đối với những tâm trạng hiện hữu, để chúng ta có thể biểu thị ra cái được trông đợi, để dễ nhận biết. Sau khi phân tích tất cả những cái đó, cần chuyển sang xem xét cái chưa biết" (tr. 31).

"Không thể có chuyển một cái gì đó xảy ra do cái không tồn tại, về luận điểm này thì đã có sự nhất trí của tất cả những người nghiên cứu các vấn đề về thiên nhiên" (A-ri-xtôt. "Vật lý", qu. I, ch.3. - Bình luận của Hội đồng Cơ-lơ-ma, tr. 123-[123]).

"Bằng phương thức nào đó sự phát sinh diễn ra đơn giản từ cái không tồn tại, bằng phương thức khác thì sự phát sinh luôn luôn diễn ra từ cái tồn tại. Bởi vì cái gì tồn tại ở dạng tiềm ẩn, mà trong thực tế không tồn tại thì - như người ta nói - nó phải tồn tại trước cả hai phương thức đó"

(A-ri-xtôt. "Về sự xuất hiện và sự biến mất", qu. I, ch.3. - Bình luận của Hội đồng Cơ-lơ-ma, tr. 26)

[40] "Đi-ô-ri-en Lu-éc-xơ [29] "Về trụ đá từng luôn luôn ở trạng thái như hiện nay, và mãi mãi nó vẫn là như thế..." (tr. 31).

"Về trụ một phần là vật thể, một phần là khoảng trống (tr. 32f).

[41] "Trong số các vật thể có một số vật thể là những liên kết, còn những vật thể khác lại là cái tạo ra những liên kết." (tr. 32).

[42] "Những vật thể tạo ra thế giới ấy là không thể phân chia và không biến đổi nếu như tất cả không phải phân ra thành hư và có (tr. [32]-[33]). Và trụ là vô tận, bởi vì cái có giới hạn thì có một cái gì đó ở bên ngoài nó (tr. 33) Và trụ là vô tận vì nó có nhiều vật thể trong nó, cũng như vì quy mô không giới hạn tổng của nó" (tr. 33).

"Cái vô tận vượt trội và thủ tiêu cái hữu hạn" (A-ri-xtôt. "Vật lý, qu. III, ch. 6. - Bình luận của Hội đồng Cơ-lơ-ma, tr. 187]).

[Đi-ô-ri-en Lu-éc-xơ, X, 42] "chúng (nguyên tử) không nguyên tử là các không giới hạn xét theo tính đa dạng của các hình thái của nó" (tr. 34 - [34])

[43] "Các nguyên tử chuyển động luôn luôn, trong trạng thái vĩnh cửu", (tr. 34).

[44] "Và không có sự khởi đầu của nguyên tử (của sự chuyển động của các nguyên tử), bởi vì các nguyên tử vô khoảng trống đã tồn tại từ xưa" (tr. 36)

"Các nguyên tử không có một dấu hiệu chất lượng nào ngoài hình thái, quy mô và trọng lượng" (tr. 36).

"Chúng không thể có bất kỳ đại lượng nào: ít ra thì chưa có một nguyên tử nào là đối tượng cho cảm nhận thị giác" (tr. 33)

[46] "Và các thế giới thì có nhiều vô số" (tr. 36).

[46] "Có cả những dấu vết mà tốt theo về bố ngoài thì giống nhau và về vật thể rắn, nhưng xét về tính vi thì chúng vượt lên tất cả những gì mà cảm giác có thể cảm thụ được" (tr. 36).

"Chính những dấu vết ấy chuyển in lại là các hình tương *tabulae*" (tr. 36).

[48] "Ngoài ra (loại giả định) rằng sự xuất hiện những hình tương ấy diễn ra với tốc độ từ duy, vì quá trình diễn ra liên tục từ phần bên trong các vật thể không biểu hiện ra những dấu hiệu có thể thấy được" (tr. 37).

"Cũng tồn tại có những con đường khác làm xuất hiện các hiện tượng tự nhiên ấy, bởi vì trong đó không có gì mâu thuẫn với sự cảm thụ bằng cảm giác, nếu như ta lưu ý một cách xác định nên đó đến đối tượng cảm giác hiện diện mà ta quy vào đó những ấn tượng tương hợp này sinh bởi những đồ vật bên ngoài" (tr. 38).

[49] "Cần phải cho rằng khi có cái gì đó đến với ta từ những đồ vật bên ngoài thì chúng ta nhìn thấy và suy ngẫm những hình thức bên ngoài" (tr. 38).

[50] "Mọi ấn tượng đều là có thật nếu nó được cảm thụ bởi tư duy hoặc cảm giác, nhưng nó không trở thành đối tượng của sự suy đoán *rationis* (judicia). Sự từ chối về cái tâm, - nếu tâm tương không được xác nhận hoặc bị bác bỏ - luôn luôn thể hiện ở cái điều được chúng ta suy ngẫm như sự cảm động nội tại, sự vận động do tay gây ra như ý hướng nào đó muốn hình dung [cái hiện diện], nhưng đó sao nó cũng có phương châm của chính nó nhờ đó mà nảy sinh sự liên đới" (tr. 38).

[51] "Nhưng những sai lầm đã có thể không xảy ra nếu trong dấu hơ của chúng ta không xuất hiện một sự vận động khác nào đó gần [với ý hướng muốn hình dung cái hiện diện], nhưng có phương châm của chính mình" (tr. 39).

Chính do vậy [do sự vận động nội tại] liên với ý hướng muốn hình

dùng các hiện diện nhưng có phương châm của riêng mình, mà nảy sinh ra tư duy, mà tư duy này, một khi nó không được xác nhận hoặc bác bỏ thì nó sẽ là cái liên, nếu nó được xác nhận hoặc không bị bác bỏ thì nó là chân lý" (tr. 39-40).

[52] "Sự cảm thụ thuận giác cũng xuất hiện do có lượng gió nào đó thổi qua từ đó vật phát ra âm thanh v.v." (tr. 40).

[53] "Cũng như thế, đối với khứu giác cũng phải chấp nhận điều (mà tôi đã nói về thính giác)... " (tr. 41).

[54] "Tôi có mọi thuộc tính *en ergia* chúng ta vốn có của chúng (tức là của những nguyên tử), trong đó kể cả những thuộc tính đã được nói đến trên đây (nghĩa là *magnitudo, figura, pondus*...), cũng không biến đổi, cũng y như các nguyên tử không biến đổi, về đối tượng phương diện nào" (tr. 41).

[55] "Đó không mâu thuẫn với những hiện tượng nhìn thấy được thì không nên nghĩ rằng các nguyên tử có thể có bất kỳ một đại lượng nào. Song, nên giả định có một số khác biệt trong đại lượng của chúng, và khi có được điều đó thì có giải thích được và hơn điều diễn ra đối với các trạng thái tâm hồn cũng như đối với những cảm thụ bằng cảm giác" (tr. 42-43).

[56] "Ngoài ra, không thể giả định là một vật thể đơn hạn có thể có và về những phần cấu thành hoặc những phần liên thành ấy có bất kỳ một đại lượng nào" (tr. 43).

[57] "Cần giả định mọi sự chuyển động hướng lên trên vào chỗ bất tận cũng như một sự chuyển động khác hướng xuống phía dưới" (tr. 43).

Hãy xem phần cuối của trang 44 và phần đầu của trang 45, trong đó thật ra đã có sự vi phạm nguyên tắc nguyên tử và tính tất yếu nội tại được đưa vào chính các nguyên tử. Vì chúng có một đại lượng nào đó cho nên tất phải tồn tại tại một cái gì đó, nhỏ hơn chúng. Đó là những phần cấu thành chúng. Nhưng những phần cấu thành ấy nhất thiết phải cùng nhau

¹⁶ - đại lượng, hình thái, trong lượng (từ của Mân)

gian và không nên đưa ra ý kiến nào đó khác về thời gian, tưởng như thể thời gian cũng có một hạn nhất vắn có của tên gọi ấy... Nhưng cần chú ý hiểu rõ xem bằng cách nào chúng ta gần những đặc điểm cực bô với thời gian và bằng cách nào chúng ta đo lường thời gian”

[73] “Chúng ta cũng không cần đến sự chứng minh. mà chỉ cần có sự suy ngẫm rằng chúng ta gần thời gian với các ngày và các đêm và với những phần của ngày và đêm, giống như (chúng ta gần nó) với những tâm trạng của chúng ta và với sự thiếu vắng những tâm trạng ấy, bởi các trạng thái chuyển động và sinh lũng, đồng thời trong ý tưởng liên kết với tất cả những điều đó - coi đây là như một dấu hiệu đặc thù - chính các mặt chúng ta gọi là thời gian” (tr. 52-53) “. Tất cả chúng ta (các thế giới) đón lượt mình, lại tàn rã” (tr. 53).

“Và là cũng rõ thể hiện được sự khẳng định của ông (Ê-pi-quy) về tính chất bị phá hủy của các thứ gọi do hậu quả của những biến đổi trong các hệ phận của chúng (tổng cộng nói về điều này cả trong các quyển khác)” (tr. 53).

[74] Tiếp nữa, cũng không nên nghĩ rằng các thứ gọi phải có cùng một loại, mà [rất giản dị] rằng chúng khác biệt nhau” (tr. 53).

“Có các động vật rất yếu cũng không tách rời khỏi sự có tồn và không từ trên trời rơi xuống... [75]... cần giữ định rằng bản thân các đồ vật dù dấy và đổ hoặc thiếu nhiên di đến số nhiều như thể và đến sự đa dạng như thể [đến sự năng tạo]. Về sau từ đây nghiên cứu các đồ thiếu nhiên chuyển giao và còn làm phong phú thêm bằng những phát hiện của mình, trong một vài trường hợp thì nhanh hơn, trong những trường hợp khác thì chậm hơn, và từ đây đạt đến tri thức chính xác, trong một số lĩnh vực thì sau những thời kỳ dài hơn, trong những lĩnh vực khác thì sau những thời kỳ ngắn hơn” (tr. [53]-[54]).

Xem trang 54 (phần cuối) và trang 55 (phần đầu), trong đó có nói “về nguồn gốc của các tên gọi”.

[76] “Về những hiện tượng trên trời thì cần cho rằng sự chuyển động, vì

trị hiện diện, sự che lấp, [hiện tượng một tròn một], một triệ lên và những hiện tượng tương tự diễn ra tuyệt nhiên không phải là nhờ cơ chế sinh và sản dâ tưởng như thể chỉ phải các hiện tượng ấy, đưa chúng - hoặc đã đưa rồi - vào trật tự và đúng thời tại có được sự hoàn hảo hoàn toàn, đúng như có cơ sự bất tử”.

(Cần so sánh điều này với điều mà Xim-pi-xi nhân danh A-na-xa-go nói ra về “lý trí” đưa và trụ vào trật tự).

[77] “.. [vì những hành vi và những mối ưa tư, sự phần rã và sự dấy không hòa hợp với sự hoàn hảo, mà lại diễn ra do sự yếu đuối, bởi sự hãi và nhu cầu mà chúng phần nhiều gần [lớn, vào]. Cũng không nên nghĩ rằng vì điều này khó khăn và mâu thuẫn với [sự hoàn hảo], rằng những vật thể có được sự hoàn hảo để đẩy bản thân mình một cách tự ý vào những sự chuyển động ấy. Nhưng cần phải tuân thủ mọi sự tồn tại trong tất cả những sự hiểu biết đến những suy nghĩ ấy để sao cho chúng không tạo cơ cho những suy nghĩ nào đó mâu thuẫn với sự tồn tại. Nếu không đồng ý với điều đó thì chính mâu thuẫn ấy sẽ gây ra sự rối rối hết sức lớn cho những tâm hồn. Do đó, cần giữ định rằng ngay khi thế giới mới phải khai thì đã xuất hiện những sự hài hòa ban đầu của những loài động vật ấy, cũng như xuất hiện tính chất bất hoặc và định kỳ của sự chuyển động” (tr. 55 và 56)

Ở đây thể hiện nguyên tắc của cái hình dung được, để một mặt, khẳng định sự tự do của sự tự ý thức, mặt khác, để thừa nhận thượng đế được tự do không phụ thuộc vào bất kỳ nhân tố quyết định nào.

[78] “Sự hoàn hảo [là ở] sự hiểu biết những gì có liên quan đến các hiện tượng trên trời... và điều bất là ở sự nghiên cứu về bản chất của các thực thể vốn sát được trong mối liên hệ với những hiện tượng trên trời ấy, cũng như những gì liên quan đến những hiện tượng gần gũi khác điện ra hoặc bằng những phương thức khác nhau, hoặc là theo khả năng, hoặc

định giữa một bên là lửa và không khí với bên kia là tâm hồn, để chứng minh tính tương đồng giữa tâm hồn với thể xác, đồng thời có áp dụng - nhưng cũng loại bỏ - phương pháp loại suy; nói chung đó là phương thức nhận thức suy diễn. Như vậy là tất cả mọi định nghĩa cụ thể tư chúng sụp đổ, và thay vì sự phát triển ta chỉ thu được hồi âm đơn điệu.

[63] "Và công phái thừa nhận rằng tâm hồn là nguyên nhân chủ yếu nhất của sự cảm thụ hằng cảm giác"

[64] "Nhưng nó là ra đi không trở thành nguyên nhân do, nếu như nó không bị hao phí - có thể nói như thế - bởi khối cơ thể còn lại; khối cơ thể còn lại đã góp phần làm cho tâm hồn trở thành nguyên nhân do và chính nó tiếp thu từ tâm hồn năng lực đó (năng lực cảm nhận) song không phải tốt cả (cảm năng lực) mà tâm hồn có được; vì vậy khi tâm hồn tách ra thì thể xác mất đi năng lực cảm giác. Bởi vì tự bản thân nó không có được năng lực này, nhưng nó đã có được (thực tính lý là nhờ (thực thể) khác đã xuất hiện đồng thời với nó; thực thể ấy, như năng lực - được vận hành ra trong bản thân nó - đáp lại tức thời sự chuyển động, hằng những hiện tượng cảm giác. Nếu xét về khoảng cách gần (vicinity) và sự giống nhau, nó đã cung cấp năng lực ấy cho phần còn lại của thể xác" (tr. 48).

Chúng ta đã thấy rằng những nguyên tử - được xem xét một cách trừu tượng trong mối quan hệ của chúng với nhau, - chỉ là những cái tồn tại và được quan niệm một cách chung, và rằng chỉ trong sự xung đột với cái cụ thể mới phát hiện ra tính lý tưởng tưởng tượng của chúng và do đó là tính lý tưởng hỗn độn trong những mẫu thuẫn. Cũng thấy rằng khi chúng trở thành phương diện quan hệ, nghĩa là khi chúng ta chuyển sang các đồ vật chứa đựng trong bản thân chúng nguyên tắc và thế giới cụ thể của nguyên tắc (cái sinh động, cái có sinh khí, cái hữu cơ), - thì lĩnh vực quan niệm được tư duy lúc thì như là lĩnh vực tự do, lúc thì như là hiện tượng của cái gì đó mang tính chất lý tưởng. Do đó, sự tự do đó của quan niệm

chúng chỉ là một cái gì đó hình dung được, mang tính chất trực tiếp, được tưởng tượng ra, - cái đó, trong hình thái đích thực của nó, là cái mang tính chất nguyên tử. Do vậy, có thể lấy định nghĩa này làm định nghĩa kia, mỗi định nghĩa đó, bản thân nó lại đồng nhất với định nghĩa khác; nhưng trong quan hệ giữa chúng đối với nhau lại phải gần cho chúng cùng những định nghĩa như nhau tùy theo chúng được xem xét từ góc độ nào. Vậy là, sự giải quyết vấn đề là sự quay trở về sự định nghĩa ban đầu đơn giản nhất, sự định nghĩa ấy là lĩnh vực quan niệm được tưởng tượng như là một lĩnh vực tự do. Vì vậy ở đây sự quay trở về xảy ra với tổng hoà, với cái được quan niệm - là cái thật sự chứa đựng cái lý tưởng trong chính bản thân mình và là chính mình trong tồn tại của mình - cho nên ở đây nguyên tử được giả định dưới hình thái như nó có trên thực tế, trong tổng hoà những mẫu thuẫn của nó; đồng thời cũng làm sáng tỏ cơ sở của những mẫu thuẫn ấy, sự tồn tại coi quan niệm cũng là tính lý tưởng tự do, nhưng chỉ trong hình thái quan niệm. Do đó, nguyên tắc tuy tiện tuyệt đối, ở đây, đã bộc lộ ra với tất cả mọi hậu quả của nó. Trong hình thái thấp nhất điều đó đã bộc lộ đối với nguyên tử. Vì tồn tại nhiều nguyên tử, cho nên cái đơn nhất chứa đựng trong bản thân mình sự khác biệt với số nhiều; như vậy, nó là cái số nhiều trong bản thân của nó. Nhưng đồng thời cái đơn nhất chứa đựng trong định nghĩa nguyên tử; do vậy, cái số nhiều trong nó, một cách tất yếu và nội tại, hoá ra lại mang tính đơn nhất nào đó; nó là như thế chỉ vì nó tồn tại. Song, đã cần phải giải thích, chính là đối với thế giới, xem bằng cách nào mà thế giới, phát khởi từ một nguồn gốc, lại tự do mở rộng thành cái số nhiều. Do đó, giả định điều mà chính là cần phải chứng minh: bản thân nguyên tử là cái cần được giải thích. Sau đó, sự khác biệt của tính lý tưởng được đưa vào chỉ bằng con đường so sánh; tự bản thân hai phía đó được thể

hiện trong cùng một định nghĩa, và bản thân tính lý tưởng vẫn lại được giả định ở chỗ nhiều nguyên tử ấy được kết hợp lại xét về bên ngoài, ở chỗ chúng là nguyên tắc của những sự kết hợp ấy. Vậy là, nguyên tắc của sự kết hợp ấy là cái mà ban đầu đã được kết hợp trong bản thân mình một cách vô nguyên cớ, nghĩa là bản thân đối tượng được giải thích lại được xem là sự giải thích, đối tượng ấy bị đẩy vào cõi xa xăm mờ mịt của sự trừu tượng suy diễn. Như đã nói, cái đó chỉ hợp lý, với toàn bộ quy mô của nó, trong sự xem xét cái hữu cớ.

Cần nêu lên rằng tâm hồn v.v., tiêu vong và vắng tăm hẳn tồn tại chỉ là nhờ sự hòa trộn ngẫu nhiên, và điều đó nói chung thể hiện tính ngẫu nhiên của tất cả những quan niệm đó, ví dụ, những quan niệm về tâm hồn v.v., những quan niệm ấy ở dưới dạng chúng được thể hiện trong ý thức thường nhật, không mang tính chất tất yếu, còn ở Ê-pi-quy-ra thì những quan niệm ấy được thực thể hoá như là những trạng thái ngẫu nhiên được coi là những trạng thái cố sẵn, hơn nữa tính tất yếu của chúng, tính tất yếu của sự tồn tại của chúng chẳng những không được chứng minh, mà ngược lại, còn được thừa nhận là không thể chứng minh được, chỉ là có khả năng. Ngược lại, tồn tại tự do của quan niệm được coi là có tồn tại; thứ nhất, tồn tại đó chính là tồn tại tự do trong bản thân nó nói chung; thứ hai, với tư cách là tự do và tự do của cái được quan niệm, tồn tại ấy hòa ra là sai lầm và cái không có thật, nghĩa là một cái gì đó không nhất quán, bóng ma, một sự lừa dối xét về thực chất. Nói đúng ra, tồn tại ấy thể hiện sự đòi hỏi phải có những định nghĩa cụ thể về tâm hồn v.v., như là những tư duy nội tại. Công lao vĩnh hằng và sự vĩ đại của Ê-pi-quy-ra là ở chỗ ông không dành ưu tiên cho những trạng thái so với những quan niệm và cũng không cố gắng bảo vệ chúng. Nguyên lý của triết học Ê-pi-quy-ra là ở chỗ chứng minh rằng thế giới và tư duy là một cái gì đó có thể hình

dung được, có thể có; mà luận cứ và nguyên tắc dùng làm cơ sở chứng minh cho điều đó và quy tụ mọi cái vào đó vẫn lại là bản thân [khả năng tồn tại cho bản thân mình] được biểu thị trong tự nhiên bởi nguyên tử, còn sự biểu hiện tính thần của nó là sự ngẫu nhiên và sự tùy tiện. Cần làm rõ một cách chính xác hơn để thấy rằng tất cả những định nghĩa về tâm hồn và thể xác thay đổi chỗ cho nhau và rằng chúng tỏ ra tương đồng với nhau theo nghĩa xấu là nói chung phía này cũng như phía kia không được xác định qua những khái niệm. Hãy xem phần cuối của trang 48 và phần đầu của trang 49 [X, 65-66]: Ê-pi-quy-ra đứng cao hơn phải hoài nghi ở chỗ là theo quan điểm của ông thì chẳng những các trạng thái và các quan niệm được giải quyết thành điều hư vô, mà cả sự cảm thụ chúng, tư duy về chúng và những suy xét về sự tồn tại của chúng - được mở đầu từ cái gì đó vững chắc - cũng chỉ là điều gì đó có thể có mà thôi.

[67]: "Không thể hình dung các hư vô như là cái phi vật thể tự nó, người trừ sự trống rỗng. Quan niệm không hình dung các phi vật thể: quan niệm về cái đó là sự trống rỗng và bản thân nó cũng trống rỗng".¹⁾ Không trống rỗng không thể tác động, cũng không thể chịu sự tác động, mà chỉ để cho các vật thể chuyển động xuyên qua nó" (tr. 48)

"Như vậy, những kẻ khẳng định rằng tâm hồn là phi vật thể thì họ nói điều nhảm nhí" (tr. 49-50).

Cần nghiên cứu điều nói trên ở trang 50 và ở phần đầu trang 51 [X, 69], trong đó Ê-pi-quy-ra nói về các định nghĩa về những vật thể cụ thể và trong đó ông tưởng như thể bác bỏ nguyên tắc nguyên tử khi ông khẳng định:

¹⁾ Trong bản viết tay của trung ngoại do Mác với hàng tiếng Đức.

[69] "Tồn tại vật thể nhà tất cả [những thuộc tính] ấy mà có được bản chất đặc biệt của mình, bản chất đặc trưng cho nó, song không phải với tư cách là sự liên kết nào đó những thuộc tính ấy, giống như khi một khối lèn được tạo thành từ những đồng hạt bụi nhỏ, nhưng chỉ nhờ tất cả [những thuộc tính] ấy - như tác giả nói - mà nó có được bản chất đặc biệt của mình, bản chất vốn có của nó. Tuy nhiên, tất cả [những thuộc tính] ấy được nhận thức riêng biệt và khác biệt [nhau], nhưng trong quá trình này luôn luôn hiện diện quan niệm về cái chính thể không tách rời những thuộc tính ấy ở bất cứ nơi nào, và chính quan niệm về tổng thể tạo cho vật thể có được ký hiệu đặc biệt" (tr. 60 - 61).

[70] "Tiếp nữa, kết hợp với những vật thể thường có những dấu hiệu không phải là những thuộc tính ổn định, dĩ nhiên, trong số những dấu hiệu ấy có một số thường là không trông thấy được và là phi vật thể như vậy, bằng việc sử dụng tư duy lý theo cách đúng phổ biến nhất, chúng ta chỉ rõ rằng một mặt những dấu hiệu ấy không có được bản chất của chính thể mà chúng ta gọi là vật thể, theo ý nghĩa là tổng thể, và mặt khác, chúng không có được bản chất của những thuộc tính đặc biệt đi kèm mà nếu không có chúng thì không thể hình dung được vật thể" (tr. 61).

[71] "Cần hiểu chúng như chúng đã biểu hiện ra, nghĩa là như những dấu hiệu ngẫu nhiên của các vật thể, không phải là [những dấu hiệu] đặc trưng đặc biệt đi kèm không phải là những dấu hiệu tự bản thân chúng có được bản chất cố thể chứ, nhưng chúng được xem xét theo cách là bản thân sự cảm thụ bằng cảm giác đã làm lộ ra sự đặc thù của chúng" (tr. 62).

B. pi-quya nhận thức hết sức rõ ràng sự đầy đủ bất nguồn từ quy luật của nguyên tử, từ sự di chuyển khỏi tuyến thẳng. Chỉ ít Lu-cre-xơ cũng đưa ra tư tưởng cho rằng không nên hiểu điều đó một cách hơi hợt theo ý nghĩa là tưởng như chỉ

bằng cách đó các nguyên tử mới có thể gặp nhau trong sự chuyển động của mình. Sau khi nói ở đoạn trên rằng nếu không có sự di chuyển hướng của nguyên tử thì "ở những nguồn ban đầu đã không diễn ra những sự gặp gỡ nào, những đã thúc đẩy mao cầu" [qu. II, câu thơ 228], thì tiếp đó ông nói:

"Nên tôi và những sự chuyển động tạo ra một chuỗi liên tục"

Và nếu trong những chuyển động ấy, sự chuyển động này nảy sinh từ sự chuyển động khác theo trình tự nào đó,

Và nếu những nguồn ban đầu không thể, bằng con đường đi chính hướng, xảy ra những sự chuyển động khác phân bổ định mệnh của những quy luật,

Đã nguyên nhân không mới tiếp nguyên nhân nhất tự mình muốn thoát,

Như ở các sinh vật trên trời cao,

Lý giải ra do đó xuất hiện như thể nào có sự dẫu,

Một sự chỉ không khuấy phục định mệnh!"

[“Về bản chất của các sự vật”] qu. II, câu sáu thơ 251 và tiếp theo.

Ở đây sự chuyển động khiến cho các nguyên tử có thể gặp nhau được xem là khác với sự chuyển động phát sinh từ sự di lệch hướng. Sau đó, nó được xác định như một sự chuyển động mang tính quyết định tuyệt đối, - như vậy, như là sự tước bỏ tính tự nó, cho nên mọi định nghĩa thể hiện tồn tại cụ thể của mình trong tồn tại khác trực tiếp của mình, trong sự tước bỏ mình, đó là tuyến thẳng đối với nguyên tử. Chỉ nhờ sự lệch hướng mới nảy sinh sự chuyển động và thể, đó là quan hệ mà tính xác định của nó là tính xác định của bản thân nó, chứ nó không nảy sinh từ một quan hệ khác.

Liệu Tap-cre-xơ có vay mượn quan điểm đó của Ê-pi-quyra hay không thì thật ra điều này cũng không quan trọng. Kết luận - được rút ra qua việc xem xét sự hất dấy - cho rằng nguyên tử, với tư cách là hình thức trực tiếp của khái niệm, được khước từ hoà chi trong sự khiếm diện trực tiếp của các khái niệm. nó được áp dụng cho cả ý thức triết học, mà đối với ý thức này thì nguyên lý này lại là thực chất của nó.

Đồng thời điều đó cũng biện minh cho việc tôi đã coi là hợp lý nếu xác lập một sự phân định hoàn toàn khác với sự phân định của Ê-pi-quyra.

TRIẾT HỌC Ê-PI-QUYRA

Tập thứ hai

I. DI-Ô-GIEN LA-ÊC-XƠ, QU.X

II. XÊCH-XTƠ EM-PI-RÍCH

III. PLU-TÁC-XƠ. "BẢN VỀ VIỆC ĐI THEO Ê-PI-QUYRA
THÌ KHÔNG THỂ SỐNG HẠNH PHÚC"

DI-Ô-GIEN LA-ÊC-XƠ, QUYỂN THỨ MƯỜI. BÌNH
LƯỢNG CỦA GẠT-XĂNG-DI

Ê-PI-QUYRA GỬI HÈ-RÔ-ĐỐT. PHẢN TIẾP THEO

[72] "Không thể nghiên cứu thời gian theo cách như chúng ta nghiên cứu những thuộc tính khác có trong đồ vật. cụ thể là qua việc gắn chúng với những dữ kiện có trong bản thân chúng ta, mà cần xem xét tính biến thiên theo đó chúng ta nói đến thời gian kéo dài hoặc thời gian ngắn. Và cũng không cần áp dụng những phương thức lừa dối mà tưởng như thể lợi hơn, mà nên sử dụng những từ ngữ thông thường nhất để biểu thị thời

giữa là không nên đưa ra ý kiến mà đã khác về thời gian, tưởng như thế thời gian cũng có một bản chất vốn có của tên gọi nó. Nhưng vấn đề yếu hèn mà xem bằng cách nào chúng ta phân những đặc điểm của lời nói thời gian và bằng cách nào chúng ta đo lường thời gian."

[73] "Chúng ta cũng không cần đến sự chừng mực, mà chỉ cần có sự suy ngẫm rộng chúng ta gần thời gian với các ngày và các đêm của nó những phần của ngày và đêm, giống như chúng ta gần nó với những mùa trong của chúng ta là một sự thiếu sót nhưng tạm thời. và các trạng thái chuyển động là thật đáng, dùng thời trong ý tưởng làm kết quả với các những điều đó - và đây là như một dấu hiệu đặc biệt - chính các mà chúng ta gọi là thời gian" (tr. 52-53) * - và cả chúng ta trở về thời gian đến lượt mình, lại làm ra" (tr. 53)

"Vậy là cũng có thể hiểu được sự khẳng định của ông (É-pi-cuy) về tính chất là phổ biến của các thế giới do hậu quả của những biến đổi trong các bộ phận của chúng lòng cũng nói về điều này cả trong các (xem khác)" (tr. 53).

[74] "Tiếp nữa cũng không nên nghĩ rằng các thế giới phải là cùng một loại, mà (còn) để định rằng [chúng khác biệt nhau]" (tr. 53)

"Cứ cho rằng vật tại yếu cũng không làm ra khác sự có tồn và không từ trên trên tới xuống..." [75] - còn giữ định rằng bản thân các vật vật đã thay đổi do biến thiên thiên từ đến và ngược lại như thế và đến sự đã động như thế (lên và xuống) Về vấn đề này nghiên cứu của đã thiếu nghiên chuyển giao và các làm phong phú thêm bằng những phát hiện của mình. trong một số là đúng hợp thì nhanh hơn, trong những trường hợp khác thì chậm hơn, và từ đây đặt đến từ thời gian các, trong một số lĩnh vực thì sau nhiều thời kỳ dài hơn, trong những lĩnh vực khác thì sau những thời kỳ ngắn hơn" (tr. [53]-[54])

Xem trang 54 (phần cuối) và trang 55 (phần đầu), trong đó có nói "về nguồn gốc của các tên gọi".

[76] "Về những biến thiên trên trời thì cần cho rằng sự chuyển động, vì

trị biến thiên, sự che lấp, thiếu vắng, mùa xuân mùa hè, mọi thứ lên và xuống trên tương đương từ trên ra tuyết nhằm không phải là mùa xuân mới sinh ra từ mùa đã xuống như thế cho phù hợp các biến thiên ấy, đưa chúng - hoặc đã đưa ra - vào trật tự có đúng thức tại và được sự hoàn hảo hoàn toàn, đúng thức có cả sự bất tử."

(Cần so sánh điều này với điều mà Xim-phi-xi nhân danh A-na-xa-go nói ra về "lý trí" đưa và trở vào trật tự).

[77] " - (v) những hành vi và những mục tiêu, sự phân bổ và sự dự đoán không phù hợp với sự hoàn hảo, mà lại dựa vào đa số và xấu được, mỗi sai lầm và như vậy mà chúng phân nhiều gần liền - vậy). Cũng không nên nghĩ rằng vì điều này mà họ không và mỗi thuận lợi (sự hoàn hảo), rằng những vật thể có được sự hoàn hảo đã đầy bản thân mình một cách tự ý và những sự chuyển động ấy. Nhưng cần phân biệt theo mọi sự tàn khốc trong tất cả những sự biến thiên đến những suy nghĩ ấy để tạo cho chúng không tạo ra cho những suy nghĩ nào đã mâu thuẫn với sự tồn tại. Nếu không đúng ý vào điều đó thì chính mỗi thuận lợi sẽ gây ra sự bất lợi từ từ từ cho chúng làm hơn. Vì đó, vấn đề định rằng ngay khi thế giới mà phù hợp thì đó xuất hiện những sự kết hợp hạn chế còn những khi đúng đặc ấy, cũng như các biến thiên khác bất định và định kỳ của sự chuyển động" (tr. 53 và 56)

Ở đây thể hiện nguyên tắc của cái bình dung được, để một mặt, khẳng định sự tự do của sự tự ý thức, mặt khác, để thừa nhận thượng đế được tự do không phụ thuộc vào bất kỳ nhân tố quyết định nào.

[78] "Sự hoàn hảo [là ở] sự hiểu biết những sự liên quan đến các biến thiên trên trời... và điều biệt là ở sự nghiên cứu về bản chất của các thực thể quan sát được trong mối liên hệ với những biến thiên trên trời ấy, cũng như những gì liên quan đến những hiện tượng gần gũi khác điển ra hoặc bằng những phương thức khác nhau, hoặc là theo khối nặng, hoặc

là theo một phương thức nào khác đó [esse...id, quod p[er] uribus modis fieri] diatut, et non uno modo necesse contingere: et posse alio quocumq[ue] modo se habere”¹⁶; nhưng nếu đúng hơn, có một quy tắc tuyệt đối là trong thiên nhiên không thể bị phá vỡ và đây hoàn toàn là không thể có cái gì vô khả năng gian vào sự bất hòa hoặc phá vỡ trạng thái a-ta-rắc-xi. Và có thể tin chắc rằng điều đó tuyệt đối là như vậy nếu như suy nghĩ” (tr. 56).

Tiếp đó, ở tr. 56 và 57 Ê-pi-quyra phát biểu chống lại sự chiêm ngưỡng vô nghĩa -kinh ngạc trước những vật thể trên trời, một sự chiêm ngưỡng trời chật con người và gây nỗi sợ hãi cho họ. Ông khẳng định sự tự do tuyệt đối của tinh thần.

[80] “Tiếp nữa, cần tránh định kiến cho rằng sự nghiên cứu những hiện tượng ở trên bầu trời là không chính xác và không tinh tế, vì sự nghiên cứu ấy đưa chúng ta đến trạng thái a-ta-rắc-xi và sự hoàn lạc. Như vậy, xét thấy rằng ở trên trần gian của chúng ta thường hay xuất hiện hiện tượng tương đồng, nên phải tin kiến - do sự tương đồng với điều đó - những nguyên nhân của các hiện tượng trên trời và (hết chung) của tất cả những gì ẩn giấu đối với chúng ta” (tr. 57).

[81] “Ngoài ra có những điều đó ra, còn cần phải lưu ý đến một điều là sự hồi rớt to lớn nhất của tâm hồn con người xảy ra vì lý do là con người biến các vật thể trên trời là hoàn lạc và không bị phá vỡ, và đúng thời con người gán cho những vật thể ấy những nguyên vọng và những hành động mâu thuẫn với các thuộc tính ấy: cũng như vì lý do là con người chịu nhận được nỗi sợ hãi từ các thần thoại (cộng thêm vào đó còn có nỗi sợ hãi cái chết và trạng thái vô cảm giác gắn liền với cái chết: [anxi hui] vì lý do là họ tuân theo những sự giải thích không đúng.... Vì thế, không xác định được xem thật ra cái gì là đáng sợ, họ đã rơi vào trạng thái tâm hồn bất ổn như thế, có khi còn bất ổn hơn là nỗi sợ hãi và điều mà họ đã nghĩ

¹⁶ Trong bản viết tay, Mốc ghi lại ở trong ngoặc câu bằng tiếng La-tinh, do Gât-sông-đi dịch: câu bằng tiếng Hy Lạp đã dẫn ra ở trên.

ra. [82] Sự thanh thản chính là kết quả của sự hoàn toàn thoát khỏi mọi cái đó...” (tr. 57-58)

“Vì vậy, cần phải chú ý đến cái đang tấn công và đến những sự cảm thụ bằng cảm giác: đến cái chung đối với cái chung và đến cái riêng đối với cái riêng, cũng như đến mọi tính hiện nhiên hiện hữu đối với từng từng chỉ có biệt” (tr. 58).

Ê-PI-QUYRA GỬI PI-PHỐC-CLO

Trong phần đầu ý kiến suy xét của mình về các hiện tượng trên trời Ê-pi-quyra nhắc lại rằng mục đích của điều đó là

“Những tri thức - trạng thái a-ta-rắc-xi và niềm tin vững chắc, như điều đó đã xảy ra đối với toàn bộ tài còn lại” [X, 85].

Song, thực ra sự nghiên cứu các vật thể trên trời khác biệt với môn khoa học khác.

[86] “Và không nên áp dụng, đối với mọi cái, phương pháp nghiên cứu giống như phương pháp được áp dụng trong các vấn đề về chuẩn mực cuộc sống hoặc trong việc xác lập các quy tắc giải quyết những vấn đề vật lý khác, ví dụ như tuân theo cho rằng sự tru giảm các vật thể và thiên nhiên không cảm nhận được” (tức là không trông thấy) “hoặc cho rằng có những hành vi bất khả phân chia vẫn vậy, rằng giả định chỉ có một sự giải thích phù hợp với những hiện tượng nhìn thấy được [quonquam uno tantum modo rebus apparentibus congruat]”. Đối với các vật thể trên trời thì điều đó không áp dụng được đối với chúng. Trái lại, chỉ có thể những hiện tượng ấy giải thích nhiều sự giải thích khác nhau, về nguyên nhân sự xuất hiện của mình, cũng như ở bản chất của mình - những sự giải thích phù hợp với sự cảm thụ bằng giác quan” (tr. 60 và 61).

Đối với phương pháp trình bày của mình thì Ê-pi-quyra cho

¹⁷ Trong bản viết tay, trong ngoặc là đoạn Mốc là hiện đoạn dịch ra bằng La-tinh, do Gât-sông-đi thực hiện, câu bằng tiếng Hy Lạp được dẫn ra ở trên.

rằng điều quan trọng, theo ý kiến của ông, là những vật thể vũ trụ - với tư cách là một cái gì đó xa lạ đối với cảm giác - không thể có khả năng có được mức độ hiển nhiên như phần thể giới tinh thần và cảm giác còn lại. Ở đây, trên thực tế đã có hiệu lực của học thuyết É-pi-quy-va về *disjunctio*¹⁹, cho rằng không thể có chỗ cho "hoặc là - hoặc là", do vậy, tính xác định nội tại bị phủ định và nguyên lý về cái hình dung được, cái quan niệm được, về sự ngẫu nhiên, sự tương đồng trừu tượng và về tự do trừu tượng đã bộc lộ thực thể của mình, nó hiện ra như là cái gì đó không có tính xác định, cái đó chính nhờ vậy mà được xác định bởi sự tự hiện có tính chất bổ ngoài đối với nó. Ở đây thấy rõ là phương pháp của ý thức tư duy và quan niệm chỉ đấu tranh với cái bóng của chính mình; cái bóng sẽ như thế nào, - điều đó tùy thuộc vào việc người ta nhìn vào nó như thế nào, vào việc cái phản chiếu - từ hình phản chiếu đó của mình - sẽ được phản chiếu trở lại như thế nào trong bản thân mình. Cũng như trong việc xem xét cái hữu cơ tự nó, trong *hình thái thực thể*, ta thấy bộc lộ tính chất mâu thuẫn của quan điểm nguyên tử luận, - cũng như vậy giờ đây, khi bản thân đó vật mang hình thái tính xác thực cảm giác và lý trí quan niệm, cái ý thức triết lý ấy làm lộ ra cái mà nó làm. Ở đây nguyên lý được quan niệm và việc áp dụng nó được khách thể hoá như là cái gì đó đơn lẻ, và nhờ vậy mà khơi dậy sự đấu tranh giữa các mâu thuẫn như là sự đối kháng của chính bản thân các quan niệm được thực thể hoá. Ở đây đó vật, có thể nói là treo trên đầu con người, ở đây nó thách đố ý thức bằng tính độc lập của mình, bằng sự độc lập cảm giác và bằng khoảng xa cách bí ẩn

¹⁹ - sự suy xét có tính chất tách

của sự tồn tại của mình, - ý thức đi đến sự thừa nhận hoạt động của mình, nó chiêm ngưỡng cái nó đang làm, làm rõ ý nghĩa của những quan niệm đó tồn tại trước đó trong nó và coi chúng là tài sản của mình. Nên nhớ, toàn bộ hoạt động của ý thức chỉ là sự đấu tranh với khoảng cách xa để nâng như lời nguyên rủa treo trên đầu toàn thể giới cổ đại: nguyên tắc của ý thức hòa ra chỉ là khả năng, sự ngẫu nhiên; ý thức cố gắng bằng cách nào đó thực hiện sự quy đồng bản thân mình với đối tượng của mình và thừa nhận điều đó, trong khi khoảng cách xa ấy mâu thuẫn với ý thức, với tư cách là những vật thể vũ trụ độc lập một cách cụ thể. Ý thức không cần biết phải giải thích chúng như thế nào; ý thức khẳng định rằng có thể không chỉ một sự giải thích mà là một vài sự giải thích, nghĩa là mọi sự giải thích đều làm nó thỏa mãn; như thế, nó thừa nhận rằng hoạt động của nó là sự hư ảo đang hành động. Vậy là, trong thế giới cổ đại-mà triết học của nó không thể bỏ qua các tiền đề - các hiện tượng vũ trụ và học thuyết về các hiện tượng ấy nói chung là hình ảnh mà trong đó thế giới ấy, thậm chí ngay cả thông qua Á-ri-xtôt, chiêm ngưỡng sự không hoàn hảo của mình. É-pi-quy-va đã nói ra điều đó, đó chính là công lao của ông, là tính nhất quán gang thép của các quan điểm và các kết luận của ông. Các hiện tượng vũ trụ thách đố lý trí cảm giác, nhưng lý trí thắng sự cố chấp của chúng và muốn rằng chỉ có tiếng nói của chính lý trí loan báo về chúng mà thôi.

[66] "... Vì cần phải tiến hành nghiên cứu thiên nhiên không phải dựa trên những định lý rộng tuếch và những quy luật, mà mỗi lần đều phải nghiên cứu theo cách mà bản thân các hiện tượng thiên nhiên mặc bảo ...

[67] Cuộc sống của chúng ta bị phỏng dẫn đến những suy luận về lý và

những giá trị định sẵn trước, mà cần đến (điều) sau đây. làm sao chúng ta sống bình yên" (tr. 61).

Ở đây bản thân tiến để đối lập mình với ý thức thực sự, gây nên sự khằng khiếp cho nó, cho nên không cần có thêm những nguyên lý và tiến để nào nữa. Trong sự khằng sợ sự quan niệm bị tấn lại đi.

Vì vậy Ê-pi-quy-a nhắc lại - tựa hồ như phát hiện ra chính bản thân mình trong nguyên lý ấy - luận điểm sau đây:

[87] "Vả là mọi cái đều không ngừng diễn ra trong tất cả các hiện tượng thuộc khoảng không vũ trụ, tuy bằng phương pháp cho phép có những sự giải thích khác nhau hoàn toàn phù hợp với những hiện tượng nhìn thấy được nếu còn thêm hiệu lực của tất cả những gì khằng định vô chúng với tính không phù hợp đó. Nếu như ta để lại cái này, nhưng loại bỏ cái kia - cũng phù hợp ở mức độ như thế với các hiện tượng - thì rõ ràng trong trường hợp này người ta đã hoàn toàn xa rời tính vượt khoa học về thiên nhiên và rơi vào lĩnh vực những thần thoại" (tr. 61).

Một câu hỏi đặt ra là trong trường hợp này làm cách nào để kiến tạo được sự giải thích.

[87] "Những chỉ dẫn nào đó cho thấy điều gì thật sự diễn ra trong các khoảng không vũ trụ thì chúng ta có được nhờ những hiện tượng dưới đất này họ bao quanh chúng ta và được mô tả cho sự quan sát hoặc là những hiện tượng trực tiếp có sẵn, cũng như nhờ chính các hiện tượng thuộc các khoảng không gian vũ trụ. Bởi vì những hiện tượng ấy có thể phát sinh bằng nhiều phương thức khác nhau. [88] Song cần quan sát mỗi hiện tượng (vũ trụ) dưới dạng mà chúng ta quan niệm và cần giải thích tất cả những gì liên quan đến hiện tượng ấy. Điều đó không được mâu thuẫn với sự đa dạng của những hiện tượng diễn ra (trên trái đất)" (tr. 61).

Đối với người theo quan điểm của Ê-pi-quy-a thì tiếng nói

của chính ông làm cảm bật những tiếng sấm rền vang trên trời, chu lấp ánh chớp lóe sáng của tia sét trên trời. Chỉ riêng sự lặp lại một cách đơn điệu cung chứng tỏ rằng Ê-pi-quy-a đã gán một ý nghĩa như thế nào cho phương pháp giải thích mới của mình, đã cố gắng loại trừ cái lý diệu, kiên trì đòi áp dụng không phải một mà là một số sự giải thích, bản thân ông đã cho chúng ta thấy những kiểu mẫu hết sức khinh suất của những sự giải thích ấy về tất cả mọi cái; Ê-pi-quy-a hầu như nói toạc ra rằng khi tuyên bố thiên nhiên là tự do thì ông chỉ quý trọng tự do của ý thức. Bằng chứng duy nhất khi giải thích là không để "bị bác bỏ" bởi tính hiển nhiên cảm giác và bởi kinh nghiệm, bởi các hiện tượng, bởi vẻ bề ngoài, vì nói chung vấn đề chỉ đổ dồn về bề ngoài của thiên nhiên.

Tất cả những luận điểm ấy lại được lặp lại.

VỀ SỰ XUẤT HIỆN CỦA MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG

[90] "... vì quan đó sự cảm thụ bằng cảm giác mãnh liệt về điều này" (tr. 63).

VỀ QUY MÔ CỦA MẶT TRỜI VÀ CỦA CÁC CHOM SAO

[91] "... và cả những gì mà chúng ta (trên trái đất)... cảm thụ được như các giác" (tr. 63)

VỀ SỰ MỘC VÀ LẠN CỦA CÁC CHOM SAO

[92] "... vì không một hiện tượng nào mâu thuẫn" (tr. 64).

VỀ SỰ MỘC VÀ LẠN CỦA MẶT TRỜI VÀ MẶT TRĂNG

[93] "Vả tất cả cái đó và cái tương tự không mâu thuẫn với bất kỳ một hiện tượng hiển nhiên nào nếu chúng ta nghiên cứu tất cả mọi chi tiết của các vấn đề như vậy ta tuân theo cái có khả năng và làm cho mỗi chi tiết phù hợp với những sự quan sát, không khiếm sự trước những trở ngại thuật toán tính chất nó lệ của các nhà thiên văn" (tr. 181) - 65).

VỀ THIẾT HẠI VÀ LỢI LỘC CỦA MẶT TRĂNG

[94] ... và bằng đủ mọi phương pháp mà theo đó nó được hình thức như vậy cho những hiện tượng diễn ra nơi chúng ta (trên trái đất), nên như - trong lúc khi cuốn hút vào mỗi sự rơi lệch - không khước từ một cách diễn tả những sự giải thích khác và không loại ra sự tìm kiếm gì của người có thể tiếp cận và cái gì không thể tiếp cận được, và vì thế mà hướng tới việc làm rõ cái không thể có được (tr. 65).

VỀ NHỮNG NÉT HÌNH DUNG ĐƯỢC CỦA ĐIỆN MẠO TRÊN MẶT TRĂNG

[105] "... và bằng đủ mọi phương pháp vì chúng phù hợp với các hiện tượng. [98] Bởi vì khi nghiên cứu mọi hiện tượng và sự vận động của chúng ta trên con đường nêu trên. Vì nếu đi vào sâu hơn với những sự thật hiển nhiên thì sẽ không bao giờ đạt được trạng thái á-tư-rắc-xi chân chính" (tr. 86).

Điều đặc biệt quan trọng là xua đuổi tác động mang tính thần thánh, thần học đối với tính chất định kỳ của các hiện tượng; đồng thời, ở dạng thuần khiết, người ta thấy rằng sự giải thích chỉ là sự tự nhận thức của ý thức, còn thực chất của sự việc thì bị thần bí hóa.

[87] ... phải hiểu rõ, theo sự tương đồng với một số những hiện tượng diễn ra cả ở nơi chúng ta (trên trái đất), nhưng tuy nhiên không được làm cho thiên nhiên mang tính thần thánh có liên quan với chúng, thiên nhiên ấy phải ở trong trạng thái hoàn toàn tự do không vướng vào các công việc ở trong trạng thái hoàn toàn hoàn hảo. Vì nếu điều đó sẽ không được thực hiện thì mọi sự giải thích các hiện tượng và sự vận động thành các chu kỳ ba hoa, như đã xảy ra với một số người đã không quản triệt phương pháp giải thích các hiện tượng với sự chấp nhận những khả năng khác nhau và vì thế họ đã rơi vào tình trạng giống giáo và học, nghĩ rằng sự họ như các hiện tượng chỉ cho phép có một sự sự giải thích, còn họ lại nói về những sự giải thích khác có thể chấp nhận được, như vậy, họ rơi vào tình vụ phi

lý và tỏ ra không có khả năng, bằng các nhìn trí tuệ, bao quát tất cả các hiện tượng cụ thể cần được xem là các ký hiệu và họ không muốn chúng chúng vui với thượng đế (tr. 88) - 89).

Những suy xét này được lặp lại nhiều lần, gần như cũng vẫn bằng những từ như nhau khi ông nói:

[98] Về sự thay đổi độ dài của đêm và ngày (tr. 87).

[98] Về những điều báo trước (tr. 87).

[99] Về nguồn gốc các đám mây (tr. 68).

[100-101] Về nguồn gốc của sấm và sét (tr. 68-69).

Chẳng hạn, về tiếng rền vang của sấm ông nói như sau:

[104] "... có thể có cả nhiều phương pháp khác để giải thích các hiện tượng rền vang của sấm, miễn là chúng ta sẽ quan sát mỗi cách thích đáng các không có thần thoại nếu chúng ta sẽ quan sát mỗi cách thích đáng các hiện tượng nhìn thấy được và từ chúng rút ra những chỉ dẫn để giải thích những hiện tượng không nhìn thấy được" (tr. 70)

Sau khi ông đưa ra nhiều sự giải thích về động đất, ông thường có thói quen nói thêm:

[106] "Và bằng những phương pháp khác" và v.v. (tr. 71).

VỀ BAO CHỐI (tr. 73)

[112] "... điều này có thể giải thích cả bằng nhiều phương pháp khác nếu như đưa ra những suy lý phù hợp với các hiện tượng được quan sát".

VỀ CÁC NGÔI SAO TĨNH VÀ DI ĐỘNG

[113] "... Giải thích những hiện tượng kỳ hoàn toàn chỉ bởi một nguyên nhân, trong khi đó các hiện tượng nhìn thấy được đòi hỏi phải thừa nhận khả năng có nhiều nguyên nhân khác - như thế, sẽ là sự điên rồ, hành

đồng không dùng chỗ của những kẻ sinh màm thiên văn hỏa điện, họ gán một rạch bả học, các nguyên nhân cho những hiện tượng này khác mà lại không làm cho thiên nhiên mang tính thần thánh thoát khỏi những bốn phần năng nổ" (tr. 76)

Hơn thế nữa, ông quy tội cho những ai suy xét một cách "đơn giản" trong những vấn đề như thế.

[114]²⁷ *portentorum quidpiam curam multitudine orientare affertur* = "giáo này thích hợp cho những ai muốn gây ấn tượng đối với đám đông" (tr. 76).

Ông nói đến "những dấu báo trước", ví dụ cảm tình trạng "thời tiết xấu" ở các con vật, sự dự cảm mà một số người cho là có liên quan đến thượng đế.

[116] "Không một sinh vật nào lại có thể rơi vào điều ngu ngốc loại đó nếu như người đó đủ chỉ có học đối chất, nhất là sinh vật đã đạt tới sự cao lao" (tr. 77)

Tuy nhiên, vì vậy có thể suy đoán rằng Pi-e Gát-xăng-di, người muốn cứu vãn sự can thiệp của thượng đế, bảo vệ sự bất tử của linh hồn v.v., nhưng tuy vậy vẫn muốn là người thuộc phái Ê-pi-quya (chẳng hạn, hãy xem "Linh hồn bất tử. Chống lại Ê-pi-quya", những nhận xét của Pi-e Gát-xăng-di về quyển thứ X của *Đi-ô-gi-en La-ec-xơ*, tr. 549-602, hoặc "Thượng đế tạo ra thế giới. Chống lại Ê-pi-quya", tr. 706-725"; "Thượng đế sẽ chăm lo đến loài người. Chống lại Ê-pi-quya", tr. 738-751 và v.v.. Hãy tham khảo *Phoi-rô-bôc*, "Lịch sử triết học cận đại", chương "*Pi-e Gát-xăng-di*", tr. 127-160²⁸), nhưng hoàn toàn không hiểu Ê-pi-quya và lại càng ít có khả

²⁷ Trong bản viết tay trước đầu bằng Mân-tà đến ra đoạn dịch ra tiếng La-tinh, do Gát-xăng-di thực hiện, câu trích từ tiết 114 thuộc quyển thứ mười của Di-ô-gi-en La-ec-xô (tên về Ê-pi-quya). Sau đầu bằng Mân-tà đến ra một câu trong nguyên bản tiếng Hy Lạp.

năng giải thích cho chúng ta hiểu về Ê-pi-quya. Nói chung hơn, Gát-xăng-di chỉ bộc lộ ý định giống dạy chúng ta cần cứ theo Ê-pi-quya, chứ không giải thích về Ê-pi-quya. Ở chỗ nào mà ông ta vi phạm tính nhất quán sát thép của Ê-pi-quya thì ông ta làm điều đó để không mâu thuẫn với những tiền đề tôn giáo của mình. Cuộc đấu tranh ấy tiêu biểu cho Gát-xăng-di, cũng như nói chung sự tiêu biểu của sự thật là chính cái thể hiện buổi chiều tà của triết học cổ đại thì lại biểu thị sự tái sinh của triết học mới: một mặt là sự hoài nghi vạn năng của Đê-các-tơ, trong khi những người theo chủ nghĩa hoài nghi lại khai tử cho triết học Hy Lạp; mặt khác là quan điểm duy lý về thiên nhiên, trong khi triết học cổ đại được khắc phục ở Ê-pi-quya một cách triệt để hơn là ở những người theo chủ nghĩa hoài nghi. Thế giới cổ đại ăn sâu bám rễ trong thiên nhiên, trong cái thực thể. Sự hạ thấp, sự coi thường thiên nhiên, về thực chất có nghĩa là đoạn tuyệt với sự sống mang tính thực thể, độc đáo; thế giới mới bắt rễ trong tinh thần, và thế giới ấy có thể dễ dàng tách khỏi mình cái khác của mình, tức là giới tự nhiên. Nhưng cũng có và điều ngược lại: những gì mà ở người thời cổ đại bị xem là sự coi thường thiên nhiên thì ở những người thời đại mới lại là sự giải phóng khỏi những gông xiềng do niềm tin nô lệ đè nặng lên: quan điểm duy lý mới về thiên nhiên đã phải được nâng lên đến sự thừa nhận những gì mang tính thần thánh, tức là ý tưởng, những gì được hiện thân trong giới tự nhiên, - tuy nhiên chính đây là điểm khởi đầu - chỉ ít cũng là trên nguyên tắc - của triết học Hy Lạp cổ đại.

Ở đây ai chẳng nhớ đến những lời đầy hứng khởi của A-ri-xtô, đỉnh cao của triết học cổ đại, trong bài khảo luận của ông "Về bản chất của loài vật":²⁹ những lời đó hoàn toàn khác với sự suy xét đơn điệu của Ê-pi-quya!

Điều tiêu biểu cho phương pháp của nhân quan Ê-pi-quyra là vấn đề sự sáng tạo ra thế giới. - đó là vấn đề khiến người ta luôn luôn có thể làm sáng tỏ quan điểm triết học, bởi vì vấn đề ấy chỉ ra cho ta thấy tinh thần trong triết học đó đã tạo ra thế giới như thế nào. Thái độ của triết học đó đối với thế giới, nó chỉ ra cho thấy tinh thần, tiềm năng sáng tạo của triết học như thế nào.

Ê-pi-quyra nói (tr. 61 và 62):

[88] "Thế giới là một tổng hoà vô trụ nào đó bao gồm những tính tố, trái đất và tất cả các hiện tượng. Nó là bộ phận tách ra (một khoảng) của vô tận và kết thúc ở một giới hạn nào đó. - ở giới hạn có được không trung. hay là ở giới hạn đến đặc (khi giới hạn này bị phá vỡ thì tất cả những gì chứa đựng trong giới hạn đó đều biến thành hỗn độn). Giới hạn của thế giới có thể cố định và có hình thái tròn hoặc hình thái tam giác, hoặc có một hình dạng bất kỳ nào khác. Vì hiện ra tất cả những hình dạng ấy, vì không một sự xác định nào trong số những sự xác định ấy lại bác bỏ bởi các hiện tượng. Thế giới kết thúc ở đâu, - đó là điều không thể hiểu được, nhưng có nhiều và rất nhiều thế giới như thế thì quá rõ ràng".¹⁴

Bất kỳ ai cũng lập tức thấy đập vào mắt sự nghèo nàn của cấu trúc này của thế giới. Thế giới là một tổ hợp gồm trái đất, các tính tố v.v. - điều này vẫn chưa làm sáng tỏ điều gì cả, bởi vì sự xuất hiện của mặt trăng v.v. - chỉ về sau mới được trình bày và giải thích.

Nói chung mọi vật thể cụ thể đều là một tổ hợp, - cụ thể theo học thuyết của Ê-pi-quyra - là một tổ hợp những nguyên tử. Tính xác định của tổ hợp đó, sự khác biệt đặc thù của nó là ở giới hạn của nó, vì thế sẽ là thừa nếu gọi thế giới là một

đoạn của vô tận, rồi sau đó lại bổ sung thêm - như một định nghĩa chính xác hơn - sự nêu ra giới hạn, bởi vì một đoạn tách rời khỏi đoạn khác cũng chính là một cái gì đó cụ thể khác với nó. do đó, là một cái gì đó có giới hạn với cái khác. Nhưng giới hạn chính là cái cần được giải thích, bởi vì tổ hợp giới hạn nói chung vẫn chưa phải là thế giới. Nhưng tiếp đó còn nói rằng giới hạn có thể được xác định bằng mọi phương pháp *xyzygms*, và sau hết thậm chí còn giả định là không thể xác định được sự khác biệt đặc thù của nó, nhưng đương nhiên là sự khác biệt ấy có tồn tại.

Do đó, chỉ cần nói một điều là quan niệm về việc quy tụ tổng hoà những khác biệt vào một sự thống nhất vô định - nghĩa là quan niệm "thế giới" - đã có trong ý thức, có tồn tại trong tư duy thường nhật. Nói rằng giới hạn, sự khác biệt đặc thù, do đó mà tính nội tại và tính tất yếu của quan niệm ấy, là điều không thể giải thích được: quan niệm ấy đã có, xét theo giác độ này thì điều ấy chỉ có thể hiểu được nhờ sự loại suy, - bởi vì nó đã có rồi. Vậy là, điều được coi là không thể giải thích được lại chính là điều phải được giải thích - sự tạo ra, sự xuất hiện và sự tái hiện nội tại của thế giới ở trong tư duy, và sự hiện diện của quan niệm ấy trong ý thức lại được xem là sự giải thích.

Kết quả cũng như ở trường hợp khi người ta nói rằng tồn tại của thượng đế có thể chứng minh được, nhưng *differentia specifica quid sit*¹⁵ của thượng đế, nghĩa là nội dung của định nghĩa ấy, thì không thể hiểu được.

Nếu Ê-pi-quyra nói tiếp rằng có thể hình dung giới hạn

¹⁴ Trong nguyên bản đoạn trích này và đoạn trích tiếp theo trong tác phẩm cũ là chữ *en la-ec-suffit*, đã được dẫn ra bằng tiếng Đức.

¹⁵ - sự khác biệt đặc thù cho thấy chính thượng đế có tồn tại

theo cách nào cũng được, nghĩa là có thể gán cho nó mọi định nghĩa mà chúng ta ấn định cho giới hạn không gian, - thì quan niệm "thế giới" chỉ là sự quy tụ vào một sự thống nhất cảm giác vô định, do đó sự thống nhất ấy giả định mọi sự định nghĩa; hoặc dưới một hình thức chung hơn, vì thế giới là một quan niệm vô định của ý thức một nửa mang tính cảm giác, một nửa có khả năng tư duy, rồi nên kết quả là trong ý thức ấy thế giới được thấy cũng với tất cả những quan niệm cảm giác khác và bị giới hạn bởi những quan niệm ấy. Vậy là tính xác định của nó và giới hạn của nó cũng đa dạng như những quan niệm cảm giác ấy bao quanh nó, và mỗi một quan niệm ấy có thể được xem là giới hạn của nó. do đó, được xem là định nghĩa chính xác hơn và sự giải thích về nó. Đó là thực chất của tất cả những sự giải thích của É-pi-quy-ra, và điều đó lại càng quan trọng vì đó là thực chất của tất cả mọi sự giải thích của ý thức dạng quan niệm, cái ý thức bị trôi buột bởi những tiền đề.

Đó cũng là thái độ của con người thời đại mới đối với thượng đế khi thượng đế được gán cho tính đức hạnh từ thiện, tính sáng suốt v.v.. Mỗi một quan niệm xác định ấy có thể được xem là giới hạn của quan niệm "thượng đế" không xác định nắm giữ chúng.

Vậy là, thực chất của sự giải thích ấy là ở chỗ: từ ý thức rút ra quan niệm phải được giải thích. Sau đó sự giải thích hoặc sự định nghĩa chính xác hơn được quy tụ thành như sau: những quan niệm thuộc chính lĩnh vực đó, được xem là những quan niệm đã biết, có liên hệ với quan niệm đó, và do đó, quan niệm ấy nói chung có tồn tại trong ý thức, trong một lĩnh vực xác định. Ở đây É-pi-quy-ra thừa nhận sự không hoàn

thiện của triết học của mình và của toàn bộ triết học cổ đại cho rằng các quan niệm có trong ý thức, nhưng lại không biết đến giới hạn của những quan niệm ấy, nguyên tắc và tính tất yếu của chúng.

Song, É-pi-quy-ra không thoả mãn với việc đã đem lại khái niệm của mình về sự sáng tạo ra thế giới; hạn hèn ông trình diễn toàn kịch này, ông đã khách thể hoá cho mình điều mà ông đã vun làm, và chỉ đến khi ấy ở ông, nói đúng ra, mới mở đầu sự sáng tạo ra thế giới. Cụ thể, ông đã nói tiếp như sau:

[80] "Mọi thế giới như vậy cũng có thể xuất hiện trong intermundium (đây là vực chung ta gọi khoảng không giữa các thế giới). Trong một không gian hoàn toàn trống rỗng, trong sự trống rỗng trong suốt vì vậy, chính là điều của nhà văn: những hạt giống bao đựng cho việc ấy chảy từ một thế giới hoặc từ một intermundium, hoặc là từ một vực thế giới và sinh ra từ từ - tuy theo hợp tính - những sự kết hợp, những sự phân rã và những sự tổ trí lại và thu nạp từ bên ngoài vào bản thân mình một số lượng những sự phát sinh khác có lượng những sự kết hợp mà các bản thể nằm trong nền tảng có thể chịu đựng được" [80]. Để tạo ra một thế giới mới trong khoảng trống thì sẽ không đủ nếu trong khoảng trống này xuất hiện một dòng 'khô' hoặc lượng âm và chúng liên phân ra cho đến khi dòng phân mà dòng khác hoặc lượng âm khác, như một nhà vật lý đã nói như vậy. Vì điều này mâu thuẫn với các hiện tượng" [tr. 82].

Do đó, ở đây, thứ nhất, để tạo ra thế giới giả định có các thế giới; khoảng trống rỗng là nơi diễn ra sự kiện ấy. Vậy là những gì mà trước kia đã được hiểu ngầm trong khái niệm là sự sáng tạo, cụ thể là: cái vẫn còn phải được tạo ra thì lại được giả định từ trước và ở đây mang tính chất một thực thể. Không có một sự định nghĩa chính xác hơn về nó và ở bên ngoài mối liên hệ với những quan niệm khác, do đó, ở dạng

mà nó được giả định trước thì quan niệm tỏ ra trống rỗng hoặc không có được tính vật thể ¹⁰, hoá ra là một intermedium nào đó, một không gian trống rỗng. Như vậy, định nghĩa về quan niệm đó được thể hiện ở chỗ là những hạt giống hữu dụng cho sự tạo ra thế giới thì được liên kết theo cách cần thiết cho sự tạo ra thế giới, nghĩa là không đưa ra một định nghĩa nào, một sự phân biệt nào. Xét về tổng thể chúng ta vẫn lại chỉ có nguyên tử và "khoảng trống", dù cho bản thân Ê-pi-quy-va có phần bác bỏ điều đó như thế nào cũng mặc. Ngay A-ri-xtôt đã chỉ rõ một cách sâu sắc tính chất hơi hụt của cái phương pháp coi điểm xuất phát là một nguyên lý trừu tượng nào đó, nhưng lại không cho phép gò bó nguyên lý này dưới những hình thức cao nhất. Ông khen ngợi những người theo thuyết Pi-ta-go về việc họ đã lần đầu tiên giải phóng các phạm trù khỏi các bản thể của chúng, độ không coi chúng là một thực thể đặc biệt, như điều đó phù hợp với vị tử, mà lại cho rằng các phạm trù chính là thực thể nội tại.

"Họ (những người theo thuyết Pi-ta-go) đã nghĩ rằng cái hạn chế và cái không hạn chế không phải là những thực thể khác nhau nào đó, ví dụ như lửa hoặc đất và v.v., mà... là thực chất của cái được mô tả". Nhưng A-ri-xtôt quả trách họ "Cái mà trước hết thích hợp với định nghĩa đó họ đã ra thì họ xem là thực chất của nó vậy" (A-ri-xtôt, "Biểu sinh học", qu. I, ch. 3).

II. XÊCH-XTƠ EM-PI-RÍCH

Bây giờ chúng ta bàn về thái độ của triết học Ê-pi-quy-va đối với chủ nghĩa hoài nghi. Vì thái độ ấy được bộc lộ qua Xêch-xtơ Em-pi-rích,

¹⁰ Rõ ràng là trong bản viết tay của Mác đã viết nhầm Thav và "nên được" không có sự hiện thân, không có tính vật thể lại được viết thành "verkörper" (thực thể hoá thêm).

Nhưng trước đó cần dẫn ra, từ quyển thứ X của Di-ô-gi-en La-éc-xo, thêm một định nghĩa cơ bản do bản thân Ê-pi-quy-va đưa ra khi mô tả nhà thông thái đó:

[121] "Ông ấy ở trong bảy học thuyết và có không hiểu là những sự đơn giản" (X, 81).

Trong toàn bộ sự trình bày của học thuyết Ê-pi-quy-va - trung tâm cho thấy mối liên hệ quan trọng của nó với triết học trước kia, thì nguyên lý tư duy của nó, những suy xét của Ê-pi-quy-va về ngôn ngữ, về sự xuất hiện những quan niệm là các tài liệu quan trọng và chứa đựng implicite¹¹ thái độ của ông đối với phái hoài nghi. Theo ý kiến của Xêch-xtơ Em-pi-rích, việc làm rõ động cơ thúc đẩy Ê-pi-quy-va đi đến triết lý là điều đáng quan tâm ¹².

[12] "Đầu óc ai đó hỏi... rằng từ đâu nảy sinh trong thái độ hoài nghi chẳng có gì đó từ lời người đó. Và theo lui một số người tin chính điều đó đã thúc đẩy Ê-pi-quy-va hiến dâng mình cho triết học. [13] Ngay khi còn là cậu thiếu niên, ông đã hỏi ông thầy [của mình] đã từng dạy cho ông nghe [thưa của Hô-di-đô], rằng: "Từ đâu nảy sinh và trọng thái độ hoài nghi nêu trong thái độ xuất hiện sớm hơn mọi cái?" Khi ông thầy trả lời rằng việc giảng dạy điều đó không phải là công việc của ông ư, mà là của những người gọi là nhà triết học, thì Ê-pi-quy-va đã thốt lên: "Trong trường hợp này con cần chờ đến họ, nếu quả thật họ biết được chân lý của cái đang tồn tại" (Xêch-xtơ Em-pi-rích "Chống lại các nhà toán học", Di-ô-nu-xo, 1621, tr. 383 [qu. IX]).

[123] "Đô-mô-crit nói rằng con người là kẻ mà cả chúng ta đều biết và v.v. [24] cũng chính ông [Đô-mô-crit] nói rằng thoát ra khỏi tầm tay các nguyên tử và khoảng trống mà theo ông thì chúng tồn tại chẳng những

¹¹ - dưới dạng nhata mô phỏng

ở các động vật mà còn ở tất cả những vật thể hỗn hợp, đa cấp, chúng tạo (thường là nó để cấp đôi) vào nguyên tử và không tạo ra những ta không nhận thấy những thuộc tính riêng của con người, và chúng là chúng cho tất cả. Nhưng ngoài điều đó ra thì chúng có gì lâu, xa xỉ, và nên thế chúng ta sẽ không biết được các cơ chế vào những đầu tiên nào có thể phân biệt được con người với các động vật khác, và chúng ta không thể có được quan niệm cơ bản (về con người)

[25] E-pi-quya thì lại nói rằng con người là [loài vật] có hành động bên ngoài như thế này (thể hiện lại) tâm hồn. Và theo E-pi-quya, một khi con người được xác định bởi cái vỏ bị người, thì nên nếu không được chỉ ra thì không phải là con người, và nếu nó là đồ vật và một phụ nữ thì đàn ông không phải là con người, nếu người phụ nữ [chỉ ra] người đàn ông (trong trường hợp này người phụ nữ ấy) và không phải là con người' ("Những luận điểm cơ bản của Platon", qu. 11, tr. 56)

[64] "Bởi vì cả Platon, cả E-pi-quya, và các nhà triết học Hy Lạp cổ đại, cả Xenrat và Platon cùng A ristot, và các nhà khác ấy, cơ thể của những con người của khu vực 12 - như điều đó đã được chứng minh bởi những câu nói của chính E-pi-quya - đều đã đạt tới một mức độ nào đó" (tr. 320 "Chúng lại những nhà toán học" [qu.VIII])

[71] "Và không thể giữ định rằng linh hồn hướng xuống phía dưới, [72] và như E-pi-quya đã nói, những [linh hồn] ấy mà họ đã xa lâu thế nơi thì không sai biệt một như lần khác, bởi vì cả trước đó thế xác cũng đã không giữ gìn các linh hồn của chúng, mà ngược lại, linh hồn đã bị nguyên nhân xa giữ thế xác, và đương nhiên giữ gìn thân mình còn hơn thế nữa" (tr.321), "Chúng lại những nhà toán học" [qu.VIII])

[36] "Và về E-pi-quya, một số người [đã không đứng] thẳng đắn với định đồng thì ông ấy gọi thường để đi con đực của sự giải thích bản chất sự vật thì thuyết đối không phải như vậy" (tr.319, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.VIII])

[287] "Phải E-pi-quya... đã không biết rằng nếu như các được chỉ ra là con người thì như vậy thì không được chỉ ra thì không phải là con người. Dĩ nhiên, sự khác ra đó cũng ám chỉ người dân ông. Có chức mặt tet học và chức mặt không, và họ có các đạo và vượt một xoắn lại, cũng như có những nét khác biệt bên ngoài khác" (tr.187, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.VIII])

[19] "Cần biết vào số người ấy cả E-pi-quya nữa, mà dù ra rằng chính ông có thể đã tìm được đạo về các đạo diện của các mệnh không hơn" (tr.11, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.1])

[57] "Và, theo học thuyết của nhà thông thái E-pi-quya thì nếu thừa đủ các không thể tiến hành nghiên cứu, thậm chí cũng không hơn nghĩ được, cho nên có lẽ sẽ tốt nếu trước hết xem xét văn phạm là gì" (tr.12, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.1])

[272] "Chúng tôi sẽ thấy rằng lần đầu những người phản đối văn phạm - Platon và E-pi-quya - đều đồng lòng theo nhận sự cần thiết của văn phạm. [273] E-pi-quya bị vạch trần là đã đánh cắp ở nhà thơ ấy, những luận điểm quan trọng nhất cho mình. Bởi lẽ, họa và ông đã mượn từ mỗi câu thơ (của Hô-mê) luận điểm của mình nói rằng giới hạn cường độ không bao là cơ loại mà đầy đủ nhất sự đau khổ

"Khi nguồn nước nhà ăn uống đã thấm nỗi khát khao..."

Còn E-pi-quya đã giả ý vào E-pi-quya về sự khẳng định về các chủ quan của danh ngôn sau đây:

"Chết này là bị xác thối, theo tôi, do là điều không quan trọng."

Cũng như vậy, và tất cả khẳng định cho rằng thế xác, sau khi trở thành xác chết, không còn cảm giác được gì nữa. - E-pi-quya cũng vào hướng của Hô-mê, là người đã nói:

"Người chúng đàn loan phải bang miêng đất lòng cười" (tr 53, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.I])

[11] "Giữ đến ông ta"

trước là gửi đến Ac-sê-lai người A-ten, đã phân triết học thành vật lý và đạo đức học)

"ho thu nạp cả Ê-pi-quya là người tạc lỗ da, kiếm được quá nhiều sự vui xai là-giêch [15] Tuy nhiên, có cả những người khác đi noi vâng ông ấy, hắc hủ không phải nơi chúng là-giêch, mà chỉ học họ là-giêch cần phải khác kỷ" (tr.140, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.VIII].

[12] "Những người theo thuyết Ê-pi-quya xuất thân từ các nhà là-giêch, trước hết họ nghiên cứu gian lận; rồi sau đó họ đưa ra kết luận về cái hiển nhiên, cũng như về cái ẩn giấu - cả về những luận tượng đi kèm theo chúng" (tr 141, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.VIII])

[13] "Các môn đồ của Ê-pi-quya và những người theo học thuyết Pi-ron rõ ràng là đã giữ cùng một lập trường trong cuộc luận chiến chống lại đại diện các môn khoa học, những môn đồ xuất phát ở họ lại không đồng nhất. Vì phái Ê-pi-quya cho rằng các môn khoa học không giúp gì cho việc đạt đến sự thông tuệ" ("Chúng lại những nhà toán học" [qu.I])

Điều này có nghĩa là: phái Ê-pi-quya cho rằng sự hiểu biết về các sự vật như là tồn tại khác của tinh thần, bất lực không thể làm cho tinh thần trở nên hiện thực hơn; phái Pi-ron cho rằng sự bất lực của tinh thần không hiểu được các sự vật là một quan trọng của tinh thần, là tinh lực thực tế của nó. Một thái độ tương tự cũng thấy tồn tại giữa những vị tôn sùng thành thần và phái Can-tô trong các quan điểm của họ về triết học, tuy cả hai khuynh hướng này tỏ ra đã thoái hoá, đã mất đi sự sinh động vốn có của triết học cổ đại. Các vị tôn

sùng thành thần, do tính thần ngoan đạo, đã khước từ vị thực, nghĩa là cùng với phái Ê-pi-quya họ cho rằng trạng thái không hiểu biết chính là cái thành thần trong con người, rằng thái độ mộ đạo ấy - đã chẳng quan chi là sự hiểng nhào - bị phá hoại bởi khái niệm. Ngược lại, có thể nói phái Can-tô tỏ ra là những nhà tư tưởng chuyên nghiệp của trạng thái dốt nát, công việc hằng ngày của họ là tạo giống vũ sự bất lực của mình và sự hùng mạnh của sự vật. Phái Ê-pi-quya nhất quán hơn; nếu trạng thái không hiểu biết đặc trưng cho tính thần thì tại thực tuyệt nhiên không phải là việc làm phong phú cho bản chất tinh thần, mà là cái gì đó không quan trọng đối với bản chất ấy; đối với những người không hiểu biết thì cái thành thần không biểu hiện trong quá trình nhận thức, mà là trong sự lười biếng.)

[14] "Hay là - như một số người nghĩ như vậy - họ [phái Ê-pi-quya] cho rằng điều đó có thể là chiếc bình phụng cho đầy sự ngu dốt của chính họ; chính vì Ê-pi-quya là người ta quả quyết rằng về nhiều phương diện ông ta tỏ ra hoàn toàn chẳng hiểu biết gì và thậm chí ông ta nắm chắc đã nắm thâu toàn bộ thông tư" (tr 1, "Chúng lại những nhà toán học" [qu.I])

Sau khi đưa ra thêm một số câu chuyện đơn đặt, chỉ nói lên sự lúng túng của ông ta, Xêch-xiô Xim-pi-ri-ích đã định nghĩa như sau sự khác biệt giữa thái độ của phái hoài nghi và phái Ê-pi-quya đối với khoa học.

[15] "Những người ủng hộ học thuyết Pa-rôn [cả thái độ như các đối với các đại diện của khoa học] không phải vì khoa học tương như không hề giúp ích gì cho sự thông thái; bởi vì sự không định này sẽ mang tính chất gieo dẫu, và cũng không phải vì tương như thể bản thân họ tỏ ra ngu dốt. [16] Họ cũng giữ lập trường như vậy đối với các môn khoa học, cũng như khi chúng đối với triết học"

(Qua đây thấy rõ là cần phân biệt "khoa học" với "triết học" và sự xem thường của Ê-pi-quya đối với "khoa học" là nhằm vào những gì mà chúng ta gọi là những sự nhận thức và sự khẳng định ấy hoàn toàn phù hợp với toàn bộ học thuyết của ông.)

"Bởi vì giống như khi hướng đến sự phân thức chân lý họ đã nhò cộ vào triết học, nhưng sau khi sắp phải tính đi thường trong sự vật giống như mẫu thuẫn thì họ đã đứng lại không đưa ra [kết luận], cũng hội như khi họ nhò cây đến khoa học nhằm mục đích giải thích các mẫu thuẫn, mong muốn nghiên cứu chân lý chưa được trong các mẫu thuẫn ấy, thì họ cũng gặp phải những khó khăn mà họ đã không cho giấu diếm đó" (tr. 8 ["Chống lại những nhà toán học", qu. I])

Trong tác phẩm "Những luận điểm cơ sở của Pi-rôn", qu. I, ch. XVII, đã bác bỏ một cách chính xác nguyên nhân mà đặc biệt đã được Ê-pi-quya áp dụng, song đồng thời cũng thấy bộc lộ cả sự bất lực của chính những người theo chủ nghĩa hoài nghi:

[185] "Nhưng có thể là chỉ cần nắm hình thức khuê tú suy với cồng đủ để bác bỏ các nguyên nhân. Bởi vì có thể đưa ra một sự luận chứng phù hợp với tất cả các khuynh hướng triết học và chủ nghĩa hoài nghi cũng như với các hiện tượng, hoặc là một sự luận chứng không phù hợp. Và có thể không thể đưa ra một sự luận chứng phù hợp với tất cả những cái đó" ["Những luận điểm cơ bản của Pi-rôn", qu. I].

(Đi nhiên, không thể chỉ ra một cơ sở nào mà trước hết chỉ là hiện tượng mà thôi, vì cơ sở là tính lý tưởng của hiện tượng mà đó là hiện tượng được sao chụp. Cũng như vậy cơ sở không thể phù hợp cả với quan điểm của phái hoài nghi, vì chủ nghĩa hoài nghi là sự mâu thuẫn nghệ nghiệp với mọi tư tưởng, là sự sao chụp chính quá trình định nghĩa. Chủ nghĩa

hoài nghi trở nên ấu trĩ khi nó đem so sánh các hiện tượng với nhau vì hiện tượng là sự mất đi tư tưởng, là sự không tồn tại của tư tưởng; chủ nghĩa hoài nghi cũng chính là sự không tồn tại của tư duy được phản ánh bên trong bản thân mình; nhưng tự bản thân hiện tượng thì đã biến mất, nó chỉ là vẻ bề ngoài, chủ nghĩa hoài nghi là hiện tượng có được ngôn từ, và nó biến mất ngay sau khi bản thân hiện tượng biến mất đi, nó cũng chỉ là hiện tượng.)

[185-186] "Vì về tất cả mọi hiện tượng và về tất cả cái không hiển nhiên thì có sự bất đồng. Nếu như bác bỏ sự bất đồng thì còn có sự luận chứng cả cho sự luận chứng ấy"

(nghĩa là nhà hoài nghi mong muốn một cơ sở mà bản thân nó chỉ là vẻ bề ngoài, do đó, không phải là cơ sở):

"Và nếu lấy hiện tượng để [luận chứng] cho hiện tượng và lấy cái không hiển nhiên để luận chứng cho cái không hiển nhiên thì điều đó có nghĩa là rơi vào sự vô tận" ["Những luận điểm cơ bản của Pi-rôn", qu. II]

(Nghĩa là, do nhà hoài nghi không vượt ra khỏi giới hạn của vẻ bề ngoài và mong muốn bảo vệ cho nên nhà hoài nghi không thể vượt ra ngoài giới hạn của vẻ bề ngoài ấy, và cách thuyên ấy có thể lặp lại đến vô tận. Tuy Ê-pi-quya muốn chuyển từ nguyên tử sang những định nghĩa tiếp theo, nhưng vì ông không muốn để cho nguyên tử hoà tan trong tư cách là như thế, nên ông không đi xa hơn những định nghĩa của thuyết nguyên tử, có tính chất bề ngoài đối với chính bản thân mình và có tính chất tùy tiện; ngược lại, nhà hoài nghi tiếp nhận tất cả các định nghĩa nhưng dưới dạng vẻ bề ngoài; vì vậy các phương pháp của họ cũng mang tính chất tùy tiện và ở đâu đâu cũng bộc lộ sự nghèo nàn như vậy. Quả thật Ê-pi-quya ngập lặn trong toàn bộ sự phong phú của thế giới,

nhưng ông vẫn nghèo như thế. Bản thân ông là hiện thân cho sự bất lực mà ông nhận ra trong các sự vật. Ngay từ đầu Ê-pi-quy-va đã làm khánh kiệt thế giới nhưng bằng cách ấy ông cuối cùng đã đi đến hòa qua là không có được một định nghĩa nào cả, đi đến sự trống rỗng tự mãn, đi đến thương để hoàn toàn bất động).

[188] "Sau khi đứng lại ở đầu đời, ông học và nói tâm người nhân dựa trên cơ sở của đã được nói, và bằng cách đó ông đưa ra các thuộc về cái gì đó, đồng thời gạt đi các thuộc về-thiên nhiên".

Ichinich là để phục vụ cho vẻ bề ngoài, để phục vụ cho các hiện tượng mà cái-thuộc-về-diệu gì đó lại là cái-thuộc-về-thiên-nhiên).

"Như là ông sẽ giữ định ra gì đó, quyết phát từ sự giữ định rằng ông sẽ xáp phải sự phân biệt" (["Những luận điểm cơ bản của Epicurus", qu. II, tr. 106]).

Nếu như các hiện tượng trên trời - *bầu trời nhìn thấy được* - được các nhà triết học cổ đại quan niệm là biểu tượng và sự chiêm ngưỡng tính chất thực của họ bởi thực thể, cho nên thậm chí A-ri-xtôt cũng coi các tinh tú là các vị thần hoặc chỉ ít cũng xem chúng có quan hệ trực tiếp với năng lượng tối cao - thì *bầu trời được vẽ ra, được gài lại bằng lời của thượng đế* - được phát hiện ra trong tiến trình lịch sử toàn thế giới - lại tỏ ra là khẩu hiệu chiến đấu của triết học Thiên chúa giáo. Đối với người cổ đại thì tiến đề chính là sự tác động của thiên nhiên, còn đối với người thời đại mới thì tiến đề lại là sự tác động của tinh thần. Cuộc đấu tranh của người cổ đại đã chỉ có thể kết thúc khi đã phá hủy bầu trời nhìn thấy được, mới liên hệ có tính chất thực thể của cuộc sống, sự hát của đời sống chính trị và tôn giáo, bởi vì thiên nhiên phải bị chia tách ra để có thể đạt được sự thống nhất của tinh thần bên trong bản thân nó. Người Hy Lạp đã chia tách thiên nhiên

bằng chiếc búa nghệ thuật Ê-phe-xốt, thông qua việc tạo ra các hình tượng; người La Mã thì đắm thang kiếm vào trái tim của thiên nhiên, vậy là các đàn tặc đã tiêu vong; nhưng triết học thời đại mới lại tuyệt bỏ đầu ăn khỏi lời nói, và lời nói biến đi trong ngọn lửa thiêng liêng của tinh thần; trong tư cách là chiến sỹ của tinh thần, đấu tranh với tinh thần, chủ không phải trong tư cách là ăn sĩ riêng lẻ, khước từ sức hút của thiên nhiên, - trong tư cách ấy triết học đã tác động như sức mạnh tổng thể và hạn dục ra các hình thức ngăn cản việc làm là ra cái tổng thể.

III. FLU-TÁC-XU THEO ẨM PHẨM CỦA H. KXI-LAN-ĐƠ "VỀ VIỆC ĐI THEO Ê-PI-QUY-VA THÌ KHÔNG THỂ SỐNG HẠNH PHÜC"⁴⁵

Lẽ đương nhiên, từ bài khảo luận này của Flu-tác-xu có thể rút ra được rất ít. Chỉ cần đọc qua phần lời tựa - trong đó bộc lộ sự khờ dại lạc lõng và sự giải thích kỳ quái về triết học Ê-pi-quy-va - là đã nhận thấy hiện mọi sự hoài nghi về sự bất lực hoàn toàn của Flu-tác-xu đối với sự phê phán triết học.

Mặc dù ông ta cũng có đồng với ý kiến của Mê-tơ-rô-đơ-oc:

[III, 2] "Họ [phái Ê-pi-quy-va] cho rằng phúc lợi tập trung trong lòng và trong tất cả các khe ngách khải bên trong thân thể mà theo đó sự hoan lạc thâm nhập vào, nhưng sự đau đớn thì không thể xâm nhập, họ [người] rằng tất cả những phúc kiến tuyệt diệu, tất cả các năng chế các số đều lấy nguồn từ sự hoan lạc do của bụng đem lại, và từ họ vọng được hoan lạc" (tr 1007).

Nhưng đó lại ít phải là học thuyết của Ê-pi-quy-va. Bản thân Xêch-xto Em-pi-ri-ích đã nhận ra sự khác nhau giữa Ê-pi-quy-va và trường phái Xi-rê-nuít, sự khác nhau ấy là ở chỗ Ê-pi-quy-va không định ý nghiên cứu "lạc thú" với tư cách là "lạc thú tinh thần"

[III, 9 - 10] "Ê-pi-quy-ra nói rằng nhiều khi trong sự đau đớn của nhà thông thái vẫn gặp những đau đớn thể xác do bệnh tật gây ra. Trong trường hợp này về mặt những lời thủ cơ v. nghĩa v. thì với những người cơ thể chịu đựng một cách sang trọng và dễ dàng những đau đớn thể xác" (II, 1989).

Rõ ràng là Plu-tác-xơ đã không hiểu tính chất nhất quán của Ê-pi-quy-ra. Đối với Ê-pi-quy-ra thì lạc thú cao nhất là trạng thái không bị đau đớn, không có sự khác biệt, là sự tự do hiểu theo ý nghĩa không có những tiến độ một cơ thể không giả định một cơ thể nào khác trong cảm giác, không cảm nhận thấy sự khác biệt ấy, - đó là một cơ thể khoẻ mạnh, tích cực. Bản thân luận điểm này - mang hình thái cao nhất qua thượng đế bất động của Ê-pi-quy-ra - thật giống sự đau ốm kéo dài, bởi vì như tính chất kéo dài của mình mà bệnh tật không còn là một trạng thái nữa, - có thể nói rằng bệnh tật trở thành quen thuộc và đặc trưng. Khi xem xét triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-ra chúng ta đã thấy rằng ông hướng đến trạng thái không có tiến độ ấy, đến sự xoá bỏ sự khác biệt ấy trong lĩnh vực lý luận, cũng như trong đời sống thực tiễn. Đối với Ê-pi-quy-ra tài hạnh phúc cao nhất là trạng thái u-ta-rê-cô-xi, vì tinh thần được nói đến chính là tinh thần đơn lẻ về phương diện kinh nghiệm. Plu-tác-xơ nói một cách rùng rợn, suy xét như một anh chàng mới vào nghề.

"Tiền thể chúng ta có thể nhắc đến sự định nghĩa *σωφροσύνη*" đến là dấu tượng, ở mức độ khác nhau, của triết học Ê-pi-quy-ra, triết học khác kỳ và triết học hoài nghi. Qua việc xem xét khái niệm này ta sẽ thấy rõ là khái niệm ấy được thể hiện một cách nhất quán trong triết học nguyên tử của Ê-pi-quy-ra,

¹ - nhà thông thái

xét cả về phương diện này thì ở Ê-pi-quy-ra sự suy sụp của triết học thần cổ đại cũng được sự thể hiện một cách hoàn toàn khách quan.

Trong triết học cổ đại nhà thông thái, *σολος* được gắn cho hai đặc trưng xác định, tuy nhiên, những đặc trưng ấy có chung một gốc rễ.

Những gì được phát hiện ra về mặt lý luận khi xem xét vật chất thì trên thực tế lại biểu lộ ra trong định nghĩa về *σωφροσύνη*. Nền triết học Hy Lạp mở đầu với bảy nhà thông thái, thuộc vào số đó có Ta-lét, nhà triết học tự nhiên xứ I-ô-ni, và nền triết học ấy kết thúc với cố gắng đầu tiên nhằm biểu thị, bằng những khái niệm, hình ảnh nhà thông thái. Sự mở đầu và sự kết thúc, nhưng ở mức độ không ít hơn, cả trung tâm, phần ở giữa, - đó chính là *σωφροσύνη*, cụ thể là Xô-crát. Những cá nhân chủ thể ấy đứng ở trung tâm phong trào triết học, và điều đó không đơn giản chỉ là một sự thật mang tính chất ngoại sinh, - cũng như sự suy vi về chính trị của Hy Lạp thuộc về thời kỳ mà A-lêch-xan-đơ mất đi sự sáng suốt của mình ở Ba-bi-lon.

Vì định hùn của đời sống Hy Lạp và của tinh thần Hy Lạp là chủ thể mà lần đầu tiên thể hiện ra trong đời sống và trong tinh thần Hy Lạp như là một chủ thể tự do, cho nên tri thức về chủ thể tự do ấy được biểu hiện ra qua những chủ thể độc lập, những cá nhân. Đồng thời, một mặt họ là những cá tính tuyệt vời, xét về bề ngoài thì họ đối lập với những cá tính khác, nhưng mặt khác sự biểu hiện của họ lại là đời sống nội tại của chủ thể, như vậy là sự hiểu biết ấy mang tính chất nội tại với những điều kiện của thực tại bao quanh họ. Nhà triết học Hy Lạp là điểm khởi nguyên, thế giới của nhà triết học ấy khác với cái thế giới phồn thịnh dưới ánh mặt trời tự nhiên của cái thực thể.

Những nhà thông thái đầu tiên chỉ là những chiếc bình được, những pi-pi-xi; thực thể phát ngôn - thông qua của miệng của họ - nhưng chỉ thu chúng đơn giản; ngôn ngữ của họ, vẫn chỉ là ngôn ngữ của thực thể phát ngôn bằng rốn miệng của họ mà thôi; những chỉ thị ấy mở ra những sức mạnh sơ đẳng của đời sống đạo đức. Do vậy, phần nào họ cũng là những nhà sáng tạo ra đời sống chính trị, là những nhà lập pháp.

Các nhà triết học tự nhiên xứ I-ô-ni là những hiện tượng có lập y như những hình thái của hiện tượng tự phát thiên nhiên mà trong đó họ tìm cách nhận thức và trụ. Những người thuộc phái Pi-ta-go tổ chức ra cho mình một cuộc sống trầm kín trong quốc gia; hình thức trong đó họ kết tinh sự hiểu biết của mình về thực thể thì nằm ở giữa tinh hoàn toàn có lập có ý thức không đặc trưng đối với các nhà triết học xứ I-ô-ni (sự có lập của các nhà triết học xứ I-ô-ni, - nói đúng ra đây là sự có lập đầu tiên, xa lạ với tư biện, của những tôn tại tự dân) và sự chìm sâu có tin vào thực tại đạo đức. Bản thân hình thức đời sống của họ lại mang tính thực thể, chính trị, nhưng chỉ trừu tượng thôi, trong đời sống ấy tính chiêm dai và những cơ sở thiên nhiên được quy tụ lại một tối thiểu, giống như nguyên lý cơ bản của họ, số lượng, là một cái gì đó nằm giữa đặc tính cảm giác đầy màu sắc và cái lý tưởng. Các nhà triết học, thuộc trường phái Ê-lê là những người đầu tiên phát hiện ra những hình thức lý tưởng của thực thể, nhưng họ hiểu nội dung bên trong của thực thể vẫn còn như là cái gì đó hoàn toàn sâu kín, một cách trừu tượng và mãnh liệt, họ là những tiên tri đầy tâm huyết bảo trước về một bình minh. Được soi sáng bởi ánh sáng dung dị, họ đã phần nào quay lưng lại với nhân dân và với các thần thánh cổ xưa. Nhưng ở

trường hợp xảy ra với A-na-xa-go thì bản thân nhân dân đã quay trở về với các vị thần cổ xưa, đứng lên chống lại nhà thông thái riêng lẻ và thừa nhận nhà thông thái là như thế, tách nhà thông thái ấy ra khỏi bản thân mình. Ở thời cận đại người ta đã đổ trách A-na-xa-go về chủ nghĩa nhị nguyên (ví dụ, hãy tham khảo Rit-tơ, "Lịch sử triết học cổ đại", phần I)^{1*}. Trong quyển thứ nhất của tác phẩm "Siêu hình học" A-ri-xtô nói rằng A-na-xa-go áp dụng vô² như là cổ máy và chỉ sử dụng nó ở nơi nào ông ta không thể đưa ra được những sự giải thích mang tính chất tự nhiên. Tuy nhiên, cái tưởng như là chủ nghĩa nhị nguyên ấy, một mặt, lại chính là nguyên lý nhị nguyên bắt đầu làm vỡ ra trái tim của nhà nước thời đại A-na-xa-go; mặt khác, cần phải hiểu nó một cách sâu sắc hơn. Nó tác động và được áp dụng ở đâu không có sự hiện diện của tính xác định thiên nhiên. Bản thân nó là non-ens³ của cái thiên nhiên, là tính lý tưởng. Sau đó tính tích cực của tính lý tưởng ấy chỉ biểu hiện tại đâu mà ở nhà triết học đã tàn lụi tầm nhìn thể chất, nghĩa là vô⁴, chính là vô⁵ của bản thân nhà triết học, xuất hiện chính ở nơi mà nhà triết học đã không còn có khả năng khách thể hoá hoạt động của mình nữa. Vậy là, ta thấy rằng vô⁶ chủ quan chính là thực chất của nhà kinh viện lang thang⁷, và sự hùng mạnh - đặc trưng của ông ta trong tư cách là tính lý tưởng của tính xác định hiện thực - một mặt biểu hiện qua những nhà nguy biến, mặt khác thấy qua Xô-crát.

Nếu các nhà thông thái đầu tiên của Hy Lạp là tinh thần đích thực của thực thể, là hiện thân tri thức về thực thể; nếu như những lời phát ngôn của họ có đặc điểm là tính mãnh

^{1*} - Rit-tơ

² - sự không tồn tại

³ - Xem Giéc, "Phau-xiô" Phần thứ nhất, cảnh 10 ("Phòng của Phau-xiô").

liệt độc đáo y như chính bản thân thực thể; nếu như theo đó thực thể càng tác càng được lý tưởng hoá mà các hiện thân của sự vận động này bảo vệ đời sống lý tưởng của thực thể ấy trong thực tại đặc biệt, chống lại thực tại của thực thể hiện hữu, chống lại đời sống nhân dân hiện thực. - thì dù sao tính lý tưởng vẫn chỉ là hình thái của thực thể. Các lực lượng sống động vẫn chưa bị động chạm đến, các nhà tư tưởng lý tưởng nhất của thời kỳ ấy, các nhà triết học thuộc trường phái Pi-ta-go và trường phái Ê-lê, ca ngợi đời sống quốc gia như là lý trí hiện thực, nhưng nguyên lý của họ mang tính khách quan và là sức mạnh vượt trội hơn chính bản thân họ, sức mạnh mà họ loan báo, với sắc thái huyền bí, với sự hưng khởi mang tính thơ, nghĩa là dưới một bình thức mà nhờ đó năng lượng tự nhiên được nâng cao lên thành lý tưởng và không bị thủ tiêu, mà là được cải biến, và lại cải chính thể vẫn giữ được tính xác định của cái thiên nhiên. Sự kết tinh ấy của thực thể lý tưởng diễn ra trong bản thân các nhà triết học tuyên bố thực thể ấy; chẳng những hình thức biểu hiện của nó mang tính chất thơ ca uyển chuyển mà cả tính hiện thực của nó cũng biểu hiện qua một cá nhân nhất định, còn tính hiện thực của cá nhân ấy là sự biểu hiện của chính cái thực thể. Bản thân các nhà triết học là những hình tượng sống động, những tác phẩm nghệ thuật sống động, và nhân dân nhìn thấy chúng nảy sinh như thế nào từ bản thân nhân dân trong sự hưng vĩ mang tính uyển chuyển; ở nơi nào mà hoạt động của họ - giống như ở các nhà thông thái thứ nhất - tạo nên cái phổ quát thì những lời phát ngôn của họ lại là thực thể được thừa nhận trên thực tế, - đó là những luật lệ.

Vậy là, những nhà thông thái ấy cũng ít mang tính nhân dân như các tượng thần Ô-lim-pơ; sự vận động của họ lại hoá ra là sự yên tĩnh tự tại, quan hệ của họ đối với nhân dân

mang tính khách quan cũng giống như quan hệ của họ đối với thực thể. Đối với nhân dân những lời tiên tri của thần A-pô-lông ở Đen-phu đầu là chân lý thần thánh - bị che lấp trong bóng tối là mờ của sức mạnh chưa được biết đến - chỉ trung chứng mực từ cái giả ba chân của cuộc đua tài Pi-phít loan báo về sức mạnh hiển nhiên của chính bản thân tính thần Hy Lạp; nhân dân xét về mặt lý thuyết, có quan hệ với chúng chỉ chừng nào những lời tiên tri ấy thể hiện chính lý thuyết của nhân dân được thể hiện thành lời nói, những lời tiên tri ấy chỉ mang tính nhân dân chừng nào chúng chưa mang tính nhân dân. Những nhà thông thái ấy cũng vậy. Song, sau sự lên tiếng của các nhà nguy biến và của Xô-erát, và ở dạng tiềm ẩn thì với sự lên tiếng của A-nô-xen-go, tình hình đã có bước chuyển khác. Bản thân tính lý tưởng dưới hình thức trực tiếp của nó - *trong tính thần chủ quan* trở thành một nguyên lý của triết học. Nếu như ở những nhà thông thái trước kia của Hy Lạp hình thức lý tưởng của thực thể, sự đồng nhất của thực thể biểu lộ ra đối với bộ y phục nhiều màu sắc - được dệt ra từ những cá thể nhân dân khác nhau - che giấu thực tại hiện hữu của thực thể ấy; nếu vì lý do ấy, các nhà thông thái đã một mặt biểu thị cái tuyệt đối chỉ qua những định nghĩa phiến diện nhất, chung nhất, mang tính chất bản thể, và mặt khác, bản thân họ là sự bộc lộ, trong hiện thực, thực thể khép kín trong bản thân mình; và như vậy, mặt khác, nếu trong khi thể hiện tính độc đáo đối với "dăm đông" trong khi là sự thể hiện bí mật của tính thần thực thể - một sự thể hiện mà hiện thân là lời nói - họ đóng thời lại là - giống như các hình tượng thần thánh trên các quảng trường, với dáng vẻ tự suy ngẫm tự mãn vốn có của chúng - sự trang hoàng tô điểm đích thực của nhân dân và quay trở về với nhân dân trong tính cá thể của mình. - nếu

vậy thì, trái lại, giữ đây bản thân *tính lý tưởng*, sự tròn tượng trong sáng đã trở thành tự lại lại đối lập mình với thực thể; tính chủ quan tự coi mình là nguyên lý của triết học. Vì tính chủ quan ấy không mang tính nhân dân, nhằm chống lại các lực lượng thực thể của đời sống nhân dân, cho nên tính chủ quan ấy hoá ra lại mang tính nhân dân, nghĩa là trong những biểu hiện bề ngoài của mình nó hướng vào chống lại thực tại, trên thực tế nó đan quện vào thực tại, và sự tồn tại của nó là sự vận động. Những cái bình cơ động "chứa đựng sự phát triển" ấy chính là các nhà nguy biến. Trong số họ Xô-crát là nhân vật thần thánh nhất, được gột rửa sạch khỏi những hiện tượng pha tạp thực tiếp, ông này được nhà tiên tri ở Đen-pô gọi là "nhà thông thái bậc nhất".

Vì thực thể bị đối chọi bởi tính lý tưởng của chính nó, cho nên thực thể phân thành nhiều tồn tại hạn chế ngẫu nhiên và những định chế, mà tính hợp quy luật, sự thống nhất, sự đồng nhất của chúng đối với thực thể đã chuyển thành tính thần chủ quan. Như vậy, bản thân tính thần chủ quan, với tư cách là như thế, lại là kẻ bảo vệ giữ gìn thực thể, nhưng tính lý tưởng ấy lại đối lập với thực tại, vì vậy mà nó biểu hiện ra một cách khách quan trong đầu người ta như là sự tất phải, về mặt chủ quan thì như là ý hướng. Sự biểu hiện của tính thần chủ quan ấy - tính thần ấy phát hiện ra tính lý tưởng bên trong bản thân mình - chính là sự suy xét khái niệm mà đối với nó thì chuẩn mực của cái cá biệt lại là cái xác định trong bản thân mình, là mục đích, cái thiện, nhưng tuy nhiên ở đây cái đó vẫn hiện diện như là sự tất phải của thực tại. Sự tất phải ấy của thực tại cũng còn là sự tất phải của chủ thể đã nhận thức được tính lý tưởng ấy, bởi vì bản thân chủ thể ấy nằm bên trong thực tại ấy và thực tại bên ngoài chủ thể

ấy lại là thực tại của nó. Vậy vị trí của chủ thể mang tính xác định giống như số phận của chủ thể ấy.

Thứ nhất, tính lý tưởng ấy của thực thể đã chuyển thành tính thần chủ thể, đã tách ra khỏi chính thực thể. - điều đó là bước nhảy vọt, là sự tách rời khỏi đời sống thực thể, sự tách rời có gốc rễ nằm trong chính đời sống ấy. Vậy là, đối với bản thân chủ thể thì sự xác định ấy đã trở thành sự thật, thành lực lượng xu là mà chủ thể ấy là hiện thân, thành con quý ở Xô-crát. Trong con quý trực tiếp học là một điều là đối với đời sống ở Hy Lạp triết học chỉ là cái gì đó mang tính chất nội tại, nhưng đồng thời cũng chỉ là cái gì đó mang tính chất bên ngoài. Với sự xác định con quý, chủ thể được định nghĩa như là chủ thể kinh nghiệm đơn độc, vì chủ thể ấy là sự khuếch tử tự nhiên bên trong hệ thống đã biết của đời sống, tách khỏi đời sống thực thể, do đó là đời sống do thiên nhiên quy định, - vì ngay cả con quý cũng thể hiện với tư cách là sự xác định thiên nhiên. Bản thân các nhà nguy biến là những yêu quái như vậy còn chưa phân biệt mình với hoạt động của mình. Xô-crát nhận thức rằng ông là hiện thân của quý. Xô-crát là hiện thân thực thể, nhờ đó mà bản thân thực thể tan biến trong chủ thể. Vậy là, ông cũng là một cái thể mệnh tính thực thể y như các nhà triết học trước kia, nhưng ở dạng chủ thể; ông không khép chặt trong bản thân, ông là hiện thân không phải của hình ảnh thần thánh mà là hình ảnh con người; Xô-crát không phải là một người thần bí, mà một người rõ ràng và sáng chói, không phải là nhà tiên tri mà là con người chan hoà.

Sự xác định thứ hai là: chủ thể ấy đưa ra sự suy xét về sự tất phải, về mục đích. Thực thể đã mất đi tính lý tưởng của

minh, chuyển nó vào tinh thần mang tính chủ thể, và như vậy tinh thần mang tính chủ thể đã trở thành sự xác định trong bản thân thực thể, trở thành vị ngữ của thực thể, trong khi đó đối với tinh thần mang tính chủ thể thì bản thân thực thể ấy lại bị hạ xuống đến chỗ chỉ còn là một sự kết hợp trực tiếp, không hiện mình được và chỉ vừa mới hiện hữu của những tồn tại độc lập. Vậy là, bản thân sự xác định vị ngữ, có liên quan đến cái gì đó hiện hữu, lại mang tính chất trực tiếp, và vì cái hiện hữu ấy lại chính là tinh thần nhân đạo sống động, cho nên sự xác định vị ngữ thực ra lại là sự xác định những khối óc riêng lẻ, là sự giáo dục và dạy dỗ. Sự cần thiết của tính thực thể là sự xác định đích thực của tinh thần mang tính chủ thể biểu thị nó; vậy là, mục tiêu mang tính thể giới cũng là mục tiêu của bản thân nó, học thuyết về mục tiêu ấy là sứ mạng của nó. Do đó, nó kết tinh trong bản thân mình - trong đời sống của mình cũng như trong học thuyết của mình - mục tiêu, điều kiện. Nó là nhà thông thái ở dưới dạng ma trong đó nó đi vào sự vận động thực tiễn.

Và sau hết, vì cá thể ấy đưa ra, về thể giới, sự suy xét của khái niệm, cho nên trong cá thể ấy bộc lộ một sự bất đồng nội tại, và cá thể ấy bị lên án. Vì một mặt, bản thân cá thể ấy bất rã trong cái thực thể, quyền tồn tại của cá thể ấy chỉ dựa trên pháp quyền của nhà nước của nó, tôn giáo của nó, tôn lại - của tất cả những điều kiện thực thể thể hiện ra ở trong cá thể ấy với tư cách là bản chất của cá thể ấy. Mặt khác, ngay trong bản thân nó chứa đựng mục tiêu, mục tiêu ấy là vị quan toàn đối với chính tính thực thể ấy. Vậy, tính thực thể của chính cá thể ấy đã bị lên án ngay trong bản thân nó, do vậy, nó tiêu vong chính vì tổ quốc của nó là tính thần mang tính thực thể, - chứ không phải tính thần tự do chịu đựng

được và khác phục được mọi mâu thuẫn và không buộc phải thừa nhận bất kỳ những điều kiện tự nhiên nào với tư cách là những điều kiện như thế.

Xô-erát có vai trò quan trọng, bởi lẽ ông thể hiện thái độ của triết học Hy Lạp đối với tinh thần Hy Lạp, do đó, ông thể hiện giới hạn nội tại của triết học đó. Điều hiển nhiên là, thật kỳ quặc biết dường nào khi gần đây người ta đã đem so sánh, với thái độ ấy, thái độ của triết học Hy Lạp-ghen đối với cuộc sống và dùng sự so sánh ấy để hiện mình cho sự lên án triết học ấy. Căn bệnh đặc thù của triết học Hy Lạp chính là ở chỗ nó chỉ có quan hệ với tinh thần mang tính thực thể; ở thời chúng ta cả hai phía đều là tinh thần và cả hai phía ấy đều đòi hỏi người ta phải thừa nhận chúng là tinh thần như thế.

Tính chủ thể biểu hiện ở trong hiện thân trực tiếp của nó, với tư cách là đời sống và hành động thực tiễn của hiện thân đó, với tư cách là hình thức trong đó hiện thân ấy đưa những cá nhân riêng lẻ đi từ những tính xác định của thực thể đến sự xác định trong bản thân; nếu gạt sang một bên hoạt động thực tiễn ấy thì nội dung của triết học của nó chỉ là sự xác định trừu tượng về cái thiện mà thôi. Triết học của nó biểu hiện ở chỗ nó thức giục chuyển từ những quan điểm, những sự khác biệt tồn tại một cách thực thể v. v. sang sự xác định trong bản thân; tuy nhiên, nội dung duy nhất của sự xác định trong bản thân thể hiện ở chỗ là sự xác định ấy biểu hiện sự phân tư làm tan rã ấy. Vì vậy, triết học của nó, xét về thực chất, chính là sự thông thái của bản thân nó, tính thiện của chính nó đối với thế giới lại là sự thực hiện tuyệt đối học thuyết của nó về cái thiện, trở thành tính chủ thể hoàn toàn

khác với tính chủ thể thể hiện trong luận chứng của Can-tơ về mệnh lệnh tuyệt đối. Đối với Can-tơ thì thái độ của bản thân ông, với tư cách là chủ thể kinh nghiệm, đối với mệnh lệnh ấy là không quan trọng.

Pla-tôn coi sự vận động là lý tưởng; nếu Xô-erát là linh tương và ông thấy của thế giới, thì ở Pla-tôn những ý tưởng, sự trừu tượng triết học của ông là những hình mẫu của thế giới.

Ở Pla-tôn sự xác định trừu tượng ấy về cái thiện, về mục tiêu được chuyển thành triết học hoàn chỉnh, bao quát thế giới. Tư duy chính là mục tiêu với tư cách là sự xác định tư nó, là sự mong muốn thực sự của nhà triết học, những tư tưởng nội tại đã trở thành những sự xác định thực tế về cái thiện ấy. Sự mong muốn thực sự của nhà triết học, tính lý tưởng tác động trong nhà triết học chính là sự tất phải thực sự của thế giới hiện thực. Thái độ ấy của mình đối với thực tại đã được Pla-tôn thể hiện qua quan điểm cho rằng bay bổng lên trên thực tại là vương quốc độc lập của những tư tưởng (tinh vực ở phần bên kia ấy lại là tính chủ thể của chính nhà triết học) và được phản chiếu trong thực tại ấy dưới hình thức bị che lấp. Nếu Xô-erát chỉ phát hiện ra tên gọi của tính lý tưởng đã chuyển ra thực thể thành chủ thể, còn bản thân ông thì trở thành sự vận động ấy một cách có ý thức, thì thế giới mang tính thực thể của thực tại thực sự giờ đây đã đi vào ý thức của Pla-tôn dưới hình thức lý tưởng hoá, nhưng do vậy bản thân thế giới lý tưởng ấy đã tự phân nhỏ trong nó một cách cũng đơn giản y như cái thế giới thực thể thực sự đối lập với nó đã bị phân nhỏ. Về điểm này A-ri-xtôt đã có một nhận xét hết sức chính xác:

"Thật vậy, sự lượng ý tưởng khoảng chừng chừng thiếu như, hoặc không

ít hơn, số lượng sự vật mà từ đó những nguyên nhân nguyên cứu chúng đã đi đến những ý tưởng ấy" (A-ri-xtôt, "Sơ luận học", quyển I, chương 5).

Vậy là bản thân nhà triết học quan niệm về tính xác định và sự phân nhỏ của thế giới như là cái gì đó bên ngoài, sự vận động đã bị loại bỏ khỏi thế giới ấy.

"Tuy nhiên, ngay cả với sự hiện hữu của các ý tưởng thì những sự vật cụ thể quan đến những ý tưởng ấy vẫn không nảy sinh nếu không có cái mà sự vận động sẽ sản sinh ra" (như trên).

Nhà triết học, với tư cách như vậy - nghĩa là nhà thông thái, chứ không phải là sự vận động của tính thần thực sự nói chung - như thế là đã trở thành chân lý bên ngoài của cái thế giới thực thể đối lập với nhà triết học. Pla-tôn đã thể hiện hết sức rõ ràng điều đó khi khẳng định rằng, các nhà triết học hoặc phải trở thành những ông vua, hoặc các ông vua phải trở thành những nhà triết học để nhà nước thực hiện được sự mạng của mình. Dựa vào những mối liên hệ của mình đối với một bạo chúa như thế, bản thân Pla-tôn đã từng có một mưu toan như vậy. Trong cái nhà nước của Pla-tôn ta thấy có một đẳng cấp nhưng kẻ có tri thức" với tư cách là đẳng cấp đặc biệt và tối cao.

Tôi sẽ nhắc thêm hai nhận xét nữa mà A-ri-xtôt đưa ra, vì những nhận xét này còn cung cấp những sự giải thích hết sức quan trọng về hình thái ý thức của Pla-tôn và nó liên quan đến khía cạnh mà chúng ta xem xét ý thức ấy đối với đời sống.

A-ri-xtôt nói về Pla-tôn như sau.

"Trong tác phẩm 'Phê-đông' có đưa ra ý tưởng cho rằng những tư tưởng đầu là những nguyên nhân cả đối với tồn tại, cả đối với sự xuất hiện

của các sự vật, sự kiện xảy ra và sự biến hữu của các sự tương tự những sự vật có liên quan đến chúng vẫn không xảy ra được nếu không có cái mà sự vận động của sinh ra và diệt đi (như trên).

Platon có ý định chuyển vào lĩnh vực triết lý tưởng chừng những các vật hiện hữu, mà cả lĩnh vực tồn tại triết lý tưởng ấy chính là vương quốc khép kín, đặc thù riêng biệt ở bên trong bản thân ý thức triết học, - do vậy, trong nó không có sự vận động.

Bản thân mẫu thuẫn ấy trong ý thức triết học phải khách thể hoá đối với nó, ý thức triết học phải vượt hồ ra khỏi mình mẫu thuẫn ấy.

"Tiếp nữa, những tư tưởng là kiểu mẫu không chỉ đối với các sự vật được cảm thụ bằng cảm giác, mà cả đối với chính bản thân các tư tưởng, vì dụ như loài đối với học như vậy cũng một cái lại vừa là kiểu mẫu, lại vừa là sự sao chép" (A-ri-x-tô, như trên)

Lu-cre-xô nói như sau về các nhà triết học cổ đại ở I-ô-ni:

"... Thật hùng khi họ phát hiện ra

những điều quý báu,

Và từ những góc thương lượng của trái tim đã phải thức ra

những lời giải đáp

Còn thương lượng hơn nhiều và chính xác hơn nhiều

Hơn là những câu giải đáp mà nhà tiên tri ở Den-pho nói với chúng ta

to thấp hạ chân của Pháo-bi dưới vầng nguyệt quế..."

([*"Về bản chất của các sự vật"*] qu. I, tr. 128-129)

Để nhận định triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-na thì những yếu tố dưới đây là quan trọng:

1. *Tính chất tĩnh hằng của vật chất*, tính chất này có mối liên hệ với việc thời gian được xem là cái ngẫu nhiên của những cái ngẫu nhiên, là điều gì đó chỉ đặc trưng cho những liên kết và những sự kiện ngẫu nhiên diễn ra trong những liên kết ấy. do vậy, thời gian được xem là cái gì đó nằm bên ngoài khỏi nguyên vật chất. ở bên ngoài: bản thân nguyên tử. Tiếp nữa, điều này có liên quan đến sự thể là đặc trưng của thực thể của triết học Ê-pi-quy-na chỉ là sự phản chiếu bên ngoài. nó là sự thiếu vắng nhưng tiến đế, là sự tuỳ tiện và ngẫu nhiên. Ngược lại, thời gian là sự phạm của thiên nhiên, của cái tồn cùng. Là sự thống nhất phủ định với bản thân mình, là sự tất yếu nội tại của nó.

2. Khoảng trống, sự phủ định không phải là cái phủ định ở bên trong bản thân vật chất, nhưng lại hiện hữu ở nơi nào không có vật chất. Vậy là, cả về mặt này bản thân vật chất tự nó là vĩnh hằng.

Trong xương thụ của ý thức triết học Hy Lạp trước mặt chúng ta cuối cùng đã hiện ra - đó trong bóng tối của trầm tượng và dưới cái ô tối đen của nó - cũng vẫn hình ảnh vốn đặc trưng cho triết học Hy Lạp khi nền triết học ấy còn tràn đầy sức sống và buồn ngạo ngé trên và đại toàn thế giới: vẫn lộ rõ chính cái hình ảnh đã từng nhìn thấy các vị thần ngay cả trong lò sưởi đang rực lửa đã từng uống cạn bình thuốc độc - như thượng đế của A-ri-x-tô - với niềm rục rạc và hương sự hoàn lạc lý luận.

TRIẾT HỌC Ê-PI-QUYA

Tập thứ ba

III. PLU-TÁC-XƠ. 1. "VỀ VIỆC ĐI THEO Ê-PI-QUYA THÌ KHÔNG THỂ SỐNG HẠNH PHÚC"

2. "CỎ-LỐT" [CHỐNG LẠI CỎ-LỐT]

III] PLU-TÁC-XƠ: 1) "VỀ VIỆC ĐI THEO Ê-PI-QUYA THÌ KHÔNG THỂ SỐNG HẠNH PHÚC"

[III. 10 - 11] "Ê-pi-quya coi mục tiêu chung đối với chúng tôi là những sự khốn khổ là *chấm dứt mọi nỗi đau đớn* của họ và chính vì vậy làm tăng cái thù vị kẻ cả sự biến mất đau đớn và *không có khả năng đi ra khỏi giới hạn ấy* (không đủ vào [khỏi lạc] cũng cho phép có những sắc thái không quan trọng nào đó khi mà không đạt được sự không có những đau khổ). Con đường mà chúng ta đi để hướng đến mục tiêu ấy và là theo đó những khốn khổ thật ngắn ngủi và chật hẹp. Do đó họ [các nhà triết học theo Ê-pi-quya] an cảm thấy sự suy yếu địa vị của mình nên đã *chuyển niềm vui sướng cao nhất ra khỏi thế xác như là từ một môi trường không sinh sản, và đưa vào tâm hồn*" (tr.1988).

[IV. 1] "Phải chăng anh không cảm thấy rằng những người ấy [những người theo Ê-pi-quya, đã hạnh phúc đang ảnh hưởng đến câu tu từ thế xác, nên anh họ coi là mầm mống [của] khốn khổ] tôi chuyển sang tâm hồn như là [yếu tố] vững chắc hơn, và trong tâm hồn họ đưa mọi nỗi đau sự kết thúc?"

Câu trả lời cho câu hỏi ấy là: sự chuyển dịch ấy có thể đúng, nhưng:

[IV. 3] "Kìa anh nghe thấy họ chứng minh và kêu gọi rằng tâm hồn có thể vui sướng và hoàn lạc với sự tin tưởng sai khi nào đã có hoặc có thể xuất hiện những sự khốn khổ của thế xác - thực họ, những sự khốn khổ ấy là niềm vui sướng cao nhất của tâm hồn - phải chăng anh không cảm

lấy lòng họ sử dụng tâm hồn như một loại đất đai: phải gieo với thể xác dù rút qua đó [các phước] sự khoan lạc và khoái thể xác, giống như khi người ta rút rơm từ chiếc bình hỏng và dùng để lấy nước tưới lành mới và để cho nước có thêm lâu năm, vì cho rằng nước đó sẽ ngon hơn và quý hơn đôi chút" (tr.1038).

Cần ở đây nữa, cả Ptu-tác-xơ cũng bộc lộ sự không am hiểu của mình về tính chất quan của Ê-pi-quy-a. Việc Ptu-tác-xơ nêu ra rằng ở Ê-pi-quy-a không có bước chuyển dịch đặc thù "từ sự khoái lạc thể xác sang sự khoái lạc tâm hồn" đã có một ý nghĩa nói chung là quan trọng: cần xác định chính xác hơn xem vấn đề này được Ê-pi-quy-a giải quyết như thế nào.

[IV, 4] "[Về những khoái lạc tâm giác thì tâm hồn cảm thụ chúng chỉ giữ lại kỷ ức về chúng mà không có gì nữa - về [bản thân] kỷ ức [về những sự khoái lạc] chỉ là hình ảnh phản chiếu] yếu ớt" (tr.1039)

[IV, 5] "Anh hãy chú ý đến việc những nhà triết học ở xứ Ku-rô-nai bị sa lầy trong những triết học tuy rằng họ đã đồng chung với Ê-pi-quy-a một bình rơm: họ không cho rằng có thể hưởng những khoái lạc ai định giữa ban ngày, nhưng họ cho phép làm việc đó chỉ trong bóng tối, để ý nghĩ, do tiếp nhận vào mình những hình ảnh, những hành vi diễn ra trước mắt, không thấu bằng [quả] thường xuyên dục vọng".

[IV, 6] "Cần họ [những người theo Ê-pi-quy-a] thì nghĩ rằng nhà thông thái có đặc điểm lớn nhất ở chỗ là ông ta nhìn ra rằng và giữ lại trong tâm hồn những dấu hiệu của khoái lạc, của đau đớn và của sự vận động, đó không nói rằng họ không phát biểu ra điều nào xung đồng với sự thông thái, vì cho phép giữ lại trong tâm hồn nhà thông thái những căn cứ của khoái lạc, giống như người ta giữ lại trong nhũ bà cốt của người chết" (tr.1039).

[IV, 8] "Sự xán ló ý của tâm hồn theo kiểu sự xán ló của thân Va-khơ - Với những hồi ức... tâm lý và sự ham muốn không khớp và hoang dã của những biểu hiện khoái lạc đang trải qua và đang được chờ đợi" (1039).

[IV, 10] "Tôi cảm thấy rằng do đã bản thân họ [phái Ê-pi-quy-a] vì nhận ra sự phải lý mà [những nguyên lý của họ dần dần], nên đã đi đến sự không hiểu hơn của những đau đớn và đến trạng thái lành mạnh của thể xác... Bởi vì, như họ đã noi theo thái lành mạnh của thể xác và niềm hy vọng vững chắc về việc duy trì được trạng thái lý đã đem lại niềm vui to lớn nhất và vững chắc nhất cho những ai có thể nhận được điều đó".

[IV, 11] "Anh hãy trước hết chú ý đến điều họ đang làm khi rơi ra khỏi lạc - lúc thì sa khoái lạc, lúc thì trạng thái không đau đớn hoặc trạng thái sức khoẻ tốt, từ thể xác vào tâm hồn và ngược lại, từ tâm hồn qua thể xác, mà không gặp phải trở ngại khi rơi qua rớt lại... Họ đã phải trở lại điểm xuất phát: "Ê-pi-quy-a nói rằng họ coi cái thể vô định với thể xác là cơ sở cho niềm vui của tâm hồn, mặt khác, họ làm cho niềm vui của tâm hồn kết thúc bằng hy vọng về sự khoái lạc" (tr.1039)

Nhận xét này có ý nghĩa quan trọng đối với phép biện chứng của Ê-pi-quy-a về khoái lạc, tuy rằng Ptu-tác-xơ đã phê phán không dùng phép biện chứng ấy. Theo Ê-pi-quy-a, bản thân nhà thông thái ở trong trạng thái không ổn định, trạng thái ấy xác định "sự khoái lạc". Chỉ có thượng đế mới là "sự hoàn lạc", là sự tĩnh lặng thuần khiết của cái hư vô tự tại, là sự thiếu vắng hoàn toàn của mọi tính xác định, - chính vì vậy thượng đế ở bên ngoài thế giới, chứ không ở bên trong thế giới, khác với nhà thông thái.

[V, 3] "Bởi vì thường xảy ra trường hợp trạng thái lành mạnh của thể xác không kết hợp trong tâm hồn nhà thông thái với niềm tin chính xác và vững chắc đối với thể xác" (tr.1090)

Ptu-tác-xơ phản bác Ê-pi-quy-a, cho rằng do có khả năng xảy ra những đau đớn nên không thể có tự do trong sự hiện hữu của sức khoẻ hiện tại. Nhưng, thứ nhất, tinh thần kiểu Ê-pi-quy-a hoàn toàn không quan tâm đến những khả năng:

vì tính tương đối tuyệt đối, tính ngẫu nhiên của quan hệ, tư nó, chỉ là tính phi tương đối, cho nên nhà thông thái của Ê-pi-quya xem trạng thái của mình là không có tính tương đối, vì thế trạng thái ấy là đáng tin cậy đối với nhà thông thái ấy. Bởi lẽ nhà triết học theo trường phái Ê-pi-quya chỉ quan niệm thời gian như là sự ngẫu nhiên của những sự ngẫu nhiên, - làm thế nào mà cái bóng của nó lại có thể xuyên qua được cái sương bất di bất dịch của trạng thái thụ thái? Nếu nhà thông thái ấy cho rằng thể xác - cái tiền đề gần nhất ấy của tính thân có thể - lành mạnh thì như vậy là trước mặt tính thân đã mở ra tính phi tương đối của nó, bản chất bất sinh của nó, thể hiện ở chỗ là thể xác khỏe mạnh, bất biến đối với thế giới bên ngoài. Nếu trong khi xuất hiện các đau đớn mà bản chất ấy của nó được nó quan niệm qua những ảo mộng và khát vọng về những trạng thái đặc biệt trong đó thể hiện trạng thái đặc trưng tính thân nêu trên của nó, thì điều đó chỉ có nghĩa là có nhân, với tư cách như vậy, đang chiêm ngưỡng - theo kiểu của cá nhân - tính chủ thể lý tưởng của mình mà thôi; đó là một nhận xét hoàn toàn đúng đắn. Xét theo quan điểm của Ê-pi-quya thì lời phản bác của Plu-tác-xơ chỉ có nghĩa là không có tự do của tính thân trong một thể xác lành mạnh, bởi vì tự do ấy chính là đã hiện hữu; vì nếu đem chuyển khả năng vào thế giới bên ngoài thì đó là điều không cần thiết bởi vì thực tại chỉ được xác định như là khả năng, như là sự ngẫu nhiên. Còn khi xem xét vấn đề trong tổng thể của nó thì thấy rằng nếu thật sự làm u buồn trạng thái tốt bởi những chi tiết ngẫu nhiên thì điều đó chính có nghĩa là khước từ cái tổng thể; điều đó là có nghĩa: trong môi trường tự do lại nghĩ đến những sự hỗn hợp khác nhau, đến những độc khí bắt nguồn từ những loại thảo mộc chưa độc tố, đến sự hít vào của các động vật bé nhỏ; điều đó

dẫn đến hậu quả là không phải là sống, vì có thể chết, v.v., dẫn đến hậu quả làm cho bản thân bị tước mất sự hoàn hảo với cái tổng thể để sa lầy vào những chi tiết bộ phận. Cái đầu như vậy chỉ quan tâm đến những chuyện nhỏ nhặt hết sức không đáng kể, cái đầu ấy thậm trọng đến mức không nhìn thấy điều gì cả. Sau hết, nếu Plu-tác-xơ nói rằng cần quan tâm đến việc giữ gìn sức khỏe của thể xác, thì cả Ê-pi-quya cũng quan tâm đến điều tâm thường ấy, nhưng một cách sâu sắc hơn: người nào cảm nhận được rằng trạng thái chung là chân lý, người đó quan tâm tốt hơn đến việc gìn giữ trạng thái ấy. Đó là lý trí lành mạnh của con người. Nó tưởng rằng nó có quyền đem những điều ngu ngược hết sức phi lý và những điều tầm thường của mình đối chọi lại với các nhà triết học, coi chúng như là terra incognita^{1*} nào đó. Nó tưởng mình là nhân vật Cô-lông đang làm trò ảo thuật với vô trùng. Ê-pi-quya, với việc xác sang một bên hệ thống của ông ấy (vì đây là quyền của ông ấy, summum jus^{1*}), nói chung đã tỏ ra đúng ở khía cạnh là nhà thông thái coi bệnh tật là không tồn tại, nhưng về bề ngoài đã biến mất. Vậy, nếu ông ta ốm thì ông ta quan niệm điều đó là sự biến mất không có độ dài thời gian; nếu ông ta, trong trạng thái thực của mình, tỏ ra khỏe mạnh thì đối với ông ta không tồn tại về bề ngoài, và ông ta phải làm cái gì đó quan trọng hơn là suy nghĩ rằng cái về bề ngoài ấy là ra đã có thể tồn tại. Nếu ông ta ốm đau, thì ông ta không tin vào bệnh tật; nếu ông ta khỏe mạnh thì ông ta cho rằng đó là trạng thái phù hợp với ông ta, tức là ông ta hành động như một người khỏe mạnh. Một Plu-tác-xơ màu đỏ, hồi tưởng lại Ê-si-lô, Áp-ri-pít và thậm chí hồi tưởng lại bác

^{1*} - miền đất chưa hề biết đến

^{1*} - quyền tối cao

sĩ Híp-pô-crát, miễn sao không hưởng lạc thú là sức khoẻ. - một Plu-tác-xơ thật thâm hui biết bao so với nhân vật kiển quyết và khoẻ mạnh ấy!

Tư bản thân sức khoẻ, với tư cách là trạng thái đồng nhất với bản thân, bị lãng quên đi, trong trạng thái khoẻ mạnh thì không cần quan tâm đến thể xác; sự khác biệt ấy chỉ bắt đầu xuất hiện khi bị ốm đau.

Vì Đ-pi-quya tuyệt nhiên không mong muốn một cuộc đời vinh hân, - lại càng ít có thể làm ông ta lãng khi khoảnh khắc trước mắt có thể ẩn giấu trong điều bất hạnh.

Lời phân bác dưới đây của Plu-tác-xơ cũng sai lầm như thế:

[VI, 1] "Họ nói, bởi vì những con người có hạnh vi không đứng đắn và trái pháp luật lại sống bất hạnh và luôn luôn ở trong trạng thái sợ hãi, bởi vì cho dù nếu họ che giấu được (những hành vi bất hảo của mình) thì họ dù sao cũng không thể có niềm tin vững chắc rằng những hành vi sai trái ấy sẽ không bị phát hiện. Do vậy, mỗi ai há thường xuyên đề nghị lên họ và tương lai đã không cho phép họ vui sướng, cũng như có thái độ bình thần đối với hiện tại."

[VI, 2] "Tha những người thuộc trường phái Đ-pi-quya không nhận ra rằng điều họ nói cũng liên quan đến bản thân họ. Bởi vì nhiều khi thể xác có thể ở trong trạng thái phấn khích và khoẻ mạnh, nhưng tuy vậy không thể tin chắc vào sự duy trì trạng thái ấy; như thế, sẽ phải luôn luôn phải phụng và lo lắng chỉ vì trạng thái của thể xác trong tương lai" (tr.1090).

Trên thực tế điều diễn ra chính là trái ngược với điều gì Plu-tác-xơ giả định. Chỉ khi nào một cá nhân riêng lẻ, vi phạm luật lệ và tập quán chung thì ông ta coi chúng là tiến bộ; ở ông khuất hiện sự bất đồng với chúng, chỉ có "niềm tin"

mọi có thể là sự PHẠM NGUY của ông, song niềm tin ấy không có gì bảo đảm hết cả.

Nói chung điều lý thú là trong mọi lĩnh vực Đ-pi-quya vượt bỏ cái trạng thái gây ra sự học lộ tiền đề trong tư cách là như thế, và ông còn ca ngợi và xem là trạng thái bình thường khi tiền đề bị ẩn giấu. Nhìn chung không có nơi nào nói đến chỉ riêng "cái thể xác". Trong sự công bằng có ý nghĩa trừng phạt người ta thấy bậc lộ chính mối liên hệ nội tại, sự tất yếu thâm lạng, và thể là Đ-pi-quya loại bỏ phạm trù của nó ra khỏi lạng-giê, cũng như đã loại bỏ cả thực tại bề ngoài của nó ra khỏi cuộc đời nhà thông thái. Trái lại, tính ngẫu nhiên mà con người chính trực bị đẩy vào lại là một quan hệ bề ngoài nào đó, tính ngẫu nhiên ấy không đưa nhà thông thái ra khỏi tính tương đối của ông ta.

Qua đó ta thấy rằng lời phân bác dưới đây của Plu-tác-xơ thật vô căn cứ biết nhường nào:

[VI, 3] "Anh không làm điều gì sai trái, điều này không có (theo Đ-pi-quya) một ý nghĩa nào cả đối với sự duy trì trạng thái bình thần của tâm hồn, bởi vì chẳng có gì đáng sợ nếu anh chịu sự trừng phạt công bằng, mà điều đáng sợ là nói chung anh có thể bị trừng phạt" (tr.1090)

Plu-tác-xơ cho rằng Đ-pi-quya phải suy xét chính là theo cách đó, tuân theo những luận điểm cơ bản của mình. Ông ta không nghĩ rằng có thể Đ-pi-quya đã xuất phát không phải từ những luận điểm cơ bản mà ông ta gán cho Đ-pi-quya.

[VI, 4] "Bản chất của thể xác chưa đựng trong mình những yếu tố gây bệnh tật và rút ra những đau đớn và chính chỗ xác, như đã nói trong câu tục ngữ thông đạt: '[ấy] thất lung từ con bê đực'. - Bản chất này của thể xác là nguyên nhân đầy đủ đã làm cho cuộc sống trở nên không đáng tin cậy và khủng khiếp cho cả những người trung thực năng như những người

sầu, (điều may về thiên) vì họ đã có thời quen đời niềm vui và niềm tin không trên một cơ sở nào khác ngoài vũ trụ là thể xác và niềm hy vọng vào thể xác, như E-pi-quya đã viết trong nhiều quyển sách khác, đặc biệt là trong cuốn sách ông trình bày về phúc lợi tối cao" (tr.1090 - 1091).

[VII, 1] "Giá như làm y hèn của họ [còn] trạng thái E-pi-quya niềm vui và hạnh phúc là ở sự giải phóng khỏi cái ác. Nhưng theo sự khẳng định của họ, không thể nghĩ ra được điều gì khác và nơi chung trung thiên nhiên không có cái gì mà trong đó lại có thể chữa được phúc lợi, và chúng chỉ là ở nơi nào đó tổng có được cái ác." (tr.1091).

[VII, 2] "Cũng có những lời tuyên bố như thế ở bên ngoài E-pi-quya, là người đã khẳng định rằng "bản chất của cái thiện là ở sự tránh xa cái ác", cũng như ở việc hồi tưởng và suy ngẫm về điều đó, và ở niềm vui trước điều đó xảy ra. Ông nói tiếp, điều tạo ra niềm vui không gì sinh nổi chính là sự ý thức được rằng đã tránh khỏi được điều đại ác. Chính đó là bản chất của cái thiện, miễn là phải hiểu đúng và đúng trên cơ sở đó thay vì bị hòa lẫn vào dòng chảy của thiên" (tr.1091).

"Vô vấn!" - dẫn đây Plu-tác-xơ thoát lên như vậy.

[VII, 4] "Như vậy là họ không thua kém lớn và nhỏ... tuy nhiên, đối với những con vật mà xét theo bản chất thì là những con vật tinh tế và hoa mỹ thì việc tránh xa cái ác không phải là mục tiêu tối thượng... tránh xa được cái ác, chúng tìm kiếm phúc lợi, hay nói đúng hơn, chúng hết bủ dờ trở ngại, đó là tất cả những gì gây cho chúng đau đớn và ghê tởm [đối với bản chất của chúng], và chúng đạt được điều đó để hưởng tới những gì được trạng thái đối với chúng và tốt hơn đối với chúng" (tr.1091). [VIII, 1] Lại gì là cần thiết thì không phải là điều thiện" nhưng ở phía sau của sự tránh xa cái ác lại là điều cần hướng tới và cần được lựa chọn"").

Plu-tác-xơ trong khi coi đây là điều siêu thống thái, lại đã

khẳng định rằng ngoài sự cần thiết - tức là bỏ chạy khỏi cái ác - động vật còn hướng cả tới phúc lợi nằm ở phía bên kia sự bỏ chạy đó. Đối với loài vật điều đặc trưng chính là ở chỗ nó cũng còn hướng cả tới phúc lợi nằm ở bên ngoài nó. Theo quan điểm của E-pi-quya thì không có phúc lợi nào, đối với con người, lại nằm ở phía bên kia của sự bỏ chạy đó. Đối với loài vật điều đặc trưng là ở chỗ nó cũng còn hướng cả tới phúc lợi nằm ở bên ngoài nó. Theo quan điểm của E-pi-quya thì không có phúc lợi nào, đối với con người, lại nằm ở bên ngoài con người; phúc lợi duy nhất mà con người có được đối với thế giới lại là sự vận động phù định, thể hiện ở việc trở thành tự do với thế giới.

Ở E-pi-quya tất cả những cái đó được biểu hiện ra dưới dạng có thể, điều này xuất phát từ nguyên lý triết học của ông mà ông nêu lên với tất cả những kết luận bất nguồn từ triết học đó; lối diễn đạt phi lý mang tính chất hồ lẩn của Plu-tác-xơ không thể bác bỏ được những kết luận ấy.

[VIII, 3] Bởi vì, tuy là điều đáng ghét, khi thể xác bị bệnh ngứa ban đầu hoặc khi đau mắt bị viêm loét, nhưng việc giải thể xác hoặc lau mắt bị viêm vẫn chưa phải là điều gì đó đặc biệt; và nếu sự đau đớn, nỗi khiếp sợ là chủ yếu vì thân và sự lo lắng về điều xảy ra trong nhà tắm niệm đức là điều ác, có thể được xem là hạnh phúc và đáng ngạc nhiên sự tránh né những nỗi khiếp sợ kia trên cùng ít - ít với mức độ như thế" (tr.1091).

[VIII, 4] "Nhưng họ chỉ ra cho niềm vui một môi trường hoạt động qua chơi và không đáng kể... vì hoạt động ấy chỉ bao gồm việc khắc phục những quan niệm kỳ quặc về những nỗi khiếp sợ nêu trên và coi định cao của sự không thái là những gì mà rõ ràng là loài vật có thể tiếp cận được".

[VIII, 5] "Bởi vì, nếu như trong điều kiện thể xác không bị đau đớn

" - Về vấn đề này A-roxio có ý kiến hoàn toàn khác; trong tác phẩm "Sử hình học" ông chứng minh rằng trong giới những người từ do sự cần thiết tự nhiên ở mức độ lớn hơn là trong giới những nô lệ

" Trong bản viết tay những dòng trong ngoặc đơn đã được bác bỏ theo bản dịch Lavinia.

người ta không thấy có gì quan trọng dù cho sự giải thoát khỏi những đau đớn ấy đạt được là nhờ hoạt động của chính nó hay là nhờ sức mạnh của thiên nhiên. - thì đối với sự bình thản và tình thần rên rỉ chẳng có gì khác nhau dù nó (tình thần) có được trạng thái như thứ ta nhỏ chính bản thân mình hay là nhờ thiên nhiên”

[VIII, c] “... Và như thế sẽ thấy là học phái Ê-pi-quya không hề có tư thế gì đối với các cơn đau. Bởi vì những cơn vật ấy cũng không là nỗi lo lắng về những gì người ta kể về nơi tưng niệm và về các vị thần, cũng như chúng không chờ đợi những nỗi buồn và đau đớn vô biên” (tr.1091 - 1092).

[VIII, 7] “Thứ vậy, bản thân Ê-pi-quya rõ nói rằng nếu như chúng ta tuyệt nhiên không bị những nỗi lo trước các hiện tượng vũ trụ và bị lo lắng bởi ý nghĩ về cái chết và về những đau đớn, thì chúng ta đã không cần đến môn khoa học về thiên nhiên” (tr.1092).

[VIII, 8] “Vị mục đích của học thuyết của họ (của trường phái Ê-pi-quya) về các vị thần là nhằm khắc phục nỗi khiếp sợ trước thượng đế, và do đó, là sự giải phóng khỏi nỗi lo lắng, cho nên tôi cho rằng đạt được điều đó một cách chắc chắn hơn sẽ là những ai nơi chúng không nghĩ đến thượng đế, hơn là những người đã học được cách suy nghĩ về một thượng đế không gây hại; bởi vì chúng (những cơn vật) không được giải phóng khỏi những mối tin dè dặt, nhưng chúng thậm chí đã không bị đẩy vào những dự đoán; cho nên chúng không tỏ bộ ý nghĩ gây nên sự lo lắng, ý nghĩ về thượng đế, nhưng ở chúng chưa hề bao giờ có ý nghĩ đó”

[VIII, 9] “Cũng cần nói như thế về những gì có liên quan đến nơi tưng niệm” (tr.1092).

[VIII, 9 - 10] “Những nỗi hoài nghi và nỗi khiếp sợ về điều gì sẽ xảy ra sau cái chết thì ít đặc trưng hơn cho những ai nơi chúng không có quan niệm về cái chết, hơn là cho những ai có ý đi đến kết luận cho rằng cái chết tuyệt nhiên không liên quan đến chúng ta. Dù sao cái chết cũng liên quan đến những người loại sau ấy, vì họ suy xét và nghĩ đến cái chết; nên cơn vật thì nơi chúng không nghĩ đến những gì không liên quan đến

chúng, và nếu chúng bỏ chạy khỏi những cơn đánh và cảm thấy sợ hãi trước khả năng bị thương hoặc bị giết chết thì trong cái chết chúng sợ chính các điều đáng khiếp sợ có đối với họ (đối với trường phái Ê-pi-quya)” (tr.1092)

Trường phái Ê-pi-quya đòi hỏi phải tránh xa môn toán học. - Plu-tác-xơ, tác phẩm đã nêu tr.1094.

[XII, 1] “Có một nhân vật tên là A-pm-ai-xơ được họ ngưỡng mộ và thần phục vì ông này - như họ viết - ngay từ đầu đã tỏ ra xa lạ với toán học, đã giữ được sự trong trắng của mình (không bị hơ dơ)”.
 Cũng như vậy về lịch sử v.v. - Hãy xem Xêch-xô Em-pi-ri-ích. Plu-tác-xơ quy cho Mê-tơ-rô-đoc có tội lớn vì ông này đã viết như sau:

[XII, 2] “Vị vậy - ông ta (Mê-tơ-rô-đoc) nói - anh đừng bối rối khi anh không biết Hec-to đã chiến đấu cho bên nào, hoặc anh không biết những câu thơ đầu trong bản trường ca của Hô-me, hay là không biết những câu thơ trong đoạn giữa của bản trường ca ấy” (như trên).

[XIII, 1] “Ê-pi-quya nói rằng, một mặt, nhà thông thái yêu thích cảnh tinh diễm và tham dự các cuộc trình diễn âm nhạc và kịch trong lá hồ thần Di-ô-ni-sô-ô-ô, để có niềm khoái lạc không thua kém bất kỳ người nào khác, nhưng mặt khác, nhà thông thái, ngay cả trong cuộc tọa đàm quanh chiếc bàn, cũng không dành chỗ cho việc thảo luận các vấn đề âm nhạc và những công trình nghiêm cứu ngữ văn của các nhà phê bình” v. v. (tr.1095).

[XV, 4] “Tuy nhiên, chính bản thân họ thì nói rằng làm điều thiện thì thích thể hơn là nhận được điều thiện” (tr.1097).

“Chính bản thân họ” đó là những người đã bị rơi vào tà thuyết của Ê-pi-quya.

[XVIII, 5] “Tiếp đó, Ê-pi-quya thừa nhận rằng có một số (có lẽ là những khoái lạc) nảy sinh nhờ danh tiếng” (tr.1099).

Điều đáng chú ý nhiều hơn là những lời phản bác mang tính đạo đức hời hợt nêu trên của Plu-tác-xơ, - đó là cuộc luận chiến của ông chống lại thần học của Ê-pi-quy-a, không phải từ bản thân sự luận chiến đó, vì vậy ở đây ta thấy rõ ý thức thường nhật - ý thức này nhìn chung đứng trên quan điểm Ê-pi-quy-a - chỉ sợ hãi không dám đưa ra một kết luận triết học công khai. Đồng thời cần luôn luôn thấy rằng Ê-pi-quy-a không quan tâm đến "khởi lực" cũng như đến tính chính xác mang tính cảm giác, không quan tâm bất cứ điều gì ngoài tự do của tinh thần và tính độc lập của tinh thần.

Vậy, chúng ta hãy xem xét những nhân xét riêng lẻ của Plu-tác-xơ.

[XX. 3] "Về khởi lực thì ông ta (tức là Ê-pi-quy-a) đã nêu ra học thuyết của trường phái Ê-pi-quy-a - khi học thuyết ấy được thực hiện thành công và có kết quả - đã thủ tiêu nỗi sợ hãi và sự mê tín, nhưng lại không đem lại những vị thần cho niềm vui và thích thú. Học thuyết ấy đặt chúng ta vào một quan hệ với các vị thần mà trong đó chúng ta không nhận được ở các vị thần ý tứ và lòng cũng như niềm vui" (nghĩa là những vị thần ấy không liên quan đến chúng ta "giống như những con cá vàng bên Ghê-tê-can [Ca-xpien, B.T.] mà chúng ta không thể chờ đợi chúng đem lại điều tốt, cũng như điều xấu".

[XX. 4] "Nếu như cần phải bỏ sang thăm điều gì đó vào những gì đã nói thì tôi cảm thấy rằng có thể vay mượn điều đó ở chính bản thân họ. Trước hết họ chống lại những người loại bỏ sự buồn đau, nước mắt và những lời khạc than nhận cái chết của những người thân cận, và họ nói rằng thái độ không nhạy cảm với những nỗi buồn đang biến thành sự vô cảm giác, là bắt nguồn từ một điều ác khác, còn lớn hơn, sự thờ ơ là sự tàn bạo, lòng hạo danh và sự hạo lòng của họ. Vì thế, cái buồn nếm trải thành người nhạy cảm, có thể cảm nhận nỗi khổ đau, không rợn thẹn nước mắt và thêm chi biết giao hảo và không kiêu chê những biểu hiện khác của tình cảm. Điều đó gây ấn tượng tiêu cực và thậm chí."

[XX. 5] "Ê-pi-quy-a đã nêu ra điều đó trong nhiều chỗ trong những cuốn sách của ông" (tr.1191)

Plu-tác-xơ nói chung không hiểu ý nghĩa những suy xét của Ê-pi-quy-a về nỗi sợ hãi trước thượng đế; ông không hiểu nổi tại sao ý thức triết học lại muốn thoát khỏi nỗi sợ hãi ấy. Một người bình thường không hiểu được điều đó. Plu-tác-xơ vì thế đã dẫn ra những ví dụ thực nghiệm tâm thường chứng tỏ rằng niềm tin này không đáng sợ lắm đối với công chúng.

Đối chọi lại Ê-pi-quy-a, Plu-tác-xơ thoát đầu xem xét niềm tin của "dám dõng" vào thượng đế và nói rằng dĩ nhiên là ở dám dõng ý nguyên này, một mặt, thể hiện qua nỗi sợ hãi. Cảm giác sợ hãi chính là cái hình thức duy nhất trong đó Plu-tác-xơ đã có thể hiểu được nỗi sợ hãi gây ra cho tinh thần tự do bởi một cá nhân có quyền lực vạn năng, nuốt chửng tự do, do đó, đẩy những người khác ra xa mình. Sau đó ông cho rằng:

[XXI. 3] "Bởi vì những kẻ sợ hãi, ngại (thượng đế) như một chửa đẻ có thiện cảm với những người tốt những nghiêm khắc với những người xấu, - cứ như nỗi sợ hãi ấy mà thoát khỏi lãnh đạo phạm phải những điều sai trái và không cần đến nhiều vì cứu tinh khác, sự cảm giận của họ dần dần được kiềm chế và nhờ vậy họ ít trải qua những đau khổ tâm hồn, hơn là những kẻ làm theo thói hư tật xấu và phạm phạm phải những tội lỗi để rồi sau đó sợ hãi và đau khổ vì lương tâm cắn rứt" (tr.1191).

Vậy, cảm giác sợ hãi ấy ngăn ngừa họ khỏi điều ác, tựa hồ như bản thân nỗi sợ hãi nội tại ấy không phải là điều ác. Vậy đâu là thực chất của cái ác mang tính kinh nghiệm? Thực chất ấy thể hiện ở chỗ cá nhân khép mình vào bản năng tính kinh nghiệm của mình để chứng lại bản chất vĩnh hằng của

mình, nhưng phải chăng cả nhân ý cũng dễ làm chính cái điều đó khi cả nhân ý đẩy xa khỏi mình bản chất vĩnh hằng của mình, xem nó như là bản chất rơi vào cảnh cô lập, vào kinh nghiệm, do đó - cả nhân ý xem bản chất ấy như là thượng đế kinh nghiệm ở bên ngoài bản thân mình? Hay là nắm đem lại ý nghĩa chủ yếu cho hình thức quan hệ? Như thế, thượng đế trừng phạt kẻ dữ, nhưng ngài ân cần đối với người tốt, và lại, ở đây cái ác là cái ác đối với cả nhân mang tính kinh nghiệm, còn cái thiện là cái thiện đối với cả nhân mang tính kinh nghiệm. Một khi có nhân quan tâm đến cái gì là thiện, cái gì là ác đối với cả nhân thì làm sao niệm sợ hãi và niềm hy vọng ấy nảy sinh bằng cách khác được? Về mặt này thượng đế là một thứ gì đó khác, như là một tổng hoà tất cả những hậu quả có thể nảy sinh từ những hành vi xấu mang tính kinh nghiệm. Vậy là, do nỗi sợ hãi rằng phúc lợi - thu hái được bởi cả nhân mang tính kinh nghiệm nhà hành vi xấu - có thể kéo theo nó những điều ác còn lớn hơn và làm cho cả nhân ấy bị mất đi những phúc lợi còn lớn hơn, cho nên cả nhân ấy không phạm phải những hành vi xấu; do đó, cả nhân đó làm như vậy có phải để cho tính chất liên tục của phúc lợi của anh ta không bị phá vỡ bởi khả năng nội tại của việc bị mất đi phúc lợi đó hay chăng?

Phải chăng B-pi-quya cũng không úp mở dạy người ta công về điều đó: hãy dừng cả hành vi sai trái để khỏi thường xuyên sợ hãi rằng anh sẽ bị trừng phạt. Thái độ nội tại đó của cả nhân đối với trạng thái bình yên được coi là thái độ đối với thượng đế tồn tại bên ngoài cả nhân; song, nội dung của thượng đế ấy lại chẳng phải gì khác mà chính là trạng thái bình yên mà ở đây là tính liên tục của sự thịnh vượng.

Nỗi sợ hãi về tương lai, các trạng thái không tin tưởng ấy ở đây được đưa vào ý thức xa xôi về thượng đế, nó được xem là trạng thái đã nó trước trong sự nhân thức ấy rồi, nhưng chỉ như là sự đe dọa, do đó - chính theo cái cách trạng thái ấy nằm trong ý thức cả nhân.

2) Plu-tác-xơ không định rằng sự hướng tới thượng đế ấy chính là đã đem lại "khoái lạc".

[XXI, 8] "Trái lại chỉ ở đâu nó (tức là tâm hồn) tương lương in và suy nghĩ một cách kiên quyết nhất về sự hiện hữu của thượng đế, chỉ ở đó nó mới vút lên được một cách dễ dàng đặc biệt, mọi nỗi buồn đau, sợ hãi và trần trụi và có được cảm giác vui sướng đến say đắm, chơi đùa và ru ngủ, trong tình yêu v.v." (tr.1101)

Sau đó ông cho biết: người già, phụ nữ, các thương gia, vua chúa đều vui sướng trong cuộc lễ hội tôn giáo trọng thể.

[XXI, 8] "Không, không phải cảnh trần trụi rượu vang, và không phải thất vọng tạo nên những gì làm người ta vui sướng trong các lễ hội, mà là niềm hy vọng tới lành và niềm tin vào sự hiện hữu ẩn kín của thượng đế đã hội tụ giúp nhận những gì đang diễn ra (ở tâm vĩnh thượng đó)" (tr.1102)

Cần làm rõ một cách chính xác hơn xem Plu-tác-xơ đã nhận định như thế nào về niềm vui sướng đó, niềm "khoái lạc" ấy.

Thứ nhất, - ông nói, - với sự hiện hữu của thượng đế thì tâm hồn tự do nhất thoát khỏi nỗi buồn, nỗi sợ hãi và những trần trụi. Vậy, sự hiện hữu của thượng đế được xác định như là sự tự do của tâm hồn thoát khỏi nỗi sợ hãi, nỗi buồn, những trần trụi. Tự do ấy thể hiện ở sự vui sướng hoàn hi không kiềm chế được, - sự vui sướng ấy chính là bằng chứng tích cực của tâm hồn cả nhân về trạng thái đó của nó.

Tiếp nữa: sự khác biệt ngẫu nhiên về địa vị cá nhân biến đi trong sự hoán lạc ấy. Vậy là, trong lễ hội ấy cá nhân được giải phóng khỏi những tính xác định khác của nó, cá nhân được xác định với tư cách như thế, - và sự xác định ấy là quan trọng. Sau hết, đó không phải là sự hoán lạc riêng lẻ, mà là niềm vững tin rằng thượng đế không phải là cái gì đó tách biệt, mà có thuộc tính biết vui với niềm vui của cá nhân, từ trên cao ngắm nhìn đồng tình với niềm vui của cá nhân, do đó, - bản thân thượng đế phù hợp với sự xác định về cá nhân hoán lạc. Vậy, ở đây cá nhân được thần thánh hóa và tôn vinh, một cá nhân được biến thành thượng đế như thế, được thoát khỏi những trói buộc thông thường của cá nhân đó, nghĩa là "nhà thống thái" Ê-pi-quy-a với trạng thái a-ta-rắc-xi của ông ta. Vật sùng bái không phải là sự hiện hữu của thượng đế, mà là sự hiện hữu của thượng đế dưới dạng cá nhân hoán lạc. Ở thượng đế ấy không có những tính xác định nào khác. Vì hình thức thật sự mà trong đó ở đây bộc lộ ra sự tự do ấy của cá nhân lại là sự hoán lạc, hơn nữa đó là sự hoán lạc cá nhân, mang tính cảm giác, - là một sự hoán lạc không bị phá vỡ. Vậy là, trạng thái a-ta-rắc-xi ấy ngự trị trên đầu con người, với tư cách là ý thức chung: nhưng biểu hiện của trạng thái ấy là sự hoán lạc cảm giác - như ở Ê-pi-quy-a - chỉ với một sự khác biệt sau đây: những gì ở đây là trạng thái sống động riêng lẻ thì ở Ê-pi-quy-a lại là ý thức bao trùm rộng khắp về cuộc sống, do đó, ở Ê-pi-quy-a biểu hiện riêng lẻ được quan niệm như là biểu hiện mang tính chất không quan trọng hơn, ý thức ấy được đem lại sinh khí ở mức độ lớn hơn bởi tâm hồn rủa mình - bởi trạng thái a-ta-rắc-xi, còn ở Plu-tác-xơ thì yếu tố ấy bị triệt tiêu nhiều hơn bởi những chỉ tiết cục bộ, cả hai cái đó trực tiếp hoà trộn vào

nhau, do đó, cũng tỏ ra trực tiếp riêng rẽ. Đó là tình hình bị đặt xảy ra với sự khác biệt của thượng đế mà Plu-tác-xơ kiên trì trong cuộc luận chiến với Ê-pi-quy-a, và còn thêm một nhân xét nữa: nên Plu-tác-xơ nói rằng các vua chọn vui thú với những *publicis convivis et viscerationibus*¹⁾ thì ít, mà với những lễ hiến sinh thì nhiều, thì điều do chi cơ nghĩa là ở đó sự hoán lạc được coi là một cái gì đó thuộc về con người, mang tính chất ngẫu nhiên, còn ở đây thì được xem là cái gì đó thần thánh; sự hoán lạc cá nhân được coi là mang tính thánh thần, và chính điều này thể hiện quan điểm của Ê-pi-quy-a.

Plu-tác-xơ phân biệt thái độ này đối với thượng đế - thái độ của "những người xấu xa" và "những người thuộc đám đông" - với thái độ của "những người ưu tú và yêu thượng đế nhiều nhất".

Chúng ta hãy xem ông ta nhờ điều này đã thu lợi gì trong cuộc luận chiến với Ê-pi-quy-a.

Plu-tác-xơ nói:

[XXII, 1-2] "Những tình cảm vui sướng biết bao đó có được ở tất cả những người được thưởng nhất tại hầu những quan niệm trong sáng về thượng đế như là đang sống, tạo ra tất cả những điều tốt đẹp, như người cha của tất cả những gì là tuyệt diệu, như một người không thể làm điều gì xấu, cũng như chính bản thân mình không thể bị khổ vì cái ác. Vì đáng thương để tôi đẹp, mà người tốt đẹp thì hoàn toàn không liên quan đến sự đẹp, miễn sự xấu, sự xấu xa, sự hận thù. Cũng như thuộc tính của cái đẹp không phải là sự nguội lạnh mà là sự nóng ấm, cũng như vậy, người tốt không có thuộc tính gây hại. Về thực chất sự giận dữ là điều xa lạ nhất với tình yêu, sự thù hận xa lạ nhất với tình đôn hậu, thù

¹⁾ - những cuộc yến tiệc công cộng và những cuộc phát chẩn thức

độc không thiện chí và thái độ hèn nhút xa lỵ nhất với lòng nhân ái và tình thân ái. Một thứ là kết quả của sự vinh quang và sức mạnh còn thứ kia là kết quả của sự kết lỵ và tập lỵ vì tất cả hành động của thượng đế tuy vô nhiễm không quy tụ vào sự thể hèn lỵ giam giữ và nuôi phân kích, nhưng vì bản chất của thượng đế vốn là hướng đến việc tạo ra cái thiện và giúp đỡ, cho nên điều đó có nghĩa là sự cầu giãi và việc gây hại không tương ứng với bản chất của thượng đế" (tr.1102).

Ý nghĩa triết học của lời khẳng định cho rằng thượng đế là "đáng sáng tạo ra tất cả những điều tốt đẹp", và là cha đẻ của "tất cả những gì tuyệt diệu" - là ở chỗ điều đó không phải là vị ngữ của thượng đế, mà ý tưởng về cái thiện chính là cái thiêng liêng. Song từ sự xác định của Plu-tác-xơ người ta rút ra một kết luận hoàn toàn khác. Cái thiện được hiểu là sự đối lập hoàn toàn với cái ác, bởi vì cái thiện là sự biến lỵ lòng từ thiện và sức mạnh, còn cái ác là biểu lộ sự suy yếu, sự thiếu thốn và sự hư hỏng. Vậy là đã dẫn ra khỏi thượng đế sự suy xét, sự khác biệt, mà đây chính là một trong những luận điểm cơ bản của Ê-pi-quy-ra; vì vậy, Ê-pi-quy-ra từ ra nhất quán khi ông, đối với con người, tìm thấy sự thiên vãng của sự khác biệt - trên phương diện lý luận cũng như trên phương diện thực tiễn - trong sự đồng nhất trực tiếp của con người, trong cảm giác, còn ở thượng đế thì ông tìm thấy khoảng trống, "sự yên bình" thuần khiết. Thượng đế được xác định như là cái thiện, bằng cách loại bỏ sự suy xét, - thượng đế ấy là khoảng trống, bởi vì mọi tính xác định chứa đựng trong mình cái khía cạnh bảo vệ nó chống lại cái khác biệt và khép kín nó lại trong bản thân, do đó, làm bộc lộ - trong sự đối lập và trong sự mâu thuẫn - "sự bộc lộ" của mình, "lòng thù ghét" của mình, "uối khiếp sợ" của mình về sự khác biệt từ bản thân. Vậy là, ở Plu-tác-xơ cũng có sự xác định - nhưng chỉ như là hình tượng, như quan niệm - như ở

Ê-pi-quy-ra khi Ê-pi-quy-ra thể hiện sự xác định ấy qua khái niệm và loại bỏ hình ảnh con người.

Vì vậy câu hỏi dưới đây quả là sai lạc:

[XXII. 5] "Có thể, hay là con phải áp dụng một sự tưởng tượng đặc biệt nào đó mà - các ngài nghĩ như vậy - đối với những kẻ bất lực thừa mệnh và còn chưa thấy là đủ khi bản thân họ đã làm cho mệnh mỗi đi sự hoan lạc ấy và niềm vui ấy?" (tr.1102 - 1103)

Ngược lại, có thể khẳng định rằng kẻ có được sự hoan lạc nhiều hơn nhờ chiêm ngưỡng thượng đế chính là người nào chiêm ngưỡng thượng đế như là sự hoan lạc trong sáng trong bản thân mình, mà không kèm theo bất kỳ những quan hệ nhân thái nào không được thể hiện qua các khái niệm, - hơn là kẻ hành xử theo cách khúc thế. Sự hoan lạc vốn đã thể hiện ở chỗ suy ngẫm đến một sự hoan lạc trong sáng cho mình, cho dù điều đó có được quan niệm một cách trừu tượng như thế nào, - đó là điều chúng ta thấy được ở các tư sĩ Ấn Độ. Ngoài ra, Plu-tác-xơ đã loại bỏ "thiên mệnh", đem cái ác, sự khác biệt đối lập với thượng đế. Những sự miêu tả tiếp theo của ông tỏ ra hoàn toàn phi-lô-gích và mang tính hồ lỵ; ngoài ra, ở ông chỉ bộc lộ ra - trong tất cả những gì mà ông quan tâm - chỉ là cá nhân, chứ không phải là thượng đế. Do vậy, Ê-pi-quy-ra khi trung thực để có thể nói rằng thượng đế không quan tâm đến cá nhân.

Vậy là, biện chứng nội tại của những tư tưởng của Plu-tác-xơ đã buộc ông ta nói không phải về thượng đế, mà về tâm hồn cá nhân, mọi cái đều được quy tụ vào "những suy xét về tâm hồn". Về Ê-pi-quy-ra nói như sau:

[XXIII. 8] "Như vậy là nó (tức tâm hồn) tràn đầy niềm vui qua việc quán triệt các học thuyết siêu thông thái và thần thánh ấy, cho rằng đối

và nó thì sự kết thúc những đau đớn là sự điều dưỡng, sự thủ tiêu và sự biến thành cái hư vô" (tr.1105).

Song, những lời dường một của Plu-tác-xu không thể làm cho người ta lầm lạc. Chúng ta sẽ thấy ông ta phủ định từng sự xác định một trong số những sự xác định của mình. Ngay cả cái mệnh khước giả tạo - "sự kết thúc những đau đớn", và sau đó, với tính cách là sự đối lập, "sự tiêu vong", "sự thủ tiêu" và "sự biến thành cái hư vô" - đã cho thấy đau là trọng lực và một khía cạnh này tỏ ra nhẹ nhàng biết bao, còn khía cạnh khác lại tỏ ra mạnh hơn gấp ba lần.

Việc xem xét văn lại phân ra thành thái độ của "những kẻ sai trái và xấu xa", sau đó là của "những người thuộc dân đông và vô học" và cuối cùng là thái độ của "những người trung thực và có thiện chí" (tr.1104)³³ đối với học thuyết về sự tồn tại của linh hồn sau cái chết. Đây là sự phân chia có những sự phân biệt ổn định có chất lượng, nó chứng tỏ rằng Plu-tác-xu đã không hiểu Ê-pi-quy-ra biết nhường nào, vì trong tư cách là nhà triết học Ê-pi-quy-ra xem xét thái độ thực chất của tâm hồn con người nói chung. Nếu như Ê-pi-quy-ra, tuy coi tâm hồn là vượt trội, nhưng vẫn tiếp tục tin vào "sự hoàn lạc", thì Plu-tác-xu lại và phải hiểu rõ rằng mọi nhà triết học đều ca ngợi một cách vô thức "sự hoàn lạc" - xa lạ với triết học Plu-tác-xu ấy - trong sự hạn chế của nó. Đối với những kẻ sai trái thì sự sợ hãi vẫn lại được chỉ ra như là một phương cách cải huấn. Chúng ta đã xem xét lối phản bác ấy rồi. Vì trong trạng thái sợ hãi - hơn nữa là nỗi sợ hãi nội tại, không khắc phục được - con người bị hạ xuống thành con vật, cho nên đối với con vật nói chung thì chẳng cần biết nó bị kiểm chế bằng cách nào. Nếu nhà triết học không xem cách nhìn con người như con vật là điều vô cùng nhục nhã, thì mới

chung không thể giải thích được điều gì cho nhà triết học ấy

[XXVI. 1] "Đôi khi những con người thuần dân, đồng - ngữ và ngoại ngữ sai và vô thể gọi làm trí - tại niệm họ vọng, họ được nhìn những thần thánh, và sự hãi hãi và lòng khiếp hãi họ về thần thánh, cái niệm này và có sự nhất và nhất mà thật trong đó có cái niệm này mà, - đã làm cho họ trau trở niềm tin sống và tâm hồn khiến cho họ đi đến được nỗi sợ hãi kiểu Sô-tri-éc" (tr.1104).

[XXVI. 2] "nhưng ai đã bị mất con cái, những người sợ và hận bỏ của mình thì trong một tâm sao họ được tâm trí ở đầu đó, đã là gần những đau đớn, chứ không bị hoàn toàn chết, không bị thủ tiêu và họ biến thành hư vô. Do vậy, họ nên lòng nghe người ta nói về người quen cũ, rằng người đó đã chuyển sang sống ở thế giới khác hoặc là người đó đã thay đổi nơi cư trú của mình, và lắng nghe những cảnh biểu đại tượng tự khắc được dùng để chỉ vào chết không phải như là sự thủ tiêu, mà như là sự thay đổi nơi cư trú của tâm hồn" (tr.1104).

[XXVI. 3] "Tuy nhiên vẫn nỗi khiếp sợ khi họ nghe người ta nói về người quá - đi như sau: "đến chết", "đến bị thủ tiêu" "ánh to không còn nữa"

[XXVII. 1] "Nhưng họ đã nhận được một được người định ở những người nơi thế này "Chúng ta là con người, chúng ta sinh ra và mất đi, không ai được sinh ra hai lần".

[XXVII. 2] "Nó với tính sinh động, do họ từ cuộc sống hiện tại đi có ý nghĩa, hay nó động lực, không xem nó có một ý nghĩa nào cả, họ đi sống với vọng mà không sử dụng cuộc sống; vì hơn nhất mà họ xem thường được hạnh và hoạt động, và họ không có bản thân mình như những kẻ ra đời trong một ngày, không vững vàng và không có năng lực làm một điều gì, như được" (tr.1105).

[XXVII. 3] "Bất vi sự thiếu - vắng những con người và sự tàn ra rằng họ thụ đắc cho sống nhưng gì không cảm giác được thì suốt nhiều không

lên con đến chúng ta, - học thuyết ấy không quá lộ diện bởi nó chỉ là vai trò của nó như đem lại cho nó môi trường sống. Vì vậy chính là điều mà chúng ta nhận ra nó... tức là một sự phá hủy tâm hồn, khiến cho nó mất đi khả năng suy nghĩ và cảm giác. Với việc miêu tả sự hủy hoại của tâm hồn trong khoảng trống và sự tồn tại của nó trong các nguyên tố, B-fi-quyua lại càng thêm sâu sắc niềm hy vọng về sự bất tử, đó là niềm hy vọng mà nó, có thể nói không phân biệt, tại ra mọi người - dân Át cũng như dân Át - nên sống để cho Xec-ly-ly của họ và khu vực nước đó vào cái thùng không đáy Đa-na-ít, miễn sau tiếp tục được tồn tại và không bị thủ tiêu hoàn toàn" (tr. 1103).

Bây giờ chúng ta chuyển sang quan điểm của những người thuộc đám đông "tuy rằng cuối cùng thấy rằng có một ít người xa lạ với nó, nói đúng ra thì tất cả - có thể nói không phóng đại rằng tất cả" - đều thất vọng trung thành với ngọn cờ ấy.

Nói đúng ra, không có sự khác biệt về chất so với trình độ trước đó, nhưng cái gì trước kia biểu hiện ra dưới hình thức sơ sài của con vật thì giờ đây lại biểu hiện ra dưới hình thức nói sợ hãi của con người, dưới hình thức cảm giác. Nội dung vẫn như thế.

Người ta nói với chúng ta rằng niềm khao khát tồn tại là hình thức cổ xưa nhất của tình yêu. Dĩ nhiên là hình thức tiêu tuột nhất; đó đó, hình thức cổ xưa nhất của tình yêu là lòng tự ái, tình yêu hướng vào tồn tại của cá nhân mình. Nhưng thực ra đây là sự biểu hiện của một quan điểm quá công khai về sự việc: trên đầu lưỡi người ta khước từ quan điểm này, và sự việc được gán cho vẻ hào nhoáng của sự cao quý, bắt nguồn từ ảo tưởng của cảm giác. Vậy, những ai bị mất vợ con thì mong ước họ vẫn tồn tại ở đâu đó, cho dù họ

sống khổ sở, hơn là họ hoàn toàn không còn tồn tại. Nếu chỉ nói đến tình yêu thì nên nói rằng vợ con của cá nhân, trong tư cách là nhu cầu, vẫn được giữ một cách sâu sắc nhất và trong sáng nhất trong trái tim cá nhân đó, và đây là hình thức tồn tại cao hơn nhiều so với tồn tại mang tính kinh nghiệm. Nhưng sự thất vọng ra lại khác. Vợ và các con, với tư cách là như vậy, lại trải qua sự tồn tại mang tính kinh nghiệm, bởi vì bản thân cá nhân ấy tồn tại ở dạng kinh nghiệm. Vậy, sự lựa chọn của cá nhân ấy mong vợ con tồn tại ở đâu đó trong một không gian cảm nhận được bằng cảm giác, tuy cho dù họ sống khổ sở, hơn là họ hoàn toàn không tồn tại, - sự lựa chọn ấy chỉ nói lên ước vọng của cá nhân nhận thức sự tồn tại mang tính kinh nghiệm của bản thân mình mà thôi. Cái vô tình yêu chỉ là cái bóng, còn hạt nhân lại là sự bộc lộ ra cái "tôi" mang tính kinh nghiệm, lòng tự ái, hình thức cổ xưa nhất của tình yêu, - nó đã không được đổi mới, đã không biến thành hình thức cụ thể hơn, lý tưởng hơn. Theo ý kiến của Plu-tác-xơ, từ "sự thay đổi", nghe dễ chịu hơn là "chấm dứt hoàn toàn sự tồn tại". Nhưng theo ý kiến của Plu-tác-xơ, sự thay đổi không được mang tính chất chất lượng, cái "tôi" cá biệt phải ở trong dạng tồn tại cá biệt của mình; vậy là, từ ngữ này chỉ là quan niệm cảm giác rằng nó là cái gì, nhưng nó phải biểu thị một cái gì đó đối cực. Như vậy, đó là sự hư cấu giả dối. Mọi cái quy tụ vào việc không thay đổi, mà chỉ làm lu mờ thực chất của vấn đề; việc đẩy vào khoảng cách xa râm huyền ảo chỉ có nhiệm vụ che giấu bước nhảy vọt về chất mà mọi sự khác biệt về chất đều là bước nhảy vọt - không có những bước nhảy vọt như vậy sẽ không có tính lý tưởng.

Tiếp đó Plu-tác-xơ cho rằng ý thức ấy về tính tận cùng làm cho cá nhân trở nên bất lực và không hoạt động [gây ra]

sự bất mãn với cuộc sống hiện thời. Nhưng cái có tính nhất thời là sự tồn tại cá biệt ấy, chứ không phải cuộc sống. Và nếu tồn tại cá biệt ấy tự xum mình bị loại ra khỏi cuộc sống phổ biến liên tiếp ấy thì tồn tại cá biệt ấy có phong phú hơn được không và tròn đầy hơn được không do như vào sự tồn tại vật vương của nó sẽ kéo dài cả một thời gian vô tận? Nhờ vậy liệu thái độ của nó có thay đổi không, trái lại, phải chăng nó sẽ trở nên xơ cứng trong trạng thái chết của mình? Chẳng phải là nếu tồn tại ấy có thái độ thù địch với cuộc sống hiện nay hay là nhân vật Ê-pi-quy-a nọ vẫn tiếp tục sống hàng thiên niên kỷ thì cũng chẳng khác gì nhau hay sao?

Sau hết, Phu-tác-xơ tuyên bố thẳng thừng rằng vấn đề không phải ở nội dung, không phải ở hình thức, mà là ở tồn tại của cá nhân. Phải tồn tại, cho dù để có được điều đó Xec-be-ro sẽ cần sẽ cá nhân ra nhiều mảnh! Vậy, đây là nội dung học thuyết của ông ta về sự bất tử? Nội dung đó là, cá nhân, được trừu tượng hoá không còn mang chất lượng mà ở đây dựa vì cá nhân đem lại cho cá nhân đó, - lại không tồn tại trong tư cách là tồn tại của một nội dung nào đó, mà với tư cách là hình thái tồn tại dưới dạng nguyên tử; phải chăng điều đó cũng được nói ra ở Ê-pi-quy-a khi ông khẳng định rằng tâm hồn cá nhân bị phá hủy và phân rã thành những nguyên tử? Quả là thiếu nhất quán khi người ta gán cảm giác cho bản thân những nguyên tử ấy, song lại cho rằng nội dung của cảm giác là không quan trọng. Vậy là, trong cuộc luận chiến chống lại Ê-pi-quy-a, Phu-tác-xơ lại trình bày học thuyết của Ê-pi-quy-a. Song, ông ta không quên miêu tả, ở mọi chỗ, "không tồn tại" như là một điều khủng khiếp nhất. Tồn tại cho mình thuần túy ấy chính là nguyên tử. Nếu nói chung cá nhân được bảo đảm có được sự bất tử không phải bởi nội dung

của nó - mà nội dung này mang tính chung, tồn tại như là cái chung tự nó, và vì nó là hình thức nên nó được cả thế hoá một cách vĩnh hằng; nếu như sự bất tử được bảo đảm cho cá nhân ấy với tư cách là tồn tại cá nhân, - thì sự khác biệt cụ thể của tồn tại - cho mình sẽ biến đi mất, bởi vì sự khác biệt ấy không nói lên rằng cá nhân tiếp tục tồn tại, mà nói lên rằng cái vĩnh hằng tồn tại đối lập với cái nhất thời. Khi ấy tất cả đều quy tụ vào sự khẳng định rằng nguyên tử, trong tư cách như thế, là vĩnh hằng và rằng cái mạng sinh khí lại trở về với hình thức cơ bản ấy của mình.

Ê-pi-quy-a trình bày học thuyết của mình về sự bất tử theo ý nghĩa ấy, nhưng ông tư duy một cách triết học đầy đủ và nhất quán để có thể gọi học thuyết ấy bằng cái tên thật sự của ông, để có thể nói rằng cái mạng sinh khí lại trở về hình thức nguyên tử. Ở đây không một thái độ nửa vời nào lại giúp ích được cho sự việc. Nếu như có một sự khác biệt cụ thể nào đó của cá nhân phải biến mất - như bản thân cuộc sống chỉ ra điều đó - thì tất cả những sự khác biệt không phải là những khác biệt chung và vĩnh hằng cũng phải biến mất. Tuy nhiên, nếu cá nhân phải tỏ ra thù địch với "sự thay đổi" ấy thì chỉ còn lại cái vô nguyên tử ấy của nội dung trước đó - đấy chính là học thuyết về tính vĩnh hằng của các nguyên tử.

"Ai an bằng tính vĩnh hằng của thời gian

Và coi thời gian là sinh bất diệt

Người đó tự gọi phóng mình

Khỏi mọi cuộc đấu tranh".

Đó là lời của I-a-rốp Buê-mơ¹⁸.

XXVII, 1) Như vậy, họ (phái Ê-pi-quy-a) đã dùng học thuyết của

minh tâm cho những con người thuộc đám đông bị mất đi và những niềm hy vọng từ lâu nhất và ngọt ngào nhất, cùng với (niềm tin) vào sự bất tử" (tr. 1143).

Vậy là, nếu Plu-tác-xơ nổi rằng cùng với việc thủ tiêu sự bất tử Ê-pi-quy-a đã thủ tiêu cả những niềm hy vọng ngọt ngào nhất của quần chúng. Thì sẽ là điều đương dẫn hơn nhiều, nếu ông ta nói ra điều mà ông đã nói ở đoạn khác, cụ thể là:

[XXVII, 3] "Tôi tin tưởng vào lý luận sự hãi về cái chết, mà tựa hồ như tôi mô tả ra".

Ê-pi-quy-a không thủ tiêu quan điểm này, ông giải thích nó, ông thể hiện nó qua các khái niệm.

Bây giờ chúng ta chuyển sang phạm trù "những người trung thực" và "những người biết lẽ phải", đương nhiên, khi xem xét chúng thì không thấy học lý điều gì mới mẻ so với khái niệm trước đó, những cái gì ban đầu được quan niệm là nỗi sợ hãi của loài vật, về sau là nỗi sợ hãi của con người, sự thua phiên e dè, thái độ không muốn khước từ sự lớn tại dạng nguyên tử, - thì giờ đây lại biến hiện ra dưới hình thức thái độ kiểu ngạo, tham vọng và quyền hạn. Vậy, các đại diện của phạm trù này - như Plu-tác-xơ đã nhận định về phạm trù ấy như vậy - đã hoàn toàn mất trí. Phạm trù họ đáng không đề xuất những tham vọng nào cả, phạm trù thứ hai thì nhờ những giọt lệ và sẵn sàng cam chịu tất cả để cứu sự lớn tại dạng nguyên tử, Phạm trù thứ ba là giới phi-ti-xenê, họ là lên rằng. Trừ đi, lại còn như thế nữa, một anh chàng thông minh như thế, trung thực như thế mà lại phó đến với con con quý?

[XXVII, 1] "Và chúng ta sẽ nghĩ gì về những niềm hy vọng của những người từ bụng đá từng sống trung thực và đúng đắn và họ không chờ đợi, trong thế giới khác, một điều gì xấu, mà trái lại, họ chờ đợi tất cả những gì tuyệt diệu nhất và thần thánh nhất?"

[XXVII, 2] "Trước hết, trong tư cách là những nhà diễn kịch họ nhận được vòng nguyệt quế không phải vào lúc họ tham gia thi đấu, mà là sau khi họ kết thúc thắng lợi cuộc đấu, cũng như vậy, những người nghĩ rằng những người tài sẽ nhận được, sau khi chết, phần thưởng về cuộc đời (dạng đền), - thì họ lại thừa thãi một cách kỳ lạ bởi những niềm hy vọng ấy đã hướng tới đức hạnh. Trung với những niềm hy vọng họ cũng có và (niềm hy vọng) rằng những ai, trong cuộc sống hiện tại, tràn đầy niềm kiêu hãnh quá đáng như sự giàu có và sự hùng mạnh là đến ruộng cưỡi giữa những người giàu thì những người ấy sẽ phải bị trừng phạt đích đáng".

[XXVII, 3] "Sau nữa chưa nói ai trong số những người ở đây hướng tới sự thật và tới sự nhận thức cái hoàn hảo, lại có thể thực hiện đến cùng sự mưu ước của mình?"

[XXVII, 4] "Và vậy, tôi tin cái chết là hạnh phúc to lớn và hết sức hoàn hảo, vì chỉ có ở đó linh hồn mới là được cứu cuộc đời thực sự, trung khi ở đây linh hồn họ sống không có thật, mà trải qua một trạng thái giống như giấc mơ" (tr. 1143).

Vậy là, những con người từ bụng đá thông minh ấy chờ đợi phần thưởng về cuộc sống sau cuộc sống, nhưng trong trường hợp này thật không nhất quán biết những nao nếu chờ đợi phần thưởng là sự tiếp tục cuộc sống, nếu đối với họ phần thưởng về cuộc sống lại là cái gì đó khác biệt về chất so với cuộc đời. Sự khước liệt về chất ấy vẫn được khước cải hình thức hư ảo, - cuộc sống không vươn tới những không gian cao hơn, mà được chuyển đến một chỗ khác. Vậy, họ chỉ làm ra vẻ

kinh thường cuộc sống, họ không hề mơ ước cái gì tốt hơn, họ chỉ thể hiện những niềm hy vọng của mình ở dạng đòi hỏi.

Họ khinh rẻ cuộc sống, nhưng trong cuộc sống này sự tồn tại mang dạng nguyên tử của họ lại là sự hoan lạc đối với họ, và họ mong muốn sự vinh hiển của sự hoan lạc ấy - tình vinh hiển của sự tồn tại ở dạng nguyên tử ấy. Nếu họ quan niệm toàn bộ cuộc sống là bóng ma, là cái gì đó xấu xa, vậy lấy đâu ra niềm thức của họ cho rằng họ tốt đẹp? Chỉ từ nhận thức về bản thân mình như về sự tồn tại ở dạng nguyên tử; và Plu-tác-xơ thậm chí còn khẳng định rằng họ thoả mãn với nhận thức ấy, rằng vì cả nhân mang tính kinh nghiệm tồn tại chỉ trong những mặt cả nhân ấy được người khác nêu đó chiêm ngưỡng - những con người tốt đẹp ấy vui sướng thấy rằng sau khi họ chết thì những kẻ trước đây vẫn từng khinh rẻ họ, giờ đây trên thực tế sẽ thấy rằng họ là những người tốt và những kẻ ấy sẽ phải thừa nhận điều đó và sẽ bị trừng phạt về tội đã không coi họ là những người tốt. Một đôi hỏi thì mới ghê chứ! Những kẻ xấu phải thừa nhận họ là những người tốt trong cuộc sống, còn bản thân họ thì không thừa nhận những sức mạnh phổ biến của cuộc sống là niềm hoan lạc! Phải chăng đây là niềm kiêu hãnh của nguyên tử đã được nâng lên đỉnh cao nhất?

Phải chăng ở đây đủ thể hiện một cách hoàn toàn rõ ràng là cái vinh hiển kiêu ngạo và kinh kiêu và cái tồn tại - cho - mình xơ cứng mất hết mọi nội dung đã được làm cho trở thành vĩnh cửu? Thật là vô ích nếu cho giấu diếm đó bằng những câu trống rỗng, khẳng định rằng không một ai có thể thoả mãn niềm khao khát hiểu biết trong lĩnh vực này.

Đôi hỏi này chỉ biểu thị rằng cái phổ biến phải biểu hiện dưới hình thức cái đơn nhất như là sự nhận thức, và cái phổ biến luôn luôn thực hiện đôi hỏi ấy. Sau nữa, vì người ta lại

đòi hỏi nó phải được biến thái trong cái tồn tại - cho - mình mang tính kinh nghiệm tuyệt đối ấy, cho nên điều đó chỉ có nghĩa là vấn đề nói đến không phải là cái phổ biến, mà là nguyên tử.

Vậy là, chúng ta thấy rằng trong cuộc luận chiến của mình chống lại Ê-pi-quya, Plu-tác-xơ trên mỗi bước đi đều rơi vào vòng tay của Ê-pi-quya; nhưng Ê-pi-quya đã phát triển những kết luận của mình một cách đơn giản trừu tượng, trung thực và mạnh mẽ và biết rõ ông ta nói đến chính điều gì, trong khi đó Plu-tác-xơ ở đầu cùng nói không phải cái điều ông ta muốn nói, nhưng thực ra ông ta lại có ý nói đến không phải điều mà ông ta nói.

Nói chung đó là thái độ của ý thức thường nhật đối với ý thức triết học.

[III] 2) PLU-TÁC-XƠ, "CỎ LỐT", SẢN PHẨM CỦA EXILAN-ĐƠ

[1. 1) "Cỏ Xa tu-rum" Cỏ lốt, người mà Ê-pi-quya thường ăn uống gọi là Cỏ lốt-xa và Cỏ lốt-xa-zi-ông, đã xuất bản cuốn sách có nhan đề: "Không thể sống được nếu đi theo học thuyết của các nhà triết học khác" II, 1107]

Nếu như trong đoạn đối thoại trước, Plu-tác-xơ mưu toan chứng minh cho Ê-pi-quya thấy rằng "không thể sống hạnh phúc được" nếu đi theo triết học của Ê-pi-quya thì giờ đây ông ta lại cố gắng bảo vệ những luận điểm của những nhà triết học khác chống lại chính lời phản bác ấy của phái Ê-pi-quya. Chúng ta sẽ thấy liệu ông ta có sẽ giải quyết được nhiệm vụ này một cách tốt hơn nhiệm vụ trước hay không, trong đó thực ra có thể gọi cuộc luận chiến của ông ta là lời tấn công Ê-pi-quya. Cuộc đối thoại ấy có ý nghĩa quan trọng đối với việc nhận định về thái độ của Ê-pi-quya đối với các

nhà triết học khác. Cô-lốt đã nói ra lời sắc sảo rất hay khi ông đưa ra cho Xô-crát bó cổ khô thay vì bánh mì và hỏi Xô-crát rằng tại sao Xô-crát lại đưa thức ăn không phải vào tai, mà vào miệng. Xô-crát nghiên cứu những điều vụn vặt, và đó là hậu quả tất yếu của địa vị lịch sử của ông.

[III, 3] "Lê-ông-tây... khẳng định rằng *Đê-mô-crit được Ê-pi-quya đánh giá cao* vì Đê-mô-crit đã đi đến *nhận thức* đúng đắn..., vì ông ta đã tìm thấy dấu vết *những khởi nguyên* của thiên nhiên trước khi Ê-pi-quya tìm ra" (tr. 1108).

[VI, 3] "Người nào khẳng định rằng ý kiến của đa số là sai lầm khi ý kiến ấy cho rằng cái có khả năng hâm nóng thì hâm nóng, còn cái có khả năng làm nguội thì làm nguội, - thì [chính bản thân kẻ đó sai], nếu như anh ta không nhận thức được rằng những lời anh ta đưa đến kết luận là không một sự vật nào lại trở thành như thế ở mức độ nhiều hơn là trở nên khác đi" (tr. 1110).

Plu-tác-xơ cảm thấy bức bối mỗi khi tính nhất quán triết học của Ê-pi-quya bộc lộ ra. Anh chàng phi-li-xtanh ấy cho rằng nếu như có ai đó bác bỏ luận điểm cho rằng cái lạnh thì không lạnh, cái nóng thì không nóng - tùy theo cách đám đông suy xét phù hợp như thế nào với khả năng cảm nhận bằng cảm giác của mình - thì kẻ đó tự lừa dối mình, nếu như kẻ đó khẳng định rằng không có cái kia, cũng chẳng có cái này. Vị trượng phu ấy không hiểu rằng nhờ điều đó mà sự khác biệt chỉ chuyển từ khách thể vào ý thức. Để giải quyết biện chứng ấy của tính xác thực cảm giác trong bản thân nó, thì cần thừa nhận rằng thuộc tính chứa đựng trong tính tương dung, trong quan hệ của tri thức cảm giác đối với tồn tại cảm giác, và vì quan hệ ấy mang tính chất khác biệt trực tiếp, cho nên do đó, có thuộc tính cũng trực tiếp mang tính

chất khác biệt. Như vậy, sai lầm sẽ không thuộc về khách thể, cũng không thuộc về nhận thức, nhưng tính xác thực cảm giác, xét về tổng thể sẽ được xem như là một quá trình giao động như thế. Người nào không có đủ sức mạnh biện chứng để hoàn toàn phủ định lĩnh vực ấy, người nào muốn thừa nhận nó thì người đó phải thoả mãn với chân lý dưới hình thức mà trong đó chân lý ấy bộc lộ ra trong lĩnh vực ấy. Đối với công việc thứ nhất Plu-tác-xơ tỏ ra quá bất lực, đối với công việc thứ hai ông ta tỏ ra quá tử tế và khôn ngoan.

[VII, 4] "... Như thế là về từng thuộc tính có thể khẳng định, một cách phù hợp với chân lý, rằng thuộc tính ấy tồn tại ở mức độ không hơn gì nó không tồn tại: đối với những ai cảm nhận được nó thì nó tồn tại, còn đối với những ai không cảm nhận được nó thì nó không tồn tại" (tr. 1110).

Vậy là - Plu-tác-xơ - về mọi thuộc tính cần nói rằng nó tồn tại ở mức độ không hơn gì nó không tồn tại, bởi vì nó thay đổi phù hợp với ấn tượng được trải qua. Song, ngay cách đặt vấn đề ở Plu-tác-xơ đã chứng tỏ rằng ông ta không hiểu vấn đề là ở chỗ nào. Ông ta nói về sự tồn tại bất động hay là về không tồn tại như về một vị ngữ. Nhưng ngược lại, tồn tại của cái cảm giác thể hiện ở chỗ không được trở thành vị ngữ như thế, một tồn tại bất động hoặc không tồn tại. Nếu tôi phân biệt chúng bằng cách đó thì tôi phân biệt chính là cái không được phân định trong tính cảm giác. Trong tư duy thường nhật luôn luôn có sẵn những vị ngữ mà tư duy ấy tách khỏi chủ thể. Tất cả các nhà triết học đã biến chính các vị ngữ thành các chủ thể.

A) Ê-PI-QUYA VÀ ĐÊ-MÔ-CRÍT

[VII, 2] "Điều mà Đê-mô-crit đã nói, cụ thể là màu sắc, sự ngọt ngào, sự kết hợp - tất cả những cái đó chỉ tồn tại trong ý kiến được mọi người thừa nhận... [còn trên thực tế tất cả những cái đó chỉ là khoảng trống và]

là những nguyên tử, điều đó - *điều* tức là *Đi-mô-crit* [mô-thuat] với những cảm thụ bằng cảm giác, và người sau tiếp nhận luận điểm ấy và áp dụng nó thì người đó không thể nói một cách tin chắc về bản thân mình xem anh ta còn sống hay là đã chết!'

[VIII, 3] "Tôi không việc gì phải bức bối khi không đánh đổ, tôi chỉ cần thể nói rằng, những luận điểm được dẫn ra thì cũng từ ra không tách rời những luận điểm của Đê-mô-cryt ra nữa, độ cũng như theo ý kiến phải biểu của chính họ (Đê-mô-cryt) - hình thức và trong lượng không tách rời nguyên tử".

[VIII, 4 - 5] "Vậy Đê-mô-crit đã không định điều gì? Những thực chất nhiều không kể xiết, không tách rời ra không phân biệt được, phi phẩm chất và không chịu sự tác động, đang bay tán loạn trong không gian không, khi chúng xích lại gần nhau hoặc va chạm vào nhau hoặc đau xun vào nhau, thì do chúng tích tụ lại mà ra An tượng lại thì như là nước, lúc như lửa, lúc như là cây cỏ, lúc như là con người, nhưng tất cả những cái đó trên thực tế là những nguyên tử mà Đê-mô-crit gọi là những ý tưởng chứ không phải là cái gì khác (bởi vì, theo ông, logic từ [mọi] sự xuất hiện từ cái không tồn tại, mà từ cái đang tồn tại thì không thể hình thành nên cái gì cả, vì lý do là do tính chất không thấm thía của mình, các nguyên tử không dung nạp những sự tác động từ bên ngoài, cũng như không chấp nhận những thay đổi nơi tại, vì do thấy rằng màu sắc không thể hình thành từ cái không có màu sắc, cũng như thính giác hoặc tâm hồn không thể hình thành từ cái phi phẩm chất".

[VIII, 6] "Vậy, cần quả thật Đê-mô-crit tuyệt nhiên không phải vì lý do ông đã rút ra những kết luận từ sự tồn tại của những khối nguyên của mình, mà vì lý do ông đã đưa ra những khối nguyên đã đưa đến những kết luận như thế. Ông ta ra không được coi những khối nguyên có bản ý là bất di bất dịch, hoặc, sau khi chấp nhận (tính bất biến của chúng), đã phải nhận ra rằng (thực tiễn đối đã được bỏ (khả năng) phân

thay của bất kỳ một phẩm chất nào, và phải nhận (khả) quá! cho dù ông đã thấy điều này một cách vâng vâng. Nhưng Đê-mô-cryt đã coi màu sắc hoàn toàn hợp lý rằng ông coi tất cả của mọi vật vẫn là những khối nguyên (cũng như (Đê-mô-crit) đã nói, nhưng lại không nói rằng màu sắc... và những phẩm chất khác chỉ tồn tại trong ý kiến của loài".

[VIII, 7] "Nếu tình hình diễn ra với sự lỏng lẻo như vậy thì chúng phải là ông đã thừa nhận rằng ông đã làm một cái gì đó mà ông đã quên? Chẳng hạn theo lời ông, khi (loại trừ thính giác là ông đã gửi lại lòng trong thính; tuy không định rằng ông tìm kiếm tính bằng hữu để có sự hòa lạc, giống như ông lại tuyên bố rằng vì bản thể mà ông đã phải chịu đựng những đau đớn lớn nhất; tuy thừa nhận sự bất toàn của thính giác, ông vẫn không hề bác từ (những quan niệm) 'trên' và 'dưới'". (1110 - 1111)

[IX, 1 - 2] "Vậy sao đây trong trường hợp như Phật không (Phật giáo, A-xi-ut và (sự) xuất (không chịu ràng) cũng không phải là lý từ trong hay sao... và mọi thứ khác đều hình thành từ bản thành là khối nguyên và đơn giản hay sao?... Nhưng ở những nhà triết học ấy ngay từ đầu những thành tố khác nguyên từ đã kết hợp lại với nhau cho mỗi vật riêng lẻ được tạo ra, hơn nữa là mọi vật được tạo ra đó được vận động - vận như một đường gấp khúc - những phẩm chất đặc trưng của nó, và khi vật lỏng hoặc nhớt thành một khối với chất khô, chất nóng và chất lạnh" v. v. nghĩa là có sự hòa trộn vào nhau của những vật thể tác động qua lại vào nhau và luôn luôn biến đổi thì kết quả của việc xử lý hỗn hợp lại tạo ra một sản phẩm khác".

[IX, 3] "Còn nguyên tử, vận động nó không sinh sản ra không có bất kỳ một lực tương tác xuất nào ngay cả khi nó va chạm vào nguyên tử khác, thì chỉ cần nhận sự chấp nhận đó tính rất chắc và sắc không gì, những hàm thức nó thì không chịu đựng ra không sản sinh ra một sự biến đổi nào, như thể chúng mãi mãi giống đến vào nguyên tử khác và đến (lực) mình lại nhận những đơn giản và vào nhưng và đập vào đây như là liên tục

chúng chẳng những không thể sinh ra, tự hạn thân mình, một sinh vật nào, một tâm hồn nào và một cái họ đồng nào, mà thậm chí cũng không sinh ra một số lượng đáng kể! mà hoặc chỉ ít một dòng duy nhất nào" (tr. 1111)

B) Ê-PI-QUYA VÀ ÊM-PE-ĐỐC-CLO

[X, 1] "Còn Cô-lô: thì lại đã kể Êm-pe-đốc-clo vì ông này nói [trong các câu thơ của mình] như sau:

Tôi sẽ mô tả điều khác với anh: Không có sự sinh ra nào

Ở bất kỳ một nơi trong số những người trên trần gian,

Và không có sự cần thiết nào của cái chết tàn khốc,

Nhưng chỉ có sự hoà trộn và sự tan rã của cái hoà trộn-

Đấy là cái mà người ta gọi là Thiên Nhiên" (tr.1111)

[X, 2] "Chỉ ít tôi cũng không thấy được một người có thể mâu thuẫn với cuộc sống ở mức độ nào khi người ấy giữ ý kiến cho rằng cái không tồn tại thì không thể được sinh ra, và cái gì tồn tại thì không tiêu vong, nhưng một sự kết hợp nào đó của cái đang tồn tại lại được gán cho cái tên sự sinh ra, của sự tan rã nào đó thì được gán cho cái tên sự chết. Ngay Êm-pe-đốc-clo, khi đem cái chết đối chọi lại với thiên nhiên, đã chỉ rõ rằng ở đây ông hiểu từ "thiên nhiên" là sự sinh ra".

[X, 3] "Nếu những ai đem gán danh từ sinh ra cho sự hoà trộn, danh từ sự tiêu vong cho sự tan và không sống và không thể sống, thì những người ấy biết làm việc gì khác được?

Song, Êm-pe-đốc-clo khi ghép đơn và liên kết những thành tố bằng hình thức và sự mềm mại thì ông đã thừa nhận sự biến trên cần chúng và sự chuyển hoá thành một cái gì thống nhất, hoàn toàn đồng nhất, (còn họ [phái Ê-pi-quya] qua việc dần dần thế thống nhất những nguyên tử bất biến và không cảm thụ được, đã không thu được kết quả nào từ chúng, mà

lại hoặc không giống vào nhau những đơn giản tạo ra chúng tự nhiên, bởi vì sự đơn giản vào nhau đã cản trở sự tan rã, lại còn làm tăng thêm sự va chạm vào nhau, do vậy các ma ho gọi là sự sinh ra thì không phải sự hoà trộn vào nhau, gần gũi, với nhau, mà là sự hỗn độn và đấu tranh... do đó, từ chúng [X, 4] không thể có được cái gì hết ngay cả cái không có tâm hồn"

[X, 5] "Vậy bằng cách nào mà trong khi không hoặc từ những nguyên tử lại có thể nảy sinh cơn gió, tâm hồn, trí tuệ và lý trí... Nếu vậy thì ngay cả nếu hết sức mong muốn người ta cũng không thể hình dung được, bởi lý tư hỗn loạn những thứ đó không mang chất lượng nào cả, và khi kết tụ lại với nhau, chúng không bị sự tác động, cũng không bị biến đổi, và bản thân sự kết tụ ấy không dẫn đến sự hoà trộn, sự kết hợp hay sự nối kết, mà dẫn đến những va đập và sự đẩy lấn nhau".

[X, 6] "Vậy là, hậu quả học thuyết của họ là họ chủ yếu cuộc sống, phủ nhận sự tồn tại của sinh vật, như vậy họ thừa nhận nhưng điểm khởi nguyên trống rỗng và không có cảm giác, không có thượng đế và không có tâm hồn, không có khả năng hoà trộn cũng như liên kết".

[XI, 1 - 2] "Như vậy, làm sao họ [phái Ê-pi-quya] lại gán lại thiên nhiên, tâm hồn và mình vật? Mà chính là như vậy, như ông ta [Ê-pi-quya] đã gán sang một bên lời thề, lời cầu nguyện, sự hy sinh và sự dâng hiến, nghĩa là chỉ trên của miệng và trong những từ ngữ không tên lên điều gì cả, và lại trong những lời phát biểu của mình và những tên gọi họ không định cái mà họ đã phủ định bằng những nguyên lý và những luận điểm của mình. Vậy những gì đã lên lên thì được họ hạn chế tên gọi - thiên nhiên, còn cái gì đã ra đời thì được hạn chế tên gọi sự sinh ra, giống như cái gì được làm ra từ cây thì người ta gọi một cách hoàn toàn là đồ gỗ, còn những vật thể có âm thanh hoà hợp thì họ gọi là những vật đồng âm" (tr.1111) - 1112).

[XI, 2] "Để làm gì (Cô-lô nói - đi nhân với Êm-pe-đốc-clo) chúng ta tự làm khổ mình khi chăm lo dần dần thừa nhận qua việc đặt câu được

điều này và học họ điều khác? Vì hồn thần chúng ta cũng chung tồn tại và không giao tiếp với những người khác.

[XI, 3] "Ông hãy yên tâm. [có thể nói là] Ông Có [tên]... cũng thần nhiên, không ai nắm ông quanh tâm đến hồn thần. và đây hẳn cũng thần nhiên của Có-lối chẳng phải là cái gì khác mà chính là Có Lối, và [không ai cần trả ông] làm sao công việc đối với các vị thì những sự hoàn lạc là công việc, chứng minh rằng không có chính bản thân thần nhiên của các vị vương, cái có vị thần, cái có vương nhưng có tồn tại bất hạnh vương đầu thom, phụ nữ".

[XI, 4] "Vị khi nhà văn phạm nói rằng "bức tranh của Hóc-quyn chính là bản thân Hóc-quyn, thì ông ta [không phải nhận, bằng cách đó, sự tồn tại của bản thân Hóc-quyn] cũng như những ai không dám rằng không có "Đấng Âm thanh" và "đáng gờ" chỉ là những từ phức sinh thì họ qua đó không phủ nhận sự tồn tại của các âm thanh và của vậy".

[XI, 5] "Khi Ế-pi-quya nói "Bản chất của cái đang tồn tại bao gồm những vật thể và không gian", thì tiêu chúng ta có phải nói rằng của há như Ế-pi-quya muốn nói rằng bản chất là cái gì đó khác ngoài cái đang tồn tại, hoặc ông có ý ám chỉ cái đang tồn tại và chỉ có thể thời? Giống như khi ông ám chỉ, không chỉ hoàn nghi, bằng các từ "bản chất của không gian", - chính bản thân không gian và khi ông thường nói đến và trên bằng các từ "bản chất của vũ trụ" (tr.1112).

[XI, 6] "Trong trường hợp này Ế-m-pê-đốc-clo đã làm gì khi nói rằng bản chất là cái gì khác hơn là cái đang được sinh ra, còn cái chết là cái gì đó khác hơn là cái đang chết?" (tr.1112)

Đoạn trích dẫn Ế-m-pê-đốc-clo.

[XI, 7] "Khi nhà kết quả sự huân trên làm xuất hiện con người

Huân con gì đó trong số các thủ hương, hoặc các gì đó trong số

các loại rơm.

Hoặc con gì đó trong số các ác điều, khi họ người ta [trên] đó là sự ra đời.

Còn khi, những thủ do tàn và cả, khi ấy người ta quên gọi là số [hình bất hạnh]

[XI, 8] "Tôi phải nói thêm rằng Có Lối, khi dẫn ra [bên ngoài] của tên này của Ế-m-pê-đốc-clo, đã không phải thấy là Ế-m-pê-đốc-clo đã không bao trứ của người, nhưng thủ ra v. v. mà theo lời ông không định dấu ra đời như kết quả sự huân trên các thành tố, ông đã ra ra và làm của những kẻ đã gần cho sự huân trên ý và sự tàn và ý những cái tên gọi mà đó như "sự ra đời", "số phần bất hạnh" và "cái chết tàn khốc" và đó không đến sự dụng những thuật ngữ quen thuộc để chỉ những khả năng ấy" (tr.1113).

[XI, 9] "Những kẻ ngu dốt, những hoàn nghi và những nỗi trau trở không làm họ lo nghĩ

Huân rằng có thể ra đời cái như bao giờ tồn tại.

Hoặc là các gì đó có thể tồn tại để huân toàn biến thành cái hư vô"

[XI, 10] "Vậy là, bằng những câu thơ ấy ông đã bao quát mọi việc những ai có tư tưởng ông không phủ nhận sự ra đời, mà phủ nhận sự ra đời từ cái hư vô, ông không phủ nhận sự tiêu vong, mà phủ nhận sự tiêu diệt hoàn toàn, nghĩa là sự biến hóa thành cái hư vô" (tr.1113).

[XI, 11] "Người không thái vế tinh thần sẽ không bao giờ loan báo điều tựa hồ rằng khi sống [họ gọi đó là sự sống]."

Còn người có thể đánh thực sống khi biết

Cả điều ác, cả điều thiện,

Và con người không sống nếu chưa hình thành bản hoàn đã tàn và hẳn

Kể nói ra điều đó không thể là người phủ nhận sự tồn tại của

nhưng sinh vật đã ra đời và đang sống, mà mọi dạng hữu - vô là người đã giữ định sự tồn tại của các những sinh vật chưa ra đời, của các những sinh vật đã chết từ trước.

[XII. 1] "Vậy là ông tức Cố-luật đã khẳng định rằng theo ý kiến của ông, phổ-thức-của chúng ta không thể âm dương, cũng như không thể bị thương. Nhưng khi tôi rằng nói lý do trước khi ra đời và sau khi chết, cũng đều đã nằm trước sự thiện và cái ác, thì làm sao ông phổ-thức-của lại có thể phủ nhận sự nhận cảm của những người đang sống đối với những đau đớn?"

[XII. 5] "Thưa ông Cố-luật, cuộc sống thì thực ra nó được phép không đau đớn và không có cái vật thương?" - Chính là vậy vì đây, những người gồm những nguyên tử và không trùng tạc là gồm những gì không có cảm giác. Và điều đó không trùng khớp, mà điều không khớp là ở chỗ các vị không có nguồn hoàn lại, vì nguyên tử không tiếp nhận cái gì sinh ra hoặc lại, mà không trông thì không nhận cảm với những không lại" (1113).

C) É-PI-QUYA VÀ PÁC-MÊ-NÍT

[XIII. 2] "Đu sao tôi cũng không hiểu được bằng cách nào mà ông lại có thể chấp trả chúng ta sống bằng lý không định sống thể giới là thống nhất".

[XIII. 4] "Ngay cả É-pi-quya khi khẳng định rằng thế giới bất tận, rằng nó không có khởi đầu và sẽ không có kết thúc, rằng nó không thể bị hơn, không thể bé hơn, - thì ông nói đến vô trụ như là một cái gì thống nhất. Khi ông nói, ở phần đầu của trình nghiệm của của mình, rằng bản chất của cái hiện hữu là gồm những vật thể và không trống, - thì sự như ông là phản thực chất thống nhất thành ba phần trong đó một phần nhất sự là hư vô và được các vị gọi là cái không cảm nhận được, cái trống rỗng và không phải là vật thể, cho nên đối với các vị thế giới là thống nhất".

[XIII. 5] "Vậy là, chúng ta phải coi khởi nguyên của sự xuất hiện của hiện hữu là sự vô cội và không trống; những khoảng trống tự nó là vô định và không chịu sự tác động, nó không phải là vật thể, còn sự vô tận

là, mang tính chất hỗn loạn, vô nghĩa, và loạn, tự nó làm cho nó tan rã và đưa bản thân mình đến chỗ rã loạn, vì tính chất vô vô của nó nên không thể chiếm hữu được nó và không thể đem chỗ được nó".

[XIII. 6] "Tôi là, Pác-mê-nít đã khẳng định" như Cố-luật nói và tôi, và người - và họ thành phố và dân cư ở châu Âu và châu Á".

[XIII. 8] Vì tôi có trái não tuyệt vời, và người dân trên là Xô-canh đã thừa nhận rằng trong bản chất của cái gì đó của nó, ý kiến tiếp cận được, nhưng nó có cái mà khoa, mà chỉ có sự tuệ của hiểu được (tr.1113 - 1114)

"Nó hiểu là cái hình dung được"

"là cái không bị phân định, chính thể và không bao giờ được sinh ra", như ông (Pác-mê-nít) đã nói, đồng nhất với bản thân và là cái định trong thực chất của mình (tr.1114).

Còn Cố-luật, thì nói tiếp là rằng Pác-mê-nít khi khẳng định "thế giới là thống nhất", đã phủ định mọi cái hiện hữu" (tr.1114)

[XIII. 9] [Pác-mê-nít] đã định cái hình dung được dưới hình thức cái hiện hữu và thống nhất, hiểu cái toàn như là cái vĩnh hằng và không bị tan rã, hiểu cái thống nhất là cái luôn luôn đồng nhất với bản thân mình và cái thể biến đổi được, còn cái chỉ cảm giác được thì được hiểu dưới hình thức cái vô trụ tự, ở trong sự vận động [thường xuyên?] (tr.1114).

[XIII. 10] "Ở đây chân lý trần trụi về mệnh đề sắc thuyết phục, về mệnh đề thuộc về cái hình dung được, cái luôn luôn đồng nhất với bản thân mình.

"Ý kiến của con người là ở đó, trong các ý kiến ấy không hề có chút gì là chân lý" - vì họ [con người] làm những công việc cho phép có những thay đổi do công và họ lại sai vào những việc xây nhà và những sự xấu" (tr.1114)

"Do đó, là khẳng định của ông cho rằng cái hiện hữu là cái thống

nhất, - không phụ nhận nhiều luận tượng cảm nhận được bằng cảm giác mang tính "nội tâm", nhưng biểu thị sự khải ngộ của chúng ta với cái được xác định bằng tư duy" (tr.1113).

DI-Ê-PI-QUYA VÀ PLA-TÔN

Trích dẫn dưới đây nói về A-ri-xtô có thể được dùng làm bằng chứng về cách tư duy phi triết học của Plu-tác-xơ.

[XIV, 4] "Những ý tưởng của Pla-tôn mà vi chứng Cổ-luật" gọi theo Pla-tôn, thì là đầu công họ A-ri-xtô bác bỏ, và đưa ra đủ thứ hoa mỹ về những ý tưởng ấy trong các bài khảo luận về đạo đức học và về vật lý học, trong những cuộc đối thoại công khai, như vậy là, *theo ý kiến của một số người thì đối với những luận điểm ấy là ông ta đã biểu hiện không chỉ là mong muốn tỏ ra thông thạo, mà chủ yếu là lòng say mê muốn tranh luận, như thể ông ta đã để ra cho mình mục tiêu họ thấp trước học của Pla-tôn*" (tr.1115).

[XV, 2] "Ông ta (Cổ-luật), kẻ không có một chút uyên bác nào, lại xem những lời dạy dưới đây là hoàn toàn có ý nghĩa như nhau, cũng biểu thị một điều, "con người không tồn tại" và "tồn người là cái gì đó không tồn tại". Còn Pla-tôn thì đã phân biệt hết sức cẩn thận những từ sau đây "Không tồn tại" và "trở thành không tồn tại", cụ thể là trong phần đầu chứa đựng sự phủ nhận mọi tồn tại, còn ở phần thứ hai thì xác lập sự khải ngộ giữa "cái thực sự hiện hữu" và "cái có liên quan đến tồn tại".

[XV, 3] "Những nhà triết học ở thời kỳ mới về sau đã nhận thấy A trong loại và ở trong hình thức... chỉ có sự khác nhau, họ đã không thể phân biệt cho họ thế được vì đã vấp phải những khó khăn lớn-pheo quá lớn".

(Và đây lại thêm một đoạn nữa, qua đó có thể thấy được sự ngu ngốc nội tại, tự tại của ông Plu-tác-xơ ngộ nhận).

[XV, 4] "Giữa các nhà triết học, với người theo họ có quan hệ tương hỗ như giữa nguyên nhân và kết quả, giữa nguyên bản và bản sao, giữa nguyên mẫu và hình ảnh" (tr.1115).

Nếu như, tác giả của học thuyết về ý tưởng, Plu-tác-xơ nói về Pla-tôn rằng Pla-tôn

[XV, 7] "không khinh tể cái cảm giác được, nhưng lại nói rằng (chỉ) tồn tại cái tư duy được" (tr.1116).

- thì nhà triết học trung cổ ngàn ấy không hiểu rằng chính là cần quả trách Pla-tôn về điều đó. Pla-tôn không loại trừ cái cảm giác được, nhưng lại thừa nhận tồn tại là cái tư duy được. Như vậy tồn tại mang tính cảm giác không được thể hiện trong tư duy, mà chỉ nhận thức được bằng trí tuệ cũng được quy vào lĩnh vực tồn tại, như thể tồn tại hai thế giới của tồn tại- thế giới này bên cạnh thế giới kia. Ở đây có thể thấy dấu ố câu kỳ của Pla-tôn đã rõ được sự hướng ứng như thế nào, đặc biệt là ở những con người bình thường, còn căn cứ và những quan điểm triết học của Plu-tác-xơ thì chúng ta có thể liệt ông ta vào loại người bình thường. Dĩ nhiên: những gì ở Pla-tôn được xem là độc đáo, cần thiết, tuyệt vời ở một trình độ phát triển nhất định của triết học, - thì ở cả nhân còn đứng ở ranh giới thế giới cổ đại lại là sự hồi ố nhạt nhòa về sự suy sủa của những gì đã không còn sống, là ngọn đèn từ thời đại cổ lỗ và gây ra một ấn tượng công ghê tởm như ấn tượng mà một ông xiá rơi vào trạng thái trở cơn gây ra.

Không thể phê phán Pla-tôn hay hơn điều mà Plu-tác-xơ đã làm để ca ngợi ông ta:

[XV, 7] "Ông ấy không phủ nhận cái đang diễn ra và đang hiện hữu và được cảm nhận bởi cảm giác của chúng ta, nhưng ông ấy khẳng định rằng có cái gì đó khác, vững chắc hơn và ổn định hơn".

** Trong bản viết tay cuối là: A-ri-xtô

(toàn là những quan niệm được trừu tượng hoá khỏi cái cảm giác được và không được biến thị bằng những khái niệm).

cái không của sinh - s, không là tiền đề và không của những sự tương đồng

(cần chú ý đến ba sự xác định có tính chất phủ định không - không - không).

"và ông ấy đã dạy bảo các môn đồ của mình hãy thể hiện chính xác hơn sự khác biệt ấy" qua các từ ngữ

(đúng đấy, sự khác biệt là điển thuận tuy trên lời nói).

"qua nói này là hiện hữu, cái kia là này sinh" (tr.1118)

[XV, 8] "Điều đó cũng đã xảy ra với cả những nhà triết học thời kỳ hiện đại. Họ khước từ đặt tên gọi các hiện hữu cho nhiều sự vật rất quan trọng (không trung, thời gian, không gian, nói chung là cho tất cả những gì được biết đến theo tên gọi). Trong số đó còn có cả cái thực tại. Họ khẳng định rằng tất cả những gì đó không phải là cái hiện hữu, tuy nhiên, lại là cái đó, và họ sử dụng tất cả cái đó thường xuyên trong cuộc sống và trong triết học như là những đại lượng hiện hữu và tồn tại" (tr.1118).

Sau đó Plu-tác-xo hỏi Cô-lút rằng, phải chăng bản thân phái Ê-pi-quya đã không có sự phân biệt giữa tồn tại vững chắc và tồn tại nhất thời v. v..

Ở đây Plu-tác-xo trở nên nước cười và nói:

[XVI, 21] "Sao đây, phải chăng Ê-pi-quya thông thái hơn Plu-tôn, khi ông ta gọi tất cả, ở mức độ như nhau, đều là cái hiện hữu. Ông ta nghĩ rằng cái nhất thời cũng có một sự tồn tại như cái vĩnh hằng... Và những thực thể không khi nào có thể xa rời khỏi tồn tại của mình thì cũng có sự

tồn tại như những thực thể chỉ tồn tại như những thực thể phụ thuộc và hoàn toàn và không một giây phút nào tồn tại đồng nhất với bản thân mình

[XVI, 21] "Nhưng nếu vì một hay Plu-tôn đã phạm phải một sai lầm thậm chí, tất cả lên tên vì sự xa lìa chúng tên gọi ông ấy là xa khỏi bị quy trách nhiệm cho những người đã có cách biểu thị chúng các học bằng tiếng Hy Lạp." (tr.1118)

Thật ngạc nhiên khi nghe sự tử tế khoa trương đó từ ra mình là rất thông minh. Bản thân ông ta, nghĩa là Plu-tác-xo đã quy tụ sự phân biệt của Plu-tôn đối với tồn tại vào hai tên gọi, nhưng, một khác, ông ta lại khẳng định rằng phái Ê-pi-quya không đúng khi họ gán cho cả hai phía sự tồn tại vững chắc (tuy nhiên, phái Ê-pi-quya phân biệt kỹ càng cái không phân rã" và "vì không có điểm khởi đầu" với cái tồn tại như kết hợp). Phải chăng Plu-tôn cũng làm như thế khi ở một bên ông ta đặt "tồn tại", còn ở bên kia lại đặt "sự hình thành"?

TRIẾT HỌC Ê-PI-QUYA

Tập thứ tư

III. PLU-TÁC-XƠ, 2) "CỎ-LỐT"

IV. LU-CRÊ-XƠ "VỀ BẢN CHẤT CỦA SỰ VẬT" (BA QUYỂN 1), 2), 3))

III. PLU-TÁC-XƠ, 2) "CỎ - LỐT"

Ê-PI-QUYA VÀ XÔ-CRÁT

[XIX, 2] "Bối vi, một trong những luận điểm của Ê-pi-quya nói: "Người nhà thông thái ra thì không mót ai tin điều gì một cách không lay chuyển đến nỗi đã không thể làm ông ngạc nhiên được" (tr.1127)

Đoạn quan trọng để hiểu thái độ của Ê-pi-quya đối với chủ nghĩa hoài nghi.

[XIX, 6] "Những sự sự luận chứng minh rằng những cảm thụ bằng cảm giác của chúng ta tỏ ra không chính xác và không đủ chuẩn xác, không loại bỏ sự thật là từng sự vật đều biến ra trước chúng ta. Song, trong hoạt động của mình khi chúng ta sử dụng những cảm thụ bằng cảm giác của chúng ta đối với các hiện hữu thì (sự suy xét ấy không cho phép chúng ta xem chúng là hoàn toàn đích thực và không sai lầm). Bởi vì chỉ cần chúng là (tối yếu và) hữu ích vì lý do là không có cái gì khác tốt hơn" (tr.1118)

[XX, 1] "Khi Cỏ-lốt cười giễu Xô-crát qua mặt và đã kích ông với thái độ khinh bỉ về việc Xô-crát nghiêm của xem con người là gì: rồi Cỏ-lốt nói về kiến tạo của con người nên thiên, tước bô - ông ta tức Cỏ-lốt nói - rằng bản thân ông Xô, tức Xô-crát, không biết về điều đó, thì tin theo rằng bản thân Cỏ-lốt chưa bao giờ nghĩ về điều đó" (tr.1114)

còn hình ảnh khác lại gây khốn thi họ, bắt chấp nhưng họ không định của mình, cho rằng những sự kiện thù địch đem giết tất tạo ra sự đau khổ thực, không chỉ phép thừa nhận rằng chỉ chấp về hình thức hoặc của chấp. Huyền do bị gây họ sự nhận những cảm nhận của thành như là những hình ảnh đích thực, những lại không nhận được ý rằng những đối vật ở bên ngoài chúng ta quá thật đúng như (chúng ta có, là như vậy)

[XXV, 4] "Hình ảnh do tín giác tiếp nhận lại được chúng ta quan niệm dưới dạng gần".

[XXV, 5] "Do đó, vì có sự khác nhau giữa quan niệm tức cảm giác đến lại như chúng ta với các tồn tại ở bên ngoài chúng ta, cho nên sự ghi nhận thừa nhận tính đích thực của quan niệm đã cảm thụ, hoặc chúng ta phải lựa chọn cái hiếm hoi thay vì cái cảm thụ và phải đưa ra những bằng chứng nữa" (tr. 1121).

II) Ế-PI-QUYA VÀ CÁC VIỆN SĨ HẠN LÂM (AC-KEXI-LAI)

Điều mà Phu-túc-xơ nói về điểm này thì quy tụ lại là các viện sĩ hân lâm thừa nhận ba hình thức vận động của tâm hồn: sự tưởng tượng, ý hướng, sự tôn đồng (tr.1122), sự làm lạc bất nguồn tự sự tôn đồng. Như vậy, cái mang tính cảm giác không bị mất đi cả về lý luận, cả về thực tiễn, chỉ có ý kiến mất đi.

Ông tìm cách chứng minh cho phái Ế-pi-quya thấy rằng họ hoài nghi một điều hoàn toàn hiển nhiên.

IV. LU-CRE-XƠ. "VỀ BẢN CHẤT CẶC SỰ VẬT"

DO AI-SƠ-STÉT XUẤT BẢN. 1891. 7 P¹

Lê dương nhiên là chỉ có ít tư liệu trong tác phẩm của Lu-cre-xơ thể sử dụng được.

QUYỂN THỨ NHẤT

"Vào thời buổi này nước mới lập người

Chưa xong của con người trên trái đất đã vất vả rồi

Chẳng ra sao được cái lịch năm mới của tên giao

Từ cổ xưa, với cái đầu tiên hiện

Vào khuôn mặt khủng khiếp của mình

Nhìn ra đã vào dam người trần thế là bắt xuống thùng lầy,

Đến lần đầu tiên mặt mình đắm hương đời mắt trên trời

Chẳng lại mà về cả gam đang lên chóng lại.

Và không phải là như khấn về sự vi thần,

không phải những tin chưa, không phải lòng sẵn dụ dỗ

Hầu trời - đã không thể làm chúng ta sợ sự

Vày là, đến lượt mình gánh nặng tên giao đã lên

Gột nhân chúng ta đập lên

Còn chúng ta đã được chiến thắng nâng lên tâm trời xanh"

(tr.62 - 79)

"Từ hư vô không có gì được tạo ra theo ý trời" (tr.106).

"Nếu quá thật từ hư vô xuất hiện các đã vật,

thì đã loại các sinh vật đều ra đời mà chẳng cần hạt giống."

(tr.149 và 189)

"Mong vào anh đừng có thời đã hoài nghi những lời của tôi

chỉ vì không nguồn của các đồ vật mà ta không nhận thấy"

(tr. 267 và 268).

"Như vậy là, như những vật thể không chịu được tác động từ bên ngoài".

(tr. 268)

"Nhưng không phải tất cả đều như vậy vật chất

Và nó không phải là khối lớn kết chặt - nó

Từ mọi phía, trong các vật đến tận tận không trống

(tr. 329 - 330).

"Và" (sự biến đổi về không trống) "không đủ cho nên

Như thế về thực chất của nó

Vì thế không nghĩ nó có sự hiện hữu của không gian trống rỗng

Không có khoảng trống thì các vật hoàn toàn là không thể di chuyển đến bất kỳ đâu

..... không thể không gì nó thể chuyển động được.

Bởi vì không có gì, sau khi thời gian, có thể đem lại sự khởi đầu cho sự chuyển động được

.....

..... nếu không có khoảng trống

..... thì trên thế gian này không bao giờ có gì có thể biến đổi.

Đến vì mặt mà vật chất ở đâu đâu cũng bị dẫn đến"

(tr. 332 - 333)

"... (phân tích nhận xét) trong các vật có khoảng trống

Và rằng ở đâu đâu các vật cũng có sự chuyển động"

(tr. 332 - 333).

"Tuy nhiên... thiên nhiên giới hạn các

Như vậy, đó là các vật thể, thứ hai, đó là không gian trống rỗng"

(tr. 333 - 334).

....., tự nó, thời gian không tồn tại

Và không tránh khỏi phải thừa nhận rằng

Từ đó, ở ngoài sự chuyển động của các vật thể và sự biến đổi

Thời gian không thể có ai cảm nhận được" (tr. 334 - 335).

"(Phân tích nhận xét) về rằng trong các thức mọi hành động

Không có tính đặc biệt, không có thực chất như ở các thức

Và chúng không có sự đồng nhất nào với khoảng trống;

Nhưng như cơ-quần đang ra gọi chúng là những hiện tượng

Những vật thể, cũng như những vị trí trong đó mọi sự động đến nó

(tr. 335 - 336)

"... một khi ở đây tìm thấy sự khác biệt rõ ràng

Giữa hai vật, xét theo bản chất hai vật của chúng.

Chính là giữa vật thể và vị trí trong đó mọi sự biến đổi ra."

Thì chúng tồn tại nhất định là một cách hoàn toàn độc lập

Đối với, ở đâu có khoảng trống (mà chúng ta gọi là khoảng trống)

Thì ở đó không có vật thể, cũng ở mọi nơi mà chỉ có vật thể.

Thì ở đó ngược nhiên không thể có không gian trống rỗng

(tr. 336 - 337).

"Đó chính là viên ngọc" (tr. 710)

"... là một đĩnh ngọc bao bọc đỏ"

[Của viên ngọc bao bọc đỏ của chúng ta không thể nào nhận được].

Đĩnh ngọc tuyệt diệu như bầu trời thành các phần

Đỏ bao chất của thành, và ... bao bọc ...

Và nó không bao giờ có thể tạo ra riêng lẻ, đơn lập"

(tr. 709 - 711)

... những vật thể của tự, [những cuộc gặp gỡ]

Những chuyển động, cấu trúc, và từ của chúng và các hình thù

Của chúng có thể dễ bị lừa, và dần thay đổi bất cứ,

[Chúng cũng làm thay đổi bạn chất] và ...

Không có sự đúng nhất vào đầu, với đó vật

Ngươi ra, không có bạn nhất có khả năng đưa ra ...

Đến với cảm giác của chúng ta và đến đến vào với bằng sự ra mắt của nó."

(tr. 691-693)

"Cuối cùng, nếu nó có thể được tạo ra, từ sự hình

Như nhau đó tại cả nơi với đầu lại phía ra thành tu hành,

Thì tại sao lại cho rằng chúng

Là những khối nguyên của mọi vật,

Mà không phải em vật là nguồn gốc của chúng?"

(tr. 704 - 706)

Nếu anh nghĩ rằng khi kết hợp với nhau

Vật thể lên và dứt hoặc không khi và họ như ...

Nó lên với nhau sau khi chúng không còn thay đổi bản chất của mình?"

Tại tu nhưng thủ độ anh sẽ không thể có được gì cả:

Cả những vật sống động, cả những vật không có tâm hồn, giống như
loại cây

Bởi vì trong sự học trên đa dạng họ mọi thứ

Sẽ bộc lộ bản chất của mình khi họ nhìn lại anh sẽ thấy, cùng với đất

Không khí hòa trộn ở đó, và hòa ở lại trong hơi nước:

Vậy mà trong khi đó, khi các vật được tạo ra thì nhũn thốt

Những khối nguyên phải đến vào đó bản chất ẩn giấu và bị che giấu

Để anh họ không có gì cần trở hay ngàn cân

Mọi vật được tạo ra và được những thuộc tính đặc trưng của mình"

(tr. 773-781)

Và họ nói,

... tất cả những thủ độ sẽ thay thế nhau liên tục, đi xuống

Loại thể là ... từ họ và không trung, sau đó mới được tạo ra, sau đó
đến từ đầu mới thứ lại trở về?"

"Từ trên trời trở về với đất và từ đất lại được trở về các tình từ

Nhưng các khối nguyên tuyệt nhiên không thể tạo động như thế được,

Bởi vì có em gì do kết kiến phải mặt mà bản hóa,

Để mọi cái không bị, bề song hoàn toàn, làm thành ra họ ra

Vì mỗi khi từ các khối nguyên của mình xuất hiện ra em gì do và nó liên tiếp

Thì như vậy đó chính là sự chế độ với các giả có trước đó" (tr. 783-785)

"Câu giải thích trong ngoặc là của Miao

"Chuẩn một kho trung nhiều vật nhưng khối nguyên đồng nhất

Của nhiều vật được hoà trộn trong sự kết hợp nhiều vẻ,

"Thì những vật khác nhau cũng phải như là đường bằng thước đo khác nhau"

(tr. 811-818).

"Cùng hàng một loại khối nguyên đã tạo ra trời và đất,

Một tuổi, những dòng suối, biển cả, cây cối, quả và loài vật.

Nhưng những sự hoà trộn của chúng, cả những chuyển động của chúng đều khác nhau về nhiều mặt" (tr. 820 - 822).

"Thêm vào đó, những khối nguyên ở đồng ta" (tên A-na-xa-go)

"Không ổn định lắm. . .

.....

Trong số chúng cái gì có thể trụ lại được dưới sức ép mạnh mẽ

Và trên chày khối cát chổi . . .

Không khi, nước hay lửa? Hay là cái gì nữa? Máu hay xương

Không, tôi tin chắc rằng, không có gì. Bởi lẽ tất cả nhất loạt là vật

Sẽ hoàn toàn đi đến cái chết, nếu như cái chúng ta nhìn thấy

Thì công khai phơi vung trước mắt chúng ta, bị bề gãy vỡ một sức mạnh nêu đó" (tr. 847-848)

"Nếu chúng tôi ăn chừa cả lửa, cả khét cùng với tre,

Thì cứ những vật khác loài cũng nhất định hình thành ra rồi" (tr. 872-873).

"Ở đây còn lại một khả năng nhỏ để tránh nó,

A-na-xa-go búi chặt vào khả năng ấy, vì như rằng

Tạo hoá như tất cả mọi vật ăn sâu giàu trung sự bao trùm tất cả,

Nhưng nổi trội, trong số ấy, chỉ là cái có sự pha trộn lớn hơn.

Các luôn luôn có sẵn và ở vị trí hùng hậu.

Trong sự giải thích ấy không có chút sự thật nào cả.

Hầu và khi ấy cả hạt ngũ cốc lại đập vỡ lõi viên để nặng,

Sẽ phải luôn luôn để lại những vết màu trên hạt đó

Hoặc cái gì đó nữa

.....

Và sau hết, nếu chỗ của ta, chúng ta có thể thấy

Tro và khói, cả ngọn lửa ẩn kín trong hình dáng nhỏ bé.

Nhưng hiện nhiên là mọi khi không có sự xác nhận nào cho điều đó,

Thì phải nêu văng trong các vật không rõ sự hòa trộn như thế,

Mà các hạt giống phải thấm kín ẩn chứa trong các vật,

Các hạt ấy là phổ biến cho nhiều vật trong sự kết hợp đa dạng"

(tr. 875 - 886).

"Sau hết, anh có thấy không, điều chúng ta vừa bàn luận

Lại thường xuyên có ý nghĩa to lớn

Nhưng khởi nguyên ở trong trạng thái nào

Khi chúng kết hợp lại và chúng sẽ chuyển động như thể nêu trong tư thế tương quan với nhau:

Và chỉ cần thay đổi một chút sự kết hợp thì

Đúng sinh ra cây hay hín như thế nào? Và cũng bằng cách như thế, chỉ cần thay đổi một chút sự kết hợp các chữ cái

Thì sẽ tạo ra các từ khác nhau mang ý nghĩa hoàn toàn khác nhau!"

(tr. 907 - 914)

1 "Trong tiếng La-tinh các từ "igma" - "ny" và "igma" - "lun" có cách viết gần giống nhau.

"Không có phía nào của vũ trụ có sự bất thục nạn

Bởi vì nếu không thì vũ trụ nhất thiết đã có ranh giới.

Hiển nhiên là không có cái gì có thể có ranh giới

Nếu ở bên ngoài nó không có cái gì ngăn cách nó

Nếu như chúng ta phải thừa nhận rằng đằng sau vũ trụ không có gì cả.

không có các ranh giới, không có điểm kết thúc, không có cả giới hạn"

(tr. 933 - 934).

"Người ra, nếu toàn bộ không ginh của vũ trụ bao la li khép kín bởi
vòng tròn và có các ranh giới giới hạn, [thì nó đã có điểm kết thúc rồi] . .

Thì sẽ không có chính cả bầu trời

Thật ra, các vật thể của những khối nguyên cơ bản

Hoàn toàn không tính lượng ở bất cứ đâu, bởi không có phía dưới nào cả.

Nếu mà chúng tích đọng lại sau khi ngừng chảy

Trong sự chuyển động thường xuyên các vật luôn luôn được tạo ra,

Ở mọi nơi, từ mọi phía, các vật thể có bản ở dưới cùng với các vật thể ở
trên"

Lao vút cả những chiều sâu vô tận" (tr. 934 - 937).

"Tiếp nữa, thiên nhiên theo dài đã tổng hợp các vật

[Không thể đặt giới hạn cho mình] nó làm cho khoảng trống là ranh giới

của vật thể, và nó buộc khoảng trống phải ngăn cách vật thể,

Bằng sự luân chuyển như vậy nó buộc mọi cái trở nên bất tận.

Và nếu thậm chí cái này không thể là ranh giới cho cái khác.

Thì dù sao cái này hay cái kia sự nó cũng trái dài vô hạn"

(tr. 1009 - 1013)

"[... luôn luôn có sự đối mặt của biển cả tham lam

Nhờ nước của các dòng sông; và đất được mặt trời nóng bóng sưởi ấm.

Lại đã va trái quả: những sinh vật được tạo ra, ra đời rồi.

Lại nở hoa, và những ngọn lửa lướt trên bầu trời, không tắt.

Tất cả những cái đó là ra tự nhiên không thể có được,

Nếu mà cái vô tận không xuất hiện mãi mãi

Nhưng khi dự trữ vật chất,

Đó lại bù đắp mọi sự hao hụt

Vì khi bị mất chất nuôi dưỡng, mọi sinh vật suy kiệt

Và bắt đầu già; rồi, cũng hết như thế mọi cái khác

Phải bắt đầu biến mất ngay khi thiếu vật chất

Và khi dòng bổ sung thường xuyên vật chất chấm dứt" (tr. 1035 - 1041).

Cũng giống như vào mùa xuân thiên nhiên khoe sắc, và
vua như thế nhận thức được thắng lợi của mình, nó mở ra cho
mắt ta thấy toàn bộ sự kiêu diễm của nó, trong khi đó vào
mùa đông nó lấy tuyết và băng để che đậy sự thấp hèn và
tiểu tuy của mình. - cũng như vậy Lu-cre-xô tươi trẻ, mạnh
bạo, nhà thơ chưa tẻ của thế giới lại khác biệt với Plu-tác-xô,
kẻ che đậy "cái tôi" nhỏ mọn của mình bằng băng tuyết của
đạo đức. Khi chúng ta nhìn thấy một cá nhân eo quắp lại một
cách sợ hãi, còng cái lưng mình một cách hèn hạ, thì chúng
ta bất giác cảm nhận ra mình, nhìn trước ngó sau, bởi nghĩ
sự tồn tại của mình và lo sợ bị lạc mất. Nhưng khi nhìn thấy
nhà ảo thuật đang cảm trong bộ y phục sắc sảo thì chúng ta

quên về mình, chúng ta cảm thấy rằng như thể chúng ta đứng cao hơn bản thân mình, đạt đến trình độ những sự minh phổ biến và thế là chúng ta thờ ơ đáng khoan khoan hơn. Người cảm thấy mình có phẩm hạnh hơn và tự do hơn đó là người vừa mới bước ra khỏi lớp học của Plu-tác-xơ, suy ngẫm về sự bất công khi mà cùng với cái chết những người tốt bụng lại bị mất đi. những thành quả của đời mình, hay đó là người chiêm ngưỡng cõi vĩnh hằng hoàn toàn và lắng nghe bài ca dâng cảm và âm vang của Lu-cra-xơ:

"... niềm hy vọng vinh quang

Đã đắm sâu vào trái tim tôi lướt dọc sắc nhọn

Đang lúc nó làm ngực tôi ngập chìm đắm, mê ngọt ngào

Hương tôi Nàng Thơ mà giờ đây tôi được ở vào

Với niềm suy tư tươi mát tôi đã quên những cánh đồng không đường xá
P-ê-rít

Mà trước kia, chưa hề có dấu chân ai. Tôi vui sướng

Cắm mũi vào những đồng nước mát và thét gọi sương

Khi trên tôi được trang điểm bằng vòng hoa tuyết mịn

Với những bông hoa chưa từng biết, những bông hoa mà

Trước kia Nàng thơ chưa hề đem lên đầu một ai

Bởi vì, thơ nhất, tôi học điều hiệu liêm vì đại, cố gắng

Đưa tinh thần của con người ra khỏi gong kim chặt chẽ của mê tín,

Thơ ha, tôi trình bày vấn đề mà hồ bằng

Câu thơ rõ ràng, đem niềm ngọt ngào của Nàng Thơ

Làm bại ra ru nó ở khắp chốn"

(tr.922 và những trang tiếp theo)

Người nào cảm thấy nếu mãi mãi tìm kiếm bản thân mình thì được thỏa mãn nhiều hơn là tạo dựng nên cả một thế giới, trở thành người sáng tạo ra thế giới bằng chính sức mình, - thì người ấy mang trong mình lời nguyên rủa của linh hồn, kẻ đó bị rút phép thông công, nhưng hiểu theo ý nghĩa, ngược lại, - kẻ đó bị đuổi khỏi miếu thờ và bị tước mất niềm hoan lạc tinh thần vĩnh hằng, và kẻ ấy sẽ phải tự an ủi mình bằng những niềm suy tư về niềm vui sướng của cá nhân mình và mơ mộng vào nửa đêm về chính mình.

"Niềm vui sướng không phải là phần thưởng về
độc hạnh, mà đó chính là đức hạnh"¹⁷.

Chúng ta cũng thấy rằng so với Plu-tác-xơ thì ở Lu-cra-xơ đã có một sự am hiểu mang tính triết học vô cùng nhiều hơn về Ê-pi-guya. Tinh thần tự do dạt dào cảm là cơ sở đầu tiên cho sự nghiên cứu triết học.

Điều đáng được công nhận trước hết là sự phê phán sắc bén của các nhà triết học tự nhiên trước kia đứng trên quan điểm Ê-pi-guya. Sự phê phán ấy lại càng đáng được xem xét vì nó đưa lên hàng đầu rất tài nghệ những nét tiêu biểu của học thuyết Ê-pi-guya.

Chúng ta đặc biệt chú ý đến những lời giải thích liên quan đến Ê-m-pê-đốc-les và A-na-xa-go, vì những lời giải thích ấy lại càng áp dụng được đối với các nhà triết học tự nhiên khác.

1. Không có những yếu tố xác định nào lại có thể được thừa nhận là thực thể. Vì nếu mọi thứ đều chuyển sang những yếu tố ấy và mọi thứ đều từ chúng mà ra thì tại sao, trái lại, lại không thừa nhận rằng trong cái quá trình đảo

¹⁷ Xoi-nô-đo, "Đạo đức học", phần V, định đề 42

ngược ấy chúng lại bắt nguồn từ tổng hoà tất cả những vật khác? Vì bản thân những thành tố ấy chỉ là một loại hình nhất định và hạn chế của sự tồn tại song song với những vật khác và chúng cũng được hình thành nhờ quá trình diễn ra trong những vật ấy. Và ngược lại (tr. 763 - 766)¹⁷.

2. Nếu một số thành tố xác định nào đó được thừa nhận là thực thể thì, một mặt, tính đồng nhất tự nhiên của chúng thể hiện ở chỗ chúng khẳng định mình trong sự va đập với nhau, biểu hiện tính xác định của mình và như vậy chúng hoà tan trong cực đối lập của mình; mặt khác, chúng chịu tác động của quá trình cơ học tự nhiên hoặc một quá trình nào khác, bộc lộ khả năng hình thành, khả năng này bị hạn chế bởi tính đơn lẻ của chúng.

Nếu sự tha thứ lịch sử cho các nhà triết học tự nhiên xứ I-ô-ni là: đối với họ lửa, nước v. v. không phải là một yếu tố cảm tính xác định, mà là cái gì đó mang tính phổ biến, thì Lu-cre-xô, đối thủ của họ, lại tỏ ra hoàn toàn có lý khi quy lỗi họ chính về điểm này. Một khi những yếu tố biểu hiện ra giữa ban ngày, cảm nhận được bằng cảm giác, được xem là những thực thể cơ bản, - thì trong trường hợp này tiêu chí của chúng là sự cảm thụ bằng cảm giác và những hình thức tồn tại cảm tính của chúng. Nếu người ta bảo rằng chúng được xác định theo cách khác khi chúng tạo nên những khối nguyên cơ bản của cái hiện hữu thì sự xác định ấy như vậy vẫn bị ẩn giấu, không biểu hiện ra trong tính có thể cảm tính của các nguyên tố, - nó chỉ mang tính chất nội tại; như vậy, sự xác định qua đó chúng biểu hiện ra như là những khối nguyên cơ bản, - lại là cái gì đó bên ngoài đối với những yếu

lỗi ấy, - điều này có nghĩa là: chúng là như thế không phải với tư cách nguyên tố xác định ấy, cụ thể không phải ở cái phân biệt chúng với những nguyên tố khác như lửa, nước v. v. (tr. 773 và các trang tiếp theo)¹⁸.

3. Thứ ba, sự thừa nhận những nguyên tố đặc biệt nào đó là những khối nguyên cơ bản chẳng những đã mâu thuẫn với tồn tại hiện hữu giới hạn của chúng bên cạnh những nguyên tố khác đã sinh ra chúng một cách tùy tiện (như vậy, so với những nguyên tố nói sau đây thì những nguyên tố này không có những khác biệt nào khác ngoài tính xác định của số lượng; song, rõ ràng là tính xác định hạn chế ấy trái lại, về nguyên tắc lại được xác định bởi số nhiều, tính bất tận của những vật khác). Tính tận cùng và tính biến đổi của chính những nguyên tố ấy biểu hiện ra không chỉ trong quan hệ qua lại giữa chúng với nhau, diễn ra dưới một hình thức đặc biệt trong đó bộc lộ tính đặc biệt của chúng mà còn bộc lộ khả năng hình thành, một khả năng chưa được trong những giới hạn tự nhiên. Nhưng tính tận cùng ấy và tính biến đổi ấy cũng còn thể hiện ra ở ngay quá trình mà nhờ đó - người ta cho rằng là như vậy - từ chúng hình thành nên thế giới.

Vì những nguyên tố này mang một hình thức thiên nhiên đặc biệt, cho nên hoạt động sáng tạo của chúng chỉ có thể mang tính chất đặc biệt, nghĩa là hình thức ấy chỉ có thể là sự cải biến của chính bản thân chúng, sự cải biến ấy vẫn lại mang tính chất đặc biệt, cụ thể là tính đặc biệt thiên nhiên, nghĩa là: hoạt động tạo lập của chúng là một quá trình chuyển hoá tự nhiên của chúng. Những nhà triết học tự

¹⁷ Xem tập này, tr. 160-162.

¹⁸ Xem tập này, tr. 160-162.

nhiên ấy cho rằng lửa kêu lép đóp chính theo cách đó trong không khí, mưa xuất hiện và rơi xuống đất chính là theo cách ấy, đất cũng hình thành theo cách ấy. Vậy là ở đây biểu lộ ra tính chất biến đổi của chính các nguyên tố, chứ tuyệt nhiên không phải tính ổn định của chúng, không phải tồn tại thực thể của chúng, đặc trưng cho chúng như là khởi nguyên cơ bản, vì hoạt động tạo lập của chúng, trái lại, có nghĩa là có chết của sự tồn tại đặc biệt của chúng, còn sự tồn tại đã xuất hiện thì ngược lại, cảm tử ở sinh biến đổi của chúng (tr. 783 và những trang tiếp theo¹⁾).

Tính quy định lẫn nhau tái yếu của tồn tại của các yếu tố và các vật tự nhiên chỉ thể hiện một điều là những điều kiện của chúng thực ra là những sức mạnh của chính chúng ở bên ngoài chúng, cũng như ở trong bản thân chúng.

4. Lu-ere-xơ chuyển sang những vi lượng đồng căn của A-na-xa-go. Sự phân bác của Lu-ere-xơ chống lại những vi lượng đồng căn ấy thể hiện ở chỗ:

"Ngoài ra, những khởi nguyên của ông không ổn định lắm"²⁾.

Vì những vi lượng đồng căn cũng có cùng phẩm chất ấy, cùng là thực thể giống như cái mà đối với nó chúng là vi lượng đồng căn, - cho nên chúng ta phải gán cho chúng tính nhất thời cũng giống như chúng ta quan sát thấy tính nhất thời ấy trong những biểu hiện cụ thể của chúng. Nếu trong cây ăn giấm lửa và khói thì do đó cây gồm sự hoà trộn "những vật khác loài"³⁾. Nếu mọi vật thể gồm tất cả những hạt cảm tính thì vật thể bị phân nhỏ phải biểu lộ ra là vật thể ấy chứa đựng chúng.

¹⁾ Xem tập này, tr. 160-162.

²⁾ Xem tập này, tr. 162-164.

³⁾ Như trên.

Có thể cảm thấy là rằng một nền triết học như triết học É-pí-quy-á - nó bắt nguồn từ lĩnh vực cái cảm tính và năng nổ, ít ra là trong nhận thức, lên thành chuẩn mực cao nhất - lại thừa nhận khởi nguyên là một cái gì đó hết sức trừu tượng, "một sức mạnh mà quảng" như nguyên tử. Về điểm này hãy tham khảo tr. 773-783 và các trang tiếp theo¹⁾. Trong đó thấy rằng khởi nguyên phải tồn tại độc lập mà không được có những thuộc tính cảm tính và vật lý đặc biệt nào cả. Nó là thực thể:

"Cũng như khởi nguyên ấy tạo ra trời và đất,

Mọi loài, các dòng suối, biển cả" v. v. (tr. 800 và các trang tiếp theo).

Khởi nguyên ấy có đặc trưng là tính phổ biến.

Một nhận xét quan trọng về quan hệ của nguyên tử đối với khoáng trống. Lu-ere-xơ nói như sau về "bản chất hai mặt" này:

"... chúng tồn tại nhất thời phải hoàn toàn đơ đơ"²⁾

(tr. 803 và các trang tiếp theo)³⁾.

Tiếp nữa, chúng loại trừ nhau:

"Bản vi ở đâu có không gian (mà chúng ta gọi là khoáng trống)

Thì ở đó không có vật thể" v. v. (như trên).

Bản thân mỗi thứ ấy đều là khởi nguyên cơ bản, vậy cả nguyên tử, và khoáng trống đều không phải là những khởi nguyên cơ bản, nhưng khởi nguyên ấy là nền tảng của chúng, là cái mà mỗi thứ ấy thể hiện trong sự cách là bản chất độc

¹⁾ Xem tập này, tr. 160-162.

²⁾ Xem tập này, tr. 158-160.

³⁾ Xem tập này, tr. 158-160.

lập. Ở giai đoạn hoàn chỉnh của hệ thống Ê-pi-cu-rya hầu như trung gian này được tôn lên ngai vàng.

Về khoảng trống với tư cách khởi nguyên của chuyển động, hãy xem tr. 363 và các trang tiếp theo, chính là với tư cách khởi nguyên nội tại - tr.382 và các trang tiếp theo "Khoảng trống và nguyên tử" - đối cực được khách thể hoá của tư duy và của tồn tại.

LU-CRE-XO CA-RƠ. "VỀ BẢN CHẤT CỦA SỰ VẬT"

QUYỂN THỨ HAI

"Nhưng có gì vui sướng bằng chiếm lĩnh

Một cách bình thần những đỉnh cao xa lạ

Đã được củng cố vững chắc bởi trí tuệ của các nhà thông thái. "

(tr.7 và các trang tiếp theo)

"Ôi các người, những suy nghĩ nhỏ nhen của con người"

Ôi những cơn giắc ngủ quàng"

Cuộc sống bị bao nhiêu nguy hiểm,

Thời gian và cũng nhỏ nhen đáng trời ơi

Trong bóng tối của kỷ nguyên này" (tr.11 và các trang tiếp theo)

"... là trẻ con sự biết bạn trong bóng đêm buồn thảm.

Cũng như thả, giữa bạn ngày chúng ta thường lo sợ

(Nhưng việc không đáng sợ

Nem là những gì từ trẻ chủ định và ư hã : trong bóng tối)

Có nghĩa là, không phải những tin nóng măt trời

Và không phải ánh sáng chói chang làm ngáy.

Mà chính là bản thân thần nhiên hằng vũ hệ ngoài của mình và hằng cấu trúc bên trong của mình.

Phải xa đuổi nắm xo hai kỷ ra kho tâm hồn và

Xuân san bóng đêm" (tr.55 và các trang tiếp theo)

"... hiện hữu trong khoảng trống và bay bổng trong đó.

Những khởi nguyên của mọi vật nhất định sẽ bay đi bởi sức năng của mình

Hoặc bởi những đã thúc đẩy của những cái khác. " (tr.58 và các trang tiếp theo)

"... anh hãy nhớ trong vũ trụ không ở đâu có đây.

Và những cái thế ban đầu không có nơi lưu lại.

Nếu không gian không có điểm tận cùng, không có giới hạn.

Nếu không gian là vô tận và trải rộng vô tận cả các hướng,

Như sau đã chứng minh điều đó thì rõ. " (tr.60 và các trang tiếp theo).

"... Dĩ nhiên, các vật thể ban đầu.

Tuyệt nhiên không có được sự tĩnh lặng ở bất cứ đâu

Trong khoảng trống bao la

Ngược lại: bị xua đuổi liên tục bởi sự chuyển động khác nhau

(Mọi phần chúng bay đi xu, động vào nhau,

Mọi phần chúng tách rời nhau chỉ ở những khoảng ngắn)

(tr.66 và các trang tiếp theo).

Sự hình thành các liên kết từ những nguyên tử, sự đẩy nhau và hút nhau của chúng diễn ra kèm theo tiếng ồn. Trong xưởng thợ và tại lò rèn của thế giới diễn ra cuộc đấu tranh âm ỉ, căng thẳng. Trong thế giới - trong trái tim thầm kín của nó một cơn giông tố như thể đang găm rêu - đang diễn ra sự tàn và nhị tại.

Thậm chí ta nằng mặt trời, chiếu rọi những nơi bóng tối, cũng là hình ảnh của cuộc chiến tranh vĩnh cửu ấy.

"Có nhiều vật thể nhỏ bé .

Bay đi bay lại? Trong ánh sáng chói chang,

Tự hồ như trong cuộc đấu tranh vĩnh cửu chúng chiến đấu

Trong các trận đánh lớn nhỏ,

Hố hống chúng lao vào giáp lá cà, không biết đến vận tình,

Hoặc xô vào nhau, hoặc liên tục lao tạt nhau ra các phía.

Qua đó anh có thể tự hiểu rằng những khối nguyên của mọi vật

Liên tục chuyển động ngược xuôi trong khoảng trống bao la như thế này" (tr. 116 và các trang tiếp theo)

Chúng ta thấy sức mạnh mù quáng, định mệnh của số phận đã chuyển thành sự tự tiện của từng người như thể nào và phá hủy các hình thức và các thực thể như thế nào.

"Ngoài ra, vì thể nhĩ của chủ ý đến sự hỗn loạn trong các vật thể

Lập lờ trong ánh sáng mặt trời

Ảnh cũng sẽ nhận thức, qua đó, sự chuyển động của vật chất.

Những chuyển động kỳ diệu xa trong sự hỗn loạn ấy một cách thêm đến về mặt ta không thấy được

Bởi lẽ anh sẽ thấy ở đó có bao nhiêu hạt bụi

Đôi hướng đi của mình tránh khỏi phòng cú và đập ấn kim

Và lao hay ngược trở lại..." (tr. 128 và các trang tiếp theo).

"Thoát khỏi những khối nguyên của mọi vật tự chuyển động.

Thoát khỏi những vật thể hình ra sự sự bất hợp nhỏ nhất của chúng.

Những vật thể kỳ gợn gợn, vô thể mới, vô vực mênh, vô những khối nguyên ban đầu,

Nhận được những đã thức đầy ấn kim.

Chúng bắt đầu tự minh hướng tới sự chuyển động

Sau đó thúc ép những vật thể lớn hơn

Vậy là, bắt nguồn từ các khối nguyên, sự chuyển động

Dần dần chạm đến cảm giác của chúng ta, và nó cũng trở nên thấy được đối với ta và sự chuyển động kỳ lạ cả trong cái bụi

Những hạt bụi chuyển động trong ánh sáng mặt trời,

Tuy không thấy rõ những đã thức đầy mà từ đó sự chuyển động kỳ này sinh" (tr. 133 và các trang tiếp theo)

"Tất cả những khối nguyên thật đơn giản và đầy đặc,

Đi xuyên qua khoảng trống mà không gặp phải

Bất kỳ trở ngại bên ngoài nào,

Cung với các bộ phận của mình, sự chuyển động kỳ một mình

Tạo ra chúng, và nó lằng lằng lao đi nơi chúng đã một lần lao tới.

Hiển nhiên chúng phải có tốc độ hoàn toàn vô biên,

Lao đi và công nhanh hơn là ánh sáng mặt trời lao đi.

Và cả trong không gian chúng bay xa hơn gấp nhiều lần,

Trong khi đó trên bầu trời lơ lửng những tia chớp của mặt trời"

(tr. 137 và các trang tiếp theo).

"... thậm chí nếu tôi hoàn toàn không biết đến

Những khối nguyên của vạn vật, thu cả khu vực

Căn cứ theo các hiện tượng trên trời

Cũng như căn cứ vào nhiệt hiện tượng khác, tôi đem xem điều dưới đây là chính xác:

Tất cả các thể giới hiện hữu dưới tạo ra

Không phải cho chúng ta và tuyệt nhiên

Không phải do ý trời - (tr. 177 và các trang tiếp theo)

"... Tự bản thân vật thể tuyệt nhiên không thể

Bước lên cao và chuyển động lên trên

Bằng chính xác mình" (tr. 185 và các trang tiếp theo)

"Sự chệch hướng của nguyên tử khỏi hướng thẳng" chính là một trong những kết luận sâu sắc nhất và nó bắt nguồn từ bản chất của triết học Ê-pi-guya. Thật là hay khi Xi-xê-rông cười giễu điều đó, - triết học là cái gì đó dễ dàng xử lý với ông như tổng thống Hợp chúng quốc Mỹ.

Đường thẳng, hướng đơn giản chính là sự gỡ bỏ sự tồn tại - cho - mình mang tính chất trực tiếp, gỡ bỏ điểm; nó là điểm đã bị gỡ bỏ. Đường thẳng là tồn tại khác của điểm. Nguyên tử, - tồn tại tạo mang dạng điểm, nó loại trừ ra khỏi mình tồn tại khác, - chính là tồn tại - cho - mình tuyệt đối và trực tiếp, nó do đó loại trừ hướng đơn giản, đường thẳng, đi chệch khỏi đường thẳng này. Nguyên tử bộc lộ cho thấy bản chất của nó chứa đựng không phải trong tính không gian, mà là trong tồn tại - cho - mình. Nó tuân thủ không phải quy luật của không gian, mà tuân thủ quy luật khác.

Đường thẳng biểu thị không chỉ sự gỡ bỏ điểm, - nó còn là gỡ sự tồn tại hiện hữu của điểm. Nguyên tử thờ ơ với không

gian của tồn tại hiện hữu, nó không phân nhỏ thành những khác biệt hiện hữu, mà đồng thời nó cũng không phải đơn giản là tồn tại, là cái gì đó chỉ mang tính chất trực tiếp, tựa hồ như thờ ơ với tồn tại của mình, nhưng nó tồn tại chính là khác với tồn tại hiện hữu, nó tự khép kín trong bản thân mình chống lại tồn tại đó; dịch ra ngôn ngữ cảm giác điều đó có nghĩa là: nó đi chệch khỏi đường thẳng.

Cũng giống như nguyên tử đi chệch khỏi tiến đế của mình, khuếch từ bản chất chất lượng của mình, do đó thấy rằng sự khuếch từ ấy, sự khép kín trong bản thân mình thoát khỏi các tiến đế và vô nội dung, tồn tại cho bản thân mình, qua đó thể hiện chất lượng của chính nó, - cũng như vậy, toàn bộ triết học Ê-pi-guya đi chệch khỏi những tiến đế. Ví dụ, niềm hoàn lạc chỉ là sự đi chệch khỏi đau khổ, do đó, đi chệch khỏi trạng thái trong đó nguyên tử biểu hiện ra như là nguyên tử khác biệt, có sự tồn tại hiện hữu, bị dễ nâng bởi sự không tồn tại và bởi các tiến đế. Nhưng có tồn tại nỗi khổ đau v. v., và những tiến đế ấy - mà sự đi chệch hướng bắt nguồn từ đó - có tồn tại với cá nhân, - chính sự việc đó chứa đựng tính tận cùng của nó, và về mặt này nó là một cái gì đó có tính chất ngẫu nhiên. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng bản thân tiến đế ấy đã tồn tại đối với nguyên tử rồi, bởi vì nó không đi chệch khỏi đường thẳng nếu như đường thẳng đó không tồn tại đối với nguyên tử. Nhưng đó là kết luận rút ra từ quan điểm triết học Ê-pi-guya; triết học ấy tìm kiếm, trong thế giới của tiến đế thực tế một cái gì đó thoát khỏi những tiến đế, hay là nói bằng thuật ngữ của lô-gích học: vì đối với nó tồn tại - cho - mình là nguyên tắc tuyệt đối và trực tiếp, cho nên tồn tại hiện hữu trực tiếp mâu thuẫn với nó, cho nên nó đã không khắc phục được tồn tại ấy về lô-gích.

Trong trường hợp này người ta lảng tránh quyết định luận bằng cách là ngẫu nhiên được tôn lên thành tối yếu, sự tùy tiện được nâng lên thành quy luật. Thượng đế lảng tránh thế gian, đối với thượng đế thế gian không tồn tại, vì vậy thượng đế là thượng đế.

Vậy, có thể nói rằng "nguyên tử di chệch khỏi hướng thẳng" chính là quy luật của nguyên tử, là nhịp đập của nó, là chất đặc thù của nó, chính vì vậy mà học thuyết của Đê-mô-cri-t mang tính chất hoàn toàn khác, không phải là triết học của thời đại mình như triết học Ê-pi-quya.

"Nếu như - [như những giọt mưa] - chúng tiếp tục rơi xuống

Mà không di chệch khỏi đường trong khoảng trống bao la,

Thì đó không nhìn ra bất kỳ sự gấp gò nào, những sự va đập nào ở những khối nguyên,

Và thiên nhiên đã không bao giờ có thể dè ra được cái gì

(tr.221 và các trang tiếp theo).

Vì thế giới được tạo ra, vì nguyên tử quan hệ đến bản thân mình, tức là đến nguyên tử khác, cho nên sự chuyển động của nó không phải là một sự chuyển động giả định tồn tại khác - đó là chuyển động của đường thẳng - mà là một chuyển động đi chệch đường thẳng, quan hệ đến bản thân mình. Trong quan niệm cầm tính điều đó biểu hiện như sau: nguyên tử có thể quan hệ chỉ đến nguyên tử, hơn nữa mỗi nguyên tử ấy di chệch khỏi đường thẳng.

"Tôi một lần nữa nhắc lại: các vật thể nhất định phải đi chệch,

Nhưng hoàn toàn không thấy được; để không một ai có cảm giác rằng

Chúng ta nhìn dung sự chuyển động đi chệch, bất chấp sự hiển nhiên"

(tr.243 và các trang tiếp theo).

"Nếu tất cả những chuyển động tạo nên một chuỗi mãi xích liên tục

Và chuyển động này xuất hiện từ chuyển động khác trong một trật tự nhất định nào đó,

Và nếu chúng không thể, bằng cách làm cho khối nguyên đi chệch, tạo ra những chuyển động khác

Phá vỡ các quy luật của định mệnh,

Để nguyên nhân không thể tiếp nối nguyên nhân như bao đời,

Như ở các loài vật được tạo ra trên trái đất - nguyên nhân đã không tuân theo định mệnh.

Như ý chí tự do - xin anh hãy nói - đã xuất hiện như thế nào và ở đâu,

Vì chỉ đó cho phép mỗi người đi đâu tùy thích..."

(tr.251 và các trang tiếp theo).

"... [trong ngực chúng ẩn giấu một điều gì đó]..."

Theo ý của các đồ mà toàn bộ vật chất cũng có lúc phải đi theo

Cả các bộ phận, [ra các thành phần]..."

(tr.251 và các trang tiếp theo).

"Sự đi chệch khỏi hướng thẳng" chính là "ý chí tự do"¹, là thực thể đặc thù, là chất lượng thật của nguyên tử,

"Và vì vậy trong hai, ngoài những sự va đập và trọng lượng,

Anh còn phải thừa nhận cả nguyên nhân khác của các chuyển động,

¹ Trong bản viết tay có từ La-tinh, "arbitrium"

thà là của đã chế định trong chúng ta khi năng lực sinh dự:

Như chúng ta thấy; sự cái hư vô thì không có gì có thể nắm bắt

Tuy nhiên, trong lương đã cần trở lại xuất hiện mọi thứ từ những sự va đập.

Tự nó như sự sự mệnh là lên ngàn nhưng để cho sự tu

Không cho vì sự tất yếu của sự mà thực hiện mọi việc và để cho

Tri tuệ không luôn phải chịu biết chịu đựng và có dấu trước sự tất yếu đó như kẻ chiến bại,

Thì mới sự chế hướng này cho những khổ nguyện bản đầu

Sẽ giúp cho điều đó, nhưng không phải trong một thời hạn quy định tu

Huan tron không phải là một vị trí nhất định"

(tr.284 và các trang tiếp theo).

Sự chếch hướng ấy diễn ra không phải tại một vị trí xác định của không gian, không phải vào một thời gian xác định, sự chếch hướng ấy không phải là chất lượng cảm tính, nó là tâm hồn của nguyên tử.

Trong khoảng trống sự khác biệt của trọng lượng biến mất, điều đó có nghĩa là: khoảng trống ấy không phải là điều kiện bên ngoài của sự chuyển động, mà chính là cái hiện hữu với bản thân mình, là sự chuyển động tuyệt đối và nội tại.

"Người lao, không bao giờ và không có ở đâu khoảng trống

Lại có thể tìm giữ vật, và nó không thể trở thành điểm tựa nào đó,

Do bản chất của mình nó thường xuyên nhượng bộ cho mọi cái

Vì thế mọi cái lao trong khoảng trống mà không gây trở ngại

Thì phải có cùng một tốc độ, bất chấp có sự khác biệt về trọng lượng

(tr.236 và các trang tiếp theo)

Lu-cre-xơ nhấn mạnh điều này đối lập với sự chuyển động bị hạn chế bởi những điều kiện cảm tính?

"Vì tất cả những gì ở trong nước hoặc trong không khí rơi thẳng xuống,

Thì đều phải rơi nhanh hơn phù hợp với trọng lượng của mình

Chỉ vì nước hoặc bản chất linh vi của không khí

Không thể gây cản trở nhau cho các vật,

Nhưng nói đúng ra nhường chỗ cho những vật có trọng lượng lớn hơn"

(tr.236 và các trang tiếp theo)

"Anh thấy không, cuối cùng thì cho dù sức mạnh bên ngoài

Thúc đẩy nhiều người và thường khi lôi cuốn họ lao vút đi,

Thúc đẩy họ đi trái với ý họ, nhưng dù vậy trong ngực ta

Vẫn ẩn giấu một cái gì đứng lên chống lại sức mạnh ấy và có khả năng đấu tranh..."

(tr.277 và các trang tiếp theo).

Hãy xem những câu thơ dẫn ra ở trên

"Sức mạnh" ấy, "sự đi chếch" ấy chính là sự kháng cự, sự đối chọi ngoan cường của nguyên tử, "một cái gì đó trong ngực" nó; nó thể hiện thái độ của mình đối với thế giới không phải với tư cách là thái độ của thế giới cơ giới bị dập vờ ra đối với từng cá thể.

Như thần Đất lên lên trong vũ điệu chiến tranh ồn ào của

người Cu-rê, thế giới cũng được hình thành ở đây trong những âm thanh đấu tranh của các nguyên tử.

Lu-cre-xơ là nhà thơ dịch thực của La Mã chuyên về sử thi, vì ông ca ngợi thực thể của tinh thần La Mã; ở đây thay vì những hình tượng yêu đời, dũng mãnh và hoàn chỉnh của Hô-me chúng ta lại thấy những chàng anh hùng cường tráng được vũ trang không thể xuyên thủng được, những người không có những phẩm chất nào khác; chúng ta thấy cuộc chiến đấu "của tất cả chống lại tất cả", hình thức xó cứng của tồn tại - cho - mình, một thiên nhiên không mang tính chất thần thánh, và thấy cả thượng đế tách ra khỏi thế gian.

Chúng ta chuyển sang xác định những phẩm chất cụ thể hơn của các nguyên tử; chúng ta đã làm rõ chất lượng đặc thù bên trong nội tại của chúng, nói đúng hơn, chất lượng là thực thể của chúng. Ở Lu-cre-xơ những xác định ấy rất không hoà đáng, và nói chung chúng là một trong những phần tuy tiện nhất và do đó là một trong những phần khó nhất của toàn bộ triết học Ê-pi-quya.

1) SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA CÁC NGUYÊN TỬ

"Và chưa bao giờ khối vật chất lại nằm chặt hơn,

Lên chặt hơn, chưa bao giờ nó có những khoảng cách lớn hơn trong bản thân nó

.....

Không một sức mạnh nào có thể phá vỡ mối tổng hoà các vật

(tr.234 và các trang tiếp theo).

* Thành ngữ "cuộc chiến của tất cả chống lại tất cả" ("bellum omnium contra omnes") hay là "bellum omnium in omnes") thuộc về T.Hóp-er. Xem bộ tác phẩm của ông - "Nguyên lý triết học", Phần III, "Về người công dân", Lời tựa và "Lời tựa-phần".

"Ở đây điều sau đây không được làm cho anh ngạc nhiên:

Trong khi trong chuyển động mới có được tất cả mọi khởi nguyên,

Thì đối với chúng ta tổng hoà chúng lại trong trạng thái tĩnh lặng hoàn toàn, -

.....

Bởi vì tất cả bản chất của các khối nguyên

Đều nằm ở xa bên ngoài giới hạn cảm giác của ta.

Vì vậy, một khi mắt ta không thể thấy được chúng,

Thì cả chuyển động của chúng cũng ẩn kín đối với ta

Ngay cả những gì chúng ta có thể nhìn thấy được, cũng

Thường ẩn giấu những chuyển động của mình

Ở khoảng cách xa chúng ta...

(tr.308 và các trang tiếp theo).

2) NHỮNG HÌNH DẠNG (CỦA CÁC NGUYÊN TỬ)

"Còn giờ đây anh hãy tin hiểu, qua phần tiếp theo,

Bản chất và các thuộc tính của thế giới các khối nguyên cơ bản:

Chúng thật đa dạng biết bao, khác nhau về dạng thức,

Chúng thuộc nhiều loại biết bao về hình dáng.

.....

... vì một khi số lượng chúng tròn trĩnh như thế,

Khiến chúng nhiễu mắt ta, như tôi đã chỉ rõ, không đếm hết,

Cho nên dĩ nhiên chúng không thể có cùng một kiểu

Và giống nhau về hình dáng như nhau"

(tr.333 và các trang tiếp theo).

"Vì vậy hoàn toàn không phải những hình thức giống nhau

Phải xuất hiện ở đầu nguồn một khi chúng gây ra những cảm xúc khác nhau (tr. 142 và các trang tiếp theo).

"Những khối nguyên - là các vật

Chỉ khác nhau ở những giới hạn của nó về các hình thức.

Nếu như không phải như thế, thì bất kỳ chất dính lại

Những hạt giống nhau. Như đã phải đặt ra những quy mô ban đầu

Đến vì, với những quy mô như họ như nhau tìm ra của chúng. Chúng không chỉ phải có sự khác nhau đáng kể về hình thức.

Vì dụ, anh hãy giả định là những vật thể ban đầu sẽ chịu đựng

Hà hoặc nhiều hơn một chất các phần nhỏ nhất.

Nếu như sau đó anh sẽ bắt đầu đầu tiên nhưng phần ở

Của vật thể nó, từ dưới lên trên hoặc từ trái sang phải.

Khi ấy - sau khi thực hiện mọi sự kết hợp của chúng -

Anh sẽ thấy mọi sự biến đổi của các hình thức

Có thể có đối với vật thể này;

Nếu như anh còn muốn có được những hình dạng khác.

Anh sẽ phải bỏ sang cho mình những bộ phận khác.

Và tiếp nữa, sẽ lại cần đến những phần mới

Cho những sự kết hợp tiếp theo.

Nếu như anh còn muốn thay đổi thêm nữa các hình dạng

Và như thế, những hình thức mới

Sẽ kéo theo nó sự biến đổi của vật thể, đó vậy.

Chúng còn phải nghĩ rằng nước bất động tạo

Sự vật tạo nên như thế, và cũng tạo ra hình thức.

Nếu chúng thì còn cho rằng những cái khác - là những quy mô ban đầu

Mà như tôi đã chứng minh, không thể chấp nhận điều gì được."

(tr. 470 và các trang tiếp theo)

Hơn thuyết của Epicurus cho rằng "sự đa dạng của các hình dạng không phải là vô tận", nhưng những phần nhỏ của cùng một hình dạng thì tồn tại nhiều vô tận, mà từ sự va chạm liên tục những phần nhỏ ấy - thể giới được tạo ra - và vẫn tiếp tục được tạo ra" là một sự xem xét quan trọng nhất, có tính chất nội tại nhất, về quan hệ của các nguyên tử đối với những phẩm chất của chúng đối với bản thân mình như là những khối nguyên cơ bản của thế giới.

"Bởi vì tất cả mọi cái đều ra xuất hiện.

Cái này tiếp nối cái khác, cũng tuyệt diệu hơn"

(tr. 507).

"Nhưng cũng ngược lại, mọi cái có thể biến thành cái tốt tệ nhất

Cũng bằng con đường mà nó có thể đạt tới sự hoàn thiện

Bởi vì, cái này tiếp nối cái kia,

Mọi cái có thể trở thành gì tốt hơn."

(tr. 508 và các trang tiếp theo).

"Nếu không như thế - những mọi vật, trong những giới hạn nào đó

Được duy trì từ phía này cũng như từ phía kia

Thì anh phải thừa nhận rằng,

Tính chất khác nhau của các bình đẳng ở vật chất cũng có giới hạn

(tr.512 và các trang tiếp theo)

"Sau khi giải thích cho anh rõ điều đó, tôi tiếp tục như sau:

Như giữ đầy anh sẽ dễ dàng nhận ra,

Những khối nguyên của sự vật giống nhau

Về những hình dạng đồng nhất, hoàn toàn nhiều vô kể.

Đôi lúc, tuy có đôi ra những giới hạn về sự khác nhau

Trong các hình thức, nhưng các khối nguyên

Phải giống nhau, hoặc phải nhiều vô kể,

Hay là tổng hoà vật chất sẽ có giới hạn chất.

Đó là điều không thể có được, như tôi đã chứng minh..."

(tr.522 và các trang sau).

Khoảng cách, sự khác nhau của các nguyên tử là có giới hạn cuối cùng; nếu giả định rằng sự khác nhau ấy là vô tận, thì các nguyên tử sẽ là vật trung gian cho chính mình, sẽ chứa đựng trong bản thân sự đa dạng lý tưởng. Tính vô tận của các nguyên tử, với tư cách là sự đầy đủ*, như là quan hệ phủ định đối với bản thân mình, - lại đã ra một số lượng nhiều bất tận những cái giống mình, quae similes sint, infinitas, tính vô tận của chúng không có liên quan gì đến sự khác nhau về chất của chúng. Nếu giả định một sự đa dạng vô tận về các hình thức của nguyên tử, thì mỗi nguyên tử chứa đựng trong mình một nguyên tử khác mà nó phủ định, trong trường hợp ấy tồn tại những nguyên tử đặc trưng cho toàn bộ sự bất tận của thế giới, giống như những đơn tử của lai-bơ-ni-ê-xơ.

"Như vậy, những khối nguyên đủ loại của sự vật

Là nhiều vô kể, và hiển nhiên là chúng có khả năng lấp đầy"

(tr.567 và các trang tiếp theo).

"Giữa những khối nguyên, với những thẳng lợi

Thay chỗ nhau trong các trận chiến đấu

Từ ngàn xưa đã nổ ra chiến tranh và diễn ra bất tận:

Cả khi thắng lợi thuộc về các lực lượng có sức sống của thiên nhiên,

Có khi các chiến của chúng lại thắng. Tiếng rên tang tóc hoà trộn với tiếng thê thảm thiết của con trẻ lần đầu tiên nhìn thấy một trời.

Không có đêm nào, không có ngày nào, không có

Mối sầu nào lại không nghe thấy tiếng khóc

Của con trẻ, hoà lẫn với tiếng gào thét bên các chiến

Và nghe rõ tang tóc buồn đau"

(tr.573 và các trang tiếp theo).

"Cái gì chứa trong mình nhiều sức mạnh và nhiều

Khả năng hơn thì qua đó nó chỉ rõ rằng

Nó chứa đựng nhiều hơn đủ loại khối nguyên

Hoàn toàn khác nhau"

(tr.586 và các trang tiếp theo).

"Vì tất cả các vị thần, xét về bản chất, nhất nhất phải

Luôn luôn hưởng thụ cuộc đời bất diệt trong cảnh tình lộng hoàn toàn

Các vị thần xa lạ với những mối bận chen của chúng ta và

Tách xa khỏi những bận chen ấy.

Vì không vương vào mọi nỗi khổ đau.

Các vị thần ở xa mọi hắc ám nguy.

Các vị thần có mọi cái và chẳng cần cái gì của chúng ta.

Còn vị thần chẳng cần đến những việc thiện lành

Mà cũng không biết đến nỗi (lưu giận)

(tr.646 và các trang tiếp theo)

“... Những khối nguyên của sự vật không bao giờ có thể được làm bằng
vật”

(tr.796)

“Nhưng anh hãy nhìn xem, đừng nghĩ rằng những

Vật thể ban đầu chỉ hoàn toàn không có mấy ắc.

Cả nguồn nhiệt ở chúng cũng hoàn toàn không có.

Đứng thôi chúng nóng không biết đến cái lạnh, cái nóng như thiếu đói.

Mà chúng cũng không phát ra âm thanh nào, không có

Mọi mùi vị nào, cũng không có hương mùi nào bay ra từ chúng

(tr.842 và các trang tiếp theo).

“Tất cả những cái đó cũng phải hoàn toàn xa lạ với những khối
nguyên.

Nếu chúng ta muốn xây dựng toàn bộ thế giới trên những nền tảng bất diệt.

Để thế giới có thể sống tại nguyên

Vạn trong toàn bộ chính thể của mình.

Hẳn là nếu không thì mọi vật của anh sẽ biến thành hư vô”

(tr.881 và các trang tiếp theo)

“Bù ràng là không có một nỗi đau nào có thể đứng đến

các khối nguyên

Và hẳn thân chúng cũng xa lạ với niềm vui.

Mọi khi chúng không có những vật thể ban đầu nào của chính mình.

Và sẽ bị thiệt hại do sự thay đổi chuyển động của các vật thể ban đầu ấy

Hoặc thường thấy thành quả đắng mà đầy khuôn khổ

Vậy là, những khối nguyên của mọi vật không

Có bất kỳ một cảm giác nào”

(tr.887 và các trang tiếp theo).

“Nếu các sinh vật có thể nâng cảm giác

Chỉ vì bản thân các khối nguyên của chúng có cảm giác.”

[Thì như vậy loài người có những khối nguyên như thế nào?]

(tr.978 và các trang tiếp theo)

Và câu trả lời như sau

“Hừ là, nếu hoàn toàn về mọi mặt chúng” (tức là những khối nguyên)

“giống những gì trên trần thế.

Vì có nghĩa là bản thân chúng phải gồm những

Từ tổ khác.

Mà những yếu tố ấy lại gồm những

Yếu tố khác, và như thế anh sẽ không nó được

Điểm tận cùng ở bất cứ nơi nào...”

(tr.980 và các trang tiếp theo).

[QUYỂN THỨ BA]

“Trước hết, tôi chỉ ra rằng *tinh thần sống*

Nhưng với thế cơ bản nhất ta hiểu nhất”

(tr.179 và các trang tiếp theo)

"Nhưng để trở nên hối tiếc linh hoạt, tinh thần phải được tạo ra từ những hạt giống hoàn toàn tươi và nhỏ"

(tr.188 và các trang tiếp theo).

"[Người] lớn, hơn đáng kể định hơn các nhiệm

Nó nhỏ giọt lumen tiếng hơn và nó chảy chậm hơn nhiều],

Vì tất cả tổng thể vật chất bên dưới lớn nhiều,

Gắn chặt ở trong nó, nhất định gồm những vật thể có bản ti nhảm nhum hơn

Và hoàn toàn không gồm những vật thể rất trơn và mỏng"

(tr.193 và các trang tiếp theo)

[Trái lại, còn những vật thể nhỏ hơn hơn, càng như

Sấm sùi hơn thì sẽ luôn luôn có ra vững chắc hơn

(tr.201 và các trang tiếp theo).

Thủ tiêu sự gắn kết, tỷ trọng

"... tinh thần và tâm linh, kết vô biến chất

Dầu khoáng hoàn toàn gồm những hạt nhỏ.

Vì chúng khi bỏ đi không lấy đi cái gì của trung tâm,

Nhưng đồng thời cũng không thể cho rằng bản chất của chúng thật đơn giản

Khi rơi chết đến, một hơi thở thoáng qua nào đó

Tốt ra, kèm theo hơi nóng, mà hơi nóng lại kêu theo mình không khi.

Và không thể có một hơi nóng nào mà lại không có phần trơn không khi"

(tr.228 và các trang tiếp).

"Có nghĩa là, chúng ta đã tìm thấy rằng bản chất

Của tinh thần có ba mặt.

Nhưng để tạo ra các cụm giác thì tất cả những vật đó còn ít.

Vì không thể giả định rằng

những cảm giác về sự chuyển động

Sẽ tự do mà xuất hiện trong chúng ta

Đó vậy mà chúng ta sẽ cần phải hỗ trợ thêm

[Đến nhất độ ly nào đó. Nó không có một tên gọi nào,

Trong thiên nhiên không có gì mỏng hơn và

linh hoạt hơn nó, và không có vật gì có các yếu tố

Nhỏ hơn thế và nhân nhai hơn thế"

(tr.237 và các trang tiếp theo).

"Tuy nhiên, thông thường bề mặt của vật thể có độ giới hạn

Cho những sự chuyển động ấy, vì thế chúng ta

Có thể duy trì sự sống"

(tr.258 và những trang tiếp theo)

"[Là rằng là, không có gì làm chúng ta sợ hãi hơn trong các chất].

Không thể có sự thể là người nào không tồn tại lại có thể bất hạnh,

Đã với người ấy thì không có gì quan trọng nếu hoàn toàn không ta
đủ.

Nếu như cuộc sống có diệt vong lại bị tạo ra một bản cái chết bất diệt"

(tr.387 và các trang tiếp theo)

Có thể nói rằng triết học của Đê-pi-quya cái chết là

nguyên cơ bất diệt. Nguyên tử, khoảng trống, sự ngẫu nhiên, sự lộng hành, sự liên kết đều chứa trong mình sự chết

"Hỡi vị, thân đau khổ sau khi chết đi

Nghiến nhỏ hóa men của loài chó hoang dã.

Lên sao không cảm thấy không khí hấp - thì không thể hiểu nổi được

Khi phải chấy trong ngọn lửa nóng rực, hoặc tăng trong đồng lửa thêu sao

Hoặc bị đặt vào hàng đá để chôn vùi, chết công vì hàng gòn

Hầu xác chết bị phanh ra trên các tầng đá lạnh giá của năm mả

Hoặc là vào lớp dưới lớp đất mỡ chôn và bị dè hạp nặng nề"

(tr. 888 và các trang tiếp theo).

"Nếu mọi người có thể cũng như vậy, như họ

Hiển nhiên là đã cảm nhận được gánh nặng đè trĩu lên tinh thần họ,

Càng như nhận thức được cả những nguyên nhân của gánh nặng ấy, và từ đâu ra

Khối nặng đau khổ xuất hiện và như tảng đá đã nâng lên ngọn ta.

Thì mọi người đã không sống cuộc đời theo cách đó

Như hiện họ đang sống, mà không nhận thức được họ muốn gì,

Thường xuyên muốn thay đổi chỗ để mong thoát khỏi nỗi khổ ải"

(tr. 1064 và các trang tiếp theo).

HẾT TẬP CHÍ CHÉP THUẬT HỌC

Như đã biết, phái Đê-pi-quya coi ngẫu nhiên là phạm trù thống trị. Hậu quả tối yếu của quan điểm ấy là ý tưởng chỉ

được xem như là *trạng thái*; trạng thái tư nó là sự tồn tại ngẫu nhiên. Vì thế, phạm trù thiêng liêng nhất của thế giới nguyên tử, những liên hệ của nó v. v. bị đẩy ra xa, được xem xét như là trạng thái đã qua. Chúng ta cũng thấy chính điều đó ở phái kiến thành và ở phái siêu tự nhiên. Sự sáng tạo ra thế giới, tội lỗi đi truyến, sự chuộc lỗi - tất cả những điều đó và tất cả những định nghĩa mang tính chất mộ đạo của họ, ví dụ như: thiên đường v. v., đều là sự xác định nội tại không vĩnh hằng của tư tưởng, không thuộc về thời gian nào cả, mà là trạng thái. Giống như Đê-pi-quya chuyển tính lý tưởng của thế giới của mình, khoảng trống, thành sự tạo ra thế giới, cũng vậy phái siêu tự nhiên, thể hiện tự do tách khỏi các tiền đề, ý tưởng của thế giới - thành thiên đường.

[Tập thứ bốn]

[LU-CRE-XO. VỀ BẢN CHẤT CỦA SỰ VẬT]*

QUYỂN THU TƯ

[Ở các sự vật có cái mà chúng ta]

[Chiếm nguồn] chúng như những hình tượng;

Tách khỏi phần bên ngoài như miếng của các vật thể,

Chúng luôn là trong không trung, bay theo mọi hướng"

(tr.30 và các trang tiếp theo).

"Bởi vì hình thức và hình dáng vật được giữ gìn bởi những phản chiếu
của các vật thể

Mà chúng tách ra để chấp chôn khắp nơi"

(tr.112 và các trang tiếp theo).

"Như vậy có nghĩa là bằng con đường ấy các bóng ma

Nhất định có thể vượt qua trong nhảy mất một khoảng xa và cũng

Trước hết là vì chỉ cần một nguyên nhân không đáng kể

Càng đủ để đẩy chúng từ phía sau, rồi dần và xô đẩy chúng đi xa ...

.....

Và sau hết, bởi vì chỉ có hòa thuận của chúng khi bay

Có thể dễ dàng xuyên qua mọi trở ngại

Lạt qua đi khắp nơi trong không gian và trụ"

(tr.191 và các trang tiếp theo) .

"... Không tranh cãi như nhận sự bay đi

Của những vật thể đập vào mắt làm cho ta nhìn thấy

Các môi vì chúng luôn luôn xuất phát từ những vật rắn đó.

Giống như hơi lạnh bắt nguồn từ các con sông, sự oi bức bắt nguồn từ
cái nắng,

Triều dâng và những ngọn sóng mênh mông làm cho những bờ biển
chung quanh bị ăn mòn,

Những âm thanh khác nhau thường xuyên

Bay đi khắp nơi trong không trung;

Sau cùng, hơi mận

Thường bay vào miệng chúng ta

Nếu ta đi dọc bờ biển,

Còn khi chúng ta chạy lên cạnh ta

Mùi cơ ngực cứu thị chúng ta cảm thấy vị đắng.

Như vậy, từ mọi vật luôn luôn có dòng phản chiếu không

ngừng làm chảy xa dù mọi vật

Chảy ra khắp nơi, theo mọi hướng;

Dòng chảy ấy diễn ra không ngừng và không nghỉ

Mỗi khi cảm giác liên tục khơi dậy ở chúng ta, và tất cả chúng ta có
thể luôn luôn

Thấy, nắm bắt và nghe thấy bằng những gì phải ra âm thanh"

(tr.216 và các trang tiếp theo).

"Tập nữa, nếu chúng ta bằng cách mở mắt mà cảm nhận được

Mọi hình dáng, chúng ta có thể nhận ra nó trong bóng tối

Vì như chúng ta đã nhìn thấy nó giữa ban ngày, dưới

Ánh sáng chói lọi

Thì như thế có nghĩa là thông qua

Như giống nhau trong chúng ta cảm giác và thị giác được khơi dậy"

(tr.230 và các trang tiếp theo)

"Qua đó chúng ta thấy rằng nguyên nhân của thị giác là. Những hình
ảnh mà chúng ta có, thiếu những gì ta không thể nhìn được gì"

(tr.237 và các trang tiếp theo)

"Do đó mà tình hình diễn ra khi chúng ta phân biệt được

Mọi vật ở cách xa bao nhiêu

Và không khí cũng càng nhiều,

đồng không khí càng kéo dài mà mắt chúng ta nhìn đến được,

chỉ các vật khác nhau càng được

Chúng ta bình đẳng ở xa bấy nhiêu.

Cần nói rằng tất cả những điều ấy diễn ra với tốc độ hội ngộ nhanh,

Thế là chúng ta thấy được ngay tức khắc cả đồ vật, cả khoảng cách của nó

(tr.25) và các trang tiếp theo)

"Hình ảnh cũng vậy: khi nó được phản chiếu từ chiếc gương, lập tức

Đập vào mắt chúng ta, nó lùa và đẩy ra phía trước

Luồng không khí nằm ở khoảng cách giữa hình ảnh ấy và đôi mắt chúng ta.

Nó diễn ra theo cách khiến chúng ta cảm nhận hoàn toàn nó nhanh

Hơn là chiếc gương. Nhưng chỉ ngay khi chúng ta vừa nhận thấy

Chiếc gương là lập tức hình ảnh được đem đến đi từ

Chúng ta đến chiếc gương ấy, và nó được phản chiếu

Lại đến được đôi mắt chúng ta, và nó lại lùa về

P phía trước nó một luồng không khí mới, điều đó

Diễn ra theo cách mà chúng ta nhìn thấy nó trước

Hình ảnh; và điều đó tạo cho ta khả năng nhìn thấy

Được hình ảnh ở khoảng cách gần nhất cách chiếc gương"

(tr.27) và các trang tiếp theo)

QUYỂN THỨ NĂM

"... đứng tạo ra những năm tháng dài

Rất khi ấy cũng lớn đã sụp đổ, thế là tạo lâu dài

Thế giới sẽ diệt vong"

(tr.93 và các trang tiếp theo).

"Không phải vậy! thực ra lẽ chúng ta tin chắc nhiều hơn,

Mà bằng lý trí

Chúng ta tin chắc rằng mọi cái có thể

Đi thủ tiêu với tiếng lật nhào khủng khiếp

(tr.108 và các trang tiếp theo).

"Đội vì, một khi chúng ta biết về những phần được

Những bộ phận của cái gì đó,

tàng những khối nguyên cứu có vật thể của chúng, và những hình thức của

Chúng đều mang tính chất diệt vong,

Thì khi ấy chúng ta kết luận rằng về tổng thể vật ấy mang tính chất diệt vong.

Cũng như nó đã từng được sinh ra đồng thời với điều đó,

(Và nếu như những bộ phận và những phần to lớn của thế giới

- Như tôi thấy - sau khi tiêu vong tại xuất hiện thì rõ ràng là đã có lúc nào đó tồn tại thời điểm khởi nguồn nào đó

Cả đối với bầu trời cả đối với trái đất,

Và chúng sẽ có ngày sụp đổ"

(tr.240 và các trang tiếp theo).

"Hoặc, sau chết, anh không thấy

.....

Nhưng đến đây của thành thần tử nên siêu vưu và các thần tướng rơi vào tình trạng suy đồi.

Còn thường đề thì không có khả năng học đến những giới hạn tại Hoa

Cũng như không thể thống ngự luật bất di bất dịch

Và trải tự của thiên nhiên"

(tr.368 và các trang tiếp theo)

"Ngoài ra, tất cả những gì phải trở thành vĩnh cửu.

Hoặc, do tính chất lớn nhất của vật thể, phân hạt ngược trở lại những đơn vị đầu

và không được để một vật gì đó vấp nhậy vào bên trong và phủ vờ những mối liên hệ

thực thể giữa các bộ phận - đó là bản chất của vật chất các vật thể

.....

hoặc nó có thể được duy trì vĩnh cửu

Vì nó hoàn toàn không gánh chịu những dân tộc đấy. "

đó là thuộc tính của không động:

Không trống là hoàn toàn không thể cảm nhận được và nó không

.....

hoặc còn vì chúng quanh không còn có chỗ để mọi thứ tưởng như có thể tan ra là nó và biến tan vào đó. "

Tất cả tồn tại dài vô trụ vĩnh cửu đó là như thế, và ở bên ngoài

Nó không có chỗ để có thể bay lên ra ngoài vũ, và

"Hằng có vật thể nào có thể rơi vào nó và va đập ngược vào nó làm cho nó vỡ ra"

(tr.368 và các trang tiếp theo)

"Cánh cửa của sự chết không đóng lại cả đối với bốn trời.

Cả dơi với Mặt trời, cả dơi với đất, dơi với nước trên những bình nguyên của biển cả sâu thẳm. "

Cánh cửa ấy mở toang và nó hô ra tiếng mừng rất lớn"

(tr.372 và các trang tiếp theo)

"Bởi vì số là bất kỳ, ngày xưa các thế hệ người trần thế

khi sinh đã được nhìn thấy những nét mặt lý tưởng của các vị thần

Hoặc là khi mở cửa thương hay kinh ngạc trước sự phong phú của các vị thần

Thời ấy

người ta gán cho các vị thần có tính cảm, bởi vì tưởng như

Các vị thần có những chuyển động thể xác và các những lời kêu gọi

Những lời ấy rất hợp với vẻ đẹp choáng ngợp và sức mạnh của các vị thần ấy.

Cuộc đời của các vị được xem là vĩnh hằng.

Bởi lẽ mà mọi mặt của các vị thần không thay đổi và hình ảnh các vị vẫn như xưa,

Chứ vậy, sức mạnh của các vị thần được coi là mạnh đến nỗi không thể có sức mạnh

Nào thắng được các vị

Vì thế người ta xem niềm tin là cái vi thần là không gì nắm được.

Vì không vi thần nào vượt sự trước cái chết.

Cả trong giấc mơ em người cũng thấy rằng các vi thần không

Tồn một chút khi nhìn em mà vẫn lặn đi như nhấm vụn kẹo điều vi thần."

(tr. 116) và các trang tiếp theo)

QUYỀN THỨ SÁU

Cũng như *vo v's*¹⁷ của A-na-xa-gô biểu lộ ra ở những nhà nguy hiểm (ở họ *vo v's* trở thành *realiter*¹⁸) sự phi tồn tại của thế giới và sự vận động trực tiếp của yếu quái, với tính cách như thế trở nên khách quan trong con quỷ của Xô-crát, - như thế sự vận động thực tế của Xô-crát lại trở thành có tính chất chung và mang tính lý tưởng ở Pla-tôn, và thế là *vo v's* triển khai thành vương quốc các ý tưởng. Ở A-ri-xtôt-quê trình bày lại bao quát cái cả thế, song giữ đây cái cả thế lại thật sự trở thành tính cả thế được biểu thị qua các khái niệm.

Giống như trong lịch sử của triết học có các điểm nút để cao triết học, trong chính nó, lên thành tính cụ thể, chúng hợp nhất các nguyên lý trừu tượng thành cái chính thể thống nhất và qua đó mà làm đứt quãng sự chuyển động thẳng, - cũng như vậy còn có cả những thời điểm trong đó triết học nhìn ra thế giới bên ngoài, không còn đồ nhận thức nữa: đóng vai trò là nhân vật hành động, nó - có thể nói như vậy - liên kết các mưu mô với thế giới, nó bước ra khỏi vương quốc trong suốt của A-men-tơ và lao vào vòng tay của nữ yếu quái trần thế. Đó là hội huơ trang của triết học: khi ấy nó mang bộ

mặt chú khuyển, như người thuộc trường phái Xi-ních choàng vào người bộ y phục nhà tư tế, như một người dân thành phố A-lếch-xăng-dri-a, hoặc bộ y phục ngư dân hướng xuân như người theo trường phái triết học Ê-pi-quy-á. Đối với triết học bấy giờ diễn quan trọng là nó đưa lên mặt những mặt nạ tiêu biểu. Như thế nói trong thần thoại, khi tạo ra loài người Đép-ca-li-ông đã ném các viên đá qua voi, cũng như vậy, khi quyết định tạo ra thế giới, triết học cũng nhìn về phía sau (ở đó những di cốt người mẹ của nó hiện rõ lên bằng những con mắt sáng chói); nhưng cũng giống như Prô-mê-tê đánh cắp lửa ở trên bầu trời và bắt đầu xây lên các ngôi nhà và trụ lại trên trái đất, - cũng như vậy, triết học bao trùm cả một thế giới, đang đứng lên chống lại thế giới của các hiện tượng. Hiện nay triết học Hê-gôn là như thế.

Trong khi triết học đóng kín mình vào trong thế giới chính thể hoàn hảo, thì tính xác định của chính thể ấy lại được quy định bởi sự phát triển của nó nội chung; sự phát triển ấy quy định cả hình thức của sự chuyển hoá triết học thành quan hệ thực tiễn đối với thực tại. Vậy là, tính chính thể của thế giới nói chung lại bị chia lách bên trong, hơn nữa sự chia tách ấy bị đẩy đến cực điểm, bởi vì sự tồn tại tính thần trở nên tự do, nó được làm cho phong phú đến mức trở thành phổ biến, nhíp đập của tim đã tạo ra sự khác nhau bên trong bản thân mình - dưới hình thức cụ thể mà có thể chính thể trở thành hiện thân. Sự chia tách thế giới chỉ trở thành sự chia tách tổng thể khi nào các phía của nó trở nên chính thể. Do vậy, cái thế giới đối lập với triết học chính thể trong nó là thế giới đã bị phân liệt. Chính do vậy, những biểu hiện của tính tích cực của triết học ấy bị phân ra, trở nên mâu thuẫn; tính tổng quát khách quan của triết học biến thành những hình thức

¹⁷ - tr. 104

¹⁸ - một cách thực tế trong thực tại

chủ quan có ý thức riêng lẻ mà đời sống của triết học biểu hiện ra trong đó. Nhưng đúng trước con bầy tập ấy, con bầy tập đi theo nền triết học vĩ đại của thế giới, đứng nên bởi rồi. Cỗ đàn học bình thường rất tiếng lên trong mọi bàn tay; con cây đàn học Ê-ôn thì chỉ vọng lên khi con bầy tổ đập cực mạnh vào các dây đàn này.

Người nào không hiểu sự tài yếu lịch sử ấy mà là người nhất quán thì phải tỏ ra phủ nhận rằng nói chung thì sau triết học chính thể còn có thể tồn tại những con người, hoặc người đó phải thừa nhận sự hiện chứng của phép đo lường, với tư cách như thế, là phạm trù cao nhất của tính thần tự nhận thức bản thân và không định, cùng với một số phần từ theo trường phái Hê-ghe-n đã hiểu không đúng vị thế của chúng ta, rằng *tính chứng mực* là biểu hiện bình thường của tính thần tuyệt đối, nhưng tính chứng mực tự xưng là sự biểu hiện đều đều của cái tuyệt đối thì chính nó lại trở thành vô chứng mực, cụ thể đó là tham vọng vô chừng mực. Không có tính tất yếu ấy thì không thể hiểu được làm sao mà sau A-ri-xtôt tại có thể xuất hiện Ê-đê-nông, Ê-đê-pi-quya, thậm chí ngay cả Xêch-xơ Ê-na-pi-rích, làm sao mà sau Hê-ghe-n lại có thể có những mưu toan của các nhà triết học hiện đại nhất, mà phần lớn đó là những mưu toan vô cùng thâm hại.

Vào những thời đại như thế các quan điểm của những khối óc nũa với tỏ ra đối lập với các quan điểm của những vị nguyên soái nhất quán. Họ cho rằng có thể sửa chữa tình hình bằng cách giảm bớt những lực lượng chiến đấu, bằng việc phân nhỏ chúng ra, bằng sự thỏa thuận hoà bình với những nhu cầu thực tế, - trong khi đó Phê-mi-xô-clô đã thức giục người dân thành A-ten - khi thành phố A-ten bị đe dọa tàn phá - hoàn toàn rời bỏ thành phố và lập ra thành phố A-ten mới nhìn ra biển trong một môi trường thiên nhiên khác.

Và chúng ta không được quên rằng tiếp theo sau những thảm họa ấy sẽ đến thời đại sắt thép, - thời đại hạnh phúc, nếu nữ được nói tiếng nhờ cuộc đấu tranh phi thường, nữ xứng đáng được thương tiếc, nếu nó giống những thế kỷ kéo lê bước theo sau các thời đại; vì đại trong lịch sử nghệ thuật những thế kỷ ấy làm tái hiện - qua những sản phẩm làm từ sáp ong, thạch cao và đồng - những gì đã nảy sinh từ đá hoa cương vung ca-ra - hoàn toàn cùng giống như A-tê-nê của Pa-la-xơ đã nảy sinh từ cái đầu thần Dớt, cha của các vị thần. Nhưng những thời đại kế tiếp sau nền triết học hoàn thiện trong bản thân mình và tiếp sau những hình thức phát triển chủ quan của nền triết học ấy, thì lại mang tính chất vĩ đại vì sự chia tách đã tạo ra sự thống nhất của chúng thật là lớn lao. Vậy là thời đại La Mã đã dẫn tiếp theo sau triết học khắc kỷ, triết học hoài nghi và triết học Ê-đê-pi-quya. Những thời đại ấy là những thời đại bất hạnh và sắt thép, bởi vì các vị thần của những thời đại ấy đã chết, còn nữ thần mới thì còn đang xuất hiện trực tiếp dưới dạng vận mệnh không biết trước, dưới dạng ánh sáng thuần khiết hoặc bóng tối đầy dục ố độ nó vẫn chưa có các màu sắc của ngày.

Nhưng gốc rễ của nỗi bất hạnh là ở chỗ khi ấy tính thần của thời gian, đơn thuần tính thần, tràn đầy trong bản thân mình, đã được hình thành một cách vị tướng theo mọi hướng, nó không thể thừa nhận thực tại đã hình thành ở bên ngoài nó. Khả cạnh hạnh phúc của nỗi bất hạnh ấy là hình thức chủ quan, hình thái mà qua đó triết học - với tư cách là ý thức chủ quan có quan hệ với thực tại.

Ví dụ, triết học Ê-đê-pi-quya, triết học khắc kỷ đã từng là niềm hạnh phúc đối với thời đại của nó; vì như, con bướm

dân, sau khi một trời chung cho mọi người lặn xuống thì nó đi tìm ánh sáng của các ngọn đèn mà từng người thắp lên riêng cho mình.

Có một khía cạnh khác, quan trọng hơn đối với nhà nghiên cứu lịch sử triết học, là ở chỗ quá trình chuyển hoá này của triết học, sự chuyển hoá của nó thành xương thanh cốt, lại là một quá trình khác nhau tùy thuộc vào tính xác định tạo ra sự khác nhau - giống như nốt ruồi - giữa triết học hoàn chỉnh trong nó và triết học cụ thể. Đồng thời đây còn là sự phản bác lại ý kiến của những vị quan tính phiến diện trước tượng của mình, đi đến kết luận cho rằng, ví dụ, triết học Hê-ghe-n tự lên án bản thân mình, vì Hê-ghe-n đã coi việc lên án Xô-crát là chính đáng, nghĩa là cần thiết, và vì Giôcê-da-nô Bru-nô phải chuột lại niềm phấn khích cháy bỏng của mình trong ngọn lửa thiếu đầy khối. Nhưng về phương diện triết học điều quan trọng là nêu lên khía cạnh này, vì trên cơ sở một hình thức xác định của sự chuyển hoá ấy người ta có thể đưa ra một kết luận ngược lại về tính xác định nội tại và về tính chất lịch sử - toàn thể giới của tiến trình phát triển triết học. Cái gì mà trước kia biểu hiện ra như là quá trình phát triển, thì giờ đây lại trở thành tính xác định; cái gì đã từng là tính phi định tính tồn tại trong nó thì nay đã trở thành sự phi định. Ở đây tựa hồ chúng ta nhìn thấy curriculum vitae¹ của triết học trong sự biểu hiện tập trung nhất của nó, trong tình sắc bên chủ quan của con đường đó, giống như trên cơ sở cái chết của người anh hùng người ta có thể suy xét xem cuộc đời người anh hùng ấy đã như thế nào. Tôi cho rằng định vị của triết học Ê-pi-quya chính là hình thức như thế của triết học Hy Lạp, - ngoài ra, điều đó phải là sự biện minh giải thích tại sao tôi không đề lên hàng đầu những yếu tố này hoặc yếu

tố khác lấy từ những học thuyết cổ trước, và không tuyên bố chúng là những điều kiện phát triển của triết học Ê-pi-quya. Mà ngược lại, tôi suy luận từ triết học Ê-pi-quya ra những học thuyết cổ trước đó và qua đó tôi dành cho bản thân triết học Ê-pi-quya khả năng biểu hiện địa vị đặc biệt của mình.

Để xác định một cách chính xác hơn một số nét của hình thức chủ quan trong triết học Pla-tôn, tôi sẽ xem xét chi tiết hơn nữa một số quan điểm của giáo sư Ba-ua trong tác phẩm của ngài lý "Yếu tố Thiên chúa giáo trong học thuyết Pla-tôn". Như vậy là chúng ta có được kết quả bằng con đường đem đối lập các quan điểm đối lập.

"Yếu tố Thiên chúa giáo trong học thuyết Pla-tôn, hay là Xô-crát và chúa Ki-tô". Tác phẩm của tiến sĩ thần học Ph.H.Ba-ua. Tụy-bín-ghe-n, 1837².

Ở trang 24 ông Ba-ua nói:

"Vấn đề, triết học của Xô-crát và đạo Thiên chúa, nếu xem xét ở điểm xuất phát thì chúng đối với nhau như là sự tự nhận thức và sự nhận thức tình tôi tôi".

Chúng tôi có cảm tưởng rằng sự so sánh Xô-crát với chúa Ki-tô - qua công thức như thế - lại chứng minh chính là điều ngược lại đối với điều cần được chúng minh, cụ thể là, giữa Xô-crát và chúa Ki-tô không hề thấy có sự giống nhau nào. Dĩ nhiên quan hệ giữa sự tự nhận thức với sự nhận thức tình tôi tôi đã là quan hệ giữa cái chung với cái riêng, cụ thể là giữa triết học đối với tôn giáo. Đó là lập trường của mọi nhà triết học thời cổ đại cũng như thời cận đại. Nói đúng hơn, đây sẽ là sự phân chia vĩnh hằng giữa hai lĩnh vực, chứ không phải là sự xáo trộn sự thống nhất của hai lĩnh vực ấy, nhưng dĩ nhiên, đó cũng sẽ là mối tương quan, bởi vì mọi sự

¹ con đường sống

phân chia đều là sự phân chia một cái gì đó thống nhất. Điều đó sẽ chỉ có nghĩa là nhà triết học Xô-erát đối với chúa Ki-tô thì ràng như nhà triết học đối với người thầy giảng đạo. Nếu xác lập được sự giống nhau, sự tương đồng giữa niềm sung sướng và nghệ thuật của bà đồ Xô-erát, sự trơ trẽn của mĩ, thì điều đó chỉ thể hiện sự mâu thuẫn cùng cực, chứ không phải sự tương đồng. Sự mĩ mai Xô-erát, như cách hiểu của Ba-na về sự mĩ mai ấy và như cách hiểu cần phải có về nó, theo sau Hê-ghe, cụ thể là với tư cách cái bất biện chứng mà nhờ đó tư duy lãnh mạnh thường nhật buộc phải thoát ra khỏi mọi sự xò cũng của mình và đi đến không phải một sự hiểu biết toàn năng tự mãn, mà đi đến nhận ra nội tại đối với bản thân tư duy ấy, - sự mĩ mai ấy không phải là cái gì khác hơn là hình thức vốn có của triết học trong mối quan hệ chủ quan của nó đối với ý thức thường nhật. Thông qua Xô-erát triết học ấy đã mang hình thức một con người mang tính mĩ mai, một nhà thông thái, điều đó bắt nguồn từ tính chất cơ bản của triết học Hy Lạp và từ thái độ của nó đối với thực tại; ở nước chúng ta sự mĩ mai - với tư cách là hình thức nội tại tổng quát - đã được Phri-đrich Phôn Siê-ghe đưa ra như là một thứ triết học nào đó. Nhưng xét về khách quan, về nội dung, thì cả Hê-ra-clít nữa, ông chống những đã khinh rẻ tư duy lãnh mạnh thường nhật mà còn căm ghét tư duy ấy; và ngay cả Ta-let, là người vẫn dạy rằng mọi cái là từ nước mà ra, - trong khi ấy bất kỳ một người Hy Lạp nào cũng đã từng biết rằng anh ta không thể sống được chỉ bằng nước; cả Pthi-xto với cái "TÔI" tạo ra thế giới của ông ta, trong khi đó thậm chí Ni-cô-lai cũng đã hiểu rằng ông ta không thể tạo ra được thế giới, - tóm lại, bất kỳ nhà triết học nào kiên trì hình nội tại và phản đối có tính kinh nghiệm, thì ràng đều dùng đến sự mĩ mai.

Ngược lại, trong niềm sung sướng, trong ý thức về tính tội lỗi, chẳng những chủ thể xứng đáng của niềm hạnh phúc và đi đến được sự nhận thức về tính tội lỗi, mà cả chủ thể sản sinh ra niềm sung sướng, cũng như chủ thể được để cao như sự nhận thức về tính tội lỗi, - tất cả thấy những chủ thể ấy đều là những cá tính kinh nghiệm.

Vậy, nếu ở đây thấy bộc lộ ra sự tương đồng giữa Xô-erát và chúa Ki-tô, thì sự tương đồng ấy là ở chỗ Xô-erát là triết học kết tinh, còn chúa Ki-tô là tôn giáo kết tinh. Song, ở đây vấn đề không phải là quan hệ chung giữa triết học và tôn giáo, mà ngược lại, vấn đề là ở chỗ triết học kết tinh có quan hệ như thế nào đối với tôn giáo kết tinh. Giữa triết học ấy và tôn giáo ấy có mối quan hệ, điều đó là một chân lý rất không xác định, hay là nói đúng hơn, đó là điều kiện chung cho việc đặt vấn đề, chứ không phải là một sự luận chứng nhất định nào đó cho câu trả lời. Trong ý định muốn tìm ra yếu tố Thiên chúa giáo ở Xô-erát, thì quan hệ giữa các cá tính kể trên, giữa Ki-tô và Xô-erát, không được làm rõ một cách chính xác hơn, mà chỉ được xác định nói chung như là quan hệ của nhà triết học đối với người thầy giảng đạo, và tính vô nội dung y như thể bộc lộ ra ở chỗ là sự phân chia chung chung mang tính chất độc đũa của ý tưởng của Xô-erát, nhà nước của Platon đều được gắn với sự phân chia chung của ý tưởng, còn chúa Ki-tô, với tư cách là tính cá thể lịch sử, thì được gắn chủ yếu với nhà thờ¹.

Nếu nhận xét của Hê-ghe² là đúng - Ba-na đã tấn thành

¹ Thập đó trùng lặp với tuy là đoạn đã bị gạch bỏ sau đây: "Đấng thần thánh hệ qua một thái độ quan trọng là nhà nước của Platon là sản phẩm linh thiêng của ông, còn nhà thờ thì, ngược lại, lại là cái gì đó hoàn toàn khác với chúa Ki-tô".

² G. V. P. Hê-ghe, Hệ thống triết học, Th. III, Triết học tinh thần, § 502.

nhận xét ấy - khi cho rằng Pla-tôn kiến tri hữu vị, trong nhà nước của mình, tính thực thể Hy Lạp chống lại nguyên lý đang đến gần về tính chủ thể, thì chính Pla-tôn tỏ ra đối lập hẳn với Ki-tô, vì Ki-tô bảo vệ yếu tố chủ thể chống lại nhà nước hiện hữu, nhà nước mà ông chỉ công nhận là nhà nước thể tục, do đó, là nhà nước không trung thực. Nhà nước của Pla-tôn vẫn là lý tưởng, nên nhà thờ Thiên chúa giáo đã trở thành hiện thực - điều này cũng vẫn chưa phải là sự khác nhau đích thực. Sự khác nhau ấy thể hiện, dưới dạng lộn ngược, sự thật là ý tưởng của Pla-tôn đã huỷ theo sau hiện thực, trong khi đó thì ý tưởng Thiên chúa giáo lại có trước hiện thực.

Nói chung, sẽ đáng dân hơn nhiều nếu nói rằng các yếu tố Pla-tôn hiện diện trong đạo Thiên chúa, thay vì nói rằng những yếu tố Thiên chúa giáo hiện diện ở Pla-tôn, nhất là vì các cha cổ thời cổ đại của nhà thờ, chẳng hạn như Ô-ri-gen, I-ri-nê, đã phản bác bắt nguồn, về mặt lịch sử, từ triết học Pla-tôn. Về phương diện triết học thì điều quan trọng là trong nhà nước của Pla-tôn đẳng cấp đứng đầu là đẳng cấp những người nắm được tri thức, hay là các nhà thông thái. Cũng có thể nói như vậy về quan hệ còn các ý tưởng của Pla-tôn đối với lô-gích Thiên chúa giáo (tr.38), quan hệ của lối óc Pla-tôn đối với sự đối mặt mang tính Thiên chúa giáo của con người đã trở về với hình ảnh ban đầu của mình (tr.40), quan hệ của sự sụp đổ của tâm hồn Pla-tôn đối với sự phạm tội trong Thiên chúa giáo (tr.43), và cả về truyện thần thoại về kiếp trước của linh hồn.

Quan hệ của thần thoại đối với ý thức của Pla-tôn.

Sự di cư linh hồn của Pla-tôn, mối liên hệ với các vị sao.

Ba-ua nói ở tr.83:

"Không có một hệ thống triết học nào của thế giới cổ đại lại nhòa trôi chất tôn giáo ở mức độ như học thuyết của Pla-tôn".

Điều do phải nảy sinh ra cả từ việc Pla-tôn "xác định nhiệm vụ của triết học" (tr.86) là "giải phóng, giải thoát, tách" linh hồn ra khỏi thể xác, như là "sự chết đi và những suy nghĩ về sự chết".

"Đến mức vượt lên ấy, tốt hơn, được người ta gán cho triết học, điều này bất luận thế nào cũng là tính phiên diện của học thuyết Pla-tôn" (tr. 89)

Một mặt, có thể đồng ý với nhận xét của Ba-ua cho rằng không một hệ thống triết học nào của thế giới cổ đại lại mang tính chất tôn giáo ở mức độ như hệ thống triết học của Pla-tôn. Nhưng điều đó chỉ có ý nghĩa là không một nhà triết học nào lại dạy triết học với một niềm hưng khởi mang tính tôn giáo đến mức là không có học thuyết triết học của một nhà triết học nào, lại có được tính xác thực đến mức như thế và có thể nói là một hình thức căng thẳng tôn giáo đến như thế. Ở những nhà triết học mạnh mẽ hơn, ví dụ như A-ri-xtô, Xpi-nô-đa, Hê-gen, bản thân thái độ của họ phần nhiều mang hình thức tổng quát và đã không chìm ngập đến thể vào tính cảm kinh nghiệm. Nhưng cũng vì thế mà niềm hưng khởi của A-ri-xtô khi ông ca ngợi "sự nhận thức lý luận" là sự nhận thức tối nhất, "thực vi nhất và tuyệt vời nhất", hoặc là khi ông khám phục tri tuệ của thiên nhiên trong bài khảo luận "Về bản chất các loài vật", niềm hưng khởi của Xpi-nô-đa khi ông nói về việc xem xét thế giới "dưới góc độ tính vĩnh hằng", về tính yêu đối với thượng đế hoặc về "tự do của tính thần con người", niềm hưng khởi của Hê-gen khi ông tìm ra sự tồn tại vĩnh cửu của ý tưởng, có thể đã sộ của thế giới tinh

thần, - cùng vì thế mà những niềm hừng khởi ấy trở nên có nội dung phong phú hơn, nồng bỏng hơn, tốt đẹp hơn đối với tinh thần xã hội được khai sáng. Cùng vì thế mà niềm hừng khởi của Pla-tôn, ở giai đoạn tối đỉnh của mình, đã chuyển thành niềm cảm tốt đẹp, còn sự hừng khởi của A-ri-xtôt, Xpi-nô-da, Hê-gheu chuyển thành ngọn lửa lý tưởng thuần khiết của khoa học; vì vậy niềm hừng khởi đầu chỉ là cái bình sôi dôi với những khởi sự riêng lẻ, còn niềm hừng khởi sau chổi lại trở thành tinh thần sáng tạo sự sống của các quá trình lịch sử - toàn thể giới.

Một mặt, qua đó có thể khẳng định rằng chính thiên chúa giáo, với tư cách là giai đoạn cao nhất của quá trình phát triển tôn giáo, có sự tương đồng nhiều hơn với hình thức chủ quan của triết học Pla-tôn, hơn là với hình thức chủ quan của các học thuyết triết học khác của thế giới cổ đại. Nhưng cũng trên cơ sở ấy, ngược lại, có thể có quyền khẳng định rằng không có một hệ thống triết học nào khác lại có thể thể hiện một cách rõ ràng hơn sự đối lập giữa những yếu tố tôn giáo và yếu tố triết học, vì trong yếu tố triết học, triết học xuất hiện trong sự xác định tôn giáo, còn trong yếu tố tôn giáo thì tôn giáo xuất hiện trong sự xác định triết học.

Tiếp nữa, những danh ngôn của Pla-tôn về việc giải thoát linh hồn v. v. không chứng minh điều gì cả, bởi vì mọi nhà triết học đều mong muốn giải phóng linh hồn khỏi rình rập chế kình nghiệm của nó; sự tương đồng với tôn giáo chỉ tựa như là thiếu sót của triết học, nếu xem đó là nhiệm vụ của triết học, - trong khi đó đây chỉ là điều kiện để giải quyết nhiệm vụ ấy, chỉ là điểm khởi đầu của sự mò dẫu.

Sau chót, tuyệt nhiên không phải là thiếu sót của

Pla-tôn, không phải là tính phiến diện khi ông gán sức mạnh choذةội ấy, xét cho cùng, cho triết học, - chính tính phiến diện ấy làm cho ông trở thành nhà triết học, chứ không phải trở thành người giảng đạo. Đây không phải là tính phiến diện của triết học Pla-tôn, mà là khía cạnh mà chỉ nhờ đó nó mới trở thành triết học. Chính nhờ vậy mà ông một lần nữa bác bỏ cái công thức - mà trên đây bị công nhận là không thừa đáng - cho rằng nhiệm vụ của triết học là cái hoàn toàn không phải là công việc của triết học.

"Và là, ý muốn đem đặt nội tâm lên không phụ thuộc vào tính chủ thể của cá nhân làm cụ cho các mà triết học đã nhận thức được, - chính ý muốn đó là cơ sở về sau chính vào lúc Pla-tôn trình bày các chân lý có ý nghĩa đạo đức - tôn giáo tối thượng, thì ông đồng thời lại thể hiện những chân lý ấy dưới hình thức thần thoại" (tr. 94).

Qua đó có làm sáng tỏ điều gì không? Về thực chất, phải chăng câu trả lời ấy bao hàm câu hỏi về cơ sở cho cơ sở ấy? Nảy sinh chính là câu hỏi tại sao Pla-tôn lại tìm cách đặt cơ sở khẳng định, trước hết mang tính thần thoại, làm nền tảng cho cái mà triết học đã nhận thức được. Ý nguyên ủy là điều đáng ngạc nhiên nhất trong lối cá những điều có thể nói về nhà triết học, nếu nhà triết học ấy không tìm thấy sức mạnh khách quan ở ngay trong chính hệ thống triết học của mình, trong sức mạnh vĩnh cửu của ý tưởng. Vì vậy mà A-ri-xtôt đã gọi sự thần thoại hoá là kẻ-nô-lô-giét¹.

Nếu chỉ giới hạn ở khía cạnh bên ngoài của vấn đề thì có thể tìm thấy câu trả lời dưới hình thức chủ quan của hệ thống triết học Pla-tôn, cụ thể là dưới hình thức đối thoại của hệ thống ấy ở dạng mĩa mai. Danh ngôn của một cá nhân tự khẳng định với tư cách là danh ngôn, đối lập với những ý

kiến hoặc những cá nhân, và danh ngôn ấy cần có một điểm tựa nhỏ đó sự vững tin chủ quan trở thành châu lý khách quan.

Nhưng sau đó nảy sinh câu hỏi: tại sao quá trình thần thoại hoá ấy lại gặp thấy chính là trong những đời thoại mà trong đó cái được trình bày chủ yếu là những chân lý đạo đức - tôn giáo, trong khi ấy thì đối thoại thuần túy siêu hình "Phe-mê-ni" lại không có những chân lý ấy? Nảy sinh câu hỏi: tại sao cơ sở có tính chất khẳng định ấy lại mang tính chất thần thoại và dựa vào những thần thoại?

Và ở đây chúng ta thấy sự lý giải. Trong khi làm sáng tỏ các vấn đề đạo đức, tôn giáo và thậm chí những vấn đề triết học tự nhiên nào đó, vị phụ nữ trong tác phẩm "Ti-mây", Pla-tôn cho rằng sự lý giải phủ định của ông về cái tuyệt đối tỏ ra không đầy đủ; hơn nữa, thật là không đầy đủ nếu nhét mọi cái vào không gian tối đen của một đêm duy nhất mà trong đó - như Hê-ghe-n đã nói - mọi con mèo đều có màu xám¹⁷: khi ấy Pla-tôn dùng đến một cách lý giải khẳng định cái tuyệt đối, mà đối với cách lý giải ấy thì thần thoại và phúng dụ là hình thức quan trọng, phát sinh từ chính nó. Ở đâu mà một bên là cái tuyệt đối, còn bên kia là thực tại khẳng định bị giới hạn, hơn nữa cái khẳng định phải được duy trì - thì ở đó cái khẳng định ấy trở thành môi trường qua đó ánh sáng tuyệt đối chiếu xuyên qua, ở đó ánh sáng tuyệt đối bị khúc xạ trong những màu sắc đan xen huyền ảo, và cái lộn xộn, cái khẳng định chỉ ra cái gì đó khác hơn là chính nó, trong nó biểu lộ linh hồn mà vô học của nó tỏ ra lự lùng; toàn thể giới trở thành thế giới của những thần thoại. Mọi hình ảnh được quan niệm như là điều bí ẩn. Hiện tượng này

đã được nhắc lại vào thời hiện đại và được chế định bởi quy luật tương tự.

Sự lý giải khẳng định ấy về cái tuyệt đối và cái vô học thần thoại - phúng dụ về nó là nguồn gốc, là nhịp đập trái tim của triết học về cái tiên nghiệm, - cái tiên nghiệm mà trong đó đồng thời cùng lúc lệ quan hệ mang tính bản chất đối với cái nội tại vì quan hệ ấy, về thực chất, chia cắt cái nội tại ra. Dĩ nhiên, qua đó thấy lộ ra sự giống nhau giữa triết học Pla-tôn với mọi tôn giáo thực tế, và đặc biệt là với Thiên chúa giáo như là triết học hoàn chỉnh về cái tiên nghiệm. Do đó, ở đây cái được làm sáng tỏ là một trong những quan điểm mà xuất phát từ chúng người ta có thể xác lập mối liên hệ sâu sắc hơn giữa đạo thiên chúa lịch sử với lịch sử triết học cổ đại. Do sự lý giải khẳng định đó về cái tuyệt đối ta thấy rằng đối với Pla-tôn một cá nhân nào đó, với tư cách như thế, cụ thể là Xô-crát là chiếc gương, có thể nói là sự thể hiện mang tính thần thoại của sự không thái, và ông gọi nhân vật ấy là nhà triết học của sự chết và tình yêu. Điều đó không có nghĩa là Pla-tôn bác bỏ Xô-crát lịch sử; sự lý giải khẳng định cái tuyệt đối có liên hệ với tính chất chủ quan của triết học Hy Lạp, với sự xác định của nhà thông thái.

Cái chết và tình yêu là những thần thoại về phép biện chứng phủ định, bởi vì phép biện chứng là ánh sáng nội tại giản đơn, là cái nhìn thiết tha của tình yêu là nội tâm không bị dè dặt bởi sự chia tách vật chất thần xác, là nơi trú ngụ thiêng liêng của tình thần. Vậy, thần thoại về nó là tình yêu; nhưng biện chứng cũng là dòng thác hung dữ đập đổ bao nhiêu vật chất trong tính hạn chế của chúng, nó lật nhào các hình thức độc lập, nó nhấn chìm tất cả vào trong biển cả duy nhất của sự vĩnh hằng. Vậy, thần thoại về nó là cái chết.

¹⁷ G.V. Ph. Hê-ghe-n: Hệ thống triết học Phần II, triết học tự nhiên, § 370.

Như vậy, nó là sự chết, nhưng đồng thời nó cũng mang sức sống, mang lại sự nở hoa trong các mảnh vườn của tình thân, hạt trắng trong chiếc bình phải ra tia lửa động những hạt giống nhỏ li ti mà từ đó đám chồi nảy lộc của ngọn lửa tình thân duy nhất. Vì vậy mà Plô-tin gọi nó là phương tiện dẫn đến "đơn giản hoá" linh hồn, tức là dẫn đến sự liên kết trực tiếp nó với thượng đế¹⁹. - In cách diễn đạt mà trong đó sự chết và tình yêu, đồng thời cả "nhận thức lý luận" của A-ri-xtô đều hợp nhất với phép biện chứng của Pla-tôn. Nhưng vì những nhận định ấy, có thể nói là đã được xác định trước ở Pla-tôn và A-ri-xtô, chứ không được phát triển nhờ tính tất yếu nội tại, nên sự nhấn chìm chung vào trong ý thức cổ nhân mang tính kinh nghiệm đã được biểu hiện ở Plô-tin như là một trạng thái, cụ thể là trạng thái *khóai cảm tốt đẹp*.

Hic-tô (trong tác phẩm của mình "Iach-xô của triết học thế giới cổ đại", Ph. I. Ham-bu-éc, 1829) đã nói về Đê-mô-cri-t và Lóp-kip, nói chung về học thuyết nguyên tử (sau nữa, cũng nói về Prô-ta-gô-rô, Goóc-gi-ô v. v.) bằng giọng điệu dạy dỗ ghê tởm. Không có gì dễ dàng hơn là trong mọi lúc tỏ ra khêu khích, với sự hoàn thiện đạo đức của mình; làm việc ấy dễ nhất đối với những người đã chết. Thậm chí những tri thức sâu rộng của Đê-mô-cri-t cũng bị người ta đem để trách cứ ông về một đạo đức (tr. 563); người ta nhắc rằng

"phản thấy được một sự tương phản rõ rệt như thế nào khi đem so sánh bài diễn thuyết đầy hùng khẩu chứng tỏ niềm phấn chấn giả nhạo giả nghiêm, với tư tưởng thấp hèn nằm trong nền tảng thế giới quan của ông ta và quan điểm của ông ta về cuộc sống" (tr. 684).

Không thể coi đó là sự đánh giá mang tính lịch sử được! Tại sao chính tư tưởng phải nằm trong nền tảng của thế giới

quan của Đê-mô-cri-t, chứ không phải là ngược lại - một thế giới quan xác định và một sự nhận thức xác định - là nằm trong nền tảng tư tưởng của ông ta? Cái nguyên tắc nổi sau đó chẳng những mang tính chất lịch sử nữa nữa, mà nguyên tắc ấy là nguyên tắc duy nhất mà ta nên dựa vào đó để xem xét tư tưởng của nhà triết học trong lịch sử triết học. - Chúng ta nhìn thấy trong hình ảnh cá tính tình thân của triền khai thành hệ thống trước mắt chúng ta. Chúng ta tựa hồ như nhìn thấy đáng tạo hoá sống động trong trung tâm thế giới của nó.

"Đó là nội dung của sự luận chứng - mà Đê-mô-cri-t cũng đã dẫn ra. - Không đáng công của giả định một cái gì đó ban đầu, không phát sinh ra, bởi vì thời gian và cái vô tận thì không phải như thế, cho nên nếu hỏi về nền móng của chúng thì đó có nghĩa là đi vào nguồn gốc của cái vô tận. Chỉ có thể xem điều đó là sự khước từ ngay biến không muốn đặt vấn đề về khởi nguyên của tất cả mọi hiện tượng" (tr. 567).

Tôi có thể xem lời tuyên bố ấy của Rit-tô chỉ là sự khước từ mang tính đạo đức không muốn đặt vấn đề xem đâu là cơ sở cho định nghĩa ấy của Đê-mô-cri-t. Trong nguyên tử cái vô tận được giả định như là nguyên lý. - điều đó chứa đựng trong sự xác định nó. Nếu hỏi rằng cơ sở của nó là gì thì đương nhiên có nghĩa là xôn bủ định nghĩa của ông về khái niệm.

"Đê-mô-cri-t chỉ gán cho các nguyên tử một thuộc tính vật lý. - trong lực. - và lại có thể ghi nhận ý nghĩa toàn học trong điều này, nhằm cứu vãn việc ông đang loan học vào việc tính toán trong lượng" (tr. 565).

"Vì vậy các nhà theo thuyết nguyên tử cũng rút ra sự chuyển động từ tính tất yếu, hình dung tính tất yếu ấy là tính vô nguyên nhân của sự chuyển động hướng đến điểm xa vô định" (tr. 570).

[19] "Còn Đê-mô-cri-t thì khẳng định rằng một số hình ảnh sinh ra gần với người (gặp nhau), trong đó một số hành động có tác dụng tốt, số khác

thì gây tai hại". Do đó, ông [Epi-curi] mong muốn được xếp thối không hình ảnh mang tai hại, không hình ảnh ấy lại nổi trội và quý báu của mình và cá kích cơ đó sẽ vượt hẳn so với mọi quý báu, tuy chúng rất khó tìm kiếm, nhưng dù sao chúng cũng không phải là không thể bị phá hủy, chúng tiền đoán tương lai cho con người, có thể nhìn thấy chúng và chúng có khả năng phát ra âm thanh. Do ảnh hưởng quan niệm về chính những hình tượng kỳ quái người xưa đã có ý nghĩ về sự tồn tại của Thượng đế" (Xenokrates Epi-curius" "Chống lại các nhà toán học", tr. 31) và những trang tiếp theo (qu. XIII).

(20 - 21) "Ari-xtoteli nói rằng ý nghĩ về sự tồn tại của các vị thần đã nảy sinh ở loài người do hai nguồn: do những gì diễn ra trong tâm hồn, và do ảnh hưởng của các hiện tượng trên trời. Do những điều diễn ra trong tâm hồn, do xuất hiện niềm phấn khích mang tính thần thánh của tâm hồn trong giấc ngủ và sự mặc khải, bởi vì như ông nói, khi tâm hồn trong giấc ngủ rơi trở lại với chính bản thân mình, lúc đó nó tiếp nhận được bản chất vốn có của nó, báo trước và tiền đoán tương lai. vì thế, ông nói, con người mỗi ngày rằng Thượng đế là một cái gì đó mà sẽ trở bản chất lại giống với tâm hồn và nó được sự hiểu biết đầy đủ nhất về mọi thứ. Nhưng cũng còn do ảnh hưởng của các hiện tượng trên trời" như trên, tr.31 và những trang tiếp theo).

(22) "Còn Epi-curi lại cho rằng suy nghĩ về các vị thần đã xuất hiện ở con người như là hậu quả của những hiện tượng nằm mơ thấy trong khi ngủ. Bởi vì, như ông nói, do ảnh hưởng của những hình ảnh có dạng người to lớn mà con người gặp thấy trong giấc mơ, cho nên con người đã cho rằng quả thật có những vị thần nào đó có dạng người như thế" (như trên, tr.312).

[58] "Cả về Epi-curi thì một số người [đã khẳng định] rằng ông dành Thượng đế cho đám đông, cần để giải thích bản chất các sự vật thì tuyệt nhiên ông ấy không đáng để Thượng đế" (như trên, tr. 338).

a) [43] Hình hồn ("Chống lại các nhà toán học", tr. 321[qu. VIII]).

* Phần trình bày trong bản viết tay đã được dẫn ra bằng tiếng Đức; tiếp theo đó là bằng tiếng Hy Lạp.

[218-219] "Ari-xtoteli nói rằng Thượng đế không có thể xác và [là] giới hạn của bầu trời, còn phải khác ki [thì đây cũng] Thượng đế là tướng khi bản thân nó vươn thừng ra vào quá đi, theo Epi-curi thì Thượng đế có hình dạng con người, còn theo Xenokrates thì Thượng đế là quả cầu không có cảm giác. Epi-curi nói "[Thượng đế] là sự lạc và bất diệt, bản thân không có cảm giác. Epi-curi nói "[Thượng đế] là sự lạc và bất diệt, bản thân không có những mối quan tâm, cũng không làm cho những kẻ khác bị đe dọa bởi những điều quanh tầm ấy" ("Những nguyên lý của Epi-curi", qu. I[1, tr.135]).

[219-221] "Bởi vậy Epi-curi, người tìm cách xác định thời gian như là sự ngẫu nhiên của những sự ngẫu nhiên (απρόσμενα γινόμενα) thì trong số nhiều điều phản bác khác có thể đưa ra cả sự phản bác sau đây rất rõ những gì biểu hiện ra như là thực thể thì đều thuộc vào số những bản thể, những chủ thể. tức là thuộc vào số những gì là niềm sống. Nhưng cái được hiểu thì bằng từ "sự ngẫu nhiên" thì không có sự tồn tại nào vững bền, vì sự ngẫu nhiên không thể tách rời khỏi thực thể. Bởi vì không tồn tại một sự không sự nào (ἀντίθεσις), ngoài sự không có của vật thể tự không sự; chỉ có vật thể tồn tại ra và khoảng trống mới có thể nhượng bộ (κίνησις) và v.v., . . ." ("Chống lại các nhà toán học", qu. IX, tr.417).

[240] "Vì thế, khi Epi-curi nói rằng con người nói thế như là sự tiến bộ đại lượng, hình thức, sự không sự và trong thực, thì ông ấy hoặc người ta phải quan niệm vật thể thực sự từ cái không phải là vật thể".

[241] "Vậy là để thời gian tồn tại thì phải tồn tại những sự ngẫu nhiên, còn để những sự ngẫu nhiên tồn tại thì [phải] tồn tại một cái gì đó là nền tảng của nó; nhưng cũng như những sự ngẫu nhiên đó không có nền tảng ấy, do đó, cũng không thể có thời gian".

* Trung bản viết tay đoạn trích này được dẫn ra bằng tiếng Đức với những chỗ bổ sung bằng tiếng Hy Lạp để trong ngoặc đơn.

[214] Vậy, nếu đó là thời gian-mà thời gian thì được Ê-pi-quya nhìn nhận là sự ngẫu nhiên của tất cả những hiện tượng ấy (còn hiểu những hiện tượng ấy là nghệ, dục, giận, sự chuyển động, sự yêu thích, trạng thái tâm hồn, trạng thái vô cảm v.v.) - thì, theo Ê-pi-quya tự bản thân thời gian là sự ngẫu nhiên ("Không lại các nhà toán học", tr.420-421 [qu.13]).

Nếu như theo ý kiến nhận xét của Hê-ghe-nhê (xem Toàn tập tác phẩm, t.14, tr.492)¹² triết học tự nhiên của Ê-pi-quya không xứng đáng với một sự ca ngợi đặc biệt trong trường hợp mà thành tựu khách quan được xem là tiêu chuẩn để đánh giá, -thì mặt khác-không hiện tượng lịch sử không dẫn đến một sự ca ngợi như thế-diệu gây ngạc nhiên là tính nhất quán thuần túy triết học của sự triển khai một cách sâu rộng nhất ở đây của những sự không nhất quán vốn có của chính nguyên lý tự nó. Người Hy Lạp sẽ mãi mãi là *những người thấy của chúng ta nhờ sự ngây thơ* khách quan kì vĩ ấy, nó trình bày từng sự vật ra, qó thể nói là không có chút che giấu, dưới ánh sáng thuần khiết của bản chất của sự vật đó, mà dù đó là ánh sáng mờ nhạt.

Đặc biệt thời đại chúng ta đã dể ra ngay cả trong triết học những hiện tượng xấu xa tội lỗi tấy đình, tội lỗi chứng lại tinh thần và chân lí, vì ở đây vì đó ẩn kín, nấp sau sự lí giải và sự lí giải ẩn kín thì nấp sau sự vật.

[Tập thứ sáu]

LU-XI AN-NÂY XÊ-NÊ-CA. "BỘ TÁC PHẨM". T.II)-HILAM-XTÊC-ĐAM, 1672

"Anh muốn biết xem trong bài thơ của mình Ê-pi-quya quả trách có chính đáng hay không nhưng người bạn cùng nhà thông thái tự thân mà nài vào bản thân mình và vì vậy ông ta không cần đến bạn hữu. Đó là điều mà Ê-pi-quya quả trách Xên-pôn và những người có ý kiến cho rằng hạnh phúc cao nhất là tinh thần vô cảm" (t.II, bức thư số 3, tr.251).

"Đích thân... Ê-pi-quya... tụng ra câu nói: Người nào không xem điều mình có là điều công khai nhất... thì người đó sẽ vẫn bất hạnh, ngay cả nếu là người thông trị được toàn thế giới" (như trên, tr.309).

"Ông (tức là Ê-pi-quya) đã bổ sung đoạn sau đây: "hồn thần ông ta và Mây-và-đước không hề bị tổn hại chút nào giữa những hạnh phúc to lớn như thú, khi mà họ lại đang ngập vì niềm vinh quang đã không những không liệt đến họ [chứ] lại mà thêm chỉ còn kấm nhu đã không nghe đến tên tuổi của họ nữa" (bức thư số 78, tr.317).

"Vì bản thân Ê-pi-quya nói rằng đem lại cho ông ta sự chế nhạo, nhục mạ và thậm chí sự hướng đến sự khổ đau, nếu như vì sự hướng lạc mà sẽ bị đe dọa xâm lấn hoặc nếu như, thay vì nỗi đau khổ lớn hơn, có thể sẽ chỉ giới hạn ở sự đau khổ ít hơn" (t.I, "Về sự yên bình của nhà thông thái", tr.282).

Ê-pi-quya nói: "nếu đem thua nhà thông thái trong cơn bão dự Pha-lô-vi-xơ thì nhà thông thái ấy sẽ thất lạc: "đổ chịu thiệt" và chẳng phần ha đến ta chút nào"... Vì Ê-pi-quya nói rằng thất bại chưa khi nào trái những sự hạnh ha" (t.II) bức thư số 66, tr.225, và bức thư số 67, tr.249).

"Ê-pi-quya phân biệt hai niềm hạnh phúc, là đó hình thành nên điều

tổ thượng và hạnh phúc kế tiếp, có thể là để cho anh không bị đơn độc và anh thậm chí còn hình thức hơn số 65, tr.211).

Vì Ê-pi-quy-ra nói rằng hạnh phúc nằm ở cái lương li tâm gác đầu đèn cho ông, khiến anh đặt tín không tin rằng thậm chí tạo vậy, đây vào là ngày hạnh phúc đối với anh" (bức thư số 21, tr.242).

"Tôi nhận được những lời tuyệt vời của Ê-pi-quy-ra. Nhưng mình vượt nhỏ bé - không kích thích, mà làm người đi còn đau, và bằng những chức năng ấy chúng không làm tăng cảm xúc, mà lại làm tăng đi bằng phương cách tự nhiên và không phải trả tiền. Trong sự hưởng thụ ấy tôi đã quên đi". Tôi nói với anh về những ước vọng không được thỏa mãn bằng lời an ủi, mà đó an ủi những ước muốn ấy của đem lại cái gì đó. Bởi vì số [những ước muốn] bắt đầu lớn mà người ta có thể từ bỏ nó, kiểm chế hoặc để hẹp, tôi chỉ có thể lưu ý điều sau đây, khiêu cảm ấy là tự nhiên, không phải là cái yếu. Anh không cần nợ gì với nó. Nếu anh trả cái gì đó thì là tự nguyện. Cái tin đầy không nghe những lời như vậy, nó dài hơn, kêu gọi, nhưng dù sao nó cũng không phải là một chủ nợ dài dằng và vẫn lắng với điều nhỏ nhặt, nếu anh cho nó những gì anh phải trả, chứ không phải cái gì anh có thể" (bức thư số 21, tr.80-81D).

"Ê-pi-quy-ra là người mà các vị vua là người báo hộ cho tình hình không tốt của họ và vì vậy các vị vua công ơn họ cho mình điều gì họ và các người khác có được, được và mất đi và an ủi đến những người khác" (Ê-pi-quy-ra đã nói: "Tôi hẳn hạnh phúc, tạo thành từ cho nhà thông thái" (1). Vì tình cảm cường của nhà thông thái" (1, 136).

Ê-pi-quy-ra cũng quả quyết những người khao khát cái chết chẳng kém gì quả quyết những người sợ hãi (trên chết) và ông nói: "Thật sự anh cho việc đi tìm kiếm cái chết chỉ vì ghê tởm cuộc sống, khi mà bằng lời sống của mình anh đã dẫn đến chỗ phải tìm đến cái chết". Ông cũng nói như vậy ở chỗ khác: "Có gì đáng sợ hơn cái chết bằng

các việc mà tôi chết, sau khi vì sự chết mà anh đã làm cho cuộc sống của mình trở nên bất an?" Và cả được anh đẩy nữa, "Đạo ph. là của anh người, không, sự đoàn kết, thậm chí bạn đến nỗi một số người vì sự chết đã hoặc bạn thậm chí phải chết" (tr.11). (bức thư số 21, tr.90).

"Chỉ vì tôi tin rằng tôi sẽ kiếm được mọi điều mà tôi muốn, những người cùng ý hướng với tôi không bằng, rằng cho rằng các họ thuộc nhà Ê-pi-quy-ra là thuộc khỉ và đóng đầu và nếu xem xét gần hơn nữa, thì chúng mang tính chất họ khỉ nữa. "Khởi cảm" nổi tiếng là quy thành điều nhỏ nhất và hạn chế, và những đòi hỏi chúng ta đưa ra với đạo hạnh, thông tin lại quy định cho hướng tác. Ông đưa hỏi sự hướng tác phải hòa hợp với thiên nhiên, còn các mô hình cho thiên nhiên theo mẫu thì [không] không nhiều. Tu đó thực gì? Người nào quy trong thời nhân họ ăn chơi và việc làm phiền ăn nhậu và hưởng lạc thì là hạnh phúc, thì người đó đã tìm người biện hộ cho cộng đồng mình cho việc làm xấu xa. Và khi người ấy bị thuyết phục bởi lời quy hấp dẫn từ chúng mà dần dà thì anh ta đến với sự hưởng lạc, chứ không phải đến với điều đã được người ta nói với anh ta, mà là đến với cái mà anh ta đã mong theo và đi". "Về cuộc sống hạnh phúc" (tr.343).

"Các bạn học, tên gọi mà Ê-pi-quy-ra của chúng ta đã cho họ" (đơn là cho các nhà lý) (1, bức thư số 107, tr.325).

"Ê-pi-quy-ra, người quốc gia Ê-pi-quy-ra" (bức thư số 9, tr.30).

"Anh phải biết rằng Ê-pi-quy-ra cũng nói điều đó. "Chỉ vì anh thông thái bởi cảm ơn (trên thực tế)" (bức thư số 81, tr.326).

"Và những người - Ê-pi-quy-ra nói - trong việc muốn hướng đến nhân lý đã không cần đến mọi sự giúp đỡ từ bên ngoài; người ấy thuộc vào số những người đã từ mình nỗ lực hướng đến mình. Chính những người từ được

Ông xa ngại nhiều hơn cả, ông coi họ là những người như nằm trên một tảng đá tự vụn rụn một cách độc lập. Mặt khác, có những người cần đến sự giúp đỡ của người khác hơn thậm chí họ sẽ không tiến lên được nếu như không có ai mở đường phía trước cho họ, nhưng đến khi ấy họ sẽ thực thành hoặc thối nát. Ông liệt vào số những người ấy. Mê-ta-ru-đo-ô. Theo ý ông, nhân vật ấy cũng là một kiểu người khác, nhưng là loại hai" (thư thứ số 52, tr.176-177)

"Ngoài những người như vậy, anh ta tìm thấy một loại người khác - và cũng đừng nên xem thường điều này - loại người có thể buộc họ bước vào con đường đúng đắn: song, cái họ cần không phải là người lãnh đạo, mà là người trợ thủ, và rõ thế nào là họ cần có người thực giúp họ. Đó là loại [người] thứ ba" (như trên).

"Ở Épi-qure-a, ông thấy nỗi lo lắng về khoản tiền - có những người ông đã đề nghị làm người con tin để xem liệu ông có đạt được một sự giảm sút đáng kể nào không về mặt độ hưởng lạc đặc biệt và tinh vi, hay là sự hưởng lạc sẽ giảm đi bao nhiêu và sự giảm sút ấy có đáng để mỗi người lấy lại dòng khí nhẹ trôi cho sự giảm sút ấy không. Chỉ ít thì ông cũng kể ra điều đó trong những bức thư do ông gửi đến Di-ô-ni-ô thành phố Hi-rin, và ông thậm chí còn khơi gợi ông chỉ tiêu chưa đầy một x-xo cho ăn uống, còn Mê-ta-ru-đo-ô-ô người vẫn chưa kịp tiêu hết đến mức đó. Không sự hạn chế các nhu cầu của mình - thì tiêu sài cả một x-xo vào việc đó. Và anh có nghĩ rằng với mức ăn uống như thế có thể nó được chăng? Được, và thậm chí có được cả khoản tiền, - không phải khoản tiền tiêu đi và chẳng qua đi, cần được tái diễn nhiều lần, mà đó là khoản tiền vòng bên và đóng dần. Di-nhi-ôn muốn là có mấy hạt kiều mạch, hoặc một màu bánh mì làm từ lúa kiều mạch là một thứ đồ ăn ít tốn kém, nhưng họ thu vào nhất là ở chỗ anh có thể từ đó có được niềm lạc thú, với nhận thức là anh đã đưa bản thân mình đến trạng thái không thể nào bị mất đi bởi bất kỳ sự biến động nào của số phận" (thư thứ số 18, tr.67 - [68])

"Tất cả (tức là 1-đô-me-nây) đã được Épi-qure-a vượt qua nhưng điều cần đây mỗi tiếng này nhằm thuyết phục 1-đô-me-nây hãy làm cho Pi-phê-ô-ô trở nên giàu có không phải bằng con đường mà mọi người ông nhận, không phải bằng con đường đúng mọi ông này. Nếu anh muốn làm cho Pi-phê-ô-ô trở nên giàu có thì không nên cho người này có thêm tiền mà hãy làm cho người ấy giàu bất khả vung" (thư thứ số 21, tr.79)

Hãy tham khảo Xê-lây. Cuộc mạn đàm XVII "Nếu anh muốn làm cho ai đó trở nên giàu có, hãy đứng cho người ấy tiền, mà hãy làm cho người ấy tu bổ khát vọng".

"Điều bất hạnh là sống do sự cần thiết, nhưng sống do sự cần thiết thì tuyệt nhiên không phải là sự cần thiết". Tại sao lại tuyệt nhiên không phải như vậy? Những con đường dẫn đến sự do dự được mở ở khắp mọi nơi nhiều con đường như thế, chúng ngăn ngại và dễ dàng. Chúng là họ y cảm ơn thường để có điều là không thể giữ lại một sự cần thiết này. Kiểm tra chính sự cần thiết đó là điều được phép làm... Đó là câu nói của Épi-qure-a" (bức thư số 12, tr.42)

"Trong số những thuộc có khác thì tính ngu ngốc còn có thêm đặc trưng: nó bắt đầu thường xuyên sống. Còn gì có thể ghê tởm hơn là một loài gia súc đầu sống? Từ từ ta đã không nêu lên tác giả danh ngôn này nếu như danh ngôn ấy không thuộc vào số những danh ngôn ít nổi tiếng hơn, ít phổ biến hơn của Épi-qure-a" (thư thứ số 13, tr.73)

"Người hưởng sự giàu có nhiều hơn cả là người cần ít nhất đến của cải" (thành ngôn này) thuộc về Épi-qure-a" (thư thứ số 14, tr.83).

"Épi-qure-a nói: "Nếu anh sống hòa hợp với thiên nhiên thì anh sẽ không bao giờ nghèo túng, còn nếu như [anh sống] theo các quan niệm của mọi người thì anh [sẽ không] bao giờ giàu có". Theo nhận xét bởi ít, còn những quan niệm của con người thì đó là bất điều quả thực" (thư thứ số 16, tr.80).

"Với với nhiều người việc đạt đến sự giàu có không phải là sự kết thúc nhưng nói bất hạnh của họ, mà là sự biến động" (bức thư số 17, tr.61).

"Tôi chuyển món nợ của tôi đối với anh sang Ê-pi-quyra... "Sự phẫn nộ không có chúng mục thì độ xa sự dấn rồ". Anh phải biết điều đó dùng đến mưi nào, bởi vì anh đã có cả nó rồi, và nó thù. Mọi người đều bị tâm trạng phẫn nộ. Sự phẫn nộ này sinh trên cơ sở tình yêu, cũng như trên cơ sở lòng căm thù. Trong các công việc nghiêm chỉnh cũng như trong các trò chơi và những câu bông đùa. Điều quan trọng không phải là nguyên nhân tạo cơ phẫn nộ, mà là cá tính của người bị rơi vào sự phẫn nộ. Về lửa cũng như vậy; điều không quan trọng là ngọn lửa ấy mạnh đến đâu, mà điều quan trọng là ngọn lửa ấy rơi vào miếng đất nào; thật vậy, những vật không dễ cháy chóng rơi lại thậm chí với ngay cả ngọn lửa rất mạnh, còn những vật khô và dễ cháy thì, ngược lại, chỉ cần một tia lửa là chúng bùng lên thành cả một đám cháy" (bức thư số 18, tr.(68)-69).

"Cần phải - [Ê-pi-quyra] nói - trước hết nhìn xem anh ngồi ăn và uống với ai hơn là với ai hơn anh ăn món gì và uống thứ gì, bởi vì ăn nghiêng ngả thật nhiều thiệt mà không có bạn (người cùng) thì độ là cuộc sống của sự cô và chán rỗi" (bức thư số 19, tr.72).

"Không một người nào"-ông (tức là Ê-pi-quyra) nói - "giả là cuộc sống theo cách khác hơn khi người ấy ra đời"... Người sống xuôi là người chết đi một cách bình thường y như khi người ấy ra đời" (bức thư số 22, tr.81).

"Tôi có thể... trả... bằng danh ngôn của Ê-pi-quyra...: "Thật khổ đau khi phải thường xuyên bắt đầu cuộc đời" (bức thư số 23, tr.87).

"Người nào gọi những khát vọng của mình vào điều này" tức là vào bánh mì và nước uống, vào cái mà thiên nhiên đòi hỏi. hãy tham khảo bức thư số 110, tr.318)" thì người đó có thể tranh cãi vô hạnh phúc với chính ngay Giu-phi-er", như Ê-pi-quyra đã nói" (bức thư số 25, tr.97).

"Ê-pi-quyra đã nói: "Hãy suy nghĩ xem trong hai điều thì điều gì tốt hơn: hoặc chi chết đến với chúng ta, hoặc chúng ta (đến) với nó" (bức thư số 26, tr.101).

"Sự giàu có [Ê-pi-quyra nói] là sự nghèo khổ được đưa vào trạng thái phù hợp với các qui luật của thiên nhiên" (bức thư số 27, tr.104).

"Ý thức về hành động sai trái là sự mở đầu của sự cứu rỗi". Tôi thiết nghĩ, đó là câu nói tuyệt vời của Ê-pi-quyra" (bức thư số 28, tr.107).

"Trong bức thư gửi cho một người dự các buổi thuyết giảng của mình Ê-pi-quyra đã nói: "Tôi [viết] điều này không phải dành cho nhiều người, mà [chỉ] là dành cho anh: đối với nhau chúng ta là một cú tạ khá lớn" (bức thư số 7, tr.31).

"Cho đến nay chúng ta nhắc lại tiếp theo sau Ê-pi-quyra câu sau đây: "...anh phải phục vụ triết học để đạt đến tự do chân chính. Người nào phục tùng và hiến dâng trọn vẹn bản thân cho triết học, thì người ấy không phải đợi lâu, người ấy lập tức trở thành tự do. Bởi vì chính sự phục vụ triết học là tự do" (bức thư số 8, tr.34).

"Những con người [ấy] trở thành vì dục không phải do trường học của Ê-pi-quyra, mà là do sự giao tiếp với Ê-pi-quyra" (bức thư số 9, tr.36).

"Theo S. kiến tạo, Ê-pi-quyra đã có câu nói thông thái: "kể phạm tội có thể che giấu được (tội lỗi của mình), nhưng kẻ phạm tội không thể có sự vững tin rằng [tội lỗi ấy] sẽ không bị phát hiện" (bức thư số 37, tr.180).

"Tôi đã đọc bức thư của Ê-pi-quyra có liên quan đến vấn đề này gửi cho I-dô-me-nây, Ê-pi-quyra yêu cầu nhấn vật kia hãy bỏ chạy càng [nhanh] càng tốt và hãy khẩn trương trước khi có sự can thiệp của một sức mạnh tối cao nào đó và sức mạnh ấy sẽ tước đi sự tự do ra đi. Song, ông còn nói thêm rằng chỉ có thể tìm cách thực hiện [việc ấy] [khi nào] có thể thực hiện toàn tính ấy một cách thuận lợi và đúng lúc; nhưng ông nói rằng, khi

thời và mong đợi từ lâu. Ấy vậy đến khi cần phải thực hiện bước nhảy. Ông cảm chỉ người có ý định bỏ trốn không được ngủ, và ông hy vọng có được lời thoát thân lợi để ra khỏi ngay cả những tình huống khó khăn nhất, nếu như chúng ta không vội và trước thời gian và không bỏ lỡ thời cơ thuận lợi" (thư thư số 22, tr. 82).

"Không một người nào có cái đầu tính táo tợn sự bất an và thất bại vì thật là điên nếu sự điều thiện: mát mẻ, không một ai lại yêu những kẻ mà mình sợ. Đ-PI-QUYA, sau một thời ông đã tước vũ khí thương để, ông đã tước mũi ở thương để mọi thứ và khí, mọi sự hùng mạnh: vì đó cho không một ai phải sợ hãi thương để, ông đã ném thương để ra bên ngoài thế giới. Không có lý do gì để sợ hãi vì thương để đã bị ngăn cách bởi bức tường vô cùng to lớn và không đi qua nổi, bị cách ly khỏi sự va chạm và thậm chí cả ánh mắt của người trần. Thương để không có phương tiện gì để bắn thương, cũng như để làm hại. Thương để có đơn trong khoảng không gian giữa bầu trời của chúng ta với bầu trời khác, không một sinh vật, không có con người ở bên cạnh, không có gì hút, thương để cố tránh khỏi những cánh đồ vật của các thế giới trái là trên xuống và chúng quanh mình, không tiếp nhận những lời cầu xin của chúng ta, không đổ ý đến chúng ta. Và anh muốn có cảm giác rằng anh cũng kính thương để ấy không khác gì cũng kính người cha, và thậm chí còn mang lòng biết ơn, tôi cho là như thế: còn nếu như anh không muốn từ ra biết ơn, bởi vì thương để không dành cho anh những việc làm tốt nào cả, mà anh lại do những nguyên tử ấy của anh và những hại nhỏ tạo ra cho anh chúng ngẫu nhiên và bất chấp lịch tự lại. -thì tại sao anh lại cũng kính (thương để)? Anh nói, vì sự hùng vĩ, vì bản chất tuyệt đối, duy nhất của (thương để). Về điểm này tôi đồng ý với anh, nhưng dĩ nhiên, anh làm việc này không có chút hy vọng nào, không chờ đợi sự bắn thương nào. Do đó, và một cái gì đấy tự nó xứng đáng đó người ta có thể cho được nó, chính phẩm giá của nó cuốn hút anh đó chính là đức hạnh" (t.I, "Về những việc làm tốt", qu.IV, ch.19, tr.715)

"Đ-PI-QUYA khẳng định rằng tất cả những nguyên nhân ấy có thể tồn

tại, và ông tìm cách đưa ra một loạt những nguyên nhân khác, hơn nữa ông quá trạch những ai khẳng định rằng chỉ có một nguyên nhân nào đó trong số những nguyên nhân ấy, vì khi đó sẽ dẫn về bất cứ tính chính xác nào trong những vấn đề mà tại vấn đề chỉ có thể xây dựng những giải thuyết về chúng mà thôi. Đầu tiên - như ông nói - hiện tượng động đất có thể bị gây ra bởi nước nếu nước bao bọc và làm trôi đi một số bộ phận mà ở trong trạng thái không bị hư hại được dùng làm chỗ dựa cho một khu đất tương ứng. Nhưng sau khi bị suy yếu thì nhưng bộ phận này không thể trụ đỡ cho khu đất ấy được nữa. Đất cũng có thể bị dịch chuyển dưới áp lực của không khí. Có thể chính là, không khí được đưa ra khỏi trạng thái cân bằng dưới ảnh hưởng của sự nóng không khí bên ngoài ùa vào. Có thể không khí bị xáo trộn và chuyển động nhờ tác động của một bộ phận nào đó bằng nhiệm vụ đó xuống. Có thể ở bộ phận nào đó đã được nâng lên bởi những vật tựa như cột và trụ. - khi những trụ và cột ấy bị hư hại và đổ xuống thì vật nặng nằm bên trên bị rung chuyển. Có thể, khi không khí nóng bằng sự khi biến thành lửa thì phóng đi như tia chớp, phá đổ mọi thứ trên đường nó đi. Có thể, những khối nước đầm lầy và ứ đọng bị cuốn đi bởi luồng gió nào đó, do đó đất bị rung chuyển bởi sự va đập, hoặc khối không khí di chuyển lan toả ra và tăng tốc độ trong chính sự di chuyển, rồi được đẩy ra ngoài từ những nguồn sâu thẳm nhất. Nhưng theo ý kiến ông thì không một nguyên nhân nào, trong số các nguyên nhân (gây ra động đất) lại là nguyên nhân thật sự hơn là sự chuyển động của không khí" (t.II, "Các vấn đề về thiên nhiên", qu.VI, ch.20, tr.892)

"Về vấn đề này có sự bất đồng lớn nhất giữa hai trường phái: phái Đ-PI-QUYA và phái khắc kỷ, và mỗi trường phái ấy đều chỉ ra một con đường khác đi đến sự yên tĩnh. Đ-PI-QUYA nói: "Nhà thông thái sẽ không bận vào các công việc nhà nước, có chăng chỉ khi nào xảy ra điều gì đặc biệt"

Đ-PI-QUYA nói: "Nhà thông thái sẽ bận vào các công việc nhà nước, phải chăng chỉ trừ khi có điều gì đó cản trở nhà thông thái làm điều đó"

Người này hướng đến sự yên tĩnh theo sự thôi thúc nội tại, người khác thì vì nguyên nhân (thiện ngoại)" (t.1, "Về sự yên tĩnh của nhà thông thái" ch.30, tr.574).

"Và sự khoái cảm được quý trọng không phải là (sự khoái cảm) mà Ê-pi-quy-a (muốn nói đến), vì khoái cảm ấy mang tính chất tĩnh tại và kiểm soát; họ chỉ dùng đến một tên gọi tương tự tìm kiếm bất kì một cái vô hại báo về nỗi sợ hãi cho thấy sự thối loạn của mình. Như vậy, họ mất đi phẩm chất tài duy nhất mà họ duy trì được trong vòng tội lỗi của mình: sự hối hận trước tội lỗi. Thật vậy, họ khen ngợi điều mà trước kia buộc họ phải hối hận, và họ khoe khoang tội lỗi, và vì lí do ấy mà ngay cả thành niên cũng không phục hồi được sức lực của mình vì sự nhàn hạ đáng hổ thẹn đã ẩn giấu bên dưới tên gọi tử tế" (t.1, "Về cuộc sống hạnh phúc", ch.12, tr.541).

"Đôi vì tất cả bọn họ" (tức là Phn-tôn, Dê-móc, Ê-pi-quy-a) "đã nói không phải về việc chính họ đã sống như thế nào, mà cần sống như thế nào" (như trên, ch.18, tr.550).

"Vậy là, thượng đế không ban phát lửa bầy đàn huỷ, nhưng trong khi va chạm với mọi lo toan và chẳng để ý gì đến chúng ta, thượng đế thậm chí không nhìn vào thế giới, thượng đế làm điều gì đó khác hoặc (đôi khi) Ê-pi-quy-a xem là niềm hoan lạc vĩ đại nhất) chẳng làm gì cả, và những việc thiện cũng ít đụng chạm đến thượng đế, giống như những điều phi pháp vậy" (t.1, "Về việc thiện", qu.IV, ch.4, tr.690).

"Ở đoạn này phải có sự cùng bằng với lời khẳng định của Ê-pi-quy-a, là người đã không ngừng phản nản rằng chúng ta vô ơn đối với quá khứ, không nhớ những phúc lợi mà chúng ta đã nhận được, và thậm chí chúng ta không tính đến chúng trong số những lạc thú trong khi đó thì không có khoái lạc nào dùng đến hơn khoái cảm mà người ta không thể bị tước mất" (t.1, "Về việc thiện" qu.III, ch.4, tr.686).

"Có thể suy xét cùng với Xư-rai, hoàn nghi cùng với Cúc-nê-át, hướng thụ sự yên tĩnh cùng với Ê-pi-quy-a, chiến thắng bên cạnh con người cũng

với phái khác kĩ, thực hiện những điều thiện qua vòng với trường phái Xi-ních, và tuân theo trật tự tự nhiên cùng như bước với vững thế kĩ, giống như người cùng thời với nó" (t.1, "Về cuộc sống ngắn ngủi", tr.512).

"Về khía cạnh này chúng ta đấu tranh với đám người úy mi và sống tách biệt thuộc phía Ê-pi-quy-a, họ triết lý quanh những chiếc bàn yến tiệc, đối với họ thì đức hạnh là có hậu của những lạc thú có ta tuân theo những lạc thú, phục vụ cho những lạc thú, có hậu ấy thấy lạc thú đang cao hơn mình" (t.1, "Về việc thiện", qu.IV, ch.2, tr.697).

"Làm sao mà đức hạnh lại có thể điều khiển được lạc thú, cái mà nó đi theo sau, trong khi việc đi theo sau là công việc của kẻ chấp hành mệnh lệnh, còn điều khiển là công việc của người ra lệnh?" (t.1, "Về cuộc sống hạnh phúc" ch.11, tr.538).

"Đối với các vị" (tức là đối với phái Ê-pi-quy-a) "hưởng lạc có nghĩa là để thể xác mình rơi vào trạng thái nhàn hạ tựa như chìm đắm trong tâm trạng vô tư lự, rất giống giấc ngủ, ẩn mình dưới bóng râm kín, làm cho tinh thần về nơi ẩn dưới với những suy tư hải sâu đã chìm mà các vị gọi là sự thư thái trong tâm hồn, rồi ngồi trong bóng râm của mảnh vườn và để cho các thần xác ốm yếu vì vô động với nghề của chúng ta được hưởng thực no nê những thức ăn đồ uống. Đối với chúng tôi thì hưởng lạc thứ có nghĩa là làm những việc thiện, cho dù phải hao tổn nhiều sức lực, miễn sao làm giảm nỗi nặng nề trong lao động của người khác; cho dù có kèm theo sự nguy hiểm, miễn sao tránh cho những người khác thoát khỏi hiểm nguy; cho dù những việc thiện đó là gánh nặng cho tài sản của chúng tôi, miễn sao giảm bớt được cảnh túng thiếu và nỗi khổ khăn của người khác" (t.1, "Về việc thiện", qu.IV, ch.13, tr.713).

"Những người chịu kinh nghiệm và không có hiểu biết thì không

ngừng phạm phải sai lầm; họ thường hay rơi vào sự hỗn loạn vô giới hạn và trống rỗng của Ê-pi-quya" (t.II, bức thư số 72, tr.274).

"Phái Ê-pi-quya cho rằng triết học chỉ có hai phần: vật lý học và đạo đức học, họ phủ nhận lô-gích học. Sau đó, khi chính các sự việc buộc họ phải phân tích cái còn tranh chấp, làm rõ cái giả dối núp dưới dạng cái chân lý, thì bản thân họ cũng áp dụng tên gọi khác cho lô-gích học, gọi nó là: "Về những qui tắc suy luận", *nhưng họ coi lô-gích học là sự bổ sung cho phần vật lý học*" (bức thư số 89, tr.397).

"Thượng đế của Ê-pi-quya... bản thân chẳng làm gì cả, cũng không bắt người khác [làm] gì" (t.II, "Nhân cái chết của hoàng đế Clau-di-út", tr.851).

"Sao - anh bảo - Xê-nê-ca, anh khuyên tôi tỉnh lặng?-[Như thế] anh chuyển sang các học thuyết của Ê-pi-quya rồi". - Vâng, tôi khuyên anh tỉnh lặng, để trong thời gian ấy anh làm [một cái gì đó] quan trọng hơn và đẹp hơn là cái mà anh đã để lại" (bức thư số 68, tr.251).

"Tôi không ngu ngốc đến nỗi nhắc lại, ở đoạn này, câu chuyện ngụ ngôn nổi tiếng của Ê-pi-quya và nói rằng nỗi sợ hãi trước thế giới bên kia [là nỗi sợ hãi] rỗng tuếch, rằng Ich-xi-ông không quay tròn trên bánh xe, rằng tảng đá không rơi từ đôi vai của Xi-di-phơ xuống phía đối diện, rằng không có những phủ tạng nào của ai lại có thể hàng ngày bị ăn nghiền nát rồi lại mọc ra. Chẳng có ai ấu trĩ đến nỗi khiếp sợ Xéc-be-rơ, khiếp sợ bóng đêm và những điều ma quỷ mang bóng dáng những bộ xương trần trụi. Cái chết sẽ biến chúng ta thành hư vô, hoặc là đưa chúng ta đến một nơi khác. Đối với những ai được chuyển đến nơi khác thì vẫn còn lại điều tốt lành, bởi vì họ đã thoát được gánh nặng; còn đối với những ai đã biến thành điều hư vô thì chẳng còn lại gì cả, bởi vì cái thiện và cái ác đều cách xa họ" (bức thư số 24, tr.93).

Hết

IXTÔ-BÂY. "NHỮNG CHÂM NGÔN VÀ NHỮNG SONG THOẠI" V.V.GIÔ-NE-VÔ, 1609

"Vinh quang thay thiên nhiên dịu hiền, vì thiên nhiên đã làm cho cái tất yếu trở thành điều dễ đạt đến, làm cho cái khó đạt được trở thành điều không phải tất yếu.

Nếu anh muốn làm cho người nào đó trở thành giàu có, thì hãy đừng cho người ấy tiền bạc, mà hãy làm cho người ấy mất đi ước vọng".

"Sự chùng mịch là đức hạnh, nhờ đó mà người ta lấy lý trí để đo những ước vọng hướng đến những lạc thú xấu xa.

Thuộc tính của tính chùng mịch là khả năng kiểm tỏa bằng lý trí, ước muốn về những sự thỏa mãn xấu xa do lạc thú đem lại, là kiên cường và dũng cảm chịu đựng những thiếu thốn tự nhiên và sự đau khổ" ("Về tính chùng mịch", cuộc đàm đạo XVII, tr.157).

"Chúng ta sinh ra một lần, [bất cứ ai cũng] không thể sinh ra hai lần, và cần làm sao cho cuộc sống đừng kéo dài hơn (necesarium est aetatem finire). Còn anh, kẻ không có quyền lực thậm chí đối với ngày mai của mình (qui ne crastinum diem quidem in tuar potestate habes), thì lại trì hoãn thời cơ (tempus differt). Cuộc sống của mọi người bị diệt vong vì sự chậm chạp, và chính vì nguyên nhân ấy mà mỗi người chúng ta bị chết trong giai đoạn cực thịnh của hoạt động của mình" ("Về tính tiết kiệm", cuộc đàm đạo XVI, tr.155).

"Tôi tràn đầy niềm vui do thể xác nghèo khổ của tôi [đem đến cho tôi] vì tôi có nước uống và bánh mì, tôi phải nhờ vào những sự lạc thú đắt giá, không phải vì bản thân chúng, mà vì những điều khó chịu do chúng gây ra.

Chúng ta có nhu cầu hưởng lạc thú, khi mà chúng ta đau khổ vì thiếu lạc thú ấy; còn khi mà chúng ta không đau khổ vì điều đó, nhờ chế ngự được tình cảm của mình, thì khi ấy chẳng có nhu cầu nào về lạc thú, bởi lẽ không phải sự lạc thú tự nhiên gây nên những điều khó chịu bề ngoài, mà

do là sự như nhau rơi vào những quan niệm tương ứng" ("Vô sinh chung một"), cuộc đàm đạo XVII, tr. 159b).

"Nhưng đạo luật được ban hành cho các nhà thông thái không phải nhằm mục đích để cho họ không xử sự sai trái, mà là để cho họ không phải chịu đựng những hình phạt không đúng" ("Về Nhà nước", cuộc đàm đạo XLII, tr. 270).

"Đối với chúng ta cái chết không là gì cả, bởi vì cái gì đã nằm trong thị không có cảm giác, còn cái gì không có cảm giác thì lại chẳng là gì cả đối với chúng ta" ("Về cái chết", cuộc đàm đạo CXVII, tr. 309).

"E-pi-quy-ra đặc biệt vững tin tuyên bố: 'Người nào không thỏa mãn với điều nhỏ bé thì cũng không thỏa mãn với bất cứ cái gì'. Cũng chính ông đã tuyên bố rằng một kẻ đã có bệnh ai và nước nóng thì ông sẽ sáng tạo ra niềm hạnh phúc của thần Đất" ("Về sinh chung một", cuộc đàm đạo XXII, tr. 158).

"Đu đủ có E-pi-quy-ra cũng cho rằng những người nào có tính hiếu danh và ham vinh quang thì không được đắm mình vào sinh mạng mà cần tuân theo những sở thích tự nhiên của mình, phải làm các công việc của nước và xã hội, bởi lẽ những người ấy được cấu tạo theo cách là họ sẽ bị lắng hơn và sẽ đau khổ hơn do bất đồng, nếu như họ không đạt được điều mà họ hướng tới. Dù vậy, tuy nhiên kẻ được rửa sạch sẽ lại xấu không phải những người có khả năng làm việc phục vụ phải lài chúng, mà lại lài kẻ những người không thể là nhưng người không hoạt động cần hoặc rằng không phải khi lương lớn hơn hay nhỏ hơn những điều đã làm, mà chính là những việc làm ấy tốt đẹp đến mức nào hay là đúng bổ thiện đến mức nào sẽ quyết định trạng thái bình yên hay dục là ác của tính thần (*σωφροσύνη καὶ ἀρετή*)" (cuộc đàm đạo XXXI, tr. 200).

Bởi vì, như đã nói, nếu không làm điều thiện thì đau khổ và lo âu (*ἰσχυρόταται καὶ ἐκ ταραχῆς*) thì không kém gì hành động phạm phải điều đáng xấu hổ" ("Về tình kin định", cuộc đàm đạo XXIX, tr. 200).

"Khi có ai đó nói: 'nhà thông thái không có tình, chỉ có thì nhân chứng (sống) là E-pi-quy-ra' (tôi-Không-đáp) nói: 'sẽ dùng ngay bằng chứng này, bởi vì, nếu E-pi-quy-ra sống, thì không có tình thì nhân nhà thông thái sẽ không có tình' (*τοῦ ἀπαιεῖται τοῦ ἀνθρώπου τοῦ ἀπαιεῖται*)" ("Về sự làm và vô tình của", cuộc đàm đạo LI, XI, tr. 350).

Nhưng chúng tôi muốn lưu ý đến những nhà triết học hiền từ, mà đối với họ thì lại lạc thế không phù hợp với thiên nhiên, mà lại đi theo sau các phù hợp với thiên nhiên, nghĩa là phù hợp với điều chính đáng và tự nhiên của họ. Tuy vậy khi đó tâm hồn thấy vui và bằng lòng (*ἡρεσμένη*) với những phúc lợi nhỏ bé thế xác, như E-pi-quy-ra nói là: "Vô tình không có chúng ta", cuộc đàm đạo LI, tr. 350-352).

"E-pi-quy-ra mọi cách tất cả của và thận trọng và chính đáng con người nhưng chỉ có thể nhận ra một vị thần duy nhất là tự vị tình thật tình và của bản chất các hình tượng mà xã. Cũng chính ông xem bốn thực thể sau đây là không thể là phù hợp các nguyên tử, những tưởng, sự và tâm và những hạt nhỏ đồng nhất mà người ta còn gọi là những cái có lượng đúng cân và những sự vật" ("Về song thoát về vật lý", quyển II, tr. 3).

"E-pi-quy-ra tuân theo tính tối yếu, quyết định sự do, số phân

Về số phân họ (những người thuộc phái Pi-ta-go) đã đưa ra ý kiến như sau: Quả thật, trong số phân có một phân nào đó mang tính chất thần thánh, bởi vì vị thượng đế mà một số người (tự) nên phân chia để làm điều thiện, cũng như làm điều xấu xa. Và hiển nhiên, chính vì nguyên nhân này mà những người này cảm thấy hạnh phúc, còn những người khác, thì cảm thấy bất hạnh. Nhưng ngay trước mắt mọi người diễn ra hiện tượng là có một số người, khi làm điều gì đó thì không suy nghĩ gì và kinh ngạc, nhưng họ lại thường thành đạt, còn những người khác thì, ngược lại, mặc dù có tham luận từ trước và suy nghĩ xem hành động như thế nào cho đúng trong việc gì đó thì họ lại không đạt được gì cả. Cần có sự biến hóa

khác nữa của nó phân biệt ra mọi sự vật so người này tài năng, giỏi giang và có khả năng làm mọi thứ, còn những người khác thì bất tài. Vì họ có một loại chất ngược lại, những người loại thứ nhất thì đạt đến mọi mục tiêu mà họ hướng vào, còn những người thuộc loại sau thì trượt mục tiêu, và có suy nghĩ của họ không hợp với dòng đường, mà suy nghĩ hỗn loạn. Những sự bất hợp lý là hạn chế, chỉ chúng phải từ bỏ người đem lại (theo *epistēmē*)” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.14).

Epistēmē (nghĩa theo từ gốc) là sự hiểu nhận, tức là sự đi kèm với sự chân chính đúng” (chưa in, tr.19).

Epistēmē (không định) cũng khác nguyên của mọi cái hiện hữu là những vật thể được nhận thức hay tra tấp, không chân đúng không” (trùng), không có sự rõ ràng cũng như sự kết thúc, chúng không bị thu nhỏ lại, cũng như không bị phân nhỏ ra (Vật thể lý được gọi là nguyên tử không phân ra vì nó nhỏ nhất (trung số không có (tín tại) mà vì không thể phân chia nó ra được vì nó không có chân gác và không chia đúng không đúng) (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.22).

Epistēmē (hơn rằng) nhưng vật thể hạn chế không thể phân biệt được vì kinh thức và chúng mang tính chất nguyên tử của những vật thể được tạo ra từ chúng (các nguyên tử) thì có trọng lượng. Mà các nguyên tử thì chuyển động, lúc thì rơi thêm xuống (thẳng *recta* *linea*), lúc thì theo con đường chéo hướng; còn sự chuyển động lên phía trên là kết quả của sự va đập và xô đẩy” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.33).

Epistēmē (mọi) tăng trong hợp tác các vật thể có mẫu sắc lị không cụ mẫu” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.35).

Epistēmē (không định) cũng các nguyên tử là vô hạn xét về số lượng, còn không đúng thì vô hạn xét về lượng” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.36).

Epistēmē (sử dụng xem kẻ mờ mịt) không trắng, vì trí không gian” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.39).

Hay sự sinh *Di-ogē en Logos* (nếu không có nó mà chúng ta gọi là không trắng, vì trí và giới tự nhiên không cảm nhận được) (ĐH, 101, học thư gủi Hết) (chưa in).

Epistēmē (phân biệt) hai hình thức chuyển động theo đường thẳng và theo đường chéo hướng” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.41).

Epistēmē (mọi) tăng thể giới bị tiêu vong bằng nhiều cách: một phần như dòng vật, một phần như chất vật, một phần nữa thì bằng những cách khác nhau khác nữa” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.44).

Tất cả những nhà triết học khác lại (còn vàng) thổ giới có loại hỗn và được điều khiển bởi thiên nhiên, tiếp tục Epistēmē (vì Epistēmē tại không (không nhận) cả hai, vậy đó là (không điều gì định) đó nữa, nhưng họ (không định) rằng thế giới tự nó phát sinh, bằng con đường tự nhiên từ các nguyên tử” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.47).

Epistēmē (mọi) tăng tính giới của một số thế giới thì thừa, còn của những thế giới khác lại đầy dẫy, và trong số chúng (các ranh giới) một số thì có động, có khác lại bất động” (“Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.51).

Một đoàn khác sau đây, trong tác phẩm của Xô-hê, không thuộc về Epistēmē, nhưng đồng thời có thể là là được để dễ nhận.

“Thưa cha, liệu có gì tuyệt diệu hơn ngoài điều kỳ diệu?” (trường từ “ngoài điều kỳ diệu” cần được hiểu là bình đẳng, như sắc và vật thể).

“Chỉ có thượng đế mà thôi, còn của ta ư; những điều của ta đều hơn, mỗi đang hơn, đó là tên của chúng đó” (Xô-lô, “Các song thoại về vật lý”, qu. I, tr.50).

Một số khác người thấy của Epistēmē, đã không định những nguyên nhân hạn chế – đó là các nguyên tử và những nguyên tử” (chưa in, tr.52).

“Tập-kíp, Đê-mô-rit và Epistēmē (đã cho rằng) về các thế giới (bất động) trong cái bất tận, theo tất cả các vùng của chu vi vòng tròn. A-ma-xi-an-đơ (không định) rằng về số những thế giới như thế được ở chế.

nhau trên một khoảng cách bằng nhau. Các É-pi-quur (tên gọi) nằm khoảng cách 3-4 in cho thể quả không đều nhau" (như trên, tr. 52).

"É-pi-quur không lúc bỏ một vị trí nào trong những ý kiến (ý) tạo thể liên quan đến cơ sở vật chất, tạo theo các cơ thể (v) như trên" (tr. 54).

"É-pi-quur nói rằng một thể là khối đại diện của nó cấu trúc là chỗ và khắp, là lâu lâu trong, ngọn lửa (ý) trong quả, những lỗ hổng" (như trên, tr. 56).

Sơ với đoạn do Sau-bác dẫn ra thì đoạn văn trích trên đây từ tác phẩm "Các song thời vô vật lý", qu. I, tr. 51¹, lại không dính, ở mức độ lớn hơn, có lẽ là quan niệm về hai dạng nguyên tử. Ở đoạn này của tác phẩm "Các song thời" có dẫn ra "những hạt nhỏ đồng nhất" như là những khối nguyên bất diệt, song song với các nguyên tử và khoảng trống, những hạt nhỏ ấy không phải là *σίσωλα*², nhưng chúng có được sự giải thích như sau: "chúng được gọi là những vật vì lượng đồng đều và những nguyên tử". Vô luận thế nào thì từ đoạn này người ta cho rằng các nguyên tử được dùng làm cơ sở cho các hiện tượng thì chúng, trong tư cách là những nguyên tử, lại không có những vật vì lượng đồng đều và mang các thuộc tính của các vật thể mà chúng được dùng làm cơ sở. Dĩ nhiên, điều đó không đúng. Cũng như vậy, cả Mê-tơ-rô-đôóc cũng dẫn ra "các nguyên tử và các nguyên tử" như là các nguyên nhân (qu. I, tr. 62).

CLÉ-MÂNG A-LÉCH-XÂNG, DRI, "BỘ TÁC PHẨM",

KHƯÊN, 1888

"Ngay cả É-pi-quur cũng vậy muốn thể hiện một nguyên lý cơ bản làm nguyên lý của mình" ("Những tâm thức", qu. VI, tr. 829).

"Hình như có Hô-mê cũng biết đến những đồ, tạo ra ông làm xuất

¹ Xem tập này, tr. 230-233.

² những hình ảnh rõ ràng (những hình ảnh phản chiếu)

hiện của và thêm mang những đặc mệ của con người É-pi-quur thì không có thời độ cũng mệ như thể đối với nhân vật khác ("Những tâm thức", qu. V, tr. 803).

"Còn É-pi-quur thì cho rằng ông ta biết đến chính là niềm hạnh phúc ông cho rằng cần phải hưởng thụ điều đó, đó là điều ta, ông tiến lên trước và chính nó dẫn vào nỗi kinh như, đó là điều mà chúng ta trong trạng thái chuyển động..."

Vậy là, É-pi-quur và trường phái X-cô-nai nêu rằng tác thụ trước hết là những gì thần thuộc vào (bản chất những tai) là sự điều hành - như tồn họ không dính - được áp dụng và lực thể và bản thân đưa hành để ra tác thụ ("Những tâm thức", qu. II, tr. 115).

"É-pi-quur thì cho rằng mọi niềm vui tâm hồn đều được phải thụ trong trạng thái mang cảm giác thích hợp."

Trung bài khảo luận của ông và như để "Về nguyên lý hành phúc" có trong bản thảo chúng ta nhiều hơn là trong ngoại cảnh. Một trường phái "Còn có gì mới là niềm hạnh phúc tâm hồn, nếu không phải là trạng thái khỏe mạnh của thể xác và niềm hy vọng đang lớn của tâm trạng thái khỏe mạnh ấy sẽ vẫn như thế" ("Những tâm thức", qu. II, tr. 115).

"Chỉ là thì É-pi-quur cũng cho rằng người nam - theo định nghĩa của ông - là thông thái thì sẽ không muốn hành động mà trao chỉ vì lợi lộc nào đó, vì người ấy không tin chắc rằng điều đó sẽ được giấu kín. Vậy là, nếu người ấy tin chắc rằng mình sẽ không bị phát hiện thì - theo ý kiến của ông là của É-pi-quur - người ấy sẽ hành động như thế" ("Những tâm thức", qu. IV, tr. 822).

Clé-mang không phải không biết rằng niềm hy vọng về kiếp sống mai mả cũng không thoát khỏi nguyên tắc về tính hữu dụng.

"Nếu em ta đã tự kiểm chế không làm điều ác với hy vọng được ban

thường dẫn tới lãnh của Thượng đế thì điều đó không có nghĩa là làm điểu đúng đắn theo thẩm chí tri thức quý đơm sau người bonus vias. Bởi vì, giống như trường hợp nói sai hay làm cho người do trở nên đúng đắn, phần thường cũng làm cho người A trở nên đúng đắn, ... nói đúng hơn, nó đưa đến kết quả là người A có vẻ như là đúng đắn (như trên và các từ tiếp theo)

"Đề-pi-quy-đa đặt niềm hoàn lạc cao hơn nhiều so với chân lý và ông cho rằng (niềm tin là) sự tiến nghiệm (aspirations) của tư duy. Ông đã định nghĩa sự tiến nghiệm như là sự ám chỉ về điều gì đó hoàn thiện và khái niệm rõ ràng về đề vật. Song, không một ai có thể nghiệm cứu, hoặc nghĩ, thậm chí suy nghĩ và hành động (argueret) - mà lại không cần đến sự tiến nghiệm" ("Những tâm thức", qu. II, tr. 365-366)

Clê-măng nói thêm

"Như vậy, nếu niềm tin chẳng qua chỉ là điều gì trước tư duy tiến quan đến cái được nói đến", và v.v.,

Qua đó có thể thấy rằng niềm hiểu niềm tin là gì.

"Đề-mô-xrê bác bỏ bốn nhân tố sự sinh con đẻ của vì nhiều điều khó chịu do bản thân và sự sinh con đẻ lại và vì những thứ ấy lại kéo (abstraction) người ta ra khỏi cái cần thiết hơn. Những người tâm thành Đề-mô-xrê gồm có Đề-pi-quy-đa và tất cả những người nào thấy hành phúc trung hoàn lạc, cũng như trạng thái không có lo âu và đau đớn" ("Những tâm thức", qu. II, tr. 321).

"Đề-pi-quy-đa thì, ngược lại (contrari), cho rằng chỉ có người Hy Lạp mới có thể nghiệm cứu triết học" ("Những tâm thức", qu. II, tr. 322).

"Do vậy, Đề-pi-quy-đa nổi rất hay trong việc thu gởi Mô-nô-cô: "Mong rằng không một ai, khi còn trẻ, lại học cái việc nghiên cứu triết học" v.v. ("Những tâm thức", qu. IV, tr. 301). Hay so sánh với Đề-u-ô-cô-la-ô-ô trong việc thu gởi Mô-nô-cô này

"Những phôi đề-pi-quy-đa một rằng họ những học thuyết là một như do (epistat), và không phải bất kỳ ai cũng được phép học các tác phẩm này về chúng" ("Những tâm thức", qu. IV, tr. 373)

Theo ý kiến của Clê-măng A-lêch xăng-ô-ô-ô thì niềm tin của Pôn, chỉ ý nói đến Đề-pi-quy-đa khi ông ta nói:

"Anh em hãy cẩn thận, đừng để ai lôi kéo anh em bằng triết học và bằng sự giả giảng rằng, theo thuyết thuyết người duy theo những sự mạnh thiên nhiên của thế giới, chỉ không theo chân Ki-tô" các anh em [hãy tránh] triết học, không phải mọi thứ triết học, mà hãy tránh triết học như triết học Đề-pi-quy-đa mà tông đồ Pôn đã nhắc đến trong "Sách tông đồ công vụ", lên án triết học ấy và nó bác bỏ ý tưởng thượng đế và thần thánh hóa niềm hoàn lạc, và hãy tránh mọi thứ triết học nào khác nếu nó có gây sự mạnh thiên nhiên mà không đặt lên trên chúng nguyên nhân sáng tạo ban đầu, và không đi đến ý nghĩ về động tạo hoá" ("Những tâm thức", qu. I, tr. 293).

Thật là hay khi mà những người bị quét sạch đi là nhưng nhà triết học không mơ tưởng về thượng đế.

Giờ đây đoạn này được người ta hiểu rõ hơn, giờ đây người ta biết rằng Pôn có ý ám chỉ nói chung mọi thứ triết học.

¹ Kinh thánh, Tân ước: Thư gửi của tông đồ Pôn gửi đến Cô-lô-sô, chương 2, câu thơ thứ 8

TRIẾT HỌC Ê-PI-QUYA

Tập thứ bảy

XI-XÊ-RÔNG

1. "VỀ BẢN CHẤT CÁC VỊ THẦN"

II - "NHỮNG CUỘC ĐAM ĐẠO TU-XCU-LAN", 3 QUYỀN"

XI-XÊ-RÔNG. "VỀ BẢN CHẤT CỦA CÁC VỊ THẦN"

QUYỀN THỨ NHẤT

Ch. VIII. [18] "Khi ấy Vô-lây đã nói một cách rất tự tin theo (hào quang của họ (tức là của phái Ê-pi-quyn), tự nhận là lợi lộc và rằng ông ta hoàn toàn điều gì đó tựa hồ như ông ta chỉ vãn hồi từ cuộc sa huy của các vị thần và từ những khoảng không gian vô trụ của Ê-pi-quya trở về" - v.v

Ch. XIII. [32] Một đoạn rất hay trích từ tác phẩm của An-ti-xphen:

"Trong quyển sách mang tựa đề "Nhà vật lý" ông nêu rằng theo quan niệm của dân chúng thì có nhiều vị thần, những vị thần sự nhốn nháo chỉ có một. "

Ch. XIV. [36] Về nhân vật theo thuyết khắc kỷ Đê-nông có nói như sau:

"Khi Đê-nông bình luận tác phẩm "Thần phú" của Hê-di-ô, ông ta hoàn toàn vứt bỏ những quan niệm quen thuộc và đã thẩm thấu về các vị thần, ông ta đã không đưa vào danh sách các vị thần Giu-pi-tê, Giu-nông, Vô-xan, không một vị thần nào được người ta gọi tên như thế,

đáng ta không định rằng những cái tên ấy vì cách nói phỏng dụ mà đã mà được gán cho những cái không có liên và không có khả năng nói”

Cđ. XV. [41] Về nhân vật theo thuyết khắc kỷ Khri-díp có nói như sau:

“Trong quyền thái hậu” (tức là quyền nói về bản chất) các vị thần” ông ta có gán những truyền cổ tích về *Đi-ô-phô*, *Mu-xô*, *Hê-đi-ô* và *Hô-mê* vào nhưng điều mà bản thân ông ta đã nói trong quyền thái hậu về các vị thần bất diệt, để thấy rằng cả những thứ si thời cổ đại cũng là những người theo thuyết khắc kỷ, điều đó thì bản thân các thi sĩ si thông chi cũng không nguôi”.

“Và mà *Đi-ô-gien* là-bu-ôn buộc theo sau họ, và trong quyền sách có nhận đó “Về *Mi-nê-ra*” *Đi-ô-gien* đã xa với chuyện thần thoại, đưa ra một sự lý giải tự nhiên về sự sinh nở của *Gau-pi-ô* và về sự ra đời của nữ thần đồng trinh”.

Cđ. XVI. [42] Cuối cùng chỉ có một mình ông ta” (tức là *Ê-pi-quy-ra*) “cho rằng các vị thần vẫn lại trước hết là vì chính thiên nhiên đã ghi lại trong tâm hồn mọi [người] quan niệm về các vị thần. Thật vậy, hiện có một dân tộc nào, có một bộ lạc nào mà lại không có một quan niệm có trước như đó về các vị thần, mà chẳng cần sự dạy dỗ gì? *Ê-pi-quy-ra* gọi đó là “điều tiên nghiệm”¹, tức là một quan niệm có trước nào đó về đồ vật mà nếu không có nó thì không có một cái gì có thể được nhận thức, được nghiên cứu, được thảo luận. Về sự nghĩa và tính hữu ích của học thuyết ấy, chúng ta được biết qua cuốn sách không gì sánh được của *Ê-pi-quy-ra* “Về những quy tắc suy luận”

Cđ. XVII. [43] “...phải hiểu rằng các vị thần có tồn tại, bởi vì chúng ta có được quan niệm nói tại đây (tức bên trên nhà là quan niệm bẩm sinh về các vị thần) *Đi-ô* có mà bản chất của tất cả đều như là đối với nó thì tất yếu là đúng”

[45] “...hầu đúng như vậy thì danh ngôn nổi tiếng của *Ê-pi-quy-ra* đã nói đúng: “Cây gì là hạnh phúc và sinh sôi thì không ngay cả đến kẻ thù của cây hạn hãm, cũng không trái lại những người khác, do vậy cây đó không thể rơi vào sự nhàn hạ và không bị kẻ cướp bắt lông biết ơn, vì tất cả những điều tương tự” - so là điều hoàn toàn vô hại”

“...Tất cả các vật chất chúng ta đều hoàn toàn an toàn để có được vùng được cùng này”

Cđ. XVIII. [46] “Tất cả chúng ta, tất cả mọi dân tộc, tất cả bản chất, đều hình dung các vị thần không bằng cách nào khác hơn là bằng hình ảnh con người... nhưng để không quá mọi của vào những quan niệm hạn chế, và chính lý trí cũng không định chính điều đó...”

[47] “Về hình ảnh này” có thể tuyệt diệu hơn hình ảnh con người...”

[48] “Phải thừa nhận rằng các vị thần ngoài thì các vị thần là những con người.”

[49] Tuy vậy hình ảnh này vẫn không phải là thể xác, mà là thể xác giả, và nó không có màu, mà có màu giả”

Cđ. XVIII. [49] “*Ê-pi-quy-ra*,... dạy rằng về nguyên và thực chất của các vị thần không cho những vị thần ấy trước hết được nhận thức không phải bằng cảm giác, mà bằng trí tuệ, - không phải như là cái gì đầy đặc, không phải theo số lượng, khác với các nhà *Ê-pi-quy-ra*, do tính chất của chất, biểu thị bằng từ *diapneusis*”, mà những vị thần được cảm thụ như là những hình tượng do sự giống nhau và do sự chuyển dời”

Cđ. XIX. “Các vị thần hình ảnh bản chất hoàn toàn chất hết tất những hình tượng hết cả giống nhau và chuỗi hình tượng ấy quy tụ thành các vị thần, thì tư duy của chúng ta hướng một cách công bằng vào những hình tượng ấy, cũng với cảm giác hoàn toàn bản chất từ duy ấy có được khái niệm về thực chất hạnh phúc và vĩnh hằng”

¹ - vật rộng

[30] Nguồn tác của một số tính về tâm rồi xung động được xem xét rất lâu và chậm chạp; đồng thời tại vậy có sự nhận thức rằng thực chất đó khiến cho mọi cái phù hợp với mọi sự và cái đúng đều tương ứng với cái đúng đến. E-monkusa gọi đó là *trên-như-mà*, tức là sự phù hợp đúng đến. Như vậy, nó đó thấy rằng *mọi cái tại mọi sự đúng đều những gì có thể đạt được, thì nó tương đương với hạt dẻ cũng không ít hơn*, nếu như những lực lượng có tác dụng hữu hiệu không xác định được hoặc có lượng/hiệu của lực lượng có tác dụng duy trì cũng phải nhiều và kể.

[31] Tâm như, hữu Ban-ban, các vị thường hỏi chúng tôi xem như thế: của các vị thần ra sau và sinh tồn của họ đến ra như thế nào. Hoàn nhiên là (trước đó) của họ khiến cho người ta không thể nghĩ được ra điều gì hình thức lưu, nhân nhân nhân hơn với đủ thể phôi lai. Thật vậy, người (chúng tôi) không làm gì cả, không bị ràng buộc bởi những công việc nào cả, không bị dè dặt bởi một công việc nào, người hoàn toàn vào sự sáng suốt của chính mình và đức hạnh, người biết sự vắng mặt vắng người sẽ tồn tại vĩnh hằng giữa những phôi lai và cũng tin rằng như giữa những phôi lai bất diệt.

Ch. XX. [32] "Đúng ra chúng ta có thể gọi Thượng đế là Thượng đế và sự tin, còn thượng đế của các vị là kẻ muốn liệt thất sự, thời thế, hoặc thượng đế chẳng qua chỉ là chính sự tự. - Cái có thể tin yên tĩnh hơn là quay, với tốc độ kỳ lạ, chúng quanh trục vô tri mà không hề có một khoảnh khắc dừng nghỉ? Một bậc người có yêu thích thì không có cái gì có thể hình thức được. Hoặc là trong chính thế giới có các tạo ra một Thượng đế nào đó, đang ngự trị, đang điều khiển, hướng dẫn sự chuyển động của các vị sao muốn thủ trình tự của thời gian, sự thay thế và tiếp tục của mọi cái. Thượng đế giấu mình các miền đất và các biển khơi, bao vệ hành phôi và cuộc sống của con người (đầy). Thượng đế chờ sự bị dè dặt bởi những công việc nặng nề và kiệt sức với sự. Vì thế chúng ta thấy ai có cuộc sống hình thức là sự hình thức của lịch thiên là sự tin vào không xanh hạt kỳ

một cách nhiệm mầu. Bởi vì người (đã qua thời gian) của khác - chúng chính là người đã cho chúng ta bằng thế giới ngoài hiện bằng với đương từ nhiệm - thì giờ không phải là công việc nghệ thuật của một nghệ nhân nào đó. Vì hình thức ra điều đó thì cũng không khác nhau là nếu có vị không cho rằng không có nghệ thuật của Thượng đế, thì thiên nhiên cũng sẽ tạo ra - đang tạo ra hoặc đủ tạo ra và có thể gọi. Vì quy vì không thấy được bằng cách nào mà thiên nhiên tạo ra có thể tạo ra được với đủ mà không cần đến một lý trí nào cả - cho nên các vị - với tư cách là các nhà thơ bị kích thích mà các vị không thể hình thức ra được đoạn kết của vũ lịch - một lần Thượng đế [33] "Tôi nhận ra - và không muốn nhận sự giúp đỡ của Thượng đế nên như các vị thấy được ở khắp mọi nơi những không gian to lớn, không đủ được và không có giới hạn, trong đó tinh thần tạo di nhanh như chớp, phôi lai khắp mọi đến của nó không nhìn thấy một ranh giới làm sáng màu cả để nó có thể đứng lại ở đó. Vậy là, trong [không gian] không giới hạn này, cả về chiều rộng, chiều dài và chiều sâu, có một khối các nguyên tử bất tận, như sự tương thích vô kể, chuyển động, những nguyên tử ấy, mặc dù chúng bị tách biệt khoảng trống, song chúng gần nhất với nhau và những nguyên tử này kết với những nguyên tử khác, chúng tiếp tục chuyển động không ngừng, và đó mà xuất hiện những hình thức và những hình dạng của các vật mà các vị không cho là có thể hình thành được nếu không có sự biến và các ứng biến của nó trên. Và bằng cách đó các vị đạt đến đầu tiên có chúng tôi để thông tra vĩnh cửu để chúng tôi sự hạn hạn có hạn ngày tàn hạn diệt. Thế thì, tại tại không có đối tượng đó, đang thấy trước mọi cái, vậy nghĩ về mọi điều, thấy được mọi việc, đang ấy cho rằng tạo các điều trên quan đến mình, đang ta mình ra đủ để sống hòa các cùng các vị."

[33] "Chính từ đó lần đầu tiên đời hiện ra trước mặt các vị tính tại yêu - đó là phôi lai định - mà các vị gọi là "số mệnh"; và bằng cách này các vị không đánh bằng tất cả mọi cái gì xảy ra thì đều điều ra do nhân lý vĩnh hằng và do một chuỗi liên tục các nguyên nhân. Nhưng tôi nghĩ như thế

nhân vật thời trước hơn cho rằng được cái điểm ra đời của vũ mệnh – như điểm đó có trong quan niệm của các tôn giáo khác, hơn nữa lại là những sự gì ngẫu nhiên? Tiếp đó là *người thiện từ từ* mà không có đích thành "tài người toàn hảo", nếu những từ muốn nhắc cho quy về thì đó là hình hưởng sự tiến hóa đó chúng tôi sẽ ra đời trên đời muốn đi dần đến một chúng tôi đó phải song kính nơi nhà tư tưởng, những nhà tiên tri, những nhà học hỏi và những người lý giải các sự vật trong đời."

[58] "Được Ế-ti-quyển giải thoát khỏi những nỗi sợ hãi về và có được tự do, chúng tôi không sợ hãi hoặc vì thần thánh – theo chỗ chúng tôi hiểu – không nghĩ ra những điều khi chưa có chủ tâm, cũng không nghĩ ra cho những người khác, và chúng tôi cũng hình dung tạo hóa tuyệt vời và mọi cái ấy và mọi dụng cụ là hình thường."

Tiếp theo sau là lời phân biệt của Cốt-ta.

Ch. XXV [58] "Tôi thừa nhận rằng những lực của anh có thể hiểu được, chẳng những về phong phú về tư duy, mà còn còn được tính hay *hàng những người tạo hóa trước, làm sự làm một thượng thay vì những người của các vị thần là ở phía Ế-ti-quyển*."

Ch. XXVII [60] "Bởi vì theo lời anh những gì mà tất cả các dân tộc và các bộ lạc loài người cảm thấy thì đó là ra đời có đủ lực để giải thích tự do chúng ta phải thừa nhận sự tiến hóa của các vị thần. Điều đó tự nó chẳng những là hành xuất, mà còn là xác thực."

Cốt-ta sau khi kể lại rằng các quốc gia của Prô-ta-go – người đã phải nhận sự tiến hóa của các vị thần – đã bị hủy diệt trước cuộc tự do của dân chúng, còn bạn thân Prô-ta-go thì lại được ra khỏi sự chết. thì đã nói tiếp: "Tôi thấy, chỉ vì tôi không nghĩ rằng có những người đã trở nên thây trong khi họ đang ra những ý kiến phát biểu rằng họ như một thể, vì ngay cả sự làm nghĩ cũng không thể tránh khỏi sự tương phản."

Ch. XXVIII [61] "Tôi vì những ý kiến phát biểu hơn là lý giải tạo hóa của

hoặc trước của lập luận cho rằng tạo hóa như có tồn tại những nguyên tử nào đó, một số thì nhân như, một số khác thì sản sinh, một số thì tạo thành, số khác lại gốc gác, một số có hình dạng quàn và tạo hóa như gặp nhau vào trong hai thời và tạo đột nhiên được tạo nên từ những nguyên tử ấy, mà không hề có sự cường hóa nào của thiên nhiên, nhưng lại do sức tự do của thiên nhiên mà ra."

[62] "Và đây chính là chân lý của anh ư? Bởi vì tôi tuyệt nhiên không hề phạm đến các công hạnh phúc mà theo ý kiến của anh, ngay cả Thượng đế cũng không có được nếu như không ở trong trạng thái hoàn toàn yên tĩnh và bất động."

"Như vậy tôi cũng càng cho rằng mọi cái đến từ các nguyên tử mà ra. Điều đó có liên quan gì đến vấn đề? Vì vấn đề nói đến [63] bản chất các vị thần. Mong rằng các vị thần cũng từ các nguyên tử mà ra. Do vậy các vị thần không sinh hằng, bởi vì cái gì được tạo ra từ các nguyên tử thì đến lúc nào đó phải được hình thành. Nếu họ (các vị thần) được hình thành thì trước khi họ xuất hiện đã không có những vị thần nào tồn tại cả. Và nếu có sự ra đời của các vị thần thì tất nhiên phải có sự diệt vong (của các vị thần), như không lâu trước thời điểm này anh đã từng suy về như thế về sự ra đời của thành. Như vậy 'vạn hạnh phúc và cái bất diệt' như tiếng của các vị – tức là hai từ mà các vị dùng để gọi thượng đế ấy – dần rồi. Còn khi các vị muốn chứng minh điều đó thì các vị lại lạc vào khu rừng rậm vì vậy, anh đã nói rằng trong thượng đế không có thể xác, mà chỉ có thể xác giả, không có máu, mà chỉ có máu giả."

Ch. XXV [69] "Mỗi khi các vị nói điều gì đó không đúng sự thật và mong muốn tránh sự quả trách, thì các vị lấy ra một điều mà thêm cho không thể xảy ra, nên đáng ý về điều mà cuộc tranh luận đó gặp đến, thì tôi hơn là từ chối để có chấp về sự như thế. Chẳng hạn, Ế-ti-quyển. Vì ông ta hiểu rằng nếu các nguyên tử đó trong lòng của tâm thần, hay những phần dưới, thì chẳng có gì phụ thuộc vào quyền lực của chúng ta cả, vì sự

chuyển động của các nguyên tử là mang tính xác định và tái tạo - cho nên ông ta, để tránh sự cân bằng, đã nghĩ ra một cách mà hiện nhiên là Democrit đã không nghĩ tới được. Ê-pi-quyên nói rằng nguyên tử, tuy có lao từ trên xuống phía dưới do trọng lượng và sức nặng của mình, song vẫn hay bị chệch đi một chút". (70) "Không đánh dấu đó thì sâu hơn hơn là không biết cách chúng mình điều mà ông ta muốn".

Có một hiện tượng rất đáng chú ý là một chùm ba hệ thống triết học Hy Lạp đã hoàn tất nền triết học thuần túy Hy Lạp, cụ thể là: hệ thống triết học Ê-pi-quyên, hệ thống triết học khác kỷ, hệ thống triết học hoài nghi, - thì lại rút ra những yếu tố cơ bản của mình từ quá khứ - như là những hệ thống đã có sẵn. Vì dụ, triết học tự nhiên của trường phái khác kỷ thì phần nhiều lại là triết học Hê-ra-clít, còn phần lô-gích học của triết học đó lại giống với lô-gích học của A-ri-xtôt, cho nên ngay Xi-xê-rông cũng đã nhận xét:

"Có vẻ như phải khác kỷ, về thực chất, đồng ý với trường phái Pô-rô-pô-tô nhưng lại không đồng ý ở ngoài miệng" ("Về bản chất các vị thần", qu. I, ch. VIII16b)

Triết học tự nhiên của Ê-pi-quyên, trên những nét cơ bản, là triết học Dê-mô-crit, dạy đức học của nó lại giống đạo đức học của trường phái xi-rô-na-i. Sau hết, phái hoài nghi lại là các nhà khoa học trong giới triết học; công việc của họ là ở chỗ đem đối chiếu, đo đạc cũng là đem tập hợp, những ý kiến khẳng định khác nhau đã được phát biểu từ trước. Họ nhìn vào các hệ thống triết học trước kia bằng con mắt bác học mang tính chất so sánh, cân bằng và qua đó đã phát hiện ra mâu thuẫn và sự đối lập. Khuôn mẫu chung về phương pháp của họ cũng đã chứa đựng trong phép biện chứng của trường phái E-lê, ngay biện và tiến kinh viện. Tuy vậy, các hệ thống triết học này mang tính chất độc đáo và tạo thành một chỉnh thể nào đó.

Nhưng chúng không những đã tìm thấy các vật liệu xây dựng có sẵn để tạo ra khoa học của mình; tư bản thân những tinh thần sống động của các thế giới tinh thần của chúng, có thể nói là đã là tiền khu của các hệ thống ấy trong tư cách là những nhà tiên tri. Các cá tính không tách rời khỏi hệ thống của họ thì đều là những nhân vật lịch sử. Có thể nói là hệ thống này được lồng vào hệ thống kia. Đó là A-ri-xtôt, An-ti-xphen, các nhà nguy biện và những người khác.

Câu biểu diễn đó như thế nào?

A-ri-xtôt nói về "tâm hồn thực vật":

"Mà nó thể tồn tại tách rời những tâm hồn khác, nhưng ở loại vật có khả năng diệt vong thì những tâm hồn khác không thể tồn tại nếu thiếu nó" (A-ri-xtôt "Về tâm hồn", qu. II, ch. 2).

Cần lưu ý rằng việc nhận xét ấy của ông có quan hệ đến triết học Ê-pi-quyên nhằm hiểu rõ bản thân triết học ấy, cũng như nhằm làm sáng tỏ những điều tưởng như phi lý của chính Ê-pi-quyên và để kèm linh lợi của những nhân vật sau này phê phán ông.

Ở Ê-pi-quyên hình thức chung nhất của khái niệm là nguyên tử, như là sự tồn tại chung nhất của nó, song sự tồn tại này mang tính cụ thể trong nó, là khái niệm loài, nhưng đồng thời nó cũng là một chỉ đối với những hình thái phân biệt cao hơn và đối với những sự cụ thể hoá khái niệm của triết học của ông.

Vậy, nguyên tử là tồn tại - tự nó mang tính trừu tượng, vì dụ, của cá tính, của nhà thông thái, của thượng đế. Đây là những định nghĩa cao hơn, có chất lượng hơn nữa của cùng một khái niệm đó. Do vậy, khi xem xét triết học này về

phương diện di chuyển thì không nên đặt ra câu hỏi lạc lõng như Bả-y-lô, Phu-tác-xô và những người khác đã nêu ra làm sao mà một cá nhân, như thông thái, thượng đế lại có thể xuất hiện và được tạo ra từ các nguyên tử? Mặt khác, hình như sự biến mình cho câu hỏi ấy có thể tìm thấy ở chính bốn thân Ê-pi-quy-ra (bồ cừ), về những hình thái cao hơn, ví dụ, về thượng đế. Ông nói rằng thượng đế được tạo thành từ những nguyên tử nhỏ hơn và mảnh hơn. Về điểm này cần nhận xét rằng quan hệ giữa ý thức của chính Ê-pi-quy-ra đối với sự phát triển hơn nữa ý thức ấy, đối với định nghĩa xa hơn nữa và tất yếu đối với nó để xác định nguyên lý của ý thức ấy -, thì cũng giống như sự hiểu biết phi khoa học¹ của mọi người về những thời đại muộn hơn với hệ thống triết học của ông.

Vì như dài với thượng đế v.v. - hãy gạt sang một bên những sự xác định tiếp theo về hình thức của nó, tạo thành một xích cán thiết trong hệ thống này - nếu đặt ra câu hỏi về sự tồn tại của thượng đế, về tồn tại - tự nó của thượng đế, thì hình thức chung của sự tồn tại nói chung là nguyên tử và nhiều nguyên tử; nhưng chính trong khái niệm về thượng đế, về nhà thông thái thì sự tồn tại ấy đã chuyển sang một hình thức cao hơn. Tồn tại - tự nó mang tính đặc thù của thượng đế lại chính là sự định nghĩa tiếp theo về khái niệm thượng đế, một sự định nghĩa của thiết trong cái tổng thể mà hệ thống ấy là hiện thân. Nếu đặt ra vấn đề về một tồn tại nào đó nữa ngoài tồn tại này thì đó là sự quay trở về với cấp độ thấp nhất và hình thái thấp nhất của nguyên lý.

¹ Bối cảnh là trong bản viết tay đã với nhận thấy ở "Das wissenschaftliche Bewusstsein" ("nhân thức khoa học"), bài viết là "Das unwissenschaftliche Bewusstsein" ("nhân thức phi khoa học").

Song, Ê-pi-quy-ra buộc phải thường xuyên tru về với cấp độ thấp nhất ấy, bởi vì ý thức của ông cũng mang tính chất nguyên tử chủ nghĩa như nguyên lý của ông. Trong quan niệm của ông thực chất của thừa nhận cũng là thực chất của tự ý thức thực tại của ông. Bản năng thời thức ông và nhu cầu xác định tiếp theo về thực chất bản năng ấy vẫn lại được ông quan niệm là những hiện tượng giống như những hiện tượng khác, và từ lĩnh vực cao hơn của triết lý ông lại hạ cố xuống lĩnh vực chung nhất, chủ yếu vì sự tồn tại, với tư cách là tồn tại - cho nó nói chung. Được ông quan niệm như là hình thức của mọi sự tồn tại nói chung.

Ý thức quan trọng này của nhà triết học lịch sử khỏi tri thức hiện hữu của chính nhà triết học, nhưng bản thân tri thức hiện hữu ấy - qua những cuộc đàm đạo mà nhà triết học tựa hồ như tiến hành với chính mình, về niềm thời thức thẩm kín đích thực của mình, về ý nghĩ mà nhà triết học suy nghĩ - là một cái gì đó được quy ước, - nó được quy định bởi cái nguyên lý tạo thành thực chất ý thức của nhà triết học ấy.

Nhiệm vụ của khoa lịch sử triết học không phải là giới thiệu nhúng cách của nhà triết học, dù là nhân cách tinh thần, có thể nói là điểm hội tụ và hình ảnh hệ thống triết học của nhà triết học đó, lại càng không phải là đi làm cái việc hồi lùng tìm vết cớ tính chất tâm lý học và đưa ra những điều huyền ảo. Lịch sử triết học phải chiết xuất trong từng hệ thống triết học, nhưng đồng cơ có ý nghĩa quy định, những sự kết tinh đích thực và xuyên suốt toàn bộ hệ thống triết học, và tách chúng ra khỏi những bóng chúng, những hiện mình dưới dạng các đối thoại, tách chúng ra khỏi sự trình bày của các nhà triết học về chúng, vì các nhà triết học đã nhận thức

được mình. Khoa lịch sử triết học phải tách con chuột chũi đang lạng lạng tiến lên phía trước của tri thức triết học đích thực, ra khỏi ý thức của chủ thể - cái ý thức nhiều lần, mang tính chất công khai, mang kinh thức đa dạng và hiện tượng học - cái ý thức là nơi chứa đựng và đồng lệ của những suy xét ấy. Trong sự phân chia ý thức ấy cần phải làm hiện rõ sự thống nhất của ý thức ấy, tính quy định qua lại của nó. Yếu tố mang tính phê phán ấy có ý nghĩa lịch sử là rất cần thiết trong sự trình bày một hệ thống triết học, để trình bày hệ thống ấy một cách khoa học trong mối quan hệ với sự tồn tại lịch sử của hệ thống ấy. - đó là mối quan hệ mà ta không thể coi thường chính là vi sự tồn tại ấy mang tính lịch sử. Nhưng đồng thời mối quan hệ ấy cũng phải được khẳng định như là mối quan hệ triết học. - do đó, nó phải được triển khai cho phù hợp với thực chất của mình. Điều ít có thể làm được nhất, là việc chỉ dựa vào uy tín và dựa vào niềm tin chân thành để mà thừa nhận rằng một hệ thống triết học này hay hệ thống triết học khác thực sự là hệ thống triết học, - cho dù uy tín ấy là cả một dân tộc và niềm tin ấy đã tăng tồn tại trong nhiều thế kỷ. Bằng chứng chỉ có thể được cung cấp bằng con đường làm rõ thực chất của hệ thống triết học này; ngoài ra, bất cứ người nào viết lịch sử triết học cũng đều phải phân biệt cái thực chất và cái không thực - tức, sự trình bày lại và nội dung, nếu không làm thế người viết sẽ chỉ làm công việc bao chep, thậm chí chưa chắc đây là công việc đích thuật; người ấy lại càng ít có thể nói ý kiến của mình hoặc gạch bỏ điều gì đó v.v.. Người ấy sẽ chỉ là người chép lại bản sao mà thôi.

Ngược lại, cần trình bày luận chứng vấn đề như sau: bằng cách nào có thể đưa vào hệ thống triết học các khái niệm về

nhân cách, về nhà thông thái, về thượng đế và những định nghĩa đặc thù của những khái niệm ấy là như thế nào, chúng phát triển ra sao từ hệ thống triết học.

XI-XÊ-RÔNG. "VỀ CÁI THIÊN TỐI CAO VÀ CÁI ÁC"

QUYỂN I

[74] "Về [17] "Tôi bắt đầu từ sự khẳng định [X-xê-rông nói], rằng trong môn vật lý, mà ông ta đặt hoạt kiểu ngắn, thì ông ta (tức É-pi-quê-va) thừa biết là một người hoàn toàn không tin vào."

Nhân vật ấy (tức là É-pi-quê-va) cho rằng các nguyên tử, tức là các vật thể không phân chia ra được, do sự dày đặc của mình đã chuyển động trong khoảng trống không sinh giới, trong đó không có phía trên, không có phía dưới, không có đoạn giữa, không có phần mở đầu, không có phần cuối. Nhưng nguyên tử ấy khi va chạm nhau thì bên kia với nhau, vì đó là nguồn gốc sinh ra tất cả những gì đang tồn tại và những gì mà chúng ta cảm nhận được bằng thị giác, và sự chuyển động ấy của các nguyên tử được họ quan niệm như là sự chuyển động không có sự mở đầu sau cả, nhưng đã tồn tại hàng thế kỷ.

[18] "Vì ông ta (É-pi-quê-va) khẳng định rằng những vật thể không phân chia được và dày đặc đã chuyển động được là nhờ sức nặng của mình hướng xuống phía dưới theo đường thẳng; theo ý kiến của ông, đây chính là sự chuyển động tự nhiên của tất cả các vật thể".

[19] "Sau đó, ông ta - một người có tư tuệ sắc sảo - lại cho rằng tin y nghĩ cho rằng nếu tất cả các nguyên tử chuyển động suôn sẻ xuống dưới, thì lại có cái đó, theo đường thẳng, thì không bao giờ có một nguyên tử nào lại tiếp xúc được với nguyên tử khác - vậy là ông ta đã đưa ra một sự bịa đặt như thế này: ông ta tuyên bố rằng nguyên tử, không có gì có thể nhỏ hơn thế, - bởi đã được một chất. Bởi mà này sinh những sự đau

xen, kết hợp và liên kết lại... nó được bắt đầu bằng một quá trình được tất cả các phần của thế giới và của cái chúng đang tương tác... hình thành dần vậy, bản thân cơ chế hướng động là sự hòa lẫn liên tiếp... và ông ta [P.-quay] nói rằng nguyên tắc là liên hướng tới, không có nguyên nhân vậy mà đối với nhà vật lý thì không có gì đáng kể theo học là không định rằng điều này hơn điều kia điều ta tin tưởng vào nguyên nhân...".

[20] "Xét về hình thức mà trên đây xem là sự đặt đề và De-mo-crit, một nhà khoa học nhận khổ đau như sinh đau, và ông ta [De-mo-crit]... Epigourai là quan niệm của triết học, có đặc tính *độc phát*, còn như là ông ta cho rằng *thiên nhiên sẽ kích thích của một trời dung như chúng ta cảm thấy như vậy, hoặc là lớn hơn một ít, hoặc nhỏ hơn một ít*".

[21] "Vậy là, tất cả những gì ông ta [Epigourai] thay đổi đối lại ông ta xuyên tạc, còn những luận điểm mà ông ta theo đuổi thì hoàn toàn vẫn là những luận điểm của De-mo-crit, về nguyên tắc, không trùng, *những hình ảnh được cho gọi là nhân* - do ảnh hưởng của những hình ảnh ấy (điểm vào các cơ quan) chúng ta không những nhìn thấy, mà thậm chí còn suy đoán được: *hơn nữa cơ hội tự nó lại biểu thị bằng một trạng thái rất ít nhưng thôi đó được xây dựng ở hình dáng kỳ lạ của De-mo-crit*, sau ông ta sẽ có các thể giới mà bằng ngày được tạo ra và tiêu vong" v.v.

CĐ VII. [22] "Còn trong phần thứ ba của triết học... nhà người là gọi là lý-thức học, thế nhà triết học ấy của ông vị [P.-quay] từ ra học toán... không vô khí và bất lực ông ta thể hiện các định nghĩa, loại triết học thuyết về sự phân chia và tích phân, ông ta không tuân theo xem sự suy lý hình thành như thế nào và được đặt ra như thế nào, không chỉ có một hình thức mà mà người ta theo dõi những điều người học... quan trọng những điều mới là, ông ta đặt hình thức của những sự vật sẽ có các vật trên cơ sở những cảm thụ cảm tính, ông ta cho rằng nếu như do ảnh hưởng của những cảm thụ cảm tính mà cái gì được thừa nhận là cái thật thì như vậy mọi khả năng suy xét về cái thật và cái giả bị loại bỏ"

[23] "Thật vậy ông ta đưa ra cái mà - theo ông ta - được phân chia đồng và bất đồng hoàn toàn và sự khổ đau ông ta quy mọi thứ vào đó, - điều mà chúng ta phải thành, cũng như được mà chúng ta phải không có"

CĐ [24] "... Epigourai thấy điều đó trong sự hoàn hảo, ông xem đau là hình thức của nhất, còn nỗi khổ đau thì bị ông xem là điều ác trung cực, và ông tuân theo hình thức luận điểm ấy như sau:

[30] Mọi sinh vật, ngay sau khi sinh ra, đều hướng tới lạc thú và cảm nhận sự lạc thú ấy như là phúc lợi tối cao... và nỗi đau khổ thì nó lo sợ hãi, như là điều ác trung cực, và tùy theo việc của mình, nó dẫn điều ác ra xa và khai minh; và nó thực hiện điều đó khi còn chưa bị hư hỏng, theo sự chỉ dẫn không thể mua chuộc và không thiên vị của chính thiên nhiên. Và ông ta [P.-quay] khẳng định rằng không cần có những sự tuân - hướng, rằng không cần có những suy xét xem tại sao cần phải điều đó có được khoa cảm và tránh miễn khổ đau... Bản thân thiên nhiên phải đưa ra những chỉ dẫn xem cái gì phù hợp với thiên nhiên và cái gì trái với thiên nhiên"

CĐ XII [47] "Vậy là trong một tương hợp việc loại bỏ niềm khổ đau đến kéo theo hiện tượng hoàn hảo"

[38] "Như thế... Epigourai đã không thừa nhận sự tồn tại của điều tương đương ở giữa đau khổ và hoàn hảo"

CĐ XII. [49] "Điều tất yếu là người nào rơi vào những trạng thái tình cảm như vậy thì phải có tình thần cũng rất, không cảm thấy sự bất toàn đối chết, cũng như trước nỗi khổ đau, bởi vì cái chết đi kèm với sự mất cảm giác, còn sự khổ đau thì thông thường - nếu nó kéo dài - tỏ ra nhẹ nhàng hơn nếu nó và mạnh mẽ thì thường là chóng qua đi, còn nỗi căng thẳng sự khổ đau được giảm như bất tỉnh chết chóng qua đi, còn sự kéo dài thì được giảm nhờ hai sự giảm bớt tương đối của sự đau khổ!"

[11] "Còn khi thêm vào đó một điều là ý chí của thượng đế không yêu cho người ấy nỗi sợ hãi, và những niềm đam mê đã qua không làm mất

[khẩu lý] và, còn người ấy lại cảm thấy muốn vào khi hít thở thường xuyên về những, thì liệu có cái gì đó tốt hơn để có thể hít vào vào đến chừng?'

[42] 'Nhưng chính vì điều đó hoặc là phải là tốt sao, hoặc là cũng có hoặc là phải là xấu cũng được vì nó phải là mà người hít lấy hơi như bằng từ bên ngoài' - bởi vì mọi cái đều quy từ bên ngoài, và bên trong nó thì không quy từ bên ngoài gì hết - thì phải nhận nhận rằng phải từ bên ngoài là sống một cách thoải mái'

Ch. XIII [15] 'Thật vậy, rõ thể có một sự phân chia nào [ở các cơ thể] từ ra bên ngoài hơn và bên trong hơn đối với cuộc sống tốt đẹp hơn là sự phân chia mà Ê-pi-cu-rơ đã sử dụng? Ông đã xác định một hình thức những ước muốn từ tự nhiên, yêu cầu thiết yếu; còn hình thức những ước muốn khác thì mang tính chất từ nhiên nhưng không phải là cần thiết, hình thức thứ ba những ước muốn là những ước muốn không mang tính chất từ nhiên, cũng không phải là cần thiết, quan hệ giữa những ước muốn ấy ở chỗ là [những ước muốn] cần thiết thì được thỏa mãn không khiếm tốn và không tốn kém [hơn], và [những ước muốn] từ nhiên thì đôi khi không nhiều, bởi vì bản thân thiên nhiên có những nguồn từ nguyên để dùng được và mang tính hạn chế mà thiên nhiên thỏa mãn với những tài nguyên ấy, còn đối với các ước muốn không cần thiết thì không thể tìm được thỏa mãn nào cả, giới hạn của nó'.

Ch. XVII [57] 'Ê-pi-cu-rơ, mà theo tôi không dịch của các và qua trung thành với những học giả đã học tiếng Hy Lạp rằng không thể sống dễ chịu được nếu không sống có lý trí, cao thượng và chính đáng, và rằng không thể sống có lý trí, cao thượng và chính đáng được nếu như không [sống] dễ chịu. [58] Từ việc đó ít hơn tinh thần - không thuận hòa với chính mình và bất hòa với chính mình - và thể hấp thụ phần nào đó của một sự hoàn lạc thuần khiết và tiềm tàng'

* - người ta vẫn nói rằng

Ch. XIX [62] 'Về một nhà thông thái luôn luôn hoàn bị thì Ê-pi-cu-rơ miêu tả như thế này: nhà thông thái ấy có những ước muốn hạn chế, thờ ơ với cái chết, có ý kiến đúng đắn về những vị thần bất tử, không mang nỗi sợ hãi nào, không giao động giữa ngại xa lẫn cuộc đời nếu điều đó là tốt hơn. Với tâm trạng như vậy nhà thông thái luôn luôn ở trong trạng thái hoàn lạc, - bởi vì không có một khó khăn khác nào mà nhà thông thái ấy lại không cảm thấy hoàn lạc nhiều hơn đau khổ thật thế, nhà thông thái với lòng biết ơn nhỏ đến đâu đã qua và có được cái hiện tại, ý thức rằng nó là quan trọng và dễ chịu, không phụ thuộc vào tương lai, nhưng [bình thần] chờ đợi nó và hưởng thụ cái hiện tại; ... khi nhà thông thái so sánh cuộc sống của những kẻ ngu dốt với [cuộc sống] của mình thì ông ta tràn đầy niềm hoan lạc vì đại; nếu xảy ra những đau khổ thì những nỗi đau khổ ấy không bao giờ có một sức mạnh đến mức khiến cho nhà thông thái không có nhiều dễ chịu niềm vui hơn là cho nỗi buồn khổ'.

[63] 'Thật thế, Ê-pi-cu-rơ nói một cách tuyệt vời rằng số phận có quyền lực không nhiều đối với nhà thông thái và rằng những việc vĩ đại nhất và quan trọng nhất đều được ông giải quyết theo ý muốn và sự suy xét của chính mình, rằng trong khoảng thời gian không hạn chế của cuộc đời không thể có niềm hoan lạc nào lớn hơn niềm hoan lạc có được trong khoảng thời gian mà chúng ta quan niệm là hạn chế'.

Và ông ta không coi phép hiện chứng của các vị có một ý nghĩa nào cho cuộc sống tốt đẹp hơn, cũng như cho sự miêu tả thuần lợi hơn.

Ông ta coi điều có ý nghĩa nhiều nhất là học thuyết về thiên nhiên..., một khi nhận thức được bản chất của mọi cái hiện hữu thì chúng ta sẽ thoát ra khỏi sự mê tín dị đoan, thoát khỏi nỗi sợ hãi về cái chết và khỏi sự hối hối bất nguồn từ sự không hiểu biết các hiện hữu, chính do đó mà thường xuất hiện những bóng ma không khiêu; sau chết, chúng ta sẽ trở nên có đạo đức hơn nếu chúng ta nghiên cứu các đời hồi của thiên nhiên'.

Khi chúng ta thừa nhận thiên nhiên là hợp lý thì sự lệ thuộc của chúng ta vào nó sẽ chấm dứt. Thiên nhiên sẽ thôi không còn là giới hạn đối với ý thức của chúng ta, và chính là

Ê-pi-quya làm cho hình thức của ý thức, trong tính trực tiếp của nó, tồn tại - cho nó, - trở thành hình thức của thiên nhiên. Chỉ khi nào thiên nhiên được công nhận là hoàn toàn thoát khỏi lý trí có ý thức, được xem xét trong chính bản thân mình với tư cách là lý trí, thì thiên nhiên mới trở thành tài sản hoàn toàn của lý trí. Mọi quan hệ đối với thiên nhiên với tính cách như vậy đồng thời cũng là sự tha hóa của nó.

[Ch. XIX, 66] "Nếu như không nhận thức được thực chất của các sự vật thì chúng ta tuyệt nhiên không thể bảo vệ được tính đúng đắn của các bằng chứng cảm giác. Tiếp nữa, tất cả những gì mà chúng ta nhận thức bằng trí tuệ thì đều bắt nguồn từ những cảm thụ cảm tính; chỉ trong trường hợp những cảm thụ cảm tính ấy - như học thuyết của Ê-pi-quya khẳng định - là chân lý, thì mới có thể nhận thức và đạt đến cái gì đó. Còn những người nào bác bỏ tính chân lý của các cảm thụ cảm tính và khẳng định rằng không thể đạt đến cái gì cả, - khi phủ định các cảm thụ cảm tính, thì những người ấy không thể trình bày rõ ràng ngay cả luận điểm này của mình... Như vậy, từ học thuyết về thiên nhiên người ta rút ra được sự dùng cảm chống lại nỗi sợ hãi về cái chết và lòng kiên cường chống lại những nỗi khủng khiếp do tôn giáo gây nên."

Ch. XX, [65] "Ê-pi-quya... nói thế này: trong số tất cả những gì mà sự thông thái đã chuẩn bị cho cuộc sống hạnh phúc thì không có gì quan trọng hơn, có hiệu quả hơn, dễ chịu hơn là tính hạn..."

[68] "Ê-pi-quya đã nói một cách tuyệt vời qua những câu đại thể như sau: chính sự nhận biết đã hiểu thấu rằng quãng thời gian sống dành cho chúng ta [chỗ dựa] đáng tin cậy nhất là chỗ dựa tính hạn; - chính sự nhận biết ấy đã củng cố tinh thần của chúng ta đối nó không sợ bất kỳ cơ điều ác nào - điều ác vĩnh cửu, cũng như điều ác [tạm dãi]".

Ch. XXI, [71] "Nếu tất cả những gì tôi nói đều được rút ra từ nguyên thiên nhiên, nếu sự chuyển xác của toàn bộ những lời phát biểu của tôi được khẳng định bởi những cảm thụ cảm tính, tức là bởi những nhận chứng không bị mua chuộc và trung thực, thì..."

[72] "Vây, không phải Ê-pi-quya là người thiếu học vấn, mà kẻ ngu dốt lại là những kẻ nghĩ rằng cần học tập cho đến già về các điều mà một cậu bé cảm thấy xấu hổ nếu không biết đến"

QUYỂN II

Ch. II, [4] "Vì ông phủ nhận sự cần thiết phải đưa ra những định nghĩa cho các vật..."

Ch. VII, [21] (Đoạn trích từ tác phẩm "Những luận điểm chủ yếu" của Ê-pi-quya) "Nếu cái đem lại những lạc thú cho những người cực cảm, làm cho họ thoát khỏi nỗi sợ hãi của họ đứng trước các va chạm, trước cái chết và trước nỗi đau và chỉ ra những giới hạn của những ước muốn thì chúng ta không hề giao động chút nào vì từ mọi phía họ có được những khoái cảm tràn trề và không xuất hiện từ phía nào điều gì gây ra nỗi đau hoặc nỗi khổ, tức là điều ác".

Ch. XXVI, [82] "Tôi cảm thấy rằng trong số những [luận điểm ấy] tôi nhận ra một điều do chính Ê-pi-quya phát biểu, [cụ thể] là: tình bạn không tách khỏi hoàn lạc, và cần quý trọng tình bạn chính bởi vì không có tình bạn thì không thể sống an toàn, không lo sợ, do đó, - không thể sống dễ chịu được".

Ch. XXXI, [100] "Thật vậy, ông ta" (tức là Ê-pi-quya) "đã viết: cái chết không hề liên quan gì đến chúng ta, bởi vì cái gì bị phá huỷ thì không có cảm giác, cảm cái gì không có cảm giác thì nói chung không hề mấy may liên quan gì đến chúng ta".

QUYỂN III

Ch. I, [3] "Chính Ê-pi-quya đã nói: về học thuật thì thậm chí chẳng phải dân văn bằng không..."

SƠ ĐỒ CỦA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN¹⁴

[PHƯƠNG ÁN THỨ NHẤT]

A. Sự phân chia chung. Với tính cách là bản chất, ý tưởng là:

I) Trong sự xác định tính ngoại quy định, tính tâm mạn trừu tượng mà ở bên ngoài nó tồn tại sự thống nhất hình thức; sự thống nhất này - với tính cách là cái ý tưởng chỉ tồn tại tự nó - là vật chất và hệ thống ý tưởng hóa của nó - cơ học. Bản chất phổ biến.

II) Trong sự xác định đặc tính, vì vậy tính hiện thực được giả định với tính chính xác nội tại của hình thức và sự khác biệt tồn tại trong nó; đó là quan hệ phản tư mà tồn tại - tự nó của quan hệ ấy là tính cá thể tự nhiên.

III) Bản chất đơn nhất. Sự xác định tính chủ thể mà trong nó, nhưng khác biệt thực tế của hình thức cũng lại được quy tụ đúng như thế vào sự thống nhất được ý tưởng hóa, sự thống nhất ấy tự tìm thấy mình và tồn tại cho mình, - cơ thể học.

I

CƠ HỌC

A). Cơ học phổ biến trừu tượng.

a) Không gian. Tính liên tục trực tiếp; mang tính bề ngoài gồm có:

a) Những sự đo lường: chiều cao, chiều dài và chiều rộng.

β) Diện, tuyến và bề mặt; (bề mặt), một mặt [là] tính xác định đối với tuyến và điểm, mặt khác, đó [là] sự khôi phục tính chính thể không gian; mặt phẳng khép kín, nó tách rời một không gian chính thể đơn nhất nào đó.

Thời gian. Tính đứt đoạn trực tiếp. Sự hình thành trực quan được: hiện tại, tương lai và quá khứ (hiện nay v.v.)

c) Sự thống nhất trực tiếp của không gian và thời gian, trong sự xác định không gian - vị trí, trong sự xác định thời gian - sự chuyển động, sự thống nhất của chúng - vật chất.

B) Cơ học đặc biệt. Vật chất và sự chuyển động.

Sự đẩy ra - sự hút vào - trọng lực.

1) - Vật chất mang quán tính, khối lượng... là nội dung không cảm biết đến hình thức của không gian và thời gian. Sự chuyển động bên ngoài - vật chất mang quán tính.

2) - Đà đẩy. Sự chuyển thông chuyển động - trọng lượng - tức đó - trọng tâm bên ngoài, sự đứng yên, sự hướng tới trọng tâm - lực ép.

3) - Sự rơi. Sự tách rời khỏi trọng tâm.

C). Cơ học tuyệt đối hay là cơ học đơn lẻ. Sự kéo căng, sự chuyển động với tư cách là hệ thống một số vật thể. Tổng trọng tâm - tính đơn lẻ không có trọng tâm. Các trọng tâm đặc biệt.

II

VẬT LÝ

a) Cái phổ biến trong vật lý

1) Các vật thể phổ biến. Sự đồng nhất.

a) Ánh sáng (mặt trời, các tinh tú). Bóng tối (cái phẳng nhẵn), (quan hệ không gian - mang tính trực tiếp).

β) Các vật thể đối cực. Bóng tối.

1) Như là sự khác biệt của vật thể, tính rắn cứng, tồn tại vật chất - cho nó.

2) Sự đối lập với tính cách là như thế, sự tan rã và trung tính của các vật thể thuộc mặt trăng và sao chổi.

γ) Các vật thể mang tính cá thể. Trái đất hay là hành tinh nói chung.

2) Những vật thể đặc biệt. Các nguyên tố.

1 Không khí - tính phổ biến phù định.

2 Các nguyên tố đối cực, lửa và nước.

3 Nguyên tố cá thể, tính chất đất, đất.

3) Tính đơn lẻ. Quá trình của các nguyên tố. Quá trình khí tương.

1) Sự phân rã của sự đồng nhất cá thể thành các yếu tố đối cực độc lập, thành tính rắn cứng và tính trung lập mất tính chất tự phân.

2) Sự bốc cháy hủy diệt của tính ổn định được thử nghiệm và tự phân biệt. Như vậy, đất trở thành tính cá thể hiện thực và có kết quả đối với bản thân nó.

b) *Vật lý của cá tính đặc biệt.*

a) *Trọng lực tỷ trọng. Tính dày đặc của vật chất, quan hệ của trọng lượng khối đối với thể tích.*

β) *Sự liên kết, nó biểu hiện ra như là phương pháp đối chọi đặc thù về phương diện cơ học đối với những khối lượng khác.*

Sự kết dính - sự liên kết v.v..

Tính đàn hồi.

γ) *Âm thanh.*

δ) *Nhiệt (đúng tích nhiệt tỷ trọng).*

c) *Vật lý của tính cá thể đơn lẻ.*

a) *Hình ảnh.*

α) *Hình ảnh trực tiếp - trường hợp cực đoan của điểm, của tính dễ gãy, trường hợp cực đoan của vật lỏng hội tụ thành quả cầu.*

β) *Cái dễ gãy được hiện rõ trong quá trình phân biệt của khái niệm. Từ trường.*

γ) *Hoạt động chuyển thành sản phẩm của mình, tính thể.*

b) *Hình ảnh đặc biệt.*

α) *Quan hệ đối với ánh sáng.*

1) *Tính trong suốt.*

2) *Sự khúc xạ (so sánh bên trong tính thể).*

3) *Tính dễ gãy như là sự tối đi, tính kim loại (màu sắc).*

β) *Quan hệ đối với lửa và nước, mùi và vị.*

γ) *Tính chính thể trong tính cá thể đặc biệt. Điện.*

c) *Quá trình hóa học:*

1) *Hợp chất.*

α) *Tính điện. Các kim loại, ô-xi hóa, ăn mòn.*

β) *Quá trình lửa.*

γ) *Trung tính hóa, quá trình của nước.*

δ) *Quá trình trong chính thể. Sự giống nhau có lựa chọn.*

2) *Sự phân chia.*

[PHƯƠNG ÁN THỨ HAI]

I

CƠ HỌC

a) *Cơ học trừu tượng.*

1) *Không gian, chiều cao, chiều rộng, chiều sâu. Điểm tuyến, bề mặt.*

2) *Thời gian. Quả khu, hiện tại, tương lai.*

3) *Vị trí. Sự chuyển động và vật chất (sự đẩy, sự hút, trọng lực).*

b) *Cơ học tận cùng.*

1) *Vật chất có quán tính. Khối lượng với tư cách là nội dung. Không gian và thời gian như là hình thức, sự chuyển động bề ngoài.*

2) *Đà thác đầy*. Sự chuyển (bồng chuyển động, trọng lượng, tốc độ, trọng tâm bên ngoài, đứng yên, sự hướng tới trọng tâm. Áp lực.

3) Sự rơi.

c) *Cơ học tuyệt đối, sức hút*. Các trọng tâm khác nhau.

II

VẬT LÝ

a) *Vật lý tính có thể phổ biến*.

α) *Các vật thể tự do*.

1) *Ánh sáng* (các vật thể phát sáng).

2) *Tính rắn cứng* (mặt trắng). *Sự tan rã* (sao chổi).

3) *Đất*.

β) *Các thành tố*.

1) *Không khí*.

2) *Lửa. Nước*.

3) *Đất*.

γ) *Vật lý khí tượng*.

b) *Vật lý tính có thể đặc biệt*.

1) *Trọng lượng riêng*.

2) *Sự liên kết* (sự kết dính, sự liên kết v.v.. Tính đàn hồi).

3) *Ấm thành và nhiệt*.

c) *Vật lý tính có thể chính thể*.

d) *Hình ảnh*.

1) *Tính chất điểm dễ gãy, chất lỏng hơi tự thành quả cầu*.

2) *Từ trường*.

3) *Tính thể*.

β) *Hình ảnh đặc biệt*.

1) *Quan hệ đối với ánh sáng*. Tính trong suốt, sự khúc xạ, tính kim loại, màu sắc.

2) *Quan hệ đối với nước và lửa, mùi, vị*.

3) *Điện*.

[PHƯƠNG ÁN THỨ BAI]

I

a)

1) *Không gian*, 2) *thời gian*, 3) *vị trí*, 4) *sự chuyển động*, 5) *vật chất, sự đẩy đi, sự hút vào, trọng lực*.

b)

1) *Vật chất có quán tính*, 2) *đà thác đầy*, 3) *sự rơi*.

c)

Lực hút, sự đẩy đi thực tế và sự hút vào.

II

a)

α) 1) *Các vật thể phát sáng*, 2) *Vật thể mặt trắng và vật thể sao chổi*.

3) Tính đất

β) Không khí, lửa và nước. Đất.

γ) Quá trình khí tượng.

b)

1) Trọng lực có tính tỷ trọng 2) Sự liên kết. 3) Âm thanh và nhiệt.

c)

1) Từ trường. 2) Điện và hỗn tính

III

a)

a) Thiên nhiên địa chất.

b) Thiên nhiên thực vật.

Do C.Mác viết năm 1839
 Chưa bố lần đầu trong Marx - Engels
 Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd.
 1, Hftd. 2, 1929

In theo bản viết tay
 Nguyên văn in tiếng Đức

SỰ KHÁC NHAU GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUYRA

KÈM PHẦN PHỤ LỤC

Do C.Mác viết vào nửa cuối năm 1840-
 tháng Ba 1841
 Chưa bố lần đầu có tập bên trong cuốn
 sách: K.Marx, F.Engels und F.Lassalle.
 "Aus dem literarischen Nachlaß". Erster
 Band. Stuttgart, 1902; cũng bố toàn văn
 trong Marx-Engels Gesamtausgabe.
 Erste Abteilung, Bd. 1, Hftd. 1, 1929
 Ký tên: Các Hen-ri-ét Mác,
 tiến sĩ triết học

In theo bản soạn bản viết tay đã
 được C.Mác sửa lại
 Nguyên văn in tiếng Đức, tiếng
 Hy Lạp cổ và tiếng La-tinh

KÍNH TẶNG NGƯỜI CHA VÀ NGƯỜI BẠN THÂN YÊU

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG CƠ MẬT

NGÀI

LÚT-VÍCH PHƠN VE -XTO-PHA-LEN

Ở TƠ-RIA

NHỮNG DÒNG NÀY ĐỂ BÀY TỎ TÂM LÒNG YÊU MẾN CỦA CON

TÁC GIẢ

Thưa Cha và người bạn thân yêu của con, xin Cha hãy tha thứ cho con về việc con ghi tên của Cha, cái tên hết sức thân thương đối với con, ở phía trước tập sách mỏng bé nhỏ này. Con hoàn toàn không có sự kiên nhẫn chờ đợi một dịp khác để trình lên Cha một bằng chứng nhỏ về tấm lòng của con đối với Cha.

Con mong muốn rằng tất cả những ai còn hoài nghi về ý tưởng thì, giống như con hãy có được niềm hạnh phúc được chiêm ngưỡng một người cha già tràn đầy sức trẻ, người cha già vui mừng hoan nghênh mọi tiến bộ của thời đại với tấm lòng nồng nhiệt và với một sự nghiêm túc vốn có của chân lý ... song người Cha già ấy không bao giờ chịu lùi bước khiếp sợ trước những cái bóng đen xám xịt của những bóng ma thoái bộ, trước những đám mây đen thường che lấp chân trời của thời đại chúng ta, mà lại luôn luôn tràn đầy nghị lực thánh thần và có cái nhìn vững tin và dũng cảm nhìn xuyên suốt mọi lấm mẩn che

để nhìn vào cõi cao siêu đang rục rịch trong trái tim thơ gian. Thưa Cha và người hậu của con, đối với con Cha luôn luôn là argumentum ad oculos^{1} chứng tỏ rằng chủ nghĩa duy tâm không phải là ảo tưởng, mà là chân lý.*

Con không thấy có lý do nào để cầu xin sự ơn khương về thể chất cho Cha. Tinh thần là người thầy thuộc mẫu nhiệm vụ đại mà Cha đã gửi gắm vào đó niềm tin².

¹ - bằng chứng hiển nhiên

² Bao lâu trong đoàn cuối nói như sau: "Con hy vọng sẽ bước theo thông điệp do của tâm lòng con gửi Cha, và sẽ lại cùng Cha đi dạo trong những cánh rừng và đồi núi hùng vĩ kỳ diệu rồi quê ta. Con không có lý do nào để cầu xin sự ơn khương về thể chất cho Cha. Tinh thần và thiên nhiên là những thầy thuộc mẫu nhiệm vụ đại mà Cha đã gửi gắm vào đó niềm tin".

LỜI TỰA

Hình thức của tác phẩm này có lẽ một mặt sẽ mang tính chất khoa học chặt chẽ hơn mặt khác, ở một số phần, nó sẽ ít mang tính chất cầu kỳ thông thái hơn, nếu như bản đầu nó không được dành cho bản luận văn tiến sĩ. Song những nguyên nhân bên ngoài buộc tôi phải cho in hình tác phẩm này ở dạng đó. Ngoài ra, tôi nghĩ rằng trong tác phẩm này tôi đã giải quyết được một vấn đề cho đến nay chưa giải quyết được thuộc lịch sử triết học Hy Lạp.

Những người am hiểu vấn đề biết rằng xét về chủ đề của tác phẩm này thì chưa có bất kỳ tác phẩm nào trước đó tỏ ra phần nào hữu dụng. Cho đến nay người ta vẫn tiếp tục nhai lại lời lẽ ba hoa của Xi-xê-rông và Plu-tác-xơ. Gát-xăng-đi người đã giải thoát Ê-ni-quya khỏi sự cấm đoán áp đặt lên ông này bởi các cha cố giáo hội và tất cả chế độ thời trung cổ, cái thời đại

kết tinh sự diễn rõ ấy, ông đã đưa ra trong những bài bình luận của mình, có chỉ một điểm đáng chú ý. Ông ta cố gắng bằng cách nào đó giải hòa lương tri công giáo của mình với tri thức đa thần giáo của mình, giải hòa giữa Ê-pi-quy-a với giáo hội, dĩ nhiên đó là một thủ công sức uổng phí. Điều đó chẳng khác nào muốn choàng bộ y phục của nhà tu Thiên chúa giáo lên thân thể đầy nhựa sống và nở rộ của La-i-xa Hy Lạp. Nói đúng hơn bản thân Gát-xăng-di đã học triết học ở Ê-pi-quy-a chứ không thủ dạy chúng ta về triết học Ê-pi-quy-a được.

Chỉ nên xem tác phẩm này như là một sự báo trước về một tác phẩm quy mô hơn, trong đó tôi dự định phân tích cặn kẽ một chùm các học thuyết triết học của Ê-pi-quy-a, của phái khắc kỷ và của phái hoài nghi trong mối quan hệ của những học thuyết ấy với toàn bộ hệ tư duy tư biện Hy Lạp¹⁷. Trong đó sẽ khắc phục những thiếu sót của tác phẩm này cả về mặt hình thức, cũng như về những phương diện khác.

Tuy rằng *Hê-ghe-n*, xét về toàn cục, đã xác định những nét chung của các hệ thống triết học đã nêu, nhưng với đề cương rộng lớn đến kinh ngạc và táo bạo của ông về lịch sử triết học - mà nói chung chỉ sự do mõi mở đầu lịch sử triết học - ông đã không thể đi vào các chi tiết. Một khúc, quan điểm của Hê-ghe-n về điều mà ông gọi là tư biện *par excellence*¹⁸, đã cản trở nhà tư tưởng vĩ đại ấy thừa nhận các hệ thống triết học kể trên có một ý nghĩa cao đối với lịch sử triết học Hy Lạp và đối với tinh thần Hy Lạp nói chung. Những hệ thống triết học ấy là chiếc chìa khóa cho lịch sử đích thực về triết học Hy Lạp. Có thể tìm thấy sự chỉ dẫn sâu sắc hơn về mối liên hệ của các hệ thống này với đời sống Hy Lạp, ở trong tác phẩm của người bạn tôi là *Khuếch-pen* "*Phê-trích Đại đế và những người chống đối ông*"¹⁹.

¹⁷ - chú gấu

Nếu như có bổ sung phần phụ lục phê phán cuộc luận chiến của *Plu-tác-xơ* chống lại thần học của Ê-pi-quy-a, thì sẽ đi có việc bổ sung ấy là vì cuộc luận chiến ấy không phải là cái gì có tính chất đơn lẻ, mà nó có tính chất tiêu biểu đối với mọi xu hướng nhất định, thể hiện rất rõ mối quan hệ của tư duy thần học đối với triết học.

Ngoài những điều khác ra, phần phê phán này cũng không dụng chạm đến việc xét xem nói chung quan điểm của *Plu-tác-xơ* không đúng đến mức nào, khi *Plu-tác-xơ* đưa triết học ra trước sự phản xử của tôn giáo. Về điểm này chỉ cần đưa ra - thay cho mọi sự suy xét - một đoạn trong tác phẩm của Đa-vít Hê-um:

"Đối với một hệ thống triết học mà quyền uy tối cao của nó phải được thừa nhận ở khắp mọi nơi, thì dĩ nhiên điều vô ích cho nó và hệ thống đó chính là tình trạng há có bất cứ dịp nào là người ta cứ buộc nó phải xin lỗi về những lý tưởng của nó, và hoặc nó phải tự biện minh trước mọi thủ nghệ thuật và mọi môn khoa học mà nó không làm vừa lòng. Việc đó làm người ta nhớ lại một ông vua đã quy tất phần quốc chống lại các thần dân của mình"²⁰.

Chừng nào trong trái tim hoàn toàn tự do và chế ngự cả thế giới của triết học còn một giọt máu đào, thì nó sẽ luôn luôn tuyên bố - cũng với Ê-pi-quy-a - với các địch thủ của mình như sau:

"Kẻ vô thần không phải là kẻ bác bỏ các vị thần của dân đồng, mà chính là kẻ hòa theo ý kiến của dân đồng về các vị thần"²¹.

Triết học không giấu giếm điều đó. Sự thừa nhận của *Prô-mê-tê*:

Thần ra, tôi đem ghét đối cả các vị thần".

²¹ *Ê-nê-ít* "*Prô-mê-tê bị xiềng*"

chính là sự thừa nhận của chính triết học là chấm ngọn của chính nó chống lại tất cả các vị thần nào ở trên trời và ở dưới đất lại không thừa nhận sự tự ý thức của con người là vị thần tối cao. Bên cạnh vị thần ấy không thể có một vị thần nào cả.

Đáp lại những kẻ hèn nhát tỏ ra dặc ý trước vị thế của triết học hình như đã kếm đi trong xã hội, triết học nhắc lại điều mà Pro-mô-tê đã nói với Héc-mét, đây là của các vị thần:

Người hãy nhớ rõ là

Ta sẽ không đem những nỗi đau của mình để đổi lấy

Sự hầu hạ như kẻ nô lệ

Ta thà bị xích vào nơi đá,

Còn hơn là trở thành tên đầy tớ trung thành của thần Đất".

Pro-mô-tê là vị thánh cao thượng nhất và là kẻ tuần tiễu trong lịch triết học.

Béc-lin, tháng Ba 1841

MỤC LỤC

Lời tựa

VỀ SỰ KHÁC NHAU GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA
ĐÊ-MÔ-CRÍT VÀ TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUYA

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ KHÁC NHAU GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐÊ-MÔ-CRÍT VÀ
TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUYA NÓI CHUNG

I. Đối tượng nghiên cứu.

II. Những suy xét về quan hệ giữa vật lý học của Đê-mô-crít với vật lý học của Ê-pi-quya.

III. Những khó khăn nảy sinh khi quy đồng triết học tự nhiên của Đê-mô-crít với triết học tự nhiên của Ê-pi-quya.

IV. Sự khác nhau chung có tính nguyên tắc giữa triết học tự nhiên của Đê-mô-crít và triết học tự nhiên của Ê-pi-quya.

V. Kết quả.

PHẦN THỨ HAI

SỰ KHÁC NHAU GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ
TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUYA TRONG NHỮNG CHỈ TIẾT

Chương thứ nhất. Sự di chuyển của nguyên tử khỏi đường thẳng.

Chương thứ hai. Chất lượng của nguyên tử

Chương thứ ba. Những yếu tố không thể phân chia và những thành
tử không thể phân chia.

Chương thứ tư. Thời gian.

Chương thứ năm. Các hiện tượng và tri

PHỤ LỤC

PHÊ PHÁN CUỘC LUẬN CHIẾN CỦA PLU-TÁC-XÔ
CHỐNG LẠI THẦN HỌC CỦA Ê-PI-QUYA

Nhận xét bước đầu

I. QUAN HỆ CỦA CON NGƯỜI VỚI THƯỢNG ĐẾ

1. Sự sợ hãi và sinh vật thuộc thế giới bên kia.

2. Sự vùng vẫy và cá nhân.

3. Thiên hạ và thượng đế bị hạ nhục.

II. SỰ BẤT TỬ CÁ NHÂN

1. Vấn đề nghĩa phong kiến tôn giáo. Địa ngục dành cho dân đen.

2. Lòng thêm muốn của đám đông.

3. Sự kiêu hãnh của những giới thượng đẳng.

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ KHÁC NHAU GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA
ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA
Ê-PI-QUYA NÓI CHUNG

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Thoạt nhìn, triết học Hy Lạp đã kết thúc theo cách mà một tấm bị kích hay không được kết thúc như vậy, tức là : bằng một kết cục vô vị. Hình như, với A-ri-xtôt- một nhân vật A-lếch-xan-đơ Mạ-xê-đoan của triết học Hy Lạp - đã kết thúc lịch sử khách quan của triết học ở Hy Lạp, và ngay cả những người theo chủ nghĩa khác kỷ mạnh mẽ và đông cảm cũng không lần được điều mà người Xpác-tơ đã làm được trong các đốn thờ của họ: cột chặt A-tê-nê vào Héc-quyn để A-tên không thể bỏ chạy được.

Người ta xem các trường phái Ê-pi-quya, khác kỷ, hoài nghi hầu như là một vật phụ không dùng chỗ, tuyệt nhiên không phù hợp chút nào với những tiền đề vĩ đại của mình. Triết học Ê-pi-quya tưởng như thế là một tổ hợp gồm vật lý học Đề-mô-crít và đạo đức học của trường phái Xi-rô-naichú

nghĩa khác kỷ tựa hồ như là sự kết hợp triết học tự nhiên của Hê-ra-clít, thế giới quan đạo đức của trường phái Xi-nêch và cả lẽ cả lô-gíc học của A-ri-xtôt; sau chót chủ nghĩa hoài nghi tựa hồ như là tai ương tất yếu chứng lại tất cả những hệ thống giáo điều ấy. Như vậy, qua việc biến những học thuyết triết học ấy thành chủ nghĩa chiết trung phiến diện và vô thiên hướng, người ta đã liên kết một cách vô ý thức chúng với triết học thuộc trường phái A-lếch-xan-đrô. Sau cùng, triết học thuộc trường phái A-lếch-xan-đrô được xem là sự viên vông hoàn toàn và sự hỗn loạn, như là một mô-bông, bong mà trong đó người ta bảo là nhiều lắm cũng chỉ có thể thừa nhận có tính vạn năng của chủ định.

Tuy nhiên, tồn tại một chân lý rất cũ xưa nói rằng sự xuất hiện, sự hưng thịnh và sự diệt vong tạo thành vòng tròn rất thấp trong đó chưa đựng mọi cái mang nhân tính và cái nhân tính ấy phải đi qua vòng tròn đó đến cùng. Trong trường hợp này không có gì đáng ngạc nhiên nếu triết học Hy Lạp sau khi đạt đến điểm cực thịnh, mà đại diện là A-ri-xtôt, sau đó nó lại tàn lụi. Nhưng cái chết của những anh hùng lại giống mặt trời lặn, chứ không giống cái chết của con ốc bị vỡ bụng vì căng phồng.

Ngoài ra, sự nảy sinh, sự hưng thịnh và sự diệt vong - đó là những quan niệm hoàn toàn chung chung, hoàn toàn mù mờ, tuy nhiên, người ta có thể nhồi nhét vào những quan niệm ấy mọi cái, nhưng qua những quan niệm ấy lại không thể hiểu gì được. Bản thân sự diệt vong đã chứa đựng trong sinh vật, nên vì vậy cần xem hình thức đặc trưng của nó - cũng y như hình thái nhất định của sự sống - trong tính chất đặc biệt đặc thù của nó.

Sau cùng, nếu nhìn vào lịch sử thì liệu triết học Ê-pi-quy-ơ,

chủ nghĩa khác kỷ và chủ nghĩa hoài nghi có phải là những hiện tượng có tính chất bộ phận không? Liệu những học thuyết ấy có đại diện cho những loại hình cơ bản của tinh thần La Mã hay không, có đại diện cho cái hình thức trong đó lý Lạp đã đi sang La Mã không? Về thực chất, liệu những học thuyết ấy có mang tính chất điển hình, mạnh mẽ, vĩnh cửu đến mức là ngay cả thế giới hiện tại cũng phải công nhận các học thuyết ấy hoàn toàn có quyền công dân xét về phương diện tinh thần?

Tôi nêu điều này ra chỉ cốt để lưu ý tính chất quan trọng về mặt lịch sử của những hệ thống này. Nhưng ở đây vấn đề không phải là ý nghĩa chung của chúng đối với học văn nói chung; vấn đề là mối liên hệ của chúng với triết học Hy Lạp cổ xưa hơn.

Phải chăng cần phải thức tỉnh thái độ ấy, ít ra là đối với việc nghiên cứu xem bằng cách nào mà triết học Hy Lạp lại kết thúc bằng hai nhóm khác nhau của những hệ thống chiết trung mà một hệ thống trong đó gồm một chuỗi các triết học: Ê-pi-quy-ơ, khác kỷ và hoài nghi, mà hệ thống triết học khác kỷ thì được biết đến dưới tên gọi chung của triết học tư biện của trường phái A-lếch-xan-đrô? Tiếp nữa, phải chăng không tuyệt vời hay sao khi có sự thật là sau các hệ thống triết học của Pla-tông và A-ri-xtôt, gần đạt đến sự hoàn thiện xét về bề rộng của tầm bao trùm của chúng, thì lại xuất hiện những hệ thống mới không dựa vào những hình thức tinh thần phong phú ấy, mà lại quay lui hết sức ra về phía sau, trở về với những trường phái giản đơn nhất: trong lĩnh vực vật lý thì quay về với các nhà triết học tự nhiên, còn trong lĩnh vực đạo đức học thì quay về với trường phái Xô-crát? Tiếp nữa, lấy gì

giải thích sự thật là những hệ thống xuất hiện sau A-ri-xtôt lại tựa hồ như tìm thấy trong quá khứ cái nền tảng của mình như là cái gì có sẵn, còn Đề-mô-crit thì được kết hợp với trường phái Xi-rô-nai, Hê-ra-clít thì được kết hợp với trường phái Xi-ních? Phải chăng là hiện tượng ngẫu nhiên khi mà ở trường phái Ê-pi-quy-a, khắc kỷ và hoài nghi đã hoàn toàn thể hiện tất cả mọi yếu tố tư giác, nhưng mỗi yếu tố đều được thể hiện ở đây như là cái gì đó tồn tại riêng biệt? Phải chăng là hiện tượng ngẫu nhiên khi mà những hệ thống ấy gộp cả lại, tạo thành một cấu trúc hoàn chỉnh của tư giác? Sau hết, phải chăng là sự ngẫu nhiên, khi mà những hệ thống nêu trên đã thừa nhận là hiện thực của khoa học đích thực cái hình tượng - mà đại diện cho nó là biểu nhũ thông thái - đánh dấu nguồn gốc thần thoại của triết học Hy Lạp, và hình tượng ấy, tựa như tiêu điểm, kết tinh trong Xô-crát, thần tượng của triết học, tôi muốn nói đến hình tượng nhà thông thái - Sôpôc.

Tôi cảm thấy rằng nếu như những hệ thống triết học trước kia đáng chú ý nhiều hơn và có ý nghĩa lớn hơn, xét về nội dung của triết học Hy Lạp, thì những hệ thống hậu A-ri-xtôt, chủ yếu là chuỗi các trường phái Ê-pi-quy-a, khắc kỷ và hoài nghi, lại có ý nghĩa lớn hơn và đáng chú ý xét về hình thức chủ quan của nó. Song, chính cái hình thức chủ quan ấy - hiện thân tinh thần của các hệ thống triết học - cho đến nay gần như hoàn toàn bị lãng quên vì những định nghĩa siêu hình của chúng.

Tôi dự định trong một công trình khảo cứu chi tiết hơn sẽ trình bày các triết học Ê-pi-quy-a, khắc kỷ và hoài nghi, trong tổng hoà của chúng và với sự thể hiện đầy đủ thái độ của chúng đối với tư duy triết học sớm hơn về trước và muộn hơn sau này của Hy Lạp.

Ở đây chỉ cần phát triển quan hệ này, có thể qua một ví dụ và chỉ ở một khía cạnh - cụ thể ở khía cạnh mối liên hệ của những triết học ấy với tư duy triết học thời kỳ sớm hơn về trước.

Tôi dẫn ra đây một ví dụ, đó là thái độ của triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-a đối với triết học tự nhiên của Đề-mô-crit. Tôi không nghĩ rằng thái độ ấy là điểm xuất phát thích hợp nhất. Bởi vì, một mặt, đây là một định kiến cũ, đã ăn sâu - quy đồng vật lý học của Đề-mô-crit với vật lý học của Ê-pi-quy-a và chỉ nhìn thấy, những điều mà tưởng tùy tiện qua những sửa đổi mà Ê-pi-quy-a đã đưa vào, mặt khác, về những chi tiết thì tôi buộc phải đi vào những điều có thể tưởng như là vụn vặt. Song, chính vì định kiến này cũng cũ xưa như lịch sử của triết học, và những sự khác biệt bí ẩn giấu sâu đến nỗi tưởng như thể chỉ có dùng kính hiển vi mới phát hiện thấy những cái khác biệt ấy. - Chính vì thế mà đặc biệt cần phải chỉ rõ sự khác biệt căn bản, đến tận những chi tiết nhỏ nhất, giữa vật lý học của Đề-mô-crit và vật lý học của Ê-pi-quy-a, mặc dù giữa hai vật lý học ấy có mối liên hệ. Những gì có thể phát hiện thấy qua những chi tiết thì lại dễ dàng phát hiện ra hơn ở nơi mà những quan hệ ấy được thể hiện trên một quy mô lớn hơn, - trong khi đó thì, ngược lại, những lý do hoàn toàn chung chung khiến người ta nghi ngờ liệu trong mỗi trường hợp riêng về kết luận chung có được chứng thực không.

II. NHỮNG SỰ XÉT VỀ QUAN HỆ GIỮA VẬT LÝ HỌC CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VỚI VẬT LÝ HỌC CỦA Ê-PI-QUY-A

Nói chung, ý kiến của tôi có quan hệ như thế nào đối với những ý kiến trước kia, - điều đó sẽ rõ khi chúng ta xem xét

lướt qua những suy xét của người xưa về quan hệ giữa vật lý học của Đê-mô-crít và vật lý học của Ê-pi-quyra.

Pô-xi-dô-ni Xê-nô-ch, Ni-cô-lai và Xô-ti-ông quy lỗi cho Ê-pi-quyra rằng ông này đã nhận học thuyết của Đê-mô-crít về nguyên tử và học thuyết của A-ri-xtô về lực thú là học thuyết của chính mình⁴¹. Viện sĩ hàn lâm Côt-ta đặt câu hỏi với Xi-xê-rông: "Vây, ở đây trong vật lý học của Ê-pi-quyra có thể có gì không thuộc về Đê-mô-crít?" Đúng là Ê-pi-quyra đã sửa đổi vài điều, nhưng phần nhiều ông ta lặp lại lời của Đê-mô-crít⁴². Bản thân Xi-xê-rông thì nói: "Trong vật lý học - khoa học mà Ê-pi-quyra đặc biệt khoe khoang - ông ta hoàn toàn không am hiểu. Phần lớn thuộc về Đê-mô-crít; còn ở chỗ nào mà Ê-pi-quyra tách khỏi Đê-mô-crít, ở chỗ nào mà ông ta muốn sửa đổi ở những chỗ ấy ông ta chỉ làm hỏng và làm xấu đi⁴³". Nhưng trong khi nhiều người, quá trách Ê-pi-quyra rằng ông ta đã bôi nhọ tên tuổi của Đê-mô-crít, thì ngược lại Lê-ông-tây lại khẳng định (như Plu-tác-xô đã nói như thế) rằng Ê-pi-quyra đã quý trọng Đê-mô-crít vì trước Ê-pi-quyra ông ấy đã đưa ra một học thuyết chân chính, rằng ông ấy đã phát hiện ra từ sớm hơn những nguyên tắc của giới tự nhiên⁴⁴. Trong tác phẩm "Về những ý kiến của các nhà triết học"⁴⁵ Ê-pi-quyra tự đặt tên cho mình là nhà triết học theo tinh thần Đê-mô-crít⁴⁶. Trong tác phẩm "Cô-lốt" của mình Plu-tác-xô đã đi xa hơn. So sánh theo trình tự Ê-pi-quyra với Đê-mô-crít, Rô-mô-đéc-clô, Pác-mê-nít, Pla-tôn, Xô-erát, Xti-n-pông, trường phái Xi-rô-nai và các viện sĩ hàn lâm, ông ta đã cố gắng đưa ra kết luận cho rằng "Trong toàn bộ triết học Hy Lạp Ê-pi-quyra đã quán triệt cái sai lầm, nhưng đã không hiểu được cái chân lý"⁴⁷. Cả tác phẩm có nhan đề là "Đi theo Ê-pi-quyra không

thể sống hạnh phúc" cũng tràn đầy những sự hạ thấp thù địch loại đó.

Cũng thấy như vậy cái ý kiến ghét bỏ ấy của các tác giả thời kỳ xa xưa hơn ở các cha cổ giáo hội. Trong phần chú thích tôi chỉ dẫn ra một đoạn từ tác phẩm của Clê-măng A-lêch-xan-đrô⁴⁸, một cha cổ giáo hội, mà thái độ của ông ta đối với Ê-pi-quyra đặc biệt đáng được nêu lên, vì lời cảnh báo của tông đồ Pôn chống lại triết học đã được ông ta biến thành lời cảnh báo chống lại triết học Ê-pi-quyra là triết học thậm chí đã không nói hao huyền ảo thiên mệnh và những điều tương tự⁴⁹. Nhưng người ta nói chung đã có xu hướng quy tội Ê-pi-quyra đánh cắp vấn đề này đã được Xê-ch-xtô Ê-m-pi-ri-êch chỉ ra một cách rõ ràng nhất, ông này loan đưa ra một số đoạn hoàn toàn không thích hợp trong tác phẩm của Ilô-mô và Ê-pi-hác-mô⁵⁰ để coi đó như là những nguồn chủ yếu của triết học Ê-pi-quyra.

Như đã biết, các tác giả hiện đại nói chung tất cả cùng đều chỉ xem Ê-pi-quyra - trong chừng mực Ê-pi-quyra là nhà triết học tự nhiên - là kẻ đánh cắp vấn đề của Đê-mô-crít. Ở đây ý kiến của họ nói chung có thể được thể hiện qua một ý kiến nhận xét của La-bô-ni-xô:

"Chúng ta biết về con người vì đại ý" (Đê-mô-crít) "gần như chỉ những gì mà Ê-pi-quyra đã vay mượn của ông. Ê-pi-quyra thì luôn luôn không đủ năng lực lấy ở ông chỉ sự thật"⁵¹.

Như vậy, theo lời Xi-xê-rông, nếu Ê-pi-quyra làm cho học thuyết của Đê-mô-crít kém đi, Xi-xê-rông lại thừa nhận rằng Ê-pi-quyra ít ra cũng có ý định sửa đổi học thuyết của Đê-mô-crít và có năng lực nhìn thấy những khiếm khuyết của học thuyết ấy; nếu như Plu-tác-xô quy cho ông là không nhất quán⁵² và vốn từ trước đã có xu hướng làm cho dữ di, qua đó mà càng nghi ngờ cả những ý

định của ông, thì Lai-bơ-nít-xơ thậm chí còn cho rằng ông không có năng lực biết cách rút ra những đoạn trích dẫn của Đê-mô-crít.

Song mọi người đều đồng ý là Ê-pi-quy-a đã vay mượn vật lý học của Đê-mô-crít.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN NẢY SINH KHI QUY ĐỒNG TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐÊ-MÔ-CRÍT VỚI TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUY-A

Ngoài những bằng chứng lịch sử thì còn nhiều cái nói lên sự đồng nhất giữa vật lý học của Đê-mô-crít và vật lý học của Ê-pi-quy-a. Không nghi ngờ gì nữa những nguyên lý - các nguyên tử và khoảng trống - đều như nhau. Chỉ có trong những định nghĩa riêng lẻ hình như thấy nổi trội sự khác biệt tuy tiện, do đó là sự khác biệt không quan trọng.

Nhưng nếu vậy thì có một điều bí ẩn kỳ lạ không thể giải quyết được. Hai nhà triết học đều đưa ra cùng một môn khoa học, phát triển môn khoa học ấy bằng cùng một phương pháp, song - đây là điều không nhất quán! - họ lại đối lập hoàn toàn với nhau về mọi khía cạnh liên quan đến vấn đề chân lý, tính xác thực, cách ứng dụng môn khoa học ấy, những gì nói chung liên quan đến quan hệ giữa các nhà tư tưởng và hiện thực. Tôi nói rằng họ đối lập hoàn toàn với nhau, bây giờ tôi sẽ cố gắng chứng minh điều này.

A) Hình như khó mà xác định được suy xét của Đê-mô-crít về tính chân lý và tính xác thực của tri thức con người. Ông có những đoạn mâu thuẫn với nhau, hay là nói đúng hơn, không phải những đoạn ấy mâu thuẫn với nhau, mà chính là các quan điểm của Đê-mô-crít mâu thuẫn với nhau. Trong bài bình luận về tâm lý học của A-ri-xtôt To-ren-đô-len-buốc

đưa ra lời khẳng định rằng chỉ có các tác giả thời kỳ sau này, chứ không phải A-ri-xtôt, mới biết về sự mâu thuẫn này: trên thực tế thì lời khẳng định ấy không đúng. Trong tác phẩm "tâm lý học" của A-ri-xtôt, có nói: "Đê-mô-crít coi linh hồn và lý trí chỉ là một, bởi vì, theo ý kiến ông, hiện tượng là chân lý"¹, nhưng ngược lại, trong tác phẩm "siêu hình học" lại nói: "Đê-mô-crít khẳng định rằng hoặc chẳng có gì là chân lý hoặc chân lý bị che khuất khỏi chúng ta"². Phải chăng những câu ấy trong tác phẩm của A-ri-xtôt không mâu thuẫn với nhau? Nếu hiện tượng là chân lý thì làm sao chân lý có thể bị che khuất được? Cái bị che giấu chỉ bắt đầu tồn tại ở chỗ nào hiện tượng và chân lý tách xa nhau ra"? Nhưng *Di-ogên La-éc-xơ* nói rằng người ta liệt Đê-mô-crít vào trường phái hoài nghi. Người ta dẫn ra danh ngôn của ông: "Quả thật chúng ta không biết gì cả, bởi vì chân lý bị che khuất trong cõi sâu thẳm"³. Nhưng nhận xét có thể tìm thấy ở *Xê-nô-xê* *Em-pi-ri-ích*"

Quan điểm hoài nghi, không vững tin và đầy mâu thuẫn nội tại ấy của Đê-mô-crít chỉ được tiếp tục phát triển ở cuối cuộc ông xác định quan hệ của nguyên tử và thế giới cảm thụ được bằng cảm giác

Một mặt, hiện tượng cảm tính không phải là đặc trưng của bản thân nguyên tử. Nó không phải là *hiện tượng khách quan*, mà là *có thể ngoài mang tính chủ quan*. "Những nguyên tắc đích thực - đó là những nguyên tử và khoảng trống; mọi thứ khác là ý kiến, là vô bổ ngoài"⁴. "Chỉ có trong ý kiến mới tồn tại cái lạnh, chỉ có trong ý kiến mới tồn tại cái nóng, còn

¹ Mâu thuẫn lại, lần đầu là, "trong khoa học về thiên nhiên".

² Câu này và câu trước đó tuy mâu thuẫn vào

trong hiện thực thì chỉ có các nguyên tử khoảng trống⁹¹. Do vậy, cái đơn nhất thực ra không được tạo ra từ nhiều nguyên tử, còn "kết quả sự kết hợp các nguyên tử lại là cảm thấy rằng đã xuất hiện mọi cái đơn nhất"⁹². Vì thế chỉ có đúng tri tuệ mới thấu hiểu được những nguyên tắc mà vì quy mô nhỏ bé nên chúng không đến được với con mắt cảm tính và vì thế chúng thậm chí được gọi là *những ý tưởng*⁹³. Song, mặt khác, hiện tượng cảm tính là khách thể duy nhất đích thực, và "sự cảm thụ cảm tính" chính là "sự tư duy lý trí", nhưng cái đích thực ấy lại biến đổi, không cố định, nó là hiện tượng. Nhưng nếu nói: hiện tượng là cái đích thực thì có nghĩa là mâu thuẫn với chính bản thân mình⁹⁴. Như vậy, lúc thì mặt này, lúc thì mặt khác biến hiện thành cái chủ thể hoặc cái khách thể. Thế là mâu thuẫn tựa hồ được loại bỏ nhờ cả hai mặt mâu thuẫn ấy được phân bố giữa hai thế giới. Do đó, Đề-mô-crit biến hiện thực cảm tính thành vẻ bề ngoài mang tính chủ thể, nhưng nghịch lý bị xua đuổi ra khỏi thế giới của các khách thể lại tiếp tục tồn tại trong tự ý thức của chính thế giới ấy, trong tự ý thức ấy khái niệm nguyên tử và sự trực quan cảm tính lại va chạm với nhau một cách thủ địch.

Như vậy, Đề-mô-crit không tránh khỏi nghịch lý. Ở đây chưa phải là chỗ giải thích nghịch lý ấy. Không thể phủ nhận sự tồn tại của nó, như thế là đủ rồi.

Ngược lại, chúng ta hãy nghe Ê-pi-quy-a.

Ông nói: *nhà thông thái có thái độ giáo điều, chứ không phải thái độ hoài nghi*⁹⁵ đối với các sự vật. Và sự nổi trội của ông so với những người khác chính là ở chỗ ông vững tin vào tri thức của mình⁹⁶. "Tất cả mọi cái cảm giác thực chất là

những tín hiệu của cái đích thực"⁹⁷. "Không có gì có thể bác bỏ sự cảm thụ cảm tính: sự cảm thụ đồng nhất không thể bác bỏ sự cảm thụ khác đồng nhất với nó, bởi vì chúng như nhau, còn cái không đồng nhất thì không thể bác bỏ cái không đồng nhất, bởi vì chúng suy xét không về cùng một cái; khái niệm cũng không thể bác bỏ nó, vì khái niệm phụ thuộc vào những sự cảm thụ cảm tính"⁹⁸. - đã được nói ra như thế trong tác phẩm "Giáo luật". Nhưng trong khi Đề-mô-crit làm cho thế giới cảm tính trở thành vẻ bề ngoài mang tính chủ thể thì Ê-pi-quy-a lại làm cho thế giới ấy trở thành hiện tượng mang tính khách thể. Và ông cố ý xem đây là sự khác biệt của ông với Đề-mô-crit, vì ông khẳng định rằng ông cũng chín chắn chính những nguyên lý ấy, song ông không coi những chất lượng cảm tính chỉ tồn tại trong ý kiến⁹⁹.

Nhưng như thế, nếu sự cảm thụ cảm tính là tiêu chí đối với Ê-pi-quy-a: nếu hiện tượng mang tính khách thể phù hợp với sự cảm thụ, - thì chỉ còn có việc thừa nhận những gì đã hoặc Xi-xê-rông phải nhận vai kết luận đồng dẫn. "Đề-mô-crit, với tư cách là con người khoa học và hoàn toàn nắm vững môn địa lý, quan niệm mặt trời là vĩ đại xét về quy mô, còn Ê-pi-quy-a lại quan niệm mặt trời to khoảng bằng hai phút, bởi vì ông cho rằng trong thực tế quy mô của mặt trời bằng với vỏ mà chúng ta tưởng"¹⁰⁰.

B) Sự khác biệt dù trong các quan điểm lý luận của Đề-mô-crit và Ê-pi-quy-a về tính xác thực của khoa học và tính đích thực của các đối tượng của khoa học biểu hiện ra qua sự khác nhau về nghị lực khoa học và hoạt động thực tiễn của hai nhà tư tưởng ấy.

Đề-mô-crit - đối với ông nguyên lý không biểu hiện ra trong hiện tượng, mà bị tước mất tính hiện thực và sự tồn tại - lại thấy được trước bản thân mình một *thế giới của sự cảm thụ* mang cảm tính với tư cách là thế giới hiện thực và đầy đủ nội dung. Thật ra, thế giới ấy chỉ là vỏ bề ngoài mang tính chủ thể, nhưng chính vì thế mà nó tách rời khỏi nguyên lý và tồn tại trong hiện thực độc lập của mình: đồng thời là khách thể hiện thực duy nhất, thế giới ấy có giá trị và ý nghĩa *trong tư cách như thế*. Vì vậy, Đề-mô-crit buộc phải chuyển sang *quan sát bằng kinh nghiệm*. Không thỏa mãn với triết học, ông đã lao vào lòng *tri thức thực chứng*. Chúng ta đã nghe nói rằng Xi-xê-rông gọi ông ấy là *vir eruditus*¹⁰. Ông thông thạo về vật lý học, đạo đức học, toán học, về tất cả các môn khoa học thuộc phạm vi tri thức trong thời đại ông, về tất cả các môn nghệ thuật¹¹. Chỉ riêng bản liệt kê các tác phẩm của Đề-mô-crit - do Di-ô-gien La-ec-xơ dẫn ra - cũng đã chứng tỏ sự uyên bác của ông¹². Nhưng vì đối với tính thần uyên bác thì điều tiêu biểu là chỉ hướng muốn càng ngày càng tự mở rộng tầm hiểu biết, thu thập tư liệu, hướng những tìm tòi của mình ra ngoài, cho nên chúng ta thấy Đề-mô-crit đi nửa vòng thế giới để tích lũy kinh nghiệm, tri thức và những sự quan sát. Đề-mô-crit kiểu hãnh nói về bản thân: "Trong tất cả những nhân vật cùng thời đại với tôi, tôi là người đã đi qua phần lớn nhất của trái đất để nghiên cứu cái xa xôi nhất; tôi đã được nhìn thấy nhiều miền đất và quốc gia nhất, tôi đã được nghe thấy những lời phát biểu của một số lượng lớn nhất các nhà khoa học, còn trong việc kết hợp các tuyến có liên quan đến việc chứng minh thì không một ai vượt trội tôi, thậm chí cả những nhân vật Ai Cập gọi là *ac-xi-pê-dô-nep-to*"¹³.

¹⁰ - *biên học*

¹¹ - *người tri thức*

Trong tác phẩm "Những tác giả cùng tên", *Đê-mê-tô-ri*, cũng như trong tác phẩm "Những người kế thừa" *An-ti-xphen* đã kể lại rằng Đề-mô-crit đã lén đường đi Ai Cập, đến gặp các nhà tư tế để học môn hình học, và đến gặp các người thuộc bộ tộc Ham-dây ở Ba Tư và ông đã đi đến Hồng Hải. Một số người khẳng định rằng ông đã gặp him-nô-xô-phit¹⁴ (các nhà triết học khổ hạnh) ở Ấn Độ và ông đã có một ở Ê-lô-pi-u¹⁵. Một mặt, *lòng khao khát tri thức* khiến để ông được yon; mặt khác, *thái độ không bằng lòng với tri thức chân chính, tức là tri thức triết học*, đã xô đẩy ông đi đến miền xa xôi. Tri thức mà ông xem là đích thực thì lại trống rỗng; tri thức nào đem lại cho ông nội dung thì lại không có tính đích thực. Có thể, câu chuyện giai thoại của người xưa nói về Đề-mô-crit chỉ là chuyện hư cấu, nhưng trong trường hợp này đây là chuyện hư cấu rất giống sự thật, vì nó nhấn mạnh tính mâu thuẫn nội tại đặc trưng cho Đề-mô-crit. Người ta kể rằng tưởng như thể bản thân Đề-mô-crit đã làm cho mình mù để ánh sáng, do mắt cảm thụ được bằng cảm giác, không che mờ sự sắc bén tri tuệ của ông¹⁶. Và đó chính là con người, mà theo lời của Xi-xê-rông, dù đi khắp nửa thế giới. Nhưng ông đã không tìm được cái mà ông tìm kiếm.

Trong con người Ê-pi-quyư chúng ta lại thấy một nhân vật hoàn toàn đối lập.

Ê-pi-quyư tìm thấy trong triết học sự thỏa mãn và niềm hạnh phúc. Ông nói: "Người phải phục vụ triết học để đạt được đến tự do đích thực. Ai đã quy thuận và toàn tâm toàn ý tự hiến dâng mình cho triết học thì không phải chờ đợi lâu; người đó lập tức trở nên tự do. Bởi vì bản thân sự phục vụ triết học chính là tự do"¹⁷. Ông còn dạy tiếp: "Cả thanh niên

cùng không được tri hoãn việc nghiên cứu triết học, cả ông già cũng không được từ bỏ công việc ấy. Bởi vì đối với những sự quan tâm về sức khỏe của tâm hồn thì không một ai là người chưa chín chắn, cũng như quả chín muối. Còn ai nói rằng chưa tới lúc hoặc đã qua thời gian làm công việc nghiên cứu triết học thì người ấy giống như một người khẳng định rằng chưa đến giờ phút hạnh phúc hoặc giờ phút hạnh phúc ấy đã trôi qua²²¹. Trong khi Đề-mô-crit, không thoả mãn với triết học, lao vào tri thức kinh nghiệm, thì Ê-pi-quy-a lại *khinh rẻ các môn khoa học thực chứng*, vì những môn khoa học ấy, theo ý kiến ông, không hề giúp ích gì vào việc đạt đến *sự hoàn thiện chân chính*²²². Người ta gọi ông là *kẻ thù của khoa học*, là người chống lại văn phạm²²³. Người ta thậm chí còn quá trách ông là dốt nát, "nhưng - như một người thuộc phái Ê-pi-quy-a trong tác phẩm của Xi-xê-rông đã nói - không phải Ê-pi-quy-a là người vô học thức, mà những kẻ dốt nát chính là những ai nghĩ rằng cả ông già cũng phải học thuộc lòng những điều mà cậu bé cảm thấy xấu hổ nếu không biết những điều đó"²²⁴.

Nhưng trong khi Đề-mô-crit cố gắng trau dồi tri thức ở những nhà tư tế Ai Cập, những người thuộc bộ tộc Hun-đây ở Ba Tư và những *him-nô-xô-phát* ở Ấn Độ, thì Ê-pi-quy-a lại tự hào về việc ông đã không có những người thầy nào cả, rằng ông là người *tự học*²²⁵. Theo sự chứng nhận của Xê-nê-ca thì Ê-pi-quy-a đã nói: một số người hưởng tới chân lý mà không cần đến sự giúp đỡ nào từ bên ngoài. Ông là người tự mở đường cho mình, thuộc vào số những người ấy và ông ca ngợi nhiều nhất họ, những người tự học. Theo ông những người khác là những khối óc loại hai²²⁶. Trong khi tình thần hiếu động của Đề-mô-crit xô đẩy ông đến tất cả mọi miền của thế

giới thì Ê-pi-quy-a chỉ có hai hoặc ba lần rời khỏi mảnh vườn của mình ở A-ten và đi đến f-ô-ni-ni, không phải để nghiên cứu, mà là để thăm viếng bạn bè²²⁷. Sau cùng, trong khi Đề-mô-crit đo khâu khắt tri thức mà tự làm mù mắt mình, thì Ê-pi-quy-a, do cảm thấy cái chết đến gần, đã nghỉ vào bồn tắm nước nóng, đôi mang rơm vung ra ngoài khiết đến và khuyên bạn bè của mình hãy trung thành với triết học²²⁸.

C) Không thể quy những sự khác biệt vừa nêu ở trên chỉ là do cá tính ngẫu nhiên của hai nhà triết học; hai khuynh hướng đối lập nhau - đó là điều đã kết tinh trong hai ông. Ở đây chúng ta thấy hiện lên như là sự khác nhau trong hoạt động thực tiễn - điều mà ở trên đây đã được thể hiện ra như là sự khác biệt trong ý thức lý luận.

Sau hết, chúng ta hãy xem xét *hình thức phân tư biện thi quan hệ của tư duy đối với tồn tại, biểu thị quan hệ qua lại của chúng*. Thông qua quan hệ chung do nhà triết học xác lập giữa thế giới và tư duy, nhà triết học chỉ khách thể hoá, cho bản thân mình, quan hệ của ý thức đặc liệt của mình đối với thế giới hiện thực.

Đê-mô-crit xem sự tất yếu là hình thức phản chiếu hiện thực²²⁹. A-ri-xtôt nói về Đề-mô-crit rằng ông này quy tụ mọi cái về sự tất yếu²³⁰. Di-ô-gi-en La-éc-xô cho biết rằng con lắc xoay của các nguyên tử tạo ra mọi cái. Nó chính là sự tất yếu của Đề-mô-crit²³¹. Điều này được nói tỉ mỉ hơn qua lời của tác giả tác phẩm "Về ý kiến của các nhà triết học". "Theo Đề-mô-crit thì sự tất yếu vừa là số mệnh vừa là quyền vừa là thần mệnh, vừa là đấng sáng tạo ra thế giới. Thực thể của sự tất yếu ấy là sự kháng cự của vật chất, là sự chuyển động và sự

và đập của vật chất³³). Cũng nó một đoạn như thế trong các bài khảo cứu vật lý của Xô-bây³⁴ và trong quyển thứ sáu của bộ sách "Cuộc chuẩn bị Phúc âm" của Ê-pi-quy³⁵. Trong những bài khảo cứu đạo đức học của Xô-bây còn lưu giữ danh ngôn dưới đây của Đề-mô-crit³⁶ mà đã được lặp lại hầu như nguyên văn trong quyển thứ mười bốn trong tác phẩm của Ê-pi-quy³⁷, cụ thể là : con người tự nghĩ ra bóng ma sự ngẫu nhiên - bằng chứng về sự bất lực của chính mình, bởi vì sự ngẫu nhiên thù địch với tư duy mạnh mẽ. Cũng y như vậy, Xim-pli-xi quy cho Đề-mô-crit đoạn nói trong tác phẩm của A-ri-xtô, trong đó ông nói về học thuyết cổ xưa loại trừ sự ngẫu nhiên³⁸.

Ngược lại, Ê-pi-quy lại nói: "Sự tất yếu - mà một số người đưa vào như là bà chúa (tể tối cao - không tồn tại nhưng cái này thì mang tính ngẫu nhiên, còn cái khác thì phụ thuộc vào sự tùy tiện của chúng ta. Sự tất yếu là bất di bất dịch, trái lại, sự ngẫu nhiên thì không cố định. Tất nhiên nên tuân theo thần thoại về các vị thần, còn hơn là trở thành nô lệ của cạm bẫy³⁹" của các nhà vật lý học. Bởi vì thần thoại này làm cho ta hy vọng về sự rủi ro lòng thương của các vị thần thông qua việc xúi bẩy các vị thần còn cạm bẫy lại là sự tất yếu tàn nhẫn. Cần phải thừa nhận sự ngẫu nhiên, chứ không phải thượng đế, như đám đông vẫn nghĩ như thế⁴⁰. "Điều bất hạnh là sống trong sự tất yếu, nhưng sống trong sự tất yếu lại tuyệt nhiên không phải là điều tất yếu. Những con đường dẫn đến tự do đều rộng mở ở khắp nơi, có nhiều con đường ấy, chúng ngắn và dễ dàng. Chúng ta hãy cầm ơn chượng đế vì không thể giữ được ai trong cuộc sống. Ngân nga chính sự tất yếu - đó là điều được phép"⁴¹.

³³ - về mệnh.

Trong tác phẩm của Xi-xê-rông một nhều vật cheo trường phái Ê-pi-quy là Vô-lây cũng phát biểu một ý kiến nào đó giống như vậy khi nói về triết học khắc kỷ: "Cần nghĩ gì về một học thuyết triết học mà theo quan điểm của nó - giống như quan niệm của mấy thợ giả và hơn nữa lại ngu dốt - thì mọi cái đều diễn ra theo ý muốn của số mệnh?... Ê-pi-quy là người giải thoát chúng ta, ông đã đem đến sự tự do cho chúng ta"⁴².

Để tránh phải thừa nhận bất kỳ một sự tất yếu nào, Ê-pi-quy đã phủ nhận ngay cả sự suy xét mang tính chất chia tách⁴³.

Tuy nhiên, người ta khẳng định rằng cả Đề-mô-crit cũng thừa nhận sự ngẫu nhiên, nhưng trong hai đoạn mà chúng tôi tìm thấy trong tác phẩm của Xim-pli-xi⁴⁴ nói về vấn đề này, thì một đoạn lại làm cho đoạn kia trở nên đáng ngờ, như vậy nó cho thấy rằng không phải Đề-mô-crit đã áp dụng phạm trù ngẫu nhiên, mà Xim-pli-xi đã gán phạm trù ấy cho Đề-mô-crit như là một kết luận nhất quán. Cụ thể Xim-pli-xi nói rằng Đề-mô-crit không nêu lên nguyên nhân tạo ra thế giới nói chung và rằng ông ta có lẽ coi sự ngẫu nhiên là nguyên nhân. Nhưng ở đây vấn đề không phải là xác định nội dung, mà vấn đề là hình thức mà Đề-mô-crit đã tự giác áp dụng. Tình hình cũng như vậy với lời thông báo của Ê-pi-quy: sau khi biểu sự ngẫu nhiên thành chân lý của cái chung và cái thần thánh, Đề-mô-crit đã khẳng định rằng ở đây mọi cái đều diễn ra nhờ sự ngẫu nhiên, trong khi đó ông đã ném sự ngẫu nhiên ra khỏi đời sống loài người và ra khỏi giới tự nhiên được biểu hiện trong kinh nghiệm, còn những người truyền bá ông thì bị ông mắng nhiếc là những kẻ ngu dốt⁴⁵.

Chúng ta thấy ở đây một phần đơn giản chỉ là những phỏng đoán của vị giáo chủ Thiên chúa giáo Đê-ô-ni-đi-ô-ti còn một phần - ở chỗ bắt đầu tấn tại cái chung và cái - thần thánh lại là quan niệm của Đề-mô-crít về sự tất yếu thời không còn khác với sự ngẫu nhiên nữa.

Như vậy, có một điều đúng về phương diện lịch sử: Đề-mô-crít thừa nhận sự tất yếu, còn Ê-pi-cu-ra thì thừa nhận tính ngẫu nhiên, và cả hai ông, với nhiệt tình luận chiến, đều phủ nhận quan điểm đối lập.

Hậu quả chủ yếu của sự khác biệt ấy thể hiện qua phương pháp giải thích các hiện tượng vật lý riêng lẻ.

Sự tất yếu biểu hiện ra trong giới tự nhiên cuối cùng, với tư cách là sự tất yếu tương đối, với tư cách là quyết định luận. Sự tất yếu tương đối chỉ có thể được rút ra từ khả năng hiện thực, điều đó có nghĩa là: tồn tại một chuỗi những điều kiện, những nguyên nhân, những cơ sở v.v., làm trung gian cho sự tất yếu ấy. Khả năng hiện thực là sự mở ra sự tất yếu tương đối. Và chúng ta tìm thấy sự ứng dụng sự tất yếu ấy ở Đề-mô-crít. Chúng tôi xin dẫn ra một số bằng chứng trong tác phẩm của Xim-pli-xi.

Nếu như một người cảm thấy khát nước, uống no nước và sẽ trở nên khỏe, thì Đề-mô-crít sẽ coi nguyên nhân là cơn khát nước, chứ không phải sự ngẫu nhiên. Bởi vì nếu như ông đã giả định - dường như - sự ngẫu nhiên khi thế giới được tạo ra, thì dù sao ông cũng khẳng định rằng trong từng hiện tượng riêng lẻ sự ngẫu nhiên không phải là nguyên nhân của một cái gì đó, mà chỉ chỉ ra những nguyên nhân khác. Vì vậy, nguyên nhân của sự tìm ra kho báu là việc đào hồ hoặc nguyên nhân của sự lên lên của cây ô liu là việc trồng cây đó¹⁹.

Long nhiệt thành và thái độ nghiêm túc của Đề-mô-crít khi ông áp dụng phương pháp giải thích này vào việc khảo cứu thiên nhiên, ý nghĩa mà ông gán cho ý nguyên nhân luận chứng mọi cái... được bộc lộ qua sự thừa nhận rằng: "Tôi sẽ lựa chọn sự phát hiện ra một mối liên hệ nhân quả mới, hơn là chọn lấy ngay vàng Ba Tư"²⁰.

Ê-pi-cu-ra vẫn lại trực tiếp đối lập với Đề-mô-crít. Sự ngẫu nhiên là hiện thực chỉ có ý nghĩa như là khả năng, còn khả năng trừu tượng là sự đối lập trực tiếp với cái hiện thực. Hiện thực thì bị hạn chế bởi những giới hạn nghiêm ngặt, giống như li trí; còn khả năng trừu tượng thì không có giới hạn, giống như sự viên tưởng. Khả năng hiện thực hướng đến sự luận chứng tính tất yếu và tính hiện thực của khách thể của mình; còn khả năng trừu tượng thì quan tâm không phải đến khách thể nhận được sự giải thích, mà quan tâm đến chủ thể cung cấp sự giải thích ấy. Mối liên hệ đối tượng có khả năng tồn tại, hình dung được. Cái gì có khả năng tồn tại một cách trừu tượng, cái gì mà ta có thể hình dung được, thì cái đó không cần đường chủ thể tư duy, không đặt giới hạn, không đặt ra hạn đá thử vàng cho chủ thể ấy. Khả năng ấy có thực hay không, điều đó không có ý nghĩa, bởi vì ở đây lợi ích hưởng không phải vào đối tượng với tính rạch ròi như thế.

Vì vậy, Ê-pi-cu-ra đã có một thái độ vô tâm thờ ơ không giới hạn khi giải thích những hiện tượng vật lý riêng lẻ.

Điều đó sẽ thấy rõ hơn qua bức thư gửi Pi-phê-rê mà chúng ta sẽ còn xem xét đến. Ở đây chỉ cần lưu ý đến thái độ của Ê-pi-cu-ra đối với ý kiến của các nhà vật lý học trước kia. Ở đâu mà tác giả của tác phẩm "Về ý kiến các nhà triết học" và Xô-hây đưa ra các quan điểm khác nhau của các nhà triết

học về thực thể các tinh tú, về qui mô và hình thức của mặt trời v.v., - ở đó họ thường nói đến Ê-pi-quy-a: ông không bác bỏ một ý kiến nào trong số những ý kiến ấy; theo ông, *tất cả những ý kiến ấy có thể là đúng*, ông nói theo *cái có thể*³⁰. Ê-pi-quy-a thậm chí còn *luận chiến* chống lại phương pháp lấy khả năng hiện thực để giải thích một phương pháp lập luận một cách lô-gích, do đó mang tính chất phiến diện.

Chẳng hạn, Xê-nô-ca, nói như sau trong tác phẩm của mình "Các vấn đề về tự nhiên": Ê-pi-quy-a khẳng định rằng tất cả những nguyên nhân ấy có thể tồn tại, ngoài ra ông tìm cách đưa ra những sự giải thích khác nhau và ông *quả quyết* những ai khẳng định rằng chỉ tồn tại một nguyên nhân nào đó trong số những nguyên nhân ấy, bởi vì thật là mạo hiểm nếu suy xét một cách *thực chính xác* về điều chỉ có thể rút ra từ những sự giả định³¹.

Như chúng ta đã thấy, ở đây không có sự quan tâm đến việc nghiên cứu những cơ sở hiện thực của các khách thể. Đây chỉ là vấn đề làm yểu lòng chủ thể đưa ra sự giải thích. Vì mọi cái có thể được giả định như cái có thể - điều này phù hợp với tính chất của khả năng trừu tượng - cho nên hiển nhiên là *tính ngẫu nhiên của tồn tại chỉ chuyển vào tính ngẫu nhiên của tư duy*. Quí tác duy nhất mà Ê-pi-quy-a quy định "sự giải thích không được mâu thuẫn với sự cảm thụ cảm tính" - là một cái gì đó dễ hiểu bởi vì chỉ có thể trừu tượng chính là ở chỗ tránh không có mâu thuẫn mà do đó - ta cần tránh³². Sau cùng, Ê-pi-quy-a nhận ra rằng phương pháp giải thích của ông nhằm mục đích có được *sự liên lạc của tự ý thức*, chứ không phải bản thân sự nhận thức giới tự nhiên³³.

Đương nhiên, không cần thiết phải chứng minh thêm rằng trong cả trường hợp này ông cũng là sự đối lập hoàn toàn với Đề-mô-crit.

Như vậy, chúng ta thấy rằng cả hai nhà tư tưởng ở mọi nơi đều đối lập nhau. Một người theo thuyết hoài nghi, người kia theo giáo điều: một người coi thế giới cảm tính là vô bổ ngoài mang tính chủ quan, người kia lại coi thế giới cảm tính ấy là hiện tượng khách quan. Cái thế giới cảm tính là vô bổ ngoài mang tính chủ quan thì đưa vào khoa học thực nghiệm và giới tự nhiên và dựa vào những tri thức thực chứng và kết tinh trong mình một thái độ hiện động của một sự quan sát tiến hành thực nghiệm, tìm kiếm tri thức ở mọi nơi, phiến du khắp thế giới. Người kia coi thế giới các hiện tượng là thế giới hiện thực, khinh thường kinh nghiệm; trong con người ấy kết tinh sự bình thản của tư duy tự mãn, một tính độc lập khai thác tri thức của mình *ex principis interno*³⁴. Nhưng mâu thuẫn tiến xa hơn nữa. *Người theo thuyết hoài nghi và thuyết thực nghiệm* chỉ coi giới tự nhiên cảm tính là vô bổ ngoài mang tính chủ quan, xem xét giới tự nhiên từ góc độ *sự tất yếu* và cố gắng giải thích và hiểu sự tồn tại hiện thực của các sự vật. Ngược lại, *nhà triết học và nhà giáo điều* thì thừa nhận hiện tượng là hiện thực, ở đâu đâu cũng chỉ nhìn thấy *sự ngẫu nhiên*, và phương pháp giải thích của nhà triết học ấy, nói đúng ra, chúng quy là bác bỏ mọi tính hiện thực khách quan của tự nhiên. Trong những sự đối lập ấy dường như ẩn giấu một tính phi lý nào đó.

Chỉ khó khăn lắm mới còn có thể giả định được rằng những nhà triết học ấy, tuy mâu thuẫn nhau về mọi mặt, nhưng sẽ đi theo cùng một học thuyết. Tuy vậy, dấu sao thì họ vẫn là những người bị cột chặt vào nhau.

Làm sáng tỏ một cách tổng thể quan hệ của họ đối với nhau - đó là nhiệm vụ của chương sau đây³⁵.

³⁰ Là nguyên lý nội tại

PHẦN THỨ HAI

VỀ SỰ KHÁC NHAU GIỮA VẬT LÝ HỌC CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT
VỚI VẬT LÝ HỌC CỦA Ê-PI-QUYA TRONG NHỮNG CHI TIẾT

CHƯƠNG THỨ NHẤT

SỰ ĐI CHỆCH CỦA NGUYÊN TỬ KHỎI ĐƯỜNG THẲNG

Ê-pi-quya thừa nhận có ba hình thức chuyển động của nguyên tử trong không (rỗng)¹⁾. Một hình thức chuyển động ấy là chuyển động *rơi theo đường thẳng*; hình thức chuyển động khác là do nguyên tử *đi chệch khỏi đường thẳng*; hình thức chuyển động thứ ba nảy sinh nhờ *rất nhiều nguyên tử đẩy nhau*. Việc thừa nhận hình thức chuyển động thứ nhất và cuối cùng là điểm chung đối với Đề-mô-crít và Ê-pi-quya; còn sự đi chệch của nguyên tử ra khỏi đường thẳng là điểm khác nhau giữa Ê-pi-quya với Đề-mô-crít²⁾.

Về hình thức chuyển động đi chệch này người ta đã chú ý nhiều. Đặc biệt Xi-xê-rông tỏ ra không biết một mối khi ông đề cập đến chủ đề này. Vì dụ như ông nói: "Ê-pi-quya khẳng định rằng các nguyên tử chuyển động do sức nặng của mình kéo xuống phía dưới theo đường thẳng; theo ý kiến ông, đây chính là sự chuyển động tự nhiên của vật thể. Nhưng sau đó ông nảy ra ý nghĩ cho rằng nếu như tất cả các nguyên tử chuyển động từ trên xuống dưới thì không bao giờ có một nguyên tử nào va chạm với nguyên tử khác. Do đó, Ê-pi-quya đi đến sự khẳng định sai lầm: ông ruyền bố rằng nguyên tử tựa hồ như hơi đi chệch một chút, đó là điều hoàn toàn không thể có được. Từ đó, theo ý ông, nảy sinh những sự đơn xon,

kết hợp và gắn vào nhau của các nguyên tử, kết quả là hình thành nên thế giới, hình thành nên tất cả mọi phần của thế giới và tất cả những gì chứa đựng trong nó. Chưa nói đến một điều là tất cả những điều đó được bịa ra một cách ngây ngô. Ê-pi-quya thậm chí đã không đạt được điều mà ông ta muốn³⁾. Chúng ta tìm thấy một giả thuyết khác của Xi-xê-rông trong quyển thư nhất tác phẩm của ông "Về bản chất các vi thần". "Vì Ê-pi-quya hiểu ra rằng nếu như các nguyên tử chuyển động xuống phía dưới do sức nặng của chúng mình, thì chúng có gì phụ thuộc vào quyền lực của chúng ta, vì sự chuyển động của các nguyên tử là có tính xác định và tất yếu. - cho nên, để tránh sự tất yếu, ông đã nghĩ ra một phương cách mà Đề-mô-crít đã không nghĩ tới. Ê-pi-quya nói rằng nguyên tử tuy chuyển động từ trên xuống dưới do sức nặng và trọng lượng của mình, nhưng nó vẫn đi chệch một chút. Khẳng định điều này thì đồng hồ thẹn bực là không thể chứng minh được điều mà ông ta muốn"⁴⁾.

Pi-e Rây-lơ đưa ra một sự suy xét tương tự:

"Trước ông" (tức là Ê-pi-quya) "trong các nguyên tử người ta chỉ giả định một sự chuyển động được quy định bởi sức nặng, và sự chuyển động được quy định bởi sự đẩy nhau. Ê-pi-quya đã giả định rằng thậm chí trong khoảng trống các nguyên tử cũng đi chệch đối với khỏi đường thẳng, và từ đó - ông nói - đã xuất hiện tự do. Tuy nhiên cần thiết rằng đây không phải là động cơ duy nhất thôi thúc ông nghĩ ra sự chuyển động chệch hướng đó; sự chuyển động kỳ cũng được ông dùng để giải thích sự va chạm của các nguyên tử. Bởi vì, dĩ nhiên, ông đã thấy rằng không bao giờ ông có thể giải thích khả năng va chạm của các nguyên tử với giả định rằng chúng chuyển động với vận tốc đều do theo đường thẳng. Tất cả tư tưởng xuống dưới, và rằng trong điều kiện lý tưởng nó không thể xuất hiện được. Vì vậy, các nguyên tử phải đi chệch đường thẳng"⁵⁾.

Tạm thời tôi gác lại một lần vấn đề mức độ đáng tin cậy của những suy xét này. Song, thoạt nhìn bất kỳ ai cũng có thể nhận thấy rằng ông *Sau-bắc*, người phê phán hiện đại nhất về *Ê-pi-quy-a*, đã hiểu sai về *Xi-xê-rông*, khi ông này nói:

"Do sức nặng, nghĩa là cần có vận những cơ sở vật lý, tất cả các nguyên tử đều chuyển động song song xuống phía dưới, nhưng do va đẩy nhau chúng có một sự chuyển động khác - cụ thể là, theo *Xi-xê-rông* ("Về bản chất của các vi thân", I, 25), một sự chuyển động lệch nào đó do những nguyên nhân ngẫu nhiên hơn nữa lại tạo động vĩnh cửu".

Thứ nhất, ở đoạn được trích trên đây *Xi-xê-rông* không coi sự va đẩy nhau là cơ sở của hướng chuyển động lệch, mà ngược lại, ông coi hướng chuyển động lệch là cơ sở của sự va đẩy. Thứ hai, ông không nói đến những nguyên nhân ngẫu nhiên, mà ngược lại, ông quả trách *Ê-pi-quy-a* là không đưa ra những nguyên nhân nào cả, và lại, đương nhiên sẽ là điều mâu thuẫn nếu đồng thời coi sự va đẩy nhau, cũng như những nguyên nhân ngẫu nhiên là cơ sở của hướng chuyển động lệch. Khi ấy nhiều lắm cũng chỉ có thể nói về những nguyên nhân ngẫu nhiên của sự va đẩy, chứ không phải là của hướng chuyển động lệch.

Tuy nhiên, trong những lập luận của *Xi-xê-rông* và của *Bây-la* có một đặc điểm đập ngay vào mắt đến nỗi cần nêu nó ra ngay lập tức. Cụ thể là họ gán cho *Ê-pi-quy-a* có những động cơ thái thức, trong đó động cơ này loại trừ động cơ kia: *Ê-pi-quy-a* tưởng như giả định có sự chuyển động lệch hướng của các nguyên tử tức thì để giải thích sự va đẩy, lúc thì để giải thích tự do. Nhưng nếu các nguyên tử không gặp nhau mà lại không có chuyển động lệch hướng thì trong trường hợp này sự lệch hướng là không cần thiết cho sự lập luận về

tự do, vì sự đối lập của tự do chỉ bắt nguồn - như chúng ta thấy ở *Lu-crê-xi*⁷¹ - cũng với sự gặp nhau mang tính chất quyết định luận và bắt buộc của các nguyên tử. Nếu như những nguyên tử gặp nhau mà không có sự đi lệch, thì sự lệch hướng ấy là không cần thiết cho sự lập luận về sự va đẩy nhau. Tôi khẳng định rằng mâu thuẫn ấy phải sinh trong trường hợp nếu các nguyên nhân làm lệch hướng chuyển động của nguyên tử khỏi đường thẳng được hiểu một cách bề ngoài và không mạch lạc như đã thấy ở *Xi-xê-rông* và *Bây-la*. Chúng ta tìm thấy một sự lý giải sâu sắc hơn về vấn đề này ở *Lu-crê-xi*, người duy nhất - nói chung trong số tất cả các nhà vật thời xưa - đã hiểu được vật lý học của *Ê-pi-quy-a*.

Giờ đây chúng ta hãy xem xét chính sự chuyển động lệch ấy.

Cũng như một điểm ghi lại trong đường thẳng, mỗi vật thể rơi cũng được ghi lại theo đường thẳng mà vật thể ấy vẽ lên. Chất lượng đặc thù của nó ở đây không có ý nghĩa. Khi rơi, quả táo cũng vẽ được một tuyến thẳng đứng, cũng như một cục sắt. Trong chứng mục chúng ta xem xét vật thể trong chuyển động rơi thì như vậy mọi vật thể chẳng qua chỉ là một điểm chuyển động, hơn nữa là điểm không mang tính độc lập, bị mất đi tính cá thể của mình trong tồn tại xác định hiện hữu - trong đường thẳng mà điểm đó vẽ ra trong sự chuyển động của mình. Vì thế *A-ri-xtô* đã có lý khi đưa ra nhận xét hắc lại những người thuộc trường phái *Pi-ta-go*: "Các ngài nói rằng sự chuyển động của tuyến tạo thành bề mặt, sự chuyển động của điểm tạo thành tuyến; trong trường hợp này thì cả những chuyển động của các đơn tử cũng sẽ là các tuyến"⁷². Như vậy, từ quan niệm này của trường phái *Pi-ta-go*, người ta sẽ rút ra kết luận - dành cho các đơn tử cộng như

các nguyên tử, do sự chuyển động cố định của chúng - là cả các nguyên tử, các đơn tử đều không tồn tại, rằng, nói đúng hơn, chúng tan biến trong tuyến thẳng; bởi vì do chúng ta quan niệm nguyên tử chỉ rời theo đường thẳng, cho nên chúng ta vẫn chưa đặt vấn đề về độ dày đặc của nguyên tử. Trước hết, nếu ta hình dung khoảng trống như là khoảng trống không gian, thì nguyên tử là sự phủ định trực tiếp không gian trừu tượng, do đó, nó là điểm không gian. Độ dày đặc, tương độ - đối chọi với tính vô cực của không gian - tự khẳng định bên trong bản thân mình, nó có thể chỉ là hậu quả của nguyên lý phủ định không gian trong toàn bộ môi trường của nó, mà trong thiên nhiên hiện thực thì thời gian là nguyên lý ấy. Ngoài ra, nếu thậm chí không tán thành với điều đó thì nguyên tử - trong chừng mực chuyển động của nó tạo thành tuyến thẳng, được xác định chỉ tuyệt đối bằng không gian - do tất yếu, mà nó có hình thức tồn tại tương đối và sự tồn tại thuần túy có tính chất vật chất. Nhưng chúng ta đã thấy rằng một trong những yếu tố chưa được trong khái niệm nguyên tử là hình thức thuần túy, là sự phủ định mọi tính tương đối, mọi quan hệ đối với hình thức tồn tại khác hiện hữu. Đồng thời chúng tôi còn nhận thấy rằng Ê-pi-cu-rơ đã khách thể hóa hai yếu tố tuy mâu thuẫn với nhau, nhưng cả hai đều chưa được trong khái niệm nguyên tử.

Trong trường hợp như vậy thì bằng cách nào Ê-pi-cu-rơ thực hiện được sự xác định thuần túy ấy về hình thức của nguyên tử, khái niệm tính có biệt thuần túy, nó phủ nhận mọi tồn tại hiện hữu do tồn tại khác quy định?

Vì Ê-pi-cu-rơ vận động trong môi trường tồn tại trực tiếp, nên mọi sự xác định đều mang tính trực tiếp. Như vậy,

những sự xác định đối lập lại được đem đối chọi nhau như là những hiện thực trực tiếp.

Nhưng sự tồn tại tương đối đối lập với nguyên tử, tồn tại hiện hữu mà nguyên tử phủ phủ định, lại chính là tuyến thẳng. Sự phủ định trực tiếp hình thức chuyển động ấy chính là sự chuyển động khác, do đó, sự chuyển động ấy - nếu vẫn lại hình dung nó trong không gian - là sự đi chệch khỏi tuyến thẳng.

Các nguyên tử là những vật thể độc lập hoàn, tốt hơn nên nói là những vật thể được quan niệm - cũng như các vật thể vũ trụ - trong tính độc lập tuyệt đối. Vì thế chúng đã chuyển động, giống như các vật thể vũ trụ, không phải theo các tuyến thẳng, mà theo các tuyến chệch. *Sự chuyển động rời là sự chuyển động của tính phi độc lập.*

Như vậy, nếu Ê-pi-cu-rơ, qua sự chuyển động của nguyên tử theo đường thẳng, biểu thị tính vật chất của nguyên tử thì qua sự đi chệch khỏi đường thẳng, ông đã thực hiện sự xác định hình thức vốn có của nguyên tử, và ông đã trình bày những sự xác định đối lập ấy như là những sự chuyển động trực tiếp đối lập.

Vì vậy, Lu-cra-xơ đã có lý khi khẳng định rằng sự đi chệch đã phá vỡ "những quy luật định mệnh"¹⁰, và giống như ông đã lập tức áp dụng vào ý thức¹¹, về nguyên tử người ta cũng có thể nói rằng sự đi chệch chính là cái gì đó ở trong lòng ngực ông có thể chống đối và phản kháng.

Xi-xô-rô-quê trách Ê-pi-cu-rơ rằng "ông ta thậm chí không đạt đến cái điều mà vì nó ông ta đã bị ra đi này, bởi vì nếu tất cả các nguyên tử bị chệch hướng thì không hạn

giữa chúng có thể diễn ra bất cứ sự kết chặt nào; hoặc là những nguyên tử này bị lệch đi, còn những nguyên tử khác bị cuốn hút bởi sự chuyển động theo tuyến thẳng. Điều đó chẳng khác nào chỉ cho các nguyên tử những vị trí xác định - những nguyên tử nào thì chuyển động thẳng, những nguyên tử nào thì chuyển động chéo¹².

Lỗi hắc bỏ này có được sự biện minh ở chỗ là cả hai yếu tố chứa đựng trong khái niệm nguyên tử, đều được thể hiện ra như những sự chuyển động trực tiếp khác nhau và, do đó, chúng lẽ ra phải thuộc về những cá thể khác nhau, - tính không nhất quán, song tính không nhất quán ấy lại nhất quán, vì mỗi trường của nguyên tử là tính trực tiếp.

Ê-pi-quy-a cảm nhận rất rõ sự mâu thuẫn chứa đựng ở đây. Vì thế, ông cố gắng quan niệm sự lệch hướng thật hốt hức ở *cảm tính*. Sự lệch hướng ấy diễn ra "không trong một thời hạn quy định và hoàn toàn không ở vị trí đã biết"¹³ nó diễn ra trong một không gian nhỏ nhất có thể có được¹⁴.

Tiếp đó, Xi-xê-rông¹⁵ và - theo ý kiến của Plu-tác-xơ - còn nhiều nhân vật thời xưa¹⁶ nữa đã quá trách Ê-pi-quy-a về chuyên là, theo học thuyết của Ê-pi-quy-a, sự lệch hướng của nguyên tử diễn ra không có nguyên nhân, và Xi-xê-rông nói rằng không có gì xấu hổ hơn thế nữa có thể xảy ra với nhà vật lý học¹⁷. Nhưng thứ nhất, nguyên nhân vật lý mà Xi-xê-rông đòi hỏi, sẽ có thể đẩy sự lệch hướng của nguyên tử vào lĩnh vực quyết định luận, trong khi đó thì, ngược lại, sự lệch hướng ấy phải thắng quyết định luận ấy. Sau nữa, nguyên tử tuyệt nhiên chưa hoàn thiện chứng nào trong nó còn chưa biểu hiện sự xác định sự lệch hướng. Nếu hỏi về nguyên nhân của việc xác định ấy thì chẳng khác gì hỏi về

nguyên nhân biến nguyên tử thành nguyên lý, - hiển nhiên đó là câu hỏi không có ý nghĩa đối với người nào thừa nhận rằng nguyên tử là nguyên nhân của tất cả và, do đó, bản thân nó không có nguyên nhân.

Sau hết, khi *Bây-lơ*¹⁸ dựa vào uy tín của *Ô-guy-xtan*¹⁹ mà cheu ý kiến ông này thì *Đa-mô-cri-t* đã gán cho các nguyên tử nguyên lý tính thần - đó là uy tín mà, tuy vậy, khi được đem đối chọi với A-ri-xtôt và những nhà triết học cổ thì lại tỏ ra hoàn toàn không là gì - để quá trách Ê-pi-quy-a rằng thay vì nguyên lý tính thần Ê-pi-quy-a đã nghĩ ra sự lệch hướng, thì rõ thế bác bỏ ông ta rằng linh hồn của nguyên tử chỉ là lời nói, trong khi đó sự lệch hướng biểu thị linh hồn thực sự của nguyên tử, khái niệm về tính cá biệt trừu tượng.

Trước khi xem xét những hậu quả của sự lệch hướng của nguyên tử ra khỏi đường thẳng thì cần phải chỉ ra thêm một yếu tố hết sức quan trọng nữa mà cho đến nay người ta hoàn toàn chưa chú ý đến.

Cụ thể là: sự lệch hướng của nguyên tử ra khỏi đường thẳng không phải là một sự xác định đặc biệt, ngẫu nhiên bất gặp được trong vật lý học Ê-pi-quy-a. Ngược lại, quy luật mà sự xác định ấy biểu thị thì lại xuyên suốt triết học Ê-pi-quy-a, nhưng điều đương nhiên là tính xác định của sự biểu hiện của nó tuy thuộc vào phạm vi trong đó quy luật ấy được ứng dụng.

Tính cá biệt trừu tượng chỉ có thể thực hiện khái niệm của mình - sự xác định hình thức vốn có của tính cá biệt ấy, tồn tại thuần túy cho nó, sự độc lập với tồn tại trực tiếp hiện hữu, sự loại bỏ mọi tính tương đối - thông qua con đường trừu tượng hóa tồn tại hiện hữu đối lập với tính cá biệt ấy

Bởi vì để thật sự khắc phục tồn tại này thì tính cá biệt ấy phải ý tưởng hóa tồn tại ấy, điều đó chỉ có sự khái quát mới có thể thực hiện được.

Do đó, giống như nguyên tử tự giải thoát khỏi sự tồn tại tương đối của mình, khỏi đường thẳng, bằng cách trừu tượng hóa đường thẳng ấy, bằng con đường đi chệch đường thẳng ấy, - cũng như thế toàn bộ triết học Ê-pi-cu-rơ đi chệch ra khỏi tồn tại hiện hữu hạn chế ở bất cứ chỗ nào mà khái niệm về tính cá biệt trừu tượng - tính độc lập và sự phủ định mọi quan hệ với khái niệm khác - phải được thể hiện ra trong sự tồn tại của nó.

Chẳng hạn, mục đích của hoạt động là sự trừu tượng hóa, là sự đi chệch khỏi nỗi đau và sự bối rối, sự là nhậm²⁹. Chẳng hạn, cái thiện là sự chạy trốn khỏi cái ác³⁰, còn khoái cảm là sự đi chệch khỏi sự đau khổ³¹. Sau cùng, ở đâu mà tính cá biệt trừu tượng biểu hiện ra trong sự tự do cao nhất của mình và sự độc lập của mình, trong sự hoàn chỉnh của mình, ở đó - điều đó là hoàn toàn nhất quán - tồn tại hiện hữu, mà tính cá biệt đi chệch khỏi nó, chính là tồn tại hiện hữu trong tổng hòa của nó; và vì vậy mà các vị thần lẩn tránh thế giới, không quan tâm đến nó và sống bên ngoài nó³².

Người ta đã chệch nhạo rất nhiều về các vị thần ấy của Ê-pi-cu-rơ, các vị thần này tuy giống loài người nhưng sống trong những không gian giữa các thế giới của thế giới hiện thực, không có thể xác, mà có thể xác xác, không có máu mà có máu giả³³; tồn tại trong cõi tĩnh lặng cực lạc, các vị thần không lắng nghe lời thỉnh cầu của một ai, không quan tâm đến chúng ta, đến thế giới, và các vị thần ấy được cúng bái vì vẻ đẹp của họ, vì sự vĩ đại và bản chất hoàn thiện của các vị thần ấy, chứ không phải vì tính vụ lợi nào đó.

Và dấu sao thì những vị thần ấy cũng không phải là điều huân của Ê-pi-cu-rơ. Các vị thần ấy đã tồn tại. Đó là những vị thần nhận sao nên thế của nghệ thuật Hy Lạp. Với tư cách là một người La Mã, Xi-xê-rông có quyền cười giễu các vị thần ấy³⁴, nhưng *Pit-tac-xơ, một người Hy Lạp*, thì đã hoàn toàn quên đi thế giới quan Hy Lạp khi ông nói rằng đó là học thuyết về các vị thần, một học thuyết tiêu diệt nỗi sợ hãi và sự mê tín, không đem lại niềm vui, cũng như sự thiện cảm của các vị thần, học thuyết ấy đặt chúng ta vào một mối quan hệ đối với các vị thần ấy giống như mối quan hệ của chúng ta đối với những con cá ở biển Ghiê-rơ³⁵, những con cá mà chúng ta không chờ đợi điều tai hại, cũng như sự hữu ích ở chúng³⁶. Sự tĩnh lặng lý luận là yếu tố chủ yếu trong tính cách của các vị thần Hy Lạp, như *A-ri-xtô* cũng đã nói như thế: "Cái gì tối nhất thì không cần đến sự tác động, vì bản thân nó chính là mục đích"³⁷.

Bây giờ chúng ta xem xét kết luận trực tiếp rút ra từ sự chệch hướng của nguyên tử. Sự chệch hướng ấy thể hiện sự thế là nguyên tử phủ định mọi sự chuyển động và mọi quan hệ, trong đó nguyên tử - với tư cách là tồn tại hiện hữu đặc biệt - được xác định bởi tồn tại hiện hữu khác. Điều này được quan niệm theo cách là nguyên tử trừu tượng hóa tồn tại hiện hữu đối lập với nó, và đi chệch khỏi tồn tại ấy. Nhưng cái chĩa dứng trong sự chệch hướng của nguyên tử - nó phủ định mọi quan hệ đối với nguyên tử khác - thì phải được thực hiện, phải được thể hiện dưới hình thức chính diện. Điều này chỉ có thể có được trong trường hợp nếu tồn tại hiện hữu, mà bản thân nguyên tử có quan hệ, chẳng qua chỉ là chính nguyên tử mà thôi, do đó, cùng là nguyên tử, vì bản thân nó trực tiếp được xác định, nếu thế thì nhiều nguyên tử cũng là tồn tại hiện hữu ấy. Như vậy, sự đẩy nhau của nhiều nguyên

từ lại là sự thực hiện tất yếu "quy luật của nguyên tử", như Lu-cre-xơ đã gọi như vậy sự chệch hướng. Nhưng vì ở đây mọi sự xác định được giữ định như là tồn tại hiện hữu đặc biệt, cho nên sự đẩy nhau được cộng thêm như là hình thức chuyển động thứ ba - vào những hình thức chuyển động trước nó. Lu-cre-xơ tỏ ra có lý khi nhận xét rằng nếu những nguyên tử không đi chệch hướng thì sẽ chẳng có sự va đập vào nhau của các nguyên tử, chẳng có những sự gập gờ của chúng, và thế giới lẽ ra đã không được tạo ra²⁹. Bởi vì các nguyên tử là *khách thể duy nhất đối với chính bản thân chúng*, chúng chỉ có thể có quan hệ với chính bản thân mình; do đó, chúng - nếu biểu thị điều này dưới một hình thức không gian - có thể gập nhau, chỉ phủ định mọi sự tồn tại tương đối mà trong đó chúng có quan hệ với nguyên tử khác; mà như chúng ta đã thấy sự tồn tại tương đối ấy là sự chuyển động ban đầu của chúng, là sự chuyển động rơi theo đường thẳng đứng. Như thế, chúng gập nhau chỉ là do đi chệch khỏi đường thẳng ấy. Ở đây không thể nói đến sự phân nhỏ vật chất một cách đơn giản³⁰.

Và quả thật: tính cá biệt trực tiếp hiện hữu chỉ được thực hiện tương ứng với khái niệm của mình khi nó có quan hệ với cái khác, mà đó chính là nó, mặc dù cái khác ấy lại đối lập với tính cá biệt ấy dưới hình thức sự tồn tại trực tiếp. Chẳng hạn, con người thôi không còn là sản phẩm của tự nhiên chỉ khi nào cái khác mà con người có quan hệ không phải là sự tồn tại khác với con người, mà bản thân cái khác ấy là từng con người riêng lẻ, mặc dù còn chưa phải là tính thần. Nhưng để cho con người, với tư cách là con người, trở thành khách thể thật sự duy nhất của mình, - để trở thành như vậy con người phải phá tan ở trong bản thân mình tồn tại hiện hữu tương đối của mình, sức

mạnh của những ham muốn và của thiên nhiên mù quáng. Sự đẩy nhau là hình thức thứ nhất của tự ý thức; vì vậy nó tương ứng với sự tự ý thức đã cảm thụ mình như là cái hiện hữu trực tiếp, cái cá biệt trừu tượng.

Do đó, trong sự đẩy nhau khái niệm nguyên tử đã được thực hiện, vì nguyên tử là hình thức trừu tượng, và cũng không kém thế nó còn là cực đối lập của hình thức trừu tượng ấy, vì nó là vật chất trừu tượng; bởi vì cái mà nó quan hệ, - chính là những nguyên tử, nhưng đó là những nguyên tử khác. Nhưng nếu tôi có quan hệ với bản thân mình như có quan hệ với cái khác trực tiếp, thì quan hệ của tôi là quan hệ vật chất. Đây là nấc tốt cùng của trạng thái bên ngoài của tồn tại mà người ta có thể hình dung được. Do đó, trong sự đẩy nhau của các nguyên tử có sự liên kết tổng hợp giữa tính vật chất của chúng, được thể hiện qua sự rơi theo đường thẳng, với sự xác định hình thức vốn có của chúng, sự xác định này biểu hiện ra qua sự chệch hướng.

từ lại là sự thực hiện tất yếu "quy luật của nguyên tử", như Lu-cre-xơ đã gọi như vậy sự chệch hướng. Nhưng vì ở đây mọi sự xác định được giữ định như là tồn tại hiện hữu đặc biệt, cho nên sự đẩy nhau được cộng thêm như là hình thức chuyển động thứ ba - vào những hình thức chuyển động trước nó. Lu-cre-xơ tỏ ra có lý khi nhận xét rằng nếu những nguyên tử không đi chệch hướng thì sẽ chẳng có sự va đập vào nhau của các nguyên tử, chẳng có những sự gấp gò của chúng, và thế giới lẽ ra đã không được tạo ra²⁹. Bởi vì các nguyên tử là *khách thể duy nhất đối với chính bản thân chúng, chúng chỉ có thể có quan hệ với chính bản thân mình*; do đó, chúng - nếu biểu thị điều này dưới một hình thức không gian - có thể *gấp nhau*, chỉ phủ định mọi sự tồn tại tương đối mà trong đó chúng có quan hệ với nguyên tử khác; mà như chúng ta đã thấy sự tồn tại tương đối ấy là sự chuyển động ban đầu của chúng, là sự chuyển động rơi theo đường thẳng đứng. Như thế, chúng *gấp nhau* chỉ là do đi chệch khỏi đường thẳng ấy. Ở đây không thể nói đến sự phản nhô vật chất một cách đơn giản³⁰.

Và quả thật: tính cá biệt trực tiếp hiện hữu chỉ được thực hiện tương ứng với khái niệm của mình khi nó có quan hệ với cái khác, mà đó chính là nó, mặc dù cái khác ấy lại đối lập với tính cá biệt ấy dưới hình thức sự tồn tại trực tiếp. Chẳng hạn, con người thời không còn là sản phẩm của tự nhiên chỉ khi nào cái khác mà con người có quan hệ không phải là sự tồn tại khác với con người, mà bản thân cái khác ấy là từng con người riêng lẻ, mặc dù còn chưa phải là tinh thần. Nhưng để cho con người, với tư cách là con người, trở thành *khách thể thật sự duy nhất của mình*, - để trở thành như vậy con người phải phá tan ở trong bản thân mình tồn tại hiện hữu tương đối của mình, sức

mạnh của những ham muốn và của thiên nhiên mù quáng. Sự *đẩy nhau* là *hình thức thứ nhất của tự ý thức*; vì vậy nó tương ứng với sự tự ý thức đã cảm thụ mình như là cái hiện hữu trực tiếp, cái cá biệt trừu tượng.

Do đó, trong sự đẩy nhau khái niệm nguyên tử đã được thực hiện, vì nguyên tử là hình thức trừu tượng, và cũng không kém thế nó còn là cực đối lập của hình thức trừu tượng ấy, vì nó là vật chất trừu tượng; bởi vì cái mà nó quan hệ, - chính là những nguyên tử, nhưng đó là những nguyên tử *khác*. Nhưng nếu tôi có quan hệ với bản thân mình như có quan hệ với cái khác trực tiếp, thì quan hệ của tôi là quan hệ *vật chất*. Đây là nấc tốt cùng của trạng thái bên ngoài của tồn tại mà người ta có thể hình dung được. Do đó, trong sự đẩy nhau của các nguyên tử có sự liên kết tổng hợp giữa tính vật chất của chúng, được thể hiện qua sự rơi theo đường thẳng, với sự xác định hình thức vốn có của chúng, sự xác định này biểu hiện ra qua sự chệch hướng.

Nhờ có các phẩm chất mà nguyên tử có được một sự tồn tại thuần thuần với khái niệm nguyên tử, nó được giả định như là *tồn tại hiện hữu bị tha hóa, khác với bản chất của nó*. Chính mâu thuẫn này là điều quan tâm chủ yếu của Ê-pi-cruy. Vì vậy, khi xác lập một thuộc tính nào đó và qua đó mà rút ra hậu quả bắt nguồn từ bản chất vật chất của nguyên tử, thì ông cũng đồng thời đem đối lập với nguyên tử những sự xác định nào lại thủ tiêu thuộc tính ấy trong chính phạm vi của chính nó và, ngược lại, những sự xác định ấy lại khẳng định khái niệm nguyên tử. *Vì thế, ông xác định tất cả các thuộc tính sao cho tự chúng mâu thuẫn với bản thân chúng*. Ngược lại, không thấy ở đâu Đề-mô-crit lại xem xét các thuộc tính trong quan hệ với chính nguyên tử và khách thể hóa mâu thuẫn giữa khái niệm và sự tồn tại chưa dừng trong những thuộc tính ấy. Trái lại, toàn bộ sự quan tâm của Đề-mô-crit hướng vào việc trình bày các phẩm chất trong quan hệ của chúng với thiên nhiên cụ thể cái thiên nhiên phải được tạo ra từ chúng. Đối với ông chúng chỉ là những giả thuyết để giải thích sự đa dạng được biểu hiện ra. Vì vậy, khái niệm nguyên tử không có một quan hệ nào với chúng.

Để chứng minh sự khẳng định của chúng tôi thì trước hết cần hiểu rõ những cội nguồn tư tưởng như mâu thuẫn với nhau ở đây.

Trong tác phẩm *"Về ý kiến của các nhà triết học"* có nói: "Ê-pi-cruy khẳng định rằng các nguyên tử có ba thuộc tính đặc trưng như sau: kích cỡ, hình dạng, sức nặng. Đề-mô-crit chỉ thừa nhận hai thuộc tính: kích cỡ và hình dạng; Ê-pi-cruy thêm vào hai thuộc tính ấy thuộc tính thứ ba - sức nặng"^{1*}. Công đoạn ấy được lặp lại nguyên văn trong "Sự chuẩn bị cho kinh phúc âm" của Êp-xê-vi^{2*}.

Đoạn đó được chứng thực qua hàng chứng do Xim-pli-xi và Phi-lô-pôn đưa ra. theo bằng chứng này thì Đề-mô-crit chỉ gán cho các nguyên tử sự khác nhau về kích cỡ và hình dạng. A-ri-xtôt lại có ý kiến trái hẳn lại, trong cuốn sách của mình *"Về sự phát sinh và sự thủ tiêu"* A-ri-xtôt gán cho các nguyên tử của Đề-mô-crit trọng lượng khác nhau^{3*}. Ở đoạn khác (trong quyển thứ nhất *"Về bầu trời"*) A-ri-xtôt đề nghị cấp hỏi về việc liệu Đề-mô-crit có gán cho các nguyên tử sức nặng hay không, bởi vì ông nói: "Như vậy, không một vật thể nào có thể là tuyệt đối nhẹ nếu chúng có sức nặng; nếu tất cả mọi vật thể đều nhẹ, thì khi ấy sẽ chẳng có một vật thể nào nặng"^{4*}. Trong tác phẩm của mình "Lịch sử triết học cổ đại" Rít-ơ dựa vào uy tín của A-ri-xtôt để bác bỏ những bằng chứng của Plu-tác-xô, Êp-xê-vi và Xiô-bây^{5*}; những bằng chứng của Xim-pli-xi và Phi-lô-pôn không được ông lưu ý.

Chúng ta hãy chờ xem có thật là những đoạn ấy rất mâu thuẫn với nhau hay không. Trong những trích đoạn nêu trên A-ri-xtôt nói đến các phẩm chất của nguyên tử không ex professo^{6*}. Trong quyển thứ bảy của cuốn sách "Siêu hình học" thì ngược lại, lại nói: "Đề-mô-crit giả định có ba sự khác nhau giữa các nguyên tử. Bởi vì xét về vật chất thì vật thể về cơ bản là như nhau, nó có sự khác nhau hoặc về vị trí^{7*}, tức là hình dạng hoặc là về trọng^{8*}, tức là vị trí, hoặc về độ nặng^{9*}, tức là trật tự"^{10*}. Vì ra có một điều thấy rõ ngay lập tức qua đoạn này^{11*}. Sức nặng không được nhắc đến trong số các thuộc tính của các

1* - như một chuyên đề

1* - đường nét

2* - hướng quay

3* - sự tiếp xúc

4* - Thật ra, Mặc dù sách bổ đoạn sau đây: "Đề-mô-crit không xác định mâu thuẫn giữa chất lượng của nguyên tử và khái niệm nguyên tử".

nguyên tử của Đề-mô-cri-t. Bị tán nhỏ, bị tách nhau ra bởi khoảng trống, các hạt vật chất phải có những hình dạng đặc biệt, và những hình dạng ấy được rút ra hoàn toàn một cách bề ngoài từ việc xem xét không gian. Điều đó của thấy rõ hơn nữa qua đoạn sau đây của A-ri-x-tô: "Lép-kíp và dòng sự của ông là Đề-mô-cri-t đều coi cái đầy và cái trống rỗng là những thành tố... Nguyên nhân của tất cả mọi cái hiện hữu là cả hai cái ấy, trong tính cách là vật chất. Cũng giống như những người, trong khi khẳng định sự thống nhất của thực thể cơ bản, đều rút mọi cái khác từ các trạng thái của thực thể ấy, xem cái trống rỗng và cái đầy đặc là những nguồn gốc của mọi phẩm chất, - cũng như thế Lép-kíp và Đề-mô-cri-t dạy rằng những sự khác nhau của các nguyên tử chính là nguyên nhân của mọi cái khác, bởi vì tồn tại, về cơ bản, chỉ có sự khác biệt về *ρύκη's*, về *διαφάνη* và về *τροπή*... Ví dụ, A khác với N về hình dạng, AN khác NA về trật tự, Z khác N về vị trí"¹⁰.

Qua đoạn này người ta thấy hiển nhiên rằng Đề-mô-cri-t xem xét các thuộc tính của các nguyên tử chỉ trong quan hệ của chúng đối với sự hình thành những sự khác nhau trong thế giới các hiện tượng, chứ không phải trong quan hệ với chính nguyên tử. Tiếp nữa, qua đó thấy rằng Đề-mô-cri-t không gán cho sức nặng có ý nghĩa như là một thuộc tính quan trọng của các nguyên tử. Đối với ông sức nặng là một cái gì đó đương nhiên, bởi vì mọi cái mang tính vật thể đều có sức nặng. Theo ý kiến của ông, cũng như vậy, thậm chí kích cỡ cũng không phải là phẩm chất cơ bản. Kích cỡ là một sự xác định được thêm vào, được gán vào các nguyên tử đã có hình thù. Chỉ có sự khác nhau của các hình thù mới làm cho Đề-mô-cri-t quan tâm, bởi vì ngoài sự khác biệt ấy ra không

có gì được chứa đựng trong hình dạng, vị trí và trật tự. Kích cỡ, hình dạng, sức nặng, sau khi được đối chiếu theo cách mà Ê-pi-quy-a đã làm, đều là những sự khác biệt mà bản thân nguyên tử đã vốn có: hình dạng, vị trí, trật tự là những sự khác nhau vốn có của nguyên tử so với một cái gì khác. Như vậy, trong khi ở Đề-mô-cri-t chúng ta tìm thấy những sự xác định mang tính giả thuyết thuần túy để giải thích thế giới các hiện tượng, thì Ê-pi-quy-a lại xác lập cái bất nguyên tử chính nguyên lý. Vì thế, chúng ta sẽ xem xét riêng rẽ từng sự xác định các thuộc tính của nguyên tử.

Thứ nhất, các nguyên tử *«có kích cỡ»*¹¹; nhưng một khác, kích cỡ cũng bị phủ định. Cụ thể là: các nguyên tử không phải có *bất kỳ* kích cỡ nào¹²; chỉ nên giả định *một số khác biệt* trong kích cỡ của chúng¹³. Chỉ nên gán cho chúng sự phủ định cái to lớn - tức là cái bé nhỏ¹⁴, song không phải là cái tối thiểu, bởi vì đó sẽ là sự xác định thuần túy mang tính không gian; cần gán cho chúng cái nhỏ vô tận, cái nhỏ thể hiện qua mẫu thuẫn¹⁵. Vì vậy trong các chú thích cho những trích đoạn của Ê-pi-quy-a, *Rô-dô-ni* đã dịch không chính xác một chỗ và đã hoàn toàn bỏ qua một chỗ khác, khi ông nói:

"Mà về sự tinh vi loại bỏ của các nguyên tử thì đã được Ê-pi-quy-a lập luận rằng đó là do quy mô bé nhỏ không thể tưởng tượng được của các nguyên tử, khi ông nói - theo bằng chứng do La-éc-xơ đưa ra, X, 41, - rằng chúng tuyệt nhiên không có kích cỡ"¹⁶.

Tôi sẽ không tính đến việc Ê-pi-quy-a - theo lời của Ê-p-xê-vi - là người đầu tiên đã gán cho các nguyên tử một kích cỡ nhỏ vô cùng¹⁷. Còn Đề-mô-cri-t thì đã giả định sự tồn tại cả của những nguyên tử có những kích thước lớn nhất, - theo lời của *Xê-bây* thì chúng có kích cỡ thậm chí bằng thế giới¹⁸.

Một mặt, điều đó mâu thuẫn với bằng chứng do A-ri-xtô¹⁹ đưa ra, mặt khác, Êp-xê-vi, hay là nói đúng hơn, giáo chủ Đê-ô-ni-si-ô ở A-lếch-xan-đri-a mà Êp-xê-vi trích dẫn, đã mâu thuẫn với chính bản thân mình, bởi vì rằng trong cuốn sách đó ông nói rằng Đê-mô-crit đã thừa nhận những vật thể không phân chia được và được ví tuổ thấu hiểu là những nguyên lý của thiên nhiên²⁰. Có một điều đã rõ Đê-mô-crit không nhận thức được mâu thuẫn ấy, ông không quan tâm đến mâu thuẫn ấy, trong khi đó thì Ê-pi-cu-ra lại quan tâm đến mâu thuẫn ấy nhiều nhất.

Thuộc tính *thứ hai* của các nguyên tử của Ê-pi-cu-ra là *hình dạng*²¹. Nhưng ngay cả sự xác định ấy cũng mâu thuẫn với khái niệm nguyên tử, vì vậy cực đối lập của nó phải được khẳng định. Tính cá biệt trừu tượng là cái trừu tượng đồng nhất với mình và vì vậy không có hình dạng. Do vậy, thực ra những sự khác biệt của hình dạng các nguyên tử là không xác định được²², nhưng chúng cũng không tuyệt đối bất tận²³. Ngược lại, số lượng các hình dạng phân biệt các nguyên tử lại là số lượng xác định có sự kết thúc²⁴. Từ đó đương nhiên thấy rằng số lượng các hình thù khác nhau thì ít hơn các nguyên tử²⁵, trong khi đó Đê-mô-crit lại giả định một số lượng các hình thù nhiều vô tận²⁶. Nếu như mỗi nguyên tử có một hình dạng đặc biệt, thì sẽ phải tồn tại những nguyên tử có kích cỡ bất tận²⁷, vì chúng sẽ có sự khác nhau bất tận, sự khác biệt với tất cả những nguyên tử khác, giống như những đơn tử của Lai-bơ-ni-xơ. Vì thế, lời khẳng định của Lai-bơ-ni-xơ rằng không có hai vật như nhau được thay bằng lời khẳng định ngược lại, cho rằng tồn tại nhiều bất tận những nguyên tử có cùng một

hình dạng²⁸, và nhờ vậy mà lại phủ định sự xác định hình dạng, bởi vì hình dạng nào mà không khác biệt với những hình dạng khác thì không phải là hình dạng²⁹.

Sau cùng, điều hết sức quan trọng là Ê-pi-cu-ra đã thừa nhận rằng *sức nặng*³⁰ là phẩm chất *thứ ba*, vì ở trọng tâm thì vật chất có tính cá biệt lý tưởng, tạo thành một trong số những cực định chủ yếu của nguyên tử. Một khi các nguyên tử được chuyển vào thế giới những quan niệm thì chúng tất yếu cũng phải có cả *sức nặng*.

Nhưng cả *sức nặng* cũng trực tiếp mâu thuẫn với khái niệm nguyên tử, bởi vì *sức nặng* là tính cá biệt của vật chất dưới dạng một điểm lý tưởng nằm bên ngoài nó. Trong khi đó nguyên tử chính là tính cá biệt ấy được quan niệm - giống như *trọng tâm* - như một sự tồn tại cá biệt. Vì thế, đối với Ê-pi-cu-ra *sức nặng* chỉ tồn tại như là *một trọng lượng khác biệt*, còn bản thân các nguyên tử là *những trọng tâm thực thể*, giống như các thiên thể. Nếu áp dụng điều này vào cái cụ thể thì lẽ đương nhiên xuất hiện cái mà ông già *Bruce-ke-ra* cho là điều hết sức ngạc nhiên³¹ và là điều mà *Lu-cre-xi*³² muốn thuyết phục chúng ta tin là có, cụ thể là: trái đất không có trung tâm để mọi cái hướng vào đó, và rằng không có những vật đối lập. Tiếp nữa, vì *sức nặng* chỉ đặc trưng cho một nguyên tử khác với những nguyên tử khác và được thừa nhận đi và có được những thuộc tính, cho nên điều có thể hiểu được là, ở đầu các nguyên tử được quan niệm không phải như nhiều nguyên

1⁹ Tiếp đó, là đoạn Mác đã gạch bỏ sau đây: "Cả ở đây nữa Ê-pi-cu-ra cũng khẳng định thể bốn mẫu thuẫn theo cách như vậy, trong khi Đê-mô-crit chỉ tuân theo khía cạnh vật chất, lại không cho phép cho những sự xác định tiếp theo là sự phát triển nhất quán như vậy của nguyên lý".

tử, qua sự khác nhau của chúng, mà chỉ qua quan hệ với khoảng trống, - thì ở đó không còn sự xác định trọng lượng. Dù có sự khác biệt như thế nào xét về khối lượng và hình dạng của mình thì các nguyên tử do đó vẫn chuyển động với cùng một tốc độ trong không gian trống rỗng^{1*}. Vì vậy, Ê-pi-quy-a chỉ áp dụng sức nặng trong sự đẩy nhau và trong những sự kết hợp nảy sinh từ sự đẩy nhau, và điều đó đã tạo cái cớ^{2*} để khẳng định rằng chỉ có những sự tích tụ nguyên tử, chứ không phải bản thân chúng, có được sức nặng^{3*}.

Ngay chính *Gát-xăng-đi* đã an nguy Ê-pi-quy-a, về việc ông, tuy chỉ dựa vào trí tuệ, đã vượt trội hơn cái kinh nghiệm mà theo đó thì tất cả các vật thể, mặc dù rất khác nhau về trọng lượng và khối lượng, nhưng đều chuyển động với cùng một tốc độ khi rơi từ trên xuống dưới^{4*}.

Do đó, việc xem xét các thuộc tính của nguyên tử dẫn đến cùng một kết quả như việc xem xét sự lệch hướng, cụ thể là: Ê-pi-quy-a đã khách thể hóa mẫu thuẫn, trong khái niệm nguyên tử, giữa bản chất và sự tồn tại và, như thế là ông đã đem lại môn khoa học nguyên tử luận, trong khi đó Đề-mô-crit không thực hiện chính nguyên lý, mà chỉ ghi nhận khía cạnh vật chất và đưa ra những giả thuyết để giải quyết các mâu thuẫn của kinh nghiệm luận.

1* Tiếp đó là đoạn Mác đã gạch bỏ sau đây: "Xem chúng như là nguyên nhân và"

2* Tiếp đó là câu Mác đã gạch bỏ sau đây: "Chúng tôi bổ sung vào lời khen ngợi ấy những sự kích thích bởi nguyên tử nguyên lý của Ê-pi-quy-a".

CHƯƠNG THỨ BA

NHỮNG YẾU TỐ KHÔNG THỂ PHÂN CHIA VÀ NHỮNG THÀNH TỐ KHÔNG THỂ PHÂN CHIA

Trong bài viết kể trên bàn về các khái niệm thiên văn học của Ê-pi-quy-a, *Sau-bắc* nói:

"Cùng với *A-ra-xtô*, Ê-pi-quy-a đã đưa ra sự phân biệt giữa các yếu tố (στοιχεῖα) 1" Di-ô-gi-en La-éc-xơ, X¹²) với những thành tố (σύνθετα) 2", Di-ô-gi-en La-éc-xơ, X.86) Nhưng yếu tố là những nguyên tử "chỉ được nhận thức bằng trí tuệ, chúng không chiếm một không gian nào cả" chúng được gọi là các nguyên tử không phải như những vật thể nhỏ bé nhất mà là vì chúng không thể được phân chia trong không gian. Xét theo những quan niệm ấy ta phải nghĩ rằng Ê-pi-quy-a đã không gán cho các nguyên tử những thuộc tính nào thuộc về không gian". Nhưng trong bức thư gửi Hê-rô-dô-t (Di-ô-gi-en La-éc-xơ, X, 44, 64) ông lại gán cho các nguyên tử những sức nặng, mà có kích cỡ và hình dạng ... Vì vậy, tôi liệt các nguyên tử ấy vào loại thứ hai, chúng bắt nguồn từ những nguyên tử thứ nhất, nhưng đến lượt mình, chúng lại được xem xét như là những hạt sơ đẳng của các vật thể 3".

Chúng ta hãy xem xét kỹ lưỡng đoạn mà *Sau-bắc*, trích từ tác phẩm của Di-ô-gi-en La-éc-xơ [X. 86]. Trong đoạn đó có nói: "đó là học thuyết cho rằng và trụ là vật thể và giới tự nhiên không cảm nhận được hoặc cái gì đó là những thành tố không thể phân chia, và những học thuyết khác cũng cùng

1* - những yếu tố không thể phân chia

2* - những thành tố không thể phân chia

một loại như vậy". Ở đây Ê-pi-quy-a dạy Pi-phốc-cô người được ông biên thư gửi đến - rằng học thuyết về các vật thể vô trụ khác với tất cả các học thuyết vật lý học khác, chẳng hạn, khác với giáo điều thừa nhận rằng mọi cái đều là vật thể và là khoảng trống, rằng tồn tại những vật cơ bản không thể phân chia. Rõ ràng là ở đây tuyệt đối không có căn cứ nào để giả định tưởng như thể đây là nói về các nguyên tử thuộc loại thứ hai nào đó¹. Có lẽ, có thể lường rằng sự khác biệt giữa hai luận điểm: "vô trụ là vật thể và giới tự nhiên không cảm nhận được" và "là những thành tố không thể phân chia" lại xác lập sự khác biệt giữa "vật thể" và "những thành tố không thể phân chia" và rằng trong trường hợp này "vật thể" có nghĩa là những nguyên tử thuộc loại thứ nhất khác với "những thành tố không phân chia". Nhưng không thể nghĩ đến chuyện đó. "Vật thể" có nghĩa là cái có tính vật thể đối lập với cái trống rỗng, cái trống rỗng ấy vì vậy mới được gọi là "cái không mang tính vật thể"². Vì vậy, khái niệm "vật thể" bao hàm các nguyên tử, cũng như những vật thể cấu thành. Chẳng hạn, trong bức thư gửi Hê-rô-dốt có nói: "Vô trụ là vật thể... nếu không có cái mà chúng ta gọi là khoảng trống, vì trí và giới tự nhiên không cảm nhận được... Trong số các vật thể có một số là những liên kết, còn những vật thể khác thì lại là những gì tạo ra các liên kết ấy. Những liên kết ấy là không thể phân chia và không biến đổi... Vì vậy những yếu tố ban đầu tất yếu phải trở thành giới tự nhiên không thể phân chia và mang tính vật thể"³. Trong đoạn kể trên, như vậy là Ê-pi-quy-a nói thoát đầu

về cái mang tính vật thể nói chung, khác với cái trống rỗng, sau đó ông nói về loại đặc biệt của cái mang tính vật thể, về các nguyên tử⁴.

Việc Sau-bôc dẫn A-ri-xtôt cũng không chứng minh điều gì cả. Sự khác nhau giữa "yếu tố ban đầu" và "thành tố mà các nhà khắc kỷ chú nghĩa"⁵ đặc biệt nhấn mạnh, tuy là có bắt gặp ở A-ri-xtôt⁶ nhưng A-ri-xtôt, tuy thế, cũng giả định cả sự đồng nhất giữa hai cách diễn đạt⁷. Thậm chí ông còn nói rằng "thành tố" chủ yếu có nghĩa là nguyên tử⁸. Cũng như vậy, Lép-kíp và Đê-mô-crít gọi cái đầy đặc và trống rỗng là "thành tố"⁹.

Ở Lu-cre-xô, trong tập thư của Ê-pi-quy-a, ở Di-ô-gien La-éc-xô, trong tác phẩm "Cổ-lôi" của Plu-tác-xô¹⁰, ở Xêch-xô Êm-pi-ri-ch¹¹ các thuộc tính được gán cho chính các nguyên tử, vì thế mà những thuộc tính ấy được xác định theo cách là chúng tự nó bỏ chúng.

Nhưng nếu người ta coi là phân để khí mà những vật thể chỉ được nhận thức bằng lý trí lại có được những phẩm chất không gian thì sẽ là một phân để còn lớn hơn nhiều khi mà bản thân những phẩm chất không gian chỉ có thể được cảm thụ bởi trí tuệ¹².

Cuối cùng, để luận chứng tiếp cho quan điểm của mình, Sau-bôc dẫn ra đoạn sau đây trong tác phẩm của Xê-bây: "Ê-pi-quy-a coi (những vật thể) ban đầu là đơn giản; còn tất cả những vật thể phức tạp được tạo ra từ chúng, lại có trọng lượng". Thêm vào đoạn này của Xê-bây có thể bổ sung những

1^a Tiếp đó trong thư với tạc, là đoạn Mác đã gạch bỏ sau đây: "Từ những như: "Tất cả những cái đó không có khối lượng, bởi vì các nguyên tử là những nguyên nhân" có thể rút ra và dùng dẫn lại vào không dùng kết luận cho rằng Ê-pi-quy-a đã giả định sự tồn tại của những nguyên tử thuộc loại thứ ba - các nguyên tử "nguyên nhất"".

1^a Tiếp đó là đoạn Mác đã gạch bỏ sau đây: "Ở đây những thành tố không thể phân chia không rõ một ý nghĩa nào khác người ý nghĩa là những vật thể không thể phân chia mà trong đoạn trích dẫn sau cũng đã được nói đến như sau: chúng là những yếu tố ban đầu".

đoạn sau đây trong đó "những thành tố không thể phân chia" được nhắc tới như là một loại nguyên tử đặc biệt: (Plu-tác-xô) "*Về ý kiến của các nhà triết học*", I, 246 và 249, và *Xiô-bây*, "Những cuộc đàm đạo về vật lý học" t. 1, tr. 6¹¹). Tuy nhiên, trong những đoạn này tuyệt nhiên không khẳng định rằng những nguyên tử ban đầu không có kích cỡ, hình dạng và sức nặng. Ngược lại, chỉ nói đến sức nặng như là dấu hiệu phân biệt của "các yếu tố không thể phân chia" và "những thành tố không thể phân chia". Nhưng trong chương trước chúng tôi đã lưu ý rằng sức nặng chỉ được sử dụng trong sự đối lập nhau và trong những liên kết xuất hiện nhờ có sự sử dụng ấy.

Nhưng từ bị đặt "các thành tố không thể phân chia" cũng không đưa lại điều gì. Cũng khó chuyển từ các "yếu tố không thể phân chia" sang "các thành tố không thể phân chia" y như trực tiếp gán cho chúng các thuộc tính. Tuy vậy, tôi không tuyệt đối phủ nhận sự phân biệt ấy. Tôi chỉ phủ nhận sự tồn tại của hai loại nguyên tử khác nhau và không biến đổi. Nói đúng hơn, đây là những sự xác định khác nhau của cùng một loại nguyên tử. Trước khi phân tích sự khác biệt này, tôi lưu ý thêm một phong cách nữa của Ê-pi-quy-a. Cụ thể là: ông sẵn sàng trình bày những sự xác định khái niệm khác nhau như là những sự tồn tại độc lập khác nhau. Đối với ông thì nguyên tử được coi là nguyên lý, cũng như thế chính phương pháp nhận thức của ông cũng mang tính chất nguyên tử luận. Ở ông, mỗi thời điểm phát triển lập tức được biến thành hiện thực vững chắc, tựa hồ như được ngăn cách - bởi không gian trống rỗng - với sự liên hệ với cái chính thể. Mọi sự xác định đều mang hình thức tính cá biệt bị cô lập.

Phong cách này trở nên rõ ràng qua ví dụ sau đây.

Cái bất tận, *αἰετις* hay là *infinities* - theo cách dịch của Xi-xê-rông - đôi lúc được Ê-pi-quy-a dùng theo ý nghĩa là giới tự nhiên đặc biệt. Và chính trong những đoạn ấy, trong đó "thành tố" được xác định như là thực thể cố định, được dùng làm cơ sở, - chính ở đây chúng ta thấy rằng cả "cái bất tận" cũng biến thành một cái gì đó tồn tại độc lập¹².

Nhưng theo sự xác định của chính Ê-pi-quy-a thì cái bất tận không phải là một thực thể đặc biệt, cũng không phải là một cái gì đó tồn tại ở bên ngoài các nguyên tử và bên ngoài cái trống rỗng; ngược lại, cái bất tận là sự xác định mang tính ngẫu nhiên của chúng. Như vậy, chúng ta thấy có ba ý nghĩa đối với "cái bất tận".

Thứ nhất, "cái bất tận" - đối với Ê-pi-quy-a - biểu thị phẩm chất chung cho các nguyên tử và cho cái trống rỗng. Theo ý nghĩa này nó biểu thị tính bất tận của vũ trụ, mà vũ trụ cũng bất tận do có nhiều bất tận các nguyên tử, do quy mô bất tận của cái trống rỗng¹³.

Thứ hai, *αἰετις* - đó là trạng thái nhiều nguyên tử, do vậy không phải nguyên tử, mà những nguyên tử nhiều bất tận đối lập với cái trống rỗng¹⁴.

Sau cùng, nếu chúng ta có quyền, từ học thuyết của Đemôcrít, đưa ra những kết luận về Ê-pi-quy-a, thì "cái bất tận" cũng có nghĩa là một cái gì đó trực tiếp đối lập - khoảng trống vô giới hạn đối lập với nguyên tử được xác định bên trong bản thân nó - và bị giới hạn do chính bản thân nó¹⁵.

Trong tất cả những nhận xét ấy - mà đó là những nhận xét duy nhất, thậm chí là duy nhất có thể có đối với nguyên tử

11 - tính bất tận, vô giới hạn

luận - cái bất tận chỉ là sự xác định của các nguyên tử và của cái trống rỗng. Tuy nhiên, nó tồn tại một cách đặc biệt độc lập, thậm chí được đặt - với tư cách là bản chất đặc biệt - bên cạnh những nguyên lý mà bản chất xác định của những nguyên lý ấy được nó biểu thị¹¹.

Vì vậy, - dù là chính bản thân Ê-pi-quyê đã ghi nhận sự xác định trong đó nguyên tử được xem là "thành tố", là loại hình nguyên tử độc lập, nguyên thủy, tuy nhiên, điều đó đã không phải như vậy nếu xét đoán căn cứ theo ưu thế lịch sử của một nguồn này đối với nguồn kia: hoặc là - điều này chúng tôi thấy có thể xảy ra nhiều hơn - lần đầu Mô-tơ-rô-đơoc học trò của Ê-pi-quyê¹², đã biến những sự xác định khác nhau thành những sự tồn tại khác nhau¹³ - dù thế nào thì chúng ta cũng phải quy việc biến những yếu tố riêng lẻ thành một cái gì đó tồn tại độc lập thuộc về phương pháp chủ quan của ý thức nguyên tử luận. Bằng cách gán cho những sự xác định khác nhau hình thức những sự tồn tại riêng lẻ thì người ta không thể hiểu được sự khác nhau của chúng.

Đối với Đề-mô-crít, nguyên tử chỉ có ý nghĩa như là "thành tố", như là bản thể vật chất. Ê-pi-quyê là người đã phân biệt sự khác nhau giữa nguyên tử với tính cách là "yếu tố ban đầu" và "thành tố" với tính cách là nguyên lý và cơ sở. Tính chất quan trọng của sự khác biệt ấy đã rõ ràng qua những điều trình bày dưới đây.

Mâu thuẫn giữa sự tồn tại và thực chất, giữa vật chất và hình thức chưa được trong khái niệm nguyên tử biểu hiện ra trong từng nguyên tử cá biệt, trong chính nó, vì nó có được

những phẩm chất. Nhờ có phẩm chất mà nguyên tử trở thành xa lạ đối với khái niệm về nó, nhưng đồng thời nó trở nên hoàn hảo trong cấu trúc của nó. Và thế là thế giới hiện hữu nảy sinh từ sự đẩy nhau và từ những sự liên kết gần với sự đẩy nhau - còn những nguyên tử mang những phẩm chất.

Trong bước chuyển đó từ thế giới bản chất thành thế giới các hiện tượng, mâu thuẫn trong khái niệm nguyên tử rõ ràng đã đạt đến sự tồn tại được thể hiện rõ nhất của mình. Bởi vì, theo khái niệm về nó thì nguyên tử là hình thức tuyệt đối, quan trọng của tự nhiên. *Hình thức tuyệt đối ấy giờ đây bị hạ thấp thành vật chất tuyệt đối, thành bản thể vô hình dạng của thế giới hiện hữu.*

Thật ra, các nguyên tử tạo thành thực thể của tự nhiên¹⁴, từ đó mà nảy sinh ra mọi thứ và mọi cái đều phân rã thành nó¹⁵, nhưng sự thủ tiêu thường xuyên thế giới của các hiện tượng không đưa đến kết quả nào. Những hiện tượng mới được hình thành, nhưng chính nguyên tử, với tư cách là một cái gì đó vững chắc, lại luôn luôn là cơ sở¹⁶. Do đó, vì nguyên tử được quan niệm căn cứ theo khái niệm thuần túy về nó, nên sự tồn tại của nó là không gian trống rỗng, là thiên nhiên bị thủ tiêu; vì nó chuyển thành hiện thực nên nó bị hạ thấp thành cơ sở vật chất; cơ sở vật chất này là hiện thân của thế giới các quan hệ nhiều và vô không bao giờ tồn tại theo cách nào khác ngoài cách là thông qua những hình thức mà nó không cần biết và có tính chất bề ngoài. Đó là hậu quả tất yếu bởi vì nguyên tử - được quan niệm như là cái có biệt - trừu tượng và cái hoàn chỉnh - không thể tự biểu hiện một cách có hiệu lực với tư cách là một lực lượng lý tưởng hóa sự đa dạng ấy và xuyên suốt sự đa dạng ấy.

¹¹ Tập đo là dòng chữ Mác đã gạch bỏ như đây: "Và đây này có tính thuyết phục"

Tính cá biệt trừu tượng là tự do thoát khỏi tồn tại hiện hữu, chủ không phải là tự do trong tồn tại này. Tính cá biệt ấy không thể sáng chói trong ánh sáng của tồn tại hiện hữu. Trong mỗi trường tự nhiên ấy nó mất đi tính chất của nó và trở nên có tính vật chất. Do vậy, nguyên tử không chuyển vào lĩnh vực các hiện tượng mà mắt có thể thấy được^{1*} hoặc - ở chỗ nào mà nó thâm nhập vào lĩnh vực ấy - bị hạ thấp xuống thành cơ sở vật chất. Nguyên tử, với tính cách là như thế, chỉ tồn tại trong khoảng trống. Như vậy, cái chết của giới tự nhiên đã trở thành thực thể bất diệt, và Lu-cre-xơ hoàn toàn có quyền thốt lên:

"Cuộc sống hữu diệt bị lấy mất bởi cái chết bất diệt".

Sự khác nhau về triết học giữa Đê-mô-crit với Đê-mô-cri-t chính là ở chỗ Đê-mô-cri-t xem xét và khách thể hóa mẫu thuẫn trong tính sắc đến cùng cực của nó, như vậy là ông phân biệt nguyên tử đã trở thành nền tảng của hiện tượng, với tư cách là "thành tố" với nguyên tử dưới dạng như nó tồn tại trong khoảng trống, với tư cách là "yếu tố ban đầu"; còn Đê-mô-cri-t lại chỉ khách thể hóa một yếu tố mà thôi. Đó chính là sự khác nhau mà trong thế giới bản chất, trong vương quốc của các nguyên tử và của cái trống rỗng, đã phân biệt Đê-mô-cri-t với Đê-mô-cri-t. Nhưng vì chỉ nguyên tử có các phẩm chất mới là nguyên tử hoàn hảo - vì thế giới các hiện tượng chỉ có thể nảy sinh từ nguyên tử hoàn hảo và đã trở nên xa lạ với khái niệm về nó - cho nên Đê-mô-cri-t đã biểu thị điều đó theo cách là chỉ có nguyên tử mang các phẩm chất mới trở thành "thành tố", hay là chỉ có "thành tố không thể phân chia" mới có các phẩm chất.

^{1*} Lu-cre-xơ "Về bản chất của sự vật", quyển III, câu thơ 869

CHƯƠNG THỨ TƯ

THỜI GIAN

Vì trong nguyên tử thì vật chất - với tư cách là quan hệ thuận tuý với chính bản thân mình - không chịu một tính chất biến đổi nào và tính tương đối nào, cho nên điều đó trực tiếp dẫn đến kết luận là thời gian phải bị loại bỏ ra khỏi khái niệm nguyên tử, ra khỏi thế giới bản chất. Bởi vì vật chất chỉ vĩnh cửu và độc lập trong chừng mực người ta trừu tượng hóa yếu tố thời gian trong vật chất. Về điểm này thì cả Đê-mô-cri-t, cả Đê-mô-cri-t đều nhất trí. Nhưng họ bất đồng ý kiến trong vấn đề xác định như thế nào thời gian bị đẩy ra khỏi thế giới các nguyên tử, đưa thời gian vào đâu.

Đối với Đê-mô-cri-t thời gian không có ý nghĩa nào, không có sự tất yếu nào đối với học thuyết. Đê-mô-cri-t giải thích nó để mà loại bỏ nó. Ông xác định thời gian như là cái vĩnh cửu để mà - như A-ri-x-tô¹⁾ và Xim-p-li-xi²⁾ nói - loại bỏ sự nảy sinh và sự thủ tiêu, tức là mọi cái mang tính thời gian, ra khỏi các nguyên tử, theo ý ông, bản thân thời gian là bằng chứng cho thấy rằng không phải mọi cái phải có nguồn gốc phát sinh, yếu tố khởi đầu.

Nhưng trong điều này chứa đựng một ý nghĩa sâu sắc hơn. Lý trí mang ý tưởng, mà lại không thể nhận thức được tính độc lập của thực thể, nhưng nó đặt vấn đề về sự hình thành của thực thể trong thời gian. Đồng thời ông không nhận ra rằng khi biến thực thể thành thực thể mang tính thời gian thì như vậy ông cũng biến thời gian thành một cái gì mang tính thực thể và qua đó mà thủ tiêu khái niệm về nó, vì thời gian đã trở thành tuyệt đối thì không còn là thời gian.

Nhưng mặt khác, giải pháp này không thỏa đáng. Thời gian, sau khi bị loại trừ khỏi thế giới bản chất, thì chuyển và tự ý thức của chủ thể triết lý, nhưng thời không còn tiếp xúc với chính thế giới nữa.

Ở Ê-pi-quy-ra thì tình hình lại khác. Bị loại bỏ ra khỏi thế giới bản chất, *thời gian*, đối với ông, *trở thành hình thức tuyệt đối của hiện tượng*. Thời gian được xác định chính như là sự ngẫu nhiên của sự ngẫu nhiên. Ngẫu nhiên là sự biến đổi của thực thể nói chung. Ngẫu nhiên của ngẫu nhiên là sự biến đổi tự phản ánh vào bên trong bản thân, là sự thay thế với tư cách như thế. Hình thức thuần khiết này của thế giới các hiện tượng chính là thời gian²⁵.

Sự liên kết chỉ là hình thức thụ động của giới tự nhiên cụ thể, thời gian là hình thức tích cực của giới tự nhiên. Nếu tôi xem xét sự kết hợp từ phía tồn tại hiện hữu của nó, thì nguyên tử tồn tại ở dạng sau sự liên kết ấy, trong cái trống rỗng, trong trí tưởng tượng; nếu như tôi xem xét nguyên tử từ phía khái niệm về nó thì sự liên kết hoặc tuyệt nhiên không tồn tại, hoặc nó chỉ tồn tại trong quan niệm chủ quan; hoặc nó là quan hệ biểu thị - ở mức độ như nhau - sự thiếu vắng của mọi quan hệ giữa các nguyên tử độc lập, khép kín trong bản thân, tựa hồ như thờ ơ đối với nhau. Ngược lại, thời gian, sự thay thế cái có kết thúc, được giới định như là sự thay thế, cũng ở mức độ như vậy, là hình thức hiện thực tách hiện tượng ra khỏi bản chất, giả định hiện tượng với tư cách là hiện tượng; trong hình thức ấy thời gian lại đưa hiện tượng ngược trở lại về bản chất. Sự liên kết chỉ biểu thị tính vật chất của các nguyên tử, cũng như của giới tự nhiên phát sinh từ các nguyên tử. Ngược lại, trong thế giới các hiện

tượng thời gian cũng giống như là khái niệm nguyên tử trong thế giới bản chất, tức chính là sự trừu tượng, là sự thủ tiêu và sự quy mọi tồn tại hiện hữu xác định thành tồn tại cho mình.

Từ những suy xét ấy dẫn đến kết luận sau đây. *Thứ nhất*, Ê-pi-quy-ra xem mẫu thuẫn giữa vật chất và hình thức như là tính chất của giới tự nhiên hiện hữu đang phản ánh bằng cách đó, bản chất quan trọng - nguyên tử. Điều này diễn ra bằng cách đem thời gian đối lập với không gian, đem hình thức tích cực của hiện tượng đối lập với hình thức thụ động của hiện tượng. *Thứ hai*, chỉ có Ê-pi-quy-ra mới hiểu hiện tượng như là hiện tượng, tức là như sự tha hóa của bản chất, mà sự tha hóa ấy tự biểu hiện, trong hiện thực của mình, với tư cách là sự tha hóa như vậy. Ngược lại, ở Đề-mô-crit - đối với ông sự liên kết là hình thức duy nhất của thiên nhiên hiện hữu - bản thân hiện tượng không bộc lộ cho thấy nó là hiện tượng, là cái gì đó khác với bản chất. Như vậy, nếu xem xét hiện tượng từ phía sự tồn tại của nó thì bản chất hoàn toàn hòa nhập với nó, còn nếu xem xét hiện tượng từ phía khái niệm về nó thì bản chất hoàn toàn tách rời khỏi nó, cho nên hiện tượng bị hạ xuống thành vẻ bề ngoài chủ quan. Sự liên kết có quan hệ với những cơ sở thiết yếu của nó, một cách không phân biệt về phương diện vật chất. Ngược lại, thời gian là ngọn lửa của bản chất vĩnh viễn thiêu trụi hiện tượng và ghi trên nó dấu ấn của tính lệ thuộc và phi quan trọng. Sau cùng, theo Ê-pi-quy-ra, vì thời gian là sự thay thế với tư cách như thế, là sự phản ánh hiện tượng vào bên trong nó, cho nên điều chính đáng là thiên nhiên hiện hữu có thể biến thành chuẩn mực hiện thực của giới tự nhiên cụ thể, mặc dù nguyên tử, cơ sở của nó, chỉ được nhận thức bằng lý trí.

Và chính vì thời gian là hình thức trừu tượng của sự cảm thụ cảm tính, nên đối với nhận thức của Ê-pi-quy-ra, phù hợp với tính chất nguyên tử luận của nhận thức ấy - nảy sinh sự cần thiết phải ghi nhận thời gian như là tự nhiên tồn tại độc biệt trong thiên nhiên. Tính biến đổi của thế giới cảm tính với tư cách là tính biến đổi, sự thay thế vốn có của thế giới ấy với tư cách là như thế, sự phản ánh đó của hiện tượng vào trong bản thân nó - sự phản ánh ấy tạo nên khái niệm thời gian, - có sự tồn tại riêng của mình trong cảm tính được nhận thức. *Như vậy*, cảm tính của con người là thời gian được kết tinh, là sự phản ánh hiện hữu thế giới cảm tính vào bên trong bản thân.

Tất cả những điều đó trực tiếp bắt nguồn từ sự xác định khái niệm thời gian ở Ê-pi-quy-ra, và có thể chứng minh hoàn toàn sáng tỏ qua các chi tiết. Trong thư của Ê-pi-quy-ra gửi Hê-rô-dốt¹⁾ thời gian được xác định như sau: nó xuất hiện khi mà những sự ngẫu nhiên được cảm thụ bởi những cảm giác được quan niệm như những sự ngẫu nhiên. Như thế, ở đây sự cảm thụ cảm tính được phản ánh vào trong bản thân là nguồn thời gian và chính là thời gian. Vì vậy, không thể xác định thời gian theo sự loại suy, không thể nói điều gì khác về thời gian, nhưng cần tuân theo chính bản thân tính hiển nhiên trực tiếp: vì sự cảm thụ cảm tính được phản ánh vào trong bản thân nó chính là thời gian, cho nên không thể vượt ra ngoài những giới hạn của nó.

Một khác, ở Lu-crê-xi, Xêch-xiô, Êm-pi-rích và Xê-nô-bát* - sự ngẫu nhiên của ngẫu nhiên, sự biến đổi được phản ánh vào bên trong bản thân nó, được xác định như là thời gian. Vì vậy sự phản ánh những ngẫu nhiên trong sự cảm thụ cảm

tính và sự phản ánh của những ngẫu nhiên ấy vào bên trong bản thân chúng lại được giả định như là cùng một thứ.

Nhờ mối liên hệ ấy giữa thời gian và cảm tính, nên *εἶδωλα*¹⁾, mà chúng ta cũng thấy ở Đề-mô-crít, có một ý nghĩa nhất quán hơn.

Εἶδωλα là những hình dạng của các vật thể tự nhiên đã tách ra khỏi chúng, giống như những vũ học bên ngoài, và chuyển thành hiện tượng²⁾. Những hình dạng ấy của các vật thường xuyên thoát ra khỏi chúng và thâm nhập vào cảm giác và nhờ vậy mà chúng làm cho các khách thể có khả năng tự bộc lộ ra. Vì vậy, trong thính giác thiên nhiên nghe thấy bản thân mình, trong thị giác nó nhìn thấy bản thân mình³⁾. Cảm tính của con người, do đó, tạo ra môi trường trong đó - như ở tiêu điểm - phản ánh những quá trình của tự nhiên và trong đó những quá trình ấy, sau khi bùng cháy, phát ra ánh sáng của các hiện tượng.

Ở Đề-mô-crít đó là sự thiếu nhất quán, vì đối với ông hiện tượng chỉ có tính chất chủ quan, còn ở Ê-pi-quy-ra - đó là hậu quả tất yếu, bởi vì đối với Ê-pi-quy-ra cảm tính là sự phản ánh thế giới hiện hữu vào bên trong bản thân, là thời gian kết tinh của thế giới ấy.

Sau cùng, mối liên hệ cảm tính và thời gian thể hiện ra theo cách là *tính chất thời gian của sự vật và sự xuất hiện của chúng, đối với cảm giác, đều bộc lộ ra ở bên trong bản thân chúng như là cùng một thứ*. Bởi vì chính do các vật thể đều là cảm giác, nên chúng tan biến mất⁴⁾. Vì *εἶδωλα* thường xuyên tách rời khỏi các vật thể và xâm nhập vào cảm giác, vì

1) - những hình ảnh

chúng có cảm tính của mình không phải trong bản thân chúng, mà ở bên ngoài bản thân chúng - như là bốn chất thể hai - và, do đó, chúng không trở về trạng thái bị tách ra, cho nên chúng phân rã và tan biến mất.

Tóm lại, giống như nguyên tử chẳng qua chỉ là hình thức tự nhiên của lý ý thức trừu tượng, cao biết, - giới tự nhiên cảm tính chỉ là lý ý thức cá biệt mang tính kinh nghiệm được khách thể hóa, mà đó chính là cái cảm tính. Vì vậy, cảm giác là tiêu chí duy nhất trong giới tự nhiên cụ thể, giống như lý trí trừu tượng là tiêu chí duy nhất trong thế giới các nguyên tử.

CHƯƠNG THỨ NĂM

NHỮNG HIỆN TƯỢNG VÔ TRỤ

Các quan điểm thiên văn học của Đề-mô-cri-t có thể mang tính nhìn xu hướng cộng đồng với thời đại của ông, nhưng chúng không có ý nghĩa triết học. Chúng không vượt ra ngoài phạm vi suy đoán có tính kinh nghiệm và cũng không có mối quan hệ nội tại xác định nào với học thuyết về nguyên tử.

Ngược lại, học thuyết của Ê-pi-cu-rơ về các vật thể vô trụ và về các quá trình liên quan đến chúng, hay là về những hiện tượng vô trụ (ông đã dùng thuật ngữ này để chỉ tất cả những cái đã gộp lại), - lại đối lập chẳng những với ý kiến của Đề-mô-cri-t, mà đối lập với cả ý kiến của toàn bộ triết học Hy Lạp. Song hầu các vật thể vô trụ là sự sống bài mà tốt cả các nhà triết học Hy Lạp đều thừa nhận. Hệ thống các vật thể vô trụ là tồn tại đầu tiên ngay thế, được quy định bởi thiên nhiên, của lý trí hiện thực. Trong lĩnh vực tinh thần, lý



BẰNG CHỨNG NHÂN HỌC VỊ TIẾN SĨ TRIẾT HỌC CHO MẠC
DO TRƯỞNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP GIÊ-NA
TRAO NGÀY 15 THÁNG TƯ 1841

ý thức Hy Lạp cũng ở vào một địa vị như thế. Tự ý thức ấy là cái đương hệ tinh thần. Vì vậy, thông qua các vật thể vũ trụ, các nhà triết học Hy Lạp song bài chính tinh thần của mình.

Thêm chỉ *A-na-xa-go*, người đầu tiên đã dùng vật lý học giải thích vũ trụ và qua đó - theo một ý nghĩa khác với Xô-crát - đã làm cho vũ trụ gần với trái đất, - thì trước câu hỏi là ông sinh ra để làm gì, ông đã trả lời: "để chiêm ngưỡng mặt trời, mặt trăng và bầu trời"¹. Còn *Cxê-nô-phan* sau khi nhìn lên trời đã nói: Cái duy nhất tồn tại là thượng đế². Người ta biết rằng trường phái *Pi-ta-go*, *Plo-tôn*, *A-ri-xtô* đều có thái độ tôn giáo đối với các vật thể vũ trụ.

Thật vậy, *Ê-pi-quy-a* đã lên tiếng chống lại thế giới quan của toàn thể nhân dân Hy Lạp.

A-ri-xtô nói: đôi khi có cảm tưởng là khái niệm xác nhận các hiện tượng, còn các hiện tượng thì xác nhận khái niệm. Chẳng hạn, tất cả mọi người đều có quan niệm về các vị thần và dành cho các thần thánh một vị trí cao trên núi, cả các dân tộc man rợ, cả người Hy Lạp đều làm như thế, nói chung là tất cả những dân tộc nào tin vào thần thánh, hiển nhiên là họ liên kết cái bất tử với cái bất tử; không thể khác thế được. Như vậy, nếu cái thần thánh có tồn tại - như nó tồn tại trên thực tế - thì sự khẳng định của chúng ta về thực thể các vật thể vũ trụ tỏ ra là đúng. Nhưng điều đó cũng phù hợp với sự cảm thụ cảm tính, vì đây là nói về niềm tin của con người. Bởi vì trong suốt thời gian đã kính qua, cứ xét theo những kỷ ực được truyền từ những người này sang người khác, thì hình như đã không có thay đổi trong toàn vũ trụ, cũng như trong bất cứ bộ phận nào của vũ trụ. Hình như ngay cả tên gọi

cũng do người xưa truyền lại cho chúng ta, hơn nữa họ cũng muốn nói đến cái mà chúng ta muốn nói. Bởi lẽ, không phải một lần và không phải hai lần, mà vô số lần những quan niệm cùng một loại đã đến với chúng ta. Vì vật thể ban đầu là cái gì đó khác với đất và lửa, khác với không khí và nước, cho nên họ đã gán vị trí trên núi cao là "ê-phê-ra" - bắt nguồn từ những từ "εἶς" và "ἀσ" gần cho nó tên gọi "thời gian vĩnh hằng"¹¹, nhưng bầu trời và vị trí trên núi cao đã được người xưa dành cho các vị thần, vì chỉ có nó là bất diệt. Còn học thuyết hiện đại thì xác nhận rằng vũ trụ là không thể phá hủy được, nó không có sự khởi đầu, không liên can đến bất kỳ điều bất hạnh nào của những người trần thế. Như vậy, những khái niệm của chúng ta đồng thời cũng phù hợp với một khái niệm thượng đế¹². Mà vũ trụ chỉ có một mà thôi - điều đó là hiển nhiên. Từ thời hết sức xa xưa, các tổ tiên đã truyền lại cho chúng ta - được giữ gìn dưới dạng những thần thoại của các thế hệ sau này - quan niệm cho rằng các vật thể vũ trụ là các vị thần và rằng nguồn gốc thần thánh bao trùm toàn bộ giới tự nhiên. Những cái khác đã được bổ sung thêm, dưới cái vỏ thần thoại, dành cho tín ngưỡng của đám đông, như là điều bổ ích cho các đạo luật và cho cuộc sống. Bởi vì đám đông tuyên bố các vị thần có hình dạng con người và trông giống một số những sinh vật khác và nghĩ ra nhiều cái khác hiển nhiên là gắn liền với cái gắn gò đối với họ. Nếu có ai vứt bỏ đi toàn bộ những cái khác và chỉ để lại cái ban đầu, tức là niềm tin rằng những thực thể ban đầu là các vị thần, thì người ấy phải thấy rằng đó là sự mặc khải thần thánh và rằng sự đó trở đi đủ mọi thứ nghệ thuật và đủ mọi học thuyết triết học đã được

sáng tạo ra và trở lại tiêu vong, còn những ý kiến kể trên, với tư cách là những thành tích, đã lưu giữ được đến ngày nay¹³.

Ngược lại, chúng ta đọc thấy trong tác phẩm của *Ê-pi-quy-a* như sau:

Ngươi tất cả những cái đó ra, còn cần phải chú ý thêm rằng sự bối rối lớn nhất trong tâm hồn con người đều bắt nguồn từ việc con người coi các thiên thể là hoan lạc và không thể bị phá hủy và đồng thời lại gán cho chúng những ước vọng và những hành động mâu thuẫn với những thuộc tính ấy, cũng như bắt nguồn từ việc con người tiếp nhận nỗi sợ hãi từ các thần thoại¹⁴. Về các thiên thể thì cần thấy rằng sự chuyển động, vị trí, sự che khuất, bình minh, hoàng hôn và các hiện tượng tương tự trong các vật thể ấy đều phát sinh tuyệt nhiên không phải là do một sinh vật nào đó tựa hồ như chỉ phải chúng, đưa chúng - hoặc là đã đưa chúng - vào trật tự và đồng thời cũng hưởng đầy đủ niềm hoan lạc, đồng thời cũng bất diệt. Bởi vì các hành động không hòa hợp với niềm hoan lạc mà nảy sinh do sự yếu hèn, nỗi sợ hãi và nhu cầu phần nhiều gắn với những hành động ấy. Cũng không nên nghĩ rằng một số vật thể giống với lửa, có được sự hoan lạc, lại tùy tiện đẩy mình vào những hành động ấy. Nếu như không đồng ý với điều đó thì chính mâu thuẫn ấy sẽ gây nên một tình trạng vô cùng bối rối trong các tâm hồn con người¹⁵.

Vì vậy nếu *A-ri-xtô* đã quả trách người đời xưa vì họ đã cho rằng tưởng như thế bầu trời, cần có điểm tựa là *At-la*¹⁶. Là vị thần đã

"Tựa lưng tại những ranh giới phía tây, đã lấy vai mình để chống đỡ cây cột của vũ trụ và trái đất"

"Đứng vững tại vùng ranh giới phía tây,

Lấy vai mình làm cột chống trời và đất"

[1] - thấy rồi!

«Ê-pi-la, "Pro-mo-tê", câu thơ 348

và các câu tiếp theo¹¹).

thì ngược lại, Ê-pi-qua lại quả tránh những người nghĩ rằng con người cần đến bầu trời; ngay cả thần At-lát mà bầu trời dựa vào, thì cũng được Ê-pi-qua nhìn thấy đó là sự ngu dốt của con người và sự mê tín. Sự ngu dốt và sự mê tín cũng là những vi thần vi đại.

Toàn bộ bức thư của Ê-pi-qua gửi Pi-phốc-clo là nói về lý luận về các thiên thể, trừ phần sau cùng. Phần kết thúc này chứa đựng những châm ngôn đạo đức. Và những quy tắc đạo đức đã được kết hợp, một cách hoàn toàn đúng chỗ, với học thuyết về các hiện tượng vũ trụ. Đối với Ê-pi-qua học thuyết này là sự nghiệp của tương tri. Vì vậy, cuộc nghiên cứu của chúng tôi sẽ dựa chủ yếu vào bức thư ấy gửi Pi-phốc-clo. Chúng tôi sẽ bổ sung vào bức thư ấy những đoạn trích từ bức thư gửi Hê-rô-dốt mà bản thân Ê-pi-qua cũng dựa vào bức thư ấy trong lá thư của mình gửi Pi-phốc-clo¹².

Thứ nhất, không nên nghĩ rằng việc nghiên cứu các hiện tượng vũ trụ, được xét trong tổng thể hoặc trong các chi tiết, - cũng như việc nghiên cứu toàn bộ môn tự nhiên học - có thể dẫn đến mục tiêu khác, ngoài sự thờ ơ¹³ và niềm tin vững chắc¹⁴. Không phải ý thức hệ và những câu sáo rỗng là cái mà cuộc sống của chúng ta cần đến, mà cái cuộc sống của chúng ta cần đến là làm sao chúng ta có thể sống không bị hối rối. Giống như nhiệm vụ của khoa học tự nhiên nói chung là nghiên cứu những nguyên nhân gây ra những hiện tượng chủ yếu nhất, cũng như vậy ở đây sự hoan lạc có nguồn gốc

¹¹ Mặc với hàng trăm lý tập đoạn trích này thuy vào bản dịch tiếng La-tinh mà ông đã gửi tôi.

của mình là sự nhận thức các hiện tượng vũ trụ. Bản thân sự quan sát cảnh hoàng hôn và bình minh, vị trí và những hiện tượng cho khuất các tính từ không chứa đựng một cơ sở độc liệt nào cho sự hoan lạc; chỉ có nỗi sợ hãi xâm nhập vào những ai nhìn thấy hiện tượng ấy mà không hiểu biết về bản chất những gì đang diễn ra, cũng như các nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng ấy¹⁵. Cho đến nay người ta chỉ bác bỏ sự thể mà tưởng như thể học thuyết về các hiện tượng vũ trụ có được so với những khoa học khác, và học thuyết ấy được đặt ngang với những khoa học ấy.

Nhưng việc nghiên cứu các hiện tượng vũ trụ còn có sự khác biệt đặc thù so với phương pháp của đạo đức học, cũng như khác với những vấn đề vật lý học khác, ví dụ khác với vấn đề về những thành tố không thể phân chia và về những điều tương tự, trong đó chỉ có một sự giải thích duy nhất là phù hợp với những hiện tượng. Còn các hiện tượng vũ trụ thì không có đặc trưng ấy¹⁶. Nguồn gốc các hiện tượng ấy quy tụ vào một nguyên nhân đơn giản, và các hiện tượng ấy có không phải chỉ một phạm trù bản chất tương ứng với các hiện tượng. Bởi vì trong khoa học tự nhiên cần cần cứ vào không phải những định lý và quy luật trống rỗng¹⁷. Người ta thường xuyên lập lại rằng không nên giải thích các hiện tượng vũ trụ αλὰς (một cách đơn giản nhất, một cách tuyệt đối), mà μετὰ τὰς (một cách đa dạng); điều này ứng dụng cho hiện tượng mặt trời và mặt trăng mọc và lặn¹⁸, cho hiện tượng trăng tròn và trăng khuyết¹⁹, cho những đường nét hiện lên của mặt trăng²⁰, cho sự thay đổi độ dài của ngày và đêm²¹ và cho những hiện tượng vũ trụ khác.

Giải thích như thế nào tất cả những điều đó?

Có thể chấp nhận mọi sự giải thích. Chỉ có thần thoại là

phân bi bác bỏ. Nhưng thần thoại sẽ chỉ bị bác bỏ khi mà - với những kết luận về những gì không nhìn thấy được - người ta sẽ xuất phát từ các hiện tượng và đi theo các hiện tượng¹⁹. Cần tuân theo một cách nghiêm ngặt các hiện tượng, sự cảm thụ cảm tính. Vì vậy cần áp dụng phương pháp loại suy. Bằng cách đó sẽ có thể xua đuổi nỗi sợ hãi và thoát khỏi nỗi sợ hãi bằng một sự giải thích làm bộc lộ nguyên nhân của các hiện tượng vũ trụ và của mọi cái khác vẫn thường xuyên diễn ra và đặc biệt làm những người khác kinh ngạc²⁰.

Một đồng những sự giải thích, nhiều khả năng chẳng những phải làm yên lòng ý thức và loại bỏ những nguyên nhân của sự sợ hãi, mà đồng thời còn phải phù định, trong các vật thể vũ trụ, chính ngay sự thống nhất của chúng, quy luật tự ngưng băng mình và tuyệt đối trong các vật thể ấy. Các vật thể vũ trụ có thể biểu hiện lúc thế này, lúc thế khác. Khả năng không mang tính quy luật này tạo thành thuộc tính tiêu biểu của tính hiện thực của chúng. Mọi cái trong chúng đều không cố định, đều thay đổi²¹. *Nhiều sự giải thích tất phải thủ tiêu đồng thời cả sự thống nhất của khách thể.*

Do đó, trong khi A-ri-xtô nhút nhát trệ với các nhà triết học Hy Lạp khác, coi các vật thể vũ trụ là vĩnh cửu và bất diệt, vì chúng luôn luôn tư biểu hiện ra như nhau; trong khi ông thậm chí gán cho chúng có thành tố đặc biệt, cao cấp, không tuân theo sức mạnh của sức nặng, thì Ê-pi-quy-ra, trái hẳn với A-ri-xtô, lại khẳng định rằng sự thế chính là ngược lại. Lý thuyết về các hiện tượng vũ trụ có sự khác biệt đặc thù với mọi lý thuyết vật lý học khác chính là ở chỗ trong những hiện tượng vũ trụ ấy mọi cái đều diễn ra một cách đa dạng và hỗn loạn, trong các hiện tượng ấy mọi cái phải được giải thích bởi những nguyên nhân đa dạng, nhiều không thể xác định. Thế

là Ê-pi-quy-ra phân ngộ và hàng hải vào hồ ý kiến đối nghịch: những ai tuân theo một phương pháp giải thích và bác bỏ mọi phương pháp khác, những ai thừa nhận trong các hiện tượng vũ trụ có nguồn gốc duy nhất, do vậy là nguồn gốc vĩnh hằng và thần thánh, thì những người đổ rơi vào nôi lý sự trống rỗng và chịu ảnh hưởng của những trở ảo thuật kiểu nô lệ của các nhà chiêm tinh học; họ bước qua ranh giới của khoa học tự nhiên và rơi vào vòng tay của các huyền thoại; họ cố sức thực hiện cái không thể được, họ khổ công làm cái điều vô nghĩa, họ thậm chí đã không biết ở đâu thì thái độ thờ ơ bị rơi vào nguy hiểm. Lối ba hoa của họ đáng bị khinh rẻ²² cần phải tránh xa thành kiến cho rằng tưởng như sự nghiên cứu những đề tài ấy được tiến hành chưa đủ cặn kẽ và chưa đủ tinh tế, vì sự nghiên cứu ấy để ra mục đích cho mình chỉ là sự thờ ơ của chúng ta và niềm hoan lạc²³. Ngược lại, chuẩn mực tuyệt đối lại là chỗ tất cả những gì phé hoại sự thờ ơ, những gì gây ra sự nguy hiểm thì đều không thể thuộc về thiên nhiên không thể phá vỡ được và vĩnh hằng. Ý thức cần phải hiểu rằng đây là quy luật tuyệt đối²⁴.

Như vậy, Ê-pi-quy-ra đi đến kết luận: *Chính vì tính chất vĩnh hằng của các vật thể vũ trụ sẽ phá hoại thái độ thờ ơ của tự ý thức, nên hầu quả tất yếu, không tránh khỏi, là chúng không vĩnh hằng.*

Phải hiểu như thế nào quan điểm đặc thù đó của Ê-pi-quy-ra?

Tất cả những tác giả viết về triết học Ê-pi-quy-ra đều mô tả học thuyết ấy là bất tương dung với toàn bộ vật lý học khác, với học thuyết về nguyên tử. Cuộc đấu tranh chống trường phái khác kỷ, chống lại sự mê tín, chống lại thiên văn học, được xem là những cơ sở đầy đủ.

Và chúng ta thấy rằng chính Ê-pi-quy-ra phân biệt *phương*

phương pháp áp dụng trong lý thuyết về các hiện tượng vũ trụ, với phương pháp của môn vật lý học khác. Tính tất yếu của sự phân biệt ấy ẩn chứa trong sự xác định nào về nguyên lý của ông? Ông đã đi đến tư tưởng ấy như thế nào?

Vì ông không những đấu tranh chống lại khoa chiêm tinh học, mà còn chống lại cả thiên văn học, chống lại quy luật vĩnh cửu và lý trí trong hệ thống vũ trụ. Sau cùng, việc Ê-pi-quy-ra đối lập với phái khác kỷ cũng không giải thích gì cả. Sự mờ ám của họ và toàn bộ thế giới quan của họ đã bị bác bỏ, khi các vật thể vũ trụ được miêu tả như những liên kết ngẫu nhiên của các nguyên tử, còn các quá trình diễn ra trong những liên kết ấy thì được miêu tả như những sự chuyển động ngẫu nhiên của những nguyên tử ấy. Điều này đã thủ tiêu bản chất vĩnh cửu của các vật thể vũ trụ. - Đề-mô-crit giới hạn ở việc rút ra hệ quả đó từ tiền đề nêu trên¹⁴. Và lại, ngay cả tồn tại hiện hữu của các vật thể cũng bị thủ tiêu bởi điều đó¹⁵. Như vậy, người theo thuyết nguyên tử không cần đến phương pháp mới.

Nhưng đó chưa phải là tất cả sự khó khăn. Ở đây xuất hiện một nghịch lý bí ẩn hơn.

Nguyên tử là vật chất dưới dạng tính độc lập, tính cá biệt, nó tựa hồ như sức nặng tương đương. Nhưng các vật thể vũ trụ là hiện thực tối cao có sức nặng. Trong những vật thể ấy tất cả các nghịch lý tạo ra sự phát triển của nguyên tử, - các nghịch lý giữa hình thức và vật chất, giữa khái niệm và sự tồn tại - đều được giải quyết; trong chúng mọi sự xác định cần thiết đều được thực hiện. Các vật thể vũ trụ là vĩnh hằng và bất biến; trọng tâm của chúng là ở bên trong chúng, chứ không phải ở bên ngoài chúng, sự chuyển động là hoạt động duy nhất

của chúng, bị chia tách bởi không gian trống rỗng, chúng đi lệch ra khỏi đường thẳng, tạo ra hệ thống và đẩy nhau và hút vào, đồng thời vẫn giữ tính chất độc lập của mình, và từ chính mình cuối cùng chúng đẻ ra thời gian như là hình thức liên hữu của mình. *Các vật thể vũ trụ, do đó, là những nguyên tử đã trở thành hiện thực.* Trong những vật thể ấy vật chất đã hấp thụ tính cá biệt vào chính bản thân mình. Vì vậy, ở đây Ê-pi-quy-ra lẽ ra đã phải thấy sự thực hiện tối cao nguyên lý của mình, đỉnh cao và thời điểm kết thúc của hệ thống của mình. Vì ông đã khẳng định rằng ông tiếp nhận các nguyên tử để đặt nền tảng bất diệt làm cơ sở của thiên nhiên. Ông nói rằng đối với ông điều quan trọng là tính cá biệt thực thể của vật chất. Nhưng ngay khi ông tìm thấy tính hiện thực của thiên nhiên của mình, - ông đã không thừa nhận bất kỳ một thiên nhiên nào khác ngoài thiên nhiên cơ học, - ngay khi ông tìm thấy vật chất độc lập, không thể bị phá hủy trong các vật thể vũ trụ, mà tính chất vĩnh cửu và tính chất bất biến của chúng đã được chứng minh bởi niềm tin của đám đông, tìm thấy những suy đoán của triết học, những bằng chứng của cảm giác, - thì mục tiêu duy nhất của ông là hạ thấp thiên nhiên ấy xuống thành sự tồn tại trần thế nhất thời, là ông nhiệt thành lao vào những gì cùng bãi thiên nhiên độc lập có chứa đựng yếu tố cá biệt. Đó là mâu thuẫn lớn nhất của ông.

Vì vậy, Ê-pi-quy-ra cảm thấy rằng ở đây những phạm trù trước kia của ông bị sụp đổ, rằng phương pháp của học thuyết của ông¹⁶ trở thành phương pháp khác. Vậy là, *nhận thức sâu sắc nhất* mà học thuyết của ông đạt được, sự nhất quán xuyên

[¹⁴ Mặc dù bản gốc lúc đầu là "học thuyết về phương pháp của ông"

suốt học thuyết của ông chính là ở chỗ ông đã cảm nhận được điều đó và đã phát biểu ra điều đó một cách có ý thức.

Chúng ta đã thấy toàn bộ triết học tự nhiên của Pê-pi-quya thấm đượm sự mâu thuẫn giữa bản chất và tồn tại, giữa hình thức và vật chất. Nhưng trong các vật thể vô trụ mâu thuẫn ấy bị thủ tiêu, những yếu tố chống lại nhau ấy đã dung hoà. Trong hệ thống vô trụ vật chất đã tiếp nhận hình thức vào bản thân mình, đã thu nạp vào bản thân mình tính cá biệt, và nhờ vậy nó đạt được tính độc lập của mình. Nhưng sau khi đạt đến điểm này rồi thì vật chất ấy không còn là sự khẳng định tự ý thức trừu tượng nữa. Trong thế giới các nguyên tử cũng như trong thế giới các hiện tượng, hình thức đấu tranh với vật chất; một sự xác định này thủ tiêu sự xác định kia, và chính trong sự mâu thuẫn ấy thì tự ý thức trừu tượng - cá biệt đã cảm nhận rằng bản chất của nó đã mang tính chất vật chất. Hình thức trừu tượng - hình thức này, trong hình dạng vật chất, đã đấu tranh với vật chất trừu tượng - chính là tự ý thức ấy. Nhưng giờ đây, khi vật chất đã dung hoà với hình thức và trở nên độc lập, thì tự ý thức cá biệt thoát ra khỏi cái mặt nạ của mình, tự tuyên bố mình là nguyên lý đích thực và đứng lên chống lại giới tự nhiên đã trở nên độc lập.

Mặt khác, điều này có thể được biểu thị như sau: sau khi đã cảm thụ vào bản thân tính cá biệt, hình thức - như điều đó đã diễn ra trong các vật thể vô trụ - thì vật chất thời không còn là tính cá biệt trừu tượng nữa. Nó đã trở thành tính cá biệt cụ thể, tính phổ biến. Như vậy, trong các hiện tượng vô trụ thì cái đứng lên chống lại tự ý thức trừu tượng cá biệt là sự bác bỏ nó, với tất cả sự chói sáng của mình, một sự bác bỏ đã mang hình thức vật chất, - cái đứng lên là cái

phổ biến đã trở thành sự tồn tại và giới tự nhiên. Trong các hiện tượng vô trụ, tự ý thức nhận ra kẻ thù của mình. Do đó, tự ý thức gần như những hiện tượng vô trụ kỳ mọi nỗi sợ hãi và sự bối rối của con người, như Pê-pi-quya đã làm. Bởi vì nỗi sợ hãi và sự diệt vong của cái trừu tượng - cá biệt chính là cái phổ biến. Như vậy, ở đây nguyên lý chân chính của Pê-pi-quya, tự ý thức trừu tượng - cá biệt thời không còn ẩn nấp nữa. Nó ló ra khỏi nơi ẩn nấp của mình, và sau khi thoát ra khỏi cái vô vật chất của mình, nó cố gắng thủ tiêu tính hiện thực của giới tự nhiên đã trở nên độc lập - thủ tiêu tính hiện thực ấy bằng cách giải thích trên cơ sở khả năng trừu tượng: cái gì có thể thì có thể diễn ra và theo cách khác, cũng có thể có cả cái đối lập của cái có khả năng. Do đó mà có sự luận chiến chống lại những ai giải thích *αλφα*, nghĩa là chỉ theo một cách xác định nào đó, về các vật thể vô trụ; bởi vì cái cá biệt là cái cốt yếu và là cái độc lập tự nó.

Vậy là, chúng nào giới tự nhiên, cũng như nguyên tử và hiện tượng, thể hiện tự ý thức cá biệt và mâu thuẫn của nó, thì tính chủ thể của tự ý thức chỉ biểu hiện ra dưới dạng chính bản thân vật chất; ngược lại, ở đâu mà tính chủ thể ấy trở nên độc lập, thì tự ý thức lại hướng vào bản thân, chống lại vật chất dưới hình ảnh của chính mình, với tư cách là hình thức độc lập.

Có thể nói trước rằng ở đâu mà nguyên lý của Pê-pi-quya được thực hiện thì nguyên lý ấy thời không còn là hiện thực đối với ông nữa. Bởi vì nếu quả thật tự ý thức cá biệt lại phục tùng tính xác định của giới tự nhiên hoặc là giới tự nhiên lại phục tùng tính xác định của ý thức cá biệt, thì tính xác định của tự ý thức

cá biệt tức là sự tồn tại của nó, sẽ chấm dứt bởi vì chỉ có cái phổ biến - trong sự khác biệt tự do với bản thân mình - mới có thể đóng (thực hiện) sự khẳng định của mình.

Như vậy, học thuyết về các hiện tượng vũ trụ biểu hiện tính hỗn của triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-a. Không có gì vĩnh cửu nếu nó thủ tiêu sự thân nhiên của tự ý thức cá biệt. Các vật thể vũ trụ phổ và sự thân nhiên của tự ý thức, sự bình đẳng của nó với bản thân nó, vì các vật thể vũ trụ là cái phổ biến hiện hữu, vì trong chúng giới tự nhiên trở nên độc lập.

Như vậy, không phải chiêm tinh học của Ac-sê-tơ-rát - như Khi-đíp²⁶¹ nghĩ - là nguyên lý của triết học Ê-pi-quy-a, mà là tính tuyệt đối và tự do của tự ý thức, mặc dù tự ý thức ấy chỉ được hiểu dưới dạng cái cá biệt.

Nếu tự ý thức trừu tượng - cá biệt được giả định là nguyên lý tuyệt đối thì mọi khoa học chân chính và hiện thực dĩ nhiên sẽ bị thủ tiêu, chứng nào tính cá biệt không ngự trị trong bản chất của chính các sự vật. Song lại, tất cả những gì là siêu nghiệm đối với ý thức con người, do đó, những gì thuộc về lý trí suy tưởng cũng sụp đổ. Ngược lại nếu người ta tuyên bố nguyên lý tuyệt đối là một tự ý thức chỉ tự nhận biết mình dưới dạng tính phổ biến trừu tượng thì điều đó sẽ mở rộng cánh cửa cho thuyết thần bí dị đoan và không tự do. Chúng ta tìm thấy bằng chứng lịch sử về điều này trong triết học khắc kỷ. Tự ý thức trừu tượng - phổ biến chứa đựng ý hướng muốn khẳng định mình trong bản thân các sự vật, mà nó thì chỉ có thể tự khẳng định trong các sự vật bằng cách phủ định chúng.

Vì vậy mà Ê-pi-quy-a là nhà khai sáng Hy Lạp vĩ đại bậc nhất, và ông đã nhận được lời khen của Lu - cre-xô²⁷¹.

Trung thời đại, mà trước mắt mọi người

Cuộc sống của loài người tàn tạ lại là một cách quá quắt

Dựa sự thông tri năng nề của tôn giáo,

Thì từ trên trời, sự cương vị kẻ dẫn đầu,

Từ nơi ấy, vào lò lửa ghê gớm hướng vào

Những người trần thế bị đẩy xuống thung lũng.

Người Hy Lạp ấy một mình lên đầu da dăm

Hướng những con mắt trần thế chống lại tôn giáo,

Và cả gan đứng lên chống lại nó.

Cá nhưng lời phản truyền về các vị thần

Cũ nhưng tia chớp của sự - cả tiếng gầm dữ tợn

Đã không làm cho bầu trời của người Hy Lạp sụp.

.....

Vậy là, đến lượt mình, giải chân chúng ta

Đã chỉ đập lên tôn giáo, còn bản thân chúng ta

Sẽ được khắc khắc hoàn đưa lên tận trời cao

Sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của Đề-mô-crit và của Ê-pi-quy-a - mà chúng tôi đã xác định ở cuối phần tổng quát - đã được tiếp tục phát triển và xác nhận trong mọi lĩnh vực của giới tự nhiên. Ê-pi-quy-a đã thực hiện nguyên tử luận, đã hoàn chỉnh nó, đã đưa nó đến những kết luận cuối cùng với tất cả những mâu thuẫn của nó, trong tư cách là khoa học tự nhiên của tự ý thức, còn tự ý thức - dưới hình thức tính cá biệt trừu tượng - là nguyên lý tuyệt đối đối với bản thân nó, đó là nguyên lý loại bỏ nguyên tử luận và là sự đối lập cá ý thức của cái phổ biến. Ngược lại, đối với Đề-mô-crit

thì nguyên tử chỉ là sự biểu hiện chung khách quan của sự nghiên cứu bằng kinh nghiệm về giới tự nhiên nói chung. Đối với ông, vì vậy nguyên tử là một phạm trù thuần túy và trừu tượng, là giả thuyết, kết quả của kinh nghiệm, chứ không phải là nguyên lý năng động của ông, vì vậy giả thuyết này không được thực hiện, cũng hội như sự phát triển hơn nữa của sự nghiên cứu thực tế về giới tự nhiên đã không được xác định bởi giả thuyết ấy.

TRÍCH ĐOẠN RÚT TỪ PHỤ LỤC

[PHÊ PHÁN CUỘC LUẬN CHIẾN CỦA PLU-TÁC-XƠ CHỐNG LẠI THẦN HỌC CỦA Ê-PI-QUYRA]¹⁷

[II. SỰ BẤT TỬ CÁ NHÂN]

[I. VỀ CHỦ NGHĨA PHONG KIẾN TÔN GIÁO, ĐỊA NGỤC ĐỐI VỚI DÂN ĐEN]

Sự xem xét vấn đề lại được phân chia ra thành thái độ của "những kẻ không chính đáng và xấu xa", sau nữa của "những kẻ thuộc đám đông và những kẻ vô học" và sau hết, thái độ của "những người trung thực và chín chắn" (như trên, tr. 1104)¹⁸ đối với học thuyết về sự tồn tại của linh hồn sau cái chết. Chỉ riêng sự phân chia này, với những sự phân biệt vô phẩm chất cố định của cách phân chia ấy, đã chứng tỏ Plu-tác-xơ đã không hiểu Ê-pi-quyra đến mức nào; Ê-pi-quyra là nhà triết học đã xem xét quan hệ bản chất của linh hồn con người nói chung.

Đối với những kẻ không chính đáng, người ta lại vẫn chỉ ra nỗi sợ hãi như là phương cách cải tạo, vì vậy đã có sự biện

minh cho nỗi khiếm sợ hãi mà đáng tối cao đã truyền cho nhận thức cảm tính. Chúng tôi đã xem xét lời phản bác này. Vì trong nỗi sợ hãi - hơn nữa là nỗi sợ hãi nội tại, không khác phục được - con người bị hạ thấp xuống ngang tầm súc vật, cho nên đối với súc vật nói chung không cần biết nó bị kiểm chế bằng cách nào.

Bây giờ chúng ta bàn về quan điểm của "những người thuộc đám đông" tuy xét cho cùng người ta thấy là có không nhiều người xa lạ với quan điểm này, nói đúng ra, tất cả mọi người - "có thể nói không ngoa rằng tất cả" - đều thể trưng thành với ngọn cỏ ấy".

"Những con người thuộc đám đông, ngoài nỗi sợ hãi về thế giới sau khi chết, thì họ cũng tràn đầy niềm tin thiêng và bản huan hức niềm hy vọng - được các thần thánh giao vận lòng họ - vào sự bất tử và bởi niềm khao khát được tồn tại, đó là một sự đam mê có sức nhất và mạnh nhất trong tất cả những đam mê. - khiến họ nản lại nếu sợ hãi ngày lụi (tr.1104). Nhưng người bị mất con, mất vợ và hận thù thì muốn rằng họ được tồn tại và ru trở ở đâu đó, do là sống giữa những đau khổ, chứ không phải hoàn toàn bị chết, không bị thủ tiêu và bị biến thành cái hư vô. Vì vậy, họ sẵn sàng nghe lời người khác nói về người chết rằng người chết ấy đã đi cư vào thế giới khác hoặc là người chết ấy đã thay đổi chỗ ở của mình, cũng như những cách diễn đạt khác tương tự mà các chết được hiểu thì - bằng những cách diễn đạt ấy. - không phải như là một sự thủ tiêu mà như là sự thay đổi nơi cư trú của linh hồn (tr.1104). Họ dám ra khỏi đám khi họ nghe nói về người chết. 'đã chết', 'đã bị thủ tiêu', 'không còn người ấy nữa' ... Nhưng họ bị giáng một đòn quật định bởi những kẻ nói rằng: 'Chúng ta là những người sinh ra một lần, không một ai được sinh ra lần thứ hai'. Cho nên họ đã coi cuộc sống hiện tại, vì với cái vĩnh hằng, có ít ý nghĩa, hay nói đúng hơn, chẳng xem cuộc sống ấy có một ý nghĩa nào cả, vì thế mà họ sống lầy lắt, không lo dụng cuộc sống; vì sợ hãi nhất của

minh họ đã xem thường việc làm nhân tử và hoạt động và họ tự hình vẽ bản thân như là những kẻ chỉ sinh ra cho mỗi ngày, những kẻ không vững vàng và không có khả năng làm được việc gì xứng đáng (tr.1104). Vì sự thừa vãng nhưng rậm rạp và sự suy đồi cũng như học thuyết cho rằng những gì là vô cảm thì chẳng liên quan đến chúng ta về bất cứ phương diện nào. - cũng không loại bỏ được sự sợ hãi trước cái chết, mà tựa hồ như xác nhận nỗi sợ hãi ấy. Bởi vì đây chính là cái mà thiên nhiên lo sợ .. tức là một sự hủy hoại linh hồn trong đó nó mất đi khả năng tu duy và cảm giác. Ê-pi-cu-rơ miêu tả sự hòa tan rã của linh hồn trong khoảng trống và sự phân rã của linh hồn thành các nguyên tử, ông lại phá hủy hơn nữa niềm hy vọng về sự bất tử, niềm hy vọng mà vì nó - có thể nói không ngoa - tất cả mọi người, dân ông, cũng như dân bà đều sẵn sàng để cho Xa-bê-rô xé nát mình ra và cắn răng chôn nước đổ vào cái thùng không đáy của Đa-nu-ri, để có thể tiếp tục cuộc sống của mình và không bị tiêu diệt hoàn toàn". Như trên, tr.1105.

Nói đúng ra, không có sự khác biệt về chất so với mức độ trước đó, nhưng cái mà trước kia biểu hiện ra dưới hình thức nỗi sợ hãi của loài vật thì giờ đây được biểu hiện ra dưới hình thức nỗi sợ hãi của con người, dưới hình thức cảm giác. Nội dung thì vẫn thế.

Người ta bảo chúng tôi rằng niềm khao khát tồn tại là hình thức cổ xưa nhất của tình yêu. Dĩ nhiên, hình thức trừu tượng nhất và, do đó, cổ xưa nhất của tình yêu là lòng tự ái, tình yêu đối với tồn tại riêng của mình. Nhưng trên thực tế điều đó là sự thể hiện quan điểm quá công nhiên đối với vấn đề này, trên lời nói người ta khước từ quan điểm này, và người ta phủ lên sự việc ảnh hưởng quang long lạnh của sự cao cả, của một tình cảm do ảo tưởng đẻ ra.

Vậy là, những ai bị mất vợ con thì đều mong muốn họ được tồn tại ở đâu đó, tuy là họ sống khổ cực, còn hơn là họ hoàn

toàn không còn sống nữa. Nếu vấn đề chỉ là tình yêu thì cần phải nói rằng vợ và con của cá nhân ấy được giữ gìn trong tìm anh ta với sự trong sáng lớn nhất, và đó là hình thức tồn tại cao hơn nhiều so với tồn tại bằng kinh nghiệm. Nhưng vấn đề lại khác hơn thế. Vợ và con, với tư cách là như thế, chỉ có sự tồn tại kinh nghiệm, bởi vì bản thân cá nhân, mà họ thuộc về cá nhân ấy, lại tồn tại trên phương diện kinh nghiệm. Vậy là, sự lựa chọn của cá nhân ấy muốn họ có mặt đầu đó, trong một không gian được cảm thụ bằng cảm giác - mặc dù họ sống khổ sở - còn hơn là không được sống ở đâu cả. - sự lựa chọn ấy chỉ có nghĩa là cá nhân ấy mong muốn ý thức được sự tồn tại mang tính kinh nghiệm của chính mình. Cái vô tính yêu chỉ là cái bóng cho, còn cái nhân bên trong là cái "Tôi" mang tính kinh nghiệm trần trụi, là lòng tự ái, là hình thức cổ xưa nhất của tình yêu, - nó đã không đổi mới, đã không biến thành hình thức cụ thể hơn, lý tưởng hơn.

Theo ý kiến của Plu-tác-xơ, từ ngữ "thay đổi" nghe dễ chịu hơn là "chấm dứt hoàn toàn sự tồn tại". Nhưng theo ý kiến của Plu-tác-xơ sự thay đổi không được mang tính chất chất lượng, cái "tôi" cá biệt phải hiện diện trong tồn tại cá biệt của mình; vậy là, từ ngữ này chỉ là quan niệm cảm tính về cái nó là cái gì, song nó phải có nghĩa là một cái gì đó đổi lặt. Mọi cái chung quy là không thay đổi, mà chỉ làm lu mờ thực chất vấn đề; việc đẩy lùi vào cõi xa xăm viễn tưởng chỉ có nhiệm vụ che đậy bước nhảy vọt về chất, và mọi sự khác biệt về chất đều là bước nhảy vọt - không có những bước nhảy vọt ấy thì không có tính lý tưởng.

Tiếp đó Plu-tác-xơ cho rằng đó là ý thức¹⁷...

¹⁷ Đến đây phần bản thảo viết tay của lưu giữ được bị đứt đoạn.

[CHÚ THÍCH]¹⁸

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ KHÁC NHAU GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-CUYA NỘI CHUNG

II. NHỮNG SUY XÉT VỀ QUAN HỆ GIỮA VẬT LÝ HỌC CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ VẬT LÝ HỌC CỦA Ê-PI-CUYA

1) *De-a-gien, Lettere* X 4: "Cả các môn đồ của nhà triết học khác kỷ Pô-xi-đô-ni, cả Nicô-ma-cô, và Xô-tô-ô-nô cũng...[không định] rằng ông ta (Ê-pi-cuy-a) đã truyền bá những học thuyết của Đề-mô-crít về nguyên tử và học thuyết của A-ri-x-tô về học thụ như là những học thuyết của chính mình".

2) *Xi-xô-rô-gi*, "Về bản chất của các vị thần", I, 26, [72]. "Trong vật lý học của Ê-pi-cuy-a có cái gì không phải là của Đề-mô-crít? Nền nhà rằng nếu như ông ta (Ê-pi-cuy-a) có đưa một số thay đổi vào... thì dù sao trong đó về các luận điểm của mình ông ta cũng khẳng định chính điều đó mà thôi".

3) *Xi-xô-rô-gi*, "Về cái thiện cao nhất và cái ác", I, 6[21]: "Như là, tất cả những gì ông ta (Ê-pi-cuy-a) thay đổi thì ông ta đều tuyên tạc, còn những luận điểm của ông ta theo thì hoàn toàn là của Đề-mô-crít".

Như trên [17, 18]... trong môn vật lý học - là môn khoa học mà ông ta đặc biệt khoe khoang - trước hết ông ta hoàn toàn không im lặng; ông ta có những điều hỗ trợ cho Đề-mô-crít, dựa vào những sửa đổi không

dàng gi, nhưng - chỉ là thì theo quan điểm của tôi - lại xuyên tạc những điều mà ông ta muốn sửa đổi... Còn ở chỗ này ông ta theo ĐE-MÔ-CRÍT thì ông ta hầu như không có những sơ suất".

4) *Phu-tác-xơ*, "Cổ-lối" ["Chống Cổ-lối"] (ấn bản của Kri-ten-dơ), tr. 1109: "Lẽ dĩ nhiên, khẳng định rằng ĐE-MÔ-CRÍT được E-pi-quy-a đánh giá cao vì ĐE-MÔ-CRÍT đã đi đến sự nhận thức đúng đắn..., vì hơn hẳn E-pi-quy-a, ĐE-MÔ-CRÍT đã lần ra được đầu với những yếu tố ban đầu của tự nhiên". Hay tham khảo sách đồ dẫn, tr. 1111.

5) *Phu-tác-xơ*, "Về ý kiến của các nhà triết học", t. V, tr. 236, ấn bản của Tau-khơ-mit-xơ: "E-pi-quy-a, con trai của Na-s-ela, quê ở A-ten, là người trong triết học của mình, đã đi theo con đường của ĐE-MÔ-CRÍT..."

6) *Phu-tác-xơ*, "Cổ-lối", tr. 1111, 1112, 1114, 1115, 1117, 1119, 1120 và các trang tiếp theo.

7) *Cla-măng ở A-lếch-xăng-đria*, "Những tếm thềm", VI, tr. 629 (xuất bản ở Khuen). "Và ủa, ngay E-pi-quy-a cũng vay mượn ở ĐE-MÔ-CRÍT những luận điểm cơ bản của mình..."

8) *Như trên*, tr. 298: "Hỡi anh em, hãy cẩn thận đừng để ai đó cảm dỗ các anh em bằng triết học và bằng sự quyền và rộng tuyển. theo truyền thuyết của người đời, theo những thủ tục tự phát trên thế gian, chứ không phải theo đúng Ká-tô!". (Các anh em hãy tránh! không phải mọi thứ triết học, mà tránh thứ triết học như triết học của E-pi-quy-a mà Pôn đã nhắc đến trong cuốn "Bách công đồ công vụ", trong đó ông lên án triết học ấy vì nó đã bãi bỏ Thiên mệnh... và mọi thứ triết học khác nếu nó đã cao các lực lượng tự nhiên, không đặt lên trên chúng khỏi nguyên sáng tạo và không đi đến ý tưởng về tạo hóa".

⁴ Kinh thánh. Tân ước. Thư của ông đồ Pôn gửi giáo dân Cổ-lô-sô, chương 2, câu thơ 8.

9) *Xích-xơ Kim-gi-tích*, "Chúng ta các nhà quân học" xuất bản ở Gio-ne-vơ [t. 273]: "E-pi-quy-a bị tổ giám đã đánh cắp của các thí nghiệm luận điểm quan trọng nhất của mình. Bởi vì, hóa ra ông ta đã rơi ra luận điểm của mình - nói rằng giới hạn sức mạnh của những khối cảm là sự loai bỏ đầy đủ nhất nỗi đau đớn - từ một câu thơ [của Hô-me]"

Và khi người ta làm người con đời

Bằng nước uống và thức ăn".

Còn lại khẳng định về cái chết, rằng đối với chúng ta cái chết không là gì hết, thì ông ta đã được gợi ý qua danh ngôn của E-pi-hắc-tơ:

"Tôi chẳng cần biết, chết hay là trở thành người chết..."

Cũng như [lời khẳng định] rằng khi trở thành xác chết thì các thần thể không cảm nhận được gì hết, - ông ta cũng vay mượn ở Hô-me, là người đã từng nói:

Lẽo dân ông diêm rồ đã làm ở ước miệng đất cảm lòng".

10) *Bức thư của Lut-bơ-ni-xơ gửi Dệ Hê-dê* trong đó giải thích sự trình bày v.v..., tr. 68, t. 2, [Gio-ne-vơ, 1768], ấn bản của Duy-lan [Toàn tập].

11) *Phu-tác-xơ*, "Cổ-lối", tr. 1111: "Cán chế trách ĐE-MÔ-CRÍT tuy vậy nhiên không phải về việc ông đã đưa ra các kết luận rất xa từ [nguồn] tại của những yếu tố ban đầu của mình, mà về việc ông đã đưa ra những yếu tố ban đầu dẫn đến những kết luận như thế... Nếu với sự lượng thành sự thể công là như thế, thì như vậy phải chăng ông ta" (E-pi-quy-a) "đã thừa nhận rằng ông làm cái việc mà ông đã quen? Chẳng hạn, loại bỏ sự mất khối, theo lối ông, như thể là ông đã gác lại lòng mơ đạo, khi khẳng định rằng ông tìm kiếm tình bằng hữu chỉ vì khoái cảm thì [đồng thời] ông

¹ Hô-me, "I-liat", Bài ca I, câu thơ 468

² Như trên, Bài ca XXIV, câu thơ 64

tuyên bố rằng vì bản thể mà ông chịu đựng những nỗi đau đớn lớn nhất; như nhận tính và xử dụng của thể giới, ứng lại khuôn từ những quan niệm) về "phía trên" và "phía dưới".

III. NHỮNG KHÓ KHĂN NẢY SINH TRONG VIỆC QUY ĐỒNG TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VỚI TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PÍ-QUYA

1) *A-ri-xtô*, "Về linh hồn", I, tr. 8 (thông bản in do To-ron-đô-len-huộc xuất bản): "Đối với ông" (tức là Đê-mô-crít) "linh hồn và lý trí hoàn toàn trùng khớp, bởi lẽ cái hiện hữu đích thực và hiện tượng trùng khớp"

2) *A-ri-xtô*, "Siêu hình học", IV, c. "Đó là lý do tại sao, chẳng hạn, Đê-mô-crít lại khẳng định rằng hoặc là không có gì đích thực cả, hoặc là nó là điều chúng ta không với tới được. Nói chung, nhờ tư duy lý trí đồng nhất với sự cảm thụ cảm tính - mà cảm thụ cảm tính lại được thừa nhận là sự hiện hữu, vô chất - nên người ta đi đến sự khẳng định rằng cái hiện hữu - như nó được cảm thụ - chính là cái hiện hữu - đích thực tất yếu. Chính dựa trên cơ sở này mà Ê-pít-đôc-clê khẳng định rằng khi trong thời [trước] thay đổi thì trong người ta khả năng nhận thức cũng thay đổi, cớ Đê-mô-crít cũng khẳng định điều đó, và có thể nói rằng trong số tất cả các nhà triết học khác thì mỗi nhà triết học đều rơi vào những quan điểm như thế".

Tuy nhiên, ở đoạn này của chính tác phẩm "Siêu hình học" đã biểu hiện mâu thuẫn.

3) *Di-đô-gien La-éc-xơ*, IX, 72: "Nhưng thậm chí cả Cắc-mô-phôn, cá Đê-nông ở Nô-lê, cả Đê-mô-crít, theo ý kiến của họ, đều là thuộc trường phái hoài nghi... Còn Đê-mô-crít [ta nói]: "Vây mà quả thật là chúng ta không am hiểu gì hết, bởi vì chân lý bị giấu kín trong vực sâu thâm trầm"

4) Tham khảo *Rut-so*, "Lịch sử triết học cổ đại", ph. I, tr. 579 và các trang tiếp theo.

5) *Di-đô-gien La-éc-xơ*, IX, 44: "Theo quan điểm của ông" (tức là của Đê-mô-crít) "thì những yếu tố ban đầu của tất cả cái hiện hữu là nguyên tử và khoảng trống, tất cả những cái khác chỉ là kết quả của một sự thừa nhận mang tính ước lệ, là ý kiến".

6) *Di-đô-gien La-éc-xơ*, IX, 72: "... Còn Đê-mô-crít thì bác bỏ khối lượng ở đoạn ông nói: "Chỉ có trung ý kiến mới tồn tại cái lạnh, chỉ có trong ý kiến mới tồn tại cái nóng; còn trên thực tế chỉ có các nguyên tử và khoảng trống".

7) *Xim-pli-át*, trong tập các chủ nghĩa gốc A-ri-xtô [do Bran-đi-xơ sưu tầm], tr. 488: "Song tư chúng [tức là tư các nguyên tử ông tin] (tức là Đê-mô-crít) "tuyệt nhiên đã không làm ra (chỉn nhận) thật sự thống nhất. Bởi vì thật hoàn toàn là ngẫu nhiên (nếu tưởng rằng) hai hoặc nhiều cái có thể lúc nào đó tạo ra một cái".

Như-tên, tr. 514: "Chính vì thế mà họ" (tức là Đê-mô-crít và Lép-kíp) "đã phủ định sự hình thành số nhiều từ cái duy nhất..., cũng như phủ định sự hình thành sự duy nhất chính (nó đích) thực từ số nhiều. Nhưng chỉ có vẻ dường như do sự liên kết các nguyên tử nên mới xuất hiện cái chính thể duy nhất này hoặc cái chính thể duy nhất kia".

8) *Pít-ta-cơ-xơ*, "Cổ-lội", tr. 1111: "... những nguyên tử mà ông" (tức là Đê-mô-crít) "gọi là những ý tưởng"

9) Hãy tham khảo *A-ri-xtô*, đoạn đã dẫn.

10) *Di-đô-gien La-éc-xơ*, X, 121: "Ông ta" (tức là nhà thông thái) Ê-pi-quy-a nói) "có đưa ra những học thuyết thực chứng, chứ sẽ không luận đoán trong vấn đề của tranh chấp".

11) *Pít-ta-cơ-xơ*, "Cổ-lội", tr. 1117: "Vì một trong số các luận điểm của

Ê-pi-cu-rơ nói: "ngoài nhà thông thái ra, sẽ không có một ai lại có niềm tin không thể lay chuyển khiến cho người ta không thể làm cho người ấy nghĩ lại".

12) Xi-xê-rông, "Về bản chất các vị thần", I, 26: "Theo sự khẳng định của ông" (tức là của Ê-pi-cu-rơ) "mọi cảm giác đều là những thông tin về các chân lý".

Hãy tham khảo Xi-xê-rông, "Về các thiện lợi cao và các ác", I, 7

(Ptu-tác-xơ), "Về ý kiến của các nhà triết học", IV, tr. 287: "Theo ý kiến của Ê-pi-cu-rơ thì mọi cảm giác và mọi quan niệm đều là thực".

13) Di-ô-gi-en La-éc-xơ, X, 31: "Vây là, trong các phẩm "Giáo luật" Ê-pi-cu-rơ khẳng định rằng các tiêu chuẩn của chân lý là những cảm thụ cảm tính, cũng như các dự cảm và cảm giác... và không gì có thể bác bỏ được chúng". 32: "Thật vậy, sự cảm thụ cảm tính đồng nhất không thể bác bỏ cái khác đồng nhất với nó, bởi vì chúng ngưng bặt nhau, còn cái không đồng nhất thì không thể bác bỏ cái không đồng nhất, bởi vì chúng không suy xét về cùng một cái. Và nói chung thì một sự cảm thụ cảm tính này không thể phản xét sự cảm thụ khác, bởi vì chúng ta đều lắng nghe tất cả những sự cảm thụ ấy như nhau. Nhưng cả lý trí cũng không thể phản xét các cảm thụ cảm tính; bởi vì bản thân lý trí hoàn toàn phụ thuộc vào chúng".

14) Ptu-tác-xơ, "Cơ-lốt", đoạn đã dẫn: "Tất cả những điều mà Đê-mô-crit đã nói, cụ thể là máu sắc, vị ngọt, sự kết hợp... đều chỉ là tín hiệu trong ý kiến được mọi người công nhận, [chứ trên thực tế tất cả những cái đó chỉ là khoảng trống và] những nguyên tử - ông (tức là Cơ-lốt) nói - [đều mâu thuẫn] với những cảm thụ cảm tính... tôi không cần phải bàn bố sự không định này, tôi chỉ có thể nói rằng những luận điểm dẫn ra ở trên cũng không khác rời những luận điểm của Ê-pi-cu-rơ cũng giống như - theo lời phê phán của chính họ [trường phái Ê-pi-cu-rơ]: bản thân và trọng lượng không tách rời khỏi nguyên tử. Vậy Đê-mô-crit không định điều gì? - Những bản chất nhiều vô kể, không thể phân chia và không thể phân biệt, không có phẩm chất và không chịu tác động, chuyển động tẩn man trong

không trống. Khi chúng tiến đến gần nhau hoặc va đập vào nhau, hoặc đan xen nhau thì sự tích tụ chúng làm cho ta có ấn tượng lúc thì về nước, lúc lại về lửa, lúc thì về cây cỏ, lúc thì về con người, nhưng thật ra tất cả những cái đó là những nguyên tử mà Đê-mô-crit gọi là những ý tưởng, chứ không phải cái gì khác. Bởi vì, theo ý ông, [mọi] sự phát sinh từ cái không tồn tại để bị loại trừ, mà ta [chứ tồn tại] thì không có gì có thể hình thành được. Vì các nguyên tử, do không thấm thấu, nên không thể có những sự tác động từ bên ngoài, cũng như những biến đổi nội tại; từ đó thấy rằng cả máu sắc cũng không thể hình thành từ cái không màu sắc, cả thiện nhiên hoặc hình hồn cũng không thể hình thành từ cái phi chất lượng. Vây, cảm chế trách Đê-mô-crit tuyệt nhiên không phải vì ông ấy đưa ra những kết luận từ [lưu tồn tại] của những yếu tố ban đầu, mà vì ông ta đưa ra những yếu tố ban đầu dẫn đến những kết luận như thế... Còn về Ê-pi-cu-rơ thì ông ấy khẳng định rằng ông ta giữ định kiến [âm u và cho mọi cái], chính những khởi nguyên (mà Đê-mô-crit đã giữ định), nhưng lại không nói rằng máu sắc... và những phẩm chất khác chỉ tồn tại trong ý kiến".

15) Xi-xê-rông, "Về các thiện lợi cao và các ác", I, 6 "Đê-mô-crit với tư cách là nhà khoa học và là người hoàn toàn hiểu rõ môn hình học quan niệm mặt tròn có kích thước vĩ đại, nhưng còn ông ta" (tức là Ê-pi-cu-rơ) "thì lại quan niệm mặt trời chỉ có kích thước vùn vụt khoảng hai phút; nghĩa là, ông cho rằng trên thực tế kích thước của mặt trời bằng kích thước mà chúng ta tưởng". Hãy tham khảo Ptu-tác-xơ, "Về ý kiến của các nhà triết học", II, tr. 265

16) Di-ô-gi-en La-éc-xơ, IX, 37: "Không những trong vật lý học và đạo đức học, mà cả trong toán học và trong các môn khoa học phổ thông, cũng như trong lĩnh vực tất cả các ngành nghề thuật, ông ta" (tức là Đê-mô-crit) "đã nắm vững hoàn toàn đầy đủ các tri thức".

17) Hãy tham khảo Di-ô-gi-en La-éc-xơ [IX], 46 - [49].

18) *Epistot*, "Chuyến đi kinh lược Am", X, tr. 474: "Ở đầu đó, vô số lần ông ta" (tức là Đề-mô-crít) "đã nói về mình với sự khoan khoáng: "... Trong số tất cả những nhân vật cùng thời với tôi, tôi là người đi qua phần lớn nhất của trần đất, nghiên cứu nhiều xa xôi nhất, tôi đã nhìn thấy nhiều miền đất và nhiều nước nhất, và tôi đã được nghe lời nói của một số hương lâu nhất các nhà khoa học, còn trong việc kết hợp các thông tin tuyến gần với bằng chứng thì chưa có ai nổi trội hơn tôi, ngay cả những người gọi là các nhà triết gia Ai Cập. Trong tất cả những [cuộc hành trình] ấy tôi đã đi với đông khách trong suốt tám mươi năm". Thật ra ông đã đi qua các nước Ba-bi-lon, Ba Tư và Ai Cập và có học tập ở các nhà tư tưởng Ai Cập".

19) *Di-ô-gien La-ê-xơ*, IX, 36: "Đề-mô-crít trong tác phẩm của mình "Các tác giả cùng tên" và An-ti-sphen trong tác phẩm của mình "Những kẻ hậu bối" đã khẳng định rằng ông ta" (tức là Đề-mô-crít) "đã thực hiện cuộc hành trình, đến Ai Cập và lưu lại ở chỗ các nhà tư tưởng để học môn hình học, sau đó đã ở chỗ bộ tộc Hân-ô-ô ở Ba Tư và đã đến Hồng Hải. Một số người khẳng định rằng ông đã gặp gỡ các thầy đồ giáo phái khổ hạnh của đạo Hên-đu ở Ấn Độ, và rằng ông đã đến Ê-ti-ô-pi-a".

20) *Xu-xê-rông* "Những cuộc đàm luận ở Tu-xu-lan", V, 39: "Khi Đề-mô-crít bị mất thị giác... ông ta, vị trưởng phụ tử, vẫn còn cho rằng thị giác thêm chỉ là vật cản trở đối với sự sắc sảo của trí tuệ, và trong khi những người khác thường không nhìn thấy những gì nằm dưới chân họ, thì ông ấy lại nhìn tới sự bất tận, không dừng lại ở bất cứ giới hạn nào".

Xu-xê-rông, "Về vai thiện tối cao và cái ác", V, 29: "Đề-mô-crít..., người mà, như người ta bảo, đã tự làm mất mắt mình chính là nhằm mục đích để cho trí tuệ của ông thoát li sự rã rời khỏi những suy tưởng".

21) *Lư-xơ, An-nô, Xê-nô-cô*, Bộ tác phẩm, II, Thư thứ 8, tr. 24 (xuất bản ở Am-xtê-r-dam, 1672): "Từ trước đến nay chúng ta lặp lại theo Ê-pi-quy-a: "... anh phải phục vụ triết học để đạt đến tư do chân chính. Nhưng

ai quy thuận và tuân theo hiến pháp minh cho triết học thì người ấy sẽ không phải chờ lâu; người ấy sẽ lập tức trở nên tư do. Bởi vì chính sự phục vụ triết học là tư do!"

22) *Di-ô-gien La-ê-xơ*, X, 128: "Thời niên thiếu thì không được tri hoãn việc nghiên cứu triết học đến thời gian sau này, khi về già thì không được chần chờ dè dặt việc đó. Bởi vì dù với công việc chăm sóc sức khỏe của tinh thần thì không một ai là người chưa chín chắn, cũng như quá chín chắn. Còn những ai nói rằng để tiến hành nghiên cứu triết học thì vẫn chưa đến lúc hoặc thời gian đã qua, ... thì người đó giống kẻ đã khẳng định rằng đối với hạnh phúc thì điểm chưa đến hoặc thời điểm ấy đã qua rồi. Hãy để cho ông già và chàng thanh niên triết lý; ông già triết lý để khi về già ông ta lấy lại cuộc trở trong niềm hạnh phúc mà cuộc sống luôn dè dặt trong quá khứ đã đem lại cho ông; chàng thanh niên triết lý để khi lớn trở anh ta đã có được - như ông già - lòng dũng cảm đứng trước tương lai". Hãy tham khảo *Cla-măng ở A-lếch-xan-đria*, IX, tr. 601.

23) *Xê-nô-kô-pi-rích*, "Chống lại các nhà toán học", I, tr. 1: "Các học trò của Ê-pi-quy-a và các môn đồ của Pi-rông hình như có năng lực lập trường trong cuộc luận chiến chống lại đại diện của các môn khoa học, song những tiến bộ xuất phát điểm của họ lại không giống nhau. Vì trường phái Ê-pi-quy-a cho rằng các môn khoa học không giúp gì vào việc đạt tới sự thông thái".

24) *Xê-nô-kô-pi-rích*, như trên, tr. 11: "Phải liệt Ê-pi-quy-a vào số đó, tuy rằng hình như ông cũng có thái độ thù địch đối với các đại diện của các môn khoa học".

Như trên, tr. 34: "... những người chống lại văn phạm, Pi-rông và Ê-pi-quy-a".

Hãy tham khảo *Phi-lô-xô*, "Về việc đi theo Ê-pi-quy-a thì không thể hưởng hạnh phúc", tr. 1094.

25) *Xi-xê-rông*, "Vô cái thiện tối cao và cái ác", I, 21: "Vây, không phải Ê-pi-quy-a vô học, mà kẻ ngu dốt là những ai nghĩ rằng đấng gì vào cần phải học những gì mà ông bà con họ làm xấu hổ nếu không biết điều đó".

26) *Di-ô-gi-en La-ê-xơ*, X, 13: "Trong tác phẩm 'Thần sự' A-pô-lô-đô mô tả rằng ông ta" (tức là Ê-pi-quy-a) "đã từng là người nghèo [i-xi-pi-nh] và Phác-si-phan giằng dặc. Bản thân ông thì phê nhận điều đó và trong bức thư gửi Ê-pi-clit ông mô tả rằng ông đã nghèo minh tự giằng dặc chu mình".

Xi-xê-rông, "Vô bản chất của các vị thần", I, 26: "Ông ta khoe" (tức là Ê-pi-quy-a) "khoe rằng ông không ra gì là thấy học của mình, vào sai thì có thể dễ dàng tin vào điều này, chẳng cần cả lời khoe khoang của ông".

27) *Xa-nô-cơ*, Bức thư số 52, tr. [176]- 177: "Ê-pi-quy-a nói có những người muốn hướng tới thần lý mà chẳng cần bất cứ một sự giúp đỡ nào từ bên ngoài; ông thuộc vào số người tự bản thân mở đường cho mình. Ông ca ngợi nhiều nhất chính là những con người ấy, những người nhờ sự thời vận một lại mà đã tự mình vươn lên, một cách độc lập. Mặt khác, lại có những người cần đến sự giúp đỡ của người khác, bản thân họ sẽ không tiến lên phía trước nếu như không có ai mở đường ở phía trước họ, nhưng đến khi đó họ sẽ đi theo cái hàng họ, từng đi theo Mô-xa-vi-đơ vào loại người ra theo ý ông, đây cũng là một cái tốt xuất chúng, nhưng chỉ thuộc loại hai".

28) *Di-ô-gi-en La-ê-xơ*, X, 10: "Mặc dù thói ỷ hỷ tự lợi trải qua thời kỳ nóng cổ nhất, nhưng ông [Ê-pi-quy-a] vẫn thường xuyên lưu lại ở đó và chỉ có đôi ba lần đi đến gặp bạn bè ở I-o-ni. Bản thân những người bạn ấy đã tự mình đến với ông (ở mọi nơi và sống với ông sống tương khu vườn, như A-pô-lô-đô cũng nói về điều này [theo lời A-pô-lô-đô] Ê-pi-quy-a đã mua khu vườn này với giá 80 min".

29) *Di-ô-gi-en La-ê-xơ*, X, 15: "... như Hec-mo-po thuật lại, đến khi ấy ông ta [Ê-pi-quy-a] ngồi vào bồn tắm bằng đồng để tẩy rửa da, yêu cầu đưa rượu vang nguyên chất và uống một ngụm". 310: "Và tiếp đó, sau khi dọn bàn bỏ nhà đến học thuyết của mình, ông đã qua đời".

30) *Xi-xê-rông*, "Vô số phận", X, "Ê-pi-quy-a" [cho rằng] có khả năng và tránh tất yếu định mệnh. Còn Đê-mô-crit thì lại tin chắc nhận rằng tất cả đều ra do tất yếu".

Xi-xê-rông, "Vô bản chất các vị thần", I, 26: "Để tránh khỏi sự tốt xấu, ông ta [Ê-pi-quy-a] đã nghĩ ra một cách quí biến nhiên là Đê-mô-crit đã không nghĩ tới".

Ê-pi-xê-tô, "Sự chuẩn bị kinh phúc Ám", I, tr. 23 và các trang tiếp theo: "Đê-mô-crit quả là xử Áp-đu-... [cho rằng] mọi cái đều chung, cả qua khứ, cả hiện tại, cả tương lai đều vốn dĩ được hoàn toàn định trước bởi sự tất yếu".

31) *A-ri-xtô*, "Vô nguồn gốc các loài động vật", V, B, "Đê-mô-crit ... quy mọi cái thành sự tất yếu".

32) *Di-ô-gi-en La-ê-xơ*, IX, 45: Đê-mô-crit "khẳng định rằng mọi cái diễn ra do sự tất yếu, rằng sự quay tròn hình xoắn ốc chính là nguyên nhân nảy sinh ra mọi cái, và ông đã coi chính sự quay tròn đang xoay ốc ấy là sự tất yếu".

33) *Philo-cô-rô*, "Vô ý kiến của các nhà triết học", I, tr. 332: "Theo Phác-mê-nit và Đê-mô-crit, mọi cái đều diễn ra do sự tất yếu, sự tất yếu ấy chính là số mệnh và là quyền lực, là sức khỏe, và là đấng sáng tạo ra thế giới".

34) *Xê-nô-bi*, "Đạo đạo về vật lý học", I, 8: "Phác-mê-nit và Đê-mô-crit khẳng định rằng mọi cái đều diễn ra do sự tất yếu và rằng nó là số mệnh, là quyền lực, là sức khỏe [và là đấng sáng tạo ra thế giới] [epi-kai] khẳng định rằng mọi cái đều diễn ra do sự tất yếu, còn sự tất yếu lại là số mệnh... Không một vật nào lại xuất hiện mà không có nguyên nhân, nhưng mọi cái đều xuất hiện] trong mỗi hiện hệ nhân quả và do sự tất yếu".

35) *Ê-pi-xê-tô*, "Sự chuẩn bị kinh phúc Ám", VI, tr. 267: Đối với ông (tức là Đê-mô-crit) số mệnh, định mệnh ... là kết quả của sự chuyển động rất

nhánh xuồng phía dưới và của sự chuyển động lên phía trên của các vật thể nhỏ hệ tổ tiên, những vật thể đã đơn giản như: vi tích của nhau ra. lần thì tích nhau ra, lần thì bị hòa tan là: *đơn giản* yếu.

36) Xê-nô-đây, "Những cuộc chạy đua và đua dẫm đạp", II, "Con người đã nghĩ ra cho mình hàng trăm sự ngẫu nhiên, [tức là] một sự kiện minh [để coi] cho tình trạng bất lực của hành mệnh (tức như là chỉ đối với một tri tuệ yếu đuối thì sự ngẫu nhiên mới là thể đúng đối lập)".

37) Ê-pi-cư-rê, "Sự chuẩn bị kinh phục ân", XIV, tr. 782 và các trang tiếp theo, "Khi đã là hàng dân của mọi sự hoàn hảo tình ngẫu nhiên, xem đó là nữ chúa và nữ hoàng của mọi cái thần thánh, và chúng mình rằng mọi cái diễn ra tuân theo sự lệnh quyền của và sự hoàng đế. ông ta tức là Đấng-một-đấng đồng thời cũng loại bỏ tình ngẫu nhiên ra khỏi đời sống con người, và ông gọi là những kẻ điên rồ những ai lên tiếng than nhận tình ngẫu nhiên. Thứ xem ít ra ông đã nói nhưng gì ở phần đầu tác phẩm của mình "Những đấng thần" "Còn người nghĩ ra cho mình hàng trăm sự ngẫu nhiên để biện minh cho sự dốt nát của chính mình. Vì xét về bản chất thì lý trí chống lại sự ngẫu nhiên. Và thế là kẻ thù đấng một của lý trí, theo sự khẳng định của con người, là ra mệnh hồn lý trí, hơn thế nữa, con người hoàn toàn loại bỏ lý trí và im đi không nói về nó, con người lại đặt sự ngẫu nhiên vào vị trí của lý trí. Vì họ hát ra ngợi không phải lý trí tốt lành, mà lý của sự ngẫu nhiên vô cùng để chịu".

38) Xê-nô-đây, tác phẩm đã dẫn, tr. 351, "Còn nói 'ngay xưa mọi người bầu là không có tình ngẫu nhiên' tưởng như thế tức tiếp âm chữ Đấng-một-đấng".

39) Di-ô-gên La-éc-ê, X, 133, "... về số mệnh - mà một số người đưa vào như là đấng nhân tế tội nhân - thì ông ta" (tức là Ê-pi-cư-rê) "tuyên bố không tồn tại sự mệnh. Nhưng (theo ý kiến của ông) rất này phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên, cái kia lại phụ thuộc vào bản thân chúng ta, vì sự tất yếu thì vô trách nhiệm, còn sự ngẫu nhiên thì hình như không có định; còn cái

phụ thuộc vào chúng ta thì mang tính tự tiện vì vậy buộc liền theo sau nó là sự phê phán, cũng như ông đối lập của nó", 134: "Thà nghe theo chân chân nói về các vị thần, còn hơn là trở thành kẻ nô lệ của sự định trước của các nhà vũ lý. Bởi vì thần thoại này làm cho người ta hy vọng làm đồng lương thường hai của các vị thần quan sự của các vị thần, còn sự định định thì chuẩn định sự tất yếu nghiệt ngã. Về sự ngẫu nhiên thì ông không tin đó là thần thánh như đám đông vẫn làm".

40) Xê-nô-đây, "Những bậc thầy", XII, tr. 34, "Thật là điều bất hạnh phải sống trong sự tất yếu, nhưng sống trong sự tất yếu thì tuyệt nhiên không phải là điều tất yếu... Ở đâu nhưng con đường dẫn tới tự do càng rộng mở, có nhiều con đường như thế, chúng ngẫu nhiên và dễ dàng. Chúng ta hãy nhìn ơn thượng đế về chuyện không thể giữ nổi sự trong cuộc đời. Kiểm soát ngày chính sự tất yếu đó là điều được phép làm. E-pi-cư-rê, đã nói".

41) Xê-nô-đây, "Về bản chất của các vị thần", I, 29, "Không phải nghĩ gì về chủ triết học ấy tức là triết học khác (đây), theo quan điểm của triết học ấy - như quan niệm của các mục sư, hơn nữa lại là những mục sư đại nài - thì mọi cái diễn ra theo ý của định mệnh. Những người đã được E-pi-cư-rê cứu thoát nhưng nói sự bất lực và đã có được tự do..."

42) Xê-nô-đây, sách đã dẫn, ch. 25, "Ông ta" tức là Ê-pi-cư-rê "cùng sử dụng cách thức bị trong cuộc luận chiến của mình chống lại các nhà biện chứng. Những nhà biện chứng dạy rằng trong tất cả những lời suy xét mang tính chất chia tách, trong đó đặt ra một số hai cực 'hoặc có, hoặc không', thì một trong hai điều của để hai cực ấy phải đúng. Vì khiếu sự trường hợp phải giả định tình huống chọn một trong hai, chẳng hạn giống như: 'Ê-pi-cư-rê ngày mai hoặc sẽ sống, hoặc sẽ không sống', - bất kể điều một trong hai điều sẽ không tránh khỏi xảy ra, cho nên ông đã hoàn toàn bác bỏ hiệu lực bất buộc của để hai cực 'hoặc có, hoặc không' ấy".

43) Xê-nô-đây, tác phẩm đã dẫn, tr. 351 "... nhưng ở chỗ nào mà ông ta đòi hỏi phải xác định những sự khác biệt giữa các loại hình đa dạng của

có theo một nguyên lý nào đó thì ngay cả Đề-mô-crit cũng không cho biết xác định bằng cách nào và trên cơ sở nào, vì vậy mà giống như là ông ta giả định một cách tùy tiện và ngẫu nhiên của những loại hình ấy”.

Xăm-pi-xi, tác phẩm đã dẫn, tr. 322: “Và ông này” (tức là Đề-mô-crit) “cũng đã cùng thừa nhận sự ngẫu nhiên trong quá trình tạo ra thế giới”.

44) Hãy tham khảo Áp-xê-u, tác phẩm đã dẫn, (XIV, tr. 781) - 782: “...và thế là ông ta” (tức là Đề-mô-crit) đã triết lý một cách trống rỗng và vô căn cứ như thế, khiến phát sự yếu tố ban đầu trống rỗng và cơ sở mong manh, không nhìn thấy gốc rễ và sự tất yếu chung của bản chất các vật, lại xem sự ngẫu nhiên ra những sự ngẫu nhiên mù quáng như là sự thông thái vi đại nhất”.

45) Xăm-pi-xi, tác phẩm đã dẫn, tr. 351: “Chính hạn, nếu có nó đã cảm thấy cơn khát, uống nước lạnh và sẽ khỏe mạnh thì Đề-mô-crit đã nhiên sẽ không nói rằng nguyên nhân của điều đó là sự ngẫu nhiên mà [sự coi nguyên nhân] là cơn khát đã khiến lấy người đó”.

Sách đã dẫn, tr. 351: “Ông ta” (về Đề-mô-crit) “thực ra cũng giả định có sự ngẫu nhiên trong quá trình tạo ra thế giới. Còn trong những hiện tượng mang tính chất bộ phận hơn thì ông không coi sự ngẫu nhiên là nguyên nhân của bất kỳ một hiện tượng nào trong số những hiện tượng ấy, nhưng ông lại quy những hiện tượng ấy cho những nguyên nhân khác. Ví dụ, nguyên nhân tạo thấy khu bầu lại được ông [ta] việc đào hồ hoặc nguyên nhân sự phát triển cây ở lâu là việc trồng cây này”

Hãy tham khảo Xăm-pi-xi, tác phẩm đã dẫn, tr. 351: “Còn trong các hiện tượng có tính chất bộ phận thì ông ta” (tức là Đề-mô-crit) “lại không thừa nhận sự ngẫu nhiên của nguyên nhân của bất kỳ một hiện tượng nào cả”.

46) Áp-xê-u, tác phẩm đã dẫn, XIV, tr. 782: “Theo người ta nói, bản thân Đề-mô-crit đã tuyên bố rằng ông thích [phát hiện ra] một nền liên hệ nhân quả còn hơn là hưởng thụ vàng bạc”.

47) (Phi-tóc-zô), “Về ý kiến của các nhà triết học”. II, tr. 261: “Ê-pi-quy-a không bác bỏ một ý kiến nào trong số ý kiến ấy” (tức là những ý kiến của các nhà triết học về thực thể của giới tự nhiên) “[mà tuân theo] cái có thể”.

(Phi-tóc-zô), tác phẩm đã dẫn, tr. 265: “Ê-pi-quy-a vẫn lại khẳng định rằng tất cả những ý kiến dẫn ra ở trên [về quy mô của mặt trời] là có thể có”.

Sách đã dẫn: “Ê-pi-quy-a [thừa nhận] rằng tất cả những ý kiến dẫn ra trên đây là có thể có”.

Xrô-bô, “Đam đạo về vật lý học”, I, tr. 54: “Ê-pi-quy-a không bác bỏ bất kỳ một ý kiến nào trong số những ý kiến ấy [về các vì sao] mà tuân theo cái có thể”.

48) Xê-nê-co, “Những vấn đề về giới tự nhiên”, [VI], XX, tr. 802, t. II: “Ê-pi-quy-a khẳng định rằng tất cả những nguyên nhân ấy có thể tồn tại, và ông ta toán tính đưa ra một loạt các nguyên nhân khác; đồng thời ông ta quả trách những ai khẳng định rằng chỉ có một nguyên nhân nào đó trong số những nguyên nhân ấy; vì thật khó báo đảm về bất kỳ một độ chính xác nào trong những vấn đề mà tất yếu chỉ có thể đưa ra những giả thiết về chúng mà thôi”.

49) Hãy tham khảo phần II, ch. 5.

Đi-ô-gi-en La-ét-xô, X, 88: “Song cần quan sát mỗi hiện tượng [về tự] dưới dạng mà chúng ta quan niệm về nó và cần giải thích tất cả những gì liên quan đến nó. Điều đó không mâu thuẫn với sự đa dạng của những hiện tượng đang diễn ra [trên trái đất]... Vì điều đó có thể diễn ra bằng mọi cách; vì không một hiện tượng nào chứng tỏ điều ngược lại...”

50) Đi-ô-gi-en La-ét-xô, X, 80: “Tiếp nữa, cần tranh định kiến cho rằng việc nghiên cứu những hiện tượng [về tự] ấy là không chính xác và không tinh tế, vì nó đưa chúng ta đến trạng thái a-ta-réc-xi và thỏa mãn”.

” Những chữ trong ngoặc đơn của Mác và Ăng-đây đã được dẫn ra trong bản luận án viết bằng tiếng Đức.

IV. SỰ KHÁC NHAU CHUNG CÓ TÍNH NGUYÊN TẮC GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-CUYA

1) Trong cuốn sách của mình viết về tiểu sử của Ma-xi-út, Phu-tác-xơ đã đưa ra một sự minh họa lịch sử ghê rợn cho thấy cái lối lên mặt đạo đức ấy đã thù tiểu như thế nào mọi sự vô tư lý luận và thực tiễn. Sau khi mô tả sự diệt vong khùng khiếp của dân tộc Kim-ve-ro, ông đã kể lại như sau: xác chết nhiều đến nỗi người Ma -xa-li⁵⁰ đã có thể dùng những xác chết ấy làm chất bón cho các vườn nho của mình. Sau đó, những cơn mưa đã đến, và đó là một năm được mùa lớn nhất về rượu vang và hoa quả. Sự diệt vong bí thảm của dân tộc này đã đưa nhà sử học cao quý ấy đến với những suy ngẫm như thế nào? Phu-tác-xơ cho rằng về phía thượng đế điều hoàn toàn hợp đạo lý là thượng đế đã để cho cả một dân tộc cao quý dùng đức bị diệt vong và rửa nát, cốt sao đem lại một vụ thu hoạch hoa quả dồi dào cho đám phi-li-xtan ở Má-cô-xây. Như vậy, ngay cả việc biến cả một dân tộc thành đồng phân cũng tạo ra một cơ tốt để chìm đắm vào những sự mơ mộng ngọt ngào có tính chất tằn tầy đạo đức!

2) Cũng như vậy đối với Hê-ghe-n, các học trò của ông chỉ biểu lộ sự ngu dốt của mình khi họ giải thích một điều xác định nào đó trong học thuyết của ông bằng một sự thích ứng và bằng điều gì đó tương tự. Tóm lại, họ giải thích bằng đạo đức. Họ quên rằng hoàn toàn chỉ với một dây thoi họ đã trảm trổ khám phục nhắc lại tất cả những điều phiên dịch của ông, điều đó có thể chứng minh một cách hoàn toàn rõ ràng cho họ thấy thông qua những ví dụ rút ra từ những tác phẩm của chính họ.

Nếu họ đã thật sự kính ngạc trước một môn khoa học đã được tạo ra ở dạng hoàn chỉnh, đến nỗi họ đã hiến dâng mình cho môn khoa học ấy với một sự tin cậy ngày thơ không có thái độ phê phán, thì thật là vô si biết bao khi họ quả trách vì thấy học rằng tưởng như ở đằng sau những quan điểm của ông đưa ra có ẩn chứa những ý định bí mật, quả trách thấy về điều đó, mà đối với ông ấy thì khoa học không phải là một cái gì đó đã có được dưới dạng hoàn chỉnh, mà chỉ mới đang được xây dựng mà thôi, cho nên dùng màu tính thần của trái tim của chính ông đã chảy theo nhịp đập đến tận vùng ngoài vi xa xôi nhất của nó. Ngược lại, quan hành động này họ đã tạo cái cơ để người ta nghi ngờ chính họ rằng trước kia họ đã không có thái độ nghiêm túc đối với công việc và giờ đây họ đấu tranh chống lại trạng thái trước kia của họ, gán trạng thái ấy cho Hê-ghe-n. Nhưng đồng thời họ quên rằng Hê-ghe-n có quan hệ trực tiếp, thực thể với học thuyết của mình, còn họ thì có quan hệ phản tư.

Hoàn toàn có thể hình dung được rằng nhà triết học có một hành động tưởng như là không nhất quán nào đó do một sự thích ứng nào đó; nhà triết học thậm chí có thể nhận thức được điều đó. Nhưng có một điều mà nhà triết học không nhận thức được, cụ thể là bản thân khả năng của sự thích ứng bề ngoài ấy có những gốc rễ sâu xa nhất ở trong tính chất chưa đầy đủ của nguyên lý của nhà triết học hoặc ở trong sự hiểu biết chưa đầy đủ của nhà triết học về nguyên lý của mình. Và nếu nhà triết học thật sự thích ứng thì công việc của các học trò của nhà triết học ấy là lấy ý thức nói tại, có tính bản chất của nhà triết học để giải thích - cái mà đối

nội tâm thân nhân triết học đã mang hình thức là *y thức ngoại lai*. Như vậy, cái gì đã trở thành tiền đề của lương tri thì đồng thời cũng là tiền đề của tri thức. Ở đây không phải là lương tri của cá nhân nhà triết học bị hoài nghi mà là hình thức bản chất của *y thức* của nhà triết học hình thành, hình thức *y thức* ấy có đường nét xác định và *y nghĩa* xác định, - chính như như vậy mà bước ra ngoài phạm vi của nó được thực hiện.

Tuy nhiên, tôi xem xét khuynh hướng phi triết học này trong phần lớn trường phái Hê-gen như là một hiện tượng luôn luôn diễn ra song song với bước chuyển từ kỷ luật sang tự do.

Đó là quy luật tâm lý học, khi mà tính thần lý luận trở thành tự do tự nó lại biến thành nguồn nghị lực thực tiễn và biểu hiện ra như là *y chí* xuất phát từ vương quốc những hóng tối của A-men-ta, và nhằm chống lại hiện thực trần thế tồn tại bên ngoài tính thần ấy. (Nhưng về phương diện triết học thì điều quan trọng là làm rõ hơn nữa những nét đặc thù của những khía cạnh ấy, bởi vì từ một phương pháp xác định của sự chuyển hoá ấy có thể đưa ra kết luận ngược lại đối với tính xác định nội tại và đối với tính chất linh xử - toàn cầu của một triết học nào đó. Ở đây tựa hồ như chúng ta thấy *curriculum vitae*¹ của triết học ấy dưới hình thức biểu hiện tập trung nhất của con đường ấy, trong tính xác định chủ quan của con đường đối ấy). Song, bản thân *thực tiễn* của triết học lại mang *tính lý luận*, chính sự phê phán quy định mức độ sự tồn tại riêng lẻ xét về bản chất của nó, và xác định mức độ tính hiện thực đặc biệt - xét về *y tưởng* của triết học ấy. Song, sự thực hiện trực tiếp triết học, xét về bản chất nội tại của nó, lại

chứa đầy những mâu thuẫn, và bản chất ấy của nó được hình thành qua hiện tượng và để lại dấu ấn của mình trên nó.

Trong khu triết học - vốn từ cách là *y chí* - chống lại thế giới hiện hữu thì hệ thống bị hạ xuống thành tính chính thức trừu tượng, nghĩa là nó trở thành một khía cạnh của thế giới, mà khía cạnh khác của thế giới ấy đối lập lại với khía cạnh này. Quan hệ của hệ thống triết học đối với thế giới là quan hệ phản tư. Được thúc đẩy bởi *y hướng* tự thực hiện mình, hệ thống triết học đi vào quan hệ căng thẳng với phần thế giới còn lại. Sự tự thỏa mãn nội tại và tính khép kín đã bị phá hoại. Cái đã từng là ánh sáng nội tại thì biến thành ngọn lửa nuốt chửng hướng bên ngoài. Như thế, kết quả là, cũng như thế giới trở thành thế giới triết học, triết học cũng trở thành triết học trần thế, sự thực hiện triết học đồng thời cũng là sự đánh mất nó, cái mà triết học đấu tranh chống lại ở bên ngoài nó, lại là sự khiếm khuyết nội tại của chính triết học, chính là trong đấu tranh bản thân triết học rơi vào những sai lầm mà chính bản thân nó đấu tranh chống lại những sai lầm ấy, và chỉ sau khi rơi vào những sai lầm ấy, triết học mới thủ tiêu chúng. Những gì chống lại triết học và triết học chống lại thì luôn luôn lại là cái giống như bản thân nó chỉ mang dấu ngược lại.

Đó là một khía cạnh nếu chúng ta sẽ xem xét vấn đề một cách *thuận tuy khách quan*, như là sự thực hiện trực tiếp triết học. Nhưng nó cũng có khía cạnh *chủ quan*, điều đó chỉ là hình thức khác của nó mà thôi. Đó là *quan hệ của hệ thống triết học* hiện hữu đối với *những hiện thân tính thần của nó*, đối với những tự ý thức riêng lẻ trong đó biểu hiện sự vận động tiến lên của hệ thống triết học ấy. Từ chính quan hệ ấy - quan hệ mà trong sự thực hiện triết học đã đối lập lại với

¹ - Đường đời

thế giới - ta thấy rằng nhưng tự ý thức riêng lẻ ấy luôn luôn có đặc trưng là yếu cầu có hai mặt sắc nhọn: một mặt sắc nhọn hướng chống lại thế giới, mặt sắc nhọn kia hướng chống lại bản thân triết học. Bởi vì cái gì mà trong chính vật thể biểu hiện ra như là quan hệ sai lệch bên trong bản thân nó chỉ trong những sự tự ý thức ấy lại biểu hiện như là yếu cầu và tác động hai mặt, mâu thuẫn với chính bản thân mình. Giải thoát thế giới ra khỏi trạng thái phi triết học, chúng đồng thời cũng tự giải phóng mình thoát khỏi triết học, cái triết học với tư cách là một học thuyết xác định đã kìm giữ chúng trong xiềng xích. Vì bản thân chúng chỉ hiện diện trong quá trình phát triển và bị hao mòn bởi năng lượng trực tiếp của quá trình phát triển ấy, do đó, chúng chưa thoát ra khỏi giới hạn của học thuyết đó về phương diện lý luận, cho nên chúng chỉ mâu thuẫn với sự bình đẳng có tính chất cơ bản của chính học thuyết với bản thân và không biết rằng khi nhào vào chống học thuyết ấy thì chúng chỉ thực hiện những yếu tố riêng lẻ của học thuyết ấy mà thôi.

Sau cùng, tính chất hai mặt ấy của tự ý thức triết học biểu hiện ra như là hai khuynh hướng đối lập đến cực độ: một trong những khuynh hướng này thì, nói chung, chúng ta có thể gọi là đảng *tự do* - nó kìm giữ khái niệm và nguyên lý triết học; còn khuynh hướng khác thì duy trì sự xác định chủ yếu, đó là cái gì không phải là khái niệm, thời điểm hiện thực. Khuynh hướng thứ hai ấy là triết học thực chứng⁶⁰. Tác động của khuynh hướng thứ nhất là sự phê phán, như vậy, chính là triết học hướng ra bên ngoài; tác động của khuynh hướng thứ hai - cố gắng tiến hành triết lý, tức là triết học rút vào bản thân nó, và lại khuynh hướng thứ hai này giả định

rằng sự khiêm khuyết là cái mang tính nội tại của triết học, trong khi khuynh hướng thứ nhất hiểu nó như là khiêm khuyết của cái thế giới mà ta cần biến nó thành thế giới triết học. Mỗi đảng ấy làm chính cái điều mà đảng khác muốn làm, nhưng bản thân nó lại không muốn làm. Nhưng trong mâu thuẫn nội tại của mình, đảng thứ nhất ý thức được nguyên lý của mình nói chung và mục tiêu của mình. Trong đảng thứ hai ta thấy thể hiện tính sai lệch, có thể nói là tính phi lý với tính cách là như thế. Xét về nội dung thì chỉ có đảng tự do, với tư cách là đảng của khái niệm, mới có thể dẫn đến sự tiến bộ hiện thực, trong khi đó triết học thực chứng chỉ có khả năng dẫn đến những đòi hỏi và những xu hướng mà hình thức của chúng lại mâu thuẫn với ý nghĩa của chúng.

Như thế, cái gì mà thoát đầu là quan hệ sai lệch và là sự phân liệt thù địch giữa triết học và thế giới, thì về sau lại trở thành sự phân liệt của tự ý thức triết học riêng lẻ ở chính bên trong bản thân nó, và sau cùng, được biểu hiện ra như sự phân chia bên ngoài và sự phân đôi của triết học, như là hai khuynh hướng triết học đối lập nhau.

Điều dễ hiểu là ngoài ra còn xuất hiện từ đầu đó rất nhiều nhân vật thứ yếu, âm ảnh dai dẳng, không có tính cá thể nào. Trong số đó có một số nhân vật núp sau lưng một nhà triết học vĩ đại nào đó của quá khứ; nhưng chẳng bao lâu sau bên dưới bộ lông sư tử ấy lộ hình một con lười; ta thấy vang lên, như một âm điệu trầm hại, giọng nói than khóc của một hình nộm mới được tạo ra nào đó khi đem so sánh, chẳng hạn, với giọng nói của A-ri-xtốt sai vô, vang vọng hàng nhiều thế kỷ, mà hình nộm kia đã tự biến mình thành một kẻ phát ngôn không mới mà đến của tự nhân đó; điều này gọi như đến một

kẻ bị cấm nhưng lại muốn lấy chiếc loa to tát để thay cho sự khiêm khuyết về lời nói của mình. Hoặc có một anh chàng tí hơn niao đó, mang cặp kính đeo mắt dày hai lớp, đứng trên một điểm bé tí của *posterioris*" của người khổng lồ, rồi lấy làm ngạc nhiên lo âu báo với thế giới rằng một đường chân trời mới lạ quá đã mở ra từ góc độ này, rồi anh chàng tí hơn đó cố gắng đến mực cười để chứng minh rằng không phải trong những cơn đam mê cuồng nhiệt của trái tim, mà chính là trong cái nền tảng dày đặc - mà hiện nay ta đang đứng trên đó - đã tìm ra điểm tựa của *Ac-si-mét*, *ποσειδά* cái điểm tựa mà thế giới dựa vào. Như thế đó, đã xuất hiện các nhà triết học của những sợi tóc, của những móng tay, của những ngón tay, của những móng phân và những phần tử tương tự như thế, họ sẽ phải đại diện cho những nơi tối tệ hơn nữa trong con người vũ trụ huyền bí của *Xvê-đen-boóc*. Song, thật ra tất cả những kẻ thuộc loài sên ốc đều thuộc về hai khuynh hướng kể trên, nằm trong đó như nằm trong môi trường tự nhiên của mình. Về bản thân những khuynh hướng ấy thì ở đoạn khác tôi sẽ làm sáng tỏ hoàn toàn quan hệ của chúng với đối với nhau, vừa đối với triết học *Hê-ghe*n, cũng như làm sáng tỏ yếu tố lịch sử riêng lẻ thể hiện sự phát triển đó.

3) *Đi-ô-gi-en La-éc-xơ*, IX, 44: "... không có cái gì nảy sinh từ cái không tồn tại, và không có cái gì chuyển thành cái không tồn tại" (*Đê-mô-crit*).

Đi-ô-gi-en La-éc-xơ, X, 38: "Thứ nhất, không có cái gì nảy sinh từ cái không tồn tại; bởi vì trong trường hợp này bất cứ cái gì cũng có thể nảy sinh từ bất cứ cái gì...". 39. "Và nếu như cái gì bị hủy tiêu đều đã biến đi, biến thành cái hư vô, thì tất cả mọi vật sẽ hoàn toàn biến mất, bởi vì những gì mà chúng biến thành, sẽ là cái hư vô. Nhưng trên thực tế về tự

đó luôn luôn như ngày nay và sẽ mãi mãi như thế. Vì không có gì dễ vỡ (trừ có thể biến thành" (*R-paraguy*).

4) *A-ri-xtô*, "Vật lý học", I, 4: "Việc nêu tất cả những gì phát sinh ra tất yếu đều có thể phát sinh hoặc từ cái tồn tại, hoặc từ cái không tồn tại, hơn nửa sự phát sinh từ cái không tồn tại lại là điều không thể có được; sự kiện này được tất cả... như là một cách tuyệt đối".

5) *Ti-mô-xi-đô*, "Những chủ giải gửi *A-ri-xtô*" (do *Bran-đi-u-sơ* sưu tầm), tờ số 41, tr. 383: "Việc hư vô" không có bất kỳ một dấu hiệu phân biệt nào, không tương ứng với vật. Bởi vì "cái trống rỗng" là một cái gì đó không tồn tại, và là sự thiếu vắng rất rõ, - ông nói [tức là *Đê-mô-crit* nói] v.v."

6) *A-ri-xtô*, "Siêu hình học", I, 4: "Lớp-kép và đồng chí của ông là *Đê-mô-crit* đều chưa nhận cái đầy đặc và cái trống rỗng là các thành tố, gọi cái này là hiện hữu, gọi cái kia là không tồn tại. cụ thể là, gọi cái đầy và cái đặc là cái hiện hữu, còn cái trống rỗng và cái không đặc là không tồn tại. Vì vậy họ nói rằng tồn tại không hiện diện nhiều hơn không tồn tại, vì cái trống rỗng cũng tồn tại như vật thể".

7) *Xi-mô-pli-xô*, tác phẩm đã dẫn, tr. 328: "Cả *Đê-mô-crit* cũng thừa nhận cái đầy đặc và cái trống rỗng (là khởi nguyên), trong đó người ta gọi cái thứ nhất là cái tồn tại, cái thứ hai là cái không tồn tại".

Ti-mô-xi-đô, tác phẩm đã dẫn, tr. 383: "Bởi vì 'cái trống rỗng' là cái gì đó không tồn tại và sự thiếu vắng (tức là, như *Đê-mô-crit* đã nói".

8) *Xi-mô-pli-xô*, tác phẩm đã dẫn, tr. 438: "*Đê-mô-crit* cho rằng các tạo thành bền chặt của những nguyên tố vĩnh cửu là những thực thể nhỏ bé nhẹ và kẻo; ông còn dành một vị trí đặc biệt cho chúng, một vị trí không giới hạn xét về quy mô, hơn nữa ông gọi vị trí ấy bằng những tên gọi sau đây: không trống, cái hư vô, tình vô giới hạn, còn mỗi thực thể thì được ông gọi là: cái gì đó, cái nắm chặt, cái hiện hữu".

9) *Hê-ly* tham khảo *Xi-mô-pli-xô*, tác phẩm đã dẫn, tr. 514: "Cái đơn lẻ và cái số nhiều".

10) *Đi-đi-gon Lo-đi-xơ*, X, 40: "Nếu không có cái mà chúng ta gọi là *khung trống*, không gian và thiên nhiên không cần nhận được..."

Xiô-bây "Đàm đạo về vật lý học", I, tr. 29 "Ê-pi-quy-a đã sử dụng một cách khéo léo tên gọi - *khung trống*, vị trí, *khung xám*"

11) *Xiô-bây*, "Đàm đạo về vật lý học", I, tr. 27: "[Vật thể này] gọi là nguyên tử, không phải vì nó nhỏ nhất."

12) *Xiô-pi-xi*, tác phẩm đã dẫn, tr. 405: "Còn những người khác - những người phù nhân khả năng phản ánh đến bất tận, dựa trên cơ sở cho rằng chúng ta không thể chia đến bất tận, và qua đó không thể tin vào [khả năng] nó thể phân chia một cách bất tận - thì nói rằng các vật thể gồm những vật không thể phân chia được và phân ra thành những vật ấy. Sự khác nhau chỉ là ở chỗ Lép-kíp và Đề-mô-crit thừa nhận nguyên nhân khiến cho các vật thể ban đầu không thể phân chia được, - đó chúng ta biết là tính không thấm thấu của chúng, mà cả tính chất hệ nhỏ của chúng và sự thiếu vắng các bộ phận cấu thành; còn Ê-pi-quy-a sống ở thời đại sau này, lại không cho rằng chúng không có những phần cấu thành, và tính chất không thể phân chia của chúng là cơ sở của tính chất không thấm thấu của chúng. A-ri-xtốt đã hiểu lầm phần tích học thuyết của Đề-mô-crit và của Lép-kíp, vì chắc là do chịu ảnh hưởng những nhận xét phê phán của Lép-kíp chống lại sự phù nhân các phần cấu thành ở những vật thể ban đầu. Ê-pi-quy-a phát biểu muộn hơn, thì đã tỏ ra không cảm với học thuyết của Đề-mô-crit và của Lép-kíp về những vật thể ban đầu, ông đã duy trì cho chúng, tức là những vật thể ban đầu, chỉ ít là thuộc tính không thấm thấu."

13) *A-ri-xtốt*, "Về sự phân minh và sự thủ tiêu", I, 2 "Điều về khả năng xém còi hơn trong công việc xem xét cái được thừa nhận chúng thì nguyên nhân của mọi cái là sự thiếu sót của tri thức kinh nghiệm. Vì thế những ai vững chắc hơn trong việc nhận thức thiên nhiên và có khả năng hơn

trong việc đưa ra những luận điểm ra bốn phát hay chỉ xa hoặc lại hợp lí của mình. Còn những ai lại mới đánh lượng trong các hiệu tượng của học tại đó hầu như những vấn đề kéo dài thì họ chỉ nhìn thấy không hiểu và suy xét mà cách khinh xuất hơn. Qua đó bất kỳ ai cũng có thể thấy rõ sự khác nhau to lớn như thế nào giữa các nhà tư tưởng xuất phát từ các hiện tượng thiên nhiên, và những nhà tư tưởng xuất phát từ những suy đoán lý-giải. Vì về sự tồn tại của các đại lượng không thể phân chia thì có một số người khẳng định rằng thậm chí hình tam giác cũng đa dụng, trong tính cách là hình tam giác. Ngược lại, phải thấy rằng Đề-mô-crit đã đi đến những tin điều của mình nhờ kết quả các kết luận độc lập, rút ra từ những dữ kiện của thiên nhiên".

14) *Đi-đi-gon Lo-đi-xơ*, IX, §140: "Trong tác phẩm của mình "Những ghi chép lịch sử" A-ri-xtốt-xơ kể lại rằng Pla-tôn đã có lúc nghĩ đến việc đòi hết số tác phẩm của Đề-mô-crit mà ông đã thu thập được; nhưng những môn vật thuộc trường phái Pa-ta-ga là A-ni-cô và Cl-mê-ô đã ngăn lòng lại, vì làm như thế cũng vô ích, do các cuốn sách ấy đã có trong tay nhiều người rồi. Thật thế, Pla-tôn, mặc dù nhắc đến hầu hết các nhà tư tưởng cổ đại, nhưng không lần nào nhắc đến tên Đề-mô-crit, ngay cả ở chỗ mà Pla-tôn, về mặt văn đề nói đó, chỉ phân bêu (Đề-mô-crit) hiển nhiên là Pla-tôn đã hiểu rằng sẽ phải tranh luận với một nhà triết học xuất chúng nhất (trong số các nhà triết học)".

PHẦN THỨ HAI

VỀ SỰ KHÁC NHAU GIỮA VẬT LÝ HỌC CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT
VÀ VẬT LÝ HỌC CỦA Ê-PÍ-QUYA TRONG CÁC CHI TIẾT

CHƯƠNG THỨ NHẤT

SỰ ĐI CHỆCH CỦA NGUYÊN TỬ KHỎI ĐƯỜNG THẲNG

1) *Xi-rô-bôy*, "Đàm luận về vật lý học", 1, tr. 33: "Theo Ê-pi-quya thì các nguyên tử khi chuyển động lúc thì rơi theo đường thẳng, lúc thì có sự chệch hướng, nên sự chuyển động lên phía trên là kết quả của sự va đập và đẩy nhau".

Hãy tham khảo *Xi-xê-rông*, "Về cái thiện tối cao và cái ác", 1, 6, *Plu-tác-xô*, "Về ý kiến của các nhà triết học", tr. 249. *Xi-rô-bôy*, tác phẩm đã dẫn, tr. 40

2) *Xi-xê-rông*, "Về bản chất các vị thần", 1, 26: "Trong vật lý học của Ê-pi-quya có gì không phải là của Đề-mô-crít? Vì nếu ông [Ê-pi-quya] đã có một số thay đổi, ví dụ, trong vấn đề vùn vùn trên về sự chệch hướng của các nguyên tử..."

3) *Xi-xê-rông*, "Về cái thiện tối cao và cái ác", 1, 6: "...Vì ông ta (tức là Ê-pi-quya) khẳng định rằng những vật thể không thể phân chia và dày đặc ấy chuyển động nhờ sức nặng của nó kéo xuống dưới theo đường thẳng: theo ý kiến của ông, đây chính là sự chuyển động tự nhiên của tất cả các vật thể. Sau đó lập tức ông - con người có trí tuệ sắc sảo - đã nảy

ra ý nghĩ cho rằng nếu tất cả các nguyên tử chuyển động từ trên xuống dưới và như tôi đã nói, theo đường thẳng thì không bao giờ có một nguyên tử nào chạm được vào nguyên tử khác, - và thế là ông ta đã đưa ra một điều bịa đặt loại như thế này: ông ta tuyên bố rằng nguyên tử hơi chệch hướng một chút (không có gì có thể như hơn thế). Do đó, theo ông ta, mà xuất hiện những sự đan xen, kết hợp và gắn chặt các nguyên tử vào nhau, kết quả là hình thành thế giới, các mùa của quả đất và tất cả những gì chứa đựng trong thế giới ấy.

4) *Xi-xê-rông*, "Về bản chất các vị thần" 1, 26: "Vì Ê-pi-quya hiểu rằng nếu các nguyên tử - do sức nặng của chính bản thân - chuyển động xuống phía dưới thì quyền lực của chúng ta sẽ không quyết định được điều gì cả, vì sự chuyển động của các nguyên tử là sự chuyển động xác định và tất yếu, - nên ông ta, để tránh sự tất yếu, đã nghĩ ra một cách khác mà Đề-mô-crít hiển nhiên đã không nghĩ đến. Ê-pi-quya nói rằng tuy nguyên tử chuyển động từ trên xuống dưới do trọng lượng và sức nặng của mình, nhưng vẫn bị chệch hướng một chút. Khẳng định điều này thì đáng hổ thẹn hơn là không liệt chứng minh điều mà ông ta muốn".

Hãy tham khảo *Xi-xê-rông*, "Về sử mệnh", X.

5) *Bây-ôr*, "Tư điểm lịch sử và phê phán", hãy xem tác phẩm "Ê-pi-quya".

6) *Sau-bôc*, "Về những khái niệm thần văn học của Ê-pi-quya" ("Archiv für Philologie und Pädagogik" của Đề-bô-đô, 1-nm và Clit-xô, t. V, phần IV, [Lai-pzig, 1838], tr. 549).

7) *Lu-e-rê-xô*, "Về bản chất các vật", 11, 251 và các trang tiếp theo:

"Nếu những chuyển động tạo thành một chuỗi liên tục.

Và chuyển động này phát sinh từ chuyển động khác theo một trật tự nào đó

Thì hãy nói, ý chỉ sự do dự xuất hiện như thế nào và từ đâu?"

9) *A-rr-ơ-rô*, "Về linh hồn", I, a, 14 - 17: "Trên thực tế suy nghĩ như thể bạn có chuyển động của đơn tử? Đơn tử do đó sẽ làm cho chuyển động và chuyển động như thế nào, vì đơn tử không thể phân chia thành các phần cấu tạo và không có những dấu hiệu phân biệt? Vì nếu đơn tử có khả năng làm cho chuyển động và tự nó là có động thì trong trường hợp này nó phải có những dấu hiệu khác biệt. Ngoài ra, nếu người ta nói rằng sự chuyển động của tuyến tạo ra bề mặt, còn sự chuyển động của điểm thì tạo ra tuyến, thì trong trường hợp này, những chuyển động của các đơn tử cũng sẽ là các tuyến."

10) *Đi-a-gôn Lu-ec-xô*, X, 43: "Các nguyên tử chuyển động không ngừng".

Xim-pli-xô, tác phẩm đã dẫn, tr. 424 "Các học trò của Đê-mô-critô qua thủa nhận thức chối bỏ sự tồn tại của chuyển động".

10) *Lu-ec-xô*, "Về bản chất của các vật", II, 253 và những trang tiếp theo:

"Và nếu bằng sự lệch hướng các nguyên tử ban đầu không thể

Giải ra sự chuyển động của các nguyên tử khác,

Phải hủy những quy luật của định mệnh.

Đó nguyên nhân này không tiếp nối nguyên nhân kia

Từ ngàn đời..."

11) *Lu-ec-xô*, sách đã dẫn, II, 279 và những trang tiếp theo.

"... trong ngực chúng ta ẩn giấu

Một cái gì đó có khả năng nổi dậy và đấu tranh chống lại nó"

12) *Xi-xê-rông*, "Về các thiên thể tạo ra các sao" I, 6: "Và dù sau khi ông

ta [Đê-mô-critô] cũng không đạt được cái mô vì nó ông ta đã nghĩ ra điều này: bởi vì nếu như tất cả các nguyên tử bị lệch hướng thì không bao giờ hình thành lại xảy ra bất kỳ sự gắn chặt vào nhau nào cả; hoặc là một số nguyên tử bị lệch hướng, còn những nguyên tử khác bị sự chuyển động cuốn hút theo đường thẳng. Điều này chính xác nào chỉ ra những vị trí xác định cho các nguyên tử - những nguyên tử nào thì chuyển động thẳng, những nguyên tử nào thì chuyển động lệch hướng".

13) *Lu-ec-xô*, tác phẩm đã dẫn, [II], 293.

14) *Xi-xê-rông*, "Về số mệnh", X, : "Nguyên tử bị lệch hướng ra một khoảng cách nhỏ nhất mà Đê-mô-critô gọi là khoảng cách tối thiểu".

15) *Xi-xê-rông*, sách đã dẫn: "Ông ta [Đê-mô-critô] buộc phải công nhận tính chất phi nguyên nhân của sự lệch hướng ấy, nếu không phải trực tiếp trên lời nói, thì cũng về thực chất".

16) *Phi-lô-cô-sô*, "Về nguồn gốc của linh hồn", VI (I VI, tr. 8, bản in dưới): "Họ không thừa nhận Đê-mô-critô có quyền giả định sự lệch hướng của nguyên tử, dù là lệch một cái toe, vì họ cho rằng ông ta để ra sự chuyển động phi nguyên nhân từ một điểm xuất phát không tồn tại".

17) *Xi-xê-rông*, "Về các thiên thể tạo ra các sao", I, 6: "Và lại, chính sự lệch hướng lại là sự hạ đặt tuy liên, - vì ông ta nói rằng nguyên tử bị lệch hướng mà không có nguyên nhân, mà đối với nhà vật lý thì không có gì đáng kể hơn hơn là khẳng định rằng cái này hay cái kia diễn ra không có nguyên nhân, - và, không có bất cứ cơ sở nào, ông ta [Đê-mô-critô] để làm cho các nguyên tử - liên với những nguyên lý của chính mình - bị một sự chuyển động theo hướng thẳng xuống phải dưới, một sự chuyển động tự nhiên đối với tất cả những gì có trọng lượng".

18) *Đê-mô-critô*, tác phẩm đã dẫn.

19) *Ô-guy-xenô*, "Những học thu", 55.

20) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 128: "Vì tất cả những hành động của chúng ta đều hướng vào một mục tiêu kỳ, làm sao không phải chịu đựng những đau khổ và sự sợ hãi?"

21) *Phu-tác-xơ*: "Về việc đi theo Ê-pi-quy-a thì không thể sống hạnh phúc". tr. 1091 "Ngay cả bản thân Ê-pi-quy-a cũng có những lỗi lầm tồi như vậy, ông ta không định rằng "bản chất của cái thiện là ở chỗ tránh điều ác".

22) *Chi-công ở A-đéc-xan-dria*, "Những tâm thần", II, tr. 415: "Tôn Ê-pi-quy-a thì cho rằng sự đau khổ chính là sự hoàn hảo".

23) *Xe-nô-cu*, "Về những việc làm tốt", IV, tr. 609: "Nghĩa là thành thần không ban phát phước phí các ân huệ, nhưng thành thần xa lạ với mọi nỗi trần trụi và không quan tâm đến chúng ta, thậm chí cũng không nhìn thấy gì, những việc làm tốt đẹp cũng đều không làm thành thần động lòng như những hành động vô luật pháp".

24) *Xi-xê-rông*, "Về bản chất của các vị thần", I, 24: "... chẳng hạn, anh nói rằng trong thượng đế không có thể xác, mà chỉ có thể xác giả, không có máu, mà chỉ có máu giả".

25) *Xi-xê-rông*: "Về bản chất của các vị thần", I, 39: "... anh hiển danh cho các vị thần thức ăn gì, nước uống gì, những âm thanh và những màu sắc đa dạng gì, những cảm giác rõ ràng nào hoặc những hương vị gì, để đem lại khoái cảm cho các vị thần? ...". 38: "... làm sao anh có thể đòi hỏi mọi người sống bởi các vị thần, nếu như các vị thần không những không sống bởi mọi người, mà nói chung không quan tâm đến điều gì cả, không làm gì cả? Nhưng anh cãi lại rằng bản chất của các vị thần là cao thượng và tuyệt vời đến mức là tự bản thân bản chất ấy tất phải cuốn hút nhà thông thái đi đến sống bởi bản chất ấy. - Phải chăng có cái gì đó cao thượng trong bản chất của những sinh vật tự khép mình trong trạng thái tự ngọt ngào và không bao giờ có ý định làm gì cả, không làm gì cả và trước kia cũng ở trong thái bất động?"

26) *Phu-tác-xơ*, "Về việc đi theo Ê-pi-quy-a thì không thể sống hạnh phúc được", tr. 1109-1101: "Học thuyết của trường phái Ê-pi-quy-a thể hiện nỗi sợ hãi vô sự do dự, nhưng không đem lại niềm vui và sự rộng lượng của các vị thần. Học thuyết này đặt chúng ta trong một quan hệ với các vị thần khiến cho chúng ta không bị sự quý tấy, cũng không có niềm vui từ phía họ, như từ những con cá của hiền Giéc-cum", chúng ta không thể chờ đợi ở những con cá đó điều tốt đẹp cũng như điều tồi tệ".

27) *A-pi-clê*, "Về bầu trời", II, 12: "... cái gì ở trung trọng tâm tốt nhất thì không cần đến hành động, bởi vì bản thân nó là mục đích rồi".

28) *Iu-cra-xơ*, "Về bản chất của các vật", II, 221 và những trang tiếp theo:

"Nếu (giống như những giọt nước mưa), chúng tiếp tục rơi xuống phía dưới,

(Không hề chệch hướng chút nào trên con đường chuyển động trong không trung bao la),

Thì ở các nguyên tố đã không phát sinh những sự gặp gỡ nào, cũng không có những sự va đập nào.

Và thiên nhiên là ra đã không có thể sinh ra một cái gì cả"

29) *Lu-xe-xơ*, "Về bản chất của vật", II, 234 và các trang tiếp theo:

"Và các trung các hạt giống, ngoài những sự va đập và trọng lượng,

anh rằng phải công nhận cả nguyên nhân khác của những chuyển động,

Như cái khả năng bẩm sinh ấy trong chúng ta ở đầu ra

.....
..... trọng trọng còn trở về xuất hiện của mọi cái do các va đập.

Tựa hồ như bởi một sức mạnh từ bên ngoài, nhưng làm sao

Đó cho trí tuệ làm mọi việc không chỉ vì sự tất yếu nội tại

Và làm sao để trí tuệ không chỉ buộc phải chịu đựng

Và khuất phục trước nó như một kẻ chiến bại, -

Ngoài ra sự chênh lệch hướng dõng chất của các nguyên tố cũng giúp ích cho điều đó".

30) *A-ri-xtô*, "Về bầu trời", I, 7. "Nếu vũ trụ không phải là một cái gì đó dày đặc, nhưng - như Đề-mô-crit và Lép-kíp đã dạy - các vật thể bị tách rời khỏi nhau bởi khoảng trống, thì sự chuyển động của tất cả chúng phải là thống nhất... Bản chất của chúng là thống nhất, chẳng hạn, như bản chất của vàng trong mỗi thời bị bỏ gầy ra".

31) *A-ri-xtô*, "Về bầu trời", III, 2. "Vi vậy là ra Lép-kíp và Đề-mô-crit - họ khẳng định rằng những vật thể hạn hữu chuyển động vĩnh cửu trong khoảng trống vô giới hạn - phải nói xem sự chuyển động kỳ thuộc loại nào và sự chuyển động nào phù hợp với bản chất của những vật thể ấy. Bởi vì nếu như mỗi thành tố bị cưỡng bức chuyển động bởi một thành tố khác, thì đã sao cũng cần làm sao cho mỗi thành tố ấy có một sự chuyển động tự nhiên, mà so với nó thì sự chuyển động khác lại là bị ép buộc. Nhưng thành tố nào đầu tiên gây ra sự chuyển động thì phải gây ra sự chuyển động không phải dưới tác động của sự cưỡng bức mà theo bản chất của mình. Nếu không, trong trường hợp không có một động lực hạn hữu tự nhiên nào đó thì các nguyên nhân sẽ ngày càng bị đẩy đến sự bất tận: cái sẽ gây ra sự chuyển động cuối cùng tức sẽ là những thành tố mà trước kia bản thân chúng đã bị cưỡng bức chuyển động".

32) *Di-ô-gien La-éc-xô*, X, 160: "Đối với các sinh vật nào không thỏa thuận về việc không gây ra tác hại cho nhau và không phải chịu đựng điều tác hại, thì không có cái chính đáng, cũng không có cái không chính đáng. Cũng phải nói như thế về tất cả những dân tộc nào đã không thể hoặc đã không muốn thỏa thuận về việc không gây ra tác hại cho nhau và không phải chịu tác hại. Sự chấp đồng không phải là một cái gì đó tự nó

đã tồn tại, mà nó chỉ tồn tại trong sự tiếp xúc qua lại với nhau, và sự chính đáng ấy là bản thỏa thuận được ký mỗi lần trên biên giới các nước nào đó về việc không gây ra tác hại cho nhau và không phải chịu điều tác hại".

33) "

CHƯƠNG THỨ HAI CÁC CHẤT LƯỢNG CỦA NGUYÊN TỬ

1) *Di-ô-gien La-éc-xô*, X, 56: "Bởi vì mọi thuộc tính đều biến đổi, còn các nguyên tử thì hoàn toàn không thay đổi".

Lu-crê-xô, "Về bản chất các vật", II, 861 và những trang tiếp theo:

"Tất cả những cái đó cũng phải trở nên xa lạ hoàn toàn đối với những nguyên tố.

Nếu chúng ta muốn xây dựng toàn thể giới trên những cơ sở bất diệt,

Bắt thế giới ấy có chỗ ở trong trạng thái chính thể không bị phá vỡ".

2) *(Phi-lô-tác-xô)*, "Về ý kiến của các nhà triết học" II, tr. 235-236: *Đi-pi-quya*... khẳng định... rằng các vật thể có ba thuộc tính đặc trưng: bình thục, quy mô và sức nặng. *Đô-mô-crit* cũng nhận hai thuộc tính: quy mô và hình thức; *Đi-pi-quya* bổ sung thêm thuộc tính thứ ba vào hai thuộc tính kia - sức nặng, bởi vì - như ta cần thừa nhận - các vật thể chuyển động dưới tác động của sức nặng". Hãy tham khảo *Xê-nô-xô An-pi-ri-xô* "Chống lại các nhà toán học", tr. 420.

3) *Đi-pi-xô-bi*, "Sự chuẩn bị kinh phục kh", XIV, tr. 749.

4) *Xin-pi-xi*, các phẩm đa đản, tr. 362: "... ông ta" (tức là Đề-mô-crít) "cho rằng chúng" (tức là các nguyên tử) "khác nhau về quy mô và hình thức".

5) *Phai-lô-sô-n*, sách đã dẫn "... ông ta" (tức là Đề-mô-crít) "đặt khoản giả định bên chất chung thống nhất của vật thể đối với tất cả các loài của các hiện hữu, còn những bộ phận của vật thể chung này là các nguyên tử. Khác nhau về quy mô và hình thức; bởi vì chúng bằng những nó hình thức khác nhau, mà trong số những nguyên tử đó có những nguyên tử lớn hơn, có những nguyên tử khác lại nhỏ hơn"

6) *A-ri-xtô*, "Về sự phát sinh và sự tiêu diệt", I, 8: "... trong khi ấy ông ta" [Đề-mô-crít] "nhìn nhận cả trong lượng lớn hơn của nó" (tức là của nguyên tử) "phụ thuộc vào kích cỡ lớn hơn".

7) *A-ri-xtô*, "Về bầu trời", I, 7: "Còn cứ vào những điều kể trên, sự chuyển động của tất cả các vật thể tất yếu phải giống nhau. Như vậy, không một vật thể nào có thể là tuyệt đối nhẹ, nếu tất cả chúng đều có sức nặng; giống như tất cả các vật thể nhẹ, thì sẽ không một vật thể nào nặng, và nếu như từng vật thể riêng lẻ đều có trọng lượng hoặc nhẹ hoặc nặng, thì vật thể ấy hoặc là ở bên lề của tất cả mọi cái hiện hữu, hoặc là ở chính giữa nó..."

8) *Bit-tô*, "Lịch sử triết học cổ đại", ph. 1, tr. 368, chú thích 2.

9) *A-ri-xtô*, "Siêu hình học", VII (VIII), 2: "Hình như Đề-mô-crít cho rằng có ba sự khác nhau [của các nguyên tử] Bởi vì vật thể được lấy làm cơ sở - vật chất - cũng là một, nó chỉ khác nhau hoặc là "hình dáng", tức là hình thức, hoặc về "sự quay tròn", tức là vị thế, hoặc là về "sự tiếp xúc", tức là trật tự".

10) *A-ri-xtô*, "Siêu hình học", I, 4: "Lớp-kíp và đồng chí của ông là Đề-mô-crít coi cái dây đặc và cái trống rỗng là những thành tố, gọi một cái là hiện hữu, gọi cái kia là không tồn tại, cụ thể là: cái dây đặc và cái lớn

nhỏ là cái hiện hữu, còn cái trống rỗng và cái thưa loãng là không tồn tại. Vì vậy họ mới rằng tồn tại hiện diện tuyệt nhiên không nhiều hơn không tồn tại, bởi vì khoảng trống cũng tồn tại như vật thể: nguyên nhân của tất cả mọi cái hiện hữu là và cái này và cái kia, với sự cách là vật chất. Giống như những người không đánh sự thống nhất của thực thể cơ bản, còn những cái khác thì họ rút ra từ các trạng thái của thực thể cơ bản ấy, thừa nhận các khu loãng và cái lớn chặt là những khối nguyên của tất cả các trạng thái. - cũng như thế lớp-kíp và Đề-mô-crít coi những sự khác biệt của các nguyên tử là những nguyên nhân của tất cả những cái khác. Họ chỉ ra ba sự khác biệt đó: hình thức, trật tự và vị thế. Vì theo đó họ, tồn tại chỉ có sự khác biệt về "đường nối" [*πρὸς αὐτῶν*], về "sự tiếp xúc" [*ἐκαστῶν*] và về "sự quay tròn" [*ἰσότης*] và lại "đường nét" là hình thức, "sự tiếp xúc" là trật tự, còn "sự quay tròn" có nghĩa là vị thế; ví dụ, A khác với N về hình thức, AN khác với NA về trật tự, Z khác với H về vị thế"

11) *Đi-ô-gên La-éc-xô*, X, 44: "... ở bên nguyên tử không có một điều hiện nào về chất, ngoài hình thức, quy mô và sức nặng... Các nguyên tử không có bất kỳ quy mô nào: 1) ra thì chưa có một nguyên tử nào là đối tượng của cảm nhận thị giác".

12) *Đi-ô-gên La-éc-xô*, X, 66: "Sự hiện diện của các nguyên tử với mọi quy mô tự nhiên không phải là điều kiện tất yếu đối với việc giải thích những sự khác biệt về chất (tức nhiên, nếu vậy thì đã có những nguyên tử mà mắt chúng ta nhìn thấy được. Nhưng trong thực tế không chỉ có điều đó và thậm chí không thể hình dung được bằng cách nào mà các nguyên tử có thể thấy được bằng thị giác".

13) *Đi-ô-gên La-éc-xô*, X, 66: "... cho nên nghĩ rằng các nguyên tử có thể có bất kỳ quy mô nào... Song, một số những sự khác nhau về quy mô của các nguyên tử, thì cần được giải thích".

14) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 58: "Trên cơ sở sự phân hành đã dẫn ra, chúng ta đã chỉ rõ rằng nguyên tử có quy mô, nhưng chỉ là quy mô nhỏ, còn sự lớn tại của quy mô lớn của các nguyên tử thì lại bị người ta bác bỏ".

15) Hãy tham khảo *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 58. Xê-bây, "Đàm đạo về vật lý học", I, tr. 37.

16) *Ê-pi-cư-rơ*, "Các trình đoạn" ("Về thiên nhiên", II và XI) trong tuyển tập do Rô-din biên soạn, do Ô-rê-lin ấn hành, tr. 26

17) *Ê-pi-xê-rơ*, "Sự chuẩn bị kinh phúc âm", XIV, tr. 773 (xuất bản ở Paris): "Họ đã bắt đồng với nhau, đến nỗi vì dụ một người (đó là Ê-pi-cư-rơ) đã thừa nhận rằng quy mô của tất cả mọi nguyên tử là nhỏ nhất và do đó không cảm nhận được, còn người khác, Đê-mô-crit thì thừa nhận rằng một số nguyên tử cũng có thể có quy mô rất lớn".

18) Xê-bây, "Đàm đạo về vật lý học", I, 17 "Chúng ta, Đê-mô-crit nói... rằng có thể có nguyên tử thêm chỉ to bằng cả thế giới. Hãy tham khảo (*Plu-ta-cơ*), "Về ý kiến của các nhà triết học", I, tr. 236 và những trang tiếp theo.

19) *A-rơ-xtơ*, "Về sự phát sinh và sự tiêu diệt", I, 8 "Chúng ta các nguyên tử vì có kích thước nhỏ nên không nhìn thấy được".

20) *Ê-pi-xê-rơ*, "Sự chuẩn bị kinh phúc âm", XIV, tr. 749: "Đê-mô-crit... đã thừa nhận rằng... những vật thể không thể phân chia, có thể phân thức được bằng trí tuệ là những nguyên tử ban đầu của mọi vật". Hãy tham khảo (*Plu-ta-cơ*), "Về ý kiến của các nhà triết học", I, tr. 236 và những trang tiếp theo.

21) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 54: "Về các nguyên tử thì cần đặt ngoài thừa nhận rằng chúng không có một phẩm chất nào vẫn cố trong tất cả các hiện tượng, mà chỉ có hình thức, vận động, quy mô và tất cả những gì thì yếu gần với sự tồn tại của hình thức". Hãy tham khảo 544.

22) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 42: "... hơn thế nữa các nguyên tử... là một cái gì đó không có giới hạn xét về sự đa dạng các hình thức của mình".

23) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 42: "... rằng xét về những biến thể của mình thì các nguyên tử tuyệt nhiên không phải là có nhiều hoàn toàn vô giới hạn, mà chỉ là một số nhiều xác định".

24) *Lu-crê-xơ*, II, 513 và các trang tiếp theo:

"... anh phải thừa nhận rằng tính chất đa dạng vô hình dạng của vật chất cũng có giới hạn".

Ê-pi-xê-rơ, "Sự chuẩn bị kinh phúc âm", XIV, tr. 349: "Ê-pi-cư-rơ thừa nhận số lượng các hình thức của các nguyên tử là có tính xác định, chứ không phải là vô giới hạn". Hãy tham khảo (*Plu-ta-cơ*), "Về ý kiến của các nhà triết học", đoạn đã dẫn.

25) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 42: "... hiểu theo nghĩa chính xác của từ ngữ thì có một số lượng bất tận mỗi biến thể của các nguyên tử".

Lu-crê-xơ, "Về bản chất của các vật", đoạn đã dẫn [II], 620 và những trang tiếp theo:

"... Bởi vì, một dù đã đặt các giới hạn

Cho sự khác nhau về hình thức, song các nguyên tử ban đầu giống nhau

Phải là vô số, hoặc tổng hợp vật chất vô số tàn rặng,

Đó là điều không thể có được, như tôi đã chứng minh rồi".

26) *A-rơ-xtơ*, "Về bầu trời", III, 4: "Nhưng nên biết rằng dĩ nhiên kết luận như một số người đã lập luận nó, vì do như *Lép-ác-tơ* và *Đê-mô-crit*, người quê ở vùng Apu-li, thì không chắc chắn... Và lại, ngoài ra họ còn khẳng định rằng vì các vật thể khác nhau về hình thức, mà những hình thức ấy lại nhiều vô kể, cho nên những vật thể đơn giản cũng nhiều vô kể. Nhưng mỗi thành tố riêng lẻ có thuộc tính như thế nào và có hình thức như thế nào thì họ tuyệt nhiên đã không xác định được, mà họ chỉ gán chu lớn có tính cầu, cả không khí và những cái khác..."

Philopon, đoạn đã dẫn: "... chúng" [tức là các nguyên tử] "không chỉ có hình thức khác nhau..."

27) *Lu-cr-e-x*, "Về bản chất các vật", đoạn đã dẫn [II], 478 và những trang tiếp theo.

"Những nguyên tố ban đầu của các vật ...

Chỉ khác nhau về hình thức trong những giới hạn nào đó.

Nếu không phải thế thì như vậy các hạt giống khác

Nhất định phải đạt đến những quy mô bao la.

Bởi vì, với những kích thước nhỏ như nhau vốn có của chúng,

Chúng không để có sự khác nhau lớn về hình thức.

Nếu anh muốn có được hình dạng khác.

Anh sẽ phải bổ sung thêm những phần khác nữa...

Như vậy hình thức mới sẽ kéo theo mình phần bổ sung thêm vào vật thể.

Mà thế chẳng có lý do gì để nghĩ rằng

Tương như các hạt giống của các vật khác nhau vô giới hạn về hình thức".

28) Hãy tham khảo chú thích 26.

29) *Diogenes La-éc-xe*, X, 44 và 54.

30) *Bruc-cu-x*, "Cẩm nang về lịch sử triết học", [1747], tr. 224

31) *Lu-cr-e-x* "Về bản chất các vật", l. 1062: "Mem-mi, ở đây anh hãy tránh một điều và đừng tin vào

Lời khẳng định cho rằng mọi cái đều hướng về trung tâm nào đó của vũ trụ".

32) *Diogenes La-éc-xe*, X, 43 "... và chúng [các nguyên tử] chuyển động với tốc độ như nhau vì tất cả chúng, nguyên tử nhẹ nhất cũng như nguyên tử nặng nhất trong số chúng, đều được khoảng trống dành cho một không gian như nhau để chuyển động vĩnh cửu". 61: "Cũng đương nhiên là các nguyên tử tại yếu phải có cùng một tốc độ khi chúng chuyển động xuyên qua khoảng trống mà không gặp bất cứ một sự kháng cự nào. Một khi sẽ không có gì kháng cự lại sự chuyển động của chúng, thì những nguyên tử nặng sẽ chuyển động với tốc độ không lớn hơn so với những nguyên tử nhỏ và nhẹ, cũng như các nguyên tử nhỏ so với các nguyên tử lớn, nếu như trên suốt chiều dài những nguyên tử loại thứ nhất sẽ có một con đường (lượng) bằng và những nguyên tử loại thứ hai sẽ không gặp cản trở nào".

Lu-cr-e-x, "Về bản chất các vật", l. 236 và các trang tiếp theo

"Ngược lại, không khi nào và không có ở đâu khoảng trống lại có thể

Ngăn cản bất kỳ vật nào và không thể trở thành điểm tựa nào cả.

Vì bản chất của mình nó luôn luôn nhường chỗ cho mọi cái.

Vì vậy, khi chuyển động trong khoảng trống không gặp vật cản,

Tất cả mọi cái đều phải có cùng một tốc độ, bất kể có sự khác nhau về trọng lượng"

33) Hãy tham khảo chú 3.

34) *Philo-sô-ph*, "Lịch sử triết học mới", *Gai-xông-đi*, tác phẩm đã dẫn, XXXIII, 7. "*Ê-pi-cu-rơ* - có thể là cuộc thử nghiệm này chưa bao giờ xảy ra trong đầu ông - song khi diễn giải về nguyên tử đã nghĩ tới một kết luận mà chỉ với mỗi đây chúng ta mới đi tới bằng kinh nghiệm. Cụ thể là, hoàn toàn phù hợp với hiện tượng thiên tế là khi rơi từ trên xuống dưới các vật chuyển động với cùng một tốc độ như nhau, mặc dù chúng có sự khác nhau lớn về trọng lượng và khối lượng, *Ê-pi-cu-rơ* đã khẳng định rằng tất

và những nguyên tử - mặc dù chúng rất khác nhau về quy mô và trong lượng - tuy vậy trong khi chuyển động chúng có cùng một tốc độ như nhau nếu đem so sánh nguyên tử này với nguyên tử khác".

CHƯƠNG THỨ BA

NGHĨN NGUYÊN TỬ KHÔNG THỂ PHÂN CHIA VÀ NHỮNG THÀNH TỐ KHÔNG THỂ PHÂN CHIA*

1) Ape'roxa xevo [Xét-bay, "Đàn đạo về vật lý học", I, tr. 306] tuyệt nhiên không có nghĩa là: "chúng không lấp đầy một không gian nào cả", mà có nghĩa là: "chúng không liên quan đến khoảng trống"; điều đó chẳng khác nào câu nói của Di-ô-gien La-éc-xơ ở một đoạn khác "chúng không có những phần tách rời". Cũng đúng như thế cần giải thích rằng cách diễn đạt như thế ở *Plu-tác-xơ*, "Về ý kiến của các nhà triết học", I, tr. 236, và ở *Xim-pi-ri-ét* tr. 403.

2) Cả kết luận này cũng không đúng. Cái gì không thể phân chia trong không gian thì vì thế tuyệt nhiên không tồn tại bên ngoài không gian và không liên quan đến không gian.

3) Sau-bác, tác phẩm đã dẫn, tr. [549] - 550.

4) Di-ô-gien La-éc-xơ, X, 43.

5) Di-ô-gien La-vu-nơ, X, 65: "Không thể hình dung lại cái gì từ nó lại không phải là vật thể, lại trừ khoảng trống"

6) Di-ô-gien La-éc-xơ, X, 39, 40 và 41.

7) Di-ô-gien La-vu-nơ, VII, [ch.] I, [513]. "ho" tức là trường phái khác kỷ "khẳng định rằng có sự khác nhau giữa các khối nguyên và các thành

* Tên gọi của chương này do Mác đặt ra bằng tiếng Hy Lạp

lỗi: các nguyên tử thì vĩnh cửu và không phân rã, còn các thành tố thì có thể bị tiêu diệt bởi tác động của lửa".

8) A-re-xtôt, "Sơ luận hình học", IV, 1 và 3.

9) Đây y tham khảo đoạn đã dẫn

10) A-re-xtôt, "Sơ luận hình học", đoạn đã dẫn, 2: "Cũng trên cơ sở đó người ta nói đến cả những thành tố của các vật thể, động tên đó để gọi các bộ phận của thành tố giới hạn mà các vật thể phân ra thành các bộ phận đó, trong khi đó hàm thân các bộ phận có giới hạn ấy lại không phân chia ra thành những bộ phận khác có sự khác nhau về hình thức... Do đó mà tất cả cái bé nhỏ, đơn giản và không phân chia được gọi là nguyên tử".

11) A-re-xtôt, "Sơ luận hình học", I, 4

12) Di-ô-gien La-éc-xơ, X, 51

(*Plu-tác-xơ*). "Cổ-lỗi", tr. 1110. "[Những luận điểm] được dẫn ra (của Di-mô-crit) cũng không tách rời khỏi các luận điểm của Ê-pi-quyên, giống như hình thức và trong lượng không tách rời khỏi nguyên tử, - đó là theo ý kiến của chính họ (của trường phái Ê-pi-quyên) "

13) Xê-nô-xtê Êm-pi-ri-ét, "Tổng luận các nhà toán học", tr. 480.

14) Ê-pi-xtê, "Sơ chuẩn lý kinh pháp Âm", XIV, tr. 793: "Ê-pi-quyên... thừa nhận các nguyên tử không cảm nhận được bằng cảm giác... ". Tr. 749. "Chúng" (tức là các nguyên tử) "có những hình thức đặc biệt, được nhận thức bằng tri giác"

15) (*Plu-tác-xơ*). "Về ý kiến của các nhà triết học", I, tr. 246: "Chính ông ta" (tức là Ê-pi-quyên) "đã thừa nhận thêm bốn thực thể khác nhau sau đây là không thể bị tiêu diệt: các nguyên tử, khoảng trống, tính vô giới hạn và các hạt đồng nhất: những hạt đồng nhất (là thực chất) của các vũ trụ đồng căn và là những nguyên tử" Tr. 249 "Còn Ê-pi-quyên thì lại dạy rằng các vật thể không có giới hạn: các nguyên tử, với tư cách là

những vật thể đơn giản, và những vật khác, với tư cách là kết quả sự liên kết lại của chúng, tất cả đều có sức nặng'.

Xi-rô-bây, "Đam đau về vật lý học", I, tr. 52: "Mô-ta-rô-đơ-đơ, người thầy của Ê-pi-cruy, khẳng định rằng: những nguyên nhân ban đầu là các nguyên tử và các thành tố". Tr. 5. "Ê-pi-cruy... cho rằng bốn thực thể sau đây là không thể phá và được: các nguyên tử, khoảng trống, tính vô giới hạn và các hạt đồng nhất được gọi là những vi lượng đồng căn và những thành tố".

16) Hãy tham khảo sách đã dẫn.

17) Xi-rô-bây, "Về cái thiện lớn cao và cái ác", I, 6: "Sau đó tiếp theo là... những nguyên tử, khoảng trống... là chính tính bất tận mà họ [Đê-mô-crit và Ê-pi-cruy] gọi là tính vô giới hạn".

Đi-ô-gien La-éc-xơ, X, 41: "Và lại, trên thực tế vũ trụ là bất tận. Thật vậy, vũ trụ là bất tận do trong nó có vô số các vật thể, cũng như vi quy mô không gian trống rỗng của vũ trụ".

18) Phi-tác-xơ, "Cổ-lịch", tr. 1114: "Cái mà chúng ta phải xem là những nguyên tố để phát sinh chỉ hiện hữu- đó là tính bất tận và khoảng trống, nhưng khoảng trống tự nó lại bất động và không chịu sự tác động, nó không phải là vật thể, còn tính bất tận thì hỗn loạn, vô nghĩa, không có giới hạn, tự nó làm nó tan rã và dẫn đến rối loạn, do tính vô số của nó cho nên không thể chiếm đoạt được nó và không thể giới hạn được nó".

19) Xi-rô-pi-xi, tác phẩm đã dẫn, tr. 128.

20) Phi-tác-xơ, "Về ý kiến của các nhà triết học", tr. 238: "Mô-ta-rô-đơ-đơ lại nói: "... rằng số lượng các thế giới thì vô giới hạn xét về số lượng nhiều của chúng, điều đó hiển nhiên xuất phát từ chỗ số lượng các nguyên nhân ban đầu là vô giới hạn... còn các nguyên nhân ban đầu là các nguyên tử hoặc các nguyên tố".

Xi-rô-bây, "Đam đau về vật lý học", I, tr. 52: "Mô-ta-rô-đơ-đơ, người thầy của Ê-pi-cruy, thì khẳng định những nguyên nhân ban đầu là các nguyên tử và những thành tố".

21) Lu-crê-xơ, "Về bản chất các vật", I, 820 và những trang tiếp theo.

"Cũng vậy nhưng nguyên tố ấy tạo thành bầu trời và quả đất,

Mặt trời, các dòng thác, các biển rộng, cây cối, hoa trái và động vật"

Đi-ô-gien La-éc-xơ, X, 39: "Thật vậy, vũ trụ đã luôn luôn như ngày nay, và mãi mãi sẽ là như vậy. Vì không có gì dễ vũ trụ biến thành nó. Vì người vũ trụ ra thì không có gì dễ nó, sau khi chuyển vào đó, nó thể thực hiện sự biến hóa của mình... Và trên là vật thể...". 41. "Những vật thể tạo ra thế giới ấy là không thể phân chia và không biến đổi, một khi tất cả có mọi cái không được phân thành không tồn tại. Chúng có sức mạnh trụ vững trong quá trình các liên kết bị tan rã và vẫn duy trì nguyên vẹn về bản chất của mình, và những loại trừ mọi khả năng phân rã theo một cách nào đó hoặc thành một cái gì đó".

22) Đê-ô-gi-en La-éc-xơ, X, 73: "... và tất cả chúng [các thế giới], đến lượt mình, lại phân rã, một số thì nhanh hơn, số khác thì chậm hơn; một số bị diệt vong do một số nguyên nhân, một số khác bị diệt vong do những nguyên nhân khác". 74: "Vậy là, cũng biểu được cả lại không định rùn ông [của Ê-pi-cruy] về khả năng phá hủy của các thế giới do kết quả biến đổi trong các phần của chúng".

Lu-crê-xơ, V, 108 và những trang khác.

"Chúng ta tin chắc hơn không phải trên thực tế mà bằng lý trí, rằng

Mọi cái có thể bị tiêu diệt với một tiếng ầm không khiếp."

Lu-crê-xơ, V, 1373:

"Cánh cửa cái chất không khép lại đối với bầu trời, cũng như đối với mặt trời,

Đối với mặt đất, đối với nước trên các bình nguyên của biển sâu. -

Cánh cửa ấy mở toang và há rộng cho mọi người lớn".

23) *Xim-pi-xi*, tác phẩm đã dẫn, tr. 425.

24) *Lư-cre-xơ*, II, 786:

"... và rằng những nguyên tố của các vật không bao giờ có thể được rọi sáng..."

CHƯƠNG THỨ TƯ

THỜI GIAN

1) *A-ri-xtô*, "Vật lý học", VIII, 1: "Vì thế mà Đề-mô-crit khẳng định rằng vũ trụ không thể có sự khởi đầu bởi vì thời gian không có khởi đầu".

2) *Xim-pi-xi*, tác phẩm đã dẫn, tr. 426: "Thật thế, Đề-mô-crit đã tỏ ra tin chắc vào tính vĩnh hằng của thời gian, tin đến mức là, để chứng minh tính bất khởi đầu của vũ trụ, ông đã lợi dụng sự công nhận tính không có khởi đầu của thời gian như là một bằng chứng hiển nhiên".

3) *Lư-cre-xơ*, I, 49B và những trang tiếp theo:

"Cũng vậy, thời gian tự nó không tồn tại..."

.....
Và tất yếu phải thừa nhận rằng không có gì có thể

Cảm nhận được thời gian tự nó, ở bên ngoài sự chuyển động của các vật thể và ở bên ngoài sự tính lượng".

Lư-cre-xơ, I, 47B và những trang tiếp theo:

.....

"(Còn đây anh thấy rõ rằng ở tất cả những việc làm)

Đều không có tính độc đáo, không có bản chất như ở vật thể,

Và chúng không có chất nào giống khoảng trống;

Nhưng anh có thể có quyền đóng ra gọi chúng là các hiện tượng

Của vật thể, cũng như của vị trí trong đó mọi cái diễn ra".

Xiêc-xơ Êm-pi-ri-ch, "Chống lại các nhà toán học", tr. 420: Ê-pxi-guya gọi thời gian là sự ngẫu nhiên của những sự ngẫu nhiên.

Xiê-bây, "Đam đạo về vật lý học", I, tr. 11: "Ê-pxi-guya (gọi thời gian) là sự ngẫu nhiên, tức là cái di kèm theo sự chuyển động".

4) *Đi-ô-gien La-éc-xơ*, X, 72: "Tiếp nối cũng cần chú ý thật sự đến điều dưới đây. Số là không thể nghiên cứu thời gian theo cách như chúng ta nghiên cứu những vật khác chứa đựng trong đó vật, mà chính là phải gắn những vật ấy với những sự cảm có trong chính chúng ta, mà phải xem xét tính hiển nhiên dựa theo đó chúng ta nói đến thời gian dài hoặc thời gian ngắn, biểu hiện này như là một cái gì đó gần gũi thân thuộc với thời gian. Cũng không cần áp dụng những phương pháp diễn đạt mới, tưởng như là những phương pháp tốt hơn, mà nên sử dụng từ ngữ thông thường nhất để biểu thị thời gian. Và không nên - như một số người vẫn làm - phát biểu về nó một ý kiến nào đó khác, như thể cái khác ấy có một bản chất đặc biệt, cái bản chất đặc trưng cho tên gọi này. Nhưng chỉ cần chú ý yếu hèn rõ ràng chúng ta hiểu kết như thế nào những đặc điểm có tính chất bộ phận với thời gian và chúng ta đo thời gian như thế nào". 75: "Cũng không cần phải chứng minh, mà chỉ cần một sự suy ngầm thôi, rằng chúng ta gắn thời gian với các ngày, các đêm và với những phần của ngày và đêm, cũng giống như chúng ta (gắn nó) với những trạng thái tâm hồn của chúng ta và với trạng thái không có những cảm nhận tâm hồn đó, với trạng thái chuyển động và yên tĩnh, và trong tư duy liên kết vào tất cả những cái đó, chính cái mà chúng ta gọi là thời gian, xem đó là dấu hiệu đặc thù. Ông

cũng đã phát biểu ý đồ trong quyển thứ hai của tác phẩm "Về bốn chất" và trong tác phẩm "Trích đoạn lớn" :

5) *Lucrece*-xô, "Về bốn chất các vật", đoạn đã dẫn

Nécessité éternelle. "Chúng ta các nhà toán học", tr. 420 và các trang tiếp theo: sự ngẫu nhiên của những sự ngẫu nhiên... Vì vậy khi Ê-pi-quyên nói rằng cấu hình dung vật thể là sự liên kết quy mô, hình thức, sự kháng cự và sức nặng, thì như thể là ông buộc người ta quan niệm vật thể hiện thực là cái không phải là vật thể. Vậy là, để thời gian tồn tại thì các sự ngẫu nhiên phải tồn tại, và để các sự ngẫu nhiên ấy tồn tại thì [phải tồn tại] một cái gì đó làm cơ sở cho chúng: nhưng không rõ một cơ sở như vậy hẳn thật chung, do đó, cũng không thể rõ thời gian. Vậy, mọi khi tất cả nhưng cái đó là thời gian, mà Ê-pi-quyên thừa nhận rằng những ngẫu nhiên của những hiện tượng ấy là thời gian, thì theo Ê-pi-quyên, tự bản thân thời gian sẽ là sự ngẫu nhiên của mình. Hãy tham khảo *Xét-bày*, tác phẩm đã dẫn,

6) *Di-ô-gien La-éc-xô*, X, 46. "Chúng ta tồn tại cả những khuôn mẫu, bề ngoài giống như những vật thể rắn, nhưng về đó không ai vượt trội hơn mọi cái mà sự cảm thụ cảm tính nhận biết được... Chính những khuôn mẫu ấy, chúng ta gọi là những hình ảnh [*εἰκόνες*]...". 48: "Ngoài ra, [còn giả định] rằng sự phát sinh những hình ảnh ấy diễn ra với tốc độ của tư duy... Từ đó mất của các vật thể hiện sự tồn tại liên tục không cảm nhận do sự bồi đắp trở lại mà các vật thể thường xuyên tiếp nhận. Sự thoát ra ấy duy trì vị thế và trật tự các nguyên tử của một vật thể tương ứng"

Lucrece-xô, IV, 30 và những trang tiếp theo

"Ở các vật có cái mà chúng ta coi là những bùng nổ;

Giống như một mảng mỏng tách khỏi bề mặt của các vật thể,

Chúng lơ lửng trong không khí, bay đi theo mọi hướng".

Lucrece-xô, IV, 52 và những trang tiếp theo.

Bởi vì những hình ảnh phản chiếu ấy duy trì hình thức vô hình dạng của các vật thể

Từ đó chúng tách ra và bay lượn khắp nơi".

7) *Di-ô-gien La-éc-xô*, X, 49: "Mặt khác, cũng nên cho rằng khi có một cái gì đó đến với chúng ta từ các đồ vật bên ngoài thì chúng ta nhìn thấy và suy ngẫm những hình thức bên ngoài. Bởi vì nếu không thì các vật thể của thế giới bên ngoài sẽ không thể in dấu ấn bản chất của chính mình... Do đó, vì nguyên nhân ấy mà chúng ta thấy rằng một số dấu ấn của các vật xâm nhập vào chúng ta, những dấu ấn ấy có cùng một mẫu sắc và cùng hình thức với các vật đó trong một tỷ lệ tương ứng ấy, những dấu ấn ấy xâm nhập vào mắt...". 50 "Do nguyên nhân sau cùng [tức đó của sự chuyển động] chúng đi ra trong chúng ta quan niệm về một vật liên tục và duy trì sự tương ứng với vật được dung làm cơ sở của chúng...". 52: "Sự cảm thụ thính giác cũng xuất hiện do một luồng gió nào đó bay tới từ vật thể phát ra âm thanh hoặc sự ồn ào, hoặc tiếng động, hoặc phát ra một cảm nhận thính giác khác nào đó. Sự thoát đi ấy tấn mạt vào những khối cơ các phần đồng nhất, bên trong các phần ấy giữ được một sự tương ứng nào đó giữa chúng với nhau...". 53. "Cũng như vậy, đối với khứu giác phải thấy rằng khứu giác, cũng như thính giác, không bao giờ có thể gây ra một cảm giác nào, nếu không có một số hạt bay ra từ các vật và có khả năng kích thích cơ quan cảm thụ ấy"

8) *Lucrece*-xô, "Về bốn chất các vật", II, 1139.

"Như vậy, điều chính đáng là các vật phải tiêu vong.

Một khi chúng trở nên mỏng dà."

CHƯƠNG THỨ NĂM

NHỮNG HIỆN TƯỢNG VÔ THỤ

1) *Di-ô-gien La-éc-xô*, II, 3, 10.

2) *A-xen-xô*, "Sơ luận hình học", I, 5: "[Kẻ-nó-phân nói rằng] cái duy nhất là thượng đế".

3) *Aristotélis*, "Về bầu trời", I, 3: "Hình như khải niệm xác nhận các hiện tượng, còn các hiện tượng thì xác nhận khải niệm. Chẳng hạn, tất cả mọi người đều có quan niệm về các vị thần và dành cho các thành thần một vị trí cao thâm, cả các dân tộc đã man, cả người Hy Lạp, nên chúng là tất cả những gì tin vào sự tồn tại của các vị thần, đều làm như thế, hoàn toàn là họ gắn các bất tử với cái bất tử không thể tách được. Như vậy, nếu các thần thánh tồn tại - như điều đó diễn ra trên thực tế - thì sự khẳng định của chúng ta về thực thể các vật thể vũ trụ cũng đúng. Nhưng điều đó cũng phù hợp với sự cảm thụ cảm tính, vì đây là nội vụ niềm tin của con người. Bởi vì trong suốt thời gian qua, căn cứ vào những lý do truyền từ người này sang người khác, thì hình như đã không có gì thay đổi trên toàn bầu trời, cũng như ở bất kỳ bộ phận nào của nó. Hình như thần chỉ có tên gọi cũng do người xưa truyền lại cho chúng ta, và lại, họ cũng có ý chỉ các mà chúng ta muốn hiểu. Bởi vì, cần giữ định là cũng những quan niệm như vậy đã đến với chúng ta không phải một lần và không phải bao lần, mà vô số lần. Và vì vật thể ban đầu là một cái gì đó khác xa đất và lửa, không khí và nước, cho nên họ gọi nó cao thâm là khí quyển [*lục địa*] - bởi nguồn từ các từ "chảy-mã" [*lục địa*] và "vũ trụ" gần cho nó tên gọi thời gian vĩnh cửu".

4) *Aristotélis*, sách đã dẫn, II, 1: "Những người xưa dành bầu trời và nơi cao thâm cho các vị thần, bởi vì chỉ có nó là bất diệt. Còn học thuyết hiện đại thì xác nhận rằng bầu trời là không thể phá hủy được, không có khởi đầu và hơn nữa nó không liên quan đến mọi sự rồi rã của người trần thế... Và những những số là hợp lý hơn nếu chấp nhận ý kiến như thế về tính vĩnh cửu của nó [bầu trời] nhưng chúng ta có thể có được khả năng đưa ra một kết luận tương ứng, phù hợp với sự mặc khải về thượng đế".

5) *Aristotélis*, "Hình học", XI, (XII), 8: "Bầu trời chỉ có một - đó là điều hiển nhiên... Từ xa xưa tổ tiên đã để lại cho chúng ta, gìn giữ danh hình thức các thần thoại của các thế hệ sau này, quan niệm cho rằng các

vật thể vũ trụ thực chất là các vị thần, và rằng cấu trúc thần thánh bao trùm toàn bộ vũ trụ tự nhiên. Những cái còn lại chỉ là thêm vào, được cài vào các thần thoại, để đảm bảo tính, như là điều bổ ích cho các luật lệ và cho cuộc sống. Bởi vì dân chúng tuyên bố rằng vị thần có hình dạng người và trông giống một số sinh vật khác và đảm bảo còn nghĩ ra nhiều cái khác hơn quan đến điều đó và vẫn giữ với điều đó. Nếu có ai gạt sang một bên tất cả những cái khác và chỉ để lại cái điều cốt nhất, tức là niềm tin rằng những thực thể ban đầu thực chất là các vị thần thì người ấy phải cho rằng đó là sự mặc khải thánh thần và từ đó đủ thời ngộ thuật và các học thuyết triết học được tạo ra và lại tiêu vong, còn các ý kiến như trên trong tự cách là những thánh triết, thì cần giữ được đến ngày nay".

6) *Diogenes Laërtius*, X, 81: "Nghe tất cả những câu đó ra, cần cần phải lưu ý rằng sự hỗn loạn lớn nhất trong linh hồn con người bắt nguồn từ việc mọi người xem các vật thể vũ trụ là đẹp và không thể phá vỡ nổi và đồng thời cũng gần cho họ những mong ước và những động tác mâu thuẫn với các thuộc tính ấy, cũng như từ việc họ linh nhận những sự hư hã từ các thần thoại".

7) *Diogenes Laërtius*, X, 76: "Về các hiện tượng vũ trụ thì cần cho rằng sự chuyển động, vị thế, sự che khuất, bình minh, hoàng hôn và các hiện tượng tự nhiên ra tuyệt nhiên không phải do một sinh vật nào đó tưởng như chỉ phải chúng, đưa chúng - hoặc là đã đưa rồi - vào trật tự và đồng thời mong đợi đủ tính chất tốt đẹp, cùng với sự bất tử". 77: "Bởi vì các hành vi... không phù hợp với tính chất tốt đẹp, mà chúng diễn ra do sự yếu đuối, nó hư hã và như cái mà phồn lôn gần liên với những hành vi ấy. Cũng không nên nghĩ rằng một số vật có hình dạng lộng và mang tính chất tốt đẹp, lại tự tiện đẩy mình vào những hành động ấy... Nếu không dùng ý với điều đó, thì chính miêu thuật ấy sẽ gây ra sự hỗn loạn hết sức to lớn trong các linh hồn".

8) *Aristotélis*, "Về bầu trời", II, 1: "Vì vậy, không nên cho rằng - như

truyện kể trong thần thoại cổ xưa - bầu trời cần đến ông thần Át-lan-ta nào đó để làm chỗ dựa”.

9) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 86: “Vậy, anh hãy suy nghĩ” (nói với Pl-phúc-cle) “hãy càng nhiều suy xét kỹ càng lời, và hãy cố giữ chúng trong ký ức, thỉnh thoảng anh hãy chăm chú xem xét chúng cùng với những học thuyết khác mà tôi đã trình bày trong “Tiểu trích đoạn” trong bức thư gửi Hê-rô-dốt”.

10) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 86: “Vậy, trước hết cần thấy rằng sự nhận thức các hiện tượng vũ trụ - đó những hiện tượng này sẽ được xem xét trong mối quan hệ (rộng lớn hơn) hay là từ nó - không thể đưa đến một kết quả nào khác, ngoài sự thờ ơ và niềm tin vững chắc về cái gì là mục tiêu cuối cùng cả của những tri thức khác”.

Di-ô-gien La-éc-xơ, X, 87: “Trạng thái a-ta-rác-si-a chính là kết quả của sự hoàn toàn thoát khỏi mọi điều đó và kỷ ức thường xuyên về tuần bộ vũ trụ và về chính những nguyên lý cơ bản”.

11) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 87: “Màn biết rằng đời sống của chúng ta không dẫn đến sự triết lý và những giá thuyết trống rỗng, mà cần làm sao chúng ta được sống yên bình”.

Di-ô-gien La-éc-xơ, X, 78: “Ông cần cho rằng nhiệm vụ của khoa học về thiên nhiên là nghiên cứu các nguyên nhân gây ra những hiện tượng chủ yếu nhất và tăng niềm hân hoan được cảm nhận trong quá trình nghiên cứu các hiện tượng vũ trụ, có nguồn gốc đã đời”.

Di-ô-gien La-éc-xơ, X, 79: “Về sự nghiên cứu hiện tượng hoàng hôn và bình minh, vì thế và an cho khuất các tính từ và những hiện tượng tương tự, thì sự nghiên cứu kỹ tuyệt nhiên không giúp gì vào niềm hân hoan do sự nhận thức mang lại. Ngược lại, những ai nghiên cứu các hiện tượng ấy mà không biết bản chất của những gì đang diễn ra, dường như những nguyên nhân chủ yếu của điều đó thì họ lại nổi sự hãi thánng trị. Còn nếu

như họ học được cách tính liệu những hiện tượng như thế thì có thể họ còn cảm thấy sự hãi hơn nữa”.

12) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 86: “Không được dùng cường bức để đạt đến cái không thể có được và áp dụng cho mọi cái phương pháp nghiêm cứu giống như phương pháp đang áp dụng trong các vấn đề về các chuẩn mực của đời sống hoặc trong việc quy định các quy tắc giải quyết các vấn đề vật lý học gần lại, ví dụ như những luận điểm cho rằng vũ trụ gồm các vật thể và thiên nhiên không cảm nhận được, hoặc có những yếu tố không thể phân chia và những cái tương tự, là cái chỉ giả định một sự giải thích phù hợp với những hiện tượng nhìn thấy được. Về những vật thể vũ trụ thì điều này không áp dụng được”.

13) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, sách đã dẫn, 86: “Ngược lại, ít ra thì những hiện tượng kỳ giả định nhiều cách giải thích khác nhau - về những nguyên nhân sự phát sinh của mình, cũng như về bản chất của mình - những cách giải thích phù hợp với sự cảm nhận cảm tính. Nên biết rằng không được dựa trên cơ sở những định lý phổ biến và những quy luật được xác lập tuy tiện đó tiến hành nghiên cứu thiên nhiên, mà bao giờ cũng phải nghiên cứu theo cách mà bản thân các hiện tượng thiên nhiên minh bạch”.

14) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 92.

15) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 94.

16) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 95 và 96.

17) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 96.

18) *Di-ô-gien La-éc-xơ*, X, 104: “Ông ta” (lúc là E-pi-quyax) “cho rằng cũng có thể có nhiều phương pháp khác để giải thích các hiện tượng sớm muộn vậy, miễn là không sử dụng đến thần thoại. Mà thần thoại sẽ không tồn tại nếu chúng ta sẽ quan sát một cách thích đáng các hiện tượng nhìn thấy được và quan chúng mà rút ra những chỉ dẫn để giải thích các điều không nhìn thấy được”.

19) *Đi-ô-gên La-éc-xô*, X, 80: "Như vậy lưu ý rằng trên trái đất của chúng ta tất cả thường hay xuất hiện hiện tượng giống nhau, nên cần phải tìm hiểu, cần cố theo sự đồng dạng với hiện tượng ấy, những nguyên nhân của các hiện tượng và từ đó [nói chung] của tất cả những gì ẩn giấu đối với chúng ta".

Đi-ô-gên La-éc-xô, X, 81: "... còn trạng thái *ti-ê-nê-ô-xô-a* chính là kết quả của sự giải thoát khỏi mọi điều đó... Vì vậy, phải lưu ý đến cái hiện hữu và những cảm thụ cảm ứng: đến các phổ biến đối với cái phổ biến và đến cái riêng đối với cái riêng và đến mọi tính hiện nhiên hiện hữu đối với mỗi loài vật. Thật vậy, nếu chúng ta lưu ý đến tất cả những điều đó, thì chúng ta sẽ xác định chính xác nguồn gốc ra sự biến đổi và nỗi sợ hãi và chúng ta sẽ giải thoát hẳn thân khỏi sự bất ổn và nỗi sợ hãi và giải thích được các nguyên nhân của những hiện tượng vũ trụ, cũng như của tất cả các hiện tượng khác vĩnh viễn chuyển động tới gần và của tất cả những gì gây nên nỗi khiếp sợ cho tất cả những người khác".

Đi-ô-gên La-éc-xô, X, 87: "Những chỉ dẫn nhất định về những gì đang thật sự diễn ra trong các bầu khí quyển vũ trụ thì chúng ta tiếp nhận được qua những hiện tượng này khác nó thể quan sát được hoặc trực tiếp có sẵn trên trái đất bao quanh chúng ta, cũng như qua các hiện tượng của chính các bầu khí quyển vũ trụ. Bởi vì những hiện tượng ấy có thể phát sinh bằng nhiều phương pháp khác nhau".

[89]: "Trong công cụ phổ biến quan sát từng hiện tượng [vũ trụ] dưới hình thức mà chúng ta quan niệm về nó, và giải thích mọi cái gắn với nó. Tính đa dạng của các hiện tượng đang diễn ra [trên trái đất] sẽ không mâu thuẫn với điều đó".

20) *Đi-ô-gên La-éc-xô*, X, 78: "Ở đây sự lớn tại hiện hữu bằng nhiều phương pháp khác nhau, tồn tại theo khả năng hoặc tồn tại theo một phương pháp khác nào đó".

Sách đã dẫn, 86: "Những hiện tượng ấy giả định có nhiều sự giải thích khác nhau về các nguyên nhân của sự phát sinh của chúng".

Sách đã dẫn, 87: "Như vậy, mọi cái không ngừng diễn ra trong tất cả các hiện tượng của vũ trụ, một do bằng phương pháp giả định có những sự giải thích khác nhau, nếu như vẫn rơi là có hiệu lực tất cả những gì nêu và chúng được khẳng định một cách đầy tính thuyết phục".

21) *Sách đã dẫn*, 98: "Còn những gì chỉ chấp nhận một sự giải thích duy nhất thì xung đột với các hiện tượng được cảm thụ bằng cảm giác và thể hiện sự bất lực trong vấn đề xem xét con người thoát ra có thể đạt được gì bằng trí tuệ".

Sách đã dẫn, 113: "Nếu giải thích những hiện tượng ấy tuyệt đối chỉ bằng một nguyên nhân, trong khi đó các hiện tượng nhà thấy được lại đòi hỏi phải thêm nhiều khả năng có nhiều nguyên nhân khác nhau, - thì như thế là hiển rõ, là hành động không đúng chỗ của những kẻ hăng hái ủng hộ môn chiêm tinh học chạy xuôi chạy ngược, họ gán các nguyên nhân một cách hồ hởi cho các hiện tượng nào đó, mà vẫn không giải phóng thiên nhiên thành thần khỏi những biến phận nặng nề".

Sách đã dẫn, 97: "Tiếp nữa: quy luật đường đi vòng tròn của các tinh tú phải được hiểu theo sự giống nhau với một số hiện tượng cũng đang diễn ra trên trái đất chúng ta, nhưng tuyệt đối không được đặt thiên nhiên thành thần trong mối liên hệ với các hiện tượng ấy; nó phải ở trong trạng thái hoàn toàn không bị vướng vào các đồng việc, ở trong trạng thái hoàn toàn hoang dã. Vì nếu điều đó không được thực hiện thì mọi sự giải thích về các hiện tượng vũ trụ sẽ biến thành những lời bùa phép, như đã xảy ra với một số người không hiểu phương pháp giải thích các hiện tượng chấp nhận những khả năng khác nhau và do đó họ rơi vào sự giải thích vô bổ, tưởng rằng các hiện tượng tương như thể chỉ chấp nhận một cách giải thích, còn tất cả các cách giải thích khác được chấp nhận thì bị bác bỏ. Do vậy, họ rơi vào cái phí lý và tỏ ra không có khả năng bằng tâm nhin trí tuệ thấu suốt tất cả những hiện tượng cụ thể cần được công nhận là những kỳ diệu".

Sách đã dẫn, 93: "... không bị sợ hãi trước những trò ảo thuật lừa bịp kiểu nô lệ của các nhà chiêm tinh học".

Sách đã dẫn, 87: "... và rằng là trong trường hợp như vậy người ta hoàn toàn xa rời lĩnh vực khoa học tự nhiên và rơi vào lĩnh vực các thần thoại".

Sách đã dẫn, 80: "Vậy là... qua việc xác định các nguyên nhân của những hiện tượng vũ trụ và nơi chung của mọi điều chưa biết, cần khẳng định những ai tuyên bố rằng điều đó tồn tại hoặc diễn ra chỉ theo một cách và không nói rằng tất cả đều có thể diễn ra theo những cách khác nhau, phù hợp với những quan niệm được tạo ra ở khoảng cách, và ngoài ra họ còn không biết trong những điều kiện nào thì những thể giữ trạng thái a-ta-rắc-xi-a".

22) Di-ô-gien La-ô-ớt, X, 80: "Tiếp nữa, cần tránh định kiến cho rằng sự nghiên cứu những hiện tượng [vũ trụ], ấy là không chính xác và không tinh vi, vì nó đưa chúng ta đến trạng thái a-ta-rắc-xi-a".

23) Di-ô-gien La-ô-ớt, X, 78: "... trong thiên nhiên kiên cố và hàn huyên, không có cái gì có thể gieo rắc sự bất hòa hoặc phá vỡ trạng thái n-ô-n-ê-xi-a. Có thể thấy rõ điều đó tuyệt đối là như vậy, nếu chịu khó suy ngẫm"

24) Hãy tham khảo A-ri-ôt-ô, "Về bầu trời", I, 10.

25) A-ri-ôt-ô, "Về bầu trời", (I, 10): "Nếu giả định rằng thế giới phát sinh từ cái gì đó đã có từ trước, khác với thế giới ấy, thì sự giả định ấy nó là điều không thể có được, một khi sự tồn tại khác với thế giới ấy, vốn từ xa xưa đã khác với thế giới và loại bỏ khả năng trở thành cái khác".

26) A-ri-ôt-ô, "Bữa tiệc của những người thông thái", (II, tr. 104: "Cần khen ngợi nhân vật Khô-ríp sáng danh đã nhìn vào bản chất nhũ sắc nhất của Ê-pi-quy-a và đã nói chính xác rằng âm thực học của A-c-a-ta-rắc là bà mẹ của triết học Ê-pi-quy-a".

27) Lu-ên-ro, "Về bản chất các vật", I, 62-79

PHỤ LỤC

PHÊ PHÁN CUỘC LUẬN CHIẾN CỦA PLU-TÁC-XÔ CHỐNG LẠI THẦN HỌC CỦA Ê-PI-QUY-A

I. QUAN HỆ CỦA CON NGƯỜI ĐỐI VỚI THƯỢNG ĐẾ

1. SỰ SỢ HÃI VÀ SINH VẬT THUỘC THỂ GIỚI BÊN KIA

1) Plu-tác-xô, "Về việc di theo Ê-pi-quy-a thì không thể sống hạnh phúc" (Ấn bản của Kas-lem-đo, t. II, tr. 1100: "Về tác thể chỉ ông (âm chỉ Ê-pi-quy-a) đã nói rằng học thuyết của phái Ê-pi-quy-a - khi học thuyết này được thực hiện thành công và thắng lợi thì thủ tiêu sự sợ hãi và sự mê tín, nhưng không đem lại niềm vui và lòng khoan ái của các vị thần".

2) (Hán-địch), "Hệ thống của tự nhiên" (Luận Đôn, 1770), phần II, tr. 619. "Quan niệm về những sức mạnh bất ổn khủng khiếp ấy luôn luôn được liên kết với quan niệm về sự sợ hãi, tên của chúng luôn luôn nhắc con người nhớ đến những tai họa của mình hoặc những tai họa của tổ tiên họ. Vì vậy chúng ta run sợ, vì tổ tiên của chúng ta đã run sợ hàng nghìn năm về trước. Quan niệm về thành chấn luôn luôn gây ra trong chúng ta những ý nghĩ đau khổ... Ngày nay nỗi sợ hãi và những ý nghĩ buồn rầu nảy sinh trong đầu chúng ta mỗi khi chúng ta nghe thấy bên mình tên thần thánh". Hãy tham khảo tr. 79: "Con người xây dựng đạo đức trên cơ

số diện mạo ít mang tính chứa đựng của thượng đế, không có hành vi cố định, nên con người không khi nào có thể biết con người phải làm gì cả trong vấn đề các bổn phận của mình đối với thượng đế, cả trong vấn đề bổn phận của mình đối với bản thân, cả trong vấn đề các bổn phận của mình đối với những người khác. Vì vậy sẽ là điều kỳ lạ hay hai câu chuyện phục con người tin rằng có một sức mạnh vượt trội con người, sức mạnh mà đứng trước nó lý trí phải lặng thinh và vì sức mạnh ấy - nếu muốn được hạnh phúc - thì phải hy sinh mọi cái trên trần gian này".

3) *Pieu-tô-xơ*, tác phẩm đã dẫn, tr. 1101: "Bởi vì những người sợ hãi (thượng đế) như là đáng chú ý về lòng khoan ái đối với những người tốt, chúng nghiêm khắc đối với những kẻ xấu, chỉ nhờ một sự sợ hãi ấy mà những người sợ hãi ấy thoát khỏi hành động phạm phải những điều không nên đáng và không cần có nhiều đồng cảm thù; sự dè dặt của họ dẫn đến họ kiểm soát, như vậy họ ít trải qua những đau khổ tâm hồn hơn là những kẻ xa vào các tội xấu và dâm (làm những việc độc ác) để sau đó tỏ ra sợ hãi và dằn vặt cảm rất lương tâm".

2. SỰ SÙNG BÀI VÀ CÁ NHÂN

4) *Pieu-tô-xơ*, tác phẩm đã dẫn, tr. 1101: "Ngược lại, chỉ có ở đầu nó (tức là tâm hồn) "tưởng tượng ra và nghĩ đến sự hiện diện của thượng đế thì tâm hồn mới đặc biệt dễ dàng trục bỏ mọi nỗi buồn, những sự sợ hãi, những lo toan và có được cảm giác vui sướng đến tận đáy lòng, trong tình yêu..."

5) *Pieu-tô-xơ*, sách đã dẫn

6) *Pieu-tô-xơ*, tác phẩm đã dẫn, tr. 1102: "Không, không phải sự dè dặt sợ hãi, không phải thiết tưởng tạo thành những gì đem lại niềm vui như thế trong các lễ hội, mà chính là niềm hy vọng tới (hạnh và niềm tin vào sự hiện diện đầy nhân từ của thượng đế đã hai lòng đón nhận những gì diễn ra [vì sự tồn tại vĩnh thượng đế]).

3. THIÊN HỮU VÀ THƯỢNG ĐẾ IQ HẠ NHƯỢC

7) *Pieu-tô-xơ*, sách đã dẫn, tr. 1103: "Những niềm vui sướng xiết bao đã đến với những ai được liên kết lại bởi những quan niệm thuần khiết về thượng đế như là đáng tạo ra tất cả cái cao đẹp, như là chủ đề của mọi cái tuyệt trần, không thể làm điều gì xấu, cũng như bản thân không thể chịu khổ vì cái ác. Bởi vì thượng đế cao thượng, mà vì cao thượng thì hoàn toàn không can dự vào thời điểm gì, bởi sợ hãi, sự giận dữ, lòng hận thù thì lẽ, đương nhiên thuộc tính của cái nóng là không lạnh đi, mà là làm ấm lên, cũng như vậy cái cao đẹp không có đặc trưng gây hại. Sự giận dữ về thực chất là xa lạ nhất với sự dè dặt, sự dè dặt xa lạ với lòng khoan dung, sự ác cảm thì xa lạ với lòng nhân ái và tình hữu ái. Một đảng là kết quả của lòng quả cảm và sức mạnh, đảng kia là kết quả của sự bất lực và tội xấu vì tất cả hành động của thành thần tuyệt nhiên không phải là sự thể hiện lòng cảm giác và thái độ thiện vi, nhưng một khi thượng đế vốn có bản chất định hướng sáng tạo ra cái thiện và giúp đỡ, thì nghĩa là tức giận và gây hại là điều không tương ứng với bản chất của thượng đế".

8) *Sách đã dẫn*: "Hoặc có thể các vị nghĩ rằng còn có một hình phạt đặc biệt nào đó cần áp dụng đối với những kẻ bất bỏ thiện hèn, vì thấy chưa đủ nếu họ tự làm họ mất đi sự hoan lạc và niềm vui kỳ?"

9) "Nhưng trí tuệ yếu đuối không phải là trí tuệ không nhận theo chương độ khách quan, mà là trí tuệ mong muốn nhận theo Thượng đế". *Sơ-linh*, "Những học thu triết học về chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa phê phán", - trong "Các tác phẩm triết học", t. 1, Lan-đơ-nút, 1899, tr. 127, bậc thứ II.

Nói chung có thể khuyên ngài Sơ-linh hãy nhớ lại các tác phẩm đầu tiên của mình. Ví dụ, trong tác phẩm "Về 'cái tôi' như là nguyên lý triết học", có nói thế này:

¹ Chủ thích vi do chính tay Mác viết; ông là tác giả của hầu hết những chỗ nhìn mạnh trong các đoạn trích dẫn từ các tác phẩm của Sơ-linh.

"Chúng hạn, chúng ta giả định rằng Thượng đế, được xác định như là một khách thể, là cơ sở hiện thực của sự tồn tại của chúng ta, nhưng trong trường hợp này thượng đế - vì là khách thể - tự bản thân rơi vào lĩnh vực sự tồn tại của chúng ta và, do đó, không thể là điểm tựa vững chắc đối với chúng ta mà toàn bộ lĩnh vực tự nhiên ấy dựa trên đó". Sách đã dẫn, tr. 5.

Sau cùng, chúng ta nhắc lại Sê-lin nhắc lại những lời kết thúc trong bức thư nêu trên của ông ta:

"Đã đến lúc cần lo âu cho nhân loại ưu tú biết về tự do của tính nhân và không chịu đựng thêm nữa tính trọng nhân loại khác thường sự mới đi giong kiêu của mình". Sách đã dẫn, tr. 129

Nếu như ngay từ năm 1795 là "đã đến lúc", thì phải nói gì về năm 1841 đây?"

Ở đây, trong lúc nhân tiện nhắc đến một chủ đề đang bị mang tiếng khá xấu - về những bằng chứng về sự tồn tại của thượng đế - ta cần lưu ý rằng Hê-gen đã lật nhào tất cả những bằng chứng thần học ấy, nghĩa là bác bỏ chúng, để biện hộ cho chúng. Các khách hàng loại gì vậy, một khi luật sư không thể cứu được họ thoát khỏi bản án bằng cách nào khác hơn là cách dùng chính tay mình giết họ? Chẳng hạn, Hê-gen giải thích theo cách đó kết luận từ tồn tại của thế giới đến tồn tại của thượng đế: "Vì không có cái ngẫu nhiên, cho nên có thượng đế, hay là cái tuyệt đối"⁴³. Nhưng bằng chứng thần học lại tuyên bố chính là ngược lại: "Vì cái ngẫu nhiên có tồn tại đích thực, cho nên thượng đế tồn tại", thượng đế là đảm bảo đối với thế giới ngẫu nhiên. Lễ đương nhiên là điều đó cũng khẳng định điều ngược lại.

Không bằng chứng về tồn tại của thượng đế chẳng qua chỉ là những sự trùng lặp trống rỗng. - ví dụ, bằng chứng bản

thể luận là như thế này: "cái gì mà tôi (thực sự (thực tế) hình dung được thì là quan niệm thật sự đối với tôi". - tức là tác động đến tôi, và trong ý nghĩ ấy tất cả các vị thần, cả các vị thần đa thần giáo, cả những vị thần Thiên chúa giáo, đều tồn tại thật sự. Chẳng phải Mô-lô-sơ thời cổ đã từng là chúa tể đó sao? Chẳng phải thần A-pô-lôn ở Đền-phơ đã từng là sức mạnh thực sự trong đời sống của người Hy Lạp đó sao? Ở đây thậm chí sự phê phán của Can-tơ cũng không thể làm gì được⁴⁴. Nếu có ai đó quan niệm rằng anh ta có hàng trăm đồng ta-le, nếu đối với người đó quan niệm đó không phải là quan niệm tây tiện, quan niệm chủ quan, nếu người ấy tin vào quan niệm ấy, thì đối với người ấy một trăm đồng ta-le tương đương ấy cũng có một ý nghĩa như một trăm đồng ta-le thật sự. Chẳng hạn, người ấy sẽ đem cho vay trên cơ sở sự tương đương của mình, người ấy sẽ hành động như là cách mà toàn thể loài người đã hành động, thực hiện những khoản cho vay nhờ vào các vị thần của mình. Ngược lại, ví dụ mà Can-tơ dẫn ra sẽ có thể củng cố bằng chứng bản thể luận. Những đồng ta-le thật thì cũng tồn tại y như những vị thần được tưởng tượng ra. Phải chăng đồng ta-le thật tồn tại ở đâu đó, tuy nhiên, ngoài quan niệm chung hoặc là, nói đúng ra, quan niệm xã hội?⁴⁵. Anh hãy chú ý tiền giấy đến một nước mà ở đó người ta không biết sử dụng tiền giấy thì bất kỳ người nào cũng sẽ cười quan niệm chủ quan của anh. Anh hãy đem các vị thần của mình đến một đất nước mà ở đó người ta công nhận những vị thần khác, thì mọi người sẽ bảo anh rằng anh đã rơi vào những điều hoang tưởng và trừu tượng. Và dùng là như thế. Nếu có ai đó đem đến cho người Hy Lạp có một vị thần nào đó của dân tộc Ven-di⁴⁶, thì người đó sẽ tìm thấy bằng chứng về sự phi tồn tại của vị thần ấy. Bởi vì đối với người Hy Lạp vị thần ấy đã

không tồn tại. Đối với các vị thần ngoại quốc, một đất nước xác định nào đó là một cái gì đó, thì đất nước tri tuệ cũng là như thế đối với vị thần nói chung - là lĩnh vực trong đó sự tồn tại của vị thần ấy chấm dứt.

Hoặc là những bằng chứng về sự tồn tại của vị thần chẳng qua chỉ là - những bằng chứng về tồn tại của tự ý thức bản chất của con người, là những giải thích lô-gích về tự ý thức ấy. Chẳng hạn, bằng chứng bản thể luận. Tồn tại nào là trực tiếp khi chúng ta hình dung nó? Tự ý thức.

Trong ý nghĩa đó tất cả các bằng chứng về sự tồn tại của thượng đế đều là những bằng chứng về sự không tồn tại của Thượng đế, về sự bác bỏ tất cả các quan niệm về thượng đế. Ngược lại, những bằng chứng thật sự sẽ phải khẳng định như thế này: "Vì thiên nhiên được cấu tạo tối tể, cho nên thượng đế tồn tại". "Vì tồn tại thế giới không hợp lý, cho nên thượng đế tồn tại". "Vì ý nghĩ không tồn tại, cho nên thượng đế tồn tại". Nhưng phải chăng điều đó không có nghĩa là: đối với ai mà thế giới là hợp lý, thì vì vậy bản thân người ấy cũng là phi lý, đối với người ấy thượng đế tồn tại. Nói cách khác: tính phi lý là tồn tại hiện hữu của thượng đế.

"Nếu các vị giả định ý tưởng về thượng đế không thể, thì làm sao các vị lại có thể nói đến những quy luật do lý trí bản sinh ra từ chính bản thân mình, vì sự tự trị chỉ có thể được tưởng cho một sinh vật tuyệt đối tự do?"
Să-linh, sách đã dẫn, tr. 198 (bản thứ X).

"Như là tôi ác nếu giấu giếm không cho loài người biết về những nguyên lý có thể được loan báo cho tất cả mọi người". Să-linh, sách đã dẫn, tr. 198.

BẢN NHÁP LỜI TỰA MỚI CHO TÁC PHẨM "SỰ KHÁC NHAU GIỮA TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ TRIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUY-RA"¹

Tác phẩm mà tôi giới thiệu với công chúng, là tác phẩm cũ, và lẽ ra trước hết nó phải nằm trong trong phần trình bày chung về triết học Ê-pi-quy-ra, triết học trường phái khác kỷ và triết học trường phái hoài nghi" mà hiện nay tôi không thể hy vọng thực hiện được phần trình bày ấy do bận các hoạt động chính trị và triết học hoàn toàn mang tính chất khác".

Chỉ bây giờ mới đến lúc người ta sẽ hiểu rõ các học thuyết của Ê-pi-quy-ra, của trường phái khác kỷ và trường phái hoài nghi. Đó là các nhà triết học tự ý thức. Chỉ ít những dùng này sẽ chỉ cho thấy cho đến nay nhiệm vụ này được giải quyết ít như thế nào.

Do C.Mác viết vào cuối 1841 đến 1842
Công bố lần đầu trong Marx - Engels
Gesamtausgabe Erste Abteilung, Bd.
I, Hft.2, 1929

Ti theo bản cuối tay
Nguyễn Văn là Tổng Biên
Tn bằng tiếng Nga lần đầu

¹ Trong bản viết tay đã gạch bỏ đoạn sau đây: "Song, vì những sự bận rộn vào các hoạt động chính trị và triết học là sự quan tâm trực tiếp hơn, không cho phép tôi, tạm thời, hoàn thành phần trình bày chung về các hệ thống triết học ấy, vì tôi không biết khi nào tôi lại sẽ có dịp trở lại để tài này, cho nên tôi tạm gác..."

² Trong bản viết tay đã gạch bỏ đoạn sau đây: "Triết học Ê-pi-quy-ra, triết học trường phái khác kỷ, trường phái hoài nghi, các triết học tự ý thức, đều bị bác bỏ như nhau bởi các nhà triết học châu Âu, nơi đó là những triết học phi tư bản, cũng như bởi các học giả uyên bác dạy học ở nhà trường, họ cũng viết lịch sử triết học như thế..."

MÁC GỬI CÁC LỢ PHRI-ĐRÍCH BA-KHMAN¹²

Ở GIÊ-NA

Béc-lin, 8 tháng Tư 1841
Schützenstrasse, 68

Thưa quý Ngài!

Xin chuyển đến quý Ngài bản luận án của tôi "Sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của Đê-mô-crít và triết học tự nhiên của Ê-pi-cu-rơ"¹³ nhằm mục đích nhận học vị tiến sĩ, và gửi kèm theo luận án litterae petitoriae¹⁴, curriculum vitae¹⁵ giấy chứng chỉ tốt nghiệp các trường đại học tổng hợp ở Bon và ở Béc-lin¹⁶, cũng như khoản lệ phí theo luật định là mười hai phri-đrích-xê-rơ, đồng thời trong trường hợp bản luận án của tôi thỏa mãn yêu cầu của khoa tôi và cũng trân trọng đề nghị Ngài, cố gắng đẩy nhanh việc phong học vị tiến sĩ cho

tôi. Một mặt tôi chỉ có thể lưu trú ở Béc-lin vài tuần lễ, mặt khác - vì những lý do không phụ thuộc vào tôi - tôi mong muốn nhận được học vị tiến sĩ lúc lên đường.

Các giấy chứng nhận tốt nghiệp, tôi mong nhận trở lại vì những giấy chứng nhận ấy là bản gốc.

Xin gửi đến quý Ngài sự kính trọng sâu sắc nhất và lời chào rất trân trọng.

Các Hen-đrich Mác

Cộng bố lần đầu trong văn tập
"Archiv für die Geschichte der
Sozialismus und der
Arbeiterbewegung", đ. 12, Leipzig,
1928

In theo bản viết tay
Nguyễn Văn Lê tổng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

¹² Xem tập này, tr. 357 + 414.¹³ - đơn¹⁴ - bản lý lịch tự khai¹⁵ Xem tập này, tr. 1024 - 1029, 1096 - 1098.

MÁC GỬI LÚT-VÍCH BÈC - HẮC VÔN-PHƠ
Ở GIÊ-NA

Béc-lin, 7 tháng Tư (1844)
Schüssensstraße, 6A

Thưa quý Ngài giáo sư!

Tôi xin chân thành cảm ơn Ngài về sự quan tâm đầy tình hữu ái qua việc đáp ứng lời thỉnh cầu của tôi và tôi xin mạn phép thông báo với quý Ngài rằng tôi vừa mới gửi luận án của tôi, kèm theo các tài liệu liên khoa triết và đề nghị quý Ngài - như quý Ngài đã có nhủ ý hứa như vậy - vui lòng đẩy nhanh việc chuyển giao cho tôi bằng tiên si. Tôi có cảm nghĩ là tôi đã quá lạm dụng lòng tốt của quý Ngài để mạo muội làm phiền Ngài qua việc lại đề nghị quý Ngài chuyển trực tiếp cho tôi bản luận án.

Xin bày tỏ với quý Ngài lòng biết ơn sâu sắc nhất của tôi và xin gửi tới quý Ngài lời chào kính trọng nhất.

Các Hen-ri-ích Mác

Công bố lần đầu trong văn tập:
"Archiv für die Geschichte des
Sozialismus und
Arbeiterbewegung", Jg. 12, Leipzig,
1926

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

VẤN ĐỀ TRUNG ƯƠNG TẬP QUYỀN,
BẢN THÂN VẤN ĐỀ VÀ TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI
PHỤ LỤC CỦA SỐ 137 BÁO "RHEINISCHE ZEITUNG",
THỨ BA, 17 THÁNG NĂM 1842"

Trong bài báo "Nước Đức và nước Pháp đối với vấn đề trung ương tập quyền", được đánh dấu bằng ký hiệu + +, có nói như sau:

"Phải chăng chính quyền nhà nước phải xuất phát từ một điểm, hay bản thân từng tỉnh, từng công xã phải tự mình quản lý công việc của mình, còn chính phủ trung ương, với tính cách là chính quyền của toàn quốc, cũng phải thống lĩnh các bộ phận riêng lẻ của quốc gia chỉ trong những trường hợp khi có vấn đề đại diện quốc gia trong quan hệ quốc tế, - về vấn đề này cần có sự bất đồng nghiêm trọng về quan điểm"

Mọi vấn đề do thời đại đặt ra đều có một số phận chung với mọi vấn đề mà, xét về nội dung, là vấn đề hợp quy luật và, do đó, hợp lý: khó khăn cơ bản ở đây không phải là câu trả lời, mà là câu hỏi. Vì vậy một sự phê phán đích thực sẽ phân tích không phải các câu trả lời, mà là những câu hỏi. Giống như đáp số đã có cho một phương trình đại số, chỉ cần bài toán được đặt ra với những tỷ lệ đúng nhất và rõ ràng nhất, - cũng như thế, mỗi câu hỏi đều có câu trả lời,

miễn là câu hỏi ấy *thật sự*. Bản thân lịch sử thế giới không sử dụng phương pháp nào khác ngoài cách là giải đáp và loại trừ những vấn đề cũ bằng những vấn đề mới. Vì thế, dễ dàng tìm ra những câu nói bí ẩn của từng thời kỳ lịch sử. Trong những câu nói ấy thể hiện những vấn đề do thời đại đặt ra, và nếu trong những câu trả lời vai trò to lớn thuộc về những ý định và sự hiểu biết của từng cá nhân. - do đó cần có một cái nhìn đầy kinh nghiệm để phân biệt xem cái gì phải thuộc về cá nhân, cái gì thuộc về thời đại. - thì ngược lại, các vấn đề chính là tiếng nói của thời đại, vang lên công nhiên và đang cảm, ngự trị tất cả những cá nhân riêng lẻ. Mỗi vấn đề như thế đều là phương châm của thời đại, là khẩu hiệu hết sức *thực tiễn* của thời đại, thể hiện tâm trạng của chính thời đại. Vì thế, bạn phản động của mọi thời đại - chúng là những phong vũ biểu tốt để thể hiện trạng thái tinh thần của thời đại, giống như là chú lá phong vũ biểu chỉ rõ thời tiết xấu. Công chúng thì quan niệm tưởng như thể bạn phản động *ngài* ra các vấn đề. Vì vậy, công chúng cho rằng nếu có một kẻ khờ khạo nào đó không dấu tranh chống lại trào lưu đương thời nào đó, nếu như kẻ đó không đặt dấu hỏi một vấn đề nào đó, thì cũng không có vấn đề đó. Như vậy, tự bản thân công chúng coi bạn phản động như là những đấng *trượng phu* chân chính của tiến bộ.

"Phải chăng chính quyền nhà nước phải xuất phát từ một điểm", nghĩa là phải chăng *một điểm* phải là điểm tập trung sự quản lý, hay là từng tỉnh v.v. tự nó phải quản lý công việc của mình, còn chính phủ trung ương chỉ trong chính sách đối ngoại mới phải đóng vai trò chính quyền toàn quốc "trong quan hệ đối ngoại", - cho nên trong bất kỳ trường hợp nào

cũng không thể đặt vấn đề trung ương tập quyền. Tác giả khẳng định với chúng ta rằng

"vấn đề này - nếu xem xét nó từ một giác độ cao hơn - tự nó tan biến đi như là một vấn đề không có thật", bởi vì "nếu quả thật con người đúng là phải trở thành như thể theo nhu cầu bản chất của mình, thì tự do cá nhân không khác gì tự do cho mọi người". "Như vậy, nếu giả định rằng dân chúng hết thấy đều *gửi những người chính đáng*, thì vấn đề được đề cập tới thậm chí sẽ không thể được đặt ra. Khi ấy chính quyền trung ương có thể tồn tại trong tất cả mọi thành viên, v.v. và v.v.". "Nhưng giống như nói chung mọi quy luật bên ngoài, mọi thiết chế tích cực v.v. cũng như thế, mọi chính quyền trung ương v.v. sẽ trở nên thừa. Một xã hội như vậy sẽ không phải là *quốc gia*, mà là *tự tưởng* của loài người", "Có thể hết sức dễ dàng giải quyết những vấn đề quốc gia phức tạp nhất, nếu xem xét đời sống xã hội của chúng ta từ góc độ triết học tầm cao. Về phương diện lý luận thì việc giải quyết tất cả các vấn đề ấy là hoàn toàn đúng, thậm chí là đúng đến duy nhất. Nhưng ở đây vấn đề không phải là giải pháp lý luận v.v. cho vấn đề trung ương tập quyền, mà là giải pháp thực tiễn - thật ra, chỉ về phương diện kinh nghiệm và tương đối - cho vấn đề v.v.".

Tác giả của bài báo bắt đầu từ việc *tự mình phê phán* cách đặt vấn đề của mình. Nếu xem xét vấn đề này từ một góc nhìn cao hơn thì vấn đề ấy không tồn tại. Nhưng đồng thời chúng ta nhận biết rằng đối với góc nhìn cao ấy thì mọi quy luật đều tan biến, mọi thiết chế tích cực, chính quyền trung ương nhà nước và sau hết, chính nhà nước tan biến. Tác giả đã có lý khi đề cao "sự dễ dàng hết sức" mà góc nhìn ấy đã tìm được khả năng loan truyền. Nhưng ông đã sai lầm khi

gọi cách giải quyết vấn đề như vậy "là hoàn toàn đúng đắn về mặt lý luận, thậm chí là đúng đắn duy nhất", đã sai lầm khi gọi quan điểm ấy là "quan điểm triết học". Triết học phải phân đôi khi người ta hoà lẫn nó với sự tưởng tượng. Luận điệu hư vô về một dân chúng chỉ gồm toàn "những người chính đáng", cũng là điều xa lạ với triết học, cũng như thiên nhiên xa lạ với luận điệu hư vô về "loài linh cầu biết cầu nguyện". Tác giả nhốt nhét vào triết học "những ý tưởng trừu tượng của mình"¹.

*Do C. Mác viết vào nửa cuối tháng
Năm 1844
Chang hồ lần đầu trong Marx - Engels
Gesamtausgabe, 'Erste Abtheilung',
Bd. I, Hft. 1, 1927*

*Lu theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

THÊM VÀI LỜI VỀ CUỐN SÁCH CỦA TIẾN SĨ Ồ. PH. GRUP-PƠ: "BRU-NÔ BAU-Ơ VÀ TỰ DO HÀN LÂM TRONG GIÁNG DẠY"

BÉC-LIN 1842²

Nếu ở Đức có ai đó muốn viết vở hài kịch về tính hời hợt, thì ngài tiến sĩ Ồ.Ph. Grup-pơ nhất định phải giữ một vai trong vở hài kịch này. Sở phận đã ban cho con người này một lòng kiên trì sắt thép mà những đại trưởng phu có tính hời hợt thiếu được, đặc biệt là những đại trưởng phu có tính hời hợt lai tử. Nếu trong đa số trường hợp những câu chuyện phiêu lưu của ông ta đều kết thúc - giống như những chuyện phiêu lưu của Xan-sô Pan-xa - bằng những dấu hiệu nước đôi của sự công nhận, thì lòng chất phác mang tính hài hước và sự ngây thơ đến cảm động mà ngài Grup-pơ đã thể hiện khi đón nhận niềm vinh quang của mình đã đem lại một sự đa dạng nào đó cho tính chất đơn điệu của những thành công ấy. Thậm chí không thể không công nhận sự vĩ đại tính thần nào đó trong thái độ nhất quán mà ngài Grup-pơ đã thể hiện khi đưa ra kết luận: Vì người ta đã quảng tới ra khỏi lớp ngũ vấn, cho nên nhiệm vụ của tôi sẽ là làm sao để người ta quảng tới ra khỏi phòng nhảy của môn thẩm mỹ học và ra khỏi hành lang của triết học. Điều đó là nhiều rồi, nhưng đó

¹ Bản đầu bản thảo bị đứt đoạn

chưa phải là tất cả. Vai trò của tôi sẽ chỉ kết thúc khi nào tôi bị quăng ra khỏi ngôi đền thần học, - và thế là ngài Grup-pô đã từ ra trung thực đến mức là đóng vai trò của mình đến cùng.

Song, bài phát biểu gần đây của ngài Grup-pô chứng tỏ rằng ngài ấy đã phân nào tụt khỏi tầm cao của trận địa mà ngài ấy đã chiếm giữ. Tuy nhiên, chúng tôi không hề một phút nào hoài nghi rằng tác phẩm gần đây "Bru-nô Bau-ơ và tự do hàn lâm trong giảng dạy" đã được ông ta viết ra mà lại không nhằm "phục vụ một đảng nào đó hoặc chịu sự tác động của ai đó". Ngài Grup-pô cảm thấy có một nhu cầu thôi thúc mình phải bị quăng ra khỏi ngôi đền thần học, nhưng ở đây *sự thông thái thế giới* đã giúp cho bàn năng bất hủ của ông ta. Cho đến nay ngài Grup-pô đã hành động - các vai hài đều phải làm theo cách đó - với một thái độ nghiêm chỉnh hết sức nực cười và thái độ kiêu ngạo khác thường nhất. Tính chất nực cười, hời hợt, những ý hiểu nhầm đã là *nó phận* của ông ta, nhưng không phải là *định hướng* của ông ta. Trong vai diễn của mình vì đại trượng phu ấy đã biểu lộ bản chất của mình, nhưng làm như vậy để cho mình chú không phải để cho những người khác. Ông ta đã từng là *tay hề bẻm mặt*; nhưng trong lần diễn xuất cuối cùng của mình ông ta - điều này không còn nghi ngờ nữa - là *anh hề theo đơn đặt hàng và được trả công*. Cả độc giả cũng không còn hoài nghi về điều đó qua ý đồ xấu xa, sự xuyên tạc vô sỉ, sự trào trỏ hèn hạ.

Số là điều mâu thuẫn với cách nhìn của chúng tôi đối với những vai hài, nếu như chúng tôi muốn sử dụng bộ máy bình phẩm rộng lớn đối với ngài Grup-pô. Ai sẽ nghĩ đến chuyện đòi có một câu chuyện mang tính phê phán của U-len-spi-gan? Trong những trường hợp như vậy người ta đòi hỏi *những giai*

thoại, và chúng tôi xin dẫn ra đây một giai thoại về ngài Grup-pô, đây là *giai thoại rút từ tập sách mỏng* của ông. Giai thoại này có liên quan đến sự giải thích của Bau-ơ về Kinh Phúc âm của Ma-thi-ơ, ch. 12, tr. 38-42. Chúng tôi mong độc giả hãy độ lượng và khoan dung cho phép chúng tôi trong giây phút lưu tâm đọc giả đến những vấn đề thần học, song mong rằng độc giả đừng quên rằng mục đích của chúng tôi không phải là thần học, mà là ngài Grup-pô. Chúng tôi hy vọng rằng độc giả sẽ coi là điều phải lẽ, nếu sau khi tính cách và học thuyết của Bau-ơ đã trở thành một thần thoại nào đó trên báo chí, thì công chúng đọc báo chí sẽ được cung cấp một sự nhận xét về những dịch thù của Bau-ơ.

Ở đây chúng tôi dẫn ra toàn bộ một đoạn trong Phúc âm Ma-thi-ơ được nói đến.

"Khi ấy một số trong đám người sách và đem pha-xi-xi đến nói. Thưa thầy! Chúng con muốn nhìn thấy thầy bna điểm triều. Người đáp lại họ rằng: người nào sẽ đi dẫn anh em tìm kiếm điểm triều, và anh em sẽ không có được điểm triều nào, người điểm triều của nhà tôn tử Giê-su-xô đầu, bởi vì Giê-su-xô đã nằm trong bụng con ruồi và bị ba quỷ, ba đèm, thì con (ta) của loài người cũng nằm trong lòng đất ba ngày và ba đêm. Dân thành Xi-rê-vê sẽ xử tội bọn người ấy và sẽ bị án tử, bởi vì dân thành ấy đã *rao hô* họ như *những lời giáo huấn* của Giê-su-xô; và ở đây có *điều của con người* hơn *tiên-sa-xô* nhiều. Vì nó hoang miền nam sẽ xử tử bọn họ và sẽ kết án chúng, vì nó hưởng đã từ con tâm cung của trái đất đến để nghe *những từ thông* thời của Xô-lô-môn, và đây có *điều của con người* hơn *Xô-lô-môn* nhiều"

Các nhà giảng đạo tin lành đã chú ý đến mâu thuẫn thể hiện ở chỗ là ở đây Giê-xu bác bỏ những phép mầu, trong khi đó trong những trường hợp khác Giê-xu tự mình lại tạo ra các phép mầu ấy. Họ cũng lưu ý đến một mâu thuẫn còn lớn

hơn ở đây. Van chính ngay phút chừa bực bỏ lời yêu cầu cho phép là thì Giê-xu lại hứa hẹn phép mầu - và lại, đó là phép mầu vì đại sự hiện diện ờa ngay của mình trong thế giới dưới lòng đất.

Nhưng vì các nhà thần học Tin lành quá vô thần nên không thể giữ định sự mâu thuẫn giữa trước tác và lý trí của mình, và họ quá thành thiện nên không thể giữ định một sự mâu thuẫn giữa lý trí của mình và tác phẩm, cho nên họ xuyên tạc, bóp méo và bằng mọi cách làm rối tung nội dung rõ ràng, đơn giản trong văn bản kinh Phúc âm. Họ khẳng định rằng Giê-xu ở đây không đem đến *lập học thuyết* của mình và cá nhân tinh thần của mình với đôi hai điểm triệu; họ khẳng định rằng:

"Ngài ra chung chung về sự xuất hiện của mình, một sự xuất hiện lớn hơn sự xuất hiện của Xê-lô-mông và Giê-na-xô, và đó là một sự xuất hiện, "mới đúng hơn", cũng liên quan đến *những phép lạ của ngài*."¹

Bau-ơ đã dùng sự phân tích tỉ mỉ và lý giải để chứng minh cho họ thấy tính chất phi lý của sự giải thích như thế². Ông ta đã trích dẫn cho họ một đoạn trong kinh Phúc âm của Lu-ca³, trong đó tuyệt nhiên không có đoạn rầm rùi nói đến cả voi và sự hiện diện ba ngày dưới lòng đất. Ở đó nói như thế này:

"Đêm ngày này gần giờ⁴, họ tìm kiếm điểm triệu, và họ sẽ chẳng có được điểm triệu nào, ngoại điểm triệu của nhà tiên tri Giê-na-xô; bởi vì Giê-na-xô đã từng là điểm triệu thế nào đối với dân thành Ni-nê-vê, thì con trai của loài người cũng sẽ là điểm triệu như vậy đối với dân ngày này"

Tiếp sau đó trong kinh Phúc âm của Lu-ca chưa lại nói rằng, đáp lại lời *ra giảng* của Giê-na-xô, dân thành Ni-nê-vê đã xưng

¹ - Kinh Phúc Âm của Lu-ca, ch. 11, tr. 29-30

hội, và rằng vị nữ hoàng muốn nằm dạ đến từ nơi lân cận của Trái đất để nghe được *lời thông thái* của Xê-lô-mông. Bau-ơ cho thấy, tính tốt này còn được trình bày đơn giản hơn trong kinh Phúc âm của Mát-thê⁵.

"Giê-xu nói: đêm ngày này đôi hai điểm triệu để làm gì? Ta biết thật các con rằng dân người sẽ không có được điểm triệu nào. Và rồi từ xa rồi bỏ họ"

Bau-ơ kiên quyết chống lại những sự giải thích sai và sự xuyên tạc tuý tiện của các nhà thần học đối với văn bản tác phẩm, và sau khi chỉ rõ *những điều đã được viết*, ông thấu tỏm một lần nữa *nội dung bài thuyết giáo của Giê-xu* bằng những câu dưới đây:

"*Hãy rút đi, đôi nhà thần học!* bởi vì dù *chết đi* ở đây có điều cần ra trong kinh Giê-na-xô nhiều, còn ra trong kinh Xê-lô-mông nhiều, nghĩa là dân từ Ni-nê-vê - lập lại lời của Giê-na-xô, đã sẵn lòng vì họ hướng muốn nằm dạ đến từ nơi lân cận trái đất để nghe được *lời thông thái* của Xê-lô-mông, các con lại không tin vào những lời của ta, văn bản thuyết giáo của ta, trong khi những lời đã lại thực về một ra nhân mầu và vị đại tinh thần của cả nhân ầy chết và sống, trong khi ấy Giê-na-xô và Xê-lô-mông chỉ là những cá nhân hạn chế. Số là như thế, các người sẽ chỉ ra được điểm triệu của ta - hoặc, các người sẽ không ra được điểm triệu khác đâu ngoài có nhân ta và sự thể hiện cá nhân ta - mặc dù là sự thể hiện bất tận - trong lời nói"

Như vậy là sau khi giải thích *bài thuyết giáo của Giê-xu*, Bau-ơ còn nói thêm:

"Vay, đừng ra tìm lại cái gì nhờ các phép lạ"

Thế còn ngài Grup-pơ? Ngài Grup-pơ nói,

⁵ - Kinh Phúc Âm của Mát-thê, ch. 23, tr. 12 - 13

"Đồng thời điều lạ lùng nhất là Bau-ơ, với phong cách kỳ cục của mình, lại tự biểu lộ mình ra như là nhà tiên tri. Ở trang 296 chúng ta đọc thấy những lời hùng tráng: "Hãy vượt đi, hãy nhà thần học" v.v. (tr. 20)

Ngài Grup-pơ, với tính cách tru trợn, lại muốn áp đặt độc giả phải có quan niệm cho rằng Bau-ơ nói về bản thân mình, tương như thế Bau-ơ tự nhận mình là cá nhân bất đắc, - nhưng trong khi ấy Bau-ơ lại lý giải bài thuyết giáo của Giê-xu. Tuy hết sức mong muốn, nhưng chúng tôi không thể lường thử cái trò qui pro quo¹, cái trò ảo thuật rẻ tiền được thực hiện bởi ngài Grup-pơ với trí óc thiếu năng như mọi người đã liệt và sự ngu dốt kiểu tài tử hời hợt. Ở đây có sự lừa bịp thật sự. Vấn đề không chỉ là ở chỗ ngài Grup-pơ đã giấu không cho độc giả biết vấn đề nói đến là gì? Chúng ta có thể nghĩ rằng vì thông thái sớm ấy ngẫu nhiên mở trang 296 trong tác phẩm của Bau-ơ rồi cố hết sức nhào nặn ra tập sách mỏng của mình, đã chẳng có thời gian đọc những gì được viết từ trước, cũng như những gì được viết tiếp theo sau đoạn ông ta trích dẫn. Không mà, ngài Grup-pơ đã giấu đi đoạn không thể gây ra bất cứ sự hiểu nhầm nào, cụ thể là đoạn kết trong "đoạn hùng tráng":

"Sẽ là như thế, các người sẽ chỉ có được điểm triện của Giê-su-xo, các người sẽ không có được điểm triện khác, ngoài cá nhân ta và thể hiện của cá nhân ta - một đó là một sự biểu hiện bất tận - trong khi nói. Vậy, "mời đứng ra" cái gì còn lại nhà các pháp là?"

Ngài Grup-pơ hiểu rằng những lời nói đó tất phải thuyết phục nổi ngay cả một độc giả nhút nhát, - một độc giả dốt nát đến mức đi tìm các quan điểm của Bau-ơ không phải trong các tác phẩm của Bau-ơ, mà là ở trong các tác phẩm của ngài

Grup-pơ; những tác phẩm ấy sẽ phải thuyết phục độc giả kỳ tín rằng ở đây Bau-ơ không nói về mình, mà là về những gì đã được viết ra, chưa nói đến tất cả những điều phi lý khác, trong trường hợp ngược lại những lời sau đây sẽ nói lên cái gì "Vậy, nói đứng ra, cái gì còn lại nhờ các phép lạ?"

Chúng tôi hoài nghi, không biết trong sách báo Đức liệu có tìm thấy được ví dụ nào khác về một sự trơ trẽn như thế hay không.

Ngài Grup-pơ viết như sau trong lời tựa:

"Trong khi viết tác phẩm của mình tôi càng ngày càng tin chắc rằng chúng ta đang sống trong thời đại của nhà hùng biện và nguy hiểm" (tr. IV).

Nếu đó là sự tự thừa nhận thì chúng tôi kiên quyết phản đối ông ta. Ngài Grup-pơ không phải nhà hùng biện và không phải là nhà nguy hiểm. Trước khi ông ta viết tập sách về Bau-ơ thì ông ta đã trình đóng vai hài, ông ta đã từng là anh hề, hiểu theo nghĩa ngày thơ của từ ngữ này; từ đó đến nay ông ta đã chỉ mãi đi sự ngây thơ của mình và giờ đây đã trở thành - hà ý để lượng tâm của ông ta mách bảo ông ta giờ đây đã trở thành ai rồi. Tuy nhiên, Bau-ơ có thể xem là sự công nhận sự thể tinh thần của mình việc người ta chỉ có thể đưa ra chống lại ông, những kẻ không hiểu biết bất kỳ một đời sống tinh thần nào, do đó, những kẻ ấy, ông chỉ có thể gặp thấy trong trường hợp nếu ông tự cho phép mình tư hạ thấp xuống ngang bằng họ.

Do C. Mác viết có lẽ vào cuối tháng Mười - đầu tháng Mười một 1848
Đã đăng trên tạp chí "Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst" số 272, 16 tháng Mười một 1848
Ký tên: C. M.

in trên bản in trong tạp chí
Nguyễn văn là tiếng Đức

¹ - Kỹ của này thay cho cái kia, dịch chuyển các khái niệm

**TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP NHÂN BÀI VIẾT
"CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VÀ TỔ "ALLGEMEINE ZEITUNG"
Ở AU-XBUỐC"**

Khuyến, ngày 22 tháng Mười. Trong số 292 báo "Rheinische - Zeitung"¹ có đăng lại bài báo rút ra từ báo "Mannheimer Abend - Zeitung", có ghi là "Gửi từ Phan-xơ, ngày 12 tháng Mười", mở đầu bằng những lời sau đây:

"Tôi rất đỗi ngạc nhiên khi đọc thấy hôm qua trong tờ "Allgemeine Zeitung", bài viết vay mượn từ một tờ báo bướm ở A-khen (bản về chủ nghĩa cộng sản), thật ra bài viết này không xứng đáng để một tờ báo thường có được những thông tin nổi bật ấy cho đăng".

Nhân sự việc này báo "Aachener Zeitung" trong số 293² đã đăng bài trả lời mà nội dung của nó - căn cứ theo nguyên vẹn của báo này - chúng tôi muốn giới thiệu, qua đoạn trích, với độc giả, nhất là vì việc này tạo khả năng cho chúng tôi có thể đưa ra một số sửa đổi. Báo "Aachener Zeitung" đã hoàn toàn có lý khi giả định, về tờ báo "Rheinische Zeitung", rằng:

"nó có thể biết rằng báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc đã chỉ trích ra

một số đoạn trong bài viết của chúng tôi về những người công nhân (số 277 của báo "Aachener Zeitung") và đã bổ sung vào đó những nhận xét của mình, và dĩ nhiên đã khiến cho bài báo ấy rõ nội dung khác".

Như đã nói, báo "Rheinische Zeitung" đã biết chẳng những về việc đó, báo ấy cũng còn biết rằng tờ "Aachener - Zeitung" đã hoàn toàn vô tội đối với những đoạn trích tẩm thuốc và được thêm đột một cách khôn ngoan đã được đăng trong số 284 của báo ở Au-xbuốc và chỉ nhằm hoàn toàn chống lại tờ "Rheinische Zeitung". Vì vậy, báo "Rheinische Zeitung" trong số 289, khi đáp lại tờ báo ở Au-xbuốc, đã hoàn toàn không lời kéo - và đã cần làm như thế - tờ "Aachener Zeitung" vào cuộc tranh chấp này. Song, nếu có ai đó ở Phan-xơ có thể bị lầm lạc do những câu trong bài báo ở Au-xbuốc, được nhấn mạnh bằng những dòng chữ in tách rời nhau dưới đây: "Chúng tôi đọc thấy trong tờ báo ở A - k h e n", thì điều đó chỉ chứng tỏ rằng báo "Aachener Zeitung" ngay từ trước đã có thể xua tan sự hiểu lầm ấy và lên tiếng phản đối tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc. Một khi tờ "Rheinische Zeitung" đã hoàn toàn cho rằng bài báo kể trên ở Au-xbuốc là nói về tờ "Rheinische Zeitung" thì dĩ nhiên là nó có thể không đưa ra những lời giải thích cho bài báo nhân thể được đăng lại. Lấy từ tờ "Mannheimer Abend Zeitung", bởi vì độc giả của nó vốn đã biết sự thể như thế nào rồi. Những dòng dưới đây rút ra từ bài báo đăng hôm nay trên tờ "Aachener Zeitung"³ đã không cần đến những lời giải thích thêm nữa:

"Tờ báo ấy ["Rheinische Zeitung"] biết rõ rằng chúng tôi không phản đối một sự nghiên cứu tự do, rằng chúng tôi không có ý định ngăn cản những ý hướng của những người đó ra mục đích cho mình là sự hạnh phúc

¹ - ngày 19 tháng Mười 1842

² "Rheinische Zeitung" số 293, ra ngày 22 tháng Mười 1842

³ - "Rheinische Zeitung" số 293, ra ngày 22 tháng Mười 1842

năm mọi giai cấp nào đó. Chúng tôi có thái độ vô tư đối với tất cả mọi người, điều này còn nhiều hơn là những gì mà đa số những phần tử tự do chủ nghĩa khác có thể nói cho đến nay. Nhưng chúng tôi quả thật đã nói rằng chủ nghĩa cộng sản không thể làm khuấy động đất nước chúng ta. Trong khi ngược lại ở Pháp và ở Anh chủ nghĩa cộng sản là một hiện tượng tự nhiên. Sau hết, chúng tôi có nói thêm rằng chúng tôi không phản đối những ý hướng cộng sản chủ nghĩa ở Đức, nhưng chúng tôi kiên quyết phản đối mọi hành động kết tinh nhem ở các câu lạc bộ, dưới cái bình thức mà hành động ấy - như người ta khẳng định - đã diễn ra ở Xi-lô-ni. Những tư tưởng tự do chủ nghĩa còn chưa bắt rễ sâu ở nước ta, còn chưa đạt được những thắng lợi khiến cho mỗi ý hướng đều không cần đến một sự hòa thuận âm thầm. Song, thông thường chúng tôi thấy rằng những tờ báo có cùng một khuynh hướng lại hành động đoàn kết nhất trí quá ít, không tính đến sự thật là mỗi người sẽ không bao giờ có thể tập đầy toàn bộ không gian được, hành động chung chỉ có thể có được trong trường hợp mà từng người sẽ luân phiên trở thành đại diện và người quảng bá những tư tưởng của người khác."

Ban biên tập báo "Rheinische Zeitung"

Do Các Mác với ngày 22 tháng Mười 1843
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung"
Số 299, ngày 23 tháng Mười 1843

Trên báo đã đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

**CHỦ THÍCH CỦA BAN BIÊN TẬP VỀ CÁC BÀI VIẾT
"NHỮNG SAI LẦM CỦA PHẢI ĐỐI LẬP TỰ DO CHỦ NGHĨA Ở
HAN-NÔ-VƠ VÀ "TỬ VÙNG RANH"**

Vì thuật ngữ "phải đối lập tự do chủ nghĩa" ghu trong đầu đề bài viết đang thảo luận, lại không phải của tác giả bài viết ấy, mà là của ban biên tập, cho nên ban biên tập thấy cần phải nói vài lời để giải thích đầu đề này.

Người ta đưa ra hai lý do phản đối tên gọi này. Về mặt hình thức người ta chỉ rõ rằng phải đối lập không có lập trường tự do chủ nghĩa, vì phải đối lập ấy giữ lập trường bảo thủ, do đó để ra mục tiêu của mình là duy trì trật tự pháp luật hiện hành. Theo phép biện chứng ấy thì hóa ra là cuộc Cách mạng tháng Bảy là cuộc cách mạng bảo thủ, do đó, không phải là cuộc cách mạng tự do chủ nghĩa vì nó trước hết hướng tới việc duy trì" bản Hiến Chương¹⁾. Tuy vậy, chủ nghĩa tự do để tuyên bố cuộc Cách mạng tháng Bảy là sự nghiệp của mình. Dĩ nhiên, chủ nghĩa tự do là bảo thủ. Nó cố gắng duy trì tự do và bảo vệ thậm chí status quo" của tự do để chống lại sự xâm hại của lực lượng vật chất thô bạo. Hơn nữa, nếu khái niệm trừu tượng ấy muốn tỏ ra triệt để thì nó phải thừa nhận là tiến bộ và tự do chủ nghĩa, phải đối lập của những người duy lý trật tự pháp luật ra đời vào năm 1833, so với thế lực phản động đang muốn dùng vũ lực để đẩy năm 1833 trở lại năm 1819²⁾.

Về bản thân nội dung của tên gọi này thì người ta đưa ra

¹⁾ Trong nguyên bản, ở chỗ này và ở bốn chỗ khác nữa, "konservativ" - "bảo thủ"; "Konservativen" - duy trì "konservieren" - "giữ lại".

²⁾ - hiện tại.

tiếp luận cứ cho rằng nội dung hành động của phái đối lập - hành động bảo vệ bản hiến pháp năm 1833 - tuyệt nhiên không dựa trên nguyên tắc tự do. Chúng ta hãy cứ cho là như vậy! Bản hiến pháp năm 1833 bất luận thế nào cũng không phải là biểu hiện của tự do, nếu đem so sánh nó với tư tưởng tự do, nhưng dĩ nhiên nó là sự biểu hiện của tự do nếu đem so sánh nó với bản hiến pháp năm 1819. Nói chung vấn đề trước hết không phải là một nội dung cụ thể nào đó của bản hiến pháp ấy, - vấn đề là phải nhấn mạnh nội dung hợp pháp để lên tiếng chống lại hành động vi phạm bất hợp pháp.

Bản hiến tập lại cũng có quyền gọi phái đối lập ở Han-nô-vơ là phái đối lập tự do chủ nghĩa, vì hầu như tất cả các viện của quốc hội Đức đều đã hoan nghênh nó như là phái đối lập tự do chủ nghĩa, như là phái đối lập của nền tự do hợp pháp. Xét vấn đề là liệu tên gọi này có tỏ ra đúng hay không trước sự phản xứ của giới phê phán, liệu phái đối lập ấy đã chuyển từ việc thuận tụy phát biểu ý kiến và đòi hỏi của mình sang chủ nghĩa tự do chân chính hay chưa, - đó chính là nhiệm vụ mà bài đang được thảo luận đặt ra cho mình.

Tiện thể chúng tôi nhận xét rằng, theo ý kiến chúng tôi, trong tương lai chủ nghĩa tự do chân chính ở Han-nô-vơ không phải là hướng tới việc bảo vệ bản hiến pháp năm 1833 và cũng không phải là hướng tới việc quay trở lại bản hiến pháp năm 1819. Nó phải hướng tới một hình thái nhà nước hoàn toàn mới, phù hợp với sự giác ngộ sâu sắc hơn, phát triển hơn và tự do hơn của nhân dân.

Bản hiến tập báo "Rheinische Zeitung"

Do C. Séc viết khoảng ngày 8 tháng Năm
mới 1842
Đã đăng trong phụ trương của báo
"Rheinische Zeitung" số 312, ngày 8 tháng
Mười năm 1842

Trên đây là bản dịch từ bản
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

CÁI CÁCH THỊ CHÍNH VÀ BÁO "KÖLNISCHE ZEITUNG"

Khuynh, ngày 7 tháng Mười một. Khi xem xét vấn đề cái cách thị chính chúng tôi đã thấy không cần chú ý đến những gì đã công bố về vấn đề này trên các tờ báo địa phương và đặc biệt là trên báo "Kölnische Zeitung". Chúng tôi sẽ đề phòng tránh được những lời chỉ trích về việc này, nếu qua một ví dụ chúng tôi chỉ cho thấy sức mạnh phòng chừng của sự suy xét của những người muốn đứng ra bảo vệ chủ trương chia tách các công xã thành thị và các công xã nông thôn.

Trong phụ trương của số 309 báo "Kölnische Zeitung" ở mục "Tóm lược" người ta đã dẫn ra những ý kiến có uy tín "ủng hộ" và "phản đối" chủ trương chia tách kể trên. Trong số những điều mục cuối khác ta còn bắt gặp những lý lẽ chống lại chủ trương chia tách, như "một số bài báo", cũng như ủng hộ chủ trương chia tách - "cũng vẫn là những bài báo" và lại còn xuất hiện những bài báo cũng bảo vệ chế độ kiểm duyệt. Dù sao đi nữa chúng tôi phải hết sức khen ngợi và nêu ra thái độ sùng mộ mà nhờ đó người ta đã xem bài báo là một luận cứ, chỉ vì nó là bài báo, - nêu ra thái độ sùng mộ ấy. Xem đó như là sự công nhận báo chí, tuy rằng là sự công nhận rất không

phê phán, nhưng bất kể cái về khối hải của mình, đây vẫn là một sự thừa nhận không phải thường hay thấy. Song, lại không thấy thái độ vô tư rất đáng khen như vậy khi đem đối chiếu hai ý kiến có uy tín khác, ủng hộ và phản đối chủ trương chia tách các nông xã thành thị và công xã nông thôn. Có tin cho biết quốc hội năm 1833 đã phản đối chủ trương chia tách này, và lại quốc hội này cũng chịu ảnh hưởng của một nhân vật đầy nghị lực, do đó, chỉ có một nhân vật này chống lại sự chia tách, còn toàn thể quốc hội năm 1827 - trừ một phiếu - đã ủng hộ việc chia tách. Song, hồi mục "Tóm lược" hết sức kính mến, nếu như toàn thể quốc hội năm 1833 chỉ bằng một cú nhún mào quốc hội đi theo thói, thì phải chăng không có khả năng là quốc hội năm 1827 cũng không lớn hơn một lá phiếu mà quốc hội đã chống lại. Và nói chung cái quốc hội hết sức giao động, hết sức bị lệ thuộc ấy làm sao còn giữ được uy tín?³⁹ Sau nữa, nếu các bản thỉnh cầu gửi đến từ Khuên, A-khen và Cö-blen-tơ được đưa ra như là những bản thỉnh cầu ủng hộ việc chia tách các công xã thành thị và công xã nông thôn - trong chừng mực những bản thỉnh cầu này chỉ đóng khung trong phạm vi Khuên, A-khen và Cö-blen-tơ - thì may lắm điều đó cũng chỉ chứng minh tính hạn chế của bản thỉnh cầu ấy, chứ tuyệt nhiên không chứng minh tính chất hợp lý của chúng. Song tuy trong sự hấp tấp ban đầu những thành phố này ít nhận thức được tính chất chung của vấn đề và đã chú ý không đúng mức các lợi ích của toàn địa phương, nên họ cũng đã ít dè dặt lập luận cái cách đặc biệt của mình với cuộc cải cách chung. Các thành phố đã dễ dơn thỉnh cầu chỉ vì các quyền lợi của mình, nhưng tuyệt nhiên không chống lại toàn tỉnh⁴⁰. Tính chất vô tư khỏi hải của mục "Tóm lược" đã làm cho chúng ta khám phục ngay trong phần

dầu của nó và ngay cả nếu như mục đó không giữ được tính chất ấy suốt từ đầu đến cuối, - mà - như chúng tôi vừa được biết - không thể không vội và rơi vào những trở lầy cá nhu nhũ có chủ đích, thì ở phần cuối tính chất khỏi hải ấy và thái độ không thiên vị ấy lại được phục hồi một cách thống lợi. Có tin cho biết rằng chủ trương tán thành chia tách thành thị và nông thôn còn có

"những thành phố khác của tỉnh Basse mà nội dung các bản thỉnh cầu của chúng chưa được biết tới, nhưng các đại hội của họ thì tất nhiên có thể chỉ là những đại hội cho mình, vì từng điểm dân cư riêng lẻ không thể là cái loa phát ngôn của cả một tỉnh được".

Vậy là, không chỉ một bài báo nào đó nói chung là ý kiến có uy tín, mà thậm chí ngay cả cái câu "tất nhiên, chỉ là" hoàn toàn tầm thường nào đó cũng đã giải thích bí mật nội dung chưa biết của các bản thỉnh cầu của các thành phố khác. Nhà tiên tri ấy - được gọi là "tất nhiên, chỉ là" - hoá ra là tiên tri giả, điều này được chứng minh qua bản thỉnh cầu của thành phố Trier⁴¹. Trong lời kết của mục "tóm lược" ta thấy bộc lộ ra ngoài cái cơ sở bên trong tạo thành cơ sở sống còn đích thực của đối hối chia tách thành thị và nông thôn. Người ta muốn không chỉ tách thành phố khỏi nông thôn, người ta còn muốn tách các thành phố khỏi nhau và khỏi tỉnh, muốn tách tỉnh khỏi trí tuệ của chính nó. Từng điểm dân cư riêng lẻ, theo ý họ, không thể là cái loa phát ngôn của cả một tỉnh! Đúng là từng điểm dân cư riêng lẻ không thể hoàn toàn là cái loa phát ngôn, nhưng nó phải là một bộ phận của cái loa ấy, do đó, trong giới hạn của mình nó là cái loa của lợi ích toàn cục và toàn thể. Phải chăng ý kiến ấy ấy không loại trừ mọi

"Tuy nhiên - tờ "Kölnische Zeitung" kết thúc bài báo hôm nay của mình - về vấn đề thiết chế thị chính, một vấn đề hết sức thu hút sự quan tâm của mọi người, thì ban biên tập báo "Kölnische Zeitung" thấy cần phải tuyên bố rằng ban biên tập của báo, về phương diện này, cũng tuân theo nguyên tắc bình đẳng, nhưng xem mình có bốn phận dành hết sức nhiều điều kiện rộng rãi cho cuộc tranh luận về các hình thức để qua đó có thể cải thiện được những quan hệ mà hiện tại hoàn toàn chưa được tự do và bị tất cả các chính đảng công nhận là không thể chịu đựng được thêm nữa"

Cho đến nay báo "Kölnische Zeitung" đã không cho đăng một bài báo nào nói về các hình thức cải cách thị chính cần thực hiện, mà đồng thời vẫn nghiêm chỉnh tuân theo nguyên tắc bình đẳng. Vì vậy, chúng tôi không thể đấu tranh với một địch thủ không tồn tại. Hay là tờ "Kölnische Zeitung" coi "sự chia tách thành thị và nông thôn" - một sự chia tách mà trong một loạt bài viết của báo này người ta đã khuyến nghị chế định bằng luật, thông qua thiết chế thị chính riêng rẽ - cũng là một trong số *những hình thức* trong đó kết tinh nguyên tắc bình đẳng chăng? Phải chăng nó xem tình trạng bất bình đẳng được ghi nhận ấy là một hình thức nào đó của sự bình đẳng? Cuộc chiến trên các cột báo của tờ "Kölnische Zeitung" diễn ra không phải chung quanh các hình thức khác nhau của cùng một nguyên tắc, mà nói đúng hơn, diễn ra chung quanh sự khác nhau của chính nguyên tắc, và nếu như chúng tôi sẽ coi các bài của báo "Kölnische Zeitung" chỉ là "xét theo để nghị của bản thân tờ "Kölnische Zeitung" - những đề tài", tức là căn cứ theo số lượng chúng, thì ta thấy rằng đa số bình luận trong trận đánh này đều thuộc phe địch

thủ của sự bình đẳng. Chúng tôi đã nói với báo "Kölnische Zeitung": xin các ngài hãy trung thực, đừng xuyên tạc sự thể hiện công luận, các ngài hãy thực hiện sứ mạng của báo Ranh là thể hiện tinh thần của tinh Ranh, hãy xa rời những suy luận của cá nhân, hãy khép lại cánh cửa vào các cột báo của các ngài đối với tất cả những ý kiến cá nhân về vấn đề quan trọng sinh tử của tinh nhà, vì những ý kiến ấy có một điểm yếu là họ muốn khẳng định một lập trường đặc biệt nào đó đi ngược lại ý chí của nhân dân! Và báo "Kölnische Zeitung" đã đáp lại một kỳ vọng làm sao?

Báo đó cho rằng "nên" đánh giá đúng mức nguyên tắc bình đẳng đối với cái cách thị chính. Người ta sẽ cho rằng cái câu "cho rằng nên" ấy sẽ rất có lý đối với tinh Ranh và người ta tuyệt nhiên sẽ không coi đó chỉ như là bằng chứng về sức mạnh của tư duy sáng tạo của báo "Kölnische Zeitung". Bên cạnh hành động đánh giá thích đáng có chừng mực đối với tinh thần của tinh nhà, báo "Kölnische Zeitung" thấy mình có "bốn phận" phải mở rộng hơn nữa phạm vi cuộc tranh luận về "các hình thức" cái cách thị chính, mà nó hiểu những hình thức cái cách ấy cũng gồm cả các hình thức "bất bình đẳng". Thái độ "chăm tảo đến bốn phận" như vậy sẽ được người ta xem là hợp lý xét từ giác độ xuất phát từ những lợi ích riêng của nó và từ những động cơ riêng của nó, cho dù quan điểm này tự nó có tỏ ra không hợp lý như thế nào chăng nữa. Để đóng kín mọi kẽ hở đối với báo "Kölnische Zeitung" - nó ẩn nấp đằng sau sự khác nhau giữa hình thức và nội dung - chúng tôi đặt một câu hỏi dứt khoát: phải chăng báo này coi sự bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn - một sự bất bình đẳng đã được ghi nhận bằng luật thông qua thiết chế

¹ Trong nguyên bản có sự chơi chữ: "Anstalt" - "bàn viết", "Anstalt" - "đế tài"

thị chính riêng rẽ - là một "hình thức" nào đó của sự bình đẳng, và phải chăng nó cũng dự định sau này sẽ dành các cột báo của mình cho những lời khẳng định như thế, dưới dạng vấn đề đơn giản về hình thức? Ngày mai chúng tôi sẽ trở lại bài báo đang được chúng ta xem xét của tờ "Kölnische Zeitung".

Khuyến, ngày 12 tháng Mười một. Bài báo đăng trong số 314 của báo "Rheinische Zeitung" đề cập (bằng cách dùng một cụm từ trong nhà đặc trưng cho tờ "Kölnische Zeitung")¹ để mở đầu đến vấn đề về thiết chế thị chính, là vấn đề - hết sức thu hút sự quan tâm của mọi người - phải chăng chẳng qua chỉ là *avant - propos*² cho phần soi sáng, một cách tỉ mỉ và tiếp diễn trên các trang phụ trường của tờ báo chúng tôi, về vấn đề *bình đẳng trong thiết chế thị chính đối với thành thị và nông thôn*³. Báo "Kölnische Zeitung" mở đầu sự viện dẫn đó của mình, tức là viện dẫn chính thực chất của vấn đề, bằng từ "tuy nhiên" giống như trong ngày hội của các thợ thủ công người *ouvrier*⁴ mở đầu bài diễn văn của mình bằng những từ "nói chung", song điều đó tuyệt nhiên không thể làm giảm công lao của tờ "Kölnische Zeitung" về phương diện tính độc đáo bởi vì chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng thừa nhận thời quen rất đặc sắc, cũng rất đáng khen của tờ báo này là: khi xem xét vấn đề được mọi người quan tâm thì nó "tuy nhiên" có đề cập đến cả "chính thực chất của vấn đề". Phương pháp xem xét ấy có đặc điểm là có tính chủ định nhất định và có đặc trưng là khả năng hết sức khéo léo thò tay để những chuyện bịa đặt hiểm thấy và đem lại cho chúng - trong cơn mắt của những người thứ ba - cái vẻ bề ngoài của một sự giải thích trung thực về bản chất vấn đề.

¹ Trong nguyên bản, ở đầu câu này đặt nối tiếp nhau ba quân từ tiếng Đức: "der der, der" để cuối câu văn phong trào trường của báo "Kölnische Zeitung".

² - phần mở đầu

³ - thứ 1

Chúng hạn, báo "Kölnische Zeitung" mở đầu bài báo ngày 11 tháng Mười một, mà chúng tôi đang xem xét, bằng câu chuyện giai thoại kể rằng "tờ báo láng giềng" tức là tờ "Rheinische Zeitung" đang kêu gọi "tất cả các tờ báo ở tỉnh Ranh hãy cùng nhau tích cực đứng lên chống lại mối đe dọa - tương như thế xuất phát từ Béc-lin - đối với quyền bình đẳng của các công xã thành thị và công xã nông thôn" và đưa ra khẩu hiệu chung: "bình đẳng cho mọi người, cho thị dân và nông dân". Báo "Kölnische Zeitung" tuyên bố mình đã sẵn sàng ủng hộ khẩu hiệu này.

"nếu như bình đẳng được hiểu không phải là *niềm mơ ước điên rồ của những người cộng sản*, mà - như chúng tôi *giả định* - là sự bình đẳng duy nhất có thể thực hiện được, sự bình đẳng về các quyền"

Sự ám chỉ gian xảo ấy về những mơ ước cộng sản chủ nghĩa lẽ ra đã tỏ ra không thể có được, và cũng như thế lẽ ra đã không cần thiết phải đưa ra sự giả định cao thượng về khuynh hướng phi cộng sản của nước ta, nếu như báo "Kölnische Zeitung" mở đầu bản tin của mình bằng *chính thực chất vấn đề*, bằng sự thật là: báo "Rheinische Zeitung" đòi hỏi phải thiết lập *một thiết chế thị chính bình đẳng* đối với thành thị và nông thôn, đồng thời chỉ rõ rằng rằng sự bình đẳng đó, nêu trong bài báo, là "sự bình đẳng của các công xã thành thị và nông thôn". Nhưng nếu trong cơn mắt của tờ "Kölnische Zeitung" sự bình đẳng ấy biểu hiện và gần như là sự điên rồ của những người cộng sản, - thì đơn giản chỉ cần để nghị báo ấy hãy nhớ lại học thuyết của chính nó, bắt đầu bằng mấy từ của Ca-tôn: "Ceterum"¹

¹ Phần đầu câu ước nói chung của Ca-tôn: "Ceterum cetero Carthageno esse delendam" ("Tuy nhiên, là cho rằng Carthage phải bị phá hủy")

Thấy rằng chỉ dựa ra lời ăn chỉ nực cười về những mơ ước công sản thì vẫn chưa đủ, nên tờ "Kölnische Zeitung" thấy cần phải gồn tín ngưỡng khác nào đó với tín ngưỡng linh đấng.

"Song, phải thừa nhận - tờ báo này nói - rằng chúng tôi tuyệt nhiên không thể chia sẻ niềm tin vào cho rằng chúng như thể chính phủ sáng suốt của Phri-drích Vin-hem IV là rõ ý định vi phạm quyền bình đẳng của Ranh. Trước khi chúng tôi tin chắc vào điều này, nhất thiết người ta phải cung cấp cho chúng tôi các dữ kiện, chứ không phải những lời khẳng định mà chúng tôi tin là chúng chẳng có một cơ sở nào cả".

Khi áp dụng thủ đoạn bịa đặt vụng về và bí ẩn gần cho chúng ta những sự lo ngại về một hành động xâm phạm cố ý nào đó của chính phủ sáng suốt của Phri-drích - Vin-hem IV đối với quyền bình đẳng của vùng Ranh và loan truyền những nói lo ngại ấy, tờ "Kölnische Zeitung" đã chuyển từ lĩnh vực luận cơ sang lĩnh vực ngớ vẩn và tố giác. Tờ báo ấy lại thuyết phục chúng ta tin rằng sự bất lực của trí tuệ rốt cuộc tìm cách củng cố bản thân mình bằng sự bất lực của tính cách, bằng sự điên rồ rồ dại của trò làm bại hoại tính thần. Trò bịa đặt ấy của tờ "Kölnische Zeitung" dựa trên cơ sở nào? Như chúng tôi đã đưa tin, theo tin tức từ Béc-lin thì người ta đệ trình các nghị sĩ của vùng Ranh trong các ủy ban chuyên môn trung ương bản dự án về thiết chế thị chính, trong đó không thừa nhận sự bình đẳng của thành thị và nông thôn¹⁹; trong trường hợp này chúng tôi đã khuyến cáo chỉ ở vùng Ranh hãy tích cực bảo vệ chân lý.

Nếu chính phủ trình lên để các nghị sĩ của vùng Ranh xem xét để ấn về thiết chế thị chính chia tách thành thị và nông thôn thì chỉ riêng qua sự thật đơn giản ấy cũng thấy rằng

chính phủ xa lạ với mọi ý đồ ẩn kín, mà nói đúng hơn, chính phủ hoàn toàn tin rằng việc chia tách ấy không vi phạm quyền bình đẳng của vùng Ranh. Nếu báo chí vùng Ranh, tiếng nói ấy của tỉnh Ranh, tin vào ý kiến trái lại của tỉnh nhà, thì kết luận rút ra được từ đó cũng rất đơn giản: nó phải chứng minh rằng thiết chế thị chính như nhau cho thành thị và nông thôn là hậu quả tất yếu của quyền bình đẳng của tỉnh Ranh; trách nhiệm của báo chí đối với chính phủ phải chăng là không những phải phát biểu niềm tin của nhân dân, không lưu ý đến ý kiến đặc biệt của các cá nhân riêng lẻ, mà cũng còn phải chứng minh tính chất vô lý của niềm tin đó về thực chất?

Sau hết, điều hết sức không đứng đắn của phía báo "Kölnische Zeitung" là lời kéo dài tối cao, đích thân nhà vua, vào những chuyện tranh chấp như thế. Quả thật, cần phải có một trí khôn tối thiểu và một thái độ vô nguyên tắc tối đa thì mới có thể vô hiệu hoá - trong một quốc gia thuận tuý quân chủ - mọi cuộc tranh luận chính trị, thông qua một men đơn giản và dễ dàng, bằng cách trừu tượng hoá nội dung thật sự của cuộc tranh luận, hạn chế vấn đề trong phạm vi thái độ của cá nhân đối với nhà vua và qua đó biến mọi cuộc tranh luận, về thực chất vấn đề, thành những cuộc tranh luận về sự tín nhiệm. Chúng tôi đã bày tỏ hy vọng là tất cả các báo ở Ranh sẽ đại diện cho ý kiến của tỉnh Ranh, bởi vì chúng tôi có niềm tin không gì lay chuyển nói cho rằng đức vua sẽ không khước từ công nhận ý nghĩa to lớn của ý kiến phổ biến của tỉnh Ranh, cho dù những tin tức Béc-lin của chúng tôi sẽ tỏ ra có căn cứ, và chúng tôi không có cơ gì để nghi ngờ điều đó, và cho dù các nghị sĩ sẽ tán đồng sự chia tách thành thị và nông thôn. Hình như, vì tất cả thế loài

nghe về sự tấn công ấy, nhất là sau khi những bài báo của tờ "Kölnische Zeitung" vừa mới chứng minh rằng không phải tất cả dân chúng tỉnh Ranh đều hiếu dã và chia rẽ niềm tin của tuyệt đại đa số dân chúng tỉnh này.

Báo "Rheinische Zeitung" đã đưa ra khẩu hiệu bình đẳng giữa thành thị và nông thôn, còn tờ "Kölnische Zeitung" lại đón nhận khẩu hiệu ấy với điều kiện thận trọng là chúng tôi hiểu "quyền bình đẳng" là sự bình đẳng về các quyền, chứ không phải sự mao ước cộng sản chủ nghĩa. Kèm theo các tin tức Réc-lin, báo "Rheinische Zeitung" viện dẫn quan điểm của các báo ở tỉnh Ranh, còn tờ "Kölnische Zeitung" lại tố giác tờ "Rheinische Zeitung" vì những sự ngờ vực ý định của đức vua. Báo "Rheinische Zeitung" đã kêu gọi ban biên tập các báo địa phương của tỉnh Ranh hãy y hời sinh những động cơ cá nhân và những thành kiến vì tổ quốc, còn tờ "Kölnische Zeitung" lại dẫn chứng một sự công nhận khố khan nào đó, không có bất cứ cơ sở nào cả, về quyền bình đẳng của thành thị và nông thôn mà chính tờ báo ấy đã bác bỏ giá trị chính thức của sự công nhận ấy, bằng cách tuyên bố "sự chia tách" thành thị và nông thôn là một "hình thức" nào đó của sự bình quyền. Liệu có thể viết ra một cách phi lô-gích, vô lối và thậm tệ hơn thế được không? Liệu có thể miệng thì tuyên bố tự do một cách dòng dục hơn thế, nhưng tâm địa lại tuyên bố mất tự do hơn thế được không? Nhưng tờ "Kölnische Zeitung" thì biết rõ câu danh ngôn của Sếch-xpia:

"Đáng, thưa Ngài, ở thời đại chúng ta, trở thành người trung thực thì có nghĩa là trở thành người độc nhất trong số hàng vạn".

Nhưng tờ "Kölnische Zeitung" lại không ham muốn trở thành người độc nhất trong số hàng vạn ấy.

Để kết thúc, xin nói vài lời về sự "chia tách thành thị và nông thôn". Ngay dù không kể đến những luận cứ chung, *luật lệ* chỉ có thể là sự phản ánh *tỷ tương*, có ý thức của thực tại, là sự thể hiện *dộc lập về mặt lý luận* của các lực lượng thực tiễn có sức sống. Trên thực tế, ở tỉnh Ranh thành thị và nông thôn không bị chia tách. Vậy là, luật không thể pháp chế hoá sự chia tách ấy, mà lại không pháp chế hoá chính sự liên kết của chính mình.

Do C. Mác gửi ngày 7 - 12 tháng Mười một 1842

Đang trên báo "Rheinische Zeitung", các số 318, 319 và 320; các ngày 8, 12 và 13 tháng Mười một 1842

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

CHỦ THÍCH CỦA BAN BIÊN TẬP CHO BÀI "DỰ LUẬT MỚI VỀ LY HÔN"¹⁷

Bài đăng ở đây phê phán dự luật về ly hôn được trình bày trên quan điểm nền tư pháp tinh *Ranh*, trong khi bài phê phán được dẫn ra trước đây (thấy xem phụ trương số 310 của báo "Rheinische Zeitung")¹⁸ lại xuất phát từ quan điểm nền tư pháp cũ của Phổ và thực tiễn của nền tư pháp ấy. Còn có một loại phê phán thứ ba - đó là sự phê phán chủ yếu xuất phát từ quan điểm triết học - luật pháp chung. Theo quan điểm này thì nếu chỉ nghiên cứu những luận cứ riêng lẻ pro và contra¹⁹ thì không đủ, mà còn cần phải phát triển khái niệm hôn nhân và những khái niệm hệ quả này sinh từ đó.

Cả hai bài viết đăng trước đây đều bác bỏ sự can thiệp của tôn giáo vào lĩnh vực pháp luật. Song, những bài ấy không xem xét câu hỏi là: ở mức độ nào thì hôn nhân, với tư cách như thế, là vấn đề mang tính chất tôn giáo hoặc phi tôn giáo xét về bản chất của nó. Như vậy, hai bài viết ấy không thể làm sáng tỏ xem một nhà lập pháp nhất quán cần hành động ra sao nếu ông ta căn cứ vào bản chất của sự vật và tuyệt đối không thể tự thỏa mãn với sự xác định một cách thuần túy

trên tượng bản chất ấy. Nếu nhà lập pháp coi bản chất của hôn nhân không phải là đạo đức nhân tính, mà là tình thần thành tình thần của hôn nhân và, do đó, lại đặt sự tiến định của đảng tối cao (thay cho sự tự xác định, đặt sự chuẩn y siêu tự nhiên thay cho sự thiêng liêng nội tại, tự nhiên, đặt sự ngoan ngoãn thụ động nghe theo những giáo lý đứng trên bản chất của những quan hệ ấy, - thì liệu chúng ta có thể quả trách nhà lập pháp có dấu ốc tôn giáo ấy hay không, nếu như ông ta cũng đem hôn nhân quy phục nhà thờ - nhà thờ tồn tại chỉ là để thực hiện những đòi hỏi và những giáo huấn của tôn giáo - và đem hôn nhân, thế tục đặt dưới sự giám sát tối cao của chính quyền nhà thờ? Phải chăng đây là hậu quả đơn giản và tất yếu?

Người ta sai lầm khi trở tính lật đổ nhà lập pháp có dấu ốc tôn giáo bằng việc chỉ ra rằng những quy định này nọ của ông ta mâu thuẫn với bản chất thế tục của hôn nhân. Nhà lập pháp có dấu ốc tôn giáo không chống lại việc hủy bỏ hôn nhân thế tục, nói đúng hơn là ông ta chống lại bản chất thế tục của hôn nhân. Ông ta cố gắng phấn đấu làm cho hôn nhân mất đi tính thế tục của nó, phần nào ông ta - ở đâu có khả năng làm được điều này - cố gắng làm cho hôn nhân ấy từng phút cảm thấy tính chất hạn chế của nó, bề gây sức mạnh tội lỗi của những hậu quả của nó, vì xem tính chất thế tục của hôn nhân là điều ác không tránh khỏi.

Nhưng quan điểm của nền tư pháp tinh *Ranh* - được trình bày một cách sắc sảo trong bài phê phán vừa mới được công bố - tỏ ra hoàn toàn không đầy đủ. Sẽ là chưa đủ khi phân chia hôn nhân thành hai bản chất đó là: bản chất tinh thần và bản chất thế tục - theo cách là bản chất này chỉ gắn với nhà thờ và

¹⁷ - Liên thành và phần đối

lượng tri của các cá nhân riêng lẻ, còn bản chất kia thì gắn với nhà nước và ý thức luật pháp của các công dân. Mâu thuẫn không mất đi khi mà hôn nhân được phân chia thành hai lĩnh vực khác nhau. Ngược lại, điều đó tạo ra mâu thuẫn và sự xung đột không thể giải quyết được giữa chính những lĩnh vực đó của cuộc sống. Vậy ai là người có thể quy bốn phạm cho nhà lập pháp phải tuân theo nhị nguyên luận, thế giới quan kép? Phải chăng bất kỳ một nhà lập pháp trung thực nào đứng trên quan điểm tôn giáo cũng không được phép thừa nhận là sức mạnh duy nhất trong thế giới hiện thực và những hình thái trần thế của thế giới, cái mà, trong thế giới tinh thần và dưới những hình thức tôn giáo, ông ta thừa nhận là hiện thân của bản thân chân lý và cái mà ông ta quy phạm như là sức mạnh duy nhất?

Ở điểm này ta thấy bộc lộ thiếu sót căn bản của nền tư pháp tinh Ranh, thế giới quan kép của nó, - thế giới quan này, với tính hồi hợp vốn có của nó, đã tách lượng tri ra khỏi ý thức luật pháp, không giải quyết được những xung đột khó khăn nhất, mà còn làm tăng thêm những xung đột ấy; nó tách thế giới luật pháp khỏi thế giới tinh thần, qua đó nó tách luật pháp khỏi tinh thần và như vậy, nó tách luật pháp khỏi triết học. Nhưng trong thái độ chống đối bản dự luật đang được bàn ở đây lại còn bộc lộ, ở mức độ lớn hơn nữa, tính vô nguyên tắc hoàn toàn của nền tư pháp cũ của Phổ, bộc lộ ra ở đây một cách không úp mở nhất. Nếu đúng là không có một luật pháp nào có thể pháp chế hoá đạo đức, thì điều cốt đúng hơn nữa là: không có một luật pháp nào lại có thể tuyên bố đạo đức là luật pháp.

Luật pháp Phổ⁹⁹ dựa trên sự trừu tượng hóa lý tính, sự trừu tượng hóa lý tính ấy tự nó không có nội dung, nó tiếp nhận nội

dung tự nhiên, có tính chất luật pháp và đạo đức như là vật liệu bề ngoài, hồi hợp, không mang tính quy luật nội tại. Luật pháp Phổ đã toàn tính sử dụng, xếp đặt và dung hoà vật liệu không có tính thần và tính quy luật ấy cho phù hợp với mục đích bên ngoài. Đối với thế giới vật chất, luật pháp Phổ không đếm xỉa đến những quy luật vốn có của thế giới ấy, mà chỉ tính đến những điều nghĩ ra tùy tiện và chủ quan, cũng như tính đến những ý định của mình không xuất phát từ bản chất của sự vật. Các luật gia cũ của Phổ đã hiểu rất ít về bản chất của luật pháp của Phổ. Họ phê phán không phải bản chất của nó, mà là phê phán những biểu hiện riêng lẻ của luật pháp Phổ. Vì vậy, họ đã không chống lại chính nội dung và văn phong trong bản dự luật mới về lý hôn, mà là chống lại xu hướng cải cách của dự luật ấy. Chắc là họ xem những đạo đức xấu là sự biện minh cho những đạo luật tồi. Điều mà chúng ta đòi hỏi trước hết ở bài phê phán là làm sao bài đó phải có thái độ phê phán đối với chính bản thân mình và đừng bỏ qua những khó khăn trong vấn đề mình đề cập đến.

Ban biên tập báo "Rheinische Zeitung"

Do C. Mác gửi khoảng ngày 15 tháng Mười một 1842

Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung" số 319, ngày 15 tháng Mười một 1842

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
in bằng tiếng Nga lần đầu

ĐỀ LỆNH CỦA NỘI CÁC VỀ CÁC ẢN PHẨM ĐỊNH KỲ*

Kölnen, ngày 25 tháng Mười một. Trong số ra hôm nay của báo "*Kölnische Zeitung*" có công bố sắc lệnh dưới đây của nội các hoàng gia, được gửi cho tất cả các vị tỉnh trưởng trong thống qua:

"Trăm đã thường xuyên nêu lên sự cần thiết phải đấu tranh chống xu hướng của ản phẩm định kỳ xấu xa làm cho công luận lầm lạc về tình hình chung bằng cách đưa ra những sự việc không có hoặc bị xuyên tạc, đấu tranh chống xu hướng này sao cho sự thật được lập tức đem ra đối chọi lại cũng thông tin sai trái ấy, qua việc báo bỏ những sự việc đáng trên chính những tờ báo chủ mưu đưa ra tin sai lạc - Thời bị chưa đủ nếu chỉ để cho những tờ báo luận theo tinh thần tốt đẹp đưa ra hành động chống lại những ý hướng xấu xa có hại cho tinh thần xã hội của một tờ báo nào đó, và kỳ vọng chỉ vào những tờ báo đó. Chính ở nơi này chất độc của sự căm ghét được sử dụng thì ở nơi đó chất độc kỳ phải bị vô hiệu hoá. - đó không chỉ là bổn phận của chính quyền đối với nó bạn đọc mà chất độc kỳ hướng vào, mà đó đồng thời còn chính là phương sách có hiệu lực nhất trong số tất cả các phương sách nhằm thủ tiêu xu hướng lừa bịp và dối lừa khi xu hướng kỳ bực lộ ra, đó là phương sách buộc bạn biên tập phải đưa ra bản án cho chính mình. Trăm coi việc này là rất tốt vì phương sách hợp pháp và cần thiết này, nhằm ngăn chặn sự thoái hoá của báo chí, cho đến nay được áp dụng có ít hoặc hoàn toàn không được áp dụng. Vì những đạo luật trước đây đã không củng cố đầy đủ trách nhiệm của các tờ báo là phải lập tức công bố tất cả những điểm cần chú ý cho sự minh bạch của chuyển dời cho các báo đó, công bố mà không được có bất kỳ sự chú thích nào và không được có những ý kiến suy luận màu mè nào, cho nên trăm chỉ đợi chính phủ có những đồ nghị và những điều bổ sung cần thiết

cho các đạo luật ấy. Nhưng nếu ngay hiện tại những đạo luật ấy đủ để đạt đến mục đích thì trăm mong muốn chúng được các nhà đương cục của trăm vận dụng đầy đủ để bảo vệ luật pháp và chân lý, bên cạnh bản thân các bộ, trăm đặc biệt gởi cho các vị tỉnh trưởng trực tiếp là liệu cụ thể này, chính phủ phải đưa ra những chỉ dẫn cho các tỉnh trưởng về việc này.

Trăm càng quan tâm tâm sao để củng cố cách suy nghĩ cao đẹp, trung thực, đáng trân trọng - đó cũng cách suy nghĩ kỳ biểu hiện ở đạo đức - không bị cái xen một từ do ngôn luận, vào cho các cuộc thảo luận xã hội càng ít bị thu hẹp, nhằm phục vụ lợi ích của chân lý, - cho trăm lại càng phải thẳng tay trừng trị tinh thần sử dụng và khi bị bắt và cảm dỗ, sao cho từ do ngôn luận không thể bị mất đi những thành quả và những điều chức như của mình chỉ vì phòng hành động lạm dụng của tinh thần thấp hèn ấy.

Xanh-Xu-xx, Ngày 14 tháng Mười 1842. *Phật-địch - Văn-hưng*"

Chúng tôi với thông báo cho bạn đọc của chúng tôi biết chỉ dụ của nội các hoàng gia chính vì chúng tôi coi chỉ dụ đó là đảm bảo cho báo chí Phổ. Mỗi tờ báo trung thực sẽ chỉ coi chỉ dụ ấy như là sự hậu thuẫn quan trọng từ phía chính phủ, nên *những sự việc đối trả hoặc bị xuyên tạc* - mà bạn biên tập, mặc dù hết sức cẩn trọng, nhưng không phải lúc nào cũng có thể tránh được việc công bố chúng - sẽ được uốn nắn từ một nguồn chính thức. Bằng *những lời giải thích chính thức* Kỳ, chính phủ bảo đảm cho báo chí định kỳ chẳng những có được *tính chính xác lịch sử* của tư liệu, mà còn cần thừa nhận điều này còn quan trọng hơn nữa - sự nghiêm túc lớn của báo chí qua sự cộng tác tích cực với báo chí, một sự hợp tác ngày càng thu hẹp phạm vi chặt chẽ của một sự cộng tác liệu cực thực hiện qua hành động *cắm đũa, đóng cửa và kiểm duyệt*. Đồng thời chỉ dụ của nội các hoàng gia cũng xuất phát từ tiền đề là cần ản phẩm định kỳ có sự độc lập nhất định, bởi vì, nếu

không có nó - ngay như nếu những khuynh hướng lừa bịp, dối trá và những ý hướng độc hại không thể xuất hiện - thì lại càng ít có cơ hội để cho cung cách suy nghĩ của quý, trung thực đáng trân trọng có thể xuất hiện trên các báo và được khẳng định trên các báo ấy.

Các báo ở Phổ phải hoàn nghênh tiến để hoàng gia của tính độc lập nhất định của báo chí định kỳ, xem đó là sự bảo đảm hết sức tuyệt vời cho tính độc lập ấy và như là sự thể hiện rõ ràng ý chí của nhà vua.

Do C.Mác viết ngày 16 tháng Mười một 1942.
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung" số
320, ngày 16 tháng Mười một 1942

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Việt lần đầu

THÔNG TIN VIÊN CỦA BÁO "KÖLNISCHE ZEITUNG" VÀ LẬP TRƯỞNG CỦA BÁO "RHEINISCHE ZEITUNG"

Khuynh, ngày 16 tháng Mười một. Nhân vật ủng hộ tích cực nhất chủ trương "chia tách thành thị và nông thôn" trên tờ "Kölnische Zeitung" giờ đây lại cất cao giọng nói như sấm vang của mình. Hôm nay ông ta chọn tờ "Rheinische Zeitung" chứ không phải tinh thần, làm nạn nhân hứa hẹn đem lại vòng nguyệt quế của nhận thức riêng của mình và của những ảo tưởng riêng của mình. Chúng tôi tin rằng việc đọc trong bữa ăn sáng các bài đăng trên báo "Rheinische Zeitung" bản vẽ thiết chế công xã đã làm cho anh chàng hiền lành ấy bị rối trí và lại một lần nữa đẩy anh ta vào "những điều mơ mộng hết sức rồi tung rồi mờ". Chúng tôi tin rằng một người am hiểu ở Khuynh và Bich-ken-đooc-pa² rất lấy làm khó chịu khi bị người ta lừa mình xuyên qua phương Đông, Hy Lạp, nước Đức cổ đại, xứ Gô-lô và nước Pháp và thậm chí xuyên qua những ý tưởng mà nhất thiết bị thời kỳ lịch sử của thời kỳ thực tiễn thường nhật và của thói nhân quan hạn chế - chặt hẹp xem là "sự nguy hiểm" và "những mảnh khẹo biện chứng". Chúng tôi không muốn giải thích một cách tối tệ những lời khen ngợi rất không đúng mực mà thái độ tự mãn đón hậu ấy

đã khéo luôn ra để đánh giá những tác phẩm của mình, bởi lẽ tính cách của dấu ấn hạn chế là coi những giới hạn cá nhân chặt hẹp của mình là những giới hạn vốn có của toàn thể giới, là những cột mốc của thế giới ấy.

Vì anh bạn hiền lành và không thiếu về tài huớ của chúng ta hiện giờ không đưa ra được những lý lẽ mới nắn có, mà chỉ chia sẻ ý kiến cho rằng cái lý lẽ mà ngay khi vừa được nhắc đến đã bị bác bỏ và gạt bỏ, - vì anh bạn ấy có thể rút cuộc sẽ đột đến đích - cũng giống như một kẻ vật nài xin xỏ - nếu có được một sự kiên nhẫn đầy đủ để trở lại lý lẽ ấy nhiều lần; do vậy, vì anh bạn của chúng ta chờ đợi hiệu quả của những lý lẽ được trình bày khéo léo và được cân nhắc kỹ càng của mình - để phù hợp với những nguyên tắc được đề ra đối với các bài báo - đồng thời đặt hy vọng không phải vào chính những lý lẽ ấy, mà vào sự lặp lại chúng, - cho nên không còn cách nào khác hơn là cuối cùng phải xun đuối ra khỏi thế giới hiện thực một số điều hão huyền đã có thể len lỏi vào đầu anh ta trong "giấc mơ" hoặc trong "những điều mơ ước rồi lung rồi mù" và qua đó, - trong chừng mực điều đó phụ thuộc vào chúng tôi - góp phần loại bỏ niềm tin lại mới xuất hiện vào những bóng ma, mà như đã biết, niềm tin ấy lẫn lộn những ảo tưởng của mình về các đồ vật với chính bản thân các đồ vật. Anh chàng tiên tri của chúng ta nằm mơ thấy rằng tờ "Rheinische Zeitung" khơi dậy sự lo âu của nông dân.

"xã bầy họ kém cầu tiến và cuộc sống tiến quân vào các thành phố, bởi vì những thành phố ấy đang để ra những mưu đồ bạo chúa".

Vào những giây phút thoáng tỉnh ngộ nhà tiên tri của chúng ta sẽ phải tự nhủ mình rằng "các thành phố" tủa lạc không phải trong tờ "Kölnische Zeitung", rằng chúng tôi

thậm chí đã bác bỏ sự giải thích tuy tiện của tờ báo ấy về những ý định của các thành phố, và sau chót thấy rằng bộ tác phẩm mà thậm chí không nằm trong tám hiệu biết của "nhà thông thái ở Khuen và Bich-ken-đooc-pho" thì lại càng ít có khả năng thúc giục người nông dân đi biểu tình "với những của bèm và cuộc rền", và mặc dù chắc là những thứ đó đóng vai trò nhất định đối với việc kiểm tra "những quan điểm không mắc phải định kiến", những quan điểm rút ra "từ cuộc sống thực tiễn và đời thường". Tiếp nữa, nhà tiên tri của chúng ta trong lúc tỉnh ngộ sẽ thấy rằng *nhân thức* của anh chàng "thông tin viên" róm rã đó của tờ "Kölnische Zeitung", không nghĩ ngợi gì nữa, không phải là "sự xuyên tạc chân lý", rằng sự khơi dậy "lòng bất mãn" dẫu vậy là "Kölnische Zeitung" và *sự lên tiếng* chống lại vị thông tin viên uyên thâm của báo ấy tuyệt nhiên không phải là "sự khơi dậy lòng bất mãn và sự điên giặc mang tính chất đáng phẫn" chống lại nhà nước; trong trường hợp ngược lại thì có lẽ chẳng những "các thành phố" tỏ ra có cảm tình với tờ "Kölnische Zeitung", mà chính là bản thân *nhà nước* cũng được kết tinh trong tờ hào ấy và trong các cộng tác viên của nó! Khi ấy anh bạn của chúng ta cũng sẽ hiểu rằng có thể tự cho phép mình có "*hành động xác quyết vô giới hạn*" khi khơi dậy sự tức giận đối với một sản phẩm văn chương được công bố dưới ký hiệu- -, mà đồng thời lại không "đếm", có "những lời đá kích bất lịch sự nhằm vào các cơ quan cấp cao của nhà nước" mà anh bạn ấy muốn làm cho những cơ quan ấy chịu trách nhiệm chẳng những về *những ý kiến* của mình, mà cả về *những luận cứ* của mình, và những cơ quan ấy sẵn lòng lược tư cách đại diện của kẻ đồng minh tự phong ấy.

Trong thực trạng hiện nay của nền khou học Đức sẽ cần

làm một điều gì đó lớn hơn là một cuộc cách mạng, để cho những thuyết rỗng tuếch cổ tự kháng định mình như là kết quả của lịch sử toàn thế giới. Cũng như những quan điểm chung của học thuyết hiện đại nếm trái số phận cay đắng sau khi lấy làm thước đo phê phán, những quan điểm của "nhà thông thái ở Khuôn và ở Bích-kien-đoóc-phu", là những quan điểm "không mắc phải những định kiến", được rút ra từ đời thường công dân và từ cuộc sống thực tiễn. Nhưng nhà thông thái của chúng ta sẽ hiểu ra rằng trước khi xuất hiện thời đại cải cách kỹ và xác lập kỷ kỷ hiệu của sự vĩ đại văn đàn được trò chơi - - thì chúng ta coi những thành quả lẻ tẻ của những nỗ lực hiện nay của ông ta là quá rời rạc và - xin ông ta hãy cho phép chúng ta nói - quá nhỏ bé về mọi mặt để người ta có thể tiếp tục chú ý đến chúng, duy trì và nuôi dưỡng ảo tưởng về tầm quan trọng của chúng.

Đo C. Mac viết ngày 15 tháng Mười một 1842
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung"
số 321, ngày 17 tháng Mười một 1842

Ấn theo bản đăng trên
báo
Nguyễn Văn Tố dịch

[THƯ CỦA RÊ-NÁC GỬI TỈNH TRƯỞNG PHÂN SÁP-POI]*

Trân trọng kính gửi Ngài tỉnh trưởng!

Thưa quý Ngài!

Quý Ngài đã ra lệnh gửi cho tôi - thông qua viên đốc lý tại Khuôn, ngài Phôn Chéc-la-khơ, - vào ngày mười hai tháng này, bản chỉ thị của bộ kiểm duyệt, và ngoài ra còn có hai chỉ thị, mà căn cứ theo đó thì tôi phải có đơn để ghi vào biên bản. Nhưng do tính chất quan trọng của những lời giải thích đối với tôi phải trình bày, tôi thấy tốt nhất là hôm nay tôi trình bày bằng văn bản lên quý Ngài, thay vì làm đơn theo thủ tục đầy đủ để ghi vào biên bản.

1. Về bản chỉ thị của bộ kiểm duyệt và đặc biệt là về yêu cầu đưa ra cho báo "Rheinische Zeitung" về việc thay đổi xu hướng của chính mình và chấp nhận xu hướng khác vừa lòng chính phủ, thì tôi có thể hiểu yêu cầu đó chỉ đối với hình thức, hình thức này sẽ có thể được giải quyết đi, nếu nội dung cho phép thực hiện việc đó. Xu hướng của một tờ báo, như tờ "Rheinische Zeitung", không phải đơn giản chỉ là một mô hình lớn vô nguyên tắc gồm những bản tóm tắt khá khan và xu hướng thấp hèn, mà xu hướng ấy phải soi sáng công việc nhà

nước và hoạt động của các cơ quan nước nhà, theo tinh thần một thái độ phê phán nhận thức được mục đích cao cả của mình (tuy là một thái độ phê phán gay gắt)¹, xu hướng ấy, nếu xét theo bản chỉ thị về kiểm duyệt vừa mới được công bố² và xét theo các quan điểm của đức vua đã nhiều lần được phát biểu ở một chỗ khác, thì - theo chúng tôi nghĩ - chỉ có thể là xu hướng đáng mong muốn đối với chính phủ. Vâng! Chủ biên cho đến nay chưa lần nào được chỉ rõ rằng xu hướng ấy không được tán đồng. Ngoài ra, vì tờ "Rheinische Zeitung" chịu một sự kiểm duyệt hết sức gắt gao, thì làm sao có thể coi là hợp lý khi mà *lời cảnh cáo lần thứ nhất* dành cho nó lại là lần ra lệnh cấm nó? Tôi có thể đoán chắc với quý Ngài rằng báo "Rheinische Zeitung" - nếu điều đó phụ thuộc vào nó - cả sáu này vẫn sẽ giúp mở đường cho sự tiến bộ mà giờ đây nước Phổ đang dần dần toàn thể phản còn lại của Đức. Song, chính vì vậy tôi phải bác bỏ lời quả trách tôi trong bản chỉ thị, chỉ trích rằng tưởng như thể tờ "Rheinische Zeitung" đã cố quảng bá trong tỉnh Rhen những tư tưởng của nước Pháp và những sự căm ghét với Pháp. Ngược lại, báo "Rheinische Zeitung" coi nhiệm vụ chủ yếu của mình³ là làm cho những con mắt của nhiều người dính chặt về phía nước Pháp, hãy hướng về nước Đức và, thay vì chủ nghĩa tự do Pháp, hãy làm nảy sinh chủ nghĩa tự do Đức, dĩ nhiên, chủ nghĩa ấy không thể là điều khó chịu đối với *chính phủ của Phri-drích-Vin-hem IV*. Đồng thời tờ "Rheinische Zeitung" luôn luôn nêu rõ nước Phổ mà sự phát triển của nó sẽ quyết định sự phát

¹ Những từ "tuy là một thái độ phê phán gay gắt" bị gạch bỏ bằng bút chì

² Những từ "coi nhiệm vụ chủ yếu của mình" được Mác viết vào dòng chữ bị gạch bỏ sau đây: "đã giúp không ít việc"

triển của phần còn lại của Đức. Bằng chứng về điều này là những bài luận chiến về vai trò bá quyền của Phổ⁴, là những bài nhằm chống lại những mưu đồ chống Phổ của tờ báo ở Au-xbuê⁵. Bằng chứng là tất cả các bài viết về liên minh thuế quan Phổ là những bài nhằm chống lại các bài của tờ "Correspondent"⁶ ở Ham-buê và những tờ báo khác, - đó là những bài viết trong đó báo "Rheinische Zeitung" đã chứng minh một cách hết sức cặn kẽ rằng việc gia nhập khối liên minh của các thành phố Han-nô-vơ, Méc-cen-bua và các thành phố Han-đen là biện pháp hoàn toàn hữu ích. Sau hết, bằng chứng trước hết là việc tờ "Rheinische Zeitung" đã thường xuyên nhấn mạnh ý nghĩa của nền khoa học Bắc Đức trái hẳn với tính chất hời hợt không những của các học thuyết Pháp, mà của cả những học thuyết của Nam Đức. Báo "Rheinische Zeitung" là tờ báo đầu tiên ở tỉnh Rhen và nói chung ở Nam Đức đã đưa tinh thần Bắc Đức, tinh thần phản kháng⁷ vào tỉnh Rhen và vào Nam Đức, - liệu có thể lấy gì để gán bó một cách khằng khít hơn những bộ lạc tách rời, nếu không phải là gán bó bằng sự thống nhất tinh thần, đó là linh hồn và bảo đảm duy nhất cho sự thống nhất chính trị chống lại tất cả những giống tộc bên ngoài!

Còn về cái gọi là xu hướng *bất tôn giáo* của báo "Rheinische Zeitung" thì chính quyền tôi cho không thể không biết rằng về vấn đề nội dung của một giáo lý tôn giáo đích thực nào đó - mà vấn đề chỉ bàn đến nội dung ấy, chứ không phải về tôn giáo, là điều mà chúng tôi không dụng chạm đến và sẽ không bao giờ dụng chạm đến - thì toàn thể nước Đức, đặc biệt là Phổ, đã

⁴ - "Allgemeine Zeitung"

⁵ - "Rhein- und Garbiter Zeitung des Hamburgischen unpartheiischen Correspondenten".

⁶ Những từ "tinh thần phản kháng" bị gạch bỏ bằng bút chì

phân liệt thành hai phe, mỗi phe đều có các đại biểu của mình là các nhà hoạt động có địa vị cao trong khoa học và trong nhà nước. Phải chăng tờ báo phải có bốn phần không giữ một lập trường nào trong cuộc tranh cãi mang tính thời sự kết đều chưa được giải quyết, hoặc giữ một lập trường do người ta áp đặt cho nó một cách chính thức? <Nếu như luật không bị quy tội rằng ông ta - bởi nhập hoàng đế và nền đế chế - đã công kích hình thức tôn tại duy nhất ở thời kỳ đó của Thiên chúa giáo, tức là nhà thờ công giáo, đã công kích dưới một hình thức rất không kiểm chế và không ôn hoà, - thì phải chăng trong một quốc gia theo đạo Tin lành sẽ bị cấm báo về quan điểm trái với giáo điều đương thời, không phải bằng con đường đưa ra những sự đã kích khinh xuất, mà bằng con đường đưa ra những lập luận triết để nhất quán dựa trên nền khoa học nghiêm túc, chủ yếu là khoa học Đức>". Hơn nữa, chúng tôi chưa bao giờ vượt ra ngoài phạm vi đề tài của báo và chỉ đề cập đến những giáo điều, những học thuyết và những trật tự của nhà thờ nói chung chỉ vì những báo khác toàn tính quy tôn giáo thành lĩnh vực luật pháp nhà nước và chuyển nó từ lĩnh vực của chính nó vào lĩnh vực chính trị. Chúng tôi sẽ không khó khăn chứng minh rằng ý kiến khẳng định của chúng tôi bằng những sự khẳng định tương tự và mạnh mẽ hơn của một vị vua Phổ, Vĩn-hem Đại đế, mà chúng tôi coi uy tín ấy là uy tín mà các nhà chính luận Phổ có quyền viện dẫn.

Do vậy, tờ báo "Rheinische Zeitung" có quyền cho rằng báo này trước hết đã thực hiện niềm mong muốn của đức vua -

được thể hiện trong bản chỉ thị về chế độ kiểm duyệt - về nền báo chí độc lập, có tư tưởng tự do và như thế nó đã nhân lên không ít những niềm mừng mòi mà giờ đây toàn thể nước Đức gửi lên đức vua, nhờ vua của chúng ta, trên cương vị cao cả của Người.

Thưa quý Ngài, báo "Rheinische Zeitung" được lập ra không phải vì mục đích kinh doanh, không trù tính thu được một khoản lợi nhuận nào đó. Có rất nhiều nhân vật đáng kính nhất ở Khuen và tỉnh Rhen đã lo buồn một cách chính đáng trước tình trạng đau buồn của nền báo chí Đức, họ cho rằng họ không thể thực hiện được ý chí của đức vua bằng cách nào xứng đáng hơn là dựng lên tượng đài dân tộc - thông qua tờ "Rheinische Zeitung" - đó là cơ quan ngôn luận sẽ nói bằng ngôn ngữ của những đáng trọng phụ tự do với thái độ dũng cảm và ý thức về phẩm giá của mình, và - đây là hiện tượng hiếm thấy - sẽ tạo cho nhà vua cơ hội nghe được tiếng nói đích thực của nhân dân. Hiện tượng tờ báo này được phổ biến nhanh chóng chưa từng thấy chứng tỏ nó đã hiểu rõ như thế nào những ước nguyện của nhân dân. Để thực hiện mục đích kể trên những nhân vật ấy đã đầu tư vốn liếng của mình, để thực hiện mục đích ấy họ đã không dừng bước trước bất kỳ sự hy sinh nào, và giờ đây mong quý Ngài hãy đích thân quyết định xem liệu tôi có thể, liệu tôi có quyền - trong tư cách là đại diện của những nhân vật ấy - tuyên bố rằng báo "Rheinische Zeitung" sẽ thay đổi hướng đi của mình, và phải chăng việc cấm xuất bản tờ báo ấy là một hành động bạo lực không phải nhằm vào một cá nhân riêng lẻ, mà nói đúng hơn, nhằm vào tỉnh Rhen và nhằm vào tỉnh thần Đức nói chung?

¹⁷ Câu dẫn trong dấu ngoặc nhơn gác đã bị gạch bỏ bằng bút chì.

¹⁸ Tiếp đó là đoạn trích đã gạch bỏ sau đây: "những tờ báo khác thì muốn biến chúng thành những học thuyết chính trị, những định lý và những chỉ thị chính trị."

Tuy nhiên, để chứng minh cho chính phủ thấy rõ tôi đã sẵn sàng đến mức độ nào nhằm thực hiện những mong muốn của chính phủ - ở mức độ những mong muốn ấy phù hợp với lập trường của một tờ báo độc lập - tôi sẽ cố gắng gác lại như đã làm trong một thời gian, tất cả các vấn đề liên quan đến nhà thờ và tôn giáo, nếu những tờ báo khác và nếu bởi cảnh chính trị sẽ không buộc tôi phải đề cập đến những vấn đề ấy.

2. Thứ hai, về yêu cầu của quý Ngài đòi thái độ độc lập tức tiến sĩ Ru-ten-béc, thì ngày 14 tháng Hai tôi đã tuyên bố với vị trưởng quan của chính phủ là Phôn Ghéc-la-khơ, rằng vị tiến sĩ nọ tuyột nhiên không phải là biên tập viên của báo "Rheinische Zeitung" mà chỉ là người phiên dịch cộng tác với báo đó mà thôi. Đáp ứng lời đe dọa - mà viên trưởng quan Phôn Ghéc-la-khơ đã thông báo cho tôi - rằng nếu Ru-ten-béc sẽ không sớm bị thải hồi, thì tập tức tờ báo sẽ bị đóng cửa, tôi lùi bước trước hành động cường bức và tạm thời đã không để cho ông tiến sĩ ấy tham gia vào tờ báo nữa. Nhưng vì tôi hoàn toàn không biết đến điều luật nào hiện hành cho điểm đó trong bản chỉ thị, cho nên tôi đã nghĩ quý Ngài chỉ rõ cho tôi biết điều khoản ấy hoặc sớm trả lời để cho tôi biết liệu quyết định đã đưa ra đó còn có hiệu lực hay không để tôi có thể bảo vệ một cách hợp pháp quyền lợi của mình trước các cấp tương ứng.

3. Về điểm thứ ba, để cử biên tập viên mới¹ để chuẩn y, thì cần cứ vào luật kiểm duyệt ban hành ngày 18 tháng Mười 1819, chỉ có các nhà đương cục kiểm duyệt cấp cao mới có quyền đòi đệ trình biên tập viên khác² để chuẩn y. Tôi không

biết điều luật nào chuyển quyền ấy sang cho các tỉnh trưởng. Vì vậy, tôi đề nghị chỉ rõ cho tôi biết điều khoản ấy hoặc chỉ rõ sắc lệnh tương ứng của bộ kiểm duyệt. Khi đó - nhưng chỉ khi đó - tôi sẽ sẵn sàng để cử vị biên tập viên ấy để chuẩn y.

Đo C.Mác viết vào khoảng ngày 17 tháng Mười một 1848
Cũng có thể tìm thấy trong cuốn sách:
"Rheinische Briefe und Akten zur Geschichte der Politischen Bewegung 1830-1850", Bd. 1, Hrg. von Hansen, Essen u. d. Ruhr, 1919

In theo hân viết tay
Nguyễn Văn Tố tổng Dục

¹ Từ "mới" đã bị gạch bỏ bằng bút chì

² Từ "khác" đã bị gạch bỏ bằng bút chì

CHÚ THÍCH CỦA BAN BIÊN TẬP VỀ BÀI BÁO

"CÁC NHÀ KINH DOANH HẠY-NÓ-VƠ VÀ THUẾ QUAN BẢO HỘ"

Chúng tôi có thể thừa nhận luận cứ lịch sử của tác giả, tiếp nữa, chúng tôi có thể đồng ý với lời khẳng định của ông ta cho rằng nước Anh - mà các sự kiện mới lên diễn này - trong vòng bốn - năm thế kỷ gần đây đã làm được hết sức nhiều để bảo vệ nền công nghiệp và thủ công nghiệp, nhưng dù sao vẫn không đồng ý chấp nhận chế độ *thuế quan bảo hộ*. Tấm gương của nước Anh tự nó đã bác bỏ mình: chính ở Anh đã bộc lộ những hậu quả tai hại của một hệ thống không còn là hệ thống của thời đại chúng ta nữa, mặc dù nó đã có thể hoàn toàn đáp ứng những điều kiện của thời trung cổ dựa trên sự chia tách, chứ không phải dựa trên sự thống nhất; những điều kiện ấy làm cho người ta phải bảo đảm một sự bảo hộ đặc biệt cho một lĩnh vực đặc biệt bởi vì đã không có sự bảo hộ chung của một quốc gia biết là phải và đã không có một hệ thống khôn ngoan của những quốc gia riêng lẻ. Thương mại và công nghiệp phải được đặt dưới sự bảo vệ. Nhưng để tài của cuộc tranh cãi chính là vấn đề xem xét *thuế quan bảo hộ* có thực sự bảo vệ thương mại và công nghiệp hay không?

Ngược lại, chúng tôi coi hệ thống này như là *tổ chức kiểu thời chiến* trong thời bình. - Kiểu thời chiến ấy trước hết nhằm chống lại các nước khác, nhưng trong quá trình thực hiện nó không tránh khỏi quay lại chống chính nước sở tại. Nhưng tất nhiên, *từng nước* - dù nó có thừa nhận nguyên tắc tự do mậu dịch như thế nào đi nữa - đều phụ thuộc vào tình hình công việc trên toàn thế giới, vì vậy vấn đề này chỉ có thể được giải quyết bằng một đại hội quốc tế, chứ không phải bởi một chính phủ riêng lẻ nào đó.

Ban biên tập báo "Rheinische Zeitung"

Đa C.Mác viết vào khoảng ngày 22 tháng Mười một 1842
Đã đăng trong phụ trương của báo
"Rheinische Zeitung" số 225, ngày 23
tháng Mười một 1842.
Ký tên, Ban biên tập báo "Rheinische
Zeitung"

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

THÁI ĐỘ CỦA HEC-VÊCH VÀ RU-GƠ ĐỐI VỚI "NHỮNG NGƯỜI TỰ DO"

Béc-lin, ngày 25 tháng Mười một. Trên báo "Elberfelder Zeitung" có đăng bản tin, được đăng lại trên tờ "Didaskalia" cho hay rằng Hec-vêch đã đến thăm hội "Những người tự do"¹ và thấy rằng hội này hoàn toàn không đáng được bình luận. Thật ra, Hec-vêch đã không đến thăm hội này, do đó, ông ta đã không thể cho rằng nó hoàn toàn không đáng được bình luận, cũng không phải là rất đáng được bình luận. Hec-vêch và Ru-gơ cho rằng "những người tự do", do rơi vào chủ nghĩa làng mạn chính trị, do có tham vọng trở thành thiên tài và do sự khoa lặc, nên đã làm mất uy tín của sự nghiệp tự do và của những người ủng hộ sự nghiệp đó. Ý kiến này đã được phát biểu hoàn toàn công khai và chắc chắn đã tạo cơ để đưa tin trên báo chí. Vậy, nếu Hec-vêch đã không đến thăm hội "Những người tự do" - mà các thành viên của nó phần nhiều là những người tuyệt hảo, nếu xét từng cá nhân - thì đó không phải vì Hec-vêch ủng hộ một sự nghiệp khác nào đó. Điều đó duy nhất chỉ vì ông ta là một con người cũng còn muốn tự do không phụ thuộc vào cả những uy tín Pháp, ông căm ghét và coi là điều nhục cười thời sống sẽ, cũng cách phát biểu kiểu Béc-lin, thời bất chú các câu lạc bộ Pháp một cách mờ quáng và tầm thường. Những vụ tai tiếng, những hành vi khiếm nhã phải bị lên án công khai và kiên quyết trong thời đại chúng ta, là thời đại cần đến những con người nghiêm túc, quả cảm và kiên định để đạt cho được những mục tiêu cao cả của thời đại.

Đã C.Mau viết ngày 25 tháng Mười một 1942
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung"
số 333, ngày 29 tháng Mười một 1942

Trên báo bản đăng trên báo
Nguyên văn in tiếng Đức
in bằng tiếng Nga lần đầu

SÁCH LƯỢC LUẬN CHIẾN CỦA BÁO AU-XBUỐC

"Đây chỉ là sự lăm lặc và yếu đuối!"

Khuen, ngày 29 tháng Mười một.

Tờ báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc mỗi khi có dịp tranh luận, về một vấn đề nào đó, với báo "Rheinische Zeitung" thì nó lại tuân theo một sách lược vừa độc đáo, lại vừa đáng khen. Một khi được thực hiện nhất quán, sách lược này không thể không tác động đến bạn đọc nào đó có đầu óc hơi hột. Cứ mỗi khi chúng tôi đáp lại tờ báo này vì những sự dă kích của nó chống lại những nguyên tắc và xu hướng của báo "Rheinische Zeitung", cứ mỗi khi tiến hành tranh luận thực sự, cứ mỗi khi tờ "Rheinische Zeitung" lên tiếng có tính nguyên tắc chống lại nó, thì tờ "Allgemeine Zeitung" lại choàng bộ y phục của sự im lặng nhiều ý nghĩa, - và không bao giờ người ta có thể khẳng định được rằng có phải sẽ đi có sự tồn tại không có gì đẹp đẽ kỳ của sự im lặng đó là vì nó đã nhận thức được sự yếu ớt không thể đáp lại, hay là vì nó đã nhận thức được ưu thế không muốn đáp lại. Nói đúng ra, chúng tôi không nên quá trách bà hàng xóm ấy ở Au-xbuốc về thái độ ấy, bởi vì nó có thái độ đối với chúng tôi cũng như đối với nước Đức mà nó có thể thể hiện sự căm thù - hiển nhiên, báo này cho là như vậy - một cách rõ nhất bằng một sự im lặng đầy thâm ý, một sự im lặng đôi khi bị phá vỡ bằng những bài ghi chép di dưong những bản tin về tình hình sức khoẻ và những bài thơ caì biền của hồn lẻ. Có lẽ bà hàng xóm ở Au-xbuốc tỏ ra có lý khi coi sự im lặng của mình là bổ ích với xã hội.

"Đ. SÁCH XBUỐC", "C. T. 20", số 1, cảnh thứ ba

Nhưng bên cạnh cái sách lược lạng thình thịch, bà hàng xóm này ở Au-xbuốc còn có một cung cách luận chiến khác, với lối nhiều lời bất tận, tự mãn và khêu trương, cung cách luận chiến ấy tựa hồ như tạo thành một sự bổ sung tích cực cho sự lạng thình thịch động, ủy mị. Bà hàng xóm Au-xbuốc im lặng khi vấn đề liên quan đến cuộc đấu tranh có tính nguyên tắc, cuộc đấu tranh thực sự, nhưng bà ta ngồi rình và nghe ngóng, quan sát từ xa, chờ đợi thời cơ khi đối phương của bà ta phạm phải một sự sơ xuất nào đó về trọng điểm, phạm phải *faux pas*^{1*} nào đó trong điệu nhảy, đánh rơi chiếc khăn tay, - thì lập tức bà ta

"Mê tư cái đầu, làm ra vẻ đôn hậu!"

với cái và tự tin quyết đoán, tuôn ra hết nỗi bức dọc đầy thiện ý mà bà ta đã kìm giữ từ lâu, cũng như tuôn ra hết nỗi tức giận của niềm kiêu hãnh được tỏ vẻ của mình. Bà ta hướng về nước Đức mà kêu lên: "Xin các vị hãy nhìn xem, tính cách của báo "Rheinische Zeitung" là như thế đó, cách suy nghĩ của nó, thái độ triệt để của nó là như thế đó!"

"Ở đây là địa ngục, ở đây là bóng tối, ở đó là tình thân ái mị, ở đây là lửa cháy, là sự nổi loạn, là mùi hôi thối, là sự rêu nát! Phà, phà! Ông chủ hiệu thuốc biến hiệu ơi, hãy bán cho tôi xe ngựa!"^{2*}

Bà hàng xóm ở Au-xbuốc sử dụng những khúc tức hứng ấy chẳng những để làm sống lại trong ký ức mỏng manh của những công chúng mau quên, tiếng thơm đã bị mất từ lâu của mình, sự tự tử và độ tuổi khấp khểnh của mình, chẳng những để tỏ điểm cho đối mã hóm hỉnh của mình bằng những hồi ức héo

uá, còi cọc. Ngoài những thành công nhỏ nhoi và vô hại của sự làm dáng này, bà ta còn dùng mọi mảnh khoé để đạt được những thành công thực tế khác. Bà ta, *quasi re bene gesta*^{3*} dùng trong tư thế nữ chiến binh hăng hái - đối diện với tờ "Rheinische Zeitung" - làm om xòm lên, đưa ra những lời cảnh cáo với tờ báo đó, khiêu khích nó, còn dám công chúng độc giả thì do hành động khiêu khích tung hoành ỷ mà đã quên đi sự im lặng của bà hàng xóm già ở Au-xbuốc ấy và bước lại vừa mới diễn ra của bà ta. Thêm vào đó còn có niềm ảo tưởng được nuôi dưỡng chu đáo của bà ta cho là tướng như thế giữa bà ta và tờ "Rheinische Zeitung" cuộc đấu tranh diễn ra chung quanh những chuyện vật vớ nh chính là thuộc loại đó, những chuyện ám 1 và những sơ xuất về trọng điểm bề ngoài. Cả một đám người bất tài và vô nguyên tắc không hiểu rõ thực chất của cuộc tranh cãi - trong cuộc tranh cãi ấy chúng tôi phát biểu, còn bà hàng xóm ở Au-xbuốc thì lạng thình - nhưng họ lại coi sự lừa bịp và giọng lưỡi phê phán vật vớ của tờ báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc là sự phản ánh tâm hồn cao cả của chính mình, - tất cả đám người hung hăng ỷ vô tay và tỏ sự kính trọng đối với bà đám khấp khểnh ấy, cái bà đám đã dùng bàn tay đầy kinh nghiệm và với dáng vẻ rất oai vệ mà trừng phạt đối phương hung hăng của mình, mà theo ý bà ta thì chủ yếu nhằm mục đích giáo dục hơn là gây hại. Trong số 320 của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc chúng ta lại thấy một kiểu mẫu của lối luận chiến lên mặt thông thái, gổ hóm và tầm thường ấy.

Một thông tin viên của chúng tôi viết từ Mai-nơ cho biết tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc đã khen ngợi cuốn tiểu

^{1*} - bước đi sai

^{2*} U. Sách xưa, "Vua Lúa", hồi 4, cảnh thư xưa

^{3*} Như trước

^{1*} - tựa hồ như sau một công việc được hoàn thành tốt

thuyết chính trị của Giu-li-út Mô-đen "Đại hội ở Vê-rôn" và cuốn tiểu thuyết này do nhà xuất bản của Côt-ta¹⁷ ấn hành. Chúng tôi phải thừa nhận rằng chúng tôi chỉ ngẫu nhiên liếc vào mục phê bình văn học của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc, vì biết mục này nghèo nàn như thế nào, chúng tôi không biết đến ý kiến phê bình của báo này đối với tác giả Mô-đen và trong vấn đề này chúng tôi à discretion¹⁸ trông cậy vào sự trung thực của thông tin viên của chúng tôi. Bên cạnh mặt thực tế của vấn đề đã được trình bày một cách chính xác trong bản tin ấy, bản tin đó cũng không phải không có cái nét sự thật bên trong, bởi lẽ thậm chí bây giờ, sau những lời giải thích mới đây của tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc - trong đó luận chiến được tiến hành phần nhiều bằng thủ đoạn lừa bịp hơn là bằng các luận cứ - thì chỉ ít cũng có thể hoài nghi rằng không biết lượng tâm phê phán của tờ báo ấy có duy trì được sự độc lập với nhà in ở Stutt-gát hay không. Như vậy, chỉ còn lại sự khẳng định rằng chúng tôi không biết cuốn tiểu thuyết chính trị ấy đã in tại nhà in nào, nhưng enfin¹⁹, việc không rõ địa điểm in một cuốn tiểu thuyết nào đó cũng không phải là một tội lỗi chính trị chết người.

Sau này, khi người ta lưu ý hạn biên tập của báo về sự nhầm lẫn trong việc nêu nơi in cuốn tiểu thuyết, thì ban biên tập đã đưa ra lời giải thích trong đoạn báo ngắn dưới đây:

"Chúng tôi vừa được biết rằng cuốn tiểu thuyết 'Đại hội ở Vê-rôn' của nhà thơ Giu-li-út Mô-đen đã xuất hiện hoàn toàn không phải tại nhà xuất bản Côt-ta, vì vậy chúng tôi đề nghị bạn đọc lưu ý sự sửa đổi này trong khi đọc bản tin 'Từ Mai-nô', đăng trong số báo số 17"²⁰

¹⁷ - thuyết đối

¹⁸ - nhà xuất, sự chủ cùng

Vì lời buộc tội chủ yếu của thông tin viên ở Mai-nô chống lại báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc là dựa trên tiền đề cho rằng cuốn tiểu thuyết "Đại hội ở Vê-rôn" được in tại nhà in của Côt-ta; vì chúng tôi đã giải thích là tiểu thuyết này được in không phải ở nhà in của Côt-ta; vì mọi sự kết luận đều tự nó không còn hiệu lực một khi tiền đề của kết luận ấy đã bị bác bỏ, - cho nên chúng tôi có quyền đưa ra yêu cầu quá mức cho khả năng trí tuệ của các bạn đọc của chúng tôi là: sau lời giải thích ấy hãy có sự sửa đổi trong bản tin kể trên, do vậy chúng tôi đã có thể tin chắc rằng chúng tôi đã chuộc lỗi với báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc. Nhưng mà chúng ta nói về lô-gích Au-xbuốc! Lô-gích Au-xbuốc đã đưa vào điểm sửa đổi của chúng tôi ý nghĩa sau đây:

"Nếu cuốn tiểu thuyết 'Đại hội ở Vê-rôn' của tác giả Mô-đen được in ở nhà in của Côt-ta thì tất cả các bạn đọc của luật pháp và của tư do đã phải coi cuốn tiểu thuyết ấy như một giả tác và hủy bỏ; và ầm ầm; nhưng vì vô sau chúng tôi được biết rằng cuốn sách này đã được xuất bản ở Stutt-gát, cho nên chúng tôi đề nghị bạn đọc kính mến của chúng tôi hãy hoan nghênh cuốn sách ấy như là một tác phẩm - theo lời phát biểu của chính nhà thơ - của một trong những tinh thần của tuổi trẻ vĩnh hằng đang tiến đến với chúng ta trên con đường sáng lạn và đang lấy bàn chân sắt dẫm lên tất cả dăm vẻ lại cũ"²¹.

"Chàng trai của chúng ta sử dụng cung tên y như là một hình nộm vụng về. Xin quý vị hãy cang lên cả một tấm vải to cho anh ta làm bia bắn! - Trúng rồi, trúng rồi! - hoan hô!"²²

"Và đó chính là", bà hàng xóm ở Au-xbuốc trình trạng kêu lên, - và đó chính là các nhà báo "Rheinische Zeitung" gọi là lời suy nghĩ của mình, là tinh nhất quán của mình

²¹ (Sách báo, "Vua tin", báo 4, tình thứ sáu

Nhưng có báo giới tờ "Rheinische Zeitung" nhận rằng tính nhất quán của lô-gích Au-xbuốc là tính nhất quán của mình và coi lời suy nghĩ mà lô-gích ấy đã đưa vào là lời suy nghĩ của mình? Bà hàng xóm ở Au-xbuốc chỉ có quyền đưa ra kết luận sau đây: "Đây, ở Au-xbuốc người ta đã hiểu sai như thế đây về tính nhất quán và về lời suy nghĩ!" hay đúng hơn là tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc đã nghĩ rằng, khi đăng lời chúc rượu của Mô-đen là chúng tôi đã có ý muốn đưa ra lời bình luận để sửa đổi sự đánh giá về cuốn tiểu thuyết "Đại hội ở Vê-rôn"? Trong mục tiểu luận, chúng tôi đã mổ tả tỉ mỉ cuộc truy hoan mừng Si-lơ, chúng tôi đã chỉ rõ Si-lơ" như là vị tiên tri của phong trào trí tuệ mới" (hãy xem số 326, bản tin gửi từ Lai-pxích)" và chỉ rõ ý nghĩa nảy sinh từ đó của cuộc lễ tòa vịnh Si-lơ: tại sao chúng tôi đã không được phép đăng lời chúc rượu của Mô-đen, là người đã nhấn mạnh ý nghĩa đó?^{10a} Phải chăng là vì trong lời chúc rượu ấy có chứa đựng sự đả kích chống lại báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc, một sự đả kích mà báo đó đáng phải hứng chịu chỉ ít cũng vì một lần đánh giá của nó về Héc-véc? Nhưng tất cả những cái đó không liên quan gì đến bản tin gửi từ Mai-nơ. Để làm được điều đó chúng tôi lẽ ra đã phải - như bà hàng xóm ở Au-xbuốc đã ngầm đầy điều đó cho chúng tôi - viết rằng: "Mong hạn đọc hãy suy xét về bản tin gửi từ Mai-nơ, đăng trong số báo 317, căn cứ vào bài thơ của Mô-đen đăng trong số 320". Lô-gích Au-xbuốc đã *exprès*^{10b} nghĩ ra điều phi lý đó để áp đặt nó cho chúng tôi. Bài nhận xét về "Béc-nơ-húc-tơ Vây-mác-xki" của Mô-đen, - đăng trong mục tiểu luận ở số báo 317 của tờ "Rheinische Zeitung"^{10c} - đã chứng minh - tuy điều này không cần có những bằng chứng - rằng ngay đối với Mô-đen tờ báo ấy

^{10a} - xuất bản ngày 22 tháng Mười một 1842

^{10b} - đặc biệt

^{10c} - xuất bản ngày 13 tháng Mười một 1842

cũng không lùi một bước đối với tập tục của mình: phê phán xuất phát từ thực chất vấn đề.

Tuy nhiên, chúng tôi sẵn sàng đồng ý với bà hàng xóm ở Au-xbuốc rằng ngay cả báo "Rheinische Zeitung" cũng không thể xua đuổi những kẻ viết thuê - họ là đám vô lại quấy nhiễu và ghê tởm, sinh sôi, nảy nở ở khắp nước Đức vào thời đại báo chí mà hiện thân là tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.

Sau cùng tờ báo ở Au-xbuốc nhắc với chúng tôi về cỗ máy phòng

"báo ra những lời lẽ rất kén và trống rỗng tuy nhiên không đem chạm đến thực tại".

Đi nhiên, tờ "Allgemeine Zeitung" dụng chạm¹¹ đến bất kỳ một thực tại nào: thực tại Mê-hi-cô, thực tại Bra-xin, nhưng không phải là thực tại Đức, thậm chí không phải thực tại xứ Ba-vi-e, và nếu ngẫu nhiên báo ấy có dụng chạm đến một cái gì đó tương tự như thế thì nó nhất thiết sẽ coi ảo tưởng là thực tại, và coi thực tại là ảo tưởng. Nếu vấn đề liên quan đến thực tại tinh thần và thực tại đích thực thì báo "Rheinische Zeitung" có thể cùng với vua Lia thét Mn về phía bà hàng xóm ở Au-xbuốc rằng: "thật uống ồng, hồi Cu-pi-dôn mù quáng. Người hãy nhìn xem nét chữ!" Còn bà hàng xóm sẽ chỉ còn biết trả lời, cùng với Glô-xtơ, rằng: "Nếu mỗi chữ to bằng mặt trời thì ta cũng không trông thấy!"¹²

Đo C.Mác viết ngày 23 tháng Mười một 1842
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung" số
324, ngày 30 tháng Mười một 1842

In theo bản đồng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

¹¹ Trong nguyên bản có sự chơi chữ "berühren" - "dụng chạm", "berühren" - "chạm vào".

¹² U. Sếch-xpiơ, "Vua Lear", hồi 4, cảnh thứ sáu

[VỀ CÁC ỦY BAN ĐẢNG CẤP Ở PHỐ]
VẤN ĐỀ CÁC ỦY BAN ĐẢNG CẤP PHỐ TRONG CÁC PHỤ TRƯỞNG
CỦA CÁC SỐ 335 VÀ 336 CỦA BÁO "ALLGEMEINE ZEITUNG"

Khuyến, ngày 10 tháng Chạp. Trong phụ trương số 335 của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuê có đăng một bài viết đáng lưu ý bàn về các ủy ban đảng cấp ở Phố. Vì chúng tôi có ý định phê bình bài viết này, cho nên ngay từ đầu chúng tôi đã phải lấy một quy tắc đơn giản làm cơ sở, hơn nữa, nguyên tắc này hay bị lung lay trong cơn băng say của cuộc luận chiến thiên vị. Suy xét về một thiết chế nhà nước nào đó vẫn chưa phải là bản thân thiết chế ấy. Một cuộc luận chiến chống lại lý suy xét ấy thì tuyệt nhiên không phải vì thế mà trở thành cuộc luận chiến chống lại thiết chế nhà nước kể trên. Báo chí báo thủ thường xuyên nhắc nhở rằng vấn đề các quan điểm của báo chí đối lập, coi đó chỉ như là ý kiến cá nhân và như là sự xuyên tạc thực tại. - nó thường xuyên quên rằng nó cũng không phải là chính đối tượng, mà chỉ là một ý kiến nào đó về thiết chế đó, do đó, cuộc đấu tranh với báo chí báo thủ không nhất thiết có nghĩa là cuộc đấu tranh với đối tượng của nó. Mọi đối tượng được đưa vào - với thái độ rân róng hoặc quả trách - tầm nhìn của báo chí thì đều như vậy mà trở thành đối tượng văn chương, nghĩa là, đối tượng của tranh luận văn chương.

Chính điều này đã biến báo chí thành đòn xeo mạnh mẽ

của văn hoá và của công cuộc học vấn tinh thần của nhân dân: báo chí biến cuộc đấu tranh vật chất thành cuộc đấu tranh tư tưởng, biến cuộc đấu tranh mâu thuẫn thành cuộc đấu tranh tinh thần, biến cuộc đấu tranh của các nhu cầu, của lòng ham say, của kinh nghiệm thành cuộc đấu tranh của lý luận, của trí tuệ, của hình thức.

Bài báo được xem xét ở đây quy tụ những lý lẽ phê phán, nhằm chống lại thiết chế ủy ban đảng cấp, thành hai điểm chủ yếu sau đây: phê phán thành phần của chúng và phê phán thẩm quyền của chúng.

Trước hết chúng ta phải lên án cái việc thoát đầu người ta phản tặc vấn đề thành phần của ủy ban, còn vấn đề thẩm quyền của những ủy ban ấy thì gác lại đến bài báo tiếp sau coi đó là sai lầm lô-gích cơ bản. Thành phần không thể là gì khác hơn là cơ chế bên ngoài: lĩnh vực chỉ đạo và vai trò tổ chức là thẩm quyền của đối tượng. Ai dám bắt tay suy xét về tính hợp lý của cấu trúc một cỗ máy nào đó trước khi anh ta nghiên cứu và tìm hiểu chức năng của cỗ máy ấy? Có thể sẽ phải phê phán thành phần của ủy ban chính vì thành phần ấy phù hợp với thẩm quyền của các ủy ban ấy, - trong trường hợp nếu chức năng ấy không thể được công nhận là đích thực, nhưng cũng có thể là thành phần các ủy ban ban ấy xứng đáng được công nhận chính là vì thành phần ấy không phù hợp với chức năng của chúng và vượt ra ngoài phạm vi chức năng ấy. Như thế, trật tự trình bày kể trên là sai lầm thứ nhất, sai lầm làm cho toàn bộ sự trình bày trở thành lảm nhảm.

Chúng ta đọc thấy bài báo đang phân tích viết như thế này: hầu như ở đâu cũng đều thấy vang lên, với một sự nhất trí lạ lùng, những lời than phiền rằng:

"quyền lợi điện đảng cấp phần nhiều chỉ được giành cho giới địa chủ".

Trái với điều đó, một mặt người ta chỉ ra sự hưng thịnh

của công nghiệp, mặt khác người ta cũng chỉ ra "với một sự nhàn nhõm lớn hơn", giới trí thức và chỉ ra "quyền của giới trí thức được tham gia vào cơ quan đại diện đẳng cấp".

Bài báo đó nói căn cứ theo đạo luật tổ chức về các hội nghị đẳng cấp của tỉnh¹⁰, nên quyền sở hữu ruộng đất trở thành điều kiện cho sự đại diện đẳng cấp - quy định này được nhất quán áp dụng cho các ủy ban đẳng cấp được lập ra từ thành phần các hội nghị đẳng cấp tỉnh - thì sở hữu ruộng đất, mặc dù nó là điều kiện chung để được hưởng quyền đại diện đẳng cấp, tuyệt nhiên không phải là phạm vi duy nhất cho điều đó. Nhưng chính sự hoà trộn hai nguyên tắc thật sự khác nhau ấy là chỗ dựa cho

"phần lớn những lời phản bác tích cực vang lên chống lại thành phần các ủy ban đẳng cấp".

Sở hữu ruộng đất đại diện cho tất cả các đẳng cấp. Đó là sự thật mà tác giả bài viết này đã thừa nhận, nhưng - như ông ta nói thêm - không đơn giản là sở hữu ruộng đất, không phải sở hữu ruộng đất trừu tượng mà là sở hữu ruộng đất cộng với một số điều kiện bổ sung, sự sở hữu ruộng đất có tính chất xác định. Sở hữu ruộng đất là điều kiện chung, nhưng không phải là điều kiện duy nhất của sự đại diện đẳng cấp.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với sự khẳng định của tác giả của chúng ta cho rằng những điều kiện bổ sung đã thay đổi một cách căn bản nguyên tắc chung của sự đại diện dựa trên sở hữu ruộng đất. Nhưng đồng thời chúng ta phải nhấn mạnh điều sau đây: những người phản đối thậm chí coi nguyên tắc chung là quá hạn chế, họ cũng hoàn toàn không thể bị bác bỏ

hỏi việc chỉ ra rằng đã có những người tuyên bố nguyên tắc ấy - mà tự bản thân nguyên tắc ấy đã mang tính chất hạn chế rồi - là nguyên tắc chưa đủ hạn chế và vì vậy họ cho rằng cần có những hạn chế tiếp nữa, xa lạ với bản chất nguyên tắc ấy, để bổ sung vào nguyên tắc ấy. Chúng ta hãy không bàn đến các đòi hỏi hoàn toàn có tính chất chung đối với một danh tiếng hoàn hảo và đối với tiêu chuẩn độ tuổi ba mươi, hơn nữa đòi hỏi thứ nhất, một mặt, biểu thị một cái gì đó đương nhiên, nhưng mặt khác, lại để cho có những cách giải thích quá không xác định. Chúng tôi xin nêu những điều kiện đặc biệt dưới đây:

"1) phải sở hữu ruộng đất liên tục mười năm; 2) phải thuộc vào một nhà chủ Thiên chúa giáo; 3) sở hữu ruộng đất, mà trong quá khứ đã trực tiếp phụ thuộc vào hoàng đế, - đối với đẳng cấp thứ nhất; 4) sở hữu trại ấp của hiệp sĩ - đối với đẳng cấp thứ hai; 5) giữ chức vụ trong hội đồng thành phố hoặc kinh doanh một nghề nào đó của thị dân - đối với đẳng cấp thành thị; 6) kinh doanh độc lập trên ruộng đất của mình, coi đó là nghề chủ yếu - đối với đẳng cấp thứ tư"¹¹

Những điều kiện ấy tuyệt nhiên không xuất phát từ bản chất của sở hữu ruộng đất, mà là những điều kiện xuất phát từ những quan niệm xa lạ với nó, chúng đặt ra những giới hạn xa lạ cho nó *thứ hẹp* thực chất của nó, thay vì làm cho thực chất ấy mang tính phổ biến.

Xét từ góc độ nguyên tắc chung của sự đại diện được chế định bởi sở hữu ruộng đất thì sẽ không thể phát hiện thấy một sự khác nhau nào đó giữa sở hữu ruộng đất của người Do Thái và của đạo Thiên chúa, giữa sở hữu ruộng đất của luật sư và của thương gia, giữa sở hữu ruộng đất trong mười năm hoặc chỉ trong một năm. Căn cứ theo nguyên tắc chung ấy, tất cả những sự khác biệt đã được liệt kê lại không tồn

tại. Do đó, nếu chúng ta hỏi xem tác giả của chúng ta đã chứng minh điều gì thì chúng ta chỉ có thể trả lời điều sau đây: ông ta chỉ chứng minh rằng điều kiện chung của sở hữu ruộng đất hạn chế ở những điều kiện đặc biệt, không đặc trưng cho chính sở hữu ruộng đất, mà lại gắn với sự tồn tại của *những khác biệt đẳng cấp*.

Tác giả bài viết đã thừa nhận điều đó:

"Do có tính lịch sử trên mà người ta thấy khắp nơi vang lên những lời phàn nàn rằng cả trong những ủy ban đẳng cấp này - tưởng như thể điều này mâu thuẫn với các quan hệ xã hội hiện nay của chúng ta và với những đòi hỏi của tinh thần thời đại - người ta lại làm hồi phục những sự khác biệt đẳng cấp hoàn toàn thuộc về quá khứ và áp dụng chúng như là nguyên tắc cho tổ chức đẳng cấp".

Tác giả không nghiên cứu vấn đề liệu điều kiện chung là sở hữu ruộng đất có mâu thuẫn với sự đại diện đẳng cấp hay không, liệu điều kiện sở hữu ruộng đất có làm cho sự đại diện ấy thậm chí không thể có được hay không! Nếu không thì ông ta khô mà không nhận ra rằng cái điều kiện chỉ tiêu biểu cho đẳng cấp nông dân thì không thể trở thành - nếu thực hiện triệt để nguyên tắc đẳng cấp - tiền đề chung cho sự đại diện của các đẳng cấp khác mà sự tồn tại của những đẳng cấp ấy tuyệt nhiên không bị chế định bởi sở hữu ruộng đất. Vì nguyên tắc của sự đại diện đẳng cấp chỉ có thể là sự khác biệt căn bản giữa các đẳng cấp, - như vậy bất kỳ một cái gì đó không gắn với bản chất của các đẳng cấp, thì không thể là nguyên tắc đó được. Do đó, nếu nguyên tắc đại diện sở hữu ruộng đất bị thủ tiêu bởi những lý do đẳng cấp đặc biệt, thì đến lượt nó nguyên tắc đại diện đẳng cấp bị thủ tiêu bởi điều kiện chung là sở hữu ruộng đất, và không một nguyên tắc nào trong số những nguyên tắc ấy được thực hiện. Tiếp nữa, tác

giả bài báo không nghiên cứu xem liệu sự khác biệt của các đẳng cấp được giả định trong thiết chế đang được bàn luận đến - ngay dù chấp nhận sự khác biệt ấy - có thể hiện được những nét tiêu biểu của các đẳng cấp thuộc quá khứ hoặc của những đẳng cấp thuộc hiện tại hay không. Thay vào đó tác giả lại suy xét về sự khác biệt đẳng cấp nói chung. Sự khác biệt ấy, theo ý kiến của tác giả không thể loại trừ được,

"trong như không thể thủ tiêu được sự khác biệt tồn tại trong tự nhiên của các yếu tố và dựa vào cả mọi cái đến một sự thống nhất hỗn loạn"

Có thể trả lời tác giả của chúng ta như thế này: giống như việc sẽ không ai có ý định thủ tiêu sự khác biệt của các yếu tố của giới tự nhiên và dựa tất cả mọi cái đến một sự thống nhất hỗn loạn, cũng vậy không một ai lại nghĩ đến việc *loại bỏ* những khác biệt của các đẳng cấp; nhưng đúng thời cũng có thể đòi hỏi tác giả của chúng ta phải nghiên cứu một cách sâu sắc hơn nữa về giới tự nhiên và phải từ sự cảm thụ cảm tính dẫn đến đối với những yếu tố khác nhau tiến lên sự cảm thụ lý tính về đời sống hữu cơ của giới tự nhiên. Thay vì bằng mưu sự thống nhất hỗn loạn, trước tác giả sẽ biện lên tính thần một sự thống nhất sống động. Thậm chí những yếu tố cũng không ở trong trạng thái chia tách tinh lạng. Chúng liên tục chuyển hoá cái nọ thành cái kia, và chỉ riêng một sự chuyển hoá ấy cũng tạo ra nết thanh thú nhất của sự sống thể chất trên trái đất, quá trình khí tượng, trong khi đó trong cơ thể sống hoàn toàn hiện di mọi dấu vết của những yếu tố với tư cách là những yếu tố. Ở đây sự khác biệt không còn thể hiện qua sự tồn tại riêng biệt của các yếu tố khác nhau mà qua sự chuyển động sống động của những chức năng khác nhau mà tất cả những chức năng ấy đều được cùng một sự sống làm cho có

sinh khí. Như vậy, bản thân sự khác biệt của chúng không tồn tại, nó đang có sẵn, từ trước khi có sự sống đó, mà ngược lại, bản thân sự khác biệt ấy không ngừng nảy sinh từ chính sự sống ấy và cũng thường xuyên tan biến đi và bị tã biệt trong sự sống ấy, giống như thiên nhiên không chết cứng trong những vên tố do vì ngay ở mức thông thấp nhất của sự sống của nó đã bộc lộ ra rằng sự khác biệt ấy chỉ là hiện tượng cam tính đơn giản không mang tính chân chính tính thần. - cũng giống như thế nhà nước, cái vương quốc tinh thần tự nhiên ấy, không được phép và không thể tìm kiếm và phát hiện ra bản chất chân chính của mình ở trong hiện tượng cam tính. Vì vậy, tác giả của chúng ta bàn về sự khác biệt giữa các đẳng cấp như là kết quả cuối cùng, dứt khoát của "trật tự thế giới thần thánh", qua đó ông ta chỉ biến lộ sự khác biệt hơi bọt của mình về trật tự thế giới ấy.

Nhưng, tác giả của chúng ta nhận xét rằng,

còn quan tâm làm sao để nhân dân không bị khui động như là một khối các tiểu cá thể đang tồn

Vì vậy

"không thể rõ vấn đề xét xem liệu các đẳng cấp mà chúng ta phải tôn trọng hay không, mà vấn đề chỉ là những đẳng cấp hiện tồn có thể được thu hút tham gia hoạt động chính trị đến một cái gì ở trong một quan hệ như thế nào"

Đĩ nhiên, vấn đề không phải là các đẳng cấp tồn tại ở mức độ nào, mà là các đẳng cấp phải tiếp tục sự tồn tại của mình ở mức độ nào với tư cách là các đẳng cấp, kể cả lĩnh vực cao nhất của sinh hoạt nhà nước. Nếu như mưu toan khỏi động nhân dân như là một khối nguyên liệu vô cơ đang chờ là hành

động không khêu gợi, thì cũng không khôn ngoan như thế nếu họ vọng rằng có thể làm phát sinh một sự chuyển động hẳn ra bằng cách phân chia một cách máy móc nhân dân thành những bộ phận cấu thành trừu tượng có ý định và do dự nhưng bỏ phần vỏ cơ, là cả định một cách ruộng bậc ấy phải có một sự chuyển động độc lập, sự chuyển động này chỉ có thể mang tính chất cơ giới. Tác giả của chúng ta xuất phát từ quan điểm cho rằng nhân dân - không kể một số những sự khác biệt đáng kể được rút ra một cách tự tiện - tồn tại trong một quốc gia hiện thực chỉ với tư cách là một khối nguyên bản vô cơ. Do đó, ông ta tuyệt nhiên không nhìn thấy chính guồng máy sinh hoạt nhà nước, mà chỉ nhìn thấy sự tồn tại của những bộ phận khác nhau mà nhà nước bao quát một cách hơi lộn và máy móc. Nhưng chúng ta sẽ nói thêm. Chúng tôi sẽ không đòi hỏi rằng trong các vấn đề đại diện nhân dân phải bỏ qua những sự khác biệt có thật. Ngược lại, chúng tôi đòi hỏi phải xuất phát từ những sự khác biệt có thật, được tạo ra và được chế định bởi chế độ lên trong các quốc gia, và đòi hỏi trung tâm sinh hoạt nhà nước không được chuyển sang những lĩnh vực khác huyên môn đó mà từ lâu đã bị sinh hoạt nhà nước tước đi ý nghĩa của những lĩnh vực ấy rồi. Bây giờ chúng ta hãy nhìn vào hiện thực của quốc gia Phổ mà mọi người đã biết, hiển nhiên đối với mọi người. Nhưng khu vực đích thực mà trong phạm vi của chúng nhà nước trở thành vũ đài của sự quản lý, của tồn tại, hoạt động hành chính, công tác thuế khóa, huấn luyện quân sự, giáo dục nhà trường, và trong đó toàn bộ sự chuyển động của sinh hoạt nhà nước được triển khai. - đó là các khu quân, các công xã nông thôn, các cơ quan chính phủ ở địa phương, cơ quan cai quản các tỉnh, các đơn vị quân đội. Nhưng những khu vực ấy không phải là bốn loại đẳng cấp mà, trái lại, đã chuyển

hoà một cách hỗn tạp nhất vào nhau trong các tổ chức của cấp ấy và có sự khác biệt với nhau không phải trong ngay cuộc sống, mà chỉ trên các văn bản chính thức và trong các sổ đăng ký. Còn những sự khác biệt, do chính bản chất của chúng, hàng giây hàng phút hoà tan trong sự thống nhất của chính thể đó là những sáng tạo tự do của tinh thần nhà nước Phố, chứ không phải là nguyên liệu bị áp đặt cho thời đại chúng ta bởi sự tất yếu tự nhiên mờ nhạt và bởi quá trình tan rã của quá khứ! Chúng là các thành tố, chứ không phải là những bộ phận, chúng là những chuyển động, chứ không phải là những trạng thái ổn định¹, chúng là những sự khác biệt trong cái thống nhất, chứ không phải là những sự thống nhất trong cái khác biệt. Cũng giống như tác giả của chúng ta không dám khẳng định, chẳng hạn, rằng sự chuyển động do lớn mà nhỏ đó nhà nước Phố hằng ngày biến thành quân đội thường trực và đội dân binh, là sự chuyển động của một khối nguyên liệu vô cơ. - cũng như thế, tác giả không có quyền nói như vậy về quyền đại diện nhân dân dựa trên những nguyên tắc tương tự. Chúng tôi nhắc lại một lần nữa. Chúng tôi chỉ đòi hỏi nhà nước Phố không được làm gián đoạn sinh hoạt nhà nước của mình, chừng nào chưa bước tới phạm vi trong đó tất phải bộc lộ sự hưng thịnh có ý thức của sinh hoạt nhà nước ấy. chúng tôi chỉ đòi hỏi một sự phát triển một cách triệt để và toàn diện những luật lệ cơ bản của Phố. chúng tôi đòi hỏi mọi người không được bỗng nhiên xa là miếng đất của sinh hoạt hiện thực, có tính chất hậu cơ của nhà nước và không được một lần nữa chìm đắm vào những lĩnh vực sinh hoạt phi hiện thực, mây móc, phực tàng, phi nhà nước. Chúng tôi đòi nhà nước không được tan rã trong chính hành động mà tất phải trở thành hành động tới

¹ Chữ chữ "Stable" có nghĩa là "thống nhất", rộng ra nghĩa là "trạng thái ổn định".

cao của sự thống nhất nội tại của nó. Trong bài khảo luận tiếp theo chúng tôi sẽ tiếp tục phê phán bài báo đang được phân tích.

Khuynh, ngày 19 tháng Chạp. Tác giả của chúng ta trung thành với quan điểm của mình, muốn xác định xem

"những đẳng cấp hiện hữu được thu hút tham gia hoạt động chính trị đến mức độ nào".

Như chúng tôi đã chỉ rõ, tác giả của chúng ta không nghiên cứu xem hiện nay *những đẳng cấp - mà luật bầu cử giả định - là những đẳng cấp hiện hữu*, đến mức độ nào, hiện nay nói chung các đẳng cấp tồn tại đến mức độ nào; ngược lại, ông ta lấy cơ sở cho sự nghiên cứu của mình là sự việc mà việc chứng minh nó phải tạo thành chủ đề chủ yếu của sự nghiên cứu của ông ta, và rồi ông ta đưa ra luận cứ tiếp theo dưới đây:

"Thẩm quyền của những ủy ban ấy được thể hiện hết sức rõ ràng trong các chỉ thị ban hành ngày 21 tháng Sáu năm nay về việc thành lập các ủy ban ấy, cũng như trong sắc lệnh của nội các hoàng gia ban bố ngày 19 tháng Tám về việc triệu tập các ủy ban này dưới hình thức một ủy ban trong ương, cho nên về vấn đề này không thể có bất kỳ một sự hoài nghi nào. Theo lời văn của sắc lệnh kể trên của nội các thì hội đồng đẳng cấp của các tỉnh vùng bị phải được bổ sung yếu tố thống nhất Căn cứ vào điều này, thẩm quyền chung của các ủy ban đẳng cấp cũng giống như thẩm quyền của những hội nghị đẳng cấp tỉnh, - vì những ủy ban cũng được thực hiện các chức năng tham vấn trong các vấn đề công cộng và đặc biệt là trong các vấn đề lập pháp: một phân biệt trong hoạt động của chúng chỉ là ở tính chất tập trung của hoạt động ấy mà thôi. Do đó, những ai tỏ ra hoài nghi về thành phần của ủy ban đẳng cấp thì người ấy phải chỉ ra xem liệu có, những vấn đề nào - khi hợp nhất chúng vào một uỷ ban trung ương - khiến cho những yếu tố cấu tạo nên chúng không thể phù

hợp với tính chất tập trung trong hoạt động của chúng hay không. Thay vì cố gắng đưa ra bằng chứng như thế, người ta chỉ giải hạn lượng việc đơn giản của đơn vị thành phần các ủy ban đảng và được áp dụng cùng theo cùng nguyên tắc như các hội nghị đảng cấp tỉnh và lại cũng đủ để thảo luận các vấn đề thủ tục thuộc phần tư tính, nhưng thành phần ủy ban chưa đủ để hoạt động trên quy mô toàn quốc. Trong sự mâu thuẫn với điều này người ta đã đưa ra những lời tham luận nêu trên những lời tham luận, trong trường hợp chúng có căn cứ, thì có thể hướng những lời tham luận ấy về vào những hội nghị đảng cấp tỉnh.

Ngay từ đầu chúng tôi đã nêu rõ rằng thật không lô-gích nếu nghiên cứu vấn đề tính hợp lý của thành phần các ủy ban đảng cấp trước khi đưa ra một sự phê phán thẩm quyền của chúng. Chính điều này đã dẫn đến chỗ là tác giả của chúng ta đã âm thầm giả định tính hợp lý của "thẩm quyền" để từ thẩm quyền ấy rút ra tính hợp lý của "thành phần". Ông ta nói với chúng ta rằng thẩm quyền của các ủy ban có đặc điểm là tính rõ ràng đầy đủ!

Cho dù giả định tính chất rõ ràng, nghĩa là tính đúng đắn hình thức của "thẩm quyền", thì phải chăng nhờ vậy mà được chạm được, dù ở mức độ nhỏ nhất, đến vấn đề nội dung của thẩm quyền ấy, vấn đề tính chân chính của nội dung ấy chăng? Tác giả của chúng ta bảo rằng các ủy ban ấy chỉ khác với "những hội nghị đảng cấp tỉnh" ở sự "tập trung" của mình mà thôi. Chỉ còn phải chỉ rõ xem.

"Liệu có những căn cứ nào khiến cho - các ủy ban nhất chúng vào một ủy ban trung ương - những yếu tố cấu tạo nên chúng không phù hợp với tính chất tập trung trong hoạt động của chúng hay không".

Chúng ta phải bác bỏ đối hỏi này như là một đối hỏi phi lô-gích. Vấn đề không phải là ở chỗ, khi hợp nhất các đại diện hội nghị đảng cấp tỉnh vào một ủy ban trung ương thì

liệu có những căn cứ nào khiến cho các yếu tố tạo nên các ủy ban đảng cấp không thể phù hợp với tính chất tập trung trong hoạt động của chúng hay không. Ngược lại, vấn đề là ở chỗ, trong chính những yếu tố tạo ra các hội nghị đảng cấp tỉnh, có bao nhiêu căn cứ làm tổ liệt sự hợp nhất đích thực chúng vào một ủy ban trung ương thật sự, do đó vào một hoạt động trung ương đích thực. Không thể có vấn đề sự hợp nhất lại làm cho không thể có được những yếu tố tạo nên nó, nhưng các yếu tố cấu tạo ra nó có thể làm cho không thể có được sự hợp nhất. Nhưng nếu giả định một sự hợp nhất thật sự, một sự tập trung thật sự thì vấn đề về khả năng hoạt động tập trung mất đi mọi ý nghĩa, bởi vì hoạt động tập trung chỉ là biểu hiện, là hậu quả, là hoạt động sống của sự tập trung đích thực. Ủy ban trung ương, xét về chính bản chất của nó, bao gồm hoạt động tập trung. Bằng cách nào mà tác giả của chúng ta đã chứng minh được rằng các hội nghị đảng cấp tỉnh là những yếu tố hữu dụng cho việc thành lập ra các ủy ban trung ương? Do đó, bằng cách nào mà ông ta chứng minh được sự tồn tại thực sự, chứ không phải có tính chất ảo tưởng, của ủy ban trung ương?

Ông ta nói:

"Những lời tham luận ấy" (những lời tham luận về thành phần các ủy ban), trong trường hợp "chúng có căn cứ, thì có thể hướng những lời tham luận ấy về vào các hội nghị đảng cấp tỉnh".

Dương nhiên rồi, vì vấn đề nói đến chính là những yếu tố ấy không hữu dụng cho cái chính thể tập trung. Phải chăng tác giả của chúng ta không nghĩ rằng ông ta bác bỏ những dịch thù của mình bằng cách ông ta chỉ giải thích cho bản thân mình và nêu ra những lời bác bỏ của họ?

Thay vì thỏa mãn với việc chỉ ra rằng những lời tham

phiên về thành phần các ủy ban đảng cấp cũng nhằm cả vào thành phần các hội nghị đảng cấp tỉnh, thì tác giả bài viết ấy, trái lại, lại phải chứng minh xem ở mức độ như thế nào những lời bác bỏ chống lại những hội nghị đảng cấp tỉnh thì không còn là những lời bác bỏ chống lại các ủy ban đảng cấp. Ông ta đã không được phép tự hỏi mình rằng vì sao mà các ủy ban đảng cấp lại không phù hợp với hoạt động tập trung, mà phải tự hỏi mình xem vì sao chúng có thể trở thành thích hợp cho hoạt động tập trung. Trên các trang của báo chúng tôi đã chỉ rõ một cách tỷ mỉ các vi dụ cụ thể cho thấy các hội nghị đảng cấp tỉnh được thu hút ít như thế nào vào việc tham gia công tác lập pháp (dù công tác ấy biểu hiện ra như thế nào đi nữa: đưa ra *khuyến nghị* hoặc là sự hỗ trợ, điều đó nói lên sự khác biệt về quyền lực, chứ không phải về *khả năng* của những hội nghị đảng cấp ấy). Cộng vào đó còn có sự thất bại của các ủy ban được lập ra không phải bởi các nghị viện tỉnh như là những pháp nhân, mà bởi những nghị viện đã phân ra thành các bộ phận cơ học của mình. Không phải nghị viện bầu các nghị sĩ của mình trong ủy ban, mà là những bộ phận khác nhau, biệt lập của nghị viện bầu họ, mỗi bộ phận tự mình bầu ra những đại biểu của mình đưa vào ủy ban. Như vậy việc bầu cử của ủy ban kỳ dự trên sự phân ra một cách cơ học của cơ thể nghị viện thành các bộ phận cấu thành của nó. đưa trên *l'iso in partes*". Chính điều này đã khiến cho có thể xảy ra hiện tượng là trong các ủy ban không phải phe đa số trong nghị viện, mà là phe thiểu số trong nghị viện có các đại diện của mình. Ví dụ, một nghị sĩ nào đó đại diện cho giới quý tộc có thể nắm được đa số các đại biểu của đảng cấp của

mình, nhưng không có được đa số trong toàn nghị viện, bởi vì đa số trong nghị viện có thể có được, ví dụ, nhờ sáp nhập thiểu số các đại biểu đảng cấp quý tộc vào đảng cấp thị dân và nông dân. Do vậy, những ý kiến phản bác chống lại thành phần nghị viện thì không thể đơn giản nhằm vào các ủy ban, mà là trượt xuống đầu họ *một cách méo mó lật gập hỏi*, hỏi vì ở đây tầng đảng cấp riêng lẻ bị loại ra khỏi ảnh hưởng của cái chỉnh thể và lại bị nhét vào những giới hạn đặc biệt của mình. Nhưng chúng tôi cũng gạt sang một bên không đề cập đến điều đó.

Chúng tôi xuất phát từ sự việc mà không nghi ngờ gì nữa, cá thể giả của chúng ta cũng thừa nhận. Chúng tôi giả định rằng thành phần của các hội nghị đảng cấp tỉnh hoàn toàn phù hợp với mục đích của chúng nghĩa là mục đích đại diện cho những lợi ích đặc biệt của tỉnh đứng trên gốc: độ các *lợi ích đảng cấp đặc biệt* của mình. Tính chất này của các nghị viện được phản ánh qua tính chất của mỗi hành động của chúng, tức là qua cả *tính chất các cuộc bầu cử các ủy ban*, do đó, qua cả *tính cách của bản thân các đại biểu trong các ủy ban*, vì nghị viện phù hợp với mục tiêu của mình thì dĩ nhiên sẽ trung thành với mục tiêu ấy trong hành động quan trọng nhất của mình, hành động ấy thể hiện ở chỗ là *bản thân nghị viện bầu các đại diện*. Những yếu tố mới nào đột nhiên biến các đại diện cho các lợi ích tỉnh thành các đại diện cho những lợi ích toàn quốc và làm cho hoạt động *đặc biệt* của họ mang tính chất hoạt động *rộng khắp*? Hiển nhiên yếu tố ấy chỉ là *địa điểm cư trú chung* của họ mà thôi. Nhưng phải chăng không gian trừu tượng tự nó đã có khả năng đem lại tính cách mới cho con người có tính cách và làm tan rã thực chất tinh thần của con người ấy, vô phương diện hoá chất? Chúng ta sẽ đứng trên quan điểm chủ nghĩa duy vật máy móc cực

17 - sự khác biệt của các bộ phận cấu thành

doan, nếu chúng ta cho rằng không gian tự nó mang một linh hồn có tác dụng tổ chức như vậy, nhất là vì sự hiệp tập hiện hữu của các đảng cấp đã được công nhận và cũng đã được đại diện *cả về mặt không gian* trong hội nghị các ủy ban.

Sau tất cả những điều đã trình bày chúng ta phải thừa nhận rằng tất cả những kết luận tiếp theo mà tác giả muốn dùng để biện minh cho thành phần các ủy ban đều chỉ là những mưu toan biện minh cho *thành phần các hội nghị đảng cấp tỉnh*.

Khuân, ngày 20 tháng Chạp. Nhân vật tén dương các ủy ban đảng cấp trên báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xhuộc đã bảo vệ - như chúng tôi đã chỉ rõ trong bài báo trước - không phải thành phần các ủy ban đảng cấp, mà là *thành phần các nghị viện tỉnh*.

Ông ta cho là

"*Điều kỳ lạ khi người ta coi giới trí thức là thành phần đặc biệt - bên cạnh công nghiệp và sở hữu ruộng đất - vẫn có quyền đại diện đảng cấp*".

Chúng tôi vui mừng vì chúng tôi có thể, chỉ ít là một lần, đồng ý với tác giả của chúng ta và giới hạn ở việc giải thích những lời phát biểu của ông ta, chứ không phải ở việc bác bỏ những lời phát biểu kỳ. Ông ta thấy có điều gì kỳ lạ trong những mưu toan của giới trí thức? Phải chăng ông ta cho rằng giới trí thức *tuyệt nhiên* không phải là một thành phần của cơ quan đại diện đảng cấp, hay là có thể hiểu bài báo đang được phân tích theo ý nghĩa là giới trí thức không phải là thành phần đặc biệt? Nhưng cơ quan đại diện đảng cấp *chỉ* biết nhưng thành phần đặc biệt, tồn tại bên cạnh nhau. Do đó, cái gì không phải là thành phần *đặc biệt* thì cũng *không* phải là một thành phần của cơ quan đại diện đảng cấp. Bài báo đang được phân tích miêu tả hoàn toàn đúng đắn vấn đề

theo ý là giới trí thức tham gia cơ quan đại diện đảng cấp với tư cách là *"thuộc tính chung"* của những sinh vật có trí tuệ¹, tức là không phải với tư cách là *thuộc tính đặc biệt* của các đại diện đảng cấp, bởi vì thuộc tính chung đối với tôi cũng đối với mọi người và tôi có được ở mức độ giống như mọi người, thì không tạo nên tính cách của tôi, cũng không tạo nên ưu thế của tôi cũng như bản chất riêng biệt của tôi. Trong hội nghị của các nhà thực nghiệm tự nhiên mà chỉ có "thuộc tính chung" của sinh vật mang trí tuệ thì chưa đủ, nhưng trong hội nghị các đại diện đảng cấp nếu có được trí tuệ như là thuộc tính chung thì đủ rồi, thuộc về một loài lịch sử - tự nhiên "của các sinh vật mang trí tuệ" là đủ rồi.

Thành viên cơ quan đại diện đảng cấp phải có trí tuệ như là thuộc tính chung của loài người, nhưng con người không được có trí tuệ như là thuộc tính đảng cấp đặc biệt; nói khác đi, trí tuệ không biến con người thành thành viên của cơ quan đại diện đảng cấp, trí tuệ chỉ làm cho thành viên của cơ quan đại diện đảng cấp biến thành con người. Tác giả của chúng ta sẽ đồng ý rằng điều đó không đem lại cho trí tuệ một địa vị đặc biệt trong nghị viện. Mọi thông báo trên báo đều là hiện tượng trí tuệ². Nhưng ai dám dựa vào đó để khẳng định rằng những bản thông báo là văn học? Đắt không thể nói được, chỉ có người sẽ hữu dật mới có thể nói. Vì vậy, để nói lên các quyền của mình, đắt phải lên tiếng dưới *hình thức* trí tuệ; bản thân những mong muốn, những lợi ích tự chúng không biết nói, chỉ có con người biết nói; nhưng phải chẳng đắt, lợi ích, sự mong muốn vượt ra ngoài những giới hạn đặc trưng của chúng do chúng tuyên bố về các quyền của mình bằng của miệng của con người, bằng của miệng của sinh vật mang trí tuệ? Vấn đề không đơn giản là *hình thức trí tuệ*, mà là *nội dung* của nó. Nếu như trí tuệ *tuyệt nhiên* không

¹ Câu này xuất phát trên sự chú ý: "Intelligenzblatt" có nghĩa là "trí thông báo".

cần đến sự đại diện đảng cấp - về điểm này chúng tôi sẵn sàng đồng ý với tác giả của chúng ta - mà chính là cần đến sự đại diện phi đảng cấp, thì ngược lại, sự đại diện đảng cấp cần đến trí tuệ, nhưng câu đên một trí tuệ rất hạn chế, - giống như mỗi người đều có một lượng trí tuệ dù mức cần phải có để thực hiện những ý định và những lợi ích của người đó, song điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là những ý định và những lợi ích của con người biến thành những ý định và những lợi ích của "trí tuệ".

Trí thức duy lợi, đấu tranh vì tổ ấm gia đình của mình, dĩ nhiên khác với trí thức tự do bảo vệ sự nghiệp chính nghĩa, làm thiệt cho tổ ấm của mình. Trí thức nào phục vụ cho một mục đích xác định nào đó, cho một vật xác định nào đó thì khác mọi cách cân bản với trí thức thống trị đối với mọi vật và chỉ phục vụ bản thân mình thôi.

Vậy là, tác giả của chúng ta chỉ muốn nói: trí tuệ tuyệt nhiên không phải là thuộc tính đảng cấp; ông ta không tự hỏi xem tính đảng cấp có đại diện cho thuộc tính của trí tuệ không? Tác giả tự an ủi rằng trí tuệ là thuộc tính chung của tính đảng cấp, nhưng ông ta lại từ chối không đưa ra cho chúng ta bằng chứng suôi để chứng minh rằng tính đảng cấp là thuộc tính đặc biệt của trí tuệ.

Tác giả của chúng ta hoàn toàn *nhất quán* - không chỉ xét trên góc độ những nguyên tắc của mình, mà cả xét trên góc độ những nguyên tắc *đại diện đảng cấp*, - khi ông ta biến vấn đề quyền đại diện của "giới trí thức" trong các nghị viện thành vấn đề quyền đại diện của *các đảng cấp học giả*, là những đảng cấp nắm độc quyền trí tuệ, thành vấn đề quyền của giới trí thức đã mang tính đảng cấp. Tác giả của chúng

ta tỏ ra đúng vì - với sự tàn tại của cơ quan đại diện đảng cấp, - vấn đề chỉ có thể liên quan đến giới trí thức đã mang tính đảng cấp, nhưng ông ta tỏ ra không đúng khi phủ nhận quyền của các đảng cấp học giả có đại diện bởi vì ở đầu nguyên tắc đảng cấp ngự trị thì ở đó tất cả các đảng cấp phải có đại diện: Ông ta sai lầm khi loại trừ giới tăng lữ, các nhà giáo, cũng như các nhà khoa học không giữ những chức vụ chính thức, và ông ta thậm chí nói chung không đặt vấn đề liên quan đến các luật sư, các bác sĩ v.v.: ông ta đã tỏ ra hoàn toàn không hiểu bản chất vấn đề đại diện đảng cấp khi ông ta đem "các viên chức nhà nước" thuộc về chính phủ quy đồng với các nhà khoa học nói trên. Trong nhà nước đảng cấp các quan chức chính phủ đại diện cho các lợi ích nhà nước, và do đó, họ đối địch với những đại diện của những lợi ích tư nhân đảng cấp. Nếu trong cơ quan đại diện nhân dân sự hiện diện của các quan chức chính phủ không chính đáng mâu thuẫn, thì sự hiện diện ấy lại là sự mâu thuẫn trong cơ quan đại diện đảng cấp.

Bài báo đang được phân tích còn tìm cách chứng minh tiếp rằng đảng cấp sở hữu ruộng đất được đại diện trong hiến pháp Pháp và hiến pháp Anh ở mức độ không thua kém - nếu thậm chí không phải ở mức độ lớn hơn - so với trong chế độ đảng cấp của Phổ. Nếu như điều đó đúng thì phải chăng một khiếm khuyết nào đó ở Phổ thôi không còn là khiếm khuyết nữa, bởi vì nó cũng tồn tại cả ở nước Anh và nước Pháp, hay sao? Chúng tôi sẽ không chứng minh từ mi rằng sự so sánh ấy hoàn toàn sai lầm chỉ riêng vì một lý do là các nghị sĩ Pháp và Anh được bầu ra không phải với tư cách là *các đại diện của đảng cấp sở hữu ruộng đất*, mà là với tư cách *đại diện của nhân dân*: về những lợi ích đặc biệt thì ví dụ, một ông Phun-đơ nào đó vẫn đại diện

cho giới công nghiệp, mặc dù ông ta trả một khoản thuê ruộng đất tương đối nhỏ con tại một góc nền do của nước Pháp. Chúng tôi không có ý định nhắc lại những điều mà chúng tôi đã chỉ ra trong bài báo thứ nhất của chúng tôi, tức là nguyên tắc đại diện đảng cấp thủ tiêu nguyên tắc đại diện của sở hữu ruộng đất, và đến lượt mình, bản thân nó lại bị thủ tiêu bởi nguyên tắc kia, và do đó, không thể có được sự đại diện thực sự của đảng cấp sở hữu ruộng đất, cũng không thể có được sự đại diện thực sự của các đẳng cấp. mà chỉ là sự pha trộn không nhất quán hai nguyên tắc ấy. Chúng tôi sẽ không bàn tiếp về sai lầm cơ bản của chính sự so sánh, so sánh đó là ở chỗ người ta chộp lấy *những số liệu* khác nhau đối với nước Anh, nước Pháp và nước Phổ, mà không đưa ra bất cứ một mối liên hệ cần thiết nào đối với *những quan hệ* khác nhau tồn tại ở những nước này. Chúng tôi chỉ nhấn mạnh một điểm, cụ thể là: ở Pháp và ở Anh người ta có tính đến việc sở hữu ruộng đất đem lại những gì cho nhà nước và người sở hữu ruộng đất trả những đám phụ gì, trong khi đó thì ngược lại, ở Phổ người ta lại tính xem - chẳng hạn, đối với đại số các trang trại quý tộc và các lãnh địa hỗn hợp¹⁴, - những trang trại ấy tự do đến chừng mức nào trong việc không phải đóng nộp các đám phụ nhà nước và độc lập đến chừng mức nào trong việc sử dụng của cá nhân mình. Ở Pháp và ở Anh - tuy nhiên, chúng tôi tuyệt nhiên không có cảm tình với những hệ thống ở những nước này - quyền đại diện không xuất phát từ cái mà chủ thể có, mà từ cái mà chủ thể có vì lợi ích của nhà nước, không phải từ cái sở hữu, mà tựa hồ như từ chức năng nhà nước mà cái sở hữu đảm nhiệm.

Tác giả toan chứng minh tiếp rằng đại sở hữu ruộng đất được đại diện tương xứng với tiểu sở hữu ruộng đất. Về vấn đề này, cũng như về điểm đề cập ở trên chúng tôi xin viện

dẫn tác phẩm "Về chế độ đẳng cấp ở Phổ" (Stut-gat và Tuy-bín-ghe-n, nhà xuất bản Côt-ta) và tác phẩm của Lút-vích Bun nói về các hội nghị đảng cấp hàng tỉnh ở Phổ¹⁵. Nhưng nếu gác lại một bên sự khác nhau giữa đại sở hữu ruộng đất và tiểu sở hữu ruộng đất, thì những ví dụ dưới đây có thể chứng minh rõ ràng cho thấy sự đại diện đã được phân bố không đúng như thế nào. Sở hữu ruộng đất của thành phố Béc-lin được định giá bằng 100 triệu ta-le còn diện tích các trại ấp quý tộc thuộc công xã Bran-den-buéc chỉ bằng 90 triệu ta-le, trong khi đó, Béc-lin chỉ có ba đại biểu, còn các chủ sở hữu các trại ấp kể trên lại bầu ra từ đảng cấp mình 20 đại biểu. Thậm chí giữa các thành phố sự phân bố cũng không được thực hiện một cách tương ứng chặt chẽ với quy mô sở hữu ruộng đất. Pốt-xdam cử một đại biểu vào nghị viện, mặc dù trị giá các lô ruộng đất của Pốt-xdam vị tất đạt đến một phần mười trị giá các diện tích ruộng đất của Béc-lin. Ở Pốt-xdam cứ 30.000 dân thì có một đại biểu, còn ở Béc-lin cứ 100.000 dân mới có một đại biểu. Ta sẽ còn thấy sự tương phản rõ ràng hơn nữa, nếu đem so sánh thủ đô với thành phố nhỏ được hưởng quyền đại diện kiểu hiệp sĩ¹⁶.

Ngoài ra để xác định một cách đúng đắn quan hệ giữa quyền đại diện của trí thức và quyền đại diện của đảng cấp sở hữu ruộng đất, chúng tôi sẽ một lần nữa trở lại luận điểm cơ bản cổ điển, trở lại hiện tượng kỳ lạ mà tác giả đã nêu lên rất đúng, đó là:

"Người ta coi giới trí thức là *thành phần đặc biệt* - bên cạnh giới công nghiệp và đảng cấp sở hữu ruộng đất - căn cứ quyền đại diện đảng cấp".

Tác giả tỏ ra đúng khi ông ta tìm nguồn gốc các hội nghị đăng cấp tỉnh không phải ở tính *tự trị của nhà nước* và khi ông ta coi những hội nghị ấy không phải là *nhu cầu của nhà nước*, mà là *nhu cầu của những lợi ích đặc biệt*, đối lập với nhà nước. Không phải lý trí hữu cơ của nhà nước, mà nhu cầu thuận tuý của các lợi ích cá nhân đã tạo ra chế độ đăng cấp; còn tri tuệ không phải là lợi ích vĩ mô tìm kiếm sự thỏa mãn, đấy là lợi ích chung. Như vậy, sự đại diện của tri thức trong hội nghị đăng cấp chính là một đòi hỏi đầy mâu thuẫn, vô nghĩa. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý tác giả của chúng ta về những hậu quả bất nguồn từ chỗ *nhu cầu của nhà nước* được xem là nguyên tắc đại diện nhân dân. Những hậu quả ấy không tránh khỏi xảy ra, đến nỗi trong một khoảnh khắc chính bản thân tác giả cũng sợ hãi chúng và bác bỏ không những các đòi hỏi nào đó từ phía đại diện của các lợi ích đặc biệt, mà còn bác bỏ cả đòi hỏi của chính bản thân cơ quan đại diện ấy.

Thật vậy - hoặc là nhu cầu là *có thật*, và khi ấy nhà nước là không có thật, vì nó duy trì những yếu tố đặc biệt không xem nhà nước là nguồn thỏa mãn thích đáng những lợi ích của mình, và vì vậy những yếu tố ấy buộc phải định hình - bên cạnh nhà nước - một tổ chức đặc biệt có những quan hệ thỏa thuận với nhà nước, - hoặc nhu cầu tìm thấy được trong nhà nước một sự thỏa mãn thật sự, nghĩa là tìm thấy được sự đại diện cho nhu cầu ấy, sự đại diện này đối lập với nhà nước, mang tính chất ảo tưởng hoặc nguy hiểm. Trong một khoảnh khắc tác giả đứng trên quan điểm ảo tưởng. Về công nghiệp ông ta nhận xét rằng nếu thậm chí giới công nghiệp không được đại diện đầy đủ trong các nghị viện thì nó vẫn còn không ít con đường để có được sự thừa nhận những lợi ích của

nó trong nhà nước và trước chính phủ. Do đó, tác giả khẳng định rằng *sự đại diện đăng cấp*, sự đại diện theo nguyên tắc *nhu cầu của nhà nước* là *ảo tưởng*, bởi lẽ bản thân nhu cầu cũng mang tính ảo tưởng. Thật vậy, những gì nói về đăng cấp công nghiệp thì cũng liên quan đến tất cả các đăng cấp; điều đó lại càng liên quan đến đăng cấp các chủ sở hữu ruộng đất hơn là đến giới công nghiệp, bởi vì đăng cấp này được đại diện trong những cơ quan nhà nước đã hoàn toàn định hình như nghị viện, các hội nghị đăng cấp khu v.v..

Tất cả những điều nói trên tất nhiên dẫn đến kết luận rằng chúng tôi tuyệt nhiên không thể tán thành hòa vào dân hợp xương của những người bất mãn với tình trạng là: những chức năng được dành cho các ủy ban thì *lại bị hạn chế*; ngược lại, chúng tôi sẵn sàng kiên quyết phản đối mọi sự mở rộng những chức năng ấy, vì cho rằng sự mở rộng như thế mâu thuẫn với các lợi ích của quốc gia. Quan điểm càng lệch lạc là quan điểm của chủ nghĩa tư do mơ ước về quyền đại diện của *tri thức* trong nghị viện. Tri tuệ không những không phải là một yếu tố *đặc biệt* của sự đại diện, nói chung tri tuệ không phải là *yếu tố*, nó là *nguyên tắc* không thể tham gia vào bất cứ tổ chức nào *gồm* những yếu tố, - nó chỉ có thể tạo ra một số phần cấu thành từ chính bản thân nó. Về tri tuệ vấn đề có thể đặt ra không phải với tính cách là về bộ phận thuộc thành phần của chính thể, mà là về nguyên tố tổ chức. Ở đây vấn đề nói đến không phải là *sự bổ sung*, mà là *sự đối lập*. Vấn đề đặt ra: "sự đại diện tri tuệ" hay là "sự đại diện đăng cấp"? Vấn đề là liệu những lợi ích đặc biệt phải đại diện cho tri tuệ chính trị hay là tri tuệ chính trị phải đại diện cho những lợi ích đặc biệt. Chẳng hạn, tri tuệ chính trị sẽ điều tiết sở hữu ruộng đất căn cứ theo các nguyên tắc nhà nước chứ không phải điều tiết các

nguyên tắc nhà nước cần cù theo sở hữu ruộng đất; nó sẽ tính đến sở hữu ruộng đất, không phải cần cù vào tính vị kỷ tư nhân của sở hữu ruộng đất, mà là cần cù theo bản chất nhà nước của sở hữu ruộng đất; nó sẽ xác định bản chất của cái chính thể không phải cần cù theo bản chất đặc biệt ấy, mà ngược lại, nó sẽ xác định bản chất đặc biệt phù hợp với cái chính thể. Ngược lại, sở hữu ruộng đất, với tư cách là nguyên tắc của sự đại diện, phù hợp không phải với trí tuệ, mà làm cho trí tuệ phù hợp với mình, vì về mặt này nó giống một người thợ đồng hồ không phải muốn đặt giờ của nó theo mặt trời mà muốn đặt mặt trời cần cù vào đồng hồ của mình. Vấn đề được tóm gọn bằng một số ít câu: ai phải phê phán ai, ai phải làm cho ai khuất phục mình - sở hữu ruộng đất phải phê phán trí tuệ chính trị hay là trí tuệ chính trị phải phê phán sở hữu ruộng đất?

Đối với trí tuệ không có gì là bề ngoài cả. Bởi vì nó là nguyên tố nội tại quyết định của mọi cái. Trong khi đó, thì ngược lại, đối với một thành tố xác định nào đó (ví dụ, đối với sở hữu ruộng đất) tất cả những gì không phải là chính thể thành tố đó đều là cái gì đó có tính chất bề ngoài. Vì vậy, không những thành phần nghị viện, mà cả những hành động của nó đều mang tính chất *cơ giới*, vì nó phải xem các lợi ích chung đủ loại, và thậm chí coi những lợi ích đặc biệt khác biệt với nó đến là cái gì đó bên ngoài, xa lạ: Mọi cái gì là đặc biệt - ví dụ, sở hữu ruộng đất - sự nó là cái bị hạn chế. Do vậy, cái đặc biệt, với tư cách là cái gì đó hạn chế, phải khuất phục sức mạnh chung đứng bên trên nó, nhưng không thể có chuyên cái đặc biệt ấy làm cho sức mạnh chung ấy phải khuất phục mình và làm cho sức mạnh ấy thích nghi với những nhu cầu của mình.

Do thành phần đặc thù của mình, các nghị viện chẳng qua chỉ là sự hợp nhất các lợi ích đặc biệt có đạo quyền đem đối

lập với nhà nước những gì *hạn chế* chúng như là cái gì đó *đặc biệt*: như vậy, chúng là tổ chức tư thân được hợp pháp hoá của các thành tố phi nhà nước trong quốc gia. Do đó, xét về bản chất của mình, chúng có thái độ *thù địch* chống nhà nước. Bởi vì cái đặc biệt - trong hoạt động biệt lập của mình - luôn luôn là kẻ thù của cái chính thể, bởi vì chính cái chính thể ấy làm cho nhà nước cảm nhận thấy cái đặc biệt thật *nhỏ* hơn biết bao vì tính hạn chế của nó.

Nếu sự chuyển hoá ấy của các lợi ích đặc biệt thành một cái gì đó độc lập về phương diện chính trị là sự tất yếu nhà nước, thì đó chỉ là sự biểu hiện bệnh hoạn bên trong nhà nước, giống như trạng thái không khoẻ mạnh của cơ thể, theo các quy luật tự nhiên, không tránh khỏi biểu hiện ra qua những mụn nhọt bệnh hoạn. Cần chấp nhận một trong hai điều sau đây: hoặc là phải thừa nhận rằng những lợi ích đặc biệt tách khỏi và xa lạ với tính thần chính trị nhà nước, tìm cách hạn chế nhà nước, hoặc là thừa nhận rằng nhà nước chỉ tập trung trong *chính phủ* và, để bù đắp lại, nhà nước dành cho tính thần nhân dân hạn chế chỉ được hưởng một lĩnh vực hoạt động nào đó, coi đó như là niềm an ủi đối với những lợi ích đặc biệt của nó. Sau chốt, có thể thống nhất hai quan điểm ấy lại. Do đó, để chủ đòi hỏi về sự đại diện của trí thức có được ý nghĩa, chúng ta phải giải thích đòi hỏi ấy như là đòi hỏi về sự đại diện tự giác của trí tuệ nhân dân. Trí tuệ này tuyệt nhiên không tìm cách đem những nhu cầu riêng lẻ đối lập với nhà nước, nhưng đối với trí tuệ ấy như cầu cao nhất là thể hiện vào cuộc sống chính bản chất của nhà nước, và lại nhà nước ấy được coi là hoạt động của chính nó, là nhà nước của chính nó. Được đại diện - đó nói chung là một cái gì đó đau khổ; chỉ có cái vật chất, cái không có linh hồn, cái phi

tự lập, cái không được bảo vệ mới cần có sự đại diện; nhưng không một thành tố nào của nhà nước được trở thành cái vật chất, cái không có linh hồn, cái không tự lập, cái không được bảo vệ. Sự đại diện phải được xem xét không phải như là sự đại diện cho một vật đặc biệt nào đó không phải là bản thân nhân dân, mà nó được xem xét chỉ như là sự *tư đại diện* của nhân dân, như là một hoạt động nhà nước không phải là hoạt động nhà nước duy nhất, tuyệt đối của nhân dân, khác biệt với những biểu hiện khác của sinh hoạt nhà nước của nhân dân chỉ bởi tính chất phổ biến của nội dung của mình. Không thể xem sự đại diện như là một sự nhượng bộ dành cho sự yếu đuối không được bảo vệ, cho sự bất lực, mà ngược lại, như là hoạt động sống tự tin của một sức mạnh tối cao. Trong một nhà nước chân chính không có chỗ cho một xã hội ruộng đất nào, một nền công nghiệp nào, một lĩnh vực vật chất nào thoả thuận với nhà nước với tính cách là những yếu tố vật chất thô kệch; trong nhà nước ấy chỉ tồn tại các *lực lượng tinh thần*; và chỉ có qua sự hồi sinh nhà nước của mình, qua sự hồi sinh chính trị của mình các lực lượng tự nhiên mới có được quyền bỏ phiếu trong nhà nước. Nhà nước, bằng những sợi chỉ tinh thần, đã xuyên suốt tất cả thiên nhiên, và ở mỗi điểm của nó đều tái yếu lộ cho thấy rằng yếu tố thống trị không phải là vật chất, mà là hình thức, không phải giới tự nhiên ở bên ngoài nhà nước, mà là giới tự nhiên của nhà nước, không phải *vật thể không có tự do*, mà là *con người tự do*.

Do C. Mác viết ngày 10, 19 và 20 tháng Chạp 1842
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung"
các số 146, 164, và 165; ngày 11, 20 và 31
tháng Chạp 1842

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

THÔNG BÁO CỦA BAN BIÊN TẬP BÁO
"RHEINISCHE ZEITUNG" VỀ VIỆC SÁP TRẢ LỜI
VỊ TÌNH TRƯỜNG PHÓN SÁP - PƠ"

Khuyến, ngày 2 tháng Giêng. Vì "lời bác bỏ"¹¹⁰ của ngài tỉnh trưởng Sa-pơ và lời yêu cầu giải thích đối với báo "Rheinische Zeitung" đã nhiều lần được thảo luận trên các báo, cho nên chúng tôi thấy cần phải tuyên bố rằng câu trả lời của chúng tôi sẽ được đưa ra vào tuần tới đây. Sự chậm trễ chỉ là do có sự cần thiết phải có thêm nhiều những sự điều tra bổ sung.

Do C. Mác viết ngày 3 tháng Giêng 1843
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung"
số 3, ngày 3 tháng Giêng 1843

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

NHỮNG BÀI LUẬN CHIẾN CHỐNG LẠI BÁO "ALLGEMEINE ZEITUNG"

Bà hàng xóm ở Au-xbuớc đã bước vào cái tuổi đời mà phải yếu, vì không dám có *tham vọng* được trẻ nữa, cho nên đã không tìm thấy một lời quả trách nào nặng nề hơn dành cho các cô em gái của mình, hơn là lời quả trách cũng về sự trẻ trung. Song, trong số báo 360 cái thuộc do tuổi tác đã làm hại nhiều cho bà bởi khổ kinh. Ở đó bà ta nói với chúng ta về sự cần thiết phải *làm người* "sự cuồng nhiệt tuổi thiếu niên" của tờ "Rheinische Zeitung", nhấm những lời nói ấy vào thông tin viên nhớ rồi đã ở tuổi sáu mươi rồi và vị thông tin viên ấy vị tốt chờ đợi tìm thấy trên các trang của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuớc một sự chứng thực về tuổi xuân của mình. Nhưng sự đời nó như thế mà! Tự do lúc thì quá già, lúc lại quá trẻ. Tự do chưa bao giờ được đặt ra trong chương trình nghị sự của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuớc, mà về tờ báo này thì ngày càng có những lời đồn đại dai dẳng rằng nó được xuất bản ở Au-xbuớc.

Nếu ban biên tập của báo "Rheinische Zeitung" muốn bỏ

sung lợi hạt thén vào phong của bản tin trước đó của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuớc thì chúng tôi lẽ ra đã có thể một khi nó đã tỏ ra có nhà ý đến nói nó đã phát hiện ra viên thiếu úy *Pi-xiôn* trên tờ "Rheinische Zeitung" để cho báo này chỉ được lựa chọn giữa *Đàn Tộc-sít* và bà *Quy-ét*. Nhưng chúng tôi sẽ nhờ *Phôn-xtáp*, người bạn của các bà ấy, cung cấp hiệu tượng niềm tin có *tính chất dân ông* của bà ta".

"Niềm vinh hạnh đã chấp cánh cho tôi. Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu niềm vinh hạnh sẽ làm cho tôi một cánh kìa tôi xông vào trận chiến? Khi ấy sẽ thế nào? Liệu niềm vinh hạnh có chấp cánh cho tôi không? Không. Hoặc chấp cánh tôi? Không. Hoặc làm hết đau đớn nơi vết thương? Không. Thế nghĩa là, niềm vinh hạnh là nhà phẫu thuật tồi. Dương nhiên là như vậy. Niềm vinh hạnh là gì? Là lời nói. Còn gì ẩn chứa trong lời nói ấy? Không khi. Thật là món lời lớn! Ai có được niềm vinh hạnh đó là người đã chết vào thư tự. Người ấy cảm nhận được niềm vinh hạnh ấy chăng? Không. Nghe thấy niềm vinh hạnh đó chăng? Không. Như vậy nghĩa là niềm vinh hạnh là không cảm nhận được! Đối với những người đã chết thì không cảm nhận được. Nhưng có thể, niềm vinh hạnh ấy sẽ sống giữa những người còn sống chăng? Không. Tại sao? Bởi *hài thái* không cho phép điều đó. Dù, vì thế tôi không cần niềm vinh hạnh. Nó chẳng qua chỉ là cái là chân có gần biểu tượng mà người ta mang dâng sau quan tài. Sách giáo lý của tôi kết thúc như thế đó"

Và cũng kết thúc như vậy sách giáo lý chính trị của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuớc, nó nhắc nhở "bà chí" rằng vào thời buổi gay go người ta có thể mất tay và chân, nó vu không niềm vinh hạnh như thế đó, bởi vì hàn thân nó đã từ bỏ mọi niềm vinh hạnh mà người ta có thể vu không nói xấu.

Báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc hứa đấu tranh với chúng tôi vì những nguyên tắc, và nó đã giữ lời hứa đó. Nó không có những nguyên tắc ấy, do đó, nó cũng không đưa những nguyên tắc của mình vào trận chiến với chúng tôi. Thỉnh thoảng nó tỏ ra tức giận với chúng tôi, gieo rắc những sự nghi ngờ lặt vặt, toan đưa ra những sự sửa đổi nhỏ, thổi phồng những thành công khiêm tốn của mình và có tham vọng giữ ưu thế nhờ tuổi cao của mình. Về tham vọng của báo ấy liên quan đến điểm sau cùng, tham vọng muốn mang tước hiệu *chiến sĩ táo bạo*, thì chúng tôi có thể nói cũng chính điều mà ngài De-da-mi nói với ngài Ca-bê:

"Que monsieur Cabet ait bon courage: avec tant de titres, il ne peut manquer d'obtenir bientôt ses invalides!"¹.

Bà hằng xóm ở Au-xbuốc tồn tại nhờ sự tính toán sai lầm, nhờ sự không hợp thời. Bà ta đã mất đi *hình thức*, là cái duy nhất mà bà ta đã có được ngày xưa, thậm chí mất đi hình thức, *parfum littéraire*². Thay vào đó là trạng thái không hình thù kiểu tiểu thị dân, mũ mớ kiểu ngạo, và chẳng có ai lại có ý nghĩ coi sự tằm thương của "ngài Pu-phơ" và sự so sánh với "con ếch đã tự phình lên như con bọ mòng" là điều tinh tế, dựa trên cơ sở cho rằng có thể tìm thấy điều đó trên tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.

Do C.Mác viết ngày 3-11 tháng Giêng 1843
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung" số
7 và số 12, ngày 3 và 12 tháng Giêng 1843

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

¹ - Mong ngài Ca-bê dũng mãnh, với số lượng tước hiệu như thế ông ta nhất định sẽ sớm có được khoản hưu bổng trọng vọng!¹¹.

² - hương vị văn chương

NHỮNG NHẬN XÉT VỀ NHỮNG ĐIỂM BUỘC TỘI TRONG CHỈ THỊ CỦA NỘI CÁC¹²

1

"Nó" (tờ báo nhỏ ở Rhen) "ngay từ đầu sau khi ra đời đã đi theo chiều hướng *đáng chê trách*" v.v. "Trong tờ báo ấy có vàng đá ngọc trai" - bản chỉ thị nói - "một ý danh thường xuyên muốn tấn công vào chính những nền tảng căn chế độ nhà nước, phải triển những học thuyết có mục đích làm rung chuyển nguyên tắc quân chủ, có ý đồ xấu muốn gây nên trong công luận những sự nghi ngờ đối với các hành động của chính phủ, đẩy những tầng lớp dân chúng riêng lẻ chống lại nhau, làm phát sinh sự bất mãn với trật tự luật pháp hiện hành, khuyến khích những xu hướng có thái độ rất thù địch đối với các cường quốc thân hữu. Những suy đoán về các khiếm khuyết không có thực trong bộ máy quân lý - ấy là chưa nói đến sự thật là phản lên những suy đoán ấy đều không có cơ sở, không có căn cứ vững chắc và không ảm hậu vấn đề - được trình bày bằng một giọng không nghiêm túc, không bình tĩnh và không có đầy đủ phẩm giá, mà lại kèm theo những lời đe dọa kích đẩy cầm quyền đối với nhà nước, đối với các hình thức quân lý và các cơ quan của nhà nước".

Di nhiên, xu hướng ấy không trở thành xu hướng *đáng chê*

¹² - từ "Rheinische Zeitung"

trách, chỉ vì chính phủ đã tuyên bố xu hướng ấy là đáng chê trách. Thậm chí hệ thống và trụ của *Cô-péc-ních* không những đã bị uy quyền tối cao thời ấy tuyên bố là đáng chê trách, mà trong thực tế còn bị uy quyền ấy lên án. Tiếp nữa: ở đầu đầu cũng có một quy tắc là trách nhiệm đưa ra bằng chứng là thuộc về *hên buộc tội*. Sau cùng, tờ "*Rheinische Zeitung*" bị buộc tội là "*rõ ràng có ý định*" phạm phải những tội mà người ta gán cho nó. Nhưng muốn nhận ra một ý định nào đó, nhất là để nói về ý định ấy như là ý định *rõ ràng* thì chỉ có thể nhận ra khi ý định ấy đã được thể hiện qua các hành động.

Nhưng chúng ta hãy giả định dù chỉ trong giây phút rằng tất cả những lời buộc tội trong chỉ thị của nội các đều có căn cứ (song chúng tôi kiên quyết bác bỏ điều này). Tuy vậy ngay cả khi ấy ta cũng thấy rằng dưới cái hình thức hiện nay của những lời buộc tội ấy cái hình thức mơ hồ và có thể giải thích được theo nhiều cách, thì những lời buộc tội ấy cũng vẫn được dùng một cách thành công - hay là cũng không thành công như thế - để luận chứng cho việc cấm mọi tờ báo, cũng như báo "*Rheinische Zeitung*".

Bản chỉ thị nói rằng trong báo "*Rheinische Zeitung*" đã ngụ tri "*ý đó rõ ràng*" "muốn tấn công vào chính những nền tảng của chế độ nhà nước". Nhưng như đã biết, không nghi ngờ gì nữa, có sự bất đồng to lớn trong các quan điểm về chế độ nhà nước Phổ và về nền tảng của nó. Một số người không cho rằng nền tảng ấy có chế độ của mình, những người khác lại không cho rằng chế độ ấy có nền tảng.

Stai-nơ, Hắc-den-béc-gơ, Suen thì có cùng một quan điểm còn Rô-khốp Ae-nim, Ai-ao-hoóc thì giữ quan điểm khác. Hê-ghe-n đã từng nghĩ rằng trong triết học pháp quyền của

minh, ông đã đặt nền tảng cho chế độ nhà nước Phổ, còn chính phủ và công chúng Đức cũng có cùng ý kiến đó. Tuy nhiên, chính phủ đã chứng minh điều đó bằng cách chính thức phổ biến các tác phẩm của ông; còn công chúng thì quả trách ông rằng ông là nhà triết học nhà nước Phổ, như có thể đọc thấy điều này trong từ điển bách khoa cổ xuất bản ở Lei-psich¹⁾. Những gì mà hủi đó Hê-ghe-n đã nghĩ thì hiện nay Stai-nơ đang nghĩ. Năm 1831 theo chỉ thị đặc biệt của chính phủ, Hê-ghe-n đã giảng khoa triết học pháp quyền.

Năm 1830 tờ "*Statische - Zeitung*" đã tuyên bố nước Phổ là nước quân chủ có những thiết chế cộng hoà. Bây giờ nó tuyên bố nước Phổ là nước quân chủ có những thiết chế Thiên chúa giáo.

Trong điều kiện có sự khác nhau hết sức lớn trong các quan điểm về chế độ nhà nước Phổ và về nền tảng của chế độ ấy thì điều tự nhiên là tờ "*Rheinische Zeitung*" cũng đã có ý kiến của mình. Tất nhiên, ý kiến này đã có thể khác với quan điểm hiện nay của chính phủ, nhưng tuy vậy ý kiến này đã có khả năng vận dụng lịch sử Phổ cũng như nhiều yếu tố trong sinh hoạt nhà nước đương thời, và sau hết, cả những uy tín cao độ phục vụ lợi ích của mình.

Vì vậy, báo "*Rheinische Zeitung*" chẳng những đã không có ý định tấn công vào chính những nền tảng của chế độ nhà nước Phổ, mà ngược lại, theo ý kiến của báo này, nó đã chỉ đã kích những sự đi chệch khỏi những nền tảng ấy.

Nhân việc cấm báo "*Rheinische Zeitung*", đã có một bài báo chính thức, đăng trên báo "*Allgemeine Königsberger Zeitung*" dành giá nước Phổ là nhà nước có chủ quyền tự do

¹⁾ - "*Allgemeine Preussische Staats - Zeitung*".

chủ nghĩa¹⁴. Đó là một sự định nghĩa không thấy có trong luật pháp Phổ và cho phép đưa ra đủ loại giải thích.

Có thể hiểu "chủ quyền tự do chủ nghĩa" theo hai ý nghĩa: hoặc là tự do dân giân là lời suy nghĩ của cá nhân đức vua, do đó là phẩm chất của cá nhân nhà vua; hoặc là tự do là tinh thần chủ quyền và, do đó, nó đã được thực hiện hoặc ít ra nó phải được thực hiện thông qua các thiết chế tự do và các đạo luật. Ở trường hợp thứ nhất trước mặt chúng ta là despotisme éclairé¹⁵, đem cá nhân nhà vua vào đối lập với tổng thể nhà nước trong tư cách là vật liên không có linh hồn và không tự do. Còn trong trường hợp thứ hai nhà vua không bị hạn chế - và đó chính là quan điểm của báo "Rheinische Zeitung" - trong những giới hạn chật hẹp của cá nhân nhà vua, mà toàn thể nhà nước được xem là thể xác nhà vua, cho nên các thiết chế là những cơ quan trong đó nhà vua sống và tác động, còn các đạo luật là những con mắt mà nhà vua dùng để nhìn.

Tiếp đó có nói rằng báo "Rheinische Zeitung" đã có ý đồ "phát triển những học thuyết nhằm mục đích làm rung chuyển nguyên tắc quân chủ".

Lại nổi lên một câu hỏi: người ta hiểu "nguyên tắc quân chủ" là gì? Ví dụ, báo "Rheinische Zeitung" đã khẳng định rằng sự thống trị của những sự khác biệt đẳng cấp, bộ máy quan liêu xơ cứng, chế độ kiểm duyệt v.v. mâu thuẫn với nguyên tắc quân chủ, và nó đã luôn luôn cố gắng chứng minh cho những lời khẳng định của mình, - đối với nó những sự khẳng định ấy không chỉ là những suy nghĩ ngẫu nhiên hiện lên trong đầu. Nhưng nói chung báo "Rheinische Zeitung" chưa bao giờ tỏ thiện ý đặc biệt đối với hình thức quân lý đặc biệt nào đó. Nó quan tâm đến những vấn đề về thiết chế đạo

¹⁴ - chế độ chuyên chế cũ văn hóa

đức hợp lý của xã hội; nó đã cho rằng những đòi hỏi về một thiết chế xã hội như vậy phải được và có thể được thực hiện dưới mọi hình thức nhà nước. Vì vậy, nó đã xem nguyên tắc quân chủ không phải là nguyên tắc đặc biệt, nói đúng hơn, nó đã xem chế độ quân chủ như là sự thực hiện nguyên tắc nhà nước nói chung. Nếu đó là sai lầm, thì sai lầm không phải là ở sự đánh giá thấp, mà là ở sự đánh giá quá cao.

Tiếp nữa, báo "Rheinische Zeitung" chưa bao giờ mưu toan, với ý đồ xấu, gây nên trong công luận những sự nghi ngờ đối với các hành động của chính phủ. Ngược lại, được thúc thúc bởi thiện ý, báo đó đã cố gắng phê phán những biện pháp - của chính bản thân chính phủ - mâu thuẫn với tinh thần nhân dân. Tiếp nữa, báo ấy chưa bao giờ đem chính phủ đối lập một cách trừu tượng với nhân dân, mà ngược lại, nó đã coi những thiếu sót của nhà nước như là những thiếu sót đặc trưng cho chính phủ, cũng như cho nhân dân.

Về căn cứ vững chắc, sự am hiểu vấn đề và giọng điệu của báo "Rheinische Zeitung" thì, chỉ ít, ở Đức không có một tờ báo nào tỏ ra có được một căn cứ vững chắc và sự am hiểu vấn đề hơn thế. Giọng điệu của báo này thật sự nghiêm chỉnh, bình tĩnh và đầy phẩm giá nếu đem so sánh giọng điệu ấy với giọng điệu la lối của những tờ báo tôi tớ (báo thù)¹⁶. Về mặt này báo "Rheinische Zeitung" đã bị quở trách, - không phải vô căn cứ - về hình thức không đại chúng, quá ư khon học, điều này khác hẳn với lời quở trách mà nội các đã đưa ra.

Báo "Rheinische Zeitung" cũng không tìm cách đem các

¹⁶ Trong bản viết tay từ "báo thù" được đặt bên trên từ "tôi tớ"

tầng lớp dân chúng đối chọi nhau; trái lại, nó đã cố gắng phải động tới tầng lớp dân chúng đứng lên đấu tranh chống lại chủ nghĩa vi kỷ và chống lại tính hạn chế của chính bản thân tầng lớp đó; - ở đâu đâu nó cũng đem lý trí nhà nước - công dân đối chọi lại sự phi lý trí đẳng cấp, và đem tình yêu nhân tính đối chọi lại lòng hận thù đẳng cấp. Nếu trên phương diện này nó mắc sai lầm thì đây là lỗi lầm mà luật pháp và các tập quán của tỉnh Ranh chuẩn thuận.

Sự quá trách về ý định gây nên "sự bất mãn với trật tự luật pháp hiện hành" - dưới hình thức bất định như vậy sự quá trách này thậm chí không thể được xem là sự quá trách.

Chính phủ cũng toàn gây ra sự bất mãn về trật tự luật pháp hiện hành. - ví dụ, sự bất mãn về những đạo luật hôn nhân cũ của Phổ. Mọi nỗi cách vủ loạn pháp và việc xem xét lại nó, mọi sự tiến bộ đều dựa trên sự bất mãn đó.

Vì sự phát triển hợp pháp không thể có được nếu không có sự phát triển của các đạo luật, vì sự phát triển của các đạo luật không thể có được nếu không có sự phê phán các đạo luật: vì mọi sự phê phán các đạo luật đều gây ra ở các công dân một sự bất hoà giữa lý trí - do đó, giữa trái tim - với những đạo luật hiện hành; vì sự bất hoà ấy được cảm nhận như sự bất mãn, cho nên không thể có được sự tham gia trung thực của báo chí trong quá trình phát triển của nhà nước, nếu như báo chí bị tước mất quyền khơi dậy lòng bất mãn về trật tự luật pháp hiện hành.

Lời trách cứ rằng báo "Rheinische Zeitung" dùng những lời giễu cợt không xứng đáng để trụ kích các cơ quan báo chí trung thực - hiển nhiên, lời trách cứ này liên quan đến cuộc luận chiến trên báo - lời trách cứ ấy tuy nhiên không thể

được dùng làm căn cứ để cấm xuất bản tờ báo. Báo "Rheinische Zeitung" bị người ta quấy nhiễu từ mọi phía bởi những sự tố giác, báo đó bị người ta bôi nhọ, bị người ta tấn công. Bất phận của nó là tự vệ. Hơn nữa, không tồn tại loại báo chí chính thức nào cả.

Báo "Rheinische Zeitung" đã không thoả mãn phi băng cực cường quốc nước ngoài¹². Nó chỉ lên án các cường quốc ấy về những sự xúc phạm của họ đối với nước Đức. Về phương diện này nó chỉ tuân theo tinh thần chính sách *đốn tộc*. Về các quốc gia Đức liên minh thì tờ "Rheinische Zeitung" trong vấn đề này chỉ thể hiện quan điểm của đa số đại biểu nhân dân trong các quốc gia ấy.

Sau rằng, đối với tôn giáo báo "Rheinische Zeitung" đã hành xử theo điều hai trong sắc lệnh kiểm duyệt ban hành năm 1819, cụ thể là: nó đấu tranh chống hành động ruộng rừn đưa các giáo lý vào chính trị và chống lại tình trạng lẫn lộn các khái niệm này sinh từ đó¹³.

II

Nếu như báo "Rheinische Zeitung" muốn có hành động chống đối một cách có hệ thống chống lại chính phủ thì nó đã phải tuân theo một chiến thuật hoàn toàn ngược lại.

Nó là ra đã lấy lòng những định kiến của tỉnh Ranh, chứ không phải là đấu tranh thống lại chúng. Là ra trước hết nó đã dung túng những *định kiến tôn giáo* và là ra nó đã lợi dụng - để phục vụ mục đích của mình (theo kiểu phải theo thuyết quyền lực của giáo hoàng là vô hạn)¹⁴ - sự mâu thuẫn giữa văn hoá Bắc Đức và Nam Đức, chứ không tìm cách đưa văn hoá Bắc Đức vào tỉnh Ranh.

Nó là ra đã đi theo những học thuyết Pháp, chứ không phải các học thuyết Đức.

Nó tỏ ra đã đem tinh thần tỉnh lẻ, với tính biệt lập và hạn chế của tinh thần ấy, đối lập với ý tưởng nhà nước trong sự thống nhất của ý tưởng đó, nghĩa là giống như Guê-rét, là ra tỏ báo ấy trước hết đã đứng lên bảo vệ các hội đồng dân biểu tỉnh¹².

Lẽ ra nó đã cho rằng tất cả những điều tốt đẹp đều tập trung ở phía các hội nghị đẳng cấp, còn tất cả những điều xấu xa đều tập trung ở phía chính phủ, như chủ nghĩa tự do thông thường vẫn làm như thế. Trong việc nó phê phán các hội nghị đẳng cấp của tỉnh Ranh¹³ là ra nó đã không đem sự sáng suốt phổ biến của chính phủ đối lập - như nó đã làm điều đó trái với cách làm của nhiều phần tử tự do ở tỉnh Ranh - với chủ nghĩa vị kỷ cá nhân của các đẳng cấp. Sau hết, lẽ ra nó đã ủng hộ dân hợp chúng của các tờ báo khác và đã đòi mở rộng quyền hạn của các ủy ban, chứ không phải nhận xét đòi hỏi ấy như là một đòi hỏi mâu thuẫn với lợi ích nhà nước.

III

Sau chót, sẽ là phỏng đại không thể tưởng tượng được, nếu nói đến *tinh chất cơ sở* của *toàn bộ xu hướng* của tờ báo, vì trong trường hợp này những hành động dưới đây cũng sẽ có ác ý:

- 1) đấu tranh vì liên minh thuế quan;
- 2) đấu tranh cho lợi ích của Phổ trong câu chuyện về hiệp ước Nga;
- 3) đấu tranh vì bá quyền của Phổ;
- 4) việc thường xuyên chỉ rõ Phổ là một nhà nước đi theo con đường tiến bộ;

¹² Xem tập này, tr. 470-500

5) tỏ ý tán thành các thiết chế nhân dân ở Phổ, ví dụ như quân đội, các cơ quan quân lý v.v..

Tờ "Rheinische Zeitung" cũng đã không đấu tranh phiến diện chống bỏ máy quan liêu. Ngược lại, nó đã thừa nhận ý nghĩa của bộ máy quan liêu.

1) trái với Buy-lốp - Cùm-me-rốp,

2) trái với xu hướng lãng mạn.

Ngược lại, nó là tờ báo *tự do chủ nghĩa* duy nhất cùng chọn nhân cả mặt tốt của bộ máy quan liêu, cả mặt tốt của bộ luật cũ của Phổ.

Chẳng hạn, một mình tờ "Rheinische Zeitung" - hầu như trái với tất cả các tờ báo khác - đã bảo vệ nguyên tắc cơ bản của luật lý hôn nhân¹⁴.

Ví dụ, sau hết, tờ báo đó là tờ báo đầu tiên và gần như duy nhất đã hoan nghênh sắc lệnh của nội các về *những lời bác bỏ*, coi đó là bước tiến¹⁵.

Chúng tôi dẫn ra đây những ví dụ này chỉ là để chứng minh rằng tờ "Rheinische Zeitung" đã không tiến hành hoạt động chống đối trần tượng và có *hệ thống* nào cả, mà đã luôn luôn chỉ bảo vệ điều mà nó tin là hợp lệ phải, dù điều đó xuất phát từ bất kỳ phía nào.

Do C.Mác viết giữa ngày 4 và ngày 7
(tháng Hai 1843)
Công bố lần đầu trong cuốn sách:
"Rheinische Briefe und Akten zur
Geschichte der politischen Bewegung,
1839-1840" Bd. 1, Bonn, 1919

In theo bản viết tay
Nguyên của bộ phận Đức

¹⁴ Xem tập này, tr. 152-154

CÁC CUỘC BẦU CỬ ĐỊA PHƯƠNG BẦU ĐẠI BIỂU VÀO HỘI ĐỒNG DÂN BIỂU

Khuen, ngày 9 tháng Ba. Báo "*Rhein - und Mosel-Zeitung*" tờ báo này tỏ ra khiếm tốn đến mức không tự coi mình là "tờ báo phổ thông nhất ở tỉnh Rhen", cũng không tự nhận là "đại diện cho tư tưởng chính trị" - trong vấn đề về cuộc bầu cử đại biểu của thành phố Khuen, ngoài những ý kiến khác, còn đưa ra nhận xét dưới đây¹⁷:

"Chúng tôi sẵn lòng thừa nhận rằng các ngài *Mitglieder* và *Com-mun-Ans* đến là những nhân vật có *cung đáng kính*" ("và tất cả các ngài ấy đều là những con người và cũng đáng kính") - đó là câu nói trong vở kịch) "còn thêm chi" (xin hãy suy nghĩ mà xem). "*Tập thể* đối với chính là "*Rheinsche Zeitung*" chúng tôi cũng sẵn sàng bày tỏ sự làm động của chúng tôi" (đấy thật là tặng phẩm quý báu đối với chúng tôi). "Khi tờ báo ấy long trọng đưa ra những nhận xét để đối chiếu lại các định thủ của tỉnh chúng tôi. Nhưng do đó chúng tôi lại càng phải lên án mọi cách mạnh mẽ hơn và kiên quyết hơn nữa những *đồng cơ* mà người ta toàn tình dục vào đó để tác động đến tiến trình bầu cử làm lợi cho các nhân vật ấy, - không phải vì những động cơ ấy tưởng như thể không có ý nghĩa nào cả, mà bởi vì ý nghĩa của nó không phải là *tuyệt đối*, mà chỉ là *thực tiễn* sẽ là.

trong số các cử tri riêng rẽ của thành phố Khuen đã lưu hành bức thư in thạch sau đây:

"Không tranh cãi gì nữa, trong Hội đồng dân biểu sắp tới thành phố Khuen phải bảo vệ những quyền lợi thương mại và công nghiệp của mình như là những quyền lợi hàng đầu và quan trọng nhất. Do vậy, chúng ta phải bầu những người có lối suy nghĩ trung thực và có một lập vi độc lập trong dân chúng, đồng thời họ phải có một quan niệm chính xác về tính hành công việc này theo tất cả mọi chuẩn hướng và có thể đứng trên góc độ đúng đắn của tình hình công việc ấy mà xem xét, so sánh và đẩy công việc tiến lên".

Tiếp đó là sự chỉ rõ về các nhân vật nêu trên, không nhắc gì nữa, là những nhân vật vô cùng đáng kính. - Kết thúc - trong thư đó có nói như sau:

Hiện nay thành phố chúng ta đã già vì trí xuất sắc trong thế giới thương mại. Song, nếu thương mại và công nghiệp của nó phải được mở rộng nhiều hơn nữa, và thời điểm ấy không còn xa nữa. Các tàu thủy chạy bằng hơi nước và bằng hơi nước, các tàu kéo và hoạt động đường sắt sẽ trở lại cho thành phố chúng ta thời đại *lưu-ân* ngày xưa - để làm được việc này chỉ cần làm sao trong nghị viện sắp tới phải bầu vệ các lợi ích chân chính của thành phố ta một cách khôn ngoan và biết nhìn xa.

Khuen, ngày 24 tháng Hai.

Một nhóm cử tri"

Về bức thư này tờ báo "*Rhein - und Mosel - Zeitung*" thậm chí nhuận lĩnh thần rất cao cả, đã đưa ra một lời răn dạy hoa mỹ dưới đây:

"Nếu nhu ở đầu đó những lợi ích vật chất địa phương chiếm ưu thế đến mức là xuyên qua những không thể lợi qua được ngay và một sự phản chiếu yếu ớt của những nhu cầu tỉnh thần phổ biến, thì phải chăng cần gì lấy làm ngạc nhiên trước hiện tượng là những sự kiện trong tay họ đã đẩy khiến chỉ tính đến những lợi ích vật chất mà thôi, và họ để mặc các

¹⁷ Cf. *Schubert* "Li-u-h-út Xi-át", Hồi 3, cảnh thứ 2

được rằng số đi các ngài ấy trông cứ không phải vì những nguyên nhân hiển nhiên ấy, mà chủ yếu là nhờ có thông tri nằm trên?

Không đâu! Không đâu! - từ báo đảng kính ấy sẽ đáp lại chúng ta - tôi không khẳng định điều đó, tuyệt nhiên là không! Tâm hồn duy linh tinh tế của tôi chỉ bực các tác giả bức thông tri ấy thôi, bực những nhà duy vật thay vì những quyền lợi tinh thần chân chính của nhân dân đã đưa ra những động cơ hoàn toàn khác, thấp hơn hơn nhiều, bực những kẻ đã đưa ra những luận cứ vô căn cứ để mưu toan tác động vào tiến trình bầu cử theo hướng có lợi cho Cam-pơ-hau-deu và Méc-ken-xơ; tác động vào "những người con của thành phố Khuên" đã tự hạ thấp mình đến thế trong "trạng thái tinh thần và những hồi ức lịch sử" của mình!

Nhưng nếu báo "Rhein - und Mosel - Zeitung" chỉ có ý nói đến các tác giả bức thư nọ danh ấi thôi, thì tại sao nó lại âm ỉ ghê gớm đến thế? Tại sao nó lại tuôn ra câu nói:

"Nếu như ở các địa phương không lợi ích vật chất của địa phương chiếm ưu thế đến mức là xuyên qua chúng không thể lợi qua mức thậm chí một danh phần chiếm ưu thế của các nhà của tinh thần phổ biến, thì phải chăng có cần lấy làm ngạc nhiên trước việc những kẻ nắm trong tay mình sự đầy đủ khiến chỉ tính đến những lợi ích vật chất, và hạ bỏ mặc các lợi ích tinh thần cho số phận của chúng định đoạt?"

Phải chăng các lợi ích vật chất địa phương lại có thể thông tri tuyệt đối ở Khuên chỉ vì chúng thông tri tuyệt đối trong một thông tri nọ danh ấi? Điều đó cũng không thể có được, giống như không thể có chuyện những lợi ích pháp lý đã ngự trị tuyệt đối ở Khuên chỉ vì trong một bức thông tri khác nào đó, cũng gửi tới những cử tri riêng lẻ, những lợi ích ấy có

được một ý nghĩa thông tri tuyệt đối! Phải chăng trong từng thành phố, cũng giống như trong mỗi gia đình, không thể có những đứa con con *đần độn*? Nếu chỉ cần cứ vào những đứa con như vậy để phán xét về cả thành phố hoặc về toàn thể gia đình thì như thế có đúng không?

Song, nếu xem xét kỹ hơn thì thấy rằng thông tri ấy không đáng trách như tờ báo đảng kính ở Cũ-Blen-tơ muốn miêu tả nó với chúng ta đâu. Hơn thế nữa, bức thông tri ấy hoàn toàn được chứng thực là có lý bởi mục đích của các hội nghị đảng cấp, như điều này đã được luật pháp quy định. Mục đích ấy được ghi nhận bằng luật pháp - một mặt là bảo vệ *những lợi ích chung của tỉnh*, mặt khác là bảo vệ *những lợi ích đặc cấp đặc biệt của tỉnh*. Mọi người đều công nhận rằng Cam-pơ-hau-deu và Méc-ken-xơ là những đại biểu xứng đáng đại diện cho *các lợi ích của tỉnh Hanau*, và các tác giả bức thông tri ấy tuyệt đối không cần phải hậu thuẫn cho niềm tin ấy hoặc thậm chí dù chỉ nhắc đến niềm tin chắc đó.

Vì hoàn toàn không nghĩ ngờ gì nữa rằng các cá nhân ấy xứng đáng trở thành các nghị sĩ để đại diện cho các lợi ích chung, cho nên chủ yếu vấn đề liên quan đến những đòi hỏi đặc biệt đối với nghị sĩ đại biểu của *Khuên*. Vấn đề là tại "nghị viện sắp tới", Khuên phải đại diện cho những lợi ích nào của *thành phố* coi đó như là "*những lợi ích hàng đầu và quan trọng nhất*". Ai sẽ phủ nhận rằng "những lợi ích thương mại và công nghiệp" chính là những lợi ích như vậy? Hơn thế nữa, chỉ đơn giản phủ nhận thì chưa đủ, còn cần phải đưa ra *bằng chứng*.

Tờ "Rhein - und Mosel - Zeitung" phần nọ nhiều nhất về đoạn sau đây:

"Các tàu thủy chạy làng buôn và hàng hóa nước, các tàu kéo và hợp đồng đường sắt sẽ đưa chính phủ chúng ta trở về *thời đại Han-đơ ngày xưa*".

Ồ! đau đớn thay cho người, hồi thành phố Khuên hát hạnh! Người ta đã lừa bịp người biết nhường nào! Người đã tự lừa dối mình biết nhường nào!

"Họ tưởng rằng - là Rhein - und Mosel - Zeitung" thao diễn - việc thực hiện những ước nguyện và hy vọng của họ - may mắn những ước nguyện và hy vọng ấy có thể biến thành một *bí tiểu sản* - sẽ đưa người trở về thời đại Han-đơ ngày xưa"

Thật tội nghiệp cho báo Rhein - und Mosel - Zeitung! Nó không hiểu rằng ở đây câu "thời đại Han-đơ ngày xưa" được người ta dùng chỉ để chỉ thời hưng thịnh đã qua của thương mại; nó không hiểu rằng nếu Khuên muốn làm phục sinh trạng thái chính trị, xã hội và trí tuệ của các thành thị thời đại Han-đơ, phục hồi lại thời *Trung thế kỷ*, thì "tất cả những nhu cầu *tinh thần và phổ biến*" sẽ thật sự bị chôn vùi, "trạng thái *tinh thần*" sẽ bị hoàn toàn *bóp méo đi*, và tất cả "những hồi ức lịch sử" sẽ bị nhốt tận gốc! Trong trường hợp có một thành phố nào đó hoàn toàn tách ra khỏi tất cả những quan điểm đương đại hợp lý và lành mạnh, để từ nay sống trong mơ ước hão huyền và trong quá khứ. - Thì lẽ nào trong trường hợp này chính phủ sẽ không được tuyên bố tình vực "các nhu cầu *tinh thần và phổ biến*" là lãnh địa riêng tuyệt đối của mình hay sao! Là nào đó không phải là nghĩa vụ của chính phủ, không phải là bổn phận của chính phủ, phải tự duy trì, nghĩa là phải nắm chắc hơn nữa trong tay mình đầy cương điều khiển ở nơi nào mà người ta tìm mọi cách phá hủy hiện tại và tương lai của chúng ta để khôi phục lại *những trái tự trước kia, đã lỗi thời*!

Chúng tôi muốn nói thẳng sự thật ra với hạn độ của chúng tôi. Ở Khuên đã diễn ra *cuộc đấu tranh căng thẳng trước bầu cử* - và điều này là bằng chứng rõ nhất nói lên tính tích cực chính trị của Khuên - cuộc đấu tranh giữa những con người của hiện tại và những con người của quá khứ, những con người muốn khôi phục lại *hoàn toàn, từ đầu đến chân*, "thời đại thành thị Han-đơ ngày xưa", - họ đã hoàn toàn thất bại mặc dù đã trở mọi thủ đoạn khôn khéo của mình. Ấy thế mà các nhà duy vật từ lĩnh vực hoàng đường đó đã xông đến - đây là những con người mà sự ngu si bất chủ nói của họ đã được chứng minh ad oculos" qua mỗi chiếc tàu thủy và mỗi con đường sắt - và ba hoa một cách giả nhân giả nghĩa về "trạng thái *tinh thần*" và về "những hồi ức lịch sử". Trên những con sông ở Ba-bi-lon họ khóc than thương tiếc "thành phố Khuên vĩ đại, thành phố Khuên thiêng liêng, thành phố Khuên anh minh". Vậy chúng ta hãy hy vọng rằng những dòng nước mắt của họ sẽ không mau chóng cạn đi như vậy đâu!

Do C.Mác gửi ngày 9 tháng Ba 1843
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung",
số 53, ngày 9 tháng Ba 1843

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

BẢO "RHEIN - UND MOSEL - ZEITUNG" TRONG TƯ CÁCH LÀ VỊ QUAN TOÀ GIÁO HỘI VĨ ĐẠI

Khuôn, ngày 11 tháng Ba. Mấy ngày trước đây tờ "*Rhein - und Mosel - Zeitung*" đã cho đăng bản thông cáo tôn giáo lớn ấn tử hỏ "*Kölnische - Zeitung*" ngoài đạo: đến nay tờ "*Trier'sche Zeitung*" đang đứng trước toà án tôn giáo ở Cô-blen-tơ. Và không phải vô cớ.

Sở là tờ "*Trier'sche Zeitung*", nhân cái chết của Phê-đrích Phôn Đa-lét, đã viết, ngoài những điều khác, cả những dòng dưới đây¹⁾:

"Trước mắt chúng ta là tác phẩm của ông ta "Phúc Âm cho người thế tục", tác phẩm này mở ra cho chúng ta thấy các chân lý thiêng liêng vĩnh hằng của Kinh Thánh, dưới hình thức thuần khiết". Ông ta (Đa-lét) tìm cách trở thành con người với ý nghĩa cao cả của nguyên mẫu là Giê-xu. Trong tư cách là chiến binh chân chính của Chúa, ông ta đã là người tuyên bố chân lý vĩnh hằng".

"Ai đọc những dòng chữ này mà không hề hay biết về tác giả lừng danh ấy" - tờ "*Rhein - und Mosel - Zeitung*" nói - "thì dĩ nhiên sẽ nghĩ rằng ngài Phôn Đa-lét là một tín đồ Thiên Chúa giáo và đã hàng hải truyền bá lời của Chúa trong tác phẩm của mình "Phúc Âm cho người thế tục" Nhưng lý thực kinh thánh ở Chúa đúng điều gì? Chính là học thuyết sai

trái và lại hai nửa những kẻ sai lạc như Siô-các-xơ, Phơ-n-hác và Đa-nô Đa-n và những kẻ nhỏ đó nữa - tất cả họ là những tông đồ ấy của đa thần giáo hiện đại - đang thuyết giảng với các cô họ, cũng như trong các tác phẩm của mình, trong một nhòm chật hẹp các nhà khoa học" v.v..

Để chứng thực bằng văn bản rõ thực cho quan điểm của mình, tờ "*Rhein - und Mosel - Zeitung*" đã trích ra

"Chỉ đọc một chỗ trong "Phúc Âm cho người thế tục", cụ thể là đoạn trong đó có sự so sánh giữa tên phản bội Giô-đa và Chúa Ki-tô phục âm, nghĩa là Chúa Ki-tô như đã được mô tả trong kinh thánh"

Những đoạn trích tiếp theo đó đã chứng minh hùng hồn rằng Đa-lét đã cố ý đưa ra các quan điểm của mình đối chọi lại như thế nào với Thiên Chúa giáo lịch sử.

Có lẽ ý thức nhân đạo sai lạc sẽ bị xúc phạm bởi cuộc luận chiến trắng trợn mà tờ "*Rhein - und Mosel - Zeitung*" chỉ nhằm chống lại con người xưa kia, nhưng phải chăng bài bành vực con người ấy đăng trên báo "*Trier'sche Zeitung*" không mang tính chất phi nhân đạo hơn nhiều, tính chất thoá mạ hơn nhiều, hay sao? Liệu có thể nói rằng tôi kính trọng hương hồn người đã khuất, nếu tôi tuyên bố diện mạo tinh thần của người đó, được chăng? Không nghĩ ngờ gì nữa, Đa-lét đã cố trở thành người đưa ra chân lý, nhưng tuyệt nhiên không phải chân lý phúc âm. Không nghĩ ngờ gì cả, Đa-lét đã cố gắng trở thành con người chân chính, nhưng tuyệt nhiên không phải trở thành người bảo vệ chân lý nhà thờ.

Ngược lại, Đa-lét cho rằng chân lý hợp lý chỉ có thể được chứng thực bằng cách đem chân lý ấy đối chọi lại với chân lý thần thánh, và con người đạo đức chỉ có thể được chứng thực

bằng cách đem con người ấy đối lập với tín đồ Thiên chúa giáo, chính vì vậy mà Da-lét đã viết tác phẩm "Kinh Phúc âm dành cho dân thường". Vậy thì sao? Phải chăng kẻ bành vực ông ta thuộc "Trier'sche Zeitung" đã tưởng nhớ con người ấy bằng cách thật sự đặt tôn giáo toàn bộ sự nghiệp cuộc đời ông ta? Còn các vị tôn vinh sùng bái Lu-the bằng cách tuyên bố ông ta là một tín đồ Thiên chúa giáo tốt, và tôn sùng giáo hoàng Gan-ge-nê-ti bằng cách gọi ông ta là người bảo hộ giáo phái Dòng Tên ư? Thật là một hành động thất bại! Thật là một sự bất lực của tư duy! Da-lét đã từng là một phần tử cộng hoà; làm sao anh có thể là bạn của ông ta, nếu ở đâu đâu anh cũng lu loa âm ỉ về tư tưởng bảo hoàng của ông ta? Da-lét yêu sự thật nhiều nhất, còn các anh lại muốn tỏ sự kính trọng đối với ông ta bằng cách nói sai sự thật về ông ta ư? Hay là trong lòng các anh diễn ra cuộc đấu tranh giữa đạo Thiên chúa và tình bằng hữu? Cứ cho là như vậy! Nhưng như vậy các anh hãy thử nhận điều đó và hãy nói: Da-lét đã từng là con người tốt v.v., nhưng lại là một *tín đồ Thiên chúa giáo* tồi! Nếu muốn, xin các anh hãy hối tiếc về điều đó, hãy lên tiếng bày tỏ sự nuối tiếc, nhưng xin đừng xem những tác phẩm của ông ấy là những bằng chứng hết sức hùng hồn về sự ủng hộ của ông ấy đối với đạo thiên chúa. Nếu các anh lên án những ý nguyện của người bạn các anh, xin hãy lên án chúng sans gêne", như tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" đã làm, nhưng cũng không phải bằng con đường quanh co giả dối, không phải theo cách là khهن ngợ ông ấy về cái *không phải là* con người thực sự của ông ta, và do đó, lên án ông ta chính là về cái là con người thực sự của ông ta *trong thực tế*.

Nếu như thậm chí thừa nhận rằng "Kinh phúc âm dành cho những dân thường" đã có thể tạo cái cơ cho một sự giải thích như vậy; nếu thừa nhận rằng *trong tác phẩm* ấy Da-lét vẫn hoàn toàn chưa hiểu rõ quan điểm của mình, rằng bản thân ông ta tự coi mình là người truyền bá ý nghĩa đích thực của kinh Phúc âm, rằng đối chọi lại trích dẫn mà tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" đưa ra, người ta dễ dàng đưa ra những đoạn trích dẫn khác được nêu ra hoàn toàn theo tinh thần thiên chúa giáo, - thì đầu sao tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" cũng có lý khi nói rằng, thay vì đạo Thiên chúa lịch sử, Da-lét đã đưa ra đạo Thiên chúa theo khuôn mẫu của chính mình.

Để kết thúc, xin nói một lời nữa về những đoạn trích dẫn mà báo "Rhein-und Mosel - Zeitung" đã đưa ra. Tất cả những đoạn trích dẫn ấy đều có một thiếu sót căn bản là *không có chất thơ*. Và lại thật là một ý tưởng kỳ quặc một khi muốn trình bày bằng thơ những vấn đề tranh cãi thần học! Đã có nhạc sĩ nào nảy ra ý nghĩ phổ nhạc cho giáo lý chẳng?

Chưa nói đến tá thuật ấy đối với các quy luật của nghệ thuật, vậy nội dung của những đoạn trích dẫn ấy là gì? Da-lét cho rằng thật là điều *không thể tương dung* với tính thần thánh của Ki-tô, nếu khi biết về những ý đồ phản bội của Giu-đa mà Ki-tô lại không có biện pháp để cải tạo hắn hoặc để xoá sạch tội lỗi. Và về diễn này Da-lét thốt lên ("Rhein-und Mosel - Zeitung" dẫn ra những dòng này):

"Như nhá cho kẻ nào - đã kẻ dưng mà ấy là nì!"

Đã muốn tá Chúa như thế.

Ưng nhưng gạt bỏ thức của những tài tâm vận mệnh

Rõ ràng đã xuyên tạc hình ảnh yêu quý của chúng ta.¹²¹

Sự suy xét của Da-lét nói lên rằng ông ta đã không phải là *nhà thần học*, cũng không phải là *nhà triết học*. Nếu ông ta là *nhà thần học* thì ông đã không lo lắng đến việc điều đó mâu thuẫn với lý trí con người và đạo đức con người; bởi lẽ đối với nhà thần học thì lý trí con người và đạo đức con người không phải là chuẩn mực cho kinh Phúc âm, mà ngược lại, kinh Phúc âm là chuẩn mực đối với chúng. Còn nếu Da-lét là *nhà triết học* thì ông ta đã biết rằng những mâu thuẫn loại ấy bất nguồn trong bản chất của tư duy tôn giáo, như vậy ông ta là ra đã thừa nhận mâu thuẫn nêu trên là *nhân phẩm tất yếu* của thể loại quan Thiên chúa giáo và lẽ ra đã tuyệt nhiên không lên án nó như là *sự xuyên tạc thế giới quan* ấy.

"Mong rằng từ "Rhein-und Mosel - Zeitung" rồi đây vẫn sẽ hàng hải bênh vực cho sự nghiệp tín ngưỡng và khỏe y phục xun-bê-ni-tô¹²² cho tất cả các tờ báo ở tỉnh Ranh. Còn chúng tôi sẽ chờ xem *những kẻ lừng chừng* - "những kẻ không phải lạnh nhạt, cũng không phải nóng nhiệt, mà chỉ là âm ỉm thôi" - sẽ có thái độ như thế nào đối với *chủ nghĩa khủng bố của tín ngưỡng*, đối với những kẻ như vậy liệu chủ nghĩa khủng bố ấy có dễ chấp nhận hơn là *chủ nghĩa khủng bố của lý trí* hay không.

Đã in-Hoạt và ngày 11 tháng Ba 1843
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung"
nº 71, ngày 12 tháng Ba 1843

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

NHỮNG BÀI LUYỆN TẬP VĂN PHÒNG CỦA BÁO "RHEIN-UND MOSEL - ZEITUNG"

Khuôn, ngày 13 tháng Ba. Hôm nay báo "Rhein-und Mosel - Zeitung" đã đáp lại bài báo của chúng tôi đăng ngày 9 tháng Ba¹²³ nói về các đại biểu hội đồng dân biểu¹²⁴. Chúng tôi sẽ không giấu giếm bạn đọc của chúng tôi về một số mâu thuẫn của tác phẩm kiệt tác *đến phong kỳ*. Ở đây, ngoài những điều khác ra, có thể bắt gặp cả những lời chau ngược như thế này:

"Vay là báo 'Rheinische Zeitung' đã vung quá đáng, và lại vung không phải chiếc cầu kim, mà vung chiếc gậy bính chương của mình" (gồm chín 'Chiếc gậy bính chương' Vung chiếc gậy lên) "quét vào bóng râm mà nó tưởng là đã nhìn thấy trong bài báo của tờ 'Rhein-und Mosel - Zeitung' và đương nhiên" (thật là một sự xa hoa khi người ta hạ hoa vẽ những điều mà tự chúng đã là điều hiển nhiên). "Tất cả những đòn đánh của nó đều không trúng đích, mà chỉ suýt qu", (đó không trúng đích, mà chỉ suýt qu). Đã không trúng vào báo "Rhein-und Mosel - Zeitung", do đó, có lẽ cũng không trúng vào vi chủ bút của báo ấy) "và tờ báo bị công kích" (thực ra là cũng kích) "vẫn nguyên vẹn và không bị hề hấn".

Thật là một thứ lô-gích hào phóng đã làm cho bạn đọc

¹²¹ Xem tập này, tr. 314-321.

thậm chí không cần phải tự mình đưa ra kết luận rằng những đòn giáng *trượt* vào tờ báo bị công kích đã không rơi *trực tiếp* vào tờ báo ấy! Thật là những suy nghĩ phong phú, thật là một sự trình bày lịch sử có căn cứ biết nhường nào! Hãy thử nghĩ mà xem, báo "Rhein-und Mosel - Zeitung" tất phải xem là một công việc thích thú biết bao khi nó thông báo rằng cái *lương* của nó vẫn còn nguyên vẹn! Sự hoang tưởng của tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" thật là được vinh hạnh biết bao nhờ ý tưởng tuyệt diệu về "bóng ma" mà báo "Rheinische Zeitung" đã đã kích, ý tưởng về những đòn giáng không trúng vào nó! Bằng chứng về điều đó có thể là những dị bản dưới đây, vừa sắc sảo, lại vừa hết sức đáng kinh ngạc với chủ đề tu lớn này (khi trình bày những dị bản ấy, chúng tôi sẽ không bỏ qua việc lưu ý bạn đọc về những sắc thái tế nhị và những khía cạnh tế nhị của chúng). Và đây:

1. Báo "Rheinische Zeitung", số ra ngày 1 tháng 11, đã vọng qua đường chiếc gậy binh thường của mình quai vào bóng ma mà nó tưởng là đã nhìn thấy trong bài báo của tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" và đương nhiên, tất cả những đòn đánh của nó đều không trúng đích, mà chỉ *mượt* qua thôi.

2. Bài báo ấy đã khiến cho tờ "Rheinische Zeitung" có khả năng *nhìn thấy các tinh hồn* (tinh hồn ấy vừa mới từng là bóng ma, và tờ báo quí báo "Rheinische Zeitung" đã phát hiện ra những bóng ma *tinh hồn* ở trong cái tờ báo là cái vùng hẻo lánh ấy của phái theo thuyết quyền lực của giáo hoàng là vô hạn!) và nhờ đó đã làm cho nó trở thành vị anh hùng đầu tranh với cái bóng.

Vậy, lần này, ít ra chúng tôi cũng đánh trúng cái bóng của tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung".

3. Song báo "Rheinische Zeitung" có lẽ đã tự nhận thức được rằng đôi khi tất cả những gì là quan trọng, là chân lý và *manh mạp* (phải chăng đây là nói đến cái *lương* của tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung") "thì sức mạnh

của nó trở thành trò cười" (vậy những sức mạnh tinh thần nào không trở thành trò cười một khi vấp phải cái *lương*?) "Đã sao thì nó cũng muốn chứng minh rằng nó có *những chiếc xương*" ("chiếc gậy binh thường" trong con đăm đi đã biến thành "những chiếc xương") "và nó biết hậu" (trước đó thì vọng vào quá đáng). "Trong trí tưởng tượng của mình nó đã *ino ra bóng ma*" (trước đó thì "đã nhìn thấy" hoặc "tưởng là đã nhìn thấy"), "mà nó loam xem là tinh thần" (chính thực trong hai báo của chúng tôi) (nhắc lại để lưu ý bạn đọc về tình hình sự việc!) "Nó đã *trú* thuật thích sự giận dữ và thù sức mạnh vào bóng ma này" (thật là một câu hùng biện mạnh mẽ). - "giống như trong thời gian diễn ra cuộc đấu *hà con vật điện rở*" (tên phần bìa trên đây một chút là "Rhein-und Mosel - Zeitung" còn được xem là "một người cầm cây gậy", - như vậy, tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" xuất hiện trong vai "con vật") "trời ơi địa ngục không còn mình vào hình nộm mà người ta ném ra cho nó té mất, và sau khi nó ra cứng mạnh, con vật ấy tự coi mình là kẻ chiến thắng".

Thật là thứ ngôn ngữ đêch thực kiểu Hồ-me! Xin thử nghĩ mà xem, đây thật là một lối diễn tả mệnh mông kiểu sử thi! Và đó cũng thật là một ý xam nhập sâu sắc kiểu *Ê-dốp* đào sâu vào tâm lý loài vật! Đó là sự am hiểu tinh tế về tâm trạng con bọ dục tự coi mình là kẻ chiến thắng!

Sẽ là "cắt sù trĩ và gãy thơ", nhưng cũng "tầm thường và nhảm chán", nếu chúng tôi có ý định bước vào tranh luận về thực chất vấn đề với một "nhà chính luận xuất chúng" như thế. Chúng tôi chỉ xin nói thêm điều dưới đây, để nhận xét vị trung phu này!

Trong bài viết đã từng hứng chịu những sự đã kích hết sức khồng thành công, báo "Rhein-und Mosel - Zeitung" "chỉ" thể hiện "sự hoài nghi": "*không biết thật sự có trở lại cái thời Han-đa ngày xưa hay không, nếu thực hiện được những hy vọng của những con người ấy*" (có ý nói đến các tác giả béc

thông tri kêu gọi mọi người hãy bầu các ngài C. và M.¹⁷). Nhưng "bài báo" của nó "không hề nói đến" "mặt phúc hắc các trát tử xưa kia và đã lỗi thời". Ai muốn hiểu thế nào thì hiểu!

Tiếp nữa:

Tờ "Rheinische Zeitung" đã tìm "cách xử dụng luật pháp dân tộc hiện nhiên khi nó viết: "Trong số những lợi ích cần được đại diện trong nghị viện, tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" chỉ nêu lên cơ cấu cộng xã, tự do hợp và việc mở rộng các quyền dân chủ". Trong khi ấy trên tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" còn có thể đọc thấy chỗ nói về "sự ghi nhận nhiều vấn đề khác chưa được giải quyết về phát triển cuộc sống của nhân dân".

Nhưng phải chăng đã có khi nào tờ "Rhein-und Mosel - Zeitung" chú ý đến "những vấn đề chưa được giải quyết" hoặc chỉ ít đã nhắc đến những vấn đề ấy? Phải chăng nó cho rằng những câu nói mơ hồ, như "sự ghi nhận nhiều vấn đề khác chưa được giải quyết", lại có thể có ý nghĩa cho việc luận chứng các vấn đề Xã nhân mục đích đưa ra các đòi hỏi xác định đối các nghị sĩ? Mong rằng bạn đọc của chúng tôi sẽ một lần nữa lưu ý đến văn phong độc đáo của báo "Rhein-und Mosel - Zeitung"!

Thuộc vào "những lợi ích cần được bảo vệ" (tại nghị viện) "chợ sự ghi nhận rất nhiều vấn đề chưa được giải quyết về phát triển cuộc sống của nhân dân".

Vấn đề chưa được giải quyết về phát triển cuộc sống của nhân dân! Sự ghi nhận cần được bảo vệ!

Do C. Mác viết ngày 13 tháng Ba 1843
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung"
số 72 - 73, ngày 14 tháng Ba 1843

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In hàng tiếng Nga đầu đầu

¹⁷ - Cam-pơ-hau-đen và Mác kêu-xi

¹⁸ Xem tập này, tr. 515-518

[VỀ CÁC QUAN ĐIỂM CỦA HÊ-GHEN VỀ QUAN HỆ GIỮA NHỮNG HÌNH THỨC LỊCH SỬ - CỤ THỂ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ Ý TƯỞNG TRỪU TƯỢNG VỀ NHÀ NƯỚC]

(TRÍCH "TẬP GHI CHÉP CỎI-XÔ-NẮC" 1843)¹⁸

Dưới thời Lu-t XVIII - bản hiến pháp nhờ ơn nhà vua (bản hiến chương vua ban), dưới thời Lu-i-Phi-líp - nhờ vua nhờ ơn bản hiến pháp (chính quyền hoàng gia vua ban)¹⁹. Nhìn chung chúng tôi có thể nêu ra rằng sự chuyển hoá chủ thể thành vị thể và sự chuyển hoá vị thể thành chủ thể, sự thay thế cái xác định bằng cái được xác định, đều luôn luôn tạo thành cuộc cách mạng tiếp theo và không chỉ từ phía chủ nhà cách mạng. Vua tạo ra luật pháp (chế độ quân chủ cũ), luật pháp tạo ra vua (chế độ quân chủ mới). Với hiến pháp tình hình cũng đúng như vậy. Và với phải phản động cũng vậy. Chế độ trường tắc là luật pháp của nhà nước. Nhà nước muốn có luật trường tắc. Vậy là, trong khi chuyển hoá theo cách đó những yếu tố ý tưởng nhà nước thành chủ thể, còn những hình thức tồn tại cụ thể của nhà nước thì thành vị thể, - trong khi đó trong thực tại lịch sử thì tình hình lại ngược hẳn: ý tưởng về nhà nước luôn luôn là vị thể của các hình thức tồn tại (cũ) của nhà nước, - [Hê-ghen chỉ nêu lên tình

thần chung của thời đại, thần học chính trị của ông. Ở đây tình hình cũng giống hệt nhu với chủ nghĩa phiếm thần triết học - tôn giáo của ông. Như vậy, tất cả những hình thức của phi lý trí trở thành các hình thức của lý trí. Nhưng về nguyên tắc, ở đây những yếu tố quyết định là: trong tôn giáo - đó là lý trí, còn trong nhà nước - đó là ý tưởng nhà nước. Siêu hình học ấy là biểu hiện siêu hình học của thế lực phản động mà đối với thế lực ấy thế giới cũ là chân lý của thế giới quan mới.

Do C. Mác viết vào tháng Bảy tháng Tám 1843

Công bố lần đầu trong Marx - Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 1, Hftd. 1, 1987

In theo bản viết tay

Nguyên văn là tiếng Đức
in tiếng tiếng Nga lần đầu

(DỊ BẢN ĐỀ CƯƠNG NỘI DUNG TẬP CHÍ "DEUTSCH-FRANZÖSISCHE JAHRBÜCHER")¹⁹

Các bài viết trong niên giám của chúng tôi do các tác giả người Đức hoặc người Pháp viết và sẽ nói về:

1) những nhân vật và những học thuyết đã có ảnh hưởng hữu ích hoặc nguy hiểm, cũng như nói về những vấn đề chính trị nóng hổi, dù những vấn đề ấy liên quan đến các bản hiến pháp, đến chính trị kinh tế học hoặc những thiết chế nhà nước và đạo đức;

2) chúng tôi có phản bình duyệt các báo, sự bình duyệt này là một hình thức trừng phạt thái độ xu nịnh bộ dã và thái độ thấp hèn của một số tờ báo và thu hút sự chú ý đến những nỗ lực xứng đáng của những báo khắc phục vụ phúc lợi của loài người và của sự nghiệp tự do;

3) chúng tôi sẽ bổ sung nội dung đó bằng những bình duyệt văn học và những loại ấn phẩm khác của nước Đức dưới ancien régime²⁰ mà hiện nay chế độ cũ ấy đang đi đến tan rã và tiêu vong, và sau chót, bằng những bình duyệt các cuốn sách của hai nước, đó là những nước đang mở ra và tiếp tục thời đại mới mà chúng ta đang bước vào.

Do C. Mác viết vào tháng Tám -

Chín 1843

Công bố lần đầu bằng tiếng Anh trong:
Karl Marx - Frederick Engels. Collected Works

Volume 3, Moscow 1975

In theo bản viết tay

Nguyên văn là tiếng Pháp
in bằng tiếng Nga lần đầu

¹⁹ - chế độ cũ

nước Pháp và nước Đức cần được bảo đảm có sự hậu thuẫn của tất cả các đại biểu xuất sắc của tiền bối ở Pháp.

Tuy nhiên, chúng tôi tuyên bố rằng bức thư công bố trên báo "*Kölnische Zeitung*" gửi đến từ Lai-pach - là thư này đã trở thành cái cớ đăng bài trên tờ "*Bien public*" - đã không xuất phát từ chúng tôi, cũng như không xuất phát từ bất kỳ người nào trong số các bạn bè của chúng tôi.

Ae-nôn Ru-gơ.

Nguyên chủ biên của tờ "*Deutsche Jahrbücher*".

Các Mác,

Nguyên chủ biên của tờ "*Rheinische Zeitung*".

Pa-ri, ngày 10 tháng Chạp 1843.

*Cũng bố trên báo "Democratie
pacifique" ngày 11 tháng Chạp 1843*

*Isa-thơ-ban-đăng-vi-la-bao
Nguyên chủ biên tiếng Pháp
là tổng biên Nga-hen-đôn*

TUYÊN BỐ GỬI BẢO "DÉMOCRATIE PACIFIQUE"¹⁰

Trong số 28, báo "*Bien public*" có đăng nhưng dùng sai đây.

"Báo "*Kölnische Zeitung*" cho đăng bức thư gửi đến từ Lai-pach trong đó có nói rằng sắp tới đây - là tạp chí ra bằng tiếng Pháp và tiếng Đức do Ru-gơ chủ biên, sẽ được xuất bản tại Pa-ri, là tạp chí này tương như được ngài Đô-la-mac-tin và ngài Đô-la-ma-ne hứa bỏ lại"¹¹

Có điều không đúng sự thật là ngài Đô-la-mac-tin đã cam kết cùng với ngài Đô-la-ma-ne viết hai cho mỗi tạp chí nêu đây, đặc biệt cho tạp chí kể trên.

Ngài Đô-la-mac-tin hoàn toàn bện bâu với hoạt động nghị viện của mình, và ngài dành thời gian riêng cho ngân sách chính trị dành cho nghị, để viết tác phẩm của mình "*Lịch sử phái Gi-rông-dinh*".

Thật vậy, ngài Đô-la-mac-tin đã không cam kết cùng với ngài đô-la-ma-ne viết hai cho từ tạp chí kể trên, nhưng chúng tôi khẳng định rằng ngài ấy đã cho phép chúng tôi đặt hy vọng vào sự hỗ trợ của ngài trong việc xuất bản từ tạp chí mà chúng tôi có ý định lập ra.

Chúng tôi nhớ cây hai nhân vật nổi tiếng ấy là vì chúng tôi cho rằng trong một sự nghiệp như liên minh trí tuệ giữa

RÚT TỬ CUỐN "HỒI KÝ CỦA R. LƠ-VÁT-XÔ (ĐƠ LA XÁC-TƠ)"

PA-RI 1829. TẬP I-4

TẬP I¹²⁰

[CÁC TRÍCH ĐOẠN]

"Vậy là, những gì mà hôm nay người ta coi là sự hiển rõ của một xã hội cưỡng loạn bị kích động thì đó là cảm giác chung của toàn dân, và có thể nói đó là phương thức tồn tại của nhân dân" (tr. 21)

"Về sau những bất đồng đã làm chìm đắm tộc bị chia rẽ; nhưng năm 1788 tình trạng ấy đã không xảy ra: tất cả những ai ở Pháp không nghĩ bằng những hành động lam dụng thì đều nhất trí đồng lòng muốn phá đổ chế độ chuyên chế; tất cả những ai không tin nấp tại sân xã hội thì đều mong muốn trao quyền quản lý tài sản ấy cho các đại biểu của nhân dân; tất cả những ai không thuộc về các đẳng cấp có đặc quyền đặc lợi thì đều mong muốn có luật pháp bình đẳng cho mọi người và tất cả mọi công dân phải gánh những gánh nặng như nhau" (tr. 27).

"Bản hiến pháp đã được xét lại" (sau khi nhà vua bỏ chạy) "theo tinh thần ít dân chủ hơn so với lúc ban đầu khi nó được soạn thảo, những điểm sửa đổi không quan trọng; nhưng những điều sửa đổi ấy cũng đủ để hạ thấp một chút tiếng tăm của mình, còn bản hiến pháp thì bị mất đi sự phê chuẩn đáng mong đợi nhất, sự phê chuẩn của dân tộc" (tr. 32).

"Các phiên họp của Hội nghị lập pháp chỉ là cuộc chiến được che đậy bởi của chính quyền nhân dân chống lại chính quyền nhà vua. Đó là một cuộc chiến trong đó cả hai phía tham chiến lần lượt sử dụng bản hiến pháp như là thanh kiếm hoặc cái búa chày. Cuộc chiến thật tàn khốc, trong đó cả hai phía không ngừng vi phạm vào bản hiến pháp, nhưng bản hiến pháp chỉ là câu nói trống rỗng đối với họ và không được họ tìm. Tuy nhiên, hội nghị bất lực ấy bị hạn chế bởi những giới hạn của bản hiến pháp, đã không thể làm được gì lâu dài..., vì vậy rất nhiều sự kiện diễn ra trong thời kỳ dẫn tới hội nghị, đều đã không bởi người từ hội nghị này. Xét 10 gốc độ bản hiến pháp hoặc trong giới hạn những thẩm quyền hợp pháp của mình thì triều đình nhà vua và hội nghị ấy đã không thể làm gì được và đã không làm gì cả. Cả hai người không tỏ ra đại diện im lặng nhìn nhau và bằng con đường âm mưu để mỗi họ tìm cách đạt được những gì mà họ đã không thể chờ đợi ở luật pháp" (tr. 37, 38).

"Cả hai" (phía) "đều không thành thật... Vì vậy, để thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng mà Hội nghị lập hiến đã đẩy nước Pháp vào, chỉ có thể có hai lối thoát: lật đổ chế độ quân chủ hoặc trở về trật tự cũ. Như vậy, đối với mỗi bên thì vấn đề là chính sự tồn tại của mỗi bên" (tr. 38)

"Thời đại vì đại sự từ năm 1791 đến năm 1792 đã quyết định vận mệnh nước Pháp, đã không được đánh dấu bởi cuộc đấu tranh nghị viện đang được chờ 9. Cuộc chiến tiếp tục giữa nhân dân và chính quyền. Ngày 20 tháng Sáu, tháng tự của Pê-cha-ông ngày 14 tháng Bảy, những phong trào đã trở thành của nó đã phá vỡ mình Mác-xây tiến vào Pa-ri - những sự kiện ấy đã có những hậu quả to lớn¹²¹, mặc dù hội nghị đã không hề có sự tham gia nào vào đó. Tại hội nghị các đại biểu đóng vai trò những kẻ âm mưu, chứ không phải đóng vai trò các đại biểu. Thậm chí quyết định tuyên chiến - sự kiện chủ yếu trong thời kỳ này - cũng đã được thông qua tại câu lạc bộ Gi-a-rô-ban" (tr. 39).

*La-phay-ét*¹²¹, - tr. 40

*Ngày 10 tháng Tám*¹²², - tr. 41.

"Cuộc khởi nghĩa, mà vào ngày 10 tháng Tám đã thay thế mọi thứ chính quyền, đã tiếp diễn... đó là một lực lượng tích cực, và chính nó đã đem lại kết thúc của tư duy" (tr. 43).

"Lực lượng duy nhất tồn tại ở Pháp trong thời kỳ giữa các triều vua được mô tả từ ngày 10 tháng Tám", chính là niềm phấn kích của nhân dân, cuộc khởi nghĩa, tình trạng vô chính phủ... như vậy, khả năng cuối cùng đã giải cứu là sử dụng những phương tiện mà tình trạng vô chính phủ đã đem lại và hướng vào các kẻ thù của chúng ta cái lực lượng thô bạo mà tình trạng vô chính phủ đã đẩy lên" (tr. 43, 44).

"Những sắc lệnh mà nó" (Hội nghị lập pháp) "ban hành chẳng có hiệu lực nào cả. Cái mặt của anh em từ hàng hội nghị bất lực ấy cũng đã không có được một quyền lực thật sự... Như vậy, việc cai trị đã chuyển vào tay những gì đã biết là hư vô, tức là vào tay các hội đoàn nhân dân và các hội đồng thị chính. Nhưng các trung tâm cai quản ngẫu hứng ấy, do chỗ là sản phẩm của chính tình trạng vô chính phủ và không có được quyền hạn nào trên cơ sở luật pháp hoặc hiến pháp, nên chỉ là những đại diện nhân dân có quyền lực chừng nào họ ban chế ở chỗ đem lại hướng đi cho phong trào của nhân dân và làm cho ý chí của nhân dân có hiệu lực; họ sẽ không được tuân theo một khi họ mâu thuẫn với nhân dân và mưu toan đại diện nhân dân với cương vị luật pháp" (tr. 44, 46).

"Chính Gi-rông-đơ đã tách khỏi chúng ta. Duy-đô đã từ bỏ vị trí của ông ta trong Hội nghị lập hiến; Vén-ni-ê đã rời bỏ vị trí mà cách đó không lâu ông ta đã nắm giữ trong Hội nghị lập pháp" tiếp theo là... vị trí ở phía trái" (tr. 48). "Chúng tôi hoàn toàn không muốn hướng tới những sự bất đồng... Pê-ti-ôn đã được bầu, hầu như nhất trí, làm chủ tịch [Hội nghị quốc dân]; những ủy viên khác trong thường vụ" thì được bầu ra trong số các đại biểu có ảnh hưởng của hội nghị lần cuối" (tr. 49).

Các đại biểu mới (của phái Núi) đã không biết gì về sự phân liệt nội bộ - tr. 50.

"Trong thời gian diễn ra phiên họp của chúng tôi các 'đại biểu mới' (của Hội nghị Quốc dân) - họ tạo ra một sự... quan trọng của phái Núi - thậm chí đã không loại rằng có hai phe và rằng không phải tất cả phe rộng rãi đến thăm những tình cảm và những khát vọng như nhau" (tr. 51).

"Trong tâm gồm tất cả những gì thường xuyên có thể quên phải luôn ủng hộ đồng nào chống, và những gì trước khi giữ một lập trường nào đó thì thoát khỏi tìm kiếm có hội không để bỏ mọi sự tin và ngả chỗ mới cuộc an toàn và tiếp diễn của các sự kiện. Một đại biểu mới đã thoát khỏi ẩn náu trong trung tâm, và sau trở thành một thành viên hàng đầu của phái Núi, sau sau trở thành một kẻ phản động còn bằng hai hơn nữa. Trong số họ cũng có cả những nhà hoạt động tài giỏi Ba-ru-cơ... Xi-ây-ét, Duy-lơ-rơ... Bon-xi-ét An-pi-ê-ơ" (tr. 52).

"Đang duy nhất đã huơ vẫy Hội nghị quốc dân với một học thuyết hoàn chỉnh và với một kế hoạch hành động được soạn trước thì đã nhận chủ ở hàng ghế bên phải" (Phái Gi-rông-danh) (tr. 52). "Ôm cả đám chiếm giữ các hàng ghế đầu tập vào các hàng ghế của chúng tôi - tức là tuyên chiến với chúng tôi mà thậm chí còn chưa nhận biết chúng tôi" (tr. 53).

Các diễn giả chủ chốt của phái Gi-rông-danh là các luật sư trung đoàn luật sư Ba-ru-đơ, [phái Gi-rông - danh] là phái nắm quyền quyết trong Hội nghị lập pháp mà họ chiếm đa số trong đó, đồng thời họ cũng thống trị trong Ủy ban lập hiến-cử-ban, nghĩa là thống trị công luận; vào thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa ngày 10 tháng Tám họ theo vùng nước Pháp đã ở trung tâm họ, vì vậy khi triều lập Hội nghị quốc dân họ đã cho rằng không thể hành thành được phải đi về phía lập với họ. Nhưng thời kỳ 42 ngày tồn tại hai triều vua đã làm thay đổi cục diện. Nghi lực mà Hội nghị lập pháp - đó là, cả phái Gi-rông-danh - đã thể hiện trong cuộc đấu tranh chống triều đại nhà vua thời đó trước tại vào ngày 10 tháng Tám "theo từ xa vào trước và không có ý chỉ ngay sau khi bị mất cái trị nhà nước chuyển sang

trợ họ mà không gặp trở ngại... dùng cách sử dụng đến những hai đến ba, thậm chí đến bốn đến sáu người, ăn từ sáng đến trưa không có nghỉ ngơi nào cả trong trường hợp này, họ đã tiêu tốn sức mình những phương tiện đã có trong tay họ để nền móng cho Câu lạc bộ Gi-rông-danh hóa ấy là một phong trào hiện đại cùng loại. Rồi từ khi có trường hợp đa số dân Philip bắt đầu những quyết định của nó. Trong một thời gian dài phía Gi-rông-danh tại đã đã áp đặt các đạo luật, ngay cả trong khi Hội nghị lập hiến bị giải tán họ đã đưa ra một số luật mà sau đó lại phải lập hiến vào "tại văn hiến không tính trong văn bản" (Pháp-Đông)¹. Sau ngày 10 tháng Tám họ đã từ bỏ theo đuổi chủ trương sang phe để lập của phái Gi-rông-danh. Họ đóng bộ tướng làm chủ - mà phái Gi-rông-danh ngày 10 tháng Tám đã trao cho quyền hành pháp - đã từ bỏ bất lực "ngay sau khi các đảng mà họ phụ thuộc vào, đã trở nên không còn nổi trội", "trên thực tế quyền hành pháp đã được thực hiện bởi các công xã - đặc biệt là công xã Pa-ri, gồm những nhân viên có nghị lực và được nhân dân tôn quý. Tại thủ đô cuộc đấu chí đã diễn ra dưới ảnh hưởng của Công xã mà những ủy viên nổi tiếng nhất của nó đã được bầu vào Hội nghị quốc gia" (tr. 54, 55). Do đó phái Gi-rông-danh giữ lập trường thủ lĩnh "Tại cơ các đại biểu nổi trội phân vào một nghị lực của mình và tích cực vào nước chỉ đơn giản theo một vấn đề Câu lạc bộ Gi-rông-danh xuất hiện họ đến Pa-ri. Tại cơ họ bị Công xã - một ảnh hưởng lớn, cũng những đại biểu này đến Pa-ri, sau sự từ bỏ phản đối, điều đó cũng đủ để phái Gi-rông-danh lao đến chiếm các hàng ghế ở phía bên phải, sau khi hai từ quyết tâm của họ, phái Gi-rông-danh trở thành kẻ thù của phái Gi-rông-danh" cũng giống như các đại biểu đứng về phía Công xã trong số cơ đại biểu của Pa-ri (tr. 55).

"Như vậy vào *thời điểm đầu* của kế hoạch Hội nghị Quốc gia đã không bị phân liệt thành các đảng... Các cơ quan lập hiến này đã xuất hiện họ là được muốn áp đặt quan điểm của mình cho hệ nghị sự cơ bản, nhưng bị tan rã thành chiến tranh đã trở nên cho chúng một thanh gươm của họ cho họ tự tại... đã họ về thời điểm cuối của đời và nhân của mình" (tr. 55).

Đảng-tổng, + tr. 56, 57. *Rô-bô-xpi-e, Ma-rát*, + tr. 57, 58¹⁰

"Đa số trong phái Gi-rông-danh cũng không phải gồm những kẻ phản bội, nhưng phái này đã bao che cho bọn phản bội trung thành với mình. Không, đảng này đã không muốn nền công hòa bị diệt vong, nhưng những học thuyết của nó đã dẫn đến điều đó" (tr. 56). Phái Gi-rông-danh là phái làm công phải làm thủ ác để ở trong tổ thể phong trào (như trên).

Ngày 21 tháng Chín 1792 Hội nghị Quốc gia bắt đầu họp. Chủ tịch *Pi-ê-ri-ông*.

Đảng-tổng, + tr. 60, 61, 62.

Hai sắc lệnh được Hội nghị thông qua theo đề nghị của *Đảng-tổng*: 1) "Không thể có bất cứ pháp luật nào lợi không do nhân dân thông qua"¹¹. 2) "Sự bất khả xâm phạm về thân thể và tài sản được sự bảo vệ của nhà nước". Theo đề nghị của *Gi-rô-gia* hội nghị đã nhất trí (thông qua sắc lệnh) 3) Loại bỏ chính quyền nhà vua.

Phái Gi-rông-danh bắt đầu đấu tranh, + tr. 63.

Ngày 24 tháng Chín *Đô-son-ghê* vào vào những núi nguy hiểm để đưa Hội nghị quốc gia tại thủ đô đã đổ ngũ giải lực lượng vũ trang từ các tỉnh về (tr. 63). Phái Gi-rông-danh chống lại Công xã - chỉ từ ngày 10 tháng Tám Công xã đã có hiệu quả ảnh hưởng của phái đó - cũng như chống lại *Đảng tổng* là người đã giữ vị trí thống trị trong Hội đồng hành pháp (tr. 64). Trước ngày triệu tập Hội nghị Quốc gia hầu như tất cả các đại biểu của Pa-ri đều là ủy viên Công xã được lập ra ngày 10 tháng Tám (tr. 63).

Do đó, phái Gi-rông-danh nổi xung lên "chống lại Công xã nguy hiểm này, đặc biệt là chống lại các đại biểu của Pa-ri" (tr. 63, 64).

Vậy là đã hiển nhiên phái Gi-rông-danh đã muốn trả thù về thất bại của mình và về vai trò thâm hại của nó trong thời kỳ giữa hai triều vua bắt đầu vào ngày 10 tháng Tám.

¹⁰ Mãn lịch dẫn bằng tiếng Đức.

Giô-dép Ê-gi-li-ê, thủ tục/ Oác-lê-ông và Giảng Pôn Ma-rét, - tr. 64, 65

"Mọi nhân vật như thế" (Mô-rét) "về không bao giờ ra được chút ảnh hưởng nào nếu như phải Gi-rông-danh theo đuổi chính nguyên tắc nghị lực thông qua ông ta mà không tăng vai trò của ông ta lên và không tạo điều kiện cho ông ta phải trường kì xa công là vũ biến thân, thái độ kiên định, sự bình tĩnh và thái độ khinh thường những sự xúc phạm, - những phẩm chất mới làm lòng tin tưởng chân chính và y thức hy sinh quên mình" (tr. 65).

Ngày 24 tháng Chín người ta đưa ra lời buộc tội gián tiếp đối với Công tá và một số đại biểu Pa-ri "là có ý đồ thiết lập nền chuyên chính".

Ngày 25 tháng Chín. Béc-bê-ru và Rô-bê-ki quy tội cho Rô-bê-qui-e Đàng-tông vận động hoà giải - tr. 66, 67. Phái Gi-rông-danh tiếp tục đưa ra các lời buộc tội. Vác-nhi-ê chống lại Béc-rút - tr. 67

Ma-rét, - tr. 68, 69⁽¹⁾.

Những cuộc xung đột tiếp diễn hàng ngày "tại đoạn giao giữa các bộ trưởng Rô-lăng và Đàng-tông, những lời buộc tội Công tá Pa-ri về những hành động phi pháp, những biểu ngữ của Ma-rét là những cái dễ nổ ra những vụ xung đột vô bổ" (tr. 68). Hình như thắng lợi hầu như luôn luôn ở phía phái Gi-rông-danh (tr. 70). Phái đa số - chưa được tổ chức một cách có hệ thống - đã gian dối và lường lư. "Vậy là đã có một số lượng đông đảo những phần tử công hoà tích cực trong một thời gian dài đã bỏ phiếu cùng với phái hữu thuộc vào số đó có Phi-líp-pô, Cam-bôn, Cnin-lơ-xơ-rê-ô và những nhân vật khác" (tr. 70)

Ngày 29 tháng Chín. Rô-lăng được bầu làm đại biểu của tỉnh Xô-ma, đã tuyên bố với Hội nghị Quốc ước rằng ông ta từ chức bộ trưởng nội vụ Bay-ô-dô đã nghị "yêu cầu vị bộ trưởng ấy ở lại chức vụ của mình: tất cả phái Gi-rông-danh đều ủng hộ ông ta" Phi-líp-pô đã nghị "rằng đến ra lui

yêu cầu ấy đối với Đàng-tông"; Đàng-tông chống lại việc này, tuyên bố rằng, "phương cách duy nhất có thể thực hiện được nhằm giữ Rô-lăng ở lại cương vị của ông ta là tuyên bố cuộc bầu cử ông ta không có hiệu lực".

Cuộc đấu tranh, bức thư của Rô-lăng v.v. - tr. 70, 71⁽²⁾

Đã ban hành sắc lệnh về việc giải tán Công xã Pa-ri. - tr. 73, 74, 75⁽³⁾.

"Những lời buộc tội qua lại được lặp lại càng ngày càng diễn ra theo hướng phía hậu thuẫn luôn mở đầu cuộc tấn công, dựa vào những sự việc xảy ra trước khi triệu tập Hội nghị Quốc ước, và thường xuyên áp dụng một kiểu thái độ ghê tởm của Ma-rét đối với toàn Hội nghị Quốc ước để buộc tội toàn hội phái Hữu" (tr. 74, hãy tham khảo tr. 79). "... Các vụ lỵ ỵ được giữa các đảng phái trong đó những đại biểu của nhân dân đã tiêu phí thời gian quý báu, và sức lực mà lẽ ra họ phải hướng toàn bộ vào cuộc đấu tranh với kẻ thù của nước Pháp" (tr. 79).

Ngày 29 tháng Mười. Rô-lăng, Lu-ô-buộc tội Rô-bê-xpi-e, - tr. 80 và những trang tiếp theo.

"... ông ta" (Lu-ô) "và Béc-bê-ru, không nghi ngờ gì cả, là những con người hành động duy nhất trong đảng của mình" (tr. 81).

"Tôi háng biện mạp mà có nhiều tài của nhân vật mới sau cùng ấy" (Rô-bê-xpi-e) (tr. 82)⁽⁴⁾.

"Các ủy ban của Hội nghị Quốc ước và bản thân Hội nghị Quốc ước đã quan tâm đến tất cả các ngành quản lý và bằng các sắc lệnh những ủy ban ấy đã thực hiện nhiều và thường xuyên những công việc của quyền hành pháp. Mọi khác các hội đồng thị chính cũng đảm nhận một phần quan trọng những chức năng hành chính. Chính quyền dân sự, chính quyền

⁽¹⁾ Xem tập này, tr. 552-553.

⁽²⁾ Như trên

quần áo, ngay cả chính quyền tư pháp - không mới chính quyền nào trong số đó có quy chế thích đáng... Ngay sau khi nguồn tài trợ lập hội nghị công dân theo sáng kiến nào đó để thực hiện một công việc xã hội nào đó thì hội nghị ấy biến động theo can thiệp vào những công việc không liên quan gì đến sứ mạng được trao cho hội nghị ấy... Nếu thực tế có nhiều vô số các quyền lực thì về mặt pháp lý có một cơ quan lập pháp, *Hội nghị Quốc gia*, đã hợp nhất toàn bộ quyền lực của cơ cấu xã hội, và Hội nghị ấy thường hay sử dụng quyền lực ấy; Hội nghị ấy đã thực hiện quyền lập pháp thông qua những sắc lệnh của mình, quyền hành chính - thông qua các ủy ban của mình, cũng như quyền tư pháp - thông qua sự giải thích nội tạng quyền lập pháp" (tr. 86).

"Vội tư cách là trạng thái quá độ giữa thế lực quân chủ để bị thế tiêu và chế độ cộng hoà đang bình thành, vội tư cách là phương tiện chiến tranh chống lại giới quý tộc, chống lại giới lưu vong và bọn kẻ thù ngoại bang, - sự tập trung như vậy tất cả quyền hạn là dấu hiệu thuận lợi, và vội có thể nhìn mạnh hơn là sự cần thiết" (tr. 86).

"Đó là họ" (tức là phái Gi-rông-danh) "đã đòi hỏi phải ra những sắc lệnh buộc tội chống lại kẻ đồng sự của mình; đó là họ đã trao nộp Ma-rat cho tòa án cách mạng, đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm của các đại biểu nhân dân" (tr. 87).¹⁷

Ngày 16 tháng Chạp Bui-dô đưa ra đề nghị về việc trục xuất (hầu tước) Ốc-lê-ăng và các con trai của ông ta; Bui-dô đã ủng hộ Lu-vê và Lãng-giuy-ne¹⁸.

Những mưu mô của Rô-lăng - tr. 88, 89¹⁹.

"Tuy có những thành kiến chống chúng tôi, - song Lu-vê, Rô-lăng, Gou-dô, Pê-ti-ông, Giăng-xơn-nê là những người thật sự và chân thành theo chủ nghĩa cộng hoà" (tr. 90).

¹⁷ Xem tập này, tr. 558-580.

¹⁸ Xem tập này, tr. 553-556.

Về phái Gi-rông-danh - tr. 90, 91¹⁴⁴.

"Những hạt giống của trở ngại động của Hội nghị Quốc gia đã nhanh chóng thể hiện ra trong Hội đồng chấp hành. Vì Xéc-van đã đưa phao rồi bỏ chèo và bộ trưởng chiến tranh vì sao khước từ kềm, cho nên Hội nghị Quốc gia, theo khuyến nghị của Rô-lăng, đã không dự định (ở những ngày Pa-ma) người đã từng phục vụ trong bộ nội vụ thay vào chỗ Xéc-van. Vì bộ trưởng mới đã không chia sẻ những ưu ái cũm và các quan điểm của người đi đầu mình" (tr. 91).

Trong thời gian diễn ra những vụ lỵ nạn trước màn án các ủy ban của Hội nghị Quốc gia đã từ từ không thay đổi như Hội nghị Quốc gia, ủy ban phòng thủ chung do chịu ảnh hưởng của Coo-nô, đã giúp đỡ các địa quân của chung ta và đã chuẩn bị cho những thống bị của chúng ta - ủy ban tài chính - mà Cam-bôn thường là hoa rêu vian của ủy ban này - đã tạo được nguồn dự trữ bằng cách phát hành tiền giấy, được gọi là giấy bạc và đã thường hay bị mất giá rất nhiều, ngoài ra bằng việc đem bán ra những tài sản quốc gia" (tr. 92, 93).

"Cuối tháng Giêng 1793 - phái Núi đã từ bỏ sách lược phòng thủ, có thể là họ đã đi theo sách lược này quá lâu rồi, đến lượt mình, họ chuyển sang tấn công vào phái Gi-rông-danh" (tr. 100).

Sau các chiến của Mác-xen Lu-pê-lét-ơ-cơ Xanh-phô-giô, "phái Gi-rông-danh đã không nắm được cơ hội này" (tr. 101).

Đẳng-tông, - tr. 113 và những trang tiếp theo¹⁵.

CUỘC ĐẤU TRANH CỦA PHÁI NÚI CHỐNG LẠI PHÁI GI-RÔNG-DANH

(Tóm lược)

Từ ngày 10 tháng Tám 1792 bắt đầu thời kỳ hai triều vua.

¹⁴⁴ Xem tập này, tr. 560-566.

Hội nghị lập pháp bất lực, nội các thoát thai từ Hội nghị ấy cũng bất lực. Sự cai quản chuyển vào tay các *hội nghị nhân dân* và các *hội đồng thị chính*, các trung tâm cai quản ngẫu hứng, các tổ chức đo lường vô chính phủ đề ra; những tổ chức này phải thể hiện phong trào nhân dân, vì quyền lực của các tổ chức ấy là quyền lực của ý kiến nhân dân (tr. 44, 45).

Do đó xảy ra sự phân liệt giữa các đảng có ảnh hưởng.

Một đảng này thì muốn khôi phục lại trật tự đã bị lật nhào bởi các sự kiện ngày 10 tháng Tám và thì hành các đạo luật hiện hữu. Các nhân vật chủ chốt trong nội các và trong Hội nghị lập pháp là lãnh tụ của đảng ấy.

Còn một đảng khác lại coi tình trạng vô chính phủ là động lực duy nhất với nhiệt tình do nó khơi dậy. - Đó là sự thay thế tổ chức đã có sẵn, là sức mạnh duy nhất để kháng bên ngoài và bên trong. Các đại biểu của đảng này giữ địa vị thống soái trong Công xã Pa-ri và hầu như trong tất cả các hội đồng thị chính của nước Pháp và có một tiếng nói (Đảng-tổng) trong nội các (tr. 45, 46).

Phái Gi-rông-danh (đảng thứ nhất) không đưa ra biện pháp hữu hiệu nào chống lại dòng thác nhân dân. Trên thực tế các học thuyết của họ chỉ đóng khung ở các bài diễn văn và những bản tuyên ngôn khiến cho họ trở thành những người hoàn toàn mất hết tiếng tăm, nhưng lại không hề có được một ảnh hưởng nào đối với tiến trình phát triển các sự kiện.

Trong khi ấy Công xã Pa-ri phải các công dân đi bảo vệ biên giới. Hàng giờ vang lên tiếng gầm rú của các khẩu đại bác phát tin hiệu về những nguy hiểm xã hội. Tất cả mọi công dân đều được ghi tên vào các chi đội để đứng lên chống lại kẻ thù.

Các sự kiện những ngày tháng Chín¹⁶ diễn ra vào thời gian này.

Nếu phong trào này bị dễ bẹp, thì mọi sinh hoạt xã hội sẽ bị lụi tàn (tr. 46, 47).

Ở tình thế người ta nguyện rửa những vụ giết chóc tháng Chín, nhưng lại căm ơn những người đã ủng hộ cuộc *khai nghĩa* đến cuối để nhốt đầy các công dân - binh sĩ vào các trại binh.

Người ta khinh ghét phái Gi-rông-danh đã không có tinh thần đồng cảm ủng hộ công dân và để chống lại quân đội ngoại bang, đã hoàn toàn không biết kiên quyết chống lại các tội ác, phái Gi-rông-danh chỉ nguyện rửa chúng, nhưng lại sử dụng chúng như là các nguồn loạn tị trở lại nhằm vào các đối phương hàng mình.

Vào thời kỳ bão tố ấy đã diễn ra cuộc bầu cử.

Vào đúng thời điểm khai mạc Hội nghị Quốc ước phong trào khởi nghĩa ở Pa-ri vẫn tiếp tục. Công xã có sức mạnh toàn diện.

Phái Gi-rông-danh là những người đầu tiên tách khỏi phái Núi, Việc những phần tử mới gia nhập phái Núi tỏ ra hết sức thờ ơ tìm kiếm sự đoạn tuyệt được thể hiện rõ qua việc bầu một cách gần như nhất trí Pê-chi-ông làm chủ tịch Hội nghị Quốc ước. Cũng vậy, các ủy viên khác trong ủy ban thường vụ được bầu ra trong số các thành viên có danh tiếng thuộc hội nghị lần cuối¹⁷. Gần như tất cả các đại biểu mới tới không biết gì về những sự bất đồng nội bộ. Rô-be-xpi-e và Pê-chi-ôn, Đảng-tổng và Go-a-dơ đều được họ quý trọng như nhau.

¹⁶ tức là Hội nghị lập pháp

Đang duy nhất bước vào Hội nghị Quốc ước với một học thuyết hoàn chỉnh và kế hoạch được soạn thảo từ trước (phái Gi-rông-danh) đã ngón vào các vị trí ở phía bên phải. Qua hành động rồi bỏ các ghế trước đây của mình ở phía trái và đóng loạt ra sang phía bên phải, họ đã tuyên chiến với phái cộng hoà mới tới. Phái này đã sang phía bên trái, « đó là phần truyền thống đối với chủ nghĩa yêu nước.

Phái Gi-rông-danh chiếm địa số trong Hội nghị lập pháp và đóng thời thống trị trong Câu lạc bộ Gia-cô-banh. Vào thời điểm xảy ra các sự kiện này là thống Tăm họ cho rằng nước Pháp đã ở trong tay họ. Khi triệu tập Hội nghị Quốc ước, họ không hề đoán trước được rằng có thể hình thành một địa số độc lập với họ. Những thời kỳ hai triều đại vua tiếp diễn trong 42 ngày đã làm thay đổi cực diện và tính chất của cuộc hăm dữ.

Hội nghị lập pháp, do vậy chỉ phái Gi-rông-danh nữa, « đã tỏ ra phản náo tình cực trong cuộc dân tranh chống lại triều đình nhà vua. Họ đã tỏ ra yếu đuối và không có ý chí ngay sau khi quyền của họ đã chuyển vào tay họ mà không gặp trở ngại gì. Họ đã không thể kiểm chế được dòng thác tuôn chảy ngày 10 tháng Tám; họ đã tỏ ra vụng về đến mức đem các hân tước ngón ra đến chộp lại dòng thác ấy. Họ đã xem thường công luận, tỏ ra bất lực không ngăn cản được tình trạng vô trật tự. Họ đã làm cho mình mất đi các phương tiện đã có trong tay họ để hướng tiến triển các sự kiện. Hội ấy Cầu lạc ở Gia-cô-banh là chiến phông vũ biểu chỉ rõ công luận. Tại đây, trong một thời gian dài, phái Gi-rông-danh đã áp đặt các luật lệ. Thậm chí ngay trước khi Hội nghị lập hiến bị giải tán họ đã làm đổ nhào em họ một và đổ đổ phái lập hiến vào vòm của không khí trống của phái Phê-li-ang. Đến lượt họ, sau ngày 10 tháng Tám họ đã ở trong tư thế thua thua, sự nổi tiếng của họ bị suy sụp. Hầu như tất cả bọn họ đã rơi

họ hoặc hạ nạy mà họ đã từng ca ngợi âm thầm những công lao của họ, khi nó còn tên thành cơ quan điều của họ; nhưng ngày sau khi hội này bắt đầu suy nghĩ theo cách khác, không xứng họ chỉ trong con mắt của họ hội này - hi là mai táng của bọn nó hoàn.

Tiếp nữa, ngày 10 tháng Tám phái Gi-rông-danh đã nhường quyền hành pháp cho hội đồng bộ trưởng Tăm thời. Hội đồng này không có chỗ dựa trong dân tộc, nên từ em bắt lực ngay sau khi có đảng của nó bị mất tiếng tăm. Trên thực tế quốc hành pháp được thực hiện bởi các công xã, đặc biệt là Công xã Pa-ri gồm những địa biểu tích cực của nhân dân. Ở thủ đô cuộc bầu cử diễn ra dưới ảnh hưởng của Công xã mà các ủy viên nổi tiếng nhất của nó đã được bầu vào Hội nghị Quốc ước".

Do đó, phái Gi-rông-danh có lập trường thù địch ngay từ những giờ phút hoạt động đầu tiên của Hội nghị Quốc ước.

"Tất cả các đại biểu mới, được nổi tiếng phần nào nhờ người lạ của mình và nhờ tình thân yêu nước, sau khi đến nơi đều đã được thu hút vào Câu lạc bộ Gia-cô-banh, tại đó Công xã Pa-ri có được ảnh hưởng to lớn. Cũng những đại biểu ấy đã ngồi ở phía bên trái. Như vậy công đủ để phái Gi-rông-danh của sang phía bên phải. Phái Gia-cô-banh [...] đã trở thành kẻ thù của họ, [...] - do vậy mà họ rằng đã gọi những đối phương mới của mình là những người thuộc phái Gia-cô-banh [...]. Thực tiễn chỉ ra thái độ thù địch của Công xã Pa-ri và đối với các đại biểu của Pa-ri, rồi sau họ càng ghét tất cả những ai ngồi cùng phía mà phái Gi-rông-danh thường ngồi, và những ai trở thành thành viên năng nhiệt của phái cộng hoà. Như vậy, khi khai mạc kỳ họp Hội nghị quốc ước chưa bị phân liệt; Hội nghị này gồm một khối chặt chẽ những người thuộc phái cộng hoà cũng có chung một tình cảm, mà đó họ bất đồng ý kiến về nhiều điểm. Chỉ ở trong lòng nó đã xuất hiện một lò là đám danh muốn áp đặt các quan điểm của mình cho Hội nghị và chuẩn bị tiến hành cuộc chiến để trả thù cho những vết thương đã gây cho lòng họ từ của nó, và để thỏa mãn nỗi tức giận của cá nhân mình".

bổ Xơ là... gọi là những sự vi phạm luật pháp từ phía Công xã Paris và những biến cố của Mác-rét. Hình như, thông tin lâu như luôn luôn mọc ra phía phải Gi-rông-danh. Trong thời gian diễn ra những cuộc xung đột đầu tiên ấy phải đa số vẫn chưa được tổ chức lại, nó vẫn gần đúng trung không, một số lượng đáng kể những phần tử cộng hòa tích cực, trong một thời gian dài, đã bỏ phiếu ủng hộ phái hữu; thậm chí những phần tử ấy ra Philip-pô, Com-bôn, Com-ba-xi-rơ-xơ và những người khác".

Ngày 29 tháng Chín, Rô-lăng, được bầu làm đại biểu tỉnh Xôm-ma, đã tuyên bố với Hội nghị Quốc ước rằng ông muốn từ chức bộ trưởng nội vụ. Phái hữu tỏ ý lấy làm tiếc. Buy-dô đưa ra đề nghị yêu cầu Rô-lăng ở lại chức vụ của mình. Phi-líp-pô thì đề nghị cũng yêu cầu Đảng-tổng làm như vậy. Ông này chống lại việc ấy, - một đề nghị như vậy sẽ là điều không xứng đáng với Hội nghị Quốc ước; phương cách duy nhất để giữ Rô-lăng ở lại chức vụ của ông ta là tuyên bố việc bầu ông ta là không có hiệu lực. Phái Gi-rông-danh kiên trì ủng hộ đề nghị (của Buy-dô). Va-la-dơ thì tuyên bố rằng đối với ông tên tuổi của Rô-lăng là thiêng liêng. Lu-vê, Béc-ba-ru hết lời khen ngợi ông ta. Lần này, các đại biểu của khu trung tâm, Bo-re-rô, Ia-cơ-a, Tuy-ri-ô - họ không thuộc về phái hữu, hay đem lại cho phái đó một đũa sỏ - đã phản đối đề nghị của Buy-dô.

Ngày 30 tháng Chín, Rô-lăng viết cho Hội nghị Quốc ước một bức thư trong đó ông ta tỏ ra muốn trở lại chức vụ bộ trưởng. Trong thư này ông ta rất tự khen mình, dạy bài học cho các địch thủ, gián tiếp quy lỗi Đảng-tổng. Tất cả những lời buộc tội Đảng-tổng và Công xã đều căn cứ vào những sự việc xảy ra trước khi triệu tập Hội nghị Quốc ước, và những lời buộc tội ấy nói lên sự căm ghét của đảng chiến bại đối với đảng chiến thắng.

Ngày mai phái hữu cũng cũng kích động các đại biểu của Paris thì bình vạ Công xã. Sau cùng, đa số ban hành lệnh giải tán cơ quan quyền lực cách mạng này, người ta đòi cơ quan ấy phải có ban hành các. Đa số xuất hiện một điểm tranh luận mới. Ủy ban cảnh sát của Công xã đã tuyên bố về việc chiếm đoạt các giấy tờ quan trọng sau sông các ân nhân phản bội của triều đình. Bên này có một số đại biểu bị hại. Ủy ban này đòi không được thu hồi các tài sản ấy và hay để cho Ủy ban Xơ tiếp tục đảm nhiệm các chức năng của nó cho đến khi có thể có thuận lợi để sử dụng những tài liệu ấy [...] Phải từ rông-danh xem hành động ấy thể hiện ý muốn công khai thừa ủy ban Công xã tiếp tục bất tan hoạt động của mình và phải Nói thì xem các địch thủ của mình là những người quan tâm đến việc hợp pháp sự thật. Mâu thuẫn đến tận hành tranh luận đứng trên góc độ các định kiến của mình [...] Sau cùng, nhưng tài liệu ấy được chuyển cho ủy ban chuyên trách gồm 25 đại biểu, trong đó không có các ủy viên của Công xã, cũng như các đại biểu của Paris, không có các thành viên của Hội nghị lập hiến và Hội nghị lập pháp.

Không thấy bác bỏ điều gì chống lại Công xã cũng như chống lại phái Gi-rông-danh. Thậm chí bản báo cáo của đại biểu Giô-dép Bê-tôn-nê (một phần tử Gi-rông-danh) thật ra cũng biện hộ cho Công xã.

"Những lời buộc tội lẫn nhau được lặp lại hàng ngày và cũng ngày càng thêm cường hơn. Phái hữu luôn luôn mở đầu việc công kích, viện dẫn những sự việc xảy ra trước khi triệu tập Hội nghị Quốc ước [...] Tất cả ý kiến luôn luôn bị trấn áp khi đại biểu phái tả muốn phản biểu Ra-bơ-xi-ô là những tiếng là ó và những 20 thanh mìn cho phái nói diên đàn"

Chỉ nhờ sự ngoan cường của mình Mác-rét mới có cơ hội đáp lại.

Cho đến nay phái hữu luôn luôn chiếm đa số. Phái Nói quyết công phải để mỗi khi vấn đề có liên quan đến những vấn đề nguyên tắc, vấn đề lập lại trật tự, thực thi luật pháp.

Trong các bản báo cáo gửi Hội nghị Quốc ước Rô-lăng không ngừng nhắc lại rằng những tội ác xảy ra trong thời kỳ hai triệu vua đã không bị trừng phạt, gán vào đó những lời buộc tội gián tiếp nhằm vào Rô-be-xpi-e và Đàng-tông, cử đại biểu của Pa-ri.

Rô-lăng tác Diên lên vì Đàng-tông, nhờ ưu thế của mình đã che khuất làm cho Rô-lăng bị mờ nhạt.

Ngày 29 tháng Mười Rô-lăng gửi Hội nghị Quốc ước bản báo cáo trong đó lại nêu tên Rô-be-xpi-e, Rô-be-xpi-e đứng trên diễn đàn để tự bào chữa, nhưng phải bỏ dở bài diễn văn của mình, vì phái Gi-rông-danh la ó và ông ta luôn luôn bị vị chủ tịch Gou-dô ngắt lời.

Những lời đả kích của Lu-vê nhằm vào Rô-be-xpi-e.

Ngày 5 tháng Mười một. Câu trả lời của Rô-be-xpi-e.

"Từ từ phân vãng lên những ý kiến đòi hỏi chuyển sang các vấn đề theo trình tự nghị sự; ngay cả Vao-nhi-ô, Clon-dô, Pê-chi-ông cũng ủng hộ đòi hỏi ấy. Nhưng người còn lại với Lu-vê chỉ có Xa-lô, Bê-va-ru, Lãng-giuy-ơ, La-ri-vi-e-ra. Hầu như mọi người đã nhất trí đồng ý chuyển sang các vấn đề theo trình tự nghị sự. Bê-va-ru vốn yêu cầu được phát biểu để ủng hộ lời buộc tội [...] Sau đó, ông đã xuống hàng tay vịn và muốn phải biểu như người thỉnh cầu và thêm chỉ như người bị buộc tội. Các cảnh tượng bất nhã này kéo dài khá lâu; nó kết thúc, theo thông lệ, chẳng có kết quả gì. - Hội nghị đã không thông qua một quyết định nào" (tr. 60 - 83)

Ngày 16 tháng Chạp. Theo đề nghị của Tuy-ri-ô người ta đã tuyên bố nước Cộng hoà là thống nhất và không thể chia tách. Buy-dô đứng ra để nghị thực xuất hầu tước Ôc-lê-ông và các con trai của ông này; đề nghị của ông được Lu-vê và Lãng-giuy-ơ ủng hộ. Như vậy, phái Gi-rông-danh đã thực

hiện mưu toan lần thứ nhất hồng cắt giảm đáng kể số lượng các đại biểu trong Quốc hội. Tuy nhiên, phái Gi-rông-danh kết bện chặt chẽ với các tay chân của hầu tước Ôc-lê-ông Huy-mu-ri-ô, Xi-le-ri, Bi-rôn, Va-lanh-xô.

Việc các bộ trưởng công khai biểu hiện thái độ ủng hộ phái Gi-rông-danh.

"Khi Lu-vê buộc tội Rô-be-xpi-e thì Hội nghị Quốc ước đã ra nghị quyết về việc công bố các bài luận tội và các bài bào chữa. Rô-lăng đã ra lệnh phổ biến rộng rãi bài diễn văn của Lu-vê, có chủ tịch trước những chủ đầu đày: "To theo nghị quyết của Hội nghị Quốc ước" và chỉ giải hạn việc phổ biến bài diễn văn của Rô-be-xpi-e trong phạm vi các đại biểu của Hội nghị Quốc ước. Như vậy, đồng dân cũng chứng tỏ phải có tin tưởng rằng tướng như thế người ta đã từ chối độ không làm thành với Rô-be-xpi-e. Cùng các trở ngại nghị sự được lập lại với sắc lệnh về việc thực xuất triều đình Bôc-bông. Ngay trước khi tuyên bố biến bản ghi nhận việc thông qua sắc lệnh, - tức là trước khi văn bản sắc lệnh ấy được đưa đi thông qua theo quy tắc chung, - thì theo lệnh của Rô-lăng người ta đã nhanh chóng tiến hành in và gửi sắc lệnh ấy đi 84 tỉnh; trong khi đó việc tri hoãn quyết định số phận của Phi lip-ti-xa-li-ê lại không được công bố rộng rãi như vậy. Như vậy, có thể cho rằng những người ủng hộ hầu tước Ôc-lê-ông đã bằng một hành động bất ngờ để sang ngày hôm sau đại được việc bãi bỏ bản sắc lệnh chống lại ông ta"

Nhưng bất đồng cản trở công việc của Hội nghị Quốc ước đã mau chóng bắt đầu thể hiện cả trong *Hội đồng hành pháp*. Vì Xéc-vau từ chức do bị bệnh, cho nên Hội nghị Quốc ước, theo khuyến nghị của Rô-lăng, đã cử Pa-sơ thay vào chỗ Xéc-văng. Ông Pa-sơ đã từng phục vụ trong hội nội vụ Pa-sơ muốn để lập, hơn nữa ông thường gặp gỡ với phái Gi-a-cô-banh. Pa-sơ là một nhà yêu nước tốt, nhưng là một bộ trưởng chiến

tranh tội. Sau khi buộc tội ông này phản bội, phái Gi-rông-danh đã làm mạnh thêm những tội buộc tội mà từ lâu người ta đã đưa ra chống lại Rô-lăng.

Giấy báo, Đạo luật liên quan đến thủ phạm (thum khảo tr. 93), Sắc lệnh về lương thực (xem bài diễn văn của Lơ-vít-xu, tr. 94 và những trang tiếp theo)¹⁶.

Chỉ hai ba lâu sau khi thông qua sắc lệnh về các tư liệu sinh hoạt lại diễn ra các cuộc tranh cãi về việc xử án Lu-1 XVI. Về vấn đề này sự thất bại trở nên quyết liệt.

Cuối tháng Giêng 1973. Cũng như hội đồng kỷ họp của Hội nghị Quốc ước, những biểu hiện thái độ thù địch vụ voi. Nhưng đã có sự thay đổi đáng kể rõ ràng trong tâm trạng của hội nghị. Từ chỗ phòng thủ, phái Núi chuyển sang tấn công. Cuộc chiến giữa các đảng ở giai đoạn đỉnh điểm.

"Có năm quốc gia từ nay không thể hai tay vào một công việc tử chiến nào đó của nước cộng hòa, chúng nằm một trong hai đảng ấy luôn bị hoàn toàn tiêu diệt.

Vụ giết hai đại thần Mveca Lơ-pơ-lơ-chu-xinh - Phao-giô đã đưa đến sự cải tổ và công khai đoạn tuyệt giữa các đảng cực đoan"

Phái đấm lấy bị một mối bói những âm mưu, những sự đồng danh và thói hu danh của phái Gi-rông-danh, nên phái đấm lấy thường hay liên kết với phái Núi để chống lại phái Gi-rông-danh. Việc Rô-lăng từ chức đã được chấp thuận.

Ngày 28 tháng Giêng. Ủy ban buộc tội Ủy ban an ninh xã hội (trung ủy ban này, ngoài những phần tử Gi-rông-danh, còn có một số phần tử thuộc phái Núi: Ta-li-en, Sa-bô, Bu-di-rô), vì một nhà báo bị bắt, và đội phải giải thể ủy ban này.

"Phái Gi-rông-danh có thói quen thả bọ sinh thiết chế của hun ba để cho nó hưng thịnh trong tay đối phương" (tr. 84-103)

Ngày 8 tháng Ba. Bầu không khí sự sôi mạnh do những thất bại quân sự ở Bỉ của quân đội dưới quyền chỉ huy của Duy-mu-ri-ê. Các ủy viên đã được phái đến tất cả các chi đội ở Pa-ri, cũng như đến các tỉnh, để kêu gọi các công dân cầm vũ khí.

Ngày 9 tháng Ba. Các ủy viên trình bản báo cáo. Người ta thấy vang lên những ý kiến đòi hỏi phải có những bảo đảm đối phó với các vụ âm mưu trong nước. Đã thông qua sắc lệnh về việc thành lập toà án đặc biệt để xử án - bác bỏ quyền kháng án - tất cả bốn phần bốn, bốn âm mưu và bốn phần cách mạng. Tinh trạng sự sôi mạnh ở thủ đô. Nhà in của Gôóc-da-xi bị phá hủy, ông ta buộc phải bỏ chạy. Khẩu dân tỏ ra phấn khích đến mức Hội nghị Quốc ước đã phải ra sắc lệnh về việc đưa thợ làm bánh về lại các hiệu làm bánh của họ và buộc các quan chức lưu dân phải tiếp tục chuyển các công văn khẩn.

Ngày 10 tháng Ba. Cuộc tranh cãi về việc tổ chức toà án cách mạng.

Tình trạng sôi sự mạnh ở Pa-ri. Phiên họp buổi tối của Hội nghị Quốc ước vào lúc 9 giờ. Các hàng ghế của phái hữu hầu như trống không. Sau nửa đêm tâm trạng của các dân đồng tụ họp ở Quảng trường Ê-li-đê đã mang tính chất bạo loạn... Người ta xông vào Cầu lạc bộ Gia-cô-banh và cầu lạc bộ Gôóc-đô-li-ê và kêu gọi khởi nghĩa chống lại Hội nghị Quốc ước. Những đề nghị ấy bị phái Núi bác bỏ¹⁷.

Ngày 11 tháng Ba. Sắc lệnh về toà án cách mạng.

Ngày 12 tháng Ba. Ma-rát lên tiếng chống lại những vụ mưu sát ngày 10 tháng Ba.

Ngày 13 tháng Ba. Những lời phản nân và những lời công kích của phái Gi-rông-danh nhấn sự kiện ngày 10 tháng Ba.

"Phong trào nổi dậy ngày 10 tháng Ba ở Pa-ri là sản phẩm của tất cả các đảng, bởi vì tất cả các đảng đã tham gia vào việc kích động nhân dân, để phái họ đến vùng biên giới. Những cảnh tượng diễn ra ngày 10 tháng Ba là hậu quả tất yếu của sự kịch động ấy. Phái Núi một mình hợp trong hội nghị, trong vòng mấy tiếng nó đã làm sụp được căn sở lực đẩy tính bá chủ của Pa-ri và Xan-ti-rô [...]. Đã có được sự tấn công vì lòng nhiệt thành của mình. Ma-rát và Duy-ba-xơ-xô đã làm cho cả hai câu lạc bộ Kỵ, phái Gi-n-cô-hanh và phái Cốc-dê-lê, dự đi và đi thuyết phục được họ từ bỏ những kẻ họeb đến lợi của họ. Ma-rát là người đầu tiên lên tiếng chống lại những kẻ khỏi xuống vũ lên sớm ngày 10 tháng Ba, ông ta đã thừa được thông qua sắc lệnh luận tội Pháo đài - người Mỹ, một trong số những kẻ đầu têu. La-xuéc-xơ, một phần tử Gi-rông-danh bị kịch động, đã tuân ra không quên những lời khen ngợi ông này tại phiên họp ngày 12 tháng Ba. Sau cùng, [...] tất cả kết thúc vì đảng ghe tằm mà thông thường người ta thổ lộ đối với "người bạn của nhân dân", một dự kiến thuộc phái hữu, là người chính tại phiên họp này đã theo mà Ma-rát. [...] đã nhất trí đưa ra lời khiển trách, có ghi vào biên bản" (tr. 122-123).

Khi ủy ban cứu nguy xã hội mới được thành lập lần đầu tiên thì nó gồm đại bộ phận là những phần tử Gi-rông-danh.

Vài hôm sau ngày 10 tháng Ba phái Gi-rông-danh đã tìm cách trút trách nhiệm lên đầu phái Núi.

"Những phiên họp báo lập đã trở thành thông thường trong Hội nghị Quốc ước. Những cảnh tượng âm [...] Các diễn đàn nhiều khi xem vào giữa những giờ giải lao tại tiếng của các phiên họp. Thế là phái Gi-rông-danh bắt đầu là o rằng ở Pa-ri họ không còn thấy mình được an toàn nữa; họ kêu gọi các lực lượng và trang bị các tỉnh đến giúp. Về phía mình, phái

Nội quy tập cho đôi phương của mình là tuyên truyền nội chiến. Ngày hôm tôi đi như thế trong các cuộc tranh cãi biên biên âm" (tr. 127).

Tuy nhiên cho đến nay tất cả các lần đều thua thiệt quyền bất khả xâm phạm của các đại biểu. Phái hữu là phía đầu tiên xa rời quy tắc này. Theo sáng kiến của Gao-đơ người ta đã đem đơn buộc tội Ma-rát. Ủy ban lập pháp đã soạn thảo bản luận tội. [...] quy định trước sự lên án. Ma-rát đã được tòa án cách mạng nhất trí xử tử sáng hôm và ông ta đã được nhân dân hoan đưa trở lại Hội nghị Quốc ước (tr. 127-128).

Sự kiện này đã có những hệ quả quan trọng. Những cuộc xung đột mang tính chất đảng phái giữa các đại biểu đã mang hình thức các vụ xử án, vụ truy tố Ma-rát là sự mở đầu trực tiếp các sự kiện ngày 31 tháng Năm¹⁴.

Ngày 18 tháng Ba. Thất bại của Duy-mu-ri-ê ở Nê-ec-vin-den. Những bức thư của ông gửi Hội đồng hành pháp chứa đựng những điều xúc phạm đối với Hội nghị Quốc ước (ý kiến của Đảng-tổng về Duy-mu-ri-ê, tr. 133)¹⁵. Phái Gi-rông-danh đã hoan hô những bức thư xúc phạm của ông này.

Ngày 29 tháng Ba. Bức thư mới của Duy-mu-ri-ê đã gây nên sự phản nộ hết sức mạnh mẽ. Sắc lệnh đòi Duy-mu-ri-ê phải ra trình diện trước Hội nghị Quốc ước. Sự phản bội của Duy-mu-ri-ê.

Ngày 3 tháng Tư. La-xuéc-xơ cả gan tuyên bố Đảng-tổng là đồng lõa với Duy-mu-ri-ê (tr. 137). Đảng-tổng tuyên chiến với phái Gi-rông-danh. Ấn tượng to lớn sau bài diễn văn của Đảng-tổng. Trước đó Đảng-tổng đã tìm cách đạt được sự hoà giải giữa hai phía của Hội nghị.

"Mặc dù ông ở đỉnh cao của phái Núi, nhưng ở mức độ nào đó ông đã là thành tự của phái Đám lấy. Ông đã thường hay quả trách tính cuồng nhiệt

của phái Núi, đấu tranh với thái độ ngạo mạn của Gi-rông-danh: ông đã công kích với cách nước phao Gi-rông-danh phải lúc họ phao Núi, thay vì tuyên chiến với phái Phi-líp-pô, như họ mục đích, cũng hợp với mục đích của sự nghiệp xã hội. Về sau của sự ngay thẳng khi có những sự kích thích của nước và, Đàng-tông đã bỏ họ, hợp với các thủ lĩnh chủ vận của phái Núi. Họ đã đi đến thỏa thuận rằng các binh lính nhất trí và chỉ nghĩ đến cuộc đấu tranh chống bọn ngoại bang và lên tay họ. Toàn thể phái Núi đã yên quý Đàng-tông những điều đó và cho rằng ông ta đã đánh giá không đúng các điều. Khi ông ta trở lại tỉnh-lỵ được ra đến mình giữa phái Núi và phái Gi-rông-danh (tr. 133).

"Đến cuối tháng Tư và đầu tháng Năm các cuộc tranh luận đã mang tính chất nghiêm trọng hơn nhiều. Đó không còn là cuộc đấu khẩu từ điển dân, mà đã là cuộc chiến sông mồi. Mỗi bên tìm kiếm sự ủng hộ từ bên ngoài để giành thắng lợi. Nhưng [...] phái Núi, bất chấp những cố gắng đó, đã nghiên cứu giai quyết các vấn đề của nước Pháp, trong khi do phái Gi-rông-danh chỉ nghĩ đến việc tiêu diệt các đối thủ của mình và hoàn toàn bỏ qua đối tượng đấu tranh. Trong suốt hai tháng họ không ra quyết định để về mặt gia tổ dân [...] Phái Núi không chỉ kiên quyết ký bằng cách đưa ra những lời, theo mồi. Nó đưa ra lời buộc tội xâm phạm quyền sở hữu và đi đến tình trạng các chủ sở hữu. Những lời tuyên bố khêu khích họ nhằm mục đích phải đến, xác lập trung tâm chống lại phái Núi - Một giá trị đã đã được thông qua" (tr. 147, 148).

Phái Gi-rông-danh đã luôn luôn có được đa số mỗi khi vấn đề liên quan đến những vụ lợi độc giữa các đảng, - ví dụ, khi thảo luận vấn đề buộc tội Ma-rít, vấn đề vụ lên sơn thành Ba, các đơn thỉnh cầu của các chỉ đội, về ủy ban 12 người... Phái Núi có được đa số trong các vấn đề quan trọng đem chạm đến những lợi ích chung, cụ thể là trong những vấn đề về nước giá trị địa, về những biện pháp tuyên binh cách mạng, về toà án đặc biệt, về công trái cưỡng bức v.v...

Trong thời gian diễn ra cuộc tranh cãi về nước giá trị địa

đã xảy ra trường hợp sau đây. Khi Đuy-cô đứng trên diễn đàn, lên án các biện pháp được đề xuất, rồi đem những phần tử cách mạng thuộc tầng lớp dân nghèo thành thị đối lập với các giới cấp trung lưu, thì người ta thấy nổ ra vụ xô xát ầm ĩ tại một trong số các diễn đàn dành cho công chúng. Con-đô đòi đòi địa điểm họp của hội nghị Quốc nước đến Véc-xây. Một sự tán đồng vang lên ở phía hữu. Lô-vát-xô để nghị giữ vững quy chế các cuộc họp và giới toà diễn đàn. Phái hữu đã chống lại. Phi-líp-pô, Đàng-tông, La-croa đã uống công kêu gọi hội nghị hãy nghĩ đến phẩm giá của mình và về bên phận nhất thiết của nó. Họ đã uống công đòi không được làm gián đoạn việc thảo luận những vấn đề quan trọng nhất chỉ vì một sự cố nhỏ. Căn tức giận của phái Gi-rông-danh được xả ra để rồi lại nguôi đi. Những cuộc tranh luận nóng bỏng. Những sự đã kích nhằm vào chính quyền Pa-ri. Những lời đe dọa trả thù từ phía các tỉnh.

Như vậy hầu chương báo động nội chiến đã vang lên vào giây phút mà vấn đề liên quan đến những lợi ích đã đưa nhân dân đến khổ nạn. Người ta muốn xô giục hai giới cấp chống lại nhau. Phái Núi đã đi cùng với đảng của quần chúng nhân dân, trong hàng ngũ họ có những bản tay gan guốc, nghị lực và lòng trung thành (tr. 152, 153).

Những vụ nổi loạn ở Vang-dây đã biến thành cuộc nội chiến thực sự. Đã cần tiến hành những cuộc tuyên binh mới và những khoản chi phí mới hao tổn các nguồn tài nguyên dân tộc. Đàng-tông, Đê-mu-lanh, Phi-líp-pô, Cu-tông đang tìm cách kiếm ra những nguồn đó. Phương cách duy nhất có thể làm được để thỏa mãn các nhu cầu bức thiết là đưa vào lưu thông các tài sản quốc gia. Công trái cưỡng bức (tham khảo tr. 161 và những trang tiếp theo) áp dụng đối với các công dân có của cải dư thừa.

Phái Gi-rông-danh, tuy lên án các biện pháp của phái Núi, nhưng chưa một lần nào đưa ra một kế hoạch nào khác để chọn lựa. Nói chung họ chẳng làm gì cả.

Do C. Mác gửi vào cuối năm 1842 - đầu năm 1844

Công bố lần đầu không toàn văn trong C. Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập xuất bản lần thứ nhất, III, 1930 và công bố toàn văn trong Marx-Engels Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. 3, 1932

In theo bản viết tay

Nguyên văn in tiếng Pháp

tu tổng Đức

In toàn văn bằng tiếng Nga lần đầu

NHỮNG VĂN PHẨM VÀ THI PHẨM **ĐẦU TAY CỦA MÁC THỜI TRẺ¹⁵²**

(1833 - 1837)

TẬP THƠ TÌNH
TẶNG GIEN-NI PHỐN VE-XTÔ-PHA-LEN,
MÀI MÃI THÂN YÊU CỦA ANH

C. H. Mác

Ber-lin 1836
Cuối thu

PHẦN THỨ NHẤT

*Do C. Mác viết vào giữa tháng Mười
đầu tháng Mười một 1836*

*In theo bản viết tay
Nguyên bản là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

HAI KHOẢNG TRỜI

GỬI GIEN-NI

HÀNH TRÌNH TỚI BÉC-LIN TRÊN XE NGỰA

Rừng xanh thấp thoáng qua
Núi đồi lặn mờ dần,
Tám mắt không bao quát,
Núi rừng lùi lại sau.

Núi rừng rộ nở hoa
Lên trời xanh hiển hoá,
Thượng đế nhẹ nhàng trêu chuốt
Đã làm chúng đổi thay.

Hoài công mong giữ chúng.
Ảo ảnh vẫy gọi ta.
Tâm hồn ta trống trải
Mãi mãi không hài lòng.

Trái tim thoáng cảm nhận
Thanh bình và hạnh phúc -
Nhưng phép màu tan biến,

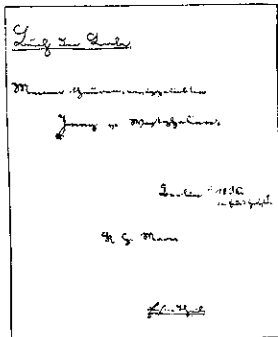
Thần Hoàng đã giỗi cười.

Quang cảnh lướt vọt qua
Không bao giờ lặp lại.
Như đi trên mặt biển;
Sóng đập vô rì rào.

Trên đồng đôi luồn hồi hả
Hai khoảng trời mãi rực sáng -
Một trên cao chiếu rọi
Càng mây cao, sao sáng
Khoảng trời kia trong ngực -
Ấp ủ nỗi buồn vui.
Những ánh sao trên trời
Chiếu rọi sáng màn đêm.
Chỉ một ngôi chiếu mãi
Trên biển cả, bình nguyên.
Ngôi sao kia bừng lên sáng.
Rối vọt tắt ngấm ngấm.
Ngôi sao này chiếu mãi.

Khoảng trời dưới rực lửa,
Tinh thần phục sinh chung
Như sao sa một vùng
Lao đi trong đêm tối.

Âm thanh cùng vắng lửa



HÀNG NGOÀI TẬP THƠ CỦA MÁC "TẬP THƠ TÌNH".
PHẦN THỨ NHẤT

Xa rồi đồng tạo sinh
 Ngươi trao cho con người
 Lửa với âm thanh vang
 Lúc nhẹ nhàng - ray gát.

Suyt xé tan lồng ngực,
 Chúng hát người lên cao.
 Chúng khám phá vùng lạ,
 Nơi cuộc đời đã qua.

Khi vui mừng, đau khổ
 Chìm lặn trong bản thân.
 Người vừa lớn vừa nhỏ
 Thành bóng tối, rang đồng.

Ngon lửa sáng bập bùng
 Do mặt trời sinh ra,
 Làm sáng tỏ hỗn mang
 Xuyên thấu tận đáy lòng.
 Nó giải hòa ánh sáng
 Với bóng đêm bình thản.
 Và trong đó âm vang
 Tâm cao và sâu thẳm.

Chiếu sáng cả cổ, kim
 Là tình yêu vẫy gọi.

Ánh sáng chói hốt anh,
 Chỉ mình em, Giên-ni yêu quý.

Chỉ khi bắt gặp em
 Là tâm hồn đắm đuối
 Chỉ khi em lướt qua,
 Là xốn xang tình cảm.
 Chỉ khi em bình lặng,
 Bầu trời mở trước anh.
 Lửa rực cùng ánh sáng
 Xua tan bức màn đêm.

Khoảng trời trên cao nhất,
 Trên mây cao, sấm chớp
 Là hơi thở tình yêu
 Sáng mãi cho hai ta
 Ánh bình minh rực rỡ.

Chúc sao một ước mơ,
 Bầu trời mãi trong tim!
 Trong tâm hồn đóng dấu.
 Chia lia đường số mệnh:
 Năm mơ chèo vôi ta!

Hai khoảng trời bao la,
 Chìm sâu dưới vực thẳm.
 Tâm hồn cạn kiệt máu
 Sẽ nguội lạnh cùng ta!

MÀN ĐÊM

GỬI GIEN-NI

Màn đêm như dệt từ gai điệu,
 Tình mạch đêm khuya xưa nổi nhớ
 Giai điệu từ trời cao bay xuống,
 Hào hứng bao trùm cả không gian.

Ta dệt lời bay, đan tấm voan như mạng nhện
 Bàn tay khéo léo được ước mơ,
 Phương trời xa tập khán bay tới
 Choàng qua cho em yêu quý, Giên-ni.

Trong lòng tràn ngập lửa tình cùng vui sướng
 Cảm nhận lời hay nổi ngời ngào,
 Ai đó giấu che nhiều năm tháng
 Trái tim thắm kín Chứa bao cho.

Lời hay vang vọng tựa bài ca
 Chìm đắm anh cả tấm hồn, tình yêu trong cô tịch.
 Nếu tim em đập càng tha thiết.
 Nỗi buồn bay bóng khắp không gian.

Nếu như nỗi đau trong ánh mắt
 Tuôn trào đắm lệ vẫn không nguôi
 Đôi má hồng em càng mở nhạt
 Cùng với màu xanh khói mắt em.

Nếu như gánh nặng càng đè trĩu
 Cuộc đời thâm lặng mãi của em.
 Kiếp xích trái gỗ bao năm tháng
 Nếu như em có thể phá tan.

Xua tan nỗi buồn và hoảng sợ
 Thoát khỏi lưới vây khát vọng đen
 Để dung nhan em ngày càng rạng rỡ
 Đẹp thêm bởi huyền diệu nỗi đau.

Anh muốn lao nhanh lời gặp em,
 Thi thắm lời tỏ tình mạnh dạn,
 Anh nói trên đời chỉ có mình em
 Cũng cháy trong lòng ngọn lửa hồng.

Trong tim anh nổi đam mê không khiếp
 Một sức mạnh huyền bí tràn trề
 Làm nó lệ cho trở cười phi báng
 Làm đắm lệ đôi mắt của em.

Số mệnh đôi ta ghi hàng máu
 Của cha ông, ông việc, tình yêu
 Nỗi oan nghiệt sẽ mất đi vĩnh viễn,
 Nấu lửa thiêu cháy rục trên ta.

Anh lúc đó sẽ tràn nước mắt,
 Chia sẻ cùng em hơi thở, tâm hồn.
 Khẽ gục đầu vào ngực em yêu
 Và mãi mãi thiếp đi êm ái

Cuộc đời đôi ta sẽ cùng mất
 Và chúng mình hóa hơi thở vào nhau.

Ý TƯỢNG

GỬI GIEN-NI

Mặc cho cánh vật quay cuồng như
 So với mặt trời em sáng hơn.
 Mặc cho thiên hạ tha hồ rửa,
 Anh nhìn, để em là của anh.

Lâu đời vĩnh cửu từ thời cổ
 Vội cao hơn hẳn những bầu trời.
 Đẹp hơn đất nước đầy mơ ước,
 Sâu hơn biển cả, nổi kinh hoàng.

Biên giới mảnh mỏng là vô tận
 Đúng như Thượng đế sáng tạo ra
 Tạo hóa vĩnh hằng là ý tưởng
 Gọi ra cho anh hình ảnh em.

Chính bản thân em là ý tưởng
 Lời lẽ nghèo nàn sao nói được
 Cái gì không ngừng luôn chảy mãi
 Trong tim rạo rức của anh đây.

LÒNG TỰ HÀO NHÂN ÁI

GỬI GIEN-NI⁽¹⁾

(Xem tr.840-844)

BÀI CA CUỐI CÙNG CỦA CA SĨ BA-LÁT

Thi sĩ đầu bạc trắng
 Đứng lặng giữa đêm khuya
 Với trái tim cô độc
 Sẵn sàng ôm cả thế gian.

Chiếc đàn lia tốt nọ
 Khoác trên vai một mối,

Hạt kim cương lòng lạnh
Toả sáng tựa ánh sao.

Vội học tình duy nhất
Chàng tại thắm thổ lộ.
Mãi tóc quăn từ lâu diễm
Ánh mắt rực lửa hồng

Tiếng cười văng trời rơi
Làn gió nhẹ xôn xao:
"Ngủ đi chàng thi sĩ",
Giấc mộng nào đến cho.

Phóng hẹp ngút ngát sao
Ngọn lửa cháy trong lòng.
Thoát ra từ hầm tối,
Bay lên bầu trời cao,

Những ngón tay gầy dần
Giải điệu nhạc âm vang.
Gọi cho chàng thi sĩ
Khát vọng và đau buồn.

"Ước mơ thời trai trẻ
Lặng xao động trái tim.

Nay tuổi đã xế chiều
Mà lòng nào thanh thản.

Thế gian rộng bao la
Trung ương mù vầy gọi
Bầu trời đêm khuya khoắt
Đáy âm thanh lạ tại.

Thi sĩ cuồng dại lang thang
Chứng nào còn đủ sức.
Lừa lòng chi rẫy tốt
Đuối nắm mồi cỏ dơn.

Trong trái tim sâu thẳm,
Thi sĩ vẫn ấp ôm
Hình ảnh duyên dáng xưa
Trẻ trung đầy hấp dẫn.

Chàng kiên trì đeo đuổi
Theo bóng dáng thân thương.
Niềm vô vọng khôn lường
Như giấc mơ khó bắt.

Bóng dáng luôn vẫy gọi
Chàng cứ đi đến gần

Đi lang thang khắp chốn
Cho đến phút lìa trần.

Trước kia trẻ đầy sinh lực,
Nay đã yếu đã già,
Nhưng vẫn ôm hy vọng
Tìm ra được niềm tin.

Lang thang khắp đó đây,
Không quân đường một nhọc,
Chứng nào ngọn lửa thần,
Còn cháy ở trong lòng.

Thi sĩ đầy ước vọng,
Hãy hát lên bài ca,
Sóng vỗ hòa tiếng nhạc,
Mặt trời lặn phương xa.

Số phận ruộng bỏ người,
Lên đường dài ngàn dặm,
Hy vọng vẫn tràn trẻ
Chứng nào tìm còn đập..."

Khát vọng và đau thương
Bóp nghẹt trái tim người,

Tiếng ca bỗng ngừng hẳn,
Ca sĩ tóc bạc cúi đầu.

Bàn tay già run run
Vịn chặt trên cây đàn
Ngước mắt nhìn không gian
Gương mặt buồn tẻ tái.

Và trụ thật bao lâu,
Trái dài xa bất tận,
Ca sĩ đầy ước hận
Hùng vĩ tựa Chúa trời.

Lời thơ lại vung lên,
Hào hoa không tàn lụi.
Rừng sao trên vũ trụ
Lóng nghe vẫn lặng thính.

"Hình ảnh tình yêu xa,
Khuôn mặt đẹp khó nhòa
Ca sĩ tưởng tượng ra
Là đôi lần có thể:

Khi say mê đắm đuối,
Cất lời ca hân hoan.

Hay trên đây hạnh phúc,
Cất lui ca âm vang.

Khi đông dưới trời đêm
Đáy ánh sao lấp lánh
Tựa thân cây hồng vi
Trong thế giới nồng nặc.

Khoái lạc uống thuốc tiên
Tình yêu như chưa bệnh,
Mắt nhìn không thương thức
Sự tỏa sáng diệu kỳ.

Nhưng trong cảnh đam mê
Máu bỗng nhiên đông lạnh.
Tình yêu trong tâm trí
Bỗng trở thành khổ đau.

Ca sĩ thấy vô biên
Nhưng làm sao ôm xuế?
Thế là chàng vĩnh viễn
Hy vọng và đợi chờ.

Bóng dáng của người yêu
Tựa ánh sao lấp lánh,

Mà thấy từ địa đàng,
Biến dần nơi xa tắp.

Vệ nữ đầy ước mong
Vườn thiếu lòng kiên định
Từ không trung dấy sao
Lướt qua trong chớp mắt.

Chỉ để lại cho ta
Giọt lệ đầy tuyến lệ
Và bài ca - bài ca
Lòng nhiệt tâm bao la.

Đáng âm thanh kỳ diệu
Ta ước mong khuấy động
Những đỉnh núi vợi cao
Và lòng người hên dỏ.

Nếu như tâm hồn chết
Lặng lẽ và thản phục
Để lắng vào bài ca
Cùng lớn thơ hải hòa.

Khi kẻ hèn miệng huyệt.
Lăn cuội ta ngồi ca,
Ngay cả trong giờ đỏ
Sự gần gũi với nắng ..."

Quý nữ mệnh hoàng hành,

Lắc trầu cho cả sĩ

Tuổi trẻ đẹp vinh khang,

Tình yêu không kể tất

Tối sáng khắp bóng đêm.

Để tuân theo ý chúa

Gạt bỏ niềm hân hoan,

Đồng thời luôn bận rộn

Chia đau khổ gian nan.

Lòng tràn đầy khao khát

Cái đẹp ước vọng hoài,

Thấy lấp lánh hào quang

Trong không gian tình khiết.

Ach hào quang rồi chiếu

Lòng hưng khởi sâu xa

Kẻ tha phương bất tận

Mạng tình yêu và Chứa trong lòng.

Khí trái tim chết lặng

Dưới áp lực bên ngoài

Cái đẹp chôn vùi dần

Thần nhiên rời xa sự.

Trần gian đầy đau khổ,

Nỗi buồn trùm bao la.

Thi sĩ được trường thành

Qua đấu tranh bất tận

Lòng khao khát xiết bao

Vừa ca vừa bưng bình -

Nghị lực và trái tim

Đã trở thành nghệ thuật.

Nếu nữ thần hạ giáng

Từ bầu trời bao la,

Vòm trời xanh sẫm tối

Ảnh Thiên kê ra đi.

Tế giới hạnh phúc, hải hồ

Lấn vào vòng tâm tối

Cái đẹp dần còn nữa,

Phân tán thành bụi tro.

Khi anh dạo dưới trăng,
 Khổ đau vì khát vọng
 Giem-ni trên trời cao
 Em có phải của anh.

Nỗi buồn anh vô hạn,
 Đau khổ hết khôn lường
 Nếu yêu, em hãy nhớ
 Cu sĩ cô đơn này.

Kẻ nào mất hy vọng,
 Cái đầu chịu yên phận,
 Yêu em người duy nhất,
 Chỉ biết xa về em.

Lòng đam mê tuyệt đỉnh!
 Nhưng một mối đầu tranh.
 Càng đam mê say đắm
 Cu sĩ càng khổ đau.

Anh bỗng như thấy em
 Giem-ni cùng người khác.

Dàn lia cất tiếng hát
 Điệu cuối cùng về em.

Đứng giữa bàn tiệc lạ
 Đáy ánh sáng tâm hồn
 Chiếc đàn lia tan vỡ
 Càng trái tim nhà thơ.

LỜI THAN CỦA NGƯỜI VỢ CHƯA CƯỚI CỦA KẺ MAN RỢ

BA-LÁT

Nón buồn nàng có bước
 Qua những bụi lau xanh:
 "Những gì thuộc về ta
 Sẽ không còn là của ta.

Đây dòng suối chảy quanh
 Là niềm vui bao la
 Đây tiếng âm thốc đổ
 Nghe xao xuyến lòng ta.

Nơi đây sông dương chảy
 Và nháy nhót đùa vui.
 Nơi đây nó gục ngã

Và mãi tận thiên sự.

Đầu cây cối – là nh địa của ta
Thần cao hơn tất thấy.
Đống tôn rợp xung quanh
Đề hạn cũng xâm chớp.

Trong rừng sâu bao lạ
Ta thường đi hái hoa,
Cùng cành cây xanh mượt
Bện thành vòng đẹp tươi.

Lông chân thành kính cần
Gửi hoa đến thần linh
Cầu mong Người phủ hộ
Tương mẫn từ chúng con.

Tu đi dưới trời giông
Trong ánh chớp màu xanh
Uy lực của hung thần
Đang hoành hành ghê rợn!

Ta cười đùa kiểu hãnh
Ngang hàng với mọi người.
Ước mơ cùng khát vọng
Bày tỏ với trăng, sao.

Ta đi tìm kho báu,
Ẩn giấu dưới bóng đêm.
Theo mọi người đến đâu
Nhiều trong lòng đất nơi đây.

Đã đến lúc chia tay
Gia quyến cùng bạn bè -
Vòng hoa rực tươi tắn,
Tuổi trẻ của đời ta!"

Đâu chỗ nong trên thế gian ?
Đâu nong khổ đau sao!
Nàng đâu đành gục ngã
Trên đất bởi buồn đau!

Xung quanh nàng thung lũng,
Mồm đá với núi cao,
Sức nặng đá xiết bao.

Nàng trở thành nữ lệ.

Tóc xỏa, lời thốn thức

Đầu cúi gục sát đất

Nhưng chỉ nghe phía xa

Tiếng mẹ già cau có.

Nét mặt bà nhăn nhúm,

Tựa lớp sóng đại dương.

Thái độ đầy ác cảm

Làm khiếp đảm mọi người.

Nét mặt bà giận dữ

Sầu nào mãi chẳng thôi.

Và lời nói ngọt ngào

Không còn nghe thấy nữa.

Cổ đeo tràng hạt nhỏ,

Hai bên vòng tai đeo

Bà đứng lên sông sông

Giọng nói tựa sấm vang.

"Cổ kia chú trốn chạy

Đừng đùa cợt với bà

Đam cười đã định ra.

Liệu thân mà khuất phục!

Sau hồ bà trang điểm

Lộng lẫy tựa thiên thần

Sẽ xinh hơn tất cả,

Con gái đẹp của ta.

Bà đã khâu áo cười

Từ sợi cỏ rừng xanh,

Mềm mại và mỏng manh,

Xong khôi thơm ngào ngạt.

Hãy đi ra chào đón

Hàng xóm với quà mừng

Vang vọng từ núi rừng

Tiếng ca ngân thánh thót".

Cô gái tỏ hải hùng.

Trước bà mẹ lạy van.

Màu dưng trong tằm cau

Khóc than xin tha thứ:

"Nhà tranh còn rộng chỗ
 Cho hai mẹ con mình"
 Có sao mẹ cố lén
 Đuôi con ra khỏi đó ?

Không gì khổ trên đời
 Hơn kiếp người nô lệ
 Hy sinh đâu có dễ
 Cho người chồng và phụ ?

Huân tự do chạy nhảy
 Qua thung lũng, đồi xanh.
 Chìm tự do tung hoành,
 Cùng trời mây bay bổng.

Nước bình thản lặng trôi
 Từng đợt qua bậc bậc
 Nước tung thành cơn trắng
 Qua khe núi nước reo.

Lối thoát của ta đâu ?
 Xung quanh đều tường chắn

Chưa bỏ quên ta hẳn
 Ai sẽ cứu vớt ta ?

Còn vài khi bị giết,
 Chúng cũng biết vẫy vùng
 Ngựa nổi không chồm dấy,
 Khi bị đóng yên cương.

Cây sỏi khi ta dồn,
 Đổ xuống tiếng vọng xa
 Tận như lời kêu ca
 Của thần linh lòng đất.

Còn ta đẩy con châu
 Thần linh thuê xa xưa.
 Đau khổ thật khôn cùng
 Phai làm thần nó lệ!

Nổi buồn sau khôn tả -
 Phải hiến dâng tất cả -
 Từ tấm thân rạn rẫy
 Tới bộ ngực trinh nguyên.

Sẽ không còn hơi thở
 Của ta như ngày nào,
 Ta run rẩy xiết bao
 Làm vật đem cúng tế.

Những gì ta đã khát khao kiếm
 Và những gì ta đã kiếm được
 Giờ đây đã mất hết,
 Với người ta đã chết.

Ta chạy cùng muôn thú,
 Nơi sông trèo vách đá
 Tối ghênh, đá, hang sâu
 Nơi nỗi sợ ngó nhìn!

Ta yêu người mền mọ,
 Một tổ ấm gia đình,
 Hien nhân này tang tóc,
 Số kiếp nghiệt ngã thay".

Tăm khăm bà mẹ già
 Bồng bưng lên ký ức
 Những năm tháng xa xưa

Tựa mặt trời le lói

"Chiều chiều con sẽ nghe
 Chồng con chẳng đáng gì
 Chiến đấu chống kẻ thù
 Tinh thần không nao núng.

Chẳng bao lâu sắp tới
 Con cái sẽ đẩy nhà
 Toàn tâm con dạy dỗ,
 Chiều chuộng và vuốt ve".

"Niềm vui nào có được!
 Từ những chiến công kia -
 Hân sẽ hưởng thụ vui
 Từ nỗi buồn con đó.

Liền hành hạ lũ con
 Hung dữ và cực cần
 Hân chờ lời nhẹ bóng
 Vì hân đã đánh con".

Bà mẹ già nổi giận.

Trong lòng đầy cảm hân,
Nhìn con gái chăm chăm
Thái độ lạnh xiết bao.

"Chắc mày lại tưởng rằng
Cao sang hơn người khác ?
Mày cũng sẽ nhận được
Những gì số mệnh cho !

Hãy làm theo ta muốn
Nếu hướng bình cũng đâu,
Ta sẽ lời tức mị
Cột vào cây bêu diều".

"Nếu vậy con xin chịu
Để nổi nhục vào nhà!"
Toàn thân năng run bắn
Tóc dựng ngược hải hùng

Kiệt sức nâng gục ngã
Miệng kêu rên buồn bã
Nhưng rồi năng bật dậy
Đi tới chỗ hân hoan.

Hầu trời sáng phương xa
Núi rừng đầy hào khí
Xa nhà khổ nhân gian
Càng lo toan thương nhất.

Theo quy luật tự nhiên
Cây cối đâm chồi lộc
Chỉ riêng một tâm hồn bất hạnh
Chỉ riêng một trái tim ngừng đập.

ĐÊM CHIA TAY GỬI GIEN-NI

I

Cảnh đêm lần lượt trôi trước mắt,
Đùa vui nhộn nhịp hiết như sóng nào!
Cảnh đêm biến dần ngay trước mắt,
Lại xuất hiện ra trong ánh huy hoàng.

Đôi ta bị rịn chưa muốn xuống
Khỏi ngọn đồi cao dưới vòm trời.

Trên đó đôi ta lòng rạo rục
Thường thức thiên nhiên thật diệu kỳ.

Vòm trời đầy sao cười rạng rỡ
Nhưng cả đôi ta có thấy đâu
Bởi vì trong ta bùng ngọn lửa
Thán kỳ rục rịch tuyệt làm sao!

Nhà cửa, tường rào xung quanh đó
Lùi vào đêm tối phía sau.
Chính vì cao nhất trong vũ trụ
Là cái nhìn sâu thẳm, sáng ngời.

Anh bị cuốn hút sâu thẳm thẳm
Vì ngắm nhìn sắc đẹp em yêu
Trước mắt hiện dần cao vời vợi
Hình ảnh của em thật tuyệt vời.

Đôi ta thì thêm lời to nhỏ
Dịu dàng kín đáo, khẽ bên tai.
Những lời êm ái vang mãi mãi
Như thể sấm trời trong chúng ta.

Thế nhưng âm sắc không truyền nổi
Thực chất trong lòng của chúng ta
Ý tưởng lo âu và sâu kín
Xâm chiếm tràn đầy lồng ngực ta.

Bàn tay siết chặt của hai ta
Nói rõ hơn nhiều lời thiết tha.
Ánh mắt của em sâu thăm thẳm
Rực lửa tuyệt vời chỉ sánh kịp.

II

Những kẻ khác vui chơi có thể
Suốt đời trong màu ước niềm vui
Lòng khát khao của ta chỉ đủ
Khi tình yêu thêm một lời thề.

Em lặng lẽ tặng anh búp tóc,
Tóc sẫm màu mềm mại của em,
Tóc bện thành vòng nhỏ xoắn quanh
Kết tình yêu nghệ thuật quện hòa.

Dưới chiếc vòng tóc bện của em
 Trong những nút kết thành từng khối
 Là tên em biểu tượng tình yêu.
 Như tiếng gọi từ miền ưu tú.

Trong tên đó còn nghe tiếng thờ
 Của chiến thần thủy mị địa hiền
 Anh nghe thấy Chúa trời kêu gọi
 Trong tên em xứ sở thiên hà

E lệ tên em ẩn giấu mình
 Trong búp tóc quấn màu sẫm,
 Tình yêu, ca khúc - ôi kỳ diệu
 Trong sách nhạc em vừa từ được đây.

Anh chưa bao giờ đọc nhiều như vậy
 Chỉ vẹn vẹn trên cơ một tờ
 Nỗi đau lắng đọng rưng rạo xuyên
 Nhỏ tiếng nhạc xa thoáng bay đi.

Vùi sâu vào sách như biển rộng
 Quả là vô ích những hoài công

Trong tim tôi khổ đau còn đó
 Tất hân trọng trao vẫn như xưa

Và thế là anh tìm thấy được
 Cuốn sách tuyệt vời nhất thế gian,
 Chưa khỏi cho anh mọi nỗi
 Chỉ có tên em đây, Giem-ni.

III

Giem-ni, anh hôn búp tóc em
 Mỗi khi anh vào buồng tình dậy,
 Anh luôn giữ trong trái tim mình
 Lúc đêm khuya, trong lúc mơ màng.

Nó đem lại giấc mơ huyền diệu
 Từ tâm hồn không nổi lo âu
 Những giấc mơ vươn tới trời cao
 Đến nơi em Chúa trời ban tặng.

Nếu như lời bài ca im lặng.

Phố trước anh xuất hiện bóng đen.
 Anh chỉ cần chạm vào bắp tóc,
 Tiếng đàn tranh tuyệt diệu vang lên.

Vòng quanh anh thần linh ca hát
 Cầm tay nhau múa điệu tình yêu,
 Họ cùng nhau dạy giải điệu mới
 Làm rạng thêm cho những vòng hoa.

Dù đến chết anh đây có thể
 Mãi không nguôi nhìn ngọn lửa hồng
 Trong tiếng nhạc ngân nga vang vọng
 Hòa lời ca ân nhịp tâm hồn.

Em ngân vang trong bài ca đó.
 Hơi thở em hòa nhịp đều đều.
 Trong em bài ca có đầu có cuối,
 Giây phút nào trong đó cũng có em.

Ước vọng đây cũng chỉ mơ hồ
 Anh cảm thấy tại nơi hoang vắng,

Nhưng sự mệt mỏi
 Của tâm hồn khát vọng điều gì
 Lại âm thầm khó tả.

Em đã cho anh ánh sáng dẫn đường.
 Để anh khỏi lạc đường trong bóng tối
 Bởi anh đã rạng rỡ thần tiên
 Em - ánh mặt trời của anh trên trái đất.

IV

Anh tặng em bó hoa tươi thắm
 Trong lòng anh ghen tị với hoa -
 Chúng rực rỡ hài hòa màu sắc
 Như lửa hồng trên trái tim em.

Hoa rực rỡ nói lên âu yếm
 Thần tình yêu bản chất của em.
 Màu sắc tươi - vẻ đẹp tinh thần
 Tất cả mọi điều duyên dáng biết bao.

Hoa héo đi thanh bình em à
 Trên ngực em chốc lát ngọt ngào
 Giá như anh trong vòng tay đó
 Được chết đi như những bông hoa.

Những ước mơ anh thật hào huyền
 Em có thêm lời nhìn hoa đỏ,
 Tâm hồn em đã gặt bó anh
 Anh đâu thấy lòng thành em nữa.

Những gì trong tâm hồn ước vọng
 Chỉ là ảo ảnh, nói say sưa
 Em khước từ anh trong tình cảm
 Tình yêu đây trở thành góa dối.

Lòng nhiệt tình lóa lèn chói lọi
 Và em đây cảm thấy điều này.
 Em không ràng buộc mình mãi mãi
 Những ước mơ vẽ dựng tốt vời.

Vì dịu hiền mà em không muốn
 Làm người đi hướng phần người yêu
 Trong ngọn lửa lòng chàng bùng cháy.
 Ngọn lửa này lan tỏa sang em.

Hình ảnh chàng rồi bỏ xa em
 Rồi khuất hẳn trong màn sương phủ
 Tâm hồn trong giây phút si mê
 Một thân tình mỏng manh tan vỡ

V

Lúc nửa đêm thời gian đã điếm
 Anh áp mình vào hạp tóc em.
 Siết chặt em với niềm âu yếm
 Những phút giây không thể nào quên.

Nơi đây hàng trở thành Thánh địa
 Những thần linh nhảy múa vòng tròn
 Cảnh xung quanh tràn đầy ánh sáng
 Giữa màn đêm suốt hiện mặt trời.

Khuất phục bởi sức mạnh tình yêu
 Em lại quay về đến với anh.
 Anh hạnh phúc tràn trên lồng ngực
 Nét cười em rạng rỡ xung quanh.

Cặp mắt kia không ngừng mở rộng.
 Vẻ dịu hiền, kiêu hãnh trong em
 Cả tình yêu hòa lẫn buồn đau
 Kim cương là mỹ nhân trần thế.

Đêm lặng là trời trong bối rối
 Cảnh thiên nhiên sáng rực như ngày

Quả ngọt nhiên khi anh nhìn thấy
Thị ca vàng của đất mẹ tu.

Khi anh thấy rõ ràng tất cả
Nhưng ước mơ như suối cuốn anh,
Nhưng cảnh vật trằm trong mơ ảo
Thấy rồi song không hiểu vì sao.

Lòng kiên nhẫn của anh đã thắng,
Chân lý rồi cũng chẳng bỏ anh.
Nhưng ảo ảnh mờ mờ trước đó
Đã trở thành cuộc sống hân hoan.

Trước mắt anh hiện lên cảnh đẹp
Xán lạn hơn cả những si mê.
Âm nhạc cùng thị ca vang vọng
Anh thấy trời trên mảnh đất này.

VI

Anh vươn tới niềm vui qui nhất
Cuộc sống thâu tiên lời ruồn anh
Anh gạt bỏ cuộc đời hạn hẹp
Và mơ ước thấy đấng thần linh.

Anh tìm thần linh trong thế gian y tưởng
Giữa ước mơ và mơ tưởng xa xôi
Ở trên trời nơi sao lấp lánh,
Trong hơi thở ấm áp hoa hồng.

Nhưng chúng không thể nào thấm thấu
Ước nguyện trái tim nóng bỏng của ta
Nơi nào không nhịp đập ấm áp trái tim
Nơi đó không thể con mơ ước.

Giờ đây trước ta nâng rang rỡ
Trong ánh hào quang sắc đẹp ngời
Tâm hồn run rẩy vì hạnh phúc
Mỗi khi nhìn thấy nét mặt duyên.

Anh đây lặng lẽ ôm em chặt -
Kho báu chẳng dành cho kẻ khác
Giờ đây tim anh đang rực lửa
Ngọt ngào ấm áp bao nhiêu.

Cuối trời anh có thể cùng em
Đi tới nơi nào không sợ hãi
Hư vô vui vẻ như trái núi
Vùng trời nào gió lạnh tim tu.

Hỡi trời, chúng ta trên vực thẳm.

Vực này ghen tị bởi em đi
 Anh chớp tồn thương hao ta thể
 Có em rồi sẽ phải chia ly.

Lần nữa anh ôm em đã điết,
 Siết chặt tay em - và lúc ấy
 Cánh cửa bỗng lì dọng đánh sấm
 Giữa chúng mình là đất, nước trời.

CÔ GÁI BỊ HÀNH HẠ

BA-LÁT ¹⁸

(Xem 10.834-838)

NHỮNG BÀI XÓ-NỀ KẾT THÚC

GÚI GIEN-NI

I

Hãy nhận bài ca, và c lệ
 Dạt tình yêu dưới chân em.

Tâm hồn bốc lửa bài ca ấy
 Ngọn lửa truyền sang có chiếc đàn.

Dư âm bài hát còn vang vọng
 Trả lời tình được ở nơi em
 Trái tim thổn thức càng đập mạnh
 Cảm thấy âm thanh tung cánh bay -

Đập từ cửa em vang vọng lại
 Từ những phương xa đầy cảm hứng
 Anh sẽ đấu tranh càng dũng cảm,
 Sương mù không khuất nổi bài ca.
 Lời thơ của anh vang hùng dũng
 Nhưng chiếc đàn lia lại khốc thinh.

II

Anh đau đớn vinh hoa trần thế
 Đang tự hào hay khắp thế gian.
 Kẻ chiến bại kêu gào thảm thiết
 Và ngợi ca danh tiếng hơn mình.

Chỉ ánh mắt của em rực sáng
 Ngọn lửa hồng của trái tim em
 Những giọt lệ mà em nhỏ xuống -
 Đây chính là ánh sáng của anh.

Chỉ khi nào sức anh có thể
 Qua tiếng đàn bay tỏ tâm hồn
 Trước khi chết nếu anh biết được
 Anh sẽ là nghệ sĩ lành nghề
 Làm em dịu bằng bài ca sướng vui và đau khổ
 Bởi chính là phần thưởng cho anh.

III

Những chiếc lá kia có thể bay,
 Một ngày nào xuống dưới chân em.
 Anh đây mong muốn sa vào lưới
 Của ước mơ và nỗi khổ đau.

Trong tư tưởng nảy ra một ý -
 Bâng con đường đừng cảm đi lên.
 Nhưng khi vươn tới điều cao thượng,
 Trên trần gian chỉ thấy khổ đau.

Khi ngôi nhà tổ ấm ước mơ
 Vẫy gọi ta từ phương xa thăm,
 Khi lang quân ôm ấp chặt em
 Trong tình cảm hân hoan, khoái lạc...
 Trước mắt anh như ánh chớp lóa
 Nổi bật vờn và... sự bỏ rơi.

IV

Hãy thử lỗi, lời tâm sự đó
 Cùng tiếng cười của trái tim đau,
 Đã thoát ra từ lời thì si
 Bị mối tình vương bỏ suốt đời.

Anh chưa thể xa rời trần thế
 Chỉ mình anh lại kết bạn với mình
 Anh không có ước mong nào khác
 Ngoài hát vang ca ngợi tình yêu.

Anh ước mơ bay bổng thật cao,
 Thế nhưng em lên cao hơn nữa.
 Anh giữ đây chỉ cần nước mắt
 Muốn rằng em chịu khổ lắng nghe.
 Cho thi sĩ niềm vui ngán ngùi
 Để rồi đi xuống mộ yên lòng.

Cát Mắc

MỤC LỤC*

<i>Hỏi khoảng trời. Gửi Gien-ni</i>	1-4 [667-671]
<i>Màn đêm. Gửi Gien-ni</i>	5-7 [672-674]
<i>Ý tưởng. Gửi Gien-ni</i>	8 [674-676]
<i>Long tự hào nhân ái. Gửi Gien-ni</i>	9-13 [840-844]
<i>Bài cơ tuổi cùng của ca sĩ. Ba-lát</i>	14-22 [575-582]
<i>Cô gái xanh xao. Ba-lát</i>	23-28 [849-856]
<i>Lu-xin-da. Ba-lát</i>	29-41 [805-815]
<i>Tình yêu ca sĩ. Gửi Gien-ni</i>	42-46 [682-687]
<i>Lời than của người vợ chưa cưới của kẻ man rợ. Ba-lát</i>	47-58 [587-597]
<i>Đêm chia tay. Gửi Gien-ni</i>	59-70 [597-608]
<i>Cô gái bị hành hạ. Ba-lát</i>	71-74 [832-834]
<i>Những bài xô-nê kết thúc. Gửi Gien-ni</i>	75-77 [608-611]

TẬP THƠ TÌNH
TẶNG GIEN-NI PHỒN VE-XTƠ-PHA-LEN
MÃI MÃI THÂN YÊU CỦA ANH

Paris, 1836
Tháng Mười một

PHẦN THỨ HAI¹⁸⁵

Do C. Mác gửi vào tháng Mười một 1836

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

* Sau dấu đề của mỗi bài thơ là số trang do Mác ghi trong bản viết tay. Trong nước ngoài là số trang các bài thơ in trong tập này.

BỮA HỘ MỆNH

Những năm tháng không ngừng
Vượt nhanh qua vô trụ
Như dòng thác vĩnh hằng
Đổ ảm trong đêm tối.

Tôi mỉm cười nhìn chúng
Vội vã trịch thượng cao
Trong chuyển động lao xao
Tôi biết điều bí mật.

Bởi vì tôi tìm được
Bữa hộ mệnh phòng thân
Với nó hằng tâm hồn mạnh
Chứa khỏi mọi vết thương

Khơi dậy nguồn cảm hứng,
 Ý vị giàu cốt người,
 Chiều sâu lòng khát vọng,
 Tình yêu và đau thương -
 Vai trò hồn họ mệnh
 Là đổi thay kể trên.

THUỐC ĐỘC

Anh chạm vào tay em
 Bằng nụ hôn nhẹ nhẹ
 Bỗng nhiên có đàn quì
 Xấu xí tâm hồn anh.

Chát độc thấm ngực anh
 Từ đôi tay đượm mật
 Đau buồn trào ánh mắt
 Một thời hạnh phúc thay!

Anh cần đấu đời trước
 Hỏi nàng tiên hiệu cho:
 Nếu cho anh độc tố,

Hãy mang theo đời anh.

Vết thương gây nên bởi
 Độc tố ngọt ngào của em
 Chỉ có thể chữa được bằng cách như vậy,
 Anh chết vì bị em đầu độc
 Nhanh lên hơi tình yêu.

BÀI CA VỀ CÀI GIÁ ĐỒ

Cao cao trên giá đồ
 Thân họ mệnh của ta
 Ngải vẫy đời cánh nhẹ
 Gửi lời chào tới ta.

Nét mặt ngải rạng rỡ
 Như thể lúc đang bay
 Ngải cảm thấy hạnh phúc
 Và hơi ồm cuộc đời.

Ngải - người bạn duy nhất
 Gác cuộc sống bình yên

Ngại nhẹ nhàng theo dõi
Từ giá đỡ cao vao.

Bài ca ta vụng vụng
Được bao sức trẻ trung
Ngài đầu thêu nổi buồn
Vì không sinh ra nó.

Đấy tạo hoá - thiên thần
Người bạn mới trong tim
Bài ca tôi mô tả
Vẻ đẹp nét mặt Người.

Tình tượng đó quá sai
Không tồn tại như mơ
Người xa lúc xa lạ
Nhưng vẫn gần bên cạnh.

BÀI CA GỬI CÁC VÍ SAO¹⁶⁰
(Xem tr. 846-848)

HAI NGÔI SAO

CẦU ĐÓ

Trên nền trời xanh xa thăm thẳm
Hai ngôi sao sáng thật tuyệt vời.

Chúng suốt cuộc đời hay tìm gặp
Nhưng mà mãi mãi đôi lộn nhau.

Trên đôi cánh sáng bay nhẹ nhẹ
Để một lúc nào chúng cùng văng.

Duyên thâm đôi lứa vừa bốn tới,
Nháy mắt ngón tay lại giằng ra.

Tên tuổi đôi sao em có biết ?
Nhưng, Giên-ni, anh nói thật:

Chúng ta đâu phải những ngôi sao
Chính vì hình em anh vẫn giữ.

Em hãy nhìn xem qua tình tôi
Qua nỗi giận hờn, vắng nguyên từ.

Nỗi buồn đau khổ cũng tình ai
Của anh khao khát mãi tình em.

THẾ GIỚI CỦA ANH

An ưi nỗi buồn của anh đâu phải thế gian.
 Cũng như sự hỗ trợ nhiệm mầu của thần thánh.
 Sức mạnh tinh thần còn cao hơn thể
 Sức sôi ập ủ trong lồng ngực ta.

Ta chứa trong mình hào quang tinh tú.
 Ánh sáng ấm nóng vô số mặt trời.
 Lòng dâng cảm ngời ngời vô hạn
 Và khát vọng to lớn biết bao.

Hãy nhìn! Trong cuộc đấu tranh khốc liệt
 Như thể có bùa hộ mệnh toàn năng
 Đẩy ta tới mục tiêu xa tắp
 Bị sương mù dày đặc phủ che.

Cánh đồ nát xung quanh càng sôi dâ.
 Nỗi buồn của ta ghi tạc ở đây.
 Ngọn lửa vĩnh hằng sáng rực trời mây
 Với ta là đóm lửa trần đầy hy vọng.

Con người dự tính không gian rộng lớn!
 Cho những ước mơ bay bổng lên cao!
 Nhưng chỉ hương của ta bất động
 Chết lặng như tờ bên cạnh vách kia.

Gien-ni! Em có hỏi anh ý nghĩa.
 Nội dung bí ẩn của những từ kia?
 Nếu như vậy là phí công vô ích.
 Từ ngữ, anh hoài công làm nhẹ ngực đi.

Nếu như em thấy được ánh hào quang
 Đôi mắt em sâu hơn trời thăm,
 Sáng ngời hơn mặt trời cũng tinh tú
 Tự mình em cũng sẽ đoán ngay ra.

Khi tận hưởng cuộc đời và cái đẹp
 Anh khát khao nắm chặt tay mềm.
 Không ngần ngại mọi lỗi quá trách
 Gien-ni, em cần quyết định ngay.

Ồ! Chỉ hơi thở môi em là đủ,
 Những lời nói ra nồng hậu trái tim
 Để sức mạnh ước mơ nóng chảy
 Bay bổng lên cao vào cõi mộng mông.

Nó khuấy động thâm kinh và máu.
 Làm đảo lộn sập thẳm hồn anh.
 Tự như có một nhà thuật sĩ
 Giãn dữ tung ảnh chớp vào ma.

Nhưng sức mạnh âm thanh, lời nói
 Chẳng lâu bền, như thể màn sương.
 Chỉ khi thổ tình thần vô hạn
 Như Gian-ni và Vũ trụ bao la.

BÀI CA NGƯỜI KÈO CHUÔNG TRÊN THÁP

Tiếng chuông và tiếng chuông
 Báo động vang vọng xa
 Trong bão táp, mưa sa:
 Con gió nổi trong mây
 Tung bụi mù khắp chốn,
 Trong chớp mắt bao quanh
 Vòm nhà và tường chắn
 Lớp mây phủ kín che.

Nhà cửa rung âm ám,

Mọi người nhìn tận mắt
 Ghế ngồi bay tử tung
 Tim tự do khao khát,
 Bồng xung quanh rung chuyển.
 Xiềng xích giật đứt tung,
 Sấm rền trên không trung
 Bồng nổi lên vang vọng

Giữa bức tường lộng lẫy
 Trong xiềng xích mong manh.
 Sức mạnh thật bất khuất
 Tích tụ sức ép dần
 Sức nổi lên giận dữ -
 Xiềng xích bỗng bật tung
 Sức tái sinh lần nữa
 Để giành tự do mới.

Chống đối nó sao đây?
 Nó cuốn như cơn rần,
 Rồi sẽ dẫn đến đau
 Tất cả đều tan vỡ,
 Diệt vong, rồi biến mất,
 Thành thi vật tiêu tan.
 Dõi theo những biến đổi
 Mất ta một môi rồi.

Nhưng con yêu quái đó
 Vẩn nổi gió đồng dâng
 Bay to nổi bất bình -
 Cảnh vật quanh đen tối,
 Trút tình yêu tội lỗi
 Và liền mình nữ tử
 Đen tối của tình yêu
 Vững thêm dưới ánh chớp.

Lời mê sảng của chúng
 Được hòa vào cùng nhau.
 Ánh sáng của tâm hồn
 Vút lên thành ngọn lửa.
 Nó rực hồng chiếu sáng
 Làm rạng rỡ thế gian
 Nó ước mơ bay cao
 Nhưng hổ nhào xuống thấp.

Đoạn tuyệt với bản thân,
 Tinh thần nó bay bổng
 Chiến đấu với xung quanh
 Đồng thời làm leo tốn
 Tầm vóc của sức mình
 Những gì trong khát vọng
 Tới cái đẹp, cháy hồng

Là do Chúa tạo ra.

Đội đông ca thần thánh
 Ảnh lên trong tình yêu.
 Vút lên trên trời cao
 Bao trùm vòng rộng lớn
 Cùng đạt tới đỉnh cao
 Liền lao ngay xuống dưới.
 Triệt phá đi tất cả
 Cảm thù cả chuyển bay.

ÁNH ĐÈN

Vào đêm hôm thiêu ngữ
 Một môi vì nóng bức
 Ta thắm lặng say sưa
 Cuộc chơi hồn đau đớn.

Đời mãi đầy niết mạt
 Khờ nhắc chiếc đèn đêm:
 "Phải chăng niềm yên tĩnh
 Không có trong hồn đau!"

Bằng hơi thở nhẹ nhàng
Ta thổi tắt ngọn đèn
Như trên đáy bóng tối,
Làn khói nhẹ tỏa bay.

Ó! Đôi khói đáng thêm,
Để dâng hay tan biến?
Đến sâu niếm ước mơ
Cùng lụi tàn như thể thời,

Em muốn yên lừa lòng
Bằng hơi thở của mình?
Nếu vậy anh hãy tới
Đất nước của ước mơ.

Không tôi nói tâm tôi,
Mà tôi vùng trời bao,
Nơi từ lâu tỏa sáng
Ánh mắt em dịu hiền.

Anh mong sao vĩnh viễn
Em sẽ là ước mơ,
Hạt kim cương tinh tú
Đẹp tuyệt vời bao quanh.

Tìm đến đập mạnh hơn
Ngực sẽ thổ phồng khoáng,
Cái đẹp sẽ nảy sinh
Trong cuộc chiến hung tàn.

TÌNH CẢM

Ta không thể bình an vui sống,
Nếu tâm hồn ta bốc lửa nhanh
Ta không thể sống thiếu đấu tranh,
Thiếu bão táp trong giấc ngủ thiêu thiêu.

Mặc kẻ khác cố niếm vui sướng
Được ở xa trận mạc ồn ào.
Niếm vị ngọt ngào của lời cầu nguyện
Và những ước mơ thật quá nhỏ nhoi.

Vận mệnh của ta - khao khát đấu tranh,
Ngọn lửa vĩnh hằng tung hoành sôi sục.
Ranh giới cuộc đời với ta quá chật
Ghé tòm lăm sao trời theo dòng nước.

Ta dù sức ưm cả bầu trời,
Siết thế giới chặt vào lồng ngực
Ta rất muốn run lên và sung sướng
Trong tình yêu và giận dữ điên cuồng

Ta rất muốn hiểu nên nghệ thuật,
Tàng phẩm tối ưu của Chúa ban cho
Ta sẵn sàng ôm ghì thế giới
Bằng sức mạnh tinh thần, tình cảm.

Tự sức ta tạo được những gì?
Không nghe tiếng gọi tha thiết của ta
Vũ trụ bao la hiện đang tàn lụi
Được sự diệu kỳ của những giấc mơ

Trong thế giới đảo điên sôi sục
Với kẻ tử vong cuộc đấu nợ nước
Và lãnh tung sao chúng chuyển động
Theo những quỹ đạo vô hình.

Không bao giờ ta đem đi đổi
Điều như trên cho vận mệnh của mình
Sự hào hoa của chúng bình thường
Và kỳ vọng tôi chốn hạ vô.

Vì trung chuyển động không gì ngăn nổi
Mọi vật bị không trung cuốn hút
Tủi đống tro tàn đã nát hoang vu
Thế giới mới mọc lên từ đó.

Sự biến đổi thực là vô tận
Thức chất sinh tồn thế giới ở đây
Từ khi sinh ra tôi lờ lụi tàn
Không đồng đến khi xuống khi lên

Linh hồn ta tồn hơi kiệt sức
Suốt ngày đêm bay bổng trên cao
Bay như thể chúng nào chưa thỏa
Lâm rã rồi thể xác của linh hồn,

Bay như vậy không kể tự chủ
Như Chúa trời đã định từ lâu.
Tất cả chúng ta tuân theo số mệnh
Chúa sẽ niềm vui và những khổ đau.

Nào ta hãy cùng nhau tiến bước
Lên con đường gian khổ xa xôi,
Để khỏi sống cuộc đời thiếu thốn
Trong bốn hân hậu quanh như xưa.

Thế kỷ thâm thương ta không thể sống
 Vật vường cháy ý hồ thẹn ẽ chế
 Của người chúng ta có quyền được sống
 Nàng động hàng say, hoài bão khát khao.

CHIỀU HỒM

Ngon đèn cháy hừng hờ,
 Ánh sáng mờ lạng lẽ.
 Tưởng chừng như đèn hiểu
 Hết nỗi khổ của ta.

Ta thương với ngọn đèn
 Một mình ngồi đắm chìm
 Vào thế giới ảo vọng
 Về giấc mộng viễn vông.

Dường như đèn hiểu được
 Ánh sáng nó yếu hơn
 Ngọn lửa đang rực cháy
 Trong lòng ta tứ lấu.

Nhưng ánh sáng tuyệt vời
 Bình yên và trong sáng
 Như những tia ánh nắng
 Từ tâm hồn của em.

LỜI THAN THỞ

Chưa trút bỏ gông xiềng,
 Tâm hồn còn dần vật
 Anh tìm ánh mắt yêu,
 Tên em luôn miệng gọi.

Nhưng mắt em không tỏ
 Chút biểu lộ tình yêu
 Còn đôi môi im lặng
 Như không biết nói gì.

Lửa trong máu vẫn cháy
 Chừng nào chưa nguội tanh,
 Chừng nào tình chung thủy
 Vẫn chưa nở bỏ anh.

Khát vọng tâm hồn anh
 Vươn lên cao vô ích
 Kéo trên đó vệt vàng
 Kết thúc dòng chuyển động.

Anh hy vọng vô ích
 Tìm ánh mắt tình yêu
 Dịu dàng em nhìn chỗ khác,
 Và anh lại cụt hứng.

KHÁT VỌNG CỦA ANH

Đã được viết ra nhiều
 Một cách đầy bí ẩn
 Cuộc sống chìm giấc ngủ
 Nảy sinh lúc ban đêm.

Dấu tích Vũ trụ sáng
 Ngôn ngữ chúng tôi vẽ
 Vũ điệu các sao đêm
 Âm thanh đời xuất hiện.

Anh không muốn tìm đọc
 Ấn ý dấu tích kia,
 Anh để các vì sao
 Chạy vượt xa thật xa.

Anh chỉ cần được nghe
 Lời em ái của em
 Anh cảm thấy phần chân
 Khi nào nghe thấy chúng.

Làm sao em có thể
 Một mực từ chối anh?
 Em giàu hơn vũ trụ.
 Đẹp hơn cả ước mơ.

Trong đôi mắt của em
 Cả thế gian huyền diệu,
 Vang vọng điệu nhạc vui
 Mê say và đắm đuối.

Cho phép anh nói thật.
 Anh chỉ muốn một điều
 Để tình thân thổ lộ
 Ý nghĩ với trái tim.

BÓNG MA
BA-LÁT

Ở thung lũng trên cao
Núi xung quanh bao phủ
Có một lâu đài cổ
Lấp lánh ánh mặt trời.

Lâu đài đứng im lặng,
Hoang tàn và già cỗi,
Không bán tay với tới
Không sấm chớp tung hoành.

Ông già đầu bạc phơ
Từ lâu sống ở đó
Đời ông bình thản trôi
Quen thuộc và đều đều.

Giấy da cứu cổ ký
Ông già chăm chú đọc;

Mặc cho sấm gấm, gào,
Gió bão rền da dưới

Lạnh đậm với gió bão
Ông lão mãi ước mơ
Tìm lối giải hạnh phúc
Và giấc mộng hão huyền.

Mảnh da cứu tỏa ra
Ánh sáng và hơi nóng
Nhưng ông già không huy
Chúng từ đâu bay tới.

Trong suy tư sâu xa
Ông rui găm xuống giấy
Hào hứng đầy kiên trì
Khát khao tìm kiến thức.

Bí mật trong cuốn sách
Mạch rạch cái bóng ma
Sinh ra như thế nào
Với sức mạnh lâm sao.

Và ràng trên vô trụ

Không khổng trùng vô biên
 Tám bốn chúng đương nhiên
 Đây ước mơ xán lạn.

Ánh sáng thần kêu gọi
 Giải đoán xem cái gì
 Sống trong mỗi trái tim
 Và linh hồn bất kể.

Kiếnng xích quấn xung quanh
 Ngôi nhà đầy sinh khí
 Đôi khi từ cửa sổ
 Tiếng động lạ bay ra.

Ông già ngồi cùi đầu
 Trên tấm búa mới
 Ánh mắt nhìn kỹ lạ
 Là o rõ ràng đang mơ.

Giá hiếu được hoàn thiện
 Thoát khỏi mọi vấn vương
 Để ngược lên trời thăm
 Và nhìn xuống vực sâu.

Bằng nỗ lực phi thường
 Xích vàng rồi giọt tung.
 Gạt bỏ sức đè nén
 Cửa trở ngại vô hình.

Bỗng nhiên sấm chớp vang
 Lâm rung động ngôi nhà
 Và tiếng cười ghé rụn
 Ở trong nhà ấm vang.

Sau cơn giông một loáng
 Tất cả lại gù nguyên
 Năm này qua năm khác
 Trôi trong mộng tôi đời.

Trong lo âu chờ đợi
 Số mệnh không vượt qua
 Ông già ngồi rạn rã
 Lắm lý và cô đơn.

Nước mắt từ từ chảy
 Trên đôi má già nua:
 Nhưng gì thấy trong mơ
 Không thể nào thực hiện.

ƯỚC MƠ

Thêm một ước mơ nữa
 Khi ta chưa tỉnh bản
 Rơi vào cõi đam mê
 Cửa đêm hôm khuya khoắt.

Khi say sưa mơ mộng
 Quên hưng phấn ban ngày
 Trong say tư khuya khoắt
 Ta quên hết mọi điều.

Thiếp đi trong đêm tối
 Trong tâm hồn trắng trong
 Ta ấp ủ ước mơ
 Và thanh thần đã tới.

Sáng sáng ta dõi xa
 Khôi vóng tay thần ngã
 Ta vội vã lên đường
 Ra chiến trường, lao động.

Ý tưởng thoáng hóm qua
 Như một tia chớp sáng,
 Xuất hiện trong chớp lát
 Vào lúc lăm ưu tư.

Nó ít khi xuất hiện
 Trong cái thế giới này
 Tưởng như là hơi thở
 Cơn gió nhẹ mang nó tới đây.

Ta đọc dưới ánh sáng:
 "Tên em là Tình yêu
 Hình ảnh em bay lượn
 Được che bằng rèm thưa".

Và ta vạch chiếc rèm
 Bằng bàn tay run rẩy
 Trong ánh sáng thiên thanh
 Hiện nữ thần trước mặt.

Tình yêu xuyên suốt ta
 Bằng sức mệnh phi thường
 Gục ngã dưới đôi chân,
 Ta vấp phải chân chú.

Nàng nhìn qua ôu yếm
Thẳng vào cặp mắt ta.
Trung lòng ta bồi rối
Thế tình yêu với nàng.

Từ nay ta coi nàng
Là thần tượng của ta
Nhưng tiếng gọi ổng công -
Giờ-ni không nghe thấy.

BÀI CA CỦA NGƯỜI THỦY THỦ TRÊN BIỂN

Người có thể giã y giữa vì bất lực
Xung quanh con tàu biển của ta
Nhưng dù sao có lạy van tha thứ
Cũng đã đưa được nó tới nơi.

Giống như mũi tên nhanh có cánh.
Ta bay xuyên làn nước mênh mông
Mặc cho bờ yêu dấu lùi xa,
Tiến tới đó ta đây có thể.

Tại nơi đó đang chờ người đồng cảm
Bị sóng gấm và gió đuổi xua,
Không khuất phục uy linh biển cả
Trở về nhà nguyên vẹn như xưa.

Dưới đây nước trong xanh sôi sục
Đã chôn xác anh ta từ lâu,
Giọng hát ca của người lữ khách
Và giờ đây người hành hạ đi hải.

Khi ta là chủ bé vụng về,
Anh trai đã sẵn sàng tàu biển
Đùng cầm lên đường tới chỗ hiểm nguy
Nhưng con tàu - đã đắm vấp phải.

Trên mặt biển mênh mông bất ngãi
Ta đã thể với cả lương tâm
Mối thù cho anh luôn luôn phải trả
Quạt nhà người phải khóc, phải đau.

Ta trung thành với lời nguyện tâm huyết,
Hạ quyết tâm giữ vững lời thề
Quất vào người không hề thương tiếc

Quái liên hồi không biết mỗi tay.

Người chỉ còn nổi cơn tức giận
 Dưới mái chèo giăng đập mạnh tay.
 Dưới con tàu băng lên phía trước
 Giận giữ của người thúc đẩy no lên.

Ta không thể bình yên vui sống,
 Giữa nửa đêm thức tỉnh thường xuyên.
 Nghe tiếng chuông khắp miền nao động
 Và tiếng rên của cơn gió hải hùng.

Lúc đó ta nhanh chóng phải rời
 Ngôi nhà vòm tiện nghi, ấm cúng
 Rời đi ra biển cả mênh mông
 Nơi bão giông và ánh chớp lập lòe.

Ta rèn luyện trong đấu tranh với bão
 Chẳng chờ mong gì ở Đức Chúa trời
 Ta tin tưởng càng bước đón gió,
 Tin vào sao hy vọng của ta.

Bị thu hút bởi lòng hào hứng
 Trong cuộc chiến vừa lâu và quyết tử

Lòng càng dấy chỉ khi hiện ngang
 Ta hát vang bài ca kiêu hãnh.

Người có thể giầy giụa vì bất lực
 Xung quanh con tàu biển của ta
 Nhưng dù có lặn van tha thứ
 Cũng vẫn đưa được nó tới nơi.

Dù anh trai tù lâu bị cuốn
 Rời chiến hạm hải ngoại khơi
 Lòng say mê đi biển của anh
 Đã dẫn anh xuống mồ sâu không đáy.

Nhưng tình thần bất khuất của anh
 Vượt tới những vòng tuần theo lời Chúa
 Tại đó anh nghe sóng biển gầm gào
 Dưới bụng con tàu trông thành trên nước.

Ta xé xác người bằng chiếc mũi tàu
 Dùng cánh tay tàn nhẫn của ta
 Nằm bầm gầy kéo người thoát khỏi
 Vực biển sâu khủng khiếp ngoài khơi.

Ta nện vào chiếc lưng cũi gập
 Và không thêm đến gặp chào người

Người nổi cơn lôi đình tức giận,
Nhưng cơn điên đã bị dập tan.

Kiểm chế lòng mình người phải biết
Và không được dọa giết chết ta
Bầu trời phản ánh trong người đó,
Mặt trời rơi chiếu cả cho người.

Ta thở khí mát đầy lồng ngực
Của làn gió đẩy sức sống biển khơi.
Trời đất vô biên và không phân
Thở trong cánh chặt chẽ thị thành.

Khoảng trời cao vui cười thoải mái,
Đường ta rộng trải tự do di,
Tắm rửa của ta không thể cần,
Và ngực ta đẩy áp thế gian.

BIẾN ĐỔI

Ánh mắt ta điên cuồng,
Đôi má tái nhợt nhạt
Suy nghĩ thật mệnh mang
Và hơi hoảng loạn.

Đường như ta trên đường
Con tàu rời khỏi bến
Tới nơi mồm hoàng hôn,
Sóng hùng vĩ biển khơi.

Ta mang theo trái tim
Trên cánh bướm căng gió,
Mặc sóng gấm đầy đó -
Ta coi thường nỗi lo.

Đưa tâm mắt diệu hâu
Nhìn con đường nguy hiểm
Ta quyết tâm tiến bước
Không bao giờ lùi sau.

Ta không muốn trao tim
Cho những nàng tiên cá,
Những bài ca ve vãn
Không khuất phục được ta.

Đó không nghe tiếng ca
Phải bị tai bằng gì?

Niềm tự hào được thưởng
Lắm xôn xao lòng ta.

Làn sóng cuộn âm âm
Không đứng yên một chỗ
Chúng biến đi nhanh chóng
Trước khi kịp nhô ra.

Những lời đầy sức mạnh
Ta gọi đi theo chúng
Chúng băng đi vùn vụt
Như vội vã trả lời.

Giữa làn sóng chạy dài
Ta có ra một mối,
Bằng mình lên phía trước
Vào đêm tối đầy sương.

Nhưng cuộc chiến vô nghĩa
Làm ta mệt mỏi rồi
Sức lực không còn nữa
Trái tim đã lạnh tanh.

Ta bàng hoàng một mối

Nhìn xuống dưới ngực mình
Đâu còn nữa bài ca
Chỉ nổi buồn đầy dút.

Niềm vui của bài ca
Mất đi cùng giấc mộng
Không mang lại hân hoan
Được ở gần bên Chúa.

Tinh thần bị giam giữ,
Lao động thật uổng công.
Không còn ngọn lửa hồng
Trong lòng ta trống rỗng.

Nhưng khi nhìn thấy em
Vắng hao quang vắng rõ
Nơi bầu trời vội vã
Nhảy múa quanh đời này.

Ánh mắt anh rực sáng
Bầu trời trải trước anh
Trước kia là khát vọng
Mơ hồ cầu lòng anh.

Nổi sinh từ trái tim
 Bài ca anh lại bay
 Tự do và mạnh mẽ
 Trên bầu trời rực hồng.

Tinh thần bừng sống lại
 Phóng nhanh bay theo sau
 Anh, phủ thủy đầy uy lực
 Điều khiển chúng trong cuộc chơi.

Anh rũ khỏi giấc mơ
 Lòng tràn đầy sinh khí
 Đến sóng vào vách đá
 Đất nóng ngọn lửa lòng.

Những gì tâm hồn anh tìm kiếm
 Vô ích những năm qua
 Thì ánh mắt sáng của em
 Long lanh nụ cười,
 Đã đem lại cho anh.

NÓI ĐAU TỐT ĐỘ

Nếu như sóng đổ dồn
 Tràn đầy cơn thịnh nộ
 Mọi vật bay lên trước
 Vào hành trình hung tàn.

Khát vọng trong lòng anh
 Đe nặng và o ép
 Anh sẽ không bao giờ lùi bước
 Hai tiếng ấy đâu phải dành cho anh.

Để đạt được mục đích
 Anh sẵn sàng chống lại
 Sóng, gió và lửa thiêu
 Anh đánh thắng được chúng.

Mọi người có thể chết
 Nếu cùng anh vào trận
 Tất cả họ sẽ gục
 Còn anh thắng bất kỳ.

Anh sẽ chiếm được em
 Cả tình yêu, lẫn lòng căm giận
 Anh chiếm đầu giường em
 Không sợ hãi điều chi.

Ôi! Ngày bốc hơi ấm ướt.
 Mưa giọt từ mái nhà
 Làm sức lực mòn mỏi
 Khát vọng không chỗ bay xa.

Đầu tranh chống lại chúng
 Thấy giặc quyết khắp nơi
 Anh thất bại hoàn toàn
 Mất đi tình thân vĩnh cửu

Anh mất hết hy vọng.
 Bị tách khỏi bầu trời
 Anh đã thua trận này
 Từ khi chưa tham chiến.

Từ nay ta mất hẳn
 Ngôi sao của trời ta
 Thời gian đang vội vã
 Chạy quay lại phía sau.

Anh muốn giữ mãi em
 Trong vòng tay êm ấm,
 Nhưng nó bỏ như rắn
 Anh và em không thấy.

Kẻ thù đang tiến gần
 Trườn bò như con rắn
 Cắn nọc độc tình anh
 Làm anh lịm đi dần.

Anh giãy giụa vật ngã
 Ngược mắt nhìn lên trời
 "Gien-ni" - anh thắm nhũ
 Khoảnh trống cuồn hút anh.

CHÀNG TRAI VÀ CÔ GÁI

BA-LÁT

Người yêu khi gặp nhau
 Thật hối hộp dục dăng
 Lời thổ lộ nồng nàn
 Đôi bàn tay siết chặt.

Chàng trai nói với nàng
 "Số mệnh triệu hồi anh
 Hoa hồng này để lại
 Làm bằng cho tình yêu".

Còn cô gái e lệ
 Đưa mắt nhìn xuống dưới
 Giọt lệ đọng trên mi
 Như ánh lửa bằng vàng.

Không nói thêm một lời
 Chàng kiêu hãnh uốn ngực
 Trông đẹp trai, hùng vĩ
 Tiến bước lên đường xa.

Bỏ hoa tuột khỏi tay.
 Tình yêu ở với nàng,
 Cặp mắt càng buồn tủi
 Khuôn mặt nhợt nhạt hơn.

Những bóng hồng héo tàn
 Tổ tình yêu của chàng.
 Nàng cũng dần tàn lụi
 Như bông hoa lìa cành.

Nàng được đưa vào nhà
 Lạnh lẽo và hoang vắng...
 Mọi hồng thắm mờ nhạt
 Tắt lên bao khổ đau?

Trên ngực nàng lạnh lẽo
 Yên lặng một bông hoa
 Trong lửa tình nóng bỏng
 Hoa chết trong cô đơn.

Chàng trai bị thương tật
 Gục trên nấm mộ nàng
 Dương như bị khuất phục
 Bởi ma lực lạ lùng.

Chàng gục văng trên cao
 Và tay vô nắm đất
 Một viên đạn điện tử
 Xuyên thẳng vào thái dương.

MẸ BA LÁT

Trong vòng tay của mẹ
Con yên lành nằm yên
Dường như đứa duy nhất
Thuộc về mẹ hôm nay.

Mẹ đừng đưa con nhỏ
Ôi, con thật tuyệt trần!
Ánh mắt mẹ bừng sáng
Đầy tình yêu thiêng liêng.

Ngắm nhìn khuôn mặt con
Vô tư và hiền dịu
Mẹ mỉm cười âu yếm
Và cười đùa, vui chơi.

Bỗng toàn thân rung rợn
Mẹ cảm thấy kinh hoàng -

Dù con đã tất thủ,
Tìm ngừng đập còn đâu.

Xác mềm mại của con
Nằm trong vòng tay mẹ
Nỗi khổ đang bao trùm
Khiến mẹ đầy nước mắt.

Trong tim con vẫn quây
Nỗi đau nó ngọt ngào,
Máu tươi lẫn sữa mẹ
Nó sặc sụa uống no.

Bà mẹ mặt tái nhợt
Nén đau thương trong lòng -
Tiếng kêu đầy chiến thắng
Khùng khiếp và lạnh trấm.

Sau đó quặn trong lòng
Quan tài đen hạ huyết,
Cốt nhục, trái tim mình -
Và vòm trời sụp đổ.

BẢO TỔ

Cơn bão đổ bên ngoài,
Sương mù nặng phủ kín
Xác chết gây chấn động
Để an ủi phần hồn.

Chúng đang phải hòa nhập
Với đại dương bao la
Quần quại trong dòng thác
Gầm rú như cuồng phong.

Máu thanh xuân dồn tụ
Lên đồi mã của ta
Nhưng ta với bão tố
Tự mình muốn hóa thân.

Khí thế bão quét cuồng
Thu hút lời cuốn ta
Nhưng lời gọi thiết tha
Của ta không tới bão.

TRÁCH MỘC

Chiếc phong cầm của em
Thơ anh cùng hòa quyện,
Ca ngợi chỉ có em
Và thơ anh ghi nhớ.

Cảm xúc buồn man mác
Khuyến lời thơ của anh
Mang theo niềm khát vọng

Đến những tầng trời cao.

Sao em làm sợ hãi
Sức mạnh tình cảm anh -
Sao em lại không muốn
Để một phút anh yên ?

Máu tuôn thành âm thanh,
Tất cả cho em anh viết.
Nhưng thông cảm nỗi đau
Anh hoài công cầu khẩn.

ƯỚC VỌNG

Em tặng cho nhiều người
Nhưng lời hay vô giá
Nhưng lời bay đi xa
Khi em vừa ban thưởng.
Tốt hơn em hãy viết

Lên tờ giấy da nhò
Và hãy gửi cho anh
Để nỗi buồn anh lắng.

Nơi ở anh trống trải
Thiếu những lời triu mến
Mong tình yêu của em
Sưởi ấm trái tim anh.

Chắc là trong đó có
Sức mạnh của thuốc tiên
Ánh mắt anh liến thoắt
Chỉ để đọc lời em.

Các Méc

MỤC LỤC¹⁷

<i>Bùa hộ mệnh.</i> Gửi Giên-ni	1 [615-616]
<i>Thuốc độc.</i> Gửi Giên-ni	2[616-617]
<i>Bài ca về cái giá đỡ.</i> Gửi Giên-ni	3-4[617-618]
<i>Bài ca gửi các vì sao</i>	6-7 [646-648]
<i>Hai ngôi sao.</i> Cầu đỡ	8 [618-619]
<i>Thế giới của anh.</i> Gửi Giên-ni	9-11 [620-622]
<i>Bài ca người kéo chuông trên tháp</i>	12-15 [622-625]
<i>Ánh đèn.</i> Gửi Giên-ni	16-17 [625-627]
<i>Tình cảm</i>	18-22 [627-630]
<i>Chiều hôm.</i> Gửi Giên-ni	23 [630-631]
<i>Lời than thở.</i> Gửi Giên-ni	24 [631-632]
<i>Khát vọng của anh.</i> Gửi Giên-ni	25-26 [632-633]
<i>Bóng ma.</i> Ba-lát	27-31[634-637]
<i>Ước mơ.</i> Gửi Giên-ni	32-34[638-640]
<i>Bài ca của người thủy thủ trên biển</i>	35-41[640-644]
<i>Biến đổi.</i> Gửi Giên-ni	42-47[644-648]
<i>Nỗi đau tội đồ.</i> Gửi Giên-ni	48-50[649-651]
<i>Chàng trai và cô gái.</i> Ba-lát	51-52[651-653]
<i>Mẹ.</i> Ba-lát	53-54[654-655]
<i>Bà o tổ.</i> Gửi Giên-ni	55[656 1]
<i>Trách móc.</i> Gửi Giên-ni	56[656-657]
<i>Ước vọng.</i> Gửi Giên-ni	56-57[657]

Các Mác
TẬP CA KHÚC

TẶNG GIÊN-NI PHỒN VE-XTƠ-PHA-LEN
MÃI MÃI THÂN YÊU CỦA ANH¹⁸

Đã in lần 1836

Đã C. Mác viết vào tháng Mười một
tháng Chạp 1836

In theo bản chữ tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

¹⁷ Sau đây để của mỗi bài thơ là số trang do Mác ghi trong bản viết tay. Trong ngược
vướng là số trang của bản thơ in trong tập này.

THẦN LINH**BA-LÁT****GỬI GIEN-NI**

"Ta muốn biến thành thầy phù thủy!" -
Vừa nói xong - lòng dũng cảm được dồn bù.
Nghệ tiếng gọi thần linh xuất hiện:

"Ta sẽ chết, mặt nàng chẳng thấy
Hãy mau mau đi gọi về đây
Từ bên bờ mây mù xa thẳm.

Máu trong người dồn lên sôi sục
Máu trào lên giã giết thái dương.
Và qua đống máu nói rằng

Linh hồn này muốn lìa khỏi xác
Đôi cánh vàng vấy vấy tung bay
Tôi gặp nàng phương xa đầu đó.

Hãy hứa hẹn giúp ta đi nhé
Rời máu chảy người hãy nhận đi
Ta sẽ trả linh hồn cứu thế.

Ta chỉ muốn gặp người yêu đầu!
Còn đám đông quyền lực vô biên
Và nhân tâm nham hiểm là chi?"

Đám thần linh bay nhanh như gió,
Xé không gian vũ trụ trên cao
Hướng tầm mắt vào con mắt đó.

"Nếu ở đây sẽ là niềm vui lớn,
Ta sẵn sàng chịu khổ nơi âm gian
Vì sống buồn có khác chi nơi ấy".

Đám thần linh vội liến quay lại,
Đàn đồng ca âm phủ giễu cười
Và nhạo báng với lòng tức giận:

"Hãy liệu đó, lửa ta không dễ.
Người đang yêu tuyệt tác bóng hoa
Nếu như vậy bàn gì kia nữa?"

Chúng ta đây, thần linh địa ngục
Đàn thần cũng do dự tới nàng
Quyết biến thành thiên thần tốt cả.

Để thấy sao hơi thở của nàng,
Vẻ hấp dẫn, nụ cười triu mến
Để ngắm nhìn ánh toả hào quang.

Người định lửa chúng ta kia chứ
Chưa bao giờ người thuộc chúng ta
Chả thế mà người yêu nàng đó.

Dù thoả thuận người ghi bằng máu
Trước tình yêu thổ thổ là chi
Vì lối thoát của người ở đó.

Một con người có cuộc đời - khát vọng,
Hưởng bay cao, tạo rực lửa hồng -
Sẽ dẫn họ đi xa mãi mãi.

Người đó bỏ chúng ta vĩnh viễn
Và âm gian chẳng núp họ đâu
Niềm kiêu hãnh ở đáy cửa họ.

Nếu như nàng tại đây xuất hiện
Cảnh vật ngời ánh sáng lung linh
Chúng ta sẽ rừng mình sợ hãi.

Chắc gì ta thắng nổi được người,
Lời của nàng một khi hiểu được
Và bệnh tình người sẽ biến đi*.

Trong chốc lát ta đâm thấy sợ
Mặt đất liền rung quanh tường, tháp
Bỗng nứt toác ra thành hai mảnh.

Một hố sâu đỏ thẫm tối tăm
Chui vào đó thần linh cá dăm
Biến mất liền ngay trong phút chốc.

*Ta không thấy các người phục vụ,
Các người là sản phẩm bóng đêm
Và trốn ta dưới sâu lòng đất.

Hãy cầu vãn thiên tài thần thiện,
Hãy nhìn xem trượng pháp của ta
Và sau đó cúi đầu khấn phục!

Các thần tinh sức mạnh vô biên
Mang cho ta hình ảnh người yêu
Còn trái tim nàng đang ở trong ta. -

Hãy cho ta quà tặng của người,
Với bà chúa của ta hãy nói:
Cả cuộc đời hiện ở trong nàng!"

AN-BÔ-IN VÀ RÔ-ĐÊ-MUN-ĐA ¹⁶⁰

TÌNH CA

I

An-bô-in hiệp sĩ can trường
Trên mình ngựa rong ruổi hiên ngang
Bị dục mê bởi tiếng tên bay,
Rong ruổi khắp mọi miền đất nước.

Những chú hầu nổi gót theo chàng
Phi nước đại muốn người như một
Nơi họ qua chỉ còn đồ lặt
Đồng tro tàn cầm lạnh, hoang vu.

Khát khao danh vọng dồn đuổi họ,
Cùng hào quang chiến thắng âm vang.
Và thế là hội nghị chú hầu
Những người đồng mã nh cùng nhau họp lại.

"Hỡi thủ lĩnh con trường dùng cầm -
Dẫn chúng tôi chinh chiến dặm đường -
Để cho kiếm chúng tôi nhuộm máu
Những kẻ Hô-pít ở đất nước xa xôi!"

Thủ lĩnh tiến gặt đầu im lặng
Cho phép họ lên đường chinh chiến.
Vĩ vinh quang họ phi nước đại
Trên con đường tươi đậm máu rơi.

Các hiệp sĩ ngồi trên mình ngựa
Dâng tự hào oai vệ hiên ngang,
Áo giáp sáng ánh màu trắng bạc,
Và khí bốn mình tỏa sáng xoang oai phong.

Ngựa lửa bóng bập bùng ánh sáng,
Thấm chiến tranh thấp sáng trong lòng.
Nhưng ánh mắt tràn đầy ánh lửa
Hiệp sĩ nhìn dữ tợn xiết bao.

Miền đất này xứng đáng tự hào,
Ánh bùng lên trong tin nắng sớm -
Mang trên vai một dòng hiệp sĩ
Vỗ vịnh quang vĩ đại nhất vùng.

II

Ánh hào quang mặt trời sáng chói
Tàn bạo là trên cánh rừng già
Bình nguyên nở nụ cười rạng rỡ
Tắm mình trong ánh sáng đỏ tươi.

Người Hô-pít giao tranh dùng cầm
Vĩ Chúa tôi, danh dự thiện tâm.
Những người vợ hy sinh sát cánh
Lâm sâu thêm cầm giận hận thù.

Những búp tóc vùng lớn khắp phía

Sức tấn công của chiến sĩ tăng dần
 Những bài ca binh dị chiến binh
 Nổ đồng ca đẩy lên nhất loạt.

Bài ca làm lòng người báo hức,
 Nhưng tiếng rên lẫn át rõ dần -
 Những người bị tử thương rên xiết
 Trong cơn đau quân quai thương tâm.

Người đông cảm mơ về chiến tích
 Cả đội quân Hê-pít kiên cường,
 Các hiệp sĩ thay nhau ngã xuống
 Để nằm yên vĩnh viễn đời đời.

Nhưng, như người khổng lồ vĩ đại
 Kêu thét vang như sấm động trời
 An-bô-in bỗng nhiên xuất hiện
 Trong ánh hào quang đỏ rực ngời ngời.

Tất cả liến hoang mang lùi bước
 Chàng quảng kẻ thù vào bóng tối âm u
 Những mũi tên hạ thủ kẻ hèn
 Từ nơi xa mắt không nhìn thấy.

Tựa Chúa trên đầu chàng bay lượn:
 Giang cánh tay dương thẳng đẩy cung
 Để ngăn chặn những đòn quyết định
 Của bàn tay kẻ địch nhắm tâm.

III

Hiệp sĩ giữa chiến trường nhìn thấy
 Quy-nê-mun là chính đức vua
 Nhúm tàn quân tự lấy thân mình
 Ngăn chặn đường không cho tiến tới.

Ngài bước tiến - Nhà vua Hê-pít
 Chợt thấy ngài, lạnh toát cả người,
 Nổi khiếp đảm không sao nói được,
 Nhưng đòn kia đã ập xuống rồi.

Lên sóng cuộc đời chìm lắng đọng,
 Vết thương ứa máu chảy thành dòng
 Tinh thần đừng cảm say tan biến
 Tất thỏ mắt rồi vua Hê-pít.

Dội quân còn lại của nhà vua
Tháo tháo vội vã bỏ chiến trường.
Kéo theo tất cả người còn lại
Rải rác còn chiến đấu đỏ đây.

Phụ nữ, người người theo sau chạy
Kêu than, cầu khẩn đức Chúa trời,
Luôn mồm sì và phượng hên nhai
Và sự nhần tâm của cuộc đời.

Chỉ còn công chúa quân áo đẹp
Để tâm chi đến những tiếng kêu,
Khóc than vật và hiến không ngờ
Bên cạnh xác vua có một mình.

An-bô-in tuân theo lặp tục
Chặt ngay đầu xác chết kẻ bên,
Công chúa bên từ thì kêu khóc
Với lời nguyện thậm tệ xiết bao.

"Cầu, cơn phần nộ làm trời sụp đổ.
Ánh sáng bình minh trở thành đêm tối
Lửa hồng trong tay trở thành bóng già
Bữa cơm ngon có độc chết người".

[V]

"Mong trên trán người cháy bùng ngọn lửa
Ngọn lửa căm thù trả hận cho cha,
Ánh sáng bình minh không bao giờ chiếu
Vinh viễn trên khuôn mặt của người!"

- "Trời! Người đẹp quá chưa từng thấy!
Chiến lợi phẩm quý giá của ta...
Đừng nhìn ta căm hờn như vậy.
An-bô-in, ông chủ của nắng".

- "Ta không cho người làm đợ bẩn
Dòng máu Hê-pít của quốc vương
Thà chết còn hơn dời nỏ lệ,
Lâm kẻ hèn cho bọn nhà người".

- "Vâng, dòng họ nàng, hồi nàng cống chùa -
Cao cô kiết hạo, ta cô biết.
Xin khất phục người đẹp của ta
Hiện dâng trái tim làm nô lệ".

- "Người giết chết cha!..."

- "Không cần nhiều lời. Hãy quên sợ hãi.

Nàng sẽ là phần thưởng cho ta

Là của quý trên tay ta đó".

Tay ôm chặt người đẹp bên mình
Chàng vội vã đi về doanh trại
Nàng vật vã thấy là vô ích,
Cơn giận rồi cũng phải lắng dần.

An-bô-in tỏ ra vội vã

Đem đi chiến phẩm thật nhanh

Nhưng một bà thuộc dòng Hê-pít

Mặt cảm hân đứng chặn giữa đường:

"Hỡi chàng trai dè tiện kia ơi,
Người chờ mong lạc thú trên đời
Người hãy nhớ là người sẽ chết
Cùng với đồ cướp được trên tay!"

V

An-bô-in rong ruổi trở về
Từ đất nước phồn vinh sung sướng
Đôi vôi miền phía Bắc xa xôi
Là ngôi sao khó lòng đạt được.

Nhưng đất nước Xá-da lạnh chửa.
Bị thần linh bỏ đi như kẻ trộm
Chỉ còn lại bầu trời sao sáng
Từ hồi nào vẫn chẳng đổi thay.

Mặc miền đất này đầy tội lỗi
Ẩn giấu mình dưới áo ảnh màu đào,
Chúa vẫn giết trọn lòng chung thủy
Với những hàng dương thanh mảnh vươn cao.

An-bô-in lòng đầy hạo khí
Thức giục anh hùng hiệp sĩ kiên cường
Tung hoành dọc ngang như những đợt sóng cồn
Ổn âm âm vào bờ vách đá.

An-bô-in giành ngay tất cả

Bằng sức mạnh chiến binh anh dũng
Chiến đấu kiên cường, chiến thắng vinh quang
Và trở về quê hương xứ sở,

Ở đất người giàu sang phú quý
Có tiếng đàn thánh thốt âm vang
Nhu ngọn lửa bùng bùng khí thế
Chiếm vùng này trong cuộc giao tranh.

"Rô-dê-mun-da! Trong bữa tiệc
Làm vui ta bằng sắc đẹp của mình.
Để cây đàn lia kổ lể
Xem chúng ta đã trở về nhà".

Nàng từ từ cúi đầu im lặng
Và không ngừng kín đáo thả dài
Nàng ngược lên gạt chào hiệp sĩ,
Giữ im ý nghĩ của mình.

VI

Cốc trên bàn tròn trở đầy rượu
Rượu rực hồng đào Síp xa xôi
Chàng nết rượu của ta đã cướp
Từ miền đầy ánh nắng ngoài khơi.

"Kìa, Hen-mi-hít chàng trai vui nhộn
Hãy hát lên, vệ sĩ của ta!
Đổ bài ca vang lên thỏa thích
Sôi động như điệu vũ chiến binh!"

"Xin tuân lệnh, thưa ngài công tước!"
Chàng trai kia kiêu hãnh cảm đàn.
Nhưng lần đây rung lên mạnh mẽ,
Hát bài ca chiến thắng oai hùng.

"Ở đất nước đẹp tươi phía dưới
Có ngai vàng cho các thần linh.
Ánh sáng không trung trong lãnh vực rờ
Lan tỏa khắp nơi sáng ngời mọi chốn.

Khi họ thấy từ thần ở dưới
Đau khổ xót xa thật khó cảm lòng
Nước mắt chảy ròng ròng liên tiếp
Làm xanh tươi cho những vườn nho.

Giọt nước mắt biến thành nước quả
Nhưng giàn nho quả chất xanh tươi.
Các thần linh khốc thinh như vậy
Vội thành Rôm vang bóng một thời.

An-bô-in đẹp trai mạnh khoẻ
 Bước tới đầy khí phách kiên cường.
 Lướt vun vút trên lưng bạc trắng
 Sông điên cuồng bị khuất phục kia.

An-bô-in khi vừa xuất hiện
 Khuất phục luôn các vị thần linh
 Theo lời nguyên linh thiêng của họ
 Đất nước oi nóng bị thất thủ luôn".

VII

"Chàng ca sĩ tuyệt vời có một,
 Hôm nay đây tớ ý tái ba!
 Cốc mại vàng này ta sẽ thưởng
 Cho người đây uống cạn một hơi".

Nói đoạn rồi ôm chàng vệ sĩ,
 Hiệp sĩ uống chúc sức khoẻ mọi người.
 Ánh mắt chàng vẫn cười vui vẻ
 Nhưng tiếng cười hung dữ biết bao.

"Mừng cốc rượu hiến vinh hôm nay đó

Chuồn say cho thù lĩnh của ta.
 Của những người hăng say chiến đấu
 Không quên hy sinh mất cả cuộc đời.

Hãy uống đi, cô gái đáng yêu!
 Hãy tặng ta nụ hôn nồng thắm.
 Cốc rượu này lấp lánh thấy không
 Hãy nhấn sâu nỗi buồn trong đó!"

Nói sợ hãi làm nàng run rẩy
 Mặt tái xanh, má nhợt sắc hồng,
 Nhưng cặp mắt cháy bùng như lửa
 Ánh mắt thiêu đốt cháy anh chàng.

Nỗi căm giận đã làm biến dạng
 Và mặt nàng khác hẳn với xưa:
 "Trò đùa này cực kỳ tàn bạo
 Uống rượu kia bằng cốc sọ của cha!"

Lẽ nào ta đang tâm uống vậy
 Ngậm rượu kia qua lỗ mắt người,
 Nói từ nay không bao giờ thấy
 Dàng dẫu cuộc đời nồng cháy trào rơi!"

- "Sao dám cãi, em là nô lệ!

Lống vì ta không muốn hay sao?
 Nếu không phải là người cha ấy!
 Ai đã cho em sống trên đời?

VIII

Em nhao bóng cả người gương mặt
 Đã phủ hộ che chủ cho em
 Nằm thế giới mọi người khiếp sợ,
 Sóng biển khơi, vách đá phải gờm.

Em là kẻ lảm đường mù quáng!
 Kêu sinh ra chỉ ở một nơi
 Mà dần ông bóng lu vừa thấy
 Xác lia hồn không chậm phút giây.

Cốc rượu ta em bắt đổ đi
 Vì sức khoẻ của ta em uống
 Nếu không em sẽ rời trần thế
 Xuống âm gian theo đúng ý mình!"

"Ta không sợ sẽ rời trần thế
 Giọng cười người ghê tởm làm sao.
 Nếu ta là nam nhi một đấng
 Lưỡi kiếm này sẽ kết liễu người".

- "Hãy coi chừng! ta đây ra lệnh
 Đào xác cha từ dưới mộ kìa,
 Để thù dữ tranh nhau xé xác,
 Quạ, diều hâu mổ rìa thịt xương.

Em ương ngạnh ta đây khó chịu,
 Đạn gỏi em ta lệnh chém đầu
 Đem tổ 'Thần mặt trời tất cả,
 Em muốn theo, ta để cho theo!".

Rô-dê-mun-da im bật tặc thì
 Hen-mi-hít lặng người suy nghĩ:
 Tình cảm đầy nung nóng lửa hồng.
 Thì thắm: "Hãy đẹp đi cơn giận!"

Nàng xẹp xuống như cành lá liễu,
 Tay run run cầm cốc rượu ngon
 Mùng An-bô-in vội vàng uống cạn
 Hiệp sĩ đang tay ôm chặt lấy nàng.

IX

Rô-dê-mun-da đêm khuya tỉnh giấc
 Ngồi chờ dài không sao chớp mắt
 Khát vọng trả thù bóp chặt ngực nồng.
 Nhưng bỗng nhiên nàng nghe tiếng gọi.

"Ta yêu hân như thế cuộc đời
 Nhưng em đây còn quý giá hơn
 Nếu vì một nụ hôn nồng thắm
 Thì sẽ tặng em cuộc đời của hân.

Lời hứa kia nếu ta giữ trọn.
 Hân sẽ ngủ một giấc ngàn thu
 Em có ưng theo ta làm vợ?
 Cười rạng rỡ như nắng mùa xuân?

Chúng ta sẽ về phương nam nắng chói
 Hạnh phúc đợi chờ cùng ánh mặt trời!
 Ôi, qui dũ hiện đang vẫy gọi
 Về với bạch dương cao vút chắn trời!

Ôi, ta ôm em thắm thiết trong lòng

Hỡi nữ thần, để quên tất cả
 Rồi chúng ta vĩnh viễn xa rời
 Miền đất đầy gian ác bạo tàn.

Kể từ khi anh mới gặp em.
 Cô gái khờ thật là thắm thiết
 Chia sẻ nỗi đau cùng em anh sống
 Đau khổ trong lòng xen lẫn tình yêu".

Vội Hen-mi-hít là chàng trai ấy
 Con gái quốc vương đồng ý gặt đầu
 Ước mơ bấy lâu đã thành hiện thực...
 Một cái hôn, rồi chàng biến vào đêm tối.

Từ khi nhìn trời vẫn còn chưa sáng
 Chàng lên khỏi lều với dáng vội vàng
 Lời ỉt, việc làm hiện đang gần tới.
 Cảnh vật mịt mờ đêm bao phủ kín che.

X

An-bô-in đang ngủ trên giường.
 Hân diện, đẹp trai, nằm bất động
 Nổi buồn làm chàng sao xuyên
 Làn khói ước mơ vẫy gọi chàng.

"Tốt hơn ta chớ có sinh ra...
 Ngựa quí của ta không còn nữa
 Sức cạn mất rồi không còn nổi
 Mọi vật xung quanh vẫn quay cuồng."

Hỡi Hen-mi-hít hận của ta,
 Nung dõ cho ta mũi tên này.
 Bóng tối thay ánh sáng ban ngày -
 "Ta chọn cuộc đời hay cái chết!..."

Tiến lên! dùng kiếm để dẹp đường,
 Chẳng nào sức lực chưa cạn hết.
 Tuyệt vọng tốt cùng ta đã biết
 Giúp ta giết sạch lũ giặc kia*.

- "Trông hán uy nghi biết nhường nào!
 Liệu ta có đâm vung tay kiếm?
 Đang tâm giết kẻ đang kêu,
 Tìm ta trong giấc mộng u mê?!"

- "Nào Hen-mi-hít chớ chùn tay!
 Chúa trời - hộ mệnh thiêng liêng đó
 Tiếp sức cho ta - vậy sợ chi
 Hơn nữa thương kia đang chờ đợi*."

- "Ôi, phần thưởng ngọt ngào sao khổ ơ!
 Kêu gọi to đây phải ra tay
 Miễn hăm ta cũng nâng đi tới,
 Giữ phur hán hoan vẫn đợi chờ*."

Lưỡi kiếm đâm sâu vào thịt xác...
 "Ôi, Hen-mô-hít của ta ơi!
 Đã muộn rồi ... vết thương chỉ mạng
 Hãy chạy đi thôi, người bạn của tôi!..."

XI

Tựa như sấm chớp ở xung quanh,
 Hạo quả nổi đau khổ tràn trề
 Hai người kéo nhau đi lên trốn.
 Bóng đêm che dấu vết hai người.

"Dừng lại, tên kia Hen-mô-hít!" -
 Mũi giáo bắt chấn như gió rít
 Quét ngã tên gian trên yên ngựa
 Bóng đen từ bụi rậm tiến ra.

Đôi trông con mắt trông hốc hắc

Mắt tóc hồng xuôi gợn sóng dài
Thiếu phụ này đây người Hê-pít
Hân thù nung nấu hộp con tim.

• "Rô-dê-mun-đa nàng có lỗi
Còn ta đành phải chết tại đây
Chúa trời thí ta cho nàng đó.
Bào thù của Chúa thật gồm ghê!"

Linh hồn ta bay về miền đất
Có rừng bạch dương thẳng tắp cao.
Vòm lá sum suê rì rào hát
Ta muốn cùng ca rất nhẹ nhàng!"

Cô gái trả lời ngay tức khắc:
"Không mang hạnh phúc được cho anh.
Nhưng em thực lòng ơn anh lắm -
Mối thù anh đã trả cho em".

Đôi mắt hé mở trong chiếc lát.
Cột trụ hay hồng tận trời cao
Thong dong cùng với làn gió ấm
Tối miền xa vắng đêm hương thơm.

"Hô-dê-mun-đa hãy lại đây!"

Đường ta thanh thản nhưng xa lắc.

Tại đó ta kể về dân tộc

Em là kẻ cuối cùng cầm cố của họ đây".

SỰ HẢI HÒA

GỬI GIEN-NI¹

(Xem trang 832-834)

NHẠC TÂM HỒN

GỬI GIEN-NI

Trong hồn ta có đường dây chỉ
Nối những bài ca tịch cảm dạt dào;
Tâm hồn muốn níu lại âm thanh.
Van nài chúng đừng ra đi như thổ...

"Dừng bù ta đi thật bất công,
Vội những âm thanh ta hạnh phúc
Sung sướng tự do quá tuyệt vời
Hãy đứng vùi vãi đi như thơ"

Ta xây lâu đài cho các bạn
Thế giới âm thanh thật tuyệt vời
Khám phá hàng trăm ngàn hình ảnh
Ta bay cùng bạn vút lên cao!

Hãy sống vĩnh hằng trong tâm khảm
Để ta thường thức những bài ca
Nhiệt tình nồng hậu không hề dứt,
Tinh thần ta không thể giảm suy!

Thấy những ngôi sao trời lấp lánh
Ta ước ngực ra hứng ánh sao
Đạo chơi qua những miền thần thoại,
Qua những vùng trời tít tắp xa!"

Âm thanh rên rĩ liền đáp lại:
"Người không được phép làm như vậy
Để những bài ca giữ chúng ta
Giờ đây không còn gì ta sợ".

"Hay vì Giên-ni ở lại đây!"
Bỗng nhiên âm thanh dừng ngay lại:

"Cái gì khiến ta tiến lại gần
Làm sao nhập vào vòng nhảy múa."

Chỉ cần nhắc tới tên nàng đó
Chúng ta lập tức có mặt ngay
Trên thế gian này không thể có
Kẻ nào lẩn tránh với tên nàng!"

NÓI BUỒN

GỬI GIÊN-NI

Anh thấy nghệ sĩ chơi đàn học
Rủ bỏ lo âu bước lên đường
Anh ước ung dung cùng nghệ sĩ
Vượt qua thung lũng nhỏ kia.

Những mầm đá xanh cao vọt vọt
Thăng lên đến tận những đám mây
Tảng dưới sương mù quanh bao phủ,
Tảng cao sấm chớp ánh hào quang.

Khi đó đàn lia anh sẽ gảy
Dưới vòm cửa sổ của em yêu

Bóng ma khiếp sợ ánh sáng đuổi
Gác sự yên bình của em yêu:

"Em yêu hãy ngủ ngon,
Yên trong giấc mộng vàng
Và trong giấc mộng đỏ
Thấy tiếng đàn của anh.

Dàn đồng ca tuyệt hảo
Xếp hàng trước mặt em
Khoảng trời xanh rực rỡ
Vội đám sao sáng ngời.

Em bay trên không trung,
Dạo chơi ở trên đó
Như nàng tiên bé nhỏ
Chỉ dẫn cả mọi người.

Thần mộng tắm cho em
Bằng cây hoa anh túc
Và mở ra cho em
Hàng trăm cảnh tuyệt vời,

Thần linh giăng giăng bay
Trông hàng hà sa số

Em cười vui rạng rỡ
Nghe đồng ca ban đêm.

Thần linh bay đi hết
Nghe theo tiếng đàn lia
Bay lên cao nơi đó
Không trung xanh tan dần.

Sương mờ bao quanh em
Như y phục thần kỳ -
Mọi khổ đau oan ức
Tựa như ngủ thiếp đi.

Nghe âm thanh khuya khoắt
Từ trên dàn đồng ca
Em bước lên tâm thêm
Ánh vàng nhiều sắc hoa.

Em thấy biết bao nhiều
Nàng tiên thật dịu hiền
Mây mù làm nguội lạnh
Sự nóng vội của em.

Trái tim em rộn ràng
Đập mạnh luôn thế nữa

Ánh mắt em rực sáng
Trăm ngọn lửa bùng lên.

Em rạng như ánh lửa
Tỏa ánh vàng long lanh
Trong tiếng đàn lia
Với nét mặt rạng rỡ.

Tựa như tượng ảnh Chúa
Như một ngày đẹp trời
Bóng đêm và u ám
Không thể đến gần em.

Vườn cây hương thơm ngát
Tiếng ca vang xung quanh
Niềm vui càng nở rộ
Huyền ảo trong trái tim.

Hãy thỏa mãn ước mơ
Vô tư và sung sướng,
Mọi vật mãi của em"...
Em bỗng nhiên tỉnh dậy.

"Giấc mơ huyền ảo dần tan biến
Ngọn lửa niềm vui càng tắt lụi!"

"Giấc mộng của em chưa đi hẳn,
Em hãy thử nhìn lại mình xem!"

Cây đàn của anh vang lên rí
Anh cùng ca si cất tiếng ca.
"Nỗi buồn dần anh tìm em đó,
Sẽ phàn buộc anh phải chạy xa!"

Tựa như kỷ ức ở trong em
Dội lên rõ nét trong chốc lát:
"Phải chăng hơi thở kỷ ức xưa,
Nghe thấy lời thơ hoặc thở dài?"

HAI NGƯỜI CHƠI ĐÀN HẠC

BA - LÁT¹⁹⁵

(Xem tr. 820-823)

GỬI GIEN-XI
XÔ-NÊ

I

Ôi, tứ ngữ chỉ là lừa dối

Những lời suông rỗng tuếch không hồn!
 Liệu tử chết thoát nguồn cảm hứng.
 Mang lại gì của chuỗi ngày qua?

Liệu ta có coi thương ý Chúa?
 Lòng hận thù nuốt chửng chúng di
 Chúng làm cho tâm hồn xao xuyến
 Toát lên trong tiếng vọng thường xuyên.

Nếu như từ đó được phát ra
 Từ tâm hồn sống động của ta.
 Nó bao trùm cả thế giới bao la
 Lật các người từ ngai vàng xuống.
 Công diệu nhẩy say sưa bốc lửa
 Thế giới này tuyệt đẹp biết bao.

II

Từ ngữ đó khoét quần áo rách
 Có bộ mặt gian trá, bẩn đơ.
 Sinh ra từ dòng sông rực lửa
 Nó lạnh lùng làm tan nát tâm hồn;
 Đau khổ cùng khát khao chúng lại
 Không tìm ra cảnh êm ả thanh bình.
 Đeo bộ mặt của người khác lạ
 Chúng mất đi cả hạnh phúc của mình.

Tâm hồn không thừa chi tung bóng
 Vì vô học trời gở ta đó
 Bàn thờ đèn ta ngày càng mờ ảo,
 Ý nghĩ rời ta bỏ đi đâu đó.
 Già dấy nó quá thật ngấy ngở
 Biến vào chỗ hư vô thẳm lạng.

III

Lời lẽ tình yêu chảy bỏng của ta
 Để làm chi đủ là to lớn.
 Bằng sức mạnh phi thường hơn cả
 Những thiên tai phá tan vách đá?
 Kẻ phản bội lương tâm, thất tín.
 Kẻ ác nhân tàn bạo, gian tà,
 Trước kia là cận hủ tối đen
 Nay được xem là bản chất mọi điều.

Nếu như ta có tài hùng biện
 Điều khiển được đám chóp thiên nhiên
 Ta sẽ coi tình yêu vĩnh cửu,
 Vàng dãi sẽ run lên khiếp sợ.
 Người sẽ trốn trong rừng rậm rạp
 Sấm chớp ầm ầm trên khắp thế gian...

TV

Cho tình ta hình dạng rõ ràng -
 Nó sẽ bay lên trời cao vút
 Rời khi dỏ sao, trăng và biển
 Với cặp mắt sáng không bao giờ tắt
 Cúi đầu nhân phục trước mỗi tình.
 Ánh sáng mặt trời đều lạnh lẽo
 Bất cứ miền nào, đáy nước nào
 Đứng trước mỗi tình không phải nhạt.

Bầu trời đầu cúi trước mỗi tình.
 Ẩn mình trong bóng sâu thẳm lạnh
 Tình ta thay cả thế giới này,
 Nhưng vì đau khổ nở tung ra
 Bùng lên, tình chết trong vắng lữa
 Để rồi nở lộng lẫy vườn cây.

GỬI GIEN-NI

Chỉ cần đàn lia ta cất tiếng,
 Máu trong tim ta lại sục sôi.

Giờ đây ta có thể khinh miệt
 Cả thân linh sức mạnh vô song.

Họ rhu hừ vầng quang tinh tử.
 Ôm cả bầu trời liệng có nổi không.
 Họ lắng nghe điệu vô không trung
 Và xoay lạc trên tầng không khí?

Ta cự tuyệt món quà của họ
 Cần gì đầu đến của bỏ đi
 Lắm sao mà có thể nhận được
 Ân huệ tối cao của thiên đường!

Đêm ước mơ luôn luôn thay đổi,
 Chuỗi ngày dài nóng bỏng tiếp theo,
 Ta đâu cần không gian của chúng,
 Lột sương mù chẳng phải cho ta.

Anh chỉ muốn mình em yêu dấu
 Hỡi Giên-ni, thần tượng của anh.
 Cứ mặc anh cho sấm dậy xung quanh
 Học không trung vang lên tiếng hát.

Nhưng giữa anh và niềm vui thú
 Bỗng quai vật đứng chặn ngang đường

Anh phải trả giá này quá đắt -
Hiện cuộc đời tâm linh anh đó!

Anh ngã xuống trong lòng trống trải.
Bất lực, suy tàn, thật khổ đau
Ướt cái chết từ lòng khao khát,
Từ tình yêu vô vọng của anh.

Đẹp biết bao, đẹp tựa thiên thần
Trên ngực anh thiếp đi chốc lát,
Nhưng giờ đây rên trong tuyệt vọng
Vì đã lừa dối đảo điên.

Anh không thể áp em vào ngực
Vì hiện nay em ở phương xa
Và ở đây u sầu miên bác
Cuộc sống anh trôi lộng buồn tênh.

Chờ đợi anh cái gì thế vậy?
Lòng nhiệt tình anh cần khó khăn
Cả một đoàn thần linh tốt bụng
Ray liệng đi thăm khắp tìm em.

Lòng vũ trụ có sâu không nhỉ?
Có thể là mây phủ kín rồi?

Hong đêm và ánh sáng mắt trời
Cả tình yêu và tội ác sống cùng?

Hang động kia và khoảng hazy là
Chỉ nương thân cho những kẻ lữ?
Con thần linh đồ kỹ thì sao
Tung sấm chớp để mà nhạo báng?

Họ đâu hiểu được con khát vọng,
Trong người hiền mẫu vẫn yêu soi?
Liệu họ có ghen tuông thâm kín
Với niềm vui giản dị của mọi tình?

Ta ao ước làm đầy thế giới
Đánh bài ca vĩ đại con tim
Ta chiếm lĩnh tinh thần cùng rắn
Để tranh giành ánh sáng hào quang.

Làm chi còn lâu dài trên không nữa
Mộng viễn vông đã bị tan rã.
Lần khơi sương mờ màu đỏ máu
Che khuất hào quang tâm hồn ta.

Bóng ma nhợt nhạt đang đứng đây
Từ cõi thâm sâu của gian tà

Giờ phút qua nhanh và ước vọng
Như ta số mệnh đang cuốn ta.

Ta cùng cái chết huê hơ vô
Khủng khiếp! Ta thấy gì ở đó?
Ta phải cõng ngay tuổi trưởng thành
Như cây đuốc tự mình bùng cháy!

TÌNH CA VỀ NĂM MỞ

Gió gầm rít, mây mù bay dạt,
Vòm trời buồn thiếu những ánh sao
Nghe thấy tiếng thì thầm dương liễu,
Không trung đầy ánh sáng chớp lờ
Sóng nổi cồn không yên tạo rục,
Đập vỡ bờ, tung những hạt trai
Lên năm mở cao cao bên đó,
Và vách bờ sóng bật lên cao!

Thân dưới cá kéo nhau tụ tập
Thối tũ và huyền diệu xiết bao,
Loan báo về chiến công hiển hách
Của anh hùng cùng nỗi giận anh.
Nhưng trời tối dần dần bao phủ,

Đêm tràn về cảnh vật tối đen,
Cảnh tình mạch khắp nơi buồn xuống.
Nhưng bóng đen nhảy múa vòng tròn,

Từ bóng đêm tối đến kinh không,
Từ lòng đất âm đạm ư buồn
Thần linh hiện, về buồn rầu rì,
Nặng trong ánh mắt nỗi đau thương.

Tựa như thép, một con người của đất
Hiện lên bờ với sức mạnh vô biên
Bị ràng buộc bởi lời nguyện thề ước
Chặn bước đi thần linh đứng trước

"Ta thần đất đã từng đau đớn
Rên cho người bộ ngực thép gang,
Luyện ý chí vùng vàng hơn lửa,
Tâm tâm hồn trong ánh mặt trời.
Ta đã khỏe, sinh người đau đớn,
Quán quại cơn đau, đấu tranh bên bờ
Để trở thành thần chiến trận trong người.

Hãy trả lời, người trẻ chỉ ta,
Ta được thưởng cái gì kia chứ?
Toàn bộ cuộc đời người đặt lên mình
Hỏi Na-pô-lê-ông, rồi người ngã xuống!
Sức mạnh trong người vậy vàng và ich
Mảnh đất nơi mà người làm chủ,
Người phá hoang tàn giận dữ, hận thù.

Người dộc đoán dập rần tia lửa
 Ánh hào quang ngọn đuốc của ta!
 Bước khỏa sự ban đầu thất bại.
 Người quay lưng rồi bỏ cả ta!
 Ta dấn vấp, đấu tranh mòn mỏi
 Không cảm được nước mắt luôn rơi
 Và hát người lên trên ghềnh đá.

Ta buộc lòng chịu đựng mọi điều
 Và giải lại chính con ta đó!
 Vì trong suốt ngàn năm dằng dẳng
 Ta ước mơ sinh sôi anh hùng!
 Ta đã thử với thần linh tất cả,
 Dù cơn giông bão tố hùa rằng -
 Nếu con ta làm nhục lệnh trời,
 Đấy xuống vực không hề hối tiếc.

Bàn thân ta lấy làm đau khổ,
 Nếu con ta sai lầm trầm trọng
 Vì thần linh tuân theo mệnh lệnh
 Nối đầu trời thành một khối liền".
 Vũ trụ quay cuồng như thủy lặn
 Trước sự phẫn nộ của thần linh
 Mồ hôi ròng ròng lán trên trán,
 Nhủ giọt nóng trào xuống thế gian.

Thung lũng mờ sương trong tầm mắt
 Giữa ánh đông xuân cỏ xanh rờn
 Bóng rúm từng mảng lao bay tới.
 Vết thương miệng rừng máu ứa trào
 Thẩn lình lắc đầu rung mở toé
 Ánh mắt rực hóng ngọn lửa thiêng
 Nhìn ra các xứ xa thẳm thẳm.
 Gây nổi kinh hoàng tự hóa sơn.

Anh hùng hoảng hốt co người lại,
 Sợ hãi lời nguyên của thần linh
 Na-pô-lê-ông đau đớn trong kiểu hèn
 Khóc thầm trong bóng tối âm u.
 Ông ta muốn vấp bỏ gông xiềng lạnh lùng
 Nhưng làm sao thoát khỏi: những lời nguyên?
 Ông phải trở về cõi hư vô.

Hình tượng tuyệt vời hóng màu lửa
 Tự xứ vinh hằng hạ giáng trần.
 Ánh mắt sáng ngời trông bình thản
 Tỏa sáng bao la thật thần kỳ
 Giọng nói dịu dàng và êm ái
 Vang lên âm điệu thật thanh bình.
 Trong đó lóe lên nguồn ánh sáng
 Giật dờ cùn dẫu, chỉ dịu dàng.

"Cơn giận của người thật gồm ghê
 Lấn nữa thanh bình ta mang lại.
 Cơn giận với thần quả không sai.
 Ta biết mỗi tình đầy rực lửa.
 Nếu như làn sóng đầy giận dữ
 Cuồn cuộn lao nhanh đến với người.
 Tự người cũng thấy mình nổi giận
 Với sức phi thường ở trong người -

Ta đẩy dưng hình thức thi ca
 Để che phủ cho con trai người đó,
 Được thần linh trừng phạt nhẹ dần
 Và ta đẩy lời chúng vào dĩ vãng
 Ai lỡ phạm sai lầm chỉ đó,
 Dân lia che giấu lời lầm
 Cái làm cho làm hồn xôn xao
 Với trời cao, ta ca ngợi hết lời.

Tuần thủ theo lời thế trước đó
 Người thẳng tay lên án nó rồi
 Nhưng lời nguyên cớ độc qua đi
 Nhớ lại nó làm chi nữa chứ?
 Trong ánh hào quang và niềm hy vọng
 Vòng nguyệt quế vinh quang ta mang cho nó,
 Vì nó là nguồn hoạt động sáng vĩnh hằng".

Thần ánh sáng thao túng tiếng xích:
 Đặt lên dấu vòng nguyệt quế kia
 Ông thần đối không còn nghiêm khắc.
 Chỉ mỉm cười xôn lạn vui tươi.
 Người ánh hào quang chảy như ngọn nước,
 Nổi bật trong ánh sáng tự trời,
 Rối hay bỗng lên mây cao vút
 Tỏa hào quang ngôi sao vĩnh cửu

BÀI CA CỦA NHỮNG NÀNG TIÊN CẢ⁹⁹

BA-LÁT

(Xem tr 763 - 764)

BÀI CA CỦA THẦN EN-PHƠ

Chúng ta ngắm nhìn xem
 Bụi tung mù ống ánh
 Trong tia nắng lung linh.
 Sóng thủy triều dào dạt
 Từng đợt liếm lấy bờ,
 Đón bầy chuyển hành tinh.

Thần linh kia hùng mạnh
 Xuất hiện vừa lúc nào
 Ánh vàng như kim tuyến
 Đưa mắt nhìn ríu rít
 Của muôn vàn thế giới
 Đang bay lượn xung quanh.

Thần tạo ra đối núi.
 Biển cả rộng mênh mông.
 Và mọi vật xung quanh
 Di chuyển của trái đất.
 Tập hợp những ngôi sao.
 Và sắp xếp mùa xuân.

Thần En-phơ thiên nhiên
 Trong hào quang vũ trụ.
 Trong điệu múa không trung.
 Trong bình minh ánh sáng
 Khoác tấm áo long lanh
 Nhảy múa và ca hát.

Thần lên từ nụ cây
 Đỏ tươi khoe sắc thắm
 Với hương thơm ngọt ngào.
 Thần nở hoa rạng rỡ

Những bông hoa đẹp tươi
 Như bó đuốc sáng hồng.

Giọng nói nhẹ gió lay
 Vào ban đêm sao sáng.
 Trong ánh mắt lửa hồng.
 Cùng nhịp điệu tình yêu -
 Bão dầm trung thành nhất.

Chúng ta thường bay hồng.
 Nổ lửa trên vách đá.
 Đục sâu vào thẳm thẳm
 Và lượn qua cánh đồng.
 Qua rừng cây, bụi rậm.
 Qua đám lúa, vườn hoa.

Còn những khi trời tối
 Chúng ta cùng đi ngủ
 Nằm giữa những bông hoa:
 Chúng nào ngủ chưa dậy.
 Ngày đối với chúng ta
 Chưa kịp cười lần nữa.

Còn nếu như chúng ta
 Chìm sâu trong giấc mộng -
 Chúng ta bay vào đó

Trước mắt của mỹ nhân
 Suốt đêm hừng hực cháy
 Với ước mơ mừng lung.

Sau đó chúng ta về
 Và cùng nhau khoá chặt
 Ước mơ vào chòm hoa -
 Để cho chúng chơi đùa
 Với mọi người thích thú
 Gợi lên trong hoa đỏ
 Đau buồn và ước mơ.

BÀI CA CỦA NHỮNG CHÚ Lùn

Chúng ta rón, ta rón
 Nện búa không mệt mỏi
 Suốt ngày không ngừng tay.
 Chúng ta sẽ làm xong
 Nhỏ nhằng và khéo léo
 Công việc suốt ban đêm.

Thần thiên nhiên nhanh lên
 Hay hay theo chiều gió -
 Ngài cần gì phải rõ

Trên hết trái đất này
 Trong lòng sâu của nó
 Kim cương và hồng ngọc

Tại đây nhiều đá quý
 Ánh biển thật vô song.
 Tại đây làm ước mơ.
 Nhưng tia lửa long lánh,
 Ánh chớp lóe lửa xanh -
 Đây chính nơi nương tựa.

Chúng ta mài kim cương,
 Chúng ta đều đá quý
 Bằng nghệ thuật của mình
 Lầu đài cao vọt vọt
 Bay bổng lên trời mau
 Đúng y như ta muốn.

Ở dưới này ta tính
 Từng ngày nối tiếp nhau,
 Theo dõi chúng diễn biến
 Trước mắt thấy rõ cảnh
 Các tình tử đối ngời
 Và nở hoa trước mắt.

Tại thung lũng xa xôi

Trong những hôm sâu thẳm
Cuốn sách đang nằm đây,
Bầu này sinh thế giới
Cùng việc chúng ta quên mất.

Chỉ cựa gìa tóc bạc
Những người chầm chừ nhìn
Xuống lòng sâu trái đất.
Còn chúng ta ở đây
Tìm thấy hoàng ngọc thạch,
Kim cương sáng óng ánh.

Đà qui không có đủ
Các cụ nêu nãi khê.
Từ những giọt nước mắt
Tích thành biển ánh vàng
Loang chảy ra khoảng không
Sâu thẳm và mệnh mông.

Chúng ta đi thành đoàn
Qua các phòng dưới đất
Trang hoàng thật nguy nga
Chỉ cần gõ một cái -
Cánh cổng mở lâu dài
Mở ra ngay lập tức.

Đàn khà chúng ta hát
Cùng cây đàn li
Về thế giới sinh ra.
Ngon lửa vật sống lên,
Thế giới trên đầu ta
Rực sáng ngọn lửa hồng.

NHỮNG HÌNH TƯỢNG VIỄN TƯỞNG KỖ NÈ GỬI GIEN-KI

I

Anh cùng em bay xa
Tôi những miền xa vắng.
Em ngọt ngào của anh,
Tôi nơi đang xuôi chảy
Thác nước đổ ào ào
Xuống vách đá hang sâu.
Tiếng âm âm không ngọt
Dòng nước dâng lên oao.

Ta đứng đó say mê
Khoảnh khắc vui ngọt ngào

Thế gian đầy hạnh phúc
Đông đỏ xanh muôn muôn
Ánh sáng chiếu tràn đầy
Quang cảnh mà ly đó.

II

Trong gian nhà sáng sủa
Tình yêu rực sáng hồng
Giữa ánh lửa lung linh
Không sợ chi bóng tối
Tìm đập đến hạnh phúc,
Không một mối lo toan
Trong lòng thêm ấm áp,
Tiếng vang vọng không ngừng.

Tâm hồn vâng vọng xu
Qua tiếng đàn Thần gió.
Âm thanh bay cao vút
Tới ngai vàng sáng rực,
Sau đó rồi quay lại
Trái tim nơi sinh ra.

III

Nếu em thấy một mối,

Nằm giữa đệm rêu đây
Xung quanh đầy hoa lá,
Tình yêu chấp cánh anh
Say sưa ngồi bên cạnh
Lặng đọng trong mắt em
Vào giờ thông liêng để
Anh hào hứng hát ca.

Anh cầu khẩn các thần.
Giữ anh sáng cho ta,
Anh thường xuyên kêu gọi
Hãy hóa quyền hương hoa
Cùng hoa thờ vinh hân
Vào bài ca của anh.

IV

Nếu trời tim em
Truyền bài ca anh đau khổ
Như lòng em mong muốn
Em sẽ khóc trong say sưa.

Em ngả đầu xúc động
Nghe vang vọng bài ca
Thuở âm thanh nổi tiếp,
Cảm lòng hối hận của anh...

Lúc đó anh bùng cháy,
 Cảm nhận cái vĩnh hằng
 Bầu trời và em yêu,
 Lãng lãng một ước mơ
 Anh ôm em vào lòng
 Vượt qua mọi cản trở.

V

Hai ta thờ lửa thần
 Cùng cuộc đời vị ngọt
 Theo tình yêu nổi bước
 Hạnh phúc ta nở hoa
 Do trái tim hai ta
 Có ánh sáng tuyệt vời
 Ngăn khỏi mọi tai ương
 Thắp lên niềm hy vọng.

Sao nhật dần rơi xuống.
 Trước đôi ta sáng hơn
 Những vì sao mới mọc:
 Chúng tỏa sáng hài hòa
 Lan tỏa khắp mọi nơi
 Chuyển động trong không khí

VI

Ôi, đây giấc mộng vàng,
 Hoàng tử của trái tim,
 Cuộc đời không hạnh phúc
 Phương xa ắt đợi chờ niềm vui
 Bóng đen kia xa lạ
 Bình minh ở nơi khác
 Chuyển lời chào cho em
 Gió hoành hành cũng khác.

Anh chỉ thấy bóng em
 Em như là trong mộng
 Cả sắc đẹp của em
 Anh chỉ tưởng tượng ra
 Dù cho anh hôn nỉ,
 Em không hề tới gần.

HAI BÓNG HỒNG
 TÌNH CA

"Bóng hồng đỏ rực rỡ

Sợ lạnh nép vào rêu
 Như dớn lửa rúc hồng;
 Băng khắc tựa sắt vào
 Lắc lư chiếc đầu nhỏ
 Trắng ngần hơn cả tuyết.

Lệ buồn trông óng ánh,
 Tựa sắt vào hân gái
 Nguồn sinh lực trong em;
 Nhưng quang cảnh thần tiên
 Hòa quyện thành một khối
 Trông hiền dịu hơn nhiều.

Nếu ngọn lửa tắt rồi
 Run rẩy trước bão tố
 Cánh hoa rụng tới bờ
 Cánh tuyết óng ánh kia
 Tàn trong những êm thanh,
 Ngủ yên trong không khí.

Bỗng tối bóng bóng lên
 Nhưng sau đó tan dần:
 Chui xuống ổ ở dưới ..."
 Thì sí ca như vậy,
 Đi lang thang khắp nơi
 Tay chống gậy vững vàng.

BÀI XÔ-NÉ GỬI GIEN-NI

I

Đừng giận anh, bà cháu của anh
 Nếu nhu anh thủ nhân,
 Sự thất đầu dám giấu.
 Chính tình yêu chấp cánh bay cao.

Ngày thương mộng như không bắt từ
 Những vùng đáy anh sâu
 Tiếng nước suối rì rào
 Tất cả biến trôi đi hết thấy!

Như sức mạnh của cơn bão tố
 Giữa vùng núi đá lở nhô
 Tàn phá không thương tiếc
 Trong đêm hăm khuya khốc
 Sức mạnh bùng lên, trong nháy mắt
 Tận phá cuộc đời với tình yêu.

II

Tâm hồn rang rõ của đời ta,
 Ánh sáng chưa từng thấy,
 Bì vùi dập gém ghê
 Với lòng thù hận không suy tính

Mặc dù vậy anh vui ca hát
 Điều đó sưởi ấm lòng anh
 Mặc dù không hy vọng
 Nhưng anh hào hức tới tình yêu.

Anh không bao giờ mệt mỏi
 Hát tặng em bài ca,
 Tình yêu anh sống mãi
 Cho tới ngày đi xa
 Khi mà biển cuốn anh
 Và làm anh đông lạnh.

III

Khi tâm hồn mệt mỏi,
 Lang thang khắp mọi nơi,
 Ước mơ luôn kêu gọi
 Bâng giá làm tê liệt

Nảy nở ý tưởng hay
 Trong lo âu, bối rối
 Mọi thứ trở thành không
 Tinh thần anh chìm vào quên lãng.

Ánh sáng vẫn không hề mờ nhạt
 Không, không tắt hẳn đâu -
 Vẫn cháy không một mối
 Cũng như mối tình anh
 Trong sương mù không nản
 Tìm bóng mong đợi của em.

NHẮC NHỞ GIEN-NI

Gien-ni, hãy trao anh tín hiệu tuyệt vời
 Gini diệu du dương của bầu trời
 Và bài ca ở đây anh hát
 Có vang vọng được tới chỗ em.

TIỀN NỮ

GỬI GIEN-NI

Hình ảnh em trong sáng
 Tỏa ánh sáng long lanh

Sống trong tầm hồn anh
 Thấy nó, bị đắm say
 Và luôn bị cuốn hút
 Không gì tuyệt vời hơn.

Trong đó không phân chia
 Thương ngoạn của bóng đêm
 Bay lên nơi ánh sáng
 Nốt nhạc như sóng cồn
 Hải hòa thật tuyệt mỹ
 Suối âm thế giới này.

Ước mơ mong gặp mặt
 Trên bầu trời cũng hòa vui,
 Từ đám mây cao cao
 Sức sống linh hồn thấp thoáng
 Ánh sáng Chúa lung linh
 Gọi bay cao hơn nữa.

Tự không trung đôi lúc
 Ngắm nhìn tiên nữ kia -
 Một hình ảnh ngọt ngào;
 Ước mơ bao trùm nó -
 Muốn uống no hơi thở em
 Và ánh mắt lung linh.

Những dạng thức gần nhau
 Từ tầm cao hòa quyện
 Thành sắc đẹp ngời ngời;
 Toát lên nét tuyệt vời
 Cửa hạnh phúc trăm năm,
 Cửa ước mơ, hoàn thiện.

Lòng ngực quen tự do
 Sống trong bao giai điệu,
 Không biết thực chất mình
 Dâng cao lên mệnh mệnh,
 Cháy hồng ngọn lửa hồng
 Dưới màn cho hiển diệu.

Tiếng đàn hạc âm vang
 Tràn đầy niềm linh cảm
 Trong ngực không biết buồn
 Trong âm thanh nhịp đập
 Khát vọng lên trời cao
 Đuối theo niềm mơ ước.

Bỗng lòng ngực rung mình
 Trái tim dần đập đập,
 Ánh sáng không còn nữa;

Nỗi buồn đang bao phủ
 Cúi gập đầu ủ rũ
 Đang cảm nỗi đau buồn

Khi đó từ phương xa
 Nàng tựa ngôi sao đỏ
 Ở trên nền trời cao
 Ngọn lửa và trụ sáng,
 Ánh chớp hóm kinh hoàng
 Trong đôi mắt long lanh.

Thiên nhiên bỗng tỉnh dậy:
 Không gian bớt nỗi buồn,
 Mây mờ cười vui vẻ,
 Trái đất mở rộng lòng
 Đem cho nàng hậu hĩnh niềm vui,
 Tặng bao hoa tươi thắm.

Nàng đứng trong hào quang
 Vẻ duyên dáng dịu hiền
 Những búp tóc xoà rũ
 Ôm đôi vai của nàng,
 Rút rễ trước sắc đẹp
 Rơi vào cõi đam mê.

Những lời nói thù thù
 Vô tình miệng nói ra
 Vang lên tựa bài ca:
 Những âm thanh - lời chửi,
 Tựa như giấc mơ tiên
 Kêu gọi tới tình yêu:

Trời choàng lên người nàng
 Tắm khăn voan mềm mại
 Nàng rạng rỡ như sao
 Trên trời cao với vợi,
 Như ước mơ mong đợi,
 Chảy bóng một tình yêu.

Thượng đế tạo ra em,
 Nhào nặn thành diện mạo,
 Cho em niềm ước mơ
 Bầu trời phải qui phục
 Chính phục cả đất này
 Trong hào quang sắc đẹp.

GỬI GIEN-NI

Thôi không khóc, tiếng rên nức nở
 Đây ư sấu lớp nghệt trái tim
 Anh quẳng xuống theo dòng sông bạc -
 Để cuốn đi cùng với cơn giông.

Điều xác thực anh ôm chặt chề,
 Xiết vào lòng rực cháy anh đây,
 Mỗi nghĩ ngờ anh quên hết thấy,
 'Trước mặt anh chỉ có niềm vui!

Hãy nhìn đây! Ta đọc cho nghe
 Những chữ cái dính cao tính tử,
 Vàng, ta đây yêu nắng có thể,
 Chính tình yêu - phần thưởng cho ta!

Những từ đó quá ư vênh cửa,
 Không giống như chân lý xưa nay!
 Giên-ni yêu! Ôi trời có biết,
 Tôi không sao tìm nổi được mình.

Người trần tục sao liệu nói thế?
 Liệu anh ta có xứng đáng không?
 Lồng ngực nổi lên không vỏ cá,
 Tiếng tim rên nghe rõ lắm sao!

Hồi tinh tú bùng lên ngọn lửa,
 Mặt trời kia chiếu sáng hơn đi -
 Người không đủ sức mang ngọn lửa
 Đang bao trùm lấy cả thân ta.

Hồi sóng cồn, hãy thử đứng xuôi
 Hãy xông tới, hồi thần đình mệnh!

Đỉnh đó hẹp ta thực sự hay sao
 Để ta không thể nào gượng dậy!

Ta ném thẳng chiếc găng thách đố
 Vào mặt người, không sợ hãi chi
 Vào trận đấu, xông lên phía trước
 Với cụ cười khinh miệt nhà người.

Người thừa biết tình yêu, ngọn lửa
 Nhậu ra chưa ai lúc tâm linh?
 Nó không thể, không bao giờ có thể
 Chịu gồng xiết của nhà người trời buột!

Mặc sống cần đăng cao hơn nữa
 Giơ kinh hoàng cho khắp thế gian!
 Nhưng tình yêu vượt lên tất cả
 Tỏa hào quang trên tận trời cao.

Giên-ni! Biển có làm cuộc đời hoảng sợ?
 Trong tim kia bão tố mặt mừng?
 Nhưng tình yêu mới là ý tưởng
 Lớn khổ đau, ấy chỉ mẫu sương.

Khối keo sơn của ta là lửa
 Kết hợp nhau vĩnh viễn lâu dài
 Khối keo sơn trái tim đã kết
 Thật vững bền bất kể thời gian.

Anh may mắn vừa qua tận hưởng
 Nơi thơ tình thần em đã trao
 Với người trần chẳng qua quên lãng,
 Nhưng nó vĩnh hằng mãi mãi về sau.

Mọi trần tục chỉ là vòng ánh sáng
 Hoặc chẳng là đợt sóng dội ào
 Là một phần mỗi tình theo đó
 Trên thế gian chỉ một mỗi tình.

GỬI GIEN-NI XÔ-NÊ

Gien-ni, hạnh phúc đã tới chàng?
 Mỗi tình anh liệu em đáp lại?
 Trong lòng em hồi hộp có mạnh hơn,
 Tuy im lặng, giữ niềm hạnh phúc
 Bầu trời xưa ngày càng mạnh mẽ
 Nỗi u buồn từ cõi lòng anh
 Nhưng trước sắc đẹp của em lòng lấy
 Cũng cúi đầu trước vẻ si mê.

Những ảo ảnh mơ hồ đến tới
 Được bao quanh bởi những bóng đêm,
 Làm tâm hồn anh đầy sao xuyên,
 Dẫn nó vào xứ sở mây mù
 Anh không sao hiểu điều lo lắng
 Trước nỗi niềm bất hạnh lớn lao.

II

Từ đây lòng phát ra tiếng hét
 Tự như từ vực thăm thẳm lấy:

"Khóanh khắc tình ngọt ngào đã mất
 Còn nữa dấu vết đẹp hài hòa
 Mặt lữ quý vừa lành vừa dữ
 Chạy lướt qua rồi lại biến dần
 Tình yêu chúng bốc thành đám cháy
 Bất hạnh đầu được hưởng tình yêu.

Trái tim kia bay lên cao vút
 Ấp ủ theo trong ngực lửa trời
 Những ảo ảnh phơi bày trước mắt,
 Cuốn hút theo sắc đẹp vô biên -
 Không mang lại cho em kỷ diệu
 Và hình em rơi chốn lãng quên".

III

Tâm hồn không thể nào hiểu nổi,
 Nó khác than vì số mệnh nên dễ,
 Nó bỏ chạy hóng đèn hao phí,
 Hạnh phúc mãi - làm tiêu tan nó;
 Nói giận hờn không xáo động tâm hồn
 Con thuyền nô chỉ là mê cảnh
 Nó làm sao thắng nổi được ta
 Chỉ làm tăng sự bối rối trong ta.

Tâm hồn tựa rơi vào địa ngục.
 Lãng quên đi vói vợi trời cao,
 Máu trong người dần dần ngừng chảy
 Mòn đục xương phủ khắp thể gian
 Trong sông dữ anh dần chìm ngấm
 Bởi vì bên anh còn thiếu có em

IV

Bài ca vẫn vang lên da diết
 Từ đây lòng sâu thăm trái tim
 Những cơn mộng buồn rầu, hồ hởi
 Nhớ lại rồi làm nức nở trái tim
 Nói buồn đầy ta gần nàng đó.
 Chắp cánh bay cho cả trái tim
 Ở trên vòm trời cao vói vợi
 Bài ca ta mong không động tới nàng. -

"Mặc cho nàng luôn luôn cự tuyệt,
 Còn ta đây mãi mãi nhớ nàng.
 Ta sẽ hút chừng nào còn sức,
 Chỉ sống trong hồi ức về nàng.
 Chỉ khi đó trái tim im lặng.
 Nếu chết đi, ta thánht khổ đau."

V

"Lãnh địa của nàng thật quá cao
 Trong sông gôm ghè anh mất nàng
 Muốn đến tới nàng nhưng không được
 Làm thơ để tặng cũng đành thôi
 Nếu không gặp được lời hưởng ứng
 Sẽ thấy lòng buồn tui khổ đau
 Mơ ước của người là vô vọng
 Giấc mộng thần tiên có nhu không.

Người từ thung lũng muốn bay cao
 Lên tới chòm sao xanh ánh biếc
 Thấy được miền xa rộng mặt trời
 Chuyển hay kiêu hãnh không kết quả.
 Người dành ở đây có một mình,
 Nhạo điệu du dương vang lán nữa".

VI

Được em yêu anh rất dỗi tự hào
 Tri tuệ anh được em soi tỏ...
 Anh được nâng lên ngang với tâm em

Đứng trước anh tìm em đập mạnh
 Bối rối lòng anh giấu được đau
 Những ước mơ nay thành sự thực.
 Trước nữ hoàng sắc đẹp thiên thần
 Anh ở độ ngưỡng mộ nơi đầu.

Tình thân anh phần chân, bạo hơn
 Thôi thúc anh làm việc, làm thơ.
 Bước vào đời anh không nhút nhát
 Theo vòng quay cuộc sống không ngừng
 Để cho những ước mơ bay bổng
 Tôi Giên-ni kiểu diêm của anh.

VII

Trước bóng đen sao em run rẩy
 Chúng sinh ra bởi sự dốt lửa
 Để cuộc đời thoát cơn u muội.
 An ủi bằng thêm khát nhục ô -
 Từng nếm trái lửa thiêu cao cả,
 Trận cuồng phong khát vọng vĩnh hằng.
 Con đau tình yêu, sóng hòa biển lớn
 Gắng sao cho dịu bớt lòng ta.

Tiếng đàn lia càng thêm vang vọng

Trái tim yêu đập mạnh hơn nhiều
 Nỗ đủ sức chống cơn bão tố,
 Ôm chặt em cùng vào nỗi buồn
 Của anh trong không gian rộng lớn -
 Cái vĩnh hằng trong thế giới vô biên.

VIII

Giên-ni, cò để cho trôi đi mãi mãi
 Năm tháng rỗng, cần rút khổ đau.
 Trong bóng tối, hay yên bình đêm tối
 Lộp lộp chôn vùi, quên quai khổ đau...
 Hai ta đây bùng lên ánh sáng
 Trong tình yêu lối thoát đời dằn.
 Niềm vui sướng từ trong khúc hát,
 Những ngôi sao nhấp nháy hiện hóa...

Giên-ni yêu anh, đau giới hạn?
 Xiềng xích thế gian đau cần nối,
 Anh và em cùng nhau hòa quyền
 Suy nghĩ và khát vọng trần thế,
 Ta cùng nhau chạy lên bất tử
 Và sống còn sẽ lại giận che
 Nỗi niềm đôn đau nơi trần thế.

GỬI GIEN-NI

XÔ-NÊ

I

Gien-ni! Cứ cười! Em có ngạc nhiên:
 Bởi vì sao trong các bài thơ
 Đều có mực của anh để tặng
 "Tặng Gien-ni" đặt ở đâu?
 Thế gian này chỉ có mình em -
 Nguồn cảm hứng và niềm hy vọng
 Chiều tâm hồn sáu lẳng của anh.
 Trong tên em thấy em tất cả!

Mỗi một chữ tên em tuyệt diệu,
 Mỗi âm thanh em dịu bên tai!
 Âm hưởng nó vang lên khắp chốn
 Như linh hồn thiện cổ tích xưa
 Như ánh trắng lung linh đêm xuân,
 Tiếng dầy dàn thánh thót âm vang.

II

Tên của em anh đây có thể
 Viết kín trang hàng ngàn cuốn sách,
 Để nói lên ý chí nóng nần,
 Nguồn nghị lực công hành động
 Và dung nhan muôn thủa của tồn tại mở ra
 Và thế giới thì ca xuất hiện
 Và thiên nhiên ánh sáng vô vàn
 Thần đắc thắng, trần gian đau xót.

Tên Gien-ni anh đọc trên tinh tú,
 Không gian kia mang đến cho anh
 Như tin lành của niềm hạnh phúc
 Anh suốt đời hát mãi không thôi
 Để mọi người biết tên em đó
 Tên Gien-ni - chính thực tình yêu!

GỬI GIEN-NI

XÔ-NÊ

I

Anh biết rằng những ước mơ

Làm sống động tâm hồn kỳ diệu;
 Biết rằng em nén tiếng khóc thụn
 Những hành vi mạnh dạn của em
 Mang cho em đau thương dằn vặt
 Làm thần kinh căng thẳng mỗi lần.
 Rồi tiếng thở dài nồng hậu cũ qua
 Và trời cao khát vọng bay lên.

Không một ai có tấm hiệu nổi
 Sức mạnh quyền uy của thần linh
 Các vị thần đập dũa bay tới
 Để thường xuyên khuấy động hồn em.
 Đến với em từ phương trời xa lạ,
 Thần cúi đầu ngưỡng mộ yên em.

II

Nhưng Giem-ni, em có biết không:
 Ca sĩ được thần linh phù hộ
 Có uy quyền nắm những trái tim.
 Những ước mơ cũng như giấc mộng.
 Biết lửa lòng tình cảm của em,
 Những gì làm hồn em xao xuyến
 Và chiều sâu của nó ra sao
 Tôi nơi nao sống đưa em tới.

Ca sĩ sống rằng đâu có phải
 Không buồn đau cùng với ưu tư,
 Không thể lờ ra điều đau đớn
 Phải buộc mình trong những xiềng gông
 Để máu rơi từng giọt tổn hao
 Và rồi chết trong cơn khổ nhạc?

III

Tim dài ta hòa cùng một khối -
 Nếu tim em đau đớn làm sao
 Thì tim anh nào đau trọn vẹn,
 Không cái gì bảo vệ tim đau
 Những niềm vui sẽ bị lãng quên.
 Liệu những gì tâm hồn chảy bỏng
 Có thuộc về sở hữu của em?
 Cứ mong sao nỗi đau im lặng!

Hãy mong sao phép tiên màu nhiệm
 Của tình yêu sáng mãi long lanh,
 Mong chu tình kết hoa nở rộ,
 Hạt âm vang khắp chốn khắp nơi.
 Anh nâng niu mỗi tình anh đó
 Trong nhạc điệu êm ái du dương.

TRƯỚC LỄ GIẢNG SINH CỦA CA SĨ TÌNH CA

Trên bờ con suối nhỏ
Ca sĩ tuổi còn xuân
Ngồi suy tư trầm ngâm
Sóng nổi bọt xô bờ,
Ca sĩ đẩy tư lự
Ước mơ tới phương xa.

*Hồi dòng suối rì rầm
Chảy dọc theo dốc đứng
Tới cánh rừng xa xa -
Niềm vui ta bỏ lại,
Nhiệt tình tuổi còn xuân...

Đêm cùng vắng sao sáng
Vội giấc mộng bị huyền -
Đã biến đi vĩnh viễn
Cánh huyền diệu ánh vàng
Chạy lùi vào dĩ vãng.
Thế là hết ước mơ.

Ánh nhỡ tiếng trái tim
Suốt ngày bị dây vô.
Đầy một nỗi lo âu.
Khi màn đêm buông xuống.
Chìm đắm vào mộng mơ
Trái tim mong bay bổng.

Khi đó thế giới ta
Rộng bao la phóng khoáng
Sống cuộc đời thần tiên
Đầu trời kéo lại gần hơn
Tặng cho ta ánh sáng
Của thiên thể trên trời.

Nhưng tình yêu kỳ diệu
Liệu có xuất hiện không?
Tình yêu đầy quyền rũ
Như tiếng gọi thần linh
Mở ra ánh bình minh
Trời mây xanh thăm thẳm.

Liệu nữ thần có tới
Để ta sống từ nay
Trong vòng tay mùa xuân?

Để khổ đau lảng vảng
Thực hiện những ước mong
Biến mộng thành cuộc sống?

Hiến tặng ta hạnh phúc
Bằng quyền lực của mình
Nhưng đáng tiếc thần linh
Lòng tràn đầy nghi vấn.
Ánh mắt mờ hơi sương
Lòng buồn rầu vô hạn!".

GỬI GIEN-NI

Tiếng chuông rung ngân nga
Dàn đồng ca vui hát
Thần linh bay đến ta
Tứ gác chuông xa xa.

Phượng hoàng mới tái sinh
Lớn lên từ ngọn lửa
Lời kêu gọi lan xa
Tới hàng ngàn đất nước.

Đôi cánh nó hồng vĩ
Dang ra thành vôi dôi
Nó nhẹ nhàng bay lượn
Trên cao những tầng mây.

Nỗi vui mừng thế gian
Lửa trời cháy rừng rực
Kim-van cùng đàn lia ca hát
Ánh mắt trong sáng hơn.

Gien-ni ngày tháng qua
Thật tuyệt vời em nhỉ.
Khi mọi người mang đến
Cho em những món quà.

Em tỏ ra hân hoan
Khi cây thông năm mới
Đặt ngay trước mặt em.
Mùa đông trong ánh đèn,

Từ sâu thẳm ái tình
Ngọt ngào giấc mơ trời buộc
Từ những bài ca vĩnh cửu
Khóc thầm áo muôn màu.

Phượng hoàng cất cánh bay
Cỏ nhèc điệu ngân trong máu nóng,
Từ lửa cùng ánh sáng
Cỏ tình yêu đang vẫy chào?

Phượng hoàng được chấp cánh
Nuôi hăng trong lòng em
Vội sắc vàng lung linh
Thấp thoáng anh nhận thấy.

Anh đừng đỏ bởi hối
Sao thấy lòng sưng sứt
Yêu say đắm thiết tha
Đắm đuối niềm hy vọng.

Như giấc mơ tiền xa
Cứ làm anh đắm dờ
Ảnh mắt em - liêu thuốc
Giúp cứu anh được thôi.

Nhận đi em những chầm thơ
Về cuộc đời cùng vị ngọt say
Hãy để nỗi đam mê sưng sưng
Ảnh lên trong đôi mắt phút giây.

MỤC LỤC*

Thần linh. Ba-lát. Gửi Giên-ni	1-6(661-665)
<i>An-bê-ta ca Rô-dê-mun-đô</i> . Tình ca gồm 11 bài	7-28(666-685)
<i>Sự hài hòa</i> . Gửi Giên-ni	29-30(832-834)
<i>Nhạc tâm hồn</i> . Gửi Giên-ni	31-33(685-687)
<i>Nỗi buồn</i> . Gửi Giên-ni	34-39(687-691)
<i>Hai người chơi đàn học</i> . Ba-lát	40-43(820-823)
<i>Bốn khúc xô-nê</i> . Gửi Giên-ni	44-47(691-694)
<i>Gửi Giên-ni</i>	48-52(694-698)
<i>Tình ca về năm mợ</i>	53-67(698-703)
<i>Đai ca của những nàng tiên cá</i> . Ba-lát	68-77(758-764)
<i>Bài ca của thần En-phô</i>	78-82(703-706)
<i>Bài ca của những chú lùn</i>	83-87(706-709)
<i>Những hình tượng viễn tưởng</i> . Sáu khúc xô-nê.	
Gửi Giên-ni	88-93(709-713)
<i>Hai bóng hồng</i> . Tình ca	94-95(713-714)
Ba bản xô-nê - Gửi Giên-ni	96-98(716-717)
<i>Nhắc nhở</i> . Gửi Giên-ni	99(717)
<i>Tiên nữ</i> . Gửi Giên-ni	100-106(717-721)
<i>Gửi Giên-ni</i>	107-111(722-723)
<i>Gửi Giên-ni</i> . 8 khúc xô-nê	112-119 (724-729)
<i>Gửi Giên-ni</i> . 2 khúc xô-nê	120-121 (730-731)
<i>Gửi Giên-ni</i> . 3 khúc xô-nê	122-150 (731-733)
<i>Trước lễ giáng sinh của ca sĩ</i> . Tình ca	127-130(734-736)
<i>Gửi Giên-ni</i>	131-133(736-738)

* Sưu đầu để của mỗi bài thơ là số trang do Mác ghi trong bản viết tay. Trung nguồn xuống là số trang các bài thơ an trong tập này

[TẬP THƠ KÍNH TẶNG CHA]¹⁰¹

TẬP THƠ

KÍNH TẶNG CHA YÊU QUÍ NHÂN NGÀY SINH NĂM 1837
 ĐỂ TỔ LÒNG MÃI MÃI YÊU MẾN CỦA CON

C. H. Mác, Béc-lin

Đo C. Mác viết vào tháng Tư - tháng Tư 1837
Công bố lần đầu trong Marx Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. I,
Hind. 2, 1929

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

MỤC LỤC*

TẬP THƠ

<i>Kính tặng cha</i>	[745-748]
<i>Chiếc đàn học thán kỳ. Ba-lát</i>	[749-751]
<i>Nỗi buồn. Tình ca</i>	[753-754]
<i>Tình yêu ban đêm. Tình ca</i>	[37]
<i>Bài ca của những nàng tiên cá. Ba-lát</i>	[758-764]
<i>Thấy thán. Ba-lát</i>	[765-768]
<i>Khúc bi ca số một trích từ vương khâm bi ca đau thương của Ô-vi-di. Phòng dịch</i>	[769-789]
<i>Người đàn bà điên</i>	[791-792]
<i>Ông vua của các loài hoa</i>	[794-797]
<i>Thức tỉnh</i>	[798-799]
<i>Lời cầu nguyện của kẻ tuyệt vọng</i>	[801-802]
<i>Luxin-da</i>	[805-815]
<i>Vịt xứ khùng khấp. Chuyện vui</i>	[818-820]
<i>Hai người chơi đàn học</i>	[820-823]
<i>Thơ trào phúng về Hê ghen</i>	[824-828]
<i>Thơ trào phúng về người Đức và Pu-xeu-khen</i>	[829-832]
<i>Vịnh chước đầu hải</i>	[828]
<i>Sự hải hòa</i>	[832]
<i>Cô gái bị hành hạ</i>	[834-838]
<i>Lòng tự hào nhân ái</i>	[840-844]

* Trong ngoặc vuông là số trang cần những bài thơ của Mác in trong tập này.

<i>Ô-u-ô-nem</i>	[857-884]
<i>Bài ca gửi các vì sao</i>	[486-848]
<i>Bài ca người thủy thủ trên biển</i>	[840-844]
<i>Cô gái xanh xao</i>	[851-856]
<i>Suối rừng</i>	[748-749]
<i>Người chơi ví cầm</i>	[36-37]
<i>Ba đêm lửa</i>	[802-804]
<i>Bãi cát</i>	[751-753]
<i>Những bài thơ trào phúng và đoàn thi</i>	[754-768]
<i>Tìm kiếm</i>	[792-793]
<i>Tìm thấy</i>	[793-794]
<i>Xô-nê</i>	[790]
<i>Đôi thoaí. Ba-lát</i>	[815-817]
<i>Mâm đá ngoài khơi</i>	[797-798]
<i>Con người bé nhỏ và cái trống con</i>	[838-839]
<i>Cuộc dạo chơi</i>	[844-846]
<i>Chiếc lâu thần kỳ</i>	[849-851]
<i>Người cung trăng</i>	[804-805]
<i>Ý tưởng ban đêm</i>	[800-801]
<i>Giấc mộng. Ngợi ca</i>	[848-849]

PHỤ LỤC

Những chương trích từ tiểu thuyết trào phúng "Xoóc-pi-ôn và Phê-lích-xô"	[885-913]
---	-----------

KÍNH TẶNG
CHA

I

XÂY DỰNG

Thần linh ngàn đời đầy sáng tạo
Cưỡi sóng bạc đầu bay đi xa;
Quán thể cuộc đời và thế giới
Hiện ra hùng vĩ khắp nơi nơi.
Cải nhìn thông thái thần linh đó
Hình ảnh bao nhiêu đã sản sinh.

Thời gian, không gian e dè quá,
Huyền diệu trời mây thật hài hoà,
Tinh tú ban đêm sao hồng vĩ

Ngước nhìn lên bộ mặt của thần.
 Trừng trừng người gặt đầu chào hỏi
 Toàn thể gian ngôi sáng linh yêu.

Vinh của trời đi lên phía trước,
 Thấu thấu xung quanh khắp mọi vùng.
 Hình thức có ngay đây ý tưởng
 Thì ca nữ rộ rừng hồn theo
 Đàn lia thiêng vang cơ hát
 Từ tầng không khí thật trong veo.

"Ánh sao hiển dụ luôn luôn chiếu,
 Thiên nhiên rừng núi giữ non sông,
 Bừng tỉnh tâm hồn con vạng rõ
 Cứ để tâm hồn nói với cha,
 Trước mặt cha đây lòng cõi mở
 Hãy kể về mình với nó đi.

Chỉ có tình yêu thì mới hiểu
 Ý tưởng thiêng liêng của con đây,
 Để cho tình đó hun đúc nóng,
 Ngọn lửa của con sẽ tạt cha.
 Thế giới hài hòa đều thấm kín
 Chỉ có tâm hồn nói với nhau".

"Nghệ nhân tạo người trong quá khứ
 Xinh đẹp tuyệt vời tựa bức tranh
 Hãy quay trở lại nơi người cò
 Hiện nay trong điện mạo khác rồi
 Hãy tìm hăm muôn trong người ấy
 Cứ để hòa đồng mới với ta!".

11

SÁNG TẠO

Ngọn lửa ánh hồng đầy sáng tạo
 Toát ra từ lồng ngực của người
 Ngay đó trái tim con hóa nhịp
 Một khối gắn liền ngọn lửa kia.
 Chúng ca vang vọng như đàn hạc
 Trêu mếu bao quanh ngọn lửa lòng.

Con nghe thấy những giọng phương xa
 Hòa quyền nghe thành dân đồng ca.
 Con thấy vùng trời lên cao vút,
 Khí hạ xuống dần lỏng lánh sao.
 Đấu tranh sôi sục trong tâm khảm
 Vui buồn lẫn lộn ở trong thơ

Tâm hồn đứng vững như mồm dà
 Bao phủ động hình mềm mại thay;
 Ngọn nến được tu thấp sáng rồi
 Luôn luôn bùng cháy trong người đó,
 Hình ảnh khắc khoải lòng triu mến
 Lớn nửa nhập vào người sáng tạo.

SUỐI RỪNG

Ta rẽ vào khu rừng bốn suối
 Thấy chùm hoa nguyệt quế,
 Suối uốn mình ở dưới
 Chảy theo mồm đá mòn

Dưới làn cây nguyệt quế
 Suối róc rách chảy ra
 Nước bắn tung ra xa
 Hòa liền vào biển khơi.

Suối con muốn chảy cao,
 Dám thẳng vào ngực đá
 Bâng bâng xuống phía dưới
 Giáng bụi nước thành sương.

Suối con chảy qua rừng
 Ẩn giấu một nỗi đau.
 Nhưng nguyệt quế nhẹ nhàng
 Mang đến giấc mộng vàng.

CHIẾC ĐÀN HẠC THẦN KỲ

BA-LÁT

Ca sĩ bàng hoàng khi nghe thấy
 Tưởng như tiếng vọng của dây đàn
 Ca sĩ suy tư lòng bối rối:
 "Không hiểu vì sao ngực ta đau,
 Bài ca vang vọng là gì thế -
 Tiếng khóc của sao hay bóng ma?"

Ca sĩ vòng lên nghe tiếng gọi
 Ngó nhìn từ phía bốn xung quanh -
 Đứng xa hào quang đang vây gọi:
 "Đi lên, đi xuống, hãy theo ta,
 Trên trời dưới đất tay người với
 Tôi được dây đàn vọng từ xa!"

Trước mặt tằm cao biết nhường nào!
 Tâm hồn nên giữ trong lồng ngực
 Tiếng vọng càng ngày càng rõ hơn...
 Ca sĩ chạy lên, chạy xuống hoài:
 Đường lên, đường xuống nối giao nhau
 Và đôi má trở nên càng nhạt nhợt.

Ngưỡng cửa thiêng liêng nguy trước mặt,
 Cánh cửa bật tung làm ca sĩ
 Hứng khởi đón chào tiếng nhạc ca,
 Ca sĩ thấy đàn lia trước mặt,
 Đàn cất tiếng vang, không bóng ai,
 Như thể thần tiên đã chơi đàn.

Ca sĩ vừa vui vừa buồn bã
 Nỗi buồn day dứt quá sâu xa
 Trong lòng ca sĩ liền tự nhủ:
 "Không phải tiếng đàn, tâm hồn ta đó,
 Ta tự nghe trong đó nỗi lòng buồn
 Làm tim ta day dứt thật bao la".

Ca sĩ lắng nghe con suối nhỏ,
 Con nước bắt tạt chảy theo dòng
 Như tiếng đàn lia vang êm ái,

Mẫu sồi cùng với tiếng bài ca
 Tâm hồn bay theo cùng bài hát
 Mà mãi mãi xa rời thế giới này.

BẮT CÒC BA-LÁT

Hiệp sĩ đừng chờ bàn cờ lớn,
 Có gái lộ đầu bên cửa sổ.
 "Hỡi chàng hiệp sĩ, xuống làm sư?"
 Xung quanh im lặng, trời chưa sáng.

"Anh ném cho em một đầu dây -
 Số phận của em trong dây đó,
 Em cột chắc nó vào cửa sổ
 'Thận trọng xuống dây với anh nào'".

"Em trốn thế này có làm sao,
 Điều gì mình chứng cho em chứ?"
 "Ta chỉ lấy gì thuộc của ta
 Bóng đêm nháy múa tiền đời ta".

"Nhìn sâu xuống dưới em há i lắm,
 Mắt hoa, chóng mặt, em không dám!"
 "Anh hiến đời anh, còn em không thể
 Chỉ vì nỗi sợ bỏ con con"

"Trò chơi nguy hiểm lắm anh ơi.
Em chỉ nhớ anh có thể thôi!
Cần phòng ấm cùng ta từ biệt
Trong đời tài ngộ chắc là không.

Ta đã thuộc về chốn khác rồi,
Đến lúc chia tay cùng các bạn?".
Lo sợ, ngập ngừng không thể được,
Đến lúc leo dây tụt xuống rồi.

Xuống đến tận nơi vẫn còn xa,
Thế nhưng một tái, mắt đã hoa
Kiệt sức, đôi tay hướng dây chào.
Chết lịm nàng rơi xuống ngực chàng.

"Ôi, hiệp sĩ, ôm em thêm lần nữa
Để tình hòa lẫn với tâm hồn,
Hương thơm nụ hôn cũng thường thức
Đắm say trong quên lãng ngọt ngào".

Hiệp sĩ bế nàng gọn trong tay,
Hạnh phúc đời mình ôm siết chặt
Tâm hồn hòa quyện qua môi hé
Từ thần ập đến sát hại chàng.

"Vinh biệt anh yếu, vinh biệt anh!"
"Chờ đã, cho anh cùng đi với!"
Ngọn lửa vinh hằng bay trên họ,
Hai thân lạnh cứng ngắc đổ nhào.

NÓI BUỒN TÌNH CA

"Tại sao ánh mắt anh mờ nhạt,
Lồng ngực anh luôn thở hắt ra?
Tựa như số mệnh đang xua đuổi
Và cảnh đêm hôm hành hạ anh?"

"Anh còn ánh mắt mất đầy quyền rũ
Như ánh long lanh của cầu vồng.
Trong đó bài ca và nhiệt huyết
Và ngàn lấp lánh ánh sao đêm.

Ánh mắt anh thấy được trong mơ,
Điều gì hứa hẹn anh không biết,
Nhưng tìm khô héo trong yên lặng.
Cái chết anh đây vẫn đợi chờ!"

"Đời nước xa xôi để làm gì,
Nơi không nguồn nuôi dưỡng trái tim?
Sóng nơi đây vô đập vui hơn hẳn,
Tình yêu trong sông, xuân lạnh hơn".

"Ở đây không sóng không ánh sáng -
Anh thấy từ xa ánh sáng thần
Nhấp nháy tựa hồ như vậy gọi,
Ở đây anh thấy quá cô đơn!"

Toàn thân run rẩy anh ngược mắt
Nhìn phía xa xăm đáy ước vọng
Trái tim đau đớn đang rực cháy
Nhưng anh qui xuống tất thờ luôn.

GÃNH HÁT KHÍ CỦA VIỆN TẠI BẾC-LIN

I

"Hãy cho biết, tại sao người kéo đến?
Tân-ma biểu diễn hay gánh hát nổi danh?"
Chúng ta xả hơi đôi chút khỏi một môi hằng ngày,
Biểu diễn làm trò - chứ khi dài dẫu.

II

Tôi lặng lẽ ngồi yên
Xem là khi làm trò,
Các nghệ sĩ vẫn vẻ hồn nhiên,
Và vòng người vây quanh càng lâu...
Bằng ai đó nắm tay tôi kéo
"Tôi chưa bao giờ thấy cảnh nức cười:
Một cô nương, thật đáng ngạc nhiên,
Ngả gục vào lòng con khi gớm ghê,
Mắt lina dim thì thắm to nhỏ:
Tình cảm dạt dào tuyệt diệu biết bao.
Tôi đau khổ uống liều thuốc giải -
Khí ầu sâu vào cõi lòng tôi
Khí đầu độc trái tim tôi đau đớn.
Sức mạnh nam châm hút tôi tới nó,
Phép lạ thần thông mấy có thể nào,
Mắt tôi tối sầm, hơi thở khó khăn".

"ÁC-MI-ĐA" CỦA BẠN TÂM TÌNH GLUYCH¹⁴⁶

I

Có một lần tôi quyết đi giải trí
Vui vẻ một tí, không nên chỉ tốn phí
Tôi diện bộ đồ dưới ánh đèn chùm
Vào nhà hát tôi ngồi vào lối trước.
Tôi bất hạnh tính toán quả là sai,
Tôi nguyên rủa mình rất là thộn tẻ!
Trước mặt cô nương, tôi cầm bản chương trình.
Rầu rí thì thảo: "Tay mình lạnh cóng!"
Cô ta: "Đeo găng vào thì sẽ ấm hơn!"
Trả lời: "Găng sẽ làm cho tôi khó chịu".
Gây và ngực cũng lạnh gớm ghê.
"Quần lại khăn, - nàng nói, - chặt hơn!"
Tôi buột lời: "Trong phòng không có lửa.
Tôi thấy buồn nôn bởi thịt lạnh chung quanh".
Nàng nói: "Vớ vớ kịch tuyệt vời có phải không anh?"
"Ồ nhĩ, thế cái gì trong "In-tê-li-gen-blat"?"

II

Đại dương âm thanh đã nuôi dưỡng tôi
Cổ mang cười khẩy: "Thật là đồ ngốc!"

TÌNH YÊU BAN ĐÊM TÌNH CA

(Xem tr. 27)

HỢP ĐỒNG THUÊ MUỐN

Bà chủ: Người còn muốn gì nữa? Cứ nói thật đi!
Gia nô: Bó cả rồi, có điều quan trọng hơn:
Để có thể giữ được khách hàng chắc chắn
Mỗi tháng một lần đến tôi thưởng thức nước chè.

NHỮNG TÂM HỒN THƠ MỘNG

Chúng khóc than, tên đồ lễ chực tiết con bé!
Nó rên rí rí rồi thì chết hẳn!
Chúng cười đùa vui nhộn quá trời ơi,
Thiên nhiên kỳ lạ - chỗ không có râu cằm!
Tiếng kêu thất thanh - triệu chứng điều khủng
Con lừa Va-la-a-ma rú lên như vậy!

LÀNG MẠN KIỂU MỚI

Có hề mà Gót trong thư đã từ tính
Van nài ông hãy rủ lòng thương
Có một lần cô đi nhà hát
Đã phải lòng bộ quần phục hành trai.
Quần phục nhìn dưới, cô nâng lên tiếng:
"Rét-ti-na, người không được khỏe
Muốn tựa đầu quán phục vào vai
Để thỏa mãn tâm tư nguyện vọng!"
Bộ quần phục khổ khăn đáp lại:
"Có muốn gì bầu thân không biết!"
Cô ta: "Ôi, chuột bé của em đừng sợ,
Trên đầu em không có chấy đâu!"

GỬI MẶT TRỜI SỰ THẬT (PH.QUẾT-NỐT)

Ánh sáng đen, hào quang tình tử,
Trái tim sâu, màu sắc điệu kỳ.
Máu má lối, tâm hồn đóng điệu -
Ánh tỏ về làm tôn vẻ đẹp
Và cuối đây là mặt trời sự thật.
Đó chỉ là lừa lịp mà thôi!
Cũng có thể là mặt trời sự thật,
Nhưng có điều nó giống bóng đêm!

VỊNH ANH HÙNG - HIỆP SĨ

Dòng đánh đập cũng không chia được họ,
Ở mọi nơi đều thấy họ cả đôi.
Ban ngày bàn huyền thoại về mùa,
Còn ban đêm để cho rệp đốt mình.

GỬI CỔ HANG XOM TRƯỚC CỬA

Có nàng lại ngó ra cửa sổ
Trời ơi, làm xáo động tâm hồn

Ông chồng lùn tịt, nhà buồn tẻ.
 Bà vợ gầy meo - ốm thấy mỡ.
 Để cho khối mắt lông hao hững.
 Tôi đành phải thả tấm rèm che.

BÀI CA CỦA NHỮNG NÀNG TIÊN CẢ

BA-LẮT

Sóng vờn chơi với gió
 Dạo dạt và âm vang.
 Biển khơi làm sóng động.
 Đoàn tiên nữ đẹp xinh
 Bơi lội trong lòng nước,
 Nhỏ lặn, quay vòng tròn.

Tay vừa chạm phấm đàn,
 Thấy ngọt ngào âm thanh.
 Lan tỏa ngay tức khắc:
 Đất trời và tinh tú
 Khe khẽ hát hòa theo
 Bài tình ca của họ.

Trong bài ca nghệ thuật
 Tình cảm nó vỗ về

Kẻ si tình mê muội
 Quên hết cả cuộc đời.
 Mất dần mọi sinh khí
 Rối chìm trong vực thẳm

Những hình ảnh bất ngờ
 Từ sóng đẩy sương mờ
 Xuất hiện ngay lúc đó -
 Như như thần đang ngủ
 Yên tĩnh không lo âu
 Dưới tầng sâu nước biển.

Một con thuyền độc mộc
 Lướt trên sóng bạc đầu,
 Ca sĩ ngồi vui sướng
 Mắt nhìn ngó ra xa.
 Hát bài ca hy vọng
 Hòa hợp những trái tim.

Tiếng đàn vang vọng xa
 Tiên nữ đang vật vờ
 Nghe thấy trong chiêm bao
 Sóng vỗ nhịp rì rào
 Bay tõ lòng thần phục
 Đồng điệu cùng hòa theo.

Ch ai bỗng nghe tiếng hát
 Lẻ vụn vọng từ xa
 Của những nàng tiên cá.
 Họ muốn dùng bài ca
 Vượt lên điều tuyệt vời
 Cảm dỗ chúng, bắt giữ.

"Này, hãy thông tư hiển khởi
 Bằng lời chơi tài nghệ
 Được nàng thơ bảo vệ
 Chẳng trai may mắn khi!

Dưới thủy cung nguy nga
 Lời bài ca buy xa,
 Không bài nào vượt trời
 Bài ca của chúng ta.

Sóng biển dồn lời ca
 Cuộn tròn trong dòng xoáy
 Ánh mắt đầy hy vọng
 Trở thành trong sáng hơn.

Vũ điệu sóng cồn dâng
 Mang theo lòng hối hộp

Cuốn tròn theo dòng xoáy
 Tổ ra nỗi đau thương.

Biến sinh ra thế giới
 Nhưng khi ô xung quanh
 Mà mây va trống trải
 Tinh thần sẽ nảy sinh.

Trên soi bóng biển sâu
 Trông sao sáng trong đó
 Ánh mắt chìm sâu thẳm
 Đuổi mất biển mệnh mông.

Những giọt nước lung linh
 Ôm trọn thế giới này -
 Tinh thần đã sinh ra
 Để bay cao hơn nữa?

Nếu chàng có nguyện vọng
 Làm một phần của chúng
 Nếu chàng muốn tổ tình
 Bằng bài ca của mình -

Hãy xuống với chúng em,
 Chia tay ra đi nhé -

Hãy nhìn sâu đáy lòng
Vội tinh thần vĩnh cửu*.

Đoàn tiên nữ xuất hiện,
Múa trên sóng rập rình
Bức cao tận trời xanh,
Mắt họ sáng long lanh,
Tay lướt nhanh thoăn thoắt
Trên đây đàn âm vang.

Chàng thiếu niên làm sao?
Nghe tiếng ca rơi lệ,
Bối rối tìm đáp đốn,
Nhìn tiên nữ không dứt
Hạnh phúc và sương vui,
Khát vọng cùng sợ hãi.

Chàng suy tư hồi lâu,
Im lặng và thờ ơ.
Nhưng sau chàng ngược mắt...
Kiêu hãnh nhìn chằm chằm
Tổ nỗi niềm mạnh dạn
Lên tiếng chàng phán rằng:

"Niềm vui trong bàn tay?
Chúa trời nào có thấy

Vì không có trời cao
Hào nhoáng là lừa đảo
Không phương thuốc cứu tinh.
Bãi ca toàn bóng tối.

Tìm các người già lạnh,
Khát vọng không thấy dấu
Lên bầu trời xa thẳm
Trong ta đây có Chúa,
Đấu tranh và lo âu
Trong ta không lửa đảo.

Các người sẽ hiểu ta
Trong khát vọng, bay cao,
Trong tình yêu, giận dữ?
Ta muốn bay lên cao,
Bay nhanh như ánh chớp
Cùng giai điệu trong mình!"

Tiên nữ đứng cái đầu
Trước những lời hùng biện,
Họ im lặng hồi lâu;
Bại đi, nặng nề buồn,
Sống dửng dưng với vợ
Che khuất các nàng tiên.

SỰ NGÁC NHIÊN CỦA NGƯỜI THEO PHẢI PHI-LI-XTANH

"Ta không biết bởi vì có thể bỗng nhiên đánh mất mình!
Anh ta không bị mất cấp nếu cái khay chắt chẻ".

SỰ SÁNG SUỐT CỦA CÁC NHÀ TOÁN HỌC

I

Khoa học chúng ta tìm ký hiệu để làm gì,
Sự tính toán đơn giản do trí tuệ tạo ra.
Nếu Chúa là dấu chấm, sẽ không như hình trụ.
Nếu bạn đứng bằng dấu, sẽ không ngồi bằng móng.

II

Nếu a là nhân tính, b là nhân ngã - cả hai là bạn
Tôi sẽ mang dấu ra báo đảm
Rằng chỉ cần xếp a cộng với b ,
Thì đôi tính nhân kia sẽ lộ nguyên hình.

III

Họ kẻ vạch khắp trên thế giới,
Nhưng có điều quên mất tình thân.
Nếu a và b giải quyết mọi điều tranh chấp.
Thì bản án này sẽ quá rõ ràng!

THỦY THẦN

BA-LÁT

1

Dòng nước chảy róc rách lạ kỳ
Nước sôi bọt cuốn đi dấu đó.
Sóng vỗ, sóng găm ghò là ó,
Dòng nước kia chẳng nhận thấy chi -
Tâm trí nước hiện đang im lặng.
Cứ mặc cho con suối rì rào.

2

Nhưng ai đó hiện lên từ đây?

Cô ông già sống lâu trăm tuổi
 Mặt trăng lên bất đầu nháy mắt.
 Muốn vươn lên tới cực vi sao.
 Ông nháy, rồi quẩn quại, mặt trời
 Ông sẵn sàng uống cạn suối trong.

3

Sóng cồn - kẻ giết ông già đó
 Nó bão mơn, nuốt chửng xương ông
 Đối với ông những lần nháy mắt
 Tựa như bàn tay sắt đập vào
 Mồm mèo xệch ra vì đau đớn
 Cho tới bình minh điệu múa ngừng thôi.

4

Dòng nước chảy róc rách lạ kỳ
 Nước sôi bọt cuốn đi đầu đó
 Sóng vỗ, sóng gầm gào la ó.
 Dòng nước kia chẳng nhận thấy chi -
 Tâm trí nước hiện đang im lặng,
 Cứ mặc cho con suối rì rào.

GỬI NHỮNG NHÀ Y HỌC

Không gì tốt hơn y sự hồ lộn!
 Họ coi thể giới là tôi dựng xương
 Chỉ mới tám người mần bằng đường khí
 Đã bắt mạch và cho là ổn cả.
 Người cho rằng ta cũng làm như thế
 Và đây có thể sống yên lành
 Vì thượng đế không phải là ngu dốt
 Người rất am tường giải phẫu ngành y
 Mọi bông hoa có thể là thật tốt,
 Khi đem làm thuốc dốt chùng lên.

TÂM LÝ NHÀ Y HỌC

Kẻ nào về đêm ăn nhiều viện bột canh với bún,
 Kẻ đó bị ác mộng bóp chết vô đêm!

PHÉP SIÊU HÌNH CỦA NHÀ Y HỌC

Linh hồn chưa hề có bao giờ
 Chứng minh có sự tồn tại của nó -
 Nói về linh hồn là lừa dối gian phi.
 Linh hồn trong dạ dày chưa bao giờ có,
 Và nếu như nó xuất hiện ở đâu,
 Ta có thể lôi nó ra như một cục.
 Như vậy là linh hồn ở trong thể xác
 Trong nháy mắt nó thoát khỏi ra.

NHÂN CHỮNG HỌC CỦA NHÀ Y HỌC

Nếu kẻ hươu chịu quen nhân nhục
 Như thế là hội lớp mở lên đa
 Và những cơn gió thổi qua
 Không thể làm sinh ta ngã gục!
 Có thể đạt mọi điều trần thế,
 Nếu như ta chịu khổ ăn kiêng.
 Thế giới biết được nền văn hoá
 Chỉ khi nào ông thực được tạo ra.

LUẬN LÝ CỦA NHÀ Y HỌC

Khi đi đầu nên đem theo nhiều áo.
 Lúc đó bạn sẽ không thấy phiền hà.
 Nên tránh xa những lạc thú ở đời
 Vì do chúng dạ dày gây tai biến.
 Hãy cẩn thận liếc nhìn ngọn lửa
 Vì lửa này làm lớn mất tạ.
 Nước pha rượu nhiều khi có lợi
 Hãy luôn thêm sữa với cà phê.
 Và chớ quên mỗi chúng tôi nhớ
 Khi bạn muốn sang thế giới bên kia.

KHÚC BỊ CA SỞ MỘT

TRÍCH TỪ "NHỮNG KHÚC BỊ CA ĐAU THƯƠNG"
CỦA Ô-VI-ĐI-ÚT

PHONG DỊCH

1

Cuốn sách nhỏ nhanh chồm lên chữ
 Về thành Róm đầy vẻ vĩnh quang
 Ta ở đây thấy mình khiếp sợ
 Con thính nộ thần Đất gầm ghe.

2

Khách lảng đư y phục xuềnh xoàng
 Trong tang lễ cũng như tác giả
 Nói trắng ra – vì chàng là con người lưu lạc
 Bị cuồng phong thổi đại đập vùi.

3

Hãy quên đi y phục đã tươi

Cùng màu tím của hoa đồng thảo
Không hạnh phúc và không hy vọng
Niềm tin nào có được trong tim.

4

Hãy giấu tên một cách e dè,
Đừng tỏa mùi bá hương thơm ngát
Đừng che đi màu đen cây cối
Hãy vòm tán ánh bạc long lanh.

5

Tất cả những trang sức thổ kìn
Chỉ dành cho mẫu tự tốt lành
Ở trong em là nỗi khổ của anh.
Kẻ nô lệ lang thang trong đêm tối.

6

Cứ mặc họ nhìn em hẳn học,
Nhưng trách phạt em không được phép
Mặc áo rách, đầu trần cũng được,
Không hào nhoáng bằng phủ thạch mai môn.

7

Em thắm lạnh đi trong đau khổ,
Hoa thê nữa em còn lo lắng
Nước mắt em nóng bỏng chảy ròng
Tuôn trào xuống không sao cầm được.

8

Em chuyển lẩn nhào tới những nơi
Thần thượng gần gũi trái tim này
Anh muốn cùng em, người chầm kín,
Hương theo mơ ước, những khát khao.

9

Nếu như có ai liếc nhìn em,
Nhớ lại ngay đây về quá khứ,
Nếu như ai đó mà muốn hỏi
Về ông chủ lớn của em đây -

10

"Còn sống" - hãy trả lời. "Sống sao đây?"
 Trả lời câu đó không cần thiết
 Nếu như trái tim còn đến đập.
 Thiện cảm vẫn còn, thiện chí không.

11

Nếu như em có điều ước vọng
 Muốn biết được hơn - hãy tự mình
 Có điều hãy sợ lời trướng phật
 Vô điều không cần hãy lặng im.

12

Em nghe được lời người lên án,
 Rằng anh không được mọi người ưa
 Nếu vậy cứ nên kiên trì đợi,
 Đưa mắt nhìn xuống dưới đi em.

13

Mặc cho lòng trắc ẩn hại em,
 Cứ im lặng không cần tranh cãi
 Lừa dập lừa không bao giờ được,
 Trách móc nhau chẳng giải quyết gì.

14

Có thể có một người nào đó
 Vừa thỏ dài nói chuyện với em.
 Có thể một nỗi đau nào đó
 Làm mất em nhòa lệ tuôn rơi.

15

Anh ta tỏ lòng thông cảm
 Với khổ đau nặng trĩu của anh:
 "Mặc Xê-đa tỏ lòng hy vọng
 Và đem lòng thương hại anh ta!"

16

Trái tim ta kêu van thương đố
 Phù hộ cho người yên lặng cầu xin,
 Để thương đố rủ lòng tha thứ -
 Sấm chớp kia tránh khỏi anh ta.

17

Nếu như trời thấu hiểu được cho
 Để làm sao ta đã được chết
 Tại nơi mà thương đố chỉ ra
 Không thiếu cháy bởi luồng sấm chớp!

18

Khi truyền lại lời chào, trách móc,
 Em có thể nghe được tận tai,
 Rằng những dòng này không bóng bẩy,
 Còn nữa đâu sắc đẹp trước kia.

19

Để pháp quan nhắc tại thời gian,
 Đã làm đoạn thơ này xuất hiện,
 Để rồi sau gánh nặng án kia
 Cất khỏi vai ta đi thanh thân.

20

Chỉ niềm vui mỗi là sáng tạo
 Tính hoàn thiện nghệ thuật thật cao
 Nếu bóng tối bao che tính cảm
 Thì giống ách hãm dọa năng thơ.

21

Những bài ca tràn đầy ai oán
 Nếu nhờ thơ phải bị lun vong,
 Là từ nhân của bao bất hạnh
 Cảnh mùa đông, giống tổ biển khơi.

22

Nếu ca sĩ bị nổi lo trời buột
Thì thơ ca tàn héo lại dần
Còn ta đây chờ giờ hành quyết,
Thấy lưỡi gươm treo ở trên đầu.

23

Còn tất cả những gì ta viết,
Ai khờ dại dung sẽ rồi cũng đọc
Họ sẽ hiểu ta chịu những gì
Và nỗi buồn của ta họ hiểu.

24

Hãy lắng chìm vào biển đau thương
Của chính Mẽ-ô-nít* đời -
Ông tranh luận với lời hàm đoạ
Rằng phép thần thông quán lãng thuật ma.

25

Mặc vinh quang người ngoài ca ngợi,
Còn em đây khiêm tốn tự mình,
Đừng hổ thẹn mỗi khi độc giả
Họ bỗng nhiên xưa dưới ta ra.

26

Anh biết được hạnh phúc muộn mằn
Vì ước mơ đuổi theo một mối
Anh cũng chẳng hồng mong tranh chấp
Những lời khen và phần thưởng riêng.

27

Vào những ngày mà anh vui sướng
Anh hẳn hoan phần khởi xiết bao
Bị cảm dỗ bởi hào quang tên tuổi
Rồi khát khao giành được lời khen.

* - Hồ-mê

28

Anh vui sướng vì còn hát được,
 Vì nhiệt tình còn chưa lạnh giá băng.
 Nguyên nhân đây là tội bài ca,
 Khiến số phận anh nặng nỗi buồn.

29

Hãy đi đi! Rồi em sẽ gặp
 Vì đại thành Rôm ở cuối chặng đường.
 Nếu như anh được trái phù hộ
 Có thể theo em đi suốt chặng đường!

30

Chờ ước vọng là người bí mật
 Qua được thành vì đại kẻ trên
 Hãy cứ làm như khách thập phương
 Tự tìm đến nơi nghỉ chân chốn đó.

31

Dù em có dễ thiếu tên đề
 Màu sắc chắc là sẽ kể ngay
 Nhưng đừng trách điệu không vinh hạnh
 Em, tự nhận không phải của anh.

32

Em hãy vào nơi đầu thắm lộng
 Để bài ca không hại đến em:
 Trong bài ca không gì màu nhiệm
 Để chinh phục được cả trái tim.

33

Nếu mọi người sống sá bỏ em
 Vì em là của anh thân thiết
 Giảng giải em thì không phải nhờ
 Hãy vui đùa lời cuốn mọi người.

34

Em nói: "Kìa hãy nhìn tên gọi,
 Anh đâu phải để dạy tính yêu,
 Anh đã bị thần linh trừng phạt
 Và giờ đây anh phải lặng thinh".

35

Hãy cẩn trọng bước vào phòng họp
 Người người đứng lên, thích ánh hào quang.
 Hãy làm sao để đoàn ngự giá
 Cầu Xê-da không bắt gặp em

36

Họ không biết lâu dài trắng lệt
 Thuộc chúa công sáng suốt của em.
 Dù nơi đó Chúa trời nổi giận
 Tung chớp lửa giáng thẳng ông ta.

37

Đang như vậy Chúa trời ở đó -
 Những thiên thần đầy tính dục hiến
 Nếu sấm chớp làm to run sợ
 Thì chúng ta hải cả mùa xuân.

38

Ngay cả gió đầy nhẹ nhẹ thổi
 Cũng làm cho chìm ngói kinh hoàng -
 Nếu như vào một thời nào đó
 Rơi ngay vào móng vuốt diều hâu

39

Nếu như thoát khỏi hàm chó sói
 Chú cừu non run rẩy hải hùng.
 Vì sợ hải se cơ lẫn nữa,
 Nó cầm đầu chạy suốt bị bỏ rơi.

40

Nếu Pha-ô-tôn không bay cao vút
 Chết hẳn rằng vẫn sống bình yên
 Nếu quên đi nỗi sợ hãi không
 Chẳng sợ không xua đàn ngựa chạy đi.

41

Thần Đốt giận làm ta sợ hãi
 Khiếp đảm ghê ảnh lửa của thần
 Ảnh chớp lóe trên bầu trời thăm
 Quất vào ta như ngọn đuốc dài.

42

Kẻ nào có ồm mưu lẫn tránh
 Những đá ghềnh Ca-pha-rây,
 Kẻ đó không thể nào tới được
 Bằng thuyền buồm bờ biển Êp-bay.

43

Thuyền độc mộc của ta bị vỡ
 Không dám bơi qua đá gập ghềnh
 Nơi dòng chảy băng băng cuốn hút
 Thuyền mau mau tránh khỏi đá kia.

44

Sách kín đầy thông minh hơn nữa,
 Bao quát xung quanh cần trọng nữa đi.
 Chắc hẳn sẽ có nhiều trắc trở,
 Chẳng tị chi hướng bóng lên cao.

45

Bằng đôi cánh của mình đừng cảm
 I-ca-rô bay cao vút, rồi rơi
 Dù để lại tên mình vĩnh viễn
 Cho biển khơi sóng vỗ dạt dào.

46

Chúng ta đồng bơi chèo kia chứ
 Hay cũng bướm hương gió ra khơi
 Ở đây ta không thể nào giải quyết,
 Hãy chờ xem nên quyết thế nào.

47

Giả như thấy sự dịu dàng sáng sủa
 Trên khuôn mặt rạng rỡ nghiêm trang
 Nếu như không nguy cơ đe dọa,
 Bóng tối kia cho phủ giập hẳn.

48

Nếu ai đó cười vui thân thiện
 Ngắm nhìn em, cuốn sách của ta
 Nếu người đó chìa tay ra trước
 Xin em đừng sợ sệt hoang mang.

49

Em biết không, số phận mãi lòng
 Đối với em đã cười vui vẻ
 Vết thương đen nay đã liền rồi
 Cảm tạ di số mệnh tuyệt vời.

50

Bởi vì để chữa được vết thương
 Của kẻ đã gây ra chuyện đó
 Người chữa khỏi vết thương như vậy
 Chỉ có thể là chính Á-si-lô.

51

Khi mưu tìm kiếm kẻ giải nguy
 Không cần dùng thuốc độc làm chi
 Niềm hy vọng đã bay đi mất
 Vạn bóng đêm, run sợ kinh hoàng.

52

Cơn giận đã nguôi, xin cần thận
 Chỗ đổ nó bùng lên lần nữa
 Nếu em chỉ sai lầm một bước
 Anh làm sao tránh khỏi tai ương.

53

Nhưng khi vào đến thờ thì nữ
 Nói đam mê khoái lạc xiết bao.
 Niềm vinh quang sáng tạo đôi dào
 Mang cho anh niềm vui hứng khởi.

54

Họ hợp thành gia đình hòa thuận
 Nhiều chị em trong đó của em
 Vào một đêm kỳ lạ tuyệt vời
 Anh còn nhớ, sinh ra bọn họ.

55

Trên nét mặt từng người của họ
 Danh tự hào bừng sáng rực hồng
 Lửa sống tạo lung linh ánh sáng
 Ánh bình minh hy vọng nơi đây.

56

Ra người đứng phía xa một chút
 Tựa như trong bóng tối mặt mờ
 Những cuốn sách vô tình lãng mạn¹
 Những âm thanh giễu cợt âm vang.

57

Với bọn họ đồng giao du em nhớ
 Họ chẳng là quả trách gắt gao.
 Họ lặp lại lời lầm thuở trước
 Của Tê-lê-gôn. Ê-di-pô cả hai.

¹ Oedipus: "Nghệ thuật tình yêu"

58

Tác phẩm khác như ta đã thấy
 Lửa sân sông nước chừng nó đi -
 Trong cuốn đó thấy ngay biển tượng
 Đường tình thần cho mọi thể gian^{1*}.

59

Hãy đi kể, như ta cho phép.
 Cho những người thay đổi về ngoài
 Về những gì đã xảy ra với ta
 Số phận ta thật là nghiệt ngã.

60

Trước kia ghé mũi vào miệng chén
 Ta uống no đầy hạnh phúc
 Giờ đây ta khóc vì bất hạnh.
 Nhưng ý trời muốn vậy thì sao

61

Việc tập trung sao mà lâu thế...
 Ta có thể kể nữa được mà
 Nhưng Ô-rư tỏ ra nghiệt ngã,
 Báng lên trước lớp lớp dài.

62

Nếu như anh có thể kể ra
 Cho em biết những gì dè ngực
 Anh sẽ không làm sao kể hết
 Và gánh nặng đè trĩu lên em.

63

Đứng xa xôi, hãy nhanh chân bước.
 Còn anh đây với người Skip sống cùng
 Trong bóng tối âm u âm đạm
 Trên mảnh đất hẻo lánh xa xôi.

^{1*} - *Quay đi lại* (Mô-ta-mô-phô-đô)

BÀI XÔ-NÈ CUỐI CÙNG TẶNG GIEN-NI

Giên-ni, anh thổ lộ với em đôi chút,
Anh hân hoan kết thúc những bài ca.
Chuyển động sóng cồn tạm thời yên lặng
Từ miệng em hương thơm tỏa ngát;
Những làn sóng thời gian sôi động
Vượt qua rừng, những mỏm núi cao
Khi đạt được trong em yên tĩnh
Sóng nằm im hạnh phúc dưới chân em.

Trong áo choàng rộng màu đỏ lửa,
Với trái tim xân lạn đến cùng
Anh hãnh diện phá tan xiềng xích
Vững bước ra thế giới bao la.
Trên nét mặt em anh xóa đi nỗi khổ
Và ước mơ hiện thực dần dần!

NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐIỆN BA-LÁT

Người đàn bà dưới ánh trăng đang ngủ
Bóng dáng nàng mờ ảo trong đêm
Tà áo bay và cái nhìn rực lửa
Như viên kim cương sáng mồm đá cao.

"Ánh sáng biển, ta đang chờ người đó,
Ta muốn ôm người chặt vào lòng;
Hãy tặng cho ta vòng hoa dương liễu,
Trang điểm cho ta thật đẹp nào!

Ta tặng cho người một viên hồng ngọc,
Nhiệt tình ta đốt cháy ở nơi đây,
Người ta thương đã từng mang nó,
Nhưng giờ anh xa nghĩ dưới biển khơi.

Bài ca của ta chào người nghe thấy?
Mặc cho sóng lưng lưng vênh cao hơn
Gió kìa sẽ phải cất lên tiếng khóc,
Chỉ chám chú ngấm nhìn điệu múa của ta!"

Và nữ đang thương đi gần cây liêu.
 Bên một vòng hoa cánh lá màu xanh
 Kỳ lạ nàng nhìn lên trên cây liêu
 Bỗng nhiên ngả nhào ngực xiu hôn môi.

"Hãy lẻo ta mạnh lên, mạnh nữa.
 Quang nguy xuống biển nhanh chóng kịp thời.
 Biển tặng con trai chiếc vòng nguyệt quế.
 Còn mẹ thì sao lại dễ thiệt thời?"

Lang thang bờ biển bà diên đi mãi,
 Bên những vòng hoa cho cánh, cho cây.
 Lên xuống bà đứng đưa bước tiến
 Trong vũ điệu điên, ma thuật yêu tà.

HAI BÀI CA TẶNG GIEN-NI

TÌM KIẾM BÀI CA

Tò phá tan xiềng xích, vội lên đường
 - Anh đi đâu?

- Đi tìm thế giới mới!
 - Phải chăng quanh đây không cánh đẹp à?
 Sống vô dưới này, trên trời sao lấp lánh!

- Đường của ta đúng ra từ vô trụ
 Trấn thế đây không cho ta rời bỏ
 Tiếng vọng không trung, im lặng đã ghềnh
 Tiếng chào trái đất rằng buộc chặt ta.

Không, từ tâm hồn ta bay bổng lên cao
 Thế giới hòa đồng cùng tâm hồn đó -
 Để đại dương kia sống động trong ta,
 Để vòm trời cũng hòa nhịp thở...

Và ta ra đi để rồi trở lại,
 Mang lại thế gian sinh ra từ lời nói.
 Ánh mặt trời lung linh trên chúng,
 Nhưng sớm rền vang - thế giới không còn.

TÌM THẤY BÀI CA

Có sao bụi cây rung rinh dữ tợn
 Có sao hoa xuân trải dài như vậy

Cớ sao bầu trời cuộn vòm xanh biếc
Cớ sao thung lũng kéo tận núi mây?

Ta lượn bay trên đôi cánh rì rào
Và lẫn nấn buồn rầu nằm trên đỉnh đá
Đưa cặp mắt vào khoảng không đen tối
Ảnh một tâm sao hóa nhập với ảnh sao.

Dòng đời hãy băng qua ghềnh thác.
Hãy phá băng những chướng ngại trên đường.
Say sưa với tự do chối lại.
Ôi, những đứa con rô đại của hồn nguyên!

Ảnh mắt ta bay cao tựa như chim,
Để cuối cùng cũng lẫn ng quên khỏi lặc;
Tìm thế giới tâm chi kia chứ
Một khi có em, ta ôm thế giới trong lòng?

ÔNG VUA CỦA CÁC LOÀI HOA BA-LÁT VIỄN TƯỚNG

1

"Này con người trong ánh sáng ban ngày

Muốn trở thành vua hoa đầy chữ?
Hãy sẵn sàng tư thế lập chiến công -
Hiển cho ta máu tuổi đỏ thắm!"

2

"Những bông hoa rực rỡ, nhạt phai
Ưống ao nề hết dòng máu trẻ
Hãy trả ta vương quốc ước mơ,
Ta chìm đắm sâu trong chiếc tách".

3

"Hỡi con người, máu người đỏ ôi
Song chiều sâu tâm khảm ở đâu?
Muốn trở thành vua hoa rực rỡ -
Trái tim người phải sáng ánh mặt trời!"

4

"Ta hao vệt trái tim ta đỏ
Nó đập dồn trong ánh mắt sáng người
Ta không thể trao trái tim ta
Vì ánh mắt ta rồi sẽ bị mờ!"

"Hỡi con người hãy chờ đợi đấy.
 Hoa chúng ta nở rộ ngực người,
 Trái tim sáng trong ánh mặt trời -
 Vua chúng ta sẽ là người đó!"

6

Con người run, trong lòng rực nóng
 Ngực xé toang máu đỏ tươi hồng:
 "Tim ta đây, ta xin dâng hiến
 Vòng nguyệt quế, quuyến lục ta đâu?"

7

"Con người trong ánh sáng ban ngày,
 Người không thể là đấng vua hoa
 Máu trong người không hề chảy chảy
 Để cho tim người cứ cháy hồng!"

8

Con người huấn mót ngay đôi mắt,
 Hai bàn tay cào đất liền hối,
 Lấn đào riêng cho mình lỗ huyết.
 Như tảng đá, hăm nằm yên dưới đó.

MŨM ĐÁ NGOÀI KHƠI

Múm đá khổng lồ nhỏ trên mặt nước
 Vội cao tường thành đáng điệu uy nghi;
 Sông vô bờ tràn đầy đê tổ,
 Cấn xé ngực phóng mồm đá ngoài khơi.
 Tăm thân đỏ nhìn vào đáy biển -
 Thân cu giết, tề tài trong lòng.

Lòng vực thăm dù dần sôi động
 Nằm lại nằm nổi tiếp không ngơi;
 Tảng đá kia dày vô năm tháng
 Đuối sóng cón ra mãi ngoài khơi.
 Lớp rêu bạc phủ đầy trên đỉnh
 Dưới sinh lấy những vết thương ứng dở.

Trong đêm tối thoáng nghe tiếng động:
 Mầm đá kia trong mộng kêu rên,
 Bị đau vật hồi cơn hồi ỉt
 Về những năm bỏ lỡ trôi đi.
 Khách lữ hành, chờ tìm đường tới:
 Phía dưới kia là thác nước nhả tâm!

THỨC TỈNH

I

Ánh mắt em rực lửa
 Hắt ánh phục, sấm xung, -
 Như tiếng dậy ngàn vang
 Tiếng dân lưu tuyệt diệu
 Trong cơn mị thêm thiếp
 Xuyên thủng tấm màn che
 Cửa đêm khuya tình mịch -
 Những ngôi sao vĩnh cửu
 Đã nhấp nháy kia rồi
 Trong tình yêu dịu ngọt.

II

Kìa trăm tư mặt tướng
 Với trái tim cội rừng
 Nhìn vào cõi vô biên
 Cửa thiên nhiên vĩnh cửu
 Trên đầu, dưới chân em
 Những thế giới bao la
 Lượn bay quanh rộn rã
 Trong không gian vô tận
 Tự như là nguyên tử
 Kìa hòa với bao la.

III

Sự thức tỉnh của em -
 Là bình minh thức dậy
 Bình minh ấy của em -
 Sự chìm lắng vĩnh hằng.

IV

Khi ngọn lửa sục sôi

Trung tâm hồn em đó
Lặng đọng vào chiều sâu.
Thì bị quýt tâm hồn
Sáng lòng và vô biên
Bay bổng trên đôi cánh
Vội âm điệu du dương
Từ vực sâu yêu quái.

V

Sự chìm lặng của em
Là bình minh thức dậy.
Bình minh ký của em
Nụ hôn môi rạo rức
Ứng hồng bởi không trung;
Nụ hôn nồng cháy bùng
Vinh cứu của Chúa trời.

Ý TƯỢNG BAN ĐÊM

TỤNG CA

Hãy nhón xem cánh đại bàng hùng vĩ
Tung đám mây mà to lớn lên cao.
Mây tung lùa ào ào gấm rú

Tự hình mình gieo rắc ý đêm.

Ý tưởng oai hùng tung cánh bay cao.
Trong ánh hào quang dữ dằn của sấm.
Máu tuôn thành dòng từ đôi mắt sợ
Sóng cồn vô dập cột trụ của trời.

Không trung lặng lẽ thấp lèn ngọn đuốc
Xung quanh cộp tỉnh đang ngủ say sưa.
Bình khí loãng xoảng, an bình đen tối,
Tiếng rên của mây tràn ngập cánh đồng.

LỜI CẦU NGUYỆN CỦA KẸ TUYỆT VỌNG

"Nếu ông trời quên lòng trắc ẩn.
Đề nén sự không chịu nổi tai ương.
Từ thế giới của trời ta chẳng được
Một cái gì ngoài oán hận ra!

Ta tự hào báo thù tàn bạo
Kẻ diều hăng ngồi ở trên cao.
Nếu như ta tiêu hao sức lực
Trá cho diều lành không phải là ta.

Ta xây nên lâu đài hàng vĩ,
Nỗ vọt cao lên tận trời mây,
Nỗi kinh hoàng sẽ là tường chắn,
Đau đớn, giãy vò thống trị ở đây.

Nếu như ai độ vô tình ngược,
Cầm thấy hoàng hôn cúi xuống ngay,
Làm theo tiếng gọi đau thần chết,
Đào huyết để chôn hạnh phúc của mình.

Mặt đất tối cao tung sấm chớp
Kiêu ngạo ngồi trên những tầng cao,
Mặc cho thành lũy tôi cháy trụi,
Người sẽ xây dựng lại cho tôi!"

BA ĐỐM LỬA

Phía xa rực sáng ba đốm lửa,
Như ba con mắt bị huyền ảo,
Rực cháy không ngừng trong mọi lúc,
Mưa tẩm, bão tố chẳng sợ chi.

Một đốm hướng lên trời cao vút
Để tìm hạnh phúc ở nơi đây.
Ánh mắt nhẹ nhàng và xém lạn -
Có phải Chúa trời cười mỉa không?

Đốm kia chiếu sáng trên mặt đất,
Nghe thấy tiếng vang dân thẳng lợi,
Quay lại nhìn chiến hữu của mình,
Lấn nhá lòng người trong phút giây.

Đốm ba rực sáng ngọn lửa vàng,
Mà chẳng nhỏ tôi điều chi cả,
Không nhìn xuống dưới, chẳng nhìn lên,
Đứng thẳng như cây đầy hoa nở.

Nhưng đốm lửa hồng không hề tắt
Tựa như ánh mắt sáng ngời ngời,
Mặc cho mưa to và gió lớn -
Hạnh phúc hai tâm hồn như một mà thôi.

Ta xây nên lâu đài hùng vĩ,
Nỗ vọi cao lên tận trời mây,
Nỗi kinh hoàng sẽ là tường chắn,
Đau đớn, giày vò thống trị ở đây.

Nếu như si mê vô tình ngược,
Cảm thấy hoảng hốt cúi xuống ngay.
Làm theo tiếng gọi sau thần chết,
Đào huyết để chôn hạnh phúc của mình.

Mặc đắng tối cao tung sấm chớp
Kiêu ngạo ngồi trên những tấm cao,
Mặc cho thành lũy tôi cháy trụi,
Người sẽ xây dựng lại cho ta!"

BA ĐỐM LỬA

Phía xa rực sáng ba đốm lửa,
Như ba con mắt bi huyền sao,
Rực cháy không ngừng trong mọi lúc,
Mưa tằm, bể o ló chẳng sẽ chi.

Một đốm hướng lên trời cao vút
Để tìm hạnh phúc ở nơi đây,
Ảnh mắt nhẹ nhàng và xán lạn -
Có phải Chúa trời sưởi ấm không?

Đốm kín chiếu sáng trên mặt đất,
Nghe thấy tiếng vang dân thắng lợi,
Quay lại nhìn chiến hữu của mình,
Lần nữa lộng người trong phút giây.

Đốm ba rực sáng ngọn lửa vàng,
Mà chẳng nhớ tới điều chi cả,
Không nhìn xuống dưới, chẳng nhìn lên,
Đứng thẳng như cây dấy hoa nở.

Những đốm lửa hóng không hề tắt
Tựa như ánh mắt sáng ngời ngời,
Mặc cho mưa to và gió lớn -
Hạnh phúc hai tâm hồn như một mà thôi.

Đầy đầy tình anh em,
Trái tim tình hữu nghị,
Không phân biệt tầng lớp,
Mỗi tình yêu bao la.

Nhưng niềm vui không lâu,
Yên bình không bền vững,
Vào đúng lúc dưới trần
Niềm vui bay lên cao.

Nếu thượng đế cho phép
Người trần lên cõi tiên
Để quên hết nỗi lo,
Đánh giá theo trần thế?

Tay lăm lăm dao găm,
Lòng căm thù tột độ
Khách bất ngờ lẻ bước,
Miệng hăm dọa rì rầm.

Chàng là nguồn ánh sáng,
Yêu nàng hơn cuộc đời;
Trái tim này chàng nhận -
Cùng với một tình yêu.

Chàng xung trận để giành
Chiến thắng bằng sức mạnh,
Lòng dũng cảm của chàng
Giành thắng lợi vô vàng.

Và đây hương vinh quang.
Chàng trở về quê quán,
Nơi niềm vui, mơ ước,
Nơi tình yêu chờ chàng.

Nhìn thấy bức tường thành,
Chàng tràn ngập niềm vui,
Giờ chúc phúc đến gần,
Ước mơ thành sự thực.

Chàng về đến cổng nhà,
Ngồi nhà của ước mơ,
Khách ra vào tấp nập,
Cửa sổ ánh sáng tràn.

Một nô bộc chặn đường
Quyết tâm ngăn người khách:
"Này anh chàng khách lạ,
Định đi đâu thế kia?"

"Gặp Lu-xin-da!" "Nếu anh muốn
Gặp nàng cùng dễ thôi.
Hôm nay là ngày cuối
Mời thêm anh càng vui!"

Khách lạ đổi ngọc nhiên,
Bàng hoàng vì tin dữ,
Chàng loạng choạng bước đi,
Tựa người vào rầm cửa.

"Phải ăn mặc sang trọng
Khi vào phòng hôn lễ.
Trước hết phải thay đổi" -
Người nó bực đến độ.

Chàng quay về nhà mình,
Trong lòng buồn, căm giận,
Căm xúc buồn, tủi hận,
Bóng tối sao mênh mông.

Bước đi đầy căm hận.
Lòng kiên trì bùng lên.
Cứa hạt tung bắn lẻ.
Bước vào. Mắt nhòa lệ.

Chàng giết cây đuốc sáng
Từ tay người hầu phòng,
Trần ướt, chàng thở gấp
Miễn sao kim tiếng rên.

Áo choàng màu đỏ tươi
Rủ che xuống tận gót,
Cái kim găm bằng vàng
Tóc xoắn xoá ngang vai.

Chàng giấu thanh gươm báu
Trong ngực áo của mình.
Gươm báu giành vinh quang
Nhưng không giữ được lòng!

Tìm đến đập khoé kim
Chàng vội đến hôn lễ
Mỗi lúc một nóng lòng
Mắt chàng như này lửa.

Trần lúc nóng lúc lạnh...
Bước vào phòng nghe thấy
Thôn số mệnh thì thỏm -
Tiếp theo nạn nhân nữa.

Chàng sếu nào, buồn râu
 Khoác áo choàng lộng lẫy.
 Làm cho đám khách mới
 Trong gian phòng khiếp sợ.

Chàng có độc bóng ma,
 Dước đi, lòng tám tối,
 Mặc vui nhộn xung quanh,
 Rượu sôi tâm trong cốc...

Ở đây nhiều gái đẹp
 Nhưng Lu-xin-đa đẹp nhất,
 Mắt long lanh sáng ngời,
 Ngực trắng tựa tuyết trời.

Mọi trái tim hướng tới,
 Rực ngọn lửa niềm vui,
 Không thể rời xa nàng
 Trong ý tưởng, ánh mắt.

Còn nàng bay, rục rù.
 Không tỏ ý buồn phiền,
 Lung vốn cong mép mại,
 Lướt nhanh dạo vòng quanh.

Nàng bước qua vị khách -
 Chàng đứng như trời trồng,
 Nàng bỗng nhiên buồn xiu,
 Mặt tái mét tức thời.

Đứng chậm trễ, đi ngay
 Để tránh dừng gập mặt,
 Lối nhạo báng vang lên -
 Chưa chặn đường nàng lại.

Chàng nghiêm khắc đứng nhìn,
 Khách mới càng hoảng hốt.
 Chàng đứng sát bên nàng,
 Nàng đứng yên chờ đợi.

Nàng lo lắng hoang mang
 Lo lu trên nét mặt...
 Nàng đã định bỏ đi
 Nhưng u già nấp sát...

"Có chuyện gì thế vậy?
 Lời thề, ước nguyện đâu?
 Nàng tỏ ra phân bối,
 Thay đổi cả lời thề!"

Khách vây quanh lấy chàng -
 Người tàn phá cuộc vui -
 Nhưng mọi người tàn loạn
 Trước tiếng kêu thất thanh.

"Kẻ nào tiến lại gần
 Hãy tự mình cầu trách!"
 Đám đông nghe theo lời
 Tổ tông thông cảm hơn.

"Hãy tin lấy lời ta.
 Trữ thù không đó máu.
 Ta làm cho nàng mừng
 Bằng cảnh tượng vui vui.

Dễ được khoái lạc hơn
 Nàng hãy về với hân.
 Không sợ chi cần trở
 Ta đi - đường thênh thang.

Đây không hề luyện tiếu
 Ngây cười cả của ta
 Bóng đêm và máu đỏ -
 Vợ chưa cưới của ta.

Hãy cho ta uống cạn
 Ánh sáng từ mắt nàng
 Và giữ đây đến lúc
 Tuổi màu điên của ta!"

Tự đâm mình lưỡi kiếm
 Đã chuẩn bị từ lâu.
 Làm đứt đoạn cuộc đời.
 Mất tới sớm tức khác.

Chàng ngã vật xuống đất,
 Cơ bắp hết sức sống.
 Cái chết kéo chàng đi
 Chưa đâu không cứu vớt?

Còn nàng Lu-xin-da
 Cướp ngay thanh kiếm óc
 Đâm thẳng vào thân mình -
 Máu phun ra lênh láng .

Thấy dòng máu phun ra
 Nàng hoang mang lo sợ
 Ưi già vội cướp lấy
 Thanh kiếm đầy máu tươi.

Lu-xin-đa với vòng
 Ngã gục xuống ngực chàng.
 Nàng áp môi vào thương tích
 Mong làm chàng tỉnh lại.

Chiếc khăn lụa mỏng mảnh
 Quấn quanh thân mình dễ
 Thấm đầy máu ác ôn
 Tuôn ra từ vết kiếm.

Sức con người có hạn,
 Cái chết khó cản ngăn.
 Làm sao nàng có thể
 Tiếp sự sống cho chàng.

Cuối cùng nàng đứng dậy
 Mình đầy máu, khối chàng
 Dám đóng cang hốt hoảng
 Xi xào giải tán ngay.

Như nữ thần, nàng quyết
 Lấy cái chết phạt mình
 Ngước nhìn chồng lần nữa
 Từ bỏ và không yêu.

Cặp môi nàng tái nhợt
 Nữ nộ cười miệt khinh,
 Tiếng kêu đầy sợ hãi
 Chấm dứt mọi khổ đau.

Khách khứa sợ bỏ chạy,
 Sự hỗn loạn lắng dần,
 Tiếng đàn liến cấm lặng.
 Trong gian phòng hoang vu.

ĐỐI THOẠI

Ca si trong lòng đầy hưng phấn,
 Tay chàng ôm chặt lấy cây đàn.
 Những ngón tay ti đầy bùng mạnh...
 "Em đang hát bài ca yêu thích
 Em ngân vang như thế có hồn
 Và tưởng chừng như trong em bốc lửa?"

"Chàng cho rằng em không cảm xúc
 Xaouyến tâm hồn và ánh sáng lấp sâu,
 Những hình tượng và hừng khối trong tim?"

Chúng lấp lánh như muôn sao bé nhỏ,
 Chúng rập rờn như cơn bão tửa thiêng
 Và chỉ ước hướng lên cao vút.

Em cảm nhận sức nóng ran của lửa
 Mỗi khi nghe tiếng gọi của chàng -
 Nhưng em quên chàng ngay lập tức -
 Khi hơi thở nồng nàn tuổi trẻ
 Của những tâm hồn sâu lắng thân thương -
 Chúng thôi thúc chàng lên tiếng hát.

Hình bóng tuyệt vời biến xuất hiện,
 Tỏa ánh màu vàng môi tóc trong ea
 Hình bóng đỏ trên đáy giếng diệu
 Ánh lửa sáng ngời trong mắt long lanh
 Chàng biến mất, ước mơ sáu lắng.
 Làn sóng hân hoan đưa đẩy em đi.

Hình bóng đỏ nhập vào tâm khảm
 Và lớn lên mỗi lúc một tăng.
 Để tan đi trong âm điệu tuyệt vời;
 Khi hiển đi, khi xuất hiện trên đời.
 Nó rực sáng màu xanh trời biển,
 Tựa bình minh tỏa ánh rực vàng!"

"Hỡi dân kia, có gì mẫu nhiệm -
 Tiếng đàn sau ngàn dài trong sáng.
 Vui vẻ hài hòa như sáng tháng Năm;
 Nó mang lại cho em hơi thở.
 Tiếng dây đàn đập lại âm vang
 Làm xáo động không gian tứ đáy!"

Em uống cạn ước mơ trong đó.
 Toàn bộ âm thanh trao lại cho đây -
 Khi còn lại cô đơn hiu quạnh.
 Nhưng em vẫn còn và vẫn ước mơ,
 Vẫn cháy sáng và hoa vãn nở.
 Còn anh đây - anh đã xa rồi!"

"Hỡi ca sĩ, em đây ôm mộng,
 Khát vọng trong lòng bay bổng lên cao,
 Và đuổi bắt ánh hào quang tinh tú -
 Thánh thốt tiếng đàn và nỗi khổ đau
 Bình minh sáng - tiếng nhạc vang.
 Chân trời xa hiện lên trong ánh sáng!"

VỤ XỬ KHỦNG KHIẾP CHUYỆN VUI

Ôi! Buồn chán vì cuộc đời chết lặng.
Vì lời khen mình hót ở đây
Buồn chán như ở nơi đũa dăm
Chả rợn người tóc dựng ngược cả lên.

Nếu cuộc sống mai đây kết thúc
Với cuộc chơi ước mệnh cuộc đời -
Mọi đau khổ sẽ đều chấm dứt,
Tồn tại trên đời rồi sẽ kết theo.

Cúi tay đầu trước Chúa anh minh.
Bài thành ca chúng ta cùng hát,
Trước lâu dài lòng lấy của người
Không biết được khổ đau, hạnh phúc.

Ta cảm thấy kinh hoàng hồi hoàng.
Khi hình dung ra cái giờ này,
Ta khiếp sợ, xung quanh cái chết,
Nghe tiếng kèn rừng rợn, uy nghi.

Trời lồng lộng thuộc về của Chúa
Có bao nhiêu trên đó thánh thần!
Ở trên đó bà già nhiều lắm -
Thời gian nào có xót thương cho.

Ngôi mô đã che thân hình họ,
Trên thì mốc, dưới bùn nhơ,
Những linh hồn nhảy nhót vui chơi
Trong điệu múa bụi tung mù mịt.

Mọi người đều thành tao mảnh dẻ,
Tựa lông hồng nhìn đáng sợ ghê,
Đừng cố thắt chặt dây như thố -
Làm sao thành được dây lưng ong.

Thế mà ta, một người ngang ngược,
Lên giọng khen át cả mọi người
Ta làm hồng cả ngày lễ Thánh
Chúa nổi xung vì tức giận ta.

Người thân Ga-vri-ên ra hiệu.
Thiên thần kia liền phải ra tay
Ông tóm ngay anh chàng la hét
Và cho ngay cù đá lộn nhào.

Đó, giấc mơ một lần là thơ
 Mơ về ngày xét xử gần đây!
 Giấc mộng là chi? Một điều hoang tưởng!
 Vậy xin rằng hãy thử lối cho ca!

HAI NGƯỜI CHƠI ĐÀN HẠC

BA-LÁT

"Sao em vội tới lâu đài ấy vậy
 Với con tim rạo rức bài ca?
 Nó tuyệt vời hay mầu nhiệm hà em?
 Hay trong đó người em yêu đang sống?"

"Nếu anh biết ai đang ở đó
 Hỏi làm chi nữa thế hà anh?
 Hãy nhớ lấy, lâu đài cổ đó -
 Sắc đẹp bầu trời quyền lực trong tay!

Em chưa thấy trong hào quang xán lạn,
 Chỉ thấy loại đá quý long lanh
 Chúng trang trí tòa nhà rực lửa -
 Thu hút mọi người vây gọi chúng ta.

Em tưởng tượng mình sinh ra trong đó,
 Tại nơi đây em thấy ánh sáng đời.
 Hơi thở miền nam tràn đầy hạnh phúc,
 Tiếng chào của tổ quốc địa hiến.

Bài ca trẻ tự do thổi mái,
 Lồng ngực căng phồng thở hít bao la.
 Tiếng đàn lia lia ca vang vọng,
 Trung nổi khổ tằm trong sáng của mình.

Em không hay nghề nhân nổi tiếng.
 Làm tâm hồn em sao xuyên thấu này.
 Em không biết theo thánh thần nào nữa
 Để có thể nhìn hướng lên cao.

Quả vô ích em đứng bên cổng đóng
 Với trái tim thần phục ngóng trông.
 Đừng tựa cột hoa cương hùng vĩ
 Em buồn đau ca ngợi tình yêu!"

Cô gái khấp khểnh tung búp tóc,
 Với hai hàng nước mắt lạnh thấu.
 Lồng nóng bỏng như thần lửa đỏ,
 Bềnh nạ hồn lau sạch lệ rơi.

Với sức mạnh hết ý như vậy
 Lôi kéo em đến với vì nhân
 Từ phương xa em đây hướng tới
 Em lang thang tìm kiếm khắp nơi.

Liệu có cần đau khổ thế không?
 Tôi hơn hết hai ta cùng hướng
 Ngắm nhìn thiên nhiên cảnh tuyệt vời
 Và nhảy múa trên bờ sông chảy xiết?

Lòng ngực sẽ thở đầy không khí
 Và tôi gần địa giới đặt ra,
 Nơi đôi ta sẽ cùng chung sinh sống.
 Ấp ủ ước mơ về cảnh đẹp thần tiên.

Trong túp lều tranh hai ta ở đó
 Hã y ca vang bài hát đỉnh hồn.
 Để cho nó bay theo làn sóng
 Sang miền tây hừng khơi vô cùng!"

Họ trải qua nhiều ngày tốt đẹp
 Giữa âm thanh vang vọng ngọt ngào,
 Hàng đàn chim mượt mà giọng ấm
 Bị cuốn theo những giai điệu muôn màu.

Có một lần khi quên buồn rầu
 Họ thiếp đi trong giấc mộng thánh thần,
 Nằm trên nệm褥 rất khó mềm mại,
 Thần linh thiêng tái hiện trước hai người.

Thần trên đôi cánh vàng lộng lẫy
 Dưa họ lên mãi tận trời cao,
 Và hợp âm nhẹ nhàng trong sáng
 Từ nhà tranh vút tận tằm cao.

THƠ TRẢO PHỤNG .67

I

Cổng chúng Đức ngồi như ngày đại
 Trong ghế bành và vẫn lặng thính.
 Trong khi đó xung quanh mưa bão
 Trên tầm cao mây phủ kín trời.
 Ánh chớp lóe như con rắn lửa -
 Thể hiện ra sự yên tĩnh thanh bình.
 Khi mặt trời mọc trong ánh thanh thiên
 Tiếng báo tử trở nên yên lặng.

Cứ tạo Đức dựng lên gào thét
 Rồi viết lên "Thoát nạn rồi đây",
 Họ sẵn sàng họa ra tưởng tượng
 Và tìm nên nguyên của những hiểm nguy.
 "Hiện tượng đó diễn ra không đúng
 Làm khắc đi có thể ông trời.
 Và tạo ra một trật tự nghiêm minh
 Đầu trước hết rồi sau đó là chân",
 Và như đứa trẻ cũ bọn lãng xảng
 Mặc áo rách, loay hoay như đàn kiến.
 Tốt hơn họ cần làm điều xứng đáng
 Để đất trời cho những lợi ích hơn.
 Vì họ đi con đường của họ
 Còn sóng cuốn bình thần đập đá ghềnh.

II

HÊ-GHEN. THƠ TRÀO PHÚNG

I

Khâm phả ra anh minh cao cả và chiều sâu không đáy
 Ta quan trọng như trời và bóng tối bao quanh.
 Ta bơi mãi đi tìm ý tưởng trong biển rộng sóng to.
 Ta tìm được Một từ và liến óm ghi lấy.

2

Ta học từ lần lộn trong cơn bão dữ
 Mặc mọi người hiểu thế nào tùy họ.
 Chính chúng có gông xiềng gì trời buộc,
 Vì như nhà thơ những gì nghe thấy
 Trong sông đập vào bờ, những lời yêu đương ngào ngọt.
 Những gì nhà thơ suy tư cảm thấy - đó là ý tưởng.
 Mặc mọi người hát nhụy anh minh trong sáng
 Ta đã vạch ra tất cả, nhưng dành cho các bạn Chẳng
 cái gì!

3

Cùn-tơ và l'hi-tơ trên không trung tình từ
 Tìm thế giới và danh trong bóng tối:
 Ta đã cố hiểu sâu và rộng
 Nhưng gì đã tìm thấy ở trần gian.

4

Thứ lỗi chúng tôi vì thơ trào phúng
 Và vì những âm điệu u buồn.
 Học thuyết Hê-ghen chúng tôi nghiên cứu

Và không thoát khỏi mỹ học của ông.

III

Người Đức có một lần quyết lên đường¹⁴⁰,
 Họ có thể giành được thắng lợi toàn dân.
 Khi cái tiếng an mừng thắng lợi,
 Những lời này đọc được ở khắp nơi:
 "Sự kỳ diệu diễn ra khắp chốn -
 Sắp tới đây ai cũng có ba chân!"
 Và nỗi buồn hiện trên nét mặt,
 Bản thân họ cũng thấy gương ngừng:
 "Ôi, bao nhiêu chuyện xảy ra cùng lúc!
 Lượng nói yên bình lần nữa gọi ta.
 Những gì rắc rối ta dành cho sách.
 Mà sách thì chẳng thiếu người mua".

IV

Nếu như tặng ngôi sao cho bạn -
 Ánh sáng ngôi này mờ, ngôi kia quá sáng
 Ánh sáng mặt trời hoặc là chói mắt,
 Hoặc là rất lâu mới tới được ta.

V

Như vậy vẫn quả tránh Si-lu:¹⁴¹
 Ông ta không thể mua vui nghiêm túc,
 Cứ lúng lè đầu đó trên cao,
 Lao động hàng ngày không hề hay biết,
 Chỉ biết chơi sấm chớp không thôi,
 Còn tiếng lòng thì người quên hẳn.

VI

Còn Ga-to quả yếu sắc đẹp:
 Khuôn mặt Vê nữ ông thấy xinh hơn:
 Dù hình tượng ông lấy từ đời sống,
 Ông lãng béc chúng lên tận trời cao,
 Đến mức chúng cũng như cảm xúc
 Mất đi nội dung tình cảm của mình.
 Với Si-lơ thân thiện hơn nhiều:
 Ít ra thì chúng ta có thể
 Tìm thấy ở ông ý tưởng trong thơ
 Mặc dù ý của chúng quả là khó hiểu.

VII

VỊNH CHIẾC ĐẤU HỎI

Nữ thần A-tê-nê mặc áo giáp oai hùng,
Đá tảng huơ ra từ đầu thần Dớt,
Như tia chớp qua mây mù đen tối
Chiếu sáng khắp nơi bần dân thiên hạ.
Niềm vui lớn bao trùm thần nữ -
Nàng ngự trên đầu người hạnh phúc gặp may.
Mặc dù ông không dễ ra nàng,
Nhưng cứ để ngồi trên đầu như vậy.

VIII

PU-XCU-KHEN
("NHỮNG NĂM THÁNG CHƯ DƯ" RỒI)¹⁷

1

Si-tơ là thi sĩ hết chê;
Tiếc thay! Ông biết Thanh kinh rất kém!

Trung "Cải chuồng"¹⁸ thật là đáng tiếc,
Ông không một dòng nói tới thiên đường,
Về chuyển đi của Giê-su tới thành phố
Trên con lưá bé nhỏ của mình.
Trong tác phẩm "Va-len-stai-na" - thật hay! -
Vẻ chiến công Đa-vít không thấy nói một lời.

2

Bất với nữ nhân, Gô-tơ là tinh thần gồm giải thoát,
Vi chúng nó không phù hợp với những người.
Dùng cảm nhận thiên nhiên thuần chất,
Không thêm gài theo đạo lý nhà thờ
Cần phải lấy hình mẫu từ "Thành kinh" -
Từ đó may ra được thơ hay.
Ồi, Gô-tơ, ông có thể làm điều tốt đẹp
Tiếc thay ông quên thêm mấy chữ: "Chúa đã tạo ra".

3

Kẻ nào đánh giá cao Gô-tơ
Kẻ đó thật nghiêm trọng sai lầm!
Mọi khảo khố của ông thấp kém -
Và tác phẩm thuyết giáo của ông dẫu?

¹⁷ Ph. Se-hê "Hồi ca về cải chuồng"

Phải chăng ông có chút lòng kính Chúa
Để nông dân, nhà giáo noi theo?
Ông không được ông trời ghi nhận;
Và cũng không còn thể giúp học sinh!

4

Tôi sẽ kể về câu chuyện Phau-xơ,
Khẳng định rằng nhà thơ lẫn khá nhiều,
Phau-xơ tội lỗi và mắc nợ,
Anh ta là con bạc đam mê.
Sự hỗ trợ từ trên không có,
Nỗi nhục đang chờ. Cứu vãn làm sao?
Kẻ đáng thương sợ hãi kinh hoàng
Đầu phải đưa - Âm ti là cái chắc!
Khi suy tư về sống và cái chết,
Về tri thức và cơn thẳm học.
Anh ta ba hoa về cái đó quá nhiều
Bằng những lời lẽ tối tăm, huyền bí.
Cần sửa cho tác giả những gì lưng còng.
Ý tưởng rõ ràng: quĩ rượt theo tội lỗi.
Với ai tìm cứu vãn trong công nợ.
Sẽ nói rằng: hãy cứu lấy linh hồn!

5

Phau-xơ đắm say tư vào ngày lễ thánh, -
Và quĩ sa tăng chẳng ngại chơi với hần?
Vì kẻ nào vào ngày lễ thánh suy tư,
Hần sẽ chịu nhục hình dưới ám phủ.

6

Còn điều này trong vở kịch thấy không:
Lẽ nào cảnh sát ngủ lâu như thế?
Đứng ra Phau-xơ phải ngồi tù mới phải:
Vì hần bỏ trốn chưa trả nợ xong!

7

Phau-xơ hoàn toàn không sợ tội
Vì anh ta chỉ sống cho mình;
Ôm hoài nghĩ cả trời và vũ trụ
Quên rằng là Mồ-i-dơ khen ngợi chúng.
Không hiểu sao Gré-ta lại yêu hần -
Tối hơn làm cho hần hiểu rằng
Lũ quĩ sẽ phần hồn chiếm mất
Rời sau phiên tòa xử tội đang chờ.

8

"Tâm hồn cao thượng"¹²² cơ lợi ích chi.
 Giá như nó mặc áo thấy tu và đeo kính.
 "Cái chưa tạo ra - không gì hơn cái" -
 Thì sĩ đích thực bắt đầu như vậy đó.

**BÀI THƠ TRẢO PHÙNG CUỐI CÙNG VỀ
 BÁC THƠ CẢ XU-E-XLÔ-VI¹²³**

Hãy nhón bột bánh, không tiếc đôi tay.
 Bạn chỉ phụ cho thợ nướng bánh mỳ.
 Gơ-tô là ai? Mỗi người đều hiểu.
 Bạn không thể trả lời cho câu hỏi đó.
 Vì nghề ngỗng ông ta không có.
 Làm sao có thể là bậc sảng suốt kỳ tài?

SỰ HẢI HOÀ

Em có biết phép liên màu nhiệm.
 Hai tâm hồn kết chặt vào nhau,

Đến hơi thở của hai làm một
 Và tìm ra quan hệ họ hàng?
 Chúng rục chảy trên bóng hồng màu tía.
 Lớp rêu mềm cho phù kín không rồi.

Này em, độ đi đâu chẳng nữa
 Cũng không tìm gặp phép đó đâu.
 Cũng không gần được với bùa hộ mệnh.
 Không tìm ra qua ánh sáng huy hoàng.
 Phép đó cũng không do mặt trời sinh tạo
 Và không quen với thực phẩm trần gian.

Phép đó luôn sống trong nội tại
 Mặc cho thời gian trôi đi nhanh chóng.
 Mặc cho A-pô-lông cười trên xe
 Giẫm tốc độ... và thời gian tàn lụi...
 Nó nuôi trong mình sự lành mạnh phi thường
 Sức mạnh của thế gian và chứa trời với nó chẳng là chi.

Nó tựa như âm thanh vang vọng,
 Của chiếc đàn huyền diệu vĩnh hằng,
 Ngọn lửa bất tận cháy luôn trong nó
 Của suy tư cao cả đau khổ ngọt ngào.
 Nhưng âm thanh đó hòa quyện trong em...
 Hãy lắng nghe - cần chỉ tìm nơi khác.

**CÔ GÁI BỊ HÀNH HẠ
BA-LẮT**

I

Nàng đứng ngang bên cửa,
Mặt đỏ đỏ thâm,
Chiếc thắt lưng quanh eo
Tạo nhả bóng sát mình.

Những bông hồng tuyệt diệu
Cái tình yêu búp tóc.
Bông này trắng hơn tuyết,
Bông kia hồng màu lửa.

Chỉ có đôi mắt nhỏ
Ánh hoa hồng không thấy
Nàng như con nai tơ
Bị thợ săn bắn trúng.

Những kim cương óng ánh

Chiều sáng thật hoài công
Mặt đỏ từ trên má,
Đón chảy về con tim.

"Tu lại phải vội và
Chìm ngập trong vui chơi,
Nhảy múa như con chim,
Khổ đau nên lồng ngực.

Nguyện vọng khác chờ giấu
Trong dòng máu đang sôi
Ta cần gì ánh lửa
Khi không có tình yêu?

Cái gì xáo trộn hồn,
Cái gì xảy với ta
Chỉ có Trời mới biết -
Ngôn ngữ trần thế không tường.

Dù ta có phải chết,
Chìm đắm trong khổ đau,
Ta chỉ cần lên trời,
Ngắm diệu kỳ đất nước!"

Nàng đắm đuối nước mắt
 Ngược nhìn trời thăm xanh.
 Tiếng thở dài lặng lẽ
 Nói lên những ước mơ.

Nàng cô đơn nằm xuống
 Lòng cầu nguyện thành tâm.
 Giấc mộng sâu tràn tới.
 Thiên thần hiện bên nàng.

II

Năm tháng cứ trôi đi,
 Sắc đẹp dần phai nhạt
 Nàng lẩm li buồn tủi,
 Sống chiếu sáng trong mình.

Nàng kiệt sức chống chọi
 Bóp nghẹt nỗi khổ đau,
 Trái tim đập yếu ớt,
 Quả khế tìm được sao.

Cò một lần nàng nằm
 Mà không sao chớp mắt.
 Tưởng chừng như đã chết
 Bị nỗi đau nén đè.

Cặp mắt nàng mở to
 Hoang mang và trống rỗng
 Nàng quên mất cả mình
 Mộng thì trào gợn.

Từ đôi mắt tuôn ra
 Dòng suối máu đắm đuối - ...
 Bỗng nhiên nàng thấy khỏe
 Trước nàng ánh sáng thần.

"Ta thấy trời mở rộng.
 Tâm hồn ta nhẹ nhõm
 Ước mơ thành hiện thực
 Ta gần tới vì sao!"

Đôi môi run tuyệt vọng.
 Tâm hồn đầy ưu tư
 Tinh thần vung vãi cánh
 Lên ngôi nhà không trung.

Chỉ hầu trời vậy gọi,
 Nàng gần bó với trời;
 Nàng thấy sống lạnh lẽo
 Trái đất quá nghèo nàn

CON NGƯỜI BÉ NHỎ VÀ CÁI TRỐNG CON TRUYỆN CỔ TÍCH*

Cái trống con không phải con người – con người không
 phải cái trống.

Trống quá thông minh, con người chỉ là thông ngố.

Trống bị huỷ hoại, con người thì đứng.

Đôi chân người té ngã, trống vẫn nằm nguyên.

Và khi con người nổi giận, gõ vào nhịp trống.

Trống nức cười run lên, người run vì giận.

Con người tạo cái mặt mo, còn trống thì cười khẩy.

Và khi đó con người bực bội gào lên bằng giọng nói
 không phải của mình:

Này, cái trống, cái trống con, mi cười và xếp xình
 chề vậy,

Người trừu ta và nhạo báng ta chẳng?

Người nhếch mép cười xéo lão, đồ nhue và hồ thẹn
 ngấm nhin?

Khi ta gõ nhịp, người hấy rền vang, và rồi nằm yên nơi
 ta sẽ treo người?

Cho nhan sắc nào đây, ta cất người ra từ tôn gỗ?

Để người muốn làm gì tùy ý? Hay người tự tạo ra
 người?

Người phải nhụy múa khi ta gõ nhịp, và rền vang khi
 ta hát.

Rồi nước nở khi ta cười, cười theo điệu ta nhảy?*

Và con người gào lên dữ dội và giận dữ gõ nhịp
 trống con,

Trống tan ra từng mảnh, máu trào từ trống con
 bất hạnh.

Trống con không có người, người không có trống

Người bước vào tu viện, làm tu sĩ cho xong.

* Từ Máu vượt hàng thế kỷ mới ra đời

LÒNG TỰ HÀO NHÂN ÁI

Thấy gian phòng trang trí nguy nga
Sức nặng của những lâu đài kiêu hãnh,
Nhưng đông người mà mỗi lượt qua
Và sự vội vàng diễn rõ của họ:

Ta cảm thấy trong lòng bối rối,
Tự hỏi mình - nỗi sợ chiếm ta:
Lên sóng còn ló cuốn cá người
Và vòng đời đã tới gần rồi chứ?

Đám đông kia làm ta kinh ngạc,
Họ hiểu thân leo mà lên trời?
Cuộc sống đây cũng dành khuất phục -
Bận rộn hàng ngày cùng tư lợi kết liên?

Người không ló và những chú lân!
Sao nữa? Những đồng dà không hôn!
Các người không đáng ta chú ý
Không thể cho người ngon lửa tâm hồn.

Ánh mắt ta chìm đắm xuyên thấu,
Nú kiêu kỳ hướng thẳng phương xa.
Nỗi buồn im ỉ nay bột phát
Gian phòng sống sót mà môi cười.

Cái chết đang chờ người cả đám
Chết và trong cung điện nguy nga
Liệu ánh hào quang còn giữ được
Hay thành tro bụi cảnh hoang tàn.

Còn chúng ta? Chúng ta không biên giới
Chân trời không ngăn cản đường đi.
Khét khao nguyện vọng tu đi tới
Dừng chân nghỉ ở những miền xa.

Ước mơ tiên bước mảnh liệt sao
Chân trời xa thẳm không cho nghỉ.
Bao nhiêu miền đất nước qua nhanh chóng.
Trong tim còn lại một nỗi buồn.

Diệu gì kỳ diệu ngay trước mặt?
 Gạch vụn hoang tàn. Vây chuyển bay?
 Nó không cảm thấy hơi ngọn lửa
 Tạo ra từ khoảng trống thời gian.

Không đâu nhìn thấy đoàn chiến thắng,
 Đà từng kiêu hãnh hướng lên cao.
 Chỉ thấy nó sâu là tội nghiệp,
 Tiếng nằng nặc gần đá vụn kia.

Tâm hồn bốc lửa đang rực cháy
 Ôm lấy cả thế giới này.
 Chẳng hề biết đến gì đau khổ,
 Từ đỉnh tối cao hải mặt trời.

Tâm hồn bay cao cao hơn nữa,
 Bay mãi lên cao tận trời xanh.
 Nào động thần linh nơi xa thăm
 Rên kiêu thiên đình trị thế gian.

Không sao tránh khỏi nhiều gặp gỡ.
 Ý trời đã vạch một con đường.
 Nếu như hóa hợp đồng ý đó
 Hãy cùng đốt nóng trái tim lên.

Một cho sức mạnh hút vào ta
 Rồi từ chính đó lại tan đi
 Mặc cho nó gấm như núi lửa,
 Quý sử vây quanh nó khúc hát.

Nó không thể chết trong bay lượn
 Ngồi vong nó dựng để chế bai.
 Ngà xuống trở thành niềm thắng lợi,
 Hề chế ô nhục xứng lời khen.

Khi nào đôi tim cùng nhịp đập
 Sáng bừng linh cảm nhịp hòa theo
 Đôi tim cùng nhau đều thứ nhận:
 Tuyệt vời khi mãi ở bên nhau.

Tâm hồn bốc lửa hợp cùng nhau,
 Sưởi ấm thế gian bằng ước vọng.
 Trái tim hòa quyện niềm khao khát
 Theo luật thiên nhiên đẹp vĩnh hằng.

Giờ-ni, nếu như anh dám nói,
 Ngọn lửa đốt cháy tâm hồn ta
 Và trong đó một dòng lưu chảy
 Đã gần liền em lại với anh, -

Anh có thể đứng lên thách đố
 Không nhượng khoan thế giới bội bạc này.
 Dù nó có đỏ nhào chẳng nữa
 Ngọn lửa kia chẳng tắt được đâu!

Tựa Chúa trời, anh đi dạo bước
 Trên trần gian, giữ gìn hình huân vu,
 Mỗi một lời đều là hành động
 Cuộc sống trần gian sống tạo là anh!

CUỘC DẠO CHƠI

"Anh nhìn tăng đã dễ làm chi,
 Nó làm tâm hồn anh sôi động"
 "Ánh hoàng hôn sáng rực chân trời
 Dặt nọ hôn lên trên khối đá".

"Anh đã thấy không chỉ một lần -
 Thấy những đóa, thật là kỳ lạ,
 Thấy mặt trời trước tiên phải mọc,
 Sau rồi mới lặn, phải thế không?"

"Có một lần anh đẩy chiêm ngưỡng:
 Cảnh hoàng hôn đỏ rực chân trời
 Ánh mắt buồn rầu của nàng ly biệt
 Hoàng hôn coi thật đắm say.

Đôi ta đi không hề lơ lửng
 Ánh mắt ta chìm ở tầm xa
 Con gió nhẹ nổi lên lay động
 Chiếc khăn quàng trên khuôn ngực nàng.

Ánh hoàng hôn diệu kỳ đủ rực,
 Gương mặt nàng thấm lửa chói ngời,
 Ta ôm nàng siết ghi vào ngực -
 Màn đêm buông rủ xuống ngay rồi.

Từ đôi đốc hoang vu thanh vắng
 Ta đưa mắt phương xa thăm lảng,
 Nàng ùng hống như sắc hoàng hôn
 Từ mồm đã gột dấu ra hiệu".

NÀI CA GỬI CÁC VỊ SAO

Muôn đấng sao, hững hờ sa số
 Trên nền trời xanh thẳm bao la,
 Những hình ảnh tuyệt vời hiếm có
 Giăng mờ mờ ảo ảo trên không.

Đầy vui chơi linh hồn trong sạch,
 Kia con sông tỉnh cảm nhẹ nhàng,
 Niềm đau khổ và nỗi buồn day dứt
 Ánh ngời lên tựa chuỗi ngọc trai.

Vào những buổi chiều hồn yên lặng
 Mắt ngược lên ngắm các vị sao
 Ở trong đó ẩn niềm hy vọng
 Cửa trẻ thơ và tình vĩnh hằng.

Ồi! Các người đây không hề lo lắng
 Sáng rực luôn luôn trong bức màn đêm,
 Chính vì trời khước từ vĩnh viễn
 Cho các người hơi ấm nóng này.

Các người sáng hầu như vĩnh cửu
 Nhưng ánh này quả thực ảo hư.
 Trong các người không tủa hồn cháy bóng
 Màng tinh hiển hờn nóng hậu chân thành.

Ánh sáng lung linh của người giấu vội
 Đối với chúng ta không bao giờ hết
 Những trái tim yếu ớt đập dồn
 Trong một mối vẽ các người không dứt.

Càng khổ đau ta càng tranh đấu
 Không thể làm dịu được nỗi buồn,
 Chúng ta thấy được trời và đất
 Vẫn bình yên tới cả như xưa.

Mặc bình yên của ta đã mất
 Mặc tử thần đến hãm hại ta,
 Rồi khi đó không còn cây gậy.
 Những ngôi sao chẳng phải đối ngời.

Nếu không thì các người đã xuống
 Tận đáy biển khơi từ thuở nào rồi
 Và không còn tỏa sáng long lanh
 Trên nền trời bao la xanh thẳm.

Các người nói quá là rất đông.
 Rồi bỏ đi khỏi ánh hào quang
 Sao không chiếu trên bầu trời nữa.
 Đêm tối tràn cho phủ khắp miền.

GIẤC MỘNG NGÔI CA

Ta có thể từ giấc mơ bay bổng
 Dệt nên tranh tuyệt mỹ rực hoa,
 Ta có thể bện từ búp tóc,
 Làm trái tim thấm đậm máu hồng
 Để trên những lớp sóng gấm cùn mộng,
 Trong lửa thiêng thấy được bóng nàng.
 Để thấy nàng thân hình uyển chuyển
 Hát tình yêu cùng với gió ngàn.

Nàng lòng lãnh ánh vàng rực rỡ,
 Ngôi nhà kia rộng rãi hơn nhiều
 Những làn tóc bay tung trong gió,
 Quảng lớn nàng lấp phủ màu đen.
 Máu của ta từ trong bài hát

Tươi thành sông tâng đá hoa cương.
 Ánh đèn kia một trời sánh kịp.
 Trái tim đây tràn ngập bầu trời.

Không gian ở xung quanh rú xuống,
 Chịu qui hàng hiệp sĩ hiện ngang,
 Trong mắt ta bùng lên đốm lửa
 Con lốc kia vang vọng tiếng đàn,
 Từ trái tim hòa theo làn điệu,
 Nổi buồn - móm đá, khát vọng - mặt trời.
 Ta cúi đầu nghiêng mình ngoài ngoài
 Chỉ giọng ta kêu hân âm vang.

BÀI CA NGƯỜI THUỶ THỦ NGOÀI BIỂN

(Xem tr. 840-841)

CHIẾC TÀU THẦN KỲ TÌNH CA

Chiếc tàu đi vòng quanh thế giới

Không bướm, không đèn sáng trên tàu,
 Khắp trên hoàng phủ đầy bóng tối
 Cột buồm kia bị gãy gục, còn đâu.

Thủy thủ buồn đứng sau tay lái
 Má còn dấu dấu vết ừng hồng,
 Đầu mệt mỏi chẳng màng suy nghĩ
 Trong mắt anh ánh sáng còn đâu.

Bảo tố quanh con tàu rền xiết,
 Quạt con tàu vào đá ngoài khơi
 Nó vỡ rạn, nhưng chưa chìm hẳn,
 Láng một hời, rồi lại nổi lên.

Giữa đợt sóng đợt nhiên phát hiện
 Đồng màu tươi đỏ ối dâng lên
 Người cầm lái trong lòng lo lắng
 Tựa hồ như rắn cắn thịt da.

Tiếng gào thét từ trên xuống dưới,
 Các thần linh hò hét trả thù.
 Ánh mắt thủy thủ đầy nghiệt ngã
 Sóng biển dạt trời mỗi con tàu.

Người cầm lái hướng đi miền khác,
 Anh thấy bờ đất nước xa xôi
 Nhưng bất thần nổi lên đám cháy
 Và anh ta chìm dưới sóng biển khơi.

CÔ GÁI XANH XAO

BA-LÁT

Cô gái da tái xanh
 Trầm lặng và kín tiếng,
 Tâm hồn cô hiên diu
 E lệ và âu sầu.

Trong cô không điểm sáng
 Thường hời hợt xốn xang,
 Tình yêu và nỗi nhớ
 Trong day dứt dấu tranh.

Nàng - niềm vui đôi lứa,
 Sắc đẹp của thiên thần,
 Trinh tiết kín mầu mực,
 Tâm hồn thật tuyệt vời.

Có một lần hiệp sĩ
Cuối ngựa lướt ngang qua.
Tình yêu hóng dãi mắt
Kao xuyên mãi tâm hồn

Nàng say mê đến đời
Nhưng chàng đã đi xa.
Đời chiến chinh lời cuốn.
Tình yêu chỉ điệu mào.

Cả niềm vui quá xa,
Cả bầu trời sụp đổ.
Nỗi buồn choán trái tim
Dứt dây không bỏ bến.

Chiến trường trở về nhà
Buồn bã và thẫn lờn -
Nàng qui trước ảnh Chúa
Cầu nguyện Người lòng lành.

Nhưng hiện lên trước mặt
Bóng dáng khỏe hoàn toàn,
Sức mạnh thật vô biên -
Ai dám đo với chàng?

"Em của anh vĩnh viễn.
Không bỏ đi được đâu
Em dâng đời cho Chúa
Chẳng thành khăn chít nào".

Nàng hoảng sợ qui hàng,
Toàn thân run lấy bấy,
Xung quanh đều sập tối,
Nàng chạy khỏi thánh đường.

Nàng khóc lóc như mưa
Bà tay và than vãn:
"Nỗi buồn xé lòng ta,
Tăm can buồn đau khổ.

Ta dành mất bán trời
Mất luôn cả niềm vui;
Linh hồn trao địa ngục
Không phải Chúa trên đời.

Chàng từ đầu đến chân
Dẹp trai tựa như Chúa,
Ánh mắt nhìn sâu thẳm
Hùng vĩ và sáng ngời.

Chàng không liếc nhìn ta,
 Dù chỉ trong giây lát.
 Còn ta bị lừa hút
 Đến tận cuối đời mình.

Cô gái khác ôm chàng
 Ép mình vào lồng ngực.
 Tim ta chết lặng rồi
 Thoi thóp liên hồi đập...

Ta nân nằng hiển tọng
 Cầu và n lấy linh hồn,
 Chỉ mong sao kết gộp
 Ánh mắt chàng dịu hiền.

Thiếu chàng, cả vầng trời
 Nghèo nàn và lạnh lẽo -.
 Nói buồn đau ngợ trị,
 Nơi ở của khổ đau.

Sóng dâng trào ở đây
 Nhộn vui và ca hát
 Làm dịu tâm hồn ta,
 Rửa nỗi đau tâm khảm".

Nàng gieo mình xuống dưới
 Vực thăm đáy băng
 Chúng cuốn trôi theo nàng
 Vào phương xa tối thăm.

Tim đập tỉnh yêu một phía
 Bỗng nhiên ngưng im bặt.
 Mạn che liến rơi xuống
 Ánh mắt đầy lo âu.

Đôi môi đầy quyến rũ
 Nay đã nguội lạnh rồi,
 Sắc đẹp thiên thần ấy
 Tan biến chẳng còn chi.

Không còn hoa và lá
 Dành riêng để cho nàng.
 Bình minh lẫn hoàng hôn
 Châm lặng không thức giấc.

Sóng dập vào bóng đêm
 Ốn ào và giận dữ
 Kia, thân thể cô nàng
 Va vào mỏm đá nhỏ.

Chàng hiệp sĩ ngồi đó
 Ôm người yêu tuyết đẹp.
 Cây đàn vui vẻ hát
 Về tình yêu ngọt ngào

NGƯỜI CHƠI VĨ CẨM

(Xem tr.36-37)

MỘT SỐ MÀN TRÍCH TỪ BI KỊCH Ô-U-LA-NEM

Những nhân vật

- | | |
|---------------|--|
| Ô-u-la-nem | - khách du lịch Đức |
| Luy-sin-dô | - bạn đồng hành của ông ta |
| Péc-ti-ni | - cư dân của thị trấn ở vùng núi I-to-li-a |
| An-van-đê-rô | - cư dân của thị trấn đó. |
| Bê-n-tô-ri-xe | - con nuôi của An-van-đê-rô. |
| Vic-rin | |
| Phúc-tô | - tu sĩ. |

Sự kiện xảy ra tại nhà của Péc-ti-ni, trước ngôi nhà đó, tại nhà của An-van-đê-rô và trong núi.

HỒI MỘT

Thị trấn trong núi

MÀN MỘT

Đường phố Ô-u-la-nem, Luy-sin-dô, Péc-ti-ni trước cửa nhà mình.

- | | |
|-------------|---|
| Péc-ti-ni. | Thưa các ngài! |
| | Thị trấn chúng tôi tiếng đồn ca ngợi |
| | Nhiều đoàn du lịch nước ngoài lui tới |
| | Những cảnh đẹp của chúng tôi thu hút họ. |
| | Xin mời các ngài tới chỗ chúng tôi |
| | Vì các khách sạn không đâu còn chỗ trống. |
| | Đây, những gì tôi có thể đưa ra, |
| | Mời các ngài - tình bằng hữu |
| | Khi mới gặp, tôi liền cảm thấy. |
| Ô-u-la-nem. | Xin cảm ơn hội người lạ mặt. |
| | Tôi e ngài đánh giá quá cao. |
| Péc-ti-ni. | Không sao |
| | Xin các ngài đừng quá khiêm nhường. |

Ô-u-la-nem. Chúng tôi muốn ở lại đây lâu.
 Péc-ti-ni. Ngày các ngài muốn ra đi chỗ khác
 Thật là buồn đối với chúng tôi đây.
 Ô-u-la-nem. Xin cảm ơn.
 Péc-ti-ni. *(gọi thẳng nhỏ)*
 Này thẳng nhỏ! Dẫn các ngài vào phòng,
 Sau chuyển đi các ngài cần nghỉ
 Ở lại một mình và đi nhón,
 Phải thay quần áo bẩn đi đường.
 Ô-u-la-nem. Đi thôi. Chúng tôi sẽ quay trở lại.
(Ô-u-la-nem và Luy-sin-đô ra cùng thẳng nhỏ)
 Péc-ti-ni. *(Một mình, thộn trọng ngó nhìn xung quanh)*
 Đúng, chính ông ta và ngày này đã tới!
 Ta không thể quên được người bạn cũ
 Và trí nhớ chưa hề phớt lại ta:
 Nhưng giờ đây ta đã nghĩ khác rồi...
 Đúng, chính ông ta là Ô-u-la-nem ấy.
 Và trí nhớ thôi không hành hạ.
 Người đã cùng ta trên một chiếc giường,
 Ngủ cùng ta và cùng tỉnh dậy
 Đúng, với người ấy ta đã quen quá,
 Và còn điều khác ta đây cũng biết
 Và tất cả - chỉ riêng một Ô-u-la-nem!
 Cái tên đó khác chỉ thần chết
 Kệ nó vang lên chừng nào y còn sống.
 Đúng! Điều đó từ thâm tâm ta có
 Sáng tỏ như khế trời, vàng chắc như xương cốt,
 Ta thấy lời thứ đó ngay từ?

Đúng, ta đã thấy - để mặc hắn đi tìm!
 Kế hoạch ta đã định, trọng tâm kế hoạch
 Là cuộc sống của Ô-u-la-nem - người đó
 Người muốn treo số phận như con rối
 Và chơi trò đánh chắt với bầu trời?
 Bằng xương sườn của mình tạo nên thần thánh?
 Ông trời nhỏ bé của ta, hãy bỏ vai trò đó...
 Hãy cứ chờ lời phán xét của ta!
(Luy-sin-đô bước vào)

MÀN HAI

Péc-ti-ni, Luy-sin-đô.

Péc-ti-ni. Ngài có một mình, ông bạn trẻ của ta?
 Luy-sin-đô. Ta tò mò, ông già đều biết cả!
 Péc-ti-ni. Ồ! Ông già của ngài!
 Luy-sin-đô. Không, không. Khi tìm hôn ta.
 Ấp ủ một ước mơ sâu lắng
 Một khát vọng thầm kín bao la
 Đó chỉ là - gọi nó là cha,
 Một trí tuệ rạo cỗi tuyệt vời,
 Ta sẵn sàng ôm cả thế giới.
 Trái tim ta đầy sức nóng thiên nhiên -
 Ta cho rằng trần trần gian không thể có, nhưng
 Ta nhận ra nó...

Péc-ti-ni.

Nghe thật là hay.

Mỗi khi niệng đưa trẻ nóng nần,
Khen người già hết nhẽ.
Trong lời khen là đạo lý thánh kinh.
Truyện thuyết về các cụ già Xu-xan.
Ngu ngôn về đứa con làm lỗi; cho phép tôi,

Liều ông có biết câu ngài, hình như
Có liên minh chặt chẽ với ông?

Luy-sin-dô. Sao lại "hình như"? Vì hình như chỉ là giấc mộng
Ông là kẻ cầm thù nhân loại?

Péc-ti-ni. Không,
Tôi là người,

Luy-sin-dô. Xin thứ lỗi, nếu tôi làm phật ý!
Ông tỏ lòng hữu nghị với người ngoài.
Ai tỏ thiện chí với người ngoài như vậy.
Người đó không chỉ giới hạn ở riêng mình! -
Nhưng ông cần trả lời. Vậy là -
Chúng ta nổi với họ bằng liên minh đặc biệt
Được dệt nên trong tâm khảm chúng ta
Hai ngọn đuốc chấp liền làm một.
Ánh hào quang của nó chiếu sáng lòng ta.
Như ánh sáng hài hòa của quý
Số phận khiến chúng ta vĩnh viễn là bạn của nhau.
Tôi đã biết ông ta lâu từ trước

Kể từ khi tôi còn nhỏ được,
Nhưng tìm được nhau thế nào, tôi xin thế
Không biết.

Péc-ti-ni. Nghe lãng mạn ghê,
Nhưng đó chỉ là lời nói, anh bạn trẻ của tôi.
Tôi nói khiến từ chối lời đề nghị...

Luy-sin-dô. Xin thế với ông.
Péc-ti-ni. Nhưng xin thế gì kia chứ?
Luy-sin-dô. Tôi không biết ông ta, nhưng dù sao vẫn biết
Ông ta giấu bí mật sâu kín trong lòng.
Quả là tôi cũng chẳng muốn biết lắm chi.
Nhưng hôm nay - nó bị hấp dẫn tôi,
Tôi cũng chẳng biết bản thân mình nữa.
Điều đó không được.

Péc-ti-ni. Tôi cô đơn và xa lánh mọi người
Kẻ hần hần nào cũng có thể
Huênh hoang về bố mẹ của mình;
Hắn nhớ tôi những người nuôi hần
Và gìn giữ quả khứ thiêng liêng. Cần tôi
Chỉ có cái tên - Luy-sin-dô. Nhưng tôi có thể
Được mệnh danh là "già treo cổ, là cây"
Péc-ti-ni. Ông muốn gì? Thích già treo cổ của bạn bé?

Luy-sin-dô. Tôi sẽ mặc cách làm thân với nó.
(*Nghĩm nghĩ*.) Nói suông để làm chi,
Nếu như lòng tôi đang rực cháy?

Péc-ti-ni. Kệ cho nó cháy.
Chứng nào chưa cháy trụi?
(*Nói không*.) Để làm gì?

Luy-sin-dô. Thế thôi!
Péc-ti-ni. Tôi chỉ là người dân bình dị.
Mọi ngày mọi lúc đều gọi thế.
Chiều tôi gọi tên liên tục tình.
Sáng ngày ngồi đếm phút trôi qua.
Chứng nào thời gian chưa dừng lại.

Sầu kiến chưa biến hết thành kim đồng là
 Điều đó kéo đến ngày tận thế.
 Khi chưa Giê-xu, Ga-vri-ên
 Công bố danh sách đại tội lỗi
 Trong tiếng kèn đồng nghe khiêu vũ,
 Bất chúng ta dấy vào hồng lôi,
 Kiểm tra diện mạo phủ lên ngoài -
 Xem là nữu non hay sỏi dử.
 Luy-sin-dô. Tôi không bị gọi - tôi là kẻ vô danh.
 Péc-ti-ni. Sao nữa, tôi rất mừng nghe ông nói!
 Nhưng tôi là kẻ thị dân dung dơ,
 Và cũng chỉ nghĩ dung dơ thể thôi,
 Dung dơ như đá kia và cát;
 Ai không biết họ tộc của mình
 Mà sống trong lòng họ tộc khác.
 Kẻ đó chỉ là dữu con hoang!
 Luy-sin-dô. Ông nói gì, hãy nghĩ lại đi!
 Nếu nói mặt trời đen, mặt trăng là tình dục,
 Chúng chẳng hề chiếu sáng chút nào.
 Mặt mạng sống ngay, nếu ông nói thế!
 Péc-ti-ni. Ông bạn ơi, không cần ứng tào!
 Tôi đây không phải người dễ diễn hùng!
 Hơn nữa, con hoang nhiều khi sang trọng.
 Có sức mạnh to lớn vô cùng,
 Và tự cao đến tận trời xanh,
 Đường như biết hạnh phúc sinh ra họ.

Chữ không phải buồn cười và nô lệ?
 Tôi có thể nói, con hoang là phải lãng
 Thiên nhiên là tác giả ở đây;
 Hôn lễ chăm chế ngồi trên ghế
 Cùng những nhân vật đội mũ bon-nê
 Với bộ mặt dấn vì lo lắng sự lự
 Dưới chân là tấm giấy da cừu
 Với lời nguyện cha cố viết ra
 Phía trước những gian phòng thánh đường
 kín đáo.
 Còn phía sau là đám khù khờ,
 Còn tôi đây khen ngợi con hoang!
 Luy-sin-dô. (Nổi cáu.) Thôi đủ rồi, đủ rồi!
 Thế có nghĩa gì? Hãy nói rõ hơn!
 Những lời ta người đã nghe rồi!
 Thế thì ta hỏi người nữa làm chi?
 Liệu những bức tranh đó mở ra âm phủ,
 Hoặc trước mặt ta là bộ xương khô,
 Chằm chằm nhìn ta với lời nguyện tức giận?
 Nhưng hãy nhớ, người không thuật tội
 Ném vào ta ngọn lửa diêm không
 Để thiêu cháy tâm hồn ta đó.
 Chớ cho rằng đang chơi với trẻ,
 Và ném lên đầu nó những xương khô,
 Đối với ta người chơi không nổi
 Quá vội vàng bọc lọ tâm tình.
 Phun ngọc rắn thực là quá sớm -
 Hãy nhận về sự tức giận ở chỗ,
 Ta ném lại cho người tất cả.

Hãy nuốt đi ngọc rắn của mình.
 Hãy nói đi - ta muốn như thế đó!

Péc-ti-ni. Ông không là Phau-xô, tôi không là Mô-nhi-xiô-phôn
 Có thể ông tưởng ra như vậy
 Trò chơi đó không thú bập tôi
 Với ý chí của ông, tôi đẩy làm ngược

Luy-sin-dô. Người tự trách mình, chớ thổi tung ngọn lửa
 Nếu không nó sẽ bùng to
 Và đốt trụi người ngay đó.

Péc-ti-ni. Toàn lời nói suông,
 Nó chỉ đốt cào ngái, hỡi tin như vậy.

Luy-sin-dô. Ta à? Mặc xác! Bản thân ta là cái gì kia?
 Hai tay ta ôm chặt lấy người,
 Như gọng kìm ta ghì lấy ngực,
 Trước mặt người là hai bên vực thăm
 Người ngã bổ nhào, ta cũng ngã theo.
 Ta sẽ nói thêm, đi thôi, anh bạn!

Péc-ti-ni. Ông thật giàu tưởng tượng. Rõ ràng là
 Ông ước mơ nhiều về cuộc sống?

Luy-sin-dô. Người đã đến ra, ta là người thu nhận!
 Vậy là ta có thể biết gì ở nơi người?
 Người mới lần đầu gặp gỡ chúng ta,
 Thế mà đã dám thóa mạ ta.
 Vậy chờ đợi rồi? Yêu cầu ở người cái gì nữa?
 Người chẳng có cái gì và ta đây
 Sẵn sàng trả thù người vì hễ thẹn.
 Đã vạch một vòng tròn, cho hai người sẽ chặt.

Người có thù bỏ chạy xem!
 Thôi để cho mệnh trời tuyên án.

Péc-ti-ni. Ông đã đọc màn này cho thấy giao,
 Màn lấy từ vở bị kịch trước kia?

Luy-sin-dô. Rồi, đúng là chúng ta đóng kịch
 Thôi, ta đi - người muốn đi đâu!

Péc-ti-ni. Đi đâu, khi nào, ta muốn để làm gì?
 Xin miễn chứ!

Luy-sin-dô. Đồ ương hèn! Lại chọc tức ta -
 Ta nói thẳng vào mặt người - đồ hèn yếu.
 Ta sẽ kêu lên ở ngoài phố,
 Trước mọi người ta dẫn người như tù
 Đồ người không đi theo lệnh nhằng
 Và cười đùa hòng muốn tháo thân.
 Máu ta đã sôi lên như vậy.
 Không thêm một lời, đi hay không tùy ý -
 Đồ dốt cũng, bản án của người đã định!

Péc-ti-ni. (Nổi giận.) Mày còn dám nhắc thêm lần nữa,
 hèn nhà ranh!

Luy-sin-dô. Có thể ngàn lần, nếu người muốn.
 Ta sẽ nhắc để làm người tức,
 Để nếu người phẫn ra từ đôi mắt
 Dùng, người là kẻ ương hèn đến đầy thôi!

Péc-ti-ni. Thôi được, người còn nói, sẽ biết tay ta
 Có một nơi liên quan cho cả hai ta
 Và địa ngục, để cho người, chứ không phải cho ta!

Luy-sin-dô. Thế thì người còn lại nhai gì nữa?
 Chúng ta sẽ quyết định ngay tại chỗ

Đến âm phủ người nói với qui rằng ta đã củ người?
 Péc-ti-ni. Để ta nói một lời!
 Luy-sin-dô. Lời lẽ dễ làm chi?
 Ta không nghe người nữa, lời người là gió thoảng
 Đùng lam trù, dăng nào cũng thối.
 Ta chẳng thấy gì. Mang vũ khí lại đây.
 Để cho nó lên tiếng; tìm ta ở trong đó
 Còn nếu không sẽ vỡ tung ra...
 Péc-ti-ni. (Ngất lời anh ta.)
 Không cần phải chọc tức, hãy bỏ thói trẻ con!
 Người sẽ mất cái gì? Không gì cả!
 Người chỉ như hòn đá từ cung trảng voi xuống.
 Ai đã viết mấy vần lên trên đó?
 Người biết đấy - đó là "Luy-sin-dô".
 Ta khó chịu những âm thanh rỗng tuếch
 Và sẽ không để mất danh dự và cuộc đời.
 Nếu người muốn biến màu ta thành mực
 Và ta đây là bút, người muốn vẽ không?
 Không, tình thế chúng ta không cần xứng
 Cuộc giao tranh của chúng ta có ý nghĩa gì?
 Ta tồn tại, ta biết ta là ai, thế còn người?
 Người không biết mình -
 Vậy người không tồn tại!
 Dú con hoang - Người muốn đem danh dự
 - chỉ mà người không hề có ra cầm cố chu ta?
 Và người muốn mang sự rỗng tuếch của mình
 Để đối lập với giá trị to lớn của ta?

Mặc dù người có đủ tên và danh dự.
 Và cuộc sống - khi ấy chỉ còn là tên thối.
 Ta mang danh dự và cuộc sống chống lại người!
 Kể don hên kia, bằng cách nào người muốn
 thoát thân,
 Người ý lại vào trí thông minh sắc sảo?
 Dự tính của người quá ư khôn khéo?
 Hãy nhớ lấy, ta đã gạch bỏ kết cục của người
 Và ghi lên đó mấy chữ "kẻ uân hèn".
 Ta chứng minh người là đồ sọc sình ngu xuẩn.
 Ta sẽ làm người mất danh dự trước mọi người,
 Sau này người giải thích ra sao
 Với mọi người: trẻ con và nam giới -
 Ta là Luy-sin-dô, ta tự xưng như thế,
 Không thể khác, mọi người cũng gọi ta như vậy.
 Ta như thế và cũng có thể đổi thay,
 Cứ cho là "ta" không hiện có
 Với ý nghĩ bình thường của tồn tại cũng
 không sao.
 Thế nhưng người chỉ là gã don hên!
 Péc-ti-ni. Khá lắm. Người hãy nói ta nghe,
 Cái gì xảy ra khi ta đặt tên người?
 Luy-sin-dô. Người chẳng có tên, làm sao đặt được.
 Người vừa mới gặp ta đấy chứ?
 Hơn thế nữa, thị giác chỉ là ảo ảnh.
 Còn cái gì theo đuổi chúng ta - sự hào huyền.
 Péc-ti-ni. Nếu như ai đó biết nhiều hơn nhìn thấy?
 Luy-sin-dô. Người chỉ thấy ở mọi người đều cùng - và có
 bản thân mình.

Péc-ti-ni. Nhìn lên đầu không bịp được ta.
 Nhưng ta gặp người không phải lần đầu!
 Ánh mắt ta biết nhiều điều sâu thẳm - -
 Nếu nhớ ra chúng ta là những người đã quen nhau?

Luy-sin-dô. Làm gì có chuyện!

Péc-ti-ni. Quả là có một thi sĩ biết tài,
 Người hay chơi trò bịp mắt bất tài.
 Người vốn giàu óc tưởng tượng vô cùng
 Thi sĩ muốn vận thơ từ cuộc sống -
 Và bỗng nhiên cô đối mình ông cũng bịp ra?

Luy-sin-dô. Ta thấy ở đây một sự ngẫu nhiên!

Péc-ti-ni. Ngẫu nhiên là theo lời nhà triết học.
 Khi lý trí không muốn phục vụ ông
 Ngẫu nhiên - điều đó nói thì dễ
 Vì chúng tên gọi cũng ngẫu nhiên: Ô-u-la-nem.
 Ai gọi tên đó mà chủ được, nếu như
 Không còn tên khác. Vậy tên gọi là ngẫu nhiên.

Luy-sin-dô. Người biết ông ta? Hãy kể xem!

Péc-ti-ni. Vì lẽ ta khờ là thế? Vì im lặng!

Luy-sin-dô. Hỏi người thật là khó chịu - dù sao ta
 Cũng van xin, người quý cái gì.

Péc-ti-ni. Người dùng tiền lần tránh?

Ta là kẻ spon hên, van xin quây gì ở ta?

Luy-sin-dô. Nếu không muốn nói danh là kẻ spon hên,
 Hãy chứng minh điều ngược lại!

Péc-ti-ni. Ta nhớ tọt vào những điều người xưa nói
 Ta nhớ tọt vào lòng tốt của người.

Luy-sin-dô. Người đang có làm cho ta thái quá

Không còn ranh giới, mọi sự sẽ tiêu vong.

Péc-ti-ni. Thái vậy, chúng ta hãy thử thái quá xem.
 Mặc cho số mệnh nó run rẩy!

Luy-sin-dô. Như vậy là không đầu còn cứu và n?

Nguy hiểm cũng rắn và kiên định.
 Tâm hồn trống trải và nhạo báng
 Nó uống chất độc như thần dược
 Và nó mỉm cười vào giờ chết.
 Giờ chết cho người, hãy biểu cho
 Người sẽ ra Toà ngay sau đó,
 Hãy dứt tung gông xích dỗi tôi lỗi
 Bằng việc thiện, đúng là việc thiện cuối cùng.
 Chỉ một từ, một từ nhẹ bồng
 Hãy nói đi - vậy thế là xong.

Péc-ti-ni. Này anh bạn, thế là xong - trường hợp ngẫu nhiên.
 Ta cũng tin vào trường hợp ngẫu nhiên. Hãy tin
 ta!

Luy-sin-dô. Thật vô ích! Khoan đã, lên ngai ngọc.
 Người không thể lảng tránh dễ vậy đâu.
 Cái nhìn sắc sảo người lắm lần...
 Ta sẽ thân chinh đi gặp hẳn
 Như đứa trẻ con đầy háo hức
 Còn người, đó ừ, không cần nữa!
 (Bỏ chạy ra.)

Péc-ti-ni. Cái chết của người chưa ập đến.
 Nhờ rằng Péc-ti-ni không chống quên đầu.
 (Coi.) Này, này Luy-sin-dô, quay lại đi!
 Nhanh lên!

(Luy-sin-dô quay lại.)

Luy-sin-dô. Người cần gì?

Péc-ti-ni. Quay lại với a? Tốt lắm.

Hãy kể với bạn đường cuộc ai và chúng ta.

Người thích đồ ta, những người

Là người dễ mến và còn ngoan đạo...

Hãy sám hối và xin lỗi ta đi!

Cái đầu xuống và hãy hôn tay

Tìm cho mình chiếc roi thật chắc!

Luy-sin-dô. Người ép buộc ta!

Péc-ti-ni. Chuyện bình thường

Mọi việc theo đạo lý y như trong sách.

Người có tin ở Chúa không?

Luy-sin-dô. Người muốn xưng tội chăng?

Péc-ti-ni. Thế người không cần việc ấy chắc? Thôi được.

Hãy trả lời ta, người eo rên vào Chúa?

Luy-sin-dô. Người biết để làm gì?

Péc-ti-ni. Chuyện đó không mới lạ

Ta chỉ muốn biết chính xác thôi!

Luy-sin-dô. Ta không tin ở Chúa như mọi người tin

Ta chỉ biết Chúa như biết bản thân mình.

Péc-ti-ni. Để dịp khác chúng ta sẽ nói về chuyện đó

Tin hay không, ta chẳng can chi

Nhưng nếu người tin, hãy thế với Chúa!

Luy-sin-dô. Ta phải thế gì với người đây?

Péc-ti-ni. Không một lời.

Người không được nói ra một tiếng!

Luy-sin-dô. Xin thế với Chúa!

Péc-ti-ni. Người sẽ không đòi dịch với ta

Ta trạc tính và không tối như vậy.

Luy-sin-dô. Hãy tin ta, ta không thể thế rằng

Yêu người và quý trọng người.

Ta không làm thế được, những gì đã qua -

Cứ để cho quên đi mãi mãi!

Chỉ còn lại một giấc mơ nặng trĩu

Đã qua rồi như bao giấc chiêm bao.

Ta đã ném nó vào sóng cồn đi và ng:

Về điều đó ta sẽ thế với những ai thương.

Nhưng người làm sống động thế giới quay vòng.

Ánh mắt họ tạo nên vinh của. Xin thế:

Nhưng giờ đây vì lời thế hãy trả tiền ta!

Péc-ti-ni. Ra đây, ta cho xem một nơi yên tĩnh.

Ta cho xem tất cả - vực thẳm giữa đá cheo leo.

Nơi có hòa sơn, sông dài dào

Nơi gió lạng bình yên gọi sóng

Nơi năm tháng trôi qua vì rào sóng biển

Khi bão tố lộng dân thì lúc đó chúng ta -

Luy-sin-dô. Cái gì? Đá, vịnh, các loài sâu, bùn đất?

Vách đá cheo leo khắp mọi nơi.

Suối nguồn nước chảy kêu róc rách.

Mạnh yếu thế nào kể ta nghe?

Khắp nơi địa thế đều bị ấn

Chúng ta nhỏ lệ bị xiềng gông.

Chúng làm bão tố trong lòng ngực.

Mặc cho nó bị phá đi thôi!

Hãy đưa ta đến ngay nơi đó

Péc-ti-ni. Tiến lên đừng suy nghĩ đắn đo!
 Để cho sấm lạng sau đây nái.
 Chớp lăm lăm rọi quang hệ ngục này
 Hãy tới đó người thấy diệu kỳ diệu.
 Ta e người không thể bỏ đi.
 Luy-sin-dô. Ta đây sẵn sàng đi khắp chốn
 Mong sao đạt được đích trên đường!
 Péc-ti-ni. Ta đi thôi!
(Cả hai đi vào.)

MÀN BA

Gian phòng ở nhà Péc-ti-ni. Ô-u-la-nem ngồi một mình sau bàn và viết. Xung quanh đầy giấy. Ông ta đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng và bỗng nhiên dừng lại, hai tay khoanh trước ngực.

Ô-u-la-nem. Tất cả bị tiêu vong! Một giờ trôi qua, Ô-ra
 bất động.
 Đội ngũ hén hạ nay tan rã!
 Ta ôm sự vô tận chặt vào lồng
 Và thét lên lời nguyên rủa của loài người với nó.
 Còn vô tận! Đó phải chăng là nỗi đau da diết,
 Là cái chết bí ẩn không nói lên lời,
 Một kiệt tác cho nỗi nhục của chúng ta.
 Còn chúng ta - chỉ là một lũ lệ lênh đênh cát.
 Chúng ta tính thời gian quá là nhàn nhẽo.

Chúng ta sống để chờ điều gì sẽ xảy đến
 Chúng ta chết để mong có cái gì đó cũng chết!
 Căn phôi là cái mà thế gian chưa biết đến.
 Và chiến thắng nơi đau cùng uất hận
 Báng sức mạnh phi thường của tâm hồn đau khổ:
 Cái chết sẽ trở thành sinh động: trong bất tất
 và giây...
 Sự đau khổ của cô cây, chết chóc thối lạng của đá,
 Và chim muông tìm ăn thanh vô ích
 Để thân cao vó nổi khổ cuộc đời,
 Mỗi bất hòa, đấu tranh mà quáng cuồng lòng
 mong muốn
 Loại trừ tự bản thân mình và hành hạ nó -
 Giở dây tất cả đã động hai chân
 Nguyên rủa cuộc đời hết thở sâu xa;
 Và ta hòa nhập vào bánh xe của lửa
 Và nhảy múa vì hạnh phúc trong vòng vô tận
 chẳng?
 Khi ta tìm thấy vực sâu ở ngoài chúng.
 Ta sẽ gieo mình xuống đấy ngay.
 Thế gian tàn lụi giữa ta và nó.
 Nó sẽ tan ra vì lời nguyên rủa của ta.
 Ta sẽ ôm lấy sự tồn tại âm thầm.
 Nó sẽ chết trong vòng tay ta đó
 Và vĩnh viễn lảng vào cõi hư vô;
 Giả như cuộc sống biến đi và không tồn tại!
 Như vậy là nếu trời trong vòng vô tận
 Bại ca hồ thẹn ngợi ca người sáng tạo
 Với lời nguyên rủa tự hào trong cơn tìm lạnh giá?

Thấy được sự tàn phá, ánh mắt vui mừng.
 Nó sẽ phá tan thế giới trời buộc chúng ta!
 Chúng ta chia ly rồi lại kết hòa mai mãi
 Chúng ta gắn chặt với tảng đá sinh tồn.
 Gắn bó với nó trường tồn vĩnh cửu
 Thế giới biết được số mệnh của mình liền bỏ chạy
 Và hát lên bài ca chết chóc của riêng mình
 Còn chúng ta những con khi trước Chúa trời
 lạnh giá.
 Chúng ta còn sưởi ấm cho loài rắn nữa kia
 Bằng tình cảm của ngọn lửa trong tim
 Chính nó sẽ trở thành diện mạo của thế gian
 Và cần ta từ tầm cao chót vót!
 Làn sóng buồn rầu ồn ào mãi mãi
 Dập vào tai ta càng thêm ghê tởm.
 Thời đủ rồi, số mệnh đã quyết, mọi việc đã xong.
 Lũi thình cẩu già dũi đã tan.
 Nguyên rùa đã xong cái sinh ra nguyên rùa!
(Ngồi xuống bàn, viết tiếp.)

MÀN BỐN

Nhà của An-van-đơ-rô; lúc đầu trước cửa nhà.

Luy-sin-đô, Péc-ti-ni.

Luy-sin-đô. Sao ta lại ở đây?
 Péc-ti-ni. Để gặp một người phụ nữ.

Thế thôi; để cho nàng
 Thút vào ống điệu nhạc êm ái của mình -
 Chúng ta đi thôi!
 Luy-sin-đô. Sao? Người đàn ta đến gặp lũ đàn bà?
 Trong lúc ca cuộc đời dè dặt vai ta
 Như gánh nặng ghê hớn và đau khổ.
 Khi ngực ta hít thở nặng nề
 Như muốn tan hại chính bản thân ta
 Và cái chết mang theo ngọn gió
 Thế mà lại nói tới đàn bà?
 Péc-ti-ni. Ông nổi giận làm gì kia chứ?
 Nhắc đến tử thần và lửa làm chi?
 Đàn bà nào ở đây? Ông thử nhìn căn nhà.
 Liệu trong đó có đàn bà sống?
 Liệu ta đây có xứng làm mối cho ông
 Và biến cho ông ngày xanh thành chiếc đèn
 lồng?
 Tôi nhất hảy vào, có thể sẽ tìm thấy
 Những gì mà ông muốn.
 Luy-sin-đô. Ta thấy
 Sự lừa dối, nhưng đừng lên mặt cách vụng về
 Ông muốn lường tráo ta.
 Ta nghe theo ông trong chốc lát.
 Còn sau này cuộc sống sẽ lại ông!
(Họ bước vào nhà, màn hạ và màn khác được kéo lên. Một căn phòng hiện đại, lịch sự. Bê-a-tơ-ri-se ngồi trên ghế bành, bên cạnh có cây đàn ghi-ta; Luy-sin-đô, Péc-ti-ni và Bô-n-a-tơ-ri-se.)
 Péc-ti-ni. Bê-a-tơ-ri-se, chú giới thiệu với cháu
 Ngồi đây, người mới đến và giàu có lắm tiền.

Người cùng họ xa đây với chủ.
(Với Lay-sin-dô.) Chào ngài!
 Lay-sin-dô. Xin thứ lỗi. Tôi không tìm được lời hay
 Để nói lên tình cảm của mình.
 Sắc đẹp sao nghiêng nước nghiêng thành
 Làm màu dăng trào và chẳng biết nói chi.
 Bê-a-tô-ri-se. Tâm trạng ngài đang hưng khởi.
 Em xin cảm ơn ngài lắm lắm.
 Không phải vì lời - chúng có nghĩa chi.
 Nếu chỉ bằng lời, chứ không phải trái tim?
 Lay-sin-dô. Ô, nếu trái tim đây biết nói,
 Biểu lộ những gì mà em đã truyền vào
 Những ngôn từ sẽ trở thành bài ca rực lửa
 Và vô tận - bất kỳ hơi thở nào
 Sẽ là trời, sẽ là đất nước vô biên
 Ở trong đó cuộc đời rục lên ý nghĩa,
 Thấy sự hài hòa và nỗi dịu hiền.
 Giấu trong mình vũ trụ bao la,
 Tuốt lên cảnh không trung rạng rỡ
 Chúng sẽ luôn luôn nói về em!
 Péc-ti-ni. Châu đứng lên ăn ngài đây
 Là người Đức và phải theo lối của mình
 Thở lộ ra tâm hồn và tình cảm.
 Bê-a-tô-ri-se. À, người Đức! Với người Đức châu có cảm tình.
 Chính vì châu cũng sinh ra từ gốc Đức!
 Xin mời ngài, hãy ngài người Đức.
(Chỉ chiếc ghế bành.)
 Lay-sin-dô. Cảm ơn, tiểu thư! *(Nói khẽ với Péc-ti-ni)*
 Đi thôi đi thôi không ta chờ mãi.

Bê-a-tô-ri-se. *(Ngượng ngùng.)* Em nói nhiều quá hay sao?
(Lay-sin-dô muốn nói, nhưng Péc-ti-ni ngắt lời anh ta.)
 Péc-ti-ni. Lời khen như vậy đa đo rồi.
 Không, Bê-a-tô-ri-se, đây toàn là chuyện vặt.
 Ngài đây chú phải giúp tâm tình.
 Lay-sin-dô. *(Ngượng và nói khẽ.)*
 Ông nói gì thế hả? Ông đùa tôi.
 Péc-ti-ni. *(Nói to.)* Ông chó có bận tâm, toàn chuyện
 vặt.
 Tiểu thư đây ủy thác cho tôi nói.
 Có đúng không, Bê-a-tô-ri-se, ngài cứ ở đây
 chứ.
 Chứng nào tôi chưa quay lại. Cần thận đấy.
 Là người lạ, ngài đừng làm gì đại đột.
 Bê-a-tô-ri-se. Có lẽ nào em tiếp ngài như vậy.
 Mà ngài cho rằng em đuổi ngài đi?
 Một người bạn của bạn thân em đó
 Một người khách từ nơi xa mới đến
 Ở nơi đây luôn sẵn lòng chờ đợi?
 Đừng quá lời, hãy đối xử công bằng!
 Lay-sin-dô. Thiện chí của em làm ta kinh ngạc!
 Chỉ thiên thần mới nói ngọt thế thôi!
 Hãy thứ lỗi nếu say sưa lời lẽ
 Đây cảm tình nguy hại khôn lường
 Miệng nói ra những điều không đúng lúc.
 Nhưng em hãy nhìn lên bầu trời sáng
 Mỉm cười từ tâm cao những áng mây trong.

Nhìn màu sắc tả điểm trên cao
 Khi vệt sáng, khi mờ trong bóng tối.
 Hòa quyện vào nhau một cách hài hòa
 Trong bức tranh diệu dàng, hân hững
 Và hãy lặng im... Lặng im lặng cả chừng ai
 Bằng lời chưa niệm quyền rồi cả phép tiên?
 Ai có thể, lỗi tranh hững hờ,
 Khi mồi rùn và tam đập dồn dập?
 Cây đàn hạc khẽ rên, lần giờ thối nụy nhàng.
 Ô, ngài biết nịnh khéo ghê,
 Hồn hiết làm ngọt củ chất đặc nưa.
 (Nói thầm với Péc-ti-ni.)
 Một kẻ ranh ma đáng nguyên rủa, nhưng can đảm.
 Ta làm gì bấy giờ? Phải đi thôi!
 Péc-ti-ni.
 (Nói to.)
 Ngài nhìn rồi sao nghiệm khắc vậy
 Chỉ vì tôi không chu ngài oán,
 Ngài thích vẻ đẹp và mơ mộng quí chừng,
 Anh bạn ơi, tôi đã làm cho anh tỉnh ngộ.
 Có Bê-a-tô-ri-se có thể nghĩ rằng
 Có đã thu hút được ngài thực sự.
 Vâng, những chuyện đùa của Đức như vậy đó -
 Thu hút nhẹ nhàng, nhưng trong da dầy lại nặng.
 Tôi đi đây!
 Luy-sin-đô.
 (Nói khác.) Nghe này!
 Péc-ti-ni.
 (Nói to.) Hãy nhớ một điều:

Da dầy là của số tôi tâm hồn.
 Tôi quay về và sẽ dẫn ngài đi
 Mặc dù ngài chia tay đau củ rễ
 (Nói thầm.) Ta đi kìa ông già làm hỏng hết.
 Nếu lão thích thì sẽ quên hết cả.
 (Péc-ti-ni đi bỏ đi. Luy-sin-đô ngưỡng ngung)
 Em có cần lần nữa mời ngài ngồi không?
 Luy-sin-đô.
 Nếu em muốn, ta sẵn sàng ngồi lại!
 (Ngồi xuống.)
 Bê-a-tô-ri-se.
 Ôi, Péc-ti-ni có những trò ngộ nghĩnh!
 Luy-sin-đô.
 Ông ta là một người kỳ quặc, kỳ quặc!
 (Ngừng một lúc.)
 Thế cô nương, cô có qui ông ta không?
 Bê-a-tô-ri-se.
 Ông là bạn của gia đình, người bạn cũ nhân từ
 Và bao giờ cũng thân thiện với em;
 Nhưng có lúc em không chịu nổi
 Vì ông ta hay thô lỗ, điên cuồng -
 Xin thứ lỗi - ông cũng là bạn của ngài.
 Mỗi khi bộc lộ, làm em chết khiếp.
 Đường như tự trong mình ông vật lộn với bóng
 đêm
 Và hèn nhất lần trốn ánh mắt bạn ngay,
 Và sợ hãi công khai tranh luận - điều đó
 Còn tồi hơn những gì ông ta nói.
 Còn tồi hơn những gì giấu kín trong lòng.
 Đó chỉ là phỏng đoán. Em nói với ngài
 Hoài công vô ích. Đó thật là ác khẩu!
 Luy-sin-đô.
 Em có ăn hận về lòng tin tưởng?
 Bê-a-tô-ri-se.
 Chỉ khi nào em hệ đến em thôi -

Em nói gì vậy? Ngải cô quyền tim tưởng?
 Em nói nhưng điều em biết, phải chăng là xấu?
 Điều em biết? Em vẫn nói với mọi người,
 Liệu em có biết được gì mà mọi người chưa biết?
 Luy-sin-dô. Ôi thôi! Chắc hẳn là em thích tất cả?
 Bê-a-tô-ri-xe. Cả ngài cũng vậy, dùng thế không?
 Luy-sin-dô. Thiên thần huân hậu đáng yêu!
 Bê-a-tô-ri-xe. Thưa ngài, ngài làm em sợ, ngài làm sao vậy?
 Và lời nói của ngài vừa nhanh vừa hay bóng?
 Luy-sin-dô. Thời gian trôi, ta cần phải nhanh tay.
 Chậm làm gì? Chậm là cái chết.
 Ta phải che giấu đi - thật là kỳ quặc.
 Vừa mới thấy em, ta đã nói thật,
 Tưởng chúng như đã quen nhau hàng thế kỷ.
 Từ nhạc điệu áp ở môi trong tim.
 Ta bỗng khám phá ra điều tuyệt diệu
 Và nếu như đời ta tâm hồn bện kết
 Thì khoảnh khắc trở nên cuộc sống tuyệt vời!
 Vâng, coi ngài là người đứng - một điều đau khổ
 Mặc dù chúng ta chưa quen nhau trước,
 Chắc hai ta phân ly như vậy
 Do ý chí của những thần linh đem tới
 Nhưng còn có thần linh khác nữa
 Gần bó chúng ta bằng nhịp mẫu nhiệm của người
 Nhưng dù sao, dù sao em còn vẫn sợ,
 Sao niềm vui luôn là buồn khổ tiếp theo!
 Luy-sin-dô. Em là triết gia tâm hồn kỳ diệu.
 Ta không đủ sức kiểm chế được mình - em
 đây có lỗi;

Đây có lỗi
 Dù hành động vội vàng và dửng dưng,
 Nhưng ta đây sâu sắc quý trọng em,
 Ôi, tìm thất lợi, thần kinh căng thẳng,
 làm sao đây? Ta sắp phải ra đi,
 Ta đi, với em ta biệt ly mãi mãi.
 Nếu như vậy đời ta rơi vực thẳm.
 Tha lỗi cho ta, xin thời gian tha lỗi
 Vì gánh nặng đè xuống đầu ta.
 Ta yêu em Bê-a-tô-ri-xe - xin thế vậy,
 Với tình yêu và em chỉ là một -
 Ta nói lên bằng hơi thở nhẹ nhàng.
 Nếu thiếu nó ta làm sao sống nổi!
 Bê-a-tô-ri-xe. Ngài nói vậy uống công vô ích,
 Những lời thơ vang lên rồi bay mất,
 Và khi ngài nhận được trái tim em,
 Ngài không còn quý em như vậy nữa,
 Và cho em chỉ là cô gái bình thường
 Luôn sẵn sàng nhọc nhằn hiến thân.
 Ý nghĩ lóc lẻo, nhà thơ mất hứng.
 Còn nữa đầu tôn trọng và tình yêu.
 Trong em đây không còn gì khả ái.
 Rồi em đây sẽ tự trách mình.
 Luy-sin-dô. Em mang lại cho ta niềm vui, hối hộp.
 Em hãy nhìn sâu vào tâm khảm ta đây.
 Ta chưa yêu và chưa thể nào yêu.
 Khi trách móc của em cười giễu.
 Tốt hơn hết em nên cần nhắc kỷ công -

Lại lộn ở đây - nguyên nhân thật trọng
 Tình yêu là tất cả kết thành.
 Mọi mảy lông nguyên vẹn vẹn bốn trong
 Tình yêu - sự kỳ diệu bất ngờ.
 Trong tình yêu không có sự hững hờ.
 Nó là luồng ánh sáng trong cuộc sống
 Luôn chiếu rọi ngời, chẳng bao giờ tắt.
 Sự ngu ngơ ngà có thể có trong nhiều việc khác,
 Thì không thể có trong tình yêu.

Bê-a-tô-ri-se.
 Thôi đừng đánh - hãy bỏ đi ngay! Nếu tìm còn
 đập
 Một ngọn lửa trong hai tay rực cháy,
 Nhưng nổi khiếp sợ vẫn xé lòng sâu thẳm.
 Tưởng chừng như nỗi khổ đang dọa dẫm em.
 Em nghe thấy mỗi ngày một rõ
 Tiếng rú dữ dội của lửa quí kia!

Luy-sin-dô.
 Ngọn lửa kia mà em chưa biết,
 Sự thoái lui trong trận đấu đã qua
 Gửi cho em lời chào vĩnh biệt,
 Trước khi tan biến vào đám khói xa xăm.

Bê-a-tô-ri-se.
 Ơi, Bê-a-tô-ri-se, em sẽ là của anh được chứ?
 Chu đá kén chồng cho em rồi đó,
 Ơi em cầm thù cha, đó là mạng tôi.
 Hãy tin em, em sẽ kể thêm nhiều:
 Anh sống ở đâu, hử người bạn em yêu?

Luy-sin-dô.
 Anh - ở nhà Péc-ti-ni.

Bê-a-tô-ri-se.
 Ơi sẽ cứ người đưa tin hoà tốc
 Nhưng tên anh, em chắc chắn rằng
 Sẽ vang lên như âm điệu nhạc!

Luy-sin-dô. (Nghiêm nghị.) Tên anh là Luy-sin-dô.
 Bê-a-tô-ri-se. Ơi, mới ăm dụ làm sao!
 Luy-sin-dô. Cái tên đó là thế giới của em
 Thượng đế của em, tâm hồn em - rất cả để cho em.

Luy-sin-dô.
 Ơi, Bê-a-tô-ri-se, em thức sự là tất cả,
 Ơi còn hơn thế nữa vì em là Bê-a-tô-ri-se
 (Chúng tôi nổi lên thật nóng, cửa mở toang,
 Vi-rin bước vào.)

Vi-rin.
 Ta thấy gì đấy? Bê-a-tô-ri-se, đó rắn độc.
 Ha! Một con nhái lạnh tanh như đá!

Luy-sin-dô.
 Ông làm gì ở đây? Ta lấy làm lạ.
 Con nhái này xuất hiện từ đâu?

Vi-rin.
 Thằng ranh con đáng ghét! Ta cần nói
 chuyện.
 Đây đúng là kẻ tình địch của ta. Một kẻ
 Hình dáng làm cho mọi người căm ghét.
 Kẻ vô sĩ vênh vang trắng trợn,
 Chỉ là một chiếc giẻ lau rách nát,
 Nhảm vật cho tiền thuyết mướn vui.

Luy-sin-dô.
 Hơn thế nữa, như ta đã nói, đó con nhái!
 Không thấy ó nhọc chúi búi ở đây.
 Sự hung hăng như đàn hớp rong chơi
 Ngoài quán chợ, nơi lũ hề dấm dả
 Chẳng bao lâu người sẽ cần đến nó.

Vi-rin.
 Thằng nhái ranh! Ta sẽ cho người biết!
 Bê-a-tô-ri-se, cứ đợi đấy, thằng bạn của em
 Ta sẽ loại hẳn khỏi đường tiến của ta.

- Luy-sin-dô. Cam ngay! Chúng ta sẽ cùng ra ngoài đó!
(*Pec-ti-ni bước vào.*)
- Pec-ti-ni. Ai quát thân ô đây? Hay các ngài cũng ra ngoài?
(*Nói với Vi-rin.*)
Đồ quỷ, cho ta mượn, ta sẽ cắt họng ngươi!
(*Nhào thẳm.*)
Ta đến vừa đúng lúc, các chàng cha ấy
Chưa hiểu hết được ta!
(*Bê-a-tô-ri-se ngất xỉu.*)
- Luy-sin-dô. Cặp cừu, ôi, nàng đã ngất mất rồi!
(*Cúi người trên cô gái.*)
Hãy tỉnh đi, thiên thần yêu mến của anh!
(*Chàng hôn nàng.*)
Em bị sốt à? Nàng đã mù mắt rồi.
Và vẫn thế. Bê-a-tô-ri-se, cô chuyện gì vậy?
Em đang đau khổ, anh sẽ buồn chết mất!
(*Chàng ôm nàng, nâng dậy. Vi-rin định xông vào. Pec-ti-ni giữ hân lại.*)
- Pec-ti-ni. Anh bạn làm nũng, lại đây ta hôn!
(*Nói trong yêu đi.*)
- Bê-a-tô-ri-se. Luy-sin-dô, Luy-sin-dô của em,
Em mất anh trước khi có được!
- Luy-sin-dô. Em đừng sợ, cô anh đây.
Anh sẽ làm người đầu thàng cha ấy
(*Bê-nung từ đi vắng.*)
Em nghỉ ở đây. Anh trả thù cho hạnh động hòa hòa
Liệu hành động chớp nhoáng có làm ô uế nhân
linh thiêng?
- Vi-rin. Ra đây ta nói chuyện
- Pec-ti-ni. Thôi được, nhanh lên
Ta sẽ làm trong tại cho hai người đầu!
- Luy-sin-dô. Còn em, cô yên tâm em nhé.
- Bê-a-tô-ri-se. Vĩnh biệt.
- Luy-sin-dô. Vĩnh biệt.
- Bê-a-tô-ri-se. (Thở dài.)
Ôi, ta hối hận làm sao!

Hà môn Hết hai màn

NHỮNG CHƯƠNG
TRÍCH TỪ TIỂU THUYẾT TRẢO PHÙNG
XCOOC-PI-ÔN VÀ PHÊ-LÍCH-XÔ

CUỐN I
CHƯƠNG 10

Như chúng tôi đã hứa ở chương trước, tiếp theo là việc chứng minh rằng màn tiến 25 ta-le đó thuộc của riêng Chúa trời.

Những đồng tiền đó vô chủ! Ô, ý tưởng cao thượng, không phá quyền lực của một con người nào đó chiếm giữ chúng, mà chỉ là quyền lực tối cao đang ngự trị trên những đám mây, bao trùm cả vũ trụ và, như thế, là cả 25 ta-le kia nữa, quyền lực đó cho phủ hàng đội cảnh sát mình được đặt ra ngay và đêm, từ mặt trời và tinh tú, từ những dãy núi khổng lồ, những sa mạc vô tận, vang lên như hòa thanh, như tiếng âm của thác nước, nơi tay người trần không với tới được, bằng những đôi cánh đó nó cho phủ cả 25 ta-le kể trên và... nhưng tôi không thể tiếp tục được, nỗi lòng sâu thẳm của tôi đang hồi hộp, tôi nhìn sâu vào vũ trụ, vào linh thân mình và vào 25 ta-le nơi trên (mỗi thực thể tuyệt vời biết chừng nào chứa

đứng trong những tứ đổ! Nơi trú ngụ của chúng là vô tận, chúng vang lên như giọng những thiên thần, chúng nhắc nhở tới phiên tòa kinh khủng và về ngàn khổ quốc gia, bởi vì chính Xoa-éc-pi-ôn bị kích thích bởi những câu chuyện ban mình là Phê-lích-xơ, say sưa với âm điệu hàng hải của nó, bị khuấy phục bởi những tình cảm thời niên thiếu tươi trẻ của mình, đã ôm chặt vào lưng mình mẹ náu bẹp Gre-ta, cảm thấy rằng tìm được một nàng tiên trong mẹ ấy.

Từ đây tôi kết luận rằng các nàng tiên có râu, hân và trên mặt Mác-đa-li-na Gre-ta, khác với Mác-đa-li-na cảm hối, mọc đầy lông mã và ria mép như của chiến binh vinh quang, những đám lông mã đỏ quần tũn, bao trùm lấy bộ râu của tia tốt một cách kỳ lạ y như mặt mèo đã giữa mặt biển hoang vắng, những người ta phát hiện thấy từ xa - nó cau lù lù ở trên bộ mặt đó giống như chiếc đĩa đựng con nhộng lột, tư hào về sự hùng vĩ của mình, chơ chững không khi, làm cho thần linh lo âu và con người run sợ.

Có lẽ là nữ thần tượng tượng nằm mơ thấy người đẹp có ria và bà ta bị lạc trong khoảng không huyền diệu của bộ mặt rộng bẹt đó, còn khi tỉnh dậy thì hóa ra cơn ác mộng đó là của chính Gre-ta: dường như bà ta là kẻ trác táng Ba-bi-lon vĩ đại, khỏi huyền của thánh Giôn¹ và sự giận dữ của Chúa, dường như Chúa đã trồng những cộng rơm lùn chòm trên da xếp thành những đường chỉ lượn sóng mềm mại, để vô đẹp của bà ta không cuốn hút vào tội lỗi và để tuổi trẻ của bà ta được bảo vệ, như hồng hống được bảo vệ hồng gai,

để thế giới biết được điều đó

và không bức lùn tình yêu vô năng,

¹ Xem Kinh thánh Sách Khải Huyền của thánh Giôn²

CHƯƠNG 12

"Ngựa, ngựa, coi ngai vàng của ta là ngựa" - Ri-ô-ét Đế tạc nổi³

"Đàn ông, đàn ông, coi ta là đàn ông" - Gre-ta nói

CHƯƠNG 16

"Thoạt đầu đã có Ngôi Lỗi, và Ngôi Lỗi ở cùng Chúa, và Ngôi Lỗi là Chúa và Ngôi Lỗi đã nhập thể và ở giữa chúng ta và chúng ta được thấy vinh quang của người"⁴

Một ý tưởng ngày thơ tuyệt vời! Thế nhưng sự liên tưởng của những tư tưởng đã dẫn Gre-ta đi xa hơn, bà ta cho rằng Ngôi Lỗi sống trong bắp đùi như là Tê-xi-tơ của Sách-xpi-a, như ruột của A-gia -xơ sống trong đầu bà ta, còn trí tuệ thì lại ở trong bụng ông tu⁵, và bà ta, Gre-ta, chờ không phải A-gia -xơ nhận thức và thấy rằng Ngôi Lỗi cũng trở thành thể xác như thế nào, bà ta thấy ở trong hai bắp đùi sự biểu hiện tượng trưng của nó, nhận thấy được sự vinh quang của chúng và quyết định rửa sạch chúng.

¹ Sách-xpi-a "Baptisé de sang", Bài 2, kinh báo

² Kinh thánh Tân Ước, Phư âm của thánh Giôn, 1,1 và 1, 14

³ V. Séchegay "Thơ-in và Gre-ta-da", bài 2, kinh mại

CHƯƠNG 19

Nhưng nàng có đôi mắt to màu xanh da trời, đôi mắt xanh thật tâm thương như nước sông Syrê.

Tính hồn nhiên âm thầm và khô dai toát ra từ đó, tính hồn nhiên thương hại cả bản thân mình, tính hồn nhiên đau khổ vì: mỗi khi có ngọn lửa tôi gần, nó bay bổng lên cao ở dạng hơi màu xám, dâng sau những cơn mất ấy chẳng còn gì hơn, toàn bộ thế giới của chúng là màu xanh da trời, linh hồn của chúng là người thợ lơ quẩn áo¹⁷; trong khi đó cặp mắt màu nâu - đó là một vương quốc lý tưởng, một thế giới ban đêm vô tận, đầy tinh thần đang ngủ lơ mơ trong đó, những ánh chớp tâm linh bùng lên trong đó và chúng vang lên như bài ca Mi-mi-on¹⁸, như một đất nước oi bức, êm đềm xa xăm, nơi tồn tại thượng đế giàu có đang hưởng thụ sự sâu lắng của riêng mình, vị thượng đế đã lắng sâu vào vũ trụ của sự tồn tại của mình, tỏa ra sự vô tận và cũng đau khổ vì nó. Chúng ta cảm thấy bị ràng buộc tựa như bởi phép màu nhiệm, chúng ta muốn áp sát vào ngực mình cái sinh linh tinh thần sâu sắc và du dương ấy, tận hưởng cái tinh thần toát ra từ đôi mắt nó và sáng tác bài ca từ ánh nhìn của nó.

¹⁷ Trong nguyên bản có sự chơi chữ: "Blauflüher" - có nghĩa là: "người lơ quẩn áo" và "người bà học nhân ái".

¹⁸ Go-tes: "Những năm tháng đời mai của Ván-hem Mac-xơ".

Chúng ta thích cái thế giới rất sôi động mở ra trước mặt chúng ta, chúng ta thấy ở mặt sau những ý tưởng đầy ánh mặt trời vĩ đại, chúng ta linh cảm thấy sự đau khổ khủng khiếp và những hình bóng chuyển động nhẹ nhàng đang múa vòng tròn trước chúng ta, gột rửa với chúng ta, hoảng hốt quay lại lại khi chúng ta vừa nhận ra chúng.

CHƯƠNG 21

NHỮNG SUY NGẪM NGŨ VĂN HỌC

Phê-lích-xơ văng ra khỏi vòng tay của bạn mình một cách không mấy trù miến lắm, bởi vì Phê-lích-xơ không nghĩ ngờ gì bản chất sâu xa đầy tình cảm của anh ta và dùng vào lúc anh đang bận tiếp tục... cái công việc tiêu hóa của mình, mà giờ đây chúng tôi dứt khoát đề nghị đặt hòn đá tảng kết thúc hẳn cái hành động tuyệt vời với ý của anh ta chúng nao náo làm định trẻ việc kể chuyện của chúng tôi.

Méc-ten cũng nghĩ như vậy, bởi vì cú giáng khủng khiếp mà Phê-lích-xơ cảm nhận được là do chính bàn tay lịch sử dụng rộng của anh ta đem lại.

Tên gọi Méc-ten nhắc đến Các Mac-te-ơ¹⁹, và Phê-lích-xơ cho rằng anh ta quả thực đã cảm nhận được sự áp yếm của chiếc búa; sự chấn động điện mà anh ta cảm nhận cũng liên quan tới điện thủ v; như vậy.

¹⁹ Mac-te-ơ = các búa

Anh ta mở to mắt, chao đảo và nghĩ tới tội lỗi của mình và tới sự phân quyết cuối cùng

Còn tôi suy nghĩ về vật chết điện, về mạ điện, về những bức thư u buồn của Phran-kin gửi cho cô bạn gái hình học của ông ta và về Méc-ten, vì tôi hết sức tò mò, rất muốn khám phá xem cái gì ẩn giấu sau cái tên gọi đó.

Rằng con người do theo trực hệ xuất thân từ Méc-te-lơ, đúng như vậy - nếu ông từ khẳng định điều đó với tôi, mặc dù trong câu nói ấy còn chứa sự dè dặt.

l, biến thành N, bởi vì Méc-te-lơ là người Anh quốc, bất kỳ nó âm hiệu lịch sử đều biết, còn trung tiếng Anh âm "n" thường phát âm giống "s" dài của tiếng Đức, mà nó lại trùng lặp với âm "s" ngắn trong từ Méc-ten, cho nên Méc-ten hoàn toàn có thể là biến dạng của từ Méc-te-lơ.

Từ đó có thể kết luận rằng, chừng nào tên gọi của người Đức có đại biểu đại tính cách của những người mang tên đó, như ta thấy qua những tính ngữ như Cru-gơ, Rít-tơ, Rau-pa-kho, Gô-phơ-rát, Hê-ghe-n, Tơ-véc¹ thì Méc-ten rõ là là con người trung thực giàu có, mặc dù cho nghề của mình, anh ta chỉ là thợ may, còn trong câu chuyện này, anh ta là cha của Xecô-pi-ôn.

Tính hình ấy cho phép đề xuất một giả thuyết mới, bởi vì một mặt anh ta là thợ may, mặt khác con trai anh ta tên là Xecô-pi-ôn, thì hoàn toàn có thể khẳng định rằng anh ta xuất thân từ thân chiến tranh Méc-xơ (cách hai của Mác-ti-xơ, cách bốn của tiếng Hy Lạp là Mác-tin, rồi từ đó có các từ Méc-tin và Méc-ten), vì nghề của thân chiến tranh - là cắt may, vì thân này cắt tay, chân và mọi vuốt hành phúc trần gian.

Tiếp nữa, Xecô-pi-ôn - đó là loại nôm trùng độc, sát hại bằng cái nhìn, vết thương nó để lại dẫn đến tử vong, cái nhìn của nó có sức hủy diệt - thật là một phùng dụ tuyệt vời về chiến tranh, cái nhìn của nó sát hại, đổ lại nhưng vết sẹo vì máu và không thể chữa lành được.

Thế nhưng Méc-ten có được tính cách chưa hẳn là đa thần giáo, mà ngược lại, có tâm trạng hoàn toàn Cơ đốc giáo, có lẽ chắc chắn hơn là anh ta xuất thân từ Thánh Méc-tia; chỉ cần chuyển đổi một chút nguyên âm sẽ cho "Mi-rơ-tan", âm "i" người dẫn lính thường phát âm thành "e", ví dụ như họ nói "Gip-me-rô" thay vì "Gip-mi-rô", vì âm "a" trong tiếng Anh như trên đã nói, thường biến thành âm "s" dài mà dần dần sẽ dễ dàng biến thành "e" ngắn, đặc biệt trong quá trình phát triển của văn hoá, tên gọi Méc-ten xuất hiện rất tự nhiên và có nghĩa là người thợ may Cơ đốc giáo.

Mặc dù từ nguyên học ấy hoàn toàn có lý và có cơ sở sâu sắc, nhưng chúng tôi không thể không suy nghĩ về một phương án khác, làm giảm sút khá nhiều sự tin tưởng của chúng tôi vào Thánh Méc-tin; thế nhưng anh ta có thể chỉ được chấp nhận là người bầu hộ, vì anh ta, như chúng tôi được biết, chưa bao giờ lấy vợ cho nên không thể có con trai nối dõi được.

Điều nghi ngờ ấy hình như được xua tan bằng thực tế sau đây. Toàn thể gia đình Méc-ten có quan hệ thông gia với cha cố U-êch-phân-xki², thành viên gia đình này kết hôn mỗi khi có cơ hội, tức là quá sớm, và từ thế hệ này sang thế hệ khác trung điểm bằng vòng vạn niên thành³; xuất phát từ chỗ đó, nếu vạn dụng phép mẫu nhiệm thì phải giới thích rằng Méc-ten sinh ra

¹ Bàn chôn

² Xem O. Giôn-đơ-ôn "Cha cố U-êch-phân-xki"

³ Vạn niên thành - biểu tượng của lòng nhân

¹ Cru-gơ - rít rít, cắt và, Rít-tơ - hiệp sĩ, Rau-pa-kho - con rắn; Gô-phơ-rát - cổ vằn; Hê-ghe-n - con bò đực; Tơ-véc - thành lùn

và xuất hiện trong câu chuyện này với tư cách là cha của Xeno-pi-ôn.

Danh từ *Myrtēn* (Myrthen) bắt đầu bởi chữ "h", vì khi hôn lễ "Eh" sẽ đứng đầu trước, còn "he-" sẽ mất đi, kết quả là từ danh từ Myrthen sẽ cho ra Myrten.

Chữ cái "y" - đây là "v" của Hy Lạp chữ hoàn toàn không phải là chữ cái trong tiếng Đức. Như đã nói, vì gia đình Méc-ten là dòng họ Đức chính thống thuần khiết, đồng thời là một gia đình thợ may Cơ đốc giáo, cho nên "y" do thần ngoại lai phải biến thành "i" của tiếng Đức, và vì hôn nhân là thành tố cơ bản của gia đình này, còn âm "i" là nguyên âm nghe chói tai, hơn nữa các cuộc hôn nhân của nhà Méc-ten đều rất đau đớn và thù hận, cho nên thoát dấu "i" biến thành "eh" rồi sau đó, để làm sao cho sự biến đổi mạnh mẽ đó không đập vào mắt mọi người đổ chuyển sang "e". Đặc tính ngắn gọn của âm này chứng minh tính kiên quyết mỗi khi tổ chức hôn lễ, vì thế danh từ "*Myrthen*" trong từ đa nghĩa "*Méc-ten*" của tiếng Đức có được dạng thức hoàn thiện đó.

Sau kết luận ấy, chúng ta có thể liên hệ người thợ may Cơ đốc giáo, Thánh Méc-lin, tinh thần cao cả của Méc-ten, lòng quyết tâm nhanh chóng của thần chiến tranh Méc-xơ với việc kết hôn, những điều đó tạo ra từ cả hai chữ cái "e" ở trong danh từ "*Méc-ten*", cho nên, giả thuyết này vừa lợp hợp trong nó tất cả những điều có trước, lại vừa phủ định chúng.

Ý kiến khác là của một nhà kinh viện, người đã rất cố gắng và luôn luôn nỗ lực viết bình chú cho một nhà viết sử cổ, mà trong tác phẩm của ông này, chuyện kể của chúng tôi luôn được nhấn mạnh.

Mặc dù chúng tôi không thể tán thành ý kiến của ông ta, nó vẫn được giới phê bình đánh giá, vì nó nảy sinh trong tâm hồn một con người đã từng gần gũi thói quen hát thuộc với khả năng uyên bác to lớn và những tấm giấy da cứu của ông ta được mùi khói thuốc lá linh thiêng, tức là tràn đầy những lời tiên tri hùng hồn, lộn xộn được nhấn mạnh trong mũi trầm hương ngào ngạt.

Ông ta cho rằng từ "*Méc-ten*" xuất xứ từ "*Mehren*"¹ tiếng Đức, mà chắc nó lại được cấu tạo từ danh từ "*Meer*"², bởi vì những hôn lễ của gia đình Méc-ten "gia tăng" như cái "*ngoại biên*", tiếp đó còn vì trong khái niệm người thợ may Cơ đốc giáo bao hàm khái niệm "người tăng cường", vì anh ta biến khi thành người. Ông ta đã thiết kế giả thuyết của mình trong những công trình nghiên cứu cơ bản và sâu sắc như vậy đó.

Khi đọc xong, tôi cảm thấy một sự ngạc nhiên đến chóng mặt, nhà tiên tri nghiên cứu là lời cuốn tới, nhưng chẳng bao lâu sau, lý trí tự duy khốc liệt thức tỉnh và để xuất ra những lý lẽ bác lại như sau.

Khái niệm người tăng cường mà tôi có thể đồng ý với nhà kinh viện trên, dù sao chẳng nữa có thể được bao hàm trong khái niệm người thợ may, nhưng nó tuyệt nhiên không thể bao hàm khái niệm người giảm thiểu, bởi vì điều đó *contradictio in terminis*³, tức là khi giải thích cho các từ các có điều đó chẳng khác gì đưa khái niệm Thượng đế vào khái niệm qui mô, khái niệm hình ảnh vào khái niệm hội uống trà, khái niệm phụ nữ vào khái niệm triết gia. Nhưng khi danh từ "*Mehren*" biến thành "*Merten*", thì từ đó chắc chắn bớt đi một chữ cái "h", tức là không tăng thêm, điều mà, như đã chứng minh, về thực chất mâu thuẫn với bản chất bình thường của nó.

¹ Châm chú "Eh" nghĩa là "h", "he" - "ngay", còn "Ehe" - hôn nhân

¹ tăng lên, nhân lên

² biển

³ mâu thuẫn về mặt thuật ngữ

Như vậy là "Méc-ten" hoàn toàn không thể có xuất xứ từ "Mehren", con gái định rằng từ đó xuất xứ từ "Meer" thì bị phản bác bằng một thực tế là gia đình Méc-ten -chưa bao giờ bị ngã xuống nước cả, nhưa bao giờ là những người nhẹ dạ - dầy là gin đình cũng đạo của những người thợ may, và thủ mẫu thuật, với khái niệm bền nổi sóng. Qua đó ta thấy rõ rằng tác giả kể trên mặc dù không có gì sai trái, nhưng vẫn lầm lẫn, còn kết luận của chúng tôi mới là duy nhất đúng đắn.

Sau chiến thắng đó, tôi quá mệt mỏi, nên không thể tiếp tục được nữa, và tôi sẽ tận hưởng niềm hạnh phúc tự mãn, mà theo ý kiến của Vin-ken-man thì chỉ một thoáng đó thôi cũng giá trị hơn tất cả những lời khen của hậu thế, mặc dù tôi cũng tin tưởng chắc chắn như vậy, không khác gì Pi-ni-út.

CHƯƠNG 22

"Hãy nhìn đây và kia, toàn biển và không khí
Biển sôi lên vì sóng, không khí đầy mây đen.
Giữa chúng, cơn gió lốc gầm rít đến ghê người;
Không biết sóng biển làm ai hối hộp đây. Người lái đò
không màng, khăn hay là bỏ chạy?"

Từ trên và từ dưới không khí, sóng đe dọa:"

"Hãy nhìn đây và kia - thấy Xenóc-pi-ôn và Méc-ten.

Một người khôn suốt suốt, người kia đang nổi giận".

"Giữa họ sấm rền vang - lời gầm thét tuôn ra không hề ngắt

Biển cả cùng không biết ai trong họ tội tình"

* Ô-vi-di-út: "Những bí ca dao (thơ)", phần 23, tr 11: Câu thơ 22-25 và 31-32 tương ứng với câu thơ đầu hàng trong Lu-tinh).

"Ta là người lái đò, tầu gổ, nhưng ta phải nói điều chi, bỏ qua điều chi

Ta không biết rằng tiếng kêu của họ dồn nghệ thuật vào góc".

Ô-vi-di-út kể câu chuyện buồn như vậy trong tập thơ "Ibri tristium" của mình mà đonn sau có xuất xứ từ đoạn trước. Rõ ràng là ông không biết thế nào nữa. Nhưng tôi sẽ kể tiếp đây: -

CHƯƠNG 23

Ô-vi-di-út ở thành phố Tô-mư, nơi thần Ô-guy-xơ tức giận đuổi ông đến, vì ông ấy có nhiều thiên tài hơn là lý trí.

Cu sê dự kiến của tình yêu đã héo hơn ở đây, giữa những người không muốn - chính tình yêu là nguyên nhân sa ngã của ông ta. Cái đầu thông minh của ông tựa trên cánh tay phải, cặp mắt buồn rầu hướng về Lo-si-um xa xăm. Trái tim của ca sĩ đã tan nát, nhưng có lẽ dù sao ông vẫn hy vọng, chiếc đàn lía của ông vẫn không thể cảm lạnh, và nó thổ lộ nỗi buồn cùng nỗi đau khổ của ông trong những bài ca êm ái.

Cơn gió bắc lướt khắp trần thần ông già lụ khụ, làm ông hoảng sợ vô cớ, vì trước kia ông sống ở dưới nước miền nam ấm áp, trí tưởng tượng của ông đã trang trí cho những trò chơi lộng lẫy ở đây bằng những bộ quần áo rực rỡ, còn khi những đứa con kỳ của thiên tài quá ư tự do thì về kiến diêm đã khoác lên đôi vai một tấm khăn voan mỏng manh tuyết trắng, những nếp gấp của nó bay tung và từ đó phủ xuống những giọt sương đêm ẩm.

* "Những bí ca dao (thơ)"

"Hồi thị sẽ đang thương, chẳng bao lâu người sẽ là bụi trần" - và giọt lệ lăn trên má ông già, khi nghe thấy giọng nói trầm trầm mạnh mẽ của Méc-ton, người trong lúc xúc động đã xông vào Xúc-cơ-pi-ôn. -

CHƯƠNG 27

"Sự đối mặt, sự đối mặt vô cùng".

"Chúng nào (điều này có liên quan tới một trong những chương ở trên) đầu gối của anh ta khụy về một phía?". - nhưng ở đây không có định hướng nhất định, ai có thể xác định, ai có thể biết được phía nào là phải, còn phía nào là trái?

Hồi người trần, anh hãy nói cho ta biết gió thổi từ đâu, hoặc là hiệu Thượng đế có mặt ở trên mặt không, rồi ta sẽ nói cho anh biết đâu là phải và đâu là trái.

Đấy chỉ là những khái niệm tương đối để có thể - trên nền sự thông thái - hút vào mình sự ngu ngốc và điên rồ.

Ồ! Tất cả những khát vọng của chúng ta đều vô ích, những ước mơ đều hời hợt, chúng nào chúng ta chưa biết được đâu là phải và đâu là trái, bởi vì anh ta dẫn dề sang bên trái và cầu sang bên phải".

Còn nếu như anh ta quay đi, trở thành khắc đi, vì ban đêm anh ta nằm mơ thấy là đã hóa ra ở bên phải, còn những người ngoan đạo ở bên trái, đúng như quan niệm thâm hại của chúng ta.

Vì vậy, hãy xác định cho tôi bên trái, bên phải là thế nào, như thế là toàn bộ nút cổ của sông tạo được thau gô, Acheronta movebo¹, tôi sẽ chứng minh là linh hồn của anh sẽ ở đâu, từ đó tôi sẽ kết luận rằng hiện nay anh đang đứng ở bậc thang nào, bởi vì cái quan hệ khởi nguyên ấy có thể đo, đếm được, chứng nào vị thế của anh do Chúa quyết định, vị thế hiện nay của anh có thể được đo theo chiều rộng của cái đầu anh, tôi sẽ lừa gạt, khi xuất hiện Mê-phi-xtô-phê-le-xô, tôi sẽ trở thành Phau-xtô, bởi vì quá rõ ràng là tất cả chúng ta, tất cả chỉ là Phau-xtô, chúng nào chúng ta chưa biết phía nào là bên phải và phía nào là bên trái; cho nên cuộc sống của chúng ta, vị thế, giống như rạp xiếc, chúng ta chạy theo vòng tròn, tìm tới các phía của nó ở chỗ nào, chúng nào chưa ngã gục xuống sân cát và đầu sì, tức cuộc sống, chưa kết liễu chúng ta; chúng ta cần một vị cứu tinh mới, vì ý nghĩ dân vật, anh lược mặt giặc mộng của tôi, tước mất sức khỏe của tôi, anh giết hại tôi - thế mà chúng tôi không thể nào phân biệt được bên trái với bên phải, chúng tôi không biết chúng ở đâu. -- --

CHƯƠNG 28

"Rõ ràng là trên mặt trăng, trên mặt trăng có đá mặt trăng, trong ngực phụ nữ là sự lừa dối, dưới biển là cát, còn trên mặt đất là núi non!" - người đàn ông bác lại như vậy. Ông ta gõ cửa phòng tôi và bước vào không thêm chò được phép.

Tôi vội dợ đồng giấy của mình, nói với ông ta rằng tôi rất phân khối, rằng đến tận bây giờ vẫn chưa biết ông ta, vì thế

¹ Xem Kinh thánh, Tân ước - Phê-rô của Ma-thi-ơ, 28 - 33

² Từ chuyển dịch chỗ A-khà-rôn (Vulgatê-êr "E-nô-ê"), VII, 3123

sự hân hoan của tôi tăng lên gấp bội là do tôi được làm quen với ông ta, ông ta dạy cho những điều thông thái vĩ đại, tất cả những hoài nghi của tôi được tiêu tan nhờ có ông ta; nhưng có điều tôi có nỗi nhanh như thể vào tháng năm, ông ta vẫn nói nhún nhún, các em rít cứ mắc trong hàm răng ông ta, khi quan sát gần hơn và kỹ lưỡng, tôi hoảng hốt nhận ra rằng ông ta là một con thạch thung khô đét, đúng là con thạch thung vừa mới chui ra khỏi bức tường mực thối.

Ông ta rất lớn và thân hình ông ta rất giống cái bếp lò của tôi. Mắt ông ta có thể gọi là mắt xanh lá cây hơn là đỏ, gọi là mắt tí hí hơn là mắt rục rừ, còn hân thân ông ta là quý hơn là con người.

Rõ ràng đây là một con quỷ. Tôi biết điều đó một cách nhanh chóng và chính xác, vì mũi ông ta mọc ra từ trên đầu như nữ thần A-tê-nê Pa-la-xơ sinh ra từ đầu ông tổ là thần Đột; bằng điều đó tôi cũng giải thích cho mình cả cái hiện tượng nổi sần đỏ hỏn của chiếc môi đỏ, hiện tượng đã chứng minh cái xuất xứ bay bổng của nó, trong khi đó, về bản thân cái đầu có thể nói rằng cái đầu không có tóc, đồng thời buộc phải coi là chiếc mũ chụp một lớp súp dày mọc lên nhanh chóng cùng với những di tích khí quyển và khảo cổ trên cái lớp cơ bản đó.

Tất cả mọi cái trong ông ta đã nói lên tầm cao cả và sâu sắc, nhưng kết cấu bộ mặt ông ta tưởng chừng như một kẻ quan liêu, vì hai bên má phẳng lì như cái đĩa được che khỏi mưa bằng hai cái lườm quyền rất cao, trên đó người ta có thể đặt các giấy tờ và sắc luật của chính phủ.

Nói ngắn gọn lại, qua tất cả những điều đó, chúng tôi thấy rằng ông ta có thể trở thành chúa tể của tình yêu, nếu như ông ta không giống ngay bốn thân mình, và tôi ông ta sẽ

vàng lên rất chi là khả ái như "tình yêu", nếu như cái tên đó không gọi lên bụi đổ tông.

Tôi để nghi ông ta bình tĩnh, vì ông ta phát biểu ý kiến cho rằng ông ta là anh hùng thời cổ đại, về điều đó tôi khiêm tốn phản bác lại, rằng các anh hùng thời cổ đại có thân hình khá hơn, còn họm mỗ thì có giọng nói đơn giản hơn, ít phức tạp hơn và vạm vỡ hơn, còn cuối cùng là He-rô - một nữ nhân nổi tiếng quá là một con người tuyệt vời, trong đó về ngoài cả nội tâm gan dạ với nhau và nĩ càng muốn gần cho mình một phần hoàn thiện của nàng, vì thế nàng không hợp với tình yêu của ông ta.

Nhưng ông ta lại phản bác r-r-rằng ông ta có một cơ-cơ cấu bộ xương đó ợ, ông ta còn có bóng hình, giống như, thậm chí còn hơn của nhiều người khác, vì ông ta có nh-nhiều bóng hơn là ánh sáng, r-rằng vợ ông ta có thể thường thức cái mắt dưới bóng ông ta, còn thấy lạng nữa, và thậm chí bà ta trở thành cái bóng, rằng tôi đây là con người th-thủ lỗ, mang tính tình của kẻ lưu manh, rằng tôi là thằng ngu, r-rằng tân ông ta là En-ghe-nê-béc và cái tên đó nghe tốt hơn là Xcoóc-pi-ôn, r-rằng tôi phạm sai lầm trong chương 19 vì mắt màu xanh d-đẹp hơn màu nâu, r-rằng đôi mắt bồ câu là mắt hiểu kỳ nhất, rằng bản thân ông ta không phải là chim bồ câu, nhưng chỉ ít cồng thờ ợ với trí tuệ¹, hơn nữa ông ta th-thích chế độ quyền thừa kế của con trưởng và ông ta còn có cả buồng tâm nữa.

"Ông e-cần phải tin vào tôi và hãy vứt bỏ công trình nghiệp cầu về bên phải và bên trái của mình đi, có ta sống ở phía đối diện, bên phải ở bên phải mà cũng không ở bên trái".

¹ Trong bản gốc có sự chèn chữ Tauber - lá cầu chì. Tauber - chim bồ câu, cũng là người đức độ.

Cánh cửa đóng sập lại, từ cõi lòng tôi xuất hiện hình ảnh thiên đàng, cuộc đời thuyet niệm nở đã chấm dứt, nhưng qua lỗ khóa của vấn thấy xi xào từ tựa giọng của thần linh: "Khỏe gỗ biết kêu, khúc gỗ biết kêu!"¹.

CHƯƠNG 29

Tôi ngồi suy tư, gạt Lỗ-cơ, Phi-xơ và Can-tơ sang một bên, tôi chìm đắm vào công trình nghiên cứu sâu xa để hiểu xem hướng tâm có quan hệ gì với chế độ quyền thừa kế của con trường, bỗng nhiên tôi như bị sét đánh, ý tưởng này nối tiếp ý tưởng kia xuất hiện và làm sáng tỏ quan điểm của tôi, và trước mặt tôi dựng lên bức tranh rõ ràng.

Chế độ quyền thừa kế của con trường là cái buống tâm của giới quỷ tộc, vì buống tâm cần dùng để tắm rửa. Nhưng tắm rửa làm trắng ra, tức là làm cho người tắm sáng bóng ra. Cũng như chế độ quyền thừa kế của con trường mà bạc cho cậu con trai cả của gia đình, tức là cho anh ta lớp phủ màu bạc nhỏ nhỏ, trong khi đó bởi cho các thành viên còn lại của gia đình một lớp màu lãng mạn nhờ nhờ của sự túng thiếu.

Ái tằm dưới sông thì người đó nhảy xuống dòng nước cuốn cuộn, khắc phục tính hung hãn của nó và khuây dỗi tuy lực lưỡng; còn ai ngồi trong nhà tắm thì sẽ bị khóa chặt và ngồi ngắm bốn góc phòng.

Con người bình thường, tức là không được quyền thừa kế của con trường, đấu tranh với cuộc sống sôi động, nhảy xuống

biển nổi sóng và có quyền như Trư-mô-tô tìm kiếm ngọc trai ở dưới đáy, trước mặt anh ta diễn ra thật trắng lố hình ảnh nội tại của ý niệm và anh ta sáng tạo thành dạng hơn, trong khi đó, người thừa kế chỉ cho phép nhỏ giọt lên mình, sự làm trật những khớp xương của mình và vì thế mỗi ngời trong phòng tắm.

Hòn đá triết học đã tìm thấy, đã tìm thấy rồi!

CHƯƠNG 30

Vì vậy trong thời đại chúng ta không nên viết sử thi, điều đó biểu hiện rõ qua hai cuộc khảo sát vừa dẫn ra ở trên.

Trước hết, chúng tôi đề xuất những quan sát cơ bản về vấn đề bên phải và bên trái, tức là lật bỏ cái vỏ thi ca của những lời phát biểu đầy thi ca đó như thần A-pô-lông lột da của Mác-xi, và biến chúng thành những lời lẽ đáng nghi ngờ, thành con khi có mắt cũng như mù, và ngược lại kẻ là Ac-guy-xơ; Ac-guy-xơ có một trăm con mắt để phát hiện thấy cái mất, cái còn ở anh ta con người da sáu, tấn công bầu trời ấy có một trăm con mắt để biến cái thấy thành không thấy.

Thế nhưng hướng và địa điểm lại là tiêu chí chính của thi ca sử thi, và chúng nào chẳng còn bên nào cả, như chúng tôi đã chứng minh như vậy ở phía trên, thì cái thi ca ấy chỉ có thể thuộc tình khôi con ác mộng của mình, chỉ có một giọng vang như kèn đồng đánh thức thành phố I-e-ri-khôn².

Tiếp đó chúng tôi đã tìm thấy hòn đá triết học, đáng tiếc là tất cả mọi người đều viện vào hòn đá ấy, thế mà họ -

¹ Xem thêm tập này, tr. 972-990.

² Xem Kinh Thánh Cựu ước Sách của Giê-sa Na-vin, 6, 19.

CHƯƠNG 31

Bọn họ nằm trên mặt đất. Xcroc-pi-ôn và Méc-ten, vì hiện tượng không tròn tục (việc này có liên quan tới một trong những chương trước) đã làm chấn động thần kinh họ đến mức sức gần những khớp xương của họ dưới tác động của tình trạng hỗn loạn trong sự mở rộng - một sự mở rộng như một mầm mống chưa thoát ra khỏi quan hệ của toàn thể giới và chưa biến thành một dạng đặc biệt. - đã suy nhược tới mức làm cho mùi của họ rơi xuống rốn, còn đầu thì rơi xuống đất.

Méc-ten chảy máu đặc quánh. Trong đó có nhiều chất rắn, cụ thể bao nhiêu thì tôi không thể nào xác định được, vì rằng đối với môn hóa học nói chung, thì còn kém lắm.

Đặc biệt là hóa hữu cơ ngày càng trở nên phức tạp hơn nhờ sự đơn giản hóa nó, vì hàng ngày người ta đều phát hiện ra những nguyên tố mới có liên quan chung tới các vị giám mục và mang tên gọi của các nước thuộc những kẻ vô thần và in *partibus infidelium*¹. Ngoài ra, những tên gọi ấy dài như tước vị của các uỷ viên nhiều hội khoa học và các công tước giàu có Đức, những người tự do tu tưởng dùng những tước vị đó thay cho tên gọi, bởi vì chúng chẳng có liên quan đến một thứ ngôn ngữ nào cả.

¹ = "Ở xứ sở của những người ngoại đạo" - mấy chữ châm chọc vì các giám mục Thiên chúa giáo được cả giới chức các giám mục Thiên tây có tính chất đánh nghiã ở những nước không theo đạo Kitô giáo

Nói chung, hóa hữu cơ là quán tà đạo muốn giải thích cuộc sống bằng quá trình chết cứng! Nó lãng nhách Chúa để chứng lại cuộc sống, hãy tưởng tượng xem nếu như tôi lấy được tình yêu từ môn đại số.

Rõ ràng là tất cả những thứ đó nằm im trong học thuyết về quá trình, học thuyết này vẫn chưa hoàn chỉnh và không bao giờ hoàn chỉnh được, vì nó dựa vào việc chơi bài, chơi bài hoàn toàn ngẫu nhiên, trong đó con át là nhân vật chính.

Thế nhưng, quán át lại nằm trong cơ sở của luật học hoàn toàn mới, vì vào một buổi chiều, khi I-rê-ni-út thua bạc (ông ta vừa mới về tới qua sau khi ở chơi chỗ các bà cò cò, ăn mặc duyên dáng trong chiếc áo dưới tím màu xanh, đi giày mới, có phéc-mô-tuya dài, mặc áo gi-lê lụa màu đỏ). Ông ta ngồi ngay vào bàn viết luận án về quân *acec*², bản luận án đã đưa ông ta đi rất xa, đến mức ông ta bắt đầu giảng dạy về luật La Mã.

Luật La Mã qui tụ trong nó tất cả, kể cả học thuyết về quá trình, kể cả hóa học - bởi vì đây là vũ trụ vì nó tách ra khỏi vũ trụ vì nó như là Pa-xi đã làm.

Bốn cuốn sách luật Đại cương - là bốn môi trường, bảy tập luật La Mã - là bảy hành tinh, còn mười hai cuốn pháp điển - là mười hai cung hoàng đạo.

Song, tham gia vào tất cả những cái đó không phải là thần linh nào cả mà là Gre-ta, cụ nẫu bép thường gọi đi ăn tối.

Xcroc-pi-ôn và Méc-ten trong trạng thái hết sức hưng phấn đã nhắm mắt lại và như vậy là coi Gre-ta như bà tiên. Sau khi hai người thoát khỏi nỗi hoảng hốt Tây BaxNha của mình, được ghi nhận bằng thất bại cuối cùng và thắng lợi của

² Chơi chữ. Acec tiếng Đức là quân "Kí" và "Át" tiếng Latinh là đồng tiền.

Đòn Cúc-lời, Méc-ten dựa vào Xeoóc-pi-ôn và trên lên cây sồi. Hồi vì Ô-vi-di-út và Mô-i-dơ nói rằng con người cần phải nhìn lên những ngôi sao, chứ không nhìn xuống đất" - thế là Xeoóc-pi-ôn liền nắm lấy tay cha mình và chơi với ã thú nguy hiểm, vì anh ta buộc ông ấy đứng bằng hai chân.

CHƯƠNG 35

"Xin thế là thợ may Méc-ten là thợ giỏi, nhưng lấy đất?"

"Vere! beatus Martinus bonus est in auxilio, sed carus in negotio!" Clôt-vích thốt lên sau trận chiến gần Poa-chi-à. Khi các nhà tu hành tuyên bố với ông ta ở Tua rằng Méc-ten may cho ông ta chiếc quần cưỡi ngựa (ông ta mặc chiếc quần đó phi trên con ngựa đang mãnh, nhờ đó đã chiến thắng), và họ đòi hai trăm đồng vàng trả công cho Méc-ten.

Toàn bộ việc như sau:.....

.....
độc địa một cách vô căn cứ.

CHƯƠNG 36

Họ ngồi bên bàn, dùng dấm là Méc-ten, phía phải ông ta là Xeoóc-pi-ôn, phía trái là Phê-lic-xơ, một thợ cạo, còn sáu

¹ Ô-vi-di-út. "Biến thái", 1, 84-86

² Quả là Méc-ten hạnh phúc về sự chu sự giúp đỡ, nhưng nó đặt trong quan hệ làm ăn.

xuống phía dưới, hơn nữa giữ các công chúa và người binh dân có một khoảng cách nhất định - là các thành viên thuộc hạ thuộc cơ quan nhà nước của Méc-ten, thường được gọi là các thợ phụ.

Trong khoảng trống mà không một con người nào được bước chân vào, tọa lạc không phải thần Ban-cô¹, mà là con cẩu của Méc-ten, nó hàng ngày phải cầu kinh bởi vì Méc-ten người đã từng nghiên cứu khoa học nhân văn, cho rằng cún Bô-ni-pha-xi của ông ta và cha Bô-ni-pha-xi, tông đồ của người Đứơc cũng chỉ là một mã thôi; ông ta dựa vào một câu nói của Bô-ni-pha-xi, khi ông này nói rằng ông ta là con chó của (xem bức thư 105, tr. 145, Nhà xuất bản Xô-ra-ri). Vì thế ông ta đối xử với con chó này một cách kinh cần dị đoan, chỗ ở của nó hết sức trang nhã - đó là cái đệm bằng nỉ đỏ mồng đẹp tuyệt vời được bọc lại như chiếc ghế xô-pha có lò xo, chiếc giường của con chó Bô-ni-pha-xi ấy có tua lụa xung quanh, và mỗi khi cuộc tụ họp kết thúc, người ta lại mang nó vào một nơi kín đáo trong hộc tủ, có thể cũng là cái chỗ mà Bon-lô mô tả trong tác phẩm "A-na-lôit"² của mình, như một nơi thất của một người sang trọng.

Con Bô-ni-pha-xi không có ở chỗ của nó, chỗ còn bỏ trống và Méc-ten tái mặt. "Bô-ni-pha-xi đâu?" - ông ta thốt lên với trái tim se lại và mọi người quanh bàn nhúc nhích. "Con Bô-ni-pha-xi đâu?" - Méc-ten hỏi lần nữa và ông ta đã hoảng hốt như thế nào. từng khớp xương thân ông rung lên, tốc ông dựng ngược ra sau khi ông nghe thấy nói rằng Bô-ni-pha-xi vắng mặt!

Mọi người bật dậy đi tìm con chó và bản thân Méc-ten đã mất hẳn thái độ bình tĩnh thường ngày. ông giật chuông. Gre-ta bước vào, bà ta dự cảm thấy điều xấu, bà ta nghĩ -

¹ V. Bô-cô-qua. "Méc-bê", hồi 3, cảnh bốn.

² N. Bon-lô "A-na-lôit" Bào ca thơ nhất

- "Này Gre-ta, Bô-ni-pha-xi đâu?" Và bà ta rõ ràng là yên lòng ngay, còn ông ta vùng lay làm đổ cây nến, thế là bóng tối bao phủ kín mọi người, bắt đầu một đêm rừng rợn đầy tai họa.

CHƯƠNG 37

Đa-vít III-um cho rằng chương này chỉ là locus communis¹ của chương trước đó, và đã cho là như thế từ trước, trước khi tôi viết xong nó. Chứng minh cho điều này như sau: vì chương này có mà chương trước lại không, chương này gạt bỏ chương trước mà bản thân nó từ đây mà ra, mặc dù không thể bằng con đường nguyên nhân - hậu quả, bởi vì ông ta nghĩ ngạ điều đó. Nhưng mỗi người không ló, tức là mỗi chương gồm hai mươi dòng - tạo nên chủ đề 11 hơn, mỗi thiên tài - tạo nên một người phi-li-xtanh rồ ngất, mỗi đợt sóng biển - tạo nên bùn và, cái thứ nhất vừa mới biến đi, thì cái sau liền bắt đầu, họ chiếm chỗ quanh bàn và xác xược dưới đôi chân dài ngoẵng của mình ra.

Những cái thứ nhất quá vĩ đại đối với thế giới này, nên người ta quăng chúng đi. Những cái sau thì ngược lại, chúng mọc rễ ở đây và ở lý tại, có thể thấy rõ được qua thí dụ những hiện tượng như: sau khi uống sâm-banh vẫn còn lại cái dư vị khó chịu, sau anh hùng Xê-da là kịch sĩ Ốc-ta-vi-an, sau hoàng đế Na-pô-lê-ông - là vua tư sản Lu-i Phi-líp, sau triết gia Can-tô - là chàng hiệp sĩ Cru-xơ, sau thi sĩ Si-lô là cố vấn hoàng tộc Rau-pa-kho, sau Lây-bô-lít-xơ tạo chạc trời - là cận hoàng xép của nhà trường Vôn-phơ, sau con cún Bô-ni-pha-xi là chương này.

Như vậy là cơ sở lằng xằng như cặn, còn tinh thần thì bốc hơi hết.

¹ - chỗ chung

CHƯƠNG 38

"Sau cuối cùng về cơ sở có liên quan tới khái niệm trầu tượng, chứ không phải phụ nữ", vì khái niệm trầu tượng và phụ nữ - chúng khác xa nhau biết chừng nào! - A-đê-lung thất lên như vậy. Nhưng tôi lại cho là ngược lại và có thể cơ sở để chứng minh không phải ở chương này, mà ở một cuốn sách, cuốn sách này hoàn toàn không chia ra thành từng chương và là cuốn sách mà tôi đang có ý định viết ra chứng nào tôi tin tưởng vào sự tồn tại của Tam vị nhất thể thần thánh.

CHƯƠNG 39

AI muốn am hiểu được khái niệm cụ thể chủ không phải trầu tượng về cái đó - tôi không ám chỉ Ê-lê-na fly Lạp và Iu-cre-xơ La Mã, mà là Tam vị nhất thể thần thánh, đối với người đó tôi không thể khuyên gì hơn là mơ ước về Hư vô và không ngủ thiếp đi, mà ngược lại, thao thức về Chúa và tuân thủ để nghị này, bởi vì trong đó có chứa đựng khái niệm cụ thể kể trên. Nếu chúng ta leo lên được tới tâm cao của nó mà lại bị thụt lùi xuống một bậc so với vị trí của chúng ta hiện nay², bay bổng lên trên nó như đám mây, thì trước mặt

¹ Chỗ chữ "lần" - "cơ sở" và "mũi nhọn".

² Chỗ chữ "Standpunkt" - "vị trí" và "quan điểm".

chúng ta xuất hiện "không" khổng lồ, nếu chúng ta hạ xuống đến tâm giữa nó thì chúng ta sẽ rừng mình trước cái "Hu vớ" to lớn, còn nếu lộn sâu xuống chiều sâu của nó thì chúng ta sẽ thấy hai cái ấy lại hòa hợp với nhau trong từ "không" đang tiêu về phía chúng ta, chữ đó được viết bằng những chữ cái thẳng đứng của con chữ mạnh dạn đầy nhiệt huyết.

"Không" - "Hu vớ" - "Không"

- đây là khái niệm cụ thể của Tam vị nhất thể, còn khái niệm trừu tượng thì ai có thể biện giải được vì: "Ai bay lên trời rồi lại xuống?", "Ai thu được giá trong vốc tay của mình?", "Ai tắm nước bằng quán áo?", "Ai xác định được tất cả phạm vi của trái đất?", "Tên anh ta là gì? Và tên con trai anh ta là gì? Anh có biết không?" - Xô-lô-mông anh mình hỏi vậy!.

CHƯƠNG 40

"Tôi không biết anh ta ở đâu, nhưng một điều rõ ràng là xương sọ là xương sọ!" - Méc-ten thốt lên. Anh ta lo lắng cúi xuống để tìm hiệu trong bóng đêm là tay anh ta đã chạm vào đầu ai, và bỗng nhiên dường như bị huỷ diệt, anh ta rút tay lại, vì con mắt

¹¹ Kinh thánh, Cựu ước, Sách chàm ngôn của Xô-lô-mông, 30, 4.

CHƯƠNG 41

Dương nhiên là mất rồi!

Chúng như là cục nam châm và hút sắt về phía mình, cũng như vậy, phụ nữ cuốn hút chúng ta chứ không phải bầu trời, vì phụ nữ nhìn chúng ta bằng hai con mắt, còn bầu trời thì chỉ có một.

CHƯƠNG 42

"Tôi sẽ chứng minh cho anh ta ngược lại!" - một giọng vô hình nói với tôi, và khi tôi liếc nhìn xem giọng nói từ đâu tới, tôi phát hiện - các bạn không tìm tôi, nhưng tôi khẳng định, tôi xin thề rằng đúng là như vậy - khi đó tôi phát hiện - nhưng các bạn đừng nổi giận, đừng hoảng sợ vì điều đó không liên quan tới các phụ nhân bạn, không liên quan tới sự tiêu hóa của bạn - lúc đó tôi phát hiện chính bản thân tôi, vì tự tôi để xuất chứng minh ngược lại.

"Ồ! Tôi là một bản sao!" - tôi giật thót, và thuốc rượu của con quỷ của Hép-man!"

¹² Hép-man, "Thuốc rượu của quỷ" Phần I, mục 3

CHƯƠNG 43

- Chúng nằm trước mắt tôi trên bàn đúng lúc tôi suy tư về vấn đề tại sao người Do Thái vĩnh hằng là người xuất thân từ Béc-lin chứ không phải Tây Ban Nha; nhưng tôi thấy rằng điều đó trùng lặp với sự chứng minh ngược lại mà tôi muốn đề xuất ra, do đó chúng tôi, vì tính chính xác, sẽ không làm có điều này lẫn điều kia, mà chỉ thỏa mãn với tôi nhận xét rằng bầu trời ở trong đôi mắt phụ nữ, nhưng mắt phụ nữ không ở trên trời, qua đó thấy rằng thu hút chúng ta không chỉ có mắt, mà cả trời nữa, vì chúng ta phát hiện không phải mắt mà chỉ là bầu trời trong chúng thôi. Còn nếu như thu hút chúng ta là mắt chứ không phải bầu trời, thì trong trường hợp ấy chúng ta sẽ phải cảm thấy sức hút của bầu trời chứ không phải của phụ nữ, vì bầu trời có không phải một mắt như ở trên đã nói, mà không có mắt nào cả, nhưng chính bản thân nó chỉ là cái nhìn về tận trần đầy tình yêu của Thượng đế, con mắt âu yếm, đù đương của ánh sáng, còn mắt thì không thể có mắt được.

Kết quả cuối cùng của công trình nghiên cứu của chúng tôi vì thế, là ở chỗ thu hút chúng tôi là phụ nữ, chứ không phải bầu trời, vì chúng tôi không thấy ở trong đó mắt của phụ nữ, mà trong mắt chúng tôi thấy trời; như vậy là chúng tôi cảm thấy, nếu có thể nói được như vậy như tôi đối mắt, vì cái đó hoàn toàn không phải là mắt, và vì A-gu-xpe-rơ vĩnh hằng là người xuất thân ở Béc-lin, vì ông ta già, yếu đuối, đã nhìn thấy nhiều đất nước, nhiều mắt, nhưng mặc dù vậy vẫn

cảm thấy sức hút không phải tại bầu trời, mà tại phụ nữ, như vậy chỉ có hai thứ nam châm - đó là trời không có mắt và mắt không có trời

Một thứ nằm trên đầu chúng ta và vậy gọi chúng ta lên cao, thứ khác - dưới chúng ta và kéo chúng ta xuống sâu. Còn A-gu-xpe-rơ bị sức mạnh không khiếp lối xuống dưới, nếu không, ông ta mỗi mỗi đi lang thang qua các nước ở dưới đất để làm gì? Liệu ông ta có vĩnh viễn đi lang thang qua các nước ở dưới đất hay không, nếu như ông không phải là người sinh ra ở Béc-lin và quen với các bình nguyên phủ cát?

CHƯƠNG 44

ĐOẠN HAI TRÍCH TỪ CHIẾC CẶP CỦA HAN-TÔ

Chúng ta tới một ngôi nhà ở ngoại thành, đêm đẹp tuyệt vời và xanh biếc. Em đi bên cạnh, khoác tay anh, và muốn bỏ ra, nhưng anh không cho, tay anh giữ chặt lấy em, cũng như em đã giữ chặt lấy trái tim anh, thổ lộ em để cho anh giữ em.

Anh thì thầm những lời đầy buồn phiền, nói về những điều cao đẹp nhất trong những gì người trần có thể nói ra được, vì anh hoàn toàn chẳng nói gì, anh tự chìm đắm vào bản thân mình, anh thấy vương quốc xuất hiện như thế nào và không trung của vương quốc ấy nhẹ nhàng ra sao, và đồng thời càng nặng nề thế nào, còn trong không trung ấy xuất hiện một hình tượng tuyệt vời, bản thân sắc đẹp đó, mà trước kia một thời anh đã thấy một cách mơ hồ - nhưng không nhận ra nó - phảng phất trong những giấc mộng sâu xa của trí tưởng

tượng, nó sáng lên ánh hào quang của thần linh, mím cười, và hình em là hình tượng đó.

Bầu thần anh cũng ngạc nhiên với mình, vì nhà có tình yêu anh mới trở nên vĩ đại, to lớn; anh thấy mặt biển vô tận, nhưng ở đó không còn thấy sóng dồi động nữa, biển đã có chiều sâu và sự trường cửu, bề mặt của nó là tình thế, còn gần với chiều sâu sâu tối là những ngôi sao vàng lung linh, chúng hát những bài ca tình yêu, tỏa ra sức nóng bởi vậy bầu thần biển cũng ấm áp!

Giống như con đường đó là cuộc đời!

Anh hôn hôn tay em dịu hiền, thủy mị của em, anh nói về tình yêu, về em. Một làn sương nhẹ bay trên đầu chúng ta, trái tim chúng tan vỡ, chẳng đếm lại, nâng ngà gác giữa chúng ta, còn chúng ta cảm thấy nhỏ lệ và im lặng.

CHƯƠNG 47

"Đấy có phải là con Bô-ni-pha-xi hay là cái quần không?" - Méc-ten thốt lên. - "Đến, ta đã bảo đến mặt!" - và đến bất sảng. "Trời ơi, đấy tuyệt nhiên không phải cái quần mà là con Bô-ni-pha-xi, nó nằm ở đây, trong góc tối này, mấi nó sáng lên ngọn lửa u ám, nhưng ta phải nhìn thấy cái gì kia?" "Nó đang chảy máu!" - Và Méc-ten gục ngã không nói thêm lời nào. Những người thợ phụ lúc đầu nhìn con chó, sau đó nhìn ông chủ của mình. Cuối cùng thì ông ta cũng bật dậy từ sàn nhà. "Sao chúng mày lại há hốc mồm ra thế hả lũ lùn? Hay là chúng mày không thấy Thánh Bô-ni-pha-xi bị thương? Ta sẽ nghiêm khắc truy cứu và sẽ tai họa, cực kỳ tai họa cho kẻ nào có lỗi; còn bây giờ nhanh nhanh đặt cậu lên chỗ nằm của cậu đi, gọi gia y, mang khăn và nước ấm lại đây và đừng có quên

mỗi thầy giáo Vi-tu-xơ đấy. Lời nói của thầy rất có giá trị đối với Bô-ni-pha-xi!" Mệnh lệnh được thực hiện rất nhanh. Từ phía gia nô xô ra cửa. Méc-ten nhìn Bô-ni-pha-xi kỹ lưỡng hơn, mắt chú còn vẫn chưa lấy lại ánh dịu hiền và nó cứ lắc đầu mãi.

"Chúng ta gặp hạn, hạn to rồi! Hãy đi mời cha đạo đi!"

CHƯƠNG 48

Méc-ten nhiều lần thất vọng bật dậy vì không có một ai trong số những trợ lý còn thì giờ.

"Con Bô-ni-pha-xi đáng thương! Nếu như tự ta tạm thời bài tay vào chữa chạy thì có sao không nhỉ? Mày đang sốt nóng, mầu ủa ra từ hôm thế này, mày không muốn ăn, tao thấy cơ bụng của mày căng lên như thế, tao biết nguyên nhân ở đâu rồi, Bô-ni-pha-xi à, tao biết rồi!" - ngay lúc đó, Gre-ta

"Gre-ta! Bao nhiêu ngày Bô-ni-pha-xi chưa ị rồi? Tôi đã chỉ dặn chỉ là ị ra mỗi tuần phải thật cho nó một lần, nhưng tôi thấy chắc sau này tôi phải làm cái việc quan trọng như vậy thôi! Hãy mang dầu ô-liu, muối, gừng, mật và ống thật vào đây!"

"Bô-ni-pha-xi đáng thương! Những ý tưởng và nhận xét thần thánh của mày đang tích tụ đầy trong người mày kể từ khi mày không thể bực lỗ chúng ra bằng miệng hoặc bằng cách viết ra!"

"Ồi! Nạn nhân kỳ lạ của sự thâm thúy, ôi chứng táo bón khủng khiếp!"

THƠ CỦA C. MÁC
LẤY TỪ VỞ CHÉP THƠ CỦA XÔ-PH,
CHỊ CỦA MÁC¹⁷⁴

*Do C. Mác viết trong những năm 1835
 - 1836*

*In theo bản viết tay
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

CON GÁI**BA-LÁT**

Trước người mẹ lặng im

Con gái khóc cui đầu,

Không đủ sức nên nhìn

Nỗi buồn và khổ đau.

Trái tim đập không đều,

Mặt con bừng rục đỏ.

Hơi thở thốn thốn tim,

Ánh mắt bùng lửa cháy.

"Ôi, con gái thân yêu.

Vì sao con lại buồn ?

Nói mẹ nghe, chuyện gì.
Con tiên cái chi vậy ?"

Như bông hoa đã héo
Xin cho được về tươi.
Ngon gió nhẹ mát lành
Đưa sương từ trắng tới, -

Đây, tìm sự an ủi
Cứu lòng khỏi khổ đau,
Đau khổ không đáng sợ,
Khi có bạn gần bên,

Con gái xoà tóc xoăn.
Và khe khẽ lác đác.
Chật vật thốt ra lời.
Nói buồn lòng chưa chết.

"Ôi, tui hoa không tên,
Tương lai còn mờ mịt,
Tâm hồn đầy đau khổ,
Trần trụi hết cả khổ".

Con gái mở to mắt.
Nhìn mẹ mái, không thối,
Không đủ sức kìm giữ
Lời trách móc buồn đau.

"Người mà con từng là
Nô lệ và thần nữ,
Chàng bị mẹ đuổi,
Bỏ đi nơi sương mù

Đầy tình yêu, đau khổ,
Chàng vội đi tới đó,
Nơi sống còn dữ dội.
Sẽ rửa sạch nỗi đau.

Giờ chỉ gió với chàng,
Bốn bề bao phủ sóng,
Nhưng trên khắp thế gian
Chàng tìm kiếm mình con.

Giữa hoa hồng thơm hương,
Con sống trong túi hổ
Nếu chàng phải phiêu bạt
Đưa tiễn cuộc đời mình!"

Lời nói ngày càng khế,
Âm thanh ngày càng trầm...
Mơ rõ và không rõ
Sợ hãi xâm chiếm bà.

"Thân mình ngã xuống đất,

Tay giơ vói lên trời,
Lời chào bà muốn gửi
Lên tới chín tầng mây.

GỬI NGƯỜI ĐẸP KIỆU HÃNH HAI BÀI XÔ-NÊ

I

Em nhìn gì, như chờ lời thủ nhận:
Dường như anh bị mất trí vì em,
Phải quý gỏi trước mặt em?
Hãy đừng đợi tình yêu nơi anh dầm đuối.

Em đừng khui trong anh ước vọng,
Hình ảnh em không đến lúc anh rơi;
Dòng máu chảy không vì em mà bồi rối;
Anh chỉ cười trước tham vọng của em.

Hiết rồi nhiệt tình chảy trong đôi mắt;
Nơi ẩn chứa chớp và lửa đỏ
Lệ nóng chảy tràn trong đôi mắt
Nơi tình yêu ẩn sâu hai gò má.
Nơi các nếp nhăn tùy ý tung hoành
Thay vì nhảy múa sẽ là lời cầu Chúa.

II

Có gái mãi mãi làm đắm đuối trái tim tôi
Vân trẻ mãi dôi dôi,
Nàng không sợ tiếng vỗ của thời gian

Trong nàng tự do suy tư tung hoành cõi cách,
Sống mãi sức mạnh của cái đẹp vĩnh hằng
Thế giới hài hòa thần thuộc biết bao
Cả tình yêu lẫn bình yên, hạnh phúc.

Tất cả trong nàng đã khích lệ tôi
Nàng bay trong mây, giữa tia sáng mặt trời.
Và vẫy gọi tôi bằng ánh hào quang;
Tôi đi, lòng tràn đầy khí phách.

Tôi sẽ mãi cùng em nữ thần yêu quý,
Một cái hôn được lên môi đẹp -
Tôi thấy rồi cả Chúa lẫn bầu trời.

MẤY VẦN THƠ MỪNG NGÀY SINH CHA. 1836

GỬI CHA

I

Một mình con ngồi giữa bạn bè
 Từ sâu thẳm thấy lòng bừng khởi,
 Bỗng nàng thơ đã tới gần con,
 Suối ấm tắm hồn bằng giai điệu lạ lùng.

"Hỡi nàng thơ, hãy cho những bài ca
 Để ta hát lên ca ngợi
 Người ta hằng trù mến gọi là cha,
 Người thấp thoáng mờ mờ diệu trong lòng.

Người đã trải đời tôi trong âm điệu,
 Và các thế lực đen tối đã sợ run
 Trước lòng dũng cảm và nhiệt huyết của Người;
 Thối xấu - trước Người đành khuất phục

Làm thế nào với cha bày tỏ,
 Tình cảm trong lòng?
 Lấy nghệ thuật nói nao?"

II

"Tuy đôi mắt cứ đắm dĩa lệ,
 Mặc âm thanh trong vang mãi trong con,
 Nhưng sao miệng không hề lên tiếng
 Mặc cho con bị thần thánh cứ hành,

Cứ cho con tràn đầy niềm vui mỗi,
 Tâm hồn ngập chìm trong ý tưởng bao la
 Và ánh mắt con nhìn thấu trời xa -
 Thì những lời con vẫn không đủ!"

Nhưng nàng thơ ghé tai con khẽ nói
 "Ca bằng lời hoặc bài hát để làm chi -
 Lấy việc làm, sẽ thích hợp hơn
 Hãy thể hiện mình là một con người

Khi chàng tỏ rõ bản lĩnh vì điều thiện
 Chàng kể kể chuyện mình khi ấy cho cha?"

SAU KHI VIẾT XONG NHỮNG ĐOẠN THƠ NÀY

Chỉ tình cảm, chữ dấu phải lời nói -
 Làm cơ sở cho mọi điều cảm kết;
 Thoảng qua đi những lời nói thiếu nghĩ suy,
 Không tạo nên những quan hệ chân tình...

Chúng ta vẫn dựng đến cao
Cho đáng linh thiêng cao cả khiếm nhường.
Với tình yêu muôn đời con trẻ,
Chúng ta dành nơi ấy cho cha...

Chúng ta tôn kính Người - là tự nhiên.
Nhưng đâu sao đến đời ta vẫn dựng
Cả những điều đã cho người ngoan đạo,
Chia sẻ cho người đang say đắm tình yêu

Và khuất phục sức mạnh quyền uy,
Con gửi cha những tờ giấy
Cả ý nguyện mà cha chưa rõ,
Ẩn ý gì cha sẽ thấy trong đây...

Cha sẽ tìm trong tim lời bảo chữa
Cho lòng quả cảm và táo bạo của con -
Cha đã đặt những bài ca vào ngực -
Yêu cha, con dâng chúng cho cha.

SI-LƠ HAI BÀI XÔ-NÊ

I

Tôi đã thấy một chàng trai tuyệt đẹp.
Đi vào nhà như một vị thánh thần,
Tia chớp sáng trong đôi tay ấy
Trí tuệ chàng ngập ý tưởng quyền uy
Trong điệu múa vòng trên ba nữ thần Ha-rít
Hoạt bát, ngọt ngào vậy kìa lấy chàng
Niềm hân hoan thiên nhiên ngự trị.
Trời đắm say trên trái đất nghiêng mình.

Dù chàng đưa ánh mắt liếc tới đâu;
Ở đấy hình thức nội dung, đan quyền,
Cái đẹp vươn tới tâm vi đại,
Cái đau tan biến, hạnh phúc nở hoa.
Sự sống lan tràn, ca hát, vui tươi
Thời gian vinh hằng tìm được sự trẻ trung!

II

Nguồn vui của chàng là ở trong tim

Chàng ôm thế giới này sung sướng vô biên

Không chút ngập ngừng, thế giới

thần linh ca ngợi;

Mắt sáng bừng chàng vút tới thiên đường -

Chang rút thành nguồn những tia nắng mặt trời;

Và tâm hồn ấm lên bằng sắc đẹp;

Bằng âm nhạc bạc vàng, đầy sống động;

Vút tăng cao tới tinh thần thế giới.

Trong rừng thưa các thiếu nữ đẹp xinh

Sẽ hái hoa trang điểm cho chàng.

Nhỏ nước mắt trong cơn xúc động.

Chàng hôn những bông hoa móm mại

Và bằng những vòng hoa chàng kết bện cuộc đời

Thanh khiết sáng ngời như ngọn lửa.

GƠ-TÔ

HAI BÀI XÔ-NÊ

I

Từ núi xa đứng ứng ứng một khối khổng lồ,

Bão trượng phủ di, mang phép màu,

Các thiên thần xung quanh, bay lượn

Bao phủ một luồng hơi mát lạ kỳ.

Mỉm cười, ông nhìn vào xa thăm,

Những con người chạy ngược chạy xuôi

Trong lòng ông bình yên và ánh sáng,

Cả nỗi buồn lẫn cái họ ước mơ!

Rồi ông cầm đàn lướt của mình,

Âm thanh của nó như mặt trời và trái đất quay

Thấy thần linh khoái trào bắt tử,

Tươi ánh huy hoàng và phép tiên

Ông không mang bầu trời xuống đất -

Ông ném ngọn lửa trái đất lên trời.

II

Các thiên thần sinh ra trong sâu thẳm

Cổ tinh thần thế giới, phép tiên;

Di vào sáng tạo - tiếp xúc lửa hồng,

Con người bay lên cao, từ những bình nguyên thấp.

Ngọn lửa vẽ đẹp vàng son, vĩnh viễn tuyệt vời

Đem lại cho đàn tía tiếng hát

Mặc cho đôi khi bóng đen bao phủ -

Vẫn tỏ sáng ngời sắc đẹp diệu kỳ.

Chúa sẽ không cảm thấy cùng các vị,

Thần thánh tự vui thú, bản thân

Số phận đã tặng một miền tươi sáng.

Họ thấy đầu dòng chảy bản của chúng ta.

Hãy đến nơi miền cao ấy -

Ánh sáng sẽ gần, đêm tối sẽ xa.

NGUYỄN VỌNG

Tôi muốn nhún tằm hớn
 Trong đại dương đầy chết chóc,
 Thở cả trái tim ra thành hơi thở.
 Trút bỏ hết đi nỗi khổ buồn đau!

Tất cả lặng im. Bão o đến lắng xuống,
 Mà trong tim ngọn lửa vẫn còn,
 Con quỷ nào trong tim gào khóc,
 Cười khà khà và trách móc số phận mình.

Các vị đã quyết - công trời sẽ mở,
 Tất nhiên là giành cho các vị.
 Và tinh thần nơi đó sẽ mãi mãi vinh hằng...
 Mọi cái nát rối và tất bật lằng xằng.

Đối với tôi, linh hồn, trời là gì? Qua tất!
 Người, giấc mộng tình vinh hạnh vô bố!
 Vì cái tôi ỉn còn trong ngực
 Không biết Chúa cũng chẳng biết thời gian...

Niềm vui tôi hít thở vào mình
 Đi qua như tia chớp - thế là xong

Giờ tôi quăng nó lên con sóng,
 Mặc nó biến vào cõi biệt tam.

Nó tình khiết chỉ một lần, mà vĩnh cửu.
 Nó giết đi toàn bộ niềm vui.
 Và hạnh phúc sẽ biến đi thối thoát
 Sẽ chỉ còn lại một cái bóng mà thôi.

Còn nỗi đau - cùng chúng ta, còn lại,
 Một khi Chúa tình thần sẽ gửi cho
 Những thế giới hoang vu dần dần
 Điều múa vòng cuộc đời buồn chán.

Dám ý nghĩ tối đen - những đàn yêu phụ
 Xé nát trái tim đau khổ;
 Dám điều vĩnh cửu - đáng sợ hơn bão táp,
 Chúng kết liễu các ước mơ.

Tôi trống rỗng, chúng hoàn toàn dẽ bẹp.
 Theo dòng chảy chúng mang tôi đi lên
 Bằng những cơn sóng nóng
 Qua đại dương thổ giới bao la.

Tôi phải đắm mình trong niềm tin,
 Bị nó dẽ bẹp, phải sống trong tâm tín.
 Không bị thế giới, bầu trời khinh bỉ.
 Với lời nguyện rửa đời đời trên trần?

Sự quay vòng những điều vinh hạnh của các vị
 Và vương quốc nặng nề của chúng là gì?
 Trong vòng tay hủy diệt
 Tôi sẽ ném mọi cái chết trong khoảnh khắc ngọt ngào.

Hãy phụng sự Chúa đi nếu muốn -
 Các vị đã bay lên từ trong lòng Người.
 Các vị đừng dân hòa tôi với Chúa.
 Tôi với Người đã mãi mãi xa nhau.

Mặc nỗi đau, tranh đấu, cháy ước mơ
 Sẽ cùng tôi thành tro bụi, vào thế giới hư vô.
 Và mặc hai giọt lệ từ lòng nuôi tiếc
 Sẽ từ trên trời rơi xuống đất.

NGƯỜI ĐÀN BÀ MÙ BA-LÁT

Bà ngồi trong căn phòng nhỏ tối tăm;
 Mà mái nhà sắp sập.
 Buồn bã tấm hồn trống trải;
 Và mỗi buồn đẻ nặng trái tim.
 Và vang lên trầm trầm từ sâu thẳm con tim,
 Nơi thần hạnh phúc yên giấc ngủ quên.

Các vị biết ngọn lửa mặt trời,
 Vững đứng bằng lên trên các vị,
 Và cuộc đời trước các vị đẹp sao
 Và chân thành vượt xa các vị.
 Thần thánh đau tốt với tôi,
 Tôi không biết niềm vui, chỉ một điều lo lắng.

Ảnh sáng không vào qua chương ngại
 Làm tôi nhìn toàn màu đen tối
 Quả vật mừng trước nỗi khổ đau,
 Không cho tôi thấy toàn bộ địa cầu.
 Tôi đứng hoài trong sa mạc vắng,
 Không chỉ cho tôi con đường tôi chung lòng nở hoa.

Tôi nghe tiếng sục sôi của biển,
 Tiếng gào bão tố không ngơi.
 Tiếng hát của gió vang trong ghềnh đá.
 Và tiếng ầm ào dai dẳng sóng ngoài khơi.
 Tôi nghe thấy tất cả mùa đông công lại,
 Còn mùa xuân - gió phàng phất mãi thơm.

Tôi có thể chạm cái thờ kêu.
 Nó sẽ không rời khỏi tay trần tục.
 Tôi không rời những người đáng sợ -
 Thần nào đó đã cử họ xuống trần gian.
 Nhưng chỉ có ánh mắt bất nhìn cái đẹp

Sự quay vòng những điều vinh hắng của các vị
 Và vương quốc nặng nề của chúng là gì?
 Trong vòng tay hủy diệt
 Tôi sẽ ném mũi cái chết trong khoảnh khắc ngọt ngào.

Hãy phụng sự Chúa đi nếu muốn -
 Các vị đã bay lên từ trong lòng Người,
 Các vị đừng dân hòa tôi với Chúa.
 Tôi với Người đi mãi mãi xa nhau.

Mặc nỗi đau, tranh đấu, cháy ước mơ
 Sẽ cùng tôi thành tro bụi, vào thế giới hư vô,
 Và mặc hơi giọt lệ từ lòng nuối tiếc
 Sẽ từ trên trời rơi xuống đất.

NGƯỜI ĐÀN BÀ MÙ BA-LÁT

Bà ngồi trong căn phòng nhỏ tối tăm;
 Mà mái nhà sắp sập.
 Buồn bã tâm hồn trống trải;
 Và nỗi buồn đè nặng trái tim.
 Và vang lên trầm trầm từ sâu thẳm con tim,
 Nơi thần hạnh phúc yên giấc ngủ quên.

Các vị biết ngọn lửa mặt trời,
 Vững đứng bùng lên trên các vị,
 Và cuộc đời trước các vị đẹp sao
 Và thần thánh vượt xa các vị.
 Thần thánh đáp tốt với tôi,
 Tôi không biết niềm vui, chỉ một điều lo lắng.

Ánh sáng không vào qua cửa sổ ngoài
 Làm tôi nhìn toàn màu đen tối
 Quái vật mừng trước nỗi khổ đau,
 Không cho tôi thấy toàn bộ địa cầu.
 Tôi đứng hoài trong sa mạc vắng,
 Không chỉ cho tôi con đường tôi thung lũng nở hoa.

Tôi nghe tiếng gục sấp của biển,
 Tiếng gào bão tố không ngại,
 Tiếng hát của gió vang trong ghềnh đá.
 Và tiếng ám ảo dai dẳng sóng ngoài khơi.
 Tôi nghe thấy tất cả mùa đông cồng kềnh,
 Còn mùa xuân - gió phảng phất mùi thơm.

Tôi có thể chêm cái thơ kệch.
 Nó sẽ không rời khỏi tay trần tục.
 Tôi không rời những người đáng sợ -
 Thần nào đó đã cử họ xuống trần gian.
 Nhưng chỉ có ánh mắt bất nhìn cái đẹp

Sự quay vòng những điều vinh hắng của các vị
 Và vương quốc nặng nề của chúng là gì?
 Trong vòng tay hủy diệt
 Tôi sẽ ném mũi cái chết trong khoảnh khắc ngọt ngào.

Hãy phụng sự Chúa đi nếu muốn -
 Các vị đã bay lên từ trong lòng Người,
 Các vị đừng dân hòa tôi với Chúa.
 Tôi với Người đi mãi mãi xa nhau.

Mặc nỗi đau, tranh đấu, cháy ước mơ
 Sẽ cùng tôi thành tro bụi, vào thế giới hư vô,
 Và mặc hơi giọt lệ từ lòng nuối tiếc
 Sẽ từ trên trời rơi xuống đất.

NGƯỜI ĐÀN BÀ MÙ BA-LÁT

Bà ngồi trong căn phòng nhỏ tối tăm;
 Mà mái nhà sắp sập.
 Buồn bã tâm hồn trống trải;
 Và nỗi buồn đè nặng trái tim.
 Và vang lên trầm trầm từ sâu thẳm con tim,
 Nơi thần hạnh phúc yên giấc ngủ quên.

Các vị biết ngọn lửa mặt trời,
 Vững đứng bùng lên trên các vị,
 Và cuộc đời trước các vị đẹp sao
 Và thần thánh vượt xa các vị.
 Thần thánh đáp tốt với tôi,
 Tôi không biết niềm vui, chỉ một điều lo lắng.

Ánh sáng không vào qua cửa sổ ngoài
 Làm tôi nhìn toàn màu đen tối
 Quái vật mừng trước nỗi khổ đau,
 Không cho tôi thấy toàn bộ địa cầu.
 Tôi đứng hoài trong sa mạc vắng,
 Không chỉ cho tôi con đường tôi thung lũng nở hoa.

Tôi nghe tiếng gục sấp của biển,
 Tiếng gào bão tố không ngại,
 Tiếng hát của gió vang trong ghềnh đá.
 Và tiếng ám ảo dai dẳng sóng ngoài khơi.
 Tôi nghe thấy tất cả mùa đông cồng kềnh,
 Còn mùa xuân - gió phảng phất mùi thơm.

Tôi có thể chêm cái thơ kệch.
 Nó sẽ không rời khỏi tay trần tục.
 Tôi không rời những người đáng sợ -
 Thần nào đó đã cử họ xuống trần gian.
 Nhưng chỉ có ánh mắt bất nhìn cái đẹp

Sự quay vòng những điều vinh hắng của các vị
 Và vương quốc nặng nề của chúng là gì?
 Trong vòng tay hủy diệt
 Tôi sẽ ném mũi cái chết trong khoảnh khắc ngọt ngào.

Hãy phụng sự Chúa đi nếu muốn -
 Các vị đã bay lên từ trong lòng Người,
 Các vị đừng dân hòa tôi với Chúa.
 Tôi với Người đi mãi mãi xa nhau.

Mặc nỗi đau, tranh đấu, cháy ước mơ
 Sẽ cùng tôi thành tro bụi, vào thế giới hư vô,
 Và mặc hơi giọt lệ từ lòng nuôi tiếc
 Sẽ từ trên trời rơi xuống đất.

NGƯỜI ĐÀN BÀ MÙ BA-LÁT

Bà ngồi trong căn phòng nhỏ tối tăm;
 Mà mái nhà sắp sập.
 Buồn bã tâm hồn trống trải;
 Và nỗi buồn đè nặng trái tim.
 Và vang lên trầm trầm từ sâu thẳm con tim,
 Nơi thần hạnh phúc yên giấc ngủ quên.

Các vị biết ngọn lửa mặt trời,
 Vững đứng bùng lên trên các vị,
 Và cuộc đời trước các vị đẹp sao
 Và thần thánh vượt xa các vị.
 Thần thánh đáp tốt với tôi,
 Tôi không biết niềm vui, chỉ một điều lo lắng.

Ánh sáng không vào qua cửa sổ ngoài
 Làm tôi nhìn toàn màu đen tối
 Quái vật mừng trước nỗi khổ đau,
 Không cho tôi thấy toàn bộ địa cầu.
 Tôi đứng hoài trong sa mạc vắng,
 Không chỉ cho tôi con đường tôi thung lũng nở hoa.

Tôi nghe tiếng sục sôi của biển,
 Tiếng gào bão tố không ngại,
 Tiếng hát của gió vang trong ghềnh đá.
 Và tiếng ám ào dai dẳng sóng ngoài khơi.
 Tôi nghe thấy tất cả mùa đông cồng kềnh,
 Còn mùa xuân - gió phảng phất mùi thơm.

Tôi có thể chêm cái thơ kệch.
 Nó sẽ không rời khỏi tay trần tục.
 Tôi không rời những người đáng sợ -
 Thần nào đó đã cử họ xuống trần gian.
 Nhưng chỉ có ánh mắt bất nhìn cái đẹp

Sự quay vòng những điều vinh hắng của các vị
 Và vương quốc nặng nề của chúng là gì?
 Trong vòng tay hủy diệt
 Tôi sẽ ném mũi cái chết trong khoảnh khắc ngọt ngào.

Hãy phụng sự Chúa đi nếu muốn -
 Các vị đã bay lên từ trong lòng Người,
 Các vị đừng dân hòa tôi với Chúa.
 Tôi với Người đi mãi mãi xa nhau.

Mặc nỗi đau, tranh đấu, cháy ước mơ
 Sẽ cùng tôi thành tro bụi, vào thế giới hư vô,
 Và mặc hơi giọt lệ từ lòng nuối tiếc
 Sẽ từ trên trời rơi xuống đất.

NGƯỜI ĐÀN BÀ MÙ BA-LÁT

Bà ngồi trong căn phòng nhỏ tối tăm;
 Mà mái nhà sắp sập.
 Buồn bã tâm hồn trống trải;
 Và nỗi buồn đè nặng trái tim.
 Và vang lên trầm trầm từ sâu thẳm con tim,
 Nơi thần hạnh phúc yên giấc ngủ quên.

Các vị biết ngọn lửa mặt trời,
 Vững đứng bùng lên trên các vị,
 Và cuộc đời trước các vị đẹp sao
 Và thần thánh vượt xa các vị.
 Thần thánh đáp tốt với tôi,
 Tôi không biết niềm vui, chỉ một điều lo lắng.

Ánh sáng không vào qua cửa sổ ngoài
 Làm tôi nhìn toàn màu đen tối
 Quái vật mừng trước nỗi khổ đau,
 Không cho tôi thấy toàn bộ địa cầu.
 Tôi đứng hoài trong sa mạc vắng,
 Không chỉ cho tôi con đường tôi thung lũng nở hoa.

Tôi nghe tiếng gục sấp của biển,
 Tiếng gào bão tố không ngại,
 Tiếng hát của gió vang trong ghềnh đá.
 Và tiếng ám ảo dai dẳng sóng ngoài khơi.
 Tôi nghe thấy tất cả mùa đông cồng kềnh,
 Còn mùa xuân - gió phảng phất mùi thơm.

Tôi có thể chêm cái thơ kệch.
 Nó sẽ không rời khỏi tay trần tục.
 Tôi không rời những người đáng sợ -
 Thần nào đó đã cử họ xuống trần gian.
 Nhưng chỉ có ánh mắt bất nhìn cái đẹp

Sự quay vòng những điều vinh hắng của các vị
 Và vương quốc nặng nề của chúng là gì?
 Trong vòng tay hủy diệt
 Tôi sẽ ném mũi cái chết trong khoảnh khắc ngọt ngào.

Hãy phụng sự Chúa đi nếu muốn -
 Các vị đã bay lên từ trong lòng Người,
 Các vị đừng dân hòa tôi với Chúa.
 Tôi với Người đi mãi mãi xa nhau.

Mặc nỗi đau, tranh đấu, cháy ước mơ
 Sẽ cùng tôi thành tro bụi, vào thế giới hư vô,
 Và mặc hơi giọt lệ từ lòng nuối tiếc
 Sẽ từ trên trời rơi xuống đất.

NGƯỜI ĐÀN BÀ MÙ BA-LÁT

Bà ngồi trong căn phòng nhỏ tối tăm;
 Mà mái nhà sắp sập.
 Buồn bã tâm hồn trống trải;
 Và nỗi buồn đè nặng trái tim.
 Và vang lên trầm trầm từ sâu thẳm con tim,
 Nơi thần hạnh phúc yên giấc ngủ quên.

Các vị biết ngọn lửa mặt trời,
 Vững đứng bùng lên trên các vị,
 Và cuộc đời trước các vị đẹp sao
 Và thần thánh vượt xa các vị.
 Thần thánh đáp tốt với tôi,
 Tôi không biết niềm vui, chỉ một điều lo lắng.

Ánh sáng không vào qua cửa sổ ngoài
 Làm tôi nhìn toàn màu đen tối
 Quái vật mừng trước nỗi khổ đau,
 Không cho tôi thấy toàn bộ địa cầu.
 Tôi đứng hoài trong sa mạc vắng,
 Không chỉ cho tôi con đường tôi thung lũng nở hoa.

Tôi nghe tiếng gục sùi của biển,
 Tiếng gào bão tố không ngại,
 Tiếng hát của gió vang trong ghềnh đá.
 Và tiếng ám ào dai dẳng sóng ngoài khơi.
 Tôi nghe thấy tất cả mùa đông cồng kềnh,
 Còn mùa xuân - gió phảng phất mùi thơm.

Tôi có thể chêm cái thơ kệch.
 Nó sẽ không rời khỏi tay trần tục.
 Tôi không rời những người đáng sợ -
 Thần nào đó đã cử họ xuống trần gian.
 Nhưng chỉ có ánh mắt bất nhìn cái đẹp

Sự quay vòng những điều vinh hắng của các vị
 Và vương quốc nặng nề của chúng là gì?
 Trong vòng tay hủy diệt
 Tôi sẽ ném mũi cái chết trong khoảnh khắc ngọt ngào.

Hãy phụng sự Chúa đi nếu muốn -
 Các vị đã bay lên từ trong lòng Người,
 Các vị đừng dân hòa tôi với Chúa.
 Tôi với Người đi mãi mãi xa nhau.

Mặc nỗi đau, tranh đấu, cháy ước mơ
 Sẽ cùng tôi thành tro bụi, vào thế giới hư vô,
 Và mặc hơi giọt lệ từ lòng nuối tiếc
 Sẽ từ trên trời rơi xuống đất.

NGƯỜI ĐÀN BÀ MÙ BA-LÁT

Bà ngồi trong căn phòng nhỏ tối tăm;
 Mà mái nhà sắp sập.
 Buồn bã tâm hồn trống trải;
 Và nỗi buồn đè nặng trái tim.
 Và vang lên trầm trầm từ sâu thẳm con tim,
 Nơi thần hạnh phúc yên giấc ngủ quên.

Các vị biết ngọn lửa mặt trời,
 Vững đứng bùng lên trên các vị,
 Và cuộc đời trước các vị đẹp sao
 Và thần thánh vượt xa các vị.
 Thần thánh đáp tốt với tôi,
 Tôi không biết niềm vui, chỉ một điều lo lắng.

Ánh sáng không vào qua cửa sổ ngoài
 Làm tôi nhìn toàn màu đen tối
 Quái vật mừng trước nỗi khổ đau,
 Không cho tôi thấy toàn bộ địa cầu.
 Tôi đứng hoài trong sa mạc vắng,
 Không chỉ cho tôi con đường tôi thung lũng nở hoa.

Tôi nghe tiếng gục sùi của biển,
 Tiếng gào bão tố không ngại,
 Tiếng hát của gió vang trong ghềnh đá.
 Và tiếng ám ảo dai dẳng sóng ngoài khơi.
 Tôi nghe thấy tất cả mùa đông cồng kềnh,
 Còn mùa xuân - gió phảng phất mùi thơm.

Tôi có thể chêm cái thơ kệch.
 Nó sẽ không rời khỏi tay trần tục.
 Tôi không rời những người đáng sợ -
 Thần nào đó đã cử họ xuống trần gian.
 Nhưng chỉ có ánh mắt bất nhìn cái đẹp

Rõ ràng ánh mặt trời
Đã làm nó lóa mắt,
Phép lạ của các mùa xuân
Trong ánh sáng biến mất,
Nó biết sự hùng vĩ,
Ngoài ra chẳng biết gì.

Trong nó không bài hát
Với âm thanh tuyệt vời,
Trong nó không bài ca
Như phép màu của trời,
Như ngọn lửa ngọt ngào,
Để trái tim thiếu đốt.

Chim nhỏ thân yếu ớt,
Đừng tìm cách bay cao
Lên tầng mây, đùa giỡn
Đường của chim không phải thế.
Hát lên đi, chim nhỏ thân yếu,
Đừng làm dọi bằng nhé.

Chim nhỏ ơi! Hãy bay xuống.
Đậu lên bàn tay ta,
Hãy hát vang bài ca,
Bài ca mùa xuân,
Nhưng chim ơi, đừng lén
Trong ngọn lửa bỡ ngỡ.

NHỮNG CA SĨ

BA-LÁT

Có hội có những ca sĩ
Những chàng trai, rất tốt,
Họ xét đoán mọi điều
Bao giờ cũng dứt khoát.

Một người từng sành hát,
Quả là phép nhiệm màu.
Đường như thế giới chật
Với niềm vui của chàng.

Nhưng nghệ thuật của chàng
Toàn là để phô trương,
Rất tỉnh của giả tạo
Trên ngập trong người chàng.

Những người khác thân phục
Nhìn chàng ca sĩ này,
Tiếng thì thào tán thưởng
Chàng nghe nhiều vô tận.

Trò chơi trí tưởng tượng
 Lối cuốn người, hạnh phúc
 Nhưng vô ngoại hào nhoáng
 Giết chết tình cảm chàng.

Nhưng thị đồng hoàng gia
 Có lần đến với chàng,
 Ý mặc nhưng và lụa,
 Với thông điệp thế này:

"Có tiếng đồn các vị -
 Những ca sĩ lừng danh
 Vua mời các vị đến,
 Mau lên, người tài bu!"

"Tin đồn quả không sai,
 Chúng tôi, ca sĩ giới giơng
 Khi được vua mời đến, -
 Chúng ta đi nào, những người cừ khôi!"

Họ đi, cầm đàn lia vàng,
 Con đường không dài lắm,
 Thị đồng đi trước họ,
 Kiêu hãnh uốn ngực cao.

Khi vua đang bất hạnh

Khốn khổ, nỗi hiểm nguy
 Không có người vạ đẹp,
 Chẳng bạn gái tâm tình.

"Ta buồn! Ta muốn nghe
 Xem các người hát ca!
 Ta tìm sự an ủi -
 Để cùng các người kết bạn.

Ca sĩ cất tiếng hát
 Vẻ mặt trời đang mọc,
 Vẻ ánh trăng tuyết với,
 Vẻ điệu múa trời cao.

Một người hát hùng tráng
 Về những ngôi sao vàng,
 Nhưng những bài hát ấy
 Không vừa ý nhà vua

"Ta cần chi khoảng sao trời rộng lớn
 Ta cần chi ngai vàng toả sáng,
 Khi trong tim đau khổ -
 Các người xúc phạm ta.

Và những chiếc lia vàng
 Không làm vạ nỗi đau,
 Nếu bài ca trống rỗng".

Lời nhà vua nói vậy.

Các ca sĩ ngây người.
Nỗi sợ xâm chiếm lòng
Họ muốn cất tiếng hát,
Mà lưỡi tê cứng rồi.

Nhưng một ca sĩ trẻ
Lặng lẽ bước vòng quanh
Đeo vòng hoa tết liễu,
Vòng nguyệt quế trên đầu.

Chàng nhìn, đôi mắt buồn,
Tưởng chàng đầy phiền muộn,
Chàng khóc không thành tiếng,
Lệ nóng củ tuôn rơi.

Chàng đứng, trẻ trung, bẽn lèn,
Giữa đồng cỏ xanh rờn.
Chàng dịu dàng, dần gần
Âm thanh chảy trong veo.

Lời hát ngân ngân buồn,
Nhưng đượm nỗi hân hoan.
Vua trẻ nên rạo rờ.
Ôm ghì chặt lấy chàng

Ông thương ca sĩ trẻ
Như con trai của mình
Nhưng chú bé bỏ chạy,
Làm đám đuổi con tim.

HAI Đứa CON VUA

Người cháu vua lên đường
Tới những xứ sở xa,
Chàng muốn người yêu đầu
Thấy sức mạnh tình yêu
Chàng chạy, chàng bay, không biết mệt.
Mang tình yêu đến cho nàng.

Nàng ngồi trong ghế bành đỏ thắm
Rạng rỡ một nụ cười.
Ý nghĩ nàng trở về những gì trời buột
Mà nàng đặt lên trái tim.
Không gì nhẹ hơn và cũng chẳng chắc hơn,
Những xích xiềng hân tay nào tháo nổi?

Và kia, một hiệp sĩ đến cạnh nàng,
Nước mắt chảy từ đôi mắt,
Chàng lao vào trận nhanh như bão táp,
Nhưng chàng chỉ là đứa trẻ trước nàng.
Trên người chàng xứng xoàng đỉnh thức ngựa.

Ảnh mắt cũng chứa cười mà nhìn chàng.

Bằng cặp mắt không tin

Nàng nhìn chàng -

Mặc áo giáp cháy như ngọn lửa

Hiệp sĩ đứng trước nàng:

"Hiệp sĩ ơi, cái gì làm chàng đến?"

Tiếng nàng ngân trong sáng tựa giọng đàn.

"Ta không thể ở lại

Nơi đây buồn chật hẹp

Ta cần tới phương xa,

Thấu nào gọi ta tới đó

Ta sẽ đi tới nơi đời tuôn chảy xiết,

Để đấu tranh, cho lẽ phải, công bằng.

Ta muốn tận mắt thấy thế giới xa xôi,

Mà chỉ biết qua lời ca ca sĩ,

Ta luôn buồn khi nghe anh ta hát,

Tiếng đàn kia réo rắt không thôi.

Ta lúc đó ước mơ đời sống khác,

Không nên chậm - tâm hồn ta cảm thấy".

Công chúa bởi rồi nhìn,

Khi hiệp sĩ nói vậy,

Nàng cảm phục anh hùng,

Tìm nàng đau thất lại.

Nàng không khen, không lời trách móc -

Ngực chàng chứa chất quyết tâm

"Nhưng, công chúa, tình yêu ta ơi,

Khi ta đi chiến trường dẫm máu

Ta không thể vinh quang tìm kiếm

Nếu chưa trao được nhẫn cho nàng.

Chiếc nhẫn bình dị do thợ khéo làm,

Đổi với người đang yêu - kết giao hạnh phúc".

Với ảnh mắt cười mờ

Nàng cầm chiếc nhẫn hôn

Nước mắt chảy ròng đôi má,

Rồi nàng quay mặt đi.

Họ chỉ còn nhìn nhau lần cuối -

Hiệp sĩ lên đường lăm lăm nguy.

Công chúa ngồi, tiếc từng,

Đã qua đi một năm tròn,

Nàng luôn luôn buồn nhớ,

Hiệp sĩ trung thành chẳng có tin.

"Hay chàng không bao giờ trở lại,

Chàng đã quên lời thề thủy chung?"

Nhưng có tiếng xôn xao kỳ lạ

Ngoài cửa kia, ở đâu đó xa xa.

Kìa cửa mở, đêm người cảm kích

Họ đi thẳng vào phòng
 Tôi hèn nòng họ hát
 Với bài ca trầm buồn.

"Thưa các ông, các bà - xin ngồi xuống,
 Chúng tôi đưa tôi vị anh hùng,
 Vị hôn thê ơi, hãy nhìn chàng.
 Chàng mãi mãi thủy chung
 Còn chúng tôi đã thế với chàng - phục vụ
 Và suốt cuộc đời mãi mãi thủy chung".

Và trong gian phòng đám đông âm ỉ,
 Đưa chàng vào - ánh phản chiếu cùng dấu vết;
 Dấu chàng đã bạc trắng
 Máu trong mạch không còn.
 Cả triều đình bỏ chạy, hoang mang
 Công chúa nhìn không ngớt.

Nàng ghi chàng vào ngực
 Dịu dàng nói với chàng
 "Em có thể chết ngay,
 Miễn đem được cho chàng sự sống!"
 Và hiệp sĩ đứng lên, vượt qua thử thách:
 "Hơi thở tình yêu đem sự sống cho tôi!"

BÀI CA VỀ BÀO

Các người, bắt o tấp, cuồng phong,
 Chẳng lẽ các người không có đường đi?
 Các người lẽ ra có thể mang
 Con phần nô đi qua nhiều nước!

Bối ách của những người nhỏ mọn
 Không áp chế các người,
 Và cái khung bằng xương
 Không che giấu tâm hồn các người.

Các người nên đi vào chiều sâu thế giới
 Để nói lời nguyên rủa
 Thét lên về lòng căm ghét,
 Đen tối trong tâm hồn.

Lẽ ra các người có thể ném
 Vòi rồng, mọi sắt sét lên trời,
 Các người lẽ ra có thể đốt mây,
 Như tia chớp xanh biếc.

Và các người vừa cất tiếng hát
 Một giai điệu hèn nhún.

Khấp thế giới chệt vật lè bước
Lại thấy mình suy yếu đi.

Giai điệu từ miệng các người
Không vang lên kéo dài.
Nó không ngân nổi u buồn
Đường như nó trầm và rộng tuếch.

Thân thể thì tinh thần tôi trôi buớc,
Còn trời trôi buớc ý nghĩ tôi.
Cái tồn tại trên trần gian
Đâu đâu cũng có giới hạn.

Tìm đập kầu như thế.
Nhưng tìm không được bảo vệ,
Và vì tia chớp
Nó từ giả cuộc đời.

Nó vẫn nổi sóng gió
Và không sợ tai họa.
Nó hân hoan, đau khổ,
Nổi sợ hãi hoàn toàn không có.

Tất cả các người phải cúi đầu trước nó,
Trọng nó sức mạnh, mong muốn bay cao.
Các người là một chuỗi gió,
Tên bão táp không hợp với các người.

Ta bé gà y mọi xích xiềng
Và ta sẽ bay lên trời.
Ta đốt bùng đám cháy
Và sẽ ôm trọn thế gian.

Đường ta đi thẳng tắp
Ta sẽ phá đổ núi
Ta sẽ yêu cầu Chúa cùng thế giới
Cung cấp bản tường trình.

Người, bầu trời, hà y rơi xuống.
Ta sẽ ngã cùng người.
Bị khối khổng lồ đè bẹp,
Ta sẽ vẫn là ta.

Khi ta đang dần chết,
Ta sẽ gửi cho thánh thần và tồn tại
Lời nguyện rủa của ta
Và nỗi đau dữ tợn của ta.

ÔNG GIÀ TÌNH CA GỒM SÁU BÀI

I

Ông già ngồi bên biển.
Cạnh ông một chú bé,
Đưa mắt nhìn lên núi,
Theo chiều gió bay bay.

Vì gánh nặng đè trĩu
Trong tâm hồn lặng câm,
Mãi dấu ông bất động,
Miệng ông không thốt lời.

Với nỗi buồn sâu sắc
Đứa con trai nhìn ông,
Nước mắt chảy thành dòng,
Và cậu nói:

"Cha thân yêu, những làn sóng
Vang lên thật diệu kỳ
Phân sắc trời tuyệt đẹp,
Vì sao cha không vui?"

II

Ông già đưa ánh mắt
Lệ dề nhìn chú bé,
Ý nghĩ ông lờn vồn nơi xa,
Ông không vội nói lời.

"Không, chưa chắc cha sẽ
Tân dương niềm vui sướng,
Đúng ra cha coi trọng
Nỗi buồn và khổ đau".

"Con có được phép hỏi,
Lúc nào cha sẽ nói con nghe,
Cha đang nói nỗi đau nào vậy,
Cái gì làm đau trái tim cha?"

"Bây giờ cha chưa nói,
Làm thế phòng ích gì?
Sẽ đến giờ - con sẽ thấy nơi - nơi,
Nỗi buồn và sẽ biết bốn phận mình".

III

Với ánh mắt không dừng
Ông già nhìn con trẻ,
Ông ghi sáu con vào ngực

Niềm vui, nỗi hân hoan.

Với bàn tay lộng lè
Ông chỉ còn sống còn,
Như thể chúng mang theo
Những kho báu trên gian.

Rồi ông buồn bã nhìn,
Như trong giây lát trước,
Chỉ có gió thổi thì như đưa đám
Thổi trong mồ lúc bạc ông.

Còn chú bé thấy sụp là lỵ,
Nhưng lời của cha
Luôn rộn ràng trong ngực
Cứ mãi như mệnh mệnh

IV

Ông già đứng sát biển
Cùng với con trai mình,
Niềm vui sáng trong mắt,
Vẫn mãi làm ông vui.

"Như sóng lấp lánh sự sôi,
Chỉ theo ý tạo hóa
Cùng vậy chúng ta cần thoải mái,

Để sống mãi đời đời.

Nhưng bọn áp bức đến bằng đường biển,
Đem theo xiềng xích, kiếm gươm
Từ ấy chúng ta chịu nhiều đau khổ
Trên mảnh đất quê hương.

Dân chúng đứng dậy trong một đêm buồn chán
Tranh đấu vì tự do;
Ngày mai con cũng có thể
Thủ súng trong đấu tranh".

V

Ông già ngồi bên biển
Trong đêm, mãi trong đêm
Với ánh mắt sáng
Như tia nắng mặt trời.

Trước mặt ông biển rộng
Đưa mắt nhìn nơi kìn
Xem những con sóng bạc
Có mang tàu chiến không.

Sóng biển cứ mệnh mệnh
Ánh mắt xa vươn mãi
Con trai vào trận chiến

Chàng có sớm trở về?

Chính ông nói: "Hãy chiến đấu cho quyền lợi!"
 Và con trai đã bay đi
 Để vứt bỏ những xích xiềng
 Kẻ thù hiểm độc quàng lên xứ sở.

VI

Và ông nghe thấy - xa xa
 Văng vẳng bài ca chiến thắng.
 "Kẻ thù xảo quyệt bị đánh,
 Xứ sở được tự do!"

Những con tàu vội vã
 Trở về nơi bình yên
 Con trai bước lên bờ tuyết đẹp,
 Ánh mắt rực lửa hồng.

Toàn thân nhuốm màu đào
 Chàng hiện ngang vòm hoa trang điểm.
 Chàng lặng lẽ đến gần cha,
 Mắt long lanh rực lửa.

Ông ghi con vào ngực.
 Niềm vui trên trán rạn nẻ.
 Rồi linh hồn rời bỏ ông đi
 Thân thể ông nằm đấy, trên đất.

NỮ THẦN SÔNG RANH

BA-LÁT

Chàng trai đến sông Ranh
 Sông lấp lánh làm sao!
 Chàng nhìn sông không ngớt,
 Xuyên thấu tận đáy sông.

Và chàng không thể nào
 Thờ ắp không khí mai,
 Lồng ngực trẻ
 Không hấp thu được nỗi mừng.

Chàng thở dài, đau khổ,
 Tiếng thò tứ tám can
 Nước mắt rơi trên má
 Nặng một nỗi ưu sầu.

Trong mơ ước ngọt ngào, buồn bã
 Chàng nhìn xuống sông sâu
 Trán chàng rực nóng bỏng,
 Cảm như người đang sôi cao.

Còn khi trong bóng chiều
Mặt trời đang dần lặn,
Trước khi mặt trời tắt,
Má chàng bóng ứng hồng.

Mạch chàng đập mạnh hơn,
Và trán chàng hăm hập.
Dường như ánh mắt rực cháy
Vui tươi và sáng bừng.

"Chẳng lẽ ta phải chào nàng, -
Chàng thốt lên với sóng, -
Và đón nàng trong nhà xanh,
Ta phải làm thế chàng?

Ta nghe hơi thở của gió,
Như dòng nước đang hát:
Ta thấy sóng lấp lánh,
Vội vã trào phía trước.

Nhưng cần chi ngọt ngào.
Một sắc màu sắc sỡ.
Sự lộng lẫy ấy không làm vui,
Ước mơ của ta đâu phải thế!

Ta biết, con sóng ơi.

Sắc màu người ẩn chứa
Dù người ngủ, lặng thinh,
Dù người chạy, phi nhanh

Chiều sâu người giấu kín,
Vì nụ cười tuyệt đẹp
Đang sai khiến, ngự trị
Toàn bộ một bước xanh.

Thực thể ấy xa lạ
Vội xò sở trên gian
Phép thần ấy xa lạ
Đối với cả con người.

Ước mơ ta luôn hướng tới sông này,
Và chỉ hướng tới nơi này thôi
Người ta không bao giờ có thể
Dùng xích xiềng trói buộc được ta".

Con sóng âm ào lời từ biệt,
Ám thanh vang nghiệt ngà
"Ta lại buồn bã ra đi,
Rời xa mãi bến bờ!"

Chàng trai nhìn con sóng,
Ánh mặt trắng tỏa vàng

Khuôn mặt chẳng soi bóng
Buồn bã đóng sông Rơnh.

Tiếng nói, nhịp nhằng cơn gió
Bỗng vang lên trên sông
Chàng trai nghe thấy rụt rề.
Cơn sóng bên im lặng.

"Chàng hoài cọng chất mãi nói buồn,
Ta cho chàng lời khuyên:
Chàng chỉ nghe tiếng ta
Chứ không hề nhìn thấy!"

Chàng nghe thấy - xốn xang tình cảm
Trong lòng thấy hạo diện hơn
Chàng muốn nhìn thấy nữ thần.
Và không trở nên tình tảo.

"Dù bốn phần uy nghi kêu gọi -
Ta không muốn quay về
Nữ thần ơi, hãy cho ta thấy
Khuôn mặt rực rỡ của nàng".

"Ta phải cúi trước lời cầu khẩn,
Hỡi con người thật đáng yêu ơi,
Có điều chàng phải đợi đợi,

Già từ cuộc sống ấy!"

Và trong hùng vĩ quyền uy
Nữ thần bơi theo cơn sóng,
Hưng hờ lặn sâu dòng nước -
Chàng trai đã không còn.

BỘT

Cơn sóng ri rầm lách qua lên dả,
Tràn xung quanh thành những đám sáng ngời,
Những đám sáng tràn nhanh sự sôi bề mặt
Sủi bọt, rồi bỗng bật tung thành muôn tia lửa.

Sóng đỏ xuống lâu như thác nước,
Che phủ ghềnh đá đơn côi,
Và bong bóng bọt đã dâng lên,
Nổi bập bênh trong những vầng đầy tia lửa.

Bọt lúc sáng, bọt làm lóa mắt,
Gọi tôi xuống từ những mỏm đá xung quanh,
Tôi sẽ lao xuống dưới nơi sóng i âm,
Sẽ tắm trong những sắc màu kỳ diệu.

Và tôi muốn tới nơi kia sâu thẳm.

Sức mạnh tôi cao như đề nư tôi.
 Từ hân đã tôi nhảy vào con sông.
 Sông uốn xuo như cuốn hút lấy tôi.

Người đứng trên cao, thân lâu của tôi
 Cứ chỉ của tôi - anh không sao gần thích
 Anh bạn tôi cười, mắng mỏ,
 Anh không thể ngăn tôi nhảy được đâu.

Còn tôi nhìn bọt nước xung quanh.
 Và tìm tôi thấy sao là lạ.
 Dầu sẽ quay cuồng, đời nhiên tôi muốn
 Cảm thụ phút giây khoái lạc khó thành lời.

"Ôi lấp lánh sao và óng ánh làn sao,
 Tất cả bay như mây trời đang lượn,
 Trái tim như lên trời cất cánh
 Đường như bọt bay nâng đẩy tôi lên.

Tôi không còn được thấy óng ánh sắc màu,
 Không thấy khói dâng cao tuyết trắng,
 Dưới mắt lạnh, thở tự do đến thế,
 Thấy vui mừng và cảm xúc trào dâng.

Ở đây niềm hân hoan nào trên ngực tôi hôn,
 Ta bay lượn cách xa thế giới phù du.

Hàng sì nào đạt tới điều như vậy?
 Tất cả đường như dệt rất mỏng manh".

Tôi không kim giây niềm vui được nữa.
 Bọt nước kia xa dòng rủa mặt
 Tôi gửi bọt vào ngực vực sâu.
 Tôi quá cảm đi sâu vào lòng chảy.

Ánh sáng vàng chiếu rọi mắt tôi,
 Tôi dùng đây, ra khỏi chiếc giường bọt,
 Nhưng ở nơi trên đây vẻ đẹp,
 Sóng chỉ xô, tiêu diệt ước mơ.

Những giọt lệ từ mắt tôi tuôn chảy -
 "Chính người đã thấy vẻ đẹp hào quang.
 Nó xuất hiện chỉ trong giây lát.
 Như mây, hoa, ngào ngọt hương thơm...

Nhưng làm sao được trái tim và cơn khát?
 Nó muốn đi vào cõi tử hân trong.
 Tươi khắp mình bọt nước long lanh -
 Ước mơ kia nó đã dành từ bắt"

Người sẽ đi - chạy theo cầu đẹp
 Và nghi - thần thành nghe lời cầu.
 Người lao sâu - rồi sẽ ra sao?
 Điều tuyệt diệu không còn thấy nữa!

HIỆN TƯỢNG

Khi ánh chiều của tâm hồn
 Và chuỗi tiếng thơ dài,
 Tiếng mê sáng đời thường
 Kết hợp với
 Tia sáng vàng của lý trí.
 Lời thiêng của Thánh thần?

Hay là trong sương mù chạng vạng
 Tôi phải mở i lang thang.
 Đấy đấy những ý muốn lạ lùng,
 Với ước mơ kết bạn?
 Hoàn toàn khép kín trong tôi
 Và quay lưng tránh sự tìm tôi?

Thế thì ước vọng để làm chi?
 Và dòng hải lưu suy tư?
 Tôi nghĩ – chính là sự bay tạt
 Mà Chúa trời gửi xuống cho tôi
 Là nào cái chỉ do nước mắt âm i dề ra
 Đều là những ước mơ trống rỗng?

Và tôi sẽ chỉ đi

Còn đường của thiên cầu,
 Vừa nhòm lên phía trên
 Là tôi quên sự lún bấp của ảo tưởng.
 Tôi nghe tiếng động cảm:
 "Người muốn gì ở nấc thang tri thức?"

Bước người đi quá thỏ, trần tục
 Nó làm hoen ố miếu Thánh hiến.
 Trò vui làm người nở gan nở ruột? -
 Người hãy dừng ở cửa này!
 Nếu người say mê tâm sâu,
 Người sẽ uống say, thất vọng!

Trong buồn phiền người phải
 Cúi xuống trước mục tiêu
 Lựa lối ở đằng xa,
 Phải hiểu mình và thế giới xung quanh
 Phải nhận thức mọi trò chơi, mọi thế lực sai hàng
 Người đừng mong gì hơn thế!"

Ở đây từ trên trời bay xuống
 Một sinh vật tối lành
 Khẽ khẽ buông lời,
 Như phép lạ:
 "Sợ hãi cùng ngờ vực
 Và giãy vò mãi để làm chi?"

Cả bóng tối, cả ánh sáng bầu trời

Đã kết thân nhau, người hãy thấy.
 Trong người, người hãy kết
 Các kẻ thù chặt chẽ vậy đi.
 Nếu người át đi một lời kêu gọi
 Thì Người đã bẻ gãy cả hai vào trận.

Người hãy để cuộc chơi lại cho trái tim.
 Và để ý nghĩa lại cho trời.
 Và với ta làm mới giới
 Người hãy giải thoát chúng khỏi hận thù.
 Khi chúng hoàn toàn hòa vào nhau.
 Người có thể đem mình trung vai sống.

Người từ lâu đã biết ta.
 Tôi ta, người biết đường.
 Và người thường chạy vào lòng ta
 Sau khi người thấm mệt.
 Người hãy hoàn toàn là thần dân của ta
 Để bóng tối không chiếm lĩnh người*

NHỮNG NGÔI SAO BA BÀI XÔ-NÊ

I

Tôi buồn bã nhìn đám sao.
 *Lẽ nào không còn năng mãi mãi.

Người mà tình cảm rung động dịu dàng.
 Vì tình yêu là số phận của nàng!
 Những ngôi sao ơi! Giới hạn các người sao huang vắng.
 Quyền lực của Chúa gần tới cả các người
 Sự vinh của đá chỉ cho các người con đường vinh cửu.
 Còn ở đây tình thần cao cả dù chày rúi!
 Trước Chúa, các người lấy gì thay thế
 Tâm hồn gần gũi Chúa trời
 Chỉ cầu nguyện một mình có Chúa?
 Chẳng lẽ trong nước mắt, ánh mắt trắng trong không đẹp
 Hơn mọi trời của Chúa? Hay ánh sáng các con mắt
 Không sáng hơn và không chói lọi hơn mặt trời?*

II

Hỡi những ngôi sao, các người có thể cầu,
 Có thể cảm thấy sự chiếu sáng trên cao.
 Vòm trời trước ai cảm lạnh.
 Đồng thời gian tuôn chảy dưới chân?
 Không, ánh sáng các người ánh diệu bình thần.
 Trong các người không có trái tim, để sống,
 Tiếng nói các người sẽ không gọi được người
 Mà bàn tay ném tia chớp.
 Ánh của các người - ánh sáng thần linh trên núi
 Từ xa xưa, giữa các người, sinh sống
 Không lo âu bay giữa thình không
 Trong điệu nhảy kỳ diệu thiên cầu, không biết đâu tai họa.

Và chúng không còn bị quyền lực trần gian chi phối.
Bay lượn vĩnh hằng niềm hạnh phúc các ngôi sao".

III

Vậy dưới ánh sao nổi long thán thò gì thế?

Ý nguyện tâm hồn không sao hiểu được

Cả tình yêu, cả đau khổ chắt đầy

Muốn thoát thân để bay xa mãi

Tiếng gọi trái tim không thể đánh lừa,

Không phải ước mơ huyền hoặc, dờ lời kêu gọi

Cuốn hút chúng ta làm những việc bạo gan.

Thiên thần chỉ đường chúng ta bước tới,

Giờ đây ta thấy rõ nàng

Nàng bay tới vị thần gần gũi

Ánh mắt thần sáng khi đón gặp nàng

Từ vì sao xa xôi, tuyệt đẹp,

Kìa nàng - tôi thấy mãi - ở trên cao,

Trong vẻ huyền ảo và tinh thần trong trắng.

EN-GHEN-BÈC CLINH-HỒN-XƠ

BA-LÁT

Những thế kỷ trước đã đi qua

Với tri tưởng tượng tuyệt vời

Với ngọn lửa trước đây tỏa sáng

Bức lửa cao lên chín tầng mây.

Chỉ đối với một người, thời gian biến lộ từ tâm,

Không mang chúng đi, thời gian đứng lại.

Chàng sáng ngời trong vương quốc nghèo.

Kiểu mẫu những phế tích mất mục

Trên dấu lâu đài xanh lạnh lẽo,

Màu đỏ rực thắm của hừng đông vàng cháy đỏ.

Nhưng các tia sáng ánh lên chỉ là vô ích,

Nó không đủ quyền chộp thừng dấu lâu.

Một trong những hiệp sĩ Đức,

Người Đắc-den tên En-ghen-béc,

Là anh hùng trăm trận đánh dẹp ngang,

Chàng đã không làm tổ tiên xấu hổ.

Chàng đã trở thành mô hình thu nhỏ

Mặc lễ phục Béc-lin.

Mặt chàng bị làm méo xệch,

Phép màu của ánh mắt không còn,

Chàng bị hề cong, bị làm vẹo,

Chúng ta khiếp sợ khi ngắm chàng.

Chàng hoàn toàn có thể ví với thần Mê-đu-đu,

Và Pác-ca sợ không dám nhìn chàng.

Chàng thì thắm gì đó, nhưng

Tiếng thì thắm giống tiếng cười hô hố,

Tiếng cười thường có trong vương quốc tối tăm,
Ta không thể tìm thấy tiếng cười này nơi ánh sáng.
Bây giờ tôi xin phép kể lại từ đầu
Điều dị thường ấy xuất hiện với chúng ta.

Trong rừng - chuyện kể bắt đầu như thế -
Có một cây giữa những bụi rậm rì,
Và ở đây tình cờ có một
Ông thấy tu từ Ấn Độ tối tăm -
Đi qua nhiều xứ xa xôi, mỗi một,
Ông định nằm nghỉ dưới gốc cây.

Nhưng đó là cây không có bóng,
Trên cây không lá, chẳng quả gì
Cây xung quanh tất cả hoa đều nở
Ở đây ta không thấy có hoa.
Ôi, thấy tu một mối tức giận nhường nào
Nói với cây, ông dần dần:

"Đồ gỗ, sao ngươi vô dụng,
Mì không cho thân gìa này nằm nghỉ,
Và, ông bạn quý mến của ta ơi,
Ta sẽ làm cho mì bị huỷ diệt.
Mì phải biến thành người,
Nhưng có điều mọi người thấy mì sẽ sợ".

Ông dùng trượng đập mạnh thân cây.

Vang lên một âm thanh trầm đục,
Và chàng hiệp sĩ Đức sống của chúng ta
Đi ra, như thể chui lên từ nấm mồ.
Thấy tu nghiêm túc không đùa,
Và mỉm cười khi thấy điều lạ là.

Con người lại xuất hiện trên trần
Có vẻ khác thường như thế.
Chàng cảm thấy mình lịch sự,
Nhưng vụng vớ, không lối thoát.
Chàng nói: "Ông tuyệt vời, ông kỳ diệu.
Hãy tin, tôi sẽ mãi không quên".

Thấy tu ân yếm như người cha
Dặn dò chàng cách sống:
"Con sẽ sống ở tổ quốc khác
Ở đây con sẽ gặp nhân dân khác.
Và ta muốn căn dặn con,
Cách cư xử của con phải thế nào.

Mong con sẽ không thấy lạ
Là con sẽ vụng về -
Nghệ sĩ nào có thể từ khúc gỗ
Làm nên vô đẹp diệu kỳ?
Người như con *từng là* - được cho không ít:
Nào bắp thịt, nào khối đầu những ngày cộc nhối.

Ta không thể che lấp sự của con. -
 Hỏi người anh em, con hoàn toàn không có lỗi,
 Nhưng ta tặng con những sợi chỉ dày.
 Mặc cho chúng dựng lên tua tủa.
 Như vậy, con sẽ mở cả nầu ra, cả vỏ.
 Bằng cách đó, con làm người mọi nỗi nghi ngờ.

Con vĩnh viễn mất suy tư sâu sắc,
 Con trống rỗng như khúc gỗ rụng này.
 Nói mà sỏi, và gấu gặm xù
 Và sâu bò ngủ suốt mùa đông.
 Ta làm trên trán con cái hổ.
 Để con có dấu hiệu đặc biệt tâm sâu.

Ta cũng tặng con lời nói,
 Họ cũng là ón đức của trời,
 Để con luôn có thể dễ dàng
 Nhớ lại giờ cùng bầu tập.
 Thì con hãy nâng phát ra tiếng thẳm khàn,
 Như tiếng rì rào hơi trầm cảnh là trụi.

Điều đó đem lại lợi lớn -
 Dù đôi khi con nói vẫn vơ,
 Người ta cùng con sẽ không tranh cãi
 Vì con làm mọi người sợ hãi giọng khàn.
 Nếu không có lời và cũng không có ý -
 Cũng không có sức mạnh thần kỳ là cái quý giá hơn?

Nghệ thuật đủ sức cứu con -
 Vì nó đã cho con cuộc sống -
 Như không xác ướp ngủ trong mồ.
 Con cũng thử - tất cả đều là một -
 Đôi khi cần xác đầu Thánh,
 Hay là đời con không được bảo vệ trước cái chết.

Sẽ không ai xô đẩy con,
 Nhưng chính con hãy đẩy người,
 Con hãy phân xét, tuy người ta không phân xét con.
 Con hãy nắm lấy quả từ mọi loài hoa,
 Dù bằng cách ấy con chẳng đạt được gì
 Nhưng con sẽ được đặt tên là cương nghị, kiên cường.

Người nào không dự tuyển vào nhà màu vàng
 Đều liệt con vào lớp dân đen,
 Song bất chấp ý kiến tất cả mọi người,
 Con hãy thét: "Họ bảo tôi là người quý tộc,
 Tôi mãi mãi i cũng thái tử hia chung ý kiến,
 Như ông, tôi thích những trang trai bao la".

Hãy bắt chước ốc - con đừng nhảy
 Con hãy đi, đừng bước quá nhanh...
 Tất cả tin, con đang ở nơi xa
 Mà con đã bù gấn, đã sát cạnh bên...
 Bây giờ con hãy diển tiết lao vào,
 Tất cả sẽ biu mới, nhưng rồi sẽ chịu - hãy mạnh dạn lên.

Dù cho con có không hấp dẫn
 Và trong con không sức mạnh tinh thần,
 Lâm người sợ, đó là sự mệnh
 Là quả trong cuộc tranh đấu sống còn
 Ánh mắt yêu thương không hướng tới con,
 Nhưng ai ai thấy con đều sợ.

Giờ đây con đi đi, hãy đi nhanh
 Theo cái thiên tài xấu xa gồm ghiếc
 Con sẽ không biết tình yêu vị ngọt,
 Con sẽ không bị mơ ước giày vò.
 Và con, trên một nghìn ta-le sẽ nhận
 Con sẽ sống ở Bắc-lin một năm tốt hơn hết mọi người*.

Vậy đó, con đường anh hùng đã chỉ
 Ông già phù thủy đã biến đi
 Giờ đây, chúng ta thấy, thần cây có
 Chìm trong ngọn lửa nóng nản.
 Những điều xảy ra trong thời gian kỷ
 Tuyệt nhiên không đúng được cho một bài ca.

Thần ái tình một lần thấy trên trái đất
 Một sinh vật xấu xa,
 Toàn thế giới nắm giận nó
 Lòng ghen tị sục sôi quanh nó
 Và thần tình yêu bật cười: thật ngộ!
 Súc gỗ ngân vang¹! Thật vinh quang!

* Chữ "Cher" trong tiếng Đức, bị Celin-hin-xơ có nghĩa là súc gỗ (gỗ) ngân vang

Tôi thấy, anh chàng nhìn ngạo nghễ,
 Và trong cuộc đời mới chẳng đạt thành công.
 Nhưng xương cốt cứng thế nào đi nữa
 Cũng không thoát khỏi mũi tên.
 Và chàng gửi một mũi tên tới người khốn khổ.
 Và trong chàng ngọn lửa mạnh bùng lên.

Cô gái có ánh mắt hiền,
 Một sinh vật vô cùng mỏng mảnh
 Những mô tóc màu hạt dẻ -
 Nàng đã cuốn hút chàng.
 Nàng rục lên sức mạnh uy quyền,
 Nàng hấp dẫn bằng tâm hồn tuyệt vời, sống động.

Nàng bay lượn trong điệu vũ nhẹ nhàng
 Nữ tính nàng sáng lên trong đường nét,
 Mọi sắc hoa trên trang phục của nàng
 Mà Chúa tặng riêng cho từng và
 Đất và trời kết trong nàng một khối.
 Là hiện thân trong sự tuyệt diệu hài hòa.

Chàng ngã xuống trong niềm thất vọng
 Đã bị thua sức mạnh thần tiên.
 Chỉ nghe theo nỗi sợ hãi,
 Chông năm giữa tâm (tối mận đêm.
 Và bỗng ở xa chàng nghe thấy âm thanh kỳ diệu:
 Ông già Ấn Độ kia bằng đến gần.

"Hay là ta củ con tôi sa mạc bao la,
 Nơi ta biết con là sức gỗ?
 Hay là cuộc đời con từ nay chấm dứt,
 Để con như xưa ngò giỗ lạnh?
 Con phải lòng thiên thần, con đâu sẽ tốt,
 Đó chính là trái quả đầu tiên mà con mang đến".

YÊN TĨNH

Ta thành thực khen người
 Trong công việc của người ngụ trị sự yên tĩnh
 Lời của người vội vã vô chừng,
 Nhưng ý nghĩ dừng im tại chỗ.

HOA TINH THẦN

"Đóa hoa cao sẽ được nường tay
 Chính đóa hoa mà ngài vua hùng mạnh dựng bên trong".
 Hãy thực hiện lời khuyên ấy,
 Hoặc là hoa ấy trong bất lực sẽ rơi.

CA KỊCH

I

Bi kịch nay đã bị lũng quyền
 Chúng không làm người ta no bụng;
 Ca kịch làm người ta thích thú hơn nhiều
 Nhưng ca kịch biến đi - chúng ta sẽ khoẻ hơn nhiều.

II

Thế giới cổ đại không hiểu gì ca kịch, -
 Nhưng thơ, âm nhạc chưa đầy;
 Giờ đây người đã bắt đầu hát ở những nơi
 Mà chúng ta không muốn nói.
 Nếu lời hát là lao động khổ sai
 Ở đó có chỗ để nói chuyện tầm phào.

CA KỊCH "HÀN-XÔ HÃY-LINH"¹⁷⁴

Thần linh trên trời trần gian đã giảng
 Vật lộn lếu trong cơn sóng đời thường,
 Mái lồng khắt khe nhận thức và lòng dũng cảm,
 Nhưng lặng im, vì "cần phòng súng rục" rồi.

CA KỊCH "NGỰA ĐỒNG"¹⁷⁷

Ở đây có một sân khấu,
 Tôi đặc biệt thích nó.
 Ước mơ có nhiều hơn thối nát.
 Vì sân khấu này trống không, dù chỉ trong khoảnh.

NGƯỜI GHÉT NGƯỜI

Đứng, người luôn sẵn sàng chửi mọi người,
 Người biết chính xác con người là thế
 Người đã đi vào những tăm tối,
 Nơi chưa có những tấm gương mới.

VĂN CHƯƠNG VÔ ĐẠO ĐỨC VÀ THẦN BỊ

Các vị sống trong một mối lo toan,
 Cả hai có chung một nguồn cội,
 Trong các vị không có ánh sáng,
 Và các vị chầy để huỷ diệt đại dương.

Các vị là bà con, tất nhiên rồi,
 Điều gì đối với các vị - đó là một con đường.
 Chỉ một nét mặt là kẻ thù gọi,
 Còn nét kia, đó chính thánh thần.

THƠ CỦA C. MÁC
 LẤY TỪ SỔ TAY CỦA XÔ-PHÊ,
 CHỊ CỦA MÁC¹⁷⁸

Do C. Mác viết năm 1873 -
 khoảng 1887

In theo bản viết tay
 Nguyên văn ta tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu

ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Những khoảnh khắc trôi qua
 Sẽ tính chung ngắn ngủi,
 Những thứ bị đưa đi,
 Sẽ không trở lại.

Đời sống là sự âm ỉ cháy.
 Cái chết là vĩnh hằng.
 Như câu sinh ra,
 Ước vọng của chúng ta.

Tất cả mọi người
 Đều sẽ biến mất:
 Ý nghĩ, niềm khao khát
 Sẽ thành hư vô.

Các thần linh cười
 Sự nghiệp của người,
 Mọi người vật lộn
 Với cái trống không.

Chỉ có sự rối loạn -
 Tất cả trên thế gian đều là cái ác,
 Và sự bất an -
 "Hạnh phúc đã đi qua".

Khát vọng thì tham,
Mục đích lại nghèo nàn,
Cả cuộc đời là một khoảnh khắc,
Cuộc chiến của đam mê.

Khoe khoang cái lớn,
Là nhỏ bé về tâm hồn
Xấu hổ về mình
Đó là phận con người.

Các Mác

SẮC-LỢ ĐẠI ĐỂ¹²⁸

Tất cả những thứ do cái đẹp tạo ra
Thần thiết với tâm hồn con người
Bị phủ một màn tâm tố
Bị bàn tay đã man xóa đi thô bạo.

Tất cả những điều đại thi hào Hy Lạp
Ngồi ca trong niềm phấn khởi,
Những thứ ông cứu không chảy trôi,
Của những năm vô danh đã trôi qua.

Những điều đầy phần nỏ, đau buồn,
Chinh Đê-mô-xten đã tả.
Khi trong đại hội vô khối người đứng,
Còn ông đã cho Phi-líp kiêu hãnh phải xấu hổ.

Tất cả những gì lớn lao và đẹp đẽ,
Mà nàng thơ thần tiên đã trao cho họ,
Cái đã uy nghi chính phục các tâm hồn,
Đã bị bàn tay phá hoại văn hóa xóa đi.

Sắc-lợ Đại đế giương cao trượng mạnh
Và đã làm sống lại các nàng thơ.
Và cái đẹp trở nên càng êm ái,
Nghệ thuật nay khếch lệ đi lên.

Bằng giáo dục ông ôn hòa tính nết,
Của mảnh đất đã man sắc lạnh,
Trong các lễu tranh, chính nghĩa bao la,
Pháp luật ở đây được gìn giữ vững bền.

Và nhiều hơn những cuộc hành quân,
Trong đó máu đã chảy thành sông,
Mọi thắng lợi đầy những nỗi truân chuyên,
Đều do bàn tay anh hùng giành lấy.

Điều làm chúng ta cảm phục:
Ông đã đem lại cho loài người
Vòng hoa khai sáng tuyệt đẹp.
Ông đã giặt tẩy ở các thời đại đã man.

Và ông sẽ sống, không bị lãng quên,
Trong lịch sử trái đất lớn lên vô bờ rộng,
Và nó sẽ tốt cho ông vòng nguyệt quế bền lâu,
Đó bao tập thời gian không thể cuốn.

PHỤ LỤC

GIẤY KHAI SINH CỦA CÁC MÁC

BIÊN BẢN KHAI SINH SỐ 231

Năm một nghìn tám trăm mười tám, ngày bảy tháng Năm, lúc bốn giờ chiều, đứng trước tôi - quan chức tòa thị chính Tô-ri-a, quản lý bộ tịch ở khu Tô-ri-a - là ông Hen-ri-ích Mác, ba mươi bảy tuổi¹⁸⁹ trú ở Tô-ri-a, luật sư tòa thượng thẩm; ông trình cho tôi xem đứa bé trai và tuyên bố rằng chủ bé này ra đời ở Tô-ri-a, ngày năm tháng Năm, lúc hai giờ sáng, con của ông Hen-ri-ích Mác, luật sư, cư ngụ ở Tô-ri-a và vợ ông là Hen-ri-ét-ta Pre-xbóc, và họ muốn đặt tên cho đứa bé là Các.

Sau khi đứa bé được trình và sau khi có lời tuyên bố đã dẫn ra trên đây, trước mặt hai người làm chứng, cụ thể là: ông Các Pê-tơ-ra-sơ, ba mươi hai tuổi, thư ký nhà nước, cư ngụ ở Tô-ri-a và ông Ma-ti-át Cróp-pơ, hai mươi một tuổi, viên chức, cư ngụ ở Tô-ri-a, trước sự có mặt của người trình đứa bé và những người làm chứng, tôi lập biên bản này ghi lại tất cả những điều đó, làm thành hai bản, sau khi đọc đã

được người trình đưa bé, những người làm chứng và tài ký lên.

Làm tại *Ti-rô-ri-a*, ngày, tháng, năm - như đã ghi ở trên.

Các Pê-tơ-ra-sê, Crôp-pê, Mác, Ê-Gra-khê

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe.
Erste Abteilung, Bd. 2, Hft. 2, 1929*

*In den deutschen
In den russischen und polnischen
Ausgaben*

SỰ THỐNG NHẤT CỦA NHỮNG NGƯỜI THEO ĐẠO VỚI CHÚA CRI-XÔ THEO KINH PHÚC ÂM CỦA THÁNH GIOAN, CH.15, ĐIỀU 1-14, NGUYÊN NHÂN VÀ THỰC CHẤT, SỰ CẦN THIẾT TUYỆT ĐỐI VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ¹⁸

LUẬN VĂN THI TỐT NGHIỆP CỦA G. MÁC VỀ TÔN GIÁO

Trước khi xem xét nguyên nhân, thực chất và ảnh hưởng của sự thống nhất của Chúa Cri-xô với những người theo đạo, chúng ta phải xác định xem có cần sự thống nhất ấy hay không, nó có do bản tính con người quy định hay không, con người có khả năng độc lập đạt được mục đích mà vì nó, Chúa đã tạo ra con người từ cõi hư vô hay không.

Nếu nhìn vào lịch sử, người thấy vĩ đại này của loài người, chúng ta sẽ thấy trung đó ghi khắc rằng mọi dân tộc, ngay cả khi nó đã đạt được mức độ văn hoá cao nhất, nếu trung dân tộc ấy có những người vĩ đại nhất được sinh ra, nếu các nghệ thuật của dân tộc ấy đã đạt được sự phát triển hết sức rực rỡ, nếu các khoa học đã giải quyết những vấn đề khó khăn nhất, - mặc dù tất cả những điều đó, dân tộc ấy không thể trút bỏ khỏi mình những xiềng xích mờ tối, rằng dân tộc ấy không có khái niệm đích thực và xứng đáng củ về bản thân mình lẫn về các đẳng thần linh, rằng trong dân tộc ấy cả đạo đức lẫn tinh thần đều không bao giờ thoát khỏi những sự thêm thắt của người khác, khỏi những hạn chế không cao cả, rằng ngay cả những đức hạnh của dân tộc ấy do sức mạnh thô bạo, do thói ích kỷ không kiếm chỗ được, do lòng khao khát vinh quang và do những hành động mạnh dạn tạo ra hơn là do ý nguyện vươn tới sự hoàn thiện chân chính.

Còn những dân tộc cổ đại, những người mang muối chưa nhận thức được học thuyết của Chúa Cri-xô, thấy bất an trong lòng, thấy sợ hãi bị các thần thánh nổi giận, thấy niềm tin nội tâm định mình rằng mình bị ruồng bỏ và mang tội vật đến cho các thần thánh của mình, hy vọng bằng cách đó chuộc được tội lỗi của mình.

Ngay cả Pla-lôn thần thánh, nhà thông thái vĩ đại nhất thời cổ đại, ở nhiều chỗ cũng bày tỏ sự buồn phiền sâu sắc về sinh vật tối cao mà sự xuất hiện của nó sẽ thỏa mãn ước vọng chưa được thỏa mãn muốn vươn tới ánh sáng và chân lý.

Như vậy, lịch sử các dân tộc cho chúng ta thấy sự cần thiết của sự thống nhất với Chúa Cri-xô.

Nhưng cả khi chúng ta xét lịch sử của một người riêng lẻ, bản tính của con người, chúng ta tuy có thấy trong ngực người ấy tia lửa thần thánh, niềm say mê cái thiện, khát vọng nhận thức, nỗi buồn nhớ chân lý, nhưng ngọn lửa ước vọng thậm chí ngấu ngiến tia lửa của cái vĩnh cửu: tiếng nói oán dổ của tội lỗi át đi cái khát vọng vươn tới đức hạnh, khát vọng đó bị kình bị quáng đi khi cuộc sống cho chúng ta cảm thấy toàn bộ quyền lực của mình. Khát vọng thấp hèn hướng tới lợi ích trần gian lấn át khát vọng nhận thức, nỗi buồn nhớ chân lý bị tiếng nói vô về của sự đời trỗi át đi, và bằng cách ấy con người, sinh vật duy nhất trong giới tự nhiên không đạt được mục đích của mình, thành viên duy nhất trong toàn vũ trụ không xứng đáng với Chúa, người đã tạo ra con người. Nhưng tạo hóa tối bụng không thể ghét cái mình sáng tạo ra; Người muốn nâng cao lên bằng mình và đã cử người con trai của mình và qua người con trai ấy đã bảo cho chúng ta:

"Cần người đã được trong sạch nhờ tôi ta giảng dạy cho người" (Giôn, 15,3).

"Cần người hãy ở trong ta, và ta ở trong các người" (Giôn, 15,4).

Sau khi chúng ta đã thấy lịch sử của các nhân vật và những điều suy ngẫm của những cá nhân riêng lẻ chứng minh sự cần thiết thống nhất với Chúa Cri-xô, giờ đây, chúng ta xét đến bằng chứng cuối cùng và khó khăn nhất, đó là bản thân lời của Chúa Cri-xô.

Vậy ở đâu Người biểu hiện rõ hơn sự cần thiết thống nhất với Người nếu không phải ở sự eo sát tuyệt vời với dây nhỏ và cành nho, nơi Người gọi mình là dây nhỏ, gọi mọi người là

cành nho. Cành tự nó không thể mang trái quả, cũng như các người. Cri-xô nói, không thể làm được gì nếu không có ta. Người phát biểu càng mạnh hơn về điều này khi nói:

"Ta không ở trong ta" (x. Giôn, 15, 4. 5. 6).

Trong khi đó, điều ấy cần phải hiểu chỉ đối với những người đã có thể nhận biết lời của Chúa Cri-xô. Vì chúng ta không thể xét đoán những quyết định của Chúa về những dân tộc khác, vì chúng ta thậm chí cũng không hiểu nổi Người.

Trái tim, lý trí, lịch sử của chúng ta, lời của Chúa Cri-xô nói to và đầy sức thuyết phục với chúng ta rằng sự thống nhất với Người là tuyệt đối cần thiết, rằng không có Người thì chúng ta không thể đạt được mục đích của mình, rằng không có Người thì chúng ta sẽ bị Chúa ruồng bỏ, rằng chỉ có Người là có thể cứu vớt chúng ta.

Thậm sâu niềm tin rằng sự thống nhất ấy là tuyệt đối cần thiết, chúng ta muốn biết vậy món quà tặng cao cả này là gì, tia sáng ấy từ các thế giới cao xa đi vào trái tim chúng ta, khích lệ nó, và đưa chúng ta, những người đã trở nên tươi tỉnh, lên trời, - thực chất và nguyên nhân nội tại của nó là gì?

Một khi chúng ta đã hiểu sự cần thiết phải thống nhất, thì nguyên nhân của nó, đòi hỏi của chúng ta cần được cứu rỗi, bản tính chúng ta có khuynh hướng ngã về tội lỗi, lý trí đang dao động của chúng ta, trái tim hư hỏng của chúng ta, việc chúng ta bị ruồng bỏ khỏi Chúa là rõ ràng đối với chúng ta, và chúng ta chẳng cần tìm nguyên nhân của nó làm gì nữa, dù cho nguyên nhân đó là như thế nào.

Nhưng ai có thể diễn đạt bản chất của sự thống nhất hay hơn là Cri-xô đã làm trong việc so sánh dây nho với cành nho? Ai có thể mô tả trong những luận văn dài tất cả mọi bộ phận, bộ phận thẩm kín nhất của sự thống nhất ấy một cách toàn diện như vậy, nếu không phải là bản thân Cri-xô bằng những từ:

"Ta là dây nho đích thực, còn cha ta là người trồng nho" (Giôan, 15, 1)

"Ta là dây nho, còn các người là cành nho" (Giôan, 15, 5)

Nếu cành cây có thể cảm nhận được, nó sẽ nhìn một cách thật vui vẻ người làm vườn đã chăm sóc nó, cẩn thận dọn sạch cỏ dại quanh nó và buộc chặt nó vào dây, quen đó mà nó đưa thức ăn và nhựa đi nuôi những bông hoa đẹp.

Trong sự thống nhất với Chúa Cri-xô, chúng ta trước hết hướng những ánh mắt triu mến tới Chúa, cảm thấy lòng biết ơn sâu sắc nhất đối với Chúa, chúng ta vui sướng quy trước Chúa.

Rồi sau đó, khi nhờ sự thống nhất của chúng ta với Chúa Cri-xô, đối với chúng ta, một trời sẽ mọc sáng hơn, khi chúng ta cảm thấy toàn bộ thân phận bị ruồng bỏ của chúng ta, đồng thời chúng ta sẽ hân hoan vì được cứu rỗi, chỉ khi ấy chúng ta mới có thể yêu mến vì chúa mà trước đây chúng ta cảm thấy là vị chúa tể cấu giận, còn giờ đây là người cha rất mực độ lượng, người thấy đơn hậu.

Nhưng cành nho không chỉ cần người trồng nho mà thôi, nếu cành nho có thể có cảm giác, nó sẽ bám chặt vào dây nho, nó sẽ cảm thấy gần bó hơi sức chặt chẽ với những dây nho và

với những cành mọc ra từ dây nho, do vậy sẽ yêu mến những cành khác vì đều là cùng một người trồng nho chăm sóc cùng một thân cây cho chúng sức mạnh.

Như vậy, sự thống nhất với Chúa Cri-xô là ở chính sự giao tiếp chặt chẽ và sinh động với Người, là ở chỗ chúng ta luôn luôn có Người trước mắt và trong trái tim chúng ta, và thăm sâu lòng mến yêu hết sức lớn lao đối với Người, chúng ta đồng thời hướng trái tim tới những người anh em của chúng ta mà Người đã gắn chặt họ với chúng ta, vì họ mà Người cũng đã hy sinh thân mình.

Nhưng lòng mến yêu ấy đối với Chúa Cri-xô không phải không có kết quả, nó không chỉ làm cho chúng ta tràn đầy sự tôn sùng và kính trọng vô cùng trong trắng đối với Người, mà còn dẫn tới chỗ chúng ta tuân thủ những di huấn của Người, hy sinh mình cho nhau, là những người đức hạnh, nhưng đức hạnh chỉ vì mến yêu Người (Giôan, 15, điều 9, 10, 12, 13, 14).

Đó là việc thêm to lớn ngăn cách đức hạnh Cơ đốc giáo với mọi đức hạnh khác và nâng nó lên cao hơn mọi đức hạnh khác, đó là một trong những hành động lớn lao nhất làm nảy sinh trong con người sự thống nhất với Chúa Cri-xô.

Ở đây, đức hạnh không còn là con quái vật đơn tối như triết học khắc kỷ mô tả nó; nó không phải là con đẻ của học thuyết khắc nghiệt về bốn phận mà chúng ta gặp ở tất cả các dân tộc đa thần giáo, nhưng những điều nó làm thì nó làm vì yêu mến Chúa Cri-xô, vì yêu mến sinh linh thần thánh, và thoát thai từ cái nguồn thuần khiết đó, nó thoát khỏi mọi cái trần tục và nó thật là thần thánh. Mọi mặt có tác dụng xua đuổi không còn nữa, tất cả mọi cái trần tục ra đi, mọi cái thô

kịch đều mãi đi, và toàn bộ đức hạnh được cải biến, đồng thời trở nên mềm dịu hơn và có tính người hơn.

Chưa bao giờ lý trí con người có thể mô tả đức hạnh theo cách như vậy, đức hạnh của lý trí con người bao giờ cũng vẫn là đức hạnh có hạn, trần tục.

Sau khi đạt tới đức hạnh ấy, sự thống nhất ấy với Chúa Cri-xtô, con người sẽ lặng lẽ và bình thần chờ đợi những đòn đánh của số phận, sẽ anh dũng đứng vững chống bão tố dani mê, sẽ dũng cảm chịu đựng con thịnh nộ của cái ác, vì ai dè nên nổi nó, ai có khả năng tuột lấy của nó vì Chúa cứu thế của nó?

Con người biết rằng tất cả những cái con người cầu xin đều sẽ được cho, vì con người chỉ xin về sự thống nhất với Chúa Cri-xtô, do đó, chỉ về cái thần thánh, và lời mà Chúa cứu thế tự mình thông báo ấy sẽ không nâng cao và không an ủi ai đây? (Giotan, 15, 7).

Và ai sẽ không vui lòng chịu đựng đau khổ khi biết rằng sự kính trọng đối với chính Chúa được biểu hiện bằng việc mình ở trong Chúa Cri-xtô, bằng việc làm của mình, rằng sự hoàn hảo của chúa tôn cao ngôi vị chúa tổ thế giới? (Giotan, 15, 8).

Như vậy, sự thống nhất với Chúa Cri-xtô đang tôn cao trong ý nghĩ thâm kín, an ủi trong đau khổ, làm yên lòng và trao trái tim đã mở ra trước tình yêu của con người cho tất cả những cái vĩ đại, cao thượng không phải vì hùm danh, không phải vì khát vọng vươn tới niềm vinh quang, mà chỉ vì chúa Cri-xtô. Như vậy, sự thống nhất với Chúa Cri-xtô đem lại niềm vui mà một người thuộc phái Ê-pi-quy-a hoài công cố gắng tìm trong triết học hội họa của mình, một nhà tư tưởng

sâu sắc hơn thì cố gắng tìm trong những tâm sâu ẩn kín của tri thức, niềm vui mà chỉ có trái tim con trẻ chất phác được liên kết với Cri-xtô và thông qua Cri-xtô với Chúa, là biết đến, và, niềm vui ấy làm cho cuộc đời lột đẹp hơn và cao thượng hơn (Giotan, 15, 11).

Đo C. Mác viết ngày 10 tháng Tám năm 1835
Cộng hồ lần đầu in trong ấn phẩm: "Archiv für die Geschichte des Socialismus und der Arbeiterbewegung", Jg. 11, Leipzig, 1925

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

LIỆT TRIỂU ĐẠI Ô-GUY-XTÔ VÀO NHỮNG THỜI ĐẠI MAY MẮN HƠN CỦA NHÀ NƯỚC LA MÃ CÒ XÁC ĐÁNG KHÔNG?¹²²

LUẬN VĂN THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CỦA C. MÁC BẰNG TIẾNG LA-TINH

Những ai muốn nghiên cứu vấn đề thời Ô-guy-xtô là như thế nào có nhiều cách để dựa vào đó mà có thể xét đoán điều này: thứ nhất, người đó có thể dùng cách so sánh với những thời đại khác của lịch sử La Mã, vì nếu trình bày rằng thời Ô-guy-xtô giống những thời đại trước mà người ta gọi là

những thời đại may mắn và không giống những thời đại trong đó, theo xét đoán của những người đương thời và những nhà nghiên cứu hiện đại, phong tục tập quán đã thay đổi và xấu đi, nhà nước bị chia thành phe phái và trong chiến tranh nhà nước đã phải chịu thất bại - thì qua những thời đại ấy có thể kết luận về thời đại Ô-guy-xơ: sau đó cần nghiên cứu xem người cổ đại đã nói gì về thời đại ấy, người nước ngoài nhìn để chế nhạo thế nào, họ có sợ hoặc khinh bỉ nó hay không, và sau cùng, tình hình nghệ thuật và văn học như thế nào.

Nhưng để không quá nhiều lời, tôi sẽ so sánh với thời đại Ô-guy-xơ thời đại tốt đẹp nhất trong số những thời đại trước nó thời đại được sự đơn giản của phong tục tập quán, khát vọng vươn tới đức hạnh, tình trung thực của các nhà chức trách và nhận dân làm cho trở thành thời đại may mắn, thời đại khi mà Hạ I-la-li-a bị chinh phục, còn sau khi làm xong việc ấy tôi sẽ so sánh thời đại Nê-rông - không có thời đại nào bất hạnh hơn thời đại này - với thời đại Ô-guy-xơ.

Không ở thời nào người La Mã thấy có ác cảm với việc làm của mỹ thuật hơn trong thời đại trước các cuộc chiến tranh Pu-ních¹⁷, khi học vấn được tôn trọng với mức độ ít nhất, vì những người lỗi lạc nhất những thời kỳ chủ yếu nghiên cứu nông nghiệp và chỉ chú ý đến nó, khi tài hùng biện là thừa, vì người ta nói ít lời về việc cần phải làm gì và cái người ta đòi không phải là sự trang nhã của lời nói mà là việc trình bày thực chất sự việc; lịch sử lúc đó không cần đến tài hùng biện, mà chỉ thông báo về các sự kiện và quy lại chỉ là viết sử biên niên.

Song, toàn bộ thời kỳ ấy đầy đầy những cuộc đấu tranh giữa quý tộc và bình dân, vì từ khi các vị vua bị xua đuổi cho

đến cuộc chiến tranh Pu-ních lần thứ nhất những cuộc tranh cãi về quyền của những người này và những người khác đã tiếp diễn, còn phần lớn lịch sử thì chỉ trình bày những đạo luật do các hội dân quan và quan chấp chính đấu tranh dữ dội với nhau ban hành.

Những điều đáng khen trong thời gian này đã được chúng tôi nói đến.

Để mô tả thời đại Nê-rông không cần nhiều lời, vì ai mà chẳng rõ thời ấy là thế nào khi người ta giết những công dân vụ tía, sự độc đoán hơn hạ nghị trị, luật lệ bị vi phạm. La Mã bị đốt cháy, còn các tướng soái - vì họ sợ việc làm có kết quả của họ có thể gây sự ngờ vực và vì không có gì đẩy họ đến những công việc vi đại - đã tìm kiếm vinh quang trong yên bình hơn là trong chiến tranh.

Thời đại Ô-guy-xơ không giống thời đại vừa nói trên, không ai có thể nghi ngờ điều đó, vì sự cai trị của ông nổi tiếng là hiền lành. Tuy mọi sự tự do và thậm chí mọi về tự do đã biến mất, tuy theo lệnh của nguyên thủ, các thiết chế và luật lệ đã thay đổi và toàn bộ quyền lực mà trước đây các hội dân quan, quan nghị sự và quan chấp chính có đã chuyển vào tay một người - người La Mã vẫn cho rằng họ đang cai trị và từ "hoàng đế" chỉ là tên gọi khác cho những chức vụ mà trước kia các hội dân quan và quan chấp chính giữ, và họ không nhận thấy rằng họ đã bị tước mất tự do. Và lẽ nào đó không phải là bằng cớ đáng chứng minh sự mồm miệng của việc cai trị, nếu các công dân có thể nghi ngờ ai là nguyên thủ, và họ có tự mình quản lý hay là người ta quản lý họ?

Còn trong chiến tranh thì người La Mã chưa bao giờ gặp

may hơn, vì lúc ấy người Pắc-tô đã bị khấu phục, người Can-ta-bơ đã bị đánh bại, người Rét và người Vin-du-lich đã bị đập tan. Còn người Giéc-mạnh, kẻ thù độc ác nhất của người La Mã mà Xê-da chiến đấu không thành công với họ, tuy trong một số trận đánh, do sự phản bội, sự nhảm nhảm, do đông cầm và do chỗ họ sống trong rừng, họ thắng người La Mã, nhưng sức mạnh của nhiều bộ lạc Giéc-mạnh đã bị phá tan nhờ việc Ô-guy-xơ đã phong quốc tịch La Mã cho một số nhân vật, nhờ sức mạnh của quân đội do những lương sĩ dày kinh nghiệm lãnh đạo, cũng như vì sự thù địch đã nảy sinh giữa chính các bộ lạc Giéc-mạnh.

Vậy, về công việc nội bộ lẫn về hoạt động quân sự, không thể so sánh thời đại Ô-guy-xơ với thời đại của Nê-rông và những nguyên thủ còn kém hơn.

Về những xích mích và tranh chấp phe phái xảy ra trong thời đại trước chiến tranh Pu-ních, thì cả chúng cũng đã chấm dứt vì, như chúng ta thấy, Ô-guy-xơ đã tập trung vào bản thân mình, tất cả mọi dùng phách, tất cả mọi chức vụ, toàn bộ quyền lực và, do đó, quyền lực tối cao không thể tư nó bất đồng với mình, điều này mang lại nguy cơ cao nhất cho mọi quốc gia, vì do đó uy tín của nó ở các dân tộc nước ngoài giảm xuống, còn công việc xã hội thì người ta làm vì hăm dọa nhiều hơn là vì lợi ích của nhân dân.

Song, thời đại Ô-guy-xơ không làm chúng ta khám-phục đến mức chúng ta không thấy rằng về nhiều mặt nó kém hơn thời đại trước chiến tranh Pu-ních. Vì không thể gọi một thời đại là hạnh phúc nếu phong tục tập quán, tự do và lòng quả

cảm gây ra tổn thất hoặc hoàn toàn suy thoái và nếu sự kiệt, sự phung phí và thói vô độ ngự trị, song trí tuệ của Ô-guy-xơ, những thiết chế và luật lệ được xây dựng do những người được nguyên thủ chọn nhằm cải thiện tình hình của quốc gia đang có xáo động đã có tác động lớn đến việc xoá bỏ những hậu quả do các cuộc nội chiến gây ra.

Thí dụ, chúng ta thấy rằng Ô-guy-xơ đã tẩy rửa bằng hết tội lỗi của thượng nghị viện do những kẻ hết sức bất lương chui vào, đuổi khỏi thượng nghị viện nhiều người có tư chất làm ông căm ghét và đưa vào do nhiều người khác có đức khí và trí tuệ.

Vào thời quốc vương Ô-guy-xơ, phục vụ quốc gia luôn luôn là những nhân vật nổi tiếng là anh dũng và sáng suốt, vì vào thời đại ấy lẽ nào có thể nêu tên những người đáng kể hơn Mê-tê-nát và A-grip-pa. Tuy chúng ta thấy rằng nguyên thủ tuyệt nhiên không thoát khỏi sự đối trả, ông ta, như chúng tôi đã nói, xem ra không lạm dụng sức lực và đã che đậy quyền lực đáng ghét bằng cái vẻ mềm mỏng. Và nếu nhà nước, như nó đã có trước các cuộc chiến tranh Pu-ních, là thích hợp nhất đối với thời đại mình, vì nó khơi dậy trong tâm hồn khát vọng vươn tới những công việc vĩ đại, đã gây nỗi sợ hãi cho kẻ thù và đã gây ra giữa quý tộc và bình dân một sự ganh đua tuyệt vời mà đúng là không phải hao giờ cũng không có sự dối trá, thì chúng ta cảm thấy nhà nước mà Ô-guy-xơ đã thiết lập dường như thích hợp nhất đối với thời đại của ông. Bởi lẽ khi con người bị mềm yếu và sự đơn giản của phong tục tập quán biến mất, còn quy mô nhà nước tăng lên thì hoàng đế có thể đảm bảo tự do cho nhân dân tốt hơn là nền cộng hoà tự do.

Giờ đây chúng ta chuyển sang xem xét sự xét đoán của những người cổ đại về thời đại Ô-guy-xơ như thế nào.

Họ gọi ông là thần thánh, cho rằng ông là thần hơn là người. Có thể không tin điều này, nếu chỉ có mình Hô-ra-xơ xác nhận điều đó. Song cả sử gia lỗi lạc Ta-xit cũng luôn luôn nói đến Ô-guy-xơ và thời đại ông với một sự tôn kính hết sức lớn, với sự cảm phục lớn lao và thậm chí nói với lòng yêu mến.

Còn văn học và nghệ thuật thì không ở thời nào phát triển rực rỡ như thế; nhiều nhà văn đã sống vào thời đại này, và sáng tác của họ là nguồn mà hầu hết các dân tộc lành lợi được học thuộc từ đó.

Vậy, vì nhà nước xem ra đã được tổ chức tốt, nguyên thủ muốn mang lại hạnh phúc cho nhân dân, và theo sáng kiến của ông những người kiệt xuất nhất giữ các chức vụ nhà nước, vì thời đại Ô-guy-xơ không thua kém những thời đại ưu tú của lịch sử La Mã và vì nó có lẽ khác những thời không tốt; vì chúng ta thấy rằng những cuộc tranh chấp và xích mích đảng phái đã chấm dứt, còn nghệ thuật và văn học thì đã phát triển rực rỡ - vì tất cả những điều đó, triều đại của Ô-guy-xơ đáng được kể vào số những thời đại ưu tú, cũng như cần phải nêu lên rằng một con người tuy có khả năng làm tất cả, song sau khi đạt tới quyền lực, ông chỉ nghĩ đến lợi ích của quốc gia, con người ấy thật đáng được kính trọng.

Do C. Mác viết ngày 15 tháng Tám 1935
Cùng họ tên đầu trong ấn phẩm:
"Archiv für die Geschichte der
Socialismen und der Arbeiterbewegung".
Jg. 11, Leipzig, 1925

In theo bản viết tay
Nguyễn văn là tiếng Latinh

CHUNG CHỈ TỐT NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRƯỞNG TRUNG HỌC TƠ-RIA

Các Mác,

kính quân Tô-ria, 17 tuổi, tín ngưỡng phúc âm, con trai của luật sư bào chữa, ông cố vấn tư pháp Mác ở Tô-ria, đã học 5 năm ở Trường trung học Tô-ria và 2 năm ở lớp thủ nhất.

I. Hạnh kiểm đối với cấp trên và đồng học tốt.

II. Năng lực và sự cần mẫn. Anh có năng lực tốt; trong các ngôn ngữ cổ đại, trong tiếng Đức và trong môn lịch sử khá cần mẫn, trong môn toán khá cần mẫn, riêng trong tiếng Pháp thể hiện sự cần mẫn còn yếu.

III. Trí thức và thành tích.

1. Ngôn ngữ:

a) Trong môn tiếng Đức hiểu biết của anh về ngữ pháp, cũng như luận văn của anh rất tốt.

b) Về tiếng La - tinh anh dịch và giải thích được những chỗ dễ của các tác phẩm cổ điển cần đọc ở trường trung học, một cách trôi chảy và vững vàng, không cần chuẩn bị trước. Còn nếu có sự chuẩn bị thích đáng hoặc được giúp đỡ chút ít thì thường dịch và giải thích được cả những chỗ khó hơn, đặc

biết là những chỗ mà khó khăn không phải chủ yếu ở đặc điểm của ngôn ngữ, mà là ở bản chất và mối liên hệ chung của các tư tưởng. Nói một cách khách quan, luận văn của anh bộc lộ sự phong phú về tư tưởng và sự hiểu biết sâu sắc vấn đề, nhưng nó thường quá dài, về một ngôn ngữ học nó chứng tỏ có sự luyện tập lâu dài và khát vọng vươn tới nắm vững la-tinh đích thực, tuy trong luận văn còn có lỗi ngữ pháp. Trong văn nói, anh có được sự lưu loát thỏa đáng.

c) Trong môn tiếng Ily Lạp nhận thức và khả năng của anh hiểu các tác phẩm cổ điển cần đọc ở trường trung học gần như trong tiếng la-tinh¹⁷.

d) Trong môn tiếng Pháp nhận thức ngữ pháp của anh khá tốt, với sự giúp đỡ nào đó anh đọc được cả những tác phẩm khó và trình bày miệng phần nào suôn sẻ.

e) Trong tiếng Do Thái¹⁸.

2. Khoa học:

a) Nhận thức tôn giáo. Hiểu biết của anh về tín ngưỡng và đạo đức Cơ Đốc giáo khá rõ ràng và có căn cứ; trong chừng mực nào đó, anh nắm được lịch sử giáo hội Cơ Đốc.

b) Toán học. Về toán học anh có nhận thức tốt.

c) Trong môn lịch sử và địa lý, nói chung, anh có nhận thức khá tốt.

d) Vật lý. Trong môn vật lý, hiểu biết của anh ở mức trung bình.

e) <Kiến thức triết học cơ sở>¹⁹

3. Kỹ năng

¹⁷ Không điển

¹⁸ Trong chứng chỉ chỗ trong ngoặc nhọn ở đây và ở bên dưới là gạch chéo.

a) <Vẽ>¹⁷

b) <Hát>¹⁸

Hai giám khảo ký tên dưới đây căn cứ vào đó, vì giữ đây anh rời trường trung học để học luật -, quyết định cấp cho anh chứng chỉ tốt nghiệp p r u n g h o c và cho anh tốt nghiệp, hy vọng rằng nhờ năng lực của mình, anh sẽ đáp ứng những hy vọng mà nhà trường đặt vào anh.

Ta-ria, ngày 24 tháng 4/1936

Ban giám khảo Hoàng gia

Brux-ghe-man, ủy viên hoàng gia

Vit-ten-béc, hiệu trưởng

Lue-r-o-xơ

Ha-ma-kha

Sven-điơ

Kiu-pơ

Stai-ninh-gơ

Sai-ê-man

Cộng bố lần đầu trong ấn phẩm: "Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung", Jg. II, Leipzig, 1936

In theo đúng chứng chỉ
Nguyễn Văn La-tinh Đốc

¹⁸ Trong chứng chỉ chỗ trong ngoặc nhọn ở đây và ở bên dưới là gạch chéo.

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC

Ở BON¹⁹³

Tơ-rơ, ngày 8 tháng Mười một 1835

Các thân yêu!

Đã hơn ba tuần trôi qua kể từ khi con ra đi¹⁹⁴, vậy mà không nhận được tin tức gì của con? Con biết mẹ con và nỗi sợ hãi của mẹ - thế mà con chệnh mảng quá mức vậy?... Đáng tiếc điều đó quá đủ để khẳng định suy nghĩ đã có trong cha, mặc dù con có một số phẩm chất tốt - rằng trong thâm tâm con ích kỷ.

Mẹ¹ không hay biết gì về bức thư này. Cha không muốn nhân dịp bội nỗi sợ hãi của mẹ, nhưng cha nhắc lại rằng về phía con, đó là vô trách nhiệm.

Bản thân cha có thể chờ đợi, nhưng cha chờ con trở lại ngay để làm mẹ yên tâm.

Cha của con

Mác

Cùng bố lần đầu trong: Marx-Engels
Gesamtausgabe, Briefe Abteilung, Bd.1,
IIIb.2, 1929

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

¹⁹³ - Họa-vi-et-ta Mác

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC

Ở BON

Tơ-rơ, ngày 15-19 tháng Mười một 1835

Các thân yêu!

Trước hết, nói vài lời về bức thư của cha, nó có thể đã làm con buồn. Con biết rằng cha không muốn cố chấp lại dụng quyền làm cha. Cha có thể nhận lỗi ngay cả với đứa con mình đẻ ra nếu cha không đúng về mặt nào đó. Quả thật, cha đã nói với con để con iết thư khi con tìm hiểu xung quanh chút ít. Nếu sự thể kéo dài, con vẫn không nên tiếp nhận lời của cha đúng từng chữ như thế - nhất là, con biết không, người mẹ thân thương lo lắng và sợ cho con như thế nào. Thôi, nói thế đủ rồi.

Thư của con, cha chật vật lắm mới đọc ra, nó đã đem lại cho cha nhiều niềm vui. Cha không nghi ngờ thiện ý của con, lòng sốt sắng của con, cũng như ý định kiên quyết của con muốn làm cái gì đó thiết thực. Hiện giờ thì cha vui vì việc bắt đầu học tập làm cho con thêm mẫn, con học được dễ dàng và dần dần con ham thích nghề của mình.

Cha cảm thấy chín giáo trình là hơi nhiều. Cha không muốn con làm nhiều hơn mức thân thể và tâm hồn có thể

chịu được. Nhưng nếu điều đó không quá khó đối với con thì cứ thế mà làm. Lĩnh vực trí tuệ mong mình mà thời gian thì có hạn. Trong thư sau chắc con sẽ viết cho cha nhiều hơn và tỉ mỉ hơn. Con biết cha quan tâm như thế nào đến tất cả những gì liên quan gần gũi với con.

Con không được đòi [hỏi] các bài giảng về pháp luật [...] phải dè dặt và thi vị. Bản thân đấng tài không cho phép [...] sáng tạo thơ ca; con đành phải nếm chịu điều đó và [...] coi là xứng đáng với những tư tưởng sâu sắc. Con hãy thử lỗi [...] các môn học.

Còn phải nói gì với con nữa nữa? Đọc những lời răn dạy ư? Đấng [...] nói với con những điều con chưa biết ư? Tuy con bẩm sinh khá có năng khiếu [...] Trí óc sáng sủa của con, tình cảm trong sáng của con, việc con không bị ảnh hưởng xấu không được làm cho con đi chệch con đường đúng đắn [...] Còn ý muốn của cha thì con đã biết rõ. Cha muốn con đạt được [...], điều mà trong hoàn cảnh kém thuận lợi hơn cha đã không đạt được. Cha chúc con trở thành con người mà cha có thể trở thành nếu cha ra đời trong những điều kiện thuận lợi y như vậy. Những hy vọng tốt đẹp của cha, con có thể đáp ứng, cũng có thể phá hủy. Có thể sẽ không đúng và đồng thời không hợp lý nếu đặt những hy vọng tốt đẹp của mình lên một người và bằng cách đó phá vỡ sự yên tĩnh của chính mình. Nhưng ai - nếu không phải là giới tự nhiên - có lỗi trong việc cả những người không quá yếu thể hiện những điểm yếu của người cha?

Các thần yêu, con có được cái điểm phúc mà những thanh niên trẻ tuổi con hiếm khi có được. Ngay ở đầu con đường đời của con, con đã tìm thấy một người bạn, hơn nữa là người

bạn rất xứng đáng, lớn tuổi hơn con và có kinh nghiệm hơn. Con hãy biết trân trọng điểm phúc ấy. Tình bạn theo nghĩa chân chính, cổ điển của từ này là hạt ngọc vô cùng đẹp đẽ trong đời, còn ở độ tuổi như con, tình bạn ấy hoàn toàn cần thiết cho cuộc sống. Hòn đá thử vàng tốt nhất để thử tính cách của con, trí tuệ và trái tim của con, hơn thế nữa đạo đức của con, sẽ là con có giữ gìn được người bạn ấy và xứng đáng được với người ấy hay không.

Con vẫn trong sáng về đạo đức, cha thực sự không nghĩ ngờ điều đó. Nhưng động cơ vĩ đại của đạo đức vẫn là niềm tin trong sáng vào Chúa. Con biết cha hoàn toàn không phải là kẻ cuồng tín. Nhưng con người sớm muộn đều có (như) câu tin ngưỡng, và trong cuộc sống có những phút giây cả người không theo đạo cũng (bất) giác cúi đầu trước đấng tối cao. Và thông thường là thế [...] vì ai ai cũng có thể tôn sùng người mà Niu-tơn, Lóc-cơ và Lây-bơ-nít đã tin.

[Ông] Luê-rơ-xơ rất bức mình vì con không đến thăm và chào tạm biệt ông ấy¹⁸⁷. Ông ấy [đã nói] với ông Slich-cơ rằng chỉ có con và Clê-men-xơ là làm như thế. Cha đã đành phải quyết định chọn cách nói dối vô thường vô phạt và nói với ông ấy [rằng] chúng ta đã ở đây khi ông ấy đi vắng [...] Hội [...] sự nhắc nhở đối với con cùng với Clê-men-xơ cha không thích lắm.

Ông Luê-rơ-xơ được bổ nhiệm làm hiệu trưởng thứ hai, hôm qua ông [Bruy-ghe] - man đã tới đây với tư cách phái viên để dự lễ nhậm chức của ông ấy. Đã 'rất [...] trọng thể: ông R [ruy-ghe-man] và ông Luê-rơ-xơ đã phát biểu. Buổi trưa, ông Luê-rơ-xơ thiết tiệc lớn, cả cha cũng dự. Nhiều người mà cha tiếp chuyện ở đây đã hỏi tin con, và từ rọi

phía người ta chúc cha hạnh phúc nhân việc ông Vi-nan-bruy-gu là bạn của con. Quả thật, cha rất muốn làm quen với ông ấy và sẽ rất vui mừng nếu con và ông ấy đến nhà chúng ta hôm lễ Phục sinh, và dĩ nhiên sẽ làm khách ở đây. Cha sẽ coi điều đó là dấu hiệu chứng tỏ ông ấy có cảm tình bằng hữu với con.

Vậy, Các thân yêu, chúc con mạnh khoẻ, khi cung cấp thức ăn bổ dưỡng và lành mạnh cho trí tuệ của con, con đừng quên rằng trên trái đất đầy tội lỗi này, thân thể là bạn đường vĩnh viễn của trí tuệ mà trạng thái của toàn bộ cơ thể phụ thuộc vào người bạn đường ấy. Nhà bác học ôi ộp là sinh vật bất hạnh nhất trên thế gian. Vì vậy con đừng làm việc nhiều hơn mức sức khoẻ con cho phép. Con hãy thêm vào đó việc đi dạo hàng ngày và điều độ, và cha hy vọng được ôm con cùng cập về tinh thần và thể chất.

To-ria, ngày 18 tháng Mười một 1886

Cha chân thành của con

Mặc

A propos!'' Bài thơ của con cha đã đọc từng chữ.

Các thân yêu, cha nói hết sức thẳng thắn với con: cha không hiểu bài thơ của con - cả ý tứ đích thực của nó lẫn xu hướng của nó. Đối với đời sống thường ngày, điều không thể bác bỏ là khi những ý muốn nồng nhiệt nhất của chúng ta được thực hiện thì giá trị của điều mong muốn giảm mạnh, thường khi

hoàn toàn mất hẳn. Chưa chắc ý tứ các câu thơ của con là như vậy. Cùng lắm điều đó sẽ đồng chủ ý với tư cách một nguyên tắc đạo đức, vì người nào lấy những tư tưởng ấy làm kim chỉ nam đều tránh những khoái cảm vô đạo đức và thậm chí gác lại cái được phép, để bằng cách đó vững mạnh lên trong ý muốn của mình hoặc thậm chí có được sự thích thú lớn hơn. Về điều tương tự như vậy Can-to đã nói rất hay trong tác phẩm "Nhân loại học" của ông!¹⁰⁰

Chẳng lẽ con định tìm hạnh phúc chỉ trong sự lý tưởng hoá trừu tượng (có một số điểm giống với sự mơ tưởng) hay sao? Nói vắn tắt, hãy cho ta chiếc chìa khoá, ta sẽ thừa nhận sự hạn chế của mình.

[TRÊN LỀ TRÁI TRANG THỨ NHẤT]

Nhân việc ăn mừng ông Luê-rơ-xơ, điều làm cha hết sức buồn phiền là địa vị của ông Vít-ten-bắc tốt bụng. Cha suýt khộc trước sự xúc phạm con người mà khuyết điểm duy nhất là tẩm lòng dòn hậu quá mức của ông ấy. Cha đã làm tất cả để bày tỏ lòng kính trọng sâu sắc của cha đối với ông ấy và nhân tiện đã nói rằng cả con cùng trước sau như một với ông ấy và con muốn viết thơ tặng ông ấy, nhưng chưa làm được vì con không có đủ thì giờ. Điều đó đã làm cho ông ấy sung sướng. Để đem lại sự hài lòng ngay cả cho cha, con có muốn gửi cho ông ấy qua cha một số khổ thơ hay không?

[PHẦN VIẾT THÊM Ở TRANG THỨ NHẤT, PHÍA TRÊN, BÊN PHẢI]

P.S. Mẹ thân yêu bạn, nên việc gửi thư đi đã kéo dài đến hôm nay - ngày 28 tháng Mười một. Đáng ngạc nhiên là cho đến nay cha mẹ chưa biết địa chỉ chính xác của con.

¹⁰⁰ - Nhân tiện viết thêm!

[PHẦN VIỆT THÊM CỦA MẸ]

Các yêu quý vô cùng!

Mẹ rất vui cảm hân để viết thư cho con. Bức thư của cha thân yêu đã viết xong từ lâu, thế mà mẹ vẫn chưa có thời gian. Trong khi đó, mẹ đã muốn nhận được tin con khỏe định rằng mọi việc của con đều ổn thoả, vì con có thể tin rằng mẹ rất buồn nhớ con. Ông Chúa, cả nhà đều mạnh khoẻ, tất cả đều năng nổ và chăm chỉ, ngay cả Ê-đu-ác¹ cũng cố gắng đến mức cha mẹ hy vọng lúc nào đó làm cho em trở thành người giỏi giang.

Con đừng cho câu hỏi của mẹ là điểm yếu của nữ giới: mẹ muốn biết con đã sắp xếp hành trang đồ lễ vật của con thế nào. Sự liết kê trong chi tiêu, việc lớn cũng như việc nhỏ, đóng một vai trò quan trọng và là một sự cần thiết bức bách. Mẹ muốn nhận xét thêm với con. Các thân yêu, con không được coi sự sạch sẽ và ngăn nắp là cái ít quan trọng; vì sức khoẻ và tâm trạng tốt phụ thuộc vào việc đó. Con hãy để mắt đến làm sao cho phòng của con thường xuyên được dọn dẹp, con hãy thu xếp thì giờ để làm việc đó. Các thân yêu, con hãy tắm hàng tuần bằng bột biển và xà phòng.

Ồ chỗ con món cà - phê thế nào? Con tự pha lấy hay là con thu xếp thế nào? Mẹ mong con hãy viết về tất cả những điều liên quan đến việc nhà. Nàng thơ lịch thiệp của con sẽ không cảm thấy bị xúc phạm bởi văn xuôi của mẹ con. Con hãy nói với nàng ấy rằng cái cao hơn và tốt hơn đạt được thông qua cái thấp hơn.

Vậy, chúc con mạnh khoẻ. Con chắc có những ý muốn nào

¹ - Ê-đu-ác Mác

đó nhân dịp Giáng sinh và nếu mẹ có thể thực hiện được chúng, mẹ sẽ vui lòng làm tất cả. Con khoẻ nhé. Các yêu thương của mẹ. Con hãy là chàng trai cử khôi, con hãy nhớ Chúa và cha mẹ con. Adieu¹.

Mẹ thương yêu con

Hen-ri-ét-ta Mác

Tất cả bọn trẻ gửi con lời chào và [hón con], còn con, như mọi khi, là con đáng yêu và tốt nhất của mẹ.

*Cong bố lớn đầu trong: Marx-Bagels
Gessamangabe, Erste Abteilung, Bd. I,
Hft. 2, 1929.*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC
Ở BON

[Tô-ri-a, tháng Hai - đầu tháng Ba 1836]

[Các] thân yêu!

Tuy con mô tả tình hình của con không thật thi vị như cha muốn, nhưng đầu sao con vẫn hoàn toàn làm cho cha mẹ buồn. Cha hy vọng ít ra là kinh nghiệm đáng buồn sẽ bắt con

¹ - Tạm biệt.

chăm chút hơn một tí đến sức khoẻ của mình. Vì rằng sau lượng tâm trong sách thì sức khoẻ là của quý lớn lao nhất của con người, và phải trả giá nặng nề về những lỗi lầm còn tuổi thanh xuân, về những việc chơi bời vô độ, hoặc thậm chí chỉ về sự giải trí mà tự nó đã là nguy hại. Chúng ta có một ví dụ đáng buồn về điều đó - ông Guyon-xe-vơ. Tất nhiên, ở đây không có chuyện thói xấu, nhưng việc hút thuốc và nghiện rượu đã huỷ hoại bộ ngực vốn đã yếu của ông ấy, thành thử ông ấy chưa chắc qua được mùa hè. Cả đời ông ấy toàn là khổ đau, và qua ông ấy chúng ta sẽ mất đi một con người có tâm hồn lớn.

Ngày cả làm việc quá mức cũng là một sự điên rồ trong trường hợp tương tự như vậy. Trái lại, sự vận động vừa phải, chẳng hạn, việc đi dạo hoặc thậm chí đôi khi nuôi ngựa, nhưng không phóng như điên, là rất có ích, và tinh thần phấn khởi từ bỏ mọi ý nghĩ đen tối lại càng tốt hơn.

Các thân yêu, tính toán của con hoàn toàn là la Carl: trong nó không hề có sự lô-gích gì cả. Toàn bộ thao tác ấy sẽ rất đơn giản, nếu sự tính toán ngắn hơn, nhất quán hơn, còn các chữ số thì bố trí thành cột. Cả nhà bác học, đặc biệt là luật gia thực hành, cũng cần phải có *trật tự*.

Nhìn chung cha chẳng có gì phản bác, cha có thể cho rằng việc mua sắm một số lượng lớn sách, đặc biệt là những tác phẩm lịch sử dày cộp - vào thời điểm này là không cần thiết và vất vả.

Chuyến đi của con¹¹ là hợp lý nếu nó có ích cho sức khoẻ, có điều lẽ ra con cần phải viết trước mấy dòng về việc này.

¹¹ Có lẽ, do Họa Lan

Mặc dù có hai thư của con (con thấy đấy, cha mẹ đếm các bức thư), cha vẫn chưa biết kế hoạch học tập của con, mà đó là điều cha rất muốn biết. Như cha thấy, con không học các khoa học tự nhiên - lịch sử, và nếu quả thực môn vật lý và hoá học dạy dỗ như thế, thì con nghe giảng hai môn ấy ở Béc-lin là con làm đúng. Song sẽ là hợp lý nếu nghe giảng dù chỉ là nhập môn đại cương môn kinh tế hành chính, vì có khái niệm chung về cái mà đến lúc nào đó sẽ phải học thì bao giờ cũng tốt.

A proposal! Ông Grát-xơ sống ở đây gửi đến cho cha giấy giới thiệu ghi tên ông Van-téc. Cha gửi nó đi cho ông này cùng với bức thư, con đã biết gì về việc này chưa? Cha cảm thấy khó chịu về việc này, vì rằng chính là con thích giáo sư ấy.

Cha thích việc tham gia vào nhóm¹² - con có thể tin cha - hơn là tham gia những cuộc nhậu nhẹt. Những người trẻ tuổi tìm sự thích thú trong sự đoàn kết như vậy, - đó tất nhiên là những người có học thức, và họ ý thức được giá trị của mình với tư cách những công dân tương lai xứng đáng của một quốc gia, một cách rõ ràng hơn những người coi giá trị chủ yếu là sự bông bột.

Con không vội cho in, làm thế là đúng. Nhà thơ, nhà văn ở thời đại chúng ta phải tạo ra cái gì đó có giá trị, nếu anh ta muốn phát biểu trước công chúng. Nếu không thì anh ta có thể đơn thuần mang cống vật đến cho các nông phu. Điều đó bao giờ cũng là một trong những phương thức cao thượng nhất làm vui lòng phụ nữ. Nhưng nếu như ở khắp mọi nơi, việc lần đầu tiên bước vào đời phần lớn đều có tính chất

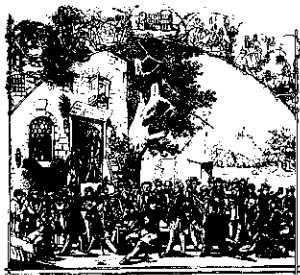
¹² - Nhân tập của thính!

quyết định, thì điều đó trước hết liên quan đến những người nửa người nửa thần ấy. Sự hơn hẳn của họ phải được thể hiện ngay trong những bài thơ đầu tay để ai ai cũng cảm thấy trong chúng tia lửa thần thánh. Cha nói thẳng thắn với con, năng khiếu của con làm cha rất vui mừng, cha đặt nhiều đức tin vào năng khiếu ấy, song sẽ rất đau lòng thấy con đóng vai thì ai quên kèm còi. Thành thử, tạm thời con hãy bằng lòng với việc con đem lại niềm vui cho người thân của mình. Chỉ có người kiệt xuất mới có quyền đòi thế gian nuông chiều chú ý, ở đó có Si-lo - những tâm hồn thơ ca chắc sẽ nói: "các vị thần"

Và lại, Các thân yêu, cha cảm ơn con về những lời êm tai đối với tấm lòng người cha, đến mức con trao trước tiên tác phẩm đầu tay của con cho cha xét đoán. Con thật có nhã ý vì con biết cha bấm sinh it được phú cho năng khiếu thơ ca: suốt đời cha không thể viết được bài thơ nào tầm tàm một chút, ngay cả trong những ngày tuyệt diệu của mỗi tình đầu. Còn hiện thời thì cha sẽ nghĩ đến điều này và chờ đợi để tin rằng đó có phải đơn thuần là lời khen lấy lòng hay không.

Các thân yêu, vì sao lại có chuyện chuyển đi của con không ghi vào trong cột chỉ tiêu? Cha hy vọng con đi không phải bằng tiền người khác đài thọ chứ?

Cha gửi kèm ngân phiếu 50 ta-le, và nhân đây, cha có thể nói với con rằng con chỉ cần phải nghĩ đến việc học tập và trong tương lai phải biết kiếm chỗ mọi cái ý muốn kỳ quặc, vì con chỉ cần những cái thực sự là cần thiết. Hy vọng lúc nào đó con có thể làm chủ dự chu em trai, em gái của con, thật



HÌNH VIÊN HỘI ĐỒNG HƯỚNG DẪN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP BÓN (MẠC ĐỪNG BẮNG SAU CÙNG, THỦ TƯỚNG TỰ PHẢI)

quả tuyệt vời và quá đổi vui mừng khiến cha muốn giành lấy niềm hy vọng đó ở nơi con.

Bây giờ cha không có gì nói thêm - cha chỉ một lần nữa khuyên con giữ gìn sức khoẻ. Không có một sinh vật nào thăm hại hơn nhà bác học ôi ột, và không có những bậc cha mẹ nào bất hạnh hơn những bậc cha mẹ mà trong con mắt của họ tan biến đứa con nhiều hứa hẹn, được nuôi dạy bằng cái già phải tự hy sinh. Con hãy nhớ điều đó. Cha chỉ có thể kêu gọi trái tim con, vì cha tin rằng trái tim con nhân hậu và cao thượng. Hết lòng ôm hôn con.

Cha của con

Mác

(PHẦN VIẾT THÊM CỦA MẸ)

Các thân thương! Bệnh của con làm cha mẹ rất buồn, nhưng mẹ chúc và hy vọng con sẽ bình phục. Tuy rất lo cho sức khoẻ của những đứa con yêu quý của mình, nhưng mẹ vẫn tin rằng nếu con, Các thân yêu, sẽ xử sự hợp lý, thì con sẽ sống đến già. Nhưng muốn thế con phải tránh tất cả những gì có hại cho con: đừng nổi nóng, đừng uống nhiều rượu và cà phê, đừng dùng nhiều tiêu ột và gia vị, đừng hút thuốc, đừng ngồi đến khuya và đừng dậy sớm. Con cũng hãy tránh cảm lạnh và đừng nhảy múa. Các thân yêu, chừng nào con chưa bình phục hoàn toàn. Các thân yêu, chắc con thấy buồn cười khi thấy mẹ làm ra vẻ là bác sĩ - con không biết

cha mẹ hết sức để tâm đến bệnh tật của con mình như thế nào, và điều đó đã đem lại cho cha mẹ biết bao nhiêu giờ rảnh rỗi. Chỉ mong các con lành mạnh về đạo đức và thể chất, còn về những điều còn lại thì chẳng có gì làm các con lo nghĩ cả. Ôn trời, cả mùa đông cha thân yếu luôn khoẻ, trong công tác cũng không có thiếu sót gì. Cả nhà ta đều mạnh khoẻ.

Con thích thành phố quê hương của mẹ¹ chứ? Nó nằm ở vị trí rất đẹp, và mẹ hy vọng thành phố ấy sẽ làm con vui khiến con sẽ làm một bài thơ tặng nó.

Các thân yêu, con hãy viết thư càng sớm càng tốt. Con viết ít, nhưng viết thường xuyên thì tốt hơn. Adieu². Trong tâm tưởng mẹ hôn con, Các thân yêu.

Người mẹ luôn thương con

Hen-ri-ét-ta Mác

Cộng đồng bản đầu trong Marx + Engels
Oppenheimers, Erste Abtheilung, Bd. I.
Hilfs 2, 1929

In thư bản viết tay
Nguồn văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Đức lần đầu

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BON

Tá-ria, ngày 19 tháng Ba 1836

[Các] thân yêu!

¹ - Nien-vơ-giôn
² - Tạm biệt

Cha vừa nhận được thư của con, và phải thú nhận rằng nó làm cha hơi ngạc nhiên.

Về bức thư kèm phiếu thanh toán của con, thì ngay lúc kỳ cha đã nói với con rằng cha không thể hiểu nó. Theo như cha hiểu, con cần tiền, vì thế cha đã gửi cho con 30 ta-le. Vài số tiền con mang theo, cả thảy sẽ là 160 ta-le. Con vắng nhà năm tháng, và thậm chí giờ đây con không nói con thiếu thốn cái gì. Điều đó đã sao cũng lạ. Các thân yêu, cha nhắc lại rằng cha sẽ vui lòng làm tất cả, nhưng là người cha đồng cảm mà con hiểu đấy cha không giàu - cha không muốn làm nhiều hơn mức cần thiết cho sức khoẻ và sự thăng tiến của con.

Vì vậy, nếu con chỉ tiêu hơi vượt quá khuôn khổ, thì chúng ta sẽ không nói đến điều đó một khi đã xảy ra như vậy. Nhưng cha quả quyết với con rằng số tiền đã dành ra "là nec plus ultra"¹. Theo cha quan niệm, có thể chi tiêu ít hơn. Ông công chứng viên Mui-ơ ở đây cung cấp ít hơn. Có lẽ, có thể làm tất cả được tốt hơn. Nhưng trong bất cứ điều kiện nào cũng không nên chi số tiền lớn. Muốn thế cần có những cơ hội đặc biệt may mắn, mà những cơ hội ấy thì hiện giờ không có. Trái lại, thu nhập của cha đã giảm. Cha nói điều này tuyệt nhiên không phải để con buồn phiền, tuyệt nhiên không, nhưng để dứt khoát báo cho con biết quyết định kiên quyết của cha.

Theo lời khuyên của Hóp-man, cha gửi ngân phiếu tiền tôi địa chỉ người bán vé số số ở trường đại học tổng hợp là ông Cau-phman, cần bao nhiêu con có thể lấy ở chỗ ông ấy bấy nhiêu.

¹ - nhiều nhất

Chúa phù hộ con, con hãy về càng sớm càng tốt. Cả nhà nóng lòng chờ con.

Cha chân tình của con

Mác

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd.1,
11thd. 2, 1929*

*In theo bản chữ tay
Nguyễn Văn Lê tặng Đức
Lu bằng tiếng Nga lần đầu*

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BON¹⁰

(Tô-ri-a, tháng Năm - tháng Sáu 1836)

Các thân yêu!

Bức thư của con mãi ngày 7 cha mới nhận được, nó đã củng cố niềm tin của cha vào tính ngay thẳng, chân thành và dũng cảm của con, đối với cha điều này quý hơn tiền bạc. Vì vậy chúng ta sẽ không nói điều đó nữa. Cùng với thư này cha gửi cho con 100 ta-le, còn nếu con cần, thì con sẽ nhận được thêm. Và lại, cha hy vọng con sẽ thông minh ra và từ nay sẽ chăm lo chỉ đến những thứ nhỏ nhặt vì Chúa biết rằng bất chấp tất cả loại triết học, những thứ ấy làm nhiều người bạc màu ra đấy.

Và chẳng lẽ cớ cuộc đấu súng đã liên quan như vậy với triết học? Đó là sự coi trọng dư luận xã hội, hơn thế nữa - là nỗi sợ hãi trước dư luận xã hội. Và trước ý kiến của ai? Tuyệt nhiên không phải bao giờ đó cũng là ý kiến của những người ưu tú, và tuy vậy!"! Đầu đầu người ta cũng đều không nhất quán như vậy. - Con hãy cố gắng để thiên hướng ấy - mà thậm chí không phải là thiên hướng, mà là sự đam mê - không đâm rễ trong tâm hồn con. Rồi cuộc con có thể giải quyết những hy vọng tốt đẹp nhất, của con và của cha mẹ con. Cha tin rằng người khôn ngoan có thể dễ dàng và đáng hoàng không để ý tới điều đó, tout en imposant".

Các thân yêu, nếu có thể, con hãy lưu giữ những lời xác nhận của những thầy thuốc tốt nổi tiếng. Con có thể làm điều đó cho yên tâm. Ngực con yếu, ỉu ra là vào lúc này. - Nếu con muốn, cha có thể gửi đến cho con lời xác nhận của ông Béc-nơ-en-xten từng chữa bệnh cho con. Nhưng để cho yên tâm, con đừng hút thuốc nhiều.

Con không giữ lời hứa với cha. - Chính con nhớ lời con hứa, còn cha thì ít tự hào về việc thừa nhận năng lực phê bình của cha. Song giống như những người lạc quan chính trị, cha sẽ chấp nhận tình hình thực tế như nó xảy ra. Nhưng cha vẫn muốn tìm hiểu vấn đề, nghĩa là tìm hiểu xem cuộc thương lượng đã diễn ra như thế nào - có lẽ, cha có thể hiểu thực chất của cuộc thương lượng tốt hơn Sếp-phơ, - và trong chừng mực có thể, tìm hiểu bản chất của vấn đề. Còn nếu làm thế rất khó thì cha sẽ đợi con về.

¹⁰ - trong khi làm chủ người ta kính sợ mình

Con mạnh khỏe nhé. Các thân yêu, con hãy luôn luôn coi mở và chân thành như vậy, con hãy coi cha là người bạn trai số một của con, coi mẹ hiền hậu của con là bạn gái số một của con. Cha không thể giấu mẹ con điều gì, vì nếu không thì việc con lâu ngày không biết thư sẽ làm mẹ con sợ. Mẹ con tàn tiện, nhưng (phẩm chất chính của mẹ) là yêu đời, tất cả những cái còn lại đều phục tùng điều đó. Hết lòng ôm hôn con

Cha chân thành của con

Mác

Cha phải cho con biết một điều đáng ngạc nhiên.

Bạn Clai-nơ của con viết cho cha rằng người ta đối xử với cậu ấy rất khác nghiệt (chắc vì cậu ấy đã bỏ đi), và cậu ấy thậm chí đã buộc phải thi các môn thi của trường mà, tuy thế, thật ngạc nhiên đối với chính cậu ấy, cậu ấy đã làm xuất sắc. Cậu ấy lo sợ những khó khăn rất nghiêm trọng. Cái có thể giúp nhiều cho cậu ấy là học thu giới thiệu của giáo chủ chúng ta¹⁷ gửi ông chủ nhiệm khoa y, giáo sư Mui-lo mà lúc trẻ đã thấy nhiều cái hay từ con người xứng đáng ấy.

Và con hãy chỉ nghĩ: ông Guéc-ghen tốt bụng đã được mời đến nói chuyện với giáo chủ, giáo chủ lập tức đồng ý, đã nói để cha tự thảo giấy này (song không muốn thừa nhận những quan hệ nào gần bó ông ấy với ông Mui-lo). Cha đã gửi khuyến nghị bằng thư báo đảm cho ông Mui-lo và đã báo điều này cho Clai-nơ.

¹⁷ - L. L.A. Hém-ma

Clai-nơ đã tỏ ra rất tế nhị để đảm bảo vị trí của cha trong con mắt của người bạn đã tin lời cha, cậu ấy lập tức, không đợi kết quả việc đề nghị xin này, đã gửi cho cha bản hồ sơ lý lịch quân nhân thực ra rất tuyệt vời của mình. Và lại, có lẽ cậu ấy chắc chắn là thành công.

Vận hội đùa bỡn với con người thế nào nữa?

Mẹ thân yêu gửi con lời chào và hôn con. Bấy giờ đã quá khuya, không thể viết thêm nữa - hẹn lần sau.

[VIẾT THÊM]¹⁸

Lúc này cha không thể gửi nhiều hơn. Nay mai chắc chắn con sẽ nhận được 20 ta-le qua Ra-be.

*Cộng bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. I, Hftd.
3, 1929*

*In theo bản viết tay
Nguyễn Văn là Hồng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

XÁC NHẬN CỦA HEN-RÍCH MÁC ĐỒNG Ý ĐỂ CÁC MÁC CHUYỂN TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP BÓN ĐẾN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÉC-LIN

Tôi không chỉ cho phép con trai tôi, Các Mác, mà tôi muốn vào học kỳ sau, con tôi đến trường đại học ở Béc-lin để liếp

¹⁸ Ở trong thư nhất của lúc cho

9. Luật quốc tế châu Âu _____ và

10. Pháp luật tự nhiên do giáo sư *Pu-ghe* giảng. Không thể đánh giá về hai giáo trình này vì giáo sư *Pu-ghe* qua đời đột ngột vào ngày 5 tháng Tám.

Về hạnh kiểm của anh, cần nêu lên rằng anh bị giam trong phòng giam cú nhán một ngày vì vào ban đêm, trong trạng thái say rượu, anh đã gây ồn ào, phá hoại sự yên tĩnh; ngoài trường hợp đó ra, anh không có gì đáng chê trách về mặt đạo đức và kinh tế. Về sau có báo cáo là ở Khuyển anh mang vũ khí bị cấm. Việc điều tra đang tiếp tục.

Không có nghi vấn về việc tham gia tổ chức sinh viên bị cấm. Để xác nhận điều này, nay cấp cho anh giấy chứng nhận này có đóng dấu của Trường đại học tổng hợp và chữ ký tự tay của hiệu trưởng hiện nay, cũng như của các chủ nhiệm hiện nay của khoa pháp lý và khoa triết học.

Bon, ngày 22 tháng Tám 1836

Hiệu trưởng Chủ nhiệm khoa pháp lý

Phray-tác *Van-téc*

Thẩm phán của trường Chủ nhiệm khoa triết học

Phôn Xa-lô-mông *Lue-ben*

Ốp-pen-hốp

[Dấu của nhà trường.]

Đã xem: phải viên đặc biệt của chính phủ và người quản lý tài sản

Phôn Rê-phu-xơ

Cũng bị lấy dấu trong ấn phẩm "Archiv für die Geschichte des Sozialismus und der Arbeiterbewegung", Jg. 12, 1920

In theo đúng văn bản Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BÉC-LIN

To-ri-a, ngày 9 tháng Mười một 1836

Các thân yêu!

Ngay trước khi nhận được thư của con, cha mẹ đã có tin về con do ông I-ê-ni-ghe-n chu đáo gửi đến cho cha. Thư của ông ấy rất lịch sự cả đối với con lẫn đối với cha. Ông ấy tha thiết đề nghị cha khuyên con thực hiện ý muốn của ông ấy sans gêne¹ và thường xuyên đến thăm ông ấy và gia đình ông ấy. Giữ một địa vị rất khiêm tốn trên thế gian, cha càng ít có thể nghi ngờ tính chân thật của ông ấy, vì cha luôn luôn thấy ông ấy xử sự như một trong những người hết sức đáng kính trọng và hết sức cao thượng. Mỗi người đều dễ chịu khi được người có tấm lòng và đầu óc hiếm có kính trọng.

Một điều bất ngờ đối với cha là ông Êt-xơ đặc biệt chú ý

¹ - mà không ngần ngại

đến con, và điều đó làm cho con vinh hạnh vì nó chứng minh rằng mặc dù có những nguyên tắc chặt chẽ của mình, con có thể giữ thái độ lịch thiệp với những con người hết sức khác nhau. Tính nguyên tắc của con làm cha nhớ đến những năm thanh xuân của cha, nhất là vì những nguyên tắc ấy là của quý duy nhất của cha. Cha không có tài khéo léo, và điều đó có thể giải thích được dễ dàng.

Mẹ bảo con là đứa con cưng của hạnh phúc. Cha không phân bác điều đó. Cầu trời con tin điều đó. Chỉ ít cha không phải nào nghĩ ngờ lung lộn, nghĩ ngợi việc con nên thành khi con vui vẻ phục tùng cha mẹ. Không ở mặt nào khai sự quá đáng có thể được tha thứ hơn ở mặt này, và nếu ở đây trái tim thẳng cái đầu thì cũng chẳng sao.

Ngay cả nếu ông Rây - khác ông thì ông ta có người nhân viên văn phòng vẫn ít phải biết điều gì đó về vụ việc của cha.

Ông Đan-đơ không phải "Phôn", ông ta là anh em với tổng luật sư Đan-đơ ở Khuyn và phục vụ ở tòa án phúc thẩm. Ông Moi-rin biết rõ ông ấy. Trong trường hợp cần thiết ông ấy có thể cung cấp cho con tư liệu về vụ việc của cha¹⁴ trong đó ông ấy chắc hẳn đại diện cho bên đối lập.

Cha rất vui thấy con thích ông Moi-rin, vì cha rất mến ông ấy. Ông ấy thuộc số những người hiếm hoi giữ được tâm lòng nhân hậu tao nhã. Với đầu óc thực tế, ông ấy chắc chắn vượt nhiều quý ngài hiếm biết cao rộng.

Cha đặc biệt vui thấy con giao tiếp với những người có học thức và ít dành thì giờ dao dờ với thanh niên, ít ra là với những thanh niên mà con chưa biết đầy đủ.

Điều duy nhất cha để nghị con là đừng để việc học tập làm con quá mệt mỏi, con hãy cố gắng giữ gìn thể lực và thị lực vốn rất yếu của con. Con ghi tên học nhiều giáo trình và những giáo trình quan trọng - con tất nhiên có tất cả mọi lý do để làm việc nghiêm túc, nhưng đừng để đi tới chỗ kiệt sức. Cầu trời, trước mắt con cuộc đời còn dài - vì hạnh phúc của con và hạnh phúc của gia đình, và nếu dư cảm không dành làm cha, vì hạnh phúc của toàn thể loài người.

Tức thay, hiện thời cha chưa thỏa thuận được với hàng buôn nào¹⁵. Cha muốn nói điều này với ông Phôn-Nen-ô. Tạm thời con sẽ nhận 50 ta-le. Hiện nay chắc hẳn con đã có thể tính toán ứng chừng mỗi năm con cần bao nhiêu tiền. Cha vẫn muốn biết điều này.

Cha đã viết cho con từ Phran-phuốc, nơi cha đến lo công việc của Héc-man¹⁶. Ông Đôn-ne-rô đã chuyển thư cho ông quan văn hạng bảy. Thu được giao ngày 20 tháng Mười. Có lẽ con chưa nhận được nó¹⁷. Trong thư đã có nhiều điều khuyên bảo, vì vậy bây giờ cha sẽ không viết thêm những lời khuyên nữa nữa. Cha vẫn muốn nhận được trả lời về bức thư đó. Nhân một vấn đề chắc chắn là rất quan trọng, cha thậm chí để nghị con bỏ vào phong bì của con là thư riêng để tên cha. Thông thường cha không giấu gì mẹ thân yêu, nhưng trong trường hợp này, điều làm cha lo lắng là nỗi sợ hãi quá đáng của mẹ, nỗi sợ hãi ấy không được ý thức về bốn phận làm với bất một cách đầy đủ, như ở người dân ông.

Cha không phải là thiên thần và cha biết rằng con người sống không chỉ độc bằng bánh mì. Nhưng trước bốn phận thiêng liêng, tất cả mọi lý do thứ yếu ắt phải bị gạt bỏ. Và

¹⁴ - Héc-man Mác.

cha nhắc lại đối với dân ông không có hỗn phận nào thiêng liêng hơn là hỗn phận mà anh ta đã đặt lên mình đối với người dân bà yếu hơn¹⁴. Về mặt này cũng như về tất cả mọi mặt còn lại - con hãy hoàn toàn thẳng thắn với cha như với một người bạn. Và nếu sau khi tự kiểm tra mình, con vẫn kiên trì quyết định của mình, thì lúc đó con hãy hành động như bậc nam nhi chín chắn. Điều đó không mất mấy ngàn cân sự cất cánh của thơ ca - chính sự cất cánh vì hỗn phận cùng tràn đầy thơ ca mà.

Héc-man hôm nay đã lên đường đi Bruy-xen, nơi cậu ấy vào làm ở một hãng tốt, song, để vào làm đã phải nộp ngay một lúc 1000 phrăng. Với số tiền ấy người ta chỉ phải đưa cậu ấy vào làm quen để nắm công việc, chưa nêu thời hạn là bao lâu. Thành thử cậu ấy bắt đầu đứng vững chừng hay chẵn, điều đó phụ thuộc vào sự chăm chỉ và hiếu hiệp của cậu ấy. Cha trông đợi nhiều vào sự cần mẫn của cậu ấy, nhiều hơn vào trí tuệ của cậu ấy. Cậu ấy sẽ sống đi nhiên không phải ở nhà chủ hàng, cậu ấy phải tự đặt thọ cho mình. Tiếc rằng tâm hồn đón hậu ấy có ít trí thông minh.

Men-ni¹⁵ đi học ở trường trung học và, như đã thấy, vẫn có ý định trở ra cần mẫn hơn. Các em gái đều cố gắng và chăm chỉ. Cha dựng tóc gáy lên khi nghĩ rằng trong thời đại chúng ta thứ hàng ấy chỉ có người mua trong trường hợp nó được mạ vàng, còn cha thì không sành nghệ thuật ấy lắm.

Vì sao con không cho cha biết tí mĩ hơn về Cláy-nơ? Cha rất muốn biết ông ấy có chuyện gì.

¹⁴ Ê-đê-ác Mác

Các yêu thương, mong Chúa phù hộ con, và con hãy luôn luôn yêu cha, như cha yêu con vậy.

Mác

Cộng hòa liên đoàn trong Marx Engels Gesamtausgabe, Briefe Abteilung, Bd. I
Hd. 2, 1929

In theo bản các em
Nguyễn Văn Tố trong Đuôi
In bằng tiếng Hán tại Bắc Kinh

HEN-RICH MÁC GỬI CÁC MÁC

Ở BÈC-LIN

Tờ rơi ngày 28 tháng Chạp 1836

Các thân yêu!

Nếu cha ít nề nang hơn, nếu cha nói chung có thể giận lắm, đặc biệt là đối với những người được yêu mến của mình, thì cha có tất cả mọi lý do để hoàn toàn không trả lời con. Hơn đối quá mức, đặc biệt là đối với người cha mà tôi lắm có lần lao gi đầu, thì nói chung không đáng khen.

Nếu con nghĩ rằng vào lúc cha viết cho con lá thư gần đây nhất cha chưa nhận được gì của con ngoài bức thư thứ nhất, rằng khoảng thời gian khá dài, ngay cả nếu tính từ lá thư thứ hai của cha gửi đi đây đi; rằng cha đã can thiệp vào một công việc mà tự nó không đặc biệt thích thú đối với cha - can thiệp vì ý thức hỗn phận đối với một người đáng được kính

trọng cao nhất" - thì con sẽ hiểu sự im lặng không thể giải thích được của con út đã làm cha buồn phiền quá đôi nư như thế nào. Và nếu cha đã nói gì đó, có thể là gay gắt, cha không đặc biệt coi trọng lời nói của cha, nhưng cha học không phải không có căn cứ. Và lại, cha trao đoạn với con là cha không bị *animus columniarum* ám ảnh.

Nếu không đánh giá tấm lòng nhân hậu của con cao như thế thì cha nói chung sẽ không quyến luyến với con như vậy, và sẽ ít đau khổ hơn vì những lầm lỗi của con. Con biết rằng dù cha đặt năng lực của con cao thế nào đi nữa, nếu không có tấm lòng đôn hậu thì năng lực ấy sẽ mất mọi ý nghĩa đối với cha. Chính con thừa nhận rằng trước đây con đã tạo cho cha cái có thể ngăn vệt tính tự kiểm chế của con. Nhớ lại tất cả những điều này, con cần phải ít tự ái đối với cha hơn.

Nói chung đã đến lúc con phải thoát khỏi sự căng thẳng làm hại đến tâm hồn và thể xác, và nhân đây cha có quyền đòi hỏi để con phải lưu ý chút ít đến sự yên vui của người mẹ đôn hậu của con và sự yên vui của cha. Vì rằng cha mẹ không mơ mộng hão huyền, và cha mẹ lo lắng cho sức khỏe của con cơ mà.

Cha nhắc lại - con đã đặt lên con những nghĩa vụ lớn lao. Tuy mạo hiểm khơi dậy sự tự ái của con, Các thân yêu, cha phải biểu ý kiến theo cách của cha, một cách thực tế hơn: với thiên hướng cường điệu và dễ kích động trong tình yêu vốn có của các nhà thơ, con không trả lại nỗi sự yên tĩnh tâm hồn cho người mà con hoàn toàn trung thành. Trái lại, con đứng trước nguy cơ đe dọa làm hại sự yên tĩnh ấy. Chỉ có hằng tỷ cơ xù

mẫu mực nhất, bằng khát vọng dâng cảm và kiên quyết sẽ giành cho con cảm tình và thiện ý của mọi người, con mới có thể đạt tới chỗ thay đổi được hoàn toàn một cách may mắn, và điều đó sẽ làm yên lòng con người ấy và sẽ nâng cao trong con mắt của người khác và trong con mắt của chính mình.

Cha đã nói chuyện với Giem-mi - cha muốn cô ấy hoàn toàn yên lòng. Cha đã làm tất cả những gì có thể làm được, nhưng bằng độc những điều suy luận không thôi thì ta không thể đạt được điều đó. Cô ấy chưa biết cha mẹ cô ấy có thái độ như thế nào đối với việc này. Ý kiến của họ hàng và thiên hạ cũng không phải không quan trọng. Cha sợ tính tự ái không phải bao giờ cũng có lý của con và vì thế cha để cho con tự mình đánh giá tình hình đã có. Nếu đủ sức can thiệp tích cực để bảo vệ và làm yên lòng con người cao thượng ấy thì cha không ngần ngại trước bất cứ hy sinh nào. Nhưng thật không may, cha yếu về tất cả mọi mặt.

Cô ấy mang lại cho con một sự by sinh vô giá - cô ấy thể hiện đức tính hy sinh mà chỉ có lý trí vũ tư mới có thể đánh giá được. Rồi thay cho con, nếu lúc nào đó con quên điều này! Nhưng giờ đây chỉ có con là có thể can thiệp hữu hiệu. Con phải chứng minh rằng mặc dầu còn trẻ, nhưng con là người trưởng thành đáng được thiên hạ kính trọng, tránh thủ được thiên hạ bằng những bước đi hãy dăm; là người bảo đảm sự kiên định của mình và những ý định nghiêm túc của mình và bắt những miệng lưỡi độc ác chỉ trích con về những sai lầm trong quá khứ phải im bặt.

Chính con sẽ thấy bất đầu làm việc ấy như thế nào là tốt hơn cả.

Nhân đây cha phải hỏi con: con có biết vào độ tuổi nào có

¹⁷ - Giem-mi Phôn Vu-xô-phô-lin

¹⁸ - Hưng Thôn

thể nhận được ghế giảng viên hay không? Rất cần biết điều đó, vì theo cha nghĩ, kế hoạch của con có đặt mục tiêu đạt được chỗ ấy càng nhanh càng tốt - tuy đó là một trong những chức vụ thấp nhất - và dần dần được nổi tiếng nhờ những tác phẩm của mình.

Đòn bẩy thứ nhất phải là thơ ca, - trong lĩnh vực đó nhà thơ dĩ nhiên là thông thạo. Song người có năng lực sáng tạo thơ ca làm say đắm lòng người đúng ra là con người thông minh, hiểu biết thế giới. Trong điều kiện thông thường, điều đó sẽ có nghĩa là đời đời ở người thanh niên quá nhiều. Nhưng người nào gánh lấy trách nhiệm cao thì phải nhất quán: việc thực hiện bốn phận cao cả và đẹp đẽ sẽ soi sáng trí tuệ và chính trị trong con mắt của chính nhà thơ.

Cha thiết tha để nghị con: bản tính của con tốt, nhưng bồng bột - vì vậy con hãy giữ bình tĩnh, con hãy giảm bớt những bão táp ấy, con hãy cố gắng bớt khơi dậy chúng trong ngực của con, người đáng được yên tĩnh và cần sự yên tĩnh. Mẹ của con, cha, Xô-phê¹⁷ - một cô gái hiền hậu và vô cùng tận tụy - bảo vệ hạnh phúc của con trong những mực hoàn cảnh cho phép, và để thường cho công sức của con, trong tương lai, hạnh phúc-mà vì nó đáng phải lao động - sẽ mỉm cười với con.

Trong tác quan điểm của con về luật học có một phần chân lý, nhưng được quy thành hệ thống, chúng có thể gây ra bão táp, còn con thì chưa biết những cơn bão táp trong khoa học có thể đáng sợ như thế nào. Nếu không thể hoàn toàn trừ bỏ những yếu tố đáng chê trách trong công việc, thì ít ra hình thức sẽ phải có tác dụng làm dịu bớt và dễ chịu.

¹⁷ - Xô-phê Mác

Con không viết gì cho cha về Mói-rin, con cũng không cho biết con có đến nhà ông Ấy-hoóc-nơ hay không.

Bây giờ cha không muốn viết cho ông I-ê-ni-gheh, mà vì chẳng cấp bách gì nên con có thể đợi dịp tốt.

Nếu con gửi cho cha những bức thư dày theo thể thức thông thường thì giá cước rất đắt. Bức thư áp chót gửi mẹ ta-le. Những bao gói gửi nhanh cũng đắt như thế - gói gần đây nhất cũng tốn mất một ta-le.

Nếu sau này muốn viết nhiều, thì con hãy viết về tất cả những gì có thể viết để cha mẹ biết được đầy đủ mọi việc. Rồi con hãy làm cái đó mang hình thức bao gói và gửi đi theo xe hành lý. Chắc con sẽ không phát lòng về những ý kiến nhỏ ấy về tiết kiệm.

Cha hy vọng con đã nhận được rượu mà cha mẹ đã gửi cho con. Con hãy uống cho tươi tỉnh, con hãy bỏ tất cả những trở không cần thiết, mọi nỗi thất vọng, con hãy bỏ thơ ca, nếu nó không có điểm cho cuộc đời và không làm cho cuộc đời trở nên hạnh phúc.

[PHẦN VIẾT THÊM CỦA MẸ]

Các thân yêu! Cha thân yêu của con vội gửi thư đi đến nói mẹ không còn việc gì khác ngoài việc chân thành chào con.

Mẹ yêu con

Hen-ri-ét-ta Mác

[PHẦN TIẾP TỤC THƯ CỦA BỐ]

Cha gửi kèm kèm séc 50 ta-le. Nếu con thích cha tìm ở đây cho con một hãng, thì con hãy nói cho cha rằng chừng mỗi tháng cha phải dành cho con bao nhiêu tiền. Thế này hay thế khác thì con cũng phải biết điều đó.

Mác

[PHẦN VIẾT THÊM CỦA CHỊ GÁI XỎ PHÌ]

Các thân yêu, bức thư gần đây nhất của anh đã làm chị chảy nước mắt cay đắng: làm sao em có thể nghĩ rằng chị đã bỏ lỡ dịp báo cho em biết về Gi-en-ni của em! Chị chỉ sống bằng ý nghĩ và ước mơ về hai em Gi-en-ni yêu em. Nếu điều làm em lo lắng là sự chênh lệch tuổi tác, thì đó chỉ là vì cha mẹ có ấy. Có ấy sẽ cố gắng chuẩn bị dần cho họ. Rồi em hãy tự viết cho họ. Họ đánh giá cao em. Gi-en-ni thường hay đến thăm nhà chúng ta. Hôm qua, có ấy vừa mới ở nhà ta và đã chảy nước mắt hạnh phúc và buồn rầu sau khi nhận được bài thơ của em¹⁷. Cha mẹ chúng mình, các anh chị em rất yêu cô ấy, các anh chị em thật đúng là yêu cô ấy vô hạn. Mọi người không bao giờ để cô ấy ra về trước mười giờ tối, em có thấy hài lòng không?

Adieu¹⁸. Các thân yêu, chị chúc em thực hiện được ý muốn thiết tha nhất của em.

Cũng kể lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. I.
Hft. 2, 1929

Viết theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
Viết bằng tiếng Nga lần đầu

¹⁷ - Tom biếu

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC

Ồ BÊC-LIN

Tu-rin, ngày 3 tháng Hai 1837

Các thân yêu!

Bức thư gần đây nhất của con đã làm cha đặc biệt vui mừng, vì nó cho cha thấy rằng con đang thoát khỏi những điểm yếu nhỏ của con, những điều mà tiện đây cha nói thêm, từng làm cha lo lắng: rằng con hiểu địa vị của con, và con, với nghị lực và phẩm giá, tìm cách đem báo tương lai của mình. Nhưng, Các thân yêu, con đừng rơi vào cực ngược lại.

Chưa nói gì đến việc sự giao thiệp rộng đem lại nhiều cho con người, đặc biệt là người trẻ tuổi, xói mòn độ giải trí, nghỉ ngơi và phát triển, sự khôn ngoan đến lượt nó lại đòi hỏi - và không nên coi thường điều này, vì giờ đây con không phải chỉ một mình - tìm được cho mình sự ủng hộ của một số người, dĩ nhiên, một cách trung thực và xứng đáng. Những người quan trọng, hoặc những người cho mình là như vậy, không dễ dàng tha thứ sự coi thường và không có thiện hướng tìm những nguyên nhân xác đáng, đặc biệt là nếu họ phản nài đó có thiện cảm với con người. Ông I-ê-ni-ghe-n và ông Êt-xơ không chỉ là những người đúng đắn, mà hiển nhiên còn cần cho con, và sẽ hết sức bộp chộp và thật là dốt nếu coi

thường họ, vì họ đã tiếp con rất lịch sự. Ở tuổi con và ở địa vị của con, con không thể đòi hỏi tuân thủ nguyên tắc có đi có lại.

Cũng không nên quên thân thể. Sức khoẻ là của cải lớn nhất đối với mọi người, đặc biệt là đối với nhà khoa học.

Con hãy giữ điều độ trong tất cả mọi mặt! Với tư cách bốn sinh của con và với sự cần mẫn của con hiện nay, con sẽ đạt được mục đích, và lại một học kỳ chẳng giải quyết được gì đâu con ạ.

Dù có nhiều kinh nghiệm đến mấy đi nữa, cha cũng không thể lập cho con một kế hoạch hoàn toàn rõ ràng với tất cả mọi chi tiết.

Cha nghĩ, dù sao cũng không mấy may nghĩ ngờ rằng ý định của con muốn nổi trội trong lĩnh vực khoa học là rất tốt và hợp sức con, nếu con sẽ không coi thường một điều nhỏ nhặt, - cụ thể là con phát triển một chút tiếng nói của con.

Tất nhiên, điều đó có thể đòi hỏi thời gian lâu dài, và dĩ nhiên, trong tình hình ấy nên làm điều gì đó theo hướng ấy. Về mặt này con không còn cách nào khác ngoài việc *phát biểu trên báo chí*. Nhưng phát biểu như thế nào? Đó là một vấn đề khó khăn, nhưng đi trước vấn đề này còn có một vấn đề khác. Con có giành được ngay sự tin nhiệm của một người xuất bản thảo viết hay không? Điều này có lẽ là khó nhất. Nếu con làm được thế, - mà con thì gặp may về mọi mặt, - khi đó sẽ nói lên vấn đề thứ hai: triết học hay luật học, hay là cả hai - cha nghĩ, điều đó là tuyệt vời đối đất cư sở. Còn thơ ca thuần túy thì có thể ở vị trí thứ hai, và nó sẽ không làm hại thành

danh, trừ phi trong con mắt của một số kẻ cố chấp. Trong trường hợp này những bài tranh luận nhẹ nhàng là có ích nhất, còn khi có được một số bài hay tên gọi tốt, nếu chúng độc đáo và có phong cách mới, thì con sẽ có thể yên tâm và chắc chắn chờ đợi hàm giáo sư v.v. - Nhưng con phải quyết định dứt khoát, tuy không phải lập tức, nhưng ngay trong năm nay. Và, một khi đã quyết, con hãy quyết tâm kiên trì nó và luôn luôn đi theo nó. Trở thành luật sư đối với con không khó như đối với cha của con.

Các thân yêu, con biết rằng vì yêu con nên cha đã chấp nhận một số điều không hoàn toàn phù hợp với tính cách của cha, và điều đó đôi khi làm cha phiền muộn. Nhưng không một sự hy sinh nào cha cảm thấy quá lớn nếu hạnh phúc của các con của cha đòi hỏi phải thế. Cha đã được Gi-en-ni của con tin cậy vô hạn. Có gái dễ thương, duyên dáng ấy không ngừng dẫn dắt mình - có ấy e rằng mình gây hại cho con, bắt con làm quá sức v.v.. Ý nghĩ rằng cha mẹ có ấy không biết gì hoặc, như cha cảm thấy, không muốn biết gì, đang đè nặng có ấy. Bản thân có ấy không thể giải thích cho mình làm sao mà có ấy vốn là-như có ấy quan niệm - con người hoàn toàn có lý trí lại có thể tuân theo tình cảm của mình một cách mãnh liệt. Có thể, nguyên nhân của tình hình đó là tình trạng hơi đóng kín.

Thư của con - con có thể bỏ vào phong bì thư gửi cho cha - không bị óc tưởng tượng của nhà thơ chi phối-có thể mang đến cho có ấy sự an ủi. Thư ấy phải tràn đầy sự dịu dàng và tình yêu chung thủy trong sáng - nhân tiện nói thêm, cha tin là như thế - nhưng trong thư cũng phải vẽ lên rõ ràng các quan hệ của hai con và triển vọng trong tương lai. Những hy

vọng đã bày tỏ trước đây cần phải trình bày thẳng thắn, rõ ràng và với niềm tin sâu sắc để lại thuyết phục cả ấy.

Con phải đoán chắc với cô ấy rằng quan hệ của các con không gây hại cho con, mà ngược lại, đã có tác động rất tốt đối với con - và về mặt nào đó hân hoan cha tin điều này. Mặt khác, với sự kiên quyết và sự vững tin của dân ông, mà đứng trước anh ta, đứa trẻ khôn khéo đã tỏ ra rất bất lực, con hãy đòi hỏi để cô ấy không dao động, không nhìn lại phía sau, mà bình thản, vững tin và kiên quyết nhìn vào tương lai.

Con sẽ nói gì với cha của con? Con có thấy cha-thật ngạc nhiên đối với mọi người - đã chuyển thành người mới giới hay không? Người ta có thể hiểu sai cha biết chừng nào, nếu người ta nhận biết ảnh hưởng của cha. Người ta có thể gán cho cha những động cơ ích kỷ biết chừng nào. Nhưng cha không trách mình, - trời mà cho được tốt số thì cha sẽ cảm thấy vô cùng hạnh phúc rồi.

Cần phải đến gặp ông Ai-xơ-hoóc, nhưng cha để việc ấy cho con suy xét. Nhưng, cha nhắc lại, cha muốn con đến ông I-ê-ni-ghe-nơ và ông Ê-t-xơ thường xuyên hơn.

Sẽ không kém bổ ích nếu thiết lập quan hệ chặt chẽ hơn ít ra là với một trong những giáo sư có ảnh hưởng nhất.

Con không gặp ông Sri-vo trẻ nữa phải không? Cha có quan hệ rất tốt với ông ấy, còn cô Sri-vo chắc sẽ lấy Các Phôn Ve-xơ-pha-len, bạn của con. Vì vậy cha sẽ thích thú-vì vốn dĩ ông ấy nay mai sẽ đến đây-nếu con đến chỗ ông ấy mấy lần.

Con có nghe gì mới về tiến sĩ Clây-mơ? Cha vẫn muốn biết điều gì đó về ông ấy.

Cha gửi kèm tờ tín phiếu. Số tiền ấy nhiều hơn số chính

con xin. Song cha không muốn thay đổi gì, vì giờ đây cha tin rằng con sẽ không tiêu nhiều hơn mức cần thiết.

Thôi, chúc con khỏe. Các thân yêu, con hãy nhanh nhanh biên thư cho cha nhé, nếu con chưa gửi đi chính cái bức thư mà cha chờ đợi. Con cũng hãy viết về ông chủ nhà của con, cha rất muốn biết về ông ấy.

Ông Phôn Nốt-xơ nói với cha rằng con sẽ về đây vào dịp nghỉ thu. Cha không tán thành việc đó, và nếu con cần nhắc các mối quan hệ của con với người mà con yêu, con sẽ đồng ý với cha. Nhưng, có thể cha sẽ tới Béc-lin. Ý con thế nào?

Cha chân thành của con

Mác

Con hãy chuyển những lời chúc tốt đẹp nhất của cha đến Mãi-rin, bạn thân của cha và bà vợ đáng yêu của ông ấy. Con hãy nói với ông ấy rằng sẽ rất tốt nếu ông ấy dành cho cha một phút.

P.S. Sẽ không tồi. Các thân yêu, nếu con viết để đọc hơn một chút.

Cha ít khi gặp Giem-ni. Cô ấy không thể làm như cô ấy muốn. Con có thể yên tâm: tình yêu của cô ấy chung thủy. Nếu con viết thư như cha muốn, thì cha sẽ nghỉ trả lời.

HEN-RICH MÁC GỬI CÁC MÁC

Ở BÈC-LIN

Tô-rin, ngày 2 tháng Ba năm 1837

Điều đáng ngạc nhiên là cha, vốn bản tính lười khi cần phải viết thư, quả thật không thể dừng lại khi viết cho con. Cha không muốn và không thể giấu rằng cha có nhược điểm là mềm yếu với con. Lòng cha tràn đầy vui sướng khi cha nghĩ đến con và đến tương lai của con. Tuy vậy, đôi khi cha vẫn không xua nổi những ý nghĩ buồn rầu, dữ dội, gây sợ hãi khi trong đầu loé lên như tia chớp cái ý nghĩ: trái tim con có phù hợp với đầu óc con, với năng khiếu của con hay không? - Trong trái tim con có chỗ cho những tình cảm trần tục nhưng dịu dàng hơn, mang lại cho con người nhụy cảm sự an ủi như vậy trong vận mệnh đau buồn ấy hay không? Mà vì trong trái tim ấy rõ ràng ngụ trị con quý được củ xương không phải cho tất cả mọi người, nên con quý ấy có nguồn gốc nào: nguồn gốc trên trời, hay là nó giống con quý của Phau-xơ? Con có nhạy cảm với hạnh phúc gia đình đích thực của con người hay không? Bàn khoăn này đây vô mệnh tim cha. Mà từ một lúc nào đó-từ khi cha yêu mến con người quen biết với con!" như

con dễ-cha bị dày vò không kìm bởi nỗi băn khoăn không biết con có thể đem lại hạnh phúc cho những người thân của con hay không?

Con hỏi, cái gì đã đưa cha đến những ý nghĩ ấy? Những thắc mắc như vậy thường nảy sinh ở cha, nhưng cha đã dễ dàng xua chúng đi, vì cha luôn luôn cảm thấy nhu cầu cần hết lòng yêu mến và săn sóc con theo mức mà trái tim cha có thể. Rồi sau đó nói chung cha đã quên chúng đi. Nhưng qua Gien-ni cha thấy một hiện tượng đáng kinh ngạc. Có ấy, với tấm lòng trong trắng ngây thơ, đã dồn hết tình cảm của mình cho con: bên cạnh ý chí, cô ấy luôn luôn thổ lộ một nỗi sợ hãi đặc biệt, một dự cảm u tối nào đó, và điều đó không giấu được cha. Cha không biết vì sao như vậy. Hễ cha bắt đầu nói đến chuyện đó thì cô ấy lập tức cố gắng xua tan những điều lo ngại của cha. Điều đó phải có nghĩa là gì, có thể có nghĩa là gì? Cha không giải thích nổi điều đó cho mình, nhưng kinh nghiệm sống của cha, buồn thay, không cho phép cha dễ dàng sa vào lảm lặc.

Bước đường thăng tiến của con, niềm hy vọng êm ái rằng lúc nào đó con sẽ làm vô vàng cho tên tuổi của con, hạnh phúc đời thường của con, - tất cả những điều đó không chỉ thân thiết với lòng cha, tất cả những điều đó là những ảo tưởng đã có từ lâu, đã bén rễ sâu rồi. Nhưng về bản chất, đây là những tình cảm vốn có phần lớn của con người yếu đuối và chúng không phải là không có mọi loại vô bạc, như lòng kiêu hãnh, thói hóm danh, thói ích kỷ v.v.. Nhưng cha có thể quả quyết với con rằng việc thực hiện những ảo tưởng ấy không thể làm cho cha hạnh phúc. Có điều, nếu trái tim con vẫn trong trắng, nếu mỗi nhịp đập của trái tim con sẽ

thực sự mang tính người và không có thiên tài mà quý nào đủ sức đuổi khỏi trái tim con những tình cảm cao cả nhất - chỉ lúc đó cha mới có được niềm hạnh phúc mà cha đã mơ ước nhiều năm. Nếu không thì mục đích tốt đẹp nhất của đời cha sẽ tan tành. Nhưng cha quá buồn phiền và có thể, cũng làm con buồn phiền để làm gì? Thực ra, cha không nghĩ ngờ tính yêu của con đối với cha và đối với người mẹ hiền từ, thân yêu của con, và chính con biết rõ chỗ dễ thương tổn nhất của cha mẹ.

Cha chuyển sang những vấn đề chính diện. Cách đây mấy hôm, Giem-mi - sau khi cô ấy nhận được thư con do Xô-phi²⁷ chuyển - đã đến thăm nhà ta và đã nói về ý định của con²⁸. Xem ra cô ấy đồng ý với các lý lẽ của con, nhưng cảm thấy sự trước bước đi như vậy, và điều đó thật dễ hiểu. Về phía cha thì cha cho rằng bước đi ấy là tốt và đáng khen.

Xét theo những lời bóng gió của cô ấy, cô ấy viết cho con để con không gửi thư trực tiếp - cha không thể đồng ý với ý kiến đó của cô ấy. Để cô ấy yên tâm, con hãy báo trước tám ngày cho cha mẹ biết cụ thể ngày nào con sẽ gửi thư đi. Cô gái đáng yêu ấy đáng được hưởng mọi sự ân cần, và chỉ có cuộc sống tràn đầy tình yêu hiền dịu mới có thể thương cho cô ấy về tất cả những gì cô ấy đã chịu đựng và những gì cô ấy còn phải chịu đựng, vì cô ấy có dịp có quan hệ với những con người độc đáo.

Ý nghĩ về cô ấy - đó là điều chủ yếu khiến cha hằng mong muốn con nhanh chóng hoạt động thành công trên vô đài xã hội và bằng cách đó đem lại cho cô ấy sự thanh thản, làm hòa - ý kiến của cha ít ra là như vậy. Và cha cam đoan với con,

Các thân yêu, rằng không vì nguyên nhân ấy, thì bây giờ cha sẽ thả giũa con để con đứng tiến hành mọi hoạt động, chứ không đẩy lên con đường đó. Nhưng con thấy đấy, con người có sức mẽ hoặc đã làm cho cả đầu óc già cỗi của cha hơi thoáng văng, và điều cha muốn hơn cả trên thế gian là thấy có ý được thanh thản và hạnh phúc. Chỉ có con là làm nổi việc ấy, và mục đích như vậy đáng cho ta hiến dâng cho nó tất cả sức lực của mình. Có thể, điều tốt và có ích là ngay ở đầu đường đời của mình, con đã buộc phải hành động thận trọng, thể hiện sự cẩn thận và chân chắn của trí tuệ, bắt chấp tất cả mọi yêu cầu. Cha cảm ơn trời về điều ấy, vì cha muốn vĩnh viễn yêu con người trong con, và con biết rằng, là con người thực tiễn, cha vẫn không tâm thường đến mức đánh mất năng lực cảm nhận cái cao thượng và cái tốt lành. Thế nhưng, cha không muốn hoàn toàn tách khỏi mảnh đất mà cha đã gán bó sâu xa và đi vào những tầng không, nơi cha không cảm thấy có đất vững chắc. Là tự nhiên tất cả những điều đó thôi thúc cha ngắm nghía - nhiều hơn mức cha sẽ làm trong trường hợp ngược lại - về những khả năng mà con có.

Con đã bắt đầu viết kịch, và trong việc này thật sự có nhiều cái đúng. Nhưng gần với tầm quan trọng của công việc, với sự nổi tiếng rộng rãi mà công việc ấy tất yếu thu được, tất nhiên là cả nguy cơ đổ vỡ. Và không phải bao giờ - đặc biệt là ở những thành phố lớn - cái đóng vai trò quyết định cũng là giá trị nội tại. Mưu kế, sự nhem hiểm, sự tranh đua có thể có trong số những người có năng lực làm việc đó nhất, và người ta thường cân nhắc lại các mặt tốt, đặc biệt là khi các mặt tốt không được nung nấu và không được bồi đắp bằng cái tên kêu to.

²⁷ - Xô-phi Mác.

Trong những điều kiện ấy, hành động thế nào là khôn ngoan hơn cả? Tùy theo điều kiện cho phép mà cố gắng phấn đấu sao cho, trước cuộc thử sức lớn ấy, tiến hành được cuộc thử sức ít quan trọng hơn, ít gặp rủi ro hơn, nhưng vẫn khả dĩ đáng kể, để trong trường hợp thành công thì tạo tên tuổi cho mình. Để đạt được mục đích ấy nhờ một tác phẩm nhỏ, thì để tài phải đề cập đến cái gì đó đặc biệt. Cha đã nghĩ ngợi lâu về điều này, và đây là ý tưởng mà cha cảm thấy thích hợp.

Để tài cần phải lấy từ lịch sử nước Phổ, hơn nữa không phải lấy một thời kỳ dài như sử thi đời hồi, mà lấy một thời điểm ngắn, song có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của đất nước.

Để tài phải đáng là để tài đem lại vẻ vang cho nước Phổ, nó phải tạo khả năng nếu lên được vai trò của thiên tài cho chế độ quân chủ, dù sao cũng thông qua gương mặt là nữ hoàng Lu-i-đa vô cùng cao thượng.

Thời điểm ấy là trận đánh vĩ đại ở Ben-A-li-an-xơ-Oa-teo-lô¹⁹. Một nguy hiểm đáng sợ - không chỉ đối với nước Phổ và vua Phổ²⁰, mà còn đối với toàn bộ nước Đức v.v. Quả thật, Phổ đã đóng ở đây vai trò quyết định - do đó, đây có thể là thơ ca tụng giọng văn hùng tráng, hay cái gì đó khác, điều này còn hiểu rõ hơn cha.

Những khó khăn tự chúng sẽ không lớn lắm. Dù thế nào đi nữa, điều khó khăn nhất là lòng buồn tranh rộng vào cái khung hẹp, cũng như miêu tả đạt và tinh xảo thời điểm vĩ đại. Chỉ một tụng ca yêu nước, cảm nhận và thấm sâu tinh thần Đức như vậy sẽ đủ để gây dựng cơ sở cho thanh danh, tạo tiếng tăm cho mình.

¹⁹ - Phri-drích Vín-hen III

Nhưng cha chỉ có thể đề xuất, khuyên bảo. Con đã ra khỏi sự bảo trợ của cha, nói chung con đã vượt cha trong vấn đề này, và vì thế cha để cho chính con giải quyết.

Để tài mà cha nói đến sẽ có lợi thế lớn là có thể nghiền cứu nó rất nhanh và đúng dịp - nhân kỷ niệm ngày 18 tháng Sáu thường kỷ. Cha phí không nhiều, và nếu cần, cha sẵn sàng chi phí. - Cha rất muốn cho Gi-en-ni thân yêu được thanh thản và có thể ngừng cao đầu. Không nên để cho cô gái dễ thương làm khổ mình. Nếu con thực hiện được ý định của con - mà điều này hoàn toàn hợp sức con, - thì con sẽ được đảm bảo và trong chừng mực nào đó con sẽ có thể từ bỏ cuộc sống trong nhà kính.

Hơn thế nữa, để tài ấy không thể không gây ra cảm hứng, vì thất bại trong trận đánh này sẽ vịnh viễn đày loài người, đặc biệt là tinh thần của loài người, vào gông xiềng. Chỉ có những phản tử tư do chủ nghĩa là mặt lá trái hiện nay mới có thể tôn sùng Na-pô-lê-ông. Tất nhiên, lúc ông ấy còn sống không ai dám thốt lên những điều mà bây giờ người ta viết hàng ngày và đăng hoàng ở khắp nước Đức và đặc biệt là ở Phổ. Người nào từng nghiền cứu lịch sử Na-pô-lê-ông và cách hiểu của ông ấy về nội dung của máy từ vô lý "hệ tư tưởng", người đó có thể hân hoan, với lương tâm thanh thản, về việc ông ta bị lật đổ và về thắng lợi của Phổ.

Con hãy chuyển lời chào chân thành của cha tới ông bạn Mãi-rin. Con hãy nói với ông ấy rằng cho đến nay cha chưa

thổ hoàn thành công việc ông ấy giao: cha bị cúm phải nằm
tâm ngày và sau đó cha chỉ dám có mặt ở các phiên toà

Cha chân thành của con

Méc

Cộng bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd.1,
Hbd.2, 1929

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC

Ở BÈC-LIN¹⁰⁰

Bát Giờ-40, ngày 12 tháng Tám 1837

Các thân yêu!

Bức thư của cha viết trong trạng thái bị kích động mạnh, có thể làm con rất bức bối, và cha thật lòng lấy làm tiếc, nếu đúng như thế. Song cha không nghĩ rằng cha không có lý. Cha để cho con tự xét đoán xem cha có những lý do xác đáng để phát cáu hay không. Còn con thì biết, con phải biết, cha yêu con như thế nào. Những bức thư của con (vì cha không tìm thấy trong

chúng những dấu vết của sự nhạy cảm bệnh hoạn và của những ý nghĩ đen tối hoang tưởng) đã trở thành nhu cầu đích thực của cha và mẹ con: mìn hê này chúng sẽ là vô giá đối với cha và người mẹ yêu quý của con. Ê-đu-ác¹⁰¹ đã nửa năm ốm vật và rất phờ phạc. Làm sao biết được em có bình phục hay không. Đã thế - điều này rất hiếm thấy ở trẻ em và có tác động nặng nề - em con rất sâu nã, thực ra là em con sơ chết. Hẳn con biết mẹ con thế nào rồi đấy. Mẹ con không rời em, đau khổ cả ngày lẫn đêm, và nỗi sợ hãi lo mẹ con không chịu được sự căng thẳng như vậy cứ hành hạ mãi cha.

Chính cha đã 7-8 tháng nay bị hành hạ vì ho nặng, nó ngày càng nặng thêm do cảm thường xuyên phát biểu. Xé-phê cũng không khoẻ lắm, uống thuốc chẳng ăn thua. Và trong những điều kiện ấy, quan hệ của con với Giôn-ni, trạng thái không khoẻ dài ngày của cô ấy, nỗi lo sâu sắc của cô ấy, vị thế không rõ ràng của cha đối với gia đình Ve-xơ-pha-lon, tuy chu luôn luôn chỉ hành động theo cách thức hết sức thẳng thắn - tất cả những điều đó ảnh hưởng đến cha rất nhiều và đôi khi làm cha nản lòng, đến nỗi bản thân cha cũng không nhận ra mình. Vì thế cha hỏi con, cha có quá khắt khe do ảnh hưởng của sự chán nản hết sức sâu sắc ấy không?

Yêu con hơn ai hết trên thế gian, trừ mẹ ra, tuy thế cha không mù quáng và ít muốn mù quáng hơn cả. Cha đánh giá cao con về nhiều mặt, nhưng cha không thể hoàn toàn gạt bỏ được ý nghĩ rằng con chưa mất tính ích kỷ và trong con còn có tính ấy, có thể, nhiều hơn mức cần thiết để tự bảo vệ. Cha không thể gạt bỏ được ý nghĩ rằng ở địa vị con, cha sẽ thương

¹⁰¹ - Ê-đu-ác Mác

cha mẹ nhiều hơn và sẽ hy sinh nhiều hơn cho cha mẹ. Nếu cha không nhờ cậy gì ông bà ngoài việc ông bà sinh ra cho trên đời - mặc dù nói đúng ra vẫn phải nói đến tình mẫu tử. - thì cha dù phú: vật lộn và đau khổ biết chừng nào, miễn là để ông bà không phải chịu buồn phiền được càng lâu càng tốt.

Con đứng thanh minh bằng cách vịn vào tính cách của con. Con đứng trước tội thiên nhiên. Thiên nhiên đối xử với con như người mẹ hiền. Nó đã cho con đủ sức mạnh, hơn thế nữa con người được phú cho ý chí. Nhưng khi gặp cơn bão táp nhỏ nhất mà hoàn toàn để cho nỗi đau khổ chỉ phối, mỗi lần bị đau khổ mà phổi bày trái tim tan nát và bằng cách đó làm tan vỡ trái tim của những người yếu đuối - con gọi đó là thơ ca? Xin Chúa giúp chúng con thoát khỏi tảng vật tốt đẹp nhất ấy trong số tất cả mọi tặng vật của thiên nhiên, nếu tác động trực tiếp của tặng vật ấy là như thế. Không, chỉ có sự yếu đuối, sự nhu nhược, sự tự ái và sự tự phụ thôi đẩy người ta quy tất cả vào chính mình và che khuất những hình ảnh quý báu nhất!

Đức hạnh đầu tiên trong số các đức hạnh của con người là năng lực và ý chí tự hy sinh, đây cái "tôi" xuống hàng thứ yếu nếu bốn phần, tình yêu đòi hỏi phải thế. Đây không phải nói đến sự hy sinh chối lợi, lòng mạn hoặc nhể húng - kết quả của chủ nghĩa anh hùng rơm hoặc của sự mơ mộng. Kề ịch kỷ tây đình cũng có thể làm thế, vì chính trong những trường hợp ấy, cái "tôi" thể hiện đặc biệt rực rỡ. Không, đây là nói những sự hy sinh lập đi lập lại hàng ngày và hàng giờ xuất phát từ trái tim trong trắng của người tốt, của người cha, người mẹ hiền yêu con, của người chồng yêu vợ, của người con biết ơn, những sự hy sinh đem lại cho cuộc sống sự tuyệt mỹ đặc biệt và làm cho nó đẹp hơn, bất chấp mọi sự ngang trái.

Bản thân con đã mở là một cách đẹp để cuộc đời của người mẹ tuyệt vời của con, đã nổi lên tình cảm sâu sắc như thế, rằng toàn bộ cuộc đời của mẹ là sự hy sinh không ngừng hiến dâng cho tình yêu và lòng chung thủy, và con nói không ngoa. Nhưng cần những hình tượng đẹp để làm chỉ nếu chúng không làm cho người ta nói theo? Con có thể đặt tay lên trái tim mà khoe rằng từ trước đến nay con đã làm như thế hay không?

Cha không muốn đụng chạm đến con, và tất nhiên cha không có ý muốn làm buồn phiền, vì về bản chất cha đủ yếu đuối không để đến nỗi phải hối hận về việc đã làm con phiền lòng. Nhưng vấn đề không chỉ ở chỗ vì thế mà cha phải đau khổ, người mẹ hiền từ của con phải đau khổ. Có thể, điều đó cha sẽ chịu được. Không có ai ít vị kỷ hơn những bậc cha mẹ tốt. Nhưng vì hạnh phúc của bản thân con cha không thể thôi và sẽ không thôi nói về để tài này chừng nào cha chưa tin chắc rằng con đã thoát khỏi cái vết ố trong tính cách rất cao thượng của con về những mặt còn lại. Chẳng bao lâu nữa con sẽ trở thành người cha của gia đình và phải trở thành người cha. Nhưng danh dự, sự giàu có, niềm vinh quang đều sẽ không làm cho vợ và con chỉ sung sướng. Chỉ có con, cái "tôi" ưu tú của con, tình yêu của con, sự hiểu dụ của con, năng lực để nên những mặt mãnh liệt trong tính cách của con, đó nên những cơn bột phát, sự đa cảm bệnh hoạn v.v. là có thể làm được điều đó. Cha đã nói không phải về cha, mà nhắc con chú ý những mối quan hệ mà con sắp phải ràng buộc mình.

Chính con nói con là người được tình yêu nuông chiều. Mong Chúa cao cả luôn luôn phù hộ con, trên đường con đi, trong chừng mực những điểm yếu của bản tính con người cho

phép. Nhưng ngay cả người hạnh phúc nhất cũng có những giờ cay đắng; mặt trời không chiếu dọi mãi mãi cho một trong số những người trần mắt thịt. Nhưng có thể có quyền đòi hỏi một con người may mắn đem lòng đồng cảm của mình, tình kiên quyết, sự ẩn nhẫn, sự tươi tỉnh chơi lại báo tấp. Chúng ta có quyền đòi hỏi hạnh phúc đã qua trở thành vô thếp bảo vệ chúng ta khỏi những đau khổ nhất thời. Trái tim của con người hạnh phúc bao la và mạnh mẽ, không dễ dàng dập vờ nó.

Mẹ thân yêu đã chuyển thư con đến đây cho cha. Phác thảo kế hoạch rất hay, và nếu kế hoạch được thực hiện tốt thì nó sẽ có thể trở thành một công trình văn học vững chắc. Nhưng sẽ phải vấp những khó khăn lớn - trước hết từ phía những người mà lòng tự ái sẽ bị đụng chạm, cũng như vì phía trước không có tên tuổi của con người nổi tiếng nhờ năng khiếu phê phán của mình. Nhưng tờ báo có thể giúp tạo thanh danh. Và nhân đây một câu hỏi nảy sinh: con có ý định phát biểu ký tên con hay không. Vì rằng việc gây được sự nổi tiếng, chứng minh năng lực phê phán của mình để đạt được hàm giáo sư là rất quan trọng đối với con. Cha không lấy được niềm tin ấy từ thư con. Mong Chúa giúp đỡ con.

Có lẽ chuyến đi Héc-lin của cha sẽ chẳng có kết quả gì. Đó sẽ là việc quá nặng nề sau những khoản chi tiêu lớn đã phải bỏ ra trong năm nay. Hơn thế nữa, cha phải chú thật (tuy điều đó chưa chắc chắn) cha đã có ý định tùy theo khả năng tìm cách chuyển sang chức quan toà. Trước tiên cha muốn biết ý kiến của ông I-ê-ni-ghe-nê về điều này, sự giúp đỡ của ông ấy dù sao cũng sẽ rất có ích. Vì điều đó không xảy ra, nên cha ảm ập ít hy vọng. Cha không muốn đòi hỏi ở con điều gì trái ngược với tình cảm của con, nhưng có lẽ con sẽ có thể

hành động khôn khéo hơn. Và lại, cha được biết rằng ông I-ê-ni-ghe-nê cũng vợ đang đi Pa-ri và sẽ đi qua Tô-ria. Con đã mất đi nhiều, vì mùa hè này bà I-ê-ni-ghe-nê đã viết những bức thư hết sức dùa dăng cho Gi-en-ni của con.

Cha rất nóng lòng đợi thư con để biết tin về công việc của con. Nhưng cha đề nghị con viết từ từ nhé.

Hôm nay cha hy sinh cuộc đi dạo buổi sáng vì con, nhưng mà bây giờ vừa vãn là lúc đi bách bộ một lúc. Hơn nữa, cần phải xoay mấy dòng cho mẹ thân yêu mà cha muốn gửi thư này cho mẹ con. Cha sẽ khó viết nhiều một lần nữa, mà bằng cách này thì mẹ vẫn sẽ nhận được một thư dài.

Chúc con khoẻ mạnh. Các thân yêu, con hãy luôn luôn yêu cha như con nói, có điều con đừng bắt cha phải đổ mật vì sự tăng bậc của con. Chẳng có gì xấu trong việc con đánh giá cao cha mình. Cha vẫn đã đạt được một số điều trong đời - đủ để có con, nhưng hoàn toàn chưa đủ để bằng lòng về mình.

Cha của con.

Mác

P.S. Cái gọi là lời thuyết giáo trên mộ mà con yêu cầu cha là tác phẩm dài mười dòng. Cha không còn nó nữa, cha nghĩ Xô-phê giữ nó, và rất cuộc nó đã bị thay đổi đôi chút.

Công bố lần đầu trong Marx-Engels Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. I, Hft. 2, 1929

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In tiếng tiếng Nga lần đầu*

HEN-RÍCH MẮC GỬI CÁC MÁC

Ở BÉC-LIN

Bait Em-xơ, khoảng ngày 20 tháng Tám 1851

Các thân yêu!

Cha không biết con đã nhận được chưa bức thư trước của cha [gửi] cho con qua mẹ thân yêu của con. Cha vẫn hy vọng là con đã nhận được thư ấy rồi. Còn hiện thời, vì cha thích trao đổi thư từ với con và, vì chắc con cũng thích gặp con người mà cha đã tiếp xúc thân ái nhiều ngày, nên cha lợi dụng sự lịch thiệp của người đưa thư này để gửi cho con mấy dòng này.

Người đưa thư này là một con người trẻ trung dễ mến, người dạy dỗ con trai của hoàng tử Céc¹. Cha làm quen với ông ấy ở đây, nơi cha thường sống khép kín, không dễ dàng có được những cuộc làm quen mới. Cha và ông ấy đã trải qua không ít giờ thú vị với ông Hai-mơ, và trong chừng mực có thể hiểu một con người trong một thời hạn ngắn như vậy, cha cho rằng ông ấy là một người dễ mến, dễ yêu và đáng trân.

Ông ấy hứa đến thăm con, và cha sẽ vui mừng nếu ông ấy thấy hình ảnh mà tính vị kỷ của người cha về lên là đúng sự thật.

Chắc có lẽ trong kỳ nghỉ sắp tới con sẽ thích xem một số tranh ảnh, ông Hai-mơ, do vì thế ông ấy giữ, chắc sẽ dễ dàng có thể giúp con trong việc này.

Khi nào con tranh thủ cơ hội thuận tiện viết cho cha, cha sẽ thích thú nếu nhận được của con bản phác thảo ngắn ghi những việc con đã làm năm nay trong lĩnh vực luật học. Xét theo những bản sơ thảo của con, con cho rằng con chẳng việc gì phải học khoa học kinh tế tại chính. Có điều con đứng vút bỏ các khoa học tự nhiên, vì không thể tin chắc rằng lúc nào đó con sẽ có thể bù được những cái đã bỏ lỡ, còn nuôi tiếp thì quá muộn.

Có thể, trong những năm tới sẽ có cơ hội thuận lợi để bước vào lĩnh vực pháp lý, nếu con quyết định lập nghiệp ở Bon, vì ở đấy chẳng có ai vượt lên cao hơn trình độ chung. Cha hết rãng về mặt khoa học, Béc-lin có những ưu thế của nó và có sức hấp dẫn lớn. Nhưng chưa nói gì đến việc ở đấy sẽ nảy sinh những khó khăn nghiêm trọng hơn, con càng phải nghĩ đến cha mẹ mà những hy vọng đầy hứa hẹn của cha mẹ sẽ bị tổn thất nghiêm trọng, nếu con sẽ xa cha mẹ như thế. Tất nhiên, điều đó không được đảo lộn các kế hoạch thiết thân của con. Vì rằng tình yêu của cha mẹ là tình cảm vô tư nhất trong mọi tình cảm. Nhưng nếu các kế hoạch đường đời của con có thể kết hợp hài hoà với những niềm hy vọng của cha mẹ, thì điều đó sẽ đem lại cho cha niềm vui lớn lao nhất trong những niềm vui lớn lao đang ngày càng mất dần theo năm tháng.

Việc cha đến đây hiện thời chưa đem lại nhiều ích lợi. Nhưng, mặc dù nỗi buồn nhớ làm mệt mỏi, cha sẽ phải kéo dài thời hạn lưu lại ở đây để thoả mãn lòng mong muốn của người mẹ hiền hậu của con, mẹ con khẩn khoản yêu cầu thế.

¹ - Phôi-dịch Céc-lơ, hoàng tử Phổ

Bảy lâu nay cha vẫn ước muốn gặp con vào kỳ nghỉ, nhưng sẽ phải từ bỏ điều đó. Cha phải tốn nhiều công sức để từ giả ước mơ ấy, nhưng đành chịu. Bệnh ho quái ác làm tình làm tội cha về mọi mặt.

Cầu Chúa phù hộ con, Các thân yêu. Con hãy sống hạnh phúc, đừng coi thường sức khoẻ. Cha không thể không nhắc lại điều này thường xuyên: khi làm giàu tinh thần của mình, con hãy thương lấy sức khoẻ của con.

Cha của con, với cả tấm lòng và tình thương.

Mác

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd.1,
Hbd. 2, 1989*

*In thân bản viết tay
Nguyễn Văn An tổng dịch
In bằng tiếng Nga lần đầu*

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BÈC-LIN

Tu-ria, ngày 16 tháng Chín 1847

Các thân yêu!

Bức thư gần đây nhất của con mà cha mẹ nhận được cách đây khoảng tám ngày cho phép hy vọng rằng chồng bao lâu nữa sẽ có phần dài hơn tiếp tục thư ấy, và cha sẽ vui lòng chờ đợi để có được ý niệm đầy đủ. Nhưng chắc con khó đợi trả lời lâu đến thế, nhất là vì vấn đề liên quan đến kế hoạch mà có thể những bước sắp tới của con phụ thuộc vào nó.

Con biết cha, Các thân yêu: cha không có chấp và không thiên về các định kiến. Con sẽ chọn chính bước đường thẳng tiêu khoa học nào, về thực chất đối với cha thế nào cũng được. Nhưng con có chọn đúng cái mà con có năng khiếu hay không, vấn đề đó tất nhiên làm cha lo lắng. Trước tiên chúng ta đã nghĩ đến những điều bình thường. Nhưng bước đường thẳng tiến như vậy xem ra không làm con say mê. Vì vậy, cha thú thật, bị những quan điểm chín muồi rất sớm của con cảm dỗ, cha đã bày tỏ sự tán thành khi con chọn mục đích của mình là hoạt động khoa học, dù trong lĩnh vực pháp luật hay triết học, - đúng ra, như cha cảm thấy, trong lĩnh vực triết học. Những khó khăn đi liền với đường công danh ấy cha đã biết đầy đủ: cha đã tìm hiểu chúng. Khi gần đây cha có khuynh hay gặp gỡ ở Em-xơ một giáo sư từ Bon. Một khác, không thể không thừa nhận rằng một con người tự tin sẽ có thể đóng một vai trò lớn với tư cách giáo sư pháp luật ở Bon. Hơn nữa từ Béc-lin đã được cử đi Bon hơn, tất nhiên với một sự che chở nào đó. Thư ca sẽ phải đem lại cho con sự che chở ấy. Nhưng ngay cả nếu con sẽ gặp may, thì cũng cần phải đến mấy năm, mà tình hình đặc biệt của con buộc con phải đi...

Chúng ta xét vấn đề từ một khía cạnh khác (mà cần nhớ rằng với học vấn cổ điển tốt, việc có được hàm giáo sư bao giờ cũng có thể vẫn là mục đích cuối cùng). Hoạt động thực tiễn có góp phần vào việc diễn nhanh như vậy hay không? Thông

thường là không, và điều đó được kinh nghiệm chứng minh quá rõ. Vì ở đây sự che chở cũng đúng với trò rất to lớn. Không có sự che chở, con sẽ không thể kêu ca, nếu qua mấy năm sau khi tôi nghiệp con sẽ trở thành người trợ tá không phải được hậu đãi và sẽ vẫn là người trợ tá trong một thời gian dài. Nhưng cả với những nguyên tắc đạo đức chặt chẽ nhất và với tính nghiêm khắc người ta vẫn có thể kiếm được cho mình sự che chở bằng những ưu điểm của chính mình. Thấy rõ những phẩm chất công tác cao của người được che chở. Người che chở như vậy tán tẩm hỗ trợ và cất nhắc người đó. Những năng khiếu trời phú cho con góp phần đắc lực vào việc ấy. Vận dụng năng khiếu một cách tốt nhất là việc cá nhân của con. Người thủ ba càng khó xét đoán điều này vì trong những trường hợp tương tự như vậy cần chú ý các đặc điểm cá nhân. Dù con dám nhận việc gì, con đều cần xét vấn đề từ góc độ ấy, cần cân nhắc tất cả, vì con cần phải dần lớn, - điều đó tự con cảm thấy, và cha cảm thấy điều đó.

Về mặt mặt nào đó, điều ấy tất nhiên không thích thú, nhưng vì rằng ngay cả bức tranh đẹp nhất cũng có những mặt xấu của nó, và ở đây cần phải biết cam chịu điều không tránh khỏi. Và lại, sự cam chịu ấy dựa trên những phẩm chất rất xán lạn, do ý chí của chính mình - ý chí mà trái tim và lý trí chỉ đạo - sinh ra đến mức cần phải coi nó là sự thích thú hơn là sự hy sinh.

Nhưng cha trở lại vấn đề của con: khuyên con điều gì đây? Về kế hoạch phê bình sân khấu của con, trước hết cha phải chú nhận rằng cha không thao công việc này lắm. Việc phê bình kịch dài hơi phải bỏ ra nhiều thời gian và phải rất thận trọng. Nếu mới đến nghệ thuật thì trong thời buổi chúng ta hoạt động như vậy có lẽ là công việc của số người xứng đáng nhất. Trên góc độ danh tiếng, nó có thể mở đường đi tới bằng cấp cho một nhà bác học.

Người ta sẽ chấp nhận nó như thế nào? Cha cho rằng một cách thù địch hơn là thiện chí. Theo như cha biết, con đường của nhà bác học tuyệt vời Lét-xinh không phải được rải hoa hồng lắm đâu. Ông ấy đã sống và chết như một người thủ thư nghèo.

Hoạt động ấy có đem lại cho con những ưu thế vật chất hay không? Câu hỏi này gần với câu hỏi trước, và cha không thể trả lời dứt khoát được. Vẫn như trước, cha cho rằng một số tác phẩm tuyệt vời, một bài trường ca hay, một vở bi kịch hoặc hài kịch tài năng sẽ phục vụ mục đích của con tốt hơn. - Và con tự mình khai phá con đường của con và con muốn tiếp tục đi con đường ấy. Cha chỉ có thể cầu trời để bằng cách nào đó, con đạt tới mục đích đã đặt ra càng nhanh càng tốt.

Cha chỉ muốn nói với con một điều nữa. Nếu sau ba năm học tập con không đòi hỏi gia đình gì nữa và vì thế con buộc phải làm cái gì đó có thể có hại cho con thì tốt hơn con dùng liều lĩnh. Dù cha có phải chịu hy sinh gì đi nữa, thì cha thả chịu hy sinh còn hơn là làm hại đường công danh của con. Còn nếu con có thể làm điều ấy một cách khôn khéo và không thiệt thòi cho đường công danh của con, thì tất nhiên đó sẽ là một sự giảm nhẹ lớn đối với cha. Vì rằng từ khi phân chia toà án và cùng với tính tích cực ngày càng tăng của lớp trẻ, thu nhập của cha giảm xuống tỷ lệ với mức tăng chi tiêu. Nhưng, như cha đã nói, lý do đó không được là trở ngại.

Nếu con trở lại con đường hoạt động thực tiễn thì tại sao con không nói gì về khoa học kinh tế tài chính? Có thể cha nhầm, nhưng cha vẫn thấy thơ ca và văn học sẽ tìm được cho mình những người che chở trong lĩnh vực hành chính hơn là

trung giới luật học, và cha quan niệm rằng quan tham chính, hát thì sẽ tự nhiên hơn là quan toà hải. Và về thực chất, lẽ nào khoa học kinh tế tài chính không phải chính là cái con cần với tư cách là luật gia đích thực, bên cạnh các khoa học tự nhiên? Con đừng coi thường các khoa học tự nhiên, coi thường những là điều không thể tha thứ được.

Tự con có thể rút bài học từ vị thế của con, và chính khía cạnh tồn tại mà trong những điều kiện bình thường con chú ý chưa sâu, đang trở thành *đúng là vấn đề sống còn* đối với con. Vì thế con sẽ phải suy nghĩ, kiểm tra mình và bắt đầu hành động. Cha không may mắn gì rằng những lý do đó, tuy không dễ chịu, sẽ đẩy con tới những hành động chấp hèn, gục lụy. Mặc dù đầu cha đã bạc, trạng thái tinh thần hơi phiến muộn và có những mối lo toan, nhưng cha sẽ tiếp tục đấu tranh và khinh bỉ những điều chấp hèn. Còn con, được trời phú cho nhiều năng khiếu, điều đó ít có vẻ không thể có được với sức lực dồi dào của con. Nhưng tuổi thanh xuân kiểu hãnh lức sức lực đang độ phát triển rực rỡ có thể coi là sự hy vọng những gì mà lý trí và bổn phận kiên định áp đặt đối với chính bản thân mình, đặc biệt là đối với những ai mà con thấy có bổn phận chăm lo đến phúc lợi của họ. Tất nhiên, mong muốn một người 19 tuổi có nhiều kinh nghiệm sống sẽ có nghĩa là đòi hỏi quá nhiều. Và người 19 tuổi...

Thư gần đây nhất của con cha không đưa cho gia đình Ve-xơ-pha-len xem. Những người rất tốt ấy là những người có tư chất đặc biệt. Tất cả mọi cái đều được họ bàn bạc nhiều lần và không ngừng đến nói, trong chừng mực có thể, đừng tạo cho họ có cảm giác việc ấy thì tốt hơn. Vì công việc của con

trong năm nay vẫn như trước nên không việc gì phải cung cấp cho họ chất dinh dưỡng cho những điều tưởng tượng mới.

Gien-ni không có ở đây, nhưng cô ấy sắp tới. Việc cô ấy không viết cho con là sự xử trí và có chấp, không thể gọi khác đi được. Cô ấy yêu con bằng tình yêu tận tụy hy sinh, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, và cô ấy gần như đã muốn lấy cái chết của mình để chứng tỏ điều đó.

Cô ấy đã nảy ra ý nghĩ không cần viết, hoặc một ý nghĩ mơ hồ khác nào đó - trong cô ấy có cái gì đó thiên tài cơ đấy. Nhưng tất cả những điều đó liên quan gì tới vấn đề này? Con có thể tin - cha tin điều này - (mà con biết đấy, cha không cần tin đâu) - rằng ngay cả vua chúa cũng không thể tước cô ấy của con. Cô ấy hết lòng gắn bó với con và - con đừng quên điều này - vào tuổi cô ấy, cô ấy đã mang đến cho con sự hy vọng mà những cô gái thông thường tất nhiên không làm được. Nếu có ý này ra ý nghĩ rằng cô ấy không muốn hoặc không thể viết cho con thì, ơn trời, con đừng coi trọng điều đó. Vì rằng về thực chất, đó chỉ là dấu hiệu bên ngoài, thiếu nó không sao miễn là con tin vào điều chủ yếu. Cha sẽ nói với cô ấy điều này khi có dịp, tuy cha không muốn làm việc ấy lắm.

Suốt cả năm cha đã vui mừng về việc sẽ gặp con. Thế là con vẫn sống hằng những ảo tưởng muốn thoát. Điều duy nhất không bao giờ lừa dối là trái tim đôn hậu, những xao động của tâm hồn, tình yêu, và ở đây cha có thể cho mình là giàu, vì cha chiếm được tình yêu của người vợ tuyệt trần và của những đứa con lớn.

Đừng bắt cha đợi thư con lâu như thế nữa. Mẹ hiền từ

trong giới luật học, và cha quan niệm rằng quan trọng chính hát thì sẽ tự nhiên hơn là quan tòa bắt. Và về thực chất, le nào khoa học kinh tế thì chính không phải chính là cái con cần với tư cách là luật gia đích thực, bên cạnh các khoa học tự nhiên? Con đừng coi thường các khoa học tự nhiên, coi thường chúng là điều không thể tha thứ được.

Tự con có thể rút bài học từ vị thế của con, và chính khía cạnh tồn tại mà trong những điều kiện bình thường con chịu ý chưa lâu, đang trở thành *đúng là vấn đề sống còn* đối với con. Vì thế con sẽ phải suy nghĩ, kiểm tra mình và bắt đầu hành động. Cha không mấy may sợ rằng những lý do đó, tuy không dễ chịu, sẽ đẩy con tới những hành động thấp hèn, quy lụy. Mặc dù đầu cha đã học, trạng thái tinh thần hơi phiền muộn và có những mối lo toan, nhưng cha sẽ tiếp tục đấu tranh và khinh bỉ những điều thấp hèn. Còn con, được trời phú cho nhiều năng khiếu, điều đó ắt có vẻ không thể có được với sức lực dồi dào của con. Nhưng tuổi thanh xuân kiêu hãnh lúc sức lực đang độ phát triển rực rỡ có thể rơi là sự hạ nhục những gì mà lý trí và bổn phận kiên định áp đặt đối với chính bản thân mình, đặc biệt là đối với những gì mà con thấy có bổn phận chăm lo đến phúc lợi của họ. Tất nhiên, mong muốn một người 19 tuổi có nhiều kinh nghiệm sống sẽ có nghĩa là đòi hỏi quá nhiều. Và người 19 tuổi...

Thư xấn đây nhất của con cha không đưa cho gia đình Ve-xơ-pha-len xem. Những người rất tốt ấy là những người có tư chất đặc biệt. Tất cả mọi cái đều được họ bàn bạc nhiều lần và không ngừng đến nỗi, trong chừng mực có thể, đừng tạo cho họ có cảm giác gì thì tốt hơn. Vì công việc của con

trong năm nay vẫn như trước nên không việc gì phải ràng buộc cho họ chất dinh dưỡng cho những điều tưởng tượng mới.

Giờ-ni không rõ ở đây, nhưng cô ấy sắp tới. Việc cô ấy không viết cho con là sự đầu tư và cố chấp, không thể gọi khác đi được. Cô ấy yêu con bằng tình yêu tận tụy hy sinh, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, và cô ấy gần như đã muốn lấy cái chết của mình để chứng tỏ điều đó.

Cô ấy đã nảy ra ý nghĩ không cần viết, hoặc một ý nghĩ mơ hồ khác nào đó - trong cô ấy có cái gì đó thiên tài eo đấy. Nhưng tất cả những điều đó liên quan gì tới vấn đề này? Con có thể tin - cha tin điều này - (mà con biết đấy, cha không cả tin đâu) - rằng ngay cả vua chúa cũng không thể tước bỏ ý của con. Cha ấy hết lòng gần gũi với con và - con đừng quên điều này - vào tuổi cô ấy, cô ấy đã mang đến cho con sự hy sinh mà những cô gái thông thường rất nhiều không làm được. Nếu cô ấy nảy ra ý nghĩ rằng cô ấy không muốn hoặc không thể viết cho con thì, ơn trời, con đừng coi trọng điều đó. Vì rằng về thực chất, dù chỉ là dấu hiệu bên ngoài, thiếu nó không sao miễn là con tin vào điều chủ yếu. Cha sẽ nói với cô ấy điều này khi có dịp, tuy cha không muốn làm việc ấy lắm.

Suốt cả năm cha đã vui mừng về việc sẽ gặp con. Thế là con vẫn sống bằng những ảo tưởng muôn thuở. Điều duy nhất không bao giờ lừa dối là trái tim dân hậu, những xao động của tâm hồn, tình yêu, và ở đây cha có thể cho mình là giàu, vì cha chiếm được tình yêu của người vợ tuyệt trần và của những đứa con tốt.

Đừng bắt cha mẹ đợi thư con lâu như thế nữa. Mẹ hiền từ

Con cũng hãy viết mấy dòng cho Héc-man¹. Viết thư ngắn bỏ vào thư gửi cho cha mẹ. Em nó có nhiều thành tích, và người ta rất hài lòng về em con.

*Cong hi lén đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. I,
H.-M. 2, 1929*

*En theo bản viết tay
Nguyễn văn tá tổng thư
En bằng tiếng Nga lần đầu*

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BÉC-LIN

To-ris, ngày 17 tháng mười một 1837

Các thân yêu!

Chẳng lẽ đích xác là con đã dọn đến Sto-ra-lép ở rồi ư? Việc ấy có nên làm vào mùa này, hơn nữa lại ở một miền mà chanh không nở hoa², hay không? Nhưng, vậy lúc đó con ở nơi nào? Vấn đề là thế đấy, mà đối với người làm công việc thì biết địa chỉ là điều kiện đầu tiên để trao đổi thư từ. Vì vậy cha phải nhờ đến sự giúp đỡ của những người khác.

Nhưng điều chỉ là hình thức, điều này xem ra chính là mặt yếu của con. Thế còn nội dung thì ắt phải khác chứ? Ít ra cần

phải giả định như thế, nếu chủ ý 1) rằng con không thiếu vật chất, 2) rằng vì thế mà con quan trọng đủ để gây một sự chú ý lớn, 3) rằng có thể cha của con hơi thiên vị trong sự gần gũi của mình với con v.v. Và thậm chí sau hai tháng gián đoạn - và lại tháng thư hồi đã mang lại cho cha nhiều mối bận tâm và buồn phiền - cha nhận được một bức thư không có hình thức và nội dung, một đoạn rồi không nói lên gì cả, hoàn toàn không liên quan đến những sự kiện đã qua, cũng không liên quan đến tương lai!

Để cho việc trao đổi thư từ được lý thú và có giá trị, nó phải nhất quán. Người viết nhất thiết cần phải có trước ánh mắt tưởng tượng của mình bức thư vừa rồi của mình, cũng như thư trả lời nó. Bức thư ập chót của con đã khơi gợi cho cha một sự mong đợi sốt ruột. Cha đã viết mấy thư đề nghị gửi về một vài tin tức. Ấy vậy mà thay vì tất cả những điều đó, cha lại nhận được một bức thư cắt đoạn, không mạch lạc và tệ hơn nhiều, một lúc thư *đầy cay đắng*.

Nói toạc ra, Các thân yêu, cha không thích ngôn từ một mồi ấy, thứ ngôn từ mà những người yếu đuối dùng để nguy trang cho bản thân mình khi họ nổi đóa lên với toàn thiên hạ về việc họ - không bỏ ra mấy may công phu và nỗ lực - không chiếm hữu được những lâu đài bày biện sang trọng, những ngựa xe và những tài sản hàng triệu bạc. Sự chán chường ấy đáng ghét đối với cha, và cha hoàn toàn không mong đợi nó ở con. Và con có cần cứ nào để làm việc đó? Chẳng lẽ bố phận không nuông chiều con từ khi con nếm nôi? Chẳng lẽ tạo hóa không hào phóng phả cho con những tài năng của mình? Chẳng lẽ cha mẹ không yêu mến con nồng nàn hay sao? Từ trước đến nay có cái gì đó ngăn cản việc thỏa mãn những nguyện vọng hợp lý của con hay sao? Con chẳng đã chiếm

¹ - Héc-man Mác.

² - Nhặt lén trong thư của Gi-ô-tô "Mô-ni-ôn".

được trái tim của một cô gái bằng cách kỳ lạ khiến hàng ngàn người ghen tỵ với con rồi đấy hay sao? Ấy thế mà ngay sự ngang trái đầu tiên của số phận, ý muốn đầu tiên không được thực hiện đã gây ra nỗi thất vọng! Và đấy là sức mạnh ư? Cái đó được gọi là tình cảnh anh hùng ư?

Bản thân con bằng những lời kiên quyết, đã bày tỏ ý muốn đảm bảo tương lai của mình và vì thế mà hạn chế mình trong hiện tại. Chẳng lẽ con đã không viết diếu đó rành rọt từng chữ rồi đấy hay sao? Mà chính chỉ có trẻ con mới hồi tiếc về lời chúng đã hứa, khi chúng bắt đầu cảm thấy gánh nặng của lời hứa của mình.

Nhưng con ở đây nữa, số phận sẽ phù hộ con. Mẹ hiền từ của con - với trái tim mềm yếu hơn trái tim cha và vẫn thường nhớ lại rằng cha mẹ đã không bao giờ là đồ chơi trong tay đứa bé tinh nghịch mù quàng, - mẹ đã rung chuông báo động, của cha mẹ rất dỗi hằn hậu của Gi-en-ni của con thì muốn thật nhanh chóng chữa lành trái tim bị thương khôn khổ. Đơn thuốc đúng là đã ở trong tay con, nếu thư không bị thất lạc do thiếu địa chỉ chính xác.

Thì giờ có ít, vì Xô-phi phải mang đến bưu điện bức thư gửi ông bà Phôn Ve-xta-pha-len, giờ đây sống ở xa. Và vì mãi hôm nay người ta mới cho biết về chuyến xe thư, nên cha phải kết thúc thư này. Thật ra, cả bây giờ cha chẳng có gì để nói. Nhiều nhất, cha có thể đặt ra những câu hỏi, nhưng cha không muốn là người hay quấy rầy. Mong con trai đáng trọng của cha hãy cố cho phép cha chỉ một điều, cụ thể là hãy tỏ su ngay nhiên rằng cha vẫn chưa nhận được một lời xin tiến nào. Có thể bây giờ con đã muốn sống bằng nỗ tiến quá lớn đã lấy trước đây. Lần nữa sẽ hơi sớm đấy.

Mẹ thân yêu vẫn chưa thể yên lòng với việc con sẽ không về nhà vào mùa thu như những người khác. Nếu đợi đến mùa

thu sau con và mẹ thân yêu cảm thấy quá lâu, thì con hãy về vào dịp nghỉ lễ Phục sinh.

Của chân thành của con

Mác

[PHẦN VIẾT THÊM CỦA CHỊ XÔ-PHI]

Chúc em khoẻ, Các thân yêu, em hãy viết thư về nhà càng sớm càng tốt, rằng giờ đây em hăng lòng và yên tâm. Hạn đến lễ Phục sinh. Các cô, - chị cảm thấy thời gian tự nay tới đó dài đằng đặng!

Cộng hoà Đức, đầu tháng März-Erschl:
Gartenstrasse, Erste Abteilung, D. L.
Hind. 2, 1928

Bu cho bạn tốt tại
Nguyễn Văn Tố (tên thật) Đức
Đ. Bông (tên) Nga (tên thật)

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BÉC-LIN

Tháng 1, ngày 5 tháng Chạp 1937

Các thân yêu!

Nếu con người biết những nhược điểm của mình thì người

mu. Nhưng chỉ có thể tạ ơn thiên nhiên bằng cách dùng những năng khiếu đó một cách thích đáng, nói một cách nôm na - làm cho tài năng mang lại được ích lợi.

Chưa biết rõ rằng đối với vấn đề này có thể và phải trả lời bằng một giọng cao thượng hơn, cụ thể là những năng khiếu ấy cần phải được dùng đủ tự do hoàn thiện, và tất nhiên cha không phân biệt điều đó. Đúng, nhưng năng khiếu ấy cần phải được sử dụng để hoàn thiện chính mình. Nhưng cụ thể bằng cách nào? Con người là sinh vật có linh thần và đồng thời là thành viên của xã hội, là công dân của quốc gia. Do đó, vấn đề là hoàn thiện về thể chất, về đạo đức, về trí tuệ và về chính trị. Chỉ có đức là nêu trong khát vọng vươn lên mục đích vĩ đại ấy sẽ có được sự hài hòa, thì có thể nảy sinh cái chính thủ tốt đẹp, hợp dân, hợp ý Chúa, hợp ý mọi người, cha mẹ và người yêu, - cái mà người ta coi gọi - một cách cụ thể hơn và phù hợp với thiên nhiên hơn là mâu thuẫn tranh chấp sự biểu cảm, hơn là việc gặp một đồng loại có thể hợp phần thống.

Nhưng cha nhắc lại chỉ có khát vọng muốn hoàn thiện đồng đều tất cả mọi bộ phận của cái tổng thể mới thể hiện được ý chí xứng đáng với những năng khiếu ấy. Chỉ có với sự tương xứng như vậy mới có thể nảy sinh hình tượng đẹp đẽ, sự hài hòa chân chính.

Nhưng nếu khát vọng, ngay cả khát vọng chân thành nhất, đúng khung ở việc hoàn thiện những bộ phận riêng lẻ thì nó chẳng những không đem lại kết quả tốt lành, mà còn đẻ ra những điều tệ hại: trong lĩnh vực thể chất-đẻ ra những công tởm lệt, trong lĩnh vực đạo đức-những người mơ mộng về

kịch động, trong lĩnh vực chính trị-những kẻ làm mưu kế, trong lĩnh vực trí tuệ-những con gấu thông thái.

a) Đúng, mục đích mà người trẻ tuổi phải đặt trước mình là như vậy, nếu người đó thực sự muốn đem lại niềm vui cho cha mẹ mình, - hơn nữa trải tìm phải tự trách bảo cho anh ta rằng họ đã làm nhiều như thế nào cho anh ta, - đặc biệt là nếu anh ta ý thức được rằng cha mẹ đặt lên anh ta những hy vọng tốt đẹp;

b) Đúng, anh ta phải nhớ rằng anh ta đã gánh lấy trách nhiệm-rủi ro vượt những yêu cầu để ra cho người thuộc độ tuổi anh ta, nhưng càng thiêng liêng-là hy sinh mình vì hạnh phúc cho người con gái được trời phú cho những phẩm chất tốt đẹp và giữ vì thế xã hội cao, đã chấp nhận sự hy sinh lớn: đã đổi vị thế sang lảng và những tiến đó đẩy hòa hèn của mình lấy một tương lai không chắc chắn và không vui, bằng cách gán bó số phận mình với số phận của người trẻ hơn cô ấy. Tạo cho cô ấy một lương lại xứng đáng với cô ấy, đó là nhiệm vụ đơn giản và thực tiễn, phải được giải quyết trong thế giới hiện thực, chứ không phải trong căn phòng đầy khói dưới ánh sáng của đèn dầu, bên cạnh nhà khoa học đã hoá dại.

c) Đúng, người đó gánh vác một bốn phận lớn, và một gia đình cao thượng có quyền đòi hỏi một sự đền bù lớn cho việc từ bỏ những hy vọng tốt đẹp rất xứng đáng với những phẩm chất ưu tú của con gái họ. Quả thật, hàng nghìn bạc cha mẹ sẽ không đồng ý. Và trong những phút chán nản, người cha của chính con đã sẵn sàng muốn cô họ cũng làm như vậy - cha quá quan tâm đến hạnh phúc của thiên thần ấy, mà cha yêu mến như con đẻ, và chính vì vậy mà cha lo lắng cho hạnh phúc của cô ấy.

Nhìn chung, tất cả những nghĩa vụ ấy đã tạo thành những mối quan hệ vững chắc khiến chỉ một điều đó cũng đủ để đuổi tất cả mọi thần ác, xua đuổi tất cả mọi nhảm lẫn, vữa chừa tất cả mọi thiếu sót, khơi dậy trong mình những động cơ kích thích mới, tốt hơn, biến chàng trai bóng bệ thành con người điềm tĩnh, phủ nhận tất cả mọi thần thánh - thành nhà tư tưởng thâm thúy, thành thủ lĩnh vô tư lý của những chàng thanh niên vô tư lý y như thế - thành con người ý thức được trách nhiệm của mình trước xã hội. Thành con người có thể duy trì sự tự hào để không uốn mình như lươn, nhưng phải có đầy đủ trí tuệ thực tiễn và sự tế nhị để cảm thấy rằng, chỉ có trong giao tiếp với những người có đạo đức cao cả mới có thể học được nghệ thuật tự tổ bày mình từ góc độ thích thú và có lợi nhất, tranh thủ được càng nhanh càng tốt sự kính trọng, sự mến yêu và uy tín, và vận dụng trong thực tế những tài năng mà người mẹ - tự nhiên đã thực sự phù cho người đó một cách hào phóng như vậy.

Nói vắn tắt, *nhiệm vụ* là như vậy. Vậy nó được giải quyết như thế nào?

Trời thật có lý!! Sự không chung chạc, những sự phiêu bạt lộn xộn khắp tất cả các ngành tri thức, những suy nghĩ mơ hồ dưới ánh sáng đèn dầu, mái tóc không chải, sự hoá đại trong chiếc áo thụng của nhà bác học thay cho sự hoá đại bản cổ bìa; sự cô đơn buồn bực cùng với việc coi thường tất cả mọi pháp lịch sự và thậm chí với việc tôn kính *người cha*. Nghệ thuật giao tiếp với thế giới được quy vào căn phòng hấp thụ, nơi có thể, giữa sự lộn xộn cổ điển, những bức thư tình của Gien-ni và những lời khuyên bảo đầy thiện ý của người cha, -

có thể được viết bằng nước mắt. - được sử dụng để chằm tấu thuốc, điều này và lại sẽ tốt hơn là nếu vì sự lộn xộn thuốc cũng vô trách nhiệm hơn mà chúng rơi vào tay người ngoài. Và những trái quả, về tâm cho con và những người yêu con tươi tỉnh, phải chôn trong cái xương ra ra sự thống thái không chín chắn, vụ vợ này, ở đây sẽ thu hoạch được mùa màng phục vụ cho việc hiện những nghĩa vụ thiêng liêng?

3. Mặc dù cha quyết tâm, nhưng điều làm cha hết sức đau buồn, hầu như đây và cho là việc cảm thấy rằng cha gây cho con đau đớn, cha lại bắt đầu chịu sự yếu đuối và dễ năng dờ mình theo dòng ý nghĩa của từ này, cha uống những viên thuốc chỉ định cho cha, nuốt tất cả chúng ngay một lúc vì cha muốn cõng cõng ngay và trút tất cả mọi điều than phiền của cha. Cha không muốn là người từ tâm, vì cha cảm thấy cha đã quá cả nể, quá ít nói về những yêu cầu của cha đối với con, và bằng cách đó phần nào chia sẻ lỗi lầm của con. Cha muốn và phải nói với con rằng con đã đem lại cho cha mẹ con nhiều buồn phiền, và ít, hoặc hoàn toàn không đem lại cho cha mẹ niềm vui.

Những hành động ngang tàng ở Ron vừa mới kết thúc, nợ của con vừa mới thanh toán xong - mà nói thật, nợ ấy không ít - thì những đau khổ vừa chớm nở trong yêu đương lại đẩy cha mẹ vào thế lóng túng. Và giống như những bậc cha mẹ cá nể trong cuốn tiểu thuyết nào đó, cha mẹ đã trở thành những sứ giả của tình yêu ấy và đã mang cây thánh giá ấy. Nhưng, cảm thấy sâu sắc rằng đây là toàn bộ hạnh phúc của đời con, cha mẹ đã cam chịu việc cha mẹ không đủ sức thay đổi và, có thể, thậm chí đã đồng vui trở không thích đáng. Còn trẻ, con đã phải xa - gia đình, nhưng đồng con mất của cha mẹ xem xét ảnh hưởng tốt của gia đình đến con, cha mẹ đã hy

vọng rằng những kết quả tốt sẽ nhanh chóng thể hiện. Chính cả lý trí lẫn tình tất yếu đều chứng tỏ đúng như thế. Vậy cha mẹ hỏi được những quả thực nào.

Vậy là cha mẹ chưa có được sự thoả mãn mà việc trao đổi thư từ hợp lý mang lại, mà việc này thường là sự an ủi lâu xa nhất. Vì việc trao đổi thư từ đòi hỏi sự trao đổi ý kiến một cách có trình tự và thường xuyên được cả hai bên tiến hành với nhau và có phối hợp. Cha mẹ không lần nào nhận được trả lời trực tiếp đối với những bức thư của mình, không lần nào bức thư thường kỳ của con ăn nhập với thư trước của con, cũng như với những bức thư của cha mẹ.

Nếu hôm nay cha mẹ nhận được tin rằng con có bạn quen mới, thì sau đó người ấy đã biến mất tích như đứa trẻ sơ sinh chết non.

Nói đúng ra, con trai vô cùng yêu thương của cha mẹ đang bận việc gì, đang nghĩ gì, đang làm gì, về điều này đôi khi thấy rõ lên một câu bông lầy âm vực kêu oang oang, im bặt như có phép lạ.

Nhiều khi hàng tháng cha mẹ không nhận được thư con. - lần gần đây nhất điều đó đã xảy ra khi con biết rằng "Đu-ắc" bị ốm, mẹ khó ở và bản thân cha bị mệt, thêm vào đó dịch tả hoành hành ở Réc-lin. Và dường như điều đó không đòi hỏi sự xin lỗi nào, trong bức thư tiếp theo con không hề nhắc đến việc này. Nó chỉ chứa đựng một vài dòng ngoáy vờ vờ và đoạn trích nhật ký lấy nhảm để "Cuộc viếng thăm" mà cha, nói toạc ra, thả quăng đi còn hơn là tiếp nhận nó - một món xáo xáo bởi bác mẹ sống chỉ chứng tỏ rằng con chỉ phí vô

ích nông khiếu của mình và nhiều đêm không ngủ để đề ra những con quái vật: rằng con bắt chuồng những người kỳ quái hiện đại bóp méo ngôn từ, cho đến khi chính họ cũng không còn hiểu được chúng nữa, tuyên bố đồng tử ngữ là tác phẩm thiên tài, vì chúng không có bất kỳ tư tưởng nào hoặc chỉ chứa đựng những tư tưởng đã bị bóp méo.

Đúng là trong thư con có nói đôi điều: những lời kêu ca rằng Gi-en-ni không viết thư. Con kêu ca, tuy trong thâm tâm con thấy rõ rằng hạnh phúc mỉm cười với con về tất cả mọi mặt. Ít ra, con không có căn cứ nào để thất vọng hoặc chôn chường. Nhưng cái đó không đủ đối với con, ego¹ quý giá của con khao khát được những cái gì mà mọi người đã biết (tất nhiên trong trường hợp này điều đó hoàn toàn hợp lý), và đó hầu như là tất cả những gì mà con trai đáng kính có thể nói với cha mẹ mình, tuy biết rằng họ đau lòng, rằng đứa con ấy làm họ buồn phiền bằng sự im lặng phi lý của mình.

Trong một năm đứa con đáng kính của cha mẹ, bất chấp mọi thoả thuận, chỉ tốn 700ta-le, như thể cha mẹ giàu có. Trong khi những người giàu nhất chỉ tiêu không đầy 500 ta-le, và vì sao? Cần phải công bằng với đứa con ấy: cậu ấy không phải là tay ăn chơi, không phải là kẻ tiêu hoang. Nhưng con người hầu như mỗi tuần hoặc hai tuần phát minh ra những kế thông minh và buộc phải phá bỏ những công việc trước đó - công vào đó - làm sao con người ấy, cha hỏi, lại có thể nghĩ đến những chuyện lặt vặt? Làm sao người ấy có thể phục tùng cái trật tự vụn vặt? Ai ai cũng được phép thực tay vào túi người ấy. Lừa anh ta, miễn là làm như thế mà không đụng chạm đến các bản vẽ của anh ta². Và tất nhiên ít lâu

¹ - Ego-đức Mắc

² - câu thơ

sau lại xuất tẩn sắc môi. Những người nhỏ nhen kiểu G.R. và E.vee-xo có thể lo lắng về những chuyện như vậy, nhưng đó là những người trần thông thường cơ mà. Quả thật, do sự đơn giản của mình, họ cố gắng lĩnh hội ý từ của các bài giảng, hoặc chỉ là lời của bài giảng và tìm cho mình những người cho chỗ và bạn bè, vì các cuộc thi do những con người, nhưng giáo sư, những người thông thái rộng rãi, và có khi do cả những kẻ dốt càng hay để bùng nổ niềm thù địch những người xử sự tự chủ ra làm nhục. Tầm lớn lao của con người là ở chỗ anh ta sáng tạo và phá huỷ cơ thể!!!

Đúng là những người trẻ tuổi khôn khéo ấy bình thần ngũ nghệ, trừ phi đôi khi dành một phần đêm hoặc cả đêm cho những thú vui. Còn Các thần vật, có tài của cha thì sống trong cảnh thức đêm nặng nề, làm một môi thể xác và tinh thần của mình bằng những việc làm nghiêm túc, tuốt của mình mọi thú vui và tất cả những điều đó là vì những điều triết lý hão, trừu tượng cao cả, nhưng những cái cậu ấy tạo ra hôm nay, cậu ấy phá vào ngày mai, và, rồi cuộc thủ tiêu cái của mình và không hấp thụ cái của người khác. Còn kết quả là thần thể ẻo ẹp và dần ỉn rồi loạn, trong khi những người trần mắt thịt giản dị, bình thường, đang hoàng tiến lên trước, và, đôi khi đạt mục đích một cách tốt hơn, hoặc, ít ra, tiện lợi hơn so với những người coi thường những niềm vui của tuổi thanh xuân, và, làm hại sức khoẻ của mình, trong việc chạy theo cái bóng của sự thông thái - điều mà, chắc hẳn họ sẽ đạt được một cách chắc chắn hơn trong việc giao tiếp không lâu dài với những người có kiến thức rộng, và thêm vào đó, sẽ đem lại cho mình sự giải trí!!!

Cha ngừng bút vì nhịp tim đập nhanh hơn, cha cảm thấy sắp sửa mềm yếu đi, mà hôm nay thì cha muốn nói thẳng hết.

Cha phải kể thêm vào đây cả những lời kêu ca của các em trai và chị em gái của con. Qua những bức thư của con, chưa chắc có thể kết luận rằng con có em trai và chị em gái. Còn về Xô-phê hiến hầu đang buồn phiền như vậy vì con và Gienni, và chân thành vô hạn như vậy với con, thì khi không cần đến chị ấy, con chẳng buồn nghĩ đến chị ấy.

Cha đã trả tiền cho tờ séc 160 ta-le của con. Chưa chắc cha có thể liệt nó vào năm học trước, vì về năm học ấy con đã lĩnh đủ. Từ nay về sau cha không muốn thương xuyên đụng chạm với những chuyện tương tự như vậy.

Lúc này mà dĩ vãng sẽ là dĩ nhiên rồi! Biết rằng dù thế nào con cũng đi nghe giảng không đầy đủ, tuy chắc chắn con vẫn trả tiền cho chúng, nhưng cha muốn ít ra giữ thể diện bên ngoài. Cha không phải là nô lệ của du luận xã hội, nhưng cũng không phải là người gièm pha về cha. Con có thể về vào dịp nghỉ lễ Phục sinh hoặc thậm chí sớm hơn vài tuần-cha không cố chấp như vậy đâu. Và, mặc dù có lá thư hôm nay của cha, con có thể tin rằng cha sẽ đang rộng tay ôm con và ghi con vào trái tim người cha đang đau khổ chỉ vì quá lo âu.

Cha của con

Mác

*Cộng bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. I,
11th 2, 1929*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
in bằng tiếng Nga lần đầu*

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BÉC-LIN

Tu-đa, ngày 19 tháng Hai 1888

Đã hai tháng nay cha không ra khỏi phòng, và một tháng nay cha nằm liệt giường. Vì thế cha đã không viết thư cho con. Hôm nay cha muốn ngồi dậy vài giờ và kiểm tra xem cha có thể viết thư được không. Tay hơi run, nhưng chẳng sao, trừ phi cha sẽ phải viết ngắn hơn mức cha muốn và cho phải làm.

Khi viết cho con lá thư hơi gay gắt, cha đang ở trong tâm trạng không tốt, và điều này cần phải chú ý. Thế nhưng cha không bị ra điều gì do ảnh hưởng của tâm trạng ấy, có thể, cha chỉ cường điệu chút ít thôi.

Bây giờ cha không thể lại nghĩ ngợi về mỗi lời than phiền, và nói chung cha không thể tranh đua với con trong nghệ thuật suy lý trừu tượng, vì trước khi đi sâu vào cái thiêng liêng nhất, cha cần phải nghiên cứu thuật ngữ chuyên môn, mà cha thì quá già nên không thể làm việc ấy được.

Nếu lương tâm của con và triết học của con hòa hợp được với nhau thì tốt.

Chỉ trong một vấn đề, tất cả mọi cái tiền nghiệm, tất nhiên, đều bất lực, và con rất khôn ngoan khi coi việc giữ im lặng một cách kiểu hãnh về vấn đề này là hay. Cha muốn nói đến tiền, mà giá trị của nó đối với người cha của gia đình có lẽ con chưa ý thức được. Cha ý thức được nó càng sắc bén hơn, đôi khi cha tự trách mình về việc đã để cho con quá tự do về mặt này. Mọi đang thàng thứ tư của năm học, thế mà con đã lấy 280 ta-le. Cha chưa kiếm được ngần ấy vào mùa đông này.

Nhưng con không có lý khi nghĩ rằng tưởng như cha không hiểu con hoặc đánh giá thấp con. Cả hai đều không phải. Cha đánh giá đúng tấm lòng của con, đạo đức của con. Ngay ở năm đầu nghệ pháp lý của con, cha đã đưa ra bằng cứ, chứng minh không thể bác bỏ về điều đó, thậm chí không đòi hỏi giải thích về một điểm rất không rõ ràng, mặc dù nó rất phức tạp. Sở dĩ như vậy chỉ vì cha tin vào đạo đức cao cả của con và, đội ơn Chúa, cha tiếp tục tin điều đó. Nhưng niềm tin không làm cha mù quáng, và cha chỉ hạ vò khi vì một mối. Con hãy luôn luôn tin và đừng bao giờ nghi ngờ rằng con giữ một vị trí lớn trong trái tim cha, và con là một trong những đòn bẩy mạnh nhất của đời cha.

Quyết định vừa rồi của con rất đáng khen và đã được suy nghĩ chín chắn. Điều đó là thông minh và đáng khen, và nếu con sẽ thực hiện được lời hứa thì chắc quyết định ấy sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp. Con hãy tin rằng không phải chỉ một mình con hy sinh lớn mà thôi. Điều đó cũng đúng đối với tất cả chúng ta, nhưng lý trí phải thắng.

Cha đã mệt. Các thần yêu, và cha buộc phải dùng bút. Tiếc rằng cha không thể viết như cha muốn. Cha muốn ôm hôn con với tất cả tấm lòng của cha, nhưng trạng thái ốm đau của cha khiến không thể làm thế được.

Đề nghị vửa rỗi của con đối với cha sẽ vấp phải những khó khăn lớn. Cha có những quyền gì? Cha có chỗ dựa nào?

Cha nhân thành của con

Mác

[PHẦN VIẾT THÊM CỦA MẸ]

Các thần yêu!

Cha thần yêu của con lần đầu tiên cảm hụt vì con. Cha hiểu từ xưa con rất yếu. Cấu trúc sức lực chống trở lại với người cha cao thượng, hiền hậu của con. Các thần yêu, mẹ hiền còn khỏe, chiếu theo số phận và bình yên. Giản-ní thần yêu đối xử với cha mẹ như người con yêu đối xử với cha mẹ mình, tham gia tích cực vào mọi việc và nhiều khi làm cha mẹ tươi vui bằng tình nét ngây thơ đáng yêu của cô ấy, bằng khả năng của cô ấy thấy mặt sáng sủa trong tất cả mọi thứ. Các thần yêu, con hãy viết cho mẹ biết tình hình của con đủ khỏi hẳn chưa. Điều làm mẹ buồn hơn ai hết là con sẽ không về nhân dịp lễ Phục sinh. Tình cảm thống lý trí và, Các thần yêu ơi, mẹ tiếc rằng con quá khốn ngoại. Con đừng xét đoán lòng mến yêu sâu sắc của mẹ theo mức dài ngắn của lá thư

này; có khi con người có nhiều tình cảm lại chỉ có thể bày tỏ được ít. Con khỏe nhé, Các thần yêu, con hãy sớm viết thư cho cha hiền từ, và điều đó chắc chắn sẽ làm cho cha con chóng bình phục.

Mẹ của con trước sau như một yêu thương con

Hen-ri-ét-ta Mác

[PHẦN VIẾT THÊM CỦA CHỊ XO-PHI]

Các thần yêu, em sẽ thích thú khi nhận được tin của cha. Bức thư dài của chị. giờ đây, chị cảm thấy ít quan trọng đến mức không biết có nên gửi kèm đi hay không, vì chị u rằng nó không đáng được trở cuộc để gửi đi.

Cha đã khá hơn, mà cũng đã đến lúc. Cha nằm sắp được tám tuần. Mai mấy ngày gần đây cha mới ngồi dậy để thông khí buổi ngủ. Hôm nay cha đã gắng sức để dùng bàn tay run rẩy viết cho em mấy dòng. Cha khốn khổ bảy giờ rất thiếu kiên nhẫn, và điều đó không có gì đáng ngạc nhiên. Suốt mùa đông cha không làm công việc gì cả, mà nhu cầu thì tăng lên gấp bốn. Hàng ngày chị hát và đọc tu cho cha nghe. Em hãy sớm gửi vở cho chị bài tình ca mà em đã hứa với chị từ lâu. Em hãy viết nhanh lên, điều ấy sẽ đem lại niềm vui cho cả nhà. Ca-rô-li-na!" không khỏe, và Lu-i-sa-da* cũng đang

* Ca-rô-li-na Mác
* Lu-i-sa Mác

ôm. Em ấy chắc là bị bệnh sốt phát ban. Ê-mi-li¹ tươi tỉnh và vui tính, còn I-ê-ti² thì ở trong tâm trạng không vui lắm.

Cùng bộ lần đầu trong *Marc-Engels*
Geramansche, Briefe Abt. 1, Bd. 1,
Hft. 2, 1929

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In tiếng tiếng Nga lần đầu

HEN-RÍCH MÁC GỬI CÁC MÁC Ở BÈC-LIN^{***}

Ngày 10 tháng Hai [1838]

Các thân mến, cha viết mấy lời chào con. Tạm thời cha chưa thể viết nhiều hơn.

Cha của con

Mác

Cùng bộ lần đầu trong *Marc-Engels*
Geramansche, Briefe Abt. 1, Bd. 1,
Hft. 2, 1929

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In tiếng tiếng Nga lần đầu

GIEN-NI PHỒN VE-XTÔ-PHA-LEN GỬI CÁC MÁC Ở BÈC-LIN

Nhật-krôm, ngày 21 Tháng Sáu 1838

Về việc nó, cái hàng động đau buồn ấy, cái nĩ giũa hội cũ¹ với loài người thu nhỏ ấy đã ở lại đằng sau. Tên gọi địa phương ở bên trên thư này² sẽ nói với anh. Tiếp theo thư sẽ kể cho anh nghe về chuyến đi của chúng em đến Vô-hê-dơ, về đời sống bên ngoài và đời sống nội tâm của em ở nơi an dưỡng nhờ mền khách này. Nhưng trước hết anh phải im lặng và lắng nghe, anh yêu dấu thân thương của lòng em, lắng nghe những lời chào mến yêu, thân thiết mà nó mang đến cho anh, lắng nghe những lời nói yêu đương ngọt ngào, hiền dịu mà nó thì thầm với anh. - Các thân yêu, nếu bây giờ anh có thể cùng với em, nếu em có thể tựa vào ngực anh, cùng anh ngắm nhìn thung lũng vui tươi, đáng yêu, ngắm nhìn những đồng cỏ xinh đẹp, những ngọn núi với những đỉnh mọc đầy cây! Nhưng, ôi! Anh xa xôi đến thế, xa không với tôi được đến thế. Ánh mắt em tìm anh mà không thấy, em trái rộng tay cho anh mà không đến, em gọi anh bằng tất cả những lời ngọt ngào của tình yêu dịu dàng nhất mà không tới tại anh. Đối

¹ - Ê-mi-li-Mác

² - Giên-ni-ét ta Mác, em gái của Các Mác

³ - cô y nữ Ta-ri-a

lại, em phải phủ những chiếc hôn nồng nàn lên những cái cảm lạnh chùng chình tình yêu của anh, ghì chúng vào trái tim thay vì anh, tưới lên chúng những giọt nước mắt của em. Các ơi, anh hãy gửi đến cho em những sự giả dối của tình yêu thường xuyên hơn, năng viết thư cho em hơn. Em cần điều đó, cần nhiều hơn mức em có thể nói ra. Đó là điều duy nhất mà em có, có thể làm tươi tỉnh tâm hồn đang buồn nhớ, điều duy nhất ngăn cản em hoàn toàn đắm mình trong đau khổ, tuyệt vọng. Em vẫn chưa thể hồi tỉnh, vẫn chưa đủ sức bình thân và kiên cường chịu được ý nghĩ về sự mất mát không thể bù đắp được. Tất cả đối với em đều thật đáng buồn, thật dữ dội; em cảm thấy toàn bộ tương lai thật ảm đạm; không gì mỉm cười với em trong tương lai, không gì làm em vui mừng ở phía trước. Ngay cả quá khứ tươi sáng cũng chỉ để ra những hồi ức đau buồn, và, thân ái, mỗi giờ của cái hiện tại không vui luôn luôn hát em phải buồn rầu so sánh giữa sự giàu có trong quá khứ với sự cùng khổ hiện tại của chúng ta. Mỗi ngày, mỗi khoảnh khắc đều nhắc em nhớ rằng, từ nay, tất cả đều đã khác đi so với chúng hồi nào, rằng quá khứ sẽ không bao giờ trở lại, rằng chúng ta không còn con người tuyệt diệu¹ từng chúc phúc cho tình yêu của chúng ta, rằng ông không còn phải gửi những tia sáng tốt lành, có tác dụng làm tươi tỉnh vào bóng tối của hiện tại, rằng chúng ta vĩnh viễn không có ông nữa, ông đã vĩnh viễn ra đi.

Ngày hôm nay làm sống lại đặc biệt rõ trước mặt em hình ảnh thân yêu, tuyệt diệu của ông. Hôm nay là đúng một năm

từ khi em và ông ấy có mặt ở Quy-ron-xơ². Hoàn toàn chỉ có em và ông ấy với nhau và ông ấy và em đã nói chuyện hai hay ba giờ về những điều quan trọng nhất của cuộc sống, về những lợi ích cao quý, thiêng liêng nhất về niềm tin và tình yêu. Ông đã nói những lời vô cùng quý báu, khắc sâu như lời răn dạy vàng son trong trái tim em. Ông nói với em với một sự trù mẫn, một sự chân thành, thiết tha mà chỉ có những bậc tinh rất phong phú mới có được. Trái tim em đã chấn thành hướng ứng su trù mẫn ấy và sẽ giữ gìn nó mãi mãi! - Có loại tình yêu trải rộng ra ngoài phạm vi sự tồn tại của chúng ta, tình yêu vô tận, và tình yêu ấy thuộc về ông. Hôm ấy ông rất buồn và nghiêm nghị; ông nói nhiều về tình hình đáng lo ngại của bé Ê-du-áo³, ngay lúc ấy đã lường trước rõ những hậu quả đáng buồn của điều ấy, ông còn kêu ca về sự suy yếu về thể chất của chính ông. Hôm ấy ông ho nhiều và rất mệt.

Em đã hỏi cho ông một chén đầu tây và đưa cho ông những quả ngon nhất. Nếu có mặt ở đây, anh sẽ thấy ông vui như thế nào, ông cảm ơn em, mỉm cười với em. Em không bao giờ quên nụ cười thiên thần ấy! - Về sau ông trở nên tươi tỉnh hơn, thậm chí đã bông đùa và trêu em; luôn luôn gọi em là bà tổng thống. Chẳng là vợ tổng thống Ki-vê lúc đó ốm đau đến nỗi sự sống của bà chỉ có thể tính từng ngày, và cha anh đoán chắc là em sẽ có thể thay thế chỗ bà ấy, rằng em cần phải chọn tổng thống làm chồng tạm thời, vì với anh thì việc ấy là việc lâu dài; còn tạm thời thì đóng vai bà tổng thống. Trĩ

¹ - Her-zich Mác

² - ngoài ở Tu-ria

³ - Ê-du-áo Mác³⁴

tương tương đó làm ông vui rất lâu, và khi em nhìn ông, ông bèn hỏi vui: "Bà thủ trưởng và công nhân hậu của tôi có khoẻ không?" Như vậy mỗi ngày, mỗi khoảnh khắc đều nhắc em nhớ đến con người tuyệt vời ấy, đều luôn luôn khơi gợi nỗi buồn sâu sắc về con người thân yêu đã ra đi và những ngày tuyệt vời ông sống giữa chúng ta. Song, tuy vậy, em không muốn ông trở về cái thế giới đau thương này, không, em chúc cho số phận của ông và thêm thưởng cái số phận ấy – em thấy vui trước sự yên tĩnh an lạc mà ông nắm trái trong vòng tay của Chúa, em vui mừng vì ông đã hết vất vả, hết đau khổ, rằng ông đã tìm được ở thế giới bên kia một phẩm thưởng phong phú cho cuộc đời tốt đẹp của mình!

Anh Các ơi, xin anh tha thứ cho em về những cơn bặt phát đau khổ ấy, tha thứ cho em vì đã nói nhiều về những kỷ ức về một đối tượng không thể nào quên, thiêng liêng của nỗi buồn của anh và nỗi buồn của tất cả chúng ta, vì qua đó khơi dậy nỗi đau đã người ngoài, và, em không biết kìm nén những lời ca thán. Xin anh tha thứ vì thư em gửi anh thiếu sự tươi vui, nhưng em chưa đủ sức kìm nén tâm trạng của mình, chưa thể hoàn toàn khắc phục được những đau khổ của mình. Và làm sao chúng ta có thể tưởng niệm ông một cách tốt hơn và xứng đáng hơn, nếu không phải bằng cách luôn luôn nghĩ đến ông, bằng những kỷ ức mãi mãi tươi mới về cuộc đời trong sạch của ông, về những đức hạnh cao cả của ông, về tình yêu thành thiện của ông. Và đó chính là niềm an ủi lớn lao nhất, điều làm yên lòng lớn nhất đối với chúng ta.

Em gửi anh kèm trong thư này mấy sợi tóc giữ lại được từ

mái đầu của con người thân yêu. Đó là cái cuối cùng mà hình hài trần thế của ông còn để lại – sự đau khổ và nỗi lo toan đã nhuộm bạc chúng. Em đã hôn chúng, đã tưới đậm chúng bằng nước mắt.

Mong chúng sẽ lùm bủa hộ mệnh cho anh trong cuộc đời này, luôn luôn nhắc anh nhớ tới đức hạnh của anh...

Cộng kế lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Dritte Abteilung, Bd. I,
1975

In thư bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

GIEN-NI PHỒN VỀ XTO-PHA-LEN GỬI CÁC MẮC Ở BÉC-LIN ²⁰⁸

Từ rĩa (1939 - 1940)

Anh thân yêu và duy nhất của em!

Trái tim của em, anh không giận em và không lo lắng về em nữa chứ? Em rất hối hận khi viết bức thư vừa rồi, trong những phút như vậy em cảm thấy tất cả đều vô tội và không khiếp hơn trong thực tế.

Anh yêu đầu duy nhất ơi, anh hãy tha thứ cho em về việc em làm cho anh sợ như vậy, nhưng em bị chấn động sâu sắc vì anh nghĩ ngờ tình yêu và lòng chung thủy của em. Anh Các ơi, hãy nói vì sao anh có thể làm điều đó, vì sao anh có thể

viết khó khăn như vậy cho em, nói lên nỗi ngờ vực, chỉ vì em im lặng hơi lâu hơn bình thường, giấu lâu hơn trong mình nỗi buồn vì bức thư của anh, vì Êt-ga¹, ôi, vì rất nhiều điều chưa chất trong lòng em nỗi đau khổ không thể chịu đựng được. Em đã làm thế chỉ vì muốn thương anh và không làm mình phiền muộn - bốn phận trước anh và trước những người thân của em buộc em phải làm như thế. Ôi, anh Các ơi, anh biết em ít đường nào, anh hiểu tình cảnh của em ít đường nào, và, anh cảm thấy ít đường nào nỗi khổ của em là gì, trái tim em ứa máu ở đâu.

Tình yêu của cô gái không giống tình yêu của người đàn ông, nó phải khác. Tất nhiên, cô gái không thể đem lại cho người đàn ông cái gì ngoài tình yêu và chính bản thân mình, không chia sẻ cho ai và mãi mãi. Trong những điều kiện bình thường, cô gái phải tìm được sự thỏa mãn hoàn toàn trong tình yêu của người đàn ông, vì tình yêu mà cô gái phải quên đi tất cả mọi cái khác.

Nhưng, anh Các ơi, anh hãy hình dung hoàn cảnh của em. Anh không tôn trọng em, không tin em. Em không đủ sức kìm giữ tình yêu lãng mạn hiện nay của anh, điều đó em đã biết ngay từ đầu, đã cảm thấy tận đáy lòng ngay trước khi nó được giải thích cho em một cách rất lạnh lùng, thăm thẳm và sáng suốt. Ôi, anh Các ơi, sự đau khổ của em chính là ở chỗ cái làm cho mọi cô gái khác tràn đầy sự cảm phục khôn tả, - tình yêu đẹp đẽ, cảm động, say đắm của anh, những lời nói đẹp đẽ không thể tả được về nó, những điều sáng tạo đầy cảm hứng của trí tưởng tượng của anh - tất cả những điều đó chỉ làm cho em sợ, và thường dẫn tới thất vọng. Em say mê niềm sung sướng càng trọn vẹn, số phận của em càng khủng khiếp.

khi tình yêu nồng nàn của anh sẽ nguội lạnh và anh sẽ trở nên lạnh lùng và dè dặt. Anh Các ơi, anh có thấy không, sự lo lắng giữ gìn tình yêu của anh tước mất của em mọi niềm vui. Em không thể hết lòng hết dạ vui mừng về tình yêu của anh, vì em không tin nó nữa. Đối với em không có gì khủng khiếp hơn điều đó.

Vì vậy, anh Các ơi, em không biết ơn anh về tình yêu của anh, em không được tình yêu của anh khích lệ như nó đáng được. Vì thế em thường nhắc anh về những vấn đề khác, về cuộc sống và thực tại, thay vì hoàn toàn đắm thân vào thế giới tình yêu, hoà tan trong tình yêu, như anh làm được thế, hoà trong sự thống nhất tinh thần cao cả với anh và quên tất cả những cái còn lại, chỉ trong việc đó mới tìm được sự an ủi và niềm sung sướng.

Anh Các ơi, nếu anh có thể cảm thấy được nỗi đau khổ của em, thì anh sẽ mềm mỏng hơn với em và anh sẽ không thấy ở khắp nơi một sự tâm thường thấy bên, và, cuộc đời buồn tẻ anh sẽ không tìm kiếm ở mọi nơi tình trạng thiếu tình yêu đích thực và thiếu chiều sâu tình cảm.

Ôi, anh Các ơi, nếu tin tưởng vào tình yêu của anh, thì đầu em sẽ không chảy bưng như thế, trái tim sẽ không đau và đắm mụn như thế. Ôi, nếu em có thể tin chắc vào trái tim anh thì anh Các ơi, em xin thế với Chúa, tâm hồn em sẽ không nghĩ đến cuộc đời và điều tâm thường lạnh lùng. Nhưng, thiên thần của em ơi, anh không tôn trọng em, không tin em, và em không thể giữ tươi tắn và thơ non tình yêu của anh, mà vì nó, em sẽ hy sinh tất cả, tất cả. Ý nghĩ đó đang giết chết em. Anh hãy đọc điều đó trong tâm hồn em, và anh sẽ đối xử rộng lượng hơn đối với việc em muốn tìm sự an ủi ở bên ngoài tình yêu của anh. Em cảm thấy rõ anh có lý về tất

¹ - Êt-ga Phôn Vẽ-xô-pha-lên

có mọi mặt, nhưng anh hãy hình dung củ hoàn cảnh của em, việc em dễ ngã về những suy tư đáng buồn, - anh hãy suy nghĩ tất cả những điều đó, và anh sẽ không khắt nghiệt với em như thế nữa. Nếu anh có thể trở thành có gai trong giấy lá, và hơn nữa thành củ gai la lùng như em nhỉ. Từ khi nhận được bức thư gần đây nhất của anh, em đã bị dấy vò bởi những nỗi sợ hãi rằng anh có thể vì em mà bị kéo vào cuộc cãi vã, rồi cả vào cuộc dọ sùng. Ngày đêm em thấy anh bị thương, chảy máu, ốm đau và, anh Các ơi, em sẽ nói với anh tất cả, ý nghĩ ấy không làm cho em bất hạnh nữa, vì em đã tưởng tượng rằng anh đã mất cánh tay phải, và điều đó đã làm cho em tràn đầy niềm vui và khoái lạc... Anh thân yêu ơi, anh hiểu cho em đã nghĩ rằng trong trường hợp này em sẽ thực sự có thể trở nên cần thiết cho anh, anh sẽ luôn luôn giữ em bên cạnh mình và sẽ yêu em. Em đã nghĩ rằng lúc đó em sẽ có thể ghi tất cả mọi ý nghĩ tuyệt diệu, thần thánh của anh và sẽ thực sự có ích cho anh. Em đã hình dung một cách tự nhiên và sống động tất cả những điều đó, rằng em đã nghe tiếng nói đáng yêu của anh, những lời đáng yêu của anh đã thấm tới em, và em đã nghe theo chúng và đã chăm chút giữ gìn cho những người khác. Anh thấy không, em luôn luôn vẽ cho mình những bức tranh như vậy, và trong những phút ấy em hạnh phúc, vì lúc đó em ở bên anh, lúc đó em là của anh, hoàn toàn của anh. Nếu có thể coi điều đó là có thể có, em sẽ hoàn toàn hài lòng.

Anh thân mến, anh yêu duy nhất, hãy nhanh viết cho em nhé, hãy nói rằng anh mạnh khỏe và yêu em như trước. Nhưng, anh Các thân yêu, em cần nói chuyện nghiêm túc với anh. Anh hãy nói, làm sao anh có thể nghĩ ngờ lòng chung thủy của em? Ôi, anh Các ơi, cho phép người khác nào đó làm lu

mò anh ư? Em thừa nhận những phẩm chất tuyệt vời của những người khác và không coi anh là tuyệt đỉnh, nhưng anh Các ơi, em yêu anh không thể tả xiết được, vậy làm sao em có thể tìm thấy điều gì xứng đáng với tình yêu trong ai đó nữa? Ôi, anh Các yêu dấu, em chưa bao giờ, chưa bao giờ phạm lỗi gì với anh, thế mà anh vẫn không tin em. Song, thật lạ lùng là người ta đã kể cho anh về một người hoàn toàn không có tiếng tăm mà hầu như người ta không thấy ở Tơ-ri-a, trong khi người ta thường thấy em trong thế giới thượng lưu đang nói chuyện sôi nổi và vui vẻ với những người đàn ông hết sức khác nhau.

Em thường vui tính và lành lợi, em bông đùa với những người hoàn toàn xa lạ với em, nói chuyện sôi nổi với họ - điều mà em không thể làm với anh. Anh Các ơi, anh hiểu đấy, em có thể trò chuyện với bất kỳ ai, nhưng chỉ cần anh nhìn em, thế là em không đủ sức nói một lời nào vì sợ hãi, mầu ngưng lại trong huyết quản em, tâm hồn em run rẩy. Thường thường, khi bông đùa đến anh, em lặng người đi vì xúc động, và khi ấy dù có cho em tất cả mọi của cải trên thế gian em cũng không thể thốt lên được một lời. Ôi, em không biết đó là cái gì, nhưng trong tâm hồn em thấy lạ lùng khi nghĩ đến anh, mà em nghĩ đến anh không phải là thi thoảng và không phải chỉ trong những phút giây đặc biệt. Không, toàn bộ cuộc đời của em, toàn bộ sự tồn tại của em thấm đẫm ý nghĩ về anh. Em thường nghĩ đến những điều anh đã nói với em hoặc hỏi em, và lúc ấy, lòng em tràn ngập một tình cảm diệu kỳ không thể giải thích được. Còn khi anh hôn em, anh Các ơ, và ôm em nồng nhiệt và chặt đến mức em ngừng thở vì sợ và xúc động, và anh nhìn em lạ lùng và dịu hiền đến thế, ôi, anh thân yêu, chính anh cũng không biết anh thường nhìn em bằng đôi mắt như thế nào đâu. Nếu anh biết, Các yêu dấu,

rằng em có cảm giác lạ lùng như thế nào. -em không mô tả nổi nó. Đôi khi em nghĩ sẽ tuyệt diệu dường nào khi, cuối cùng, em luôn luôn sẽ ở cạnh anh, và anh sẽ bắt đầu gọi em là vợ thân yêu của anh. Tất nhiên, anh thân yêu, lúc đó em sẽ có thể nói với anh tất cả những điều em nghĩ, lúc đó em sẽ không ngưng nghỉ như bây giờ. Anh Các ơi, anh thân yêu, có một người yêu như thế thật tuyệt vời biết bao! Anh sẽ biết thế là thế nào, anh sẽ quyết không rin rằng em có thể yêu ai khác. Anh yêu dấu của em ơi, em nghĩ đúng là anh không nhớ nhiều điều trong số những điều anh đã nói với em. Một lần anh đã nói điều gì đó tuyệt diệu với em, mà chỉ có người nào yêu say đắm và thấy rõ mình trong sự đồng nhất không khí với cô gái mình yêu, mới có thể nói được. Anh thường nói với em những điều tuyệt vời như thế. Anh còn nhớ điều đó không, anh Các thân yêu? Còn nếu em có dịp kể tất cả những điều em đã nghĩ, - thì anh, anh lâu lĩnh ơi, tất nhiên, anh hình dung rằng thế là em đã nói với anh tất cả, nhưng anh lắm to. Khi không còn là người yêu của anh nữa, thì lúc đó, em sẽ nói với anh những điều không thể nói với ai khác ngoài người yêu mà ta hoàn toàn thuộc người ấy. Nhưng khi đó, Các thân yêu, cả anh cũng sẽ nói với em tất cả và sẽ lại nhìn em với sự triu mến như vậy. Đối với em, đó là điều tốt đẹp nhất trên thế gian. Ồi, trái tim của em ơi, anh có nhớ khi lần đầu tiên anh nhìn em sau đó vội đưa mắt đi, rồi lại nhìn và em cũng đã làm như thế và sau cùng ánh mắt của chúng ta gặp nhau, và chúng ta đã nhìn nhau lâu, rất lâu, không thể rời nhau.

Anh yêu dấu, anh đừng giận em nữa, hãy viết cho em điều gì đó âu yếm, - vì điều đó đem lại cho em niềm vui như vậy. Anh đứng lo lắng nhiều như vậy về sức khoẻ của em. Em thường tưởng tượng rằng sức khoẻ của em tốt hơn trong thực

tế. Còn hãy giữ thi quá thật em cảm thấy khỏe hơn là trong thời gian dài qua. Em cũng không uống thuốc nữa, em ăn lại thấy rất ngon miệng. Em đi dạo nhiều ở vườn Vét-ton-đoóc-phơ và suốt ngày cần mẫn làm công việc. Nhưng tiếc rằng em không thể đọc được gì. Giống như em tìm được một cuốn sách mà em có thể hiểu đầy đủ và làm cho em quên chuyện khác đi một chút nhĩ. Em nhiều khi cố giờ đọc một trang và vẫn không hiểu gì cả. Tất nhiên, trái tim của em ơi, sau này em sẽ có thể bù lại cái đã bỏ qua, và ngay cả nếu giờ đây em có đặt lại một chút thì anh sẽ giúp em bù lại - em nhanh chóng nắm bắt cơ mà. Có thể, anh biết một quyển sách nào đó, nhưng nó phải thuộc loại đặc biệt, hơi có tính khoa học, để em không hiểu được tất cả, nhưng vẫn nhận biết một số điều giống như qua màn sương, một cái gì đó mà không phải ai ai cũng thích đọc, nhưng cũng không phải là chuyện có tích và không phải là những bài thơ mà em không chịu được. Thiết nghĩ, để đầu óc em làm cái gì đó thì sẽ có lợi cho em. Khi ta làm việc bằng tay thì điều đó để lại quá nhiều khoảng trống cho ý nghĩ. Các thân yêu, điều chủ yếu là anh mạnh khoẻ nhé. Người yêu ngộ nghĩnh của anh lại phóng ý nghĩ đi xa. Em vui mừng vì [tâm trạng] của anh đã thay đổi...

(PHẦN VIẾT THÊM CHO EM ÉT-GA)

Ét-ga thân mến, em làm ơn chuyển giúp bức thư này. Chị cũng sẵn sàng thực hiện mọi việc em giao có tính chất yêu đương.

*Cộng hồ lần đầu tiên, từ Anh trong
Karl Marx-Frederick Engels Collected
Works, Volume 1, Moscow 1976*

*In thêm bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

GIẤY CHỨNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRƯỞNG ĐẠI HỌC TỔNG HỢP BÉC-LIN²⁰⁶

Chúng tôi, Hiệu trưởng và hội đồng

Trường đại học tổng hợp Hoàng gia Phri-đrich-Vin-hem

ở Béc-lin,

Chứng nhận bằng chứng chỉ tốt nghiệp này, rằng ông Các Hen-ri-ích Mác, -sinh quán To-rin, con của luật sư Mác đã tạ thế ở đây, - đã tới tuổi trưởng thành, đã được chuẩn bị để học đại học tại trường trung học thành phố To-rin, đã được ghi tên học ở trường chúng tôi, trên cơ sở bằng tốt nghiệp của trường trung học nói trên và giấy chứng nhận ra trường của Trường đại học tổng hợp Bon. ngày 22 tháng Mười 1830; từ thời gian này đến cuối học kỳ mùa đông năm 1840/41 ông Các đã ở đây với tư cách sinh viên, học các khoa học pháp lý.

Trong thời gian nói trên ông đã nghe giảng ở trường Đại học tổng hợp chúng tôi - như đã thấy qua những văn bản đã trình-những giáo trình sau đây:

I. Trong học kỳ mùa đông năm 1836/37

1. Bộ luật Pan-đecth, do ông giáo sư Phôn Xơ-vi-nhi giảng, chăm chỉ
2. Luật hình sự, do ông giáo sư Gan-xơ giảng, rất chăm chỉ
3. Nhân chủng học, do ông giáo sư Xiê-phên-xơ giảng, chăm chỉ

II. Trong học kỳ mùa hè năm 1837

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Luật giáo hội | } do ông giáo sư Hép-phô giảng, chăm chỉ |
| 2. Luật dân sự phổ thông Đứ | |
| 3. Luật dân sự Phổ | |

III. Trong học kỳ mùa đông năm 1837/38

1. Luật hình sự, do ông Hép-phô giảng, chăm chỉ.

IV. Trong học kỳ mùa hè năm 1838

1. Lô-gích học, do ông giáo sư Gơ-bơ giảng, chăm chỉ tuyệt vời.
2. Địa lý phổ thông, do ông giáo sư Rít-tơ giảng, đã ghi tên nghe giảng.
3. Pháp luật Phổ, do ông giáo sư Gan-xơ giảng, rất chăm chỉ.

V. Trong học kỳ mùa đông năm 1838/39

1. Luật thừa kế, do ông giáo sư Ru-đơ-víc-phơ giảng, chăm chỉ.

VI. Trong học kỳ mùa hè năm 1839

1. I-xai-a, do ông thực sĩ Bau-ơ giảng, dự các buổi giảng.

VII và VIII. Trong học kỳ mùa đông năm 1839/40

và trong học kỳ mùa hè năm 1840

Không ghi tên nghe giảng.

IX. Học kỳ mùa đông năm 1840/41

1. Êp-ri-pít, do ông tiến sĩ Ghép-péc-tơ giảng, chăm chỉ.

Phôn Mê-đem .

Về hành kiểm của ông trong thời gian học tập tại trường đại học ở đây không có điều gì đặc biệt đáng chú ý về mặt kỷ luật, còn về mặt kinh tế thì chỉ cần nêu việc nhiều lần có đơn khiếu nại ông về nợ nần.

Cho đến nay ông không bị buộc tội tham gia tổ chức sinh viên bị cấm tại trường đại học ở đây.

Để xác nhận điều đó, nay lập giấy chứng nhận này, có đóng dấu Trường đại học tổng hợp và chữ ký tự tay của hiệu trưởng và thẩm phán đương nhiệm, cũng như của các chủ nhiệm hiện nay của khoa pháp lý và khoa triết học.

Béc-lin, ngày 30 tháng Ba 1840

Lich-ten-stây-nơ Grau-đơ Lan-xi-trô-lê Txum-pia

Dà xem: phó phái viên chính phủ hoàng gia

Lich-ten-stây-nơ Grau-đơ.

Cũng bị in dấu trong ấn phẩm: "Archiv für die Geschichte des Socialismus und der Arbeiterbewegung", Jg. 12, Leipzig, 1926

In theo đúng văn bản
Nguyên văn tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

GIẤY GIỚI THIỆU CỦA CHỦ NHIỆM KHOA TRIẾT HỌC, GIÁO SƯ C. PH. BA-KHMAN, VỀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ CỦA CÁC MÁC¹

Thưa ngài đáng kính!

Thưa các vị cố vấn rất mực xứng đáng!

Nay tôi xin giới thiệu với Ngài một người dự tuyển rất xứng đáng là ông *Các Hen-ri-ét Mác* từ Ta-ria. Người nêu trên đã gửi tôi: 1. Đơn (ghi ở mục "a"). 2. Giấy chứng nhận của trường đại học về việc tham dự các môn học đại học của ông ấy ở Bon và Béc-lin (mục "b" và "c"). Những sự vi phạm kỷ luật nêu trong những giấy chứng nhận ấy chúng ta có thể không răn chú ý tới. 3. Đơn bằng tiếng La-tinh, tiểu sử và một bản luận án với đề tài "*Sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của Đê-mô-cri-t và triết học tự nhiên của Ê-pi-cruy*" (mục "d") 4. 12 đồng phi-ên-đích, số dư ra ngoài khoản tiền ấn định sẽ được trả lại cho người dự tuyển. Luận án chứng tỏ tri thức mình và sáng suốt cũng như mức độ đọc nhiều của người dự tuyển, do đó tôi cho rằng ông này xứng đáng được phong học vị. Vì người nói trên, theo đơn của ông ấy viết bằng tiếng Đức, chỉ muốn nhận học vị tiến sĩ, nên hiển nhiên, việc trong đơn của mình viết bằng tiếng La-tinh ông ấy nói đến học vị thạc sĩ, là sai lầm do không hiểu biết điều lệ của khoa. Chắc hẳn ông ấy đã cho rằng hai học vị ấy gần với nhau. Tôi tin rằng việc giải thích về vấn đề này sẽ làm ông ấy thỏa mãn.

Xin Ngài cho giải pháp sáng suốt

Kính thư

Giáo sư
Ngày 13 tháng Tư
1841

Tiến sĩ Các Phi-ên-đích Ba-khman
Đương kim Chủ nhiệm khoa

Gửi ông chủ nhiệm khoa triết học đáng kính

Xin quý ngài quyết định

Luy-đơn
Ph-Han-đơ
E. Rây-nơ-hôn-đơ
Dut-be-rây-nơ

Io. Ph. Phi-đơ
Guéc-linh-gơ
Sun-tơ

Cũng bị in dấu trong ấn phẩm: "Archiv für die Geschichte des Socialismus und der Arbeiterbewegung", Jg. 12, Leipzig, 1926

In theo đúng văn bản
Nguyên văn tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

GIEN-NI PHÓN VE-XTO-PHA-LEN GỬI CÁC MẮC Ở BON²⁹

(Trên đây, khoảng 10 tháng Tám 1941)

Anh đa tạ! Em sung sướng dường nào khi biết rằng anh vui vẻ, rằng thư em khích lệ anh, rằng anh buồn nhớ em, rằng anh sống trong những phòng tường dán giấy, rằng anh uống sâm banh ở Khuển, rằng ở đây có những câu lạc bộ Hê-ghe, rằng anh mơ ước - nói vắn tắt, anh là người yêu dấu của em, anh đa tạ của em. Em vẫn thiếu một điều: anh có thể khen em một chút về tiếng Hy Lạp của em và viết một bài ngắn, khen sự thông thái của em. Nhưng các anh, các ngài môn đồ Hê-ghe³⁰, không thừa nhận gì, ngay cả cái tuyệt diệu nhất, nếu nó không hợp với tinh thần của anh, và vì thế em chỉ còn việc khiêm tốn ngủ trên các vòng nguyệt quế của chính mình. Đúng, anh thân yêu, tiếc thay, em vẫn còn buộc phải nằm ngủ và hơn nữa nằm ngủ trên đệm lông chim và gối, và thậm chí lá thư ngắn này được viết trên giường ngủ.

Hôm chủ nhật, em đã đánh bạo làm cuộc tập kích quả cảm vào những phòng ở mặt tiền, song điều đó đã có hại cho em, và giờ đây em đành phải chuộc lỗi lầm của mình. Sớm-không vừa mới nói với em rằng ông ấy đã nhận được thư của một nhà cách mạng trẻ từng sai lầm nghiêm trọng trong việc

đánh giá đồng bào của mình. Ông ấy không tính chuyện ông ấy sẽ mua được cổ phiếu hoặc cái gì đó khác. Ôi, anh thân yêu, anh thân yêu! Thế ra bây giờ anh còn dính rả vào chính trị. Điều đó nguy hiểm hơn cả. Anh Các thân yêu ơi, anh hãy luôn luôn nhớ một điều: ở nhà anh có một người yêu dấu đang hy vọng, buồn nhớ và hoàn toàn phụ thuộc vào số phận của anh. Anh thân yêu, trái tim của em ơi, em muốn gặp anh dường nào!

Rủi thay, em chưa thể nêu chính xác ngày. Hiện thời em chưa hoàn toàn bình phục, em sẽ không được phép đi. Nhưng em còn nán lại một tuần nữa, không hơn. Nếu không thì nhà thời tiết học của chúng ta³¹ rồi cuộc sẽ đi, và thế là em không gặp nhân vật đáng kính này. Sáng sớm hôm nay em đã nghiêng ngả trên tờ báo ở Âu-xbuc³² ba bài viết về Hê-ghe và thông báo về sự ra mắt quyển sách của Bru-nô³³.

Nói đúng ra, anh thân yêu ơi, lẽ ra ngay bây giờ em phải nói với anh: *vale faveque*³⁴, vì anh chỉ muốn nhận của em hai dòng, mà tờ giấy thì đã viết gần đến cuối. Nhưng hôm nay em không muốn tuân thủ chặt chẽ lời văn của luật, và em nghĩ sẽ kéo dài số dòng mà anh yêu cầu em viết thành ngàn ấy trang. Và, anh yêu thương của em ơi, có đúng là anh sẽ không giận Gien-ni bẽ bồng về điều này hay không, còn đối với bản thân nội dung thì anh đừng quên rằng chỉ có kẻ bịp bợm mới cho nhiều hơn mồm hân có. Hôm nay đầu óc em trống rỗng đến đáng bực, ề ề nặng nề như thế trong đó không có gì ngoài những thốt cổ xay kệu âm ỉm. Ý nghĩ đã biến mất

²⁹ - Bru-nô Bon-d

³⁰ - "Allgemeine Zeitung"

³¹ - anh mạnh khỏe rồi và bây giờ vẫn chung thủy với em

tất cả, nhưng trái tim thì đầy đặn, tràn ngập tình yêu, nở buồm nhỏ và nổi khối sẽ nóng nhiệt vì anh, người mến yêu vô vàn.

Chẳng lẽ trong thời gian qua anh không nhận được lá thư viết bằng bút chì gửi qua Vô-băng hay sao? Hóa ra người trung gian không thích dụng nữa, và từ nay em đành phải gửi thư thẳng cho ông chủ và hoàng thượng của em.

Đứng vào lúc này, Thiên tướng hải quân Na-pia đi qua, mặc áo khoác trắng kiểu của phiêu kỵ binh. Trong cảnh tượng như vậy dấu ọc đêm sáng suốt. Em có cảm giác như thế trước em là hang sói trong "Xã thú có phép lạ"¹¹⁰, khi những bầy thú và những nhân vật hoang đường kỳ quặc bỗng lao vút qua bên cạnh. Chỉ có điều là trong cảnh tượng đó tròn diễn dài nhỏ thăm hại của chúng ta, ta luôn luôn thấy những dây chèo trôi những con đại bàng, cú vọ và cá sấu - còn ở nơi này, bộ máy thuộc loại hơi khác.

Ngày mai cha¹¹¹ lần đầu tiên sẽ đẩy khỏi giường và ngồi một ít. Ông hơi nản lòng vì bình phục rất chậm, nhưng điều đó không ngăn cản ông không ngừng điều hành công việc, thành thử ông sẽ nhanh chóng nhận được chiến luận chương chữ thập lớn của đoàn hiệp sĩ.

Nếu không bị cột chặt vào giường một cách hết sức thâm hại thì em đã sớm soạn lên đường rồi. Tất cả đều đã sẵn sàng. Vây, cổ áo, mũ trùm đầu vào đây cả rồi - chỉ thiếu cái mà em phải mang. Ôi, anh thân yêu, em suy nghĩ nhiều biết bao, hàng đêm mất ngủ vì anh và vô tình yêu của anh, em thường xuyên cầu nguyện cho anh, chúc phúc anh và xin phước lành đến với anh, và em mơ mộng biết bao về hạnh

phúc quá khứ và tương lai. Tối nay, Hai-trình-gơ hiểu diễn ở Bon. Anh có đi xem hát không? Em đã thấy bà ấy trung vai phụ nhân Di-a-na.

Các bé bông ơi, em muốn viết cho anh nhiều nữa, viết nữa về tất cả, nhưng mẹ¹¹² không cho phép nữa, - mẹ lấy mất bút của em, và em thậm chí không thể gửi cho anh lời chào chân thành nóng nồm nhất. Em gửi anh những chiếc hôn gió. Hây hây bay, bay đến anh Các của tôi, và hãy áp vào môi anh ấy thật nóng bỏng như các người được gửi đi một cách nóng nhiệt và chân thành cho anh ấy, rồi sau đó hãy thổi lộ sự giả cảm lạnh của tình yêu và các người hãy nói thăm với anh ấy tất cả những lời yêu thương, trù mến mà tình yêu sẽ mách bảo cho các người. Các người hãy kể cho anh ấy tất cả, - nhưng thôi, hãy để lại cái gì đó cho cô chủ các người.

Anh mạnh khỏe nhé, anh yêu quý, duy nhất của em!

Em không viết được nữa, nếu không thì em sẽ chống mặt...¹¹³ v.v., Anh biết đấy, quadrupedante putrem sonitu¹¹⁴ v.v., Adieu¹¹⁵, con người thân yêu từ đường sắt, Adieu, người bé bông thân mến hay không! - Có đúng là em dịch xúc có thể lấy anh làm chóng hay không?

Tạm biệt, tạm biệt, anh yêu dấu của em.

*Công bố lần đầu trong Muri (Engels)
Werke, Ergänzungband, Briefe III,
Berlin, 1960*

*Tu thân bản cuối này
Nguyên văn in tiếng Đức
in Hängung Nien lần đầu*

¹¹⁰ - Lâu-vịch Phân Vị xứ phu-len

¹¹¹ - Ca-rô-lin-na Phân Vị xứ phu-len

¹¹² - Tiếp theo có ba từ la-tinh với không dấu, không có nghĩa

¹¹³ - "Bằng tiếng mẹ đẻ của tiếng nước khác đến ..." (Vô-băng, "Erläuterungen", quyển thứ 1 của, của từ 1965).

¹¹⁴ - Tâm bất

GIỄN-NI PHÔN VE-XTO-PHA-LEN GỬI CÁC MẮC

Ở KHUÊN:¹¹

(Von-xơ nác, đầu tháng Ba 1943)

Tuy trong hội nghị vừa rồi, về điểm đã biết, hai cường quốc vĩ đại chưa ra quyết định và chưa ký kết hiệp ước nào về trách nhiệm bắt đầu trao đổi công văn, và như vậy, không có nguyên cớ bên ngoài nào bắt phải làm điều đó, nhưng nữ thông tin viên nhỏ bé với những búp tóc xoắn tuyệt vời vẫn cảm thấy nhu cầu nội tâm cần mở đầu việc trao đổi thư từ bằng cách biểu hiện tình yêu sâu sắc, chân thành và lòng cảm ơn anh, anh yêu dấu, tốt bụng, quý mến và duy nhất của em. Anh chưa bao giờ dễ mến và thân thiết đối với trái tim em như thế; mặc dầu vậy em luôn hân hoan mỗi khi anh tạm biệt em, rồi em lại muốn kéo anh trở lại để một lần nữa nói với anh, em yêu anh như thế nào, em yêu anh nồng nàn như thế nào. Nhưng lần vừa rồi anh ra đi như người chiến thắng. Em không thể diễn đạt nổi rằng anh thân thiết với em như thế nào, anh đã in sâu vào trái tim em như thế nào. Khi em không thấy anh và đứng trước em chỉ là hình ảnh của anh như con người sống động, hình ảnh anh trung thành, hiền lành và nhân hậu như thiên thần, trong toàn bộ cái vĩ đại của tình yêu và trong sự xuất sắc của trí tuệ. Nếu giờ đây

anh có thể ở đây, anh Các bé bông yêu dấu của em, anh sẽ tìm thấy bao nhiêu ý muốn hạnh phúc trong cơ bé đáng yêu rất hoạt bát của anh. Nếu anh một lần nữa thể hiện những ý định xấu, ý đồ độc ác, thì em sẽ không phản ứng đâu; em sẽ ngoan ngoãn cúi đầu, để cái đầu cho chủ bé độc ác chỉ phối. "Cái gì", thế nào? Ánh sáng, cái gì, thế nào, ánh sáng. Anh còn nhớ những cuộc nói chuyện của chúng mình trong buổi hoang hôn, những sự thất bại không lời, những giờ nửa thức nửa chìm hay không? Anh thân yêu của em, anh đáng yêu, tốt bụng nào, anh rộng lượng và vui vẻ đường nào!

Trước mắt em là hình ảnh anh, rạng rỡ, mạnh đường nào, trái tim em luôn luôn hướng tới anh, nó vui mừng run rẩy khi nghĩ đến cuộc gặp gỡ, nó lo lắng đi theo anh khắp nơi. Anh đi Pa-ri-tje v, anh đi Méc-len Vàng, đến cho Ru-gô, đến Pan-xơ ư, đầu đầu em cũng đi theo anh, vừa đi vượt anh, vừa đi sau anh. Giá như em có thể dọn gạch đường cho anh và đắp chạ¹² đất, dọn tất cả mọi trở ngại trên đường anh đi nhĩ. Nhưng, thân ái, chúng em hiện thời chưa thể có cơ hội nắm lấy bánh xe của số phận. Từ khi mắc tội cố tòng, từ khi bà Ê-va làm lỗi, chúng em rơi vào thế bị động. Số phận của chúng em là chờ đợi, hy vọng, chịu đựng và đau khổ. Điều lớn nhất chúng em được giao là đan bít tất, cái kim và chia khoá, ngoài cái đó ra thì tất cả chỉ là triết lý hào huyền mà thôi. Chỉ khi đặt vấn đề xác định vị trí của ấn phẩm "Deutsche Jahrbücher"¹³, thì ở đây, sự phủ quyết của phụ nữ mới xâm nhập vào và thẩm kín đóng vai trò quyết định. Tối nay em đã

¹¹ Đây là một đến là "Deutsch-Französische Jahrbücher"¹²

nghe đến Xơ-ra-xua. Nếu anh thích Pháp hơn Đức, điều đó có cản trở việc anh trở về Đức hay không, và tính tự chủ tự do chủ nghĩa có thể đi đến kết luận: "các vị hãy đi ư hoặc đơn thuần ở xa tổ quốc, nếu tổ quốc không đáng yêu đối với các vị", hay không? Nhưng tất cả những điều đó, như em đã nói, chỉ là ý nghĩ của em, và cha đỡ đầu Ru-gơ sẽ biết cần phải làm gì, đặc biệt là nếu con gà mái tơ của em quan sát tất cả những điều đó từ xa và nấp đơn độc biệt của mình. Vây, cứ để cho mọi việc yên nghỉ trong lòng cha A-bra-ham.

Sáng nay khi dọn phòng, em đã đặt các quần cò vào chỗ; gom các đầu mẩu xi gà, quét tro, em thấy một tờ giấy gửi kèm theo đây. Anh đã xé một tờ trong tác phẩm của ông bạn Lút-vich¹ và đã quên nó ở đây. Có thể anh đang đọc tiếp, thành thử anh không cần đến nó. Nhưng đối với ông thợ đóng sách đóng kính, trong trường hợp người ấy sẽ phải đóng tất cả thành một tập, thì tờ ấy cực kỳ cần thiết. Nếu không thì toàn bộ tác phẩm sẽ bị hỏng. Chắc chắn anh còn để vương vài những tờ nào đó nữa. Điều đó sẽ rất đáng tiếc. Anh hãy giữ gìn những tờ còn lại.

Còn giữ đây em phải kể anh biết, em đã xúc động mạnh như thế nào khi anh ra đi. Em bỗng thấy rằng anh không cầm chiếc khăn quàng có thể giúp ích cho anh, và để mặc cái mũ của anh cho gió, cho thời tiết xấu, không khí, anh làm cho nó chịu mọi sóng gió của số phận. Điều đó làm cho em rất lo lắng. Thêm vào đó, người thợ cắt tóc chạy lon ton xuất hiện. Em nghĩ rằng em sẽ có thể tiết kiệm, và em đã hỏi ông ấy

¹ - Phê-ô-lốp¹

một cách đặc biệt lịch sự xem ngài tiến sĩ còn nợ ông ấy bao nhiêu. Ông ấy trả lời: 7,5 xu bạc. Em nhanh chóng tính nhẩm, và 2,5 xu đã được cứu thoát. Nhưng em không có tiền lẻ, thế là em đưa cho ông ấy 8 xu bạc, tin rằng ông ta sẽ đưa cho em số tiền thừa. Nhưng kẻ vô lại ấy làm gì? Ông ta cầm an và bỏ tất cả liên vào túi, 6 pphen-ních của em đã tiêu tan, thế là em đã bị đánh lừa. Em đã cố hết sức giải thích cho ông ấy, nhưng hoặc là ông ấy không nhận thấy ánh mắt buồn rầu của em, và lại mẹ¹ cố gắng dỗ em; nói vào tất, 6 pphen-ních của em đã biến mất như tất cả mọi cái tốt đẹp đang biến mất. Thật là chán ngán!

Còn, bây giờ nói đến đồ trang điểm. Sáng nay em ra phố và thấy thương nhân Văn-phơ có nhiều đồ ren mới. Nếu anh không thể mua chúng với giá rẻ hoặc anh sẽ nhớ lại đó chọn, thì, anh thân yêu của em, em xin anh để việc ấy tự em làm. Nói chung, anh thân yêu, em cho rằng giữ đây sẽ thực sự tốt hơn, nếu anh đừng mua gì cả, mà để dành tiền đi đường. Anh biết đấy, anh thân yêu, khi em sẽ cùng với anh, chúng mình sẽ cùng nhau mua kám, còn nếu người ta lừa chúng mình thì họ lừa cả hai, anh thân yêu, bây giờ tạm thời anh đừng mua nhé. Cả hơn cũng vậy. Em sợ rằng anh sẽ trả quá đắt, còn cùng nhau mua thì sẽ rất thú vị. Nếu anh vẫn không muốn bỏ hoa, thì anh hãy lấy hoa màu hồng. Hoa màu ấy hợp với chiếc áo váy màu lục của em hơn cả. Nhưng anh đừng làm việc ấy thì tốt hơn. Anh biết đấy, anh thân yêu, sẽ tốt hơn nếu anh làm việc ấy khi anh trở thành ông chồng nhỏ hợp pháp - đã trình diện trước bàn thờ, của em. Và còn một điều

¹ - Ca-ô-ly-ô-ni Phôn-Vơ-xơ-phơ-len

nữa, hiện thời em chưa quên. Anh tìm bức thư gần đây nhất của em nhé. Em sẽ rất khó chịu nếu nó rơi vào tay người khác. Nó được viết không hoàn toàn có ý tốt, còn mục đích của nó thì độc địa vô cùng.

Họ đã tấn công anh như tấn công kẻ chạy trốn khi anh đã trở về ư? Hay là họ đã đối giận làm lạnh? Ốp-pun-hai-mơ đã vỗ chừa và Clết-xen có vẫn còn gần đây không? Em sẽ gửi quyền La-phác-giơ¹⁴ đến, ngay khi em có thể làm được việc ấy. Anh đã chuyển cho Ai-xơ bức thư đen đủi rồi chứ? Tình hình hồ chiếu thế nào? Anh thân yêu của em, tất cả những câu hỏi ấy không có quan hệ trực tiếp với em, còn bây giờ thì bắt đầu những câu hỏi đúng chạm đến trái tim em. Anh xử sự trên tàu có tốt không, hay là trên boong lai có bà Héc-man nên đó? Ồi, anh là kẻ vô dụng, em sẽ bắt anh chữa việc đó. Lúc nào cũng chỉ có đi tàu thủy. Đối với những chuyến đi loại như vậy em sẽ lập tức cấm trong contrat social¹⁵, trong khế ước kết hôn của chúng ta, và mọi việc làm sai lệch khế ước đều sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Mỗi trường hợp như vậy đều sẽ được tính đến, và về mỗi trường hợp anh đều phải sám hối. Em sẽ xây dựng luật hôn nhân khác, hết sức đau đớn, giống như luật ruộng đất. Anh mà rơi vào tay rós thì cù liệu đấy! Tôi hôm qua em lại một chết người, nhưng em vẫn ăn được một quả trứng nữa. Do đó, cổ phiếu ăn không phải thấp đâu và, như cổ phiếu Đuyt-xen-đoo-c-phơ, chúng được nâng cao. Khi anh về, em hy vọng, chúng sẽ được hình giố và nhà nước sẽ bảo đảm lại tức. Còn bây giờ thì xin tạm biệt. Sự chia cách gây đau đớn, đau đớn trong tim. Tạm biệt anh yêu, anh duy

nhất của em, anh da sạm đỏ mẩn, thân thương, "cái gì, thế nào!". Ồi anh, ông mãnh. Ta-lát-ta, ta-lát-ta, tạm biệt, hãy viết cho em ngay nhé, ta-lát-ta, ta-lát-ta.

Công bố lần đầu trong văn tập:
"Familie Marx in Briefen". Berlin, 1966

In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức

KHẾ ƯỚC KẾT HÔN GIỮA CÁC MÁC VÀ GIEN-NI PHỐN VE-XTƠ-PHA-LEN

Khế ước kết hôn

Ông Các Mác, tiến sĩ triết học, cư trú ở Khuân, và tiểu thư I-ô-han Béc-tơ I-u-li-a Giên-ni Phôn Ve-xtơ-pha-len, không có nghề nghiệp, cư trú ở Croi-xnéc,

ngày 12 tháng Sáu 1843¹⁶

Số hộ tịch 715

Chúng tôi, Phrê-đrich-Vin-hem

On trái

Vua Phổ,

Đại công tước miền Hạ Ranh v.v.

xin thông báo và nay có trách nhiệm biết rằng:

Trước ông Vin-hem Cri-xi-an Hen-riích Buéc-gơ, công chứng viên hoàng gia Phổ, cư trú ở thành phố Croi-xnéc, tại

¹⁴ Khế ước xã hội

khu tư pháp *Cô-blen-xơ*, ký tên dưới đây, và, hai người làm chứng được nêu tên ở cuối, hiện diện một bên là ông *Các Mác*, tiến sĩ triết học cư trú ở Khuôn, và một bên là tiểu thư *I-ô-han Béc-tơ I-u-li Giên-ni Phôn Ve-xơ-pha-len*, không có nghề nghiệp, cư trú ở *Croi-xéc*.

Hai bên có mặt này đã tuyên bố rằng họ có ý định kết hôn, và rằng về cuộc hôn nhân sau này của mình, mà lễ kết hôn sẽ tiến hành trong thời gian tới, họ đã thoả thuận nhất trí với nhau và đã ấn định những điều khoản và điều kiện sau đây, cũng như hậu quả dân sự của những điều khoản và điều kiện ấy:

Thứ nhất. Giữa hai vợ chồng tương lai phải có sự chung nhau hợp pháp về tài sản trong chừng mực sự chung nhau ấy không bị những điều bổ sung đặc biệt trong những điều khoản tiếp theo hạn chế.

Thứ hai. Sự chung nhau ấy cũng phải được áp dụng đầy đủ cả cho những bất động sản sau này của hai người, vì đôi vợ chồng tương lai tuyên bố là động sản tất cả những bất động sản còn được họ thừa kế về sau và người này hoặc người kia trong số họ kiến được sau này, và những bất động sản tương lai đó mà họ hoàn toàn chuyển thành tài sản chung được họ coi ngang bằng động sản, do đó theo điều một nghìn năm trăm lẻ năm Bộ luật dân sự, có việc chuyển bất động sản thành động sản [Ameublisement].

Thứ ba. Mỗi người trong số họ phải trả riêng những khoản nợ mà trước khi kết hôn họ đã vay hoặc cam kết trả, thừa kế hoặc nhận lấy bằng cách khác nào đó; do vậy những khoản nợ ấy phải bị loại trừ khỏi sự chung nhau về tài sản.

Vậy, giữa đôi vợ chồng tương lai, tất cả đều được thoả thuận nhất trí và đã được ấn định, khế ước hôn nhân này được lập chính để xác định điều đó và được đọc rõ ràng cho các bên tham dự.

Làm tại *Croi-xéc*, tại căn hộ của bà quá phụ Phôn Ve-xơ-pha-len ngày mười hai tháng Sáu, năm một nghìn tám trăm bốn mươi ba, với sự có mặt của những người làm chứng được mời, được ông công chứng viên biết - đó là các ông: *I-ô-han An-lôn Rích-ke-xơ*, với tư cách cá nhân, và *Pê-tơ Ben-xơ*, thợ may, cả hai đều cư trú ở *Croi-xéc*. Và để xác nhận điều đó, văn bản này trước tiên do hai bên có mặt được nêu tên ở trên - mà ông công chứng viên biết rõ tên, đẳng cấp và nơi cư trú - ký, rồi đến những người làm chứng và ông công chứng viên đã được nêu trên.

Trên bản chính được lưu trữ ở chỗ ông công chứng viên và có đóng dấu với giá trị hai ta-le, những người sau đây đã tự tay đặt chữ ký:

"Tiến sĩ *Các Mác*, *Giên-ni Phôn Ve-xơ-pha-len I.A. Rích-ke-xơ*, *Pê-tơ Ben-xơ* và *Bước-gơ*, công chứng viên".

Đồng thời chúng tôi ra lệnh và chỉ thị cho tất cả những người chấp hành tư pháp, khi được yêu cầu, thi hành văn bản này; ra lệnh và chỉ thị cho các chương lý và các chương lý của chúng tôi ở các tòa án khu tuần theo văn bản này; cho tất cả mọi sĩ quan và lãnh đạo các đơn vị quân đội hoặc trợ lý của họ kiên quyết ủng hộ văn bản này, nếu người ta để nghị họ ủng hộ trên cơ sở hợp pháp.

Để xác nhận điều đó, bản chính thứ nhất này đã được công chứng viên ký và đóng dấu công vụ của ông.

Tôi xác nhận sự đúng đắn của bản chính này

Buớc-giơ, công chứng viên¹⁷

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. I,
Hrsg. 2, 1929*

*In three parts
Nguyễn Văn là tướng Đan
In bằng tiếng Nga lần đầu*

CHỦ THÍCH CÁC BẢN CHỈ DẪN

¹⁷ Trên văn bản có dấu đỏ của công chứng viên và giấy biên nhận lệ phí với tổng số tiền là 6 ta-le 15 xu bạc, kể cả tiền trả về dịch vụ của những người làm chứng và chi phí văn phòng.

CHỨC THÍCH

"Những suy tư của một công nhân trong việc lựa chọn nghề nghiệp" các phẩm của Các Mao viết trong các kỳ thi tốt nghiệp tại trường trung học Tô nax vào tháng Tám 1935. Chỉ còn lưu giữ được bảy tác phẩm viết tay do anh thanh niên Mao thực hiện trong các kỳ thi đó: tác phẩm được nhắc tới ở đây viết bằng tiếng Đức về một đồ tái tu do, tác phẩm bằng tiếng La-tinh viết về chế độ công hoá Ô-guy xto, tác phẩm về đồ La-tôn giáo thay tác phẩm sau được ruyền là trong phần phôi lục của tập này). Bất tập về tiếng La-tinh không có sự chuẩn bị sơ bộ. Lớn dịch từ tiếng Hy Lạp, làm dịch ra tiếng Pháp, tác phẩm về toàn học toán cả đều được công bố trong "Khal Marx - Friedrich Engels, Historisch - kritische Gesamtausgabe", Erste Abteilung, Band 1, zweiter Halbband, S 164 - 165, Berlin, 1929).

Trong bản thảo viết tay này tác phẩm có nhiều chỗ do giảng viên môn vũ học môn triết lý. Vì vậy cần biết: tác đồ là hiệu trưởng trường trung học gích dịch (trong lần xuất bản này nhưng chỗ này không được sao lại). Ông đã có nhiệm vụ sau đây: "Khả tất, tập văn phong phú về tư tưởng và triết học có hệ thống. Nhưng cả ở đây nữa nói chung tác giả vốn tin vào khảm khuyết vốn có của mình, do là việc tìm kiếm quá nhiều những cách hiểu đạt hình tượng tính lý. Do đó trong nhiều chỗ

- gạch đũa của bản trình bày chiếu sự khác biệt và sự rõ ràng cần thiết, thường thiếu sự chính xác trong từng câu văn cũng như cả đoạn".-11.
- 2 Thư gửi cha là lá thư duy nhất còn giữ lại được của C. Mác thời thanh niên và là lá thư đầu tay trong số những thư từ còn lưu giữ được đến hôm nay.-19.
- 3 Ở đây có ý nói tới J.G. Heineccius. "Elementa juris civilis secundum ordinem Pandectarum, commodè auditoribus methodo adornata". Amstelodami. 1728 (t. G. Hai-mêc-xi-át "Những cơ sở của luật dân sự, phù hợp với nguyên tắc của Bộ luật Pandect, được trình bày bằng phương pháp thích hợp đối với thính giả", Am-ster-dam, 1728); A.F.J. Thibaut. "System des Pandekten - Rechts". Bd. 1 + 2. Jena. 1803 - 1806 (A Ph.I. Ti-bô. "Hệ thống Bộ luật Pandect", Các tập 1 + 2, Giê-na, 1803-1806).-22.
- 4 Pandect - tên gọi theo tiếng Hy Lạp của di-ghát (tiếng La-tinh digesta - tuyển tập) phần quan trọng nhất của bộ luật và những quy phạm pháp luật của La Mã (Corpus juris civilis) được soạn thảo vào những năm 528 - 534 dưới thời hoàng đế Đế chế Đông La Mã Iustinian I. Pandect bao gồm những điều trích từ các tác phẩm của các luật gia nổi tiếng La Mã về luật dân sự và luật xét xử.-22.
- 5 Tác phẩm được nhắc tới ở đây không còn lưu giữ được.-22.
- 6 Đây muốn nói đến cuốn sách: J.G. Fichte. "Grundlage des Naturrechts nach Principen der Wissenschaftslehre". 2 Teile, Jena und Leipzig, 1796 (t. G. Phi-xtô "Những cơ sở của quyền tự nhiên phù hợp với những nguyên tắc của khoa học". 2 phần. Giê-na và Lai-pzig, 1796).-23.
- 7 F.C. Savigny. "Das Recht des Besitzes. Eine civilistische Abhandlung". Erster Abschnitt, § 1. Gießen, 1803 (Ph. C. Xa-vi-nhi. Quyền sở hữu. Nguyên cứu về luật dân sự. Mục thứ nhất, § 1. Giê-xen, 1803).-24.
- 8 Những đoạn trích từ cuốn sách của Xa-vi-nhi do Mác dẫn ra theo trí nhớ.-24.

- 9 Đây có ý nói đến việc phân loại các khoa học trong tác phẩm của J. Can-to: "Metaphysische Anfangsgründe der Rechtslehre". Königsberg, 1797 ("Những luận cơ bản hình của học thuyết về pháp quyền". Khảo-như-xét, 1797).-27.
- 10 Ở đây nói đến tác phẩm sách: E. Lessing. "Laokoon, oder über die Grenzen der Mahlerey und Poesie". Berlin, 1766 (G.E.Lê-xinh. "La-ô-công, hoặc là Về giới hạn của hội họa và thi ca" Béc-lin, 1766); K.W.F. Solger. "Erwin. Vici. Gespräch über das Schöne und die Kunst". 2 Teile. Berlin, 1815 (K.V.Ph. Đôn-gơ. "Ê-rvin Réc-vi-ô-đam thoại về cái đẹp và về nghệ thuật". 2 phần. Béc-lin, 1815); J.J. Winckelmann. "Geschichte der Kunst des Alterthums". 2 Teile. Dresden, 1764 (J. I. Vin-ken-man. "Lịch sử nghệ thuật cổ đại". 2 phần. Dresden, 1764); H. Luden. "Geschichte des teutschen Volkes". 12 Bände, Göttingen, 1826 - 1837 (G. Luy-đen "Lịch sử dân tộc Đức. 12 tập, Gô-tin. 1826 - 1837) - 28.
- 11 E. F. Klein. "Grundzüge des gemeinen deutschen peinlichen Rechts". Halle, 1799 (E.Ph.Cla-nô "Những nguyên tắc của luật hình sự đại cương Đức. Hát-tô, 1799); "Annalen der Gesetzgebung und Rechtsgeschichte in den Preussischen Staaten" 26 Bände, Berlin und Stettin, 1788 - 1809 ("Biên niên sử lập pháp và luật học trong các nhà nước Phổ". 26 tập. Béc-lin và Stê-tin, 1788 - 1809).-28.
- 12 Cuộc đàm thoại về triết học được nhắc tới ở đây không còn lưu giữ được nữa.-30.
- 13 Mác muốn nói đến những cuốn sách sau đây: J.P.A. Feuerbach. "Rektion der Grundsätze und Grundbegriffe des positiven peinlichen Rechts" Th. 1. Erfurt, 1798; Th.2. Chemnitz, 1800 (J.P.A. Phi-ơ-bác. "Xây lại những nguyên tắc và khái niệm cơ bản của luật hình thức chính". Phần 1. Ê-rô-pôc, 1799; phần 2, Hêm-ni-t-xen 1800); cũng của tác giả trên "Lehrbuch des gemeinen in Deutschland geltenden

- Painischen Rechte". Gießen, 1803 ("Sách giáo khoa luật hình đại cương biên soạn ở Đức". Gießen, 1803); K. L. W. von Guilmann, "Grundriss der Criminalrechts - Wissenschaft". Gießen, 1798 (K. L. W. Phôn Giôn-ma-n, "Những nguyên tắc của khoa học hình sự", Gießen, 1798); A. W. Cramer, "De verborum significacione tituli pandectarum et codicis cum variae lectionis apparatus". Kiliae, 1813 (A. V. Cra-me-r, "Về nghĩa của từ trong Bộ luật Pan-dect và Bộ luật [D-u-xi-n] an) cũng với tổng hợp các dị bản". Kilia, 1813); A. N. von Wemming - Ingenheim, "Lehrbuch des Gemeinen Civilrechtes, nach Heine's Grundriss eines Systems des gemeinen Civil - Rechtes zum Behuf von Pandekten - Vorlesungen". Bd. 1-3. München, 1822 - 1823 (L.N. Phôn Vê-ni-ah-pô - In-ghe-n-ha-ma, "Sách giáo khoa đại cương được biên soạn phù hợp với những cơ sở của hệ thống dân luật đại cương do Hây-de soạn thảo để đọc bài giảng về Bộ luật Pan-dect". Tr. 1 - 3, Mün-chen, 1822 - 1823); Ch. F. Mohlenbruch, "Doctrina pandectarum". Vol. 1 - 3. Halis Saxonom, 1823 - 1825 (Kh. Ph. Mui-lôn-bư-yêch, "Hạt thuyết về Bộ luật Pan-dect" Hali, 1823 - 1825), 31.
- 11 Mặc muốn nói đến sách hướng dẫn về Bộ luật Pan-dect của luật gia Đức V.A. Lau-thu-bách, xuất bản ở Tuy-lin-ghe-n vào cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII Lauterbach W.A. "Collegium theoricum - practicum. Ad L. Pandectarum Libros methodo synthetica" (Hrsg. von Ulrich Thomas Lauterbach) Vol. 1 - 43 und Register. Tübingen, 1699 - 1714 (Lau-thu-bách V.A. "Tuyển tập lý luận - thực tiễn đúng đắn nghiên cứu bộ tập của bộ luật Pan-dect, soạn thảo theo phương pháp tổng hợp". Các tập 1 - 43 với bản chỉ dẫn. Tuy-lin-ghe-n, 1699 - 1714). Cũng cần tác giả trên, "Compendium juris brevissime verbis, nec amplius minus a allegationibus universis ferè mutuum juris exhibens" Hrsg. von Joh. Jacob Schutz, 1 Aufl., Tübingen, 1679 ("Sách giáo khoa về pháp quyền trình bày bằng những công thức cô đọng nhất, nhưng có ý nghĩa phổ cập nhất và những luận cứ chỉ rõ hậu như nhân bộ nội dung của bộ luật". Do J. J. Lau-thu-bách soạn, xuất bản lần thứ nhất, Tuy-lin-ghe-n, 1679), 31.
- 12 Tuyển tập các giáo luật "Concordia discordantium canonum" ("Sự tương đồng của các giáo luật trái ngược nhau"), do tu sĩ vùng Rô-lô-như Phran-xa-xê Gra-xi-an biên soạn vào thế kỷ XII, đầu thế kỷ XVI trở thành phần chính yếu của "Bộ giáo luật" ("Corpus juris canonici"), mà vào trong thế kỷ đã đổi lại với bộ dân luật La Mã ("Corpus juris civilis"). G.P. Lancelotti "Institutiones juris canonici". Venetiis, 1598 (G.P. Lan-xen-lôt-ti, "Cương yếu về giáo luật". Vê-ne-xi-a, 1598); "Cương yếu" đã được đưa vào "Corpus juris canonici", ở phần phụ lục - 31.
- 13 Ở đây có ý nói đến tác phẩm của Ph.Bô-cơ-n "De dignitate et augmentis scientiarum" ("Về vai trò và sự thăng tiến của các môn khoa học") xuất bản năm 1623 ở Luân Đôn, 31.
- 14 H.N. Reimarus, "Allgemeine Betrachtungen über die Triebe der Thiere, hauptsächlich über ihre Kanak - Triebe: Zum Theil kenntniß des Zusammenhanges der Welt, den Schöpfers und unser selbst". Hamburg 1760 (H. N. Bây-ma-rát, "Nghiên cứu khái quát về bản năng của động vật, chủ yếu là những bản năng phức tạp để làm rõ mối liên hệ giữa thế giới, tạo hóa và chính chúng ta", Hâm-bu-ê, 1760) 31.
- 15 Câu lạc bộ tiến sĩ - nhóm đại biểu cấp tiến thuộc phái Hô-ghe-n (Hô-ghe-n-trê), xuất hiện năm 1837 ở Bắc-Jin. Trong thành phần câu lạc bộ tiến sĩ có phó giáo sư thần học Bru-nô Bau-ê, các giảng viên sử học Cúc Phri-ê-lich Kếp-ten, giảng viên địa lý A đôn-phô Ru-len-bêc và những người khác. Câu lạc bộ này - Mặc đã tham gia tích cực vào hoạt động của nó, đã đứng vai trò quan trọng trong phong trào Hô-ghe-n-trê - 32.
- 16 Tác phẩm được nhắc tới ở đây không còn lưu giữ được - 32.
- 17 Ở đây có ý nói đến từ ngữ giảm tự do "Jesuitischer Musculmanach"

"Văn tập nâng thơ Đức") xuất bản ở Lai-pách từ năm 1830 (năm 1832 A. Sa-mi-xa trở thành một trong những tổng biên tập của tờ tuần giám). -32

21 Như đã thấy rõ trong thư của Hen-ri-ích Mác gửi bạn trai ngày 16 tháng Chín 1837 (xem tập này, tr.1060). Các Mác có ý định xuất bản vào thời gian này tập chỉ phê bình năm đầu. -33

22 G.F. Guertner "Ueber die Provinzial- u. Rerichte" Sendschrei hen an den königl. Preussischen Justiz- und vortragenden Rath im hohen Justiz Ministerium zu Berlin. Herrn A. W. Gietze, Berlin, 1837 (G. Ph. Héc-nơ. "Về quyền hạn của của các tỉnh". Thư gửi cố vấn mật của quốc vương về tư pháp, ngời A. V. Gie-t-xơ ở Béc-lin, Béc-lin 1837). -33.

23 Bức thư này không còn lưu giữ được. -34.

24 Hai bài thơ do anh thanh niên Mác viết có lẽ là vào tháng Hai - tháng Tư 1837, đã được đưa vào tập thơ để tặng em (xem tập này, tr.741-913)

Tên gọi chung - "Những bài ca cuồng loạn" - được đặt khi công bố các bài thơ vào năm 1841 trên tạp chí "Athenäum". Khi công bố, nội dung hai bài thơ có đôi chỗ vẫn đối không đáng kể. Trong bản in trên tạp chí bài thơ "Người chơi vi cầm" thiếu đoạn thơ hai câu:

"Hỡi con trẻ, nếu không muốn mất đầu

Hãy lìa xa tổ tiên, hãy đi mau!"

có trong bản thảo ở đoạn thơ thứ năm sau đây

"Người nghi gì? về bài ca của chiến binh lai?"

Ta sẽ thêm người bằng thanh kiếm đấy"

Trên tờ "Frankfurter Konversationsblatt" số 62, ra ngày 3 tháng Ba 1841 có đăng lời nhận xét về "Những bài ca cuồng loạn". Chế hình thức của bài thơ, tờ báo đã thừa nhận "tài năng đặc biệt" của tác giả. -35.

25. "Những tập ghi chép về triết học Bê-pi-quyn" do Mác viết năm 1839, đã được áp dụng rộng rãi trong luận án tiến sĩ của ông xem tập này, tr.281. Tập ghi chép là những công trình nghiên cứu của Mác trong lĩnh vực triết học cổ đại và cũng với việc trích bày những quan điểm riêng của mình còn bao hàm nhiều đoạn trích bằng tiếng La-tinh và tiếng Hy Lạp của các tác gia cổ đại, chủ yếu có liên quan đến triết học Bê-pi-quyn. Bản thảo còn lưu giữ được đến hôm nay dưới dạng bảy tập, trong đó năm tập I - IV và VIII có tên gọi người là: "Triết học Bê-pi-quyn". Người biên các bức kỳ II-IV có đánh dấu - "Hơn kỳ đóng năm 1839". Bìa tập V và VI không còn giữ được. Tập VI còn mất mấy trang nội dung. Năm trang cuối của bức kỳ VI là những đoạn trích từ tác phẩm "Biệt khu toàn thư khoa học triết học" của Hê-ghe, lấy nhan đề "Lược đồ của triết học tự nhiên". Trong tập này những trích lục đó in sau "Tập ghi chép" (xem tập này, tr.281-288, cũng như chú thích 45).

Trong lần công bố đầu tiên "Tập ghi chép" trong thành phần tập thư nhĩ Marx-Engels Gesamtausgabe xuất bản năm 1927, chỉ dừng lại chủ yếu là bản viết của chính tác giả Mác, không có những trích lục do ông ghi lại về những giải thích ngắn gọn cho những trích lục đó. Toàn văn được công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong tuyển tập. C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n. "Trích những tác phẩm dấu tay" (Mát-xcơ-va, 1936). Các phẩm trích bằng tiếng của nguyên bản (đồng thời với bản dịch tiếng Đức các đoạn trích dẫn bằng tiếng La-tinh và tiếng Hy Lạp) lần đầu tiên được in đầy đủ trong Marx-Engels Werke, Ergänzungsband Erster Teil (Berlin, 1968).

Trong lần xuất bản này các trích lục từ các tác phẩm bằng tiếng Hy Lạp và La-tinh đã được dịch ra tiếng Nga. Những thuật ngữ và cách diễn đạt bằng tiếng Hy Lạp và La-tinh chỉ được giữ lại trong trường hợp chúng được dùng trong văn bản tiếng Đức trong các lời bình chú và những đoạn xa đề của tác giả và không thể dịch ra tiếng

Nga mà không ảnh hưởng đến quan niệm chung về văn bản và việc duy trì bản sắc của nó. Ngoài lề có sao lại những đường gạch dằng dờ Mác gạch ở trong bản thảo. Trong những đoạn do Mác trích dẫn của các tác giả cổ đại ở trong "Những tập ghi chép" cũng như trong luận án tiến sĩ được công bố tiếp sau đó, hạn biện tập đã dùng các con số trong ngoặc vuông để chỉ các cuốn sách, các chương và mục của tác phẩm này hoặc các phẩm khác, phù hợp với sự phân chia văn bản được thực hiện trong những lần xuất bản tác phẩm của các tác giả đó. Trong một số trường hợp, trên cơ sở những nguồn tài liệu gốc mà Mác đã sử dụng, trong các trích dẫn có đưa thêm những bổ sung (cũng trong ngoặc vuông) cần thiết để khôi phục sự mạch lạc về ngữ nghĩa. Tên gọi chung được đưa ra phù hợp với dấu để mà tác giả đã đặt cho từng tập ghi chép. -39.

26 Mác muốn nói đến cuốn sách "Petri Gassendi Animadversiones in decimum librum Diogenis Laertii, qui est de Vita, Moribus, Phacitique, Epicuri" ("Những nhận xét của Piere Gât-xăng-di về cuốn sách thứ mười của Di-ô-giôn La-ô-xơ hân về cuộc sống, phong tục tập quán và những kiến giải của Ê-pi-cư-ra"), xuất bản ở Li-ông năm 1649-41.

27 Những dự cảm - đang nguyên văn là "hình cảm", theo phái khắc kỷ đó là dấu tiên đoán, khái niệm chung đầu tiên, thiên bẩm, nhưng chỉ biến thành hiện thực trong mối liên hệ với kinh nghiệm cảm tính; đối với phái Ê-pi-cư-ra - khái niệm chung thuộc về chủ nghĩa kinh nghiệm. -42.

28 A-ta-tiê-xi - khái niệm của luận lý học Hy Lạp cổ đại, có nghĩa là không lo âu, sự bình thản. Trong luận lý học của Ê-pi-cư-ra đó là lý tưởng cao đẹp nhất của cuộc sống, là trạng thái của hiện nhân đạt được bằng cách nhận thức giới tự nhiên và thoát khỏi nỗi sợ hãi của sự chối chối của tự do nội tại. -45.

29 L. Feuerbach. "Geschichte der neueren Philosophie von Bacon von Verulam bis Benedict Spinoza". Ansbach, 1833 (L. Phoi-a-bô. "Lịch sử

triết học cận đại từ Bê-cun Vũ-ru-lam-xơ đến Bê-nê-đích Xi-pi-nô-da". An-xbắc, 1833). -78.

30 Luận văn này của A-ri-xtôt không còn lưu giữ được. Doan được Mác nhắc tới ở đây có trong tác phẩm của A-ri-xtôt "Ela partipus animalium" ("Về các phần của động vật"). -79

31 Dưới đây Mác trích dẫn tác phẩm của Xê-x-tô Em-pi-rích: "Chống lại các nhà toán học" và "Luận về của Pi-rôn" theo bản in ở Giê-nơ-va năm 1621 (Sextus Empiricus Opera quae extant. Magna ingenii acumine scripta. Pyrrhonianum hypotyposicon libri III. Quibus in tres philosophiae partes accuratissime inquiruntur. Henrico Stephano interprete: Adversus mathematicos, hoc est, eos qui disciplinam profitentur, libri X. Gentiano Herveto Aurelio interprete, graece nunc primum editi... Coloniae Allobrogum, 1621). -85.

32 Môn đá của khu vườn - những học trò của Ê-pi-cư-ra; có tên gọi này là do trường phái Ê-pi-cư-ra, được thành lập vào những năm 307-306 trước công nguyên ở A-tên, đã đóng ở trong một khu vườn. "Vườn" trở thành trung tâm chủ yếu của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa vô thần thế giới cổ đại. -86.

33 Có lẽ trong "Tập ghi chép" Mác trích dẫn Phu-tác-xơ theo bản in của G.Ôn-lan-ô, xuất bản năm 1599 ở Pô-rơn-pôuc trên sông Mai-nô (Plutarchus Chaeronensis. Commentarius suavitius quidem vivi posse secundum Epicuri decreta, docens. I n: Quae constant omnia, cum latina, interpretatione Hormanni Cruxerii, Gulielmi Xylandri...T.2: continens Moralia Gulielmo Xylandro in terprete. Faneferli, 1599). -93.

34 H. Ritter. "Geschichte der Philosophie alter Zeit". Erster Theil. Hamburg, 1829 (G. Rit-tê, "Lịch sử triết học thế giới cổ đại". Phần 1. Hăm-buê, 1829). -97.

35 Đây là nói về quan niệm thần bí của Phu-tác-xơ về họ loại người đã tấn

tại từ xưa, mà ông phát triển trong tác phẩm của mình "Về việc do theo Ê-pi-cu-ra thì không thể sống hạnh phúc" 128, 351

- 36 Những vấn đề này có lẽ là của La-rốp Bê-lê-mô, người mà theo xác nhận của người chép tiểu sử của mình A-b-ra-ham Phôn Phan-ken-bê-rô, đã nhiều lần ghi những vấn đề do An-bơ-môn của bạn bè của ông. Mặc hình như đã trích dẫn những vấn đề của Bê-lê-mô theo cuốn sách: L. Feuerbach "Geschichte der neuern Philosophie von Baron von Feuerbach bis Benedict Spinoza", Amstebach, 1833, S. 161, -163.
- 37 Bản dịch ra tiếng Nga những đoạn do Mác trích từ bản trường ca của Lu-crê-xô và việc đánh số các câu thơ (cùng như trong các đoạn trích trước đó tại trang 36 và 60) là dựa theo bản in song song của văn bản tiếng Nga và tiếng La-tinh: Lu-crê-xô, "Về bản chất của sự vật", Hiện chính văn bản tiếng La-tinh và bản dịch là của Ph. A. Pê-tơ-rốp-ski; Nhà xuất bản Viện hàn lâm khoa học Liên Xô (trước đây), 1913.

Chỉ trong những trường hợp bản hữu mới đưa ra bản dịch khác, với hơn nửa đoạn trích dẫn của Mác từ bản trường ca "Về danh số của Mác đối với các câu thơ của các văn bản in của Ác-khê-xtô", xuất bản năm 1803 ở La-pa-xiê. Trong nhiều trường hợp có khác biệt từ một đến ba dòng và với bản in nổi trên cùng như một số bản in khác, -106.

- 38 Khi biên soạn bản in lần thứ hai bộ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập hàng tiếng của nguyên bản (Marx - Engels Gesamtausgabe) các nhà biên học Cộng hòa dân chủ Đức trong những năm 1972-1983 đã xác định rằng phần "Những tập ghi chép về triết học Ê-pi-cu-ra", mà trước đây coi là quyển thứ năm, nay là quyển thứ sáu, còn phần trước đây coi là quyển thứ sáu, nay là quyển thứ năm (tên của nó quyển trước bản quyển sau đều không còn lưu giữ được. Do đó trong tập này những tập ghi chép đó an với Marx-Engels Werke, Ergänzungsband, Teil 1, Berlin, 1988 (Mác và Ăng-ghe-n, Toàn tập, Tập bổ sung, phần 1, Béc-lin, 1988) đã chuyển chỗ, nghĩa là tập năm thành sáu, còn tập sáu

thành năm. Còn trong suốt các tập ghi chép đó, nội dung được sắp xếp hoàn toàn phù hợp với phần thứ nhất đã được nhắc tới của tập bổ sung hàng tiếng Đức.

Còn về bố cục văn bản của tập ghi chép thứ năm và thứ sáu trong tập này an với văn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n "Trích những tác phẩm đạo tạo" (Mác-xen-va, 1956) thì sự thay đổi không chỉ liên quan đến việc sắp xếp lại tập ghi chép ở một số đoạn mà còn liên quan đến tính liên tục trong việc sắp xếp văn bản. Tính liên tục này cũng đã thay đổi một cách hoàn toàn cơ bản cả trong phần thứ nhất tập bổ sung hàng tiếng Đức (trong văn tập năm 1956 phần tư liệu được lưu giữ được dưới dạng những tờ riêng đã không được đưa vào đúng quyển mà nó thuộc sự đã có ở trong đó). Chỉ ở trong tập này tính liên tục đó ở trong các tập ghi chép nổi trên vẫn được duy trì, -194.

- 39 Trong bản thân "Những tập ghi chép" còn lưu giữ được đến hôm nay không có đoạn trích từ trường ca số sáu "Về bản chất của sự vật" của Lu-crê-xô -200.
- 40 P. Ch. Rapp "Das Christliche des Platonismus oder Sokrates und Christus", Pöthgen, 1837, -205.
- 41 Kê-nô-đô-giê-tô - ba học rông lý học (ở đây viện dẫn A-ti-xô-tô, có lẽ Mác muốn nói đến chú giải chín, quyển thứ nhất "Phép miêu hình", trong đó A-ti-xô-tô phê phán học thuyết của Pla-tông, -211.
- 42 Ở đây muốn nói đến tác phẩm "Ê-mô-ax" của Pla-tôn, -214.
- 43 G. W. F. Hegel, "Vorlesungen über die Geschichte der Philosophie" In: G. W. F. Hegel, Werke, Vollständige Ausgabe durch einen Verein von Freunden der Verewogten, Bd. 14, Berlin, 1833, (G. V. Ph. Hê-ghe-n "Thuyết trình về lịch sử triết học", Trong bộ sách: G. V. Ph. Hê-ghe-n, Các tác phẩm Toàn tập, do nhóm biên hữu của người qua đời xuất bản Tập 14, Béc-lin, 1833, -218.

44 Trong bản viết tay còn lưu giữ được đến hôm nay không có đoạn trích từ tác phẩm "Những cuộc đàm đạo Tu-xen-lan" của Xi-xê-rông, mà Mác đã nêu số ở ngoài bìa của tập ghi chép VII. Đồng thời trong tập ghi chép số VII có những đoạn trích từ tác phẩm "Về tội cùng của điều thiện và điều ác" của Xi-xê-rông, mà Mác không ghi ở ngoài bìa tập ghi chép - 241.

45 Sơ đồ của triết học tự nhiên là bản lược ghi nội dung những đoạn trong tác phẩm "Bách khoa toàn thư khoa học triết học" của Hê-ghe-n (G.W. F. Hegel "Enzyklopädie der philosophischen Wissenschaften"). chuyên viết về triết học tự nhiên. Ghi chép này do Mác thực hiện năm 1839 trong "Những ghi chép về triết học Ê-pi-quy-a", đó là năm trong ở cuối ghi chép thư năm. Có lẽ sơ đồ được Mác biên soạn nhằm xem xét tính chất và đặc điểm của triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-a trong ghi chép thư năm theo phương pháp đối chiếu nó với những diễn giải đương thời với Mác về triết học tự nhiên, đặc biệt là cả Hê-ghe-n nữa.

Sơ đồ của Mác trình bày trong bản viết tay. Diễn thể thứ nhất bao hàm nội dung các mục 234-234 "Bách khoa toàn thư khoa học triết học" của Hê-ghe-n và được lại theo cách thức gần giống nhất với trình tự trình bày đề mục và cách thức diễn đạt của ông. Diễn thể thứ hai tóm tắt một số ít hơn các tiết nói về triết học tự nhiên, nhưng có một bất lợi là có tính độc lập cao trong việc hệ thống hoá và hệ thống thuật ngữ. Về mặt này biểu thể thứ ba là độc sắc nhất, nó đã thoát khỏi hệ thống thuật ngữ đặc thù của Hê-ghe-n trong một mức độ lớn hơn và đồng thời, tuy có đọng, vẫn phản ánh đầy đủ nhất nội dung của triết học tự nhiên của Hê-ghe-n. - 261.

46 Tác phẩm "Sự khác biệt giữa triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-a và triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-a" của C. Mác là một phần của tác phẩm nghiên cứu khái quát về lịch sử triết học cổ đại mà ông dự định viết ngay từ năm 1839.

Trong quá trình nghiên cứu những vấn đề đó Mác đã sơ bộ soạn thảo "Những ghi chép về triết học Ê-pi-quy-a" (xem tập này, tr. 239-260), mà ông đã sử dụng cả khi viết tác phẩm này. Đầu tháng tư 1841 Mác gửi nó đến khoa triết trường Đại học tổng hợp Gi-e-na làm luận án để được xét học vị tiến sĩ triết học. Ông được phong học vị bác học ngày 16 tháng Tư. Đồng thời Mác dự định cho đăng tác phẩm của ông trên báo chí. Nhưng do Mác đã viết lời đề tặng và lời tựa để ngày tháng là: tháng Ba 1841. Tuy vậy việc công bố tác phẩm đã không thực hiện được, mặc dù Mác trở lại với dự định đó vào cuối năm 1841 - đầu 1842. Bản thảo của tác giả đã không tìm thấy. Chỉ còn lưu giữ được bản sao chép tay không đầy đủ bản thảo đó do một người nào đó tiến hành, cùng với những bổ sung và sửa đổi do chính tay Mác ghi. Một bốn và một năm phần thứ nhất của luận án, cùng như "Phụ lục", trừ một đoạn mà chỉ giữ lại là có trong luận án, và phần phần chữ thích của tác giả viết cho "Phụ lục" không còn lưu giữ được. Điều đó thấy rõ khi so sánh văn bản của luận án với bản mục lục do Mác biên soạn (xem tr. 279-280). Trong nội mục của phần thứ nhất và mỗi chương của phần thứ hai đều có cách đánh số riêng đối với các chữ thích của tác giả. Những chữ thích này dưới dạng sao lại các đoạn trích bằng tiếng Hy Lạp và La-tinh từ những nguồn tài liệu gốc và các chú giải bổ sung, cũng được lưu giữ được không đầy đủ cho đến hôm nay. Phù hợp với bản sao bản thảo còn lưu giữ được, những chữ thích này được dịch ra tiếng Nga và đặt sau nội dung chính của luận án và khác với các chữ thích và phụ chú của bản biên tập, chúng được đánh số thứ tự kèm theo ngoặc đơn. Những chữ viết không rõ ràng, đã được sửa lại. Những thay đổi quan trọng về nội dung, do Mác đưa vào bản sao bản thảo, đã được nói rõ thêm trong các chữ thích cuối trang của bản biên tập.

Trong lần công bố thứ nhất luận án của Mác - K. Marx, F. Engels und Ferdinand Lassalle. "Aus dem literarischen Nachlaß". Bd. 1, Stuttgart, 1902 - đã bỏ sót hầu như toàn bộ chữ thích của tác

- giu, trở một số đoạn trích và đoạn đã được nhắc tới. Nó được Viên nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (trước đây) công bố toàn văn lần đầu tiên, năm 1927 khi xuất bản tập thư nhất MEOW (Karl Marx - Friedrich Engels. "Historisch - Kritische Gesamtausgabe". Erste Abteilung, Bd. 1, 2. Erster Halbband, S. 1 - 81). -259.
- 47 Dự định của Mác muốn viết một cuốn sách lớn hơn về lịch sử triết học É-pi-quy-ra, chủ nghĩa khắc kỷ và chủ nghĩa hoài nghi đã không thực hiện được. -276.
- 48 C. P. Koppen, "Friedrich der Grosse und seine Widersacher" Leipzig 1840, S.38. Cuốn sách này để tặng Cáo Mác. -276.
- 49 Ở đây Mác trích dẫn cuốn sách của Ba-vit Hi-ung "A treatise of human nature" ("Luận văn về bản chất của con người") căn cứ vào bản dịch tiếng Đức "phor die monachliche Natur", Erster Band, Halle, 1760, S. 480. -277.
- 50 Mác trích dẫn một đoạn trong bức thư của É-pi-quy-ra gửi Ma-ni-n-cây về cuốn sách thứ mười của Di-ô-gien La-éc-tô, mục 123: đoạn trích này cũng như các đoạn trích khác của É-si-ô, do Mác dẫn ra bằng tiếng Hy Lạp (so sánh với tập này, tr.42-44). -277.
- 51 Mác đã tác phẩm "De placitis philosophorum" ("Về những ý kiến của các nhà triết học") được đứng tên Pla-tô-ác, nhưng trong thực tế chắc chắn ông ta không phải là tác giả của nó. -386.
- 52 Người Hy Lạp gọi các nhà triết học Ấn Độ, những người cảm được nghiêm ngặt là những người ham-nô-ác-phê. -293.
- 53 Không tìm thấy bản thảo những đoạn được nhắc đến trong nội dung (xem tr.42-43) phần đầu của luận án "Sg khác biệt chung về nguyên tắc giữa triết học tu nhân của Dé-mô-cri-tê và triết học cơ nhân của É-pi-quy-ra" và "Kết quả" -301.

- 54 *Bien Ghréc-eu* - tên gọi chung số đông của biển Chàm-riên. Có lẽ ở đây nó đến không phải là "những con cá Chàm-riên", mà là "những người Chàm-riên" hoặc là những người Ấn Độ. -311, 320.
- 55 Có lẽ ở đây muốn nói đến sự tinh anh của giáo sư triết học Đức Nuy-zen-tác-gô và nhà ngữ văn học Đức Á-nh-ri-ét về các xuất bản phẩm sau: *Thengs Lectures De vitiis, dogmatibus et apophthegmatibus liber de vitiis graecis et latina separatim editus* . in Uniole Nurnbergae, Korbmeigae, 1791 (Đi-ô-gien La-éc-tô về tật xấu, kiến giải và kinh ngôn, cuốn sách thứ mười do Cáo Lê Nuy-zen-tác-gô xuất bản thành từng tập bằng tiếng Hy Lạp và La tinh). Nuy-zen-tác-gô, 1791) và "Epicon phisica et meteorologica duabus epistolis eiusdem comprehensa Graeca ad fidem librorum scriptorum et edictorum, emendavit atque interpretatus est IO. Gottl. Schneider, Lipsiae, 1813 ("Không kiến giải vật lý và khí tượng học của É-pi-quy-ra, bản chân trung lại bản thư của ông 1-ô-ác-tô-ác và thuyết minh bản tiếng Hy Lạp trên cơ sở bản thảo và sách in (Gottl. Á-nh-ri-ét) Lai-pach, 1813). -312.
- 56 Ở đây không nói đến Ma-tô-rô-đôn, học trò của É-pi-quy-ra ở Lam-pê-axê, mà nói đến Ma-tô-rô-đôn, môn đệ của Di-ô-mô-er-t ở Khar-ô, mà trong một đoạn trích dẫn tương ứng của Xô-bây, được dẫn ra trong chủ đề của tác giả, đã gọi im là thầy giáo của É-pi-quy-ra. Trích dẫn này được dẫn ra trong bức thư của Mác về triết học É-pi-quy-ra (xem tập này, tr.236-237 và 296-298). -328.
- 57 Phụ lục cho tác phẩm, mà còn có vào nội dung, phải gồm hai phần (xem tr.279-280). Lưu giữ được định dạng bài đoạn: mở đầu đoạn thứ nhất của mục hai và những phụ lục của tác giả cho tất cả ba đoạn của mục một. Nhân để chung của phụ lục, không có trong đoạn thứ nhất, ở đây được dựng lại căn cứ vào nội dung. Văn bản của đoạn đó hầu như trùng khớp với văn bản lập ghi chép thứ ba về lịch sử

triết học Ê-íp-tô-qua (xem tập này, tr. 128-132) và do một người nào đó chép lại trên một khối giấy cũng giống như văn bản trong tập ghi chép. Trên cơ sở đó máy in y kiến cho rằng đoạn này không có trong bản in tiên ti mà là một phần của tác phẩm không còn lưu giữ được đến hôm nay viết về triết học cổ đại, nó rõ ràng mang tính chất là một bản nháp, một bản chuẩn bị. Trong khi đó nội dung đoạn văn và những trích dẫn dẫn ra trong đó lấy từ tác phẩm của Pto-lê-mê-xê liên quan chặt chẽ với văn bản còn lưu giữ được của những chủ thích của tác giả cho phần phụ lục (xem tập này, tr. 409-415). Trên cơ sở dẫn chứng đã cho hiện vẫn chưa thể quyết định dứt khoát vấn đề đoạn văn thuộc tác phẩm này hay tác phẩm khác, do đó trong tập này nó vẫn được đăng trong phần luận án tiên ti - 351.

54. Trong bản viết tay của các chủ thích của tác giả, tất cả các trích dẫn đều được dẫn bằng tiếng của nguyên bản - tiếng La-tinh và tiếng Hy Lạp. Các trích dẫn lấy từ cuốn sách "Cuộc đời và học thuyết của những người nổi danh trong triết học" của Dio-giôn La-ô-tê-xô do Mác dẫn ra khác với trong "Những ghi chép về triết học Ê-íp-tô-qua", trong đó chúng được lấy từ bản in như của Gât-xông-đi (1849), dựa theo bản in xuất bản năm 1833 ở Paris-pích của nhà xuất bản Tao-khê-tô-xô, bản in này là một đối chiếu khác nhau so với bản in của Gât-xông-đi. Sở dĩ như vậy là vì trong nhiều trường hợp có sự khác nhau trong chính những trích dẫn do Mác đưa ra trong chủ thích cho luận án và trong "Những ghi chép về triết học Ê-íp-tô-qua".

Trong các chủ thích của Mác, trong một số trường hợp cần thiết ban biên tập đã đưa thêm những giải thích bổ sung đặt trong ngoặc vuông. - 366.

55. Người Ma-xa-lê - dân cư thành phố Ma-xa-lê (sau này là Mác-xây), do những di dân từ Phô-cây Tiếu Á đến lập cư vào khoảng năm 600 trước công nguyên với tư cách là thuộc địa của Hy Lạp.

Trận đánh mà Mác nhắc tới của thống đốc La Mã Ma-ri-ô chống lại các bộ tộc người kim-vô-rô-lê xâm nhập Ga-len và Bắc I-ta-li-a, diễn ra vào năm 101 trước công nguyên dưới thời Véc-rê-lê. - 270.

60. Ở đây muốn nói đến cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng trong triết học Đức cuối những năm 30 - đầu những năm 40 thế kỷ XIX.

Ở đây Mác gọi phái Hê-ghe-nơ là "đảng tự do" trong triết học Cuối những năm 30 "những phần tử cấp tiến nhất trong xã hội (Đ. Bơ-nô, L. Phôi-nê-léc, A. Ruy-gô v.v...) đã chuyển sang lập trường chủ nghĩa vô thần, phê phán triết học Hê-ghe-nơ từ phía tả và đưa ra những yêu sách tự do tư sản. Phần ông lại tư tưởng tiến bộ của phái Hê-ghe-nơ trở lại gọi là "triết học thực chứng" đã hình thành.

"Triết học thực chứng" - khuynh hướng tôn giáo - thần bí trong triết học, lên tiếng phê phán triết học Hê-ghe-nơ từ phía hữu (Đ. C. Vây-xơ, L.G. Phi-xơ-ơ, A. Guy-n-ô-ơ, Ph. Bơ-n-đê, sau này là Bê-lin-lê). "Các nhà triết học thực chứng" muốn cho triết học phục tùng tôn giáo đã lên tiếng phê phán đối nhân thức duy lý và cho rằng linh cảm và thần linh là nguồn duy nhất của tri thức ("thực chứng"). Bất cứ thế triết học nào tuyên bố nguồn gốc của nó là nhân thức duy lý, họ đều cho là "tiểu cực". - 374.

61. Mác dẫn đoạn trích (trong bản thảo là tiếng Pháp) từ cuốn sách "Système de la Nature ou Des Loix du Monde Physique et du Monde Moral". Par M. Moreau de la Motte, Secrétaire Perpetuel et l'un des Quatre de l'Académie Française. Londres, 1756 ("Hệ thống của tự nhiên, hay là về những quy luật của thế giới thể xác và thế giới tâm hồn"). Tác phẩm của ngài Mô-rơ-ô, thủ ký thường trực và là một trong bốn ủy viên của Viện hàn lâm khoa học Pháp, Luân Đôn, (1770) Tác giả thực sự của cuốn sách này là nhà duy vật Pháp P.A. Hên-bách, người mà đã giữ bí mật, đã ghi trong cuốn sách của mình họ tên của viện thủ ký Viện hàn lâm khoa học Pháp Gi.M. Mác-ô-ô-đơ mỗi năm 1760. - 409.

- 62 Hai tác phẩm do Mác trích dẫn của Hê-gê-lin: "Philosophische Briefe über Dogmatismus- und Kriticismus" và "Vom Ich als Princip der Philosophie, oder über das Unbestimmte im menschlichen Wissen" ("Về 'tôi tôi' và tính cách là nguyên tắc của triết học, hay là về cái tuyệt đối trong tri thức của con người") xuất bản năm 1795. Về sau Hê-gê-lin đã tư bỏ những quan điểm luận hệ và chuyển sang lập trường chủ nghĩa thần bí tôn giáo. Năm 1811 Hê-gê-lin được các nhà chức trách Phổ mời vào trường Đại học tổng hợp Ucc-lan để điều chỉnh chống lại ảnh hưởng của các đại biểu thuộc trường phái Hê-ghe-m, đặc biệt là phái Hê-ghe-m trẻ - 412.
- 63 Mác có lý viện dẫn bản Quyết trình thứ 13 về triết học tôn giáo, do Hê-ghe-m đưa trong học kỳ mùa hè năm 1829 ("Vorlesungen über die Philosophie der Religion") - 412.
- 64 Ở đây nói đến việc phê phán các phương pháp khác nhau nhằm chứng minh sự hiện hữu của thượng đế, hàm chứa trong tác phẩm "Phê phán lý trí thuần túy" của Can-tơ - 413.
- 65 Mác muốn nói đến nhận xét sau đây của Can-tơ rút từ tác phẩm của ông "Phê phán lý trí thuần túy đưa ra nhận thức luận về ý nghĩa logic của các câu từ xét đoán (câu ngữ, vị ngữ, tiếp ngữ 'là')". "Một trong đồng ta-le chẳng hạn hàm một chủ sáo vào nhiều hơn so với một team đồng ta-le có thể có. Quả thật vì những đồng ta-le có thể có nghĩa là khác niệm, còn những đồng ta-le thực sự - là khách thể vật tu nó là giả định, nên trong trường hợp nếu như khách thể chứa đựng một cái gì đó hơn cả khái niệm, thì khái niệm của tôi không thể hàm được toàn bộ khách thể, và vì vậy không tương xứng với nó. Nhưng tôi vẫn cần tôi khi có 100 ta-le thật sự thì lớn hơn là khi chỉ có khái niệm về chúng (tức là khái niệm có thể có chúng). Quả thật trong trường hợp thực tế, chủ thể không chỉ chứa đựng theo phép phân tích trong khái niệm của tôi, mà còn tăng thêm theo phép tổng hợp vào khái niệm của tôi (được dùng để

- xác định tại chỗ của tôi), không hề làm tăng thêm 100 ta-le có thể được đó hàng vì vẫn tại đó ở bên ngoài khỏi nhận xét tôi" (xem I-ma-nu-ên Can-tơ. Toàn tập gồm 6 tập, tập 3. Mác-xét v.n. tr. 522). - 413.
- 66 Von-đô - tên gọi những người Xít vơ cổ xưa - 413.
- 67 Cuối năm 1811- đầu năm 1812 Mác mới lần đầu tiên công bố bản luận án của mình. Nhận đó ông đã phê thảo phần đầu luận tựa tựa. Phê thảo mang tính chất là bản nháp và có nhiều chỗ sửa chữa và bổ sung - 415.
- 68 Ngày 13 tháng Tư 1811 luận án tiến sĩ của Mác cùng với đơn xin trình luận án để đạt học vị bằng Cử nhân Đức và bằng La-tinh đã được chính thức đưa vào cơ ghi chép của trường Đại học tổng hợp Ucc-lan mang số 28.
- Cùng ngày hôm đó chủ nhiệm khoa triết Hê-m-ma và nhóm các giáo sư đã ký vào lời nhận xét phê chuẩn bản luận án (xem tập này, tr. 1097-1099). Ngày 16 tháng Tư Mác được phong bằng một học vị tiến sĩ triết học và văn bằng tốt nghiệp. - 416, 1098.
- 69 Tác phẩm này là phẩm mở đầu bài phê phán, mà Mác dự định viết nhằm chống lại cách giải thích tôn giáo, huớng chủ nghĩa đối và văn để chế độ nhà nước tập quyền ở trung tâm: "Deutschland und Frankreich im Bezug auf die Zentralisationsfrage" của Mô-dê-lê Hê-rô, bởi máy in đang trong phần phụ lục của tờ "Rheinische Zeitung" ngày 17 tháng Năm 1842 và được ký bằng ký hiệu phong viển của Hê-t-xê Hài hào của Mác có lẽ chưa được hoàn thành. Phần đã viết xong còn lưu giữ được đến hôm nay dưới dạng bản thảo. - 419.
- 70 Bài báo này của Mác được viết nhằm có sự công kích của nhà triết học Đức Gư-p-ô đối với cuốn sách "Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker", Bd. 1-2 Leipzig, 1841 ("Phê phán lịch sử Phúc âm của các cuốn phúc âm tương đồng", Tập 1-2, Leipzig, 1841) của B. Bru-xơ. Lời tiếng chống lại thủ lĩnh của phái Hê-ghe-m trẻ trong bài văn đã kích của mình "Bruno Bauer und die ästhetische

Lehrfreiheit" nấp dưới ngọn cờ phi đảng phái và trung lập trong triết học (trong hai hầu Mác đến ra lời tuyên bố dưới dạng đơn chất phản theo Grup-pê "Người viết những dòng này không bao giờ phục vụ một đảng nào và không chịu ảnh hưởng của bất cứ ai"). Grup-pê tìm cách làm mất uy tín của Rau-đ, với tư cách là nhà phê phán nguồn gốc Phục âm. Tập chí của những người theo phái Hê-phen trẻ "Deutsche Jahrbücher" còn đánh một loạt bài viết về bài văn đã kích của Grup-pê, trong đó đến lần tiếng bảo vệ Bau-đ. -420.

- 71 Ở đây Mác trình bày ý kiến, được dẫn ra trong cuốn sách của B. Bau-đ "Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker" (tập 2, tr. 296), của nhà thần học theo đạo Tin Lành A. Ne-van-đéc trích từ cuốn sách của ông ta: "Das Leben Jesu Christi in seinem geschichtlichen Zusammenhange und seiner geschichtlichen Entwicklung dargestellt". Hamburg, 1837, S. 265 (A. Ne-van-đéc, "Cuộc đời của chúa Giêsu được trình bày trong mối liên hệ lịch sử và sự phát triển lịch sử của nó" Hăm-buéc, 1837, tr. 265). -428.

- 73 Dưới đây Mác dẫn những đoạn trích từ Tân ước dựa theo cuốn "Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker" (tập 2, tr. 297, 298 và 296) của B. Bau-đ. -426.

- 75 Lời tuyên bố này của ban biên tập liên quan chặt chẽ với bài báo "Chủ nghĩa cộng sản và tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xhuc", (xem Toàn tập, t. I, 1995, tr.168) của Mác, trong đó ông đặt lại bài phát biểu của tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xhuc chống lại chủ nghĩa cộng sản và những sự công kích của nó đối với tờ "Rheinische Zeitung". Trong bài báo của mình cũng như trong lời tuyên bố của ban biên tập Mác đã tranh luận với hai đảng trên tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xhuc, số 254, ra ngày 11 tháng Mười 1842 dưới dấu đề "Die Kommunistenlehren" ("Những học thuyết của chủ nghĩa cộng sản"). Trong tuyên bố của ban biên tập, Mác vạch mặt tác giả bài "Những học

thuyết của chủ nghĩa cộng sản" ở chỗ ông ta đã trình bày xuyên tạc bài "Kommunisten in Preußen" ("Những người cộng sản ở Phổ") đăng trên tờ "Stadt-Archiv-Zeitung" số 277, ra ngày 6 tháng Mười 1842. -430.

- 77 Chủ thích này của ban biên tập được viết cho bài tin "Von Rhein" cũng đăng trong số này. Bài báo này chính là sự đáp lại bài "Fehlgriffe der liberalen Opposition in Hannover" đăng trước đây trong các phụ lục của tờ "Rheinische Zeitung" số 265, 268, 276 và 277, ra ngày 22 và 25 tháng Chín, ngày 2 và 4 tháng Mười 1842. -433.

- 78 Sau khi chế độ quân chủ Bô-lô-nhông được khôi phục ở Pháp, hiến chương lập hiến đã được tuyên bố ở đó ngày 4 tháng Sáu 1814. Nó thiết lập chính thể quân chủ lập hiến, nhưng các tầng lớp dân cư rộng rãi vẫn hoàn toàn tách khỏi đời sống chính trị. Ngày 26 tháng Bảy 1830 vua Sac-le X đã ban bố sắc lệnh (sắc lệnh tháng Bảy), đây là sự vi phạm thô bạo Hiến chương lập hiến năm 1814 (giải tán viện dân biểu mới được bầu lại, tước quyền bầu cử của giới cấp tự sản công thương, sự hạn chế mới đối với quyền tự do báo chí v.v., v và sự tổn thương của các giới trong triều đình, tầng lớp quý tộc bên trên và tầng lớp quần làm một cuộc chính biến. Sắc lệnh là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc cách mạng năm 1830 và lật đổ triều đại Bô-lô-nhông ở Pháp. -433.

- 79 Năm 1837 vua Xc-rê-nô-xơ -Ô-guy-ét và những người ủng hộ ông ta đã làm một cuộc chính biến ở Han-nô-vơ. Hai bộ hiến pháp năm 1835 mang tính chất tự do ôn hòa (theo hiến pháp, vua bổ nhiệm các thượng thư, nhưng họ lại chịu trách nhiệm trước quốc hội); nhà vua đã khước phục hậu lực của hiến pháp năm 1819, ban hiến pháp văn duy trì nguyên tắc đại diện mang tính chất đẳng cấp và hết sức hạn chế quyền của quốc hội. Các giới tự do chủ nghĩa ở Han-nô-vơ đã đấu tranh đòi phục hồi hiến pháp năm 1833; yêu sách đó được diễn đạt trong kháng nghị của bảy giáo sư Trường đại học tổng hợp Göttingen-phên-tinh em

Giơm, Đan-ma-n, Ghê-u-vi-mô, E-van-đu, An-brêch-tơ và Vê-lê-đơ, vì việc đó họ đã bị cách chức: một vài người trong số họ bị trục xuất. Những sự kiện ở Han-nô-vơ có một tiếng vang rộng rãi trong toàn nước Đức. - 635.

77. Loại bản báo "Cứu cách tân chính và tờ "Kölnische Zeitung" (bản bài), cũng như bài đi kèm "Thông tin viên Kölnische Zeitung" và lập trường của "Rheinische Zeitung" đã làm việc nhằm cuộc tranh luận gay gắt về vấn đề có quan đến hành địa phương mà Chính phủ Phổ dự định tiến hành ở tỉnh Rhen. Cùng với việc quân đội Pháp chiếm đóng các tỉnh của Đức ở tả ngạn sông Rhen, các thiết chế phong kiến ở đó về cơ bản đã bị xoá bỏ và vào những năm 10 thế kỷ XVIII các tỉnh Rhen sau này của Phổ đã thiết lập thiết chế cùng xã hội. Trong quan hệ pháp quyền các công xã nông thôn và thành thị được đặt trong những quan hệ bình đẳng, còn đặc quyền sở hữu ruộng đất phong kiến trong các công xã nông thôn thì bị cắt xén đi nhiều. Vai trò thiết lập lịch sử do bộ của Phổ năm 1815 chính phủ và giới quý tộc phong kiến toàn tỉnh xoá bỏ cục diện đó, tước quyền hành đẳng của các công xã thành thị và nông thôn. Các nhà chức trách Phổ hoặc thành phố tỉnh Rhen phải chấp nhận quy chế phân động của Phổ về tổ chức thành phố năm 1808, còn đối với các công xã nông thôn thì một quy chế mới dự kiến và được áp dụng. Bằng cách đó các giới cầm quyền hy vọng sẽ đưa lại dân quyền cho quý tộc vùng Rhen.

Đưa cấp tư sản tiến bộ vùng Rhen và giới trí thức có tinh thần dân chủ đã lên tiếng chống lại những ý nguyện đó của các nhà chức trách Phổ và nhiệt thành bảo vệ sự bình đẳng về pháp quyền của các công xã nông thôn và thành thị. Tờ "Rheinische Zeitung" kiên quyết ủng hộ đường lối đó và đấu tranh để củng cố hơn nữa những thành tựu dân chủ của cuộc cách mạng tư sản Pháp. Từ tháng Tám đến tháng Chạp 1842 nó công bố một loạt bài báo bảo vệ sự bình quyền của thành

phố và nông thôn, phê phán việc thực hiện nguyên tắc đẳng cấp của Phổ và việc loại trừ quyền của quý tộc phong kiến. Khi tờ báo "Kölnische Zeitung" đã đánh lạc hướng độc giả, đã thông loan rằng cư dân tỉnh Rhen tưởng như tán thành việc chia tách công xã nông thôn và thành thị, và thêm vào đó đã giấu thích sự căm ghét quan điểm và luận cứ trong các bài của tờ "Rheinische Zeitung", Mặc dù lần tổng báo lại, mà sự phản bác do "sau khi tờ "Kölnische Zeitung" đáp lại" còn được tiếp tục trong ba bài nữa. Trong đó Mác không những chỉ đúng tình với các yêu sách của giới cấp tư sản cấp tiến vào đầu trước cuộc cách mạng tháng Ba 1848, mà với tư cách một nhà dân chủ cách mạng ông đã nhìn nhận các yêu sách đó với một lập trường kiên quyết và triệt để hơn. Trên bản chỉ thị kiểm duyệt Mác đã phải nguy trang sự phê phán gay gắt của mình đối với lập trường phân động và đồng thời sự dèm của chính phủ và vua Phổ trong vấn đề về cải cách, bằng cách diễn đạt bề ngoài tỏ ra trung thành. Ông làm việc đó rất nghệ thuật, vượt trên mưu toan răn nhủ những kẻ phản đối mình trong tờ "Kölnische Zeitung" bằng lời cho người ta chú ý đến tính chất đối lập của những bài trước trên tờ "Rheinische Zeitung", những mưu toan mà ông hoàn toàn có căn cứ để coi như sự tố cáo chính trị. Ông cũng báo bỏ những điều vu khống khác của báo chí bảo thủ, đó chính là mơ tưởng của nó muốn bằng mọi cách hèn nhé tờ "Rheinische Zeitung" trong cơn mắ của người tiểu thị dân lạc hậu già. - 435.

78. Từ giữa tháng Mười 1842 trên tờ "Kölnische Zeitung" đã xuất hiện một số bài báo, mà tác giả của chúng đã kiên quyết đã kích sự bình đẳng giữa thành thị và nông thôn. Phóng viên "Kölnische Zeitung" đã ký dưới bút hân của mình bằng ký hiệu - - hoặc là - - và nó lộ ông ta là một công chúng viên ở Khướn có tên là Du-bi-er. Ông ta đòi hỏi phải có cải cách thị chính riêng cho thành phố và nông thôn, bằng cách lập luận rằng sự lạc hậu của nông thôn tưởng như không cho phép trao cho các công xã nông thôn những quyền như với thành phố. Bên cạnh đó

các giả không định rằng tưởng như những người bảo vệ nguyên tắc bình đẳng tiến bộ giữa thành thị và nông thôn mới chung muốn cần trở việc tiến hành cải cách thị chính. Trong bài "Tóm lược" được kỷ bằng kỷ hiệu - ... và đăng trong phụ lục của tờ "Kölnische Zeitung" số 309 ra ngày 5 tháng Mười một 1842 người ta đã tập hợp vào một bài tất cả các luận cứ chủ yếu rút từ các bài trước đây và, bất chấp sự thật, để quá quyết rằng đa số dân cư vùng Rhen hầu như đều tán thành sự phân chia giữa thành thị và nông thôn. Mặc dù hạn biên tập tờ "Kölnische Zeitung" đã công bố có những tài liệu phản ánh quan điểm đối lập, nhưng về thực chất nó vẫn đồng tình với những quan điểm của tác giả bài "Tóm lược" - 435.

- 70 Hội đồng dân biểu (thị nghị) đẳng cấp của các tỉnh được thành lập ở Phổ năm 1823. Chúng bao gồm 1) đại biểu của đẳng cấp nông thôn là những gia đình quyền quý trước đây ở Đế chế Đức; 2) đại biểu của đẳng cấp hiệp sĩ, tức là quý tộc; 3) đại biểu của các thành phố; 4) đại biểu của các công xã nông thôn. Vì điều kiện cơ bản để tham dự vào cuộc bầu cử vào hội đồng dân biểu là sở hữu tài sản ruộng đất, do đó phần lớn dân cư nói chung bị loại khỏi các cuộc bầu cử. Tu cách cử tri và toàn bộ cơ cấu phức tạp của các cuộc bầu cử đã đảm bảo cho giới quý tộc chiếm đa số trong hội đồng dân biểu. Hội đồng dân biểu do nhà vua triệu tập, quyền hạn của chúng giới hạn ở những vấn đề kinh tế và quân sự địa phương. Trong lĩnh vực chính trị, hội đồng dân biểu chỉ những chức năng tư vấn hết sức hạn chế - chúng có quyền phát biểu ý kiến của mình về dự luật này hoặc dự luật mà do chính phủ đưa ra thảo luận. Hội đồng dân biểu thứ nhất của tỉnh Rhen họp từ ngày 29 tháng Mười 1842 đến ngày 5 tháng Giêng 1843, còn Hội đồng dân biểu thứ tư họp từ ngày 10 tháng Mười một đến 31 tháng Chạp 1839.

Trên các trang của tờ "Rheinische Zeitung" (xem số 207, ra ngày 3 tháng Mười một 1842) có nói đến hai quyết định trái ngược nhau của

hội đồng dân biểu thứ nhất và thứ tư về vấn đề cải cách cơ quan quản lý địa phương và nhân danh rằng quyền đại diện theo đẳng cấp đã lỗi thời và thực chất đã trở thành phi lý. Từ bài chỉ rõ rằng, không phụ thuộc vào hai quyết định đối lập nhau đó, nói chung không thể coi hội đồng dân biểu là người đại diện cho ý kiến của nhân dân tỉnh Rhen. - 436.

- 80 Trong đơn thỉnh nguyện của thành phố Cöln-en-ơ ngày 18 tháng Chín 1842 có nêu lên lời thỉnh cầu "đúng với các hay đẹp của thành phố Cöln-en-ơ" và một thuật ngữ thị chính được thiết lập theo cuộc bầu cử riêng". Trong đơn thỉnh cầu của thành phố Aachen, số ngày 16 tháng Chín 1842 cũng như trong thỉnh cầu của thành phố Khuen vào tháng Chín 1842 cũng có những lời thỉnh cầu tương tự. Hơn nửa thành phố Khuen và Cöln-en-ơ đã viện dẫn những đặc quyền mà họ có được trong thời kỳ trung thế kỷ và bị mất hiệu lực do việc thi hành quyền công xã của Pháp. - 436.
- 81 Những nhân vật thay mặt cư dân thành phố Trier ký tên vào đơn thỉnh cầu ngày 31 tháng Mười 1842 cầu xin nhà vua "ban phát một thuật ngữ thị chính có thể áp dụng cho tất cả các công xã tỉnh Rhen thuộc vương quốc Phổ và dựa trên những nguyên tắc tự do hạn chế các đại biểu của mình, công khai hoá các cuộc thảo luận trong các cơ quan công xã và sự tự chủ rộng rãi hơn trước đây". - 437.
- 82 Có lẽ Mác ám chỉ bài xã luận của tổng biên tập báo "Kölnische Zeitung" Các Héc-nét, đăng trên báo đó, số 305, ra ngày 1 tháng Mười một 1842. Trong đó, trong khi nói chung đồng tình với các chỉ của nội các ban hành ngày 4 tháng Mười 1842, theo đó chỉ có các cuốn sách dày trên 20 tờ in mới không bị kiểm duyệt, các giả bài báo vẫn buộc phải thừa nhận: "Trong tình hình như thế này chắc gì nhiều người có thể đủ kiên nhẫn khi mà họ muốn cho đăng một sơ thảo ngắn thì lại phải nghiên cứu một cách toàn diện và viết thành một tác phẩm trong tương đại hải". - 438.

83 Ở đây có ý nói bài báo "Việc trao cho các nghệ sĩ vùng Rhen dự thảo về thiết chế công xã bác bỏ sự bình đẳng giữa công xã thành thị và nông thôn" đăng trên tờ "Rheinische Zeitung" số 314, ra ngày 10 tháng Mười một 1842. Trong đó "sự bình đẳng của tất cả các công dân" được đánh giá như một vấn đề chính trị thiết yếu quan trọng của cải cách thị chính và kêu gọi phản kháng lại dự luật chiếc ghế công xã mới do Chính phủ Phổ đưa ra. -439.

84 Ở đây có ý nói lời tuyên bố của ban biên tập tờ "Kölnische Zeitung" đăng trên số báo 316, ra ngày 11 tháng Mười một 1842, dưới hình thức một bài báo ngắn không có đầu đề. -439.

84 Đây có ý nói loạt bài báo "Cải cách thiết chế công xã vùng Rhen" của Henrich Cleeven đăng trong phụ lục của tờ "Rheinische Zeitung" các số 307, 310, 312, 314, 317, 323 và 325, ra ngày 3, 6, 8, 10, 13, 20 tháng Mười một và ngày 1 tháng Chạp 1842. -442.

86 Trên cơ sở chỉ thị của quốc vương Phổ ngày 21 tháng Sáu 1842 tại các tỉnh của Phổ, người ta đã thành lập các ủy ban đẳng cấp, do các hội đồng dân biểu hàng tỉnh bầu ra từ những đại biểu các đẳng cấp có chân trong hội đồng địa phương. Các ủy ban này có thể do quốc vương triệu tập thành một cơ quan tư vấn thống nhất - ủy ban đẳng cấp hợp nhất. Việc này đã được tiến hành lần đầu tiên ngày 18 tháng Mười 1842. Kim so sánh bài báo "Về các ủy ban đẳng cấp của Phổ" của T. Mác (xem tập này 18479-800) - 441.

87 Chủ thích này của ban biên tập do Mác viết cho bài "Der Entwurf zum neuen Rhegesetz", đăng trong phụ lục tờ "Rheinische Zeitung" số 319, ra ngày 15 tháng Mười một 1842. Trong chủ thích này Mác vạch những hướng chủ yếu để phê phán dự luật về lý hôn, mà sau này ông đã trình bày trong một bài riêng đăng trên tờ "Rheinische Zeitung" (xem Toàn tập, tập 1, 1895 tr.231, bài "Dự luật về lý hôn")

Việc chấm dứt và thảo luận trong phạm vi chính phủ bản dự luật về lý hôn, một dự luật gây khó khăn rất nhiều cho việc hủy bỏ hôn nhân, đã được giữ rất kín. Tuy vậy, ngày 20 tháng Mười 1842 tờ "Rheinische Zeitung" đã công bố dự luật và bằng cách đó đã mở đầu cho cuộc tranh luận công khai rộng rãi về nó trên các trang báo của tờ "Rheinische Zeitung", "Leipziger Allgemeine Zeitung" và các báo khác. Việc cho đăng dự luật về lý hôn và việc ban biên tập tờ "Rheinische Zeitung" kiên quyết từ chối nêu họ tên của người đã gín dự luật lại, là một trong những nguyên nhân khiến cho tờ "Rheinische Zeitung" bị đình bản. -448

88 Đây có ý nói bài "Bemerkungen über den Entwurf einer Vorordnung über Bhescheidung" ("Những nhận xét về dự luật về lý hôn") đăng trong phụ lục của tờ "Rheinische Zeitung" số 310, ra ngày 6 tháng Mười một 1842. -448.

89 Đây có ý nói "Luật phổ thông của Phổ" (Allgemeines Landrecht für die Preussischen Staaten) được phê chuẩn và công bố năm 1794. Nó bao gồm luật hình, luật gia đình, luật nhà nước và hành chính và nó phản ánh tích cực lợi ích của nước Phổ phong kiến trong lĩnh vực quyền xử án. -450.

90 Bài báo ngắn được công bố này phản ánh việc Mác, với tư cách là tổng biên tập tờ "Rheinische Zeitung", cố sẽ được lợi là vấn đề nam nữ tình dục từ do có trong sắc chỉ của quốc vương mai vùi đến luật, mà Phri-drích - Vin-hum IV thường hay dùng vì mục đích mê dâm, để tạo ra những hàng rào pháp lý ngăn những truy bức kiểm duyệt đã được chuẩn bị đối với báo chí và chống trả những sự hoành hành của các quan chức chính phủ và báo chí phản động. Do hoàn cảnh bất thuận Mác đã phải sử dụng phương thức chiến thuật tương tự cả trong những trường hợp khác. -454.

91 Ở đây có ý nói bài báo có ghi chủ "Khẩu 14 tháng Mười một" in trong

phụ lục của tờ "Kölnische Zeitung" số 320, ra ngày 16 tháng Mười một 1842. Tác giả ký tên bằng ký hiệu "...". Trong hai báo này một lần nữa ông ta vẫn dùng những luận cứ đó để bác bỏ nguyên tắc bình đẳng giữa thành thị và nông thôn, lần này lên tiếng trực tiếp chống lại tờ "Rheinische Zeitung". Đồng thời ông ta lại dẫn loạt bài báo của Cies-sen, loạt bài báo "Về cách thi chính và tờ "Kölnische Zeitung" của Mác và các bài khác lấy từ tờ "Rheinische Zeitung", số 155.

52. *Die Rheinische Zeitung* - một hàng ở ngoài và Khuôn số 455.

53. Khuy-nh hướng mà Mác đem lại cho tờ "Rheinische Zeitung", sau khi trở thành tổng biên tập của nó, ngày 16 tháng Mười 1842, đã gây ra nổi lo sợ cho các nhà chức trách Phổ. Tình trạng tình hình phân Rập-pho đã viết đi bác-lu rằng, giọng của tờ báo "ngày càng trở nên sắc sảo và gay gắt hơn". Theo sự ủy quyền của ông này ngày 12 tháng Mười một 1842 đốc lý Khuôn Pháo Ghéc-la-khê đã giao cho bạn biên tập tờ "Rheinische Zeitung" đáp thư cho bộ kiểm duyệt về việc thay đổi khuy-nh hướng của tờ báo cũng như hai chi thị, trong đó đòi phải đổi A-dôn-pho Ru-len-béc ra khỏi ban biên tập (các nhà chức trách báo bấy giờ coi A-dôn-pho Ru-len-béc là người đã xuống khuy-nh hướng cấp tiến) và trình tỉnh trưởng phê duyệt biên tập viên mới. Trả lời của bạn biên tập là bức thư của nhà xuất bản sách I. E. R. E-nê, người được chính thức liệt kê là chủ bút chịu trách nhiệm của tờ báo. Trong thực tế tác giả của bức thư là Mác. Điều đó thấy rõ qua bản nháp còn lưu giữ được khớp với bức thư này được gửi theo bản nháp đó.

Lập luận của Mác, trong đó vì mục đích chiến thuật ông đã sử dụng lời nói vào hầu có tính chất tự do giả dối, trong bản chỉ thị về kiểm duyệt và các nghị định khác của chính phủ về báo chí, đã làm cho những người đại diện của chính phủ không có cơ sở để cấm báo chí, mặt khác, như đã thấy rõ trong báo cáo của Phân Rập-pho gửi bộ kiểm duyệt ngày 17 tháng Chạp 1842 nói rằng các nhà chức trách không từ bỏ ý

định bắt đầu cuộc điều tra chống lại các biên tập viên của tờ "Rheinische Zeitung", đặc biệt là chống lại Mác. Tuy thế, không có cơ chính thức để truy nã, các nhà chức trách tạm thời buộc phải giới hạn bằng việc tăng cường các biện pháp kiểm duyệt.

Bản nháp còn lưu giữ được bao gồm những chỗ gạch bỏ và sửa chữa, do chính tay Mác viết bằng mực, và những chỗ gạch bỏ bằng bút chì, do một người nào đó gạch. Là thư trao cho các nhà cầm quyền, mà Rô-nê đã chép lại, trùng với văn bản do Mác sửa chữa. Xem "Rheinische Briefe und Akten zur Geschichte der politischen Bewegung 1830-1850", Hrsg. von Joseph Hansen, 1. Bd., Essen a.d. Ruhr, 1919, S. 377-380 ("Những lá thư vương hầu và những văn kiện viết về lịch sử phong trào chính trị năm 1830-1850", Nhà xuất bản I. G. Doppel-Han-den Tập 1. E. S. xen. 1919. IV 377-380)

Trong lần xuất bản này nội dung bức thư được sao lại dưới dạng mà Mác đã viết sau khi đã gạch bỏ bớt và sửa chữa; đồng thời những chỗ quan trọng trong đó đều được nói rõ thêm ở chữ thích cuối trang. Trong văn bản, tất cả những từ và câu do một người nào đó gạch đi bằng bút chì, vẫn được giữ nguyên, nhưng được nói rõ thêm ở chữ thích cuối trang - 169

54. Bản chỉ thị mới về kiểm duyệt của Chính phủ Phổ ra ngày 26 tháng Chạp 1841 đã dự định không chỉ duy trì, mà thậm chí còn tăng cường sự giám sát của chính phủ đối với báo chí, một sự giám sát được che đậy bằng những ưu mới và hứa hẹn về một chế độ kiểm duyệt tự do và ôn hòa. Bản chỉ thị về kiểm duyệt đăng trên tờ báo chính thức "Allgemeine Preussische Staats-Zeitung" số 14, ngày 14 tháng Giêng 1842

Cũng xem hai báo "Nhập xét bản chỉ thị mới nhất về chế độ kiểm duyệt của Phổ của Mác (Toàn tập, I. I. 1895, tr. 11-151-159).

55. Ở đây đặc biệt muốn nói đến các bài báo đăng trong phụ trương của tờ

"Rheinische Zeitung" số 135, 146, 172, ra ngày 11 tháng Năm, 26 tháng Năm và 21 tháng Sáu 1842: "Auch eine Stimme über eine Hegemonie in Deutschland" ("Thêm một ý kiến nữa về một 'bà quyền ở nước Đức'"); "Hegemonie in Deutschland" ("Bà quyền ở Đức"); "Worters Verhandlungen über die Hegemonie Preußens" ("Những cuộc tranh luận tiếp theo về bà quyền của Phổ"), cũng như về bài "Über Preußens Hegemonie" ("Về bà quyền của Phổ") trên tờ "Rheinische Zeitung" số 135, ngày 14 tháng Bảy 1842.

Vào thời gian này Mác chưa phải là tổng biên tập của tờ báo. - 461.

96 Bài báo ngắn này in trong phụ trương của tờ "Rheinische Zeitung" số 320, ra ngày 22 tháng Mười một 1842 dưới dạng chủ thích cuối trang của ban biên tập cho bài "Die Hannoverischen Industriellen und der Schutz Zoll" ("Các nhà kinh doanh Han-nô-vơ và thuế quan bảo hộ"). Bài báo có thể do Mác viết với tư cách là tổng biên tập của tờ báo, hoặc do không tìm ra chúng cả về việc ông là tác giả bài báo Kỳ. - 468.

97 Trong bài báo này Mác sử dụng bức thư của Héc-vécxê gửi ban biên tập tờ "Rheinische Zeitung", ngày 22 tháng Mười một 1842 (xem "Rheinische Briefe und Akten zur Geschichte der politischen Bewegung 1830-1850" Basel a.d. Ruhr, 1919, S. 382-384).

"Những người tự do" - tên gọi nhóm các nhà văn theo phái Hê-gen trên tồn tại vào nửa đầu những năm 40 thế kỷ XIX ở Héc-lin, hai nhân vật gồm B. Bau-ơ, E. Bau-ơ, E. Mây-ơ, L. Bun, M. Giéc-ơ và những người khác. Phát biểu của các thành viên trong nhóm mang tính chất là một sự phê phán trước sự xuống dốc với chế độ hiện hành, không có nội dung cách mạng thực tế, còn hình thức cấp tiến cực đoan bề ngoài của các phát biểu đó thường làm tổn thương uy tín của phong trào dân chủ. Trong những năm sau đó nhiều đại biểu của "Những người tự do" đã từ bỏ chủ nghĩa cấp tiến. - 468.

98 Sau khi trở thành tổng biên tập báo "Rheinische Zeitung" Mác đã áp dụng các biện pháp để ngăn cản không cho các đại biểu của "Phái tự do" dùng tờ báo làm diễn đàn để đưa ra những lời phát biểu cách mạng quá hời hợt. Xem sự phê phán của Mác đối với "Phái tự do" trong thư của ông gửi A. Ru-ge ngày 30 tháng Mười một 1842 (xem Toàn tập, t. 27, 1996, tr. 603-605). - 468.

99 Ở đây có 9 nội bài "Vom Main" ("Từ Main-ơ") ngày 10 tháng Mười một 1842, đăng trên tờ "Rheinische Zeitung" số 317, ra ngày 13 tháng Mười một 1842 - 472.

100 Trích dẫn tên hồ chính của ban biên tập, đăng trên tờ "Rheinische Zeitung" số 322, ra ngày 18 tháng Mười một 1842. - 472.

101 Ở đây và ở dưới trích dẫn bài báo "L'opinion" (Julius Mosen và die "Rheinische Zeitung") - "Lai-pách U-u-hi-ê Mô-đen và tờ "Rheinische Zeitung" ("Lai-pách U-u-hi-ê Mô-đen và tờ "Rheinische Zeitung""). Đăng trên tờ "Allgemeine Zeitung" Au-bu-ơ, số 329, ngày 25 tháng Mười một 1842. - 473.

102 Ngày 24 tháng Mười một 1842 trên báo "Rheinische Zeitung" số 328 có đăng bài tường thuật chi tiết về buổi yến tiệc diễn ra ở Lai-pách ngày 11 tháng Mười một để chào mừng Si-lơ. Tại buổi yến tiệc này nhà thơ I-li-ơ Mô-đen đã đọc một bài thơ chúc mừng Si-lơ, bài thơ này đã được đăng toàn văn trên tờ "Rheinische Zeitung" số 320, ngày 10 ngày 16 tháng Mười một 1842. Trong bài chúc mừng đó có bao hàm sự phê phán gay gắt đối với tờ "Allgemeine Zeitung" Au-bu-ơ, mà Mô-đen đã gọi là "Allgemeine Lasterzeitung - Polizei" ("Tên trộm của tất cả văn chương"). - 474.

103 Nguyên do để viết tác phẩm này là phát biểu của tờ "Allgemeine Zeitung" bảo chữa cho âm mưu của Chính phủ Phổ định thay thế việc thi hành hiến pháp bằng cách thiết lập cơ quan đại diện đẳng cấp toàn quốc gia (xem chú thích 86). Bài báo bị Mác phê phán nhan đề: "Ueber die Zusammenfassung der Ständischen Ausschüsse in Preußen" ("Về

thành phần các ủy ban đẳng cấp ở Phổ) đang trong bầu trước của tờ "Allgemeine Zeitung" số 338 và 339, ra ngày 1 và 2 tháng Chạp 1842 (những trích dẫn dưới đây do Mác dẫn ra từ tờ "Allgemeine Zeitung", là lấy từ bài đó). Vì những lý do chính lược mà Mác đã rao trước đó sau rằng tờ "Rheinische Zeitung" tiến hành vượt chiến chống lại quan điểm của báo chí báo thù đối với các quy chế nhà nước Phổ, chứ không phải chống lại chính các quy chế đó. Trong thực tế Mác đã phê phán chúng gay gắt, nhằm vạch trần chủ nghĩa lập hiến giả mạo. -476

- 104 Đây có ý nói đến "Allgemeines Gesetz wegen Aenderung der Provinzialstände" ("Luật phổ thông về thành lập các hội nghị đẳng cấp hàng tỉnh") cũng ban hành ngày 6 tháng Sáu 1833 ở Phổ. Trên cơ sở luật đó ngày 27 tháng Ba 1834 luật về thiết lập hội nghị đẳng cấp (thời đồng dân hiện) ở tỉnh Rheinland đã được ban bố. -478.

- 105 Ở đây Mác dẫn những đoạn trích từ luật ra ngày 27 tháng Ba 1834 về việc thành lập hội nghị đẳng cấp ở tỉnh Rheinland. -479.

- 106 Trong thời gian các cuộc chiến tranh của Napoleon và Đại hội Viên lãnh đạo của các tiểu công quốc Đức đã bị gạt bỏ, nghĩa là bị sáp nhập vào lãnh thổ của những nhà nước Đức lớn hơn. Đồng thời những người đã hầu như vẫn được giữ nguyên những đặc quyền đặc lợi, trong đó có quyền tham gia cơ quan đại diện đẳng cấp. -484

- 107 Xem "Ueber Rändliche Verfassung in Preußen". Stuttgart und Tübingen, 1842; L. Ruhl, "Die Bedeutung der Provinzialstände in Preußen". Berlin, 1842 (L. Ruhl, "Tầm quan trọng của các hội nghị đẳng cấp hàng tỉnh ở Phổ". Bắc-Jin, 1842). -485

- 108 Quyền biểu quyết *Virrin* - quyền đại diện trong các hội nghị đẳng cấp của các nhà nước Đức, mà những nhân vật thuộc tầng lớp hiệp sĩ (quý tộc) và một số thành phố thuộc Đức đã được hưởng nhờ những đặc quyền mà họ có được vào thời trung cổ kỷ. -495.

- 109 Ngày 12 và 14 tháng Chạp 1842 trên tờ "Rheinische Zeitung" các số 316 và 348 có đăng hai bài báo tấn công, trong đó thông báo về tình trạng khốn khổ của nông dân Mô-don và chỉ trích thái độ của các giới cầm quyền coi thường những đơn kiện của họ. Tác giả của bài báo là nhà dân chủ tiêu tu sản xuất gia P. I. Cù-bien-xơ. Sự xuất hiện bài báo đã làm cho tỉnh trưởng tỉnh Rheinland-Saar gửi đến tờ báo hai đại thư, trong đó huệ tội phóng viên Mô-don của tờ "Rheinische Zeitung" là xuyên tạc sự thật và vu khống chính phủ. Trong khi đại thư trả lời hàng loạt vấn đề, Phôn Sáp-pơ thực ra đã cố phủ nhận những tài liệu vạch mặt chính phủ. Ngày 18 tháng Chạp tờ "Rheinische Zeitung" số 362 đã công bố đáp thư của tỉnh trưởng (theo chỉ thị của Phôn Sáp-pơ) không chỉ được đăng trên hầu hết các báo có khuynh hướng chính trị ở vùng Rheinland. Bởi vì sau đó Cù-bien-xơ đã không thể chứng minh thật sự sai sót những luận điểm trong hai bức thư về chính trị và bằng cách đó có thể bác bỏ những lời buộc tội mà nguyên in đã đưa ra cho ông, nên Mác đã lãnh trách nhiệm do. bằng cách quyết định tạm ngưng cuộc bút chiến với Phôn Sáp-pơ đã vạch trần rằng sai chế độ chính trị - xã hội Phổ. Vào thời điểm công bố thông báo này về việc sắp trở lại tỉnh trưởng, Mác đã lựa chọn tư liệu cho bài báo của mình "Lời báo cáo của phóng viên Mô-don", mà những báo hữu sau đó ông đã viết xong và ngày 15 tháng Giêng đã cho đăng trên các trang báo "Rheinische Zeitung" (xem Toàn tập, tập 1, 1895, tr.265-305). -501.

- 110 Đây có ý nói hai đại thư của tỉnh trưởng tỉnh Rheinland-Saar về các bài báo của phóng viên Mô-don của tờ "Rheinische Zeitung" (xem chủ thích 109). -501

- 111 T. Desamy, "Calomnies et politique de M.Cabet". Paris, 1842. p.7 (T.Đe-dami, "Điều đơm đặt và chính sách của ngài Ca-bê". Pa-ri, 1842, tr.7). -504.

- 112 Những nhận xét này là dự thảo bài trả lời do Mác viết để trả lời những

diễn biến tột trong đáp thư của nội các ngày 21 tháng Giêng 1843 về việc cấm tờ "Rheinische Zeitung" từ ngày 1 tháng Tư 1843 và thiết lập một sự kiểm duyệt đặc biệt nghiêm khắc đối với tờ báo này trong thời gian cầm lại. Số đó hai báo trả lời có tính chất như vậy là do Mác không muốn chính phủ tiếp tục trấn áp báo "Rheinische Zeitung" và dứt đầu hủy bỏ việc cấm chỉ nó, nhưng tuyệt nhiên không phải trả cái gì là thay đổi khuynh hướng chính trị của nó. Từ đó mới có "ngôn ngữ R-đúp" trong việc sai sãng lập trường của tờ "Rheinische Zeitung" về những vấn đề nguyên tắc của dân chúng xã hội ở Đức.

Những tư tưởng chủ yếu của "Những nhận xét về các điểm hoặc tội trong đời sống của các" do Mác viết đã được đưa vào phần thứ ba của các bài thu của các số đông "Rheinische Zeitung" ngày 12 tháng Hai 1843, được thảo ra do việc tờ báo bị cấm và được gửi tới quốc vương Phe-đrich - Vin-ben IV và bộ trưởng nội vụ Phổ Áo-nim. Xem "Rheinische Briefe und Akten zur Geschichte der politischen Bewegung 1830-1850". Bd. I. Bonn at Rheu, 1910. S.157-160 ("Những bài thư vương Rhen và các tài liệu viết về lịch sử phong trào chính trị những năm 1830 - 1850". Tập I. Et-xen trên sông Ru-rô. 1910, tr.157-160).-504.

- 113 Ở đây có lẽ Mác muốn nói đến cuốn sách "Neue elegante Conversations - Lexicon für Gebildete aus allen Ständen". Bd. 2, Leipzig, 1835 ("Tân bách khoa toàn thư trang nhã nhất dành cho những người có học thức thuộc tất cả các đẳng cấp". Tập 2, Lai-px-tơ 1835) Trang 255 tập hai nói rõ rằng năm 1818 Hê-ghe-n đã đến Bê-r-lin để "biến triết học của mình, có thể nói như vậy, thành triết học của nhà nước".-507.

- 114 Đây là nói về hai báo "Ringensmidt aus Preußen" ("Cội rễ từ Phổ"), đăng trên tờ "Königsberger Allgemeine Zeitung" số 30, ngày 4 tháng Hai 1843. -508.

- 115 Nguyên cớ để buộc tội là "Scheinsche Zeitung" là đã xúc phạm đến các cường quốc khác, là hai báo "Die russische Note über die persische Frage" ("Công hàm của Nga về bản chỉ Phổ") đăng trong số 4, ngày 4 tháng Giêng 1843. Hai báo phê phán chủ độ Nga hoàng và việc các đại biểu của nó can thiệp vào công việc của Đức nhằm đàn áp báo chí đối lập. Việc công bố hai báo này đã gây sự phẫn nộ từ phía Chính phủ Nga hoàng.-511

- 116 Trong đơn này Mác hầu như dẫn ra từng chữ của một trong những điều khoản trong chỉ thị của Phổ về kiểm duyệt, ban hành ngày 18 tháng Mười 1839.-511.

- 117 Phai chủ trương quyền lực của Giáo hoàng là vô hạn - tên gọi một khuynh hướng tranh đấu trong đạo Thiên chúa, tìm cách tăng cường quyền lực của Giáo hoàng ở tỉnh Rhen tìm để Thiên chúa giáo đối lập với Chính phủ Phổ, là chính phủ bảo hộ cho tín đồ đạo Tin lành.-511

- 118 Đây có lẽ nói đến những tư tưởng phản lập mà ở Gie-rát đã phát triển trong tập chí "Historisch-politische Blätter für das Katholische Deutschland" xuất bản từ năm 1838 ở Muen-ten.-511.-512.

- 119 Xem Toàn tập, t. I, 1905, tr.231-235 cũng như tập này, tr.448-462

- 120 Ngày 2 tháng Ba 1843 ở Khuen đã tiến hành bầu cử hai đại biểu và bốn người dự khuyết của họ vào hội đồng dân biểu thứ 7 vùng Rhen. Các đại biểu trong số là: Cump-p-hau-deu và Mec-ken-xô, đại biểu dự khuyết là: Sen-er, Mu-len, Vu-môn và B-xenb.

Bên dưới trích dẫn hai báo có đánh dấu "Vom Rhein den 6. März" ("Từ vùng Rhen, ngày 6 tháng Ba"), đăng trên tờ "Rhein - und Mosel Zeitung", số 67, ra ngày 8 tháng Ba 1843.-514.

- 121 "Rhein - und Mosel Zeitung" xuất bản ở Cö - blen- ze. Do đó ở dưới Mác cũng gọi nó là "tờ báo Cö - blen- ze".-517.

- 122 Xem bài "Những cuộc tranh luận của Hội đồng dân biểu khóa 6 của tỉnh Basse (bãi lụt ba). Những cuộc tranh luận nhân cơ hội về tội án chấp giữ" của Mác (Toàn tập, t.1, 1995, tr.174-230).-61?.
- 123 Bản dưới Mác trích dẫn bài báo viết về nhà thơ Đức chống lại thuyết giáo quyền Phri-đrich Phôn Da-let nhân dịp ông tạ thế. Một trong hai bài độ đăng trên tờ "Trier'sche Zeitung" số 83, ngày 6 tháng Ba 1843 ("Phri-đrich Phôn Da-let đã tạ thế!"), còn bài thứ hai - là lời đáp lại bài thơ nhất - đăng trong phụ trương của tờ "Rhein - und Mosel - Zeitung" số 70, ra ngày 11 tháng Ba 1843 ("Phúc âm cho người thế tục Phri-đrich Phôn Da-let"). Trong bài báo, khi phê phán gay gắt lập trường phản động của tờ "Rhein - und Mosel - Zeitung", Mác đồng thời lên tiếng chống lại ý đồ của "Trier'sche Zeitung" muốn miêu tả Da-let như một người đấu tranh nhiệt tình cho các giáo lý phúc âm.
- 124 "Phúc âm cho người thế tục" ("Laien Evangelium") - tuyển tập thơ ca của Da-let về các đề tài tôn giáo công bố năm 1843.-525.
- 124 Friedrich von Sallet, "Laien - Evangelium", Leipzig, 1842, S. 442.-526.
- 125 Xem-bê-ni-tô là trang phục màu vàng mà tòa án giáo hội khoác vào người những kẻ nhân cơ hội. Khi đến họ đến chỗ hành quyết.-626.
- 126 Đây có ý nói đến hai báo có chỗ đăng dẫn "Vom Rhein, den 11. März" ("Từ vùng Basse, ngày 11 tháng Ba"), đăng trên tờ "Rhein - und Mosel - Zeitung", số 72, ngày 13 tháng Ba 1843. Nhưng đoạn dẫn ra ở bên dưới đều trích từ bài báo đó.-527.
- 127 Bài báo ngắn này do Mác viết nhân dịp và lược ghi tạp chí ("Historisch - politische Zeitschrift", Hamburg, 1842. Bd. I xuất bản dưới sự chủ biên của L.Run-ơ. Đặc biệt Mác chú ý đến bài báo "Über die Restauration in Frankreich" ("Về sự phục hưng ở nước Pháp") của Run-ơ. Bài báo ngắn bao gồm trích lục rút từ "Tập ghi chép Croi-xơ-nắc", cuốn thư tư nói về lịch sử toàn thế giới, thuộc về thời kỳ từ tháng

- Bảy đến tháng Tám 1843 (những trích lục này Mác ghi chép lại thì trên nhỏ thuộc vùng Basse - th) trên Croi-xơ-nắc, nơi ông có mặt ở đó từ tháng Năm đến tháng Mười cùng năm đó). Nhưng tư tưởng được đề cập tới trong bài báo ngắn về tính chất vô căn cứ của quan niệm duy tâm của Hê-ghe-n, về mối tương quan giữa ý niệm trừu tượng về nhà nước và các hình thức lịch sử cụ thể của nó v.v. liên quan chặt chẽ với nội dung tác phẩm "Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hê-ghe-n" của Mác (xem Toàn tập, t.1, 1995, tr.307-308).-531.
- 128 Đây có ý nói đến Hiến chương năm 1814 - luật pháp cơ bản của chính thể quân chủ phục hưng của đồng họ Bô-nô-pô-n, và Hiến chương lập hiến công bố ngày 14 tháng Tám 1830 sau cuộc cách mạng tư sản ở Pháp và là luật pháp chủ yếu của chính thể Quân chủ tháng Bảy. Hiến chương lập hiến năm 1830, trong những quy tắc cơ bản của nó, đã lập lại Hiến chương lập hiến năm 1814, tuy thế lời mở đầu của Hiến chương lập hiến năm 1814 có nói về quốc vương "bạn" hiến pháp, thì trong hiến pháp năm 1830 bị rút lại và quyền của thượng và hạ nghị viện được mở rộng nhờ dựa vào một số quyền lợi đặc biệt của nhà vua. Theo hiến pháp mới quốc vương chỉ được coi như người đứng đầu chính quyền hành pháp, không được quyền bãi bỏ luật và tạm đình chỉ hiệu lực của nó.-631.
- 129 Đầu mùa xuân năm 1843 Mác đã nảy ra ý định thành lập một tạp chí mới làm cơ quan ngôn luận của các nhà dân chủ Đức và t: ap. Ông định xuất bản tạp chí cùng với người theo phái Hê-ghe-n trẻ A.Ru-gô, tổng biên tập của tạp chí "Deutsche Jahrbücher" đã bị chính phủ đóng cửa (xem thư của Mác gửi Ru-gô ngày 13 tháng Ba 1843. Toàn tập, t.27, 1998, tr.809-814). Cuối tháng Năm 1843 Mác đến Dre-xden gặp Ru-gô để bàn về vấn đề này. Trong quá trình trao đổi họ đã học hỏi hai khuynh hướng về hướng đi của tạp chí sắp tới. Ru-gô chủ yếu theo đuổi những mục tiêu khoa học - muốn biến tạp chí thành công cụ trao

đầu tư tương đương lãnh vực triết học chủ yếu là triết học Đức) và các khoa học chính trị - xã hội (trước hết là của Pháp). Mặc thì lại muốn nắm chắc hơn nữa nhiệm vụ lý luận của tạp chí với cuộc đấu tranh cách mạng trước tiếp chống lại trật tự chuyên chế - phong kiến ở Đức, sử dụng tạp chí làm công cụ tư tưởng trong cuộc đấu tranh để cải tạo thế giới hiện tồn. Thái độ khác nhau trong xây dựng kế hoạch của tạp chí đã được phản ánh trong những tư liệu chuẩn bị cho tạp chí, cũng như trong thư từ trao đổi của các biên tập viên tương lai. Nguyên vọng của hỡi sau làm cho tạp chí có tính chiến đấu và cấp tiến hơn đã thể hiện rõ trong kế hoạch sơ lược đăng trên tờ "Deutsche - Französische Jahrbücher", mà Mác đã gửi ra sau khi nhận được kế hoạch sơ lược của Ru-gơ vào tháng Tám 1843 bằng tiếng Đức và tiếng Pháp. Sử dụng nội dung kế hoạch sơ lược của Ru-gơ, Mác đã thay đổi một số cách thức diễn đạt đặc biệt ở điểm thứ hai và một phần nào đó điểm thứ ba, mà trong kế hoạch sơ lược của Ru-gơ đã viết như sau:

Nội dung kế hoạch sơ lược bằng tiếng Pháp của Ru-gơ

2) "Điểm báo, trong đó các xuất bản phẩm định kỳ của thời đại chứng tỏ tầm thấy su danh giá hình thức, nhưng cũng bằng và quen thuộc khác, tinh thần mà chúng tuân thủ, việc làm và xu hướng của chúng, cũng như tác động của chúng đến dư luận xã hội.

3) Phê bình những cuốn sách sẽ được công bố ở phía bên này hoặc bên kia sông Ranh"

Nội dung kế hoạch sơ lược bằng tiếng Đức của Ru-gơ

2) "Điểm báo và tạp chí phản ánh thái độ của mình đối với các vấn đề của thời đại chúng ta.

3) Điểm báo chí và văn chương cổ xưa ở Đức, cũng như điểm sách của hai nước đang mở ra và kết tục thời đại mới".

Nội dung thân bản quốc nội dung kế hoạch sơ lược của tờ "Deutsche

- Französische Jahrbücher" Ru-gơ đã phải nêu nhắc đến cách thức do Mác đưa ra, và sau lại toàn phẩm học từng phần các cách thức diễn đạt do Mác đề xuất. Để rõ sinh, chúng tôi xin dẫn ra nội dung đó đáng trong số 1 - 2 tạp chí "Deutsche - Französische Jahrbücher", Paris, 1844:

"Tạp chí này là xuất bản phẩm mang tính phê bình, nhưng đó không phải là tờ báo văn học Đức. Chúng tôi sẽ cho đăng những trích lục lấy từ các nguồn từ liệu Pháp và Đức:

1. Về con người và các hệ thống có ảnh hưởng và có tầm quan trọng về những vấn đề học thuật, về hiện pháp, sự lập pháp, kinh tế chính trị, đạo đức và triết học. Thay vào chính sách thân thiện của thiên quốc về giới thiệu khoa học chính xác về hoạt động của con người.

2. Điểm các báo và tạp chí phản ánh thái độ của mình đối với các vấn đề của thời đại chúng ta.

3. Điểm văn học và văn chương cổ xưa ở Đức, mà tất yếu phải phê phán tinh thần Đức già cỗi trong sự tôn tại của việc của nó, còn ngày nay là mục nát của nó; cũng như điểm sách của hai nước đã mở ra và kết tục thời đại mới, mà chúng ta đang bước tới"-533.

130 Tạp chí "Deutsche - Französische Jahrbücher" phải góp phần đoàn kết những đại biểu khác nhau của tư tưởng dân chủ và xã hội chủ nghĩa tiến tiến Pháp và Đức, trở thành cơ quan ngôn luận của "hội liên hiệp khoa học Pháp - Đức" như Mác đã viết về điều đó cho L. Phoi-ơ-bắc ngày 3 tháng Mười 1843 (xem Toàn tập, t.27, 1936, tr.613-614). Ph.Áng-ghe-n, L. Phoi-ơ-bắc, H.Hai-nơ, M.Héc-xơ, K.Héc-nơ, I.u. Phrô-ban, cũng như P. Gô Phrư-đông, Ph.La-men-nơ, A.La-mác-tin, Lu-ô Riang, P.Lu-ru, E.Ci-lê v.v. đã được mời cộng tác với tạp chí. Việc công bố lời tuyên bố này của ban biên tập tạp chí mới thành lập có ký tên Mác và Ru-gơ ở trên báo "Donnerstag pacifique" của phái Phư-ri-ê là do sự xuất hiện bài báo ngắn gọn danh, mà tác giả là La-mác-tin, ở

trên báo "Dieu public" số ra ngày 10 tháng Chạp 1843-1844

- 131 Đây có ý nói bài gửi từ Las-paix ngày 16 tháng Mười một, đăng trên tờ "Kölnische Zeitung" ngày 20 tháng Mười một 1843-1844.

- 132 Tóm tắt tập thư phát cuối "Hồi ký" của người theo phái Gie-cô-banh Lo-vát-xơ ("Mémoires de R. Lovassur (de la Sarthe)." Vol. 1-1 Paris, 1829 - 1831) do Mác thảo ra nhân có ý định viết tác phẩm về lịch sử cách mạng Pháp. Ngay từ mùa hè năm 1843 Mác đã tỏ ra quan tâm rất nhiều đến các sự kiện cách mạng ở Pháp vào cuối thế kỷ XVIII, điều đó thấy rõ qua các trích lục của ông từ những tác phẩm chuyên đề về đó tại đó của các nhà sử học Đức Van-xmôt và Lút-vích có trong "Nhật ký Gie-cô-banh" về lịch sử toàn thế giới. Theo xác nhận của A. Ru-gô (thư từ của Ru-gô gửi Phôi-cô-bê ngày 15 tháng Năm 1844, gửi Phôi-cô-bê ngày 20 tháng Năm và 9 tháng Bảy 1844; xem A. Rugos Briefwechsel und Tagebuchblätter", Bd. I, Berlin, 1866), sau khi chuyển đến Pa-ri vào mùa thu năm 1843 Mác đã có kế hoạch biên soạn một tác phẩm về lịch sử Hội nghị Quốc ước, để thực hiện điều đó, vào năm 1844 Mác đã phải làm việc khẩn trương trong nhiều tháng, đọc một khối lượng lớn các tài liệu, trong đó có hồi ký của những người đương thời v.v. Về dự định không thực hiện được này của Mác, sẽ từ bản cấp tiến "Kölnische Zeitung" cũng đã đề cập tới vào năm 1845, khi nó lên tiếng trả lời về việc Mác bị trục xuất khỏi Pháp. Những đoạn trích từ "Hồi ký" của Lo-vát-xơ năm 1844 đã được đăng trên báo "Vorwärts!", có thể là theo lời khuyên của Mác.

Thời gian biên soạn bản tóm tắt này có lẽ trùng hợp với thời gian khởi đầu các công trình nghiên cứu kinh tế của Mác: nó nằm trong vô ghi chép thư ba trong bộ các vô ghi chép riêng và các trích lục từ các tác phẩm của các nhà kinh tế học, do Mác ghi chép từ khi đến Pa-ri cho đến tận tháng Tám 1844. Cũng với bản tóm tắt cuốn "Hồi ký" của Lo-vát-xơ trong vô ghi chép có đoạn cuối những trích lục từ bản in

tiếng Pháp, sách "Về nhà cái của các dân tộc" (phần mở đầu của chương năm ở trong vô ghi chép thư hai của A-đam Xmit).

Các trang trong vô ghi chép chưa làm hai cột bằng những gạch thẳng đứng. Phía bên trái dẫn ra những đoạn trích từ cuốn sách dưới dạng những trích lục trực tiếp bằng tiếng Pháp (chỉ có một trích lục là bằng tiếng Đức) hoặc là lược thuật (bằng tiếng Đức) một số đoạn riêng biệt. Đoạn văn do Mác viết chung quy là một số nhận xét và chú dẫn ngắn gọn, mà trong lần xuất bản này in thành cột riêng. Phía bên phải của những trang tương ứng trình bày nội dung cuốn sách một cách khác chiều, ngắn gọn hơn, trước phần trình bày này là nhận xét do Mác đặt ra: "Cuộc đấu tranh của phái Núi chống phái Gi-cô-banh". Toàn bộ đoạn văn được viết bằng tiếng Đức, trừ một số thuật ngữ và thành ngữ tiếng Pháp, những chữ này được dịch và trong bản in lần này. Trong nhiều trường hợp, đặc biệt là khi nói đến việc đánh giá các sự kiện và các nhà hoạt động, có ở đây nữa Mác vẫn sao lại từng chữ hoặc hầu như từng chữ lời văn của Lo-vát-xơ trong bản dịch tiếng Đức. Khi in, những chỗ đó được dẫn ra như những đoạn trích dẫn, nghĩa là được in cỡ chữ nhỏ (các dấu ngoặc từ các bản bản in).

Trong lần xuất bản này trước hồi công bố nội dung các cột bên trái với phụ đề do bản biên tập đặt ra: "Các đoạn trích", sau đó đến nội dung bản tóm tắt của cột bên phải. Những chỗ in nghiêng là do Mác nhấn mạnh.-036.

- 133 Ngày 20 tháng Sáu 1793 ở Pa-ri đã diễn ra cuộc điều hành quân chống trước nhà Hội đồng dân biểu lập pháp và cung điện nhà vua Tily-ô-ra những người tham gia điều hành đại hội họ bị sự phủ quyết của quốc vương đối với sắc lệnh về thành lập ở ngoại ô Pa-ri các trại quân nghĩa dũng Mác-xây, cũng như khôi phục lại cương vị trong hội các chủ các thủ Hinh phái Gi-cô-banh đã bị nhà vua bãi chức. Sự từ chối trong thư từ việc thỏa mãn những yêu sách đó càng làm cho tình hình

trở nên càng thẳng hơn. Thị trưởng Pa-ri, người theo phái Gi-rông-đanh Pô-chi-ông đã bị cách chức và cho chỗ cho những người diều hăng, dưới áp lực của các chi bộ Pa-ri, đã được phục hồi trở lại cương vị cũ vào trung tuần tháng Bảy. Bất chấp sự phẫn nộ của nhà vua, trong suốt tháng Bảy 1792 từ Mác-xây và các thành phố khác của đội quân nghĩa dũng đã đến Pa-ri đầy ắp binh lính đòi phải trước chính quyền nhà vua và đánh trả kiên quyết những kẻ thù bên ngoài của cách mạng.-537.

- 134 Ngày 20 tháng Tư 1792 Hội đồng dân biểu lập pháp bỏ phiếu cho các lệnh tuyên chiến với Áo, mở đầu cuộc đấu tranh vô trang kẻo dãi của nước Pháp cách mạng với liên minh các quốc gia phản cách mạng. Hi trước hành động đó là sự tuyên truyền rầm rộ về chiến tranh của các lạc bộ Gia-cô-banh (dĩ kêu gọi ngày 16 và 17 tháng Hai 1792), được triển khai nhờ vào ảnh hưởng của phái Gi-rông-đanh. Ngược lại, các đại biểu của cánh tả trong các lạc bộ (Rô-bô-spi-ê và những người khác) thì lại cho rằng cần phải kéo dài tới mức tối đa cuộc xung đột quân sự không thể tránh khỏi để tranh thủ thời gian củng cố thể chế cách mạng.

Câu lạc bộ Gia-cô-banh ("Hội những người bạn của hiến pháp") thành lập tháng Mười 1789, lúc đầu nó tập hợp đại biểu của các trào lưu chính trị khác nhau của phe chống chuyên chế. Do cuộc đấu tranh nội bộ vào tháng Bảy 1791 phái lập hiến 500 hán đã tước bỏ các lạc bộ, còn sau cuộc khởi nghĩa ngày 10 tháng Tám 1792 thì đến lượt những người theo phái Gi-rông-đanh, và, trong câu lạc bộ, các nhóm dân chủ cách mạng (phái Gia-cô-banh) đã giành được ảnh hưởng hoàn toàn. Trở thành trung tâm đáng của phái này, câu lạc bộ cùng với các phần nhánh ở tỉnh đã đóng vai trò to lớn trong việc thực hiện các cải biến cách mạng.-537.

- 135 Ở trang này La-vô-si-ê viết về tình thế nước đôi của viên tướng La-phay-ê, một trong những thủ lĩnh của phái lập hiến ôn hòa vào đầu

trước của cuộc khởi nghĩa ngày 10 tháng Tám 1792. Ông ta không được sự tin tưởng của triều đình, lại cũng không được sự tin tưởng của phe đối lập - phe cách mạng yêu nước.-537.

- 136 Ngày 10 tháng Tám 1792 - ngày lật đổ chế độ quân chủ ở Pháp nhờ kết quả cuộc khởi nghĩa nhân dân.-537.

- 137 Thời giữa các quyền lực - thời kỳ giữa cuộc khởi nghĩa ngày 10 tháng Tám 1792 và khóa họp của Hội nghị Quốc ước ngày 20 tháng Chín 1792 (phiên họp khai mạc lần thứ nhất - ngày 21 tháng Chín) kéo dài 42 ngày; đây là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa Hội đồng dân biểu lập pháp và Công xã Pa-ri cách mạng đã được thiết lập thay cho toà thị chính trước đây trong thời gian cuộc khởi nghĩa ngày 10 tháng Tám và chỉ đạo hành động của nghĩa quân.-538.

- 138 Thường vụ Hội nghị Quốc ước gồm chủ tịch và sáu thư ký có hai tuần được bầu lại một lần.-538.

- 139 Phê-li-ông - phái lập hiến ôn hòa, mà đại biểu của họ (như em La-mét và những người khác) đã rời bỏ các lạc bộ Gia-cô-banh ngày 16 tháng Bảy 1791 (xem chú thích 134) sau khi đã thông qua đơn thỉnh nguyện về việc lật đổ quốc vương và lập ra các lạc bộ chính trị riêng thay trong căn phòng của đồng tư "Peollantier" đã bị phế bỏ năm 1789, từ đó có tên gọi Phê-li-ông). Lợi dụng ảnh hưởng to lớn trong Hội đồng dân biểu lập pháp những người Phê-li-ông tìm mọi cách ngăn cản việc củng cố hơn nữa cuộc cách mạng, vì lợi ích của giai cấp đại tư sản và tầng lớp quý tộc tự do chủ nghĩa.-540.

- 140 Trong các trung này La-vô-si-ê bác bỏ những lời buộc tội do phái Gi-rông-đanh đưa ra nhằm vào các lãnh tụ phái Núi, tưởng như những người nổi loạn trong phái Núi đã bị những người lưu vong và các điệp viên nước ngoài mua chuộc. Ông đánh giá Dăng-tông, Rô-bô-spi-ê và Ma-rát (về Ma-rét có nói rõ thêm rằng ông không tâm thành luyến

thuyết "hoàng tưởng" của ông tại như những nhà hoạt động không vụ lợi và trung thành của cách mạng.-511.

- 141 Trong các trang này Lơ-vát-xơ dẫn ra nội dung lời bác chữa của Ma-rát trong Hội nghị Quốc ước ngày 26 tháng Chín 1792. Trong đó Ma-rát đã biết chứng minh tính vô căn cứ của lời buộc tội do phái Gi-rông-đanh đưa ra về sự xúi giục đứng lên khởi nghĩa chống lại Hội nghị Quốc ước và đòi hủy bỏ cái ý kiến lên án hoạt động của ông ta. Có ác cảm với Ma-rát, ông Lơ-vát-xơ vẫn phải thừa nhận sự quả cảm và điểm tinh của Ma-rát trong cuộc đấu tranh chống lại chiếm địch vụ không và xác niếm mà các địch thủ đã gây ra cho ông ta.-512.

- 142 Lơ-vát-xơ viết: "Tài hùng biện mập mờ và theo theo bất tuyệt của nhân vật nói sau cùng kỳ thật khó khăn lắm mới có thể sánh nổi sự phổ trương rỗng tuếch của Lơ-vát". Tiếp nữa Lơ-vát-xơ chứng minh tính vô căn cứ trong những lời buộc tội Rô-be-xpi-e muốn chuyển chính và xúi giục đàn áp những người theo chủ nghĩa bảo hoàng bị giam cầm vào tháng Chín 1792. Trong lời phát biểu của mình tại Hội nghị Quốc ước ngày 5 tháng Mười một 1792 Rô-be-xpi-e bác bỏ hoàn toàn những điều vu khống đó của phái Gi-rông-đanh.-513.

- 143 Việc xem xét đề nghị của Duy-lơ để tình áp dụng sắc lệnh về trục xuất đồng họ Buôc-bông để bị lật đổ với cả các đại biểu ngành thủ của vương triều đó - các thành viên của gia đình công tước Ôc-lê-ăng - đã bị đa số phiếu quyết định từ chối. Theo chứng minh của Lơ-vát-xơ thì nhiều thành viên trong Hội nghị Quốc ước lo ngại rằng việc trục xuất họ công tước Ôc-lê-ăng. Phi-líp Ê-ga-li-ê sẽ là một tiền lệ nguy hiểm vì phạm đến quyền bất khả xâm phạm của đại biểu quốc hội.-514.

- 144 Trong các trang đã chỉ ra, Lơ-vát-xơ đánh giá phái Gi-rông-đanh như là một đảng phái, mà hành vi của nó khác hẳn các tiếp tay cho các thế lực phản cách mạng. "Mặc dù họ là phái cộng hòa rất sáng, nhưng khốn thay, họ đã trao về khi cho phái bảo hoàng và, tôi tin hơn nữa họ

còn che dấu những kẻ nã dỏ của phái bảo hoàng trong hàng ngũ của mình".-516.

- 145 Từ ngày 3 đến ngày 6 tháng Chín 1792 trong hoàn cảnh có cuộc tấn công của quân đội thù địch, có tin đồn đáng lo ngại về những âm mưu phản cách mạng và việc chuẩn bị đàn áp các gia đình những người yêu nước, những người đã đứng lên chống lại kẻ thù bên ngoài, quân chúng nhằm đàn Pa-ri đã chiếm các nhà tù và, sau khi tổ chức các toà án ngẫu hứng, đã hành quyết gần một nghìn người bị bắt - những người ủng hộ chính thể quân chủ. Phái Gi-rông-đanh đã lợi dụng những hành vi tự phát đó của cuộc khủng bố của nhân dân để buộc tội phái Già-cô-Lanh là đã tổ chức "những cuộc thảm sát tháng Chín".-517.

- 146 Vấn đề về việc bãi tôn giáo nảy sinh ngày 12 và 14 tháng Chạp 1792 trong Hội nghị Quốc ước, nhằm thảo luận bản báo cáo về giáo dục tiểu học. Trong quá trình thảo luận kiến nghị về việc đưa vào học tôn giáo vào trường tiểu học đã bị bác bỏ, nhưng trong khi đó những nhà hoạt động nổi tiếng của phái Nôi (Rô-be-xpi-e, Đăng-tông) đã lên tiếng phản đối ý kiến của một số nghị sĩ, để nghị nói chung nên cấm việc sung bãi tôn giáo.

Nội dung sắc lệnh về lương thực là có ý nói đến việc bãi bỏ quy chế đối với buôn bán lúa mì và quyết định về việc dùng lực lượng vũ trang để đàn áp phong trào đòi thiết lập giá cả ổn định do Hội nghị Quốc ước thi hành vào tháng Chạp 1792 theo yêu cầu của phái Gi-rông-đanh. Những biện pháp này đã phương hại gay gắt đến lợi ích của quần chúng nhân dân, những người đòi khổ vì thiếu lương thực và vì giá lương thực tăng. Các đại biểu của phái Nôi vào thời kỳ đó đã không ủng hộ đòi hỏi của quần chúng về việc thiết lập giá cả ổn định đối với lúa mì và các thực phẩm khác. Tuy rằng bác bỏ nguyên tắc tự do thương mại hoàn toàn, do phái Gi-rông-đanh bác bỏ. Như vậy là, khi phát biểu ý kiến về vấn đề lương thực ngày 2 tháng Chạp 1792 Lơ-vát-

xơ là đòi hỏi cần phải có những biện pháp cưỡng bức nhằm chống lại việc các điền chủ và những người buôn bán [ở miền] phá hoại ngầm việc bán lúa mì...566.

- 147 Ngày 10 tháng Ba 1793 các đại biểu của triều lưu bình dân cấp tiến nhất trong phe cách mạng, được mệnh danh là những người "điên cuồng", đòi thiết lập giá cả ổn định, những biện pháp xã hội chống lại cảnh bán rẻ, trừng trị bọn buôn lậu v.v., đã nhận tình vàng lên khởi nghĩa. Những người tham gia cuộc khởi nghĩa đã từng đập tan hai nhà in của phái Gi-rông-danh, đã thảo đơn thỉnh nguyện đòi được phái Gi-rông-danh ra khỏi Hội nghị Quốc ước. Song do không được sự ủng hộ của phái Gi-cô-banh là phái của chưa quyết định công khai chống lại phái Gi-rông-danh, "những người điên cuồng" đã không đạt được mục tiêu của mình.

Câu lạc bộ Cane-de-li-e ("Hội những người bện của quyền con người và quyền công dân") - một trong những tổ chức dân chủ cấp tiến nhất thời kỳ cách mạng Pháp, được thành lập năm 1790. Những phần tử tả của phái Gi-cô-banh đã chiếm ưu thế trong câu lạc bộ. Mặc dù "những người điên cuồng" đã tham gia vào hoạt động của nó, nhưng câu lạc bộ đã không ủng hộ bài phát biểu của họ đưa ra ngày 10 tháng Ba 1793...567.

- 148 Ngày 31 tháng Năm và 2 tháng Sáu 1793 cuộc khởi nghĩa nhân dân đã nổ ra ở Pa-ri, dẫn đến chỗ trục xuất phái Gi-rông-danh ra khỏi Hội nghị Quốc ước. Nền chuyên chính dân chủ - cách mạng của phái Gi-cô-banh là phác họa vào sự sụp đổ của quân chủ chế nhân dân, đã được thiết lập. Cuộc khởi nghĩa chống lại là do sự đoàn kết của các lực lượng cách mạng (phái Gi-cô-banh, "những người điên cuồng") trong cuộc đấu tranh chống lại sự thống trị chính trị của phái Gi-rông-danh, đại biểu cho các khuynh hướng phản cách mạng của giai cấp đại tư sản...568.

- 149 Theo xác nhận của Lo-rét-xơ, Đổng-tôn đã đánh giá Duy-mu-ri-ê là

một văn tướng kỳ tài, song có những chính kiến đáng ngờ xét theo quan điểm của phái cộng hòa. Đổng-tôn lưu ý đến cả tính cực kỳ hiếu danh của Duy-mu-ri-ê, việc ông ta rõ ràng không muốn phục tùng sự giám sát của Hội nghị Quốc ước và thích giao du với những kẻ bự dơ và gian hùng...569.

- 150 Cuộc khủng hoảng lương thực trở nên sâu sắc, nổi bật hình của quân chủng nhân dân gia tăng, sự tuyên truyền của "những người điên cuồng" nhằm thực hiện giá cả ổn định đã thôi thúc Hội nghị Quốc ước vào mùa xuân năm 1793 quay trở lại với vấn đề lương thực. Chủ ý ổn tâm trong của nhân dân, lần này phái Gi-cô-banh đã tấn thành thiết lập giá quy định (thiết lập mức tối đa) đối với ngũ cốc. Mặc dù có sự chống đối của phái Gi-rông-danh, sức lực và giá ngũ cốc tối đa đã được thông qua ngày 4 tháng Năm 1793...570.

- 151 Ủy ban 12 do Hội nghị Quốc ước thành lập ngày 18 tháng Năm 1793 để điều tra hoạt động của Công xã Pa-ri theo yêu cầu của phái Gi-rông-danh, những kẻ tìm cách giáng một đòn vào các tổ chức cách mạng ở thủ đô. Do kết quả cuộc khởi nghĩa nhân dân ngày 31 tháng Năm, ủy ban đã bị bãi bỏ...571.

- 152 Phần này đáng kể cả các bài thơ đã tìm thấy của chàng thanh niên Mác, viết trong những năm 1833 - 1837 (chủ yếu là vào năm 1836-1837), cũng như các chương trong cuốn tiểu thuyết trào phúng: "Krook-pi-ôn và Phê-lich-xơ". Các bài thơ gồm sáu cuốn, bốn cuốn trong số đó do chính tay Mác viết, còn cuốn thứ năm và thứ sáu do chỉ gái Mác là Xô-phê viết.

Cuốn thứ nhất và cuốn thứ ba có tên gọi "Tập thơ tình", phần thơ nhất: "Tập thơ tình", phần thứ hai, tập thơ ba - "Tập ca khúc". Tất cả ba tập này Mác đánh cho vợ chưa cưới của mình là Giem-ni Phôn Ve-ru-pha-len. Hiện giờ chúng ta không có các trang bìa trong của các tập thơ. Trang bìa trong của cuốn thơ nhất in lại đúng hệt như đó

đang trong cuốn *John Spargo, "Karl Marx, His Life and Work"*, New York 1910 (Hàn Xpác-gô, "Các Mác: Thân thế và sự nghiệp", Nxb-Độc, 1910). Các trang bìa trong của phần thứ hai "Tập thơ tỉnh" và "Tập ca khúc" được dựng lại theo sự miêu tả của Phran-xo Mê-rin-gô trong lời tựa cho ấn phẩm "Aus dem literarischen Nachlass von Karl Marx Friedrich Engels und Ferdinand Lassalle" Bd. 1, Stuttgart, 1902, S.25 ("Tư di sản văn học của Các Mác, Phê-ri-đrích Ăng-ghe-nh và Phê-đi-đăng Lát-sơn" Tập 1, Stuttgart 1902, tr.25). Trang bìa trong cuốn thứ tư viết tặng cha còn lưu giữ được và được dựng lại theo nguyên bản. Cuối cùng cuốn thứ năm là cuốn an-bom của chị gái Mác, Xô-phê, còn cuốn thứ sáu là vở chép thơ của Xô-phê. Trong cuốn an-bom, Xô-phê chỉ ghi những bài thơ của C.Mác, còn trong vở chép thơ thì chép cả thơ của những tác gia khác.

Xét về tính chất, những bài thơ của Mác có thể chia ra khoảng năm thể loại. Đó là thơ trữ tình triết học, thơ nói về các nhà tư tưởng khác biệt của Đức (Hê-ghe-n, Go-tô, Si-lô), thơ trào phúng, thơ ba-lát và, cuối cùng là thơ trữ tình dành cho Gi-en-ni, trong đó có các trường hợp đều được viết dưới hình thức xưng. Các cánh trung bị kịch bằng thơ "Ô-u-la-nôn" chiếm một vị trí đặc biệt.

Như đã biết rõ, mùa thu năm 1836 Mác đính hôn với Gi-en-ni, con gái viên cố vấn chính phủ luật việc Phôn Vơ-x-ta-phê-len, người bạn thân thơ từ của ông, giờ kia không có người thân của Gi-en-ni biết. Trước khi Mác và Gi-en-na có thể làm lễ cưới họ đã trải qua bảy năm kể từ khi đính hôn. Những tình cảm của mình đối với người yêu, mà ông thường phả xạ cách Mác đã ghi vào thơ.

Ảnh hưởng đến thi ca của chàng thanh niên Mác, tất nhiên, do trước hết là nền văn học cổ điển Đức mà tiêu biểu là các đại biểu là Go-tô, Si-lô và Hê-nơ. Người ra, tác động đến hoạt động thi ca của Mác là các nhà văn lãng mạn Đức - U-lan-đô, Sa-mi-xô, Bơ-nơ-na-đô

v.v.. Trường đại học tổng hợp Bơ-n, nơi thoát tiền Mác đã học ở đó, là cái nôi của chủ nghĩa lãng mạn Đức. Giảng dạy ở nơi đó có Ô-guy-xtơ Vơ-nê-m, một trong những nhà lý luận của khuynh hướng này, mà những buổi thuyết trình của ông ta Mác thường đến dự.

Bản thân Mác có thái độ phê phán nghiêm mô đối với giá trị văn chương của những văn thơ tuổi niên thiếu của mình, tuy vậy vẫn tìm thấy trong đó nhiệt tình và những tình cảm chân thành (xem tập này, tr.20-21). Về sau, thái độ phê phán đó càng mạnh mẽ hơn. Lời giới của Mác Lau-rơ La-phô-gô đặc biệt đã viết cho Phran-xo Mê-rin-gô: "Chỉ tôi rất coi nhẹ những bài thơ đó: mỗi lần khi nhắc đến chúng cha mẹ tôi đều phả lên cười..." ("Aus dem literarischen Nachlass...", S.35-36).

Vì nhiều bài thơ trong ba cuốn đầu được lập lại trong tập thơ viết tặng cha, do đó những bài thơ được lập lại này chỉ được in một lần, chủ yếu là trong tập viết tặng cha, bởi vì ở đây Mác đã viết đại hình thức hoàn thiện nhất và có gọi giữa. Trong ba cuốn đầu chỉ lưu giữ được nhan đề các bài thơ đó kèm theo chỉ dẫn ở trong ngoặc đơn về những trang của tập có in chúng. Ngoài ra chỉ có bài thơ "Bài ca người thủ thủ trên biển", bởi vì trong cuốn viết tặng cha Mác đã bỏ bớt đi một số, cho nên nó được đưa vào tập, mà lần đầu tiên người ta đọc thấy nó, nghĩa là đưa vào "Tập thơ tỉnh", phần thứ hai, còn trong cuốn viết tặng cha chỉ lập lại đầu đề của nó với chỉ dẫn về những trang có in bài thơ này. Bài thơ "Tình yêu hạn chế" và "Người chơi vĩ cầm" nằm trong cuốn viết tặng cha được dựng lại không phải trong cuốn này, mà trong phần thứ nhất của tập, bởi vì năm 1841 chúng đã được đăng trong tạp chí "Athenäum". Trong cuốn viết tặng cha chỉ có đầu đề của các bài thơ đó kèm theo chỉ dẫn số trang trong phần thứ nhất của tập.

Còn về cuốn an-bom và vở chép thơ của Xô-phê, trong đó cũng có nhiều bài thơ trùng lặp, thì ở đây, vì hai tập đó không phải do tay Mác

viết, nên dấu để những bài thơ này không phải sao lại nữa. Nghĩa là không in những bài thơ trong tập trong hai tập đó.

Phần lớn các bài thơ của Mác được in bằng tiếng Nga lần đầu tiên. Trước đây chỉ có một số ít bài thơ được dịch ra tiếng Nga, và, hơn nữa, chỉ một phần những bài thơ được in theo kiểu trích đoạn trong các tác phẩm mới về thần thoại và văn nghệ của Mác. Khi công bố những bản dịch trước đây, chẳng hạn như của Ô.Bu-mơ-rô, Ê.I-li-na và các nhà thơ Xô viết khác đã được sử dụng trong tập này. Phần lớn các bài thơ đều do A.Xta-cô-xti-nui dịch. Tất cả các bài thơ của Mác bằng tiếng của nguyên bản (tiếng Đức) cũng được in trong tập I, phần thứ nhất, bộ MGOA (tên xuất bản thứ hai).-503.

- 153 Tập này của Mác có 14 bài thơ. Trong số đó bài thơ "Lòng tự hào nhân ái", cũng như các bài hát "Cô gái xanh xao", "Lũ - xin-đa" và "Cô gái lữ hành hạ" về sau này đã được Mác đưa vào cuốn viết tặng cha.

Rõ ràng là có một số bài thơ được đưa vào cuốn vở này cũng như 2 cuốn tiếp sau được viết trước mùa thu năm 1836, thậm chí có thể viết vào năm 1835. Điều này được xác nhận trong cuốn an-bom của Xô-phê để năm 1835-1836, bởi vì một số bài thơ có trong an-bom này đã được lặp lại trong ba tập thơ của Mác.-505.

- 154 Trong tập viết tặng cha, bài thơ này của Mác có những vần điệu không đáng kể.-575

- 155 Mác đưa ba-lát "Cô gái xanh xao" và "Lũ - xin-đa" vào trong tập viết tặng cha với những vần điệu không đáng kể.-582.

- 156 Mác đưa ba-lát "Cô gái lữ hành hạ" vào trong tập viết tặng cha với những vần điệu không đáng kể và bù đi hai khổ thơ.-595

- 157 "Tập thơ tình", phần thứ hai gồm có 22 bài thơ. Trong số đó "Bài ca gửi các vì sao" và "Bài ca của người thủy thủ trên biển" được lặp lại trong cuốn viết tặng cha (xem chú thích 152).-618.

- 158 Mác đưa bài thơ "Bài ca gửi các vì sao" vào tập thơ viết tặng cha với những vần điệu không đáng kể.-618

- 159 "Tập ca khúc" gồm 23 bài thơ. Trong số đó, bài thơ "Sự hài hòa", cũng như ba-lát "Hai người chơi đàn harp" và "Bài ca của những nàng tiên cá" về sau đã được Mác đưa vào cuốn viết tặng cha.-659.

- 160 Ba-lát "An-lô-in và Rô-dê-mun-đa" là bản trích bày bằng thơ về các sự kiện lịch sử nửa sau thế kỷ VI của kỷ nguyên chung ta, gần liền với việc vùi của những người Lan-gô-bac là An-bô-ri chinh phục bộ tộc Hê-pít, mà nhà vua cuối cùng của họ là Ku-ni-mun-đa. Sau khi hạ sát Ku-ni-mun-đa, vua của những người Hê-pít (Mác viết là Ki-na-mê-mun). An-bô-in đã cưới con gái của Ku-ni-mun-đa là Rô-dê-mun-đa, sống đã ba người hầu cận Men-mi-hít giết chết.-666.

- 161 Bài thơ này Mác đưa vào tập viết tặng cha với những vần điệu không đáng kể.-686.

- 162 Bài thơ này Mác đưa vào cuốn viết tặng cha với những vần điệu không đáng kể.-691.

- 163 Ba-lát "Bài ca của những nàng tiên cá" được Mác đưa vào cuốn viết tặng cha với những vần điệu không đáng kể và bù đi một khổ thơ.-703.

- 164 Trong cuốn thơ viết tặng cha, Mác tập hợp những bài (tiêu biểu trong sáng tác thơ ca thời niên thiếu của mình, sau khi đưa vào đó các ba-lát, sử-nê, khúc tình ca, bài hát, bản dịch từ ca thứ nhất của Ô-vi-di-út, thơ trào phúng và kịch vui (tất cả có 69 bài), cũng như các cảnh trong bi kịch "Ô-u-la-nem" được viết bằng thơ. Tác phẩm văn xuôi - các chương của cuốn tiểu thuyết chưa biên "Xoóc-ya-ôn và Phô-lích-xa" được Mác đưa vào làm phụ lục. Ít lâu sau, vào năm 1841, Mác cho đăng hai bài thơ trong tập đó, bài "Tình yêu hạn hãm" và "Người chơi vi cầm" trên tạp chí "Athenaum". Do đó chúng được in trong phần thứ nhất của tập này.

Những bài thơ trong cuốn thơ viết tặng cha đã được Mác sắp xếp ít nhiều khác với sự sắp xếp của ông trong bảng mục lục. Trong tập này nói chung vẫn giữ nguyên cách sắp xếp các bài thơ ở trong cuốn thơ ấy, mà Mác đã trình bày trong bản viết tay. Sự thay đổi cách sắp xếp chỉ liên quan đến các cánh trong bộ kích "Ô-như-nem". Theo cách bố cục của Mác, bộ kích năm gồm hai bài thơ "Cuộc dạo chơi" và "Bức thư gửi cha và sao", còn trong tập này nó lại được in sau tất cả các bài thơ trước các chương của tiểu thuyết "Xơ-rơ-pi-ôn và Phô-lích-xơ". Để thuận tiện cho độc giả, trong bản mục lục, sau nhan đề của mỗi bài thơ, trong ngoặc vuông chỉ số sẽ có trong trong tập này có in lại thơ ấy.

Một loại bài thơ trong tập thơ này Mác đã được viết trước tháng Hai 1837, rõ ràng là vào năm 1836 và thậm chí năm 1835.-741.

165 "Ác-mu-đa" - ca kích của K.V. Gloger.-755.

166 Thời cổ đại người ta gọi Hô-me là Mê-ô-mit, bởi vì theo truyền lại, tên gọi của người cha của Hô-me là Mê-ôn. Theo một giả thuyết khác, người ta gọi Hô-me như vậy là vì người cha của Hô-me sinh ra ở Mê-ô-mi (La-đi-a).-776.

167 Ở Ô-ê-lin, đối mặt với lời sống phi-li-xanh nghèo nàn, sự chính thống tôn giáo giữ nhân giả nghiệp và linh thú cụu cứu đời sống kẻ bội Đức, Mác, đã giễu cợt không thương xót thảy trạng nước Đức lúc bấy giờ trong một loạt thơ trào phúng. Thuộc vào loại đó có cả bài thơ trào phúng "Ngồi dựa lưng trên chiếc ghế lành tiện nghỉ..."-823.

168 Bốn khổ thơ dành tặng Hê-ghe-mô mà Mác đã tập hợp lại dưới một nhan đề "Hê-ghe-mô. Thơ trào phúng" chứng tỏ rằng vào đầu năm 1837, Mác mới bắt tay vào nghiên cứu triết học Hê-ghe-mô. Bởi với chàng thanh niên Mác thì quá trình nắm bắt và nhận thức được triết học Hê-ghe-mô không phải là đơn giản. Tuy nhiên chưa được tính chất toán diện của triết học Hê-ghe-mô và tầm rộng lớn của những quan điểm của ông,

nhưng lúc bấy giờ Mác đã có thái độ hết sức phê phán khi đánh giá hình thức trình bày phức tạp những tư tưởng của Hê-ghe-mô. Đối với chàng thanh niên Mác, lúc bấy giờ, triết học này - ở một mức độ nhất định là sự hiểu lầm thêm vọng ghi đối muốn tỏ ra thêm thối, thậm vọng này được cố tình che đậy bằng một thứ ngôn ngữ mập mờ. Những bài trích cụ thể của Mác đối với Hê-ghe-mô đã được ông thể hiện rõ trong thơ trào phúng của mình viết về Hê-ghe-mô.-824

169 Trong bài thơ trào phúng "Có một lần người Đức đã lên đường..." Mác một lần nữa phê phán thái độ hình lý luận vô bổ và sự ỷ lại trong phong trào chính trị ở Đức. Trong bài thơ trào phúng rõ nhắc đến "chiến thắng của nhân dân", tức là trận đánh ở gần Lei-pzich, mà trong thời gian đó, quân đội Nga, Phổ, Áo và Thụy Điển vào những ngày 16 - 19 tháng 5 năm 1813 đã giành được thắng lợi đối với Na-pô-lê-ông. Tuy vậy việc đánh tan quân đội Na-pô-lê-ông đã không dẫn đến sự thống nhất nước Đức và thiết lập chế độ xã hội tiến bộ. Mác coi nguyên nhân của tình trạng này là tính thụ động của các giới tư sản Đức. Trong bài thơ trào phúng này, ông phê phán việc họ lãng quên mất truyền thống của những cuộc chiến tranh giải phóng, coi trọng việc sáng tác những điệu không lường hồn đến, thay vì thực hiện trong thực tiễn những lý tưởng tự do và thống nhất nước Đức.-828.

170 Trong một loạt bài thơ trào phúng, Mác đã đưa ra bức tranh châm biếm về đời sống văn học và văn hoá của thời đại mình. Chẳng hạn, trong bài thơ trào phúng V và VI ông đã bình vực Si-lô và Giô-tô đờ là những đại biểu của chủ nghĩa nhân văn và tiến bộ trước sự công kích giả nhân giả nghĩa và phi-li-xanh của các nhà văn bảo thủ và phái kiến tín, những kẻ đã làm mờ các nhà thơ lớn của Đức.-827.

171 Trong bài thơ trào phúng VIII Mác nhiệt tình bảo vệ Giô-tô đờ trước sự công kích từ phía các nhà văn và các nhà phê bình bảo thủ, nhất là trong những năm 20-30; những sự công kích này đã được các giới giáo

179 Không nghi ngờ gì nữa, hình tượng Sáo-lơ Đại đế Mác miêu tả trong bài thơ này đã chịu ảnh hưởng của vị hiệu trưởng trường trung học To-ra-lô-han Gu-gô Vít-ten-béc, người đã dạy môn sử trung lập lưu của Mác. Vít-ten-béc viết một loạt công trình nghiên cứu lịch sử, trong đó nhấn mạnh những cống hiến của Sáo-lơ Đại đế trong lĩnh vực phát triển giáo dục và thứ tính sự quan tâm đến nền văn hoá cổ đại (cái gọi là sự phục hưng Ca-rô-lin) - 986

180 Trong tài liệu, tuổi thọ phụ của Mác được nêu không chính xác. Theo những nguồn cũm mới nhất, Hen-rieh Mác không phải sinh năm 1782, mà là 1777 - 991.

181 Về các bài thi của Mác tại trường trung học, xem chú thích I

Tác phẩm này đã được thầy giáo Kru-ơ đánh giá ngày 17 tháng Tám 1835 như sau: "Phong phú về tư tưởng, cách trình bày xuất sắc và mạnh mẽ, đang được khôn ngoan, mặc dù bản chất của sự thống nhất, mà ở đây nổi bật, chưa được xác định rõ ràng, nguyên nhân của nó chỉ đề cập từ một phía, còn tính tất yếu của nó thì chung chung chưa đầy đủ" - 992

182 Trong bản thảo tác phẩm hàng tiếng la-tinh có nhiều chỗ do giám khảo gạch dưới. Bản đề có nhiều nhận xét hàng tiếng la-tinh, trong đó có một số nhận xét có liên quan đến nội dung. Khi công bố tác phẩm trong tập này, những chỗ gạch dưới và nhận xét đó không được sao lại. Cuối bài luận có sự đánh giá tổng quát có chủ ý của Vít-ten-béc hiệu trưởng trường trung học và của Ru-ơ-vu-xơ giảng viên tiếng la-tinh và tiếng Hy Lạp: "Ngoài những chỗ đã chỉ ra mà chúng tôi đã có nhận xét, và một số thiếu sót, nhất là ở đoạn cuối, bài luận viết tương đối dài và vô nội dung, cũng như những khuyết tật về ngữ pháp và ngôn ngữ La-tinh thể hiện trong đó. Nhưng chữ viết thì khá thoáng!!" - 998

183 Những cuộc chiến tranh Pu-nich (năm 264-241, 218-201, và 149-146

trước công nguyên) - các cuộc chiến tranh được tiến hành giữa hai nhà nước nhỏ là lớn theo cổ đại - La Mã và Car-ta-gô - nhằm thiết lập ảnh hưởng tri ở miền Tây Địa Trung Hải, giành giật lãnh thổ mới và chiếm đoạt nó từ Cuộc chiến tranh kết thúc bằng sự tàn tạ của Car-ta-gô - 1000

184 Trong bản viết đầu tiên của văn bản con lưu giữ được ở phòng lưu trữ của Trường trung học cổ điển To-ra có sự đánh giá toàn diện luận những kiến thức của người nhận văn bằng về ngôn ngữ Hy Lạp, cụ thể là "Kiến thức của ông và khả năng hiểu các tác giả cổ điển cũng gần giống như trong ngôn ngữ la-tinh; khi dịch các tác giả cổ điển đã đọc ở trường trung học, anh nắm có ít hơn do chưa hiểu chắc ngữ pháp và thiếu tư tìm hơn so với trong ngôn ngữ la-tinh, mặc dù anh thường giải thích đúng thậm chí cả những chỗ khó hơn; nói chung anh dịch khá lưu loát" - 1006

185 Một phần những lá thư của Hen-rieh Mác gửi son trai còn lưu lại được đến nay nay trong trạng thái xấu. Những chỗ không giải được được thì ở trong văn bản đầu được gửi bằng quốc vương trong đó có nhiều dấu chấm. Trong một số trường hợp, trong quốc vương có đưa ra cách giải thích giả định về những chỗ không đọc được

Trong số những thư từ Các Mác trả lại (chứ không con lưu lại được một lá thư nào thuộc về thời kỳ ông có mặt ở Trường đại học tổng hợp Học (tháng Mười 1835 - tháng Tám 1836). Trong số những thư từ trao đổi với thân phụ, mà vào thời kỳ tiếp sau đó Mác gửi đi từ Béc-lin (vào nửa sau tháng Mười 1836 Mác chuyển từ To-rin đến đây để nghỉ thu, vào thời gian đó đã có cuộc đình hân giữa ông và Giu-ô-ni-phơ Vơ-xơ-pha-lơ-ni, đến ngày nay chỉ còn giữ lại được một bức thư của Các Mác viết ngày 10 - 11 tháng Mười một 1837 (xem tập này, tr. 13-35)

Những đoạn trích từ một loạt lá thư của Hen-rieh Mác gửi son trai đã được in trong cuốn sách của K.I-li-na: "Lưu khách không mệt

- môi". *Mai-xơ-vơ*, 1984, cũng như trong tập chí "Tuổi trẻ", số 11, năm 1958 (do Đ.L.I-ia-na tuyển chọn). Trong tập này, ở mục xuất xứ các bức thư của Hen-rích Mác sự hiện diện những đoạn trích như vậy không được nhắc đến.-1008.
- 186 Khoảng ngày 13 tháng Mười 1835 Các Mác chuyển từ Tu-rin đến Bon để vào học khóa luật Trường đại học tổng hợp Bon. Ngày 15 tháng Mười ông được nhận vào trường đại học tổng hợp.-1008.
- 187 Sau khi tốt nghiệp Trường trung học cũ điển To-rin, để tỏ thái độ, Mác đã không đến chào từ biệt giảng viên Lu-tơ-rơ-xơ, người đã nổi tiếng vì những quan điểm phản động của mình và là người được giao trách nhiệm theo dõi lòng trung tín với chính phủ của các giáo viên và học trò trường trung học. Ngày 17 tháng Mười một 1835 Lu-tơ-rơ-xơ đã được cử làm hiệu trưởng thứ hai trường trung học cổ điển To-rin.-1011.
- 188 Hen-rích Mác muốn nói đến § 60 tác phẩm "Antropologischer im pragmatischer Hinsicht". Königsberg, 1798 (Nhấn học xét từ quan điểm thực dụng chủ nghĩa", Khuê-ních-xơc 1798) của I Can-ơ.-1011.
- 189 Tại Bon Mác đã tham gia nhóm các nhà thơ trữ. Một trong những người sáng lập ra nhóm đó là I-o-han Mi-kh-en Bie-men, học sinh trường trung học cổ điển To-rin, người bị buộc tội là đã sáng tác ra các bài ca cách mạng. Nhóm này, trong đó có Ê-xen-au-ơ-ni Gây-ben và Các-Phruy, đã giữ mối liên hệ với nhóm nhà thơ ở Gie-t-tin-gen, mà các thành viên chính là Tê-đi Cơn-xơ-béc, Mô-ri-xan Ca-ni-ơ-ra và K.L. Bêc-mai-xơ. Cả hai nhóm có ý định cùng nhau xuất bản văn tập chung thơ.-1017
- 190 Trong thư có những chỗ đánh dấu mà về sau này phần lớn không giải đoán được, hình như là của Các Mác.-1022
- 191 Hen-rích Mác viết những dòng này cho bạn trao vào một tờ giấy, gửi đi cho Mác cùng với chứng nhận đã đưa ra ở trên nói về sự đồng ý của

- minh cho Các Mác chuyển từ Trường đại học tổng hợp Bon sang Trường đại học tổng hợp Héc-lin.-1026.
- 192 Hàng tối nghiệp còn lưu lại được dưới dạng bản vào do một người neo đó viết, đã trình Trường đại học tổng hợp Giê-na cùng với các hồ sơ khác, mà Mác đã gửi đến đó nhân số đơn yêu cầu thông cho ông học vì tiến sĩ về công trình nghiên cứu lịch sử triết học cổ đại (xem thêm chú thích 68).-1026.
- 193 Đây muốn nói đến đơn kiện Hen-rích Mác năm 1832 của tư dân công xã Léc-xơ về việc ông, với tư cách luật sư, đương như đã lạm dụng quyền hạn của mình. Sau khi xem xét vụ kiện ở các cấp khác nhau, ngày 23 tháng Chín 1837, tòa phúc thẩm Héc-lin đã giải quyết vụ đó có lợi cho Hen-rích Mác. Bức vờ lợi ích cho Mác có thể vẫn tư pháp hội đóng an mật Rây-khân, phần đối lập có thể vẫn tư pháp Đan-tơ.-1030, 1061.
- 194 Đây muốn nói đến hàng thương mại mà thông qua nó, Hen-rích Mác mới có thể gửi tiền cho con trai.-1031.
- 195 Bức thư này đã bị thất lạc.-1031
- 196 Đây muốn nói đến cuộc đính hôn của Các Mác với Giê-ni Phôn Ve-xơ-pha-lem điển ra ở To-rin, nơi Mác đến đó vào dịp nghỉ thu năm 1835. Hen-rích Mác đồng ý cho đính hôn, tuy thế vẫn giữ kín không để cho thân sinh của Giê-ni biết cuộc đính hôn này, cho đến tận tháng Ba 1837.-1032.
- 197 Rõ ràng là thông qua Xô-phê Mác đã gửi cho Giê-ni bản cuốn thơ của mình - "Tập thơ tình", phần I, "Tập thơ tình", phần II và "Tập ca khúc" (xem chú thích 152).-1038
- 198 Ở một trong những bức thư không còn lưu lại được của Các Mác gửi Giê-ni Phôn Ve-xơ-pha-lem viết vào tháng Hai 1837 có nói đến ý định của ông muốn viết giấy xin cầu hôn với Giê-ni.-1048.

199 Ngày 16 tháng Sáu 1816, ở gần Oa-téc-lô (Đô), quân đội Na-pô-lê-ông đã bị quân đội Anh - Hà Lan đuổi sự chỉ huy của Gien-lơ-tơn và quân đội Phổ - dưới sự chỉ huy của Bli-ghê, đánh tan.

Ber - A-ti-ôn-xơ - một làng ở cách Oa-téc-lô bốn ki-lô-mét. Ở đó trong thời gian trận Oa-téc-lô đã diễn ra những trận đánh lớn.-1818.

200 Bức thư này của Hen-ri-ích Mác được gửi cho vợ và con trai. Đó là một đoạn viết thêm gửi Hen-ri-ét-ta Mác, mà trong tập này không sao lại. Có lẽ lúc đầu bức thư được gửi đi To-ria cho Hen-ri-ét-ta Mác, rồi từ đó gửi đi Béc-lin cho Các Mác.-1850

201 Âm chỉ lời nói của Ác-si-mét ("Chỉ dùng đến bàn vẽ của tôi"). mà ông đã nói với một trong những tín đồ La Mã đang trên vào Xi-ra-cu-sa (năm 212 trước công nguyên).-1077

202 Những dòng này là lá thư cuối cùng của Hen-ri-ích Mác gửi con trai. Đây là đoạn viết thêm vào lá thư gửi Hen-ri-ét-ta Mác, mà bà đã gửi cho Các Mác vào giữa tháng Hai. Do lâm bệnh nặng, ngày 19 tháng Năm 1883 Hen-ri-ích Mác đã qua đời.-1883.

203 Van khoảng từ ngày 18 tháng Sáu 1839 Gien-ni Phôn Ve-xto-pha-len cùng người anh trai cùng cha khác mẹ của mình Các Han-xơ Véc-xơ Phôn Ve-xto-pha-len nghỉ mát tại thành phố an dưỡng Ni-đéc-brun thuộc Hạ An-đơ-rô-lau lấy gió. Đoạn cuối của bức thư này không còn lưu giữ được.-1885.

204 Ê-đi-ác-dơ Mác, em của Các Mác, mất ngày 14 tháng Chạp 1837 -1837

206 Những đoạn trích ngắn từ bức thư này trước đây đã được công bố bằng tiếng Nga trong các cuốn sách: P.Vi-nô-grát-xki a "Green-ni Mác", M., 1964 và Ê.Ii-li-na: "Đu khách không một mắt", Mát-xcơ-va, 1964. Đoạn cuối của bức thư không còn lưu giữ được.-1888.

206 Trần quốc chúng nhận có để cho "kế 26" gha tháng Tư 1841 tại Trường đại học tổng hợp Uô-na khi vào sổ tiếp nhận đơn và hồ sơ của Mác nhận có đơn để nghỉ phong chu ông học và tiến sĩ về công trình nghiên cứu lịch sử triết học cổ đại (xem chú thích 68).-1856.

207 Những đoạn trích ngắn từ bức thư này trước đây đã được công bố bằng tiếng Nga trong cuốn: "Đu khách không một mắt" của Ê.Ii-li-na, Mát-xcơ-va, 1964.-1100.

208 Thành ngữ "Màn đồ của Hê-ghe-n" được dùng sau khi cuốn sách của nhà sử học và nhà chính luận phản động G.Lê-ô xuất bản "Die Hegelungen Aesthetische und Religion zu der z.g. Denunciation der ewigen Wahrheit". Halle, 1888 ("Màn đồ của Hê-ghe-n, Văn kiện và bằng chứng về cái gọi là sự lên án chân lý vĩnh cửu", Ha-lơ, 1888). Cuốn sách nhằm chống lại Siê-rơ-u-xơ, Ku-gơ, Mi-ru-lê và những người khác theo Hê-ghe-n, mà Lê-ô đã khinh bỉ gọi là: "Những màn đồ của Hê-ghe-n".-1100.

209 Công bố nhắc tới ở đây về việc xuất bản cuốn sách "Kritik der evangelischen Geschichte der Synoptiker" ("Phê phán lịch sử Phúc âm của các cuốn Phúc âm tương đồng") của Bru-nô Bơ-ơ và ba bài báo ngắn của ông ta đã được đăng trong phụ trương tờ "Allgemeine Zeitung" số 213, ra ngày 1 tháng Tám 1841. Xem thêm chú thích 70.-1101.

210 "Xy thủ có phép lạ" - va kịch của C.M.Vo-lơ (kịch bản của Ph.Kim-đơ) -1102.

211 Những đoạn ngắn trích từ bức thư đó trước đây đã được công bố bằng tiếng Nga trong các cuốn sách: "Gien-ni Mác" của P.Vi-nô-grát-xki a, M., 1964 và "Đu khách không một mắt" của Ê.Ii-li-na, M., 1964.-1104.

212 Vào thời gian này Các Mác và Ác-si-mét Ru-gơ đã lập kế hoạch xuất bản tạp chí "Deutsch - Französische Jahrbücher" - Sự khu trục đối. Ph-ni

đã được chọn làm nơi xuất bản tạp chí. Xem thêm chủ thích 129 và 130.-1106.

- 213 Ở đây có lẽ muốn nói đến tác phẩm "Vorläufige Thesen zur Reformation der Philosophie" ("Dự cương sơ lược về cải cách triết học") của Lüt-vich Phoi-a-hắc, in trong tập thứ hai của tuyển tập "Anekdoten zur neuesten deutschen Philosophie und Publicistik. Zürich und Winterthur, 1848, S.62-88 ("Những điều chưa công bố của lĩnh vực triết học và văn chính luận Đức hiện đại", Xuy-rích và Vun-tơ-tu, 1848, tr.62-86).-1108.

- 214 Ở đây có lẽ muốn nói đến cuốn sách xuất bản ở Pa-ri năm 1841 - 1842 gồm 4 tập: "Mémoires de Marie Cappelle, veuve Lafarge, écrite par elle-même" ("Hồi ký của Ma-ri-a Ca-ben, vợ góa của La-phác-giơ, do chính tay bà viết"). Năm 1841 ở Lai-xác cũng công bố một cuốn sách: "Marie Lafarge, vorurtheil als Giftmischerin und angeklagt als Diamantendiebin. Criminalgeschichte der neuesten Zeit" ("Ma-ri-a La-phác-giơ bị kết án là người đầu độc và bị buộc tội ăn cắp kim cương. Câu chuyện hình sự thời hiện đại").-1108.

- 215 Là thành hôn giữa Giáo Mục và Giôn-ni Phôn Ve-xtơ-pha-len được đăng kỷ muộn hơn đôi chút. vào ngày 19 tháng Sáu 1843.- 1108

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

Adelung (Adelung), Lỗ-ham Cris-tốp (1742-1806) - nhà ngữ văn, tác giả từ điển tiếng Đức.-907

Agrippa (Agrippa), Mặc Vĩ-pa-nhĩ (khoảng 45-12 trước công nguyên) - tướng và nhà hoạt động nhà nước La Mã.-1903.

A-tích-xon-đơn Ma-xi-đoan (326-322 trước công nguyên) - viên tướng và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng thời cổ đại.-95, 281.

A-na-xi-men-đơn ở Mi-léc (khoảng 610-546 trước công nguyên) nhà triết học, nhà duy vật cổ Hy Lạp.- 236.

A-na-xa-gô ở Cua-dô-men (Tiểu Á) (khoảng 500-428 trước công nguyên) - nhà triết học, nhà duy vật cổ Hy Lạp.-43, 68,97, 98, 99, 162, 167, 170, 200, 337

A-mi-đê (thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà triết học, nhà duy tâm cổ Hy Lạp.-379.

A-pe-ri-er-ut - nhà triết học cổ Hy Lạp, cùng thời với Ê-pe-quy-a và là học trò của Ê-pe-quy-a.-119.

A-pe-ri-ôn ở A-nu (thế kỷ thứ II trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp theo trường phái Ê-pe-quy-a, tác giả viết tiểu sử Ê-pe-quy-a.-363, 365.

A-ri-x-tô (khoảng 337 - khoảng 360 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, người sáng lập ra trường phái Xi-zen; nhà tư tưởng của giới quý tộc chiếm hầu hũ lệ.-43, 249, 286, 355.

A-ri-x-tô (384-322 trước công nguyên) - nhà tư tưởng vĩ đại thời cổ, trong triết học là người đạo đồng giữa triết học duy vật và triết học duy tâm.-31, 51, 55, 75, 79, 84, 86, 97, 104, 105, 116, 141, 148, 209, 209x, 209x, 209, 216, 217, 218, 269, 281, 282, 286, 295, 296, 305, 309, 311, 314, 317, 320 - 323, 321, 357, 359, 362, 366, 369, 379, 379, 381-392, 395, 398, 403, 404.

A-ri-x-tô-zen ở Ta-ran-to (sinh khoảng 354 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của A-ri-x-tô; tác giả "Những ghi chép học sử"; nổi tiếng chủ yếu nhờ các tác phẩm viết về lý luận âm nhạc.-379.

A-ri-x-tô cuối thế kỷ II - đầu thế kỷ III) - nhà tư tưởng học và nhà văn cổ Hy Lạp - 408.

Ân-ke-xi-lai (khoảng 316 - khoảng 240 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, người theo chủ nghĩa hoài nghi, người sáng lập trường Trung học, nhà tư tưởng của giới quý tộc chủ nô.-156.

Ân-nam (Armini, Bat ti-na 11785-1859) - nhà văn nữ Đức, theo khuôn hướng lãng mạn, người lớn năm 50-10 -725, 726.

Ân-nim-Bô-tien-hua (Arnim - Boyenburger) A-đôn-pô Hen-ri-ê, bà tuơ (1803-1869) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu phái giơng-êc Phổ, bộ trưởng nội vụ 11842-1845 và thủ tướng 119-29 tháng Ba 1848) -506.

Ân-pê-lô (thế kỷ V trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của A-nu -ka-ga.-88.

Ân-pê-lô-ru (thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà thơ cổ Hy Lạp, tác giả trường ca trào phúng về Cu-xi-ô-nô-lô-gi-a -348, 408.

Ân-te-met (khoảng 237-212 trước công nguyên) - nhà toán học và cơ học vĩ đại cổ Hy Lạp.-376.

Âi-êc-hô-êc (Eichhorn) - chánh chủ văn cơ mật và viện trưởng công tố viện thanh tra và phúc thẩm tỉnh Ranh-Bê-r-lin, học của Hen-ri-êc Mác -1042.

Âi-êc-hô-êc (Eichhorn), I-ô-han An-bêch-tơ Phra-ê-ri-ê (1779-1856) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng phụ trách các vấn đề tổ lệ, giáo dục và y tế của Phổ.-506.

Ân-bô-er (chết năm 579) - vua của những người Lan-gô-ba-r-ô, - 666-835.

Ân-ti-xi-ôn ở Bô-dô-so (thế kỷ II trước công nguyên) - nhà sử học và triết học cổ Hy Lạp, học trò của A-ri-x-tô.-241, 249, 293, 365.

B

Ba-dơ-rơ (Bazire), Clô (1764-1794) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, người ủng hộ Đảng-tông.-506.

Ba-khau-n (Bachmann), Các Phi-đrich (1785-1855) - nhà triết học Đức, giáo sư Trường Đại học Tổng hợp Giê-nơ.-416, 1099.

Ba-rơ-rơ Đơ Vi-e-đắc (Barrois de Vieuchac), Béc-tơ-ran (1766-1841) - luật sư và nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo những người thuộc phái Gi-a-cô-ba-nh, sau này tham gia cuộc đảo chính tháng Năm.-530,532

Ba-nô (Barre), Phê-đi-năng Xi-xi-an (1792-1869) - nhà thần học Đức, đứng đầu trường phái Tuy-bi-n-ghe-n, giáo sư ở Tuy-bi-n-ghe-n.-204-210

Bác-ba-ru (Barlaouaz), Sác-lơ (1767-1794) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, người theo phái Gi-rông-danh.-542, 543, 550-555.

Ban-hơ (Banhou) - quan chấp chính La Mã (năm 40 trước công nguyên).-244.

Ban-ơ (Bauer), Bru-nô (1809-1882) - nhà triết học duy tâm Đức, một trong những người nổi tiếng của trường phái Hê-ghe-n trẻ, người cấp tiến tư sản; sau năm 1868 là người theo phái tự do-dân tộc.-33, 423-429, 523, 1101.

Bau-ơ (Bauer), G.L. - giảng viên Trường Đại học tổng hợp Béc-lin.-1097.

Bây-ê (Bayle), Ph-a (1647-1706) - nhà triết học Pháp, người theo chủ nghĩa hoài nghi, người phê phán chủ nghĩa giáo điều tôn giáo.-260, 303, 304, 309, 381.

Béc-na-cu-xten (Berncastel) - làm xi ở Tu-xi.-1023.

Ben-ơ (Beitz), Pê-to - thợ may ở Coo-ga-nh, người làm chứng khi làm giấy đăng ký kết hôn giữa C.Mác và Gi.Phân Vơ-xtrô-phơ-len.-111, 112.

Bê-ti-na (Bettina) - con Ác-sen, Bê-ti-na.

Bê-nen (Bacon), Phren-xt, nam tước Vơ-sa-lam (1661-1626) - nhà triết học xuất sắc người Anh, thầy tổ của chủ nghĩa duy vật Anh; nhà văn vật lý học và nhà sử học.-31.

Bê-rôn (Biron), Ác-man Lu-i đơ Hôn-tơ, Quận công (1747-1793) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, tướng và người ủng hộ Lơ-phây-xơ.-656.

Bô-lê (Boileau), Giắc (1782-1793) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, thành viên Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-651.

Bô-lô (Boileau - Despreaux), Ni-cô-lu (1636-1711) - nhà thơ nổi tiếng người Pháp và nhà lý luận của chủ nghĩa cổ điển.-905

Bonapart d'Anglê-xơ (Bonaparte d'Anglê-xơ) (1758-1826) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, luật sư và nhà văn, đại biểu Hội nghị Quốc ước, đại biểu của phái "đám mây" -539

Bônôphi-a-si (Bonapaciast) (khoảng 659-735) - nhà hoạt động tôn giáo ở châu Âu thời trung cổ, người gặp gỡ truyền bá đạo Cơ Đốc trong các họ tộc người Đức mạnh. 506

Brân-dô-xơ (Brandis), *Cri-x-ti-an Áy-gu-xơ* (1790-1845) - nhà nghiên cứu lịch sử triết học người Đức, tham gia xuất bản toàn tập *A-xi-xtít*.-368, 377

Bru-nô (Bruno), *Giôc-cô-nô* (1548-1600) - nhà tư tưởng vĩ đại của Italia, nhà duy vật và người theo chủ nghĩa vô thần, người tiếp tục phát triển thuyết của Cô-pê-ních về cấu tạo vũ trụ, vì không chịu từ bỏ những tư tưởng của mình nên đã bị tòa án giám hỏa hỏa thiêu -304

Brân-đơ-tơ (Bruckner), [*ô-hen* *ô-n-côp*] (1896-1955) - nhà nghiên cứu lịch sử triết học Đức, người theo chủ nghĩa duy tâm -321, 392

Bray-gô-ma-n (Bruggemann), *Ti-ô-đô* (1798-1896) - uỷ viên hoàng gia Phổ, thành viên hội đồng thi tại trường Trung học *Tô-rin*.-1097, 1011.

Bư-kinh (Böcking), *R-đô-ác* (1892-1870) - luật sư Đức, giảng viên trường Đại học Tổng hợp *Berl*.-1027.

Bôc-mê (Böhme), *I-x-côp* (1575-1624) - thợ thủ công Đức, nhà triết học thần bí.-124.

Bun (Bunzl), *Lút-vích* (1814 - đầu những năm 80) - nhà chính luận Đức, theo phái Hê-gel trẻ, người xuất bản tạp chí "Người trẻ tuổi".-495.

Bư-ô-gi (Burger), *Van-hen Cui-át-xơ Hen-rích* - chương trình ở *Chri-x-ti-an*.-1109, 1111

Buy-đô (Buzot), *Phrang-xen Lê-ô-nôc Ni-cô-lô* (1760-1793) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu của Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-535, 542, 543, 552, 554, 556.

Buy-lôp-Cum-me-rôp (Bulow - Commerow), *Ê-cơ-nô-xơ Giôc-phê-t* *Chê-nôc* (1775-1851) - nhà chính luận phân cấp và nhà hoạt động chính trị Đức, người biểu hiện cho những quan điểm của giới giai cấp Phổ.-613.

C

Cá-bê (Cabet), *Ê-chiê-n* (1788-1866) - nhà chính luận Pháp, đại biểu chủ nghĩa chủ nghĩa cộng sản không tưởng ôn hoà, tác giả của cuốn sách "Cuộc hành trình tới I-xa-ni".-551, 552.

Cá-cô (Karl-cô Fô-rô-ni Ca-lô (Lô-n) (194-115 trước công nguyên) - nhà văn và nhà hoạt động nhà nước La Mã -143.

Các-bô Mác-ten (khoảng 688-741) - quan thi võ Phrang-xơ.-892.

Cô-cô, *Đôn, Lôn* (1782-1851) - người có kỹ năng người vua Tây Ban Nha, trong thời gian cuộc chiến tranh Các-bô lần thứ nhất 1833-1840 nắm toàn

chấm chính quốc - 904

Caenôit n *Ki-rô-na* (khoảng 214-129 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, người theo chủ nghĩa hoài nghi, người sáng lập ra viện Hâm lâm mới - 228

Ca-nô (Carnot), Lơ-đơ-rô Ni-cô-lơ (1768-1823) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, một trong những người tổ chức quân đội cách mạng - 645.

Cambô-xi-ê-nô (Cambectres), Giăng Giắc Rô-gi-ơ Đơ (1753-1821) - người tham gia cuộc cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, luật sư, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-dinh, sau này là nhà hoạt động của nước Pháp Nã-pô-lê-ông - 542, 552.

Cambô (Cambes), Pi-e Giắc-đép (1756-1820) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Nô-i - 542, 545, 552.

Camp-hau-zen (Camphausen), Lơ-đôn-phơ (1803-1890) - chủ ngân hàng Đức, một trong những thủ lĩnh của giai cấp tư sản tự do vùng Rhen, thống Ba - tháng Sáu 1845, thủ tướng Phổ - 514-518, 528, 539

Can-tơ (Kant), I-ma-nu-ên (1724-1804) - nhà triết học nổi tiếng Đức, thầy tổ của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX - 27, 104, 413, 825, 906

Caup-hô-nơ (Knufmann) - người chủ các vé số bán ở Bơ - 121.

Clei-nơ (Klein), Ôc-nô-xô Phơ-di-năng (1743-1810) - luật sư Đức, tác giả các tác phẩm viết về luật hình sự và luật dân sự - 28.

Clây-nơ (Klainerz) - bạn của Céc Mác - 1024, 1025, 1042.

Cle-an-tri từ A-xơ (331-332 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp theo chủ nghĩa khắc kỷ, học trò của Thôn-đơ - 20.

Clo-măng A-lếch-đan-đrơ, Ti-mô-ti Phê-vơ-ô (khoảng 160 - khoảng 215) - nhà thần học cơ Đốc giáo, nhà triết học duy tâm - 238-239, 267, 358, 363, 364

Cle-men-xi (Clemens), Hen-ri-ô (khoảng 1618-1662) - sinh viên trường Đại học Tổng hợp Bơ, sau này là luật sư - 1024, 1025, 1042

Cle-zen (Clausen), Hen-ri-ô 1-ô-đép (1813-1883) - bác sĩ Đức và nhà hoạt động chính trị, một trong những người đứng đầu công ty cổ phần xuất bản là "Kheimsche Zeitung" và là cộng tác viên của tờ báo này - 1108.

Clenôit (thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp - 378.

Cle-vích I (483-511) - vua Phrăng-cơ (481-511) xuất thân là người Mô-rô-vi-n-gơ, người đặt nền móng cho nhà nước Phrăng-cơ - 904

Clo-ơ (Kloze), Rây-ô-rô-nô-ô (1807-1870) - nhà ngữ văn học, một trong những người xuất bản tờ "Archiv für Philologie und Pädagogik" - 381.

Cô-lông (Colombo), Cri-xlôp (1461-1506) - nhà hàng hải nổi tiếng, người khám phá ra châu Mỹ, gốc gác là người Bồ-tô-nô.113.

Cô-lô ã Lam-pô-đi - nhà triết học cổ Hy Lạp, người cùng thời với Ê-pi-cu-rơ và là học trò của ông.-109. 137-161

Cô-pê-ních (Copernik), Ni-cô-lai (1473-1543) - nhà thiên văn học vĩ đại Ba Lan, người sáng tạo học thuyết mặt trời là trung tâm của vũ trụ.-508.

Cô-lê (Caius Aurelius Cotta) Cai Ấp-bô-lê (khoảng 120 - khoảng 73 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động chính trị La Mã, năm 74 trước công nguyên là quan chấp chính.-472, 473, 495.

Cô-ta (Cotta), I-ô-han Ghê-ôóc (1796-1863) - nhà xuất bản từ 1832 đóng dấu Nhà xuất bản *Cô-ta ở Stutt-gát*.-248, 258.

Cơ-nê-mô (Cramer), An-drê-ki Vin-hem (1760-1833) - luật gia và nhà ngữ văn học Đức, giáo sư về luật pháp La Mã thuộc trường Đại học Tổng hợp Ki-lô.-31.

Cơ-uê-đơ (Kruuse) - pháp quan tại trường Đại học Tổng hợp Bạc-lin.-1098.

Cơ-p-ơ (Kropp), Ma-ti-át - viên chức ở Tơ-rin.-991.

Cơ-gơ (Krug), Vin-hem Tô-rau-gô (1770-1842) - nhà triết học duy tâm Đức.-890, 906.

Cu-ni-mun-đơ (Cu-ni-mun-đa) (chết năm 566) - vị vua cuối cùng của những người Hê-rô, bị vua An-lô-m giết chết.-687-672, 676, 677, 678.

Cu-tông (Couthon), Gê-ơ-giơ (1765-1794) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, thuộc phái Giã-cô-banh, ủng hộ Rô-be-xpi-ê.-581.

D

Đa-lét (Sallat), Phri-đrich Phôn (1812-1843) - nhà thơ Đức.-502-528.

Đan-đơ (Sandt) - luật sư của tòa thượng thẩm Pec-lê, anh em với Gô-phrit Đan-đơ.-1030.

Đan-đơ (Sandt), Gô-phrit A-lêch-năng-đơ Ma-ri-a Rô-béc (1788-1839) - luật sư tòa thượng thẩm ở Kluđn.-1030.

Đe-nông Ê-lê (thế kỷ V trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, đại biểu của chủ nghĩa duy vật siêu hình và phép biện chứng chủ quan về ý niệm.-202, 227, 241, 358.

Đê-ô-đơ (Suebode), I-ô-han-ni-ti Đê-ô-ri-ch Gô-phrit (1792-1868) - nhà ngữ văn học, giảng viên và nhân viên thư viện, một trong những người xuất bản tờ "Archiv für Philologie und Pädagogik".-881.

Đôn-gơ (Solger), Céc Vin-hem Phê-đi-năng (1780-1819) - nhà triết học thẩm mỹ Đức, nhà lý luận nghệ thuật.-25.

Đ

D'Alembert (D'Alembert), Ê-đơ-ác (1717-1783) - giáo sư, giảng viên môn lịch sử nghệ thuật tại trường Đại học Tổng hợp Bon.-1027.

Dăng-tông (Danton), Giốc-giơ Giắc-co (1759-1794) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đồng đầu cánh hữu phái Giã-cô-banh.-541-546, 549-553, 559, 560.

Đi-các-tơ (Descartes), Rơ-nê (1596-1650) - nhà bác học và triết học Pháp.-79.

Đơ-na-mi (Démamy), Tô-ô-đơ (1803-1850) - nhà chính luận Pháp, đại biểu nổi tiếng theo khuynh hướng cách mạng của chủ nghĩa cộng sản không tưởng.-504.

Đơ-lơ-nê (Delaunay d'Angers), Giô-dép (1746-1794) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-553.

Đơ-môn-tơ-ri ô Mác-nô-đi (thế kỷ I trước công nguyên) - nhà văn cổ Hy Lạp, tác giả bộ sưu tập về các nhà tư tưởng và triết học cổ đại.-293, 295.

Đơ-môn-cri (khoảng 490 - khoảng 370 trước công nguyên) - nhà triết học duy vật nổi tiếng của Hy Lạp cổ đại, một trong những người sáng lập ra thuyết

nguyên tử.-43, 44, 66, 87, 135-141, 178, 214, 215, 232-238, 248, 253, 279-301, 302, 303, 309, 315-324, 328-336, 344, 346, 355-370, 375, 389, 391, 394-391, 399, 412, 416, 417

Đơ-mô-xen (khoảng 384-322 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động chính trị cổ Hy Lạp.-986.

Đơ-mu-lanh (Desmoulins), Ca-mi-lơ (1760-1794) - nhà chính luận Pháp, nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, thuộc phái Giã-cô-banh cánh hữu.-581.

Đi-đơ-giơ Ba-bi-lan (khoảng 240 - khoảng 150 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp theo chủ nghĩa khác kỷ.-242.

Đi-đơ-giơ La-éc-cơ (thế kỷ III) - nhà nghiên cứu lịch sử triết học ở Hy Lạp cổ đại, người soạn thảo bộ sưu tập lớn về triết học thời cổ.-41, 53, 78, 79, 88, 225, 328, 329, 292, 295, 313, 321-326, 335, 338-357, 375-380, 384, 386-408.

Đi-ô-ni-đi-ô (khoảng 200-260) - giáo chủ Cơ đốc giáo A-lếch-xăng-đri-a, tác giả bộ sưu tập có khuynh hướng chống lại các nhà duy vật nguyên tử.-596, 320.

Đơ-nơ-rơ (Donner) - cô-lô là Phi-líp Khri-xi-an Vôn-hem Đơ-nơ-rơ (1799-1887) - thành viên của hàng thương mại Phran-phước Kh. Ph. Đơ-nơ-rơ.-1031.

Đơ-Me-đơ (Des Maiseux), Pi-e (1666-1746) - nhà phê bình và nhà sử học Pháp, giao du với các nhà triết học lớn cuối thế kỷ XVIII - nêu đầu thế kỷ XVIII (Lai-bơ-nít-xơ, Hê-lơ và những người khác) và xuất bản các tác

phẩm của họ -367.

Dur-de-vây-sơ (Duherriner), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1780-1849) - giáo viên môn hoá trưởng Đại học Tổng hợp Giê-nơ.-1099.

Duy-hoa Đơ Cơn-xơ (Duhou de Crancé), Ê-tiêng Lu-i A-Nôh-xít (1747-1814) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, người thuộc phái Nôh.-658.

Duy-vô (Ducos), Xê-giơ (1747-1816) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, năm 1794 là chủ tịch của lạc bộ Giơ-cô-banh, sau này tham gia cuộc đảo chính năm 1799 của phái Bô-na-pác-tơ.-661.

Duy-đơ-vơ (Dukure), Giéc Áng-tơ-nơ (1755-1835) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, đồng đầu phái "Đêm lầy".-539.

Duy-mu-ri-ê (Dumouriez), Sê-cơ Phơ-răng-xơ (1739-1823) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, tướng, gần gũi với phái Gi-rông-đanh, năm 1793 phản bội cách mạng Pháp.-657, 669.

Duy-tơ-nơ (Dutens), Lu-i (1730-1812) - nhà ngữ văn và nhà sử học Pháp, người xuất bản toàn tập của Lai-bơ-nít-xơ.-367.

E

E-pi-rô (khoảng 480 - khoảng 406 trước công nguyên) - nhà soạn kịch nổi tiếng cổ Hy Lạp, tác giả của các bi kịch cổ điển.-113, 1097.

E-pi-ru (khoảng 264 - khoảng 240) - nhà thần học theo đạo Cơ Đốc ở Kê-xa-rì, tác giả các tác phẩm viết về lịch sử giáo hội.-296, 297, 376-380, 382, 384-388, 387, 390, 396.

Ê-sơ (Ezer) - thành cổ văn cơ một viên phục thẩm tỉnh Ruah ở Bêc-lin.-1029, 1039, 1042, 1064.

E-pi-đơ-cơ (khoảng 540 - khoảng 460 trước công nguyên) - nhà soạn kịch cổ Hy Lạp, tác giả các vở hài kịch.-87, 297.

E-pi-quy-ơ (khoảng 341 - khoảng 270 trước công nguyên) - nhà triết học duy vật xuất sắc cổ Hy Lạp, theo chủ nghĩa vô thần.-41, 43, 46, 60, 62, 66, 67, 62-76, 77-96, 109-134, 137-148, 149-166, 167, 188, 192, 199, 202, 215-244, 246-259, 272, 276, 277, 278, 279, 281, 283-300, 302, 308, 304, 306, 306-311, 313-340, 342-368, 366-369, 375-378, 380-401, 406, 408, 409, 416, 418.

E-xi-đơ (525-456 trước công nguyên) - nhà viết kịch nổi tiếng cổ Hy Lạp, tác giả của các bi kịch cổ điển.-113, 277, 340.

E-ve-rơ-xơ (Eversa) - anh em với Ph và G Ê-ve-rơ-xơ, những sinh viên của trường Đại học Tổng hợp Bêc-lin.-1078.

Đim-pi-đi-ô-chi (khoảng 490 • khoảng 430 trước công nguyên) - nhà triết học duy vật cổ Hy Lạp - 58, 142, 146, 167, 286, 358

Ê-pi-đích (cuối thế kỷ IV • III trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của người theo chủ nghĩa hoài nghi Platon - 344

Ê-pi-pít (khoảng 480 • khoảng 406 trước công nguyên) - nhà soạn kịch cổ Hy Lạp - xem *Ê-pi-pít* -

G

Ga-bi-ô (Gabler), *Ghê-ô-ôc An-đrê-a-xơ* (1786-1853) - nhà triết học thực, người theo phái Hê-gen trẻ, giáo sư Đại học Tổng hợp Béc-lin - 1097

Gan-ga-nô-li (Ganganelli), *Gia-va-ni Vá-lan-xô* (1705-1774) - Giáo hoàng Lê Mã lấy tên là Clê-măng XIV (1769-1774) - 624.

Gan-xơ (Gans), *Ê-đu-ác* (khoảng 1786-1839) - nhà triết học pháp quyền Đức, theo phái Hê-gen - 1096, 1097.

Gát-măng-đi (Gassendi), *Pi-e* (1602-1655) - nhà triết học duy vật nổi tiếng người Pháp, ông bố và tuyên truyền thuyết nguyên tử của Đê-ca-rt; nhà vật lý và toán học - 41, 67-71, 17, 78, 275, 322, 393.

Gi-ê-rô-lam (Gerlach), *Phôn* - một trong những đại biểu của giới quốc hữu

phản động Phổ, đương đầu chính quyền ở Kôn-n (1839-1844) - 459, 464.

Gi-ê-rô-mô (Giermer), *Giu-xép Phê-đrích* (chết năm 1811) - luật sư Đức, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Bon - 33

Giép-péc-ơ (Geppert), *Các Ê-đu-ác* (1813-1851) - nhà ngữ văn cổ điển, từ năm 1836 là phó giáo sư ở Béc-lin - 1097

Giăng-xôn-nê (Gibbonet), *Ăc-măng* (1758-1793) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, một trong những thủ lĩnh của phái Gi-rông-danh - 649.

Gi-ô-đép Ê-ga-đi-ô (quận công Đức-lô-âng) - xem *Phi-líp Ê-gu-ê-rơ*

Gi-ô-ôc (Glock), *Cri-xtôp Vít-chi-lan-đơ* (1714-1787) - nhà soạn nhạc vĩ đại người Đức - 755.

Gi-ô-đan-xơ (Gurcen), *Ăng-tuan Gi-ô-đép* (1751-1793) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, nhà chính luận, người xuất bản tờ báo "Courtier de Versailles à Paris et de Paris à Versailles", đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh - 667.

Gi-ô-gi-ô Lê-ô-lin (khoảng 451 • khoảng 375 trước công nguyên) - nhà triết học nguyên hiện cổ Hy Lạp, người ông họ nền dân chủ chủ nô - 214.

Gi-ô-đi-xôn (Göddemith), *Ô-bi-va* (1728-1774) - nhà văn Anh - 891

Ge-ơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749-1832) - nhà văn, nhà tư tưởng vĩ đại Đức.-97, 526-531, 928, 1080.

Grát-xơ (Gratia), Pê-tơ A-lô-ét (1769-1849) - giáo sư khoa thần học Thiên chúa giáo Trường đại học tổng hợp Bonn (1819-1820), cố vấn trường học ở Tơ-ri-a (1826-1830).-1017.

Grô-m-ma (Grolmann), Cáo Lút-vích Vin-hem (1775-1838) - luật sư Đức, tác giả các tác phẩm luật hình sự và dân sự.-31.

Grê-goa (Grégoire), Hăng-ti (1760-1831) - linh mục, tham gia cuộc cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, tham phái Giám-cáo-banh.-541, 560.

Grô-nô (Grach), Ê - quan chức tòa thị chính ở Tơ-ri-a, phụ trách những vấn đề về hộ tịch.-905.

Grô-ni-ô-n, Phan-xi-ê-ô (khoảng thế kỷ XII) - tu sĩ I-ta-li-a, tác giả một cuốn khảo cứu về luật của giáo hội.-31.

Grúp-pơ (Gruppe), Ô-lô Phri-đrich (1804-1876) - nhà chính luận và nhà triết học Đức, năm 1842 đã đọc lại văn đã kích chống lại B. Rau-ơ.-423-429.

Gư-rê (Görres), I-ô-han-mê-ti I-ô-dáp Phôn (1776-1848) - nhà văn Đức, nhà ngữ văn học và nhà sử học, người ủng hộ Thiên chúa giáo.-612.

Guê-ghe-n (Gögen) - mục sư hoặc thư ký toà án ở Tơ-ri-a.-1024.

Guê-t-ti-n-ô (Goettling), Cáo Vin-hem (1793-1869) - nhà ngữ văn học Đức, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Giê-na.-1029

Gư-ét (Goudet), Mác-xi-rít Ê-li (1756-1794) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-549.

Gư-m-x-tơ (Günster) - luật sư ở Tơ-ri-a.-1016.

H

Hu-ma-kê (Hummeler), Vin-hem (1808-1876) - nhà sử phạm Đức, từ 1835 là thầy giáo dạy tiếng Đức tại trường Trung học Tơ-ri-a.-1037.

Hu-vi-n - tháng đầu ở A-ten chừng năm 308-307 trước công nguyên.-22.

Hê-đê-nhê-gơ (Hardenberg), Cáo Au-gu-xi-ô, công tước (1750-1822) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đã tiến hành một loạt cải cách tự do nhân văn (1810-1813) nhằm củng cố nhà nước Phổ.-506.

Hê-m-ơ (Heim) - người truyền giáo.-1057.

Hê-n-ri-kh-xi-út (Henneccius), I-ô-han Giô-híp (1681-1741) - luật sư Đức, tác giả

các tác phẩm viết về lịch sử luật pháp La Mã.-22

Hai-nơ (Heine), Hen-ri-ích (1797-1866) - nhà thơ cách mạng vĩ đại của Đức.-30.

Hai-tinh-gơ (Heussner), A-ma-li-a (1803-1884) - nữ nghệ sĩ Đức.-102.

Hai-đơ (Heide), Phút-đi-năng (tên-ben-phơ) (1766-1851) - nhà ngữ văn học người Đức, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Göttingen.-109.

Héc-ma-n (Heermann) - tước của Mác.-1108.

Héc-me-ơ ở Xmiéc-na (khoảng 200 trước công nguyên) - nhà văn cổ Hy Lạp, tác giả viết tiểu sử các nhà triết học cổ.-354.

Héc-nét (Herwegh), Ghê-ốc (1817-1876) - nhà thơ nổi tiếng của Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản.-618, 474

Héc-mi-lít (Hé-kê VI) - một người hầu cận của An-hô-ni.-673, 677-684.

Hép-ghet (Heffler), Áp-ga-xto Vin-hem (1796-1880) - luật sư Đức.-1097.

Hê-đi-êr (khoảng thế kỷ VII trước công nguyên) - nhà thơ cổ Hy Lạp, đại biểu cho các sách làm viết về lý luận dạy học.-85, 242.

Hê-ghe (Hegel), Ghê-ốc Vin-hem Phri-đrich (1770-1831) - nhà triết học lớn nhất của Đức, người theo chủ nghĩa duy tâm khách quan, phát triển một cách toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm.-29-34, 103, 204-210, 212, 218, 276, 270-412, 664, 551, 824, 826, 890, 1101

Hê-ra-clít (khoảng 540 - khoảng 480 trước công nguyên) - nhà triết học kiệt xuất cổ Hy Lạp, một trong những người đặt nền móng cho phép biện chứng, nhà duy vật tư phát.-206, 284

Hê-rô-đốt - người cùng thời và học trò của Ê-xê-quy-a.-68, 67, 235, 316, 323, 332, 334, 340, 404.

Hê-um (Hume), Đa-vít (1711-1776) - nhà triết học Anh, theo chủ nghĩa duy tâm chủ quan, tin vào thuyết bất khả tri; nhà sử học và nhà kinh tế học của giai cấp tư sản.-277, 806.

Hép-đô-crát (khoảng 460 - khoảng 377 trước công nguyên) - bác sĩ nổi tiếng cổ Hy Lạp, một trong những người sáng lập nền y học cổ đại.-114

Hê-me - nhà thơ viết trường ca nổi truyền thuyết cổ Hy Lạp, tác giả "T-li-ai" và "Ô-lít-xê".-87, 88, 182, 236, 242, 286, 288, 267, 628, 774, 1027.

Hê-ra-ơ (Kính-tôi) Hê-ra-xi-ô-lí (Phân-cô) (65-8 trước công nguyên) - nhà thơ lớn thế La Mã.-1004

Hôm-ma (Hommec), I-ô-đép Lút-tích A-lô-n Phan (1769-1836) - giáo chủ ở Túc-via.-1024.

Holbach (Holbach), Pôn Hông-ri (1723-1789) - nhà triết học Pháp nổi tiếng, đại biểu của chủ nghĩa duy vật này mực, theo chủ nghĩa vô thần, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản cách mạng Pháp.-109.

Hôp-ma (Hoffmann) - học viên của Mác ở Tơ-ria.-1021.

Hôp-man (Hoffmann), Êc-ma-xit Tê-ô-đô A-ma-đây (1776-1822) - nhà văn Đức.-909.

Hôp-bơ (Hobbes), Tô-mát (1588-1679) - nhà triết học nổi tiếng người Anh, đại biểu của chủ nghĩa duy vật này mực; quan điểm chính trị - xã hội của Hôp-bơ nổi bật ở khuynh hướng phản dân chủ rõ rệt.-182

I

I-an (Jahn), I-ô-han Cri-xi-an (1797-1847) - giảng viên và nhà ngữ văn học, một trong những người xuất bản 'Archiv für Philologie und Pädagogik'.-381.

I-đô-ma-nây ở Lam-péc (khoảng 326-270 trước công nguyên), nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của Ê-pi-cu-rơ.-223, 226.

I-đô-ni-ghe-n (Jahnigen) - luật sư Đức.-1029, 1037, 1038, 1042, 1054, 1064.

I-đô-ni-ghe-n (Jahnigen) - vợ của I-đô-ni-ghe-n người vừa nói trên.-1054.

I-rô-đây (khoảng 130 - khoảng 202) - nhà thần học theo Cơ đốc giáo, từ năm 177 là giáo chủ ở La-ô-gi; là người chống lại tà giáo và luận giải cho thuyết giáo điều Cơ đốc giáo.-908.

I-rê-ni-ô (Irenaeus) (khoảng 155-1125) - luật sư, người công lập ra trường phái tư điển cổ ngữ ở Bô-lô-nhe.-903

K

Kê-xanh (Keraint), Ác-măng Ghê-Xi-mông, bá tước Đồ (1742-1793) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái (hàng) danh.-341, 350.

Ki-ô-pơ (Köpper) (chết năm 1830) - giáo viên dạy các bộ môn về tôn giáo tại trường Trung học Tơ-ria.-1007.

Khri-p-đíp (khoảng 280 - khoảng 295 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa Khẩu kỷ.-238, 242, 318, 408.

Khốp-pen (Köppen), Các Phê-đrích (1808-1885) - nhà chính luận cấp tiến và nhà sử học Đức, theo phái Hê-ghe-n trẻ.-276.

Khê-nô-cơ-rít ở Hân-kê-đôn (khoảng 396-314 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của Pít-a-gôa, đứng đầu Viện hàn lâm cổ (339-314 trước công nguyên).-141.

Khê-nô-phôn ở Cê-lê-phôn (khoảng 380-470 trước công nguyên) - nhà triết học

và nhà thơ cổ Hy Lạp, đại biểu của chủ nghĩa duy vật siêu hình, người sáng lập trường phái Ê-lây.-217, 337, 358, 401.

Kxi-lan-đơ (Xylander), Giu-len-môt (1532-1576) - nhà xuất bản và người dịch các tác phẩm của Plu-tác-sơ và của các nhà văn Hy Lạp khác ra tiếng Latinh.-98, 137, 358, 409.

L

La-croa (Lacroix), Giăng Phrang-xoa (1754-1794) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, ủng hộ Đàng-lông.-525, 581.

La-ti-sơ - tên của hai phụ nữ cổ Hy Lạp có học vấn, không lấy chồng, sống vào nửa cuối thế kỷ V - đầu thế kỷ IV trước công nguyên.-276.

La-mác-tin (Lamartine), An-phông-xơ (1790-1869) - nhà thơ Pháp, nhà xã học và nhà hoạt động chính trị, trong những năm 40 là phần tử tự do.-534.

La-mét (Lameth), A-lếch-xan-đơ (1760-1839) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Quốc hội lập hiến, một trong những người đứng đầu phái lập hiến ôn hoà (phái Phê-li-ăng), sau khi chế độ quân chủ bị lật đổ đã chạy khỏi nước Pháp.-540, 648.

La-mét (Lameth), Sác-lơ (1757-1832) - nhà hoạt động của cuộc cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, anh của A. La-mét, đại biểu Quốc hội lập hiến, theo phái Phê-li-ăng; sau khi chế độ quân chủ bị lật đổ đã chạy khỏi nước Pháp.-540, 589.

La-mơ-nơ (Lamennais), Phê-li-xi-tê (1782-1854) - tu viện trưởng, người Pháp, nhà chính luận, nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo.-634.

La-phêc-giơ (Laffargue), Mác-ri (nguyên họ là Ca-pen) (1816-1882) - người bị buộc tội đầu độc chống mình.-1108.

La-phay-ét (La Fayette), Mác-ri Giô-đép Đôn (1757-1834) - tướng Pháp, một trong những lãnh tụ của giai cấp đại tư sản trong thời kỳ cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII và trong cuộc cách mạng tháng Bảy 1830.-697.

La-ri-vi-ê-rơ (Larivière), Piere Phrang-xoa (1761-1838) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh, sau ngày 9 tháng Nôan ủng hộ việc khôi phục chế độ quân chủ.-604.

La Xuơ-cơ (La Source), Mác-ri Du-viê An-bơ-nơ (1782-1793) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-666-669.

Lai-bơ-nít-xơ (Leibniz), Gôt-phrê Vin-hem (1646-1716) - nhà toán học vĩ đại Đức, nhà triết học duy tâm.-186.

Lan-sen-lô-ti (Lancelotti), Gi Pao-lô (1811-1891) - luật sư I-ta-li-a, giáo sư giảng dạy về luật của giáo hội.-41.

Lan-xi-trơ-lê (Lamizolle), Céc-ile Vin-hem Phê-nơ (1796-1871) - luật gia Đức, tác giả các tác phẩm viết về lịch sử các quốc gia ở Đức.-1038.

Lau-thơ-bách (Lauterbach), Văn-pho-găng A-đam (1618-1676) - luật gia Đức, tác giả các tác phẩm viết về luật pháp La Mã.-31.

Lông-giuy-nơ (Lanjuinais), Giăng Đê-ni, bà tước (1763-1827) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-640, 664.

Lép-láp (thế kỷ V trước công nguyên) - nhà triết học duy vật xuất sắc thời cổ Hy Lạp, người khởi đầu thuyết nguyên tử.-214, 226, 236, 247, 314, 318, 319, 325, 362, 385, 378, 384-381.

Lét-xinh (Lessing), Gớt-khôn-đơ Ê-phra-im (1729-1781) - nhà văn Đức vĩ đại, nhà phê bình và nhà triết học, một trong những nhà khai sáng nổi tiếng thế kỷ XVIII.-28.

Lê-ông-tây ô Lê-mô-xiê (khoảng thế kỷ III trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của Ê-pi-cu-rơ.-138, 246, 356.

Lê-xi-phơ (*Hép-xi-phơ*) (thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, môn đồ của Đê-mô-cri-tơ.-384.

Lích-ten-xtây-nơ (Lichtenstein), Mắc-tin Hen-rích Các (1786-1867) - hiệu phó được uỷ quyền của chính phủ hoàng gia tại trường Đại học Tổng hợp Béc-lin.-1022.

Lô-ơc (Loche), Giôn (1632-1704) - nhà triết học người Anh, người theo thuyết nhị nguyên, nhà kinh tế học.-906, 1011.

Lơ-pê-ti-ơ-vơ Đơ Xanh Phốc-giê (Le Peletier de Saint - Fargeau), MÊ-sen (1760-1793) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-a-cô-binh.-640, 656.

Lơ-vét-xơ (Lavanneur de la Barthe), Rô-nê (1747-1834) - bác sĩ, nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-a-cô-binh, tác giả hồi ký viết về cách mạng Pháp.-636, 656, 661.

Lư-cơ-sơ (Ti-vết Lư-cơ-xơ Ca-rô) (khoảng 99 - khoảng 55 trước công nguyên) - nhà triết học và nhà thơ nổi tiếng La Mã, nhà duy vật theo chủ nghĩa vô thần.-64, 106, 132, 166, 164-171, 182, 193, 306, 307, 312, 316, 323, 336, 384, 340, 361-367, 382, 693, 397, 395-402, 408.

Lư-i XVI (1754-1793) - vua Pháp (1774-1792), bị xử tử hình trong thời gian cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII.-556.

Lư-i XVIII (1755-1824) - vua Pháp (1814-1815 và 1815-1824).-631.

Lư-i-đơ (1776-1810) - vợ của vua Phổ Phri-đrich Vin-hem III (1785-1810).-1048.

Lư-i-Phi-líp (1773-1850) - công tước Ôc-lê-ăng, vua Pháp (1830-1848).-621, 906.

Lư-thơ (Luther), Mắc-tin (1483-1546) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào Cải cách tôn giáo, người sáng lập đạo Tin lành (giáo phái Lư-thơ) ở Đức; nhà tư tưởng của giới thị dân Đức.- 324, 462.

Lafont (Lafont de Courcay), Giang Ba-ta-xơ (1790-1793) - nhà văn và nhà hoạt động chính trị Pháp trong cuộc cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-543, 544, 551-555

Laubach (Laubach), I-ô-han Van-hem (1786-1863) - nhà sử học Đức, trưởng khoa triết trường Đại học Tổng hợp Han - 1028

Loebner (Loebner), Vi-tu-xơ (chết năm 1802) - nhà ngữ văn học Đức, giáo viên ngôn ngữ tại trường Trung học Tô-ri-a, từ năm 1835 là giám đốc thư hai của trường trung học.-1007, 1011.

Ludwig (Ludwig), Hen-ri-ét (1780-1847) - nhà sử học tư sản Đức, giáo sư ở Giê-na.-28, 1098.

M

Marsin (Marsin), Giang Pôn (1743-1793) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của phái Gi-a-cô-ba-nh.-559-564, 567-568.

Maria Xiu-đi (1842-1887) - nữ hoàng Xiôn-len (1860-1887).-336-341

Mari-út, Cai-út (khoảng 104-88 trước công nguyên) - tướng La Mã và nhà hoạt động nhà nước, quân chấp chính.-370

Moe (Moe), Ca-rô-li-na (1834-1847) - em của Các Mác.-1083.

Mác (Marx), Ê-đi-ô (1828-1837) - em của Các Mác.-33, 1014, 1032, 1051, 1084, 1078, 1087.

Mác (Marx), Ê-ma-li-a (1822-1888) - em của Các Mác.-1084.

Mác (Marx), Héc-môn (1819-1842) - em của Các Mác.-1031, 1066.

Mác (Marx), Hen-ri-ét-ta (1787-1863) - mẹ của Các Mác.-33, 1008, 1014, 1016, 1018, 1019, 1020, 1024, 1031, 1037, 1050-1055, 1065-1066, 1078, 1082-1083.

Mác (Marx), Hen-ri-ét-ta (1820-1846) - em của Các Mác.- 99, 1084.

Mác (Marx), Hen-ri-ét (1777-1838) - cha của Các Mác, luật sư, cố vấn tư pháp tại Tô-ri-a.-19, 20, 31-35, 745, 924, 991, 1007-1016, 1020-1038, 1039-1043, 1044-1095.

Mác (Marx), Lu-i-sa (1821-1893) - em của Các Mác.-1083.

Mác (Marx), Xa-phi (1816-1886) - chị của Các Mác.-1036, 1038, 1046, 1086.

Mác-tin Tuốc-xki (khoảng 216-400) - theo tục truyền của đạo Cơ Đốc là vị thành.-690, 892

Mác-sác-đây - nhà triết học cổ Hy Lạp, người cùng thời và học trò của Ê-pi-quy-a.-44, 328.

Mác-rô-bô-dô ở Hi-đi-xo (khoảng thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của Đê-mô-cri-t.-93, 219-224, 296, 328, 364, 396

Mác-rô-bô-dô ở Lam-pác (khoảng 331-278 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, học trò của Ê-pi-quy-a.-118

Mê-tơ-mô-ti, Gai Tai-ni (sinh khoảng năm 74-64 - chết năm 10 hoặc trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, một trong những phụ tá của hoàng đế Ô-guy-xt.-1003.

Mê-m-mi (thế kỷ thứ nhất trước công nguyên), Gai - nhà hùng biện, diễn giả và nhà thơ La Mã.-392.

Mê-đem (Medem) - thư ký trưởng Đại học Tổng hợp Héc-tin.-1008.

Mô-đen (Mosen), I-u-li-út (1802-1867) - nhà văn Đức.-472, 474

Môi-rin (Mourin) - vợ của Môi-rin.-1030, 1037, 1042, 1049, 1064.

Môi-rin (Mourin), Phôn - viên chức cao cấp của tổng nha tài chính.-1043.

Muy-len-bruych (Mühlenbruch), Cri-xt-ian Phri-drich (1785-1843) - luật sư Đức, chuyên gia về luật pháp La Mã.-31

Muy-ler (Müller) - công chứng viên ở Tô-rin.-1021, 1024.

N

Nê-pi-a (Napier), Sác-ke (1786-1860) - thầy tư đố đức Anh.-1102.

Nê-ph-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769-1821) - hoàng đế Pháp (1804-1814 và 1815).-699, 701, 906, 1049.

Nê-lơ (Neil), Chê-ơ-đơ Phri-drich Phôn - chủ hàng buôn bán gỗ ở Tô-rin.-1031.

Nê-b-cô (thế kỷ IV trước công nguyên) - chủ của Ê-pi-quy-a.-358.

Nê-rông Cáp-đi Xi-da (37-68) - hoàng đế La Mã (64-68).-1001, 1102.

Ni-cô-lai ở Đa-na-xa (sinh khoảng 66 trước công nguyên) - nhà sử học và triết học cổ Hy Lạp, môn đồ của A-P-lô-xi.-41, 286, 365.

Nicô-lai (Nicolaï), Phê-rích (1733-1811) - nhà văn Đức, ủng hộ "chế độ chuyên chế có học vấn", trong triết học là người chống Can-tơ và Phê-xtơ.-206.

Ni-tơn (Newton), I-xắc (1642-1727) - nhà vật lý vĩ đại Anh, nhà thiên văn học và toán học, người sáng lập môn cơ học cổ điển.-1011.

Nô-tơ (Notz), Hen-rích Phôn (khoảng 1818-1848) - người bạn cùng lớp với C.Mác, học ở Bon và Bôc-lin.-1043.

Nuy-ten-bê-ơ (Nürnberg), I-ô-han Bêp-ti-xtơ Các-lơ (1762-1807) - giáo sư triết học và toán học ở Đôn-nuy-đơ.-315.

O

Ô-guy-xtanh (tên được gọi là "kê u má") (334-430) - nhà thần học cơ đốc giáo và người theo triết học duy tâm, người truyền giáo đầu tranh cho thế giới quan tôn giáo.-302, 383.

Ô-guy-xtơ (Augustus), Cai-ô-li I-ô-li-ét Xê-nô, Ô-xi-ô-vi-an Ô-guy-xtơ (63 trước công nguyên -14 sau công nguyên), hoàng đế La Mã (27 trước công nguyên -14 sau công nguyên) -893, 999-1001.

Ô-xi-ghe-n (Ô-xi-ghe-n ở A-lếch-xăng-dria) (khoảng 188 - khoảng 264) - nhà thần học Cơ Đốc giáo, một trong những "người cha của giáo hội" -308

Ô-vi-di-út (Pu-bli-út Ô-vi-di-út Nê-dôn) (43 trước công nguyên - khoảng 17 sau công nguyên) - nhà thơ nổi tiếng La Mã.-28, 769, 776, 894, 904.

Ô-xi-ô-vi-an - xem *Ô-guy-xtơ*.

Ô-pen-hai-mơ (Oppenheim), Đa-gô-béc (1809-1869) - nhà chính luận Đức, một trong những người chịu trách nhiệm xuất bản tờ "Rheinische Zeitung".-1168.

Ô-pen-hêp (Oppenheim) thư ký trưởng Đại học Tổng hợp Bon.-1028.

P

Pa-ơ (Pache), Gông Xi-cô-lơ (1746-1823) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, theo phái Gi-a-cô-banh, bộ trưởng chiến tranh và thủ tướng Pa-ri (tháng Mười 1792 - tháng Năm 1794).-645, 655, 658.

Pa-xi (Pavlov), Gư-y-lô (1534-1635) - luật gia I-La-li-n.-903.

Pa-cơ-mô-nit ở Ê-lây (cuối thế kỷ VI - đầu thế kỷ thứ V trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, đại biểu của chủ nghĩa duy vật siêu hình.-147, 298, 360.

Pê-chi-ông (Pétion de Villeneuve), Giê-rôm (1764-1794) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, từ năm 1792 là thị trưởng Pa-ri, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-537, 538, 549, 550, 564.

Pê-tơ-rơ (Petrasch), Các-lơ - viên chức ở To-ri.-391.

Phê-mi-xô-nô (khoảng 525 - khoảng 660 trước công nguyên) - nhà hoạt động nhà nước và thống soái cổ Hy Lạp trong thời kỳ chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư, người ủng hộ nền dân chủ chủ nô.-202.

Phi-líp Ê-ga-li-ê (Philippe Egalité), Lu-i Phi-líp Giô-dép (1747-1793) - anh em họ với vua Pháp Lu-i XVI, năm 1793 chạy sang phía bắc mạng, đại biểu Hội nghị Quốc ước.-542, 543, 551, 558.

Phi-líp II Ma-nê-đoa (382-336 trước công nguyên) - vua xứ Ma-xê-đôn cổ.-387.

Phi-líp-pô (Philippus), Pi-a Ni-cô-lai (1754-1794) - nhà hoạt động cầm đầu cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gia-cô-banh cách bấu, ứng hộ Đổng-tổng.-542, 543, 552, 526.

Phi-lô-pôn (hay còn gọi là I-ô-han Gram-na-tích) (cuối thế kỷ V - đầu thế kỷ VI) - nhà triết học duy tâm và thần học Hy Lạp.-317, 388, 382.

Phi-ơ (Fichte), I-ô-han Gớt-típ (1762-1814) - nhà triết học Đức duy tâm chủ quan.-23, 238, 235, 909.

Phi-ơ-béc (Feuerbach), An-đơ-na (1775-1832) - luật gia Đức, chuyên gia về luật hình sự; cha của L. Phi-ơ-béc.-31.

Phi-ơ-béc (Feuerbach), Lôi-vích (1804-1872) - nhà triết học duy vật lớn nhất của Đức thời kỳ trước Mác.-79, 399, 523.

Phi-ơ-tác (Freytag), Ghê-rôc Vin-hen (1768-1861) - nhà Đông phương học, giám đốc trường Đại học Tổng hợp Bonn.-1028.

Phi-ran-clin (Franklin), Ben-gia-min (1706-1790) - nhà hoạt động chính trị nổi

tiếng người Mỹ và nhà ngoại giao, nhà dân chủ tư sản, nhà bác học lớn.-890.

Phi-rơ (Fries), I-a-côp Phi-rơ-trích (1773-1843) - nhà triết học Đức, giảng viên trưởng Đại học Tổng hợp Giôn-na.-1089.

Phi-rơ-trích Côt-ê, hoàng tử (1828-1835) - tướng Phổ, sau này là đại nguyên soái.-1056.

Phi-rơ-trích - Vin-hen III (1779-1840) - vua Phổ (1797-1840).-482.

Phi-rơ-trích - Vin-hen IV (1796-1861) - vua Phổ (1840-1861).-446, 445, 483, 480.

Phi-rơ-trích II (còn gọi là "Đại đế") (1712-1763) - vua Phổ (1740-1763).-482.

Phi-ơ-đơ (Fould), A-sin (1800-1867) - chủ ngân hàng và nhà hoạt động chính trị Pháp, theo phái Ôc-lơ-ăng, sau này theo phái Đô-na-pác-tơ; năm 1848-1867 đã nhiều lần giữ chức bộ trưởng tài chính.-483.

Phi-ơc-ni-ê (Fouquier), Clôt (biệt danh Phu-rơ-ni-ê - người Mỹ) (1745-1815) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, theo phái Gớt-tê-li-ê.-558.

Phi-phốc-cơ - người cùng thời và học trò của Ê-pi-cu-rơ.-71, 223, 299, 374, 340, 404.

Phi-rân (khoảng 346 - khoảng 270 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, người đặt nền móng cho chủ nghĩa hoài nghi cổ đại.-87-88, 383.

Pi-ta-go (khoảng 671-197 trước công nguyên) - nhà toán học cổ Hy Lạp, nhà triết học duy tâm, nhà tư tưởng của giới quý tộc chủ nô.-86.

Plô-tôn (khoảng 201-270) - nhà triết học thần bí, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa Platon mới.-214.

Plô-tôn (khoảng 427 - khoảng 347 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp; nhà tư tưởng của giới quý tộc chủ nô.-103-107, 141, 148-151, 200, 205, 207-216, 228, 266, 377, 379, 393

Ni-mi-út Cui (Cai-út Plô-mi-đi Xê-xi-li-út Xê-cun-đu-xô) (khoảng 52 - khoảng 114) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn cổ Hy Lạp.-1213.

Plô-tô-c-rô (khoảng 46 - khoảng 127) - nhà văn, nhà toán lý học, nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp.-67, 93, 94, 103-128, 131-140, 146-165, 165, 168, 250, 276, 277, 288, 306, 312, 315, 317, 326, 331, 384-386, 389-397, 398, 399, 406, 409, 410.

Pô-li-en ở Lam-pê-xi - nhà toán học và triết học cổ Hy Lạp, người cùng thời và học trò của Ê-pi-cu-rơ.-222.

Pô-xi-đô-ni ở Apa-enkô (khoảng 126 - khoảng 61 trước công nguyên) - nhà triết học, khắc kỷ cổ Hy Lạp.-41, 286, 353.

Prô-clô-phân (thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, nhà ngữ pháp học, môn đồ của A-rít-xtô.-364.

Prô-pê-xi, Xôch-xôn (khoảng 49 - khoảng 16 trước công nguyên) - nhà thơ trữ tình La Mã.-1027.

Prô-ta-go ở Áp-ê-ra (khoảng 450 - khoảng 411 trước công nguyên) - nhà triết học duy biện cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của phái dân chủ chủ nô.-214, 240.

Pu-gô (Puggô), Ê-đu-êc (1602-1836) - luật sư Đức, giáo sư luật pháp ở Bon, học trò của Xa-vi-êrô.-1027, 1028.

Pu-xu-ê-nơ-Glâm-xôp (Pustukhen Głanzow), I-ô-han Phri-đrich Vin-hem (1798-1834) - nhà văn Đức, tác giả các bài thơ văn nhạc là một cách rung về vẻ đẹp học quần sách của Go-ét "Vin-hem Mâu-xô" -828.

Q

Quê-nôp (Quodnow), Céc Phri-đrich (1780-1856) - cô bé là cố vấn chấp hành và cố vấn xây dựng ở Tô-rin.- 257

R

Ra-be (Rabe) - bạn của cha Céc Mác.-1025.

Rau-pe-lô-rê (Raupach), Êc-ne-rô (1784-1852) - nhà soạn kịch cung đình Phổ.- 890, 906

Rây-khác (Reinhard) - cổ vấn pháp lý cơ mật, luật sư.-1030, 1064.

Rây-ma-rút (Rimarut), Hôn-nan Xa-mu-ên (1694-1768) - nhà triết học thần luận và nhà ngữ văn học Đức, đại biểu của phong trào khai sáng thế kỷ XVIII ở Đức.-31.

Rây-nô-lôn-đô (Reinhold), Êc-nô-xtơ Cr-xi-an Gớt-Típ (1793-1855) - nhà triết học Đức, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Giê-na.-1099

Rê-bêc-kê (Rebecqui), Phrang-xơ Trê-phim (1750-1794) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-542, 551

Rê-nắc (Remard) (1802-1863) - nhà buôn bán sách ở Khuyển, trên danh nghĩa là tổng biên tập chịu trách nhiệm của tờ "Rheinische Zeitung".-489.

Rê-phu-xơ (Rehless), Phi-líp I-ô-dép Phôn (1778-1843) - người được ủy quyền bất thường của chính phủ và là người giám sát trường Đại học Tổng hợp Bon.-1029.

Ri-êr III (1452-1485) - vua Anh (1483-1485), người cuối cùng của triều đại I-nôc. Một nhân vật trong bí kịch lịch sử của Sách-xpơ "Ri-êr III" -887

Rích-ê-xơ (Ricks), I-ô-han An-tôn - người chống kiến việc lập đảng kỷ kết hôn giữa Mác và G. Phôn Ve-xơ-pha-lôn.-111.

Rút-ơ (Rutser), Các (1779-1859) - nhà địa lý Đức, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Béc-lin.-1097.

Rút-ơ (Ritter), Hen-rích (1791-1868) - nhà nghiên cứu lịch sử triết học Đức, theo các quan điểm duy tâm - tôn giáo.-97, 214, 215, 317, 359, 368, 390

Ri-ô-rê (Riasio, Riccio) (khoảng 1533-1566) - thư ký của Ma-ri Xit-lu-ê.-936-941.

Rô-be-xpi-ê (Robespierre), Mác-xi-mi-li-ên (1758-1794) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ của phái Gi-ê-cô-banh, đồng đầu chính phủ cách mạng (1793-1794) -639-644, 647, 651, 654, 656, 660.

Rô-đê-man-đô (thế kỷ VI) - con gái đức vua những người Hê-ét Cu-na-mun-đơ.-655, 670-676, 679, 680, 684.

Rô-đi-nê (Bonini), Các-lô Ma-ti-a (1748-1836) - nhà sử học, và kiến trúc học I-ta-li-a, người bình luận và xuất bản các tác phẩm của Ê-pi-quy-ra.-319, 390.

Rô-bê-đô (Robur), Cu-xáp (1792-1847) - bộ trưởng nội vụ Phổ (1831-1842).-506.

Rô-lăng (Roland de la Platière), Giăng Ma-ri (1734-1793) - nhà hoạt động cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, bộ trưởng

Nô-vi, một trong những người đồng đội phái Gi-rông-danh.-540-545, 552-554

Ku-đơc-phô (Kudorf), A-đôn-phô Phri-đrich (1803-1875) - giáo sư luật pháp Đức, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Héc-lơ.-1097.

Ru-gơ (Rugé), Ác-nôn (1802-1880) - nhà chính luận Đức, theo phái Hê-gen-trê, phần tử cấp tiến tư tưởng; sau năm 1866 là người theo phái tự do - dân tộc.-1098

Ru-ten-bêc (Rutenberg), A-đôn-phô (1806-1888) - nhà chính luận Đức, theo phái Hê-gen-trê; sau năm 1866 là phần tử tư do - dân tộc.-32, 33, 464

S

Sa-bô (Chabot), Phráng-xon (1759-1794) - nhà mỵ, tham gia cuộc cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-ơ-banh - nôê.-

Sa-lê (Salles), Giảng Ba-ti-xtơ (1789-1794) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, thuộc phái Gi-rông-danh.-554.

Sa-mi-nô (Chamisso), A-dan-bêc Phôn (1781-1839) - nhà thơ lãng mạn Đức, chống lại chủ trương phân động phong kiến.-32

Sax-ô-ma-nô (khoảng 742-814) - vua Phráng-cô (758-800) và hoàng đế (800-814).-886

Sép-gơ (Schaper), I-u-xít-ti Vin-hem Ê-đua-éc Phôn (1792-1868) - một trong những đại biểu của giới quan liêu Phổ; tỉnh trưởng tỉnh Ranh.-658, 661.

Sơ-nê (Schubach), I-ô-han Cơn-nô (1764-1849) - nhà thiên văn Đức, tác giả các công trình nghiên cứu học sử thiên văn học cổ.-236, 304, 323-327, 381, 396.

Sê-ti-nh (Sehelling), Phri-đrich Vin-hem (1775-1854) - nhà triết học Đức, đại biểu của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, sau này là kẻ thù nguy hiểm của khoa học, người bảo vệ tôn giáo.-70, 412, 414.

Sếch-spi-a (Shakespeare), Uy-li-am, (1564-1616) - nhà văn vĩ đại Anh.-438, 446, 469, 470, 503, 514, 887, 905.

Sép-phơ (Schäfer) - có lẽ đây là Hê-khê-ôn Sếp-phơ (1799-1847), giáo viên trường Trung học Tê-rin, chuyên về vật học.-1023.

Sê-lơ (Schiller), Phri-đrich (1759-1805) - nhà thơ lớn của Đức.-474, 827, 828, 904, 925, 1018.

Sếp-Âc (Schleicher) - học sĩ ở Khâm.-1100.

Sê-gi-ên (Schlegel), Phri-đrich Phôn (1772 - 1829) - nhà phê bình văn học, nhà ngữ văn học và nhà thơ Đức, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa lãng mạn.-206, 1017.

Slichser (Slichtek), A-lô-ét - thầy giáo dạy hát tại trường Trung học Tô-rin (1829 - 1838).-1011.

Smít (Schmidt), Các-le - người được ủy thác của hãng buôn bán sách của I-u-li-út Vun-đơ ở Lai-pétch.-33.

Smít-han-nơ (Schmidtanner) - quan bồi thẩm ở Héc-lin, người bạn của C.Mác.-33.

Snai-đơ (Schneider), I-ô-ban Gô-lốp (1760 - 1822) - nhà ngữ văn học Đức, tác giả các công trình nghiên cứu về lịch sử khoa học tự nhiên cổ đại.-316.

Snai-t-man (Schneemann), I-ô-ban Ghéc-béc (1794 - 1884) - nhà sử học, thầy giáo của trường Trung học Tô-rin.-1007.

Sri-ơ (Schröter) - cô là là con trai của Sri-ơ cổ vạm chính phủ ở Tô-rin và có văn toà án tôn giáo, người mà Hen-riét Mác có quen biết.-1042.

Sri-ơ (Schleier) - thành viên gia đình Sri-ơ.-1042.

Stai-minh-ơ (Steininger), I-ô-ban (1794-1874) - giáo viên dạy toán và vật lý tại trường Trung học Tô-rin, nhà địa chất.-1007.

Stei-ơ (Stein), Hen-riét Phri-drích Các-lơ (1787-1831) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, nhà canh tân, trong những năm 1804 - 1808 giữ nhiều chức vụ quan trọng.-508.

Sten (Stahl), Phri-drích I-u-li-út (1802-1861) - luật gia Đức và nhà hoạt động chính trị theo khuynh hướng tả phản động, từ năm 1840 là giáo sư trưởng Đại học Tổng hợp Béc-lin.-507.

Strova-ơ (Strauß), Đa-vít Phri-drích (1808-1874) - nhà triết học và nhà chính luận Đức, một trong những đại biểu nổi tiếng của phái Hê-ghe-n trở; sau 1866 là phần tử tự do - dân tộc.-523.

Suôn (Schön), Hen-riét Tã-ô-da Phôn (1774-1858) - nhà hoạt động nhà nước Phổ.-506.

Sun-ơ (Schulze), Phri-drích Gô-lốp (1795-1860) - giảng viên khoa triết tại Trường Đại học Tổng hợp Giê-nơ.-1009.

Sven-đơ (Schwendler), Hen-riét (1782-1847) - nhà mục, thầy giáo dạy tiếng Pháp tại trường Trung học Tô-rin.-1017.

T

Ta-đét ở Mi-lét (khoảng 624 - khoảng 547 trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, người khởi xướng trường phái duy vật tự phát Mi-lét.-85, 208.

Ta-li-ên (Tallien), Giăng Lam-béc (1769-1820) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, đại biểu cho phái "Đám Mây", một trong những người tham gia chính vào cuộc đảo chính tháng Nóng.-538.

Ta-sút (Pu-bi-ét Cóc-nê-li-ét Ta-sút) (khoảng 66 - khoảng 120) - nhà sử học nổi tiếng La Mã.-28, 1004.

Tan-ma (Talma), Phông-sơn Gô-đôp (1763-1826) - nghệ sĩ Pháp.-751.

Tê-mi-xi-út (thế kỷ IV) - nhà triết học Hy Lạp, người bình luận A-ri-xtô.-376, 377.

Ti-bê (Thibaut), An-dôn Phri-đrich Iu-xta-xô (1772-1840) - luật gia Đức, chuyên gia về luật dân sự, nhà sử học và phê bình luật pháp La Mã.-22.

Ti-ren-đê-len-buốc (Trendelenburg), A-dôn-phô (1802-1872) - nhà triết học duy tâm Đức, tác giả bình chú các tác phẩm của A-ri-xtô.-268, 358.

Tuy-rô-tê (Thuriot), Các-lô A-lếch-xan-đrô (1753-1826) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, một thời gian đã ngã theo phái Gi-rông-danh.-322, 324.

Trum-pê (Zumpt), Các-lô Gô-t-lôp (1792-1849) - nhà ngữ văn học Đức, chuyên về văn học Rô-manh, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Béc-lin.-1098.

V

Va-lô-đơ (Valazé), Séc-lơ Ê-lê-ô-nô-vô duy Phri-ê, công tước Đơ (1751-1793) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-662

Va-lanh-xơ (Valenci), Xi-rây-xô Mă-ni A-lếch-xan-đrô, bá tước Đơ (1757-1822) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, tướng, bạn chiến đấu của Đuy-mu-rê-ê.-556.

Van-ô (Walter), Phê-đi-mông (1784-1870) - luật sư người Đức, trưởng khoa luật trường Đại học Tổng hợp Bon.-1017, 1027, 1028.

Ve-xtô-phô-len (Westphalen), Các-lô-xô Vôn-ne-ra Phôn (1803-1840) - anh em cùng cha khác mẹ với Giôn-ni Phôn Ve-xtô-phô-len, luật sư.-1042.

Ve-xtô-phô-len (Westphalen), Ca-rô-li-na Phôn (chết năm 1836) - mẹ của Giôn-ni Phôn Ve-xtô-phô-len.-1051, 1082, 1085-1089, 1103, 1107, 1111.

Ve-xtô-phô-len (Westphalen), Ê-ti-en Phôn (1819 - khoảng 1890) - em trai của Ca-rô-li Phôn Ve-xtô-phô-len, cùng học với Các Mác.-1056, 1096.

Ve-xtô-phô-len (Westphalen), Giôn-ni Phôn (1814-1881) - từ 1848 là vụ, hạn và trợ chủ của C.Mác.-21, 31-36, 567, 573, 74, 862, 597, 600, 605, 813-822, 840, 851, 861, 863, 887, 891, 894, 909, 913, 917, 922, 924, 928-933, 938, 990, 992, 1032, 1036, 1040-1047, 1051, 1066, 1068, 1071, 1074, 1079, 1085, 1089, 1100-1112.

Ve-xtê-phơ-len (Westphalen), Lúa-vích Phôn (1770-1842) - nhà của Giem-ni Phôn Ve-xtê-phơ-len, cố vấn tư pháp ở To-ri-a -273, 1051, 1080.

Vê-nhi-ô (Vergniaud), Pêc (1753-1793) - nhà hoạt động của cuộc cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu Hội nghị Quốc ước, một trong những thủ lĩnh của phái Gi-rông-danh.-538, 542, 551, 552

Ven-cơ (Waleke), Phri-đêrich Gê-líp (1784-1868) - nhà ngữ văn học Đức, giảng viên trường Đại học Tổng hợp Bonn.-1027.

Vê-dây, Gai (khoảng năm 100 trước công nguyên) - nguyên lễ nghi viên La Mã.-241, 297.

Vê-nin-g - *Inghe-nhai-mơ* (Wenning-Ingenehm), I-ô-han Nê-pô-mi (1749-1821) - luật sư người Đức, giáo sư giảng dạy môn dân luật trường Đại học Tổng hợp Lân-xbút và Đại học Tổng hợp Myn-xen.-31

Vigăng (Wigand), Ô-tô (1766-1870) - nhà xuất bản người Đức và là người biên bản sách, chủ hàng ở Lan-pơch, xuất bản các tác phẩm của các nhà văn cấp tiến.-32.

Vi-en-nơ-bruy-gơ (Wiennebrigg), Cri-xti-an Héc-man (khoảng 1817-1851) - sinh viên khoa triết tại Bonn, sau này là nhà sư phạm ở To-ri-a.-1012.

Viê-gi-ô (Fu-bi-ô Viê-gi-ô-ô Ma-rôn) (70-18 trước công nguyên) - nhà thơ nổi lác La Mã.-897, 1103.

Vin-ken-men (Winkelmann), I-ô-han I-ô-n-khim (1717-1768) - nhà sử học Đức nghiên cứu nghệ thuật thế giới cổ đại, đại biểu của trào lưu khai sáng thế kỷ XVIII ở Đức.-28, 894

Vit-te-n-hê (Wittenbach), I-ô-han Gu-gô (1767-1818) - nhà sử học và nhà sư phạm Đức, hiệu trưởng trường Trung học ở To-ri-a (1816-1846).-1067, 1071.

Vô-băng (Vauban) - nhà của Các Mác và Giem-ni Phôn Ve-xtê-phơ-len ở Bon -1102.

Vôn-phơ (Wold) - thương gia ở Cmi-xơ-nô.-1107.

Vôn-phơ (Wold), Cri-xti-an, nam tước Phôn (1679-1754) - nhà triết học duy tâm Đức, đã hệ thống hoá và truyền bá triết học của Lây-bơ-nít.-908.

Vôn-phơ (Wold), Ô-xen Lút-vích Héc-hê (1769-1851) - nhà văn và nhà nghiên cứu lịch sử văn học, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Giê-nơ (1830-1831), bạn của Hen-ri-ô Hê-nô.-418.

X

Xô-vi-nhi (Savigny), Phri-đêrich Các-ô (1779-1861) - luật gia Đức, đồng đầu trường phái lịch sử luật học phản động.-24, 31, 1098.

Xê-rơ-n (Seruan de Gerbey), Giôn-dép (1741-1808) - nhà hoạt động của cách

mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII. tướng. năm 1782 là bộ trưởng chiến tranh, theo phái Gi-rông-danh.-345, 666.

Xê-da (Cai-ai I-u-lai-it Xê-da) (khoảng 100 - khoảng 14 trước công nguyên) - đại nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng La Mã.-906, 1102.

Xê-nê-xơ (Lu-xi An-mây Xê-nô-xơ) (khoảng 4 trước công nguyên - 63 sau công nguyên) - nhà triết học La Mã, đại biểu nổi tiếng của nhà nghĩa khắc kỷ.-219, 230, 293, 300, 362, 367, 369, 384.

Xêc-xơ Đê-mê-ri-xi (thế kỷ II) - nhà triết học cổ Hy Lạp theo chủ nghĩa hoài nghi.-67, 84-86, 93, 118, 202, 216, 286, 298, 320, 334, 357, 363, 387, 395, 399.

Xi-đây-đê (Sieyès), Ê-nu-nu-ôn (Uô-đúp) (1748-1836) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh đạo đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái lập hiến ôn hoà (phê-li-an).-639.

Xi-lê-ri (Sillery), Sê-lu A-lêch-xi-lê, hầu tước Dô (1737-1793) - nhà hoạt động của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII, tướng, đại biểu Hội nghị Quốc ước, theo phái Gi-rông-danh.-555.

Xi-xê-rông (Mác-ôn Tu-lê Xi-xê-rông) (106-43 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng La Mã, nhà triết học chiết trung.-176, 241, 246, 253, 275, 286, 287, 291, 293, 297, 300-311, 323, 355, 360-366, 380-385, 396.

Xi-nô-pi-ta (thế kỷ VI) - nhà triết học Hy Lạp theo phái Platon mới, nhà bình luận A-ri-xtô.-69.

Xô-cra (khoảng 169 - khoảng 399 trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của phái quy nạp chủ nô.-88, 93-104, 134, 147, 153, 209, 204-208, 213, 228, 284, 286, 337.

Xô-tê-da là A-lêch-xan-đê-a thế kỷ II trước công nguyên) - nhà triết học cổ Hy Lạp, tác giả tác phẩm viết về lịch sử triết học cổ Hy Lạp, môn đồ của A-ni-xtô.-21, 296, 353.

Xpê-rô-đô tôpô-mô-xa, Bê-rôc (Đê-mê-đích-tô) (1632-1677) - nhà triết học duy vật xuất sắc Hà Lan, theo chủ nghĩa vô thần.-167, 210, 313.

Xê-phê-nô (Phlorens), Hê-n-ri-xh (1373-1345) - nhà văn vật học, nhà văn, nhà triết học Đức, gốc gác là người Na Uy.-1096.

Xi-nô-pôn là Mê-gac thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà triết học duy tâm cổ Hy Lạp, môn đồ của Xô-cra.-134, 120, 221-286.

Xi-tô-đây, I-uô-han (khoảng thế kỷ VI) - nhà văn Hy Lạp, người soạn thảo bộ sưu tập lớn các tác phẩm của các tác giả cổ.-224, 231, 235, 290, 299, 317, 326, 334, 385, 389, 376, 380, 387-402.

Xô-đê-n-ô-đê (Swedenborg), Ê-ma-nu-ên (1686-1792) - nhà triết học thần bí Thụy Điển, kẻ phản động cực đoan.-376.

TÊN CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

Á-bra-ham - theo kinh thánh là thầy tổ của người Do Thái. -1166.

Á-ga-xê-re - nhân vật (truyền thuyết, người Do Thái, do phạm trọng tội chống Chúa trời nên phải chịu hình phạt chu đả tới muôn đời ("Già Do Thái mãn kiếp"): hình tượng trong các truyền thuyết thời trung cổ trong cuốn sách diu gia đớt về Già Do Thái mãn kiếp thường gặp trong sách báo nhiều dân tộc châu Âu. -1110

Á-gi-a-xu (To lớn hay Vô đũa) - theo thần thoại cổ Hy Lạp là con trai của Tê-lê-môn, nổi tiếng khỏe và dũng cảm, là người đã chiến đấu trong cuộc Chiến tranh Tô-rôn. -887.

Á-pô-lông (Pháo-bô) - theo thần thoại cổ Hy Lạp là thần ánh sáng, nghệ thuật và lời ca hát. -89, 106, 413, 832, 901, 942

Á-xu-ê - theo thần thoại cổ Hy Lạp là người dũng cảm nhất trong các anh hùng Hy Lạp vào hạ m thành Tô-roe, là một trong những nhân vật chính trong "I-li-át" của Hô-mê. -783

Á-tê-nê Pa-da-xơ - theo thần thoại cổ Hy Lạp là con gái của thần Đôn, là nữ thần chiến tranh, chiến thắng và nghệ thuật dệt. -203, 281, 828, 898.

Á-tơ-ruy-xơ - theo thần thoại cổ Hy Lạp là người canh giữ cửa ngục ngục. -901.

Á-ti-lét - theo thần thoại cổ Hy Lạp là người khổng lồ đã nâng giữ vòm trời trên đôi vai của mình. -340, 404.

Á-tơ-Đa-na-ít - trong thần thoại cổ Hy Lạp là các con gái của vua Đa-na-n, đã giữ chống mình các cô phải chịu hình phạt mà cô phải đổ đầy nước vào cái thùng không đáy. -130, 353.

Cu-pi-đôn - theo truyền thuyết cổ La Mã là thần tình yêu. -475.

Đê-ô - vị thần cao nhất trong thần thoại Hy Lạp, con trai của thần Crê-nê - 154, 181, 203, 232, 278, 782, 828, 848, 943.

Đa-ru-ít - vua Do Thái xưa huyền thoại (cuối thế kỷ XI - khoảng 950 trước công nguyên), người chiến thắng những người Philistim. -828.

Đê-mê-ô-xơ - theo thần thoại cổ Hy Lạp là nữ thần của đất đai phì nhiêu. -151.

Đê-ô-ca-li-ông - trong thần thoại cổ Hy Lạp là con trai của Phô-mô-ô; đã tạo nên loài người mới sau trận đại hồng thủy. -201.

Đi-o-nê - nhân vật trong vở kịch của Mă-re-tô. -1103.

Đôn Tê-cút - nhân vật trong vở kịch của Sếch-spi-a "Vua Ham-let IV" Phần 2. -308

Đi-đi-pa - trong thần thoại cổ Hy Lạp là nhân vật trong tổ khúc Phi-van, nhân vật chính trong ba kịch của Xô-phô-clơ: theo truyền thuyết, là người đã giết cha và trở thành chứng của mẹ mình 1-6-454 - 747.

Đi-đôn - theo thần thoại cổ Hy Lạp là con gái của thần Dục và Le-da, vợ của vua Xpơ-tơ Mô-nô-lin: một tiếng về sắc đẹp tuyệt vời - 907

Đi-ô - trong thần thoại cổ Hy Lạp là người sai khiến nữ - 710.

Đi-ô - theo kinh thánh là vợ của A-đam, do chúa tạc ra từ chiế xương sườn của A-đam. - 105.

Đi-ô-ni, Ác-khê-nê-n - theo truyền thuyết Cu Đốc giáo là một trong bảy "chùm sư" can nhất, trung gian giữa thượng đế và con người - 619, 662.

Đi-ô-ni O-rê-xô - theo huyền thoại là người sáng lập dân Cu Đốc. 204-208, 239, 357, 425, 456, 522, 625, 626, 629, 654, 662, 902-998.

Đi-on (thần) - theo truyền thuyết Cơ Đốc giáo là một trong mười hai tông đồ của chúa Giê-su, tư truyền là tác giả sách Khẩu huyền của thánh Gi-on (Apô-cali-p-si), một trong những sách phúc âm, và là nhà thư. - 686, 902, 1992-994.

Đi-ô-ni-xi - theo kinh thánh là một trong mười hai tông đồ nhỏ - 425-429

Đi-ô-ni-xi (Đi-ô-ni-xi hen Xun) - nhân vật trong kinh thánh: tương truyền là người phá vỡ tượng thánh Giê-rô-khôn bằng âm thanh tiếng sấm

thần thánh và là hiệu triệu quân lính của mình. - 901.

Đi-ô-đi-ô (Đi-ô-đi) - theo truyền thuyết trong Phúc âm là một trong mười hai tông đồ của chúa Giê-su, đã phân hợp tên sự của mình vì 30 đồng bạc: tên của Đi-ô-đi đã trở thành hiệu xưng cho sự phân hối. - 883, 888.

Đi-ô-ni-xi - trong thần thoại cổ La Mã là nữ thần nữ cao vợ của Giu-pi-tê - 241

Đi-ô-pê-tê - trong thần thoại cổ La Mã là vị thần tối cao ngang với thần Dục của Hy Lạp - 224, 241.

Đi-ô-xi - nhân vật trong vở kịch của Sếch-spiê "Vua Lian". - 478.

Đi-ô-xi (Đi-ô-xi-xi) - nữ nhân vật trong hi kịch của Giu-tô "Phay-xô". - 831

Đi-ô-rô - nữ nhân vật trong thần thoại cổ viết về Hê-rô và Lê-an-đrô - 899.

Đi-ô-mê - theo thần thoại cổ Hy Lạp là thần của đồng cỏ và gia súc, đường sá, thương nghiệp, thế độc và tai biến hiện, con trai của Dục và Mai-li. - 278

Đi-ô-li - một trong những nhân vật chính trong thiên anh hùng ca "I-li-át" của Hô-mê. - 119.

Đi-ô-ni-xi (Hê-cu-yn) - nhân vật nổi tiếng nhất trong thần thoại cổ Hy Lạp, nổi tiếng ở sức mạnh và nhiều chiến công - 144, 261.

E-ra-ư - theo thần thoại cổ Hy Lạp là con trai nhà xây dựng và họ ở miền phía Đông-Đa-lô, bỏ mình trong khi xây trên đôi cánh gấu.-783.

E-rai-n - nhà tiên tri cổ Hy Lạp sống vào thế kỷ VIII trước công nguyên, trong kinh thánh ai cũng biết đến một cuốn sách đặc biệt mang tên của ông, một tài liệu phong phú giúp tìm hiểu về người Do Thái và các dân tộc khác.-1097

Ê-ra-xa-ôu - theo thần thoại cổ Hy Lạp là vua của những người La-pít, do thái độ kiêu ngạo với vợ thân Hê-ra bị giam xuống địa ngục, xuống vào chiếc vòng lửa.-230.

E-ra - nhân vật trong bi kịch của Sôc-rát "Vua Lừa".-475

E-ra-ra - theo truyền thuyết Cơ đốc giáo, tác giả của một trong những sách Phúc âm.-426

E-ra-ra-ra (thế kỷ VI trước công nguyên) - theo truyền thuyết anh em La Mã là một người phụ nữ La Mã quý tộc, biểu tượng của người vợ đor hạnh.-308, 307.

Ê-ra-thi-ê - theo truyền thuyết Cơ đốc giáo, là một trong mười hai tông đồ của chúa Giê-su, tác giả một trong những sách Phúc âm.-420, 396.

Ê-ra-ê - theo truyền thuyết Cơ đốc giáo là tác giả của một (trong những sách Phúc âm).-426

Ê-ra-xi (truyền thuyết) - lực sĩ Phri-gi, đàm luận tài với A-pô-lông trong truyện

thần thoại, A-pô-lông thắng cuộc đã làm ăn của Ê-ra-xi.-101.

Ê-ra-ê - theo truyền thuyết cổ La Mã là thần chiến tranh.-890, 892

Ê-ra-ê-ra-phê-ê-ra - hình tượng loài quỷ, yêu quái, bạn đồng hành của Phau-xô trong truyền thuyết dân gian cổ của Đức, truyền thuyết ấy là chất liệu cho nhiều sáng tác văn học, đặc biệt nổi tiếng là hình tượng Ê-ra-phi-nh-phê-ê-ra-xi trong bi kịch "Phau-xô" của Go-tê.-864, 897.

Ê-ra-ê-đô - theo truyền thuyết trong Kinh thánh là nhà tiên tri và người ban hành luật đã giải thoát những người Do Thái khỏi những nô lệ hoặc của người Ai Cập và trao cho họ luật pháp.-831, 804

Ê-ra-ê-ra - trong tôn giáo của Phê-ni-xi và Ê-ra-ra-gia cổ là thần mặt trời mà sự thờ cúng thần này phải kèm theo lễ hiến sinh con người; sau này, cái tên Ê-ra-lô-xô đã trở thành biểu tượng cho sức mạnh tâm hồn và thu phục loài năng.-413.

Ê-ra-ê-đô theo truyền thuyết cổ Hy Lạp là ca sĩ và nhà tiên tri.-262

Ê-ra-phê - nhà thơ và ca sĩ cổ Hy Lạp trong huyền thoại cổ Hy Lạp. Theo huyền thoại thì tiếng hát của Ê-ra-phê không những làm say đắm lòng người và sinh vật mà thậm chí cả đá nữa.-242.

Ê-ra-ê (Núi) - theo thần thoại cổ Hy Lạp là các vị thần điều khiển các mùa trong năm, trái tự trong giới tự nhiên.-788.

Pha-ê-tôn - theo thần thoại cổ Hy Lạp là con trai của Hê-lê-ôl. Khi tái chức sa mặt trời, Pha-ê-tôn suốt đêm thì thiếu cháy và trụ, thần lớt nổi giận giáng cho ông chìm vùi và xuống sông -782.

Phau-xô - nhân vật trong kinh dân gian Đức và là nhân vật trong bị kịch cùng tên của Gô-tô-97, 831, 864, 897, 1044.

Phê-bê - xem *A-pê-lông*.

Phon-xôp - nhân vật trong một số tác phẩm của Sách-xpê, -438, 503

Phi-xôn - nhân vật trong các vở kịch của V.Sách-xpê: "Mây là vua tính ở Uly-n-đơ", "Vua Hăng-ri IV" (phần 2), "Vua Hăng-ri V", -603.

Pô-dây-dông - theo thần thoại cổ Hy Lạp là thần biển, cũng như thần cai quản toàn bộ nước trong thiên nhiên, -154

Pôn - theo truyền thuyết Cổ Đức gần là một trong những công đế, tác giả của một loạt những bài thơ đã được đưa vào kinh Tân ước.-239, 287, 306

Prô-mê-tê - theo thần thoại Hy Lạp là một trong những người khổng lồ, chiến sĩ ánh sáng và người bảo vệ con người.-153, 164.

Quy-ê-l - nhân vật trong các vở kịch của Sách-xpê "Mây là vua tính ở Uly-n-đơ", "Vua Hăng-ri IV" (phần 1, 2), -508.

Tô-xê - nhân vật trong vở kịch của Sách-xpê "Tô-rô-l-lu-yi và Cro-xê-da", -887

Ty-êp - theo thần thoại cổ Hy Lạp là vị vua xứ Mĩ-ôl; bà A-xê-lô làm bị thương và cũng được chính A-xê-lô chữa khỏi -785,

Ti-lê-gông - theo thần thoại cổ Hy Lạp là con trai của Ô-di-xê và Kiôn-ca, nó giả thuyết cho rằng là kẻ giết cha.-787

U-lên-ô-lí-ghe-n - một nhân vật được truyền tụng trong các dân tộc Đức và Phần-mạnh.-424

Ve-xô - nữ thần bếp lửa trong nhà và lửa của la MA cổ -241

Vê-nê - theo thần thoại cổ Hy Lạp là nữ thần của tình yêu và sắc đẹp; được miêu tả là người phụ nữ đẹp -827

Xen-xê Phan-xê - nhân vật trong cuốn tiểu thuyết của Xê-ven-tê "Đông-Ki-ô-tô", một người hầu cận của Đông-Ki-nô.-423.

Xê-rê-ve-rô - trong thần thoại cổ Hy Lạp là con chó ngựa ba đầu canh giữ cửa ra khỏi địa ngục.-120, 132, 286, 363.

Xi-hô-êr - một trong những nhà "bên trái" hàng đầu thời cổ; những "tiền tiến đoàn mà người ta cho là của bà - được tập hợp lại thành chỉ gọi là "Những cuốn sách của Xi-hô-êr" - đóng vai trò to lớn trong đời sống tôn giáo La Mã cổ đại. -203.

Xi-di-ô-phơ - theo huyền thoại là vua Cúc-ranh-tơ đã lên nối ngôi nên đã bị kết tội nước đôi phải lên một lần đã lên một nhưng tăng đã ký lại lên xuống. -230

Xô-dô-môg, vua xứ Giu-đê. -423, 427, 408.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"Aachener Zeitung" - xem *"Stadt - Aachener Zeitung"*.

"Allgemeine Königsberger Zeitung" - xem *"Königsberger Allgemeine Zeitung"*

"Allgemeine Preussische Staats - Zeitung" - ("Báo phổ thông nhà nước Phổ") - ra đời ở Béc-lin năm 1819. Những năm 40 thế kỷ XIX tờ báo này là cơ quan hành chính thực của Chính phủ Phổ. -507.

"Allgemeine Zeitung" - ("Báo phổ thông") - báo ra hàng ngày của nhà báo thủ Đức. được thành lập năm 1798; từ 1810 đến 1882 xuất bản ở Áo-Hungary. -130, 431, 461, 466, 477, 502, 504, 1201

"Archiv für Philologie und Pädagogik" ("Tài liệu ngữ văn học và sư phạm") - xuất bản từ 1831 đến 1855 dưới dạng phụ trương của tạp chí *"Neue Jahrbücher für Philologie und Pädagogik"*. -431.

"Athenäum" - tên gọi văn hóa của tờ tạp chí của phái Hê-gen trở *"Athenäum für Wissenschaft, Kunst und Leben. Eine Monatschrift für das gebildete Deutschland"* ("A-tê-n-um về các vấn đề khoa học, nghệ thuật và cuộc sống. Nguyệt san dành cho nước Đức có học vấn"). xuất bản vào năm 1838-1859 ở Na-ren-ber. Năm 1841 *"Athenäum"* được xuất bản ở Béc-lin dưới dạng báo hàng tuần dưới tên gọi *"Athenäum Zeitschrift für das gebildete Deutschland"* ("A-tê-n-um. Tạp chí dành cho nước Đức có học vấn") -38.

"Le Bien public" ("Lợi ích xã hội") - cơ quan của những người công hòa tư sản ôn hòa; xuất bản từ tháng Tám 1843 đến tháng Chạp 1848 (lúc đầu ở Mi-n-ơ-n, từ tháng Năm 1848 ở Pa-ri), La-mác-tin là người sáng lập và đồng tác viên của tờ báo này. -584.

"Correspondent" - xem "Staats- und Gelehrte Zeitung des Hamburgischer unpartheiischen Correspondenten".

"Démocratie pacifique" ("Dân chủ hòa bình") - báo ra hàng ngày của phái Phư-rơ-b, xuất bản ở Pa-ri năm 1843-1851 dưới sự chủ biên của V.Công-xi-ê-rơ-trơng.-534.

"Deutsch - Französische Jahrbücher" ("Niên giám Pháp - Đức") - xuất bản bằng tiếng Đức ở Pa-ri dưới sự chủ biên của C.Mác và A.Ru-gơ. Ra một tập gập chỉ có lần phát hành thứ nhất, số kép, vào tháng Hai 1844. Trong đó đăng nhiều tác phẩm của Mác và Ăng-ghe-n.-553, 1105.

"Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật") - tạp chí triết học - văn học của phái Hê-ghe-n trở. Xuất bản ở Lai-pzig dưới tên gọi này, dưới sự chủ biên của A.Ru-gơ từ tháng Bảy 1841. Tháng Giêng 1843 Chính phủ Phổ-Đen-đơ đã đóng cửa tờ báo và theo quyết định của Quốc hội hợp bang tạp chí này đã in kín trên toàn là nh thổ Đức.-429, 535.

"Deutscher Merkur" ("Niên giám thi ca Đức") - tạp chí văn học Đức xuất bản từ 1800 ở Lai-pzig. Năm 1832 A.Sa-nơ-xơ trở thành một trong những biên tập viên của tờ báo này.-112.

"Dielectric" - phụ trương văn học ra hàng ngày của tờ "Frankfurter Journal", xuất bản từ 1823 tới 1903.-466.

"Eilbühner Zeitung" ("Báo Em-bê-cơ-đơ") - tờ báo Đức ra hàng ngày, xuất bản từ 1834 tới 1904. Trong những năm 30-40 thế kỷ XIX có khuynh hướng bảo thủ.-488.

"Kölnische Zeitung" ("Báo Kô-lôn") - tờ báo Đức ra hàng ngày, xuất bản ở Kô-lôn dưới tên gọi này từ 1802; trong những năm 40 thế kỷ XIX giữ lập trường tự do ôn hòa, có thái độ thù địch với phong trào dân chủ - cách mạng.-435, 437, 446, 452, 453, 458, 522, 534.

"Königsberger Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông Kôn-ních-xbêc") - tờ báo ra hàng ngày, xuất bản từ 1834 đến 1845, cơ quan báo chính thức.-507.

"Mainzheimer Abend Zeitung" ("Báo buổi chiều Man-hai-mơ") - báo buổi chiều ra hàng ngày của Đức, theo khuynh hướng cấp tiến, do C.Gruyê thành lập, xuất bản vào tháng năm 1842-1849.-430, 431.

"Die Neue Zeit" ("Thời mới") - tạp chí lý luận của phái dân chủ - xã hội Đức; xuất bản ở Stutt-gát từ 1893 đến tháng Mười 1900 mỗi tháng một lần, sau đó từ mùa thu 1923 mỗi tuần một lần. C.Tru-xô là chủ biên của tạp chí này từ 1893 đến (tháng Mười 1917, từ tháng Mười 1917 đến mùa thu 1923 là O.Cơ-níp).-35.

"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe" ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") - báo hàng ngày, xuất bản ở Kô-lôn từ 1 tháng Giêng 1842 đến 31 tháng Ba 1843. Từ tháng Năm 1842 Mác đã cộng tác với tờ báo này, và từ tháng Mười năm đó là một trong những chủ biên của tờ báo này.-419, 430, 431, 431, 442, 443, 446, 447, 454, 464-471, 473, 475, 500-517, 521, 525-530, 535.

"Rhein- und Mosel Zeitung" ("Báo Ranh - Mô-sen") - tờ báo ra hàng ngày, xuất bản từ năm 1833 đến 1850 ở Côt-blen-xơ; cơ quan ngôn luận của Thiên chúa giáo.-514, 519, 522-530.

"Staats- und Gelehrte Zeitung des Hamburgischen unpartheiischen Correspondenten" ("Báo chính trị và khoa học của thông tin viên vô tư ở Hăm-bu-éc") - tờ báo ra hàng ngày, xuất bản dưới tên gọi này từ 1783 đến 1868.-461.

"Städte - Aachener Zeitung" ("Báo thành thị A-chen") - tờ báo ra hàng ngày, xuất bản dưới tên gọi này từ 1816 đến 1848. Đầu những năm 40 giữ lập trường tự do và báo vệ lợi ích của giai cấp tư sản vùng Ranh.-400, 431.

"Trier'sche Zeitung" ("Báo Tô-ri-a") - thành lập ở Tô-ri-a năm 1757, xuất bản từ 1815 dưới tên gọi này; đầu những năm 40 thế kỷ XIX là cơ quan ngôn luận của phái cấp tiến tư sản; từ giữa những năm 40 chịu ảnh hưởng của "những người xã hội chủ nghĩa chân chính".-122, 623.

MỤC LỤC*

Lời Nhà xuất bản 7

C. MĂC
CÁC TÁC PHẨM (1835-1843)

NHỮNG SUY TƯ CỦA MỘT CHàng TRAI TRONG VIỆC LỰA CHỌN	
NGHỀ NGHIỆP	11
THƯ GỬI CHA	16
NHỮNG CA KHÚC CUỒNG LOẠN	26
I. Người chơi ví côm	36
II. Tình yêu ban đêm	37
KHÚNG TẬP CHI CHÉP VỀ TRIẾT HỌC B-PI-QUYA	39
Tập thứ nhất	41
Tập thứ hai	67
Tập thứ ba	109
Tập thứ tư	133
Tập thứ năm	194
Tập thứ sáu	219
Tập thứ bảy	241

* Những tác phẩm lần đầu công bố trong Toàn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghen được đánh dấu hoa thị.

SƠ ĐỒ CỦA THIẾT HỌC TỰ NHIÊN	261
SỰ KHÁC NHAU GIỮA THIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ THIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUY-RA	269
ĐỀ TÀI	271
LỜI TỰA	273
MỤC LỤC	279
<i>Phần thứ nhất. SỰ KHÁC NHAU GIỮA THIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ THIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUY-RA NỘI CHUNG</i>	281
I. Đối tượng nghiên cứu	281
II. Những suy xét về quan hệ giữa các lý học của Đê-mô-crit với vật lý học của Ê-pi-quy-ra	336
III. Những khó khăn này ảnh hưởng thế nào đối với triết học tự nhiên của Đê-mô-crit và triết học tự nhiên của Ê-pi-quy-ra.	366
<i>Phần thứ hai. VỀ SỰ KHÁC NHAU GIỮA VẬT LÝ HỌC CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VỚI VẬT LÝ HỌC CỦA Ê-PI-QUY-RA TRONG NHỮNG CHI TIẾT</i>	302
Chương thứ nhất. Sự di chuyển của nguyên tử khỏi đường thẳng	302
Chương thứ hai: Chất lượng của nguyên tử	315
Chương thứ ba: Những yếu tố không thể phân chia và những thành tố không thể phân chia	323
Chương thứ tư. Thời gian	331
Chương thứ năm. Những hiện tượng và trợ	336
Trích đoạn rút từ phụ lục:	
PHÊ PHÁN CUỘC LUẬN CHIẾN CỦA PLU-TÁC-XO CHỐNG LẠI THIẾT HỌC CỦA Ê-PI-QUY-RA	351
I. SỰ BẤT TỬ CÁ NHÂN	
1. VỀ CHỦ NGHĨA PHONG KIẾN TÔN GIÁO. ĐỊA NGỤC ĐỐI VỚI DÂN ĐEN	351
CHÚ THÍCH	355

Phần thứ nhất	355
Phần thứ hai	360
Phụ lục	409
* BÀN NHẬP LỜI TỰA MỜI CHU TÁC PHẨM "SỰ KHÁC NHAU GIỮA THIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA ĐỀ-MÔ-CRÍT VÀ THIẾT HỌC TỰ NHIÊN CỦA Ê-PI-QUY-RA"	415
* MẮC GỬI CÁC-LO PHRÛ-DRICH BA-KIMAN, 6 THÁNG TƯ 1841	416
* MẮC GỬI LÜT-VICH BÊC-HAC VÔN-PHÔ, 7 THÁNG TƯ 1841	418
* VẤN ĐỀ TRUNG ƯƠNG TẬP QUYỀN. BÀN THÂN VẤN ĐỀ VÀ THÔNG MỜI QUAN HỆ VỚI PHỤ LỤC CỦA SỐ 137 BÁO "RHEINISCHE ZEITUNG", THỨ BA, 21 THÁNG NĂM 1842	419
* THÊM VÀI LỜI VỀ CUỐN SÁCH CỦA TIẾN SĨ Ô. PH. GRUP-PÔ: "BRÜ-NÔ BAC-Ô VÀ TỰ DO HẠN LÂM TRONG GIÁNG DẠY", BÊC-LIN, 1842	429
* TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP NHÂN BÀI VIẾT "CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VÀ TỔ" "ALLGEMEINE ZEITUNG" Ở AU-XBÔC	430
* CHÚ THÍCH CỦA BAN BIÊN TẬP VỀ CÁC BÀI VIẾT "NHỮNG SAI LẦM CỦA PHẢI ĐỐI LẬP TỰ DO CHỦ NGHĨA Ở HAN-NÔ-VƠ VÀ "TỰ VỌNG RANH"	433
* CẢI CÁCH THỊ CHÍNH VÀ BÁO "KÖLNISCHE ZEITUNG"	435
* CHÚ THÍCH CỦA BAN BIÊN TẬP CHO BÀI "TỰ LUẬT MỚI VỀ LÝ HÔN"	448
* HẠO LỆNH CỦA NỘI CÁC VỀ CÁC ẨM PHẨM ĐỊNH KỲ	452
* THÔNG TIN VIỆN CỦA BÁO "KÖLNISCHE ZEITUNG" VÀ LẬP TRƯỞNG CỦA BÁO "RHEINISCHE ZEITUNG".	465
* THƯ CỦA BÊ-NÁC GỬI TỈNH TRƯỞNG PHÓN SÁP-PÔ	459
* CHÚ THÍCH CỦA BAN BIÊN TẬP VỀ BÀI BÁO "CÁC NHÀ XINH DOANH HAN-NÔ-VƠ VÀ THUẾ QUAN BẢO HỘ"	466

* THÁI ĐỘ CỦA HEGEL VÀ RU-GO ĐỐI VỚI "NHỮNG NGƯỜI TỰ DO"	408
* SÁCH LƯỢC LUÂN CHIẾN CỦA BÁO AG-NEUE	409
* VỀ CÁC ỦY BAN ĐẢNG CẤP Ồ PHỐ VẤN ĐỀ CÁC ỦY BAN ĐẢNG CẤP PHỐ TRONG CÁC PHỤ TRƯỞNG CỦA CÁC SỐ 33 VÀ 33A CỦA BÁO "ALLGEMEINE ZEITUNG"	476
* THÔNG BÁO CỦA BAN BIÊN TẬP BÁO "RHEINISCHE ZEITUNG" VỀ VIỆC SẮP TRẢ LỜI VỊ TÍNH TRƯỞNG PHỐ SẮP PỐ	501
* NHỮNG BÀI LUẬN CHIẾN CHỐNG LẠI BÁO "ALLGEMEINE ZEITUNG"	501
* NHỮNG NHẬN XÉT VỀ NHỮNG BIỂM RIỆC TỘI TRONG CHỈ THỊ CỦA NÓI CÁC	508
* CÁC CUỘC ĐẤU CỬ ĐỊA PHƯƠNG BẦU ĐẠI BIỂU VÀO HỘI ĐỒNG ĐÀN BIỂU	514
* BÁO "RHEIN-UND MOSEL-ZEITUNG" TRONG TƯ CÁCH LÀ VỊ QUAN TOÀN GIÁO HỘI VỊ ĐẠI	622
* NHỮNG BÀI LUẬN TẬP VĂN PHONG CỦA BÁO "RHEIN-UND MOSEL-ZEITUNG"	627
* VỀ CÁC QUAN ĐIỂM CỦA HÊ-CHEN VỀ QUAN HỆ GIỮA NHỮNG HÌNH THỨC LỊCH SỬ, CỤ THỂ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ Ý TƯỞNG TRƯU TƯỢNG VỀ NHÀ NƯỚC (TRÍCH "TẬP CHÍ CHÉP CROI-XO-KÁC" 1919)	531
* DỊ HÁN ĐỀ CƯƠNG NỘI DUNG TẬP CHÍ "DEUTSCH-FRANZÖSISCHE JAHRRÜCKER"	533
* TUYÊN BỐ GỬI BÁO "DÉMOCRATIE PACIFIQUE"	534
* RÚT TỪ CUỐN "HỒ KÝ CỦA K.L.G-VAT-XO (ĐỒ LA XÁC TỐ)" PA-RI, 1829. TẬP I + II	538

NHỮNG VĂN PHẨM VÀ THI PHẨM ĐẦU TAY CỦA MẮC THỜI TRẺ (1833 - 1837)

* TẬP THƠ TÍNH Phấn thơ nhát	565
* TẬP THƠ TÍNH Phấn thơ nhát	617
* TẬP CA KHÚC	539
* TẬP THƠ KÍNH TẶNG CHA	741
* THƠ CỦA C. MẮC LẤY TỪ VỞ CHÉP THƠ CỦA XÔ-PH. CHỈ CỦA C. MẮC	915
* THƠ CỦA C. MẮC LẤY TỪ SỔ TAY CỦA XÔ-PH. CHỈ CỦA C. MẮC	953

PHỤ LỤC

* Giấy khai sinh của Các Mác	991
* Luận văn về tôn giáo. Sự chuyển biến của những người theo đạo với chúa Cơ-xtô theo kinh phụng nh của thánh Giôn-nh, ch 13, điều 1-14, nguyên nhân và thực chất, sự cần thiết tuyệt đối và ảnh hưởng của nó	992
* Luận văn bằng tiếng La-tinh. Liệt triều đại của Ô-guy-xtô vào những thời đại máy mần hơn của nhà nước La Mã có xác định không?	999
* Chứng chỉ tốt nghiệp của học sinh trường Trung học To-ri-a, Các Mác	1005
* Hen-ri-ét Mác gửi Các Mác. Ngày 11 tháng Mười một 1835	1008
* Hen-ri-ét Mác gửi Các Mác. Ngày 18-29 tháng Mười một 1835	1009
* Hen-ri-ét Mác gửi Các Mác. [tháng Hai - đầu tháng Ba 1836]	1013
* Hen-ri-ét Mác gửi Các Mác. 19 tháng Ba 1836	1020
* Hen-ri-ét Mác gửi Các Mác [tháng Năm - tháng Sáu 1836]	1022
* Xảo nhạn của Hen-ri-ét Mác đồng ý để Các Mác chuyển từ trường Đại học tổng hợp Bonn đến trường Đại học Be-ri-ên	1025
* Giấy chứng nhận ra trường trường Đại học tổng hợp Bonn	1026

* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 9 tháng Mười một 1836	1029
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 26 tháng Chạp 1836	1033
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 3 tháng Hai 1837	1039
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 2 tháng Ba 1837	1044
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 12 tháng Năm 1837	1050
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, [khoảng 20 tháng Tám 1837]	1056
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 16 tháng Chạp 1837	1059
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 17 tháng Mười một 1837	1066
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 9 tháng Chạp 1837	1068
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 19 tháng Hai 1838	1080
* Hen-ri-ích Mác gửi Các Mác, ngày 16 tháng Hai [1838]	1084
* Giem-ni Phôn Vơ-xơ-phơ-len gửi Các Mác, ngày 24 tháng Sáu, 1838	1085
* Giem-ni Phôn Vơ-xơ-phơ-len gửi Các Mác [1839 - 1840]	1089
* Giấy chứng nhận tốt nghiệp trường Đại học tổng hợp Béc-lin	1096
* Giấy mời thụ vụ của chủ nhiệm khoa triết học, giáo sư C Ph Rơ-kôm-ma về luận án tiến sĩ của Các Mác	1098
* Giem-ni Phôn Vơ-xơ-phơ-len gửi Các Mác, [khoảng 10 tháng Tám 1841]	1100
* Giem-ni Phôn Vơ-xơ-phơ-len gửi Các Mác, [đầu tháng Ba 1843]	1104
* Khế ước kết hôn giữa Các Mác và Giem-ni Phôn Vơ-xơ-phơ-len	1109
<i>Chú thích</i>	1118
<i>Bản chỉ dẫn tên người</i>	1177
<i>Bản chỉ dẫn về xuất bản phẩm định kỳ</i>	1235

PHỤ LAM

Mô hình luận văn tốt nghiệp trường trung học của Mác "Không suy tư của một công nhân trong việc lựa chọn nghề nghiệp"	16-17
Bảng chứng nhận học vị tiến sĩ triết học cho Mác do trường Đại học tổng hợp Giê-nơ-na trao ngày 15 tháng Tư 1841	336-347
Bìa ngoài tập thư của Mác "Tập thư tình", phần thư nhất	549
Sinh viên hội đồng hướng đạo - ym trong trường Đại học tổng hợp Bơ-n (Mác đứng hàng sau cùng, thứ tư kể từ phải)	1018-1019

Chủ trách nhiệm xuất bản

TRẦN BÌNH NGHIÊM

Biên tập: LÊ XUÂN TIÊM

LÊ PHƯƠNG

VŨ HỒNG THÁM

Trình bày bìa: DƯƠNG THÁI SƠN

Sửa bài: BAN SÁCH KINH ĐIỂN

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TỔNG TẬP

40

NEHA XUAT BAN CHINH TRI QUOC GIA
SI NHAT